NGUYỄN ĐỔNG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

TẬP 2





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

QUYỂN II
(TẬP IV - TẬP V)

KV2 / GD - 00 194/177-00

Mã số: PVK02B0

NGUYỄN ĐỔNG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

QUYỂN HAI

(TẬP IV - TẬP V)

IN LẦN THỨ TÁM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 2000

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

TẬP IV



CHÂN DUNG TÁC GIẢ
NĂM IN KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM (1958)

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT- NAM

(Tiếp theo)

1. Trong phần kho tàng truyện cổ tích trình bày sau đây, chúng tôi đã gắng chọn lọc lấy những truyện tiêu biểu, sắp xếp theo một hệ thống nhất định, bỏ bớt đi một số những truyện hoặc không phải là truyện cổ tích Việt-nam, hoặc không có giá trị tiêu biểu cho truyện cổ tích Việt-nam. Nói chọn lọc không phải những truyện được đem vào đây là hoàn toàn có tư tưởng tiến bộ. Chúng tôi cũng đem vào một số truyện lạc hậu về phương diện này hay phương diện khác, để bạn đọc thấy được toàn diện truyện cổ tích nước nhà.

2. *Phương pháp kể chuyện của chúng tôi là không đơn giản hóa, cũng không tiểu thuyết hóa. Chúng tôi cố gắng kể theo một hình thức riêng, để vẫn giữ được ít nhiều phong vị và không khí cổ của câu chuyện; tất nhiên sẽ vẫn dùng một số từ ngữ quen dùng trước đây. Trừ những truyện cần kể một cách vắn tắt trong mục* **Khảo dị** *chúng tôi sẽ chú ý không thêm hoặc bớt những tình tiết quan trọng trong khi xây dựng từng truyện một.*

3. *Những tài liệu mà chúng tôi sử dụng có hai phần:*

- Tài liệu trong các báo chí sách vở (một số lớn là do nhớ lại hoặc do ghi được từ trước, chứ không có trong tay khi viết bộ sách này, cho nên hầu hết các đơn vị không ghi chú được đầy đủ các chi tiết, ví dụ số bài, số trang...). Xem **Thư mục tham khảo** *ở cuối tập* **V**.

- Tài liệu do các người thân và quen biết kể lại (trong đó có một số do phụ thân của chúng tôi lưu lại).

Những tài liệu trên có truyện kể rất vắn tắt, có truyện kể hơi khác nhau về chi tiết. Trong khi xây dựng lại từng truyện, chúng tôi sẽ căn cứ ở tài liệu nào đầy đủ hơn và được nhân dân truyền tụng nhiều hơn, nhưng vẫn không quên tóm tắt dị bản ở các **Khảo dị**.

4. *Chúng tôi có ý tập hợp những truyện giống nhau về một mặt nào đấy vào từng mục riêng như:* **Nguồn gốc sự vật; Sự tích các câu ví; Thông minh tài trí và sức khỏe,** v.v... *để tiện cho việc sắp xếp bộ sách, chứ không phải phân loại truyện cổ tích.*

VII

TRUYỆN THẦN TIÊN MA QUỶ VÀ PHÙ PHÉP

(Tiếp theo)

137. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA LIỄU HẠNH

Ngày xưa ở trên thiên đình có cô con gái Ngọc Hoàng tên là Liễu Hạnh. Tính tình cô phóng túng ngang bướng, không chịu theo khuôn phép nhà trời. Ngọc Hoàng hết lòng dạy dỗ nhưng vô ích, cô chứng nào vẫn giữ tật ấy. Giận vì trong nhà có con gái hư không thể làm vì cho thiên hạ, Ngọc Hoàng quyết trị tội để cho con tu tỉnh. Nhân một lần Liễu Hạnh phạm lỗi, Ngọc Hoàng bèn đày nàng xuống trần trong ba năm. Sau khi xuống trần, Liễu Hạnh hóa thân thành một cô gái đẹp, dựng một cái quán ở chân núi đèo Ngang. Đây là nơi rừng núi vắng vẻ nhưng cũng là nơi con đường thiên lý từ Bắc vào Nam vắt qua, nên hàng ngày không bao giờ ngớt bộ hành đi lại. Từ xưa đến nay, vì sợ giặc cướp và thú dữ, không ai dám đến đó mở quán bán hàng. Vì vậy ngôi hàng độc nhất của Liễu Hạnh ngày nào cũng đông khách. Bất kỳ ai lên đèo xuống đèo, đã đi qua quán không thể không ghé lại nghỉ chân, huống gì trong quán lại có cô gái tuyệt sắc.

Từ khi bị đày, Liễu Hạnh vẫn chưa bỏ được nết cũ, khinh mạn và trêu chọc mọi người. Cho nên, hễ ai vào quán ăn bánh uống nước rồi tiếp tục ra đi thì không sao. Nhưng hễ thấy chủ quán xinh đẹp mà giở thói cợt nhả, hoặc có ý cậy sức, cậy thế, cậy thần làm điều bất chính thì nàng quyết trị tội không tha: lúc trở về nếu không lăn ra chết cũng trở thành điên rồ ngây dại.

Hồi ấy là thời vua Lê Thái Tổ trị vì thiên hạ. Tiếng đồn về một cô gái đẹp một mình mở quán ở đèo Ngang không mấy chốc lan truyền rất rộng. Khắp nơi bàn tán xôn xao. Người thì nói chủ quán là một cô gái võ nghệ hơn đời, mình nàng địch nổi trăm người một lúc. Kẻ thì cho cô là một ả giang hồ thành thạo, không những giỏi quyến rũ trai tơ mà còn làm nhiều nghề không lương thiện khác. Cũng có người cho cô là một nàng tiên xuống thử người phàm trần. Mỗi người nói một phách không biết thế nào mà tin. Nhưng tiếng đồn xa gần về cô chủ quán đèo Ngang cũng thu hút vô số chàng trai vô công rồi nghề từ làng quê đến kẻ chợ. Hoàng tử con vua Lê bấy giờ đang trẻ người non dạ, nghe tin ấy bụng cũng say mê. Hoàng tử muốn sai ngay quân lính đi bắt người con gái kia về, nhưng vốn biết tính vua cha rất nghiêm khắc, làm náo động cả một phương là chuyện không bao giờ nhà vua cho phép. Vả lại nghe nói người con gái ấy đã giỏi võ nghệ lại có nhiều phép thuật nên cũng ngần ngại.

Sau cùng không ngăn nổi lòng ao ước và trí tò mò, một hôm, hoàng tử giấu vua cha và hoàng hậu, sắm sửa cáng xá hành lý, đóng vai một nhà quý tộc trẻ tuổi dẫn đoàn thị vệ cải trang ra đi. Sau hơn mười ngày đường, hoàng tử vượt qua sông Lam, rồi núi Nam-giới, và sắp bước chân lên đèo cao nhất.

Từ trên đèo Ngang, Liễu Hạnh đã biết có hoàng tử đến tìm mình, lại cũng biết đó là một chàng trai tầm thường, không có bản lĩnh gì, nhưng lại kiêu căng, dật lạc. Để ngăn cản, nàng hóa phép thành một cây đào tiên mọc ở vệ đường, chỗ hoàng tử đang nghỉ chân; trên cây có một quả chín mọng rất đẹp mắt. Hoàng tử vừa chợt thấy quả đào đã thèm rỏ giãi, bèn không đợi sai lính hầu, vội trèo lên ngắt xuống toan ăn. Quả đào đang thơm ngát và ngon lành, bỗng đâu khi sắp bỏ vào miệng thì trở nên mềm nhũn trên tay hoàng tử, rồi thu nhỏ, cuối cùng mất biến không còn tý gì nữa. "Quả đào này có ma!". Bọn thị vệ kinh hãi la lên và khuyên hoàng tử hãy nên cẩn thận. Hoàng tử cũng cảm thấy rờn rợn. Nhưng vì vẫn không thể hiểu được ý nghĩa răn đe kín đáo của Liễu Hạnh, nên một chốc sau chàng lại giục phu cáng tiếp tục đi nhanh đến chân đèo.

Khi giáp mặt Liễu Hạnh quả nhiên cả thầy lẫn tớ ai nấy đều thảng thốt sững sờ. Chưa bao giờ hoàng tử lại mê mẩn đến như thế. Người

con gái này có nhan sắc kiều diễm đúng như lời đồn, trong cung đình vua cha dễ không có người nào sánh kịp. Hoàng tử bèn kín đáo hạ lệnh cho cả đoàn dừng chân ở quán, lân la hết ăn đến uống kéo dài đến tận chiều, rồi khi mặt trời gần lặn, bảo với chủ nhân:

- Đường xa trời tối. Chúng ta muốn nghỉ lại ở đây một đêm. Chẳng hay nữ chủ nhân có bằng lòng không?

Liễu Hạnh đã thừa rõ tâm tư của hoàng tử, bèn khước từ:

- Thưa công tử, ở đây hàng quán chật chội, vả lại chỉ có mấy chị em là đàn bà con gái, công tử và các vị ở lại sợ không tiện. Cách đây nửa dặm về phía Đông có làng xóm. Các vị đến đó trú sẽ có sẵn nhà cửa và dân phu phục dịch.

- Chúng ta chỉ cần nghỉ ở đây thôi! Nữ chủ nhân đừng lo. Chỉ cần một chỗ trong quán để căng màn là đủ. Ngoài ra xin hứa là không làm gì phiền đến nữ chủ nhân cả.

- Nếu thế thì công tử cứ tùy tiện.

Tối lại, mọi người ăn cơm xong sửa soạn đi ngủ. Những phu cáng và lính hầu trải chiếu nằm la liệt giữa sân. Riêng hoàng tử đã có hai thị vệ căng màn trướng ở trong quán. Trời mùa hè mát mẻ, trăng gió hữu tình. Dưới ánh đèn dầu, hoàng tử dựa cột trò chuyện với nữ chủ quán không rời. Liễu Hạnh vẫn chịu khó ngồi nán lại tiếp. Mỗi lời nói của nàng đều đẹp lòng khách làm cho hoàng tử càng thêm mê hồn. Chàng quên mất lời hứa, đánh rơi cả vẻ đạo mạo lúc mới tới và bắt đầu lả lơi. Liễu Hạnh cự tuyệt và chạy vào buồng. Trong cơn si mê, hoàng tử không cần gì thể diện nữa, bèn chạy theo vào. Có ngờ đâu chỉ trong nháy mắt, Liễu Hạnh đã biến hình, phi thân lên núi bắt một con khỉ cái về cho hóa thành một cô gái đẹp để đánh lừa hoàng tử. Không thấy chủ quán đâu nhưng thấy một cô gái khác trong buồng, hoàng tử liền cầm lấy tay dắt tới trước đèn. Nhìn thấy cô gái này cũng đẹp không kém gì cô chủ, hoàng tử liền giở trò suồng sã. Nhưng bỗng chốc hắn rú lên một cách dễ sợ làm cho bọn lính hầu đều tỉnh dậy. Trong tay hoàng tử không phải là một cô gái nõn nà nữa mà là một con khỉ cái lông lá đầy người. Bọn lính hầu xông lại. Vụt một cái, con khỉ lại biến thành một con rắn hổ mang hoa từ trên người hoàng tử vươn lên kèo nhà, há miệng phun

lửa phì phì, rồi biến mất. Khi bọn lính hầu thắp được đèn lên thì hoàng tử đã ngã vật ra quán mê man, mặt cắt không còn giọt máu.

Nửa đêm hôm đó người ta cắt ngựa trạm đưa hoàng tử về kinh. Về đến cung, hoàng tử trở nên mất trí, ai hỏi cũng không trả lời, chỉ cười nói một mình. Hoàng hậu và phi tần hết sức lo sợ. Một mặt, Hoàng hậu cho giấu kín chuyện "vi hành" khinh suất đó, mặt khác cho mời các bậc ngự y và thầy thuốc giỏi khắp kinh thành. Tuy nhiên, các danh sư được đón vào chữa chạy cho hoàng tử đều lắc đầu bó tay. Trong cung càng thêm bối rối hoảng hốt. Sau cùng, có người mách nên vào xứ Thanh xin bùa phép ở tám vị Kim Cang họa may mới khỏi.

Lại kể chuyện một ngàn năm về trước, Phật bà Quan Âm một hôm hiện ra ở biển Đông hóa phép thành hai cái túi: một nổi lên ở giữa biển, còn một, ở trên núi Ói làng An-đông xứ Thanh. Sau một thời kỳ lâu dài, hai cái túi nở ra hai đóa hoa, và từ trong mỗi đóa hoa hiện ra bốn vị tướng có phép biến hóa cực kỳ huyền diệu. Theo lệnh của Phật bà, tám vị tướng thân chinh đi tám phương đánh dẹp tà ma quỷ quái đang hoành hành quấy nhiễu. Dẹp xong, Phật bà gọi họ về ở lại chỗ cũ. Người ta quen gọi là Bát bộ Kim Cang.

Lập tức bọn thị vệ được lệnh vua vào Thanh -hóa để xin bùa phép của tám vị Kim Cang. Nhờ có bùa phép, hoàng tử dần dần khỏi bệnh. Sau khi bình phục, hoàng tử cúi đầu nhận tội với vua cha, kể lại cho vua nghe tất cả câu chuyện gặp gỡ giữa mình với nữ chủ quán ở đèo Ngang. Vua Thái Tổ hết sức giận dữ, vì hoàng tử đã dám khinh thường lệnh vua, bỏ phủ đi chơi, hãm mình vào cảnh thân tàn ma dại, nên xuống chiếu cất ngôi hoàng tử mà lập con thứ lên thay. Nhưng vua còn hết sức giận dữ vì ở trên bờ cõi mình trị vì lại có một người con gái dám khinh nhờn phép nước. Vua bèn ban lệnh hỏi quan trấn thủ xứ Nghệ về lai lịch nữ chủ quán đèo Ngang. Sau một thời gian cho người cất công dò la, quan trấn thủ mới gửi sớ về tâu bày, trong sớ nói đó là một nữ yêu không biết từ đâu đến, hay bắt hồn đàn ông con trai, nếu không có phép cả tài cao thì khó lòng khuất phục.

Vua lại lệnh cho vời các pháp sư phù thủy cao tay đi trừ yêu. Nhưng chẳng bao lâu họ đã trở về triều xin chịu tội vì chẳng những không trị nổi yêu mà mọi phép giở ra đều bị Liễu Hạnh thu mất cả. Vua lại đành phải cầu cứu tám vị Kim Cang. Nhận lời vua, tám vị phi thân vào đèo

Ngang Được tin chẳng lành, Liễu Hạnh ra ứng chiến. Cuộc chiến đấu dần dần trở nên dữ dội. Mới đầu tám vị Kim Cang làm một trận bão lớn, mưa dồn gió giật khủng khiếp, cây đổ khắp lượt, nước tràn vào vây lấy đèo Ngang. Liễu Hạnh cũng hóa phép chống lại. Nàng làm cho cây rừng đã đổ lại đứng dậy cùng với đất đá bay rào rào vào kẻ thù. Thấy Liễu Hạnh pháp thuật cao cường, tám vị Kim Cang lại hóa phép thành thú dữ tập hợp nhe nanh múa vuốt xông vào hàng đàn toan xé cắn, nhưng Liễu Hạnh đã kịp thời bay lên không trung, rồi dùng phép tiêu diệt hết bầy mãnh thú.

Trận đánh diễn ra ba ngày ba đêm. Đèo Ngang trở thành một bãi chiến trường rùng rợn. Mọi phép thuật của hai bên lần lượt giở ra mà chưa phân thắng phụ. Về sau tám vị Kim Cang biết mình bất lực, bèn bay lên trời cầu khẩn Phật bà. Phật bà ném cho họ một cái túi. Nhờ đó nên cuối cùng Liễu Hạnh sa vào túi của Phật bà. Tám vị Kim Cang mang túi về kinh báo tiệp. Vua lập tức ra sân điện tra hỏi.

- Ngươi là ai?

- Tâu bệ hạ, là con gái Ngọc Hoàng bị đày xuống cõi trần, lấy vùng đèo Ngang làm nơi trú ngụ.

- Là con Ngọc Hoàng sao lại phá phách dân sự và làm hại hoàng tử con ta?

- Việc trừng trị bọn con trai chòng ghẹo nhi nữ, ăn hiếp người cô đơn là tuân theo phép nước, không phải phạm phép nước.

Thấy Liễu Hạnh nói là con Ngọc Hoàng, lại thấy nàng đối đáp khôn ngoan, vua đổi giận làm vui. Cho nên sau cuộc thẩm vấn, vua hạ lệnh tha bổng, chỉ khuyên nàng đừng gây náo động và tàn hại dân lành.

Ít lâu sau Liễu Hạnh sinh một đứa con trai, mỗi bàn tay có sáu ngón. nàng mang con đến ngôi chùa trên núi Hồng-lĩnh gửi cho một nhà sư nuôi dạy, dặn nhà sư hãy giúp cho con mình được lừng danh trong nước. Rồi đó, đủ ba năm. Liễu Hạnh trở về trời.

Nhưng không bao lâu Liễu Hạnh lại bị Ngọc Hoàng đày xuống trần một lần nữa. Lần này Liễu Hạnh đến đèo Ba-dội cũng là nơi vắng vẻ, rồi dựng lên ở đây một cái lầu ba tầng, bốn bên có thành bao bọc. Trong thành có vườn, đủ các thứ hoa thơm cỏ lạ. Trong vườn tập hợp

đủ các giống chim. Cạnh vườn có ao, thả đủ các giống cá. Hàng ngày nàng sai mở cửa cho khách bộ hành đi qua về lại được tự do vào nghỉ chân và nhìn ngắm. Ở đây có quán xá, và cũng như lần trước, Liễu Hạnh thường hóa thành cô gái bán hoa quả, quà bánh, trầu nước và đồ chơi. Ai ăn uống mua bán rồi đi thì không sao, nếu giở chuyện trộm cướp trăng hoa, lập tức bị nàng trừng trị.

Ở được mấy năm, Liễu Hạnh lại sinh một con trai thứ hai. Đứa bé thiếu mất ở mỗi bàn tay một ngón. Nàng đem con gửi cho một sư nữ ở chùa Bà-đỏ, bảo sư rằng:

- Ta hai lần xuống trần đẻ được hai đứa con, cũng định cho chúng trở thành vương giả nhưng không đạt, vì một đứa quá thừa, một đứa lại quá thiếu. Hãy làm cho nó được nổi tiếng, ít nhất cũng trở thành Trạng.

Rồi đó, hết hạn ở trần. Liễu Hạnh đốt tất cả lâu đài mà trở về trời.

Những đứa con của Liễu Hạnh về sau quả nhiên nổi tiếng, trong đó có một đứa tên là Trạng Quỳnh. Chỗ di tích ngôi đền của Liễu Hạnh xây lên ở xứ Thanh và ở xứ Nghệ, người ta dựng thành đền thờ trên núi. Không một ai dám động đến một vật gì ở các ngôi đền này cả, vì sợ Liễu Hạnh báo thù[1]

KHẢO DỊ

Truyện Liễu Hạnh từ lâu đã được nho sĩ cải biên thành một truyện đượm màu sắc tôn giáo và nho hóa khác với truyện dân gian, mặc dầu cho đến nay, truyện kể trong dân gian cũng đã ít nhiều biến đổi về chủ đề: các hình tượng và tình tiết đã được cắt xén, sàng lọc.

Theo *Thính văn dị lục* và một số thần tích thì Liễu Hạnh là con gái Ngọc Hoàng, vì đánh vỡ chén ngọc bị giáng xuống trần đầu thai ở nhà Lê Thái Công, xã Vân-cát (Nam-định) mang tên là Giáng Tiên. Lớn lên làm con nuôi một viên quan hưu họ Trần, được học hành nên có tài văn chương, giỏi đàn sáo. Năm mười tám tuổi lấy chồng là Đào lang, con một viên quan ở làng. Được ba năm hết hạn đày không bệnh mà chết, để lại cho chồng một trai, một gái.

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và lời kể của người Hà-tĩnh.

Nhưng vì "trần duyên chưa dứt", Ngọc Hoàng lại cho xuống trần, lần này với phép biến hóa huyền diệu. Nàng gặp lại bố mẹ và chồng con, nhưng sau đó lại bỏ đi, tính tình phóng túng, tung tích vô định: khi làm cô gái thổi sáo, khi hóa bà già chống gậy, ẩn hiện bất thường. Ở Lạng-sơn, nàng làm thơ ghẹo nho sĩ, ở hồ Tây làm cô hàng rượu ngâm vịnh và dự tiệc với các ông Phùng Khắc Khoan, họ Ngô, họ Lý, v.v... Lại vào Nghệ-an kết duyên với người học trò, thường ngày thơ ca xướng họa với chồng, sau sinh được một trai, rồi lại trở về trời.

Sau ba năm nhớ cõi trần, Liễu Hạnh lại xin vua cha cho xuống trần một lần nữa. Lần này có đem theo hai người thị nữ. Họ trú ngụ ở phố Cát (Thanh-hóa) về sau được dân địa phương ở đây lập đền thờ. Triều đình sau một thời kỳ sai thuật sĩ tiễu trừ mà không xong, đành thừa nhận và sắc phong là Mã hoàng công chúa[1].

Sách vở của phái Nội đạo tràng miêu tả cuộc chiến tranh giữa Tiên quan với Liễu Hạnh như sau:

Khi đày Liễu Hạnh xuống trần, Ngọc Hoàng thấy chân bên tả của con đi dón gót, biết là xuống dưới ấy sẽ thành yêu, liền sai Tiên quan giáng sinh luôn để kịp thời ngăn chặn.

Có thói tàn nhẫn, Liễu Hạnh đi đến đâu gặp điều không vừa ý thì ra tay sát hại. Cho nên ở đâu nàng cũng làm cho người và vật tử thương, Thành hoàng phải "xuất ngoại". Người ta sợ nàng đến nỗi bỏ công ăn việc làm, ban ngày đóng cổng không dám lên tiếng hoặc phải bày đàn ở ven đường cúng lễ.

Về sau đến Sùng-sơn (Thanh-hóa) thấy cảnh đẹp, Liễu Hạnh báo mộng cho hào trưởng vùng ấy phải lập cung miếu. Thấy họ còn dùng dằng, nàng làm cho trong năm ngày chết hơn một nửa dân. Khi cung miếu dựng xong, nàng thường hóa thành gái đẹp bán hàng, hễ bọn trai trẻ và nho sĩ trêu ghẹo thì vật chết. Tất cả quỷ thần trong vùng đều phục tùng. Quan địa phương lo sợ, tâu về triều. Vua sai các vị pháp sư nổi tiếng đến trị, nhưng họ không trở về được. Có lần chúa Trịnh vào Lam-sơn, Liễu Hạnh cùng bộ hạ đón đường quấy phá; Chúa trở về giận lắm, sai người mời tất cả pháp sư phù thủy và hội tất cả thành hoàng vào đánh nhưng họ chỉ chuốc lấy thất bại.

Lại nói chuyện vị Tiên quan được giáng sinh làm con trai thứ ba một vị Thượng sư- là tổ sư phái Nội đạo tràng- cả ba anh em đều được Phật tổ truyền

1. Theo *Tiên hương thần tích*, và Đoàn Thị Điểm. *Truyền kỳ tân phả*.

cho phép thuật, hai anh là Tả quan và Hữu quan tu tại Côn-sơn, còn Tiền quan thì ở ngay tại làng quê, tức là làng Từ-minh (Thanh-hóa) luyện đạo và truyền đạo cho học trò. Sau lần thất bại của các pháp sư phù thủy, nhà vua sai sứ đi triệu Tiền quan về kinh phong làm Thượng tướng cầm ba vạn quân đi đánh Liễu Hạnh.

Đến Tam-điệp, Tiền quan sai đóng quân lại, còn mình thì cải trang làm dân thường, cưỡi ngựa trắng tìm đến Sùng-sơn. Gặp Liễu Hạnh, Tiền quan làm bộ thân mật: - "Ta báo cho biết sắp sửa có nạn lớn vì nàng đã trêu chọc vua chúa. Họ sắp cử đến đây một pháp sư cao cường. E rằng nàng không địch nổi, nên ta đến xem nàng có phép gì, nếu thiếu ta sẽ dạy cho". Liễu Hạnh không ngờ gì cả, giở tất cả ba ngàn phép cho khách xem. Tiền quan hết lời ca ngợi, nói: - "Như thế này thì không cần phải học gì nữa". Khi Tiền quan về rồi, Liễu Hạnh mới biết là mình bị mắc mưu, nhưng đã muộn.

Cuộc giao chiến bắt đầu. Bên Liễu Hạnh có các thần bộ hạ đến giúp. Bên phía Tiền quan có hai ông anh cùng với bát bộ Kim Cang làm tiên phong, hai bên tả hữu có hắc hổ, bạch xà, trung tâm có lục đinh lục giáp. Sau ba ngày ba đêm chiến đấu, trời nổi mưa to lớn, bụi cát mù mịt, sấm sét đùng đùng, cây cối, nhà cửa tơi tả, người vật chết khắp nơi, nước sông đỏ như máu. Cuối cùng, quân của Liễu Hạnh thất bại. Quỳnh Hoa, Quế Hoa bỏ chạy. Tiền quan ngồi trên voi chín ngà giục thần tướng đem lưới sắt vây bọc. Liễu Hạnh hóa làm một đứa trẻ nhưng bị đuổi kíp quá, lại hóa thành con rồng trốn trong một cái giếng. Tiền quan bắt được trói bằng dây đồng giải về kinh đô. Vua chúa đang ngồi trong điện bỗng thấy một đám mây đen đầu rồng đuôi lân, rơi xuống văng lên ba lần ở sân điện, biết là Tiền quan đã thắng trận.

Nhưng Phật tổ không muốn để con gái Ngọc Hoàng chịu sự trừng phạt của người trần, nên đã kịp thời xuống gặp ba anh em, bảo họ giao cho mình làm cho nàng cải tà quy chính[1].

Có người kể thêm đoạn kết như sau:

Khi Liễu Hạnh bị bắt thì Phật tổ hiện ra giải cứu. Ngọc sư (tức Tiền quan) vâng lời Phật tổ cho nàng một bộ áo cà sa, một cái mũ ni-cô để quy Phật. Vì vậy, ngày nay ở nhiều chùa có dựng thêm điện ở phía sau để thờ Liễu Hạnh[2].

1. Theo Lăng Tuyết. *Sùng-sơn đại chiến sử,* và Nguyễn Văn Huyên. *Đạo tiên ở An-nam.*

2. Theo tạp chí *Phương Đông*, số 21 (1973).

Ở vùng Hà-tĩnh, Quảng-bình trước đây, dân gian thường lưu truyền nhiều mẩu chuyện về một cô gái thỉnh thoảng hiện hình trêu ghẹo những khách bộ hành đàn ông, nhất là các thầy khóa, thầy cử đi lại trên đường quốc lộ. Ví dụ truyện Cô Doạt (Hà-tĩnh), Nàng Ha (Quảng-bình). Có người nói những mẩu chuyện ấy vốn xuất phát từ *Sự tích công chúa Liễu Hạnh* mà phát triển ra. Lưu Trọng Lư đã từng viết một truyện lãng mạn nhan đề là : *Người nữ tỳ của bà chúa Liễu*[1], có lẽ cũng hư cấu từ những chuyện loại ấy.

Ở vùng Hà-đông cũng có lưu truyền nhiều mẩu chuyện về Liễu Hạnh, ví dụ một mẩu chuyện sau đây:

Liễu Hạnh bị một pháp sư lừa bắt được bỏ vào một cái lọ nút kín, phía ngoài dán bùa rồi treo lên cây đa ở rừng vắng trên đường đi Vạn-phúc. Có hai vợ chồng đi bán dâu qua đó, nghe tiếng nói văng vẳng phát ra: - "Các con đến đây cứu mẹ, mẹ sẽ hậu tạ". Hai vợ chồng trước sợ hãi, nhưng sau đánh bạo trèo lên cây, đưa lọ xuống. Khi đập vỡ lọ thì thấy có một con bướm trắng bay ra, tự xưng là Liễu Hạnh, rồi biến mất.

Ở nhà mình, pháp sư, do tín hiệu riêng, biết giờ chết đã đến vì Liễu Hạnh đã trốn thoát và sẽ báo thù. Bèn sai con đem tro sàng khắp nền nhà, đoạn tắm rửa sạch sẽ rồi lên giường nằm, đóng cửa lại, dặn vợ con đến giờ ngọ hãy mở ra. Khi vợ con mở cửa thì thấy pháp sư đã chết, trên nền nhà có dấu bàn chân đi lại chi chít, v.v...[2].

---

1. *Hà Nội báo* (1936).
2. Theo lời kể của người Hà-đông.

138. NGƯỜI THỢ SĂN VÀ MỤ CHẰNG

Ngày xưa có một người thợ săn trẻ tuổi. Như lệ thường, một hôm anh vào rừng sâu săn thú. Mải đuổi theo một con hươu, không ngờ anh lạc vào một nơi chân mình chưa bước tới bao giờ. Đói và mệt, anh cố tìm đường trở ra. Nhưng anh càng đi lại càng lạc.

Cho đến lúc vạch cây rẽ lá lần xuống khe để tìm nước uống, anh mới trông thấy một ngôi nhà bên bờ suối. Mừng quá, anh tiến đến gọi cửa xin nghỉ chân. Một cô gái từ trong nhà bước ra. Cô có vẻ mừng khi nhìn thấy chàng trẻ tuổi. Cô mời anh vào nhà và không giấu giếm ý nghĩ của mình là từ lâu vẫn muốn kiếm một người bạn trai, nay được gặp anh, cô rất vui lòng. Thấy anh đói, cô dọn thức ăn cho anh ăn. Tuy nghi hoặc, nhưng người thợ săn vẫn ăn uống thỏa sức. Ăn xong, cô gái nói:

- Bây giờ anh hãy theo tôi để đưa đi giấu ở một nơi kẻo nguy hiểm đến tính mạng!

Người thợ săn ngạc nhiên, hỏi:

- Tại sao lại nguy?

Đáp:

- Ôi! Anh không biết ư? Mẹ tôi là mụ Chằng, ăn thịt người không tanh. Hôm nay mẹ tôi còn bận đi kiếm mồi. Mẹ tôi mà gặp thì mạng anh khó chu toàn. Nhưng có tôi thì anh chẳng còn phải lo, miễn chúng ta sẽ kết thành đôi lứa. Trong buổi đầu anh hãy tạm ẩn một nơi, đợi tôi khuyên dỗ mẹ, rồi hãy hay.

Đoạn, cô gái đưa anh đến một cái hầm, rồi vần đá lấp kín cửa lại.

Trời tối hẳn mụ Chằng mới về. Đến cửa, mụ khịt khịt mũi nói:

- Có mùi thịt người! Có mùi thịt người!

Mặc dù con gái cố giấu quanh, mụ chỉ tìm một lát là lôi được người thợ săn ra khỏi hầm. Cô gái chạy lại:

- Xin mẹ tha nó cho con. Con cần có một người chồng. Mẹ đừng giết nó đi!

Mụ Chằng hỏi anh đi săn:

- Mày có bằng lòng lấy nó làm vợ không?

Trước tình thế bắt buộc, anh đành phải trả lời:

- Xin vâng! Xin vâng!

Thế là từ đấy anh thợ săn ở lại đây đóng vai con rể mụ Chằng.

Hai người ăn ở với nhau được ít lâu. Người thợ săn buồn nhớ làng quê, bụng muốn trốn lắm, nhưng nghe vợ nói mụ Chằng nhiều phép thuật nên còn ngần ngại. Một hôm, mụ Chằng đi kiếm mồi, anh cố dỗ vợ để được xem bảo bối của mụ. Vợ anh dẫn anh đến một gian buồng kín, mở ra và nói:

- Cái buồng này luôn luôn khóa kín, mẹ tôi không hề cho ai vào. Hôm nay nhân trộm được chìa khóa mở ra cho anh xem.

Trỏ vào một cái gậy, vợ anh bảo:

- Đây là cái gậy thần, gõ đầu này thì làm chết người, nhưng gõ đầu kia lại làm cho người chết sống lại.

Lại trỏ vào hai cái túi:

- Đây là hai thứ bảo bối, một cái có thể làm cho sông biển nổi thành rừng, một cái có thể làm cho núi đồi sụp xuống thành biển, rất mầu nhiệm!

Người thợ săn làm bộ nghi ngờ, vợ cố cãi, nói:

- Không tin, lúc nào mẹ tôi làm thì anh sẽ biết.

- Nếu thế, để tôi thử dùng gậy gõ vào người nàng xem có hiệu nghiệm không, rồi tôi sẽ làm sống lại sau.

Cuối cùng vợ anh cũng bằng lòng để cho chồng thử. Chồng vừa gõ vào một gậy, vợ lăn ra chết ngay. Nhưng người thợ săn đã có chủ ý sẵn, anh không làm cho con gái mụ Chằng sống lại nữa, mà cướp lấy chiếc gậy và hai túi đựng bảo bối rồi trốn đi.

Anh đi suốt cả một buổi từ sáng đến trưa, không dám dừng lại nghỉ. Khi bóng mặt trời đã ngả về chiều, bỗng nghe có tiếng ào ào đằng sau lưng, biết rằng mụ Chằng về trông thấy cơ sự đã đuổi theo kịp mình vì

nghe nói mụ có phép rút đất, anh bèn ném mạnh túi bảo bối thứ nhất ra phía sau. Lập tức cả một dãy núi lởm chởm mọc lên, cây cối, tre pheo bạt ngàn sơn dã. Anh lẩm bẩm:

- Cho dù có tài phép gì thì vượt được dãy núi này còn bở hơi tai!

Nói đoạn lại cắm đầu chạy miết. Nhưng khi mặt trời gác núi, anh đã nghe tiếng mụ Chằng hét ở đằng sau:

- Thằng kia, muốn tốt hãy dừng lại!

Người thợ săn hoảng quá, nhưng anh cố trấn tĩnh, rút ngay túi bảo bối thứ hai ném mạnh về đằng sau. Sau lưng anh vốn đang là một giải đất liền, bỗng hóa ngay thành một biển nước mênh mông, bờ xa tít tắp. Anh lại vừa chạy vừa lẩm bẩm:

- Muốn đuổi được ta họa có là bay!

Nhưng anh không ngờ rằng mình chạy nhanh là thế, chỉ được một quãng đã thấy mụ đuổi theo gần kịp. Lúc này anh đã mệt quá. Trong cơn nguy cấp, anh đứng lại thủ thế sau một gốc cổ thụ. Khi vượt qua, anh xông ra bất thình lình gõ cho một gậy, mụ ngã lăn ra chết quay lơ. Trừ được nạn mụ Chằng, anh ngồi nghỉ cho lại sức. Cuối cùng anh cũng tìm được đường về đến nhà. Bà con xóm giềng thấy anh còn sống ai nấy đều mừng cho anh. Anh không quên dùng gậy phép để cứu giúp mọi người.

Buổi ấy, mẹ vua đột nhiên bị một chứng bệnh nguy kịch. Nhà vua là người rất có hiếu, sai rao khắp nước xem ai chữa được sẽ thưởng cho quan cao lộc hậu. Nghe tin anh thợ săn liền vác cây gậy phép đi vào kinh đô. Nhưng khi vào đến nơi thì mẹ vua chết đã được mấy ngày, sắp làm lễ chôn cất. Anh đến cửa Ngọ môn xin vào chữa. Lính thị vệ cản lại không cho vào. Anh nói:

- Tôi nghe nói hoàng đế đang cầu người chữa bệnh cho hoàng thái hậu kia mà.

Họ trả lời:

- Hoàng thái hậu đã chết cách đây năm ngày rồi, ông vào làm gì nữa.

- Chết rồi, tôi cũng chữa được!

Nghe nói thế lập tức họ dẫn anh vào cung. Vua sai mở nắp áo quan cho anh làm phép. Chỉ một gậy gõ vào xác , mẹ vua đã ngồi nhỏm dậy.

Vua và hoàng gia hết sức mừng rỡ, ban thưởng cho anh rất hậu, lại cho làm quan[1].

KHẢO DỊ

Mô-típ trên phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, chủ yếu là châu Á. Trước hết, truyện của bộ lạc Giô (Dzo) ở Băng-la-đex(Bangladesh) gần với truyện của ta hơn cả: Một người nhờ phù phép lấy một cô gái là Cun-gô-ri làm vợ. Lấy xong hắn hóa hổ, mang vợ đi mất. Cha cô hứa ai đưa được con mình về sẽ gả cho. Có hai thanh niên là Hơ-pô-tia và Hơ-răng-san nhận đi cứu. Khi đến nơi họ được cô gái giấu vào chỗ kín. Người hổ về nói: "Ta nghe có mùi người". Vợ lấp liếm: - "Chỉ có tôi thôi". Mai sáng người hổ lại đi săn. Một người già bày cho hai anh mang theo các hạt giống lửa, nước và gai góc. Họ nghe lời. Đang chạy thì một con chim mách: - "Chồng nó đang đuổi". Họ ném hạt giống lửa, rừng tự nhiên cháy dữ dội, người hổ không qua được. Lửa tàn, hắn lại đuổi. Chim lại mách. Họ ném hạt giống nước hóa thành sông lớn ngăn cách. Người hổ chờ nước trôi hết lại đuổi. Chim lại mách. Họ ném hạt giống gai góc, gai góc mọc đầy, người hổ mở được một lối, đuổi kịp, nhưng Hơ-pô-tia đã cho một mũi dao, y chết. Đoạn sau xem **Khảo dị** truyện *Thạch Sanh* (Số **68**, tập **II**).

Truyện Ả-rập (Arabie):

Một người có hai con: Một gái, một trai. Vợ chết, hắn lấy vợ khác. Hàng ngày đi săn, hắn chỉ được vài con đa đa đem về nấu lên chia nhau. Vợ thấy khẩu phần ít ỏi, bèn xui chồng bỏ hai con lên rừng. Chồng đành nghe lời, nhưng đứa chị nghe lỏm được mưu ấy. Nó bèn bỏ vào rổ của mình một ít thứ quả như chà là, nho khô, hạnh nhân và cám. Sáng hôm sau nó đi cuối cùng, thỉnh thoảng rắc các thứ quả xuống dọc đường, nên cuối cùng chị em lại nhận ra được đường về. Lần thứ hai, bố lại mang con vào rừng sâu. Cô chị lại rắc các thứ quả xuống nhưng vì lần này đứa em đi sau cùng, lần lượt nhặt hết những thứ mà chị nó bỏ xuống, vì vậy hôm ấy không tìm được đường về. Hai chị em đành trèo lên cây để nghỉ đêm. Sáng dậy gặp một người, chúng nhờ chỉ đường, người kia cho hai cuộn chỉ trắng và đen, dặn đến ngã ba thì tung cả hai lên, hễ cuộn chỉ trắng rơi xuống đường nào thì đi theo đường ấy. Nhưng

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

dọc đường em ném các cuộn chỉ để chơi làm chỉ rối tung rồi đem vứt bỏ. Vì thế, khi đến ngã ba, chúng bị lạc vào nhà một bà Chằng. Sáng mai mụ cầm bình nước đi múc nước chuẩn bị làm thịt hai đứa trẻ. Biết mình sắp chết, chúng nó khóc nức nở. Một con quạ chỉ đường cho chúng trốn, lại cho ba cái túi , dặn khi nào mụ đuổi gần kịp thì lần lượt ném ra sau lưng. Đoạn, con quạ hai lần đánh đổ nước của mụ Chằng để cho chúng có thì giờ chạy xa. Khi biết mất hai đứa trẻ, mụ đuổi theo. Đang chạy, chị bảo em ngoái nhìn đằng sau. - "Có cái gì như là một con chim!" - em nói. Một lát lại nói: - "Như con lạc đà". Một lát nữa: - "Mụ Chằng sắp đuổi kịp". Chị bèn ném cái túi đầu tiên, tự nhiên cây mọc rậm rì; nhưng chỉ một lúc sau mụ lại đuổi kịp. Cô chị ném cái túi thứ hai hóa thành sông. Một lúc sau mụ lại đuổi sát nút, cô ném cái túi thứ ba hóa thành một con đường đầy dao cạo và muối. Lần này mụ không đuổi nổi vì dao cạo làm đứt chân mụ và muối làm xót chân. Mụ nói theo: - "Thế là chúng mày thoát rồi đấy. Hãy nghe ta dặn đây: "Nếu dọc đường gặp một con cừu nằm ngang bảo cắt hộ lông thì chớ có nghe lời mà chết. Lại nữa, nếu gặp hai con chim cãi nhau thì chớ có can, nếu thấy bình nước trong thì chớ có uống". Chúng nó lần lượt gặp các thứ như mụ dặn. Nhưng khi thấy nước, đứa em khát quá đòi uống cho bằng được, mặc dầu chị can mãi. Nó uống xong thì cả người lẫn bình biến mất.

Còn một mình chị, sau đó gặp một người chăn cừu, bèn xin mua một tấm da chó, khâu lại rồi mặc vào cho giống con chó. Một hoàng tử thấy chó thì dắt về cho ở một buồng. Đêm đến hoàng tử nghe thấy tiếng ho biết không phải chó, bèn rình xem thì hóa ra là một cô gái đẹp. Hoàng tử xin lấy làm vợ. Các ông anh can: - "Sao không lấy người, lại lấy chó". Nhưng khi vua cha thấy cô gái mặc áo quần đẹp vào ra mắt mình, thì cho làm ngay lễ cưới[1].

Truyện Ấn-độ ở bán đảo Đê-căng (Déccan):

Một người trẻ tuổi bị hung thần (rắc-sa) đuổi. Anh lần lượt ném các vật phép thành sông lớn, rồi núi cao, rồi một đám lửa cháy rừng nhưng hung thần đều vượt qua và cuối cùng đuổi kịp, giết chết.

Truyện của người Kiếc-ghi-dơ (Kirghizs) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie):

Một người đàn bà trẻ tuổi bị một mụ già độc ác đuổi theo. Chị lần lượt ném một cái lược thành rừng, một cái gương thành hồ lớn để chặn bước tiến của mụ.

1. Theo *Báo châu Á*, đã dẫn (1889).

Ở truyện của người Xa-mô-y-ét (Samoyèdes) thì ba vật báu ném ra sau lưng là: một là hòn đá mài hóa thành sông, hai là đá cò súng hóa thành núi, ba là cái lược cũng hóa thành rừng.

Ở một truyện của Thái-lan, vật báu được thay bằng thuốc phép, túi thuốc thứ nhất hóa thành cọc nhọn dựng lên tua tủa, nhưng bà Chằng đã dùng phép phá tan; túi thuốc thứ hai hóa thành núi cao, cũng thế; túi thuốc thứ ba hóa thành biển. Đến đây bà Chằng hết phép đành phải quay về.

Đến truyện của người Ca-phrơ (Cafres) châu Phi thì có khác. Ở đây cô gái con bà Chằng trốn với người mà cô yêu. Bị bố đuổi lần đầu, cô ném một quả trứng hóa thành sương mù dày đặc, lần thứ hai ném một túi da dê đựng sữa hóa thành hồ nước lớn, lần thứ ba ném một cái bình làm cho trời tối tăm mù mịt, lần thứ tư ném hòn đá thành núi lởm chởm.

Ở truyện người Man-gát-sơ (Malgasches) có một con chuột mách cho cô gái trước khi trốn mang theo một cái chổi, ném thì hóa thành bụi rậm, một quả trứng hóa thành một cái hồ lớn, một cây sậy hóa thành rừng, và một hòn đá hóa thành núi lởm chởm.

Ở truyện người Pô-li-nê-diêng (Polynésiens) ở Xa-moa (Samoa) thì lại là một người con trai mang theo người yêu đi trốn và cũng có tình tiết ném lược thành rừng.

Một số truyện sau đây cũng có truyện ném các vật phép thành núi, sông, v.v... nhưng nội dung và kết cấu lại khác.

Việt-nam có truyện *Con tìm mẹ*:

Một cô gái sống trong một cái hang trên rừng với một đạo sĩ. Đạo sĩ truyền cho cô nhiều phép lạ. Lớn lên, cô lấy chồng và đi theo chồng ở kẻ chợ. Nhưng khi sinh được một con trai, thì tự nhiên một hôm cô bỏ về ở rừng, và không cho chồng biết chỗ ở của mình. Con lớn lên, một hôm hỏi bố: - "Mẹ con đâu?" Đáp: - "Không biết". Con bèn đến hỏi thầy học. Thầy học vốn có phép độn, liền trỏ đường cho học trò, và dặn: - "Khi tìm được mẹ rồi thì con hãy nhớ: 1) đừng nói với mẹ là ai chỉ đường cho con; 2) nếu mẹ con cho con quả cây gì thì đưa về nhà hãy ăn, hay nếu ăn thì quẳng hột ra sau lưng, đừng quẳng ra phía trước". Đứa bé quả tìm thấy mẹ. Nhưng hắn vốn lơ đãng, quên mất cả những lời dặn dò của thầy. Mẹ hỏi ai chỉ đường, hắn nói thật. Mẹ bèn dùng phép làm cho nhà thầy học cháy để trả thù. Ở nhà, thầy học đã độn biết được việc này nên trước khi đi vắng, dặn người nhà phải dọn đồ đạc cho xong trước canh ba. Nhưng người nhà lại không tin, cứ chần chừ không chịu dọn, nên mọi thứ trong nhà cháy mất cả.

Trước khi ra về, người con được mẹ cho một quả cây. Dọc đường đói bụng, hắn lấy ra ăn. Nhưng lại quên lời dặn của thầy, hắn không quẳng hột ra sau lưng, mà quẳng ra trước mặt. Tự nhiên những hột này mọc thành rừng. Cây cối bờ bụi dày đến nỗi hắn phải khó khăn mới tìm được đường về, và sau đấy phải bỏ hẳn dự định dẫn bố đi tìm mẹ[1].

Truyện của đồng bào Ca-tu *Chàng Dưa*:

Có hai vợ chồng hiếm hoi, ngày nọ làm rẫy thấy quả dưa ngon mắt, bèn hái ăn. Từ đó vợ có mang đẻ được đứa bé không bú, không khóc nhưng lớn như thổi. Lớn lên con ăn rất khỏe, đặc biệt khi nó làm đồ chơi thì những con giống đều biết cử động như thật. Chàng Dưa đi chơi lang thang. Một chúa làng thấy đứa bé có phép lạ liền dọa bắt phải nặn cho hắn thật nhiều voi. Trốn đi, chàng Dưa lại đến một nơi gặp một cô gái đang tắm. Chàng xuống tắm nặn cá to cho lội. Nhưng không ngờ cô gái vốn là con của nữ thần Mặt Trời cũng có phép như thế. Cô nặn một con voi hai đầu, con voi cũng trở thành voi thật. Chàng Dưa rủ cô gái cùng mình trốn về quê. Cô ta đi mang một gùi phép. Hai người cưỡi voi đi suốt ngày đêm. Bị bố mẹ đuổi kịp, cô ném lại đằng sau một hòn đá hóa thành lèn đá dựng chặn đường. Bố mẹ lại đuổi kịp, cô ném một cành tre hóa thành bụi rậm. Lại bị đuổi, cô hóa phép làm thành dãy núi cao (nay là hòn Rơ-gu). Lại bị đuổi nữa, cô hóa phép làm thành con sông lớn (nay là sông Re). Đến đây bố mẹ cô gái đành chịu, phải trở về. Hai người về tới nhà, bố không nhận ra con trai, bèn lấy xôi vắt lại ném vào con, tất cả những vắt xôi đều chui tọt vào mồm hắn - "Đúng là con tôi rồi!" người bố reo lên. Họ ăn mừng, giết nhiều trâu, bò, lợn, gà đều do hai vợ chồng chàng Dưa nặn ra. Tên chúa làng nghe tin chàng Dưa về thì đến đòi nợ, bắt đắp một con đường sang Lào. Hai vợ chồng nặn một nghìn con voi đi phá đường một lúc xong ngay. Hắn lại bắt làm một cái cầu bắc qua sông Re. Hai vợ chồng làm phép gọi các loài cá tập trung làm thành cầu. Chúa làng rất thích kéo cả họ hàng và các chúa lân cận lên cầu chơi. Hai vợ chồng lại làm phép cho cá lặn hết cả. Bọn chúng đều chết đuối[2].

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai): *Y Rít*.

Một tù trưởng bắt một chàng trẻ tuổi tên là Y Rít đi tìm cô gái đẹp như tranh do anh vẽ. Y Rít tìm mãi, đến nhà một cô con gái tên là Trát Tô, do một con hổ nhặt được đưa về nuôi kết nghĩa ông cháu. Lúc ấy hổ đang đi vắng. Y Rít rủ nàng theo anh về, Trát Tô bắt một con voi khỏe nhất ra đi,

1. Theo Lăng đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ Ca-tu*, sách đã dẫn.

không quên lấy những đồ vật có phép lạ của hổ. Nhưng đi được một chốc, hổ đã đuổi kịp. Cô gái lấy lược phép của hổ cắm xuống thành một rừng trúc. Hổ luồn rừng đuổi theo; cô gái trút ống nước phép thành sông. Nhưng rồi hổ cũng vượt qua được, bắt Y Rít ăn thịt, cõng cháu gái về.

Trát Tô xỉa răng cho ông, rơi ra một cục thịt, cục thịt biến thành cây nấm. Từ nấm lại biến thành Y Rít. Hai người lại rủ nhau trốn nhân ông hổ đi vắng. lần này Trát Tô mang theo những vật mầu nhiệm nhất của con hổ. Hổ đuổi theo, cô gái ném viên đá mài làm mọc lên một dãy núi dựng đứng trơn tuột, hổ trèo không nổi, đành phải trở lại.

Về đến nơi, họ được bà Y Rít là Ĩa Pôm cho phép lấy nhau. Tù trưởng bắt Y Rít phải đi tìm một bông hoa đỏ bên kia biển, nếu không được sẽ bắt mất vợ. Trải bao gian khổ Y Rít lấy được hoa, nhưng bị cá voi nuốt, nhờ dân làng giết cá, mổ bụng cứu được ra. Tù trưởng con lần lượt bắt chàng phải đi lấy sữa voi, sữa gấu, sữa hổ lấy dây mây rồi lại bắt chàng đưa cả gia đình xuống hang sâu để lấy chiêng vàng, "ché" bạc. Sóc, nhím, chuột, chồn giúp chàng trong việc cuối cùng này và làm cho tù trưởng và gia đình nó bị chôn dưới đất[1].

Truyện Pháp *Hoàng tử và con ngựa*:

Một ông vua một hôm giao cho hoàng tử chìa khóa và bảo: - "Cha bận đi vắng mươi hôm, có đi xem lâu đài thì đừng vào phòng cấm". Hoàng tử đáp- - "Vâng", nhưng khi còn lại một mình, thì chàng cứ mở cửa phòng cấm vào xem. Thấy một cái giếng, chàng nhúng thử một ngón tay vào nước. Rút ra, ngón tay vàng khè, chùi không sạch, chàng đành buộc giẻ lại. Khi vua cha về hỏi: - "Có vào phòng cấm không?" - "Không" - "Ngón tay làm sao thế?"- "Đứt tay" - "Đưa đây xem". Khi biết sự thật, vua than: - "Không tin con thì biết tin ai bây giờ".

Hôm khác vua đi, lại giao chìa khóa cho hoàng tử. Lần này hoàng tử lại vào phòng cấm nhúng áo và đầu vào nước giếng. Trong phòng còn có chuồng ngựa có hai con. Hoàng tử hỏi một con tên là Mo-rô: - "Một bước đi được mấy dặm?" Đáp: - "Mười tám dặm". Lại hỏi con kia là Bay-da, nó đáp: - "Mười lăm dặm". Bèn cưỡi con sau ra đi. Trở về, vua không thấy hoàng tử bèn đi tìm. Hỏi ngựa Mo-rô: - "Con Bay-da đâu?". Đáp: - "Nó đi với hoàng tử". Vua bèn cưỡi lên đuổi theo. Đến đây, tình tiết giống với các truyện trên.

Hoàng tử cưỡi con Bay-da đi được khá lâu, bỗng con vật nói: - "Chết mất, đằng sau có hơi thở của con Mo-rô. Ông chủ hãy cầm cái bọt biển này quẳng

1. Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt-nam*, đã dẫn, tập I.

lại đằng sau cho cao cho xa". Bọt biển tự nhiên nổi lên thành rừng. Nhưng chỉ một lát, ngựa Mo-rô lại đuổi gần kịp. Bay-da lại đưa cho chủ cái kỳ lông ngựa bảo ném. Kỳ lông ngựa biến thành sông ngăn cách[1]. Nhưng rồi Mo-rô lại vượt qua. Bay-da lại trao hòn đá ném thành núi cao. Mo-rô đau chân không trèo được, đành phải trở lại.

Một truyện khác cũng của Pháp sưu tầm ở Ô-vec-nhơ (Auvergne): *Cô gái tóc vàng.*

Một người đàn bà nhà nghèo đông con, bỗng nhiên một hôm có Khổng lồ đến bảo: - "Bà sẽ đẻ một cô gái tóc vàng nhưng phải trao cho ta nuôi thì nó mới sung sướng, nếu không thì khổ". Người đàn bà ưng thuận. Khổng lồ nuôi cô con gái rất chăm, không thiếu thứ gì, nhưng hắn cấm cung cô, đặc biệt hàng ngày hắn chải tóc cho cô, đếm kỹ từng sợi. Cô gái sống rất đầy đủ nhưng cũng rất khổ.

Một hôm có người thợ săn trẻ tuổi đến lâu đài Khổng lồ lúc hắn đi vắng. Chàng lần đến cửa sổ buồng cô gái trò chuyện rồi xin một sợi tóc. Cô vui lòng nhổ cho. Khi Khổng lồ trở về chải tóc thấy thiếu, hắn mắng cô. Lần thứ hai, lần thứ ba cô vẫn nhổ tóc cho chàng đi săn. Khổng lồ giận, càng canh giữ riết. Một hôm khác, chàng đi săn đưa cô lên ngựa đi trốn. Khổng lồ về thấy mất cô bèn cưỡi ngựa đuổi theo. Sắp đuổi kịp thì cô gái ném một sợi tóc thành một cái hồ. Nhưng rồi Khổng lồ cũng vượt qua. Lần thứ hai, cô lại ném một sợi tóc thành một dòng sông. Khổng lồ cũng vượt được. Lần thứ ba ném hóa thành một lưới lửa, lần này hắn chịu, hai người nhờ đó đi thoát[2].

Một truyện của người Jê-or-gi (Géorgie) sưu tầm ở Ba-tum *Anh chàng diệt quỷ*:

Một ông vua có ba con, chỉ dạy cho con cả nghề làm vua. Một hôm vua bắt được quan đầu triều đang ngồi cùng với một phi tần trong cung, bèn hỏi vợ và con nên xử tội thế nào. Vợ đáp: - "Treo cổ quan đầu triều". Người con cả: - "Treo cổ cả hai". Người con thứ hai: - "Anh con khôn ngoan hơn, con không biết nói gì hơn". Vua không hỏi con út nhưng nó đáp: - "Không nên treo cổ khi tội chưa rõ". Vua giận, sai đuổi con út ra khỏi nước.

Hoàng tử đi mãi đến một nơi gặp một bà già, bèn hỏi đường. Bà nói: - "Đường này đi đến xứ quỷ, có đi không trở về vì chúng biến con thành đá". - "Nhưng con phải đi không thể trở về được". - "Vậy ta bày cho con cách tránh: Hễ thấy người đá chớ mó tay vào, thấy gì quý lạ chớ nhìn. Gặp người già thì

1. Ở chỗ này có lẽ người kể đã lẫn lộn giữa cái bọt biển với cái kỳ lông ngựa.
2. Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). *Truyện cổ tích dân gian ở Ô-véc-nhơ.*

chỉ nói mình bị lạc đường. Họ sẽ giao chìa khóa bốn chục căn buồng, nếu mở đúng buồng con cừu thì thoát.

Đúng như lời, hoàng tử gặp bọn quỷ hình dạng ông già. Chúng giao cho anh chìa khóa bốn chục căn buồng. Mở được ba mươi tám buồng có đồ đạc quý giá nhưng anh không nhìn ngắm. Vào một buồng khác gặp một cô gái, anh kể chuyện cho cô nghe. Cô bảo anh cố mở buồng con cừu, nhưng mở không được. Cô bảo phải trốn nhanh kẻo bọn quỷ giết chết. Hai người cưỡi lên một con ngựa bạch. Ít lúc sau bọn quỷ đuổi theo, cô rút lược ném hóa thành dãy núi. Quỷ vượt được. Lần thứ hai ném một nắm kim cương, hóa thành bãi đá lởm chởm. Cũng thế. Lần thứ ba ném một chai nước hóa thành biển. Trong khi bọn quỷ nguy khốn giữa biển thì hai người quay trở lại, tìm vào buồng quỷ lấy trộm một gói đất có phép màu nhiệm ném vào người sống thành chết, ném vào người chết thành sống. Sau đó, họ quay ra dùng đất ném chết mụ quỷ canh cửa, rồi lại dùng đất ném cho những người đá sống lại. Mọi người không trở về mà ở lại, tôn hoàng tử làm vua. Anh lấy cô gái làm vợ.

Tiếng đồn về chàng diệt quỷ làm cho các vua láng giềng sợ hãi. Bọn này gồm bảy ông vua, hội quân bảy nước đến đánh, nhưng đều thất bại. Trong số bọn vua bị bắt có vua cha hoàng tử; anh chừa lại không giết. Anh vạch cho cha biết mình cũng làm được vua. Tuy nói vậy, sau đó anh nhường ngôi cho anh mình[1].

Truyện *Cục thịt* của người Miến-điện (Myanmar):

Một bà hoàng hậu sinh ra một cục thịt. Vua giận, sai ném xuống sông và bắt cạo đầu hoàng hậu, cho làm người tưới vườn hoa. Một mụ yêu tinh vớt được cục thịt, cục thịt vỡ nhảy ra một em bé trai. Mụ nhận là con. Một hôm mụ đi vắng bảo con chớ có trèo lên tháp nước, chui xuống hang hoặc vào bếp.

Ở nhà, em bé trèo lên tháp thấy một cụ già bị trói. Cụ kể cho em biết mẹ em là yêu tinh ăn thịt người. Em xuống hang thấy đầu lâu, xuống bếp thấy ba viên thuốc mầu nhiệm trong hũ gạo (do cụ già cho biết).

Em đi trốn, mụ đuổi theo, em ném một viên hóa thành một giải rừng sâu bảy dặm. Mụ vượt được. Em lại ném viên khác hóa bảy ngọn núi cao. Mụ vẫn vượt được. Lại ném viên cuối cùng hóa biển lửa dài bảy dặm. Mụ bị thiêu chết.

Nhờ tài bắn, em chiếm được những gói cơm của trẻ chăn trâu thua cuộc. Em lấy cơm đãi thần Na-tơ. Thần trả ơn bằng cách báo cho vua biết. Cuối cùng vua nhận em làm hoàng tử, khôi phục địa vị của hoàng hậu[2].

1. Theo Đuy-mê-din (Dumézil). *Truyện cổ tích La-dơ.*
2. Theo *Truyện dân gian Miến-điện,* sách đã dẫn.

Một loạt những truyện khác tuy cũng có bà con với các truyện trên nhưng hình tượng thì biến cải khá nhiều. Đặc biệt ở đây người đi trốn biến thành một kẻ khác hẳn hoặc thành một vật gì đó để đánh lừa người đi tìm. Kể một vài ví dụ:

Truyện Pháp *Con chim xanh*:

Một anh chàng con nhà giàu thích dạo rừng. Một hôm đang dạo thấy có con chim xanh đẹp bèn đuổi theo, không ngờ lạc đường. Nửa đêm thấy có ánh sáng bèn đến gõ cửa. Một cô gái ra mở cửa nói ngay: - "Cha tôi là ông Chằng ăn thịt người, sắp về".

Đáp: - "Không cần, miễn là tôi được ngủ". Cô gái đành đưa vào. Ông Chằng về, bảo ngay: - "Có mùi thịt người". Cô gái chống chế: - "Có một thanh niên, nhưng đừng giết vì nó biết làm nhiều nghề". Sáng dậy, trước khi đi bảo anh phải gỡ rối các sợi chỉ nếu không xong thì ăn thịt. Anh đang bối rối thì cô gái gõ chiếc đũa thần, mọi việc xong ngay. Hôm sau ông Chằng lại bắt anh phân loại một đống lông chim. Lại nhờ cô gái nên cũng làm xong. Hôm sau nữa, khi lão đi vắng, cô gái hỏi xem bố mình bắt anh phải làm việc gì. Anh đáp: - "Không bảo làm gì cả" - "Thế là bố tôi muốn ăn thịt rồi đấy." Bèn dắt nhau đi trốn. Đi được hồi lâu cô gái bảo anh nhìn xem có phải cha mình đuổi theo không. - "Có, đang đi nhanh như gió." Ở đây cô gái không ném gì cả mà hóa làm một cây táo và biến anh thành người đàn bà trảy táo. Ông Chằng đến hỏi: - "Có thấy một trai một gái đi qua đây không?". - "Không". Ông Chằng trở về kể lại với vợ. Vợ bảo: - "Thế là ông nhầm rồi: cây táo là con mình, người trảy táo là nó đấy". Ông Chằng lại đi đuổi. Lần này cô gái hóa thành một ngôi đền, anh kia thành một thầy tu quét mạng nhện. - "Có thấy ai qua đây không?". Thầy tu đáp: - "Không". Ông Chằng trở về kể lại, vợ hắn lại cho biết sự thật. Hắn lại đuổi theo. Lần thứ ba cô gái hóa thành cá gáy, anh kia làm sông. Ông Chằng nhảy xuống nước bắt cá bị chết đuối. Hai người sau khi qua khỏi tai nạn bèn kết thành vợ chồng.

Người Ấn-độ có một truyện trong sách *Biển truyện*:

Một hoàng tử một hôm đi lạc vào một lâu đài của một lão Chằng (rắc-sa-xa) ở giữa rừng có vua tên là A-nhi-xi-kha. Cô con gái lão lại yêu hoàng tử. Cô nói với bố nếu không lấy được làm chồng, thì sẽ chết. Lão bằng lòng với điều kiện là chàng rể phải làm được bốn việc sau đây trước khi lấy nhau: 1) nhận ra cô gái giữa 100 chị em giống nhau như đúc (cô gái cho anh biết trước cô

sẽ buộc trên đầu một chuỗi ngọc nên anh nhận ra ngay). 2) phải cày một đám đất đủ gieo một trăm thúng vừng. 3) nhặt những hạt vừng vừa gieo xong (cô bảo kiến làm giúp). 4) đi mời người em của bố vợ (cô cho một con ngựa phi rất nhanh và những đồ vật mầu nhiệm, dặn hễ mời xong là trốn về ngay, không có nó sẽ ăn thịt).

Lão Chằng thấy anh chàng làm xong mọi thử thách lấy làm lạ, bèn gả con gái cho. Ít lâu sau, hoàng tử muốn về quê, vợ hẹn cùng về nhưng phải giữ thật kín. Hai người cưỡi ngựa đi trốn. Chẳng bao lâu lão Chằng biết, đuổi theo. Sắp đuổi kịp, cô gái làm cho chồng và ngựa biến đi, còn mình thì hóa thành một nông phu đang cầm rìu chặt củi. Lão đến hỏi: - "Có thấy một cặp trai gái cưỡi ngựa qua đây không?" - "Không " - "Tại sao mắt ướt"- "Vì vua răc-sa-xa là A-nhi-xi-kha chết, nay phải chặt củi để đốt". Lão về hỏi người nhà, người nhà cho biết vua còn sống. Lão lại đuổi. Sắp kịp thì cô gái hóa thành người đưa thư, tay cầm một phong thư. - "Mày đi đâu". - "Đưa thư". - "Thư nói gì?" - "Nói vua A-nhi-xi-kha bị tử thương, nay gọi người em đến để giao nước cho". Lão lại chạy về, biết là mình bị lừa nhưng không đi tìm nữa[1].

Truyện của bà Ôn-noi *Cây cam và con ong*:

Một hoàng tử lạc đến một xứ Chằng: ở đây có một công chúa cũng bị bắt. hai bên yêu nhau rồi cùng cưỡi lạc đà đi trốn, mang theo chiếc đũa thần. Người xứ Chằng đuổi theo. Lần đầu công chúa dùng đũa thần hóa con lạc đà thành hồ, hoàng tử thành chiếc tàu, công chúa thành bà chúa tàu già. Lần thứ hai, hóa lạc đà làm cột, hoàng tử làm ảnh treo cột, công chúa làm một thằng lùn. Lần cuối cùng hóa lạc đà làm cái thùng, hoàng tử làm cây cam. Công chúa làm con ong bay lượn.

Ở truyện của người Thụy-điển (Suède) thì lần đầu hai người hóa thành hai con chuột, lần thứ hai hai con chim, lần thứ ba hai cái cây.

Trong một anh hùng ca của người Tác-ta (Tartares) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie) có kể: Người anh hùng Ai To-li-si bắt cóc một cô gái. Ba người em của cô gái đuổi theo. Cô gái làm phép hóa con ngựa thành cây bạch dương, hai người thành hai con quạ đậu trên cây. Ba người em không biết đành trở về không[2].

1. Theo Xô-ma Đơ-va (Soma Deva).
2. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.

139. QUAN TRIỀU HAY LÀ CHIẾC ÁO TÀNG HÌNH

Ngày xưa ở vùng Cao-bằng có một chàng trẻ tuổi, nay đây mai đó làm nghề chài lưới, tên là Triều. Gia sản của anh không có gì ngoài một bộ đồ nghề làm ăn. Nhưng tính anh vốn hay thương người. Mỗi lần đánh được nhiều cá, anh thường đổi lấy gạo đem chu cấp cho những người túng thiếu mà anh gặp. Vì vậy người nghèo khổ trong vùng ai cũng mến anh.

Ở Cao-bằng một thời gian, Triều lại dời sang đánh cá ở vùng Thái-nguyên. Ở đây, anh lại cứu giúp mọi người không tiếc sức. Một hôm anh không đánh được mẻ cá nào cả. Nhưng lúc về dọc đường, anh bỗng thấy một ông lão ăn mày trần truồng đang nằm run rẩy dưới gốc cây. Động lòng thương, anh cởi ngay chiếc áo đang mặc đắp vào người ông cụ.

Bẵng đi một dạo, một hôm anh đang buông chài giữa sông, bỗng nghe trên núi cao có tiếng đàn văng vẳng. Anh dừng lại nghe một cách say sưa. Qua ngày hôm sau, anh lại được nghe tiếng đàn trên núi như hôm qua. Hôm sau nữa, cũng từ trên ngọn núi cũ, tiếng đàn quen thuộc lại bay đến tai anh. Lấy làm lạ, anh vội thu xếp đồ nghề của mình, rồi tìm đường trèo núi, quyết tìm cho ra người gảy đàn. Lần theo tiếng đàn, anh vạch cỏ rẽ lau tiến bước. Cuối cùng, đến một bãi đất rộng, anh thấy một cụ già đang ngồi trên một phiến đá. Ông cụ mê mải gảy đàn không biết có người tới gần. Triều nhận ra khuôn mặt cụ già này rất giống với ông cụ nằm ở gốc cây hôm nọ. Chờ cho bản đàn dứt hẳn, anh đến trước mặt hỏi:

- Thưa cụ, cụ là ai mà ngồi đánh đàn ở đây?

Ông cụ ngước mắt nhìn anh một cách âu yếm, rồi chỉ vào một phiến đá trước mặt, bảo:

- Ta ngồi đợi con đây! Con trèo núi có mệt lắm không? Con hãy ngồi xuống đây nghỉ một tý.

Triều vừa đỡ chén nước ở tay ông cụ, đã nghe ông cụ hỏi:

- Con có nhớ ta không?

- Có, Triều đáp ngay. Cụ có phải là người nằm ở gốc cây đa đầu làng hôm nọ không?

- Đúng, ông cụ trả lời. Hôm nọ con đành chịu mình trần để nhường áo cho ta. Tấm lòng ấy thật là ít có. Nay ta muốn đền cho con một chiếc áo khác.

Nói xong, ông cụ cởi chiếc áo đang mặc quàng vào mình Triều rồi biến mất.

*

* *

Từ ngày được áo của Tiên cho, Triều mới biết đấy không phải là chiếc áo thường mà là một bảo vật, có phép làm cho người ta tàng hình. Mỗi lần mặc áo, không một ai nhận ra có anh ở trước mặt. Triều mừng quá, từ đấy anh đi chu du khắp nơi. Anh thường mặc áo rồi tìm đến nhà bọn giàu có, đường hoàng đi vào tận buồng của chúng lấy tiền gạo ra chia cho những người nghèo. Anh kín đáo giúp dân lành, cũng kín đáo trị tội những kẻ bất lương, bạc ác. Có những người vì quá cơ cực đang nằm lả bên vệ đường mà thở than thì bỗng thấy những quan tiền ở đâu bay đến trước mặt. Có những tên quan đang nọc người ra giữa công đường mà đánh, thì chính hắn bỗng bị quất vào lưng đau quằn lên nhưng ngoảnh lại vẫn không hề tìm thấy một ai. Nhiều sự việc giống nhau xảy ra, làm cho lời đồn đại lan ra khắp cả một vùng. Người lo, kẻ mừng, nhưng ai cũng tin rằng Trời Phật đã có con mắt.

Cứ như thế, Triều đi khắp mọi nơi và giúp đỡ những người cùng khổ. Một hôm anh tìm đến đất kinh kỳ. Mặc áo vào, anh tha hồ đi đó đi đây xem cho thỏa mắt. Hết vào nhà bọn quyền quý, anh lại vào cung cấm là nơi từ xưa không một người nào như anh dám bước chân đến. Thấy người nghèo khó nhan nhản khắp phố phường, anh lẻn vào kho tàng nhà vua lấy của ra phân phát cho họ. Vì thế kho công luôn luôn bị hao hụt, nhưng không một ai tìm ra thủ phạm cả. Trong khi đó thì

khắp kinh đô đồn ầm lên rằng có một vị Tiên thường cứu giúp những người đói khổ và trừng trị những tên gian tà. Ở đâu Tiên cũng có mặt, nhưng lại không "xuất đầu lộ diện" bao giờ.

Về phía Triều, anh vẫn ngày ngày làm công việc cứu giúp dân nghèo, coi đấy là phận sự của mình, mà không hề băn khoăn đến chuyện báo đáp. Anh đã làm cho bọn giàu sang xiết bao sợ hãi lo lắng khi thấy bạc tiền của chúng tự nhiên không cánh mà bay, mặc dầu trong nhà ngoài ngõ đều có người canh gác cẩn mật.

Nhưng một hôm, sau khi trừng trị một tên quyền quý đang ỷ thế đánh người, anh vội lẻn ra khỏi nhà hắn ngay vì thấy kẻ hầu người hạ của hắn nghe tiếng động đổ xô tới rất đông. Giữa lúc vội vàng, anh vướng vào một chiếc gai tre ở bờ giậu làm cho chiếc áo toạc mất một miếng. Sợ rằng để vậy có thể bị lộ, nên anh đã dùng một mụn giẻ vá lại. Sau đó, hàng ngày anh lại vào kho nhà vua tiếp tục phận sự của mình.

Từ ngày thấy của kho luôn luôn bị hao hụt, nhà vua hết sức lo lắng. Vua hạ lệnh cho bọn quan coi kho phải tìm cách bắt kỳ được tên trộm bí mật, nếu không sẽ trị tội không tha. Bọn này nhiều phen cố sức rình mò nhưng chỉ hoài công vô ích. Tiền bạc trong kho cứ vơi dần mà chúng vẫn không tìm ra một dấu vết gì đáng kể. Sau cùng, chúng sai thửa một kiểu bẫy lưới rất nhạy để chụp vào những nơi mà chúng ngờ.

Hôm ấy, bọn quan coi kho bỗng thấy có một con bướm trắng từ ngoài cổng bay vào kho. Bướm bay đi dạo lại trên những đĩnh bạc trắng xóa, rồi bướm lại thủng thỉnh bay ra. Chúng nhìn lại thì thấy thiếu đi mấy đĩnh. Lập tức chúng chụp ngay lưới xuống chỗ có bướm. Và thế là Triều bị bắt. Chỉ vì miếng vải vá vào chiếc áo tàng hình khiến anh bị lộ. Bắt được Triều, bọn quan coi kho mừng lắm, liền giải anh lên vua. Vua sai bỏ ngục để chờ ngày xét xử.

*

* *

Hồi ấy, có ông vua một nước láng giềng từ lâu vẫn ngầm mưu mô đánh chiếm nước ta. Giữa lúc Triều bị hạ ngục thì hàng chục vạn binh mã của nước láng giềng cũng đang ùn ùn kéo sang. Nhà vua đã cho quân đội ra chống giữ nhưng đánh trận nào thua trận ấy, không sao

ngăn cản được kẻ địch tiến như vũ bão. Tình hình bỗng trở nên nguy ngập. Tin cấp báo từ biên giới một ngày đưa về không biết bao nhiêu chuyến ngựa trạm, làm cho kinh đô nháo nhác. Nghe được tin này, Triều liền bảo quan coi ngục tâu vua cho mình được đi dẹp giặc cứu nước. Nhà vua mừng quá, vội sai tháo xiềng cho anh, và gọi anh đến hỏi:

- Nhà ngươi cần bao nhiêu binh mã?

- Tâu bệ hạ, anh đáp, chỉ một mình tôi cũng có thể đuổi được giặc dữ. Chỉ xin bệ hạ cho tôi một thanh gươm.

Vua liền cởi gươm của mình trao cho Triều và phong anh làm Hộ quốc tướng quân. Vua còn ra lệnh cho quân đội phải tuân theo lệnh anh.

Trước ngày lên đường, những người nghèo khổ từ lâu được Triều cứu giúp, nay nghe tin anh được tha và được phong tướng đi đánh giặc, đều tìm đến cảm ơn và tình nguyện đi theo. Triều cho sắp xếp thành đội ngũ và cùng kéo nhau lên đường.

Lúc đến vùng quân giặc đang chiếm đóng, Triều mặc ngay chiếc áo tàng hình vào người rồi cầm gươm đi thẳng vào trại giặc. Chỉ một lát sau, anh đã chém chết tên chỉ huy toán quân tiên phong. Bọn giặc mất tướng như rắn không đầu bỏ chạy tán loạn. Những người đi theo Triều chỉ có việc chia nhau đón khắp các nẻo tóm cổ đưa về. Đến những trại khác của giặc, Triều cũng làm như vậy. Không bao lâu cả đội tiên phong tinh nhuệ của giặc bị tiêu diệt và bị bắt sống không sót một tên. Các đội quân khác còn lại kinh hoàng cho là bên phía Đại-việt có vị thần thiêng trợ chiến nên bao nhiêu tướng tài của mình đều bị chém đầu. Thấy quân sĩ ngã lòng, tên vua láng giềng đành hạ lệnh rút lui. Từ đấy biên giới lại vô sự. Khắp nơi ai nấy ca tụng công lao của Triều.

Lúc Triều kéo quân khải hoàn, vua khen ngợi anh hết lời. Vua phong cho anh làm quan đại thần, cắt đất hai huyện cho anh ăn lộc, lại gả con gái cho anh làm vợ. Từ đấy người ta quen gọi anh là Quan Triều. Ngày nay ở Cao-bằng và ở Thái-nguyên còn có đền thờ Quan Triều[1].

1. Theo lời kể của người Thái-nguyên.

KHẢO DỊ

Người Bắc-giang kể truyện *Quan Triều* như sau:

Ở xã Quan-triều (Thái-nguyên) có một người đánh cá nghèo tên là Dương Tự Minh. Một hôm câu cá xong anh nghỉ ở cầu, gặp một nàng tiên cho một cái áo có phép tàng hình. Cũng như truyện trên, được áo, anh vào kho vua lấy vàng bạc về tiêu. Thấy mất của kho, người ta tăng cường canh phòng, nhưng nhờ chiếc áo, anh vẫn lọt lưới. Anh thường vào kho giờ "thân tý" ra giờ "ngọ mùi". Một hôm áo thần của anh bị chuột cắn, anh lấy miếng lụa vá vào. Một người lính gác thấy có một con bướm hàng ngày bay lượn tới kho bèn tâu lên.

Bấy giờ vào đời vua Lý Anh Tông. Quan coi kho tâu báo mọi việc lên vua. Vua sai tìm cách bắt cho được con bướm sẽ có thưởng. Khi bướm bay vào, một hồi trống nổi lên, các cơ đội giăng lưới bủa vây quanh kho và họ tóm được anh. Vua sai giam lại để chờ xét xử. Một hôm có tên giặc nhà Tống là Đàm Hữu Lượng đem 33 vạn quân kỵ cướp bóc vùng Tuyên - Thái. Quân đội triều đình thất bại. Vua hứa ai trừ được giặc sẽ chia cho nửa nước và cho làm quan to. Nghe tin, Dương Tự Minh xin vua rèn cho mình một cây gươm đồng và cấp cho mười hai người lính. Anh lại xin cho một ông quan đi theo để chứng kiến. Vua sai đại thần là Anh Vũ đi theo. Từ xa, Anh Vũ thấy tự nhiên thành lũy giặc bị phá tan, quân giặc chạy trốn, đầu rụng khắp nơi. Đàm Hữu Lượng cuối cùng bị bắt sống. Vua gả công chúa Thiều Dung cho anh, phong làm phò mã, cai quản huyện Phú-lương.

Đoạn sau, truyện còn kể Dương Tự Minh bắt giam Anh Vũ vì tội tư thông với mẹ vua, lại đem quân đi đánh giặc Biên-hòa Thủy-xá, được vua gả thêm cho công chúa Diêm Bình và được phong đất từ Cao-bằng đến Lục-đầu. Về sau khi Anh Vũ được ân xá, hắn rất giận, tâu vua rằng Tự Minh có ngôi đất quý, xin cho người đi đào và chôn vào đó một cột đồng để yểm. Biết là vua đã ghét mình, Tự Minh đi đến núi Thạch-long, xã Đông-đạt rồi hóa[1].

Đồng bào Tày cũng có truyện *Quan Triều* giống hệt truyện của ta. Đại khái, cũng có một anh chàng câu cá nghèo được thần cho chiếc áo tàng hình, nhưng ở đây thần cởi áo đắp cho trong lúc anh đang ngủ trần truồng. Đoạn này có người kể: do việc thu nhặt thi hài của một quan tướng chết trận bỏ vào chum chôn cất tử tế nên anh được linh hồn quan tướng đó trả ơn bằng cách tặng

1. Theo *Thần tích xã Thế-lộc* và *BEFEO*, X, q. 4 (1910).

một cái "áo giáp thần kỳ" (có phép tàng hình). Anh mặc áo về, vợ anh chỉ nghe tiếng mà không thấy người, sau đó họ mới biết sự mầu nhiệm của cái áo. Rồi anh cũng vào kho lấy tiền bạc của nhà vua phân phát cho dân nghèo, nhưng khi áo rách, không phải anh lấy mụn giẻ vá mà dùng giấy dán lại. Bọn lính gác kho cũng tưởng có con bướm nào đó bay vào bay ra, và cũng dùng lưới chụp được. Cuối cùng anh cũng được thả ra để tìm kế chống giặc. Anh bèn xin vua rèn cho "một mã tấu ngàn cân" và xin vài chục lính theo mình. Thắng trận trở về, anh không nhận vàng bạc chức tước, nói: - "Vàng bạc phát cho dân nghèo, chức tước nhường cho người coi kho". Rồi tiếp tục nghề câu cá[1].

· Theo chúng tôi, truyện của ta ở trên có lẽ bắt nguồn từ truyện của đồng bào Tày.

Người Sơn-tây cũng có một truyện *Chiếc áo tàng hình* nhưng nội dung khác với truyện trên và có dáng dấp một truyện khôi hài:

Một người đốn củi một hôm chặt một cây duối. Thần cây duối hiện ra xin dừng chặt, rồi tặng một chiếc áo tàng hình. Mừng quá, người ấy mặc vào đi khắp nơi và tự cho mình có quyền lục lọi phá phách và tước đoạt. Một nhà nọ có giỗ, người ấy trèo lên bàn thờ ăn vụng. Chủ nhà cho là ông bà hiện về hưởng cỗ của con cháu nên không khai trình gì cả. Các nhà khác khi cúng giỗ đều bị người ấy đến ăn như vậy, nhưng họ vẫn vui mừng tin rằng ông bà linh thiêng.

Vợ thấy chồng từ ngày có áo trở nên bê tha, say sưa suốt ngày nên rất bực mình, bèn đốt quách cái áo. Mất áo, người ấy lại vác rìu đến chặt cây duối. Thần hiện ra bảo hãy lấy tro của cái áo nhào nước cho đều rồi bôi khắp người, cũng sẽ mầu nhiệm như mặc áo. Người ấy làm y như lời, và từ đấy những cuộc ăn vụng cỗ bàn các nhà lại tiếp tục. Chẳng may một hôm bị chủ nhà nọ hắt phải chén nước vào lưng do đó tro bị trôi mất, lộ ra hai mông đít. Cho là ma quỷ hiện hình, chủ nhà cầm gậy nện vào mông làm cho anh chàng chết ngất[2].

Người Ma-rốc (Maroc) có truyện *Đứa con người thợ vá giày* cũng có nhân vật tàng hình nhưng nội dung lại khác nữa:

Một anh chàng con của một người thợ vá giày tương tư một nàng công chúa đến phát ốm. Người bố vốn có phép làm cho người ta trở nên vô hình, bèn

1. Theo lời kể của đồng bào Tày ở Cao-bằng và theo Hoàng Quyết, sách đã dẫn.
2. Theo lời kể của người Sơn-tây.

vẽ lên trán con một đạo bùa. Anh chàng đường hoàng đi vào chốn cấm cung của công chúa mà không một ai biết cả. Khi công chúa ăn, anh cũng ăn cùng một đĩa. Đĩa thức ăn thừa đưa ra khỏi buồng có hai chỗ khuyết tố cáo không phải một người ăn. Thấy thế, vua giận lắm, chạy vào buồng công chúa nhưng ngoài con ra không thấy một ai. Bèn cho gọi một pháp sư Do-thái đến tìm cách trừ hộ. Ông này không làm phù phép gì cả, chỉ sai đốt một đống lửa to trong buồng công chúa. Nóng quá, anh chàng mồ hôi nhễ nhại, trong một lúc anh đưa tay lên trán quệt mồ hôi, làm cho đạo bùa biến mất. Việc gian của anh vì thế bị bại lộ. Tuy vậy về sau anh cũng được vua đem công chúa gả cho[1].

Trong *Nghìn lẻ một đêm* có truyện *Người điên thứ ba* cũng tương tự với truyện vừa kể:

Một nhà thông thái dùng một thứ bột thần bôi lên mi mắt một chàng trẻ tuổi giúp anh ta tàng hình để đi vào buồng công chúa. Những hành động của hắn làm cho người ta tưởng là ma quỷ. Một bà già hầu hạ trong cung bèn đốt cứt lạc đà trong buồng để đuổi tà ma. Không chịu được khói, hắn lấy tay dụi mắt, vô tình chùi mất thứ bột mầu nhiệm nên lộ nguyên hình.

1. Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích Pha-dit (Ma-rốc).*

VIII

TRUYỆN ĐỀN ƠN TRẢ OÁN

140. THỬ THẦN VÀ MIÊU THẦN HAY LÀ SỰ TÍCH CHUỘT VÀ MÈO

Ngày ấy các kho của nhà trời thường hay bị nạn trộm cắp, vì vậy Ngọc Hoàng thượng đế cần tìm một kẻ chuyên trông nom kho tàng. Nhiều người tiến cử Thử thần vì cho rằng ông ta là người tốt, chăm chỉ, lại nhanh nhẹn, được việc. Thấy thế, Ngọc Hoàng bèn trao cho Thử thần chùm chìa khóa, phong cho chức Thiên khố giám và dặn:

- Trẫm giao phó cho ngươi trông nom tất cả các kho lẫm của trẫm. Mặc dầu của Trời là vô tận, nhưng cũng không thể bỏ vạ vật khắp nơi mà không coi sóc. Gần đây đã thấy xảy ra những vụ trộm cắp nhỏ to. Vậy ngươi hãy đặt lính túc trực ngày đêm ở các nơi để canh gác. Còn thực phẩm thì ngươi hãy cho sắp xếp vào kho kẻo phí của trời. Cứ mỗi năm hai lần, ngươi tâu báo tình hình cho trẫm biết.

- Hạ thần xin tuân lệnh!

Thử thần đáp như vậy và vui vẻ nhận chức. Trong những năm đầu, Thử thần làm tròn phận sự. Mọi thứ được sắp đặt đâu ra đấy không hề suy suyển. Ngọc Hoàng thượng đế thấy vậy rất hài lòng. Nhưng ở trên trời cũng như bất cứ ở đâu, "sao dời vật đổi" vẫn là điều thường thấy. Ngày một ngày hai, Thử thần tỏ ra phụ lòng tin cậy của Ngọc Hoàng. Thấy của nhà Trời thật là nhiều không đếm xiết, xuất ra bao nhiêu, chẳng mấy chốc lại đầy ắp bấy nhiêu, ông ta bèn nghĩ đến chuyện bớt xén. Bụng bảo dạ: - "Ta chỉ thỉnh thoảng lấy mỗi kho một nắm thôi, cũng đủ cho vợ con no đủ sung sướng trọn đời mà chẳng một ai biết

cả". Bèn nghĩ sao làm vậy. Từ đó trong nhà Thử thần cuộc sống trở nên dư dật, vợ con béo tốt và diêm dúa hơn xưa. Thứ dùng vào ăn tiêu, thứ cho người thân và bạn bè, Thử thần ngày càng xâm phạm của Trời không tiếc tay.

Chẳng bao lâu, Ngọc Hoàng thượng đế cũng biết được việc kho lẫm nhà Trời bị thiếu hụt mà thủ phạm chẳng ai khác hơn là Thử thần. Bắt được tang chứng rành rành, Ngọc Hoàng nổi cơn thịnh nộ. Lập tức Thử thần bị đày xuống cõi trần và bị hóa kiếp làm con vật tý hon nhọn mồm, dài đuôi mà người dưới trần vẫn quen gọi là con chuột.

*

* *

Tuy bị bãi chức và bị đày ải, Thử thần vẫn chứng nào tật ấy. Quen thói vụng trộm, giờ đây lại được cái thân thể bé nhỏ, vào đâu cũng lọt, nên chuột ta mặc sức lục lọi ăn vụng những thức ăn của con người, bất kể ngày đêm. Không những thế, nó còn cắn phá mọi đồ dùng của người bày ra trước mõm, thôi thì áo quần, sách vở, thúng mủng, rương hòm, v.v... không kiêng nể gì cả. Vì thế loài người hết sức căm giận. Họ cũng để tâm bắt giết, nhưng cuối cùng không làm sao trị xuể, vì từ khi giống má nhà chuột xuất hiện ở cõi trần thì chúng sinh đẻ rất nhanh, lan tràn khắp nơi, do đó chúng đã làm cho họ thiệt hại không biết bao nhiêu mà kể.

Cực chẳng đã, con người phải tha thiết kêu nài với Thổ công, nhờ vị thần này lên Trời tâu bày với Ngọc Hoàng thượng đế về nỗi khổ tâm do sự phá phách quá trớn của loài chuột. Nhận thấy lời kêu nài của con người là đúng, Thổ công vội lên Thiên đình tâu báo số thiệt hại to lớn do Thử thần gây ra mà loài người là kẻ chịu đựng; lại không quên nói đến sự sinh nở quá nhanh chóng của dòng giống Thử thần trên cõi đất. Đoạn nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, có sao bệ hạ lại không hay biết gì cả. Con người được sống ở cõi Trần là nhờ ơn tác thành của bệ hạ. Nhưng kho lẫm của con người thì có hạn, không như kho lẫm của nhà Trời, vì con người vốn nghèo đói làm không ra ăn. Nếu bệ hạ để cho Thử thần hoành hành thế ấy, thì tôi e rằng chẳng bao lâu loài người sẽ không còn sống nổi trên mặt đất nữa.

Nghe Thổ công tâu bày, Ngọc Hoàng thượng đế rất kinh ngạc, không ngờ cái hại của con vật bé xíu do mình tạo nên lại to lớn đến thế. Suy nghĩ hồi lâu, Ngọc Hoàng ra lệnh đòi Miêu thần đến phán rằng:

- Trẫm không ngờ Thử thần là kẻ bị trẫm trừng phạt lại gây hại cho loài người dường ấy. Nhưng bây giờ đòi hắn trở về thì đã quá muộn. Nay trẫm phái ngươi xuống dưới ấy giúp loài người ngăn cản bàn tay phá hoại của Thử thần. Ngươi hãy nói rõ cho Thử thần biết rằng con người vốn nghèo túng, đừng có xâm phạm thực phẩm và đồ dùng do họ làm ra. Nếu hắn không nghe thì bấy giờ hãy thẳng tay trừng trị.

Miêu thần tỏ vẻ lo lắng, tâu:

- Tâu bệ hạ, cứ như lời Thổ công nói thì họ hàng dòng dõi Thử thần bây giờ đông vô kể, lan tràn khắp nơi, đó là một điều khó đối với hạ thần. Lại nghe nói vóc người của hắn nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn, leo trèo, chui luồn, lẩn tránh lắm cách tài tình, đó là hai điều khó, muốn trừ được cũng không phải dễ.

- Được. Trẫm sẽ cho ngươi thu nhỏ vóc lại chỉ bằng hai bằng ba Thử thần mà thôi, nhưng lại mềm mại, có bắp thịt cứng để chạy nhảy mau lẹ, và cho móng nhọn, mắt sáng, để có thể tóm bắt tội nhân ngay cả trong đêm tối. Ngươi đã bằng lòng chưa?

Vốn có mối thù với Thử thần trước đây, Miêu thần không ao ước gì hơn thế, vội cúi đầu vâng lệnh đi ngay. Thế là để giải quyết nạn chuột do mình vô ý gây ra, Ngọc Hoàng đã sáng tạo ra một con vật khác được mệnh danh là chú mèo.

*

* *

Từ khi xuống trần, Miêu thần làm việc rất mẫn cán. Một mặt ông ta luôn luôn cảnh cáo chuột không được gây thiệt hại cho con người vì họ rất nghèo (Vì vậy mà con người quen gọi ông ta là "mèo" nói chệch tiếng "nghèo", "nghèo" mà ông ta thường gào vào tai Thử thần). Mặt khác, Miêu thần làm những cuộc săn bắt dữ dội, tiêu diệt dòng giống nhà chuột một cách không thương xót.

Từ đó, chuột có phần nào giảm nhẹ việc cắn phá những thức ăn, đồ dùng của con người. Con người cảm ơn Miêu thần vô hạn. Khác hẳn

cách đối đãi với những con vật khác, con người thường cho ông ta ăn uống tử tế, lại thường xới vào bát đĩa hẳn hoi cho ông ta ăn.

Nhưng cũng từ đó, bực mình vì phải xa cách các bạn tiên ở cõi Trời, Miêu thần đâm ra tức giận Thổ công là kẻ gây cho mình cảnh sống chia ly ấy. Cho nên nhiều lần Miêu thần đã đến phóng uế bừa bãi ở chỗ ở của Thổ công cho bõ ghét.

Câu ca dao:

Chuột kia xưa ở nơi nao,
*Bây giờ làm hại chúng (*hay *nhà) tao thế này.*

là do truyện trên mà ra[1].

KHẢO DỊ

Trung-quốc có truyện *Năm con chuột* vốn là một dị bản của truyện *Tinh con chuột* (số **114**, tập **III**) có nói đến vì sao chuột bị đày ải xuống cõi trần:

Xưa ở thiên cung có một nhà sư tinh thần đạo đức đã thoái hóa. Y phân thân biến thành năm con chuột đều có phép biến hóa mầu nhiệm. Chúng đuổi một con rùa để chiếm lấy hang làm chỗ trú ẩn. Mỗi con thỉnh thoảng xuống trần biến thành người hay vật quấy phá để thỏa mãn dục vọng. Con chuột thứ năm một hôm biến thành một người nam, mở một cái quán dọc đường để quấy nhiễu khách bộ hành. Hồi ấy có thầy tớ Thi Tuấn tiến kinh thi hội qua đấy. Trong khi trò chuyện, biết Thi Tuấn có vợ đẹp vắng chồng, nên chủ quán ta - chuột thứ năm - đầu độc cả thầy lẫn tớ, rồi hóa thành Thi Tuấn giả đến nhà, nói mình thi hỏng trở về. Vợ Thi Tuấn không ngờ gì cả. Cho đến khi thầy trò Thi Tuấn lành (nhờ được một đạo sĩ cứu chữa) thì thi cử đã xong từ lâu. Buồn rầu, thầy trò trở về đến nhà thì lại bị Thi Tuấn giả xông ra đánh đuổi. Thi Tuấn thật đến cầu cứu bố vợ. Bố vợ không biết làm sao mà phân biệt, bèn đưa đến nhờ thầy học phân xử. Thầy ra bài cho hai người làm để thử, nhưng Thi Tuấn giả cũng làm được văn. Việc đưa lên Vương thừa tướng. Thừa tướng dò hỏi mới biết Thi Tuấn thật vốn có một nốt ruồi ở vai bên phải. Nhưng khi bắt ra tra hỏi, thì Thi Tuấn giả cũng hóa phép làm cho mọc lên một nốt ruồi

1. Theo Lê Doãn Vỹ, đã dẫn, số 17 (1940), và theo lời kể của người miền Bắc.

như vậy. Sau đó thấy Vương thừa tướng sắp tra ra mưu gian, chuột thứ năm - Thi Tuấn giả - bằng phép thần thông, báo cho con chuột thứ tư phi thân tới tòa án hóa thành một Vương thừa tướng giả làm cho vụ án thêm rắc rối. Việc đưa lên vua Nhân Tông. Sắp sửa vạch ra thật giả, thì đến lượt một vua Nhân Tông khác lại xuất hiện do con chuột thứ ba được tin báo, phi thân tới, hóa ra. Vụ án lại chồng thêm một rắc rối mới. Người ta mời mẹ vua ra cứu xét; nhờ thủ ngọc tỉ của vua, hoàng thái hậu phân biệt được vua giả. Trong khi ra lệnh bắt giam, thì con chuột thứ hai được tin báo tới hóa thân thành một hoàng thái hậu thứ hai. Triều đình sau đó phải cho mời Bao Công. Bao Công đưa theo hai mươi bốn người hầu và ba mươi sáu hình cụ tới. Bắt đầu ông cho thần Thành hoàng tra hỏi, nhưng con chuột thứ năm đã kịp thời báo tin cho chuột thứ nhất phi thân tới hóa thành một Bao Công giả. Trong khi mọi người thất vọng vì vụ án phức tạp khó hiểu, thì Bao Công thật quyết định xuống âm phủ để tìm cách tra cho ra lẽ. Ngọc Hoàng sai mười vị khâm sai đi giúp Bao Công. Cuối cùng Bao Công mượn được con mèo Ngọc diện kim miêu (đã được Phật làm cho bé lại để Bao Công bỏ vào tay áo). Lên trần, Bao Công sai đắp nền đất rồi đứng lên trên, bắt những người thật và giả sắp hàng đứng phía dưới. Được thả ra, mèo thần liền lần lượt chụp những con chuột mang lốt người, trừ con chuột thứ năm mau chân chạy thoát. Những con chuột chết, xác to lớn, không có máu, vua sai làm thịt cho quân đội ăn.

Riêng con chuột thứ năm sau đó bị Ngọc Hoàng bắt nộp cho Phật. Phật bắt hắn hóa thành kiếp chuột ngày nay, vĩnh viễn ở cõi trần sống bằng những thứ lén lút ăn trộm được của con người[1].

---

1. Theo *Ngũ thử náo Đông-kinh, Bao Công thu yêu truyện*, dẫn trong. *Nghiên cứu về truyện và tiểu thuyết Trung-quốc* của Lê-vi (Lévi).

141. CON CÓC LIẾM NƯỚC MƯA

Có hai người bạn Ân và Nghĩa cùng làm nghề sơn tràng. Thường ngày họ vào trong rừng sâu tìm cây đốn ngã xuống, phạt cành lá, rồi cho trâu kéo ra bán cho bọn lái gỗ. Những ngày lên rừng họ thường làm chung với nhau, và cùng sống cạnh nhau vui vẻ hòa thuận. Sau đó ít lâu Ân lấy vợ. Vợ Ân rất đẹp. Hai vợ chồng sống rất tương đắc.

Nhưng mặt hồ đang phẳng lặng bỗng tự nhiên nổi cơn sóng gió. Trước hạnh phúc của bạn, tâm hồn Nghĩa dần dần trở nên khác trước. Hắn đâm ghen với bạn, oán số kiếp mình. Hắn thường nghĩ bụng: -"Tài trai như mình hơn hẳn nó mọi thứ, thế mà cuộc đời của nó mười, mình không được một". Trong lòng người đàn ông ấy ngày một chứa đầy ghen ghét và ấm ức.

Rồi một ngày nọ đến kỳ làm việc ở rừng, hai người lại cùng nhau vác búa đi tìm gỗ. Nghĩa lừa Ân đi qua ba ngọn núi cao, sáu thác nước xiết, bảo rằng có người mách cho biết có một cây vàng tâm chừng ba người ôm. Nếu được một cây như thế thì tha hồ mà bắt chẹt bọn lái. Ân tin bạn thực bụng, dấn sâu vào rừng thẳm. Trong khi Ân đang ngửa mặt tìm gỗ quý thì bất thình lình Nghĩa ném ra một sợi dây xiết chặt hai tay Ân lại. Ân giãy giụa cố gắng thoát thân, nhưng sức Nghĩa vốn khỏe như vâm, lại thêm có chủ ý từ trước, nên chỉ trong một lát, Ân đã bị trói gô lại. Ân cầu khẩn:

- Xin anh tha cho tôi! Nếu anh cần dùng tiền nong thế nào, tôi xin chạy đủ số.

Nghĩa nói:

- Tao nói thật cho mày biết, tao muốn lấy vợ mày nhưng nếu để mày sống thì tao làm sao mà lấy được. Vậy tao phải giết mày. Mày có còn điều gì trối lại thì cho cứ nói đi!

Ân trước còn van lạy mong bạn hồi tâm nghĩ lại, nhưng sau thấy kẻ thù của mình đã nhất quyết quá, dù có nói hết hơi cũng không thể lay chuyển lòng lang dạ sói của hắn, nên anh nghiến răng chửi rủa hắn thậm tệ. Giơ cây búa lên, Nghĩa nói:

- Mày cứ yên lòng mà chết đi! Mỗi năm tới ngày này tao sẽ làm lễ cúng cho mày!

Nghĩa định giáng lưỡi búa vào giữa đầu Ân, nhưng cặp mắt đau thương nguyền rủa của Ân giương to lên gặp đôi mắt của hắn làm hắn rợn cả người. Hắn nghĩ: -"Không cần giết, nó cũng phải chết. Không lọt vào hàm cọp thì cũng hết thở vì đói khát mà thôi. Chả có ma nào dám bén mảng tới chốn rừng sâu núi thẳm này làm gì". Nghĩ thế, hắn ném búa, đem Ân trói giật cánh khỉ vào một thân cây cho loài cọp beo thường đi qua đấy kết liễu hộ mình. Xong, Nghĩa trở về nói dối với vợ Ân là chồng chị còn vào rừng sâu kiếm gỗ mấy hôm nữa sẽ về.

Hai hôm sau, Nghĩa lại lên chỗ Ân bị trói xem thử đã chết chưa. Từ đàng xa nhìn tới, Nghĩa thấy Ân vẫn còn cựa, mà đầu thì hơi ngẩng lên cao. Hắn ngạc nhiên tự hỏi thầm: -"Nó đang làm cái gì mà lại ngẩng đầu lên như thế kia nhỉ?". Vừa lúc hắn nhận ra cái lưỡi của Ân cứ từng lúc lại thè ra ngoài. Thì ra vì khát quá nên Ân đã làm như vậy mong hứng lấy những giọt sương mai rơi từ lá cây xuống, hy vọng duy trì sự sống.

Nghĩa trở về. Hai hôm sau hắn lại lên nữa. Hắn trông thấy rõ ràng Ân đã chết, đầu gục xuống ngực. Lần này Nghĩa về rất yên tâm. Nghĩa phao lên cái tin rằng Ân tự dưng bỏ mình, bỏ quê hương đi làm ăn ở phương xa không tưởng gì đến vợ con làng nước nữa.

Thế rồi Nghĩa thỉnh thoảng lai vãng đến nhà vợ Ân làm bộ hỏi thăm tin tức chồng nàng. Thấy nàng túng thiếu, hắn làm bộ hào hiệp giúp đỡ khi năm quan, khi ba quan không tiếc. Trong lúc chồng đi xa, lại được bạn chồng tận tâm săn sóc, vợ Ân rất cảm động. Nàng chưa từng thấy có một người nào lại tốt bụng đến thế. Cho đến ngày cái tin Ân bị lũ cướp ở biên giới giết chết trong xó rừng đến tai nàng, thì nàng thấy không thể nào lìa Nghĩa được nữa.

Rồi sau đó khi đoạn tang, hai người lấy nhau, và đưa nhau về quê hương của Nghĩa ở một tỉnh xa ngoài Bắc.

*

* *

Hai người ăn ở với nhau thấm thoắt đã được chín mười năm trời. Chồng vẫn không thổ lộ gì với vợ, mà vợ cũng không ngờ vực gì người chồng mới. Nghĩa bây giờ không phải vào rừng đốn gỗ nữa mà là một ông lái buôn bè giàu có: nhà lim sân gạch, kẻ hầu người hạ, cuộc sống rất dễ chịu.

Một buổi chiều hè trời mưa phùn, hai vợ chồng cùng ngồi ăn cơm dưới mái hiên. Bỗng nhiên Nghĩa trông thấy một con cóc đang chống chân bò lại gốc cây cau, dựng đứng người lên, thè lưỡi để hứng lấy những giọt nước mưa bay qua đầu. Hắn sực nhớ tới cái lưỡi của Ân một ngày xa xôi nào cũng thè ra hứng lấy những giọt sương như con cóc bây giờ. Tự nhiên Nghĩa bật ra một tiếng cười ghê rợn. Người vợ buông đũa sửng sốt nhìn chồng và tò mò hỏi chồng.

- Anh nghĩ gì mà cười thế?

Hắn trả lời ngập ngừng:

- Nhìn thấy con cóc liếm nước mưa tôi sực nhớ tới ngày xưa...

Biết mình lỡ lời, Nghĩa dừng câu chuyện. Thấy vậy, vợ tò mò hỏi gặng. Hắn giấu quanh nhưng giấu một cách vụng về. Vợ ngờ chồng có tình duyên vụng trộm gì đó nên lại càng hỏi dồn. Câu chuyện cuối cùng biến thành một cuộc cãi vã giữa hai vợ chồng.

Nghĩa bụng bảo dạ: -"Vợ mình ăn ở với mình đã ngần ấy năm trời, từ nghèo khổ đến giàu có, vậy thì dù có biết rõ câu chuyện kia, hẳn cũng chả phàn nàn gì mình, mà biết đâu lại chẳng thương mình hơn vì thấy mình phải vượt qua lắm nỗi khó khăn mới đến được hạnh phúc ngày nay".

Nghĩ thế, hắn liền dặn vợ giữ kín câu chuyện sắp nói, rồi thuận miệng kể toạc ra tất cả mọi điều bí ẩn ngày xưa.

Người vợ ngồi nghe trở nên trầm ngâm yên lặng. Nàng thấy kẻ ngồi trước mặt mình không còn là loài người. Tất cả lòng tử tế, sự âu yếm của giống sài lang ấy từ trước tới nay toàn là giả dối. Nàng thương xót

người chồng yêu quý chỉ vì đứa bất lương phản bạn mà chết một cách oan khốc. Tuy không tỏ thái độ gì ngay nhưng trong lòng nàng có cả một đống lửa đang ngày một bốc lên ngùn ngụt.

Một hôm nhằm ngày giỗ Ân - ngày giỗ mà Nghĩa vẫn không quên bày lễ cúng hàng năm như lời hứa - người đàn bà đi chợ mua rượu thịt về cúng vong hồn người bạc mệnh. Sau khi lễ tất, hai vợ chồng cùng ngồi vào ăn. Nàng cố chuốc cho Nghĩa uống thật nhiều. Khi đứa gian ác đã thật sự say gục xuống chiếu, nàng trói chặt hắn vào giường. Rồi cầm một con dao bầu đã mài sẵn, nàng rạch bụng hắn lấy quả tim bỏ vào đĩa, đặt lên bàn thờ cúng chồng một lần nữa.

Đoạn nàng đến công đường tự thú[1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Cham-pa có truyện giống hệt với truyện trên về kết cấu và về hình tượng con cóc thè lưỡi.

Có hai người thanh niên cùng một làng: một người tính ác hay gây gổ, không ai chơi với, cũng không người đàn bà nào chịu lấy làm vợ; một người hiền lành hay giúp người thì cả làng ai cũng mến. Sau đó người hiền lấy vợ. Vợ chàng là một cô gái xinh trong vùng làm cho anh chàng kia ganh tị. Vợ chồng sau đó sinh được một trai.

Một hôm người ác rủ người hiền vào rừng sâu đào con kỳ nhông làm thức ăn. Mãi mới tìm được một hang, nhưng đào rất mệt vì hang lắm ngóc ngách. Người ác đào được một hồi kêu mệt, nghỉ tay nhường cho người kia đào. Hiền cố công đào mãi, lúc bắt được con kỳ nhông là lúc sức đã kiệt. Vừa nằm xuống thì anh bị người bạn ác xông tới trói vào gốc cây và nhét cỏ vào mồm, nhưng cũng như truyện của ta, hắn để vậy cho chết chứ không giết ngay. Về đến nhà, hắn nói là bạn bị hổ vồ. Thế rồi hắn cũng làm bộ thương xót, chu cấp cho vợ con bạn. Được mấy bữa hắn lại lên rừng, thì thấy người bị trói đã nhè được cỏ ra khỏi mồm và đang thè lưỡi. Thấy người ác đến, người hiền gật đầu ra ý xin tha, nhưng hắn lắc đầu nói: - "Vợ mày sắp về tay tao, tao không thể để mày sống được!" Nói rồi bỏ về.

1. Theo báo *Tràng an*.

Ba năm mãn tang, hắn lấy được vợ bạn. Một hôm thấy một con cóc thè lưỡi, hắn cũng buột miệng nói câu nói làm cho vợ nghi ngờ, hỏi gạn mãi. Sau cùng hắn nghĩ rằng ván đã đóng thuyền nói ra cũng chẳng hại gì, nên cũng thú thật với vợ. Vợ đem việc ấy trình làng; làng bắt hắn đưa đường vào tìm hài cốt người bạc mệnh. Rồi đó, làng trói hắn lại, làm đuốc cho người đàn bà đốt làm đám cho chồng[1].

Đồng bào Ha-lang có truyện *Sự tích núi Yang-kô* (đầu thần) hay là truyện *Đầu nó vỡ rồi* cũng có những nét gần gụi với hai truyện trên:

Có hai người bạn chơi thân với nhau. Một người có vợ đẹp vừa mắt người kia. Người sau này bèn nảy âm mưu hại bạn để được lấy vợ bạn. Một hôm hai người rủ nhau đi săn. Đến một hòn đá cao trên đỉnh núi, tên gian ác xui bạn trèo lên để nhìn xa ngắm cảnh cho thích thú. Người kia trèo, không may bị trượt ngã, đầu va vào đá; hắn reo lên "Đầu nó vỡ rồi!" rồi bỏ bạn lại mà về, báo tin cho mọi người biết rằng bạn đã chết. Sau đó hắn lấy vợ bạn. Nhưng khác với hai truyện trên là người bạn lại không chết, nhờ có thần kịp thời giúp đỡ nên chỉ bị thương, sau đó mò mẫm lê về đến một túp lều được người ở đây chữa chạy, chăm sóc hơn một tháng thì lành. Trở về thấy bạn đã chiếm mất vợ, người ấy đánh bạn vỡ đầu chết, rồi đuổi vợ đi, bắt phải phạt vạ cho mình. Nay hòn núi ấy còn mang tên "Đầu nó vỡ rồi", hay là Yang-kô[2].

1. Theo lời kể của đồng bào Phú-yên.
2. Theo *Truyện cổ Tây-nguyên*.

142. THẦY CỨU TRÒ

Ngày xưa có một anh học trò côi cút hiền lành. Nghe tin ở một tỉnh Đàng ngoài có một ông thầy nổi tiếng tài cao học rộng, ngoài "bách gia chư tử', các môn "nhâm, cầm, độn, toán" thảy đều tinh thông, anh học trò liền để người vợ trẻ ở nhà, cố lặn ngòi noi nước tìm đến tận nơi theo học. Học được ba năm, một hôm anh bỗng nhớ tới vợ, bèn xin phép thầy trở về thăm quê. Thầy bảo trò ngửa bàn tay cho xem, xem xong, thầy bảo:

- Con về lần này lành ít dữ nhiều, không nên con ạ!

Tuy người học trò vâng lời, nhưng thầy thấy vẻ mặt anh ta không được vui, việc học có phần trễ nải, nên sau đó ít lâu, thầy lại bảo:

- Như chí con đã quyết thì con cứ về. Con sẽ gặp một số tai nạn, để ta đọc cho nghe mấy câu này, con nhớ kỹ lấy và theo đúng thì mới tránh được:

Gặp đình chớ tới,
Gặp thơm chớ gội,
Gặp gà chớ đuổi,
Ba, Bốn, Sáu chớ hỏi[1].

Anh học trò nhẩm lấy thuộc lòng và từ giã thầy ra về. Đi luôn mấy ngày đường, một hôm anh bỗng gặp một trận mưa lớn, lúc ấy anh đang đi giữa một cái đồi vắng, anh vội vã bước mau để tìm chỗ nấp. Vừa

---

1. Nguyên văn chữ Hán là:
Phùng đình mạc túc,
Phùng thang mạc dục,
Phùng kê mạc trục,
Phi tam, phi tứ, phi lục.

hay trong lùm cây trước mặt, anh thấy thấp thoáng có một ngôi đình cổ, trong đó có mấy người đang ẩn mưa. Anh co cẳng chạy tới nhưng lúc sắp tới nơi bỗng sực nhớ tới lời dặn đầu tiên của thầy nên anh dừng lại. Những người nấp trong đình gọi rối rít:

- Anh kia chạy vào mau kẻo ướt!

Anh thủng thỉnh đáp:

- Thầy tôi đã dặn không được trú trong đình, bà con hãy ra đi kẻo nguy.

Mọi người đều cười khi thấy anh cứ đứng giữa mưa gió mà không chịu vào. Nhưng chỉ một chốc sau đình bỗng dưng đổ xuống rầm một cái, mấy người nấp trong đó đều thiệt mạng. Anh học trò chỉ còn biết nhỏ nước mắt khóc cho những người xấu số, rồi lại tiếp tục lên đường về nhà.

Lại nói chuyện người vợ của anh, sau khi chồng đi học vắng, ở nhà tằng tịu với một gã trai khác. Hai người say mê nhau và điều ước muốn của họ là làm sao lấy được nhau mới thỏa dạ. Cuối cùng họ trù tính chỉ có tìm cách khử anh chồng của ả kia đi thì mới có thể sum họp với nhau lâu dài.

Thấy chồng về, vợ làm bộ mừng rỡ rối rít. Chuyện trò được một chốc, vợ đòi đi chợ để sắm cái ăn, kỳ thực là chạy đến nhà tình nhân báo tin cho y biết để y định liệu. Anh tình nhân bảo người đàn bà:

- Về nhớ nấu nước bồ kết trong đó bỏ vào một ít lá thơm cho nó gội. Đêm đến ta sẽ có cách.

Vợ trở về nhà liền cứ y kế nấu nước thơm cho chồng gội đầu. Hắn bảo chồng:

- Mình yêu quý của tôi ơi! Hãy tắm gội thay áo quần đi kẻo đi đường bao nhiêu ngày bụi bặm. Tôi đã nấu sẵn bồ kết nước thơm cho mình đây!

Chồng nghe nói đến hai tiếng "nước thơm" thì giật mình, sực nhớ tới lời dặn thứ hai của thầy, bèn chối từ không gội. Vợ cố dỗ dành đôi ba lần. Thấy vợ nài mãi, chồng kiếm cách nói cho vợ khỏi phật lòng:

- Ngày hôm qua khi đi qua bến tôi đã tắm gội sạch sẽ, mình đừng có lo gì cho tôi cả.

Vợ thấy nói không được mà đổ đi thì tiếc của, sẵn đầu tóc lâu ngày chưa gội, cuối cùng đành dùng nước ấy gội đầu cho mình.

Đêm hôm ấy, khi hai vợ chồng đang ngủ say, thì người tình nhân lẻn đến bên giường tay cầm một con dao sắc. Tuy đêm hôm tối tăm hắn cũng tìm ra cái đầu thơm một cách dễ dàng và dùng dao cắt cổ êm thấm và mau lẹ. Khi giết xong, hắn toan gọi tình nhân dậy để cùng mình khiêng xác vứt xuống sông, nhưng bỗng hắn nhận ra là mình đã giết nhầm người yêu. Sợ quá, hắn bèn nhanh chân thoát ra khỏi nhà, may làm sao không một ai biết cả.

Anh học trò ngủ một giấc mê man mãi đến sáng mới tỉnh dậy. Anh hết sức kinh ngạc khi thấy vợ mình đã đầu lìa khỏi cổ. Anh vội kêu cứu ầm lên. Làng xóm đổ tới rất đông. Anh kể hết mọi việc. Có mấy người đồ rằng anh này đã tự tay giết vợ rồi bày chuyện la làng để đánh lừa mọi người. Bọn hào lý không cần phân biệt phải trái, sai đóng gông anh lại và giải lên quan.

Sau những ngày tra khảo, anh học trò vẫn một mực khai rằng mình không can có gì làm hại vợ cả. Vả chăng, nếu đã định tâm giết vợ thì trốn đi, dại gì mà kêu làng tới. Nhưng anh cũng không có cách gì để chỉ ra thủ phạm, vì thế vẫn cứ phải giam vào ngục để còn cứu xét.

Một hôm ở nhà giam người ta phơi thóc để bắt tù phạm xay giã. Anh học trò được bọn lính cắt cho công việc canh gà là việc nhẹ nhất. Anh ngồi ở một góc sân nhìn ra. Bầy gà trong trại thấy có thóc thì rủ nhau mò tới kiếm ăn. Nhưng anh học trò bỗng nhớ tới lời dặn thứ ba của thầy nên cứ để cho gà ăn mà không chịu xua. Bọn lính gác thấy vậy mắng anh:

- Sao bảo canh gà mà mày cứ ngồi trơ ra như phỗng thế?

Anh chỉ cười khì không đáp. Sau đó mấy lần bầy gà lại sà vào, anh vẫn ngồi nhìn và không nhúc nhích. Thấy vậy, bọn lính cho anh là một tên bướng bỉnh, sẵn roi quất cho một trận. Anh nhăn nhó kêu khóc rầm lên. Lúc bấy giờ, quan đang ngồi ở công đường, nghe tiếng ồn ào, vội sai người đến xem chuyện gì. Khi biết đầu đuôi, quan bèn cho gọi anh tới và hỏi:

- Anh là học trò mà lại là kẻ có tội, vậy tại sao lại bướng thế? Người ta thương hại chỉ bắt xua gà là công việc nhẹ, sao anh nhất định không chịu làm?

Anh học trò đáp:

- Bẩm quan, trước khi ra về thầy học của tôi có cho tôi bốn câu thơ để phòng thân. Tôi đã theo hai câu đầu, nhờ đó tránh được tai nạn, nên câu thứ ba không thể không theo.

- Thơ như thế nào? Quan hỏi.

- Câu thứ nhất là "Gặp đình chớ tới". Suýt nữa tôi đã tự chuốc lấy cái chết thê thảm vì trên đường về toan vào ẩn mưa trong một ngôi đình sắp đổ. Tránh được là nhờ nhớ đến câu ấy. Câu thứ hai là "Gặp thơm chớ gội". Chính vợ tôi đã gội nước thơm thay tôi nên bị một kẻ lạ mặt cắt cổ. Còn câu thứ ba thầy tôi dặn là "Gặp gà chớ đuổi". Vì vậy mà tôi không dám đuổi gà, chứ không phải bướng đâu.

Quan vội hỏi tiếp:

- Vậy còn câu thơ thứ tư là gì?

- Bẩm quan, câu thứ tư là: "Ba bốn sáu chớ hỏi".

Đêm hôm đó quan nằm suy nghĩ mãi về câu thơ thứ tư. "Ba bốn sáu chớ hỏi, vậy thì chỉ có thể là năm. Phải chăng có một người nào đó tên là Năm đã hạ sát người đàn bà". Nghĩ vậy, sáng dậy, quan lập tức thảo trát đòi lý hương của xã xẩy ra án mạng phải khai ngay trong xã có người nào tên là Năm hay không. Nếu có ai đúng tên đó thì phải bắt giữ lại và giải lên quan.

Trong xã ấy quả có một người tên là Năm. Và chính nó là tình nhân của người đàn bà. Khi thấy bỗng nhiên vô cớ có nha lại về bắt giải đi, hắn nghĩ rằng nếu không phải oan hồn của người nhân ngãi bị mình giết nhầm hiển hiện, thì làm sao quan lại bắt được đích danh như thế. Nghĩ vậy, hắn không đợi tra tấn, tự thú[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và lời kể của người Nghệ-an, Hà-tĩnh.

143. HAI CON CÒ VÀ CON RÙA

Ngày trước, có một người đàn bà rất mực kiêu căng và chua ngoa. Hễ giận người nào hay gặp việc gì trái ý là bà ta nói cạnh nói khóe, chửi bới không tiếc lời, cố gào đến tận tam đại người ta cho được mới nghe.

Khi người đàn bà ấy chết, Diêm vương cho đầu thai làm một con rùa nhỏ. Con rùa ấy từ lâu sống một mình ở ao sen. Một năm kia trời làm đại hạn. Ao sen nước cứ khô dần cho đến lúc chỉ còn một vài vũng bùn, sắp cạn. Một hôm, có hai con cò ở đâu tới sà xuống ao kiếm ăn. Chúng nó mới lội bì bõm một lúc mổ được vài ba con tép riu, thì bỗng rùa bắt gặp. Sợ cò ăn hết thức ăn của mình, rùa bèn ra đứng trước cửa hang chửi ầm lên.

- Đứa nào đấy? Muốn tốt thì xéo ngay đi, không có bà ra bà vặt lông bây giờ.

Hai con cò thấy rùa chửi bới thì không vui nhưng cũng đấu dịu, kiếm chuyện làm quen để rùa khỏi làm lôi thôi. Cho nên chúng làm bộ vui vẻ:

- Ủa, chị rùa, chị cũng ở đây sao? Chúng tôi không đến tranh ăn của chị đâu. Chúng tôi đến đây muốn kết bạn với chị, chúng ta sẽ cùng giúp nhau kiếm ăn trong thời buổi khó khăn này.

Rùa đáp rất xẵng:

- Thôi thôi! Bạn với chả bè. Tôi đây từ nhỏ đến lớn một thân một mình cũng sống được.

- Nhưng mà chúng tôi cũng đến báo cho chị và bà con ở đây biết một tin: ao này có thể khô cạn không còn gì mà ăn nữa.

Rùa nghe nói thế lại càng nổi giận, đáp:

- Không có gì ăn thì kệ xác chúng tôi có được không? Ai bảo các người nhúng mũi vào công việc của người khác làm gì.

- Chị rùa, chị đừng vội nóng! Chúng tôi bay từ xa tới đây qua bao nhiêu đường đất, có nhiều vũng nước đầy ăm ắp, không thiếu gì thức ăn ngon lành, chứ chúng tôi có cần gì kiếm ăn ở nơi khô rông rốc như thế này đâu. Sở dĩ chúng tôi đến đây là để làm quen với chị và nhân thể báo tin cho chị biết để kịp lo liệu với nhau. Trời có thể còn nắng lâu dài, và ao này thì nhất định rồi sẽ không còn một tý gì mà ăn nữa.

Rùa bấy giờ chuyển giận thành lo. Rùa vội hỏi cò:

- Thế thì tôi phải làm thế nào mà sống đây?

- Nếu chị muốn, chúng tôi sẽ dẫn chị tới một nơi cách đây không xa, nhưng nước thì thật là ê hề, cây cối xanh tươi, thức ăn không bao giờ cạn.

- Tôi không biết bay thì làm sao mà đi đến đấy được?

- Có khó gì việc ấy. Chị cứ cắn thật chặt vào giữa một cái gậy, còn chúng tôi thì cắn vào hai đầu gậy. Cứ thế mà bay thì có thể đưa chị đi đến cùng trời cuối đất cũng được. Nhưng chị phải nhớ là dọc đường hãy ngậm miệng đừng nói, dù có thấy gì lạ hay có ai kêu gọi, trêu chọc, cũng cứ một mực làm thinh, đừng có mở miệng mà rơi xuống chết oan đó.

Nghe bùi tai, rùa ta cám ơn hai con cò và làm theo. Quả nhiên hai con cò vỗ cánh mang được rùa lên không trung.

Lúc bay qua một cái quán nước, những người ngồi ở quán trông thấy cảnh tượng lạ mắt, vội bảo nhau: -"Ô kìa, có hai con cò tha một cục cứt trâu". Rùa giận lắm, nhưng nhớ tới lời cò dặn, không dám nói gì hết. Một lát sau, bộ ba bay qua một cái chợ. Những người đi chợ thấy vậy bèn reo lên: - "Kìa có hai con cò tha một con chó chết!".

Lần này rùa nổi giận xung thiên nên không kìm giữ được thói cũ của mình, định chửi lại một câu thật đau, nhưng vừa mở miệng thì đã rơi bịch xuống đất, bị người đi chợ bắt về ăn thịt.

Hai con cò thấy rùa chết bảo nhau:

- Tội nghiệp, chị ấy không chịu nghe lời. Cũng đáng kiếp cho cái tật ngoa mồm! Thôi bây giờ chúng ta có thể trở lại ao sen kiếm ăn mà không sợ ai chửi bới nữa[1].

KHẢO DỊ

Người Lào cũng có truyện *Rùa kết bạn với vịt trời*:

Xưa trong hồ Póc-kha-ra-ni có một con rùa và hai con vịt trời. Gặp khi hồ cạn, hai con vịt trời muốn đi chỗ khác kiếm ăn. Rùa xin họ đưa mình đi theo. Vịt trời ưng thuận, chỉ dặn là rùa không được mở mồm. Cũng như truyện trên, chúng nó bảo rùa cắn vào giữa một cái gậy rồi hai con cắn hai đầu, cứ thế bay đi. Có hai con chồn trông thấy, nói với nhau, một con nói: - "Kìa có hai con ngỗng tha một con rùa". Một con trả lời: - "Sao lại nói thế, biết có phải là hai con ngỗng tha một con rùa hay là một con rùa gánh hai con ngỗng". Rùa giận lộn ruột muốn chửi, nhưng vừa mở miệng đã bị rơi xuống chết[2].

Trong *Kinh Tam tạng* cũng có truyện *Hai con ngỗng và con rùa* có phần chắc là nguồn gốc của hai truyện trên:

Xưa, trong một cái hồ có nhiều ngỗng và nhiều rùa ở chung với nhau. Trong đó có một con rùa kết bạn thân với hai con ngỗng. Gặp năm hạn hán kéo dài, nước hồ sắp cạn, hai con ngỗng đến từ biệt rùa để đi chỗ khác kiếm ăn. Rùa lấy tình bạn xin đi theo và bày ra cách cắn vào gậy như trên. Hai con ngỗng nói: - "Chúng tôi không từ chối, nhưng vì anh vốn lắm lời không kìm được mồm miệng, nhỡ có thế nào chúng tôi rất ngại". Đáp: - "Tôi biết giữ mồm tôi chứ!" Bèn làm theo lời; cả ba bay lên trên không. Đến một thành phố, những người đi chợ gọi nhau: - "Này xem có hai con ngỗng ăn trộm một con rùa!" Rùa tức lắm nhưng chịu đựng, lặng thinh. Lại qua một thành phố khác, những người ở chợ lại kêu như trên. Rùa nghĩ bụng: "Sao có thể chịu mãi được cái khổ cổ thì ưỡn dài mà mồm thì ngậm thinh này. Bèn định nói: - "Đây là tôi muốn như thế chứ không phải ngỗng bắt trộm". Nhưng chưa nói đã rơi, bị trẻ con đánh chết. Hai con ngỗng ngậm ngùi rồi bay đi[3].

Cũng ở kinh trên, lại có một truyện khác: *Con sếu và con rùa*. Một con rùa gặp năm đại hạn, hồ cạn không có gì ăn. Rùa cầu cứu sếu. Sếu lấy mỏ cắn

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon: *Truyện cổ tích Lào*.
3. Theo Sa-van-nơ (Chavannes), sách đã dẫn.

rùa tha đi. Qua một thành phố, rùa không ngớt miệng hỏi - "Cái gì đây?" - "Cái gì kia?". Sếu muốn trả lời nhưng vừa mở miệng thì rùa đã rơi bịch, bị người ta bắt ăn thịt[1].

Trong *Ngụ ngôn Ô-dốp* (Fables Ésopiques) có truyện *Rùa và le biển*, đại thể là: Một con rùa nằm phơi nắng gặp một con le. Rùa ao ước: - "Giá được ai chắp cánh bay cao thì hay quá!" - "Cho ta gì ta sẽ mang cho", le đáp - "Tôi sẽ tặng báu ngọc dưới đáy biển". Le bèn cắp rùa lên mây xanh, chẳng may sẩy, rùa rơi chết. Rùa than: - "Ta vốn nòi đi chậm quen ở chốn bùn lầy, sao lại mong ước lên cao. Vả lại trên ấy nào có ai họ hàng quen thuộc, lên mà làm gì, chết là đáng lắm!".

Một truyện ngụ ngôn của ta *Cóc và chuột* hình tượng có khác nhưng đề tài tương tự:

Một con cóc kết bạn với một con chuột, thường mời chuột về nhà đãi đằng hậu hĩ. Đến lượt chuột mời cóc đến nhà nó. -"Tôi làm thế nào để lên chỗ ở của bác trên cây cao được", cóc hỏi - "Bác cứ ngậm vào đuôi tôi là khắc xong". Rồi đó chuột đưa cóc lên cây cao. Chưa đến nơi thấy vợ chuột ra chào, cóc mở miệng định chào lại thì bị rơi xuống chết (có người kể là bị oằn lưng như ngày nay vẫn thấy)[2].

1. Theo Sa-van-nơ (Chavannes), sách đã dẫn.
2. Theo Xi-mác-đơ (Simardes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam.*

144. CÔ GÁI LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

Ngày xưa ở một làng nọ có một cô con gái đẹp. Thấy mọi người đều trầm trồ về nhan sắc của mình, cô bỗng có cái nguyện vọng thầm kín là được lấy hoàng tử làm chồng. Ngày ngày cô đi chợ mua hương đến một ngôi đền trong vùng cầu thần phù hộ cho mình lấy được chồng như nguyện.

Ở chợ hồi ấy có một người lái buôn hương. Thấy cô gái xinh đẹp lui tới gánh hàng của mình, hắn thường thả lời chòng ghẹo, nhưng lần nào cũng bị cô nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Tuy vậy hắn vẫn tìm cách lân la gạ chuyện không nản. Một hôm, hắn chợt có ý muốn tìm biết ngày nào cô gái cũng chịu khó mua hương để làm gì. Nhân khi cô vừa mua bán xong sắp sửa ra về, hắn vội gửi gánh hàng cho người quen rồi lén đi theo bén gót. Thấy cô gái vào đền, hắn cũng theo vào. Nấp sau một cánh cửa, hắn nghe được tất cả những lời khấn khứa rì rầm của nàng và hiểu được điều nàng muốn.

Lần khác, sau khi cô gái mua hương xong, hắn đã ba chân bốn cẳng chạy trước tới đền, nấp sau pho tượng thần. Khi nghe cô khấn vừa dứt, hắn nói vọng xuống, giả làm lời thần phán:

- Con gái như thế kia làm sao dám đòi lấy chồng hoàng tử. Trên thiên đình đã định cho con làm vợ người lái buôn hương ở chợ. Số con là thế, không thể khác được!

Nghe lời truyền phán rõ ràng, cô gái lủi thủi ra về, trong bụng đinh ninh không thể tránh được số trời đã định. Ngày hôm sau, khi cô đi chợ, người buôn hương lại thả lời ong bướm, nhưng khác với các lần trước, lần này hắn được cô gái bắt lời. Biết là mưu mẹo của mình có kết quả, hắn hết sức tán tỉnh và cuối cùng cá đã cắn câu. Nhưng người buôn hương nghĩ rằng mình đã nhiều tuổi, nếu đưa lễ vật đến dạm hỏi,

chắc chắn bố mẹ nàng không đời nào chịu gả. Vì thế hắn có ý định tìm cách dỗ dành cho cô gái theo không, rồi kín đáo đưa nàng trốn về quê. Mà phải làm sao cho bà con xóm giềng của nàng không có ai hay, kẻo họ tìm cách ngăn trở. Khi thấy miếng mồi mười phần đã chắc ăn cả mười, hắn bèn hẹn nàng một ngày nọ tới chờ mình ở một lùm cây sau chợ, hắn sẽ đưa đi trốn.

Đúng hẹn, hai người gặp nhau ở lùm cây. Người buôn hương bảo cô gái ngồi vào trong một chiếc bồ lớn đậy mẹt và buộc chặt lại để hắn gánh đi cùng với một bồ khác đựng hàng. Hắn ghé vào tai dặn nàng: - "Làm như thế sẽ không bị lộ, qua một thời gian anh sẽ về thú thật với bố mẹ sau". Cô gái nọ cả tin ở số phận nên vâng theo lời hắn không chút ngần ngại.

Đường đi phải qua một khu rừng vắng. Trong khi người lái buôn hương lòng mừng khấp khởi với gánh hàng quý trên vai, thì tiếng thét của một toán lính làm cho hắn giật nẩy mình. Hắn không ngờ rằng ngày hôm ấy có một hoàng tử đang đi săn ở khu rừng này. Đầu cửa rừng, người, ngựa, chó săn đang vây bọc các ngả. Vì đang làm việc gian lận, lái hương ta sợ quá, vội quẳng cả gánh hàng mà chạy. Sau đó, có mấy con chó săn đi qua cái bồ, ngửi thấy hơi người bèn lên tiếng cắn sủa inh ỏi. Nghi ngờ, bọn lính dừng lại lục soát. Khi thấy trong bồ có một cô gái đẹp, bọn chúng rất đỗi kinh ngạc, vội dẫn nàng đi gặp hoàng tử lúc đó cũng vừa phi ngựa đến nơi.

Hoàng tử chưa bao giờ thấy có một người con gái xinh đẹp đến thế, bèn xuống ngựa bảo nàng ngồi lại chuyện trò. Nghe cô gái kể hết nỗi lòng, hoàng tử ngỏ ý đưa nàng về cung làm vợ. Nhân săn được một con hổ, hoàng tử bèn sai bỏ con thú vào bồ đậy mẹt và buộc chặt lại như cũ. Đoạn ra lệnh cho mọi người trở về kinh thành.

Sau khi hoàng tử và quân lính đi đã xa, người lái hương từ chỗ trốn lại quay về tìm gánh hàng quý của mình. Thấy cặp bồ vẫn còn nguyên chỗ cũ, hắn vội vã đặt gánh lên vai và rảo bước một mạch về nhà. Đến nơi, người nhà xúm lại, hỏi hắn:

- Bồ gì mà nặng thế?

Hắn đáp đùa để dọa:

- Đừng có nhìn mà chết. Hổ đấy!

Nói đoạn, hắn vội xách bồ quý vào buồng đóng cửa lại. Nhưng vừa mở mẹt thì con hổ từ trong đã nhảy ra, vồ hắn ăn thịt[1].

KHẢO DỊ

Một truyện của người Can-múc (Kalmouks) chép trong sách *Cái chết mầu nhiệm* gần giống với truyện của ta:

Có hai ông bà già đẻ được một cô gái, thường đến chùa cầu khẩn đức Phật cho con mình được lấy chồng khá, hứa sẽ cho con một món ngọc quý làm của hồi môn. Một người bán quả cây đi qua, nghe lỏm được câu chuyện. Một hôm, hắn nấp sẵn vào ruột pho tượng Phật, chờ cho hai vợ chồng nhà ấy đến cầu, nói vọng ra: -"Phải gả cho người nào đến hỏi đầu tiên". Sáng hôm sau hắn đến sớm, hai vợ chồng gả con gái ngay và cho cả ngọc quý. Hắn bèn đưa cô gái về, và vì đã có vợ con, dọc đường hắn nghĩ cách giải thích sao cho mọi người khỏi nghi ngờ về nguồn gốc của cải và cô gái mà mình sắp đưa về. Hắn bèn bỏ ngọc quý và cô gái vào một cái hòm, chôn xuống đất có lỗ thông hơi, rồi về báo tin rằng mình học được phép lạ, sẽ đọc bùa chú lấy của cải từ dưới đất lên. Nhưng khi hắn chôn xong về nhà, một người con vua (khan) đi qua có mang theo một con hổ săn được. Thấy có đất mới lấp, hoàng tử cho đào lên xem, không ngờ lại được cô gái đẹp; hoàng tử muốn lấy cô làm vợ, bèn bỏ con hổ vào hòm thay cho cô gái, lấp đất lại rồi đưa nàng về. Anh kia lúc đến nhà dặn vợ con rằng hễ mình có đưa hòm gì về thì dù thế nào cũng cấm không được vào buồng. Khi mở hòm, hổ nhảy ra vồ lấy hắn, hắn kêu van ầm ĩ nhưng vì đã được dặn dò nên chẳng một ai đến cứu.

Một truyện của Ấn-độ cũng tương tự:

Một người làm nghề đổi bạc có cô con gái rất đẹp. Một người tu hành theo kiểu im lặng (vô ngôn), ngày ngày đi xin của bố thí, một hôm đến nhà nàng. Thấy cô gái, hắn kêu lên một tiếng. Bố cô gái chạy ra, hắn nói: - "Ta từ lâu không nói với ai một lời, nay ta nói ra là vì thương hại cho nhà ngươi. Người con gái này đẹp nhưng sẽ là mối họa ghê gớm. Ba ngày nữa cả vùng này sẽ bị phá hủy. Muốn cứu vãn hãy bỏ nó vào một cái thùng, trong thắp đèn sáng rồi quẳng xuống sông Gô-đa-va-ri". Tin là bậc tiên tri bố cô gái làm theo không ngần ngại. Khi trở về chùa, hắn bảo các môn đồ rằng ngày mai, có một cái

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và Trương Vĩnh Ký. *Chuyện đời xưa*.

thùng trôi sông, nếu vớt được sẽ được tám phép lạ, chớ để mất thời cơ. Nhưng một hoàng tử đi săn nhân mỏi mệt ngồi ở bờ sông thấy có cái thùng trôi, liền sai người vớt lên. Thấy cô gái đẹp, hoàng tử sai giữ lấy cô gái mà bỏ một con khỉ độc già thay vào, đóng nắp lại như cũ rồi lại quẳng xuống sông. Môn đồ của thầy tu vớt được thùng lên, đưa vào chùa. Thầy dặn trò: -"Dù các ngươi có nghe tiếng gì đi nữa cũng không được vào buồng ta, sau đó các ngươi sẽ sung sướng". Khỉ độc xông ra vồ lấy hắn. Hắn kêu to lên nhưng chẳng một ai vào. Một người lính hầu được hoàng tử phái đi theo dõi cái hòm, trở về kể lại mọi việc xảy ra, hoàng tử cười ngất. Sau đó chàng cưới cô gái làm vợ.

Truyện của người Ca-phrơ (Cafres) châu Phi:

Một tay ăn thịt người đi dọc đường bắt được một cô gái. Hắn dỗ dành cô, bỏ cô vào một cái túi, đi từ làng này đến làng khác xin ăn trước khi về nhà. Ai cho thịt ăn, hắn bảo cô gái trong túi hát ít câu nhưng không mở túi, chỉ nói đó là chim hát. Đi đến làng quê cô gái, người em cô này nghe tiếng, đoán ra tiếng của chị mình, bèn chỉ cho hắn một nơi có thể đến xin được nhiều thịt (nhưng chính là nơi có tù trưởng, bố cô gái). Nghe tiếng con hát, ông này lừa cho tay ăn thịt người đi xa, hứa sẽ không mở túi, nhưng khi hắn đi rồi liền mở cho con ra và bỏ rắn, cóc thay vào. Trở về, hắn thấy túi y nguyên, bèn xách về nhà rồi mời bạn hữu đến "dự bữa tiệc người no nê". Nhưng khi mở túi thấy cóc rắn, khách dự tiệc cho là giễu cợt họ, bèn giết hắn ăn thịt.

Truyện của người Ca-ta-lan (Catalans):

Một cô gái trèo cây anh đào. Một người đi qua xin một quả không được, bèn bắt cô bỏ vào bị. Đi đến một làng khác, hắn muốn dự lễ nhà thờ, bèn vào một nhà nọ gửi nhờ cái bị. Hắn không ngờ nhà này là nhà bà dì của cô gái. Bà mở bị đưa cháu ra, bỏ chó mèo vào. Khi về, hắn vừa mở ra bị chó đuổi, bỏ chạy.

Một loạt truyện khác phổ biến ở nhiều dân tộc cũng có kết thúc giống với các truyện trên nhưng mở đầu lại khác: ở đây người đi lừa lần lượt thu được thắng lợi bằng cách bắt vạ người ta. Chúng tôi kể ra đây ba truyện tiêu biểu:

Truyện của Ý (Italia):

Một người ăn mày được một người đàn bà cho một hạt đậu to. Đến một nơi, người ấy gửi hạt đậu lại cho chủ nhà, dặn đừng để cho gà mổ mất. Khi hắn đến thì gà đã ăn mất hạt đậu. Hắn bắt vạ, được người ta đền cho con gà. Đến nhà một người đàn bà khác, hắn nhờ giữ hộ con gà đừng để lợn cắn. Sau đó lợn cắn chết con gà và hắn được bồi thường con lợn. Lại mang lợn đến một nơi có bò, dặn đừng để bò giết mất lợn. Bò làm chết mất lợn và hắn được

bồi thường con bê. Lại đến nhà một người đàn bà khác có cô gái ốm thèm ăn thịt bò, hắn gửi bê nhưng dặn đừng ăn tim. Hắn đòi phải đền cô gái, khi cô này giết mất bê. Người đàn bà đành phải đền, bèn lừa khi cô gái ngủ bỏ cô vào bị, trao cho hắn vác về. Từ đây truyện phát triển giống với các truyện kể trên. Đến một nơi nọ hắn đặt bị vào một chỗ để nghỉ, mai lại đi. Nhưng nhà chủ đã lén giải phóng cô gái thay vào một con chó dại, và sau đó, chó cắn hắn chết.

Một truyện của người Ka-bi-lơ (Kabyles):

Một con lang giẫm phải gai nhờ một bà già nhể hộ. Sau đó lang ta cố đòi cho được cái gai mà bà già đã vô tình quẳng mất, và rồi được đền bù một cái trứng. Đến một làng nọ, lang gửi trứng cho người khác đặt ở chỗ máng dê. Đêm lại, nó lén ăn trứng đi rồi sáng dậy bắt chủ nhà phải đền dê. Được dê, nó dắt đến làng một người khác gửi ở chuồng ngựa. Nó lại lén ăn thịt dê và được đền con ngựa. Đến một làng khác nữa nó gửi ngựa ở chuồng bò. Lại ăn thịt ngựa và được đền con bò. Đến một làng khác nữa nó gửi bò nhưng không biết cột bò vào đâu. Người ta bảo cột vào giường của một cô gái. Đến đêm nó lại ăn thịt bò, và quẳng lòng lên người cô gái. Sáng dậy nó đòi phải bồi thường cô gái. Người ta đành phải bỏ cô gái vào một cái bị đưa cho. Đến một cái đồi, nó mở bị toan ăn thịt cô gái, không ngờ trong bị nhảy ra một con chó săn cắn nó chết.

Một truyện sưu tầm ở vùng Phlăng-đrơ (Flandre), tức là truyện *Jăng duy Gô-ghê đi Héc-nhi ăn ngỗng*:

Jăng được người ta cho một nắm lúa. Ngủ ở bờ rào bị gà ăn mất lúa, hắn khóc lóc bắt vạ, được chủ đền cho con gà. Đến một nơi khác gà bị bò đạp chết và được đền con bò. Sau đó hắn ngủ lại ở một trại nọ, nhốt bò ở chuồng. Chủ nhà sai cô đầy tớ vắt sữa. Bò không chịu để vắt, quất đuôi vào mặt. Cô này đâm thủng bụng bò. Jăng khóc to lên và được đền cô gái. Hắn trói lại bỏ vào bị vác lên vai, nghĩ bụng: -"Đến Héc-nhi, ta sẽ cưới cô này làm vợ và ăn thịt ngỗng". Dọc đường ghé lại một nhà nọ, để bị ở ngoài cửa. Một người thấy cái bị cựa quậy, mở ra thấy cô gái, bèn giải phóng cho cô mà bỏ vào một con chó. Đến Héc-nhi, hắn tay mở bị, miệng hỏi: -"Có muốn lấy ta không?" Nhưng một tiếng sủa phát ra làm hắn sợ, thả dây, chó nhảy ra toan cắn. Jăng trèo lên một cây liễu già, nhánh gãy rơi xuống chó, chó chạy. Jăng nhìn thấy trong hốc cây liễu có cái gì sáng chói, hóa ra đó là một con ngỗng vàng[1].

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, sách đã dẫn, tập I.

145. NGƯỜI DÌ GHẺ ÁC NGHIỆT HAY LÀ SỰ TÍCH CON DẾ

Ngày xưa, có một người đàn ông hai vợ, người vợ cả chết sớm để lại một đứa con trai còn bé tên là Văn Linh. Người vợ lẽ cũng sinh được một đứa con trai khác tên là Văn Lang. Văn Lang hơn Văn Linh những năm tuổi, nhưng hai anh em chơi với nhau thân thiết hơn cả anh em cùng một mẹ. Những khi Văn Linh bị trẻ con lối xóm ăn hiếp, Văn Lang lập tức bênh vực. Nhưng Văn Lang không biết rằng mẹ chàng trái lại, coi Văn Linh như kẻ thù.

Văn Linh ngày một lớn khôn, người bố cho chàng theo nghiệp sách đèn. Còn Văn Lang thì từ lâu đã theo bố tập quen nghề trông coi cày cấy. Nhà họ vốn có của ăn của để. Cả một tư cơ đồ sộ chắt chiu đã vài ba đời được gần vài chục mẫu ruộng và một mẫu vườn, có nhà ngói cây mít, thuộc vào loại khá nhất trong vùng.

Đột nhiên người bố ốm nặng rồi qua đời. Người dì ghẻ ngoài mặt thì đối đãi với Văn Linh ngọt ngào tử tế nhưng trong bụng muốn nhổ cái gai trước mắt. Là con đích, Văn Linh sẽ được gần như toàn bộ tài sản. Còn mẹ con Văn Lang thì nhiều lắm cũng được vài ba mẫu ruộng xấu với một cái trại ở bên kia đồi. Tục lệ đã đặt số phận của hai anh em là như vậy. Người dì ghẻ bỗng nảy tà tâm, muốn giết chết con chồng để chiếm lấy tất cả gia tài. Ý nghĩ ấy ngày một nung nấu trong lòng mụ, càng nung nấu nhiều hơn từ hôm người chồng, kẻ bênh vực cho Văn Linh không còn nữa.

Một hôm, người mẹ ghẻ sai hai anh em mang tiền đi mua gỗ. Trước khi đi, mẹ gọi con đẻ vào buồng riêng dặn dò: - "Con ơi! Con hãy tìm cách "khử" nó đi. Rừng nhiều thú dữ, sức con thì khỏe gấp đôi nó, nếu khôn khéo và kín đáo thì con chẳng sợ tội vạ gì hết!..." Người mẹ còn rỉ tai: - "Nếu nó mà sống được thì mẹ con ta không đất cắm dùi... Có

trừ đi được, chúng ta mới mong sung sướng...". Văn Lang không muốn nghe lời mẹ, nhưng cũng không muốn làm phật ý mẹ, bèn cứ giả tảng vâng lời khăn gói ra đi. Đến cửa rừng, Văn Lang nói thật cho Văn Linh biết mọi việc, rồi bảo:

- Mẹ tôi trước sau cũng tìm cách hại anh. Vậy anh hãy tìm cách trốn đi. Số tiền mua gỗ anh hãy cầm lấy tất cả mà tiêu. Đến một lúc nào đó anh hãy trở về, chúng ta sẽ sống bên nhau.

Khi Văn Linh đi rồi, Văn Lang giết một con chó lấy máu bôi khắp nơi, rồi trở về nói cho mẹ biết là mình đã hạ thủ Văn Linh xong, mặt khác nói với mọi người rằng anh mình đã bị hổ vồ mất tích. Xóm làng không một ai nghi ngờ. Người dì ghẻ cho là mưu của mình đã đạt, từ đấy không còn lo lắng gì nữa.

*

* *

Lại nói chuyện Văn Linh đau khổ từ giã Văn Lang ra đi. Một thân một mình chưa từng rời khỏi nhà bao giờ nay bơ vơ giữa một nơi xa lạ, chàng ngập ngừng không biết đi đâu. Loanh quanh mãi, cuối cùng một đêm nọ chàng lại lần về mồ mẹ, nằm úp lên mộ than khóc rồi ngủ quên. Ở dưới mồ, mẹ chàng thương con quá, bèn hiện lên thành con chim phượng hoàng lớn ấp con vào đôi cánh. Thấy trời sắp sáng, phượng hoàng dùng chân quắp lấy Văn Linh rồi bay đi rất xa. Tới một hòn núi cao, phượng hoàng hạ cánh. Tỉnh dậy, Văn Linh sửng sốt, nhưng phượng hoàng đã nói:

- Ta là mẹ con. Con hãy ở đây chớ về mà nguy hiểm. Rồi hàng ngày mẹ sẽ đến với con.

Nói rồi phượng hoàng hóa thành nhà cửa và mọi đồ ăn thức dùng để Văn Linh ăn ở tại đấy. Sợ con xao nhãng học tập, phượng hoàng lại mang sách vở tới cho con ôn luyện. Ban ngày phượng hoàng biến đi, nhưng đêm lại, nó bay đến chỗ Văn Linh ở để bảo vệ chàng. Tờ mờ sáng nó còn gáy lên để đánh thức con dậy học, rồi mới chịu cất cánh bay về.

Bấy giờ ở phía dưới núi có một xóm dân cư rải rác, trong xóm có nhà một cô con gái tên là Ngọc Châu. Ngọc Châu đẹp như hoa mà chưa có chồng. Nàng có một người đầy tớ gái tên là Hồng. Hai người

sống nương tựa vào nhau, lấy nghề dệt vải nuôi thân. Từ dạo Văn Linh đến ở trên núi, hai thầy trò Ngọc Châu lấy làm lạ không hiểu vì sao trên núi từ xưa vắng bóng người, thế mà lúc này cứ mờ sáng khi họ ngồi vào khung cửi đã nghe tiếng chim phượng gáy, rồi nghe tiếng học trò học sang sảng cho đến sáng.

Một hôm gà gáy canh năm, Ngọc Châu giả cách làm tắt đống nhấm để bắt nàng Hồng lên núi xin lửa của người học trò bấy giờ đã cất tiếng đọc sách. Hôm ấy Văn Linh dậy sớm thắp đèn ngồi học, bỗng nghe có tiếng gọi cửa. Chàng mở cửa ra thì là một cô gái. Sau khi cho lửa, anh hỏi vay cô gái một hũ dầu vì dầu nhà mình đã cạn. Nàng Hồng chỉ nhà để anh xuống lấy. Nhờ đó Văn Linh làm quen với Ngọc Châu. Thế là chàng đã có bạn xóm giềng, tối lửa tắt đèn có nhau. Từ chỗ quen nhau họ muốn được nên vợ nên chồng. Một hôm, Ngọc Châu mời chàng về ở cùng mình một nhà để tiện bề đèn sách. Được con báo tin, chim phượng hoàng mang tới cho áo quần và tiền bạc. Rồi đó nó không trở lại nữa. Đám cưới cử hành đơn giản nhưng cũng rất vui. Từ nay bên anh đọc sách bên nàng quay xa, cảnh đầm ấm ấy không ai hơn được.

Sau năm năm học thành tài, Văn Linh quảy lều chiếu đi thi. Đậu trường hương, chàng vào kinh quyết tranh đua ở trường hội. Chàng sung sướng khi nghe loa báo có tên mình ở bảng tiến sĩ. Hôm vinh quy, cờ quạt chiêng trống và quân gia rầm rộ kéo về quê. Thấy anh vinh hiển trở về, Văn Lang hết sức mừng rỡ. Trong khi ấy người dì ghẻ nghe tin đột ngột không kịp trốn, bèn chui xuống nấp dưới gậm giường. Nhưng vì quá sợ hãi mụ đã vỡ mật mà chết, hóa thành con dế[1].

KHẢO DỊ

Một truyện nhan đề là *Tất suất bi thu* (dế sầu mùa thu) của ta cũng nói đến sự tích con dế:

Ngày xưa có một người con gái nhan sắc và nết na tên là Nguyệt Diệu. Cô đóng cửa kén chồng. Năm hai mươi sáu tuổi, một người học trò hay chữ tên là Chiếm Khôi tới hỏi làm vợ. Nàng thuận lấy chàng và hai người sống một cuộc sống êm đẹp.

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh (sưu tầm của Mạnh Sào Quan và Nguyễn Văn Nghĩa).

Nhưng chỉ được một năm thì tự nhiên Chiếm Khôi lăn ra chết, lại chết vào tháng Tám. Nguyệt Diệu hết sức đau đớn, ngày đêm than khóc rất thảm thiết. Nàng lủi thủi một mình không chịu chuyện trò cười nói với ai. Sau ba năm hết tang tiếng khóc vẫn không tắt. Rồi một hôm Nguyệt Diệu tự nhiên hóa ra dế. Cứ đêm khuya ngày vắng, dế vẫn ti tê than khóc như tiếng khóc chồng, nhất là vào khoảng ba tháng mùa thu là thời gian chồng chết, tiếng kêu của dế lại càng da diết[1].

1. Theo Sê-ông (Chéon), *BSEI* (1890).

146. LÀM ƠN HÓA HẠI

Xưa có Trần Công là người có lòng sốt sắng. Ai có việc gì nhờ vả, ông đều sẵn sàng. Trong đời ông, ông đã từng đi lại nhiều nơi, đến đâu cũng hết lòng giúp đỡ người nguy kẻ khó mà không quản ngại.

Một hôm Trần Công vai đeo đãy, tay chống gậy tới vùng Hạ-hòa. Ở đây đang có nạn hạn hán. Trời nắng chang chang như thiêu như đốt, ruộng nứt nẻ hết. Trải qua một đoạn đường dài, ông thấy khát khô cổ nhưng đi mãi vẫn không gặp một hàng quán nào cả. Ông ghé vào một nhà nọ ở bên đường. Cả nhà đều đi vắng. Nhìn vào các chum vại, ông thấy khô kiệt. Vào nhà thứ hai cũng vậy. Ông vội đi tìm giếng nhưng không thấy đâu cả. Ông bèn trèo lên một hòn đá dựng để tìm ao hồ, nhưng bao nhiêu ao hồ đều khô rông rốc. Mãi sau mới thấy một đám đông đang lúi húi chắt mạch ở một vũng nọ, ông vội tìm đến nơi. Gặp một người cầm bình nước, ông gọi xin uống. Uống xong, Trần Công tỉnh ra, liền hỏi:

- May quá, nếu không gặp ông, có lẽ tôi chết mất. Không ngờ ở đây hột nước lại hiếm đến như vậy.

Người kia đáp:

- Vâng, chúng tôi đều nguy mất. Đã hai năm nay cái bà thần Mưa ác nghiệt đã quên mất vùng này. Giá có ai lên đó nhắc bà ấy hộ nhỉ.

Trần Công khảng khái nói ngay:

- Vậy thì tôi xin đi tìm thần Mưa giục phải làm mưa sớm cho bà con ta!

Từ giã ra đi, Trần Công quyết tìm đến xứ sở của thần Mưa. Ông trèo lên nhiều núi, lội rất nhiều khe, qua rất nhiều ngày mà vẫn chưa đến. Một hôm, Trần Công trèo lên một quả đồi. Một con vượn già bị mắc bẫy, thấy có người đến thì kêu lên:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Ông vội chạy lại tháo bẫy cho nó. Được tự do, vượn hết lời cảm ơn ông. Nó hỏi:

- Ông đi đâu bây giờ?

- Ta đi tìm xứ sở của thần Mưa.

- Xứ sở của thần Mưa còn xa đây lắm, ông già rồi làm sao có thể tới nổi?

- Dù xa bao nhiêu ta cũng quyết đi để giục thần Mưa phải mau mau cứu vùng Hạ-hòa đang bị hạn.

- Thế thì để tôi biếu ông một vật.

Vượn bèn bảo ông ngồi chờ, rồi chạy vội vào rừng, chốc sau nó trở lại với một cái gậy con. Đưa cho Trần Công, vượn nói:

- Cái gậy này có phép rút đất, ông có thể đi bất cứ nơi nào cũng được, chỉ cần nói chỗ mình muốn đến là đủ.

Trần Công vui vẻ nhận món tặng vật, cảm ơn vượn rồi bảo gậy:

- Hỡi gậy thần, hãy đưa ta đến xứ sở của thần Mưa.

Tự nhiên ông thấy mắt hoa lên, cây cối núi non hai bên như chạy rạt rất nhanh về phía sau, chỉ độ nửa buổi là đứng lại. Ông nhận thấy mình đứng giữa một nơi quang cảnh lạ lùng. Nhưng ở đây cũng có người và vật như ở trần gian. Ông hỏi nhà thần Mưa, người ta chỉ cho ông. Ông gọi đến cổng. Có tiếng nói vọng ra: - "Ai đó mời vào".

Bước vào nhà, ông thấy một bà già hom hem đang nằm trên giường. Ông hỏi:

- Bà có phải là thần Mưa không?

- Phải.

- Tại sao bà để cho trần gian có những vùng hạn hán đến nỗi không đủ nước mà uống. Sao bà ác thế? Bà không biết ở hạ giới người ta rủa bà hàng ngày hàng giờ đấy ư?

Bà già không nói gì, mời ông ở lại khoản đãi cơm nước tử tế. Ở được vài ngày vẫn không thấy bà làm gì cả, suốt ngày chỉ nằm rên khừ khừ, Trần Công lại tới nhắc. Bà già nói:

- Ta vốn có phận sự làm mưa ở trần gian. Nhưng mấy lúc này ta bị

một ác chúng không thể đi đâu được. Ta có ý chờ con gái ta về, nhưng không hiểu sao nó đi chơi lâu quá! Nay trời cũng đã có lệnh truyền bảo làm mưa, ta muốn cậy ông làm hộ.

- Tôi thì biết gì mà làm.

- Công việc kể ra không có gì khó lắm, chỉ cần làm theo lời dặn là đủ. Ông nhìn trên vách kia có một cái bầu, nếu ông bằng lòng đi, tôi sẽ múc nước đầy bầu cho ông. Bên cạnh bầu có một nhành lá. Chỉ cần trèo lên lưng con sư tử mà ngồi cho vững. Nó sẽ đưa ông đi tới những miền đã định sẵn. Thế rồi ông cứ nhúng nhành lá vào bầu mà vẩy xuống, nhưng phải vẩy từ từ mới được.

- Thế thì tôi sẵn lòng làm giúp. Bà cứ sắm sửa mọi thứ ngay đi!

Bà già ngồi dậy ra bể múc đầy bầu nước và gọi một con sư tử đến dặn dò mọi việc. Trần Công trèo lên lưng sư tử, một tay cầm bầu, một tay cầm nhành lá. Sư tử liệng một vòng trên không rồi bay xuống hạ giới lần lượt đến những chỗ làm mưa. Trần Công nhìn xuống thấy mọi vật đều nhỏ li ti như hạt bụi. Nhưng ông lo lắng đến công việc đã hứa. Ông bèn cầm nhành lá nhúng vào bình rồi vẩy lia lịa. Nhìn xuống đã thấy một phía trời mịt mù. Ông đoán chắc là mưa to, trong lòng lấy làm thích thú. Ông cứ lần lượt vẩy mãi, vẩy mãi, mỗi lần đến một chỗ mới. Khi đi đến vùng trời Hạ-hòa, ông sực nhớ tới những lời than phiền hạn hán của những người dân ở đây, bụng bảo dạ: - "Ta phải cho họ thêm một ít nước để bù vào những cơn nắng hạn dữ dội, chứ mưa như thế chắc không thấm tháp gì. Vả lại để đền ơn họ đã cứu ta khỏi chết khát". Bèn không vẩy nữa mà cầm cả bầu dốc ngược. Thấy thế, sư tử tỏ vẻ hoảng sợ ngoái lại bảo ông dừng tay, rồi quay trở về. Chỉ một lát sau nó đã về đến nhà. Bà già ra đón hỏi. Ông kể lại thực thà đầu đuôi. Nghe đoạn, bà già chép miệng:

- Thôi, thế là ông đã làm hại người ta rồi. Ở chốn ấy bây giờ chắc chẳng còn một mống nào sống sót.

Trần Công nghe nói giật mình, nhưng vẫn không tin lời bà già lắm. Hôm sau ông từ giã thần Mưa ra về. Chiếc gậy rút đất lại đưa ông xuống

cõi trần một cách chóng vánh. Đường đi qua vùng Hạ-hòa, ông dừng lại để xem thử thế nào. Thì ra ở nơi này nhà cửa, cây cối, người và vật đều chẳng còn một tý gì. Cả cái mô đất cao cũng bị khỏa bằng, nếu không có hòn đá lớn mà ông nằm nghỉ hôm nọ còn lại, thì cơ hồ ông cứ tưởng là một cõi hoang vu nào thuở trước. Ông tắc lưỡi hối hận:

- Thật có ai ngờ làm ơn hóa hại[1].

1. Theo *Bản khai thôn Ngọc-sơn, xã Xuân-lâm* và lời kể của người Nghệ-an.

147. HUYỀN QUANG

Vào thời nhà Trần có một người học trò trẻ tuổi ở xứ Bắc tên là Huyền Quang. Nhà chàng không đất cắm dùi nhưng cha mẹ chàng thì cố công cố sức làm thuê làm mướn các nơi để nuôi con ăn học. Khi Huyền Quang đến tuổi lấy vợ, cha mẹ dạm cho một cô gái, con một nhà khá giả trong vùng.

Trải mấy năm trời, chàng đã từng sêu tết và đi làm rể bên nhà vợ khá là vất vả. Cho đến ngày gia đình sắm sanh lễ vật xin cưới thì đột nhiên bên nhà gái trở mặt, trả lễ lại và từ hôn. Huyền Quang lấy làm buồn lòng vì thói đời tráo trở; chàng càng đau lòng hơn khi thấy cô gái thuận lấy người cháu họ một viên an phủ sứ.

Sau đó, cha mẹ chàng lại tìm cho con một đám khác, nhưng cuộc nhân duyên lần này cũng dở dang, chỉ vì nhà gái chê nhà trai không có mả làm nên, không phải là nơi nương tựa. Vì vậy cho đến năm hai mươi tuổi, Huyền Quang vẫn một thân một mình.

Từ khi thất vọng về đường tình duyên, Huyền Quang lại càng bấm chí về đường kinh sử. Năm hai mươi hai tuổi, chàng thi đậu ở trường thi quê nhà, rồi vào thi đình đậu luôn Trạng nguyên.

Nghe tin Huyền Quang đậu Trạng, có mấy tay phú hộ ở quanh vùng bắn tin có con gái đến tuổi lấy chồng kèm theo cả một tư cơ đồ sộ. Một ông quan lớn ở kinh kỳ cũng mời quan tân khoa về thái ấp mình để xem mặt cô con gái yêu tuổi vừa đôi tám. Tiếp đó, ngày chàng vào kinh bái mạng để nhậm chức, một viên nội giám đến gặp riêng chàng và rỉ vào tai:

- Hoàng hậu đang kén phò mã cho công chúa ba đấy. Nếu quan Trạng muốn, thì việc tốt đẹp nhất định phải thành.

Thấy tình đời như vậy, Huyền Quang than:

Khó khăn thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỗ Trạng tám nghìn nhân duyên.

Than đoạn, chàng nguyện suốt đời sẽ không lấy vợ. Thế rồi người ta thấy chàng nhất quyết từ chối mọi hứa hẹn tốt đẹp. Nhưng cuộc đời danh vọng của Huyền Quang cũng không làm cho chàng vui lòng. Nhìn thấy những cảnh tượng xấu xa trong đám quan trường, chàng lại càng ghê tởm. Từ đấy Huyền Quang tỏ ra chán đời. Làm quan chưa được bao lâu, chàng đã đệ đơn lên vua xin từ chức để đi tu. Bấy giờ cha mẹ chàng đã nối gót nhau qua đời.

Vua không thể nào bắt ép chí của chàng được. Huyền Quang tu hành rất chăm chỉ. Chẳng bao lâu, chàng đã thông thuộc tất cả kho tàng kinh sách của nhà Phật. Rồi đó, nhờ có học vấn không ai bì kịp, Huyền Quang được nhà vua ban cho danh hiệu Quốc sư. Vua còn cho chàng trông nom viện Trúc-lâm và cho trụ trì ở một ngôi chùa lớn cai quản hàng mấy nghìn tăng ni. Còn ít tuổi như chàng được trở thành một bậc giáo chủ, người đời bấy giờ coi là việc hiếm có.

*

* *

Hồi bấy giờ vua Anh Tông mới lên ngai vàng. Thấy vị tổ Trúc-lâm là một người còn ít tuổi, vua không tin là có thể chịu đựng nổi sự diệt dục khổ hạnh. -"Cứ đưa đến một cô gái đẹp, nhất định thế nào thầy cũng sa ngã". Nghĩ vậy, vua có ý định thử xem đạo đức của vị tổ trẻ tuổi này như thế nào. Nhân mấy ngày hoàng hậu se mình, vua cho triệu tổ về kinh làm lễ cầu siêu. Sau mấy đêm ngày, công việc cầu siêu đã xong, trước khi chàng trở về chùa, vua sai ban cho 10 lạng vàng để đền công khó nhọc. Huyền Quang không tiện chối từ đành phải cầm lấy, nhưng chàng đâu có ngờ rằng cái bẫy đã bắt đầu giương ra để đợi người nhẹ dạ.

Thế rồi sau đó ít lâu, vua cho một cung nữ nhan sắc xinh đẹp tên là Điểm Bích, tìm cách đến chùa, nơi Huyền Quang trụ trì, bảo phải quyến rũ cho bằng được. Vua còn dặn Điểm Bích phải làm sao lấy ở sư thầy ít nhất là một lạng vàng đưa về làm tang chứng.

Lại nói chuyện Huyền Quang hôm ấy nghỉ tại một thiền trai cất trên một ngọn đồi cách viện Trúc-lâm chừng vài dặm. Đây là một gian nhà nhỏ rất tĩnh mịch mà vua sai xây cho chàng để nghỉ ngơi sau những ngày giảng kinh mệt nhọc. Vào khoảng tắt mặt trời, chú tiểu đưa vào một cô gái vẻ mặt hốt hoảng nhợt nhạt, áo xống tơi tả.

- Bạch thầy, người này bị cướp đuổi vừa gọi cửa kêu cứu.

Đó là Điểm Bích, lúc này đã cải trang thành một cô gái quê mùa. Nàng khóc sướt mướt, một hai xin nhà chùa cho ở trọ đêm nay. Nàng bịa ra câu chuyện bị côn đồ đuổi và phải chạy trốn vất vả như thế nào làm cho Huyền Quang không thể từ chối được. Cuối cùng theo lệnh của chàng, chú tiểu sắp xếp cho Điểm Bích một chỗ nghỉ ở phía ngoài thiền trai.

Sự việc vừa xảy ra làm cho Huyền Quang thấy trong lòng không được yên tĩnh. Chàng để cho chú tiểu đi nghỉ, rồi giở quyển kinh ra tụng niệm mãi tới khuya. Sắp sửa đặt lưng xuống giường, chàng bỗng nghe tiếng rên rỉ của người đàn bà. Chàng lại phải đánh thức chú tiểu dậy xem thử thế nào. Khi nghe nói người đàn bà muốn xin được vào nằm phía trong thiền trai, vì ở ngoài không ngăn được sự sợ hãi, Huyền Quang lấy làm bối rối. Nhà thì hẹp chỉ có ba gian, nhân thân chỉ có hai thầy trò; các tăng chúng đều ở xa không tiện gọi.

Suy nghĩ giây lát, Huyền Quang bất đắc dĩ cho người đàn bà vào ở chỗ tiếp khách, còn mình thì lui vào trai phòng khóa cửa lại. Nhưng vừa chợp đi được một lúc, đã lại nghe tiếng rên rỉ ở phía ngoài. Chàng lại ngồi dậy cầm lấy tràng hạt và quyển kinh. Nhưng khi bước ra khỏi trai phòng, qua ánh đèn dầu le lói, chàng đã thấy người đàn bà nằm lõa lồ trên bộ ván. Chàng bước vội trở vào và quyết định ngồi trên giường tụng niệm cho tới sáng để tránh sự cám dỗ. Không ngờ giữa lúc những tiếng tụng niệm vừa cất lên, thì Điểm Bích từ phòng ngoài đã chạy vào, sán lại ngồi bên cạnh chàng, nói những câu cảm ơn nhưng lại xen vào nhiều lời khêu gợi.

Biết người đàn bà này đến đây có mục đích không lương thiện, Huyền Quang liền nghiêm nét mặt lại:

- A-di-đà Phật. Nàng là ai? Tại sao lại tìm đường vào đây để quấy rối người tu hành? Nếu không mau mau cải tà quy chính, ta sẽ hô hoán lên cho mọi người đến cầm lá dắt ra khỏi tu viện.

Thấy Huyền Quang không phải là hạng người dễ quyến rũ, Điểm Bích đành phải thay đổi thái độ. Nàng chuyển sang bộ mặt rầu rĩ và bịa ra câu chuyện để gợi lòng trắc ẩn.

- Thiếp vốn là con nhà thế phiệt. Bố thiếp làm quan một huyện ở vùng biển. Mùa tháng Năm vừa rồi nhân đi thu thuế được ba nghìn quan, cho dân phu đài tải về kinh. Không ngờ bị bọn cướp đường đón lấy mất cả. Quan trên thương tình cho khất đến cuối năm. Hiện nay bố thiếp đã thu góp tư trang mới được chừng một nửa. Bởi vậy thiếp phải đi khắp đó đây xin các nhà từ thiện kẻ ít người nhiều để bù vào số thiếu. Hôm nay đánh bạo đến đây định xin hòa thượng rủ lòng thương xót quyên cấp cho ít nhiều. Nhưng thấy cảnh chùa tôn nghiêm, nếu nói thật chưa chắc đã được, vì vậy phải dùng mẹo nhỏ để gặp hòa thượng, sau đó mới tỏ bày mục đích. Dám xin hòa thượng mở lượng hải hà cứu vớt lấy bố thiếp và cả nhà thiếp. Thiếp nguyện đưa thân nữ tỳ hầu hạ suốt đời.

Nghe nàng sụt sùi kể lể, Huyền Quang không ngăn được cảm động. Chàng vội trả lời:

- Nàng đừng có lo lắng gì cả. Ngày mai ta sẽ tiến triều, tâu với vua xin tha tội cho cha nàng.

Sợ Huyền Quang về triều thì việc của mình không đạt, Điểm Bích lại nói:

- Bạch hòa thượng, việc của bố thiếp còn may là chưa đến tai Thánh thượng. Hòa thượng về tâu giúp cho thật là công đức vô biên, nhưng thiếp không muốn vì việc nhà thiếp làm phiền hòa thượng phải xuống núi nhọc sức.

Huyền Quang sực nhớ tới mười nén vàng của vua còn bày ở trai phòng. Chàng vội lấy ra đưa cho người đàn bà mà rằng:

- Ta biếu nàng tất cả, nàng đưa về mà chuộc tội cho cha!

*

* *

Lại nói chuyện khi trở về cung, Điểm Bích liền đưa nộp mười nén vàng và tâu dối với vua rằng mình đã cám dỗ được con mồi. Để vua tin, nàng còn đọc lên một bài thơ yêu đương nói là của Huyền Quang đã ngâm tặng mình trước khi phá giới.

Vằng vặc trăng mai ánh nước,
Hiu hiu gió trúc ngâm sinh.
Người vừa tươi tốt, cảnh vừa lạ,
Mâu Thích Ca nào chẳng hữu tình.

Nghe xong câu chuyện và nhìn thấy mấy nén vàng, nhà vua thở dài hối hận:

- Chao ôi. Bậy quá! Ta đã làm hại một vị tu hành trẻ tuổi. Tự dưng vô cớ đi gài bẫy, nhất định con chim khó có thể tránh được. Biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, một viên quan ghé vào tai vua hiến kế:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho thiết lập một lễ cúng Phật dọn toàn cỗ mặn rồi mời thầy về làm lễ. Nếu quả là thầy còn trong sạch thì chư Phật sẽ độ cho cỗ mặn hóa ra chay, nhược bằng đã hư hỏng rồi thì chẳng bao giờ được độ.

Vua cho là phải, bèn hạ lệnh cho gọi Huyền Quang về triều để chàng làm một lễ chay trọng thể vào dịp rằm tháng Bảy sắp tới. Vua còn bắt quân hầu dựng một đàn tràng nguy nga, các rạp đều trần trướng toàn bằng lụa hoàng quyến. Trái hẳn với tục lệ nhà chùa, hôm bước vào chính lễ, vua ra lệnh cho giết bò và lợn, dọn toàn cỗ mặn.

Khi sắp bước vào rạp, Huyền Quang biết nhà vua cố ý làm nhục mình. Các mâm cỗ mặn tanh tưởi bày trên đàn kia nếu không phải là một sự xỉ vả thì còn gì nữa. Lụa hoàng quyến nói lái lại rõ ràng ám chỉ hai tiếng "Huyền Quang". Chàng bèn ngửa mặt lên trời lớn tiếng khấn:

- Kẻ đệ tử này nếu có điều gì bất chính, xin chư Phật cho đày xuống A-tì địa ngục, còn nếu không, thì xin cho những cỗ mặn kia hóa thành chay tất cả!

Tự nhiên một trận gió mạnh nổi lên, cát bụi mù mịt, trời đất tối sầm cả lại. Một chốc gió tan, mọi người nhìn lên đàn tràng thì, lạ thay, tất cả các mâm cỗ mặn đều biến thành cỗ chay tinh khiết thơm tho, mọi

mùi tanh tưởi đều đã bị quét sạch từ bao giờ. Huyền Quang thủng thỉnh bước lên đàn tràng giữa tiếng reo hò của chúng tăng và mọi người. Vua Anh Tông được tin, lập tức ra lệnh bắt Điểm Bích tra hỏi cho ra sự thật. Biết là bại lộ, người cung nữ ấy cúi đầu thú hết tội lỗi. Vua truyền bắt Điểm Bích bỏ ngục để chờ ngày phán xử, rồi xa giá tới gặp Huyền Quang tạ lỗi. Câu nói đầu tiên của Huyền Quang là xin vua tha tội cho Điểm Bích[1].

KHẢO DỊ

Theo lời kể của một số người Bắc-ninh khác thì phần sau câu chuyện có khác với truyện vừa kể. Hồi ấy nhà vua ngự giá chơi chùa có tặng Huyền Quang hai mươi lạng vàng. Việc nhận vàng làm cho nhà vua nghi ngờ tấm lòng cao thượng của Huyền Quang. Lúc về cung, vua cho gọi các phi tần cung nữ xem ai có thể nhận nhiệm vụ thử thách vị tổ trẻ tuổi. Không một ai chịu đi cả. Sau cùng có công chúa thứ ba - một cô gái học giỏi - nhận lời. Cũng như truyện trên, công chúa cải trang tìm đến chùa, bịa ra câu chuyện cướp đuổi, xin trọ, Huyền Quang cho ở phía ngoài. Sự khiêu khích lần đầu của công chúa không có hiệu quả. Trong chùa, Huyền Quang tụng hết quyển kinh này sang quyển kinh khác.

Ngoài này, công chúa dùng bút giấy ghi chép tất cả. Sáng hôm sau, Huyền Quang lục thúng khảo của công chúa thấy những bản ghi chép không sót câu nào, thì ngạc nhiên tưởng là tiên, bèn xiêu lòng. Sau đó công chúa xin về, trong thúng có hai mươi lạng vàng của Huyền Quang tặng.

Vua có đủ chứng cớ, cho đòi Huyền Quang về bắt làm tờ tự thú. Có câu:

Tụng ba mươi sáu quyển kinh,
Bụi trần chưa sạch, tơ tình còn vương.
Nay nhờ ơn lệnh quân vương,
Rộng dung ân xá dội ơn nghìn trùng.

Các quan đều quỳ lạy xin tha cho Huyền Quang. Một người hiến kế cho vua như trên đã kể. Nhưng phép của sư còn thiêng, bao nhiêu cỗ mặn đều hóa chay cả. Vua tha cho, nhưng Huyền Quang cũng không được thành Phật. Có câu ngạn: "Từ Thức tu không thành tiên, Huyền Quang tu không nên Phật"[2].

1. Theo *Tam tổ thực lục* và lời kể của người Hải-dương, Bắc-ninh.
2. Theo người Diềm-xá (Bắc-ninh) kể.

Trong sách *Huyền Quang hành*[1] có kể truyện Huyền Quang nội dung tương tự với lời kể trên. Đại thể là:

Sư Huyền Quang nổi tiếng chân tu được vua Trần Minh Tông kính trọng, ban mười lạng vàng. Nhưng sau đó vua sai Nguyễn Thị Bích đi thử, dặn lấy cho được vàng làm tin. Lúc đầu sư cụ tuyệt không cho vào nhưng vì nàng dùng lời nói khéo khẩn cầu, nên sư cho ở phía ngoài tăng phòng. Đêm khuya gió mát, trăng sáng như ban ngày. Sư ngủ không được bèn đi tản bộ quanh chùa, thấy khách hơi lõa lồ, bèn bỏ đi.

Nhưng rồi sư lại trở lại, không giữ được lòng nữa, bèn làm thơ tỏ tình. Đến lượt cô gái cự tuyệt, khiến sư phải cho vàng mới xong. Thấy vàng, vua bèn gọi sư về bày đàn thuyết pháp. Trông thấy bức màn bằng lụa quyến nhuộm vàng, sư nói: - "Hoàng quyến nhuốm sắc, tức là ta". Đoạn sau, không có chuyện cỗ mặn hóa thành chay[2]. Còn có câu ca truyền lại:

Dù mà tát cạn Bình-than,
Rửa làm sao sạch tiếng oan cho thầy[3].

Về nàng Điểm Bích cũng có truyện riêng. Tương truyền nàng là con một người đàn bà ăn xin ở huyện Đường-hào (Hải-dương). Sinh ra không có cha, người mẹ đem nàng cho một nhà giàu làm con nuôi, mang tên là Tam nương (nàng Ba) và được theo đòi bút nghiên. Dần dần học rộng, giỏi thơ văn, được vua Trần Anh Tông kén làm cung nữ, có lúc vua vì trọng tài gọi nàng là "gái thần đồng". Vì vu oan cho Huyền Quang, Điểm Bích sau đó bị giáng làm nữ tỳ hầu ở chùa trong cung Cảnh-linh[4]. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ có nói rằng hồi còn bé ông có được nghe kể chuyện về Điểm Bích, và người ta còn đào được mộ nàng.

1. Theo *Vũ trung tùy bút* thì tác giả là Nguyễn Hoàn người làng Cổ-đô (Sơn-tây) soạn bằng chữ nôm, có lẽ nguyên văn nay đã mất.
2. Theo *Sơn cư tạp thuật*.
3. Theo *Vũ trung tùy bút*.
4. Theo *Tam tổ thực lục*.

148. TIÊU DIỆT MÃNG XÀ

Ngày xưa, trong một hang núi nọ có một con mãng xà. Đầu nó to bằng cái chum, trên đầu có mào đỏ, hai mắt như hai quả quýt, thân dài hơn trượng. Nó đi đến đâu là cuốn thành bão đến đấy, cây cối đổ rào rào, bụi bốc mù mịt. Nó đã ăn thịt không biết bao nhiêu là súc vật và người. Người ta dùng nhiều cách để diệt trừ, nhưng mãng xà đã không chết mà còn phá hoại dữ dội hơn. Cuối cùng nhà vua phải sai dựng cho nó một cái đền và hứa mỗi năm khấn một mạng người để nó đỡ phá phách. Nhà vua ra lệnh bắt các làng mỗi năm phải nộp một người con gái để dâng cúng mãng xà, nhưng cũng cho rao trong nước, ai tiêu diệt được con quái vật ấy thì sẽ phong quận công và cho lấy công chúa làm vợ.

Bấy giờ có một chàng trẻ tuổi từ lâu được một nhà sư đưa lên nuôi trên một ngôi chùa ở núi cao. Hàng ngày nhà sư truyền cho anh nghề múa gươm và các môn võ nghệ. Thành tài, anh được thầy tặng một thanh gươm quý và cho phép "hạ sơn". Hôm ấy anh trở về làng. Sau khi kéo bộ suốt cả một ngày mệt nhọc, anh thấy một tòa đền có ánh sáng le lói, không biết là đền mãng xà, bèn ghé vào nghỉ chân. Vừa bước vào cổng đền, bỗng nghe có tiếng khóc thút thít ở phía trong, anh lấy làm ngạc nhiên vội lần vào thượng điện. Dưới ánh đèn dầu, anh thấy một cô gái trạc mười tám, hai mươi tuổi, bị trói vào cột ở một góc điện. Anh lập tức bước đến cởi trói cho nàng và nói:

- Làm sao cô lại bị trói ngồi ở đây?

Cô gái gạt nước mắt nói:

- Chàng là ai, ở xứ nào mà không biết đây là đền thờ mãng xà ư?

Đoạn cô kể lại những hành động của mãng xà, mỗi năm phải nộp một mạng người ra sao, cuối cùng cô nức nở:

- Nhà thiếp có một mẹ một con, nghĩ mình chết đi cũng không tiếc, chỉ thương mẹ già không có ai nuôi. Nhưng thôi chàng hãy đi mau khỏi chốn này, nếu không mãng xà nó đến thì chẳng còn tính mạng.

- Thế bao giờ thì nó đến đây?

- Chỉ nội trong đêm nay!

Chàng trẻ tuổi ân cần:

- Tôi muốn thay nàng nộp mạng cho mãng xà để nàng được về với mẹ.

Cô gái đáp:

- Thiếp không muốn vì mình mà người khác phải chết. Cứ để mặc thiếp chịu số kiếp thê thảm, tiền oan nghiệp chướng này. Chỉ mong chàng nếu có đi qua làng, hãy làm ơn ghé vào an ủi mẹ già giúp thiếp.

- Không. Nàng hãy kíp tránh khỏi nơi đây để mặc tôi với con quái vật.

Rồi rút gươm ra khỏi bao, chàng nói tiếp:

- Nó không thể làm hại được tôi đâu. Tôi sẽ bắt cái này ra đối mặt một phen với nó. Nàng hãy chạy về làng mau đi!

Nói đoạn, anh dẫn cô gái ra khỏi cánh rừng, rồi trở lại đền nai nịt gọn ghẽ, quyết thức đợi mãng xà.

Vào khoảng nửa đêm, bỗng phía ngoài có tiếng rào rào, cành cây gãy răng rắc. Một mùi tanh tưởi xông vào mũi đến lộn mửa. Chàng trẻ tuổi đứng dậy rút gươm nấp vào bên thượng điện. Mãng xà quen như mọi khi, từ từ vắt mình qua tường tiến vào. Nhưng nó vừa thò cái đầu vào đền thì chàng trẻ tuổi đã khởi thế công ngay. Lưỡi gươm của anh lóe lên trong đêm tối như chớp giật. Con quái vật bị thương, lao tới toan nuốt sống kẻ thù. Nhưng đường gươm lợi hại của anh đã lại bồi cho nó một nhát thứ hai. Mãng xà đau quá, rống lên, hà hơi phun gió rồi quật đuôi tới tấp làm anh lăn đi mấy vòng. Sắp bị lọt vào miệng quái vật thì may sao, anh đã kịp đứng bật dậy, thủ thế đâm cho nó một mũi thứ ba, nhưng vì đâm mạnh quá nên mũi gươm bị gãy. Anh bèn bồi tiếp mấy nhát, mãng xà bị thương nặng. Cả khúc thân của nó quằn quại mạnh đến nỗi tường và mái đền đổ sụp, gạch ngói lăn xuống rào rào. Anh giơ lưỡi gươm chặt lấy cái đầu con ác thú.

Giết được mãng xà, chàng trẻ tuổi khát nước quá chạy khắp rừng đi tìm suối giải khát, rồi vì mệt quá, anh lăn ra bên bờ suối ngủ thiếp một ngày một đêm.

*

* *

Trưa hôm sau, một viên quản có phận sự gác ở khu vực này tiến vào đền để dò động tĩnh. Hắn vô cùng kinh ngạc khi thấy mãng xà nằm trên vũng máu, mà cô gái thì không biết đã biến đi đường nào. Nhưng nghĩ đến lời hứa của vua, hắn lập tức xách lấy đầu mãng xà phóng ngựa về kinh lĩnh thưởng. Trông thấy đầu con quái vật, nhà vua rất vui mừng. Vua hỏi:

- "Ai đã giết được mãng xà?" Viên quản đáp: - "Tâu bệ hạ chính là kẻ hạ thần này". Vua khen ngợi hồi lâu, rồi ban sắc chỉ phong cho làm quận công, lại truyền gả công chúa như lời đã hứa.

Đám cưới tổ chức rất linh đình. Nhưng giữa hôm cưới, trong khi vua quan tề tựu đông đủ, thì bỗng có một người khách lạ xin vào yết kiến. Vua truyền cho vào. Người khách lạ chính là chàng trẻ tuổi đã giết mãng xà. Vua hỏi:

- Nhà ngươi đến đây có việc gì?

Chàng trẻ tuổi đáp:

- Tâu bệ hạ, chỉ xin phép bệ hạ cho tôi được lấy lại một mảnh gươm gãy còn giắt trong đầu mãng xà mà thôi!

Vua hết sức ngạc nhiên:

- A, vậy ra không phải là phò mã của ta đã hạ thủ mãng xà ư?

Vua nhìn sang phò mã. Phò mã mặt đã tái đi, nhưng vẫn cố cãi:

- Nó là thằng bá vơ nào dám vào đây nhận xằng!

Vua liền sai hoãn ngay lễ cưới lại rồi bảo vệ sĩ bổ đầu mãng xà để tìm mảnh gươm. Một lát sau vệ sĩ đã đưa mảnh thép về dâng nộp, khi ráp vào với gươm của chàng tuổi trẻ thì vừa như in. Vua thét:

- Thì ra phò mã đã lừa dối trẫm và mọi người.

Lập tức vua sai lột thẻ vàng quận công của hắn rồi đeo vào cho

chàng trẻ tuổi. Sau đó vua dắt anh ngồi vào chỗ ngồi của phò mã, và ra lệnh cho lễ cưới lại tiếp tục như cũ.

Trong khi đó thì viên quản bị giải ra pháp trường[1].

KHẢO DỊ

Về mô-típ này, Việt-nam chúng ta còn có rất nhiều dị bản các loại. Trước hết là một phần của những truyện *Thạch Sanh* (số **68**, tập **II**), *Con chim khách mầu nhiệm* (số **124**, tập **III**).

Trong *Lĩnh-nam chích quái* có truyện *Quỷ Xương Cuồng* hay ăn thịt người. Vua Kinh Dương Vương làm bùa phép để trừ, nhưng không trừ nổi. Cuối cùng người ta phải dựng một ngôi đền, mỗi năm cúng cho nó một người vào ngày 30 tháng Chạp. Đời Tần có Nhâm Ngao muốn phá bỏ tục lệ này nhưng bị Xương Cuồng ăn thịt. Đến đời Đinh Tiên Hoàng, nhờ có một pháp sư bày ra các phép lạ (giống như trò xiếc) cho quỷ Xương Cuồng đến xem say mê, rồi bất thần chém chết.

Sê-ông (Chéon) có kể một *Truyện rắn thần* ở làng Mễ-đố, tổng Tang-giá, huyện Quỳnh-côi (Thái-bình). Làng này hàng năm phải nộp cho thần một cô gái, không có thì làng động không yên. Lệ làng phải cắt phiên từ tiên thứ chỉ lần lượt cho đến người dân cuối cùng, hết vòng lại trở lại. Đến lượt ai thì người ấy thường mua sẵn con gái nuôi cho lớn để nộp (nếu không, phải nộp con đẻ). Vào khoảng rằm tháng Chạp làng mở hội tế thần, xong, bỏ người con gái vào hậu cung khóa lại, rồi ai về nhà nấy.

Một năm đến lượt một cô con gái nhà giàu phải làm vật hy sinh. Một anh ăn trộm qua đó nghe tiếng khóc lấy làm lạ, chạy vào hỏi mới biết chuyện, bèn phá cửa vào cùng ngồi với cô, tay thủ sẵn hai con dao găm. Khi rắn thần hiện ra nó há miệng bằng gàu giai, anh chàng một tay dùng dao chống hàm con rắn, tay kia cầm dao khác đâm vào cổ họng. Rắn chết, anh đưa cô gái về nhà, được bố mẹ cô gả cho làm vợ, ở gửi rể[2].

Trong *Thính văn dị lục* có truyện *Thần yêu* ở xã Thanh-lâm, Thanh-hóa, mỗi năm cũng phải khấn một gái trinh: cho trai giới, ăn chay, mặc áo quần mới. Lúc sắp vào lễ mỗi ngày tắm một lần. Ngày lễ chính còn phải có cỗ xôi con lợn cũng đưa cả vào đền khóa lại. Nhưng nhân vật anh hùng ở đây lại là

1. Theo lời kể của người Phú-thọ.

2. *Sưu tầm những bài mới.*

Gia Long và Lê Văn Duyệt. Lần ấy qua đó nghe tiếng khóc, họ vào cởi trói, cho cô gái về, rồi ngồi chén cỗ. Khuya lại, thần tới như một trận cuồng phong nhưng bị những đường gươm nên linh mất. Sáng dậy, họ gọi phụ lão làng ấy vào rừng tìm thì thấy xác một con rắn lớn.

Sơn Nam kể truyện *Mãng xà vương Tân-bằng* ở làng Tân-bằng, sông Cán-gáo thuộc U-minh-thượng (Rạch-giá). Để được yên ổn, dân làng mỗi năm phải nộp mạng hai đứa trẻ. Vào canh ba giờ tý, hai con quái vật từ vịnh Xiêm-la hiện lên, đi đến đâu làm rung chuyển đến đó. Bấy giờ có Nguyễn Hữu Long ngự y cho nhà vua đến đây đúng vào hôm hiến tế. Ông sai thay hai đứa trẻ vô tội bằng hai con chó to béo, cạo lông mổ ruột trong nhồi thuốc mê, ngoài vẽ mặt mũi như người. Hai con mãng xà tới chén no sau khi giỡn mồi bị thuốc mê ngấm nằm bất tỉnh. Nhưng đáng lẽ giết đi thì ông lại sai đem sơn bôi vào chúng: một con màu xanh, một con màu đỏ. Tỉnh dậy, chúng tưởng lạ, cắn nhau rồi đuổi nhau chạy xuống biển, và từ đấy không trở lại nữa[1].

Lăng-đờ (Landes) cũng kể một truyện, nhưng vai trò anh hùng ở đây lại là bức tranh Quan Đế:

Ở phủ Kiến-xương có một cô gái mồ côi sống bằng nghề may thuê vá mướn. Một hôm cô đi chợ thấy có bán tranh Quan Đế. Bắt chước những người khác, cô nhịn ăn bỏ tiền mua một bức đem về mỗi ngày dâng cúng trước khi ăn, đi đâu cũng mang theo.

Một hôm đi qua làng Nhân-lý, làng này thờ thần Lợn, mỗi năm cũng phải dâng một người con gái. Cô gái thấy có hội làng, chen vào xem. Bọn hương lý làng này giả thuê cô làm một số công việc ở đền trong mấy ngày hội, hứa sẽ trả cho một số tiền lớn. Đêm lại chúng bỏ cô một mình ở đền. Cô lấy bức tranh ra treo ở tường rồi dâng hương. Nửa đêm thần Lợn xuất hiện, nhưng vừa tới gần thì đã bị Quan Đế từ trong tranh bước xuống chém làm ba khúc[2].

Vũ Ngọc Phan cũng kể truyện một thần Lợn - con lợn thành tinh - mỗi năm làng cũng phải hiến một người con gái chưa chồng. Một anh học trò nghèo đi qua đền đúng vào lúc một cô gái bị đưa đến đền. Anh cầm dao ngồi ăn với thần Lợn, có bọn "tiểu yêu" của nó hầu hạ. Thừa lúc thần Lợn không để ý, anh chém cho nó một nhát gãy chân. Thần hiện nguyên hình là một con lợn, chạy trốn mất. Cả làng đổ ra, theo vết máu đi tìm, cuối cùng bắt được lợn chén thịt. Còn chàng trai và cô gái về sau lấy nhau[3].

1. Theo Sơn Nam. *Chuyện xưa tích cũ*, tập II.
2. *Truyện cổ tích và truyền thuyết An-nam*, đã dẫn.
3. *Truyện cổ Việt-nam*.

Một loạt truyện khác tuy khác nội dung nhưng vẫn cùng cấu trúc, nhất là hình ảnh nộp mạng người cho ma quỷ:

Truyện *Ma rai:*

Có một con ma rai ở trong hang đá, dân phải cúng mỗi tháng một mạng người. Đến phiên nhà nọ, nhà chỉ có mẹ góa con côi. Hai mẹ con không muốn rời nhau, nên cả hai cùng đi, mỗi người cầm một bó đuốc vào đến cửa hang. Ma vốn sợ lửa bảo đừng đưa vào.

Hai mẹ con không nghe, cầm đuốc tiến vào, ma sợ chạy ra ngoài đồng, chết thành con ruồi[1].

Truyện *Muỗi thần* gần giống với truyện trên:

Cạnh động Toàn-sơn có một hang rất sâu có con muỗi thần to bằng con bê. Hàng tháng làng phải nộp một mạng người để cho con quái vật "chích huyết làm rượu, lấy thịt làm đồ nhắm".

Một hôm đến phiên nhà nọ cũng chỉ có hai mẹ con. Mẹ thương con cùng đi với con. Đến nơi hai người đem mía ăn, chờ muỗi thần. Ăn xong đốt bã mía để sưởi, không ngờ khói luồn vào hang, hun chết quái vật. Sau đó, Diêm vương bắt y hóa thành muỗi, từ đó muỗi chuyên chích trộm máu người[2].

Một loạt truyện khác tuy không có hình ảnh nộp mạng định kỳ nhưng cũng gần gũi với các truyện trên.

Truyện *Con bà Dần*:

Tại xã Phú-khê (Cẩm-khê) có một cái động bà Dần hay ăn thịt người. Người ta đã đánh nhau với nó, nhưng hễ chém đứt đầu hay tay chân thì những bộ phận ấy tự động tìm về và dính lại với nhau như cũ.

Một hôm bà Dần bắt được một cô gái định nuôi béo ăn thịt, nhưng nó lại sợ cứt gà. Cô gái bị bắt đi đổ cứt gà, nhân biết chỗ yếu của mụ, bèn làm cho mụ sợ, rồi trốn đi. Về làng, cô gái báo tin với dân. Họ mang nhiều cứt gà tới vung vào, lại dùng gươm có bôi cứt gà, chém bà Dần làm trăm mảnh. Những mảnh ấy hóa làm vắt, muỗi và đỉa[3].

Một truyện khác, *Quyền làm chồng*, có bàn tay tô điểm của nho sĩ với đôi nét hài hước:

Một làng kia thờ thần thiêng ở chân núi. Lúc tế thì bưng cỗ vào miếu, hôm sau đã sạch như chùi. Một hôm thần báo mộng phải nộp một người học trò

1. Theo *Bản khai của tổng Thanh-xuyên.*

2 và 3. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam,* tập I.

nọ cho thần làm chồng. Làng họp bàn. Người học trò nhận lời đi nộp mạng, nhưng bảo làng chuẩn bị cho mình một dùi sắt, một vò rượu ngon.

Đến ngày, anh giấu dùi sắt vào người, tay cầm roi song. Đến nơi nhảy lên ngai thờ ngồi. Được một lát có người con gái hiện ra mang tráp trầu vào mời. Anh thét: - "Tao là chồng, chủ mày là vợ, sao chồng đến đây đã lâu mà không thấy vợ ra mắt, hãy kêu chủ mày ra đây tao bảo". Lát sau nữ thần hiện ra ăn mặc diêm dúa, anh nọc đánh ba chục roi lấy cớ khinh người. Thần mời: - "Xin mời chàng vào". Anh đi theo vào một hang đá rồi trèo lên ngồi trên bàn đá. Cơm dọn ra thấy thức ăn nguội anh lại nọc đánh ba chục roi. Đem hâm nóng, lại bị đánh. Thần không biết làm sao mà chiều, mới ngồi khóc. Bấy giờ anh rút dùi sắt đập phá khắp nơi, một hồi chúng tan hết cả. Anh bèn đánh trống ngũ liên mời làng ra triệt hạ ngôi miếu[1].

Một truyện nữa *Người đàn bà lấy rồng* kết cục khác hẳn với các truyện trên:

Một ông vua không có con nối dõi, một đêm đi dạo vườn thấy một rắn mẹ và một ổ rắn con. Thấy vua than thở nỗi không con, một rắn con theo vua về. Từ đó hoàng hậu có mang đẻ ra một con rắn xanh, mắt sáng như ngọc. Nó lớn như thổi, chỉ ba ngày hóa thành rồng, rú lên những tiếng dữ dội. Vua và hoàng hậu sợ, bỏ đi ở chỗ khác. Đưa thứ gì rắn cũng không ăn, càng rú dữ hơn. Một viên đại thần tra tìm sách vở bảo vua rằng loài ấy phải có thịt con gái mới yên. Vua không dám làm việc ác đức nhưng cũng thử bắt đại thần đưa con gái đến. Đại thần hiến kế: - "Hạ thần sẵn lòng nhưng như thế không đủ, mà bắt con gái dân thì họ sẽ nổi loạn. Chi bằng cho lính ra biên giới bắt con gái dân láng giềng".

Một bà tiên hiện ra bảo vua cứ làm, sẽ có điều hay.

Nghe tin lính đến bắt người, một mụ dì ghẻ muốn hại con chồng, bèn sai cô con gái chồng - Bạch nương - đi chăn trâu xa, chiều tối hãy về, vì vậy mà cô bị bắt. Nhưng trước khi phải làm mồi cho rồng, Bạch nương được bà tiên hóa phép làm cho nhan sắc đẹp đẽ, lại cho một cái áo mặc vào để có thể thoát khỏi nguy hiểm. Nhờ có áo, cô đã hàng phục được rồng. Rồng bỗng biến thành một chàng trai, sau đó lấy cô làm vợ. Người dì ghẻ nghe tin này sợ quá hóa điên, bị khỉ ăn thịt[2].

Các dân tộc ở Tây-nguyên cũng có nhiều truyện thuộc mô-típ này. Xem truyện của người Mơ-nông ở **Khảo dị** truyện *Sự tích hồ Gươm* (số **26**, tập **I**).

Truyện của người Ja-rai (Djarai) *Y Rít giết đại bàng*:

1. Theo *Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp,* đã dẫn.
2. Theo La-vây-xi-e-rơ (Laveissière). *Truyện cổ tích Việt-nam.*

Có hai con đại bàng bay tới toan ăn thịt cô gái Hơ-bia Bơ-đung ngồi dưới gốc cây. Cô đáp: - "Dạo này tôi gầy lắm, để vài tuần trăng nữa ăn mới ngon". Nghe xuôi tai, chúng bỏ đi. Đến ngày hẹn, người bố đem trâu rượu mời dân làng đến canh giữ, hứa ai cứu được sẽ gả. Nhưng khi đại bàng đến thì nó thu hồn họ lại làm cho mọi người ngủ say như chết -"Tôi vẫn còn gầy lắm, đợi ba trăng nữa ăn mới ngon". Chim hút thử máu đầu ngón tay cô gái thấy đúng, liền bỏ đi. Trai làng tỉnh dậy thì đại bàng đã đi xa.

Lại sắp đến ngày hẹn với đại bàng. Trong làng còn sót một anh chàng nghèo khổ là Rít ở một túp lều rách cuối làng chưa được mời. Hơ-bia bèn mời anh đến canh giữ với các trai làng. Thấy Rít đến, trai làng chế giễu, bắt ngủ dưới sàn cạnh chuồng gà. Đại bàng tới thu hồn mọi người nhét vào ống tre dút nút lại. Rít vì ngủ ở dưới sàn nên không ở trong số đó. Rít lẻn lên buồng Hơ-bia, chờ khi đại bàng thò cổ vào định bắt Hơ-bia liền rút gươm chém chết, rồi cầm ống tre lẻn ra về. Trong đêm tối, Hơ-bia không biết là Rít, chạy theo nắm lấy vỏ gươm và khố của ân nhân, nhưng Rít kịp thời dùng gươm cắt đứt dây buộc vỏ gươm và đuôi khố đi mất. Về đến nhà anh mở nút thả hồn ra, nhờ đó mọi người tỉnh dậy. Thấy đại bàng đã chết, họ tranh công nhưng đem so vỏ gươm và khố thì không ai vừa cả. Sau Hơ-bia đến nhà Rít so thì vừa, bèn nhận làm chồng. Hai vợ chồng bị bố đuổi đi, nhưng họ làm ăn siêng năng tài giỏi, khắp nơi tôn làm pơ-tao[1].

Người Mèo ở Thanh-hóa có truyện *Giết quỷ bốn mồm năm mũi*:

Một con quỷ bốn mồm năm mũi buộc dân bản mỗi tháng phải nộp cho nó một mạng thì nó mới không phá phách. Đến phiên anh Khó, anh mài dao chuẩn bị. Có các con vật như ong, rùa, cáo, rắn và các cây rêu, ớt, bầu bí cùng giúp anh trong công cuộc diệt trừ quái vật. Những con vật và loài cây nói trên tiến vào chỗ quỷ ở. Thừa lúc nó ngủ say, các con vật xông vào đánh trước. Quỷ đau rống lên, chạy ra bị rêu, ớt, bầu bí, làm cho ngã lăn mù mắt. Khó và trai gái trong bản thừa dịp vác dao chém chết[2].

Mô-típ truyện *Tiêu diệt mãng xà* cũng rất phổ biến ở các nước trên thế giới. Hai truyện của người Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan) ở Căng-đa-har (Kandahar):

1. Vua Căng-đa-har bị bắt buộc phải hứa cho một con rồng mỗi ngày một cô gái. Mỗi sáng người ta đặt cô gái làm vật hy sinh lên lưng lạc đà. Khi đi qua chỗ ở của rồng thì nó hít mạnh, lập tức cô gái lọt vào mồm nó. Một hôm,

1. Võ Quang Nhơn. *Chàng Đam-thí*.

2. Theo *Truyện cổ dân gian Thanh-hóa*, tập I.

đến lượt cô gái đẹp con vua phải nộp mình. Vừa gặp lúc chàng A-li đi qua. Thấy cô khóc, anh nhận đi thay cho cô, cũng ngồi trên lưng lạc đà cho rồng hít. Nhưng khi vừa bị hít tới mồm rồng thì nhanh như cắt, anh tuốt gươm chém ngay một nhát, đầu rồng đứt đôi.

2. *Đứa con người đánh cá*: Một người đánh cá câu được một con cá lớn. Cá bỗng nói:- "Đừng giết tôi, tôi sẽ cho nhiều cá". Anh thả ra, quả nhiên như lời. Về nhà, anh kể với vợ, vợ bỗng nẩy ý muốn ăn thịt con cá lớn. Hai hôm sau anh đi câu cũng lại được cá lớn, mấy lần đều thả ra, nhưng do vợ dọa, cuối cùng anh phải mang về, bảo với cá là vợ mình thèm ăn thịt nó. Cá nói: - "Thế thì lấy xương tôi chia ba chôn ở vườn, ở sau nhà và ở dưới chỗ chó cái ngựa cái nằm. Lại lấy ra ba ống máu của tôi; khi con anh khôn lớn thì giao cho mỗi đứa một ống. Sau này hễ đứa nào gặp nạn, các ống máu sôi lên sẽ biết mà đi tìm". Anh làm theo. Sau đó vợ anh đẻ ba đứa con trai. Chó cái và ngựa cái cũng đều đẻ được ba con, chỗ chôn xương sau vườn đào lên được ba lưỡi giáo. Ba đứa bé lớn lên, một hôm chúng chia nhau mỗi đứa cưỡi một con ngựa và đem một con chó ra đi, hẹn sẽ cứu nhau nếu thấy ống máu sôi lên báo hiệu.

Người anh cả đi đến một làng nọ thấy mọi người đều để tang, hỏi, thì họ đáp: mỗi năm phải nộp một cô gái cho con quái vật bảy đầu, nay số phận rơi vào công chúa. Anh tìm lên rừng gặp công chúa, bảo nàng lên ngựa nấp vào một nơi. Khi quái vật đến, nhờ chó giúp, anh giết được nó. Công chúa cám ơn, mời về nhà, anh từ chối; nàng tặng một cái khăn có tên của mình. Anh cắt lấy bảy cái lưỡi quái vật, lấy khăn bọc lại, rồi chia tay. Công chúa sau đó gặp ba người đốt than bèn kể chuyện cho họ nghe. Ba người đe dọa bắt nàng phải về nói với vua là chính tay họ giết. Vua tin là thật hứa gả cho một trong ba người, nhưng công chúa hẹn sau một năm và một ngày mới cho cưới. Từ đấy công chúa buồn thành bệnh. Đến ngày hẹn, vua chuẩn bị lễ cưới, thì cái tin ấy đến tai người anh cả. Anh chàng đến kinh đô, bảo con chó của mình vào cung tìm thức ăn. Nó lấy về hai cái đĩa. Đầu bếp nhà vua báo tin ấy cho vua hay. Vua sai một toán lính đi tìm con chó, nhưng anh đã giết cả bọn, trừ một người trở về. Anh lại sai chó đi lấy bánh của vua. Vua sai lính đi tìm chó, lại bị anh diệt. Vua thân hành đến nơi mời anh lên xe đưa về dự tiệc. Khi món tráng miệng bưng ra, vua bảo mỗi người kể một câu chuyện, bắt đầu từ ba người đốt than. Họ bèn kể chiến công diệt quái vật và nói: - "Đây là bảy cái đầu do chúng tôi chém rụng!" -"Thế thì xem có bảy cái lưỡi ở trong ấy không?" anh chàng con người đánh cá hỏi thế. Họ tìm không thấy, anh lại nói: -"Vậy công lao là thuộc về người có lưỡi hay người có đầu?". Vua nói: -"Về người có lưỡi". Anh đưa gói lưỡi ra. Công chúa nhận ra khăn của mình, nói: - "Đây

mới là người cứu con". Vua sai đặt một cây thập tự treo cổ ba người kia lên, rồi gả công chúa cho con người đánh cá.

Truyện còn thêm một đoạn kết như sau:

Sau bữa tiệc, lúc về buồng, từ nơi cửa sổ chồng thấy có ánh lửa, hỏi, thì công chúa đáp: -"Mỗi tối đều như thế, không hiểu tại sao". Chờ cho công chúa ngủ, anh lén dậy ra đi. Đến một bãi cỏ, giữa có một lâu đài, anh gặp một bà già. Bà già nói: - "Nhờ ông xuống ngựa đỡ hộ cho già bó củi". Anh làm ngay, nhưng bà già - tức mụ phù thủy - đã dùng đũa biến anh và cả chó lẫn ngựa của anh thành cỏ. Người em thứ hai thấy lọ máu sôi, bèn đi tìm. Lúc đến nơi thì cũng là lúc công chúa đang trông chồng về. Thấy người em đến, công chúa tưởng là chồng vì họ giống nhau như đúc - "Sao anh về muộn" công chúa hỏi - "Xin lỗi, tôi bận ra lệnh một công việc mà người ta chưa làm". Khi về buồng trông thấy ngọn lửa, người em cũng hỏi lửa gì, công chúa đáp: - "Anh đã hỏi rồi kia mà!" - "Tôi quên mất". Anh lại chờ khi công chúa ngủ, lén dậy ra đi và cũng gặp mụ phù thủy. Sự việc cũng diễn ra như trước. Đến lượt người em thứ ba thấy máu sôi cũng tìm đến gặp công chúa và cũng theo ánh lửa mà vào rừng. Nhưng khi mụ phù thủy bảo anh xuống ngựa đỡ hộ bó củi, anh không xuống mà nắm lấy tóc mụ, bắt phải làm sống lại hai người anh. Mụ làm sống lại, anh giết chết kẻ thù. Thấy ba người trở về giống nhau, công chúa hỏi : - "Người nào là chồng tôi?". Người anh cả đáp: - "Tôi đây!" Hai người em sau cũng được kết duyên với hai cô em gái của công chúa. Lễ cưới cử hành linh đình trong sáu tháng[1].

Truyện của người A-va-rơ (Avares) ở Cô-ca-dơ (Caucase) *Chàng gấu:*

Tai-gấu đến một thành phố lớn dưới âm xin nước uống ở một bà già. Bà nói là không thể cho được vì có một con rồng chín đầu ở gần suối, mỗi năm đòi dâng một cô gái, và chỉ riêng ngày đó thôi mới để cho dân lấy nước tự do. Tai-gấu đến, không đúng ngày đó và múc được hai bình. Rồng để cho anh múc đến lần thứ hai. Tiếng đồn khắp nơi. Vua cõi âm hứa nếu anh giết được rồng thì muốn gì cũng được. Tai-gấu bèn làm hai cái che tai bằng da, bọc tai lại và mang bình đến suối. Rồng mắng sao cứ đến luôn. Tai-gấu mắng lại. Rồng trỗi dậy dùng móng quặp cái mũ che tai. Tai-gấu dùng gươm kim cương thu được trong một cuộc thắng trước đây, chặt được lần lượt chín cái đầu rồng, rồi cắt lấy mười tám cái tai mang về cho vua. Vua gả cho anh nàng công chúa năm ấy đến lượt phải hiến cho rồng. Nhưng anh chỉ xin vua giúp cho cách trở lên dương gian (xem thêm ở **Khảo dị** truyện *Thạch Sanh,* số **68**, tập **II**).

1. Theo *Đông và Tây,* tập II.

Truyện của người Hy-lạp (Grèce) giống với truyện trên:

Một nhân vật anh hùng đi đến một nước nọ được một bà già cho biết trong nước cứ tám ngày lại phải nộp một mạng người cho một con rắn mười hai đầu thì nó mới cho lấy nước uống. Lần ấy đến lượt phải nộp công chúa, anh đến giếng đã thấy công chúa bị trói vào trụ đá, bèn cởi trói, và, vì ngồi chờ lâu mỏi mệt, anh nhờ công chúa bắt hộ chấy, rồi ngủ quên. Rắn đến, công chúa kinh hoàng kêu không ra tiếng, chỉ khóc, nước mắt rơi xuống má anh chàng, làm cho anh kịp thời thức dậy. Rắn thấy hai người bèn nói: - "À ra bây giờ chúng cho ta hai mạng" nhưng vừa nói xong, nó đã bị anh giết chết [1].

Truyện của người Băng-la-đex (Bangladesh):

Một người bà-la-môn có hai vợ. Vợ thứ hai là một yêu tinh (rắc-sa-si) đội lốt một công chúa xinh đẹp. Mỗi vợ đẻ được một con trai, hai đứa trẻ yêu nhau lắm. Người vợ cả biết trước chồng mình và con rồi sẽ bị yêu tinh ăn thịt, bèn vắt sữa mình cho vào một cái bình vàng, dặn con nếu thấy sữa tự nhiên hóa màu đỏ nhờ nhờ là cha bị giết, đỏ đậm là mẹ, lúc đó hãy cưỡi ngựa trốn ngay. Khi thấy sữa đỏ đậm, đứa anh đi trốn, đứa em trốn theo, yêu tinh cũng đuổi theo con. Con rình khi mẹ vừa tới, chém một nhát kiếm, yêu tinh chết. Hai anh em đến một làng nọ. Ở đây lại có một yêu tinh khác đang tác quái, buộc nhà vua phải khấn mỗi chiều một mạng người đưa đến trong một ngôi đền, để giảm nhẹ tai họa. Lần ấy đến lượt chủ nhà phải đưa con mình nộp cho yêu tinh. Hai anh em xin đi giết. Họ đến đền đóng cửa lại và trải qua một vài nguy biến, cuối cùng chém được yêu tinh, đặt đầu xuống bên cạnh, rồi ngủ quên. Có mấy người tiều phu qua đó thấy xác yêu tinh, bèn lần lượt cắt mỗi người một mảnh nạp vua, hy vọng được chia một phần nước và được gả công chúa như vua đã hứa. Vua sai người điều tra, thấy trong đền có hai chàng trẻ tuổi với cái đầu yêu tinh, mới biết sự thật, bèn cho họ một nửa nước và gả công chúa cho người em.

1. Người Nuy-bi (Nubis) ở Xu-đăng (Soudan) châu Phi cũng có truyện giống với truyện này: có một chàng Kim-mét đến một xứ nọ ở với một bà già. Thấy bà phải uống thứ nước không sạch, anh hỏi thì bà cho biết ở đó có một con sấu ngăn nước sông, buộc phải nộp một trinh nữ mới được lấy nước. Lần ấy đến lượt công chúa nộp mình. Kim-mét tìm đến công chúa, hứa sẽ giết con quái vật. Cũng như truyện trên, anh kê đầu vào gối công chúa nhờ bắt chấy và bảo khi sấu đến thì thức anh dậy. Sấu đến đột ngột quá công chúa không kịp kêu, chỉ khóc, một giọt nước mắt rơi vào tai anh. Anh hỏi: - "Sao lại khóc?" - "Sấu đến đó, chạy đi". Anh nhỏm dậy. Thấy thế sấu nói: - "Hôm nay sao lại có những hai mồi".

Người Ấn-độ có nhiều truyện, sau đây là hai truyện tiêu biểu:

1. Hồi ấy trong một thành phố cổ ở nước Tây Ấn, có một chúa quỷ cầm đầu một lũ quỷ dữ làm hại dân. Chẳng bao lâu thành phố vắng vẻ vì nạn quỷ. Sau cùng, dân hội nhau lại xin nộp mỗi ngày một mạng người. Chúa quỷ đồng ý, nhưng buộc phải để cho người hy sinh làm vua trong ngày đó, các đại thần phải tuân theo tuyệt đối.

Một hôm có một đoàn lái buôn dừng lại ở bờ sông gần thành phố, trong đó có một người đầy tớ đi theo tên là Vi-kra-ma-đi-ti-a. Tối lại, họ nghe có tiếng chó sói gào ở gần: - "Trong hai ngày nữa có một cái thây trôi qua đây, ai bắt gặp sẽ lấy được của nó bốn viên ngọc đắt tiền giắt ở thắt lưng và một cái nhẫn ở tay; nhưng nhớ cho ta ăn thây nó, ta sẽ cho người ấy làm vua trên bảy xứ". Vi-kra-ma-đi-ti-a vốn hiểu tiếng loài vật, bèn làm đúng như thế. Ngày hôm sau anh đi qua các phố, thấy có một đàn ngựa yên cương sẵn sàng. Đến trước cửa một nhà thợ gốm, có các quan đang đứng chầu chực tại đấy. Người ta đỡ đứa con người thợ gốm lên lưng voi rước về cung, nhưng cả nhà đều khóc như ri. Vi-kra-ma-đi-ti-a biết vậy, xin thay đổi số phận, và hứa sẽ diệt quỷ. Anh mang áo bào về cung làm vua. Chiều, quỷ đến như thường lệ. Sau một trận kịch chiến, chúa quỷ bị chặt đầu, lũ quỷ tẩu tán. Sáng dậy người ta cho anh là bậc phi thường, tôn làm vua [1].

2. Có hai hoàng tử tìm đủ cách để buộc vua Li-la-va-ti gả công chúa cho họ. Cuối cùng vua nhận lời với điều kiện là họ phải giết được con sư tử dữ nhất. Hai người giết được và chặt một khúc đuôi. Trong khi đó thì một người thợ giặt ở hoàng cung thấy xác sư tử, bèn chặt đầu đưa về và nói là mình đã giết, và đòi lấy công chúa. Khi hôn lễ đang cử hành thì hai hoàng tử xuất hiện. Người thợ giặt bị xử tử. Công chúa lấy hoàng tử thứ hai. Ít lâu sau hoàng tử anh lại đánh nhau với người khổng lồ cứu công chúa, rồi bỏ ra đi sau khi giao cho em một cái hoa, dặn nếu hoa héo thì mình gặp nạn. Truyện còn tiếp diễn dài, đại khái gần với đoạn sau của truyện *Đứa con người đánh cá* trên kia.

Truyện Ả-rập (Arabie) trong *Nghìn lẻ một đêm:*

Hoàng tử con vua Yê-men đến chơi một thành phố. Ở đây mọi người đang đau khổ vì mỗi năm phải nộp một cô gái cho quái vật. Năm ấy đến lượt công chúa con vua phải nộp mình, hoàng tử đến chỗ công chúa đang ngồi đợi, hứa sẽ cứu nàng. Cuộc chiến đấu xảy ra dữ dội, hoàng tử giết được quái vật và sau khi cứu cô gái, bỏ về một mình. Vua ra lệnh cho tất cả dân thành phố đến

1. Theo Phrê-dơ (J. G. Fraser). *Kho tàng truyền thuyết của nhân loại.*

trước công chúa để công chúa nhận mặt, nhưng mãi không tìm thấy. Cuối cùng nhờ có người mách rằng có một người lạ mặt chưa chịu đến. Vua cho đưa người đó về cung. Công chúa mừng rỡ chào ân nhân.

Trong sách *Tờ-rít-xtăng và I-dớt (Tristan et Iseult)* cũng có đoạn nói về người anh hùng Tờ-rít-xtăng giết con rồng trong khi đến Ái-nhĩ-lan đóng vai người đi hỏi nàng công chúa tóc vàng I-dớt cho người cậu vua xứ Cor-nu-ai. Sau khi nắm được tin tức, Tờ-rít-xtăng tờ mờ sáng phi ngựa đến cổng thành giao chiến và cuối cùng giết được con rồng thường nuốt các cô gái, nhưng cũng bị nó phun khói độc làm cho mê man bất tỉnh. Một viên tướng Ái-nhĩ-lan thấy rồng chết liền cắt đầu trình vua, hy vọng được vua gả công chúa như đã hứa. Nhưng Tờ-rít-xtăng lại được công chúa chữa cho tỉnh lại. Đến ngày hẹn, viên tướng mạo nhận công lao bị vạch mặt vì Tờ-rít-xtăng đưa lưỡi rồng đã cắt cất trong túi ra làm chứng.

Ở mấy truyện dưới đây việc giết quái vật có vai trò của chó tham gia, giống truyện *Đứa con người đánh cá.*

Truyện Trung-quốc:

Trong một hang núi ở một vùng nọ có một con rắn lớn. Một ngày, nó ra hiệu cho dân cư phải nộp cho mình một thiếu nữ, nếu không sẽ gây tai họa. Nó buộc họ phải nộp lần lượt đến chín cô gái, các cô này đều chọn trong đám những người có tội và nô lệ. Rắn vẫn đòi ăn không chán. Dân chúng bối rối không biết tìm đâu ra. Ki, cô gái con một viên quan, xin cha cho một lưỡi gươm sắc và một con chó; lại bảo chuẩn bị cho nhiều gạo nấu với mật rải ra ở cửa hang. Khi rắn còn mải ăn thứ chè mật đó thì cô gái thả chó ra đuổi. Chó cắn đằng trước, cô chém đằng sau, cuối cùng giết được rắn. Hoàng tử nước ấy thấy cô gái đảm, bèn lấy làm vợ.

Truyện của người Ô-ba ở Tân Hê-bơ-rít (Nouvelles-Hébrides):

Một con rắn nhỏ được hai người đàn bà đưa về nuôi. Rắn mỗi ngày một lớn kinh khủng, đến nỗi nuôi trong gáo dừa, gáo dừa nứt đôi. Lại bỏ vào thúng, thúng cũng rách. Bỏ vào rọ lợn, rọ tung ra, bỏ vào chuồng thì chuồng gãy. Hai bà chưa hết sợ thì rắn đã xông đến ăn thịt. Rồi nó đến đón ở con đường mòn, hễ ai qua là rượt chén thịt. Sau đó, rắn báo với tù trưởng nếu tự thân đến nộp thì nó sẽ tha cho dân. Cô gái con tù trưởng xin đi thay. Trước khi đi, cô được bố trang sức và bôi dầu khắp người. Đi qua nhà hai vợ chồng nọ cô được hai người mời cơm. Sau đó, người chồng sai một con chó đi theo cô. Trong khi rắn thè lưỡi bò tới toan nuốt cô gái, thì con chó đã lẻn ra đằng sau ngoạm vào đuôi. Rắn quay lại bị chó cắn chết. Cô gái yên lành trở về với bố.

Một người khác thấy vậy, đến nói với tù trưởng rằng mình đã cho chó giết rắn để cứu cô gái, nay xin được lấy nàng làm vợ. Tù trưởng tưởng thật toan bằng lòng. Nhưng người có chó cùng vợ đã tìm đến hỏi hắn: - "Ai là người cứu cô gái?" - "Chính con chó của ta" - "Vậy hãy đưa con chó ấy ra đây và bảo nó nôn". Khi chó nôn ra, không thấy có gì cả. Còn con chó của vợ chồng người kia thì nôn ra được cái đuôi rắn. Thấy vậy, tù trưởng đuổi tên gian đi và đem con gái gả cho người này [1].

Truyện của Chi-lê (Chili) *Nhẹ và Nặng:*

Có hai anh em một trai một gái mồ côi, kiếm ăn rất chật vật. Một hôm, người anh gặp một ông già cho mượn hai con chó (tên là Nhẹ và Nặng) và một khẩu súng. Từ đấy, anh em luôn luôn có thức ăn. Một hôm chó dẫn họ đến một nơi có lâu đài của một tên khổng lồ, anh em làm quen với nó rồi đến đấy ở, nó giao cho tất cả chìa khóa, chỉ dặn không được mở cái phòng xanh. Một hôm người em gái ở nhà một mình tò mò, mở cửa phòng xanh, bị khổng lồ bắt làm vợ. Nó bảo cô phải tìm cách giết anh. Đã ba lần cô gái nghe theo khổng lồ âm mưu giết anh, nhưng nhờ hai con chó cứu được. Cuối cùng người anh biết em đã trở thành kẻ phản bội, bèn bỏ đi.

Anh đến một nơi gặp một cô gái đang ngồi khóc, hỏi thì mới biết cô là công chúa phải làm vật hy sinh cho một con rắn bảy đầu. Cũng như một số truyện trên, anh gối đầu vào đầu gối cô gái, có Nặng và Nhẹ nằm bên cạnh. Khi rắn đến, cô gái khóc, nước mắt rỏ xuống làm anh thức giấc, thuận tay anh bắn một phát xuyên bảy cái đầu rắn. Anh cắt lưỡi rắn bỏ vào túi mang đi. Một người da đen được vua sai đi chặt củi, thấy rắn đã chết, bèn chặt lấy đầu rắn đưa về lĩnh thưởng. Công chúa bỗng bị câm. Nhưng lễ cưới công chúa với người da đen vẫn được tiến hành. Chàng mồ côi sai Nặng và Nhẹ lần lượt đến giật lấy thức ăn trên tay chú rể. Vua sai một đội quân hai mươi lăm người đến bắt. Nặng và Nhẹ đã cắn chết tất cả. Vua sai đưa ba cỗ xe đi đón anh như anh yêu cầu. Vua hỏi: - "Tại sao lại dám giết lính?" - "Chính tôi mới là người cứu công chúa". Người da đen cãi: - "Chính tôi là người chém rắn" - "Vậy thì lưỡi nó ở đâu?" anh hỏi. Đáp: - "Trong mồm nó". Người ta xô tới tìm không thấy. Anh bèn rút lưỡi rắn trong túi ra. Công chúa bỗng nói được, kể lại sự thật. Vua đuổi kẻ gian rồi đưa anh ngồi vào chỗ chú rể.

Từ ngày lấy công chúa, anh quên súng và chó. Một hôm có người đàn bà mặc đồ tang xin vào nghỉ, nhưng lại lẻn vào buồng anh nhét một vật vào giường

1. Theo *Tạp chí Nhân loại học*, tập XXI (1915-1916).

rồi trốn đi. Anh vào giường nằm, tự nhiên lăn ra chết. Công chúa liệm xác, sắp chôn thì Nặng và Nhẹ chợt đến dùng răng xé đồ liệm, lấy ra những cái răng thuốc độc giắt vào phổi, tim và dạ dày anh (đó là do khổng lồ sai cô em gái cải trang đến làm hại anh). Anh sống lại. Lại đi săn. Bỗng gặp lại ông già ngày trước đòi lại chó và súng. Anh xin giữ hai con chó lại vì cho là nó đã quen mình. Ông già đáp - "Không, nó quen tôi hơn, không tin anh ngồi bên kia, tôi ngồi bên này, mỗi người gọi thử, xem nó quen ai?" Hai con chó quả theo ông già. Anh xin đi theo ông. Ông già trải một cái chăn, đặt hai con chó và khẩu súng ở ba góc chăn. Tự nhiên chó và súng hóa ra ba nàng tiên, mỗi nàng cầm một góc chăn bay lên không trung. Đi qua địa ngục, thấy một người đang kêu gào giữa đống lửa, ông già hỏi: - "Anh có biết người ấy là ai không?" - "Ồ, đấy là em gái tôi, xin ông cứu cho với!" Thấy ông già lắc đầu, anh lại nói: - "Em tôi đau khổ là tôi đau khổ". Ông già bèn đưa cô ra khỏi lửa mang đi theo[1].

Người Nhật có hai truyện:

Truyện thứ nhất: *Sip-pây-ta-rô* cũng có một con chó cứu tinh:

Một chàng võ sĩ đi phiêu lưu, ngẫu nhiên nghỉ đêm ở một ngôi đền bỏ hoang. Khuya tỉnh dậy thấy một lũ mèo nhảy nhót kêu gào: - "Hãy giữ kín chớ nói với Sip-pây-ta-rô". Gần sáng chúng biến mất. Khi tìm được đến làng, võ sĩ thấy một bà già đang khóc, cho biết mỗi năm thần núi đòi một người, đêm nay đến lượt con gái mình, người ta sẽ bỏ vào cũi mang đến đền. Hỏi về cái tên Sip-pây-ta-rô thì bà cho biết: đó là tên một con chó của một người ở cách đây khá xa. Võ sĩ đi tìm chủ con chó, cố nài mượn con vật một đêm. Đoạn bỏ chó vào cũi thay cô gái mang đến đền. Mọi người về cả còn võ sĩ ở lại, thấy đàn mèo ma lại xuất hiện, ở giữa có một con đen lớn hung dữ. Sau khi nhảy nhót kêu gào con vật mở cũi vồ mồi nhưng chó đã xông ra cắn, võ sĩ cũng kịp thời nhảy ra cho một nhát kiếm.

Truyện thứ hai: *Con rắn tám đầu* có nguồn gốc từ một thần thoại:

Nữ thần tạo thiên lập địa lúc sắp mất chia tài sản cho hai trai một gái. Con gái A-ma được mặt trời, con trai đầu Su-sa-nô được biển, con trai nữa được mặt trăng. Giận vì được biển lạnh lùng, một hôm Su-sa-nô nhảy lên trời đạp phá lung tung. A-ma kịp thời trốn vào hang đóng cửa lại. Vì ánh sáng mặt trời phát ra từ đôi mắt A-ma nên từ đấy thế giới tối đen. Để cứu vãn, các nàng tiên đến trước hang múa nhảy hát cười làm cho A-ma không nhịn được phải

1. Theo *Tạp chí Nhân loại học*, đã dẫn, tập XII (1917).

hé cửa nhìn. -"Ra mà xem cô tiên mới đẹp hơn cả cô đấy!" Các cô đặt trước hang một tấm gương. A-ma không biết người trong gương là mình, bèn đi ra thì họ liền đóng cửa hang lại, không vào được nữa. A-ma đành trở về, nhưng đòi phải phạt vạ Su-sa-nô. Anh chàng bị đánh đau và bị đuổi xuống cõi đất.

Ở đây, trong lúc đi dạo bờ sông, anh gặp vợ chồng một ông già đang khóc thảm thiết -"Có việc gì thế?" - "Chúng tôi có tám con nhưng gần nhà có con rắn tám đầu mỗi năm xuất hiện một lần ăn mất một. Nay chỉ còn một gái sắp cho nó ăn nốt". Chàng hứa sẽ cứu. Bèn làm một hàng rào có tám cửa, mỗi cửa có một bình rượu (xakê). Rắn tới cho mỗi đầu vào hàng rào tu rượu. Rắn say lảo đảo, bị Su-sa-nô nhảy ra chém cả tám đầu. Khi chặt vào mình rắn thì thấy đuôi nó có một thanh gươm cán gắn đá quý, đẹp chưa từng thấy. Anh lấy gươm và được kết duyên với cô gái [1] (Có chỗ nói về sau người ta tôn họ là thần kết hôn, đền thờ dựng lên ở Ô-i-át-hi-rô).

Truyện của Ý (Italia) *Mụ tiên ác* cũng có con vật có nhiều đầu:

Một mụ tiên mỗi năm bắt một thành phố nộp cho mình một trinh nữ, nếu không sẽ thả xuống một vật làm cho mọi người chết hết. Năm ấy đến lượt công chúa. Người ta rước công chúa đi có kèn trống, có cha mẹ và bà con theo khóc. Đến đỉnh núi họ đặt nàng ngồi trên một cái ngai rồi rút về. Tiên hóa thành đám mây đáp xuống hút máu đầu ngón tay. Khi công chúa ngã vật ra thì mây mang tới một lâu đài ở trên trời. Bấy giờ, có một thanh niên dũng cảm hóa làm diều bay theo rồi đậu ở ngọn cây ngoài lâu đài. Nhìn qua cửa sổ anh thấy một gian buồng đầy các cô gái nằm la liệt, sống dở, chết dở, luôn mồm gọi mẹ. Khi tiên đi vắng, anh lọt vào buồng xin ăn, rồi bảo các cô tìm cách hỏi khéo mụ làm thế nào thì mụ có thể chết được, anh sẽ cứu. Tiên về, các công chúa làm bộ thân mật hỏi mụ có thể chết được chăng? - "Ta thì không thể nào chết được" - mụ đáp. Hỏi lần khác mụ đưa đến một nơi bảo: -"Chúng mày hãy nhìn lên hòn núi xa kia, trên hòn núi có một con hổ cái bảy đầu. Chỉ có sư tử mới địch được nó. Có chặt được bảy cái đầu mới lấy được chiếc trứng trong người nó. Nếu cầm trứng ấy đánh vào giữa trán ta thì ta mới chết. Nhưng nếu ta lấy lại được trứng thì con hổ bảy đầu sẽ sống lại và ta cũng không việc gì". Nghe nói, các cô gái thất vọng nhưng cũng làm bộ chúc tụng: -"Hoan hô, mẹ ta không bao giờ chết!".

Lần sau chàng thanh niên lại đến. Khi nghe kể chuyện, anh bèn hóa thành sư tử quần nhau với hổ. Mụ tiên ở lâu đài bắt đầu thấy khó ở. Mỗi ngày anh

1. Đều theo *Truyện cổ tích của nước Nhật cổ*, sách đã dẫn.

chặt được một đầu. Sức của mụ cứ yếu dần. Sau hai ngày nghỉ sức, anh lại chặt nốt đầu thứ bảy, chiếm lấy trứng trong người nó. Nhưng trứng bị rơi xuống biển. Nhờ có một con chó biển lặn xuống lấy giúp lên. Về đến lâu đài mụ thấy trứng, bèn xin. Anh buộc mụ trả lại sức khỏe cho các cô gái. Khi mụ làm xong, anh đánh trứng vào giữa trán mụ, mụ tắt thở [1].

Hai truyện dưới đây có mục đích tuyên truyền cho tôn giáo:

Truyện của Pháp *Thánh Jor*:

Thánh Jor cưỡi ngựa trắng đến một thành phố bên cạnh hồ thấy mọi người đang than khóc, hỏi, thì đáp là đã ba năm nay có một con rồng biển đến đây, quân đội không trừ được, hơi thở của nó đủ giết chết mọi người. Mỗi một ngày người ta mang hai con chiên đấm họng, nay hết chiên đến lượt người. Hôm nay đến lượt con gái của vua. Nhà vua hứa ai cứu được sẽ cho tất cả vàng bạc và chia cho nửa nước. Thánh Jor bèn tìm đến nơi, thấy công chúa mặc áo vàng đeo vòng tay như ngày cưới, đang đợi con quái vật. Jor nói ý định của mình. Công chúa đáp: - "Hãy tránh đi kẻo chết, không cứu được đâu!" Nhưng Jor đã dùng phép đâm chết con rồng, rồi bảo công chúa lấy thắt lưng buộc vào cổ cho mình kéo về. Dân chúng sợ hãi chạy tán loạn. Sau khi chặt, phải mười hai đôi bò mới kéo nổi đầu rồng.

Truyện của người Xanh-ga-le (Singalais) theo đạo Hồi:

Dân đảo Man-đi-vơ (Maldives)[2] mỗi tháng phải mang hiến một trinh nữ cho một hung thần từ biển hiện lên dưới dạng một chiếc tàu đầy đèn sáng lựng. Cô gái hy sinh được dẫn đến một ngôi đền có cửa sổ hướng ra biển, ở đó suốt đêm, sáng dậy thì chỉ còn xác không hồn. Mỗi tháng bắt thăm trúng ai, người ấy chịu. Một hôm có người dân Béc-be theo đạo Hồi thuộc lòng kinh Co-răng (Coran), đến trú tại đây, ở nhờ nhà một người đàn bà. Thấy mọi người khóc lóc như có đám tang, hỏi, thì mới biết số phận đen đủi rơi vào con gái của bà - "Tôi sẽ đi thay cho con bà", anh nói. Khi đến ngôi đền, anh ngồi đọc kinh suốt đêm. Thần hiện lên nghe tiếng đọc kinh lại biến vào biển. Sáng dậy mọi người thấy anh còn sống bèn đưa anh đến cho vua. Anh khuyên vua theo đạo Hồi. Vua bảo đợi một tháng, khi thấy không có tai họa nữa bèn ra lệnh cho cả đảo theo đạo Hồi.

Các truyện trên có lẽ xuất phát từ tục hiến tế bằng máu người rất phổ biến trong thời cổ đại. Sau đây là một truyện của thần thoại Hy-lạp:

1. Theo Pua-ra (Pourra): *Kho tàng truyện cổ tích*, tập II.
2. Quần đảo ở Tây nam Ấn-độ, trước là thuộc địa của Anh.

Một ông vua tên là A-tha-mát có một trai một gái. Vua lấy vợ kế có hai con. Vợ kế ghen ghét con vợ trước, âm mưu trừ bỏ. Trước hết mụ sai đàn bà trong xứ bí mật rang lúa mì giống trước khi đem vãi. Dĩ nhiên không một hạt nào mọc. Dân làng lâm vào nạn đói. Vua cho hỏi tiên tri ở đền Đen-phơ, nhưng mụ ta ngăn trở sứ bộ và dặn về phải trả lời là nạn đói sẽ còn tiếp diễn nếu không đem con của A-tha-mát làm vật hy sinh ở đền thờ thần Dớt. A-tha-mát sai người đi tìm con. Lúc này chúng đang chăn cừu, trong đó có một con lông vàng; con vật này mách cho hai anh em biết, và bảo hãy đi theo mình trốn mau không thì nguy. Hai anh em bèn trèo lên lưng thì chiên lông vàng bay lên không trung. Em gái tuột tay rơi xuống biển chết, còn anh trai đến xứ khác được làm vua, lấy con gái vua ở đấy đẻ ra Xi-ti-so. Anh cúng con chiên cho thần Dớt, còn bộ lông vàng thì cho bố vợ đóng vào một cây "sên" do một con rồng giữ. Lúc này ở nhà, lời phán truyền lại bảo rằng A-tha-mát phải làm vật hy sinh cúng thần. Người ta đưa lẵng hoa dắt vua ra bàn thờ thần. Sắp bị giết thì cháu nội là Xi-ti-so do thần Héc-quyn mách, đến cứu được. A-tha-mát được cứu nhưng hóa điên, thấy con của vợ sau tưởng là thú dữ bèn giết đi. Sắp giết đứa thứ hai thì mẹ nó đến cứu, rồi cả mẹ lẫn con nhảy từ núi cao xuống chết. Về sau mụ hóa thành thần biển, được dân đảo Tê-nê-đốt thờ, hàng năm dân phải hiến tế trẻ em [1].

Xem thêm truyện của người Đức ở phần **Khảo dị**, truyện số **123**, tập **III**.

1. Đều theo Phrê-dơ (J. G. Fraser), sách đã dẫn.

149. GIÁP HẢI

Vào đời nhà Lê, tại làng Công-luận thuộc trấn Kinh-bắc có một người đàn bà góa nghèo khổ không nơi nương tựa. Từ lâu bà mở một ngôi hàng nước ở ven đê để sống qua ngày.

Một hôm, có một ông khách vào hàng bà uống nước. Lúc ra đi, ông khách bỏ quên ở hàng một cái túi đựng đầy bạc. Bà bèn đem túi bạc cất đi. Mấy hôm sau, thấy ông khách cũ trở lại, bộ dạng hớt hơ hớt hải, bà đã biết ý liền thủng thỉnh mang túi bạc ra trả. Ông khách đếm lại thấy số bạc của mình vẫn còn nguyên vẹn thì cảm ơn không ngớt, rồi trích hẳn một nửa đem biếu bà hàng. Nhưng người đàn bà lắc đầu:

- Không phải mồ hôi nước mắt do tôi làm ra, tôi đâu dám nhận.

Ông khách cố nài mãi, nhưng bà nhất định không lấy, và nói thêm:

- Nếu tôi có lòng tham của, thì tôi đã chẳng phải ngồi nhặt từng đồng kẽm thế này.

Ông khách chưa từng thấy người nào trọng nghĩa khinh tài như vậy nên ân cần bảo:

- Tôi là thầy địa lý chính tông ở Bắc quốc sang đây. Bà có tấm lòng vàng như vậy tất con cháu sẽ được hưởng phúc dày của bà. Vậy phần mộ tổ tiên bà ở đâu hãy chỉ cho tôi, tôi sẽ tìm cho một ngôi đất quý hiển.

- Tôi bây giờ tuổi đã xế bóng - bà hàng trả lời - Chồng con anh em chẳng còn một ai, dù được đất tốt cũng chả làm được gì. Tôi cứ sống với nghề hàng nước này như thế là đủ rồi.

Nhưng ông khách vẫn cố tìm lời lẽ để cho người đàn bà xiêu lòng. Ông nói là mình mới chọn được một kiểu đất phát trạng nguyên tể tướng, lại ở sát gần đây, thật là hiếm có. Nếu táng được mộ tổ vào đấy thì sau này đến tuổi già sẽ có nơi nương tựa không gì tốt bằng. Ông còn nói: bà là người phúc đức xứng đáng được hưởng phú quý vinh hoa, chớ nên từ chối.

Thấy ông khách bàn vào mãi, bà hàng sau đó ưng thuận, bèn đưa ông ta ra đồng chỉ ngôi mộ của bố mình để cho ông lo việc cải táng. Công việc xong, trước khi từ giã, thầy địa lý không quên dặn bà hãy cố gắng giúp đỡ người nguy kẻ khó thì rồi phúc đức sẽ đến sớm hơn.

Sau mấy tháng, một hôm vào khoảng chập tối, trời sắp nổi mưa to gió lớn, bà hàng nước bỗng nghe tiếng gọi cửa cầu cứu. Bà mở cửa ra thì thấy một người đàn ông đóng khố, toàn thân ướt sũng đang rên hừ hừ. Người ấy nói mình ở làng bên cạnh, nhân đi đánh giậm xa bị cảm lạnh, lại vì mưa gió không thể về nhà được, nên xin vào nghỉ nhờ tại đây. Thấy người ấy run lẩy bẩy, nước da tái nhợt, tay chân lạnh toát, người đàn bà lấy làm thương hại, bèn dìu vào nhà đốt lửa cho sưởi rồi sau đó lại thổi cơm cho ăn. Bấy giờ vào khoảng tháng Mười trời rất lạnh, nhà bà ta chỉ có một chiếc chõng và một chiếc chiếu thì đã nhường cho khách nằm. Khuya lại rét quá, bà cũng phải ghé lưng vào nằm bên cạnh. Người đánh giậm, sau một giấc ngủ say đã thấy bớt mệt. Cả hai người trong gian nhà vắng, cuối cùng không ngăn được lửa dục. Nhưng không may cho người đàn ông, vì bị hàn thấp ngộ phòng, nên vừa ân ái xong đã lăn ra bất tỉnh.

Thấy người đánh giậm chết, người đàn bà sợ liên lụy đến mình bèn nhân đêm tối, đem vùi thây người bạn một đêm ấy xuống chân đê.

Từ đấy bà hàng nước có mang, chẳng bao lâu đủ ngày đủ tháng sinh được một đứa con trai. Mặc cho những lời nhiếc móc, bà hết lòng nuôi nấng, chăm sóc con, không rời ra một bước. Nhưng chẳng may khi thằng bé lên bốn tuổi, một hôm đang lững thững chơi một mình ở bờ sông bỗng có một người lái buôn thấy mặt mũi nó khôi ngô, bèn dỗ dành đưa xuống thuyền rồi dong buồm đi mất. Chiều lại, bà hàng nước không thấy con về, bèn đâm bổ đi tìm khắp nơi. Mãi không thấy con đâu, bà đoán là nó đã ngã xuống sông, hai là mẹ mìn dỗ mất, đành gạt nước mắt mà trở về nhà.

*

* *

Lại nói chuyện người lái buôn vốn họ Giáp người làng Dĩnh-kế. Vì không có con trai nên từ khi bắt trộm được đứa bé, hắn ta mừng lắm

liền đặt tên là Hải, bắt nó gọi mình bằng bố, và sau đó, nuôi nấng chăm chút như con đẻ. Năm lên sáu tuổi, Hải được cắp sách đi học. Nhờ thông minh linh lợi, Hải học càng tấn tới. Năm mười chín tuổi, Hải đã thi đỗ á nguyên nhưng thi hội hai lần bị hỏng, phải tìm thầy học thêm. Cuối cùng, được người bố cho tiền lưng gạo bị đến kinh đô theo học ở trường một cụ nghè.

Một hôm đi học qua bến Bồ-đề, Hải thấy một người đánh cá bắt được một con ba ba nhỏ xinh xắn sắp đem làm thịt. Tự nhiên động lòng thương hại, Hải liền ngăn lại, hỏi mua, người đánh cá đòi những bốn quan tiền. Không kỳ kèo, Hải vội về nhà lấy tiền đưa ngay. Mua được về, Hải bỏ ba ba vào ngăn kéo. Hàng ngày cứ thường lệ buổi sáng chàng để bụng đói đi học, trưa về mới thổi cơm. Cứ đến bữa cơm lại mở ngăn kéo đem ba ba ra cho cùng ăn.

Được mấy ngày, một hôm Hải đi học về, bỗng thấy có cơm canh bày sẵn ở trên bàn mà không biết ai dọn. Chàng hơi ngạc nhiên, nhưng cứ ngồi vào bàn ăn ngon lành. Hôm sau và hôm sau nữa cũng vẫn như vậy. Hải từ ngạc nhiên đến tò mò, sáng sớm bèn giả cách đi học, nửa đường lộn trở về thì thấy con ba ba từ trong ngăn kéo bò ra, hóa thành một người con gái đẹp. Từ chỗ nấp, Hải chạy vội vào giấu xác ba ba vào hòm khóa lại. Cô gái không có chỗ biến hình nữa, thẹn thò bảo chàng:

- Thiếp là con gái vua Thủy, hôm nọ đi chơi chẳng may bị chúng bắt được, may có chàng cứu cho mới thoát nạn. Nên thiếp nấn ná ở đây để trả ơn chàng.

Từ đấy hai người ăn ở như vợ chồng. Một hôm cô gái bảo Hải:

- Thiếp vắng nhà đã lâu ngày, chắc bố mẹ đang sốt ruột trông đợi. Thiếp muốn về thăm nhà, nhân thể mời chàng xuống chơi ít lâu cho biết.

- Ta là người trần làm sao mà xuống được, Hải đáp.

- Không hề gì. Chàng cứ trả lại lốt ba ba cho thiếp và đi theo thiếp.

Nhưng Hải còn băn khoăn:

- Ta đang luyện văn bài để đợi khoa thi. Đi như vậy không tiện.

- Nhà thiếp có Trạng nguyên họ Lương, chàng xuống đó có thể hỏi nghĩa lý sách vở rất tiện.

Hải nhận lời ngay. Hai người dắt nhau ra bờ sông. Cô gái khoác lốt ba ba rẽ nước cho Hải xuống. Vua Thủy trông thấy con gái về thì vui mừng khôn xiết. Vua tiếp đãi người ân nhân của con rất hậu và cố lưu lại tiệc tùng khoản đãi không ngớt. Mấy ngày sau, Hải gặp được Trạng nguyên họ Lương, trong khi ông đang ngồi giảng kinh *Dịch*. Được nghe giảng, Hải rất mừng vì gặp được thầy giỏi. Vua Thủy sai dọn một ngôi lầu tĩnh mịch cho chàng ôn luyện sử sách.

Hải vui chơi dưới Thủy phủ suốt mấy năm liền quên cả về. Một hôm, vua Thủy giục chàng về gấp để giành lấy trạng nguyên. Vua còn tống tiễn bạc vàng rất hậu. Hải rất bịn rịn khi phải chia tay với cô gái vua Thủy.

Vừa lên khỏi mặt nước thì Hải đã nghe tin nhà vua xuống lệnh chỉ cho mở khoa thi. Không kịp trở lại quê nhà báo tin, chàng vội tìm đến nhà trọ cũ ở kinh đô để chuẩn bị lều chiếu vào trường. Sau đó Hải đậu tiến sĩ rồi vào thi đình đậu luôn trạng nguyên. Tính từ lúc xuống Thủy phủ cho đến ngày vinh quy vừa đúng mười một năm. Người lái buôn họ Giáp từ ngày Hải xuống Thủy phủ vẫn đinh ninh là con nuôi đã mất tích, ngày đêm than khóc không nguôi; chợt một hôm nghe tin trường thi yết bảng có tên con mình đứng đầu, lòng mừng không lấy chi cân, bèn hối hả sai người nhà sắm sửa nếp gạo, lợn bò và trang hoàng nhà cửa để con về vinh quy bái tổ.

Bấy giờ dân đinh hàng huyện bị buộc phải mang trống chiêng cờ quạt, cơm gói muối đùm đi đón quan Trạng, ai nấy đều tỏ vẻ không bằng lòng. Trong số đó có những người dân làng Dĩnh-kế vốn biết Trạng không phải quê gốc ở làng mình huyện mình, bèn nói vụng với nhau: - "Cái anh nghè này không biết quê cha đất tổ ở đâu tự nhiên về làm con nhà họ Giáp, bắt chúng ta phải phục dịch ngày đêm đến là khổ sở!"

Trạng Hải bấy giờ nằm trong cáng, nghe lỏm được câu phàn nàn của dân phu bèn sinh mối hồ nghi. Ngẫm lại, chàng thấy giữa mình với bố mẹ khuôn mặt cũng như vóc người rõ ràng không có gì tương tự. Nhưng Hải vẫn không truy vấn người lái buôn vì thấy lòng không nỡ. Nhưng cũng từ đấy chàng bắt đầu để bụng dò la. Mãi sau mới có người mách cho biết Trạng là con một bà hàng nước nào đó chứ không phải là con

đẻ của ông lái buôn họ Giáp. Chẳng qua vì hiếm hoi nên ông ta tìm cách bắt trộm về làm con mình. Điều hồ nghi trong lòng chàng vì thế càng trở nên day dứt.

Một hôm, Trạng Hải cùng người hầu tình cờ đi đến làng Công-luận, thấy ở hàng nước ven đê có một bà lão ngoài 70 tuổi. Trạng sai người đến hỏi thăm bà lão, thì bà cho biết trước kia mình có sinh một đứa con, năm lên bốn tuổi ra bờ sông chơi bị sẩy chân rơi xuống sông, bây giờ sống một thân một mình không nơi nương tựa. Hỏi có tìm được xác con không thì bà lão cho biết vì không có tiền thuê người tìm tòi, và không nghe ai nói tìm thấy xác, nên coi là mất tích.

Tuy chưa biết có đích thật hay không, Trạng cũng sai người bảo bà lão:

- Quan tôi trông thấy cố già cả, chồng con không có, muốn đem về nuôi làm phúc, chẳng hay cố có bằng lòng không?

- Nếu quan lớn có lòng thương đến kẻ già này thì còn nói gì nữa - bà lão đáp.

Từ đấy bà lão đi theo Hải đến chỗ làm quan, cái ăn cái mặc được chu cấp tử tế. Một hôm bà lão trông thấy Trạng thì bỗng òa lên khóc. Mọi người xúm lại hỏi bà, bà lão nói:

- Trước tôi đẻ được đứa con trai có cái nốt ruồi ở chân bên phải. Bây giờ tôi trông thấy ở chân phải quan có cái nốt ruồi, tôi nhớ đến con tôi, xin các ông tha lỗi cho.

Bấy giờ Trạng mới tin bà lão đích là mẹ mình. Hai mẹ con nhận ra nhau và ôm nhau mà khóc. Còn người lái buôn tự biết mình có lỗi đến thú tội với Trạng, nhưng Trạng xét công lao của bố nuôi đã cho mình ăn học nhờ đó mới có ngày hôm nay, nên vẫn tỏ ra một lòng hiếu kính, phụng dưỡng bố mẹ nuôi và mẹ đẻ như nhau.

*

* *

Về sau có lần Trạng được vua sai làm chánh chủ khảo đi chấm thi ở trường Sơn-nam. Trạng ra đầu bài hiểm hóc, học trò ứng thí không có hy vọng được đỗ, bèn bí mật bàn nhau ước định nổi dậy phá trường

thi. Nghe tin, Trạng lấy làm lo sợ phải ra đầu bài khác để cho họ thi lại. Sau đó, Trạng cho người dò la, cuối cùng bắt được người học trò chủ xướng. Tuy mới chỉ là âm mưu, nhưng Trạng cũng khép y vào tội chết. Bố mẹ người học trò đến kêu khóc với Trạng nói nhà mình "độc đinh", chỉ có nó là con nối dõi, vậy xin nộp một ngàn quan tiền để chuộc mạng. Nhưng Trạng đang cơn giận dữ, nhất định ra lệnh trảm quyết không tha.

Được ít lâu, con trai của Trạng là Giáp Phong không có bệnh tật gì, tự nhiên lăn ra chết. Trạng thương tiếc quá bèn sai người mời phù thủy đến đánh đồng thiếp cho mình xuống âm phủ đi tìm con, nhưng chẳng có thầy nào làm cho Trạng vừa lòng.

Một hôm có một đạo nhân mặc áo rách đi giày rách đến cửa xin gặp. Trạng vốn ghét đồng cốt quàng xiên nên không chịu tiếp, nhưng đạo nhân đòi gặp mặt Trạng mới chịu đi. Khi hai người gặp nhau, đạo nhân trừng mắt, hỏi:

- Có muốn gặp con không?

Trạng tự nhiên mất vẻ trịch thượng, đáp:

- Có.

- Vậy thì hãy ngồi im nhắm mắt lại, ta sẽ đưa tới nơi.

Nói đoạn, đạo nhân liền thư phù rồi đọc một câu thần chú. Giáp Hải bỗng thấy tối sầm cả lại, rồi thấy người ấy dẫn mình đi. Trạng đi mãi, đi mãi, tuy thấy chồn chân nhưng vẫn không dám dừng lại. Cho đến lúc tới một nơi nhà ngói tường dắc, bên trong lầu son gác tía, người hầu kẻ hạ tấp nập, thì thấy đạo nhân đi chậm lại, rồi dẫn mình vào một dãy hành lang. Đến đây, đã thấy Giáp Phong đang đánh cờ với một ông quan trong một ngôi lầu bát giác xa tận phía trong. Thấy vậy, Trạng một hai xin phép vào gặp con ngay, nhưng mấy lần lính vào bẩm, Giáp Phong vẫn cứ làm ngơ không trả lời. Mãi sau ván cờ tàn, ông quan kia hỏi Giáp Phong:

- Anh không quen thuộc gì với người ấy ư?

- Có - Giáp Phong đáp - trước kia tôi có trọ nhà ông ta hai chục năm, nhưng vì ông ta giết oan mất một người học trò, nên tôi không ở nữa.

Khi tỉnh dậy, Trạng biết đó là sự báo oán, bèn sai gọi bố mẹ người học trò bị chém, cho họ tiền để về sửa lễ làm chay cho con [1].

KHẢO DỊ

Về những truyện có tình tiết người cứu vật được đền ơn (hoặc nó hóa thành cô gái theo về làm vợ, hoặc nó giúp cho mình tìm vợ và giàu có), Việt-nam và các dân tộc khác đều có, tuy rằng mỗi truyện phát triển một kiểu khác nhau. Xem thêm truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* số **48**, tập **II** và truyện *Cô gái con thần Nước mê chàng đánh cá*, số **175**, tập **IV**. Sau đây là một vài truyện tiêu biểu:

Truyện của người Choang: *Anh Ba và quan thổ ty*:

Một cụ già trước khi tắt thở bảo ba con mỗi người kiếm nghề làm ăn. Vì lười, người anh cả tiêu hết tiền, chết đói. Người thứ hai học nghề trồng rau, người thứ ba nghề câu cá. Một hôm người em câu được một con cá đáp, về mổ bụng thấy một con cá chép vàng đang còn thoi thóp. Anh thả vào chậu, cá chép sống lại, nhưng một hôm anh đi vắng cá biến mất. Buồn rầu, anh đi chơi ven sông, bỗng gặp một chàng trai (không phải là cô gái như truyện của ta) tự xưng là cá vàng vốn là con Long vương, mời anh xuống chơi để đền ơn cứu mạng. Long vương yêu quý tặng anh nhiều vàng bạc, nhưng nghe lời dặn của cá vàng, anh từ chối tất cả, khi ra về chỉ xin con gà trắng. Từ đấy ngày nào đi câu về anh cũng thấy cơm canh sẵn sàng. Sau đó một hôm anh giả vờ đi câu nửa đường lộn về, thì thấy một cô gái đẹp. Cô gái đang lúng túng toan chui vào lồng gà nhưng không kịp. Đó là con gái Long vương. Hai người trở thành vợ chồng.

Thổ ty thấy vợ anh đẹp muốn bắt, liền buộc anh phải nộp một trăm hai mươi con cá chép, mỗi con mười bảy lạng, con nào cũng đỏ như nhau. Vợ anh lấy giấy đỏ cắt đủ một trăm hai mươi miếng rồi hóa phép thành cá nộp cho thổ ty. Lần thứ hai, thổ ty lại bắt dệt một tấm vải màu xanh da trời dài bằng con đường đi. Vợ anh xuống sông đưa lên một quả bầu thần, ước một cái có ngay tấm vải. Lần thứ ba, hắn lại bắt nộp một đàn dê đỏ, anh đều có đủ. Lại bắt nộp một trăm hai mươi con quái vật. Anh cũng nộp ngay. Nhưng quái vật lại đòi thổ ty cho chúng ăn dầu, ăn xong nửa đêm chúng la hét om sòm. Thổ

1. Theo Vũ Phương Đề. *Công dư tiệp ký*.

ty châm đèn không ngờ lửa bén vào quái vật. Nóng quá chúng chạy khắp nơi. Cơ nghiệp của thổ ty cháy hết[1].

Truyện của người Mèo *Tiếng khèn Tồng Páo:*

Tồng Páo mồ côi đi ở chăn bò cho bà cô. Sợ anh quyến rũ con gái, bà đuổi anh ra·khỏi nhà. Giúp đỡ cho người, anh lên núi học được nghề thổi khèn với một cụ già. Thành nghề, anh được cụ cho chiếc khèn. Cô gái con vua Thủy mê tiếng khèn của anh, mời anh xuống Long cung giúp vui trong lễ của vua Thủy; nhân đó anh dạy cho cô gái thổi khèn. Khi vua trả công, anh chỉ xin cái cốc bé như lời mớm của cô gái. Nhưng cốc bé lại chính là con gái con vua Thủy. Hai người trở thành vợ chồng có lâu đài, súc vật, của cải, v.v... Tiếng khèn Tồng Páo làm Ngọc Hoàng say mê. Nhưng khi Ngọc Hoàng thấy mặt vợ anh thì đòi đổi vợ - chín lấy một. Nhờ mưu vợ, anh lên kiệu về trời làm Ngọc Hoàng còn Ngọc Hoàng sau đó bị giết chết. Đoạn cuối còn thêm chi tiết: con trai anh (do cô gái con vua Thủy bấy giờ đã trốn về Long cung, đẻ ra) cùng mẹ lên trời tìm bố. Sau khi trải qua một vài thử thách, Ngọc Hoàng tức Tồng Páo gặp lại vợ và con[2].

Ở truyện của người Ma-rốc (Maroc) thì cốt truyện lại phát triển theo một hướng khác:

Một người câu cá nghèo một hôm thả lưới cùng với người con trai, lần thứ nhất được một con lừa chết, lần thứ hai một hòn đá, lần thứ ba mới được một con cá lớn. Trong khi người bố bận việc về nhà trước thì người con vì thấy cá khóc nên tỏ lòng thương hại, đã thả cá xuống nước. Sau đó, sợ bố đánh mắng anh bỏ đi một mạch. Dọc đường anh gặp một người con trai chào đón rất niềm nở, rồi rủ anh đi đến một thành phố nọ, luôn luôn tiếp đãi rất ân cần. Đi qua một cửa hiệu tơ lụa có nhiều hàng đẹp, thấy anh trầm trồ có vẻ ưa thích, người con trai lạ thuê ngay một cửa hàng còn lớn hơn nhiều cho anh quản lý. Ở đây có lắm thứ hàng quý lạ, thu hút sự chú ý của mọi người. Vua thấy anh giàu có mời anh đến ăn tiệc và cho phép anh tự do thăm các cung viện. Anh gặp công chúa và được công chúa mời uống chè. Một hôm, anh thấy buồn, người trai lạ hỏi lý do, anh nói muốn lấy công chúa mà không biết làm sao - "Dễ lắm, người trai lạ nói, anh cứ đến hỏi có gì ta sẽ liệu". Hôm sau anh ngỏ lời với vua. Vua bàn với hoàng hậu. Hoàng hậu đưa ra một viên ngọc quý bảo anh phải mang một viên giống thế đến làm sính lễ. Người trai lạ cho anh cả

1. Theo *Truyện dân gian Trung-quốc*, đã dẫn.

2. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, đã dẫn.

một túi ngọc quý. Anh mang đến cho vua và được ở trong cung với công chúa. Anh ở lỳ đấy đến một năm, quên mất lời hẹn với bạn. Sau đó bạn cũng giúp anh đưa công chúa về thăm quê bằng cách chuẩn bị chỗ ăn chỗ nghỉ dọc đường rất chu dáo. Khi gần đến quê, bạn nói thật cho anh biết mình vốn là con cá bị bắt dạo nọ cốt giúp anh để trả ơn. Rồi lại cho anh một thứ bột để khi cần thì rắc một ít vào chỗ câu cá năm xưa, nó sẽ đến giúp[1].

Ở truyện của Ả-rập (Arabie) sưu tầm ở Cai-rô (Le Caire), thì cốt truyện còn phát triển khác hơn:

Mô-ham-mết, con một người câu cá, do trả lại sự sống cho một con cá mà mình câu được, nên được nó trả ơn bằng cách giúp anh đến cung vua, lập được nhiều công trạng. Vua muốn vỗ ơn anh. Một đại thần bày cho vua kế sai anh đi hỏi công chúa ở xứ Đất xanh đầy nguy hiểm. Cá bảo anh đòi vua một chiếc tàu vàng. Vua cho. Cá dẫn đường cho tàu chạy. Đến nơi thấy tàu đẹp mọi người đổ xô ra xem, trong đó có công chúa; chờ công chúa bước lên khoang, anh cho tàu chạy về nước. Công chúa ném nhẫn xuống biển. Cá đớp lấy. Đưa về, vua muốn lấy công chúa. Công chúa đòi phải tìm cho được chiếc nhẫn cưới dưới biển mới lấy. Vua bắt Mô-ham-mết đi tìm. Anh lại nhờ cá và lấy được nhẫn cưới cho vua. Công chúa lại nói phong tục nước mình khi kết hôn phải đào một con kênh nối lâu đài với sông, lại chất đầy củi rồi đốt lửa cho chàng rể nhảy vào tắm lửa, sau đó sẽ trở về với vợ. Vua nhận làm, nhưng khi đốt củi lên thì bắt Mô-ham-mết nhảy vào lửa trước xem sao. Cá bày cho anh cách cầu thần để nhảy vào lửa mà không chết. Khi bước ra đẹp hơn lúc vào. Thấy thế, vua và đại thần nhảy vào lửa, bị thiêu ra tro. Mô-ham-mết cưới công chúa và lên ngai vàng[2]. (Hình tượng cuối cùng này giống một truyện của người Ý, xem **Khảo dị**, truyện số **92**, tập **II**).

Về chỗ người mẹ Giáp Hải được thầy địa lý trả ơn, tìm cho một đám đất quý, nhờ đó Giáp Hải về sau đậu Trạng làm quan, ở ta có rất nhiều truyện có tình tiết tương tự, chẳng hạn truyện *Nguyễn Văn Giai*:

Bố mẹ Nguyễn Văn Giai nhà nghèo mở quán làm nghề hàng nước. Một hôm có những người khách phương Bắc bị bão đắm tàu đến quán hàng này mấy lần ăn chịu, lại vay tiền làm tiền ăn đường. Hai vợ chồng cầm nồi, áo lấy tiền giúp họ không tính chuyện trả ơn. Sau đó, được họ tìm cho một đám đất quý để táng mộ bố. Người vợ một hôm đi múc nước giếng thấy có sao rơi vào

1. Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi), sách đã dẫn.
2. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập II.

bình, bèn uống lấy, từ đấy cảm động có mang, sinh ra Nguyễn Văn Giai. Nguyễn Văn Giai lớn lên thông minh, có sức khỏe, đi thi đậu đầu, về sau có công "phù Lê diệt Mạc" làm đến chưởng lục bộ quận công [1].

Về chỗ Giáp Hải xuống âm phủ tìm con nhưng không được con nhìn nhận, ở ta còn có hai truyện, đầu đề *Con là nợ*, đều có hình tượng tương tự:

1. Một nhà phú hộ có ba người con. Người con cả ham mê cờ bạc, nướng hết của nhà. Người con thứ hai, trái lại cần cù làm ăn, đưa về rất nhiều tiền bạc, nhưng lại dè xẻn chẳng tiêu gì cả. Còn người con út thì hết ăn no lại nằm. Tự nhiên cái chết mang cả ba đi một cách đột ngột. Người phú hộ thương xót vô cùng, bèn mời thầy đồng thiếp cho mình đi tìm con.

Xuống đến địa ngục, người cha gặp ba đứa con đang cưỡi ngựa. Mừng quá, ông chạy theo gọi tướng lên. Nhưng hai đứa đầu thấy mặt bố, vẫn cắm cổ thúc ngựa chạy đi, không ngoảnh lại, trừ có người con út. Người cha ôm lấy nó khóc lóc: - "Sao các con lại bạc bẽo thế, bỏ cha mẹ mà đi cùng một lúc, cho nên cha phải xuống tìm, thế mà hai đứa kia cứ cắm cổ mà đi!". Người con trả lời: - "Chúng tôi vốn không phải là con ông. Người đầu là kẻ ông từng mắc nợ, nên nó đánh bạc tiêu xài cho đến khi hết số nợ mà ông phải trả. Còn người thứ hai là kẻ mắc nợ ông, cho nên nó phải làm ăn chắt bóp để trả đủ số nợ. Còn tôi chỉ là người làm chứng. Khi thấy đôi bên đã "lai hoàn đủ số" thì chúng tôi ra đi[2].

2. Có hai vợ chồng già mà chưa có con. Hàng ngày họ thành khẩn cầu nguyện. Thấy thế, Ngọc Hoàng bảo đức Phật giúp cho họ một đứa con. Đức Phật nói với Diêm vương, Diêm vương bảo quan hầu xem có ai thiếu nợ ông già thì cho đầu thai lên trả. Quan đáp: - "Không có ai thiếu nợ ông ta cả, chỉ có ông ta thiếu nợ của người mà thôi" - "Vậy thì cho người ấy đầu thai ngay!" Từ đó bà già có mang đẻ được một trai. Đứa con lớn lên ăn xài vô độ, tiêu hết tiền của dành dụm của bố mẹ. Sau đó, tự nhiên nó đau nặng rồi chết. Cũng như truyện trên, thấy con chết yểu, người bố buồn quá, đánh đồng thiếp xuống thăm. Khi cha con gặp nhau, chẳng những hắn không mừng mà còn hỏi xóc: - "Cha chết rồi hay sao mà xuống đây?". Ông già kể chuyện cho nghe, hắn đáp: - "Kiếp trước ông thiếu tôi ba ngàn quan. Từ ngày về với ông, tôi đã tiêu hết hai ngàn bảy trăm. Thấy ông tốt, tôi miễn cho ba trăm, vậy là tử tế lắm". Ông già cứ nằng nặc khuyên con trở về. Nó bỏ đi mất, ông lại đi tìm, đón

1. Truyện này chép đầy đủ trong *Văn học dân gian sưu tầm ở xã Ích-hậu* (chưa xuất bản).

2. Theo Jê- ni- bren (Génibrel), sách đã dẫn.

đường hết lời khuyên dỗ. Nó lại bỏ đi. Giận quá, ông già về đào mả đốt xương con quăng khắp nơi. Không ngờ lửa lan ra làm cháy mía của các chủ ruộng khác, bị họ bắt đền, tổng cộng hết ba trăm quan. Ông nghĩ lại: - "Vậy là cuối cùng tròn số ba ngàn quan"[1].

Một truyện thứ ba *Thái thú Diễn-châu* tình tiết có khác ít nhiều:

Vợ một ông tri phủ Diễn-châu đẻ mấy bận không nuôi được. Một lần có mang, chồng mộng thấy thần cho một lưỡi tầm sét bảo đánh cho con một chiếc vòng chân. Bèn làm theo. Đứa con trai lần ấy quả nuôi được, đặt tên là Kim Tích. Kim Tích mười bảy tuổi đỗ cử nhân, một hôm bảo người bố: - "Nay con đã khôn lớn, chả nhẽ cứ phải đeo vòng mãi sao". Bố cho là phải, bèn tháo ra, nhưng vừa tháo thì Kim Tích chết. Thương con quá, ông bắt cả nhà để tang.

Một cô gái bán cau ở gần làng có quen biết nhà này, một hôm đến chơi cho biết Kim Tích hôm kia đến chơi nhà mình có xe ngựa và đầy tớ rậm rịch, chắc làm quan to. Lại bảo: -"Muốn biết thì hai hôm nữa đến nhà tôi nấp xem sẽ thấy". Người bố làm theo, quả gặp. Nhưng khi thấy bố, Kim Tích mắng: - "Mày giam hãm tao mười bảy năm nay còn mặt mũi nào mà nhận cha con nữa". Nói xong biến mất. Người bố tức quá về đốt hết đồ tang đi[2].

Tương tự với truyện trên, Trung-quốc có truyện như sau:

Một người họ Trương tên là Thiện Hữu thường ăn chay niệm Phật, lấy vợ họ Lý tuy làm ăn khá giả nhưng chưa có con. Gần làng có một người tên là Thiệu Đình Ngọc, nhà nghèo, mẹ chết không có tiền làm ma, mới tìm đến ăn trộm nhà Thiện Hữu lấy được sáu mươi lạng bạc trót lọt. Sau đó, có một nhà sư ở Ngũ-đài-sơn đi quyên giáo đến gửi cho Thiện Hữu hơn một trăm lạng của nhà chùa. Chồng đưa cho vợ cất. Một hôm bận đi hành hương ở miếu Đông-nhạc, chồng bảo vợ hễ sư đến lấy thì giao. Nhưng khi nhà sư đến, người vợ kiếm điều đuổi đi, nói nhà mình không giữ tiền nong gì cả. Khi chồng về, vợ nói dối là đã giao tiền cho sư rồi.

Hai năm sau, người vợ đẻ được một con trai, từ đó nhà làm ăn khấm khá. Năm năm sau lại sinh được đứa thứ hai. Con cả thức khuya dậy sớm, ăn không dám ăn, tiêu không dám tiêu. Trái lại con thứ hai thì cờ bạc hát xướng không lúc nào ngơi, nợ như tổ đỉa. Bố mẹ thấy thế, chia của làm ba phần, hai con

1. Theo Sơn Nam, sách đã dẫn.
2. Theo *Đại-nam kỳ nhân liệt truyện*, sách đã dẫn.

hai phần, mình giữ lấy một. Nhưng đứa thứ hai phá tán gia tài chỉ trong nửa năm. Hết, lại đến đòi bố mẹ. Được ít lâu người anh cả ốm nặng rồi chết, tài sản lại lọt vào tay em, nó ăn chơi vô độ, tiêu hết rồi chết. Người mẹ buồn rầu khóc lóc đến chảy máu mắt rồi cũng qua đời. Liên tiếp gặp mấy cái tang, Thiện Hữu đau xót quá, bèn đến trước miếu Đông-nhạc kêu gào với thần. Bỗng nằm thiếp đi, thấy mình đến trước Diêm vương. Thiện Hữu lại kêu với Diêm vương, Diêm vương hỏi: - "Có muốn gặp con không?" - "Có". Quỷ vâng lệnh vua đưa hai đứa đến. Thiện Hữu mừng rỡ bảo con cả: - "Con ơi! Con trở về với cha nhé!" Nó lạnh lùng đáp: - "Tôi không phải là con ông. Kiếp trước tôi là Thiệu Đình Ngọc vì trộm bạc của ông nên tôi phải đầu thai làm con để trả đủ vốn lẫn lãi đó thôi!". Người cha lại quay sang đứa thứ hai: - "Con về với cha nhé!". Đáp: - "Tôi cũng không phải con ông. Xưa tôi là sư ở Ngũ-đài-sơn vì ông cướp không số tiền quyên giáo, nên tôi đầu thai để đòi cả vốn lẫn lãi". Thiện Hữu nói: - "Tôi mà cướp tiền quyên giáo của nhà chùa ư? Vợ tôi chả đã giao cho hòa thượng đủ số rồi kia mà!". Diêm vương hỏi: - "Có muốn gặp vợ không?" - "Có". Quỷ lại đưa vợ đến với gông ở cổ, xiềng ở chân. Thiện Hữu hỏi về số tiền quyên giáo. Vợ kể cho biết sự thật, và cho biết mình đang ở tầng địa ngục thứ mười tám, bị hành hạ rất khổ sở. Nói xong níu lấy áo chồng kêu cứu. Thấy vậy, Diêm vương đập bàn quát tháo. Thiện Hữu chợt tỉnh dậy, sau bỏ đi tu [1].

1. Theo Vi-ê-jê (Wiéger): *Sách sơ yếu [bạch thoại]. Truyện kể.*

150. TAM VÀ TỨ

Ngày xưa có một người làm nghề bưng trống tên là Tam. Mỗi lần làm xong một số hàng có đủ trống con trống lớn, ông thường mang đi các vùng lân cận để bán. Bán hết, ông lại trở về làm chuyến khác. Một hôm ông gánh hàng đi bán ở một vùng khá xa. Vừa trèo lên một ngọn đèo, ông bỗng thấy một người ngồi ẩn dưới bóng một cây đa. Thấy mệt và nóng bức nên ông cũng dừng lại ở đây nghỉ chân. Trong khi trò chuyện, hai người hỏi tên tuổi và nghề nghiệp của nhau. Người hàng trống biết khách tên là Tứ làm nghề buôn vặt nhưng hết vốn, đang định tìm chỗ làm thuê để nuôi miệng.

Tam thương cảnh ngộ của Tứ, bèn giở gói cơm ra mời ngồi lại cùng ăn, đoạn bảo Tứ:

- Bây giờ anh hãy gánh giúp cho tôi một đoạn đường từ đây tới khi anh rẽ lối khác. Tôi sẽ trả cho anh một số tiền.

Hai người bắt đầu xuống núi. Đi một thôi đường, họ thấy khát nước, và sau đó, cả hai đều dừng lại bên một cái giếng thơi ở vệ đường. Nhìn thấy giếng sâu, thành đứng lại đầy rêu, không biết làm sao mà múc, Tứ bảo Tam:

- Bây giờ ta làm cách này thì uống được. Tôi buộc sợi dây lưng vào người, ông nắm chặt lấy một đầu dây, để tôi bám vào thành giếng trèo xuống. Uống xong ông kéo lên cho. Sau đó đến lượt ông lại làm như tôi để xuống.

Họ làm như lời đã bàn. Nhưng đến lượt Tam xuống thì Tứ để mặc Tam dưới đáy giếng rồi quảy gánh trống đi luôn một mạch. Tam gọi mãi không thấy Tứ, biết là bị lừa, bèn đứng dưới giếng kêu cứu ầm ĩ. Không may cho Tam là đoạn đường ấy rất vắng nên kêu khản cả cổ mà chả có một tiếng trả lời. Mãi đến chiều tối mới gặp được mấy người khách bộ hành đi qua, nhờ đó được họ kéo lên khỏi giếng.

Tam vừa xót của vừa giận phường bội nghĩa, đi thất thểu mãi đến chiều rồi lạc vào một ngôi chùa. Ông gọi người thủ hộ, nài nỉ xin cho mình được vào nghỉ nhờ một đêm. Thủ hộ bảo:

- Ở đây có bốn con quỷ "quàn tài" dữ lắm. Thường đến canh ba thì chúng hiện ra. Người quen thì chớ, còn người lạ thì chúng nó bóp cổ. Thôi, ông đi chỗ khác mà trú, đừng lân la nơi đây mà thác uổng mạng!

Tam bấy giờ đầu gối đã mỏi, mắt đã ríu, nên đáp liều:

- Bạch thầy, thầy cứ làm ơn cho tôi ẩn nấp một chỗ nào đó kín đáo, để tôi ngủ nhờ một tối, kẻo tôi bây giờ không thể lê bước đi đâu được nữa.

Thủ hộ chỉ vào một cửa hang và bảo:

- Đó là cái hang mà bốn con quỷ hay ra vào, bên cạnh cửa hang có một chỗ kín có thể nấp được, ông vào đó mà ngủ may ra thì thoát. Ngoài đó ra chả có nơi nào kín hết!

Tam đành chui liều vào chỗ thủ hộ chỉ, rồi đặt mình xuống làm một giấc. Đến canh ba, tỉnh dậy, thấy bốn con quỷ vừa đi đâu mới về. Chúng nó đứng lại ở cửa hang trò chuyện với nhau. Con quỷ thứ nhất nói:

- Phía sau ngôi chùa này, cách mười bước về phía bên trái có chôn sáu chĩnh bạc.

Con quỷ thứ hai nói:

- Phía sau ngôi chùa này, cách mười bước về bên phải cũng có chôn sáu chĩnh vàng.

Con quỷ thứ ba nói:

- Còn tôi, tôi có biết một chỗ giấu một viên ngọc quý, ai mà bắt được thì có thể làm chúng ta chết ngay lập tức!

Con quỷ thứ tư nói:

- Ngọc ở đâu?

- Ở bên cạnh cửa hang này.

Nghe nói thế, Tam nhớ lại lúc đi ngủ quả có thấy một viên gì tròn tròn và sáng ở ngay cạnh chỗ nằm; lập tức chàng với tay chộp lấy ngọc. Giữa lúc mấy con quỷ chưa kịp bỏ đi, Tam đã vung tay ném hòn ngọc vào giữa chúng, làm cho cả bốn đều chết thẳng cẳng.

Sáng dậy, Tam bước ra khỏi chỗ nằm đi tìm thủ hộ để cám ơn. Sau đó ông trở về gọi người nhà tìm đến chùa, đào lấy mấy chĩnh vàng và bạc. Từ đó, Tam trở nên giàu có sung sướng.

Còn Tứ sau khi cướp được gánh trống của Tam, bèn tìm đi một nơi xa để bán. Chiều tối hắn ghé lại một cái quán xin nghỉ trọ. Chủ quán bảo:

- Ở đây khuya lại có quỷ hiện ra làm hại khách lạ. Vậy ông hãy gắng đi cho thật xa mới khỏi làm mồi cho chúng.

Nghe nói Tứ hoảng sợ, nhưng bấy giờ tìm đến làng xóm thì đã quá muộn, hắn đành phải xin chủ quán chỉ cho một chỗ kín đáo để nấp tránh lũ quỷ. Chủ quán chỉ cho Tứ một cái hang kín. Tứ đặt gánh trống ở ngoài cửa hang, chui vào nằm ngủ.

Khuya lại, quả có một lũ quỷ kéo đến cửa hang. Chúng vô tình giẫm lên mặt trống, trống phát tiếng "thùng thùng". Giật mình kinh sợ, mỗi con quỷ chạy trốn vào một xó. Một con quỷ chui nhào vào hang Tứ nằm giữa lúc hắn đang ngủ mê. Thế là tiện tay quỷ bóp cổ, hắn chết[1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta giống với khá nhiều truyện của các dân tộc Đông và Tây:

Trước hết là truyện của Băng-la-đex (Bangladesh):

Một hoàng tử và một người con viên cảnh sát (kôt-oal), một thiện, một ác, cùng kết bạn với nhau để đi ra nước ngoài. Một hôm qua một cái giếng, nhân khát khô cổ, hoàng tử bảo người bạn dòng mình xuống để uống. Người kia bỏ hoàng tử xuống giếng rồi đi thẳng. Đêm lại, hoàng tử nghe dưới giếng có hai vị thần (bo-hut) nói chuyện với nhau. Một vị nói mình bắt được một nàng công chúa và phải làm phép như thế, công chúa mới được giải cứu. Vị thần kia cho biết dưới một gốc cây gần giếng có năm lọ vàng mà mình là kẻ canh gác. Phải làm phép như thế mới có thể đưa vàng lên khỏi mặt đất.

Sáng dậy hoàng tử được một người qua đường giúp đỡ đưa lên khỏi giếng. Người qua đường này lại chính là người được vua sai đi rao khắp thiên hạ rằng ai cứu được công chúa khỏi tay hung thần sẽ chia cho nửa nước. Hoàng tử lập

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

tức theo đúng cách đã nghe lỏm được, cứu thoát cho công chúa rồi đến giếng chiếm lấy năm lọ vàng. Biết có người nghe lỏm, hai vị thần tức giận từ đấy hết sức đề phòng.

Đứa con viên quan cảnh sát một hôm nghe câu chuyện hoàng tử gặp may, nổi lòng tham bèn tìm đến giếng trèo xuống. Nhưng hai vị thần đã rình sẵn tóm lấy y giết chết.

Gần như là một với truyện trên là truyện trong *Nghìn lẻ một đêm*:

A-bu Ni-ut (Thiện) nhân khát nước, nhờ một người bạn đường là A-bu Ni-ut-tin (Ác) buộc dây dòng mình xuống một cái giếng. Nhưng đang giải khát thì người bạn đã cắt dây, bỏ anh lại. Đến khuya, A-bu Ni-ut nghe dưới đáy giếng có hai hung thần nói chuyện với nhau về cách chữa bệnh cho một công chúa và cách tìm kho vàng. Sáng mai, nhờ một người bộ hành đi qua, anh được kéo lên khỏi giếng. Anh bèn đến cung vua xin chữa bệnh cho công chúa và sau đó, lấy được nàng làm vợ, lại đào lấy được kho vàng. Ít lúc sau gặp lại người bạn đường cũ, anh kể hết cho hắn nghe. A-bu Ni-ut-tin cũng muốn được may mắn nên tự mình trèo xuống giếng nhưng hai hung thần lúc này đã gặp lại nhau, tin cho nhau biết việc bí mật của họ bị lộ. Nổi giận, họ lấy đá lấp giếng lại. A-bu Ni-út-tin bị chết dưới giếng.

Truyện của người Xa-ri-kô-li (ở Trung Á, phía Tây cao nguyên Pa-mia (Pamir)) không nói đến giếng mà nói đến cái hang:

Có hai anh bạn Thiện và Ác cùng đi với nhau. Mấy ngày đầu họ ăn lương thực của Thiện. Ăn hết rồi, Ác đòi Thiện phải chọc một con mắt thì mới cho anh ăn vào lương thực của mình. Bữa thứ hai hắn bắt anh chọc nốt con mắt kia. Cuối cùng, hắn bỏ người bạn lại dọc đường. Thiện ẩn vào một cái hang. Đêm lại, anh nghe có ba con vật: chó sói, gấu và chồn nói chuyện với nhau về một nàng công chúa bị mù và cách chữa mù bằng một thứ cây và một thứ nước giếng ở gần hang. Thiện đi tìm thuốc chữa lành mắt mình lại đến kinh đô chữa lành mắt cho công chúa, được vua kén làm phò mã. Khi gặp Ác, Thiện cũng kể chuyện mình cho Ác nghe. Ác bèn cũng mò đến cái hang kia, nhưng ban đêm, các con vật nghe tiếng động của Ác bèn xúm lại vồ chết.

Một loạt truyện ở Á và Âu tuy không nói đến giếng hay hang nhưng đều có tình tiết tương tự. Dưới đây là một vài truyện tiêu biểu:

Truyện của người Kiếc-ghi-dơ (Kirghizs) giống truyện vừa kể ở chỗ cũng có hai nhân vật Thiện và Ác (nhưng khi ăn đến chỗ lương thực của Ác, thì ở đây, Ác đòi phải cắt hai tai và chọc hai mắt Thiện). Khi bị bỏ ở rừng, Thiện nghe câu chuyện của ba con vật: hổ, chồn và chó sói. Chồn nói đến một thứ

cây chữa lành tai và lành mắt. Hổ nói đến một con chó nọ, xương nó có thể làm cho người chết sống lại. Còn con chó sói mách một chỗ có một khối vàng to bằng đầu người. Sáng dậy, Thiện đi tìm cây quý, tự chữa lành tai và mắt, rồi đi nhặt khối vàng, đoạn lấy một số vàng mua lại con chó quý. Tới một nước nọ, Thiện lấy xương chó chữa cho vua sống lại. Để tạ ơn, vua gả công chúa cho anh. Khi Ác nghe kể câu chuyện, liền giục Thiện cắt tai, chọc mắt cho mình và đưa mình đến rừng để mong cũng được phú quý, nhưng hắn đã bị ba con vật kia vồ chết.

Người Kiếc-ghi-dơ còn có một truyện khác: có ba vị hoàng tử cùng nhau lên đường để tìm một con chim họa mi biết nói mà vua cha nằm mộng thấy, hứa thưởng cái ngai vàng cho người nào tìm ra. Đến một chỗ nọ có ba ngả đường, họ chia tay và hẹn ngày gặp nhau. Hoàng tử trẻ là Hem-ra sau đó trở thành chồng một nàng tiên, và nhờ vợ, cuối cùng anh làm chủ được con chim mầu nhiệm. Về đến một quán hàng, anh gặp lại hai người anh lúc này đã trở thành nô lệ cho người làm hầu bếp. Hem-ra lấy tiền ra chuộc và đưa hai anh về. Dọc đường, hai người móc mắt Hem-ra quẳng xuống giếng, đoạn lấy chim mang về. Khi gặp vua, chim mách vua biết tình hình của Hem-ra. Trong khi đó, nhờ có nùi tóc của vợ mang theo, Hem-ra gọi nàng tiên đến cứu anh lên khỏi giếng.

Truyện của người U-dơ-bếch (Ouzbeks):

Tu-gơ-lây (thành thực) cưỡi ngựa đi tìm cách sống, gặp U-gơ-lây (giả dối) bèn kết bạn. Anh không bị bạn chọc thủng mắt nhưng lại bị lấy trộm mất ngựa. Dọc đường trời tối, anh ngủ trong một cái lò bánh mì bỏ hoang mà đêm đêm các thú rừng thường tụ họp. Anh nghe một con cáo nói có một hang đá gần đấy có nhiều đồ ăn thức đựng quý giá. Một con gấu nói có một loại cây quý ở gần đấy có thể chữa bệnh cho một công chúa. Một con chó sói nói có một đàn dê bốn vạn con, mỗi ngày nó chén hai con, nếu người chăn dê mua được một con chó to ở một chỗ nọ thì chính nó sẽ bị chó diệt. Một con hổ nói có một đàn ngựa đông, mỗi ngày nó ăn thịt một con, nếu có người nào cưỡi được con ngựa khoang trong đàn thì nó sẽ bị tóm cổ. Sáng dậy, Tu-gơ-lây tìm cây thuốc hái lá cất đi. Anh mua con chó to đưa biếu bác chăn dê. Lại đến tìm người chăn ngựa bảo lấy yên cương lắp vào con ngựa khoang cho mình bắt hổ. Anh ném thòng lọng bắt được hổ giết chết. Người chăn ngựa biếu anh con ngựa khoang. Anh cưỡi đến cung vua xin chữa bệnh cho công chúa. Công chúa lành bệnh, anh từ chối chức quan chỉ xin một túp nhà bên núi có hang đá như con cáo nói, và nhờ đó được sống sung sướng.

U-gơ-lây nghe chuyện cũng tìm đến lò bánh mì nằm ngủ. Nghe các con vật kể cho nhau về nỗi thất bại của mình, vì có kẻ nào đó nghe lỏm nên gấu mất luôn cây thuốc, hổ thì bị giết chết, chó sói bị đuổi, và hang của cáo có người đến chiếm, sư tử liền ra lệnh tìm cho ra kẻ gian. Một con gà rừng chỉ cho chúng biết trong lò có người nghe trộm. Lập tức chúng chui vào xé xác U-gơ-lây.

Truyện của người Pháp:

Một người lính giải ngũ tự chọc mù mắt mình để cho một người thứ hai dắt đi ăn xin, nhưng sau đó anh thấy mình thiệt thòi vì được miếng ngon nào, người kia đều hưởng mất cả. Thấy anh kêu ca, hắn bỏ anh lại trong rừng. Đêm lại, ngồi trên cây, anh nghe câu chuyện của bốn con vật (chồn, lợn lòi, chó sói và hoẵng) nói về một con sông có nước chữa được mù mắt, về một công chúa bị bệnh và chỉ chữa khỏi bệnh bằng nước con sông nọ, về dòng suối của một thành phố kia bị tắc vì một cây cổ thụ, v.v... Sáng dậy, anh lần đi tìm sông để chữa mắt cho mình. Xong đến thành phố mách cho quan quân biết cách tìm ra dòng nước, nhờ đó được thưởng một vạn năm nghìn quan. Cuối cùng đến gặp vua, anh bày cách chữa bệnh cho công chúa, được vua cho làm phò mã. Về sau anh gặp lại bạn cũ và sự việc diễn biến y như các truyện trên; các con vật thấy câu chuyện của mình bị lộ, tức giận, nhìn thấy có người ngồi trên cây, bèn làm cây đổ, vồ chết.

Truyện vừa kể khá phổ biến ở các dân tộc châu Âu, tình tiết có khác đôi chút theo địa phương. Có nơi còn đèo thêm một đôi điều thuyết lý về đạo đức. Ví dụ truyện của người Đức:

Một người chủ nói với tớ rằng: không phải sự thật và công bằng mà chỉ có giả dối và phản phúc ngự trị. Tớ nói trái lại. Hai bên hẹn nhau đi tìm bằng chứng, ai nói đúng sẽ được chọc mắt đối phương. Họ gặp ba nhân vật đều chứng cho lời nói của chủ là đúng. Thế là tớ bị chọc mù mắt, bơ vơ giữa rừng. Đêm lại, tớ nghe những con quỷ nói chuyện với nhau về một loại cây nào đó ở gần đấy chữa lành mắt. Tớ đi tìm cây tự chữa lành, rồi còn chữa lành mắt cho một công chúa và được lấy nàng làm vợ. Sau đó chủ nghe tớ kể cũng tìm đến rừng ấy, nhưng bị quỷ chọc cho mù mắt.

Truyện của người Ấn ở miền Nam:

Một hoàng tử tên là Xu-bu-đi nói với con một viên đại thần tên là Đuốc-bu-di rằng lòng thiện sẽ thắng, còn người kia thì nói ngược lại. Một hôm hai người cùng nhau đi săn. Tức giận vì thấy hoàng tử hay chế giễu mình nên người kia bất ngờ nhảy tới móc mắt và bỏ chàng lại giữa rừng. Hoàng tử bò lê đến một

cái đền, vào ẩn trong đó, rồi đóng cửa lại. Thần đền này là Kâ-li, khi trở về thấy cửa đóng, toan rủa chết người nào đóng cửa, bỗng nghe tiếng hoàng tử nói vọng ra: - "Tôi bị mù sắp chết, thần bắt tội chết cũng được, nhưng nếu thần cứu tôi, tôi sẽ mở cửa". Thương tình, thần hứa, và sau đó chữa lành mắt cho Xu-bu-đi. Thần lại kết bạn thân với hoàng tử và mách cho biết ở một nước nọ có một công chúa bị bệnh hóa mù, ai chữa khỏi sẽ được làm vua. -"Chỉ cần lấy một ít tro của đền ta bỏ vào mắt nàng trong ba ngày, ngày thứ tư sẽ khỏi". Hoàng tử mang tro đi chữa và được lấy công chúa. Về sau, gặp Đuốc-bu-đi đi ăn xin, hoàng tử nhiều lần giúp đỡ cho hắn, nhưng lần nào hắn cũng lấy oán trả ân, cuối cùng hắn bị hại.

Truyện của người Mèo *Người anh tham lam*:

Có hai anh em bố mẹ chết để lại một đàn lợn béo. Chôn cất xong, hai anh em đưa lợn ra chợ bán. Qua một miếu thần, người anh vào quỳ hỏi: - "Lòng ngay thẳng hơn hay lòng gian ác hơn?". Thần bảo cái sau hơn. Anh bèn chọc mù hai mắt của em rồi chiếm lấy đàn lợn. Em lạc vào rừng sâu rồi trèo lên một cây cao nằm ngủ, không ngờ dưới gốc cây vốn là chỗ thú vật hội họp. Em lắng tai nghe câu chuyện của chúng. Hổ nói: - "Tao thấy dưới sàn nhà nọ có ba hố bạc". Lợn nói: - "Tao đào củ ở một chỗ nọ thấy ba hòm tiền". Gấu cũng chỉ một kho của ở bìa rừng. Khỉ chỉ một quả cây vắt nước vào mắt người mù thành sáng. Chúng hỏi: - "Cây nào?" khỉ trỏ vào cây mà người em đang ngồi. Sau khi các loài thú vật bỏ đi, người em hái quả, nhỏ nước vào mắt, quả nhiên mắt sáng lại. Rồi anh lần lượt đi tìm các vật quý như các con vật đã kể. Khi người anh bán xong lợn về đã thấy em mình ở nhà, mắt sáng và giàu có. Nghe em kể chuyện, người anh lại đi hỏi thần miếu. Thần miếu trả lời như cũ. Anh về bảo em chọc mù mắt mình. Em không chịu. Anh tự chọc mắt rồi tìm cây nọ trèo lên. Nhưng khỉ đã trông thấy hắn liền báo cho các con vật khác biết. Chúng rung cây, người anh rơi xuống bị xé xác. Thần miếu bỏ chạy [1].

Một truyện khác cũng của người Ấn sưu tầm ở chân núi Hi-mã-lạp (Himalaya):

Một người Bà-la-môn nghèo đi ăn xin. Một hôm đi qua bốn cái làng mà không được miếng gì. Đến làng cuối cùng hắn gõ cửa nhà một vị lão làng. Người vợ lão làng mở cửa cho ăn. Nhưng khi lão làng về, thấy vậy liền cầm giày đánh đuổi. Người Bà-la-môn chạy qua nghĩa địa thấy có lửa, ghé lại sưởi, nhân đó gặp một con ma. Con ma trước cười sau khóc. Người Bà-la-môn cũng

1. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*.

làm như vậy. Ma hỏi lý do. Người Bà-la-môn cũng hỏi như thế. Ma đáp: - "Cười là ngồi một mình có bạn, khóc là vì chốc nữa có bốn mụ chằng từ bốn phương lại, sẽ ăn thịt hoặc tao hoặc mày" - "Có cách gì thoát không?" - "Trèo lên cây kia".

Anh vừa trèo lên cây thì bốn mụ chằng tới ăn thịt con ma và kể cho nhau nghe về bốn cái cốc bạc dưới một gốc cây nọ, về cách dùng mật một con chim để làm người già trẻ lại, về cách chiếm lấy chuỗi hạt của một con chuột, và về một hòn núi đá ở một nơi kia có rất nhiều vàng, v.v... Sau đó, người Bà-la-môn lần lượt đi lấy cốc bạc, lấy mật chim và chuỗi hạt của con chuột. Nghe tin có ông vua hủi, anh tìm đến xin chữa. Bị đuổi ra, nhưng rồi cũng được vào cung, sau sáu ngày quả lành bệnh. Vua hứa sẽ cho bất kỳ cái gì anh muốn. Anh chỉ xin quyền sở hữu một hòn núi đá nọ mà thôi. Vua cho là điên, nhưng thấy trước sau người ấy chỉ xin có chừng ấy, bèn cho anh làm chủ quả núi cùng với vài đồng vàng. Nhưng vua không ngờ nhờ hòn núi, người Bà-la-môn trở thành đại phú.

Về sau, vị lão làng đến gõ cửa ăn xin nhà người Bà-la-môn. Người này bảo vợ xúc một đĩa ngọc ra cho. Lão làng lắc đầu. Người Bà-la-môn lại bảo vợ "xúc cho thật đầy". Lão làng vẫn không lấy. -"Ông muốn gì?" người Bà-la-môn hỏi - "Tôi muốn được giàu như anh". Người Bà-la-môn bèn kể lại chuyện cũ cho y nghe. Lão làng bùi tai đến nghĩa địa để gặp được ma. Ma cũng bày cho trèo lên cây. Bốn mụ chằng lại đến ăn thịt ma và than thở với nhau về những điều bí mật kể cho nhau nghe lần trước bị lộ. Nhác thấy lão làng, bốn mụ xông tới ăn thịt [1].

Một truyện của đồng bào Cham-pa *Run và Rai* cũng là một dị bản của các truyện trên nhưng các phần sau lại gần giống với *Tấm Cám* (số **154**) và *Sự tích con khỉ* (số **12**, tập **I**).

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Sóc-lành Sóc-ác hay là Sự tích cây cỏ may* cũng là một dị bản, nhưng đoạn cuối phát triển theo hướng khôi hài. Sóc-lành mồ côi ở với bà, nhà nghèo, người làng ai cũng thương. Sóc-ác người cùng làng nhà giàu nhưng độc ác, nên ai cũng ghét. Một hôm Sóc-ác rủ Sóc-lành đi chặt tre về sửa nhà cho bà Sóc-lành, Sóc-lành nói: - "Tôi không có dao rựa và lương ăn". Đáp: - "Ta sẽ cho mượn đồ dùng và cho ăn". Lên rừng, Sóc-lành làm được nhiều, còn Sóc-ác chỉ chơi. Khi ăn, Sóc-ác chọc hai mắt Sóc-lành rồi

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập I.

đạp xuống suối, về nhà nói dối là đã bị hổ ăn thịt. Sóc-lành rơi xuống suối miệng luôn mồm cầu nguyện: -"Lạy đức Phật!". Một con cá sấu thấy thế thương hại đưa về cho chúa. Nghe Sóc-lành kể, chúa gắn ngọc vào hai mắt, mắt lại lành như cũ, đoạn cho một nắm cát đưa về rải lên chùa, cát hóa thành vàng bạc châu báu. Từ đấy bà cháu Sóc-lành trở nên giàu có.

Nghe kể chuyện, Sóc-ác nhờ Sóc-lành chọc mù mắt mình và đạp hộ xuống suối. Nhưng dầu hắn cầu nguyện "Lạy đức Phật!" rầm rĩ cũng chẳng một ai đến cứu. Cái đầu lâu Sóc-ác tuy bị rữa hết thịt, vẫn kêu "Lạy đức Phật!" luôn mồm. Mấy cô gái con một người lái buôn nhặt được đem về cho bố. Thấy thế bố liền đặt lên mâm đưa vào triều. Y đánh cược với các quan một trăm lạng vàng, nếu y sai khiến được đầu lâu nói: "Lạy đức Phật!". Nhưng y mất số tiền cược vì đầu lâu lại không chịu nói. Tức giận, y ném đầu lâu xuống suối. Một nhà sư nhặt được đem về làm lễ siêu độ rồi thiêu hóa, đem tro ấy trộn sơn quét lên chiếc xe của mình. Nhưng từ đấy chiếc xe lại thỉnh thoảng văng tục vào người đi đường và đã hai lần làm cho nhà sư vất vả chạy trốn để khỏi bị họ trừng phạt. Cuối cùng chiếc xe bị đốt cháy, nhưng tro của nó biến thành cỏ may; hạt cỏ may cứ luôn luôn bám vào quần áo của người đi đường làm cho người ta khó chịu [1].

Cuối cùng là một phật thoại *Ông Thiện ông Ác* của Ấn-độ:

Một ông vua nước Ba-la-nại (Bénarès) tên là Ma-la-ha-xa có hai người con: một, do chính phi sinh ra tên là Thiện, một, do thứ phi sinh ra, tên là Ác. Hai người tính nết trái ngược từ thuở nhỏ. Thiện vốn thương người, một hôm đi chơi ngoài thành thấy nỗi khổ của dân chúng thì về xin vua cha mở kho để bố thí. Vua vì yêu con nên để cho Thiện tự do. Nhưng khi thấy vợi hết hai phần ba kho tàng, các quan khuyên vua hãm lại. Nghe nói Long vương ở biển Đông có viên ngọc ma-ni có thể cứu vớt chúng sinh, Thiện không ngại hiểm nguy, cương quyết ra đi mặc dù bố mẹ can ngăn. Vua không giữ được, đành chiêu mộ năm trăm người tình nguyện trong đó có Ác đi theo. Nhưng đến bờ biển, Thiện bảo họ trở về mà đi một mình. Được Long vương tặng ngọc, trên đường về Thiện lại gặp Ác. Để chiếm viên ngọc, Ác nhân khi Thiện ngủ, chọc thủng hai mắt anh rồi về một mình, nói dối với vua cha rằng anh mình đã chết.

Bị mù, Thiện lưu lạc ở nước Lợi-tu-bạt (vốn có công chúa trước hứa gả cho

1. Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). *Truyện dân gian Căm-pu-chia chưa hề in.*

Thiện) làm nghề gảy đàn rong. Cuối cùng được một người gác vườn ngự cho làm nghề đuổi chim. Hàng ngày Thiện phải giật dây khi nghe có tiếng chim, nhưng anh chỉ giật khi chim đã ăn xong. Một hôm công chúa dạo vườn thấy Thiện, không biết là người hứa hôn, đâm ra mê mẩn và xin vua lấy làm chồng. Vua không ngăn được, đành phải cho hai người lấy nhau. Một hôm, công chúa đi chơi vắng, lúc về bị chồng trách. Công chúa nói mình đến thăm chị em. Chồng vẫn không tin - "Nếu lòng tôi trung chính xin cho một mắt của anh sáng lại". Công chúa thề như thế. Một mắt của Thiện tự nhiên sáng ra. Đến lượt vợ trách chồng. Thiện nói: -"Tôi không phải ai khác mà là con vua Ba-la-nại". Vợ không tin. Chồng thề: - "Nếu tôi nói đúng thì xin một mắt kia sáng nốt". Con mắt thứ hai của Thiện trở lại sáng như xưa. Thấy rể lành mắt, vua nhường ngôi cho.

Bấy giờ bố mẹ của Thiện thương khóc con đến mù lòa. Một hôm hoàng hậu viết thư bảo con bạch nhạn - con vật nuôi của Thiện ngày trước - đi tìm. Bạch nhạn quả tìm được chủ. Đọc thư, Thiện mừng quá, liền viết thư kể hết mọi việc, sai nhạn đưa về. Vua cha được thư liền bắt Ác bỏ ngục và sai người đi đón vợ chồng Thiện về nước. Thiện về đến nơi xin tha tội cho Ác. Anh được vua cha nhường ngôi. Với hòn ngọc do Ác trả, anh giúp cho cha mẹ khỏi lòa và làm cho dân chúng được ấm no hạnh phúc [1].

1. Theo *Đuốc tuệ* (1936).

151. BÍNH VÀ ĐINH

Có hai anh em một nhà họ Nguyễn; anh tên là Bính đã có vợ, còn em tên là Đinh thì còn bé, chưa vợ con gì. Từ ngày bố mẹ mất, Đinh sống chung với anh chị một nhà. Nhưng tính vợ chồng Bính tham lam, thường coi em như kẻ ăn người ở. Bao nhiêu ruộng tốt, nhà gạch và đồ đạc quý giá của bố mẹ để lại, Bính giành lấy tất cả. Đã thế đối với em, vợ chồng Bính thường tiếng chì tiếng bấc suốt ngày. Đinh lớn lên thấy khó chiều ăn ở, bèn xin ra ở riêng. Vợ chồng Bính chia cho Đinh một gian nhà tranh, mấy đám ruộng xấu, một ít đồ đạc lặt vặt không đáng kể, và nói:

- Của bố mẹ ngày xưa để lại chả có gì. Tư cơ của anh chị hiện nay là do anh chị làm ra. Anh chị chia cho em như vậy là hậu với em lắm đó!

Đinh làm việc quần quật mà chẳng khá hơn chút nào. Năm hơn 20 tuổi, anh vẫn chưa lấy được vợ. Vì nợ nần nên lần lượt những đám ruộng anh được chia đều lọt về tay người khác. Đinh hàng ngày phải đi làm thuê hoặc lên rừng kiếm củi nuôi thân. Mặc dầu người anh ruột chẳng ngó ngàng gì đến, Đinh vẫn không chút phàn nàn.

Một ngày như lệ thường, Đinh đi làm thuê cho một phú ông. Lúc về đến nhà thì trời đã tối mịt. Sắp bước vào ngõ, anh bỗng va phải một người nằm co bên vệ đường. Đinh cúi xuống đỡ dậy nhưng người ấy mấy lần gắng gượng mà vẫn không đứng nổi. Bèn kiếm đuốc ra soi thì thấy đó là một ông lão gầy gò rách rưới, nằm mê man lại phóng uế ra bên cạnh, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Đinh lấy làm thương hại, vội vực ông lão vào nhà lau rửa rồi đặt lên giường xoa bóp. Được một lát hơi tỉnh, ông lão rên rỉ nói mình ở làng bên cạnh, ngày thường vẫn đi ăn mày, nhân đến đây bị cảm không thể đi được, đành nằm vật xuống rồi mê man không biết gì nữa, Đinh nghe nói thế, bèn đi kiếm lá nấu lên cho ông lão xông. Nhờ vậy mà ông dần dần khỏe ra. Đinh lại thổi

cơm mời ông dậy ăn. Ông lão không từ chối. Đinh ngạc nhiên thấy ông tuy yếu mà ăn rất khỏe, anh phải bớt bát nhường khách. Ăn xong ông lão lại đắp chiếu nằm ngủ. Tiếng ngáy, tiếng ho khạc của ông lầm rầm suốt đêm. Độ ba bốn lần Đinh đang ngủ ngon giấc, bị ông lão thúc dậy bảo đưa mình đi giải. Đinh vẫn không cho thế là phiền.

Sáng hôm sau, Đinh lại dậy sớm thổi cơm rồi thúc ông lão dậy ăn. Nhưng lần này ông lão không ăn nữa, cất tiếng dõng dạc bảo Đinh:

- Con thật là một người tốt bụng. Chả lẽ một người tốt bụng mà phải chịu nghèo khó mãi ru! Từ tối hôm qua con đã hết lòng giúp ta. Vậy ta cũng có ít nhiều gọi là giúp lại con. Con hãy mang ra đây cho ta một cái chậu và một cái gáo.

Vâng theo lời ông lão, Đinh mang chậu và gáo đến. Anh không ngờ ông lão sau khi hứng chậu vào sát mặt, tay cầm cán gáo bất thình lình đánh vào mũi mình mấy cái thật mạnh. Đinh ngơ ngác tưởng ông lão điên, vội giằng lấy gáo. Nhưng ông khách, tuy già mà rất khỏe, xô Đinh ra rồi cứ đập mãi gáo vào mũi mình. Tự nhiên máu ở mũi ông tuôn ra như xối, được một lát đã chảy đầy chậu. Đinh đang sửng sốt vì hành động kỳ lạ, chợt nhìn kỹ vào chậu thì lạ thay, máu đã đông lại thành một chậu vàng. Anh chưa biết nói thế nào thì thoáng một cái ông lão đã biến đi đâu mất.

Từ đấy Đinh trở nên giàu có: anh tậu ruộng tậu vườn, làm nhà ngói tường dắc, sắm mọi thứ đồ đạc quý giá, lại cưới được một cô vợ đẹp. Vợ chồng Bính nghe tin Đinh tự nhiên khấm khá hẳn lên thì rất đỗi ngạc nhiên. Hai người tìm đến nhà em làm bộ vồn vã thăm hỏi. Trong câu chuyện, Bính cố dò la để hỏi cho ra cơn cớ vì đâu mà một đứa trẻ như Đinh với mấy đám ruộng còi lại tự nhiên giàu bốc lên một cách đột ngột như vậy. Đinh không giấu giếm tý nào cả. Anh kể tỉ mỉ nào là gặp ông tiên giả làm ông lão bị cảm như thế nào, anh chăm sóc ông như thế nào, và ông tiên đã đập mũi cho máu chảy thành vàng để trả ơn ra sao. Hai vợ chồng Bính nghe xong còn hỏi kỹ mặt mũi hình dáng ông tiên và tỏ vẻ ao ước được gặp ông để có may mắn như Đinh vừa kể.

*

* *

Ít lâu sau, một hôm Bính đi chơi về đến cổng làng bỗng gặp một ông lão đầu râu tóc bạc, quần nâu áo vá đang chống gậy lần từng bước. Bính nhìn đi ngắm lại nét mặt ông lão, thấy hao hao giống với ông tiên mà em mình kể chuyện lần trước. Lập tức hắn tiến đến khẩn khoản mời ông về chơi nhà mình. Ông lão lấy làm ngần ngại, ngỏ lời từ chối, nói mình còn bận. Nhưng Bính đã miệng mời tay kéo, cố nèo ông về cho được. Đến nhà, hắn đưa ông ngồi lên sập, rồi giục vợ mua rượu làm gà, dọn cỗ linh đình mời ông xơi. Thấy ông lão một mực từ chối, hai vợ chồng lại càng mời già; họ thay nhau hầu hạ rất kính cẩn, lại ép ông phải ăn uống thật no say, và nói:

- Xin tiên ông cứ thực tình cho, chúng tôi chỉ trông nhờ vào cái mũi của tiên ông mà thôi!

Ông lão tỏ ý không hiểu câu chuyện ra sao cả, mấy lần lắc đầu từ chối nói:

- Có lẽ anh chị nhầm lẫn, lão đây có phải là tiên ông đâu!

Đoạn cầm lấy gậy toan bước ra cửa. Nhưng hai vợ chồng nào có nghe, họ cố giữ lại, ép ông lão ăn xong, lại trải chiếu quạt màn mời ông lão ngủ. Khi ông lão vừa đặt lưng xuống thì hai vợ chồng đã sắp sẵn một cái chậu lớn đặt ở dưới sập.

Sáng hôm sau, ông lão ngủ dậy sớm, định cáo từ ra về. Nhưng ông làm sao mà thoát được. Hai vợ chồng Bính đã lôi cái chậu ở dưới sập ra hứng sát vào mặt ông lão, tay cầm một cái dùi đục đưa cho ông. Ông lão ngơ ngác không biết để làm gì, từ chối không cầm. Mấy lần Bính toan gõ vào mũi ông, ông lão sợ hãi run lập cập lấy tay che mũi. Bính nói:

- Thôi, xin tiên ông đừng thử nữa. Tôi chỉ xin ngài đầy chậu này mà thôi.

Nói xong, hắn bảo vợ giữ nghiến lấy tay ông lão, còn mình thì cầm dùi đục giương thẳng cánh đập vào sống mũi cụ già. Chỉ một giáng, máu mũi ông tuôn ra như xối. Bính mừng khấp khởi, nói với vợ:

- Quả y như lời chú nó thật. Chúng ta sắp sửa được đầy chậu vàng!

Thấy máu ngừng chảy, hắn lại bồi thêm cho ông mấy cái nữa, làm ông ngã lăn ra, nhìn lại thì ông bị gãy luôn một lúc mấy cái răng, máu

tuôn lênh láng. Đau quá, nhưng ông lão cũng cố giẫy giụa rán sức kêu xóm kêu làng.

Nghe tiếng kêu cứu, dân xóm đổ tới rất đông. Hỏi hai vợ chồng Bính tại sao tự nhiên vô có đón ông lão về để đánh ông gãy răng như vậy, thì chúng không biết làm sao mà trả lời. Hỏi ông lão thì ông phều phào nói không ra hơi, chỉ cho biết mình làm nghề bán tương ở làng bên cạnh. Người ta vội mách cho con cái ông lão biết. Đứa con ông lão đi tìm suốt một đêm qua không thấy bố, đang lo lắng, bỗng nghe được tin này lòng giận bừng bừng sôi lên, vội ba chân bốn cẳng chạy đến nhà Bính. Khi thấy bố mình nằm giữa vũng máu thì hắn liền gô cổ hai vợ chồng Bính xuống nện cho một trận nên thân. Đoạn võng bố về phát đơn kiện lên quan.

Thế là vợ chồng Bính không những mất một số tiền khá lớn để chạy chữa cho ông già, mà còn mất bao nhiêu là tiền để đấm mõm bọn quan nha hào lý. Mặc dầu thế, quan vẫn khép Bính vào điều luật "độc đả cao niên", bắt hắn nọc đánh ba mươi trượng[1].

KHẢO DỊ

Trong sách *Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra)* có truyện tương tự:

Một người lái buôn rơi vào cảnh nghèo túng và định đổi nghề làm thầy tu. Một đêm nằm chiêm bao thấy một vị thần là Pat-ma-ni-đi, hiện thân của chín kho vàng ở Ku-ve-ra, hứa giúp cho hắn trở nên giàu có. Theo lời dặn thì ngày mai thần sẽ đến nhà dưới hình dạng một thầy tu ăn xin. Người lái buôn chỉ có việc đánh một gậy vào đầu thầy tu ấy để nó biến thành vàng. Việc xảy ra như trong giấc mộng, người lái buôn trở nên giàu có lớn. Nhưng một phó cạo nhìn trộm thấy được, bèn bắt chước người lái buôn, mời các thầy tu đến nhà và khi họ đã vào rồi, hắn cầm gậy phang vào đầu họ. Kết quả hắn bị những người lính tuần phòng xông vào tóm cổ giải đi.

Các truyện trên có lẽ đều bắt nguồn từ truyện *Vua nước Ba-la-nại (Bénarès) nghe tiếng gọi ở bãi tha ma* trong *Tạp bảo tạng kinh* (được dịch ra chữ Hán từ năm 472):

1. Theo *Đại-nam kỳ nhân liệt truyện*, đã dẫn.

Xưa ở Ba-la-nại có một ông vua tên là Bơ-ra-ma-ya-xa, đêm nào cũng nghe ở bãi tha ma có tiếng gọi: - "Ôi vua! Ôi vua!"đến ba lần. Vua kể lại cho các thầy Bà-la-môn, các nhà chiêm tinh, thầy bói để hỏi ý kiến. Họ đáp: -"Nên cho một người nào can đảm ra đấy xem sao". Vua treo giải năm trăm đồng vàng cho người nào dám ra chỗ ấy. Có một chàng mồ côi nghèo khổ nhận đi. Khi nghe tiếng gọi, hắn hỏi, thì có tiếng đáp:- "Ta là kho vàng chôn cất ở vùng Tai-sò. Đêm nào ta cũng gọi vua để đưa vàng đến cho mà vua không hề trả lời. Nay anh đáp lời ta thì ta cho riêng anh. Ngày mai ta cùng bảy người nữa đến nhà đấy" - "Tôi phải làm gì để tiếp đón đây?" - "Quét dọn nhà cho sạch, cắm hoa và trang hoàng. Dọn ăn cho bảy nhà sư và ta. Khi cho uống thì anh cầm gậy lần lượt đánh vào đầu mỗi người, và chỉ cho họ đi vào nơi mà anh chuẩn bị chứa của". Chàng ta trở về kiếm điều nói dối vua. Với năm trăm đồng vàng tiền thưởng anh về lo liệu mọi thứ; lại có mời một phó cạo đến cạo mặt cho mình. Quả nhiên khách y hẹn đến, anh lần lượt giáng gậy vào đầu mỗi người và bỗng dưng họ biến thành những vại tiền vàng. Phó cạo nhìn trộm qua khe cửa thấy thế, cũng bắt chước mời tám thầy tu đến nhà mình và cũng nện cho mỗi người một gậy y như chàng mồ côi đã làm. Nhưng mấy thầy tu bị đánh nằm lăn lóc trong vũng máu, trừ một người thoát được kêu cứu ầm ĩ. Vua sai bắt phó cạo giải đến. Hắn kể cho vua nghe đầu đuôi. Vua sai người đến khám nhà chàng mồ côi, nhưng khi họ toan chiếm kho vàng thì vàng đã biến thành những con rắn độc, miệng phun ra lửa. Vua phán :- "Của ấy thực là sở hữu của nó!"[1].

Một số truyện dưới đây có chủ đề "giàu sang có số" với hình tượng vàng biến thành rắn, khi nó vào tay kẻ không xứng đáng được hưởng. Ví dụ:

Truyện Việt-nam do người miền Nam kể: *Cô hồn đền ơn.*

Một ông bá hộ chăm cúng cô hồn vào ngày rằm tháng Bảy. Một người hàng dầu đêm ngủ ở bãi tha ma nghe ma nói chuyện với nhau rằng: -"Ông ấy có lòng tốt nhưng cúng không tinh khiết vì lá chuối vấy máu". Hắn kể lại cho ông bá hộ nghe. Ông này biện một lễ cúng khác. Đêm lại, người hàng dầu lại nghe ma nói với nhau: -"Lễ cúng lần này vẫn ô uế vì nấu phải củi chuồng lợn". Nghe người hàng dầu mách, bá hộ vẫn không nản, bèn nhờ nhà chùa biện lễ cúng lần thứ ba. Hôm sau, người hàng dầu nghe chúng nói: -"Một trăm ngày nữa sẽ đền ơn". Vì tham lam, hắn không báo tin này cho bá hộ. Đúng ngày, hắn rình ở cửa nhà bá hộ quả thấy ma khiêng ba cái chum đến đặt trước sân. Mở ra, hắn thấy vàng bạc nhưng khi thò tay vào thì lại là rắn. Hắn sợ rụt tay lại, thì

1. Dẫn trong *BEFEO* (1904).

rắn lại hóa ra vàng bạc như cũ. Hắn bèn gõ cửa làm bộ báo tin cho bá hộ để lấy công. Bá hộ đền ơn bằng cách biếu hai thoi vàng, hai thoi bạc. Hắn ra chợ uống rượu say bị người ta lấy cắp, cuối cùng về tay không[1].

Truyện do người miền Bắc kể *Hũ vàng hũ rắn*:

Một người nọ đi cày đào được một cái hũ, mở ra thấy có vàng. Anh để lại chỗ cũ. Về kể lại với vợ, vợ bảo:-"Anh ngốc thế ! Sao không mang về?" -" Nếu là của trời cho thì trời phải đưa đến nhà chứ" -" Nếu có ai biết họ lấy mất thì sao?" - " Không ai lấy được cả. Mà nếu ai lấy được, tức là trời không cho ta". Lúc ấy có một tên trộm đang rình ở sau nhà, nghe nói vậy bèn ra đồng mang hũ vàng về nhà. Không ngờ khi mở ra xem thì là một hũ lúc nhúc những rắn. Cho là vì người nọ nói láo làm cho mình mắc hợm, hắn bèn mang hũ đến vứt vào nhà người kia, định bụng để rắn cắn cả nhà cho bõ ghét. Sáng dậy, người kia mở cửa thấy cái hũ, mở ra xem thì là một hũ vàng. Hắn bảo vợ: -" Tao nói có sai đâu. Của trời cho thì trời phải mang đến tận nhà !"[2].

Giống truyện trên của ta, người Tày kể như sau:

Một ông già đào được một hũ bạc thỏi. Ông ta đậy lại như cũ rồi về, đêm lại, kể chuyện cho vợ biết. Vợ hỏi vì sao không lấy về, thì ông đáp : - "Đây mới là đất cho. Đất cho nhưng trời chưa cho, thì chưa lấy". Cũng có hai tên trộm đang rình sau nhà, nghe được câu chuyện của hai vợ chồng. Chúng cũng vội lén ra chiếm lấy hũ bạc, nhưng khi thò tay vào khoắng thì thấy một hũ đầy rắn. Giận ông già bịa chuyện lừa, chúng bèn khiêng hũ đến nhà trèo lên mái vạch tranh ra rồi dốc hũ xuống định cho rắn bò vào giường cắn cho bõ ghét. Nhưng không ngờ khi rắn rơi xuống thì đều hóa thành bạc thoi. Ông già tỉnh dậy bảo vợ: -" Đấy, bây giờ trời mới cho chúng ta đấy!".

Hai tên trộm thấy vậy chỉ còn biết vào lạy lục xin hai ông bà già cho họ một ít[3].

Người Miến-điện (Myanmar) thì lại kể như sau:

Có hai vợ chồng người kiếm củi cầu khẩn mong được của. Thần cây me báo mộng cho cả hai : đi quá ba bước từ cây me đầu làng về phía Đông sẽ được hũ vàng. Hai vợ chồng tỉnh dậy kể cho nhau biết giấc mộng, nhưng cả hai đều cho rằng mộng mị vô chừng không đào làm gì mất công. Một tên ăn trộm nghe nói, ra cây me đào lên quả thấy một hũ, nhưng lại là hũ rắn. Cho

1. Theo Sơn Nam, sách đã dẫn.
2. Theo lời kể của người miền Bắc.
3. Theo Hoàng Quyết, sách đã dẫn.

là vợ chồng người kiếm củi lừa mình, hắn bèn vác hũ đến bỏ trước nhà. Cũng như các truyện trên, sáng dậy hai vợ chồng thấy trong hũ không phải rắn mà là vàng[1].

Về hình tượng rắn hóa ra vàng, xem lại truyện *Hai chị em* ở **Khảo dị** truyện số **12**, tập **I**. Một truyện khác *Rắn hóa vàng* kết hợp giữa truyện *Hai chị em* với truyện *Hũ vàng hũ rắn*, nhưng hình tượng phần nào có chịu ảnh hưởng của truyện đồng bào Tày:

Một người em bị anh chiếm đoạt hết tài sản của bố để lại, nên phần của mình không còn gì. Đói khổ quá, một hôm em ra đồng xúc tép, nhưng xúc mấy lần cũng chỉ được một con rắn liu điu, bèn đem về bỏ vào vại đậy lại. Sáng ra thì rắn đã hóa vàng. Từ đấy trở nên giàu có.

Biết chuyện, vợ chồng người anh cũng đi xúc rắn về bỏ vào trong vại. Nhưng khi mở ra xem thì rắn vẫn là rắn, không thấy có vàng. Cho là em bắt được vàng nhưng lại phao tin láo để lừa họ, họ bèn lén mang đến dỡ mái tranh đổ rắn xuống chỗ hai vợ chồng người em nằm cho bõ tức. Nhưng khi em dậy chẳng thấy rắn đâu mà lại thấy vàng nên lại càng giàu thêm. Người anh lại thêm tức, bèn tìm cách ăn trộm vàng của em về giấu trong một hầm kín. Nhưng vàng của em không vì vậy mà suy suyển. Trái lại vàng của anh đưa về thì lại hóa thành rắn chui rúc khắp nơi làm vợ chồng hết sức lo buồn, rồi chết[2].

Người Hà-tĩnh có một truyện nói đến một bà tiên đi thử người trần. Gặp bà lần đầu là một người nghèo nhưng tốt bụng, anh ta thấy một người ăn mày nghèo khổ không biết là tiên, đón về cho ăn, ngủ. Đến nửa đêm thấy người ấy kêu đau bụng, anh lại đưa chậu ra cho bà đi ngoài. Sáng dậy thì bà đã biến mất mà trong chậu đầy vàng. Một tên nhà giàu nghe được tin ấy cũng đi đón bà tiên ăn mày về nhà, đãi rất hậu, và cũng đưa chậu cho bà đi ngoài. Nhưng sáng dậy chỉ thấy một chậu rắn rết[3].

---

1. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*, sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I, sách đã dẫn.
3. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

152. HÀ RẦM HÀ RẠC

Ngày xưa, một nhà nọ có hai anh em cha mẹ mất sớm để lại một tư cơ cũng vào hạng khá trong vùng. Từ trước hai người vẫn ở chung với nhau. Ít lâu sau người anh lấy vợ. Anh bảo em :

- Bây giờ đã đến lúc phải chia gia tài ra để cho mày học ăn học làm với người ta.

Đến ngày chia của, anh chìa một tờ giấy, bảo em :

- Của cải của cha mẹ để lại có ba giống: giống đực, giống cái và giống con. Mày bé bỏng nên tao nhường cho mày tất cả những đồ đạc giống đực, còn giống cái và giống con thì phần tao. Nghe chưa. Nếu mày bằng lòng thì ký vào đây!

Em ngây thơ tưởng là anh thương thật nên không nghi ngờ gì cả, ký ngay vào giấy. Cuộc chia của bắt đầu. Nhưng đồ vật nào mà chả gọi là"cái"hay là"con". Người anh đếm mãi: -"Cái nhà này: của tao, con trâu này: của tao, cái chum này: của tao, cái cày, cái bừa này: của tao..." Suốt từ sáng đến chiều những của chìm của nổi chia đã sắp vợi mà vẫn chưa có một vật nào thuộc giống đực cả. Mãi đến lúc trời đã tối, người em tức mình mới chụp lấy một cây dao rựa dựng ở bờ hè mà nói rằng:

- Đây là "đực rựa"[1] thuộc về phần tôi!

Nói xong, vác rựa lủi lũi đi ra giữa lúc người anh cười ha hả vì thấy mưu kế của mình đã đạt.

Từ đấy, người em ngày ngày vác rựa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai. Vì không có nhà ở nên anh ta phải ăn nhờ ở đậu hết nhà người bà con này qua nhà người quen khác. Có hôm phải nằm đình nằm chùa, ngủ cầu ngủ quán như kẻ cầu bơ cầu bất. Nhưng anh vẫn chăm chỉ làm ăn để khỏi phải cái nhục ngửa tay ăn xin.

---

1. Tiếng "đực" không dùng làm quán từ như"cái" và"con". Từ Nghệ - Tĩnh trở vào cũng có nơi có lúc dùng để chỉ vật gì to khỏe, bậm bạp, ví dụ: một đực bò, một đực rận, một đực rựa, v.v...

Một hôm trăng non vừa mọc, anh đang ngủ say tỉnh dậy tưởng trời đã sáng, bèn vớ lấy rựa đi miết lên rừng. Đến cửa rừng mới hay là mình nhầm: trời vẫn còn khuya. Bèn nằm duỗi chân dưới một gốc cổ thụ đợi sáng, nhưng bỗng dưng ngủ quên lúc nào không hay. Anh chàng không ngờ rằng nơi đây là chốn chơi đùa của một bầy khỉ. Hôm ấy chúng cũng kéo nhau đến đấy, nhưng khi thấy dưới gốc cây có một người lạ nằm thẳng đuỗn thì đồ là một thây người; chúng bèn xúm nhau khiêng đi chôn để lấy chỗ nhảy nhót. Đang đi, anh chàng bỗng tỉnh giấc, toan la lên, nhưng thấy chuyện hay hay, nên cứ nằm im để xem bọn khỉ khiêng mình đi đến đâu. Hồi lâu, anh nghe bầy khỉ dừng lại nói với nhau:

- Hà rầm hà rạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!

Nhưng trong bầy khỉ có một con khỉ đột đứng đầu, bảo chúng:

- Hà rầm hà rạc, chôn vào hố vàng, không chôn hố bạc!

Thế là bầy khỉ lại tiếp tục khiêng anh tới một chỗ khác xa hơn. Đến nơi, chúng đặt anh xuống, rồi kéo nhau trở về gốc cổ thụ. Anh chàng nhìn thấy xung quanh mình có những cục vàng sáng chói thì mừng lắm, bèn chờ cho chúng đi khuất mới đứng dậy nhặt đầy túi mang về. Từ khi trở nên giàu có lớn, anh chàng hết làm nhà cửa lại tậu ruộng vườn, nuôi trâu bò, cuộc đời muôn phần tươi hơn trước.

Câu chuyện một người tiều phu lên núi bắt được vàng từ đó lan đi khắp nơi. Người anh nghe nói nửa tin nửa ngờ. Một hôm vào ngày giỗ cha, hắn thấy em mình tìm đến mời về nhà ăn giỗ. Hắn vội vã nhận lời. Bước vào nhà em, người anh không giấu được kinh ngạc.

- Từ dạo ấy đến giờ chú mày làm thế nào mà phát tài dữ vậy?

Em vui vẻ kể tỉ mỉ cho anh nghe câu chuyện lên rừng gặp khỉ, và từ hố bạc tình cờ được chúng chuyển sang hố vàng. Nghe đoạn, người anh mượn ngay cây rựa, và cũng chờ một đêm trăng non, một mình vác rựa lên cửa rừng. Hắn ta cũng giả vờ duỗi chân nằm dưới gốc cổ thụ nọ. Lát sau quả có một bầy khỉ đến nhảy nhót xung quanh gốc cây, và khi thấy có người lạ nằm choán chỗ chúng vui đùa, chúng cũng xúm lại khiêng đi chôn, vì chúng tưởng rằng đó là một cái thây người chết. Nhưng đến lúc nghe bầy khỉ nói: -" Hà rầm hà rạc, chôn vào hố bạc không chôn hố vàng!" thì hắn vội ngửng đầu cãi lại:

- Chôn vào hố vàng chứ! Chôn vào hố vàng chứ!

Bầy khỉ không ngờ cái thây người vẫn còn sống, cuống cuồng quẳng hắn xuống rồi bỏ chạy. Hắn bị lăn xuống sườn núi, đầu va vào đá, vỡ sọ chết[1].

KHẢO DỊ

Người Quảng-bình có truyện *Đực rựa* cũng giống như truyện trên nhưng không có đoạn cuối:

Nhà nọ có hai vợ chồng một nhà hái củi xích mích sinh ra cãi nhau không ai chịu ai. Một hôm chồng bảo: -"Đã không nghe nhau nữa, thì chúng ta nên ly dị, có cái gì trong nhà chia ra cho hết, rồi mỗi người đi mỗi ngả". Cũng như truyện trên, người vợ tinh ranh giao ước rằng mình sẽ lấy những vật gì gọi là cấy (cấy : cái, tiếng miền Trung) còn vật gì gọi là đực thì phần chồng. Thành thử thúng mủng, nồi niêu, áo quần, bát đĩa, mọi cái đều về tay vợ. Của trong nhà sắp vợi mà chồng thì chưa được chia cái gì cả. Tức mình, anh chàng thấy cái rựa dựng ở góc nhà, vội chụp lấy nói: -"Đây không phải là "cấy" mà là "đực", của tao". Không mấy ai gọi rựa là đực, nhưng vì là đồ dùng thiết thân nên anh chàng phải nói thế vì sợ vợ chiếm mất. Từ đấy, người ta cho rằng người đàn ông đi đâu cũng luôn luôn mang rựa bên mình, là do truyện này mà ra[2].

Đồng bào Vân-kiều có truyện *Vì sao có tục treo cua đầu nương* cũng là một dị bản của truyện *Hà rầm hà rạc*, nhưng không có đoạn đầu:

Có hai anh em Tong và Tênh trồng bắp ở rẫy thường bị khỉ phá hoại. Một hôm Tong nghĩ kế bắt cua giã nhỏ bỏ vào ống nứa đem treo khắp nương, định bụng làm cho khỉ sợ mùi tanh mà tránh xa. Đoạn anh lên chòi nằm. Bầy khỉ đến thấy mùi tanh cho là có người chết, leo lên chòi thấy có người nằm, tưởng là xác chết, bèn gọi nhau khiêng đi. Tong cứ nằm im để xem bầy khỉ làm gì, thì thấy chúng soạn sửa đám ma cho mình linh đình; bắt chước người, chúng cũng mang về những đồ quý như thanh la, nồi đồng, v.v...định chôn theo. Nhưng Tong đã bất thình lình nhổm dậy, bầy khỉ hoảng hốt bỏ chạy, anh nhặt của quý mang về.

Tênh nghe kể đòi đi thay, Tênh cũng làm như anh và cũng bị bầy khỉ khiêng đi chôn, nhưng chúng sợ người chết sống lại như lần trước, nên ném Tênh

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. Theo Ca-đi-e (Cadière). *BEFEO* (1904).

xuống vực sâu, chết. Từ đấy khỉ cũng kệch không dám đến những nương rẫy có treo cua. Vì thế người ta treo cua ở nương rẫy để cho chúng khỏi phá[1].

Truyện của người Cham-pa gần như là một dạng với truyện của chúng ta :

Một người trồng được rẫy bắp, sắp thu hoạch, anh làm chòi canh rồi tối đến, mang chiếu cuộn tròn nằm ngủ. Hôm ấy lũ khỉ (kra-thơn) đến ăn, thấy anh ngủ tưởng là xác chết bèn bàn nhau chôn trước khi ăn. Một con hỏi: - "Nên chôn ở núi sắt, núi vàng hay núi bạc?" - " Núi vàng", cả lũ đáp, rồi chúng khiêng anh đến đó đào lỗ quẳng vào, đoạn bỏ đi ăn, định bụng sẽ trở lại lấp đất. Anh tỉnh dậy lấy được một ôm vàng, rồi lại cuốn chiếu giả ngủ. Lũ khỉ ăn no quay lại, lại bỏ ý định trước, khiêng trả anh về chòi.

Người anh cả thấy em làm nhà tậu ruộng bèn hỏi lý do. Hắn cũng đến nằm ở chòi. Nhưng khi lũ khỉ hỏi nhau chôn ở đâu, nhiều con trả lời chôn đâu cũng được. Anh ta kêu : - "Đưa tôi đến núi vàng mới phải". Lũ khỉ sợ, quẳng anh, anh bị gãy lưng chết[2].

Người Nùng có truyện *Chàng trồng bí*:

Có hai anh em mồ côi. Sau đó người anh lấy vợ. Một hôm chị dâu vu vạ rằng em định làm nhục mình. Nghe vậy, người anh bèn tống cổ em đi. Em lên núi phá hoang định trồng bí, bèn về xin anh một ít hạt giống. Chị dâu không cho; em nhặt được hai hạt bí rơi về tria. Không ngờ mọc lên hai cây bí tốt lạ lùng, quả ngon và thơm, người ta tranh nhau mua. Đêm đến, em lên rẫy canh. Trong lúc đang ngủ có một đàn khỉ kéo nhau đến. Chúng bảo:-" Ông chủ nương bí chết, nên khiêng vào hang vàng để đền ơn". Nhờ vậy, em lấy được vàng về.

Thấy em giàu có, người anh đòi để mình đi rẫy thay. Chị dâu nấu cơm cho chồng ăn thật no để có sức gánh về nhiều vàng. Nửa đường vì ăn quá no, người anh tuôn ra một tràng rắm. Đàn khỉ bảo nhau: - " Ông chủ chết thối rồi, quẳng đi thôi!" Người anh nói:-" Ấy phải đưa đến hang vàng chứ!" Chúng sợ quá quẳng anh xuống dốc, chết[3].

Truyện của người Mèo cũng có hai anh em mồ côi và một chị dâu xúi bẩy chồng đuổi em. Em cũng nhặt được hai hạt giống rơi - nhưng ở đây là lúa mạch - sau khi xin anh chị không được. Hai hạt tự nhiên mọc đầy đám nương. Em làm chòi canh. Khỉ đến ăn, em đuổi. Ở đây truyện lại phần nào giống với

1. Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt-nam*, tập III, đã dẫn.
2. Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa.*
3. Theo Hoàng Quyết, đã dẫn.

truyện *Cây khế* (xem **Khảo dị** truyện số **58**, tập **II**), khi bảo anh : - "Ăn một bông lúa trả một cục vàng". Ăn no, chúng bảo anh giả chết để chúng khiêng đi, ai hỏi không nói, ai gọi không thưa, đưa đến một nơi lấy vàng. Anh bèn để chúng khiêng. Dọc đường nghe có tiếng trao đổi : - "Đứa này chết à? Chôn nó ở núi vàng hay núi bạc?" - " Xác nó thơm chôn núi vàng". Đến một cái hang, chúng đặt anh xuống bảo: - " Vàng đấy, lấy đi!".

Thấy em trở nên giàu có, người anh đổi tài sản của mình để lấy nương lúa mạch. Khi cũng đến ăn và hứa như trên. Cũng như truyện của người Nùng, khi ra đi hắn nghe lời vợ cố ăn thật no để có sức mang vàng, nên khi đàn khỉ hỏi nhau, hắn đau bụng không nén được cái rắm. Chúng nó bảo : -"Thằng này bụng trương sắp vỡ, thối quá!" Bèn quẳng xuống vực[1].

Đồng bào Ca-tu có hai truyện:

1. Có hai anh em A-lan và A-ly mồ côi từ nhỏ. Khi A-lan lấy vợ thì giành lấy hết tài sản, chỉ cho em một đòn xóc và một cái rựa. Em đi đốn củi ngủ ở gốc cây đa ven rừng. Một hôm nằm chiêm bao thấy mình trèo lên bó củi, tự nhiên bó củi chạy thẳng xuống chợ. Tỉnh dậy anh làm thử, quả đúng. Từ đấy anh được nhiều tiền. Một hôm bị bọn cướp đón lấy hết tiền và đánh đau, anh cố lê về gốc đa. Nửa đường không đi nổi, nằm lại ở gốc sung, có đàn khỉ tới ăn sung tưởng là người chết, bèn bảo nhau : - " Hò rì hò rạc, chôn vào hầm bạc, đừng chôn hầm vàng!" - " Hầm bạc gần gốc sung sợ bay mùi thối, thôi chôn hầm vàng!" Đến hầm vàng chúng đặt anh xuống, đi hái sung. Anh cởi khố bọc vàng về, trở nên giàu có. A-ly mời anh tới chơi, anh bảo phải có "gấm lót đàng, vàng lót ngõ" mới đến. A-ly cũng chiều làm theo. Mời anh ăn xong còn tặng vàng mang về.

A-lan biết chuyện của em, bèn quấn nhiều khố đến gốc sung nằm giả chết. Nghe đàn khỉ hát: - "Hò rì hò rạc, chôn vào hầm bạc đừng chôn hầm vàng"; hắn vùng la lên: -"Hãy chôn vào hầm vàng !" Chúng sợ ném hắn xuống ghềnh đá chết nhăn răng.

2. Có hai anh em A-rinh và A-tang. Anh thì tham và lười còn em vốn chăm chỉ. Một hôm A-tang đi đến một làng khỉ giàu có. Vốn biết ăn thức ăn của khỉ thì nổ ruột chết, nên anh đề phòng. Anh giả tảng ăn uống no say, tối lại cho nổ ống tre giả vờ chết, lại buộc ruột lợn giả làm nổ ruột. Khi đưa đến nơi làm phép cho sống, có bà già khỉ vú dài cho bú. A-tang vẫn nằm im. Chúng nó khiêng để lên ngọn cây, hát, lại đưa xuống thuyền xung quanh chất áo quần,

1. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo,* đã dẫn.

chiêng ché, gạo bắp, lợn gà, v.v... Thuyền trôi qua chín khe mười suối, cuối cùng về đến nhà trở nên sung sướng.

A-rinh cũng lần mò đến làng khi giả vờ chết. Bà vú dài cho bú nhưng vì sữa hôi, hắn phun phì phì. Đàn khỉ móc ruột hắn kéo ra hai sải. Đau quá, hắn vắt ruột lên vai cắm đầu chạy. Khi về đến nhà, hắn bỏ ruột vào chảo mong nó co lại. Mùi khét xông lên, hắn ngã vào chảo chết hóa thành con "đơ-reng hanh" có miếng da đen trên lưng[1].

Truyện của người Tày *Hố vàng hố bạc*, có đoạn mở đầu hơi khác:

Một anh chàng nghèo đi câu cá. Một lũ khỉ đến hỏi : -"Câu bằng mồi gì?" - "Ruột khỉ". Nghe nói thế, lũ khỉ sợ hãi bỏ chạy. Chốc sau chúng lại đến hỏi, anh vẫn trả lời như cũ. Cho là người này giết khỉ thực, lũ khỉ bẻ cây đánh anh. Anh đau nằm vật xuống giả chết. Lũ khỉ bảo nhau: -"Chôn đâu bây giờ? Hố vàng hố bạc hay hố hủi ?" - " Hố bạc". Nhờ vậy, anh chàng trở nên giàu có. Một người khác nghe tin cũng đi câu cá, gặp lũ khỉ và sự việc cũng diễn ra như trên. Đến khi nghe chúng hỏi nhau chôn ở đâu, một con đáp: -"Hố hủi", hắn nhỏm dậy nói: - " Không, hố vàng kia" - " À, ra hắn còn sống". Chúng nói thế rồi quẳng hắn xuống ghềnh[2].

1. Theo *Truyện cổ Ca-tu*.
2. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge), đã dẫn.

153. ÔNG GIÀ HỌ LÊ

Ngày xưa có một ông già góa vợ họ Lê. Nhà ông tiền kho bạc đụn, không sao tiêu hết. Nhưng ông lại không có con trai, chỉ sinh độc một mụn con gái, lớn lên, gả cho một anh chàng con nhà thế gia trong vùng. Chàng rể của ông người họ Bùi. Hắn lấy con gái ông là cốt nhìn vào gia tài kếch sù của ông. Về phía ông già họ Lê cũng bụng bảo dạ: - "Ta nay tuổi đã ngoài sáu mươi khó có thể có con được nữa chưa nói là con trai. Vậy thì con nào cũng là con thôi!". Từ đó ông có ý định cho con gái mình ăn thừa tự. Khi đứa cháu ngoại của ông sinh ra, ý đó lại thêm quyết.

Một hôm ông sang nhà con rể chơi. Đứa cháu của ông lúc này đã lên ba tuổi. Giữa lúc hai ông thông gia đang chuyện trò với nhau ở ngoài vườn thì đứa bé đã được mẹ nó bảo ra mời ông vào ăn cơm. Nó nói bập bẹ: - "Mời ông vào ăn cơm". Ông già họ Lê hỏi đùa nó: - "Cháu mời ông nào? "Đứa bé chỉ vào ông nội của nó là người mà nó quen thuộc. Ông già họ Bùi hỏi lại: - "Cháu mời ông nào nữa?". Đứa bé trả lời: -"Không". Ông lão trỏ tay vào ông ngoại nó và hỏi: - "Thế cháu có mời ông này không?". Đứa bé lắc đầu chạy về phía ông nội nó. Bố nó bảo đến mấy lần, nó vẫn không chịu mời. Ông nội nó nói đùa: - "Ông ấy có tiền nhiều bạc lắm, cháu có mời ông, ông sẽ dành cho mà tiêu, nếu cháu không mời, ông không cho nữa". Chung quy đứa bé vì lạ đối với ông ngoại nó nên không chịu nghe lời. Tuy việc không có gì đáng kể, nhưng bụng ông già họ Lê cảm thấy không vui.

Lúc trở về, ông già họ Lê nghĩ lại câu chuyện vừa qua và nhiều chuyện cũ khác. Ông không giận đứa cháu ngoại, nhưng những chuyện ấy lại gợi cho ông rất nhiều về tâm tính của hai cha con ông già họ Bùi. Bụng bảo dạ: - "Hai cha con nhà này chỉ là một hạng thèm tiền khát của, và chúng có vẻ hể hả vì được phá phách tài sản của ta". Rồi ông ngẫm

nghĩ: - "Ôi! bao nhiêu mồ hôi nước mắt của ta và ông cha ta mấy đời gom góp lại bỗng chốc lọt vào tay quân bất lương. Sao có thể như thế được nhỉ?".

Trong lòng ông nảy ra một sự bực bội ghen ghét, nó cứ làm ông băn khoăn day dứt. Ông toan đem phần lớn của cải cúng cho họ và làng. Nhưng rồi lại gạt đi: -"Trừ phi không có con, chứ đã có con không ai làm thế bao giờ". Trước kia, ông có ý định ở vậy cho đến mãn đời. Nhưng bây giờ đã có sự thay đổi. Một ý nghĩ vụt lóe ra trong óc ông già. -"Hay ta cứ lấy vợ rồi đến đâu hay đấy!". Thế là chỉ ít lâu sau, người ta bỗng thấy ông nhờ mối đánh tiếng gá nghĩa với một người đàn bà góa chồng ở làng bên cạnh.

*

* *

Người vợ kế sau khi về làm bạn với ông được ba năm thì sinh một đứa con trai. Nỗi vui mừng của ông già họ Lê tưởng không gì hơn thế nữa. Ông chăm sóc cho con đến mức trong làng ngoài xóm phải đồn nhau: chưa một nhà quyền quý nào chăm được như vậy. Đã lo cho đứa bé trước mắt, ông lại còn lo cho nó mai sau. Thấy thằng rể hung bạo, nhiều lúc đến chơi nhà nhìn đứa con trai bé bỏng của mình bằng cặp mắt ganh ghét, ông đâm ra lo sợ. Ông thầm nghĩ: -"Mình nay đã gần đất xa trời. Nếu một mai khuất núi giữa lúc thằng bé hãy còn trứng nước thì nó không ngại gì mà không đang tay ám hại. Bởi vì nó thừa hiểu là chiếu theo luật của triều đình thì bao nhiêu tài sản của ta phải thuộc về thằng bé. Chao ôi, nguy hiểm cho tính mệnh con ta biết chừng nào?" Vì thế, không một giây phút nào ông quên tìm cách bảo toàn cho đứa bé trong tương lai.

Và rồi cuối cùng mọi người đều ngạc nhiên khi thấy ông già họ Lê thường tỏ thái độ lạnh nhạt đối với hai mẹ con người vợ kế. Người ta bàn tán rất nhiều về cái tên "Phi"[1] mà ông đặt cho đứa bé. Một người nói: -"Chỉ có ngờ nó là con hàng xóm thì mới đặt tên như vậy!" -"Đúng, người khác tiếp. Chắc bây giờ ông lão mới hiểu ra là bảy mươi tuổi thì không thể nào có con được, lọ là có con trai!" Ông già họ Lê có nghe rất nhiều lời bàn tán về mình, nhưng ông chỉ cười thầm không nói gì cả.

1. *Phi*: chữ Hán nghĩa là không phải; có thể hiểu: không phải là con ta.

Cho đến ngày sắp mất, người ta vẫn không thấy ông nhắc nhỏ gì cho mọi người biết về việc thừa kế tài sản của mình. Chúc thư ông để lại chỉ vỏn vẹn có hai mươi mốt chữ Hán, mà tuồng như là viết dở dang trước khi tắt thở:

"Thất thập nhi sinh phi ngô tử dã kỳ điền sản giao dữ tử tế ngoại nhân bất đắc tranh đoạt"[1].

Vì vậy, sau khi chôn cất xong, lập tức chàng rể độc nhất của ông cứ chiếu theo chúc thư chiếm hết gia tài điền sản, chỉ để lại cho hai mẹ con thằng bé Phi một gian nhà nhỏ với vài thửa ruộng xấu.

Thực ra, trước khi chết, ông già họ Lê đã gọi riêng hai mẹ con lại, trao cho một pho tượng gỗ. Tượng này tạc hình người, đặc biệt có một cánh tay giơ ra đằng trước, nhưng ngón tay trỏ lại chỉ quặt về phía bụng. Người vợ kế của ông không hiểu thế nào cả, chỉ một mực ngồi ôm lấy con mà khóc. Ông ghé vào tai an ủi:

- Sau này nếu chúng nó tranh giành tư cơ của ta để lại, thì mẹ con cứ nhẫn nhục chịu vậy, đợi khi thằng Phi đã lớn khôn, hễ thấy có ông quan nào công minh bổ về hạt mình, bấy giờ hãy mang pho tượng này đưa lên nhờ quan phân xử.

Dặn đoạn, ông tắt nghỉ.

*

* *

Cho đến ngày thằng Phi đã có vợ và sắp có con. Trong những năm qua, hai mẹ con từng gạt biết bao là nước mắt mỗi lúc nhìn thấy hoa lợi trên ruộng đất đều tuôn về nhà họ Bùi. Trong xóm ngoài làng không ai không áí ngại cho tình cảnh mẹ góa con côi không nơi nương tựa của họ. Nhưng người ta thấy bề ngoài, hai mẹ con vẫn tỏ ra yên lòng với số phận, không kêu ca, không oán trách. Như thế đã được mười tám năm trời.

Một hôm người mẹ hay tin có một ông quan mới đổi đến huyện nhà nổi tiếng thanh liêm, xử kiện rất công bằng. Ông thường đi về các làng nghe ngóng dân tình và không bỏ sót những điều chướng tai gai mắt.

1. Có thể hiểu là: Bảy mươi tuổi mới đẻ ra nó, không phải là con ta, ruộng đất ta, giao cho con rể, người ngoài không được tranh chiếm.

Nghe tiếng đồn như thế, mẹ thằng Phi nhớ đến lời dặn của chồng, vội dắt con mang pho tượng lên quan. Cầm pho tượng, quan không hiểu ý tứ thế nào cả. Nghe người đàn bà thuật lại tình cảnh của mẹ con trong bao nhiêu năm, ông rất thương hại. Ông bèn bảo bà trở về, ba ngày nữa lại đến.

Khi người đàn bà chào lạy ra về, mặc dầu trời đã khuya, quan vẫn cầm lấy pho tượng miên man suy nghĩ. Ông lật xuôi lật ngược. Tất cả đều không có gì khác thường. -"Ngón tay chỉ vào bụng. Phải chăng trong bụng có vật gì đây!" Nghĩ vậy, ông hết lắc lại gõ. Qua tiếng kêu, ông nhận ra là ruột tượng rỗng. Lập tức ông đi lấy một con dao, dùng mũi nhọn thăm dò khắp nơi. Cuối cùng ông nạy được một miếng gỗ trám ở một bên nách pho tượng.

- Mọi việc đều ở đây cả!

Ông mừng rỡ kêu lên. Nhìn vào, quả tìm được một bản chúc thư chính thức của ông già họ Lê. Trong chúc thư, người chủ tài sản dặn trao toàn bộ cho hai mẹ con thằng Phi, chứ không phải cho thằng rể.

Ngày hôm sau, ông cho đòi anh chàng họ Bùi đến công đường bảo phải nộp chúc thư văn khế về gia tài của bố vợ cho quan cứu xét. Tất cả giấy tờ của y nộp quan cũng chỉ vẻn vẹn có hai mươi mốt chữ Hán đã nói ở trên. Quan đưa pho tượng, rút chúc thư chính thức cho hắn xem, và dõng dạc phán:

Tất cả giấy tờ đều nói rằng ý muốn của người chết là để toàn bộ tài sản lại cho đứa con trai. Ngay cả mảnh giấy có dòng chữ mà anh giữ mấy lâu nay, cũng chỉ có nghĩa là để ruộng đất lại cho thằng Phi. Không tin ta giải cho anh nghe. Nghĩa của hai mươi mốt chữ đó là thế này: -"70 tuổi mới sinh thằng Phi, đó là con trai ta. Ruộng đất trao cho con. Còn rể là người ngoài không được chiếm đoạt"[1]. Thế mà anh dám cắt nghĩa bừa để chiếm lấy tất cả, không thương gì đến đứa em bé bỏng và mẹ của nó. Bây giờ ta lệnh cho anh phải trả lại ngay tất cả mọi thứ anh đã chiếm đoạt kể cả hoa lợi ruộng đất ấy trong mười tám năm nay!

Anh chàng họ Bùi cứng họng khi nhẩm lại ý nghĩa mảnh di chúc,

1. Câu văn chữ Hán trên, chỉ cần chấm câu lại thì có nghĩa như quan giải thích. Đây là cách chơi chữ của nhà nho bình dân, tác giả truyện cổ tích này.

cuối cùng đành phải cúi đầu vâng lệnh. Còn hai mẹ con Phi hết lời cảm tạ quan huyện, và từ đó bắt đầu một cuộc đời sung sướng[1].

KHẢO DỊ

Trong *Kim cổ kỳ quan* có truyện *Gia sản một bức tranh* có phần gần gũi với truyện trên:

Thái thú họ Nghê nhà giàu có ức vạn, có một con trai tên là Thiện Kế đã có vợ con. Tuy tuổi đã bảy mươi, ông vẫn còn lấy vợ lẽ và sau đó người ấy đẻ được một con trai. Thấy Thiện Kế coi người em khác mẹ như cừu thù, ông lão đoán chắc thằng anh sẽ sát hại đứa em bé bỏng vì chuyện gia tài. Vì vậy, trước khi chết, ông làm chúc thư chia cho Thiện Kế hầu hết gia sản; còn vợ lẽ và đứa con còn bé thì ông bí mật cho một bức chân dung của mình có vẽ ngón tay chỉ xuống đất. Ông dặn nếu thằng anh không nhìn nhận và không chia tài sản cho em, thì tìm một ông quan nào công minh, đưa bức tranh ấy đến nhờ phân xử.

Về sau quả thực Thiện Kế đối xử với mẹ con người em rất tệ.Một ông quan sau khi xem bức tranh, đã khám phá ra một mảnh giấy do ông lão bồi vào trong tranh trước khi chết. Trong giấy ghi rằng mình có chôn ít chum bạc và một chum vàng để lại cho con trai út. Sau khi nắm được sự thật, quan làm ra bộ hồn thiêng của ông lão báo mộng cho mình biết, dặn đến làm chứng cho mẹ con nhà ấy đào lên lấy của trước con mắt tức tối của Thiện Kế.

Truyện của ta ở trên kia có người kể hơi khác đoạn cuối: Ông già làm thành hai bản chúc thư, một bản gồm hai mươi mốt chữ giao cho rể, còn một bản bỏ vào hòm bí mật chôn ở một nơi trước cổng đền, trong đó nói rõ toàn bộ tài sản giao cho con người vợ kế. Đoạn ông dặn vợ học thuộc lòng hai câu thơ:

Nguyệt đáo trung thiên nhị thập tam,
Nghê đầu ảnh lượng chúc thư hàm.

(Nghĩa là trăng đêm 23 khi lên giữa trời, bóng đầu con nghê chiếu xuống ở đâu thì ở đó có hòm chúc thư), lại dặn phải cố gắng cho con đi học.

Sau khi ông mất, đứa bé học giỏi đỗ tiến sĩ; anh ta nhớ lại câu hát của mẹ và tìm đến cổng đền đào lên lấy được chúc thư, giành lại tài sản của bố để lại[2].

1. Theo lời kể của người Hà-nội, Hà-tĩnh.
2. Theo lời kể của người Hà-tĩnh (Hồ Hữu Phước sưu tầm).

154. TẤM CÁM

Ngày xưa, có Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Hai chị em suýt soát tuổi nhau. Tấm là con vợ cả, Cám là con vợ lẽ. Mẹ Tấm đã chết từ hồi Tấm còn bé. Sau đó mấy năm thì cha Tấm cũng chết. Tấm ở với dì ghẻ là mẹ của Cám. Nhưng dì ghẻ của Tấm là người rất cay nghiệt. Hàng ngày, Tấm phải làm lụng luôn canh, hết chăn trâu, gánh nước, đến thái khoai, vớt bèo; đêm lại còn xay lúa giã gạo mà không hết việc. Trong khi đó thì Cám được mẹ nuông chiều, được ăn trắng mặc trơn, suốt ngày quanh quẩn ở nhà không phải làm việc nặng.

Một hôm người dì ghẻ đưa cho hai chị em mỗi người một cái giỏ bảo ra đồng bắt con tôm cái tép. Mụ ta hứa hẹn: -"Hễ đứa nào bắt được đầy giỏ thì thưởng cho một cái yếm đỏ!"

Ra đồng, Tấm nhờ mò cua bắt ốc đã quen nên chỉ một buổi là được đầy giỏ vừa cá vừa tép. Còn Cám thì đủng đỉnh dạo hết ruộng nọ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì.

Thấy Tấm bắt được một giỏ đầy, Cám bảo chị:

- *Chị Tấm ơi chị Tấm! Đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kẻo về dì mắng.*

Tin là thật, Tấm bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa. Cám thừa dịp trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước. Lúc Tấm bước lên chỉ còn giỏ không, bèn ngồi xuống bưng mặt khóc hu hu.

Bấy giờ Bụt đang ngồi trên tòa sen. Bỗng nghe tiếng khóc của Tấm, liền hiện xuống hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm kể lể sự tình cho Bụt nghe. Bụt bảo:

- Thôi con hãy nín đi! Con thử nhìn vào giỏ xem còn có gì nữa không?

Tấm nhìn vào giỏ rồi nói:

- Chỉ còn một con cá bống.

- Con đem con cá bống ấy về thả xuống giếng mà nuôi. Mỗi bữa, đáng ăn ba bát thì con ăn hai, còn một đem thả xuống cho bống. Mỗi lần cho ăn, con nhớ gọi như thế này:

Bống bống, bang bang,
Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta,
Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.

không gọi đúng như thế nó không lên, con nhớ lấy!

Nói xong Bụt biến mất. Tấm theo lời Bụt thả bống xuống giếng. Rồi từ hôm ấy trở đi, cứ sau bữa ăn, Tấm đều để dành cơm giấu đưa ra cho bống. Mỗi lần nghe lời Tấm gọi, bống lại ngoi lên mặt nước đớp những hạt cơm của Tấm ném xuống. Người và cá ngày một quen nhau, và bống ngày một lớn lên trông thấy.

Thấy Tấm sau mỗi bữa ăn thường mang cơm ra giếng, mụ dì ghẻ sinh nghi, bèn bảo Cám đi rình. Cám nấp ở bụi cây bên bờ giếng nghe Tấm gọi bống, bèn nhẩm lấy cho thuộc rồi về kể lại cho mẹ nghe.

Tối hôm ấy mụ dì ghẻ bảo Tấm sáng mai dậy sớm chăn trâu, và dặn:

- Con ơi con! Làng đã bắt đầu cấm đồng rồi đấy. Mai con đi chăn trâu, *phải chăn đồng xa, chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu.*

Tấm vâng lời, sáng hôm sau đưa trâu đi ăn thật xa. Ở nhà mẹ con con Cám mang bát cơm ra giếng, cũng gọi bống lên ăn y như Tấm gọi. Nghe lời gọi, bống ngoi lên mặt nước. Mẹ con Cám đã chực sẵn, bắt lấy bống đem về làm thịt.

Đến chiều Tấm dắt trâu về, sau khi ăn uống xong Tấm lại mang bát cơm để dành ra giếng. Tấm gọi nhưng chẳng thấy bống ngoi lên như mọi khi. Tấm gọi mãi, gọi mãi, cuối cùng chỉ thấy một cục máu nổi lên mặt nước. Biết có sự chẳng lành cho bống, Tấm òa lên khóc. Bụt lại hiện lên, hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm kể lại sự tình cho Bụt nghe, Bụt bảo:

- Con bống của con người ta đã ăn thịt mất rồi. Thôi con hãy nín đi! Rồi về nhặt lấy xương nó, kiếm bốn cái lọ bỏ vào, đem chôn xuống dưới bốn chân giường con nằm.

Tấm trở về theo lời Bụt đi tìm xương bống, nhưng tìm mãi các xó vườn góc sân mà không thấy đâu cả. Một con gà thấy thế, bảo Tấm:

- *Cục ta cục tác! Cho ta nắm thóc, ta bới xương cho!*

Tấm bốc nắm thóc ném cho gà. Gà chạy vào bếp bới một lúc thì được xương ngay. Tấm bèn nhặt lấy bỏ vào lọ và đem chôn dưới chân giường như lời Bụt dặn.

*

* *

Ít lâu sau, nhà vua mở hội luôn mấy đêm ngày. Già trẻ trai gái các làng đều nô nức đi xem. Trên các nẻo đường, quần áo mớ ba mớ bảy dập dìu tuôn về kinh như nước chảy. Hai mẹ con con Cám cũng sắm sửa quần áo đẹp để đi trẩy hội. Thấy Tấm cũng muốn đi, mụ dì ghẻ nguýt dài. Sau đó mụ lấy một đấu gạo trộn lẫn với một đấu thóc, bảo Tấm:

- Con hãy nhặt xong cho dì chỗ gạo này rồi có đi đâu hãy đi, đừng có bỏ dở; về không có gì để thổi cơm dì đánh đó.

Nói đoạn, hai mẹ con quần áo xúng xính lên đường. Tấm ngồi nhặt một lúc mà chỉ mới được một nhúm, nghĩ rằng không biết bao giờ mới nhặt xong, buồn bã, bèn khóc một mình. Giữa lúc ấy Bụt hiện lên, hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm chỉ vào cái thúng, thưa :

- Dì con bắt phải nhặt thóc ra thóc, gạo ra gạo, rồi mới được đi xem hội. Lúc nhặt xong thì hội đã tan rồi, còn gì nữa mà xem.

Bụt bảo:

- Con đừng khóc nữa. Con mang cái thúng đặt ra giữa sân, để ta sai một đàn chim sẻ xuống nhặt giúp.

- Nhưng ngộ chim sẻ ăn mất thì khi về con vẫn cứ bị đòn.

- Con cứ bảo chúng nó thế này:

Rặt rặt (tức chim sẻ) *xuống nhặt cho tao*
Ăn mất hạt nào thì tao đánh chết[1].

thì chúng nó sẽ không ăn của con đâu.

1. Câu này theo *Bản khai của xã Điền-lễ.*

Tự nhiên ở trên không có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đằng, gạo ra một nẻo. Chúng nó lăng xăng ríu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyển một hạt. Nhưng khi chim sẻ đã bay đi rồi, Tấm lại nức nở khóc. Bụt lại hỏi:

- Con làm sao còn khóc nữa?

- Con rách rưới quá, người ta không cho con vào xem hội.

- Con hãy đào những cái lọ xương bống đã chôn ngày trước lên thì sẽ có đủ mọi thứ cho con trẩy hội.

Tấm vâng lời, đi đào các lọ lên. Đào lọ thứ nhất lấy ra được một bộ áo mớ ba, một cái xống lụa, một cái yếm lụa điều và một cái khăn nhiễu. Đào lọ thứ hai lấy ra được một đôi giày thêu, đi vừa như in. Lọ thứ ba đào lên thì thấy một con ngựa bé tí, nhưng vừa đặt con ngựa xuống đất bỗng chốc nó đã hí vang lên và biến thành ngựa thật. Đào đến lọ cuối cùng thì lấy ra được một bộ yên cương xinh xắn.

Tấm mừng quá vội tắm rửa rồi thắng bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi. Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô. Nhưng khi phóng qua một chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước không kịp nhặt. Khi ngựa dừng lại ở đám hội, Tấm lấy khăn gói chiếc giày còn lại rồi chen vào biển người.

Giữa lúc ấy thì đoàn xa giá cũng vừa tiến đến chỗ lội. Hai con voi ngự dẫn đầu đoàn đến đấy tự nhiên cắm ngà xuống đất kêu rống lên, không chịu đi. Vua sai quân lính xuống nước thử tìm xem; họ nhặt ngay được chiếc giày thêu của Tấm đánh rơi lúc nãy. Vua ngắm nghía chiếc giày không chán mắt, bụng bảo dạ: - " Chà, một chiếc giày thật xinh! Người đi giày này hẳn phải là trang tuyệt sắc".

Lập tức vua hạ lệnh cho rao mời tất cả đám đàn bà con gái đi xem hội đến ướm thử, hễ ai đi vừa chiếc giày thì vua sẽ lấy làm vợ. Đám hội lại càng náo nhiệt vì các bà, các cô chen nhau đến chỗ thử giày. Cô nào cô ấy lần lượt kéo vào ngôi lầu giữa bãi cỏ rộng để ướm một tý cầu may. Nhưng chả có một chân nào đi vừa cả. Mẹ con con Cám cũng trong số đó. Khi Cám và dì ghẻ bước ra khỏi lầu thì gặp Tấm. Cám mách mẹ :

- Mẹ ơi, ai như chị Tấm cũng đi thử giày đấy!

Mụ dì ghẻ của Tấm bĩu môi:

- Con nỡm!

Chuông khánh còn chả ăn ai,
Nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre.

Nhưng khi Tấm đặt chân vào giày thì vừa như in. Nàng mở khăn lấy chiếc thứ hai đi vào. Hai chiếc giày giống nhau như đúc. Bọn lính hầu hò reo vui mừng. Lập tức vua sai đoàn thị nữ rước nàng vào cung. Tấm bước lên kiệu trước con mắt ngạc nhiên và hằn học của mẹ con con Cám.

*

* *

Tuy sống sung sướng trong hoàng cung, Tấm vẫn không quên ngày giỗ cha. Nàng xin phép vua trở về nhà để soạn cỗ cúng giúp dì. Mẹ con con Cám thấy Tấm sung sướng thì ghen ghét để bụng. Nay thấy Tấm về, lòng ghen ghét lại bừng bừng bốc lên. Nghĩ ra được một mưu, mụ dì ghẻ bảo Tấm:

- Trước đây con quen trèo cau, con hãy trèo xé lấy một buồng để cúng bố.

Tấm vâng lời trèo lên cây cau. Lúc lên đến sát buồng thì ở dưới này mụ dì cầm dao đẵn gốc. Thấy cây rung chuyển, Tấm hỏi:

- Dì làm gì dưới gốc thế?

- Gốc cau lắm kiến, dì đuổi kiến cho nó khỏi lên đốt con.

Nhưng Tấm chưa kịp xé cau thì cây đã đổ, Tấm ngã lộn cổ xuống ao, chết. Mụ dì ghẻ vội vàng lột áo quần của Tấm cho con mình mặc vào rồi đưa vào cung nói dối với vua rằng Tấm không may bị rơi xuống ao chết đuối, nay đưa em vào để thế chị. Vua nghe nói trong bụng không vui, nhưng vẫn không nói gì cả.

Lại nói chuyện Tấm chết hóa làm chim vàng anh. Chim bay một mạch về kinh đến vườn ngự. Thấy Cám đang giặt áo cho vua ở giếng, vàng anh dừng lại trên một cành cây, bảo nó:

- *Phơi áo chồng tao phơi lao phơi sào, chớ phơi bờ rào, rách áo chồng tao.*

Rồi chim vàng anh bay thẳng vào cung đậu ở cửa sổ, hót lên rất vui tai. Vua đi đâu, chim bay đến đó. Vua đang nhớ Tấm không nguôi thấy chim quyến luyến theo mình, vua bảo:

- *Vàng ảnh vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo.*

Chim vàng anh bay lại đậu vào tay vua, rồi rúc vào tay áo. Vua yêu quý vàng anh quên cả ăn ngủ. Vua sai làm một cái lồng bằng vàng cho chim ở. Từ đó, ngày đêm vua chỉ mê mải với chim không tưởng đến Cám.

Cám vội về nhà mách mẹ. Mẹ nó bảo cứ bắt chim làm thịt ăn rồi kiếm điều nói dối vua. Trở lại cung vua, Cám nhân lúc vua đi vắng, bắt chim làm thịt nấu ăn, rồi vứt lông chim ở ngoài vườn. Thấy mất vàng anh, vua hỏi, Cám đáp:

- Thiếp có mang thèm ăn thịt chim nên trộm phép bệ hạ đã giết thịt ăn mất rồi.

Vua không nói gì cả. Lông chim vàng anh chôn ở vườn hóa ra hai cây xoan đào. Khi vua đi chơi vườn ngự, cành lá của chúng sà xuống che kín thành bóng tròn như hai cái lọng. Vua thấy cây đẹp rợp bóng, sai lính hầu mắc võng vào hai cây rồi nằm chơi hóng mát. Khi vua đi khỏi thì cành cây lại vươn thẳng trở lại. Từ đó, không ngày nào là vua không ra nằm hóng mát ở hai cây xoan đào.

Cám biết chuyện ấy lại về mách mẹ. Mẹ nó bảo cứ sai thợ chặt cây làm khung cửi rồi kiếm điều nói dối vua.Về đến cung, nhân một hôm gió bão, Cám sai thợ chặt hai cây xoan đào lấy gỗ đóng khung cửi. Thấy cây bị chặt, vua hỏi thì Cám đáp:

- Cây bị đổ vì bão, thiếp sai thợ chặt làm khung cửi để dệt áo cho bệ hạ.

Nhưng khi khung cửi đóng xong, Cám ngồi vào dệt lúc nào cũng nghe thấy tiếng khung cửi rủa mình:

Cót ca cót két,
Lấy tranh chồng chị,
Chị khoét mắt ra.

Thấy vậy con Cám sợ hãi vội về mách mẹ. Mẹ nó bảo đốt quách khung cửi rồi đem tro đi đổ cho rõ xa để được yên tâm. Về đến cung.

Cám làm như lời mẹ nói. Nó mang tro đã đốt đem đi đổ ở lề đường cách xa hoàng cung. Đống tro bên đường lại mọc lên một cây thị cao lớn, cành lá sum suê. Đến mùa có quả, cây thị chỉ đậu được có một quả, nhưng mùi thơm tỏa ngát khắp nơi. Một bà lão hàng nước ở gần đó một hôm đi qua dưới gốc ngửi thấy mùi thơm, ngẩng đầu nhìn lên thấy quả thị trên cành cao, bèn giơ bị ra nói lẩm bẩm:

- *Thị ơi thị, rụng vào bị bà, bà đem bà ngửi, chứ bà không ăn.*

Bà lão vừa nói dứt lời thì quả thị rụng ngay xuống đúng vào bị. Bà lão nâng niu đem về nhà cất trong buồng, thỉnh thoảng lại vào ngắm nghía và ngửi mùi thơm.

Ngày nào bà lão cũng đi chợ vắng. Từ trong quả thị chui ra một cô gái thân hình bé nhỏ như ngón tay nhưng chỉ trong chớp mắt đã biến thành Tấm. Tấm vừa bước ra đã cầm lấy chổi quét dọn nhà cửa sạch sẽ, rồi đi vo gạo thổi cơm, hái rau ở vườn nấu canh giúp bà hàng nước. Đoạn Tấm lại thu hình bé nhỏ như cũ rồi chui vào vỏ quả thị. Lần nào đi chợ về, bà lão cũng thấy nhà cửa ngăn nắp, cơm ngon canh ngọt sẵn sàng thì thấy làm lạ.

Một hôm bà hàng nước giả vờ đi chợ; đến nửa đường lại lén trở về, rình ở bụi cây sau nhà. Trong khi đó, Tấm từ quả thị chui ra rồi cũng làm các việc như mọi lần. Bà lão rón rén lại nhìn vào khe cửa. Khi thấy một cô gái xinh đẹp thì bà mừng quá, bất thình lình xô cửa vào ôm choàng lấy Tấm, đoạn xé vụn vỏ thị. Từ đó Tấm ở với bà hàng nước, hai người thương yêu nhau như hai mẹ con. Hàng ngày Tấm giúp bà lão các việc thổi cơm, nấu nước, gói bánh têm trầu để cho bà ngồi bán hàng.

Một hôm vua đi chơi ra khỏi hoàng cung. Thấy có quán nước bên đường sạch sẽ bèn ghé vào. Bà lão mang trầu nước dâng lên vua. Thấy trầu têm cánh phượng, vua sực nhớ tới trầu vợ mình têm ngày trước cũng y như vậy, liền phán hỏi:

- Trầu này ai têm?

- Trầu này con gái già têm, bà lão đáp.

- Con gái của bà đâu, gọi ra đây cho ta xem mặt.

Bà lão gọi Tấm ra, Tấm vừa xuất hiện, vua nhận ra ngay vợ mình ngày trước, có phần trẻ đẹp hơn xưa. Vua mừng quá, bảo bà hàng nước kể lại sự tình, rồi truyền cho quân hầu đưa kiệu rước Tấm về cung.

Cám thấy Tấm trở về và được vua yêu như xưa thì nó không khỏi sợ hãi. Một hôm Cám hỏi chị:

- Chị Tấm ơi chị Tấm, chị làm thế nào mà đẹp thế? Tấm không đáp, chỉ hỏi lại:

- Có muốn đẹp không để chị giúp!

Cám bằng lòng ngay. Tấm sai quân hầu đào một cái hố sâu và đun một nồi nước sôi. Tấm bảo Cám xuống hố rồi sai quân hầu dội nước sôi vào hố. Cám chết, Tấm sai đem xác làm mắm bỏ vào chĩnh gửi cho mụ dì ghẻ, nói là quà của con gái mụ gửi biếu. Mẹ con Cám tưởng thật, lấy mắm ra ăn, bữa nào cũng nức nở khen ngon. Một con quạ ở đâu bay đến đậu trên nóc nhà kêu rằng:

- *Ngon ngỏn ngòn ngon! Mẹ ăn thịt con, có còn xin miếng?*

Mẹ con Cám giận lắm, chửi mắng rầm rĩ rồi vác sào đuổi quạ. Nhưng đến ngày mắm gần hết, dòm vào chĩnh, mụ thấy đầu lâu của con thì lăn đùng ra chết[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên do người miền Bắc kể, trong đó có một vài chi tiết mỗi nơi kể một khác. Ví dụ câu nói của vàng anh với Cám khi Cám giặt áo cho vua, người Nghệ-an có nơi kể là:

– *Giặt áo chồng tao, thì giặt cho sạch, nhược bằng không sạch, tao rạch mặt ra.*

– *Phơi áo chồng tao, thì phơi bằng sào, đừng phơi bờ rào, tao cào mặt ra*[2].

Hay là câu của quạ:

– *Ngon ngỏn ngòn ngon, ăn cả thịt con, thực ngon lắm phỏng*[3].

---

1. Dựa theo Đỗ Thận. *Một truyện kể An-nam về cổ tích Tro bếp, BEFEO*,tập VII, q. 1-2(1907) và lời kể của người miền Bắc.
2. Theo bản khai của xã Hoàng-tràng.
3. Theo *Loại cổ tích hay,* đã dẫn.

Riêng ở vùng Bắc-ninh, thì truyện Tấm Cám được truyền tụng như là lịch sử thái phi Ỷ Lan. Quyển *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* đã chép truyện bà Ỷ Lan gắn liền với nhân vật Tấm (khác với truyện trên, ở đây gọi ngược lại: Tấm là Cám và Cám là Tấm. Ỷ Lan thái phi là Cám) và tước bỏ đi nhiều chi tiết của truyện dân gian:

Ở làng Thổ-lỗi (hay Siêu-loại) huyện Gia-lâm có ông Lê Công Thiết và vợ là Vũ Thị Tỉnh chuyên trồng dâu nuôi tằm. Một đêm vợ nằm chiêm bao thấy mình nuốt mặt trăng, sau đó sinh một cô gái tên là Cám (hoặc Khiết nương).Vợ chết, chồng lấy vợ kế là Chu thị, sinh một gái khác là Tấm. Thế rồi, câu chuyện cũng diễn ra với đủ các tình tiết bắt cá, nuôi bống; ăn thịt bống và nhặt xương bống chôn chân giường đúng như truyện trên vừa kể, chỉ có khác ở chỗ Bụt lại là nhà sư Đại Điên, tu ở chùa Linh-nhân. Và điều khác thứ hai đáng lưu ý là xương bống chôn một trăm ngày đào lên được một đôi hài quý, nhưng khi Cám phơi đôi hài, thì một con quạ thần trông thấy, cắp lấy một chiếc bay đến kinh đô rồi thả xuống sân điện. Vua bấy giờ là Lý Thánh Tông chưa có con, cho đấy là điềm lành, bèn loan báo cho đàn bà con gái khắp nơi đi ướm hài.

Từ đây truyện phát triển hoàn toàn khác với cổ tích nói trên. Vua đi cầu tự ở chùa, xa giá đến đâu, mọi người đua nhau đi xem đến đấy. Chỉ có Cám vẫn chăm chỉ hái dâu. Một ông hàng dầu thấy một đám mây che trên đầu Cám, bèn mách cho quan quân biết. Vua cho gọi Cám đến hỏi tại sao không đi xem vua trẩy? Cám tâu là vì dì bắt đi hái dâu. Vua cho ướm chân vào hài thì vừa như in. Vua bèn lấy làm vợ, gọi là Ỷ Lan.

Truyện còn nối vào một mẩu nữa, kể việc Nguyễn Bông đầu thai: Ỷ Lan làm vợ vua lâu ngày vẫn chưa có con. Đại Điên gặp Nguyễn Bông (là người vua sai đến chùa) hỏi: -"Có muốn làm hoàng tử không?" Bông đáp: - "Muốn". Đại Điên dặn Bông lẻn vào buồng tắm của hoàng hậu trong lúc hoàng hậu đang tắm (tình tiết này giống với tình tiết của truyện *Từ Đạo Hạnh* số **120**, tập **III**).Kết quả, việc làm của Bông bại lộ, Bông bị án chém. Tối hôm ấy, Thánh Tông mộng thấy một tiên ông đưa đến cho một đứa con trai. Quả nhiên Ỷ Lan có mang đẻ ra một hoàng tử. Nhưng hoàng hậu họ Dương lại bắt trộm mất hoàng tử, nói dối là con do mình đẻ ra, và thay vào một con mèo nói là con của Ỷ Lan (giống với tình tiết của các truyện ở **Khảo dị** số **166**, tập **IV**). Lớn lên, hoàng tử nhận ra mẹ đẻ của mình và giết chết hoàng hậu họ Dương cùng bảy mươi mốt cung nữ [1].

1. Theo Phong Châu. *Tấm, Cám có thật ở Việt-nam không?* Tập san *Nghiên cứu Văn sử địa,* số 39 (1958).

Ở Bắc-ninh còn có người kể xen vào những tình tiết khác. Ví dụ: một trong bốn cái lọ đào được có một lọ nước thần. Nhờ lọ nước, Cám tắm vào, da dẻ trở nên trắng trẻo, người đẹp tuyệt trần (giống với tình tiết trong truyện *Ai mua hành tôi*, số **135**, tập **III**).

Hay là : do Đại Điên bày vẽ, Bông lẻn vào trước buồng tắm hoàng hậu, bới cát nằm xuống tự vùi mình, khi hoàng hậu dội nước, cát trôi, Bông lộ nguyên hình (giống với tình tiết trong truyện *Sự tích đầm Nhất dạ và bãi Tự-nhiên*, số **28**, tập **I**).

Hay là: khi hoàng tử lên ngôi (lúc đó hoàng hậu họ Dương còn mạo nhận là con mình) một hôm bỗng "nhật nguyệt mờ mịt bất phân", bèn đi tra cứu lại các nhà ngục, nhờ đó nỗi oan của Ỷ Lan mới được bày tỏ. Mẹ con nhận ra nhau do có dấu chữ vương dưới chân vua [1].

Hay là: chiếc giày của Cám (Tấm) bị thất lạc không phải do quạ thần tha đi mà là do chen chúc trong hội Chen (trước đây ở làng La-miệt thuộc huyện Quế-võ, có hội Chen, trong ngày hội trai gái tha hồ chen nhau, (có khi ngã cả xuống ao) v.v...[2]

Trước đây ở làng Nam-sơn, huyện Võ-giàng còn có đền thờ Bà Tấm, Bà Cám, nhân dân thường kiêng tên, gọi gạo tấm là đón, cám là bổi (hàng năm có rước xách).

Chúng tôi cho rằng những tình tiết nói trên là do người đời sau gán ghép vào truyện *Tấm Cám*, làm cho nó có bóng dáng một thần tích, chẳng khác gì một số tình tiết mà nhân dân vùng Bắc-ninh ghép vào truyện *Thánh Gióng* (**Khảo dị** truyện số **134**, tập **III**).

Ở Nam-bộ cũng có lưu hành một truyện *Tấm Cám* có những tình tiết gần giống với những tình tiết của truyện *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* vừa kể. Sau đây là nội dung truyện kể ở miền Nam mà Jan-nô (G. Jeanneau), người sưu tầm sớm nhất, đã ghi được ở Mỹ-tho năm 1886:

Có hai vợ chồng sinh hai cô gái Tấm và Cám, là con sinh đôi. Tấm được bố mẹ chăm nom chiều chuộng rất mực, còn Cám thì bị đối đãi như tôi đòi. Một hôm người cha cũng giao cho mỗi con một cái giỏ, bảo đi bắt cá, ai bắt được nhiều hơn thì được gọi bằng chị. Cám được nhiều hơn, nhưng Tấm bảo đưa giỏ cho mình giữ hộ để đi hái rau thơm về kho cá. Cám trở về thì bao

1. Theo lời kể của người vùng Dương-xá (Bắc-ninh).
2. Tình tiết này theo Đinh Gia Khánh. *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*.

nhiêu cá đã bị Tấm lấy mất chỉ còn một con bống mú. Do đó Tấm được làm chị. Cũng như truyện kể ở miền Bắc, Cám được thần hiện lên bày cho cách nuôi cá bống mú, nhưng nuôi được ít lâu cá cũng bị Tấm tìm cách bắt ăn thịt. Thần hiện lên bày cách bỏ xương cá vào hũ chôn xuống đất, sau sẽ được nhiều vật quý. Một con gà cũng mách cho Cám chỗ vùi xương bống. Sau ba tháng mười ngày, Cám đào lên quả được áo quần đẹp và một đôi giày. Một hôm Cám đem giày đi ra đồng bị ướt, phải đem phơi, bỗng một con quạ cắp mất một chiếc đem bỏ vào cung vua. Hoàng tử bắt được cho rao mời đàn bà con gái mọi nơi về thử, ai đi vừa sẽ lấy làm vợ. Tấm được bố mẹ cho ăn mặc đẹp trẩy kinh, còn Cám thì phải ngồi nhặt một mớ đậu và vừng trộn lẫn. Thần cho bồ câu đến giúp (có người kể con quạ lần trước tha giày nay đến bày cho Cám cách sàng để nhặt được nhanh). Sau đó Cám đến kinh thử giày, và trở thành vợ hoàng tử.

Một hôm, Cám nghe tin bố đau nặng, bèn về thăm. Thực ra Cám bị lừa; dưới giường chỗ bố nằm có để nhiều tấm bánh đa nướng để khi trở mình nghe tiếng răng rắc. Cám tưởng bố gãy xương thương lắm, khóc rưng rức. Rồi Cám cởi áo trèo cau theo lời bố. Cây cau bị Tấm chặt gãy, Cám rơi vào hố nước sôi chết. Nhờ có mặt mũi giống Cám, Tấm mặc áo quần rồi vào cung mà không ai biết, kể cả hoàng tử, nhưng hoàng tử ngày một nguội lạnh với Tấm. Cám hóa thành chim quành quạch, và cũng như truyện kể ở miền Bắc, chim bay vào cung gặp Tấm đang giặt áo. Chim cũng nói câu:"Phơi áo chồng tao..." và sau đó cũng được hoàng tử đem về nuôi ở lồng. Tấm cũng bắt chim ăn thịt và nói rằng mình có mang thèm ăn thịt chim. Chỗ vứt lông chim mọc lên một măng tre, sau đó bị Tấm chặt làm thức ăn. Vỏ măng hóa thành một cây thị chỉ có mỗi một quả, mỗi lần hoàng tử ở nhà thì cành lá xòa xuống thấp, nhưng khi đi vắng thì cây vươn lên cao tít, vì thế Tấm muốn hái thị ăn mà không được. Sau đó thị rơi vào bị một bà lão ăn mày. Tiên nữ trong quả thị cũng nhiều lần hiện ra giúp bà lão, sau cùng bà lão cũng rình bắt được, bèn xé nát vỏ thị.

Một hôm, Cám hóa phép làm cỗ bàn rất linh đình để dọn cúng chồng bà lão, nhưng lại ép nài bà đi mời hoàng tử tới dự. Hoàng tử đòi phải có thảm trải từ cung đến nhà mới chịu đi. Quả có thảm trải thật, lại có cả miếng trầu têm rất đẹp làm hoàng tử chú ý, hỏi thì bà lão nói dối là mình têm. Hoàng tử bảo bà thử têm cho mình xem. Cám hóa làm con ruồi vẽ cho bà cách têm, nhưng khi hoàng tử đuổi ruồi thì bà lão lại không têm được, đành phải thú thực là do con gái mình têm. Nhờ đó hoàng tử gặp lại vợ cũ.

Đoạn kết giống hẳn truyện trên: Tấm hỏi Cám làm sao lại đẹp. Cám nói nhờ ngã vào hố nước sôi. Tấm nhảy vào nước sôi mà chết. Cám liền làm mắm gửi cho dì ghẻ. Dì ghẻ ăn cũng khen ngon, rồi cũng có con quạ đến mách và bị đuổi. Khi ăn gần hết, thấy đầu lâu con gái mẹ Tấm lăn ra chết[1].

Đuy-mu-chiê (Dumoutier) có sưu tầm được một dị bản, cũng ở Bắc-ninh, có lẽ xuất phát từ nguồn gốc thần tích, cách kể và một số tình tiết có khác với các dị bản trên:

Vào cuối thời Hùng Vương có một người tên là Đào Chí Phẩm ở làng Lãm-sơn, huyện Quế-dương (Bắc-ninh), vợ đẻ được một con gái là Tấm rồi mất. Đào Chí Phẩm lấy vợ sau là Thị Cao đẻ được Cám. Khi chồng chết, Thị Cao bạc đãi con ghẻ. Các tình tiết bắt cá, nuôi bống, ăn thịt bống, nhặt xương bống chôn dưới gầm giường, và đổ lẫn các giống hạt bắt nhặt (ở đây là các giống đỗ) v.v... đều đại khái giống với các truyện *Tấm Cám* đã kể. Khi Bụt mách cho Tấm đào những cái lọ dưới chân giường, Tấm đào được trong lọ một cô gái hầu, các lọ kia là áo giày và ngựa (nhưng về sau không thấy cô gái hầu xuất hiện trong các tình tiết kể tiếp). Do chiếc giày của Tấm đánh rơi khi đi xem hội, mà hoàng tử tìm được Tấm. Thấy nàng đẹp, hoàng tử muốn lấy làm vợ. Tấm bảo về hỏi người mẹ ghẻ. Hoàng tử phái quan đến hỏi, Thị Cao thuận gả, nhưng đến ngày cưới lại bảo Tấm đi chơi xa, rồi lấy áo quần Tấm mặc cho Cám, đưa Cám vào cung. Tấm về thất vọng, nhảy xuống giếng chết. Hồn Tấm hóa thành chim vàng anh bay vào cung. Thấy Cám giặt áo cho hoàng tử, chim cũng dặn không được phơi bờ rào "rách áo chồng tao". Nghe nói thế, hoàng tử biết mình bị mẹ con Thị Cao lừa gạt, bèn hỏi chim: - "Có phải vợ anh chui vào tay áo?" Chim bay ngay vào tay áo.

Truyện không nói đến những hành vi ác độc của Cám và mấy lần tái sinh của Tấm, mà cho rằng Cám thấy chim, biết đó là chị nó thì sinh ra hối hận, bèn nhảy xuống giếng chết.

Đuy-mu-chiê (Dumoutier) còn cho biết: người ta thờ chung cả hai cô vào một đền ở Lãm-sơn. Những lúc có hạn hán, dân làng đến đây cầu đảo thường nghiệm[2].

Đồng bào Cham-pa có truyện *Ca-dong và Ha-lớc.*

Truyện này với truyện *Tấm Cám* (do người miền Nam kể) gần như là một.

1. Trong *Tạp chí Đông-dương,* tập XX (1913), và Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. *Một truyện Tro bếp An-nam*, Tạp chí *Nghiên cứu truyền thống dân gian* (tiếng Ý) *Pa-léc-mơ* (1896).

Ngày xưa có hai nhà nọ có hai cô gái Ca-dong và Ha-lóc, Ha-lóc là con đẻ, còn cô kia là con nuôi. Nhưng hai cô cùng một lứa tuổi như nhau, không ai chịu nhường ai làm chị. Bà mẹ liền trao cho mỗi cô một cái giỏ bảo đi bắt cá, ai nhiều hơn thì được làm chị. Ca-dong bắt được độ nửa giỏ thì mệt, bèn lên bờ nằm ngủ. Ha-lóc bắt được ít, thừa dịp lấy trộm bỏ vào giỏ của mình. Khi Ca-dong dậy, hỏi ai lấy hết cá, Ha-lóc nói không biết. Biết là Ha-lóc lấy trộm, Ca-dong rất buồn. Xuống ao lần nữa, cô chỉ bắt được một con cá gia-rốc.

Trở về, Ha-lóc được làm chị, Ca-dong không nói gì chỉ nuôi con cá gia-rốc làm em, vì nghĩ nó cũng trơ trọi như mình. Ngày nào ăn cơm, cô cũng không quên đến giếng gọi : - " Ơi cá! Lên mà ăn với chị!" Ha-lóc cũng đến rình, và cuối cùng bắt cá về làm thịt ăn.

Ca-dong mất cá, khóc lóc ngày đêm. Cô chiêm bao thấy cá kể lại việc bị bắt và bảo hãy lấy xương bỏ vào gáo dừa đem chôn ở ngã tư đường, nơi hàng ngày cô cho dê qua lại. Ca-dong làm theo lời. Một hôm đi qua, cô thấy một đôi giày vàng. Cô chỉ nhặt được một chiếc, còn chiếc kia bị quạ tha đi mất. Quạ bay đến cung thả rơi chiếc giày trước mặt vua. Vua xuống chiếu cho các cô gái đến ướm thử, hứa sẽ lấy cô nào ướm vừa làm vợ.

Trong khi Ha-lóc soạn sửa ra đi, thì Ca-dong được mẹ giao cho một cuộn chỉ rối, bắt gỡ. Lại lấy một đấu vừng trộn lẫn với một đấu ngô bắt nhặt xong mới được đi. Ca-dong khóc. Thần hiện ra sai mọi giống chim, mối, kiến, bò cạp, gián vàng, gián đỏ đến nhặt giúp. Xong, Ca-dong lấy chiếc giày gói vào khăn ra đi một mình. Trong khi các cô gái giàu có sang trọng " kẻ thì mặt trăng rằm, người thì vú tròn quả dưa" chen chúc ướm chân, thì Ca-dong ăn mặc rách rưới chỉ đứng nấp bên ngoài cung điện. Mọi người ướm xong, không ai đi vừa chân cả. Vua hỏi có còn ai nữa không? Người hầu cho biết chỉ còn Ca-dong đứng nấp ở bên ngoài. Vua cho gọi vào ướm thử thì vừa như in. Vua sai người hầu đưa cô đi tắm và lấy làm vợ. Hỏi về gia đình, cô đáp là bố mẹ đẻ đều chết, ở với mẹ nuôi. Hỏi còn chiếc giày nào nữa thì cô đưa chiếc trong khăn ra. Vua biết đó là người có số làm hoàng hậu.

Ít lâu sau, mẹ Ha-lóc đến xin cho Ca-dong về nhà vài ngày kẻo "nhớ lắm". Ca-dong về không được ăn, cũng không được ngủ trên chiếu. Sáng dậy Ha-lóc rủ Ca-dong đi trảy dừa. Ca-dong trèo cây thì Ha-lóc chặt gốc. Ca-dong chuyển sang một cây khác. Ha-lóc lại chặt cây kia. Ca-dong rơi xuống hồ hóa thành rùa vàng ở dưới hồ.

Mẹ Ha-lóc đưa con đến cung nói là để thế cho Ca-dong đi đâu mất không tìm thấy. Vua nhận, nhưng tỏ ý không vui. Một hôm vua đi săn, đến hồ tự

nhiên thấy người buồn bã, bèn bảo dừng lại, cho người lặn xuống hồ, và rất mừng khi thấy người ấy bắt được một con rùa. Vua ôm lấy rùa đưa về cung nuôi trong chậu vàng.

Một hôm vua đi chơi, Ha-lốc bắt rùa làm thịt, quẳng mai ở sau nhà. Từ cái mai mọc lên một măng tre. Thấy mất rùa, vua hỏi, Ha-lốc nói không biết. Vua hỏi thầy bói. Ha-lốc mới thú thật rằng vì mình có mang thèm thịt rùa. Vua không nói gì, chăm chút cho măng tre; nhưng rồi Ha-lốc lại chặt măng nấu ăn khi vua đi vắng. Vua về hỏi, Ha-lốc lại đổ cho là vì có mang thèm ăn măng. Vua cũng không nói gì. Vỏ măng sau đó lại hóa thành chim bếch (sáo) đến hót ở cung. Vua bảo: -"Có phải Ca-dong thì đậu vào tay áo". Chim đậu vào tay áo, vua giữ lại nuôi. Ha-lốc lại bắt chim làm thịt ăn, quẳng lông ra đường cái. Lông chim mọc thành cây pen (thị). Vua hỏi, Ha-lốc đáp: - "Chim bay qua nồi canh đang sôi, rơi vào, tôi vớt cho chó ăn". Vua cũng không nói gì.

Cây pen chỉ có một quả. Quả chín bay ra mùi thơm khác thường làm ai đi qua cũng thèm nhưng nhìn lên thì không thấy, trừ một bà già. Cũng như ở truyện *Tấm Cám*, bà già ước nó rơi xuống, và nó rơi ngay, bà đưa về rấm vào vại.

Từ đoạn này về sau đều y như truyện của ta, chỉ thêm một tình tiết là khi bà già mời vua tới ăn cỗ, vua ăn bánh thấy giống hệt bánh Ca-dong làm ngày trước. Hỏi bà già thì bà nói vì có nhiều người làm giúp nên không biết bánh của ai. Vua ăn trầu lại thấy giống hệt trầu của Ca-dong têm. Vua thở dài. Ca-dong trong buồng cũng thở dài. Nghe tiếng, vua chạy vào thì gặp vợ. Một tình tiết khác nữa là khi Ca-dong bảo người hầu đưa mắm Ha-lốc về cho mẹ nó ăn có nhắn tin mời mẹ Ha-lốc đến chơi; mẹ Ha-lốc đến, thấy Ca-dong lại tưởng là Ha-lốc, nói rằng:-" Có phải con gọi mẹ đến chơi không?". Ca-dong đáp:-" Không". Mẹ Ha-lốc mới biết là Ca-dong còn sống, thẹn trở về. Ăn gần hết mắm thấy có bàn tay (không phải đầu lâu), mụ nhận ra chiếc nhẫn của con gái mình mới biết là con đã chết[1].

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Nàng Can-tóc và nàng Song Ang-cát* rất gần với truyện của ta và của Cham-pa, chỉ khác không có đoạn cuối:

Một người đàn ông góa vợ có một con gái tên là Can-tóc (xinh), lại lấy vợ kế có con riêng là Song Ang-cát (đầu mẩu củi). Ở đây cũng có tình tiết người bố bảo hai con bắt cá, ai được nhiều hơn thì được làm chị. Song Ang-cát chỉ bắt được một con cá quả bằng ngón tay nhưng bằng mẹo xách hộ, hắn tráo

1. Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*.

lấy giỏ cá đầy của Can-tóc về trước để giành làm chị. Thấy Can-tóc khóc, một pháp sư hiện ra bảo thả con cá quả xuống ao, hàng ngày bỏ cơm cho ăn và gọi: -" Quả đẹp quả xinh, lên ăn cơm lành, cho mau chóng lớn". Khi phát giác ra việc nuôi cá do con gái mách, người dì ghẻ giấu nồi cơm, Can-tóc phải ngậm cơm ở miệng đem cho cá. Dì lại bắt ăn xong phải há miệng. Can-tóc giấu cơm vào tóc. Mụ lại cấm không cho ra ao. Sau đó, mụ định bắt con cá, nhưng không làm sao gọi được nó lên, bèn thả lỏng Can-tóc để rình xem cách cô gọi cá. Nhờ vậy mụ mới bắt được. Mất cá, Can-tóc khóc lóc, vị pháp sư lại hiện ra bảo nhặt xương bỏ dưới gậm giường. Đặc biệt có tình tiết pháp sư hiện ra lần nữa bảo ở gậm giường có một đôi giày chỉ nên lấy một chiếc cất đi. Can-tóc làm theo. Chiếc kia bị Song Ang-cát nhặt nhưng không biết làm gì, bèn vứt qua hàng rào. Một con quạ bay qua cắp lấy bay đi, thả xuống sân nhà vua.

Thái tử theo tục lệ phải lấy vợ mới được lên ngôi. Nhân nhặt được chiếc giày đẹp, thái tử hứa ai đi vừa sẽ lấy làm vợ. Song Ang-cát đến thử không vừa. Nhận ra đó là giày của Can-tóc, hắn bảo mẹ không cho Can-tóc đi thử. Can-tóc bị dì giam lại, nhưng lừa lúc mọi người ngủ say, cô trốn đi. Người bố cô về hùa với dì ghẻ hành hạ con. Cô bị bố đi tìm, bắt về đánh đòn. Không chịu được, cô nhịn ăn. Người bố bèn rắc gạo đầy sân cỏ, bảo nhặt sao cho đầy bình sẽ cho đi. Trong hai ngày cô kiên nhẫn nhặt gạo. Cuối cùng bố cô phải cho đi. Khi ướm chân vào giày thì vừa khít. Can-tóc mở gói lấy chiếc thứ hai ra. Lập tức thái tử rước vào cung làm vợ.

Nghe lời vợ xúi giục, bố Can-tóc viết thư xin vua cho hoàng hậu về thăm mình, rồi nhân lúc Can-tóc tắm, dội nước sôi vào người cô. Rồi ông bảo Song Ang-cát mặc áo của Can-tóc vào cung, giả làm hoàng hậu. Vua biết có sự lộn sòng, nhưng không nói gì. Từ đó vua trở nên buồn bã, thường đi chơi cho khuây khỏa.

Chỗ chôn Can-tóc mọc lên một cây chuối. Người bố chặt cây chuối nhưng lúc trở lại, ở chỗ gốc chuối đã mọc lên một cây tre. Sợ quá, hắn ngã xuống sông, bị sấu ăn thịt. Thấy tre có bóng mát, vua đến nghỉ. Tre rủ cành, che và quạt cho vua ngủ. Vua quyến luyến cây tre, ngày nào cũng đến đấy nghỉ. Can-tóc hiện ra khẽ chạm vào người vua mấy lần. Và cũng mấy lần vua tỉnh giấc. Cuối cùng hai vợ chồng gặp nhau, cùng nhau cười vui về cung. Thấy thế Song Ang-cát bỏ chạy vào rừng. Từ đấy không ai còn thấy mẹ con hắn[1].

Trước khi tìm hiểu một số dị bản khác của truyện *Tấm Cám*, cần phải thấy *Tấm Cám* là một trong những truyện cổ tích phổ biến nhất thế giới. Mê-lê-tin-xki

1. Theo Lê Trọng Khánh, An Ly, Đỗ Thiện. *Truyện dân gian Căm-pu-chia.*

(Mélétinski) trong *Nhân vật trong truyện cổ tích thần kỳ* xuất bản ở Mat-xcơ-va, năm 1958, cho biết con số dị bản của truyện *Tro bếp* (tên nhân vật chính của loại truyện *Tấm Cám* ở châu Âu) trên thế giới đã lên đến năm trăm và còn có thể nhiều hơn nữa. Tuy nhiên theo chúng tôi, truyện của ta cũng như truyện của Cham-pa, v.v... cũng là loại dị bản đặc biệt. Nếu một truyện cổ tích có thể phân đoạn được thì truyện *Tấm Cám* của ta có thể chia làm ba đoạn, mỗi đoạn có một chủ đề với những hình tượng như sau:

1. Mâu thuẫn giữa dì ghẻ con chồng tập trung quanh hình tượng chủ yếu là con cá bống và đôi giày.

2. Những cuộc tái sinh của Tấm xoay quanh hình tượng chủ yếu là con chim vàng anh và quả thị.

3. Cuộc báo thù của Tấm với hình tượng lọ mắm làm bằng thịt con Cám, trong đó có cái đầu lâu con Cám.

Những truyện của các dân tộc thường chỉ có một hoặc hai đoạn có kết hợp hay không với một vài hình tượng của truyện khác.

Trước hết, cũng nên nói đến một loạt dị bản mà trong đó sự khác biệt với truyện của ta là ở chỗ, trong đoạn đầu còn có thêm nhân vật bà mẹ cô Tấm. Bà cũng bị giết và hóa thân thành một bà tiên hay một con vật gì đó thỉnh thoảng lại hiện lên giúp Tấm vượt qua những khó khăn mà mụ dì ghẻ gây ra cho nàng.

1. Truyện của đồng bào Tày *Tua Gia Tua Nhi* cũng có đủ ba đoạn như truyện của ta. Ở đây bà mẹ là nàng tiên.

Có hai chị em, chị là Tua Gia đẹp và hiền, em là Tua Nhi con gái riêng của dì ghẻ, thì trái lại. Mẹ Tua Gia là vợ cả bị chồng giết chết sau một chuyến đi bắt ếch (y bỏ ếch vào giỏ rách, ếch lọt ra hết, lại tưởng là vợ tham ăn, không để dành cho mình). Chỗ này giống như truyện *Nàng Khao Nàng Đăm* (**Khảo dị** truyện số **12**, tập **I**). Tua Gia từ đấy bị dì đối xử tệ, thường đặt điều để hành hạ, như bảo đi múc nước bằng ống bương thủng (nhưng nhờ quạ bảo giúp nên không việc gì), hay bảo bưng nồi cháo nóng (bỏng tay làm đổ hết thức ăn). Từ đấy về sau không được ăn no. Nhưng nhờ một nàng tiên bí mật hiện ra bảo các con vật mang thức ăn đến cho Tua Gia ăn, nên nàng vẫn không gầy ốm. Một hôm nàng gặp hoàng tử trong khi đi chăn vịt, hai bên yêu nhau, cùng nhau hát lượn và tặng trầu. Lúc về dì thấy đỏ môi, hỏi thì đáp là"vì ăn cứt vịt". Dì bảo Tua Nhi giành lấy công việc chăn vịt để được như Tua Gia, nhưng Tua Nhi chẳng thấy môi đỏ tý nào. Chỗ này giống với truyện *Côi, cô gái mồ côi* (**Khảo dị** truyện số **12**, tập **I**). Một hôm Tua Gia chăn vịt gặp một

bà cụ nhờ nhổ tóc bạc. Thấy đầu cụ có sẹo, hỏi mới biết đó là mẹ mình. Mẹ đưa con về thủy phủ, cho con ăn ngon và cho một con gà con về nuôi. Cũng như hình tượng cá bống, gà nuôi lớn, dì sai nàng đi lấy củi rừng xa, ở nhà bắt làm thịt ăn, quẳng xương ra bờ rào. Ra sông ngồi khóc, nàng lại gặp mẹ, mẹ trao cho một cái hộp nhỏ, bảo bỏ xương vào rồi chôn dưới chân giường. Bảy ngày sau cô đào lên thấy có giày áo đẹp. Tua Nhi hỏi vì sao mà có, thì nàng đáp: -"Đem áo quần cho trâu ăn, rồi thò tay vào đít trâu sẽ lấy ra được đồ đẹp"; Tua Nhi làm theo nhưng chẳng được gì, lại mất hết áo xống, trần như nhộng chạy về.

Hoàng tử nhớ Tua Gia, bèn cho mở hội"bắt cá"(bư-pia) buộc nam nữ đều phải đi dự. Vì dì bắt Tua Gia đi muộn nên hoàng tử không gặp. Lần thứ hai hoàng tử nhân hội chợ, lại ra lệnh cho mọi người đi dự. Mụ lại trộn vừng vào gạo bắt Tua Gia nhặt xong mới cho đi. Mặc dù có nàng tiên sai sóc xuống giúp, nhưng nàng cũng đến muộn nên lại không gặp. Tua Gia về qua cầu đánh rơi giày xuống suối. Hoàng tử nhặt được, cho người loan báo cho tất cả các cô gái đến ướm chân. Cuối cùng chỉ có Tua Gia ướm vừa, nhưng dì nàng không bằng lòng; bắt phải thử thêm bằng cách đặt cáng dưới mái nhà để cho hai cô lăn từ trên nóc xuống, ai rơi vào cáng thì được lấy hoàng tử. Tua Nhi thử trước, lăn bịch xuống đất. Tua Gia lăn đúng vào cáng, mụ dì đành để nàng lấy hoàng tử.

Sang đoạn thứ hai và thứ ba thì giống với truyện của ta, nhưng cũng có tình tiết khác. Một hôm bố ốm, dì nhắn Tua Gia về. Ở đây Tua Gia cũng trèo cây hái quả cho dì. Thấy bố chặt gốc, nàng van khóc, bố bảo cởi áo quần ném xuống thì thôi, nhưng tuy con đã ném xuống, bố vẫn cứ chặt. Cây đổ, Tua Gia chết, Tua Nhi đóng bộ vào giả làm Tua Gia đến với hoàng tử, nói là mình phải trông nom bố ốm nên hốc hác. Mặc dầu con không nhận mẹ, và hoàng tử tỏ ý hững hờ, nhưng Tua Nhi cứ ở lại với hoàng tử..

Tua Gia hóa thành chim yểng bay đến hỏi người chăn ngựa xem hoàng tử có còn nhớ vợ cũ nữa không. Thấy yểng, hoàng tử cũng hỏi: -"Yểng à, có phải Tua Gia, chui vào tay áo", yểng bay đến, hoàng tử đưa về buồng. Yểng biến thành Tua Gia, kể lại mọi việc và dặn cứ để yên xem Tua Nhi làm những gì. Từ đấy đêm là Tua Gia, ngày là yểng. Chỗ này khác với truyện của ta. Một hôm Tua Nhi nhìn vào buồng thấy Tua Gia thì nổi ghen, bèn chờ dịp giết chết yểng, vùi vào gốc tre. Từ đấy mỗi khi hoàng tử đi qua thì cây tre cúi xuống vuốt ve, còn Tua Nhi đi qua thì nó cào xước mặt mũi. Tua Nhi chặt tre làm cọc màn, cọc đâm vào tay mỗi lần mắc màn. Lại ném vào lửa, cọc tỏa khói

làm cay mắt. Một bà lão đến xin lửa, cầm cọc màn chạy về. Chỗ này giống với tình tiết trong *Vợ chàng rắn* (**Khảo dị**, truyện số **128**, tập **III**). Đưa về nhà cọc biến mất, chỉ để lại hai quả trứng. Rồi cũng có hai cô gái từ trứng chui ra dọn dẹp, lo cơm canh cho bà lão mỗi lần bà lão vắng nhà. Bà lão cũng giả tảng đi vắng, bất chợt nửa đường lộn về bắt gặp cả hai cô. Đó là Tua Gia và nàng hầu, Tua Gia bảo bà mời hoàng tử tới ăn cơm. Hoàng tử bắt phải trải lụa làm đường đi. Tua Gia bảo bà trải lá chuối rồi hóa phép biến thành lụa. Hoàng tử đến ăn thấy món ăn giống những thức Tua Gia dọn cho mình ngày trước nhưng vẫn chưa gặp vợ. Nhờ có con mèo tha cái đùi gà, đứa con đuổi theo chạy vào buồng thì nhận ra mẹ nó. Hai người gặp lại nhau. Đoạn sau Tua Gia giả làm cô hàng bánh, bày cho Tua Nhi làm đỏm bằng cách nhảy vào nồi nước sôi. Và cũng như hình tượng của các truyện trên, Tua Gia cũng làm mắm Tua Nhi gửi về cho dì và bố. Một con quạ bay đến hỏi "ăn thịt con gái có thơm không?" Mụ sinh nghi, tìm thấy đầu lâu con, mụ lăn ra chết. Người bố cũng đi lang thang chết ở xó rừng[1].

Ở một truyện khác của Pháp, người mẹ cũng là bà tiên:

Một lãnh chúa góa vợ, có một con gái vì làm việc bên bếp gọi là Tro Bếp. Vợ kế của lãnh chúa có hai đứa con, thường cay nghiệt với con chồng. Mẹ đỡ đầu của cô này dặn nàng hễ chúng có sai bảo gì thì làm bộ bắt chấy rồi lén bỏ muối vào bếp cho nổ lép bép, chúng sẽ để yên. Quả nhiên, chúng tưởng là chấy như sung nên hét lên: -"Chó có đến gần chúng tao". Một hôm mẹ con mụ dì đi dự hội, Tro Bếp cũng muốn đi, nhưng mụ đã đổ một túi đậu giữa bếp bắt nhặt không được sót một hạt. Đang nhặt thì mẹ cô là tiên xuất hiện. Bà dùng đũa thần làm cho những hạt đậu trở về túi. Lại dùng đũa chạm vào người cô, tự nhiên hóa thành một cô gái xinh đẹp, áo quần trang sức đắt tiền, giày bằng thủy tinh. Bà dặn con phải về trước khi lễ tan. Cô nghe lời, cho nên khi mẹ con mụ dì về thì cô đã làm việc bên bếp như thường lệ. Chúng khoe với cô là có một cô gái áo quần đẹp lắm. Chủ nhật sau lại đi lễ, mụ dì lại đổ một túi tro khắp nhà bắt cô hót sạch, nhưng bà tiên lại hót hộ và ban cho mọi thứ để đi dự hội. Hoàng tử gặp, đuổi theo cô. Khi bước qua bậc thềm nhà thờ cô đánh rơi một chiếc giày, hoàng tử nhặt được, hỏi khắp nơi không ai biết. Bèn sai người đi từng nhà ướm giày, hẹn ai đi vừa thì lấy làm vợ. Hai chị em con mụ dì cùng thử, cô chị đi không vừa, cô em cắt bớt gót, cố nhét chân vào. Lúc đưa cô này đến nhà thì hoàng tử nghe một con chim hót vạch rõ sự thật

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc,* đã dẫn.

và chỉ chỗ Tro Bếp ở. Mụ dì nói:-" Đừng có nghe con chim chết tiệt !". Hoàng tử nghe chim hót lần thứ hai bèn tìm đến thì gặp Tro Bếp. Cô rút nốt chiếc giày kia ra đi vừa vặn. Trước khi hoàng tử rước cô, bà tiên mẹ cô lại xuất hiện, bà gõ chiếc đũa, cô có áo đẹp rực rỡ[1].

2. Ở truyện *Con rùa* của Miến-điện (Myanmar) thì người mẹ là một con rùa:

Vợ chồng một người đánh cá có một cô gái đẹp tên là Bé. Một hôm hai vợ chồng đi đánh cá. Bắt được một con cá nhỏ, vợ bảo để cho con ăn. Lại được con thứ hai, con thứ ba, vợ cũng nói như vậy. Chồng nổi giận đánh vợ một mái chèo. Vợ ngã xuống biển chết, sau đó hóa thành một con rùa lớn. Ít lâu sau, người đánh cá lấy vợ kế là một mụ phù thủy, mụ có cô con gái xấu xí. Thấy Bé đẹp, mẹ con mụ ghen ghét ra sức hành hạ, nhưng người bố không quan tâm. Một hôm, Bé ra bờ biển ngồi, bỗng con rùa nổi lên nhìn cô mà khóc. Bé đoán là mẹ, ôm chầm lấy rùa. Từ đó chiều chiều Bé ra biển thì rùa lại nổi lên. Mụ dì ghẻ biết chuyện, bèn giả ốm, lấy bánh đa bỏ dưới chiếu nằm lên, nói là xương bị gãy, lại đút tiền cho thầy lang, bảo thầy cứ nói ăn thịt rùa

---

1. Theo Pua-ra (Pourra) sách đã dẫn, tập I. Truyện *Cô Tro Bếp* hay là *Chiếc hài cườm pha lê* phổ biến ở châu Âu cũng như ở Pháp lại kể như sau: Có hai chị em cùng cha khác mẹ. Dì ghẻ bắt con chồng làm việc nặng nhọc. Tuy rách rưới nhưng Tro Bếp (hay Lọ Lem) vẫn xinh đẹp. Một hôm hoàng tử mở dạ hội, cho mời những người danh giá tới dự. Hai cô chị được mời, ăn mặc rất choáng lộn, bắt Tro Bếp vấn tóc cho chúng, v.v... Khi chúng đi rồi, Tro Bếp ngồi khóc. Một nàng tiên (ở đây không nói là mẹ cô) xuất hiện bảo ra vườn hái một quả bí. Đoạn, gõ gậy vào, bí bỗng hóa thành một cỗ xe mạ vàng. Lại bắt sáu con chuột nhắt gõ gậy vào hóa thành sáu con ngựa, một con chuột cống hóa thành người đánh xe. Lại biến sáu con mối thành sáu người hầu, biến quần áo rách rưới của Tro Bếp thành áo bằng gấm vóc và cho thêm-một đôi hài cườm pha lê. Sắp đi, nàng tiên còn dặn đến nửa đêm phải về, bằng không thì có chuyện không hay.

Hoàng tử nghe tin báo có một nàng công chúa đẹp và sang, vội chạy ra đón vào nhảy. Lúc ấy trăm con mắt đều nhìn nàng trầm trồ. Cho đến 11 giờ, Tro Bếp nhớ lời nàng tiên, vội trở về thật nhanh. Đến khi hai chị về gõ cửa, Tro Bếp giả vờ dụi mắt bước ra. Đêm hôm sau Tro Bếp lại đi dự, nhưng cô mải mê thích thú quên cả lời nàng tiên dặn. Đồng hồ điểm 12 giờ mới vội chạy về, đánh rơi chiếc hài. Hoàng tử nhặt được và cũng có chuyện ướm chân. Hai chị ướm không vừa, còn chế giễu Tro Bếp, không ngờ Tro Bếp chẳng những đi vừa lại còn rút nốt chiếc hài trong áo ra đi nốt vào chân kia. Nàng tiên lại hiện ra hóa phép cho Tro Bếp có áo quần lộng lẫy. Hai chị mới biết nàng công chúa hôm nọ với Tro Bếp là một. Sau khi làm lễ cưới, Tro Bếp đem hai chị gả cho hai quan to trong triều (theo Pe-rôn (Perrault)).

mới khỏi. Mụ bảo chồng theo Bé ra bờ biển, lúc rùa nổi lên thì bắt giết thịt. Bé không ăn thịt rùa nhưng lại nhặt xương rùa đem chôn, khấn xin mọc một cây có quả vàng, quả bạc. Cây mọc lên như lời. Một hôm vua đi qua thấy cây lạ, hỏi của ai. Mụ dì ghẻ nói là của con gái mình, nhưng khi con gái trèo lên thì không sao hái được. Láng giềng cho vua biết đó là cây của Bé. Bé đến ngồi dưới gốc khấn: -"Nếu cây này của ta thì quả rụng vào lòng ta". Quả vàng quả bạc liền rụng xuống. Vua bèn rước Bé về làm hoàng hậu. Mụ dì ghẻ viết thư xin lỗi Bé và mời Bé về thăm nhà. Về đến nhà, Bé dặn lính hầu tháng sau đến đón. Ở nhà được mấy ngày, một hôm mụ dì ghẻ giả vờ đánh rơi thìa trong bếp cho Bé cúi xuống nhặt rồi hắt nước sôi vào đầu. Bé chết, biến thành bồ câu trắng bay đi. Khi lính đến đón hoàng hậu thì con gái dì ghẻ giả làm Bé. Thấy hoàng hậu mặt rỗ, vua hỏi, thì đáp liều là mới bị bệnh đậu mùa; hỏi tại sao bây giờ trán lại dô ra, đáp là vì đầu óc luôn luôn nghĩ đến vua; hỏi tại sao mũi lại dài, đáp là vì nhớ vua, khóc nhiều, phải vuốt mũi luôn. Vua lại bảo thử dệt áo cho vua xem. Đang khi lúng túng vì không biết dệt thì bồ câu trắng (tức là Bé) thương chồng, dùng mỏ dệt thành áo đẹp. Nó chờ chim dệt xong, cướp lấy áo dâng vua, lại lấy thoi ném chết chim. Sai làm thịt đưa cho vua ăn. Vua thương bồ câu không nỡ ăn; những người hầu cũng không ăn, họ đem chôn. Hôm sau ở chỗ ấy mọc lên cây đu đủ. Có hai vợ chồng ông lão bán củi nghỉ dưới gốc, tự nhiên quả đu đủ rơi vào bọc bà lão, bà đưa về rấm, đợi chín sẽ ăn. Về sau một cô gái cũng từ quả đu đủ hiện ra, dọn nhà nấu cơm khi vợ chồng ông lão vắng mặt, rồi họ cũng giả vờ đi vắng, nhưng nửa đường bất chợt lộn về giữ lấy cô gái. Sau đó họ đưa cô gái - tức Bé - vào cung tâu bày với vua mọi việc của mẹ con mụ dì ghẻ. Hoàng hậu giả không nhận tội, xin vua mời thần linh phán xử theo tục lệ. Người ta trao cho bị cáo (hoàng hậu giả) một cây gươm sắt. Còn nguyên cáo (Bé) một cây gươm gỗ để đấu với nhau. Nhưng gươm sắt của hoàng hậu giả bỗng nhiên rơi xuống mềm nhũn, còn gươm gỗ của Bé lại biến thành gươm sắt bay ra chém đứt đầu đối phương. Đoạn cuối cùng giống truyện của ta : vua sai làm thịt hoàng hậu giả ướp muối đem biếu mụ dì ghẻ. Mụ cùng chồng ăn khen ngon. Bỗng mụ kêu lên : - "Đây là ngón tay, giống tay con ta! "Rồi lại kêu: -"Kia là ngón chân, giống chân con ta!". Nhìn vào hũ mắm thấy cái mặt rỗ, mụ thét : - " Đích là con ta!" Chồng cho là mụ nói nhảm đánh cho một trận [1].

3. Truyện Thái-lan *Con cá vàng* cũng gần gũi với truyện Miến-điện. Người mẹ ở đây chính là con cá vàng.

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự.*

Một người đánh cá có hai vợ và ba con gái. U-ay là con vợ cả. Ai và Le là con vợ lẽ. Một hôm, chồng cùng vợ đi đánh cá. Kéo mãi lưới chỉ được con cá nhỏ. Vứt đi, cũng lại con cá đó mắc lưới. Vợ xin đưa về cho con. Chồng ghét vợ sẵn, cho là vợ xấu vía nên hôm nay không được gì, toan đánh thì vợ ngã xuống nước chết. Bố về, U-ay nghe nói mẹ chết thì khóc lóc. Từ đấy cô thường bị bố và dì ghẻ hành hạ.

Một hôm cô ra bờ sông ngồi khóc mẹ thì một con cá vàng nhỏ bơi lại tự nhận là mẹ. U-ay mang cá về nuôi ở giếng. Việc cũng xẩy ra như truyện của ta: Ai biết chuyện, mách mẹ,mẹ bảo U-ay mai đi chăn bò đồng xa, rồi cũng bắt cá làm thịt ăn, xương xẩu vứt cho chó mèo ăn sạch. Khi U-ay về thì một con vịt mách mọi chuyện và đưa cho cô một chiếc vảy cá còn sót lại. Đem chôn ở rừng, vảy mọc lên hai cây ma-khua. Mụ dì hay chuyện, lại chặt lấy quả ăn, vứt hột. Vịt nhặt đưa cho U-ay. Đem gieo vào rừng sâu mọc lên hai cây bồ đề, một cây lá vàng, một cây lá bạc.

Vua đi săn thấy cây quý, cho người hỏi, mới hay là do U-ay trồng bèn lấy nàng làm vợ. Vua cho voi nhổ cây đưa về trồng nhưng không nổi, chỉ có U-ay đến gần cúi lạy thì nhổ được ngay. Ở đây cũng có tình tiết mụ dì ghẻ nhắn U-ay về thăm bố ốm, cô bị thụt sàn rơi vào nồi nước sôi do mụ bẫy, chết. Ai cũng mặc áo quần giả làm U-ay vào cung. Còn U-ay biến thành chim chào mào. Gặp vua, chim nói vào tai, trách vua say vợ mới quên cây bồ đề đã héo chết, rồi kể cho vua nghe mọi chuyện. Vua làm lồng vàng cho chim ở. Nhưng một hôm vua đi săn vắng, ở nhà Ai bắt chim làm thịt, ở đây chim giả vờ chết thoát được lọt vào hang một con chuột nhờ chuột đưa ra khỏi cung vua. Cuộc hành trình vất vả vì gặp rắn toan ăn thịt, nhưng rồi cũng thoát nạn chạy được vào nhà một pháp sư. Nhờ phép của pháp sư, chim lại hóa thành U-ay. Pháp sư cho một đứa trẻ về kinh gặp vua, vua thấy ở cổ có một cái khăn quàng trên có ghi chép mọi việc về U-ay, bèn cho người đi đón về. Ai và đầu bếp bị vua bắt uống thuốc độc chết. U-ay xin tha nhưng không kịp. Rồi vua cũng sai làm thịt Ai cho bố mẹ nó ăn. Ăn xong hai người sợ quá chạy vào rừng.

Một vị đạo sĩ cho vua biết kiếp trước của U-ay là kẻ đã giết một con gà mẹ, còn gà con thì bắt cho con chơi, đánh rơi vào nồi nước sôi nên phải chịu quả báo như vậy. Kiếp trước của bố nàng là một con vẹt và mẹ nàng là một con mèo. Vì ghen tức vẹt được chủ yêu, mèo bèn rình lúc vắng chủ vật chết vẹt, nên cũng chịu quả báo trên[1].

1. Theo Đinh Gia Khánh, sách đã dẫn.

4. Ở một số truyện của người Thái, Tày, Nùng, thì mẹ cô gái, nạn nhân của mụ dì ghẻ, đáng lý là rùa hay cá, lại là hổ. Ví dụ truyện *Ò Pẻn Ò Kín* của đồng bào Nùng:

Có hai chị em cùng cha khác mẹ là Ò Pẻn, Ò Kín. Mẹ Ò Kín đẹp, được chồng yêu, trái lại mẹ Ò Pẻn bị chồng ghét, bắt làm mọi công việc nặng. Sau đó, một hôm bà bị chồng đánh chết quăng lên rừng. Ò Pẻn từ đó phải làm mọi việc, kể cả việc đêm đêm phải lên rừng canh nương. Mẹ Ò Pẻn hóa thành hùm tinh, thường đến giúp đỡ con, lại bắt thịt rừng cho con ăn.

Thấy Ò Pẻn nói nhờ hùm tinh mà trở nên béo tốt, dì ghẻ cho Ò Kín đi canh nương thay, nhưng đã không được gì của hùm tinh, trái lại bị hùm tinh tát chết kéo vào buồng đắp chiếu lại. Một con quạ bay về báo tin: - "Quạ, quạ, con mày chết đêm qua!". Mẹ Ò Kín không tin, cho rằng con mình đang được hùm tinh cho thịt ăn và tặng mọi thứ. Quạ báo đến lần thứ ba, mụ mới cùng chồng chạy lên. Khi biết sự thực thì hùm tinh đã nấp ở góc nhà nhảy ra cắn chết cả hai[1].

Ở truyện của đồng bào Thái *Ý Ưởi Ý Noọng* cũng gần với truyện của Thái-lan (hình ảnh con hổ vẫn còn nhưng đã tách khỏi bà mẹ). Truyện có hai chị em cùng cha khác mẹ, chị là Ý Ưởi, em là Ý Noọng. Ý Ưởi cũng bị dì ghẻ hành hạ. Một hôm, người bố sai hai con đi xúc cá, hứa ai xúc được nhiều thì khen. Ý Noọng vừa xúc vừa chơi không được gì , lừa Ý Ưởi: - "Đầu lấm cứt trâu, xuống gội đi kẻo về bố mắng." Rồi chờ cho Ý Ưởi hụp xuống nước, cướp lấy giỏ cá về trước. Đến đây, truyện mở ra một hướng khác, gần giống truyện của người Nùng: vì không xúc được cá, Ý Ưởi bị đánh đuổi, phải đem chó chạy vào rừng, đêm ngủ trong túp lều lợp bằng lá chuối. Có một con hổ tới đòi ăn thịt, và sau đó thương Ý Ưởi, nó ăn chó thay người, lại dặn hãy tìm đến hốc đá, nơi nó thường ỉa. Sáng dậy Ý Ưởi tìm đến thì thấy có áo quần trang sức. Mặc xong, nàng gặp chúa đất "tạo" Khôn Chương (hay Khum Chương) đi săn. Tạo thấy đẹp đưa về làm vợ, sinh được một con trai.

Tiếp đến là đoạn Ý Ưởi về thăm bố cũng bị mẹ con Ý Noọng xui trèo cây bồ quân hái quả. Đang trèo thì mụ dì chặt gốc, nàng hỏi cũng trả lời là "dì đuổi kiến cho con". Cây đổ, Ý Ưởi rơi xuống ao chết. Xác bị cá ria hết chỉ còn miếng phổi hóa thành chim gáy. Trong khi đó Ý Noọng mặc quần áo của

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc,* đã dẫn. Xem thêm truyện *Nàng Khao Nàng Đăm* ở **Khảo dị** truyện số 12, tập **I**, cũng có người mẹ hổ.

chị đến với tạo. Chim gáy đến hót, tạo rút gươm hỏi: - "Có phải vợ ta thì đậu lên gươm". Chim đậu, tạo đem về nuôi trong một cái lồng đẹp. Chim nhiếc Ý Noọng dệt vải hay đứt, bị Ý Noọng ném cái thoi chết, quăng vào lửa. Một bà già đi xin lửa thấy chim tưởng là than, bèn cầm về, vô tình đánh rơi vào chậu nước, chim lại hóa thành người. Nàng ở với bà cụ dệt vải. Một hôm con tạo đi chơi qua gầm sàn, nàng bỗng đánh rơi thoi, thò tay xuống nhờ nhặt. Đứa bé thấy cánh tay, nhận ra mẹ mình bèn về mách bố. Hai vợ chồng lại sum họp. (Tình tiết này cũng giống truyện *Nàng Khao Nàng Đăm*). Kết thúc truyện giống hầu hết các truyện đã kể. Và cũng giống Nàng Đăm, Ý Noọng theo lời Ý Ưởi tắm nước sôi cho được đẹp, bị chết bỏng, sau đó xác bị làm mắm gửi về cho mẹ nó. Ăn gần hết thấy đầu lâu con, mụ ngã lăn ra chết[1].

Tóm lại, các truyện của Tày Thái *Ý Ưởi Ý Noọng, Ý Ưởi Ý Ót, Ý Đớn Ý Đăm* cũng giống với *Ò Pẻn Ò Kín, Nàng Khao Nàng Đăm* đều cùng chung một cốt truyện và chi tiết đặc thù nổi bật trong đó, so với loại hình *Tấm Cám* nói chung, là sự có mặt của một bà mẹ hổ.

5. Ở truyện của người Mèo: *Gầu Nà* (gái côi) và nhiều truyện khác thì mẹ nhân vật lại là bò.

Mẹ Gầu Nà vì gia đình thiếu bò bèn hóa ra bò cho chồng cày ruộng. Hàng ngày ra đồng, bò hóa thành người, giúp đỡ con xe lanh, bắt chấy, tối lại hóa thành bò trở về nhà. Cho đến khi người bố lấy vợ kế, vợ kế ghét Gầu Nà vì nàng đẹp hơn và xe lanh giỏi hơn con riêng của mình là Gầu Rềnh. Một hôm dì hỏi vì sao xe lanh nhiều và đẹp, Gầu Nà cũng đáp như Côi trong truyện của người Thổ và Tua Gia trong truyện của người Tày: -"Bò đái thì uống, bò ỉa thì ăn, tự nhiên lanh xe hết". Nhưng Gầu Rềnh nuốt hết cứt đái bò đến lộn mửa mà lanh vẫn xe không nên, bèn thọc tay vào đít bò, liền bị bò lôi đi khắp nơi đau không tả xiết. Thấy thế, dì lôi Gầu Nà ra đánh, rồi giả ốm lấy lời thần bảo chồng phải giết con bò cúng thần mới lành. Thế là mẹ Gầu Nà bị giết.

Một hôm ngày hội, mẹ con Gầu Rềnh trước khi đi dự, bắt Gầu Nà phải ngồi nhặt riêng đậu trộn với gạo, xong mới được đi. Đang nhặt, nàng bỗng nghe tiếng gọi, một cái gói xuất hiện ở máng cỏ có đủ áo quần trang sức và giày. Chàng trai Nù Náng mấy lần gặp Gầu Nà nhưng lại mất hút. Lần thứ ba, chàng rắc tro, Gầu Nà chạy vội rơi mất giày, Nù Náng nhặt được đem thử chân mọi người không vừa, mãi đến Gầu Nà mới vừa, bèn xin lấy làm vợ. Nhưng dì

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I, đã dẫn.

ghẻ lại tìm cách gièm pha (ví dụ lấy vừng rang nói Gầu Nà nhiều rận). Biết thế, Nù Náng trả miếng lại mụ (lấy hạt lanh rang nổ to hơn để nói rận Gầu Rềnh to). Ngăn trở không được,mụ tìm cách đánh tráo. Đợi hai người ngủ say, mụ bế Gầu Nà ra chỗ khác thay Gầu Rềnh vào; nhưng Nù Náng biết lại lén mang Gầu Nà về. Mụ dì không ngờ có việc ấy, bèn lấy sáp ong gắn mắt lại không biết đấy là con mình. Mờ sáng hai người trốn đi, khi mụ dì biết con mình bị đánh tráo thì đã không kịp.

Đoạn thứ hai, nhờ quạ chỉ, Gầu Rềnh cũng tìm được đến với Nù Náng. Một hôm Gầu Rềnh rủ Gầu Nà ra suối tắm, rồi cầm dao đâm chết, khi về tự nhận mình là Gầu Nà. Ở đây Gầu Nà cũng hóa thành chim "là lấy" bay về với chồng và con. Lại bị Gầu Rềnh giết, rồi lại tái sinh làm ba cây bương. Bương lại bị chặt, đốt thành tro. Một bà già Đang Pa (bà Ma) đến xin tro, về sàng nhặt được một cái nhẫn, bèn bỏ vào hũ. Một cô gái cũng từ cái hũ hiện ra dọn cơm canh cho bà, về sau cũng bị bà rình bắt được. Bà đập vỡ cái hũ để cô khỏi biến đi và bắt nàng chăn bò. Cô gái (tức Gầu Nà) gặp lại con, nhờ đó vợ chồng tái ngộ, nhưng bà Đang Pa không cho lấy. Bụt vẽ cho cách cưỡi ngựa cướp vợ, và tung tro ớt ra sau để cho bà Đang Pa không đuổi được. Đoạn thứ ba kết thúc, cũng như các truyện trên, Gầu Nà bày cho Gầu Rềnh đổ nước sôi lên người để cho đẹp. Gầu Rềnh chết, Gầu Nà cắt thịt làm cỗ mời dì đến ăn. Ăn xong, mẹ vào thăm con gái, mở chiếu ra,chỉ thấy một cặp vú và một con lợn, mụ lăn ra chết. Nhưng hồn mẹ con lập tức hóa thành hai cây gạo to ngăn cách hai vợ chồng Nù Náng không cho gặp nhau, hễ đục cây thì lỗ thủng liền lại ngay. Nù Náng bèn hóa thành cỏ tùa túa (một loại lanh), Gầu Nà hóa thành loài ong "mua", đứa con hóa thành chim lược có mỏ dài. Loại chim này thường đến ăn mật ong mà ong không đốt vì theo người kể ong là mẹ nó [1].

Có nhiều truyện từ khắp Á, Âu, Phi, có chung mô-típ mẹ cô gái mồ côi bị biến thành bò.

Truyện Trung-quốc:

Một cô gái bị dì ghẻ hành hạ. Mẹ cô bị biến thành bò cái. Cô phải làm nhiều việc lao động khó nhọc nhưng đều vượt được nhờ có bò giúp sức. Biết thế, mụ dì ghẻ cho giết bò ăn thịt. Cô gái theo lời bò, nhặt xương cất đi. Sau đó cũng nhân ngày hội, hai mẹ con dì ghẻ đi xem hội. Cô gái tìm thấy quần

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam,* tập I. Truyện này theo chúng tôi, người kể chắc có bỏ sót một số tình tiết.

áo đẹp ở chỗ cất xương bò. Cô đi xem hội, gặp quan Trạng và được ông này lấy làm vợ.

Truyện Ấn-độ:

Một người đàn bà bị người vợ kế của chồng hóa phép biến thành bò. Nhờ mẹ bò, cô gái mồ côi làm xong những việc khó khăn mà dì ghẻ giao cho. Kế đó cũng nhờ mẹ bò, cô có đồ trang sức đi dự hội; nhưng nửa đường đánh rơi chiếc vòng đeo mũi xuống sông. Một con cá nuốt chiếc vòng về sau rơi vào tay đầu bếp nhà vua. Khi vua ăn cá thì bắt được chiếc vòng. Vua cố tìm ra chủ nhân chiếc vòng, tìm được bèn lấy làm vợ. (Xem thêm một dị bản khác ở trang 1194 trong cùng **Khảo dị**).

Truyện người Mô-rơ (Maures) châu Phi:

Một mụ phù thủy biến người vợ trước của chồng thành một con bò cái rồi nói với chồng rằng vợ cả đã bỏ theo trai. Từ đó hai anh em con của người vợ cả bị dì ghẻ hành hạ, ăn không đủ no. Nhưng nhờ bò ngày ngày cho bú, nên chúng vẫn béo tốt. Mụ phù thủy biết thế, bèn xui chồng giết bò ăn thịt rồi vùi xương ở vườn. Từ chỗ chôn xương mọc lên một cây cọ có quả giống như cái vú người. Hai anh em hàng ngày trèo lên bú quả đó. Con gái mụ dì ghẻ rình thấy thế, bèn về mách mẹ. Mụ bèn chặt nhưng cây vẫn trơ trơ bất động. Sau cùng mụ phải dùng phép nhổ cây lên. Khổ quá, hai anh em trốn đi, đến một con suối. Hễ ai uống nước suối này vào đều bị biến dạng, mắt nhìn thấy vật gì thì biến thành vật đó. Người anh sau khi uống nước suối, vừa nhìn thấy con hươu nên hóa ra hươu. Cô em gái cùng hươu đi mãi đến một cái giếng. Hôm ấy hoàng tử đang làm lễ tắm gội ở giếng, thấy có cô gái đẹp bèn lấy làm vợ. Nghe tin, mụ phù thủy đến, nhân lúc vắng đẩy cô gái xuống giếng rồi đem con gái của mình thay vào làm vợ hoàng tử. Nhờ được thần giúp đỡ nên cô gái rơi xuống giếng nhưng không chết. Nhờ có hươu chạy quanh giếng gọi em nên hoàng tử gặp lại vợ và con mình. Truyện cũng kết thúc bằng hình ảnh một vạc nước sôi do hoàng tử nấu lên rồi ném mẹ con mụ phù thủy vào đó.

Về tình tiết anh hay em cô gái hóa thành con vật (hươu hay chiên) xem truyện của người Ác-mê-ni (Arménie) (**Khảo dị** truyện số **12**, tập **I**).

Truyện của Xéc-bi (Serbie):

Cô gái Tro Bếp có một bà mẹ bị thuật phù thủy biến thành bò cái. Hàng ngày cô phải đi chăn bò và kéo một số sợi nhất định, nhưng nhờ có bò giúp, ngày nào cô cũng hoàn thành. Dì ghẻ biết chuyện, liền giết bò. Trước khi chết,

bò dặn cô thu thập xương chôn lại một nơi, về sau muốn gì thì đến đấy mà ước sẽ được. Sau đó cô tìm thấy ở đấy có áo quần trang sức mà cô đang ao ước để mặc đi xem hội, trong đó có cả một đôi giày. Cô cũng vô tình đánh rơi giày, hoàng tử nhặt được, mang giày đi thử khắp nơi. Khi hoàng tử đến nhà cô, người dì ghẻ giấu cô dưới một đống củi, chỉ cho con gái riêng ra tiếp mà thôi. Nhưng việc thử giày không có kết quả. Hoàng tử vừa bước chân ra cửa thì một con gà bỗng gáy lên: -"Cộc cồ cô, có cô gái dưới đống củi khô". Hoàng tử phát hiện thấy Tro Bếp, thử giày thì vừa vặn, hai người bèn kết duyên.

Ở truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) còn có cả bóng dáng bà tiên: Một thầy pháp (hốt-gia) mỗi ngày giao cho đám học trò gái mỗi người một gói bông buộc phải nhặt sạch bụi, sau ba ngày mang đến, nếu ai không làm xong thì sẽ biến mẹ người đó thành bò đen. Một cô không làm đúng hẹn, bị thầy rủa. Khi cô trở về thì mẹ mình đã hóa thành bò. Bố cô bèn tái giá với một người đàn bà có con gái riêng. Mụ dì chửi mắng cô luôn, buộc cô phải làm nhiều việc. Cô khóc và ở bên cạnh bò. Một hôm, mụ bắt bố cô giết bò. Theo lời dặn của bò, cô góp xương lại chôn dưới một gốc cây tường vi. Thế rồi, dì và con gái được mời đi dự đám cưới. Cô gái bị đánh, đến khóc trước mộ bò. Tự nhiên xuất hiện một bà tiên gọi cô bằng "con gái ta" và cho áo đỏ đẹp cùng một cỗ xe. Cô đến dự đám cưới được mọi người ca ngợi. Lên xe trở về thì một chiếc giày rơi. Hoàng tử con vua (bây) nhặt được, đoán rằng chiếc giày đẹp chắc chủ nhân nó cũng đẹp. Bèn nhờ hoàng hậu đến từng nhà có con gái trong kinh thành để thử giày. Đến nhà cô gái, cô bị mụ dì bỏ dưới một cái máng. Một con gà trống gáy: -"Cộc cồ cô, chủ của chiếc giày đang ở dưới máng". Hoàng tử cất máng thấy cô gái, thử giày thì vừa vặn, bèn lấy làm vợ.

Truyện của Bun-ga-ri (Bulgarie):

Nhiều cô gái ngồi kéo sợi gần một cái lỗ thông xuống vực thẳm. Một ông già râu bạc hiện ra bảo họ: -"Hãy coi chừng, nếu ai để con quay rơi xuống đó, thì mẹ người ấy sẽ hóa thành bò cái". Nói xong ông biến mất. Do tò mò, các cô xúm lại nhìn xuống lỗ thông. Bất ngờ một cô đẹp nhất trong mấy cô đánh rơi mũi quay. Về nhà, quả nhiên mẹ cô đã biến thành bò. Như truyện của Thổ-nhĩ-kỳ trên, cô bị dì bạc đãi. Bò giúp cô kéo một số sợi lanh. Sau đó bò bị giết. Chỗ cô chôn xương bò, cũng nhặt được một hộp đầy áo quần. Ở nắp hộp có hai con chim bồ câu. Chúng giúp cô làm công việc nhà để cho cô đi lễ nhà thờ. Một hoàng tử mê nhan sắc của cô và sau đó nhặt được chiếc giày của cô rơi ra. Cũng có cuộc thử giày. Cũng có tiếng gà gáy mách cô gái đang bị mụ dì giấu dưới đống củi khô như các truyện trên.

Truyện Hy-lạp (Grèce) có đoạn mở đầu lạ hơn:

Có ba cô gái cùng kéo sợi với mẹ của họ. Họ giao ước với nhau nếu một trong bốn người để sợi đứt đầu tiên thì người ấy sẽ bị giết và bị những người kia ăn thịt (một dị bản khác kể hai người chị muốn trừ bỏ mẹ già thương yêu riêng con gái út nên giao ước như thế để giết mẹ vì bà già đã nhiều tuổi, sợi kéo thế nào cũng đứt. Một dị bản nữa kể rằng nhân có một nạn đói lớn, mẹ con giao ước với nhau ai đánh rơi mũi quay sẽ bị những người kia ăn thịt). Sợi của người mẹ đứt. Các cô nói: -"Lần này tha cho vì bà ấy có công mang chúng ta trong bụng". Lại tiếp tục kéo. Sợi của bà mẹ dứt lần thứ hai. Các cô lại tha, bảo: -"Vì có công nuôi ta bằng sữa của bà ấy". Sợi của bà mẹ lại đứt lần thứ ba, hai cô đầu bèn giết mẹ làm thịt nấu lên rồi ăn. Cô út không làm theo hai chị. Cô nhặt xương bỏ vào vại. Sau bốn mươi ngày cô thấy trong vại có áo đẹp, giày đẹp và ngựa đẹp. Cô đi dự hội ngày chủ nhật, giày bị rơi, hoàng tử cũng nhặt được, v.v...

Ở truyện của đảo Cor-xơ (Corse) (Pháp) thì con bò đồng thời là tiên, mẹ cô gái:

Mẹ của Ma-ri-u-xen-la chết không ai biết. Bố nàng tái giá với một mụ dì ác nghiệt, bắt nàng chăn bò và mỗi ngày bắt kéo một gói lớn bông thành sợi. Không làm được, nàng khóc. Con bò cái đến gần bảo: -"Chớ khóc, ta là mẹ con, ta đã thành tiên, ta kéo cho." Khi mụ dì biết, toan giết con bò. Bò bảo cô tìm trong ruột mình lấy ba quả táo: một đem ăn đi, một ném lên nóc nhà, một bỏ trong một hố ở vườn. Quả cuối cùng này mọc lên một cây đầy quả nhưng có gai, không ai dám đến. Quả thứ hai hóa thành con gà trống. Cũng có tình tiết hoàng tử yêu cô gái nhưng mụ dì cũng đánh tráo con gái mình. Con gà trống gáy lên: -"Cộc cồ cô! Ma-ri-u-xen-la ở trong thùng, còn Đinh-ti-ơ-na (tên con mụ dì) thì ở trên lưng ngựa đẹp!". Nhờ đó hoàng tử nhận ra người yêu.

Con bò trong truyện của người Ka-bi-lơ (Kabiles) đã không còn là người mẹ cô gái nữa, nhưng vẫn có liên quan đến người mẹ:

Một người có một trai, một gái. Vợ chết, dặn chồng đừng bán con bò cái đi: - "Đó là con bò của lũ con côi!". Chồng lấy vợ khác, hai người con bị dì bạc đãi không được ăn no, nhưng chúng lại bú sữa bò nên khỏe mạnh. Mụ dì sai con mình đi dò. Một đứa con gái dì muốn bú bò nhưng bị bò cho một đá đui mắt. Tức giận mụ dì buộc chồng bán bò cho đồ tể. Hai đứa con khóc trên mộ mẹ, mẹ bảo lấy ruột bò bỏ trên mộ. Ít lâu sau bỗng mọc lên hai cái vú: một cho bơ, một cho mật ong, hai đứa lại được bú thỏa thích. Mụ dì lại sai

con đi dò, khi chúng ngậm vào đầu vú thì một bên hút ra mủ một bên hút ra hắc ín. Mụ dì giận, băm vú quẳng đi. Hai đứa lại khóc trên mộ mẹ. Mẹ bảo chúng bỏ nhà ra đi. Một hôm chúng đến giúp việc cho một ông vua. Sau đó vua lấy cô em gái làm vợ.

Ba truyện khác của Ấn-độ :

Một con bò cái (có nơi kể là con cá) giúp một cô gái bị dì ghẻ bạc đãi. Mụ dì thấy cô gái được bò cho bú sữa, bèn tìm cách giết bò. Trước khi chết, bò cũng bảo cô nhặt xương da chôn đi chứ đừng ăn. Bấy giờ hoàng tử đang hạ lệnh cho các cô gái tới cung cho mình chọn vợ. Cô gái đẹp bị dì bắt ở nhà để nấu ăn, còn con dì thì được đưa tới lâu đài dự tuyển. Con bò tự nhiên sống lại, kiếm cho cô áo quần đẹp, giày vàng, v.v... Thấy cô xinh đẹp, hoàng tử đuổi theo, cô đánh rơi chiếc giày rồi trốn vào trong hầm. Khi hoàng tử đến, nhờ có con gà mới tìm ra, mang về làm vợ. Truyện cũng kết thúc bằng sự trừng phạt mụ dì và đứa con gái:

Về con bò cái giúp cô gái mồ côi bị bạc đãi xem thêm các truyện sưu tầm ở Cô-ca-dơ (Caucase) và ở Thượng Ai-cập (Égypte) (**Khảo dị** truyện số **12**, tập **I**). Ở các truyện này không thấy nói đến mẹ cô là bò.

Truyện dưới đây thì người mẹ không hóa ra bò mà hóa chiên:

Một người đàn bà đuổi theo một con chiên lạc bầy gặp một mụ Chằng. Mụ dùng phép biến người ấy thành một con chiên. Sau đó mụ lại hóa phép biến mình thành người đàn bà kia dắt chiên về nhà bà ta. Mụ bảo người chồng rằng mình đã tìm được con chiên lạc, nhưng phải giết đi mới được. Cô gái chạy ra chuồng báo cho mẹ nó - con chiên - biết tin chẳng lành. Con chiên bảo cô hãy chôn xương mình ở một chỗ nọ. Hàng ngày cô đến mộ chiên khóc lóc, chiên cũng giúp cho cô xinh xắn, được ăn ngon mặc đẹp, và cuối cùng cô cũng lấy được hoàng tử như một số truyện trên.

Ở một truyện khác sưu tầm ở Xri-na-ga thì người mẹ là con dê:

Một người Bà-la-môn dặn vợ đừng ăn khi mình vắng mặt nếu không sẽ hóa thành dê, vợ cũng dặn chồng như vậy nếu không sẽ hóa thành hổ. Một hôm, người vợ trong khi bón cho con, nếm thử một miếng không nghĩ rằng lúc ấy chồng đang vắng mặt. Lập tức bị hóa thành dê. Chồng về chăm sóc cho dê. Ít năm sau, chồng lấy vợ khác. Người dì ghẻ tỏ ra nghiệt ngã với con chồng, không cho chúng ăn no. Dê nghe các con than thở, thấy con gầy guộc, dặn con khi nào đói lấy gậy gõ vào sừng mình, sẽ có ăn. Từ đó các con béo tốt khỏe mạnh.

Mụ dì có một cô con gái, mụ dặn khi chơi chú ý xem các con chồng ăn những gì. Nó về kể lại tất cả. Mụ mưu giết con dê bằng cách giả ốm rồi đút tiền cho thầy thuốc (ha-kin) để nhờ thầy kê đơn thuốc có món thịt dê cho mình. Con thấy bố sắp giết dê thì kêu khóc, dê dặn con nhặt xương chôn xuống một nơi nọ, khi nào đói đến khấn, sẽ có ăn.

Ít lâu sau, trong khi các cô con gái nhà đó rửa mặt ở suối nước chảy qua trước nhà, chiếc vòng mũi của một cô rơi, bị cá nuốt mất. Con cá ấy sau bị làng chài bắt, rồi vào tay một bác đầu bếp nhà vua. Thấy chiếc vòng, người đầu bếp đem dâng vua. Vua cho rao ai mất vòng thì đến nhận. Em cô gái đến nói đó là vòng của chị mình . Vua cho gọi đến và khi thấy mặt cô, vua say vì nhan sắc, bèn lấy làm vợ (xem lại các trang 1189-1190).

Ở một số truyện khác nữa thì người mẹ cô gái lại hóa thành cây, ví dụ cây cam trong Pơ-ria Pơ-ró của dân tộc Chăm-hơ-roi:

Pơ-ria Pơ-ró là hai chị em cùng cha khác mẹ. Cũng như truyện trên, mẹ Pơ-ró được chồng yêu. Mẹ Pơ-ria chết, nàng ra mộ khóc; một buổi sáng thấy trên mộ mọc lên một cây cam có quả, còn nàng cũng trở nên đẹp hơn trước. Một hôm đang hái cam ăn thì có hoàng tử đi săn qua, hai bên yêu nhau. Pơ-ria được đưa về cung làm vợ hoàng tử. Đoạn thứ hai truyện này giống với truyện *Tấm Cám*. Nhân khi Pơ-ria về dự lễ "bỏ mả" cha mẹ, dì ghẻ bảo nàng trèo cau. Nàng trèo lên ngọn cau thì mẹ con ra sức chặt gốc; nàng nhảy sang cây khác, cây này cũng bị chặt gốc; nàng đành phải nhảy chuyền mãi, sau ngã xuống chết. Người dì ghẻ lột lấy quần áo cho Pơ-ró giả làm Pơ-ria vào cung.

Pơ-ria chết được tiên cho hóa thành hoa "bung bay" mọc trên mộ mẹ. Một bà cụ hái về, hoa tươi mãi không héo. Ngày ngày khi vắng bà cụ, Pơ-ria hiện ra bổ cau têm trầu, hễ thấy bóng người thì biến mất (không có tình tiết rình bắt như truyện của ta). Hoàng tử đi qua nhà, thấy miếng trầu quen thuộc bỗng nhớ đến vợ. Một giọt nước mắt rơi vào bát nước. Thấy bóng vợ trong đó, hoàng tử ngất đi. Thương chồng, Pơ-ria hiện ra và hai người tái ngộ. Ở đây không có câu chuyện báo thù mẹ con Pơ-ró, vì Pơ-ria xin tha tội chết cho chúng, nhưng hoàng tử cũng đuổi chúng lên núi cao. Sau đó mụ dì hóa thành diều hâu, con hóa thành hoa mơ-miêng hôi thối[1].

Trong một số truyện sau đây, hình ảnh cái cây tuy không phải là mẹ cô gái hóa ra, nhưng cũng có vai trò quan trọng trong sự phát triển của cốt truyện.

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam,* tập II, đã dẫn.

Truyện Pháp *Cô bé An-nét:*

An-nét, một cô bé mất mẹ từ hồi mười lăm tuổi. Người bố lấy một mụ góa có ba con gái. Hàng ngày chúng được ăn trơn mặc trắng, còn An-nét thì phải làm mọi việc, trong khi đó chỉ được ăn mẩu bánh, khát thì vục tay vào nước suối uống. Một hôm nhớ mẹ, An-nét ngồi khóc. Bà thánh Đồng trinh hiện ra cho một chiếc đũa bảo gõ vào con cừu đen sẽ có ăn. An-nét quả có bữa ăn thịnh soạn, nhờ đó ngày một trở nên béo tốt. Thấy lạ, dì ghẻ cho con gái thứ nhất đi theo để dò. Hai đứa chơi chán, An-nét chải tóc cho nó và ru, dần dần nó ngủ quên. Về nói không có gì lạ. Đứa con gái thứ hai đi dò cũng thế. Đứa thứ ba cũng thế, nhưng nó lại có con mắt thứ ba không nhắm. Vì thế việc bí mật của nàng bị lộ. Mụ dì ghẻ giả ốm bảo chồng làm thịt cừu đen ăn mới lành.

An-nét báo tin cho cừu biết. Cừu bảo: - "Hãy xin miếng gan chôn ở sau vườn". Ở chỗ chôn gan mọc lên một cây cao có quả ngon, nó thường sà xuống cho An-nét ăn. Một hôm hoàng tử đi qua muốn ăn, hứa cô nào trèo lên được thì lấy làm vợ. Chẳng một ai trèo lên được cả. Mụ dì ghẻ muốn cho con gái mình lấy hoàng tử bèn làm một cái thang dài, nhưng cây lại vươn lên cao. Mụ với tay hái nhưng mất thăng bằng bị ngã gãy cổ. Hoàng tử thèm ăn rỏ dãi. An-nét lại gần cây, cây tự nhiên sà xuống cho cô hái đầy rổ. Cô trở thành vợ hoàng tử[1].

Một dị bản khác cũng của Pháp: *Chuông vàng*. Cô gái trong truyện này lại là con vua. Hoàng hậu đau sắp chết bảo con chăn một con chiên trắng. Lại dặn khi bị dì bạc đãi thì lấy đũa gõ vào tai phải chiên, sẽ có một bàn ăn dọn sẵn, nếu gõ vào tai trái thì bàn ăn biến đi. Mụ dì cũng sai con gái đi dò. Cô gái bắt chấy cho nó nên nó ngủ quên, nhưng lần sau nó giả ngủ, thấy hết mọi việc. Mụ dì bèn giả ốm đòi ăn thịt chiên. Trước khi chết, chiên bảo nhặt xương chôn dưới cây lê, cành nó sẽ mọc chuông vàng, luôn luôn rung thành tiếng, nếu tắt đi là có điềm chẳng lành. Cũng có ông vua đi qua trông thấy cây có chuông đẹp bảo ai hái được sẽ lấy làm vợ. Con gái mụ dì ghẻ trèo, mẹ ở dưới đẩy lên, nhưng càng trèo cây càng cao, không hái nổi. - "Còn cô nào nữa không? " vua hỏi - "Có, nhưng nó chỉ chăn chiên là giỏi." Vua cố gắng chờ. Cô gái về bảo cây cúi xuống cho cô hái rồi bỏ vào tạp dề cho vua. Vua bèn lấy làm vợ. Ít lâu sau, vua đi đánh trận, hoàng hậu đang đau, vua bảo mụ dì chăm sóc. Mụ ném cô xuống sông rồi cho con thay. Chuông từ đấy không kêu

1. Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze). *Truyện cổ tích dân gian Pháp*, quyển II.

nữa. Không nghe tiếng chuông, vua nhớ lời vợ dặn, trở về. Đi qua sông thấy một bàn tay thò lên mặt nước. Vua kéo lên thì ra đó là vợ mình vẫn còn sống. Đưa vợ về vua ra lệnh treo cổ mẹ con mụ dì ác nghiệt[1].

Hình tượng tái sinh nhiều lần của Tấm cũng là hình tượng quen thuộc trong nhiều truyện cổ tích của các dân tộc.

Người Xrê (Xré) (Tây-nguyên) có truyện *Gơ-liu Gơ-lát* (nồi lớn nồi bé):

Là hai chị em cùng cha khác mẹ cùng xinh như nhau nhưng Gơ-liu thì tính nết hiền hậu, còn Gơ-lát thì gian ác. Ở đây, truyện lược mất đoạn đầu, chỉ kể rằng một hôm có con quạ mang một đôi hài không phải của một trong hai cô gái mà là của hoàng tử Chàm thả xuống một nơi cho phụ nữ ướm chân, ai vừa thì hoàng tử lấy làm vợ. Gơ-liu ướm vừa chân, được đón về cung; Gơ-lát được phép theo chị. Một hôm trong lúc chồng đi đánh giặc, Gơ-liu bị Gơ-lát giết rồi phao tin chị chết bệnh. Gơ-lát xin thay Gơ-liu làm vợ, hoàng tử nhận nhưng tỏ ý ghét. Ở mộ Gơ-liu mọc lên một khóm trúc, hoàng tử cho là hồn vợ tái sinh, sai rào kín, nhưng cây bị Gơ-lát chặt mất trong khi chồng đi vắng. Hồn Gơ-liu lại nhập vào con chim nhỏ lông vàng, một hôm nó thả xuống trước mặt hoàng tử một hộp trầu. Thấy hộp trầu quen thuộc, hoàng tử cũng bảo: - "Có phải Gơ-liu thì xuống đây với ta". Chim bay xuống, nhưng khi hoàng tử đi vắng, Gơ-lát bắt làm thịt. Cũng như truyện của ta, lông chôn bên đường hóa thành cây thị chỉ có độc một quả. Một bà cụ đi qua nghe có tiếng gọi, một hộp trầu tự nhiên rơi vào tay bà; có tiếng gọi bảo bà đưa đến cho hoàng tử. Hoàng tử theo bà cụ đến bên cây thị thì quả thị rơi xuống như lời khấn của bà cụ, rồi sau hóa thành Gơ-liu.

Đoạn sau, khi hoàng tử biết rõ chuyện, sai xẻ thịt Gơ-lát làm mắm gửi về biếu mụ dì ghẻ. Mụ ăn hết mắm đến thăm con vào lúc vợ chồng hoàng tử đang ăn mừng sum họp. Bị đánh đuổi và khi biết mình ăn thịt con, mụ nhảy xuống sông chết. Ở đoạn kết thúc này, con quạ xuất hiện không phải để báo tin mà để rỉa thịt mụ[2].

Xem thêm truyện của người Mèo *Chàng Rắn* ở **Khảo dị** truyện số **128**, tập **III**.

Truyện Ấn-độ sưu tầm ở cao nguyên Đê-căng (Deccan):

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập I.
2. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II.

Một cô gái tên là Xuya-ri-a Bay được vua lấy làm vợ. Hoàng hậu cả ghen sai ném cô xuống ao. Trong ao mọc lên một cây hoa vàng rất đẹp, mỗi khi vua tới ngắm thì hoa hướng về phía vua. Lấy làm lạ vua mê ngắm suốt ngày. Hoàng hậu lại ra lệnh bẻ hoa ném vào lửa. Hoa cháy ra tro, nơi đổ tro mọc lên một cây có quả rất đẹp. Không ai dám hái, còn dành cho vua. Một hôm mẹ Xuya-ri-a Bay là người vắt sữa nghèo đi qua nghỉ ở dưới cây, quả rơi vào bình sữa. Bà mang về giấu vào buồng. Khi lấy ra tự nhiên trong quả có một người đàn bà nhỏ đẹp bước ra, rồi lớn lên dần dần, và trở thành người thật, đó là con bà.

Một đoạn của truyện Băng-la-đex (Bangladesh):

Có hai đứa trẻ: anh trai, em gái, bị giết theo lệnh của hoàng hậu là dì ghẻ của chúng; gan của chúng được ném vào một chỗ, về sau mọc lên ở đó một cây to có hai hoa to đẹp, kết thành hai quả đẹp. Hoàng hậu trèo lên hái quả, nhưng mỗi lần với tay thì hai quả lùi dần. Hoàng hậu sai người chặt cây, nhưng cây chống lại. Việc đó diễn ra trong mấy ngày. Vua được tin ra xem, hai quả cây tự nhiên rơi vào tay vua. Vua mang vào buồng để ở trên bàn gần giường nằm. Đêm lại, nghe một tiếng nhỏ phát ra từ một quả: - "Anh"; và có tiếng đáp từ quả kia: - "Em hãy nói nho nhỏ chứ. Mai vua bổ quả ra, nếu hoàng hậu biết thì mụ sẽ giết chết. Trời cho chúng ta tái sinh ba lần, nếu chết đến lần thứ tư thì không thể thành người được nữa." Nghe đoạn, vua bổ quả cây liền thấy hai đứa bé chui ra. Gặp lại con và nghe mọi việc, vua bèn giết người dì ghẻ.

Truyện của người Xắc-xông (Saxons) ở Tơ-răng-xin-va-ni (Transylvanie) mà người Ru-ma-ni (Roumains), người Di-gan ở Bu-cô-vin (Bucovine), ở Hung (Hongrie), ở Va-la-kơ (Valachie) và Xéc-bi (Serbie) đều kể như nhau:

Một hoàng hậu sinh được hai đứa trẻ tóc vàng. Một đứa hầu gái âm mưu chôn sống hai đứa bé trong đống phân, khi vua về tìm cách vu cáo hoàng hậu; và cuối cùng hắn được lấy vua. Chỗ chôn hai đứa bé mọc lên hai cây thông vàng. Thấy thế, hoàng hậu mới - người hầu gái - làm bộ ốm đau, đòi nằm trên ván thông vàng mới đỡ. Vua sai chặt hai cây, cưa ván, một làm giường cho vua, một làm giường cho hoàng hậu. Đêm lại, giường này nói với giường kia: - "Anh bị con mẹ ác nghiệt nằm lên nặng quá!" - "Còn em thì cha ta nằm lên, rất nhẹ." Hoàng hậu nghe được câu chuyện, sai người đốt giường. Trong khi cháy có hai cái tàn bay vào mớ hạt mà người ta cho cừu ăn. Cừu mẹ ăn xong đẻ được hai con cừu lông vàng. Hoàng hậu lại đòi ăn tim cừu cho lành bệnh.

Vua lại ra lệnh giết. Ruột cừu đem rửa ở sông có hai khúc trôi dạt vào bờ, hiện nguyên hình thành hai đứa trẻ sống.

Người Nga kể truyện này cũng giống như trên, chỉ hơi khác đoạn kết. Khi người ta giết hai con cừu thì họ ném ruột lên đường. Mẹ hai đứa trẻ là hoàng hậu bị chồng đuổi, nhặt được, không biết ruột từ đâu tới bèn lấy nấu ăn, sau có mang đẻ được hai con trai. Lần hồi chúng lớn lên, được vào cung; tình cờ một hôm gặp vua cha, thuật lại gốc tích, v.v...

Hai truyện của Hy-lạp (Grèce):

1. Tro Bếp được hoàng tử lấy làm vợ. Hai chị của Tro Bếp dùng phép biến em thành chim. Chim bay tìm đến hoàng tử. Hai chị lại giết chim. Ba giọt máu của chim văng ra mọc lên một cây táo. Hai chị lại xui hoàng tử chặt cây táo. Đang chặt hoàng tử thấy một bà già đến xin: - "Cho tôi một quả táo." Hoàng tử cho một quả. Quả này trong có Tro Bếp. Bà già mang về bỏ vào trong một cái hộp. Cũng như truyện *Tấm Cám*, vắng bà già, Tro Bếp hiện ra khỏi hộp, quét nhà nấu ăn cho bà. Bà già lấy làm lạ, nhưng vẫn chưa biết sự thật. Một hôm bà mời hoàng tử đến ăn tại nhà mình: -"Ngài hãy đến, tôi xin đãi một đĩa thức ăn ngọt và một quả táo ngon của cây táo của ngài". - "Bà còn giữ quả táo tôi cho à?" - "Vâng." Hoàng tử đến, bà già mở hộp và rất ngạc nhiên khi thấy cô gái xuất hiện từ quả táo: - "Sao con lại ở đây?" Tro Bếp kể lại chuyện của mình. Bà già dọn cho hoàng tử những hạt quả rồi nói rằng: - "Quả táo mà hoàng tử cho tôi đã thối hết không dùng được nữa". Cuối cùng bà cũng cho hoàng tử gặp cô gái và hai người nhận ra nhau.

2. Một cô gái yêu một hoàng tử. Một nữ nô lệ có phép thuật biến cô thành cá vàng rồi tự thay địa vị của cô. Thấy hoàng tử thích ngắm cá vàng, nữ nô làm bộ ốm đau, đòi ăn canh cá vàng mới lành. Người ta được lệnh giết cá. Có ba giọt máu rơi xuống đất. Chỗ ấy mọc lên một cây bạch dương. Nữ nô lại làm bộ ốm đau, bảo đốt cây thành tro nhưng cấm không cho ai lấy lửa. Đang đốt, một bà già từ đâu đến gần. Bà bị người ta xua đuổi nhưng một mảnh tàn đã dính chặt vào áo bà. Hôm sau bà đi vắng. Lúc về đã thấy nhà cửa quét dọn tử tế. Nhiều lần như vậy, bà nấp rình, bắt được. Bà nuôi cô làm con. Về sau cô gặp lại hoàng tử[1].

1. Một truyện trong *Pen-ta-mơ-ron* giống truyện trên. Đại thể là: một cô gái yêu một hoàng tử bị một nữ nô hóa phép thành chim bồ câu rồi lấy hoàng tử thay cô gái . Bồ câu nhiều lần bay đến lâu đài hỏi đầu bếp mọi việc. Nữ nô ra lệnh cho đầu bếp bắt bồ câu làm món rô-ti. Chỗ quẳng lông bồ câu mọc lên một cây quýt đẹp có ba quả. Vua hái một quả bóc ra tự nhiên thấy người yêu thật xuất hiện.

Một truyện khác của Pháp:

Một hoàng hậu trẻ bị giết theo lệnh của hoàng thái hậu. Xác bị ném vào hồ nước cạnh lâu đài. Một cô gái khác được bí mật đưa tới thay thế địa vị của hoàng hậu. Một hôm vua ngồi ở cửa sổ thấy trong hồ nước có một con cá kỳ lạ có ba màu: hồng đào, trắng và đen. Vua ngắm mãi khiến cho hoàng thái hậu bực mình giết con cá. Hoàng hậu giả lúc đó có thai đòi ăn. Bỗng chốc trước cửa sổ lâu đài có một cây ba màu mọc lên. Bà già sai đốt cây. Tro của cây bốc lên hóa thành một lâu đài rực rỡ có ba màu. Nhiều người trèo lên lâu đài nhưng không mở được cửa. Khi vua trèo lên thì mở được ngay. Vua bước vào thấy hoàng hậu vợ mình vẫn còn sống.

Một truyện khác của Hy-lạp (Grèce) tình tiết có khác nhưng vẫn cùng dạng người biến thành chim:

Hai người chị của hoàng hậu vốn ghen tị với số phận của em. Một hôm hai người vào buồng hoàng hậu khi bà này sinh con. Họ cắm vào đầu hoàng hậu một cái kim thần. Tự nhiên hoàng hậu hóa thành chim bay đi. Một trong hai chị lên giường thay em làm hoàng hậu. Vua vốn có thói quen ăn sáng ở vườn. Một hôm thấy có một con chim bay đến hỏi: - "Hoàng thái hậu, vua và hoàng tử đêm qua ngủ có ngon không?" - "Có" - "Mọi người ngon giấc nhưng hoàng hậu thì ngủ một giấc không dậy nữa."

Những người làm vườn xin vua giết con chim. Vua cản lại. Mấy ngày sau, chim lại tới đậu vào bàn và ăn với vua. Nhìn thấy cái kim cắm trên đầu, vua rút ra. Chim lại hóa thành hoàng hậu.

Về hình tượng chiếc giày của Tấm đánh rơi xuống chỗ lội, chúng tôi kể ra đây hai truyện biết được thời điểm sưu tầm (do đó mới có cơ sở đoán rằng kiểu truyện *Tấm Cám* đã được lưu hành từ khá xưa).

1. Truyện Ai-cập (Égypte):

Một hôm có một kỹ nữ là Rô-đô-pix đi tắm ở sông Nin. Một con quạ tha một chiếc giày từ tay cô hầu rồi bay đến thành Mem-phix và thả rơi đúng vào tà áo của vua trong khi ông này đang xử kiện giữa một tòa án lộ thiên. Nhận thấy chiếc giày đẹp, vua bèn sai người đi tìm người đàn bà chủ nhân chiếc giày. Người ta tìm thấy Rô-đô-pix ở thành Nô-cra-tix, dẫn về. Vua lấy làm vợ. (Truyện trên do Xtra-bông (Strabon) ghi chép vào thế kỷ I trước công nguyên. Hai thế kỷ sau một tác giả khác cũng người Hy-lạp là Ê-liêng (Élien) kể lại có tô chuốt chút ít và gán tên cho một nhân vật trong truyện là Pxam-mê-ti-quyx, vua có thật ở Ai-cập).

2. Truyện *Nàng Diệp Hạn* trong sách *Dậu dương tạp trở*[1].

Một người lấy hai vợ, một vợ có con gái là Diệp Hạn. Sau khi bố mẹ chết, nàng bị mẹ ghẻ hành hạ, bắt làm những công việc nặng nhọc và nguy hiểm. Một hôm bắt được một con cá vây đỏ mắt vàng, nàng nuôi ở chậu, sau thả xuống ao, vì cá mỗi ngày một lớn. Dì ghẻ muốn bắt cá, nhưng hễ không thấy bóng Diệp Hạn thì cá không nổi lên. Một hôm mụ bắt nàng đi gánh nước xa rồi lấy áo của nàng vừa thay, mặc vào, đón bờ gọi cá. Cá tưởng Diệp Hạn, nổi lên, mụ bắt làm thịt, xương chôn ở khu đồi. Thấy mất cá, Diệp Hạn khóc, một người hiện ra hỏi vì sao mà khóc. Nghe kể chuyện, người ấy bảo Diệp Hạn đem xương cất đi sẽ cầu được ước thấy. Nhờ đó, cô có áo quần đẹp, giày vàng. Đi xem hội cô là người đẹp nhất đám, nhưng cũng như truyện của ta, cô đánh rơi chiếc giày vàng. Dân bắt được chiếc giày đem bán cho vua Đà Hãn. Cũng xảy ra câu chuyện ướm giày và cuối cùng Diệp Hạn đi vừa, được đón vào cung không quên mang theo nắm xương cá. Truyện kết thúc bằng cái chết của mẹ con mụ dì ghẻ do "phi thạch" trên trời rơi xuống đầu. Dân thương hại chôn cất và thờ làm thần xe duyên (Môi thần). Về sau vì vua ước quá nhiều nên xương cá không còn hiệu nghiệm, bèn đem chôn cùng một trăm đấu hạt châu và vàng ở bờ biển, nhưng đến khi đào lên thì mọi thứ đều biến mất.

Cô-xcanh (Cosquin) trong *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây* dựa trên hình thức truyện *Cô Tro Bếp* (Cendrillon) phân thành ba loại: 1) Giày rơi xuống *nước*; 2) Giày rơi xuống *đất*; và 3) Giày được đưa lên trên *không* để tìm dấu vết di chuyển của truyện này trên các khu vực địa lý khác nhau. Ông còn kể ra một số các truyện khác (không phải loại truyện *Cô Tro Bếp*) đều sưu tầm tại Ấn-độ, trong đó có hình tượng chiếc giày (hay một vật gì đó) làm môi giới. Ví dụ một số truyện sau đây:

Một truyện do Xô-đơ-va Ba-i (Sodeva Baïr) sưu tập (truyện này có bà con với truyện *Cô Tro Bếp*):

Một chiếc giày rất đẹp và đắt tiền do một ông vua có thế lực, thửa cho công chúa con gái mình. Một hôm, công chúa đi dạo chơi, bị mất một chiếc. Vua sai người đi các nơi rao, hứa ai nhặt được sẽ có thưởng. Lời rao đó lọt vào tai một hoàng tử. Hoàng tử cố gắng đi tìm giày về, rồi cuối cùng được kết duyên với công chúa.

1. Tác giả sách này là Đoàn Thành Thức (?-863). Truyện trên do ông sưu tầm "ở phương Nam." Đinh Gia Khánh, sách đã dẫn, đoán là vùng Ung-châu, tức là vùng dân tộc Choang (Quảng-tây, Trung-quốc).

Một truyện của người Ca-na-ra (Canaras) (từng được ghi chép bằng chữ dân tộc):

Một nàng công chúa sau khi được giải thoát khỏi tay một người khổng lồ bèn lấy một hoàng tử. Một hôm công chúa đánh rơi chiếc giày trong một bể nước. Một người đánh cá bắt được đem bán cho một người hàng xén. Người này thấy giày đẹp đem dâng vua. Đến lượt vua say mê chiếc giày, bèn hứa thưởng lớn cho người nào tìm ra chủ nó. Một bà già nhận lời và tìm được. Bà này còn tìm cách chiếm lấy lòng tin của công chúa, lọt được vào buồng công chúa, thừa dịp trộm lấy cái bùa hộ mệnh của chồng nàng. Thấy chồng chết, công chúa để mặc cho người ta mang mình đến cung vua, mong tìm dịp báo thù cho chồng. Trong khi công chúa tìm kế hoãn binh để khỏi lấy vua, thì người em chồng nhờ một vật thiêng liêng đã đến đúng lúc, cứu được anh sống lại và giải phóng cho công chúa thoát khỏi tay vua.

Truyện sưu tầm ở Bắc Ấn:

Nhờ một chiếc nhẫn thần do một con rắn trả ơn, con của một lái buôn lấy được nàng công chúa làm vợ. Hai người ở chung trong một lâu đài bên bờ sông. Một hôm người vợ ngồi gần mặt nước đánh rơi một chiếc giày, chưa kịp vớt lên thì giày đã bị một con cá to nuốt mất. Gần đó có vương quốc của một ông vua (rát-gia). Những người làng chài đánh được con cá to đem dâng vua. Khi dầu bếp mổ ra thì bắt được chiếc giày đẹp, đem nộp. Vua cho truyền rằng ai là chủ chiếc giày sẽ rước về làm hoàng hậu. Bèn sai các bà già trong kinh thành mang giày đi ướm chân. Kết thúc cũng gần với truyện trên.

Một truyện sưu tầm ở Ca-sơ-mia (Cachemire) thì thay vào giày là chiếc lược: có một cô gái, một hôm chải tóc trước cửa sổ. Đang chải, cô để tạm lược trên bậu cửa thì bỗng một con quạ (cờ-râu) sà xuống quắp đi mất. Sau đó nó đánh rơi xuống biển, bị một con cá nuốt vào bụng. Cuối cùng chiếc lược cũng vào tay đầu bếp nhà vua. Vua lấy làm lạ, cũng muốn biết mặt chủ nhân của chiếc lược bèn cũng sai người đi tìm. Kết quả vua lấy cô gái tìm được làm vợ, v.v... Xem thêm truyện Ấn-độ ở trang 1191 và trang 1194-1995 trong cùng **Khảo dị**. Ở đây vật bị cá nuốt không phải giày hay lược mà là một trang sức đeo ở mũi (nô-đơ-ring).

Mô-típ dì ghẻ đánh tráo con mình thay con chồng làm vợ vua (hay hoàng tử) cũng được sử dụng phổ biến trong một loạt truyện có khác với dạng truyện *Tấm Cám*. Dẫn ra sau đây một số truyện tiêu biểu:

Truyện Pháp *Cô Ma-ri ở túp lều trong rừng*:

Một người đàn bà có hai con gái: cô chị ở tỉnh còn cô em ở với mẹ trong rừng. Một hôm cô em đang kéo sợi, một ông vua đi săn ghé vào thấy cô đẹp muốn lấy làm vợ, nhưng mẹ cô ghét cô, chỉ muốn giới thiệu cô chị. Mặc dầu vậy đám cưới vẫn cử hành. Ít lâu sau nhà vua đi đánh giặc. Hoàng hậu về chơi với chị, bị chị ghen tức nhảy xổ vào móc mắt, bẻ răng, cắt chân tay rồi bỏ vào rừng. Vì có khổ người giống em, nên cô chị đóng giả hoàng hậu vào cung. Hoàng hậu thật gặp một ông già được ông giúp cho ba điều ước tùy mình lựa chọn. -"Tôi chỉ ước được lành mắt, răng, tay và nếu được ước nữa thì cả chân", hoàng hậu nói. Ông già bảo một đứa trẻ mang một cái xa kéo sợi bằng vàng đến lâu đài của mẹ con hoàng hậu giả đổi lấy hai con mắt. Hoàng hậu giả trông thấy vật quý, hỏi mẹ, mẹ chỉ cho cặp mắt trong một cái hộp. Đưa về, ông già làm cho mắt hoàng hậu sáng trở lại. Ông lại lần lượt đưa những vật khác để đổi lấy răng, hai tay và hai chân, cuối cùng hoàng hậu hoàn toàn lành lặn như xưa. Ông già chỉ đường cho nàng ra khỏi rừng, rồi biến mất. Vua trở về thấy hoàng hậu giả hình dung đổi khác, tưởng vì vắng mình nàng buồn nên mới như vậy. Hoàng hậu giả đưa những thứ đổi được ra khoe với vua. Bỗng ông già nọ xuất hiện, được vua đón vào cung tiếp đãi. Vua hỏi thăm ông thấy gì ở dọc đường. - "Tâu bệ hạ tôi có gặp một bà bị móc mắt, bẻ răng và bị chặt chân tay. Chị của bà ấy đối với em như thế đấy! Tôi đã nhờ một em bé đem các vật quý đổi lấy mắt, răng, tay, chân về cho bà ấy. Nếu bệ hạ muốn cứ đến chỗ nọ sẽ gặp." Nhận ra vợ cũ vua đem về lâu đài, rồi ra lệnh cho xiềng mẹ và chị vợ quẳng cho thú dữ.

Truyện của người Ka-bi-lơ (Kabiles):

Một cô gái có nhiều tướng lạ, khi đi có hoa nở dưới gót. Hoàng tử nghe tin, đón về làm vợ. Cô cùng mẹ con dì ghẻ ra đi. Dọc đường mụ dì cho cô ăn rất mặn. Khát quá, cô đòi nước - "Muốn uống phải chịu móc mắt mới được", mụ dì bảo thế. Cô đành phải nghe theo. Mụ dì sau khi móc mắt bỏ cô lại, cho con gái thay vào, nhưng cô này vì không có tướng lạ nên bị lộ, và bị hoàng tử đuổi về. Còn cô gái mù được con diều trả cho cặp mắt, và qua nhiều phiêu lưu rắc rối cuối cùng gặp lại hoàng tử [1].

---

1. Người Hy-lạp (Grèce) kể truyện này như sau: Một cô gái đi với vú nuôi đến xứ người yêu để làm vợ một hoàng tử. Vì vú nuôi chủ ý cho ăn mặn nên khát quá, cô xin nước uống. Vú nuôi bảo: - "Ở xứ này nước đắt, mỗi một ngụm đổi lấy một con mắt." Cô lần lượt chịu cho móc hai mắt để khỏi chết khát. Vú bèn...

Truyện Ý (Italia):

Một cô gái nhận được một số quà tặng của một con rắn biết ơn. Sau đó cô được một ông vua chọn làm vợ. Hai chị cô ghen tị cắt tay, móc mắt cô, rồi một trong hai chị tìm đến lâu đài tự xưng mình là người yêu và được vua lấy làm vợ. Còn cô gái kia được người ta thương hại đưa về chăm sóc. Một hôm, giữa mùa đông, có con rắn đến báo tin rằng hoàng hậu có mang đang thèm ăn quả vả, nếu tìm vả đưa về thì có thể đổi lấy lại cặp mắt. Một lần khác, rắn lại đến bảo cô tìm quả đào để đổi lấy đôi tay. Nhờ thế cô gái được lành lặn, sau đó cô trở về lâu đài gặp lại vua.

Truyện khác của Ý sưu tầm ở Tô-xcan (Toscane):

Một bà hoàng thái hậu không ưa con dâu mình. Thừa lúc vua đi vắng, hoàng hậu sai đầy tớ dắt dâu vào rừng giết đi. Nhưng hai người kia động lòng thương, không giết mà chỉ móc lấy cặp mắt đem về cho hoàng thái hậu tin. Bị mù lòa, hoàng hậu gặp một ông già và nhờ ông giúp đỡ, nhận được ở một con rắn ba vật quý. Sau đó nàng nhờ người dắt về lâu đài. Với tấm mạng che mặt, hoàng hậu đem hai vật quý đổi lấy hai mắt để được sáng lại như xưa. Lành rồi nàng lại đem vật quý thứ ba tặng mẹ chồng để được phép ngủ bên cạnh buồng nhà vua, do đó vua nhận ra nàng.

Truyện Nga:

Một cô gái là người yêu của vua, một hôm bị một nữ tỳ hóa phép làm cho ngủ say rồi móc hai con mắt. Đoạn hắn bỏ về cung thay chủ lấy vua. Về phía cô gái được một người chăn cừu già nuôi nấng chăm nom. Đêm đêm cô làm mũ đội theo kiểu mũ nhà vua, rồi bảo ông già lần lượt đem đi bán để đổi lấy đôi mắt, v.v...

Về đoạn kết mẹ ăn thịt con, một số truyện ở các nước cũng có những hình ảnh và mức độ trừng phạt tương tự. Sau đây là một số truyện:

Truyện Xi-xin (Sicile):

Một người dì ghẻ giết con gái của chồng vốn là vợ vua, rồi đem con mình thế vào, đại thể cũng gần với diễn biến của nhiều truyện trên. Sau đó mưu gian bị bại lộ. Vua sai cắt cô gái này làm ngàn mảnh đem ướp vào thùng, gửi

... bỏ nàng lại, đưa con đẻ của mình vào cung làm vợ hoàng tử. Cô gái mù được một bà già hảo tâm nuôi nấng. Cô vốn có tướng khi cười thì có hoa hồng hiện ra. Bèn sai bà già mang hoa hồng vào cung đổi lấy mắt. Cuối cùng mắt cô cũng sáng trở lại và được lấy hoàng tử.

về cho mụ dì ghẻ nói là mắm cá thu của con gửi. Khi mụ bắt đầu ăn, một con mèo nói: - "Cho tôi chút gì tôi khóc giúp cho!" Mụ đánh đuổi mèo. Nhưng khi sắp ăn hết thấy đầu lâu con, mụ đập đầu vào tường mà chết. Con mèo nhảy lên hát: - "Mụ không cho tôi gì cả, tôi chẳng khóc giúp đâu!".

Một truyện khác của người Ka-bi-lơ (Kabiles):

Một cô gái bị mẹ con người dì ghẻ làm cho cực khổ. Sau khi lấy chồng, cô vạch cho người chồng thấy tội ác của chúng và nhờ trả thù hộ. Chồng hỏi: - "Trả thù như thế nào?" - "Buộc nó (em gái con dì ghẻ) vào đuôi ngựa, cho ngựa kéo qua các bờ bụi". Chồng làm theo. Sau đó, cô cắt thịt nấu lên gửi về cho mẹ nó và em nó. Đứa em, ăn đến con mắt, ngờ vực nói: -"Ô mẹ! con mắt này là của chị con". Người mẹ không muốn tin. Một chốc sau, nó lại nói: - "Mẹ nhìn này, con đem miếng thịt này cho một người nào đó để họ khóc cho chị con một tý". Một con mèo nói: - "Vậy thì cho tôi miếng ấy, tôi sẽ khóc bằng một mắt".

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères)

Một đứa trẻ tên là Ba-gơ-di-đít bị mụ chằng bắt. Trong khi bận đi gọi khách đến dự tiệc, mụ giao cho con gái mình ở nhà làm thịt đứa trẻ nấu ăn. Trong hang, Ba-gơ-di-đít hát lên. Cô gái muốn nghe tiếng hát, bèn kéo hắn lên khỏi hang. Ba-gơ-di-đít xay hạt với nó rồi chơi trò chẵn lẻ, hẹn ai thắng thì được cắt tóc kẻ thua. Ba-gơ-di-đít thắng, cầm dao cắt tóc cô kia rồi bất ngờ cắt cổ. Đoạn, mang bộ tóc và áo quần của nó vào để cải trang. Lại bỏ thịt vào nồi sau khi cắt cặp vú bỏ dưới chiếu. Khi mụ mời khách về, ăn thịt con vẫn tưởng là thịt Ba-gơ-di-đít. Một con mèo nói: -"Thịt ấy có mùi sữa bà đấy!". Mụ đánh đuổi mèo, nói: -"Đi ra mau, bố mẹ mày, bố mẹ giống nòi mày nói điêu!".

Truyện ở Bắc Ấn:

Một đứa trẻ trèo cây hái quả. Sắp ăn thì một mụ phù thủy đi qua làm bộ hỏi xin một quả. Nó vít nhánh cây xuống cho mụ hái, bất đồ mụ chụp được tay, bắt bỏ vào bị. Dọc đường mệt quá, mụ đặt bị nghỉ lại. Nó chui ra, lén bỏ đá và gai vào bị rồi trốn về. Mấy ngày sau, nó lại bị mụ bắt được. Mụ bảo con dâu chặt từng miếng bỏ vào nồi để mụ còn đi mua tiêu muối. Sắp hạ thủ, con dâu ngắm thấy thằng bé xinh, bèn nói: - "Con mắt mày sao đẹp thế, đầu lại tròn..." Đáp: - "Mẹ tôi chăm chút lắm mới được thế đấy. Mẹ tôi lấy kim nung lửa rồi châm vào mắt, còn đầu thì dùng chày giã gạo sửa mãi mới được thế." - "Tao muốn được giống như mày". - "Khó gì". Em dùng chày bất thình lình

choảng cho nó chết rồi chặt khúc bỏ vào nồi. Đoạn mặc quần áo của nó ngồi ở góc buồng. Mụ về nấu xong múc xúp cho cả nhà ăn, cho con mèo một phần. Mèo nói: - "Nhổ đi, mẹ chồng ăn thịt nàng dâu!" Mụ hỏi: - "Mày nói cái gì?" Đứa bé nói: - "Để tôi ra ngoài một tý rồi tôi sẽ nói cho mà biết!" Rồi chạy mất. Mụ chờ mãi không thấy, khi nhìn vào nồi mới rõ sự thực.

Người Ấn-độ còn có truyện kể một hoàng hậu hành hạ con chồng, cuối cùng giết chết nó. Về sau, hành vi của mụ bị vua phát hiện và xử vào tội chết, nhưng ở đây, mụ bị đốt cháy lấy xương gửi về cho mẹ mụ.

Ở truyện của người Tô-xcan (Toscane) thì mức độ trừng phạt nặng hơn, bằng hình ảnh mụ dì ghẻ tự tay mình đổ nước sôi vào con đẻ:

Một cô gái tên là Nê-na hàng ngày phải đi chăn bò, còn phải kéo cho dì ghẻ nửa cân len. Một bà già bảo con bò cái kéo giúp. Ngày hôm sau, mụ sai con mình đi theo để dò biết tại sao Nê-na làm tròn công việc. Bà già bảo cô chải tóc cho em để nó ngủ say, rồi mới sai bò kéo len. Hôm sau, cô em lại đi nhưng giả bộ ngủ say, nhờ đó biết được sự thật, và Nê-na bị dì đánh.

Hoàng tử đến hỏi Nê-na "cô gái đẹp" làm vợ. Mụ dì ghẻ đánh tráo con mình vào để thay thế, còn cô chị thì mụ bỏ vào thùng, định giội nước sôi cho chết. Một con mèo kêu lên: -"Meo, meo, cô gái đẹp thì ở trong thùng, còn cô xấu thì ngồi trên ngựa vua". Hoàng tử nghe ra, bèn đi tìm, quả thấy "cô gái đẹp". Lập tức bỏ cô kia vào thùng và đón Nê-na về. Mụ dì không biết việc đó, cứ giội nước sôi, thành ra giết chết con đẻ[1].

Trái với truyện trên, ở nhiều truyện của một số dân tộc khác, sự trừng phạt đối với mẹ con mụ dì ghẻ lại có vẻ nhẹ nhàng. Chẳng hạn những truyện của Ru-ma-ni (Roumanie) mà Hoàng Thị Đậu[2] có nhắc đến. Ví dụ truyện *Bồ câu của nàng I-lê-a-na Cô-sin-de-a-na* (không có việc trả thù); truyện *Con gái ông lão và con gái bà lão* (mụ dì ghẻ không bị phạt, chỉ cô gái mụ phải sống cô độc suốt đời, v.v...). Theo tác giả, nếu "chúng ta so sánh sự đối xử của mẹ con mụ dì ghẻ trong các bản khác nhau của Ru-ma-ni với những hành động tàn bạo của mẹ con mụ dì ghẻ trong các bản khác nhau của Việt-nam, ta sẽ thấy mức độ ác nghiệt, tàn bạo rất khác nhau; do đó mức độ trừng phạt cũng khác nhau. Tuy vậy, những truyện thuộc "loại Tấm Cám" của Việt-nam và của Ru-ma-ni đều biểu hiện chung một tư tưởng là "ác giả, ác báo", "gieo gió thì gặt bão".

Cô-xcanh (Cosquin) trong sách đã dẫn, có trình bày một loạt truyện lưu hành ở các nước mà ông gọi là *Tro Bếp nam* (Cendrillon masculin), nhân vật chính không phải nữ mà là nam, lúc bé có vẻ lười biếng, ngây ngô, nằm mãi không dậy, lấm lem vì vùi trong tro v.v... Nhưng đến một lúc nào đó trở nên có sức mạnh ghê gớm, ăn khỏe, làm nên những kỳ tích v.v... (Xem **Khảo dị,** truyện *Thánh Gióng*, số **134**, tập **III**).

1. Phần nhiều những truyện kể trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* và *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*, v.v...
2. Trong bài *Một số tư liệu để tiến tới so sánh truyện Tấm Cám của Việt-nam và Ru-ma-ni (Tạp chí văn học*, số 3-1963).

155. AO PHẬT

Ngày ấy, vùng đất mà bây giờ là Trà-vinh còn là một vùng biển cả. Trên bờ biển, Người sống rất cơ cực. Phật thấy vậy thương tình, bèn hóa phép làm cho biển nổi lên thành những giải đất nối liền với bờ. Những giải đất này đặc biệt rất mầu mỡ. Vì thế, Người dắt díu nhau ra đây chăm chút làm ăn, lúa khoai lúc nào cũng đầy nồi, cuộc sống trở nên vui tươi hơn trước.

Nhưng cũng ở vùng biển này lúc bấy giờ có một con Chằn tinh sống lâu năm dưới nước rất hung ác. Nó thường nổi lên khỏi mặt nước há cái miệng khổng lồ có thể lọt một lúc đôi ba người. Bộ hạ của Chằn tinh gồm có thuồng luồng, cá sấu... rất dữ tợn, ăn thịt người và súc vật không biết chán.

Mỗi năm vào tháng Mười, dân cư trong hạt tổ chức một ngày lễ mừng hội mùa; trong ngày lễ có cuộc dâng hoa để cám ơn đức Phật. Tại một ngôi chùa xây lên giữa đồng, dân chúng thường hội họp đông đúc làm lễ cúng Phật. Sau đó, các nơi bày ra trò múa hát, đánh đu để cho trai thanh gái lịch vui chơi. Ngày hội mùa năm ấy giữa khi mọi người nô nức về dự thì Chằn tinh cùng bộ hạ từ dưới biển mò lên tìm mồi. Thấy chúng, ai nấy sợ hãi bỏ chạy tan tác. Chúng được thể mặc sức tung hoành. Chỉ có những kẻ nấp trong chùa thì được yên ổn vì Chằn tinh rất sợ phép Phật.

Khi Chằn tinh và bộ hạ no bụng rút đi thì những người còn sống sót cũng từ các nơi trốn tránh thất thểu trở về. Cái cảnh cha mất con, vợ mất chồng, tiếng than khóc vang động khắp nơi, không khí tang tóc bao trùm mọi ngả.

Cho đến mấy năm sau, cuộc sống bình thường mới dần dần trở lại. Người lại ra sức hàn gắn những vết đau thương. Nhưng Chằn tinh và bộ hạ vẫn không ngớt rình mò phá phách.

Phật thương Người luôn năm đau khổ bèn hiện ra, trao cho họ một lưỡi gươm và dặn:

- Cứ bạo dạn lên! Nó không có gì đáng sợ cả.

Một lần, giữa lúc Chằn tinh điên cuồng gầm thét, giữa lúc mọi người đang khiếp đảm, thì một tiếng nói lanh lảnh từ trong chùa dội ra ngoài:

- Con quái vật! Mày có chạy đằng trời!

Dứt lời, một người đàn bà tay cầm gươm từ chùa xông ra, nhằm Chằn tinh mà chém. Chằn tinh sải chân bước lên định nuốt tươi đối thủ nhưng hắn đã bị người đàn bà chém xả một nhát đứt rời một chân. Bị thương, Chằn tinh kêu lên một tiếng rùng rợn, rồi lết về biển. Lũ bộ hạ cũng vội vàng lao theo. Mọi người mừng rỡ đổ ra xem người đánh đuổi được quái vật là ai. Thì ra đó là bà Am, một người đàn bà hiền lành trong xóm làng.

Nhưng Chằn tinh vốn có nhiều phép lạ. Dầu bị thương nặng đến đâu, hễ lê về đến sào huyệt, lội được vào vũng nước thần, thì chỉ trong một đêm nó lại lành lặn khỏe mạnh như cũ. Vì thế, sáng hôm sau, ở chỗ chiếc chân đứt lìa của Chằn tinh đã có một chân khác mới mọc. Nó lại kéo bộ hạ lên báo thù. Lần này, chúng đến với một khí thế dữ dội hơn trước nhiều. Mọi người đành kéo nhau chạy trốn. Phật nghe lời Người khẩn cầu lại hiện ra trao cho họ một quả cầu sắt và bảo:

- Hãy nung cho đỏ mà ném vào miệng Chằn tinh!

Thế rồi bà Am lại can đảm đứng ra đương đầu với con quái vật để cứu dân làng. Giữa lúc Chằn tinh cùng bộ hạ đang thi nhau đi tìm mồi thì bà đã đến sát trước mặt nó, lên tiếng thách thức:

- Nếu mày la to được như tiếng sấm thì ta sẽ bảo mọi người tới đây nộp mình.

Chằn tinh đáp:

- Ta còn la to hơn cả tiếng sấm nữa kia!

Dứt lời, nó há miệng to bằng cái nong, hét lên một tiếng dữ dội. Bà Am nhanh như cắt ném quả cầu đã nung đỏ tọt vào miệng hắn.

Bị bỏng, Chằn tinh hết sức giãy giụa, cố khạc quả cầu ác hại; lăn lộn mấy vòng rồi lê về sào huyệt của mình. Dân chúng đang trốn nấp đây đó lại lũ lượt kéo ra, sung sướng reo mừng.

Nhưng khi về đến vũng nước thần, Chằn tinh lại được bình phục. Vì vậy, qua hôm sau nó lại mò lên. Lần này thì Phật đã bày cho Người đào hố sâu dưới cắm nhiều sắt nhọn trên phủ cỏ rác để đợi kẻ thù. Chằn tinh và bộ hạ vừa nhô lên khỏi mặt nước, đã đe dọa:

- Hôm nay quyết không để cho lũ chúng mày chạy trốn!

Nhưng lần này Người cũng nhất định không chạy nữa. Họ đứng túm tụm sau lưng bà Am tay cầm sẵn lao dài, có vẻ thách thức. Chằn tinh và bộ hạ ào ào kéo tới như một trận bão. Thế nhưng muộn mất rồi, con quái vật và bộ hạ của nó đã sa xuống hố, chân và bụng dính chặt dưới hố như bị đóng đinh, không thể tiến lui được nữa. Thế là tất cả mọi người xông lại, kẻ đâm, người lao, giết chết chúng tại chỗ, con nào sống sót cũng cuống cuồng chạy về biển sâu.

Từ đó Người trừ xong nạn lớn. Chỗ cái hố chông do Chằn tinh quần quại đã khoét sâu thành ao rộng hàng chục mẫu, người ta gọi là ao Phật, cũng có người gọi là ao bà Am. Xung quanh ao đất bốc lên thành những gò nhấp nhô, cũng có người gọi là gò Chằn tinh[1].

KHẢO DỊ

Lĩnh-nam chích quái có truyện *Ngư tinh* có một số hình ảnh gần gũi với truyện trên:

Ngư tinh là một con cá lớn sống lâu năm thành tinh thường đi lại vùng biển Đông. Nó đã làm hại không biết bao nhiêu người vật và thuyền bè. Chỗ ở của nó là một cái hang lớn ăn thông xuống đáy biển. Long Quân bèn rèn một khối sắt, cho nung đỏ rồi chèo thuyền đến cửa hang, giả cách ẵm một người lên như sắp ném cho Ngư tinh ăn thịt. Ở dưới hang, Ngư tinh nghe tiếng động, quen thói nhô đầu lên và há miệng ra đón con mồi. Không ngờ Long Quân ném khối sắt đỏ vào. Hắn tức giận cố khạc khối sắt ra và chồm lên đánh lại Long Quân. Long Quân nhảy xuống nước đánh lại. Trận đánh kéo dài ba ngày, cuối cùng giết được Ngư tinh chặt làm ba khúc. Khúc đầu hóa thành con chó biển, bị Long Quân rượt theo chém chết, vứt đầu lên núi; người ta gọi núi ấy

1. Theo lời kể của người Trà-vinh, và theo báo *Thống nhất* số 370 (1964).

là Cẩu-đầu-sơn. Khúc mình trôi ra xứ Mạn-cầu, người ta gọi là Cẩu-mạn-cầu. Còn khúc đuôi thì Long Quân lột da phơi trên một hòn đảo, nay là đảo Bạch-long-vĩ.

Xem thêm truyện *Khổng Lồ đúc chuông* (số **67**, tập **II**) ở đây cũng có con quái vật ngô công mình dài trăm trượng, miệng há đỏ như lửa, nhưng vật ném vào miệng ngô công không phải là khối sắt mà là một quả bí thần.

156. PHẠM NHĨ HAY LÀ SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI

Đã từ lâu lắm, trên cõi Trời có một người có sức khỏe lạ lùng, những việc dời núi lấp biển, đội đá bẻ cây... không một ai bì kịp. Nói về tài phép, ông cũng thần thông biến hóa vượt xa nhiều vị trên Thiên đình. Đặc biệt ông có hai vành tai dài và rách, vì lúc nhỏ ông thường dùng hai tai cho nhiều người móc vào mà đu, rồi xoay họ như chong chóng. Cũng vì thế người ta quen gọi ông là Phạm Nhĩ. Vốn tinh nghịch và hung hăng quen thói từ hồi trẻ, Phạm Nhĩ không mấy khi ngồi yên. Ông thường hay gây sự đánh nhau với những kẻ mà ông thù ghét. Nhưng người ta đều tránh né ông, chẳng mấy ai dám đọ sức, vì đã từng có bao nhiêu anh hùng hảo hán không chịu nổi chỉ một cú đấm, cái gạt của ông.

Thấy mọi người đều thua tài, Phạm Nhĩ ngày một tỏ ra kiêu căng tự phụ. Ông cho rằng các vị thần xung quanh Ngọc Hoàng chẳng qua chỉ là đồ bị thịt, tài nghệ và sức khỏe không có tý gì. Và ông lấy làm bực mình vì sao bấy lâu danh tiếng mình nổi như cồn mà vẫn không được Ngọc Hoàng vời vào để trao cho một chức vị xứng đáng. Mỗi ngày lòng kiêu căng tự phụ của ông một lớn thêm mãi. Cho đến lúc Phạm Nhĩ đâm khinh nhờn cả Ngọc Hoàng, tự nghĩ rằng có sức mạnh và tài phép như mình thì nên làm vua nhà Trời mới phải. Thế rồi chẳng bao lâu ông đã tụ tập xung quanh mình một số bộ hạ cũng có sức khỏe và tài phép hơn người, thành một đội quân bất trị. Đội quân này ngày một đông, đã từng gây náo loạn ở Thiên đình mà vì sợ oai Phạm Nhĩ nên không một ai dám bắt. Cuối cùng, Phạm Nhĩ cầm đầu đội quân tiến đến Thiên cung đòi hạ bệ Ngọc Hoàng để cho mình trị vì thiên hạ.

Nghe tin chẳng lành, Ngọc Hoàng thượng đế vội vàng sai các bậc tướng lĩnh đem quân nhà Trời ra ngăn chặn. Có đến mười tám vị tướng, vị nào cũng lục trí thần thông, miệng thét ra lửa, tay bẻ gãy cổ thụ, chân

đạp đổ núi, nhưng không vị nào đối địch với Phạm Nhĩ được lâu. Không đầy mười ngày chỉ còn ba vị sống sót chạy về.

Ngọc Hoàng lại sai năm mươi lực sĩ hầu cận, người nào cũng tài ba và sức khỏe, ra chống chọi với Phạm Nhĩ. Nhưng cũng chẳng mấy chốc ông đã làm cho bọn này nếm mùi thất bại chua cay. Quân đội nhà Trời vốn đông như kiến cỏ, không ngờ kéo ra bao nhiêu bị diệt bấy nhiêu, cuối cùng bỏ chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Thừa thắng, Phạm Nhĩ thúc quân tiến lên vây chặt Thiên cung.

Thấy thế, Ngọc Hoàng thượng đế hết sức lo lắng. Theo lời bàn của các triều thần, Ngọc Hoàng vội sai Bắc Đẩu cầu cứu đức Phật. Nghe tin cáo cấp, đức Phật sai Chuẩn Đề đi bắt Phạm Nhĩ. Nhưng đức Phật không ngờ Chuẩn Đề tài phép cao cường là thế, lại bị ăn đòn nặng nề của Phạm Nhĩ đến nỗi lê lết chạy về, xiêm giáp tả tơi.

Sau rốt, đức Phật đành phải tự thân ra đi. Trong lúc Phạm Nhĩ đương hung hăng múa may chửi bới Ngọc Hoàng và bọn triều thần bất tài bất lực, thì đức Phật đã xuất hiện giữa không trung. Phạm Nhĩ vội xông lên toan dùng sức đánh, không ngờ sa ngay vào túi thần của đức Phật, toàn thân co rúm không cất chân động tay được nữa. Thế là ông bị bắt. Bọn bộ hạ mất tướng như rắn mất đầu, không ai bảo ai tẩu tán khắp nơi.

Trước khi ra về, đức Phật giao lại tên tù cho Ngọc Hoàng xử trí, nhưng cũng dặn làm sao cho y hối lỗi chứ đừng giết hại. Ngọc Hoàng bèn quyết định đày Phạm Nhĩ xuống cõi trần làm kiếp vật. Nhưng trước hết Ngọc Hoàng sai cắt bỏ đôi cánh của ông để tước bớt sức mạnh, e rằng bất thần ông lại bay trở về Trời thì rất nguy hiểm. Hơn nữa, Ngọc Hoàng còn lo Phạm Nhĩ vốn mang cốt tướng nhà Trời, có thể nghe hết mọi chuyện bốn phương ngay trong giấc ngủ, mặc dù cách xa hàng ngàn dặm. Bởi vậy để làm giảm bớt trí nhớ của ông, Ngọc Hoàng hóa phép bắt lỗ tai ông mỗi khi tỉnh giấc thì khép kín lại. Tuy nhiên, thể theo lời dặn của đức Phật, Ngọc Hoàng cũng phong cho Phạm Nhĩ làm chúa tể sơn lâm để an ủi đôi phần.

Từ khi xuống trần, tài phép của Phạm Nhĩ giảm sút đi nhiều vì không còn có cánh mà bay. Mặc dầu vậy, ông vẫn còn giữ được một sức khỏe tuyệt trần, khiến mọi thú vật khiếp sợ, xứng với danh hiệu chúa tể mà

Ngọc Hoàng phong cho. Cho đến sau này, dòng dõi nhà ông vẫn nối nhau làm chúa sơn lâm. Ngay loài người cũng phải kiềng ông, không dám gọi cái tên "Hổ", mà chỉ gọi tránh là ông "Ba mươi". Tại sao lại gọi là ông Ba mươi? Đó là vì khi có người nào săn được hổ thì nhà vua có lệ thưởng cho ba mươi quan tiền vì đã trừ được cho loài người một con thú hung ác. Nhưng vua cũng bắt người đó phải chịu ba mươi hèo để cho vong hồn Phạm Nhĩ được thỏa mà không tác quái nữa.

Ngày nay còn có câu:

Trời sinh ra hùm có vây,
Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời.

để nhớ cuộc náo động Thiên cung của Phạm Nhĩ xưa kia[1].

1. Theo Sơn Nam, sách đã dẫn, và theo lời kể của người Hà-tỉnh.

157. CON MA BÁO THÙ

Ngày xưa ở Gia-định có một tên cướp lợi hại bị bắt và kết án tử hình. Trong ngục, hắn ta bảo người nhà đem hậu lễ đến chạy chọt với tên quan án để mong quan cố tìm cách cứu hắn thoát chết. Quan án nhận lời, đòi phải có đủ hai mươi nén bạc mới có thể lo lót xong. Người nhà tên cướp lo đủ số bạc. Nhưng sau khi nhận đủ bạc rồi, quan lại muốn ăn không một mình, không muốn chia với bọn quan đầu tỉnh và bọn quan trong bộ. Vì thế, cái đơn xin ân xá của tên cướp bị bộ bác, tên cướp vẫn bị đem ra pháp trường xử trảm. Còn quan án ta sau đó, để tránh mặt, bèn cố chạy chọt để được đổi về kinh làm lang trung bộ Hộ.

*

* *

Một hôm, có một ông cử quê quán ở Gia-định sửa soạn về kinh thi hội. Nhưng nhà ông nghèo quá không biết lấy gì để chi tiêu dọc đường. Ông đi vay hết mọi nơi nhưng vẫn không đủ số. Sắp đến ngày phải ra đi, bỗng có một người khách tự dưng tìm đến làm quen, nói rằng mình cũng sắp trẩy kinh nên đến rủ ông cùng đi cho có bạn. Thấy ông cử than rằng mình chưa lo xong tiền ăn đường, người khách lạ ấy hứa sẽ chịu mọi phí tổn, quý hồ được cùng đi với ông là tốt rồi.

Sau ngày khởi hành, ông cử dần dần thấy người bạn đường của mình quả tốt bụng hơn ông tưởng. Mỗi lần đến một chặng nghỉ ở nhà trạm, ông thấy hắn chăm lo cho ông từ cơm nước cho đến chỗ ăn chỗ ở, hơn cả một người hầu. Tiền nong hắn chịu tất, trái lại về phần hắn, chẳng thấy hắn lo liệu gì sốt. Không bao giờ hắn chịu ăn cùng mâm, nằm cùng chiếu với ông. Càng ngày ông cử càng thấy áy náy không yên. Từ chỗ chịu ơn đến ngạc nhiên, ông thấy không thể im lặng mãi, nên nhân lúc vượt qua một cái đèo, bèn hỏi:

- Bác lo lắng chỗ ăn chỗ trọ cho tôi thực là chu đáo. Tôi không biết cảm tạ thế nào cho xứng cả. Nhưng tại sao về phần bác, tôi chẳng thấy bao giờ bác bận tâm đến mình. Thế bác ăn ở đâu? ngủ ở đâu?

Người khách lạ không ngần ngại trả lời:

- Chả giấu gì bác, tôi không phải là người, mà chỉ là một con ma. Tôi theo bác là chỉ cốt nhờ bác làm ơn chỉ đường cho để báo thù...

- Báo thù ai? Ông cử vội hỏi.

- Báo thù một kẻ trước đây đã ăn tiền của tôi mà nuốt lời hứa để cho tôi thọ tội.

- Tên hắn là gì?

- Là án sát Đặng.

- Trời ơi! Ông Đặng này là thầy học cũ của tôi.

Nghe ông cử kêu lên như thế, người khách lạ nói tiếp:

- Không can gì. Tôi mang oán thì tôi cứ trả oán; còn bác chịu ơn thì cứ lo mà đền ơn. Chỉ cần bác giúp tôi khi đến kinh chỉ nhà tên đó cho tôi là đủ.

Khi hai người đến kinh bèn từ giã nhau. Một người tìm vào khu trường thi để sắp đặt chỗ trọ, còn con ma thì tìm đến nhà viên án sát để nghĩ cách báo thù.

Thoạt đầu hắn làm cho đứa con quan án phát điên. Thằng bé trạc mười bốn, mười lăm tuổi, đang hiền lành lễ phép, bỗng dưng sinh ra hung hăng dữ tợn, hoa chân múa tay, miệng nói nhảm nhí gây gổ với mọi người.

Cơn điên bốc mạnh, thằng bé cầm con dao múa lên rồi chạy khắp nơi, cuối cùng làm bị thương một đứa bé khác và đâm chết một người đi đường. Thân nhân người chết khôn xiết đau đớn, vội mang xác đến nhà cha mẹ đứa bé bắt đền mạng. Quan án phải bỏ ra một lúc rất nhiều tiền không những để sắm hòm ván, thuê chôn cất, và đền cho thân nhân người bất hạnh, mà còn dùng đút lót cho quan nha sở tại để họ khỏi sinh sự lôi thôi. Trong khi đó, quan phải người nhà tìm cách bắt con về để tìm thầy chạy thuốc. Nhưng bao nhiêu thuốc men uống vào đều vô hiệu. Quan án lại mời một thầy phù thủy cao tay đến để trị tà bắt quỷ. Nhưng sau ba ngày, ba đêm chứng điên của thằng bé vẫn không thuyên

giảm chút nào. Thầy thú thực rằng vì tà ma quá mạnh không thể trấn áp được. Quan án tuy tiêu tốn đã nhiều công của, vẫn không nản lòng, hứa sẽ thưởng một số tiền lớn cho người nào chữa được con mình lành bệnh.

Cho đến ngày trường thi treo bảng, ông cử Gia-định mới biết mình "trượt vỏ chuối". Đang khổ vì tứ cố vô thân, không biết xoay đâu tiền ăn đường, thì bỗng ông gặp lại người khách lạ. Hắn bảo ông:

- Bây giờ là lúc bác có thể trả ơn cho thầy học của bác được rồi đấy. Tôi ra đây lúc đầu định vật chết con nó báo thù chơi, nhưng sau nghĩ lại thấy tội của nó chỉ đáng làm cho con nó điên khùng một dạo là đủ. Bây giờ bác đến đấy trả ơn cho người ta, lại vừa có thể kiếm một số tiền lộ phí. Còn tôi, tôi phải vội về trước.

Ông cử liền tìm đến nhà thầy học cũ. Quan án vì trong nhà đang có chuyện bối rối, không muốn tiếp người học trò của mình, bèn bảo người nhà ra nói dối là mình đi vắng. Nhưng ông cử vội đáp:

- Tôi đến đây là vì công tử con thầy đấy!

Nghe nói thế, quan vội sai mời ông vào.

Ông cử giả thác rằng mình có một phương thuốc bí truyền có thể chữa chạy những bệnh điên cuồng rất hiệu nghiệm. Cách chữa của ông rất giản dị: hàng ngày ông đến trước con bệnh, mặc cho nó gào thét múa may, ông thong thả ngâm lên những bài phú cổ. Ông cứ kiên nhẫn làm như vậy suốt ba ngày. Bệnh của đứa bé lui đi trông thấy. Cuối cùng, khi thấy thằng bé đã hết điên, ông cắt cho nó những chén thuốc bổ. Quan án vô cùng mừng rỡ, ca ngợi không tiếc lời tài thuốc của người học trò cũ, và trước khi người ấy ra về, mang tặng hai mươi nén bạc để đền công đã chữa cho đứa con mình[1].

KHẢO DỊ

Một truyện của Trung-quốc có vài nét tương tự:

Vào thời Càn Long có một người tên là Cố Nghiêu Niên vì việc gạo tăng, kêu gọi dân chúng đánh lại quan, bị viên án phủ Tô-châu bắt tội chém. Hồn

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

ma tìm đến nhà Giang Vũ Phong làm quan ở Tô-châu, ám vào đứa con là Giang Bảo Thần để báo thù. Bảo Thần đi Kim-lăng thi hương, lúc trở về tự nhiên bị bệnh nguy kịch. Họ Giang tìm danh y khắp nơi nhưng ai nấy đều lắc đầu. Nghe nói có một danh y là Quân Nhất Biều, họ Giang bèn nhờ một người bạn mời hộ. Khi danh y sắp đến thì người bệnh nói chuyện với ma ở trong buồng: -"A, Cố Nghiêu Niên đã đến đấy ư, mời anh ngồi". Ma đáp: -"Ta báo cho anh biết là anh đã đậu thi hương thứ ba mươi tám. Còn bệnh của anh thì cũng dễ thôi, anh cho ta bữa rượu để ta đi". Giang Vũ Phong nghe nói, vội chạy vào buồng bảo: - "Cố Nghiêu Niên, anh đi đi, muốn gì ta sẽ cho". Đáp: - "Tôi chưa đi được vì ngoài cửa có một người, lại có nhà danh y sắp đến, tôi sợ hai người ấy". Khi Quân Nhất Biều đến, nghe người bạn kể lại chuyện này, bèn rủ bạn cùng vào, rồi một người bắt mạch cắt thuốc, một người cầm chổi đập khắp buồng. Quả nhiên, bệnh Giang Bảo Thần lui đi trông thấy. Đó là vì con ma bỏ đi không quấy nữa[1].

1. Theo *Tân Tề hài*, quyển 2.

158. RẮN BÁO OÁN

Ngày ấy, trong một gò đất cây cối mọc um tùm ở làng Nhị-khê gọi là gò Rùa, có một con rắn mẹ sống với một đàn con. Con rắn làm tổ ở đó đã ngót một trăm năm, chỉ còn chờ ít lâu nữa là thành xà tinh có thể đi mây về gió, biến hóa huyền diệu. Vào thời ấy có một ông đồ họ Nguyễn mở trường dạy học trong làng. Thấy đám đất ở gò Rùa có mạch rất đẹp: trước mặt là đầm làm minh đường, sau lưng là gò làm án, ông đồ bèn xin làng cấp cho mình đám đất để dựng một ngôi nhà làm nơi tĩnh mịch dạy học. Được phép làng, một buổi chiều nọ trước khi tan lớp, thầy bảo trò:

- Từ mai các con tạm nghỉ học một vài ngày rồi đến phát dọn hộ cho thầy đám đất bên gò Rùa kia.

Nghe tin ông đồ sắp cho người đến phá phách chỗ ở của mình, đêm ấy rắn mẹ bèn đến báo mộng cho ông đồ biết. Ông đồ đang ngủ mơ màng thấy có một người đàn bà vẻ mặt hầm hầm đến sừng sộ:

- Này ông kia! Nào ta có gây thù chuốc oán gì với nhà ngươi mà nhà ngươi lại toan phá nhà cửa của ta. Muốn tốt thì chớ có động đến, nếu không thì đừng hòng ăn ngon ngủ yên với ta đâu.

Nói xong quay ngoắt trở ra. Ông đồ giật mình tỉnh dậy thì trời đã sáng. Suy nghĩ mãi về giấc mộng lạ, ông chưa hiểu thế nào cả. Sực nhớ hôm nay là ngày học trò mình bắt tay khai phá đám đất hoang, ông cho rằng hẳn có ma quỷ gì ở đấy muốn ngăn cản không cho mình tới ở. Sợ tai vạ, ông đã toan bảo học trò ngừng tay, nhưng suy đi nghĩ lại, ông thấy không nên: -"Ồ mộng mị vô chừng, tội gì phải bận tâm cho mệt". Rồi đó ông đồ chống gậy đi đến khoảnh đất mới xem học trò làm việc. Lúc đến nơi thì thấy học trò đã dọn quang một đám khá rộng. Ông đồ hỏi: - "Các con có thấy gì lạ không?" Học trò đáp: - "Thưa thầy, không có gì lạ cả". - "Nếu có gì lạ, hãy báo cho thầy biết nghe không!"

Đêm hôm sau con rắn lại báo mộng. Ông đồ đang mơ mơ màng màng, bỗng thấy người đàn bà hôm trước lại đến, tay bế ba đứa con nhỏ, nhưng lần này vẻ mặt thay đổi hẳn: - "Xin nhà thầy hoãn cho ba hôm nữa, để cho đàn con tôi cứng cáp đã rồi sẽ xin đi". Thấy người đàn bà vật nài mấy lần, ông đồ động lòng trắc ẩn nói: - "Được, được, tôi sẵn lòng để cho nhà chị nán lại ít hôm".

Sáng dậy ông đồ nghĩ mãi vẫn chưa hiểu ra thế nào. Ông bèn đi tới đám đất đang được phát dọn xem sao. Vừa đến nơi, người trưởng tràng đã chạy đến nói với ông: - "Thầy ạ, vừa rồi có một con rắn lớn, tiếc rằng chúng con mới chém phải một nhát ở đuôi thì nó đã chạy mất. Trong hang có một ổ ba con rắn con, chúng con đều đánh chết cả." Ông đồ chợt hiểu ra, bèn tắc lưỡi ân hận: - "Đúng là người đàn bà ở trong con rắn đã đến cầu khẩn với ta. Nhưng ta không kịp cứu bầy con nó như lời đã hứa".

Lại nói đến con rắn mẹ tự nhiên bị chết mất cả đàn con lại bị thương tích nặng nề, thì căm tức ông đồ vô hạn. Nó quyết tìm dịp báo thù. Một tối trong khi ông đồ đang đọc sách ở một ngôi nhà vừa mới dựng xong, con rắn lẻn bò vào mái tranh, đến sát gần chỗ ông ngồi, toan cắn chết. Nhưng ông đồ vừa liếc thấy đã kịp hô hoán cho người nhà chạy lại. Rắn ta hoảng hốt bỏ trốn, chỉ kịp nhỏ xuống trang sách một giọt máu. Ông đồ kinh hãi nhìn lại trang sách, thì thấy giọt máu nhỏ thấm tới tờ thứ ba. Thở dài, ông lẩm bẩm: -"Chắc nó sẽ báo oán đến đời con cháu ta chứ không sai".

*

* *

Mấy chục năm trôi qua. Con rắn ẩn nấp trong chằm lúc này đã lành vết thương và đã trở thành xà tinh. Nhớ lại món nợ cũ, nó bèn hóa thành một người con gái rất đẹp đi tìm kẻ thù. Lúc này ông đồ đã mất, con ông cũng lưu lạc chết ở quê người, chỉ còn cháu bé lúc này là Nguyễn Trãi bấy giờ đang làm quan đại thần ở kinh đô, chức cả quyền cao, vua quan đều trọng vọng. Một hôm, Nguyễn Trãi nhân thong thả đi chơi chợ ở phía ngoài kinh thành. Con rắn biết tin, bèn hóa làm một người con gái gánh một gánh chiếu đi chợ bán. Cho nên, lúc ông vào đến chợ, đã trông thấy một cô gái trẻ tuổi đang đặt gánh chiếu đứng đọc tờ cáo

thị dán ở cổng. Thấy người con gái bán chiếu ăn mặc nghèo khổ mà mặt mũi đẹp tựa trăng rằm, lại dáng điệu thanh tú, chẳng có gì là lam lũ, ông sai dừng cáng bảo người lính hầu gọi cô tới và hỏi:

- Ả tên là gì, con cái nhà ai, tại sao lại làm nghề này?

Nàng đáp:

- Thiếp tên là Nguyễn Thị Lộ, vì bố mẹ đã mất cả không biết nương tựa vào ai, nên đi ở với một người dệt chiếu.

- Làm sao lại biết chữ?

Hồi còn nhỏ, cha mẹ thiếp có cho theo đòi bút nghiên.

- Nếu vậy thì ta có bài thơ này thử họa xem:

Ả ở đâu, bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh chừng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa? Được mấy con?

Cô gái liền đọc bài thơ sau:

Ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Cớ chi ông hỏi hết hay còn.
Xuân xanh mới độ trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có chi con.

Nguyễn Trãi tấm tắc khen:

- Chao ôi! Tài này thật nàng Ban, ả Tạ dễ không sánh kịp! Ta đang cần một người hầu bút nghiên, chẳng hay nàng có muốn bỏ nghề bán chiếu, về ở với ta trong phủ không?

Biết là mưu đã đắt, cô gái gật đầu. Sau lần đi dạo chợ ấy, Nguyễn Trãi đưa Thị Lộ về làm hầu gái. Càng ngày ông càng yêu vì nết, trọng vì tài. Với ông, Thị Lộ vừa là một người vợ, vừa là một người bạn văn chương. Sắc đẹp của nàng làm cho cả phủ nổi ghen. Nhưng nàng lại rất khôn ngoan biết lấy lòng tất cả mọi người. Đối với Nguyễn Trãi thì hết sức chiều chuộng, lại giúp ông thảo các giấy tờ việc quan rất trôi chảy, nên ông rất yêu dấu.

Tiếng đồn về người hầu gái của Nguyễn Trãi chẳng mấy chốc vang đi khắp nơi. Buổi ấy nhà vua đang cần một người hầu giảng sách, nghe tiếng Thị Lộ tài sắc hơn đời, vua bèn buộc Nguyễn Trãi dâng luôn cho mình. Thị Lộ lại trổ tài và chiều chuộng rất mực ông vua trẻ. Càng ngày vua càng yêu mến không rời, phong cho làm nữ học sĩ.

Một hôm, mẹ vua bị bệnh đau mắt rất nặng, thái y viện không có cách gì chữa khỏi. Nghe tin này, Thị Lộ bèn tâu vua: - "Thiếp ngày xưa, ngoài việc học chữ còn võ vẽ đôi chút về nghề y. Nếu được phép bệ hạ, thiếp xin thử chữa cho hoàng thái hậu xem sao". Vua không ngờ nữ học sĩ lại lắm tài nghề, bèn y cho. Thị Lộ đến nơi, chỉ dùng lưỡi mình liếm vào con mắt của mẹ vua, tự nhiên bệnh đau mắt của mẹ vua khỏi hẳn không cần tra thuốc men gì. Sau việc ấy vua lại càng yêu dấu và tin cậy.

Một hôm, vua bị bệnh đau lưỡi. Sực nhớ tới Thị Lộ, nhà vua bèn đòi nàng vào cung để chữa cho mình. Thấy đúng là cơ hội báo thù đến nơi, Thị Lộ liền bảo nhà vua lè lưỡi cho mình chữa. Vua thè lưỡi ra, rắn bèn cắn vào lưỡi một cái. Vua ngã chết ngay không kịp kêu lên một tiếng. Triều đình lập tức bắt giam Thị Lộ và bắt giam luôn cả họ nhà Nguyễn Trãi để xét xử. Chẳng mấy chốc mà cái án giết vua đã thành. Thị Lộ bị tội trảm quyết. Khi đao phủ sắp sửa đem xử tù, thì nàng xin phép được xuống sông tắm gội lần chót. Người ta y theo lời xin, cho một người lính gác tù đi theo canh giữ. Nhưng khi vừa bước xuống nước, rắn lập tức trở lại nguyên hình và trườn xuống sông mất tích. Người lính gác để sổng mất nữ tù liền bị bắt giam và theo luật phải chết thay.

Vụ án Thị Lộ vì chính phạm trốn mất, nên búa rìu pháp luật tự nhiên giáng xuống đầu cả họ Nguyễn Trãi. Theo lệnh triều đình, bà con thân thích của ông bất kể nam nữ già trẻ, tất cả đều bị xử giảo. Riêng có Nguyễn Trãi và người lính gác tù thì bị đem chôn sống. Người ta đào một cái hố, đẩy phạm nhân xuống rồi lấp đất lại. Đó là cách hành hình kinh khủng nhất của triều đình. Hôm thi hành bản án, người lính gác là kẻ chịu cực hình đầu tiên. Khi sắp sửa đến lượt Nguyễn Trãi, bỗng có một người đàn bà vợ anh lính gác, ở đâu chạy tới nhảy chồm lên mộ chồng gào khóc thảm thiết, đòi một hai chết theo cho trọn đạo. Trước cảnh thương tâm, Nguyễn Trãi khuyên chị:

- Ta vì một người thiếp mà bị chết oan cả họ, còn chồng nàng thì lại vì ta mà bị thiệt thân. Thôi, nàng hãy coi đó là số mệnh, đừng khóc

nữa. Hãy ngửa bàn tay cho ta ghi lại một chút dấu tích. Sau này nếu có việc gì thì đừng quên ta!

Khi người đàn bà ngửa tay ra trước mặt ông, ông bèn nhổ vào lòng bàn tay một bãi nước bọt.

*

* *

Vợ người lính gác vừa hứng lấy bãi nước bọt thì bỗng nhiên rùng mình cảm động. Từ đấy nàng có mang, đủ chín tháng mười ngày sinh được một người con trai rất khôi ngô. Nàng đặt tên là Anh Vũ. Và nghĩ rằng đó là dấu tích của vị đại thần bị chết oan, nên tuy mình họ Phạm, nàng cũng khai cho con họ Nguyễn. Khi con lớn khôn, nàng cố gắng cho nó đi học. Anh Vũ thông minh, học chóng tấn tới. Năm Anh Vũ hai mươi tuổi cũng là năm có lệnh ân xá cho cả nhà Nguyễn Trãi, vì đức hoàng đế mới lên ngôi đã thấu rõ mối oan tày trời của bậc công thần. Tất cả những của cải, ruộng đất, nô tì trước đây triều đình tịch thu đều trả lại cho dòng dõi của ông. Nhưng dòng dõi của Nguyễn Trãi thì chẳng còn một ai. Thấy thế, vợ người lính gác bèn đưa Anh Vũ đến kinh thành đánh trống đăng văn. Nhà vua cho gọi vào. Trước sân rồng, nàng kể lại cho vua nghe mọi việc kể từ lúc Nguyễn Trãi nhổ bãi nước bọt vào tay đến lúc mình nuôi con khôn lớn. Vua nghe đoạn trầm ngâm một hồi, rồi phán rằng: - "Đúng đây là dấu tích của Nguyễn Trãi. Chưa nói đến sự hiển ứng, chỉ xem nét mặt cũng phảng phất giống vị công thần." Anh Vũ bèn được coi là con đẻ của Nguyễn Trãi và được bổ làm quan. Càng ngày lòng vua thương xót vị đại thần chết oan càng dồn vào Anh Vũ. Sau một thời kỳ bước dần lên nấc thang danh vọng, Anh Vũ được cử đi sứ Trung-quốc vì nhà vua biết chàng không những có tài văn chương mà còn có tài hùng biện.

Lại nói chuyện con rắn từ ngày báo được thù cũ và trốn thoát thì nó ngao du trên mọi ngả sông hồ, không có chỗ ở nhất định. Một hôm nghe tin dòng dõi của Nguyễn Trãi vẫn còn, lòng căm tức của nó lại bừng bừng bốc lên. Lúc thuyền sứ bộ đi qua hồ Động-đình thì bỗng dưng mọi người thấy một con rắn rất lớn đuổi theo thuyền; đuôi nó như cột buồm quẫy sóng rất dữ làm cho thuyền tròng trành cơ hồ muốn chìm nghỉm. Cả đoàn sứ bộ và thủy thủ đều sợ xanh mắt. Một lúc sau, con rắn vừa lội theo thuyền vừa ngóc đầu lên khỏi mặt nước réo tên

Anh Vũ. Thấy vậy, Anh Vũ biết là món nợ của tổ tiên hãy còn dai dẳng chưa thôi. Ông phải tính liệu một bề để cứu lấy mọi người trên thuyền. Suy nghĩ một chốc, ông bèn ra đứng ở mũi thuyền nói to:- "Hỡi rắn thần, nghe ta nói đây! Hãy để cho ta làm tròn sứ mạng của nhà vua. Xong việc nước, ta sẽ về đây nộp mình".

Nói đoạn tự nhiên sóng êm, gió lặng. Con rắn đã biến đi mất.

Mấy tháng sau, công việc giao thiệp đã xong, thuyền sứ bộ lại trên đường về qua hồ Động-đình. Rắn lại hiện ra đàng mũi thuyền sứ réo tên Anh Vũ.

Sau khi dặn dò sứ bộ mọi điều, Anh Vũ cầm một con dao nhọn vào tay và nói:

- Tôi phải xuống để báo thù cho cha tôi!

Đoạn từ mũi thuyền, chàng lao thẳng xuống mặt hồ.

Cả đoàn sứ bộ nhìn theo ứa nước mắt khi thấy vị chánh sứ trẻ tuổi của mình một đi không trở lại. Nhưng lúc ấy bọt tung sóng vỗ, rồi máu đỏ lênh láng trên mặt nước[1].

KHẢO DỊ

Duy-mu-chiê (Dumoutier) kể đoạn kết truyện trên như sau:

Lúc trở về hồ Động-đình thấy con rắn thần hiện ra, Anh Vũ bèn viết hai bức thư: một cho vua Trung-quốc, một cho vua Việt-nam để nói rõ trường hợp cái chết của mình, rồi cho người mang đi. Đoạn ông mang áo mão sứ thần nhảy xuống nước. Rắn đã chực sẵn liền vồ lấy và nuốt ngay.

Vua Trung-quốc nhận được thư ông, liền sai một pháp sư nổi tiếng mang một đạo bùa đến hồ để trị con quái vật. Kết quả con rắn bị phép thần đánh chết, xác nổi lên mặt nước. Người ta kéo lên bờ mổ bụng lấy xác Anh Vũ ra làm đám trọng thể, rồi chặt rắn làm ba khúc ném xuống hồ. Ba khúc hóa thành ba hòn đảo nổi lên giữa hồ, hiện nay vẫn còn. Vua Trung-quốc lại sai dựng đền thờ Anh Vũ ở trên bờ. Vì thế hồ là hồ Trung-quốc nhưng thần lại là thần Việt-nam[2].

1. Theo lời kể của người miền Bắc, Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và *Ức Trai thi tập*.

2. Duy-mu-chiê (Dumoutier). *Lược khảo về người Bắc-kỳ*.

Truyện trên còn có một dị bản như sau:

Nguyễn Trãi là thái sư nhà Lê, được ở Chí-linh thỉnh thoảng mới về chầu vua. Một hôm chính ông chú không phải là người ông nội của ông, nằm mộng thấy một người đàn bà xin cứu mạng cho mười ba mẹ con. Tỉnh dậy chưa kịp nghĩ ra thì đã có lệnh vua đòi. Lúc về, người nhà cho biết đã chém một con rắn có một ổ trứng mười hai cái khi dọn vườn. Ở đây cũng có chuyện rắn nhỏ máu xuống khi ông nằm võng đọc sách, thấm đến ba tờ giấy (có người kể giọt máu thấm xuống chỗ có chữ "đại" nghĩa là đời). Cũng có việc gặp Thị Lộ - con rắn hóa thân - bán chiếu đưa về làm nàng hầu. Khi vua Thái Tông thấy Thị Lộ đẹp, hỏi, thì đáp là con nuôi. Vua cũng sai đưa vào cung hầu hạ. Ít lâu sau vua đi chơi, đưa Thị Lộ theo. Qua Chí-linh vua ghé vào nhà Nguyễn Trãi trong lúc ông đi vắng. Thị Lộ pha trà cho vua trong chén có nhả nước bọt của nó. Vua uống chết ngay. Nguyễn Trãi về biết rõ cơ sự, liền sai đặt xác vua vào võng, cho đựa xuống thuyền nói dối là vua đau. Về đến cung, ông đánh trống cho các quan vào chầu rồi kể lại đầu đuôi nhờ các quan luận án. Thấy không một ai dám xử, ông khóc nói: - "Phép nước xưa nay tội giết vua phải "tru di tam tộc", xin cứ thế mà làm". Đoạn ông uống thuốc độc chết. Các quan đành lập án như lời ông, cho bắt ba đời đem giết, còn Thị Lộ thì bỏ cũi sắt dìm sông, nhưng nàng hóa rắn lội đi mất. Ở đây không có chuyện nhổ nước bọt vào tay người đàn bà, nhưng lại có tình tiết một người vợ bé của Nguyễn Trãi lúc ấy đang đi chợ, chợt nghe tin chẳng lành, bèn trốn sang nước Bồn-man, về sau đẻ một người con trai (tức Anh Vũ). Cũng có việc vua Nhân Tông biết là oan tha tội, và về sau phong tước cho Anh Vũ y như bố. Không có chuyện rắn đuổi theo làm hại Anh Vũ lúc chàng đi sứ[1].

Người Hà-tĩnh có truyện *Sự tích về chùa Thiên-tượng*:

Một cụ đồ dạy học, một hôm sai học trò vỡ đám đất hoang để dựng nhà học. Cũng như truyện trên, cụ đồ mộng thấy một mẹ dắt năm đứa con nhỏ xin khoan khoan cho mình vài ba bữa. Cụ đồ sáng hôm sau dậy muộn, khi ra đến nơi vỡ đất thì học trò đã giết chết mấy con rắn con và làm bị thương con rắn mẹ. Đêm hôm ấy con rắn cũng nhỏ máu vào sách cụ đồ đang đọc xuống đúng chữ "tộc" thấm đến ba tờ.

Vợ cụ đồ sau đó có mang đẻ được một cô gái xinh đẹp. Lớn lên cô gái kết duyên với quan huyện, học trò cũ của cụ đồ. Lấy được ít lâu cô gái giết chết

1. Theo *Sử Nam chí dị*.

người vợ cả quan huyện rồi trốn đi. Cả nhà cụ đồ vì cô ấy mà bị kết án tử hình. Còn cô gái trốn lên chùa dan díu với một chú tiểu, chẳng bao lâu chết cả hai.

Quan huyện cũng ngã bệnh nguy kịch, bao nhiêu danh sư đều bó tay. Nghe đồn một sư già ở chùa Thiên-tượng giỏi bùa phép, người nhà quan đến cầu xin, sư cho một đạo bùa bảo về cất mồ người vợ lẽ và chú tiểu đi nơi khác. Khi đào lên không thấy xương cốt, chỉ thấy hai con rắn to lớn lạ thường, bèn xúm lại đánh chết. Bệnh dần dần lành[1].

Trung-quốc có hai truyện rắn báo oán giống của ta:

1. Truyện *Phương Chính Học*: Phương Chính Học đời Nguyên, khi người ông nội mất sắp đào huyệt cất đám thì đứa con (tức bố Phương Chính Học) đêm nằm mộng thấy một bà già hiện ra bảo: -"Chúng tôi ở đây đã lâu, xin ông thư thả cho chúng tôi di chuyển đi một nơi khác, rồi hãy đào". Người con tỉnh dậy không biết thế nào cả. Ngày hôm sau những người đào huyệt thấy một ổ rắn rất nhiều con, bèn dùng gậy đánh chết tất cả. Lúc ấy con dâu người chết (tức mẹ Phương Chính Học) đang có mang. Bà ta bỗng thấy một luồng hắc khí bay vào nhà nơi mình ngồi. Khi Phương Chính Học sinh ra có cái lưỡi giống lưỡi rắn. Về sau Phương Chính Học cũng bị vạ diệt tộc, người ta cho đó là do đàn rắn thác sinh vào Phương Chính Học để báo thù.

2. Truyện *Ngô Trân*: Ngô Trân đời Tống có lần đóng quân đất Thục cho người khai phá khu rừng rậm ở Kim-bình, vì sợ nơi ấy là chỗ ẩn nấp của giặc cướp. Lệnh đốt rừng sắp thi hành, bỗng có một bà già dắt con đến cửa dinh kêu rằng: -"Nghe nói tướng quân sắp cho đốt quả núi này. Đó là quân lệnh tôi không dám ngăn trở. Nhưng mẹ con tôi ở đây đã lâu, xin tướng quân cho thư thả một chút để cho chúng tôi dời đi nơi khác đã". Ngô Trân thét mắng mụ già, mụ ra đi còn nói: - "Nếu tướng quân không nghe, sẽ bị diệt cả họ!" Ngô Trân giục quân cứ đốt. Ngày hôm sau, họ thấy ở trong núi có hai con rắn chết. Nhưng trong khi lửa bốc cháy thì một luồng hắc khí vọt bay về phía Đông nam đúng vào lúc con dâu nhà Ngô Trân đẻ ra Ngô Hy (theo *Giang hồ kỳ văn*)[2].

Chúng tôi ngờ rằng truyện *Rắn báo oán* của ta chủ yếu chịu ảnh hưởng từ hai truyện trên. Và như chúng tôi đã có dịp phân tích, đây là câu chuyện do

1. Tài liệu của Mạnh Sào Quan.
2. Theo Lang Anh. *Thất tu loại cảo*, quyển thượng (Tài liệu của Trần Văn Giáp).

tầng lớp nho sĩ bịa đặt ra nhằm huyền thoại hóa tấn thảm kịch của người anh hùng Nguyễn Trãi, xóa mờ sự thật về tấn thảm kịch ấy, để có một cách giải thích hợp với lý trí trước cái chết oan khốc của một người như ông và cả dòng họ ông. Chính vì vậy câu chuyện có những nhân tố hoang đường, thậm chí còn xuyên tạc hình ảnh một nhân vật tài hoa như Thị Lộ. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn chọn vào đây để bạn đọc thấy được một tiêu bản của dạng truyện thần kỳ có cái cốt lịch sử song đã phân khai hẳn với lịch sử. Xem thêm truyện số **4**, tập **I**, *Sự tích cây huyết dụ*, cũng có hình ảnh con vật báo mộng cho người.

159. RẠCH ĐÙI GIẤU NGỌC

Ngày xưa, một ông vua nước ngoài có một viên ngọc vô cùng quý giá. Viên ngọc có hai điều lạ: một là cầm trên tay tưởng chừng rất nhẹ, thế nhưng đặt vào đâu thì ở đấy nặng trĩu; hai là đêm đến ngọc tỏa ánh sáng rực, dẫu cất chỗ kín thế nào đi nữa, ánh sáng vẫn cứ lọt ra ngoài. Từ lúc được làm chủ viên ngọc, nhà vua mừng lắm, đêm ngày ôm ấp không rời.

Nhưng một hôm ngọc quý bỗng không cánh mà bay. Nhà vua tiếc ngơ tiếc ngẩn, hạ lệnh cho thần dân khắp hang cùng ngõ hẻm phải hết sức dò tìm, tuy vậy vẫn vô hiệu. Mãi về sau, vua sai người đem kính thiên lý ra nhìn, thì mới biết ngọc đã bay về phương Nam. Lập tức vua sai một viên đại thần đem năm trăm quân sĩ ngồi lên mấy chiếc thuyền lớn, theo hướng Nam mà đi. Lệnh vua truyền thế nào cũng phải dò tìm bằng được. Sau bao ngày vượt biển tìm tòi, viên đại thần theo dõi kính thiên lý bỗng nhìn thấy viên ngọc bay vụt vào nước Nam, bèn ra lệnh cho quân sĩ cứ hướng ấy đuổi theo.

Bấy giờ ở làng Đại-lại, huyện Gia-bình có một người tên là Điển Chi. Một đêm nọ, ông đang ngồi chơi ở sân, chợt thấy có ánh sáng lạ bay xuống chiếu sáng cả một khu vườn. Ông lấy làm kinh ngạc, nhưng cũng đánh bạo chạy tới chỗ ấy tìm xem, không ngờ bắt được một viên ngọc. Biết đó là của hiếm trên thế gian, ông mừng quá, vội đưa về nhà cất trong hộp gỗ. Nhưng ông lấy làm lạ khi thấy đêm đến, ánh sáng của viên ngọc vẫn tỏa sáng khắp nhà. Ông lại cho vào một cái thùng sắt đậy kín, nhưng thùng sắt cũng không đủ sức che kín ánh sáng chói chang. Sợ ngọc có thể bị lộ và về tay người khác mất, ông bèn đào hố chôn đi. Nhưng dầu đào sâu chôn chặt bao nhiêu cũng hoài công vô ích. Đêm đêm, ngọc vẫn phát ra ánh sáng. Sau nhiều ngày mò mẫm đủ cách, ông mới biết chỉ có bỏ ngọc vào giữa thịt sống thì ánh sáng của ngọc mới được che kín trọn vẹn. Cuối cùng, ông đánh liều cầm dao rạch đùi mình

nhét ngọc vào rồi khâu lại. Từ đó chân ông đau tê buốt không đi lại được, nhưng của báu thì hoàn toàn giấu kín không một ai biết cả.

Lại nói chuyện quan quân nước ngoài theo dõi dấu ngọc tới vùng Gia-bình thì bỗng mất hút. Kính thiên lý cũng không còn tìm ra. Quan đại thần bèn cho quân sĩ vào dò la khắp miền, nhưng thảy đều vô ích.

- "Hẳn có người nào ở vùng này bắt được ngọc biết cách giấu vào da thịt nên ngọc không phát sáng nữa". Viên đại thần nghĩ vậy. Và ông cố moi óc tìm ra một kế để đưa ngọc về. Ông mới sai quân sĩ dựng rạp trên một hòn đảo giữa sông, rồi giết bò mổ lợn làm tiệc linh đình. Đoạn nhờ quan huyện ở đây mời tất cả nam phụ lão ấu các làng tới dự. Mỗi người đến dự tiệc đều phải đi qua một chiếc bè nứa thả nổi trên sông, nối liền với đảo. Ông còn cắt mấy người đứng đón ở bè nứa, dặn hễ thấy lúc nào có người đi qua, bè chìm thì báo ngay cho ông. Suốt mấy ngày liền, dân các làng vùng Gia-bình, kể cả dân làng Đại-lại lũ lượt đến ăn tiệc hết lớp này đến lớp khác, nhưng chẳng một ai có sức nặng làm cho chiếc bè chìm. Viên đại thần vẫn không nản lòng. Ông cố cho hỏi trong đám khách dự tiệc các làng xem may còn sót ai chưa đi chăng. Một người ở làng Đại-lại mách:

- Người làng tôi thiếu mặt họa chỉ có ông Điển Chi vì ông ta gần đây bị đau chân không đi đâu được.

Nghe nói thế viên đại thần vội sai mấy người lính sắm sửa cáng xá, đến tận nhà ông Điển Chi dặn họ cố dùng lời nói khéo mời ông đi. Về phần ông Điển Chi, không biết được mưu sâu nên nghe lời mời, liền vui vẻ lên cáng. Quả nhiên, vì có viên ngọc nhét trong đùi, cáng ông vừa bước lên bè nứa, thì bè tròng trành dữ dội rồi chìm ngập xuống nước. Thấy vậy, viên đại thần reo lên:

- Ngọc đây rồi! Ta đã tìm được ngọc đây rồi!

Không thể giấu được nữa, ông Điển Chi đành phải thú thực mọi việc. Viên đại thần nói:

- Hoàng đế nước chúng tôi mất một viên ngọc, hòn ngọc bay sang quý quốc, ông bắt được ngọc đó là một điều may mắn. Chúng tôi không có ý lấy không của ông. Nhưng để có ngọc về nộp hoàng đế, mong ông vui lòng đánh đổi hoặc quan tước, hoặc bạc vàng cho chúng tôi. Ông muốn gì, cũng xin làm cho ông vui lòng.

Thấy bọn quan quân không có gì ác ý, ông Điển Chi bảo họ:

- Hãy chồng tiền vác cao bằng đầu người từ chỗ tôi đứng cho tới nơi nào hòn chì của tôi ném ra dừng lại!

Viên đại thần nước ngoài gật đầu. Cuộc trao đổi giải quyết chóng vánh. Từ đấy, ông Điển Chi trở nên giàu có, trong nước ít người sánh kịp.

Tin ông Điển Chi bỗng nhiên giàu bốc lên bay đến kinh đô. Nhà vua bèn cho đòi ông về kinh hỏi chuyện. Thấy ông tốt số kỳ lạ, vua chọn một công chúa gả cho ông, phong ông làm phò mã.

Hai vợ chồng ông Điển Chi sống với nhau rất tương đắc. Công chúa chiều chuộng ông rất mực. Ông Điển Chi những tưởng đời mình không còn gì sung sướng hơn thế nữa.

Nhưng một hôm, một người bạn nối khố của ông từ phương xa tới thăm. Ông vui vẻ dắt bạn đi khắp nơi xem tư cơ đồ sộ của mình. Thấy bạn luôn miệng tấm tắc khen ngợi, ông có vẻ đắc chí:

- Giàu như tôi mới thật là nhất nước!

Không ngờ câu nói ấy lọt vào tai công chúa. Không chịu được sự ngạo mạn của chồng, trong một lúc giận dữ, công chúa vội vàng về mách cha. Nhà vua không ngăn được cơn thịnh nộ, lập tức cho triệu phò mã về triều và ra lệnh:

- Nhà ngươi tự khoe mình giàu có nhất nước. Được lắm! Bây giờ ngươi hãy thi với ta đem tiền ra phát chẩn cho dân. Ta phát ba ngày đầu, ngươi phát ba ngày cuối. Nếu ta không đủ tiền để phát thì coi như lời ngươi nói đúng, ngươi sẽ không có tội gì cả. Nhưng nếu ngươi không đủ tiền để phát, thì tức là ngươi đã nói láo, đã khinh mạn "quan gia", phải phạt tội lột da nhồi trấu để làm gương cho thiên hạ!

Nghe lời truyền dõng dạc, ông Điển Chi khôn xiết kinh hoàng. Ông sụp xuống dưới chân vua kêu xin tha tội. Nhưng nét mặt vua thản nhiên như không nghe thấy. Chẳng biết tính sao nữa, ông đành tuân lời.

Sau những ngày bận rộn chuyển vận tất cả của cải về kinh đô, ông Điển Chi lại ra mắt vua. Cuộc thi bắt đầu. Mấy ngày đầu vua phát chẩn, dân chúng chưa mấy ai biết tin nên đến lĩnh chẩn còn thưa thớt. Cho nên số tiền vua ứng ra vẫn không phát hết. Nhưng đến lượt ông Điển

Chi phát thì khắp nơi dân chúng đã hay tin, nên nô nức tuôn về lĩnh chẩn ùn ùn. Ông Điển Chi phát mãi, phát mãi, vợi hết cả kho tiền mà vẫn không đủ. Hết tiền ông lại sai đem gạo kho ra phát, mong có thể cứu được tính mạng. Nhưng không may cho ông, các kho gạo bắt đầu vơi mà dòng người vẫn tuôn về như nước chảy. Vì thế ông đành chịu thua cuộc.

Nhà vua vẫn không chút thương hại chàng rể ngạo mạn. Ông Điển Chi bị quân lính bắt ra lột da nhồi trấu, đem bêu trước cửa thành. Tất cả tài sản còn lại của ông đều bị sung công.

Thấy chồng bị vua cha làm tội, công chúa đâm ra hối hận. "Thì ra ta là gái giết chồng!" Câu nói ấy luôn luôn ám ảnh lòng nàng. Rồi một hôm, công chúa giao tất cả ruộng đất của mình cho dân làng, bỏ đi tu. Ngày nay ở làng Đại-lại vẫn còn cánh đồng mà công chúa cúng cho dân, người ta gọi là cánh đồng Mả, cũng có người gọi là cánh đồng Ngọc[1].

KHẢO DỊ

Đại-việt sử ký toàn thư có kể một câu chuyện được ngọc gần giống với truyện trên: Thời Trần Minh Tông có người bố của Ngô Dẫn bắt được một viên ngọc rết rất to. Dẫn đem ngọc nhờ sở thương bạc ở Vân-đồn bán hộ. Một chủ tàu buôn nước ngoài biết là của hiếm nên đã dốc hết tất cả vốn liếng của mình để được làm chủ viên ngọc. Nhờ vậy Dẫn trở nên giàu có lớn. Vua Minh Tông nghe tin, triệu về kinh gả cho công chúa Nguyệt Sơn, phong làm phò mã.

Ngô Dẫn cậy mình giàu có, tư thông với một người đàn bà khác, và thường nói những lời khinh rẻ công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Nhưng khác với số phận Điển Chi, ở đây Ngô Dẫn được vua tha cho tội chết, chỉ bắt tịch thu gia sản.

1. Theo lời kể của người Bắc-ninh (tài liệu của Lê Thước và Hồ Vĩ).

160. NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ CON HỔ

Một con hổ đi dạo trong rừng, vô tình bị lọt vào bẫy. Con vật hung hăng giãy giụa, hết húc đầu đến dùng răng gặm bẫy tìm cách chui ra, nhưng bẫy làm bằng những cây tre đực rất chắc nên không thể làm gì được. Đương cơn nguy khốn, bỗng có một người học trò đi qua. Thấy người học trò, hổ bèn lấy giọng ngọt ngào:

- Chào thầy tú, làm sao thầy tú lại đi vào nơi nguy hiểm này. Chao ôi! Thầy không biết rằng bạn bè tôi hiện đang ở khắp mọi ngả để rình mồi đấy ư? Thôi, chúng ta hãy giao ước với nhau điều này nhé! Về phía thầy, thầy làm ơn mở nắp cho tôi ra. Về phía tôi, tôi sẽ luôn luôn bảo hộ thầy, không để cho một con hổ nào động đến. Mặt khác, tôi sẽ làm cho dân vùng quanh đây kính trọng thầy, tôn thờ thầy như một vị thần.

Người học trò đáp:

- Nhưng nếu ta mở cho ngươi ra, thì ngươi sẽ ăn thịt ta mất!

Nghe nói thế, hổ một hai xin thề và nói:

- Chao ôi! Thầy tú! Thầy há lại không biết rằng tôi là kẻ xưa nay chưa hề nói dối! Tôi đã nói không ăn thịt thầy thì lẽ nào vì một miếng ăn mà tôi làm sai lời. Tôi là chúa sơn lâm có đâu lại phí mất tiếng tăm của tôi. Thầy hãy mở cho ra, suốt đời tôi sẽ không quên ơn.

Người học trò nhẹ dạ nọ cảm động về những lời cầu khẩn của chúa sơn lâm, và tin vào những câu thề thốt nặng lời của nó, nên vui lòng rón tay làm phúc. Cần bẫy một khi kéo lên, hổ ta nhanh nhẹn chui ngay ra, ngáp dài và gầm lên một tiếng làm cho người học trò giật mình kinh hãi:

- Ôi! - người học trò nói, ngươi hét to quá làm ta đinh tai nhức óc.

Nhưng nếu lúc nãy hổ tỏ ra hèn hạ quỵ lụy bao nhiêu thì bây giờ lại lộ mặt hung hăng trắng trợn bấy nhiêu. Nó đổi giọng:

- Tiếng của tao làm mày khó chịu ư? Tao còn muốn ăn thịt mày nữa kia đấy!

- Ngươi vừa mới giao ước thề bồi với ta chưa buông mồm, sao đã trở mặt nhanh như vậy?

Người học trò chưa kịp dứt lời, hổ đã gầm lên:

- Tao cám ơn lòng tốt của mày. Nhưng mày phải hiểu rằng cái bụng đói của tao thì không cần biết phải trái gì hết. Tao nhịn đói đã mấy ngày nay và bây giờ thì cần có sức để trở về hang cái đã. Vậy mày hãy nộp mạng cho tao đi!

Trong khi con vật phản phúc đang tìm cách nuốt trôi lời hứa thì một vị thần Núi biết được câu chuyện. Thương hại người học trò bị mắc lừa, thần Núi bèn hiện ra trước mặt hai bên với trạng mạo một ông quan tòa mặt mũi dữ tợn, mắt sáng long lanh, râu tóc trắng xóa. Thần nạt lớn:

- Chúng mày làm gì mà cãi nhau ồn ào ở đây! Ai phải ai trái? Hãy nói ngay cho ta rõ, ta sẽ phân xử cho.

Người học trò vội kể lại câu chuyện vừa qua. Nhưng hổ đã chỉ vào cái bẫy mà cãi biến:

- Làm gì có chuyện đó. Tôi đang ngủ yên lành trong kia thì bị tên này ở đâu đến quấy nhiễu. Không những nó không cho tôi nghỉ ngơi mà còn tìm cách hại tôi. Vì thế, tôi phải ăn thịt nó để trả thù.

Thần phán bảo:

- Đúng! Ngươi có quyền trả thù kẻ nào dám xâm phạm chỗ ở của ngươi. Nhưng ta lại không tin rằng đó là chỗ nghỉ của ngươi. Vì thân hình ngươi to lớn dường vậy làm sao có thể nằm trong một chỗ chật hẹp như kia được chứ? Bây giờ thì hai bên hãy trở lại đúng nguyên vị cũ, ta sẽ xem xét và phân xử sau.

Hổ tin rằng mình thắng nên hí hửng chui vào bẫy. Lập tức vị thần hạ cần bẫy xuống và mắng hổ:

- Đồ khốn kiếp! Mày đã bội ước và lấy oán trả ơn đối với người đã cứu mày. Giờ thì mày đừng có mong ai cứu cho nữa.

Và quay lại phía người học trò, vị thần nói:

- Và đấy là một bài học rất quý cho ngươi! Cần phải tốt và nhân hậu đối với mọi người, nhưng trước hết phải nhớ rằng chớ có bao giờ tốt và nhân hậu đối với kẻ độc ác cả[1].

KHẢO DỊ

Một truyện khác của ta *Không nên lấy oán trả ân* cũng là một dị bản của truyện trên:

Một con báo bắt hai con khỉ cáng đi chơi. Thoáng thấy bóng một con lang, khỉ quẳng cáng trèo lên cây trốn. Báo cũng ba chân bốn cẳng chạy trốn, nhưng bị lang đuổi theo. Dọc đường gặp một ông già, báo lạy lục xin cứu mạng. Sẵn có cái túi vải, ông già bảo báo chui vào nằm im và thắt túi lại. Con lang tới hỏi thì ông già đáp rằng không thấy. Lang đi rồi, ông mở túi cho báo ra, nhưng báo trở mặt đòi ăn thịt. Ông già bảo: - "Đồ bội bạc, mày nhất định lấy oán trả ân ư!". - "Chính vì mày làm tao suýt chết ngạt nên tao phải ăn thịt mày". Ông già đòi báo cho mình đi tìm một người phân xử, nếu đáng chết cũng đành chịu. Báo ưng thuận. Hai bên tìm đến một cây cổ thụ, ông già kể hết mọi sự cho cây nghe và nhờ cây phân xử. Cây nói: -"Con người là bạc ác bất công. Loài chúng tao giúp cho nó nhiều công việc như làm nhà cửa, đồ dùng, thế mà nó luôn luôn cưa chặt chúng tao rất thê thảm. Chính nó là loài bạc ác, ăn thịt là đúng". Ông già bảo báo: - "Nếu không cưa chặt thì sao có thể làm đồ dùng. Nó nói không nghe được. Xin để tìm một trọng tài khác". Báo ưng thuận. Gặp một con trâu già. Trâu phán: - "Chúng tao lọm khọm giúp việc cho người suốt đời cho đến chết. Thế mà khi chết nó còn lột da xẻo thịt, thật vô ơn biết bao nhiêu. Ăn thịt nó là phải". Ông già lại bảo báo: - "Nó ngu lắm, nếu đã chết rồi, thì dù có lột da xẻo thịt phỏng có can gì. Người ta có nói "sự bất quá tam", xin để tìm một trọng tài thứ ba". Báo lại ưng thuận. Gặp một chàng trai. Sau khi nghe cụ già kể, chàng trai hỏi: - "Sao một cái túi bé như thế này mà báo lại có thể chui vào nổi! Hãy làm lại tao xem thì tao mới phân xử được". Khi báo chui vào, chàng trai thắt miệng túi lại, dùng gậy đánh chết báo và nói: - "Ông cụ cứu mày mà mày lấy oán trả ân, chết là đáng lắm"[2].

Đồng bào miền Nam có truyện *Sự tích chuông, trống và mõ* cũng cùng một chủ đề và hình tượng, chỉ khác là ở đây mãng xà thay cho báo:

1. Theo Se-nhô (Chaigneau). *Ký ức về An-nam*.
2. Theo Xi-mac-đơ (Simard) sách đã dẫn, và Trương Vĩnh Ký, sách đã dẫn.

Một nho sĩ đi chơi cứu một con lươn lạ khỏi tay bọn chăn trâu. Thấy lươn xin tha, nho sĩ đem thả sông. Sau đó ít lâu, anh hỏng thi, trở về làng; dọc đường phải qua một con đò ngang. Người ta cản không cho anh đi, nói rằng gần đây xuất hiện một con mãng xà khổng lồ hay làm đắm thuyền để ăn thịt người. Anh đoán đó là con lươn lạ mà mình thả dạo nọ. Nhưng anh lại tin là nó sẽ nể mình là người cứu nó, bèn tình nguyện một mình đi qua sông. Thuyền chèo ra giữa sông, mãng xà nổi lên đòi ăn thịt. Anh kể lại công ơn mình cứu nó ngày nào, nhưng mãng xà nhất định không tha. Chàng nho sĩ đòi tìm trọng tài. Mãng xà cũng ưng thuận. Lần đầu gặp trâu, trâu bảo ăn thịt là phải. Lần thứ hai gặp cá gáy cũng thế. Sau cùng gặp một cụ già, kỳ thực đó là đức Phật Thế tôn hiện hình. Phật cho gọi cả những con vật làm trọng tài vừa rồi lại, mắng sự vô ơn bạc nghĩa của mãng xà rồi biến mãng xà thành cái chuông, con trâu thành cái trống, cá gáy thành cái mõ[1].

Truyện này tương đối phổ biến ở nhiều dân tộc. Trước hết là truyện Trung-quốc, nội dung hầu như không có gì khác truyện *Không nên lấy oán trả ân* của ta ở trên.

Truyện của Lào:

Một con hổ vô tình nằm trên một lỗ rắn độc bị rắn cắn chết. Một thầy tu đi qua, lấy thuốc chữa cho hổ sống lại. Nhưng sau khi sống lại, hổ đòi ăn thịt thầy tu với lý do là nó có quyền vồ chết bất cứ ai xâm phạm chỗ ở của mình, dù làm điều thiện cũng vậy. Bò, chó sói, khỉ, quạ, thần cây được hai bên lần lượt nhờ làm trọng tài đều hoặc vì sợ hổ, hoặc vì ích kỷ, hoặc vốn bất bình với người, cho lẽ phải thuộc về hổ. Chỉ có con thỏ là kẻ được nhờ làm trọng tài cuối cùng đã tìm cách cứu thầy tu và trị thói vô ơn của hổ. Thỏ giả cách không xử nếu cả nguyên và bị không trở lại vị trí cũ để cho mình kiểm tra. Đến nơi, hổ nằm lại chỗ cũ bị rắn cắn chết lần thứ hai. Thỏ bảo:

- Hỡi tu sĩ, anh há lại không biết rằng bản chất của hổ là vô ơn và hung tàn. Anh hãy dành những hành động tốt đối với những người tốt[2].

Truyện của Căm-pu-chia:

Một người đánh cá gặp con cá sấu trong một cái ao cạn. Sấu nhờ chở hộ mình về chỗ có nước. Người ấy nói: - "Xe của ta chật chội mà xác mày thì to, không chở được!" Sấu xin buộc vào dưới xe là đủ. Được chở về một cái hồ đầy nước, khi được thả, sấu bảo người ấy: - "Hãy lại đây cho ta ăn thịt". - "Sao mày vô ơn bạc nghĩa nhanh thế?". - "Vì mày buộc tao quá chặt làm tao suýt chết

1. Theo Lê Văn Phát: *Cổ tích và truyền thuyết ở xứ An-nam.*

2. Theo Lơ-cle-rơ (Leclère). *Truyện cổ tích Lào và truyện cổ tích Căm-pu-chia.*

ngạt". Người kia đành xin trở về từ giã vợ con rồi sẽ tới nộp mình. Đi đường gặp một con thỏ. Thấy hắn khóc lóc, thỏ hỏi duyên cớ, rồi bảo hắn trở lại, sẽ tìm cách cứu. Đến nơi, thỏ làm trọng tài hỏi sấu: - "Vì sao mày lại đòi ăn thịt nó?". Sấu cũng đáp như trước. Thỏ hỏi: - "Buộc như thế nào mà chặt, hai bên hãy làm lại ta xem? Có phải buộc như thế này không?" Sấu đáp: - "Nếu buộc như thế thì ta đã không nổi giận". Thỏ ra hiệu cho người kia riết chặt. Sấu nói: -"Đúng, nó buộc như thế đấy!". Thỏ bảo người kia: - "Còn đợi gì mà không cho kẻ vô ơn một bài học!" Người kia bèn dùng gậy quật chết sấu[1].

Gần giống với truyện vừa kể, người Mã-lai (Malaysia) có truyện *Nước mắt cá sấu pu-a-nha:*

Cá sấu đi lạc đến một bãi cát nóng bỏng may mắn gặp một anh thanh niên, bèn nhờ anh cõng giúp mình trở về sông, sẽ đền ơn. Nhưng khi anh cõng về rồi, cá sấu nhỏ nước mắt cảm động đòi xơi một cẳng của anh, nói rằng đáng lý nó phải nuốt chửng toàn thân nếu không vì phải trả ơn anh. Họ bỗng gặp cò, nhờ cò làm trọng tài. Cò làm bộ không tin là anh thanh niên lại có thể cõng được cá sấu, bảo anh hãy cõng đến chỗ cũ thử xem. Đến nơi, cò bảo sấu liệu không có anh thanh niên thì có sống được chăng? Sấu tỏ vẻ nhũn nhặn nhỏ nước mắt xin cứu, nhưng cò và anh thanh niên bỏ sấu lại đi mất[2].

Trong sách *Pan-cha-tan-tơ-ra* (*Năm sách dạy trẻ*) cũng có một truyện giống với truyện trên:

Một con cá sấu biết một người Bà-la-môn sắp đi hành hương trên sông Hằng, hắn nhờ mang mình theo vì con sông nó ở thường bị cạn. Người Bà-la-môn vì lòng thương xót, bỏ sấu vào túi mang đi. Đến nơi, sấu cũng đòi ăn thịt và được trọng tài là bò cái và cây xoài bênh vực. Cuối cùng nhờ mưu của chồn làm cho cá sấu chui trở lại vào túi để cho người Bà-la-môn trừng trị xứng đáng thói bạc nghĩa vô ơn của sấu.

Cũng trong sách trên còn có một truyện khác, trong đó rắn thay cho sấu:

Bồ tát xưa là một tu sĩ, tu ở núi Hy-mã-lạp hội họp được quanh mình năm trăm đồ đệ. Một người trong số đó có tính bướng bỉnh. Thấy một con rắn, anh nhặt về cho ở trong một kẽ nứt cây tre, nuôi và mến như con, đặt tên là vơ-lu-ka (vơ-lu tiếng pa-li nghĩa là tre), tự gọi tên mình là Vơ-lu-ka-pi-ta (cha của cây tre nhỏ). Bồ tát bảo: - "Chớ có tự đắc về một con rắn". Đáp: - "Nhưng tôi yêu nó như con". - "Được, nhưng nên nhớ là nó vô ơn." Ít lâu sau anh ta đi rừng cùng với các tu sĩ khác, ở lại đây mấy ngày. Rắn ở nhà đói lắm, khi anh trở về đưa thức ăn, nó giận, cắn anh chết.

1. Kể trong *BSEI* (1933).

2. Theo *Ba túi chuyện*.

Như truyện vừa kể, một loạt truyện sau đây đều lấy rắn làm con vật đại diện cho sự vô ơn bẩm sinh:

Truyện của Xy-ri (Syrie):

Cậu bé Jê-du tập hợp bọn trẻ lại và được chúng tôn làm vua. Chúng trải quần áo của chúng cho vua ngồi, và kết một vòng hoa lên đầu làm mũ miện, lại ngồi hai bên tả hữu như kiểu các đại thần ngồi bên cạnh vua. Ai đi qua chúng cũng kéo lại: - "Hãy đến cúi lạy trước mặt vua đã".

Một người từ Jê-ru-da-lem lại cũng bị buộc đến chào vua. Khi người này đến, Jê-du thấy có một con rắn quấn cổ muốn nghẹt thở. Jê-du hỏi: - "Rắn quấn cổ từ bao lâu?" Đáp: - "Từ ba năm nay". - "Nó ở đâu đến?" - "Tôi đã làm ơn cho nó, nó trả lại bằng oán". - "Anh làm ơn và nó trả oán như thế nào?" - "Trong mùa đông thấy nó sắp chết rét, tôi bỏ vào lòng đưa về nhà, đặt trong một cái bình đậy lại. Mùa hè ấm tôi mở bình ra thì nó nhảy lên cổ tôi và quấn lấy, không chịu xuống" - "Thế thì anh đã phạm sai lầm. Trời sinh ra nó sống trong bụi cây có lạnh, có ấm, ai bảo anh không để mặc nó sống như trời đã tạo ra, lại mang về nhốt vào bình không cho ăn. Anh chịu hành hạ là đáng lắm". Rồi Jê-du bảo rắn: - "Hãy xuống, sống ở đất". Rắn rời khỏi cổ người. Người kia cám ơn nói: - "Ngài quả là vua các loài vua và các thần tiên. Tôi thừa nhận vương quốc của ngài".

Một truyện ngụ ngôn của Pháp:

Một người đào đất trong mùa đông thấy một con rắn chết lạnh trong lỗ. Thương hại, người ấy mang đến gần lửa cho nó sưởi ấm. Khi rắn tỉnh lại, nó vùng dậy cắn người. Người ấy kêu nài, nó trả lời: - "Ta vâng theo luật tự nhiên không biết gì đến việc trả ơn".

Các nhà ngụ ngôn từ Pin-pay (Ấn-độ), Ê-dốp (Ésope) (Hy-lạp), Phe-đơ-rơ (Phèdre) (La-mã), đến La Phông-ten (La Fontaine) (Pháp) đều có truyện người và rắn. Sau đây là ngụ ngôn của Phe-đơ-rơ:

Một nông dân thấy có một con rắn chết rét, bèn đặt vào lòng cho nó sưởi ấm. Khi rắn tỉnh lại, nó xổ vào người cắn chết. Một con rắn khác hỏi lý do, trả lời là : ta dạy cho con người đừng làm ơn cho kẻ độc ác.

Ngụ ngôn của La Phông-ten (La Fontaine) giống với truyện của ta trên kia:

Một người ngồi trên lạc đà đi qua khu rừng có một đám cháy. Giữa đống lửa có một con rắn mai hoa đang cầu cứu. -"Nó là kẻ thù của người, nhưng một hành động tốt là quý, ai làm phúc sẽ hưởng phúc". Nghĩ thế, hắn buộc

một cái túi vào đầu giáo chìa ra cho rắn chui vào. Cứu được rồi, người ấy bảo rắn đi đâu thì đi, đừng làm hại người. Rắn đáp: - "Ta không làm theo cách đó mà muốn cắn chết ngươi cùng con lạc đà". Hai bên đưa nhau đến trọng tài là một con bò cái, rồi một cái cây. Cả hai trọng tài đều phân xử có lợi cho rắn. Đến trọng tài thứ ba là con chồn. Chồn buộc rắn chui trở lại vào túi để chứng thực thì mới xử. Khi rắn vào rồi, chồn bảo người: -"Bây giờ thì anh làm chủ kẻ thù của anh!" Người ấy cột túi lại lấy đá ghè chết rắn.

Có hai truyện ngụ ngôn giống với truyện của La Phông-ten:

Một truyện của Xec-bi (Serbie):

Thánh Xa-bát cứu một con rắn khỏi nạn lửa bằng cách giơ gậy làm cầu. Thoát nạn, rắn quấn cổ đòi mổ chết. Thánh kêu nài. Cuối cùng nhờ một con chồn đi qua phân xử. Chồn bảo rắn phải tới ngồi trên hòn đá gần đó mới xử được công bằng. Rắn đến ngồi, chồn bảo thánh cầm gậy đánh chết.

Một truyện của Ý (Italia):

Một con rắn bị bọn mục đồng trói vào thân cây. Một người đi qua thương hại, cởi trói và sưởi ấm cho rắn. Sống lại, rắn nhảy vào quấn cổ thắt người đó nghẹt thở. "Sao mày lại lấy oán trả ân?" - "Ta làm theo thiên tính". Tranh cãi không xong, nhờ chồn phân xử. Chồn cũng bảo phải trở lại tình trạng buổi đầu mới xử được... Rắn để cho trói lại vào cây. Xong, chồn bảo người ấy đánh chết rắn nếu hắn muốn.

Một truyện cổ trong *Sách các truyện* có phần gần với truyện của người Xy-ri (Syrie):

Thời vua Đa-vít có một ông già thấy ở dọc đường một con rắn chết rét. -"Phải thương mọi vật trời sinh", nghĩ vậy ông mang về ủ vào lòng. Rắn sống lại thắt lấy cổ ông già. Trọng tài bò đực, rồi đến lừa đều xử phần thắng về phía rắn. Ông già đến nhờ vua Đa-vít. Vua không xử. Cuối cùng đến gặp vua Xa-lô-mông lúc đó còn là một đứa trẻ. Được lệnh vua cha, Xa-lô-mông kết thúc vụ kiện bằng cách tạo cơ hội cho ông già giết chết con rắn vô ơn bạc nghĩa[1].

---

1. Người Do-thái kể đoạn đầu của truyện này như sau: Một người mang bình sữa gặp một con rắn đang rên rỉ giữa đồng liền hỏi: -"Sao lại rên?" - "Vì khát, mày mang cái gì trong tay?" - "Sữa". - "Làm ơn cho ta ăn, ta sẽ chỉ cho một kho vàng". Người ấy cho rắn uống sữa. Rắn bèn mang đến chỗ một hòn đá có vàng. Người ấy cầm lấy, bỗng chốc rắn nhảy lên cuốn cổ, nói: - "Ta sẽ làm mày chết, vì mày lấy của của ta". Người kia đáp: - "Hãy đi với ta đến tòa án Xa-lô-mông", v.v... Một số truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây.*

Trong sách *Nghìn lẻ một đêm* cũng có truyện *Người đánh cá và hung thần:*

Bị vua Xa-lô-mông giam hàng thế kỷ trong một cái vò gắn kín quẳng xuống nước, một hung thần được một người đánh cá vô tình vớt lên và vô tình thả ra. Hung thần toan giết người đánh cá, nói rằng mình đã có câu thề độc: Ai cứu sẽ giết chết (vì sau một thời kỳ rất lâu hứa thưởng cho những ai cứu mình mà không thấy, nên hung thần thề ngược lại là sẽ phạt người nào cứu mình). Người đánh cá làm bộ không tin, nói hung thần to lớn như thế làm sao lại có thể chui được vào bình. Bị nói khích, hung thần hóa làm đám mây đen chui tọt vào, người đánh cá lập tức đóng nút lại và ném xuống sông.

Việt-nam còn có truyện ngụ ngôn với chủ đề lấy oán báo ân, nhưng hình tượng thì khác với các truyện trên:

Một người làng chài đang đánh cá ở trên sông, bỗng nghe có tiếng kêu cứu, bèn chèo thuyền đến chỗ có người chìm, cắm sào xuống cho kẻ bị nạn níu vào trèo lên... Hắn được thoát, nhưng mũi sào làm cho mắt hắn bị thương. Hắn bèn phát đơn kiện đòi bồi thường con mắt, nếu không thì người làng chài phải đi ở suốt đời cho hắn. Quan đòi người làng chài đến hỏi: - "Sao anh lại làm bị thương con mắt hắn?" Người làng chài chưa kịp trả lời thì người kia đã nói: - "Tôi đang ở dưới nước, nó lấy sào đâm xuống làm con mắt tôi bị thương". Quan bắt tội người làng chài: - "Vì mày làm mắt nó bị thương, vậy mày phải làm cho mắt nó lành". Quan lại hỏi người kia: - "Lúc mày chìm dưới nước, mắt đã bị thương chưa?" - "Còn tốt hoàn toàn". Quan bảo lính: -"Vậy thì hãy quẳng nó xuống nước đúng vào chỗ cũ để cho người làng chài này tìm cách chữa lành con mắt cho hắn". Người kia nghe quan xử như thế, bèn rút đơn kiện[1].

1. Theo *Dã sử*, "Phiến ngôn chiết ngục".

161. SỰ TÍCH ĐỀN CÒN

Ngày xưa có một ông vua một nước láng giềng tên là Đế Bính. Vua lên ngôi giữa lúc có giặc ngoài đột nhập bờ cõi. Quân giặc rất đông và rất mạnh. Quân đội nhà vua chống chọi không nổi đành chịu thất bại. Vì thế chúng tiến rất nhanh, đi đến đâu cũng như vào chỗ không người. Chẳng bao lâu chúng đã chiếm lấy kinh thành và ruổi về phương Nam. Vua tôi Đế Bính chỉ còn đem nhau chạy dài. Trong cơn nguy ngập, một người trung thần đưa vua và hoàng hậu lên thuyền kéo buồm chạy trốn ra biển khơi. Không ngờ đoàn thuyền đi được ba ngày, thì một trận bão nổi lên đánh đắm tất cả. Những người trên thuyền đều không tránh khỏi tai nạn, trong đó có cả Đế Bính. Chỉ còn hoàng hậu và hai người con gái bíu được vào một mảnh ván đành để mặc cho nước trôi sóng giạt.

*

*   *

Hồi ấy ở vùng cửa Còn xứ Nghệ có một ngôi chùa cổ dựng trên một hòn đảo. Trong chùa có một sư ông trụ trì. Là người quyết chí tu hành, nên sư ta tìm đến ngôi chùa hẻo lánh này để rũ sạch bụi trần, bạn cùng kinh kệ. Hôm ấy trời về chiều, sư đang đi tản bộ quanh chùa, miệng lẩm nhẩm đọc kinh, tay lần tràng hạt. Thốt nhiên khi nhìn ra ngoài khơi, sư trông thấy thấp thoáng có một vật gì bập bềnh trên mặt sóng. Sư cố nhìn mãi để đoán xem nó là cái gì.

- Có thể là người đi biển bị nạn. Sau trận bão vừa qua có biết bao nhiêu là ván và đồ đạc trôi vào bờ. Ta phải chèo thuyền ra xem, may ra có cứu được một mạng người nào thì thật là "phúc đẳng hà sa".

Nghĩ vậy, sư vội vàng xuống bãi, cởi dây buộc thuyền rồi chèo ra khơi. Chỉ một chốc sau, sư đã đến gần vật lạ. Thì ra đó là ba người đàn bà đang bám vào một mảnh ván. Lập tức, sư đỡ từng người một lên

thuyền của mình. Nhìn cách ăn mặc, sư đoán họ là những người thuộc dòng quyền quý.

Khi thuyền chèo về đến đảo, một mình sư lần lượt vực ba người bị nạn lên chùa rồi đốt lửa cho họ sưởi, lại nấu cháo cạy miệng đổ vào. Sự chữa chạy tận tình của nhà sư không uổng. Khoảng độ canh năm, cả ba người đàn bà dần dần tỉnh lại. Sư vẫn chăm sóc không chút ngơi tay. Đến sáng hôm sau, cả ba người đều đã ngồi dậy được. Họ cho biết mình là ba mẹ con, đi thuyền không may bị bão. Tuy giấu kín tung tích nhưng họ không giấu được vẻ xinh xắn và lịch sự. Khi biết rõ ai là ân nhân của mình, ba người đàn bà bèn cúi rạp xuống lạy tỏ ý cảm ơn. Nhà sư vui vẻ nhường cho họ chỗ nằm trong tăng phòng, rồi lui ra ngoài nghỉ cho lại sức.

Ba ngày sau, sư vẫn hết lòng chăm sóc ba người bị nạn. Họ đã dần dần đi lại được và ăn trả bữa. Có bao nhiêu lộc chùa, sư đều lấy ra khoản đãi. Sư còn chèo thuyền vào đất liền để tìm những thức ăn mà nhà chùa không có.

Mười lăm ngày trôi qua. Giờ đây sức khỏe của họ đã trở lại bình thường. Họ chỉ hàng ngày ngồi than khóc. Nhưng về phía nhà sư thì trong lòng không được bình thản như trước. Chưa bao giờ sư được nhìn thấy những người đàn bà mày ngài mắt phượng xinh đẹp đến thế, lại đã từng được gần gũi đụng chạm nên sư đâm ra thẫn thờ. Đã nhiều lần sư đọc kinh cầu nguyện suốt buổi, cố tránh sự cám dỗ, nhưng công trình hơn ba mươi năm tu luyện cũng không thể kìm giữ được lòng ham muốn. Vì vậy việc trả họ vào đất liền để trao cho quan sở tại là việc dễ làm nhưng sư vẫn dùng dằng không quyết. Giữa một ngôi chùa trơ trọi, xung quanh là trời với nước bên cạnh lại có ba người đàn bà yếu đuối và cô đơn, sư cho đó là một cơ hội hiếm có. Rồi một đêm kia, nhân lúc hai cô gái ngủ say, sư bèn đến bên cạnh người thiếu phụ... Nhưng người đàn bà đã nghiêm nét mặt lại:

- Ôi! Sao lại thế? Anh là người cứu sống mẹ con chúng tôi, mẹ con chúng tôi suốt đời không quên công ơn to lớn đó. Nhưng còn việc đồi bại thì đừng có hòng! Tôi là gái có chồng và cũng biết nhân luân đạo lý. Còn anh là một kẻ ăn chay niệm Phật, lẽ nào nói đến chuyện sắc dục mà không thẹn miệng.

Nghe lời đầy lẽ phải, sư ta lủi thủi đi ra. Nhưng đến khuya, sư lại mò vào, tay cầm một con dao nhọn:

- Nếu nàng không chịu, ta sẽ giết chết cả ba mẹ con rồi vứt xác xuống biển.

Lời dọa của sư vẫn không làm cho người thiếu phụ sợ hãi. Nàng đánh thức hai con gái dậy và nói to:

- Nếu anh cứ cố tình phạm vào người mẹ con chúng tôi thì sẽ phải hối hận. Mẹ con chúng tôi thà chết chứ không chịu nhục!

Thấy ba người đàn bà quyết tâm kháng cự và toan đập đầu vào cột chùa, nhà sư đâm ra hối hận. Sư bèn ngăn họ lại rồi nói:

- Đừng làm thế! Đừng làm thế! Chính ta mới là kẻ đáng chết. Chao ôi! Ta có ba tội đáng chết. Đi tu mà chẳng trót đời: đó là một. Ép nài người đàn bà sa cơ lỡ vận: đó là hai. Ép nài không được lại toan hành hung: đó là ba. Ôi! Ba tội như thế, ta chết là đáng lắm!

Nói đoạn sư cầm ngược lưỡi dao đâm thẳng lên cổ.

Thấy cái chết của ân nhân diễn ra quá đột ngột, người đàn bà tỏ ra hết sức hối hận. Nàng gục xuống bên cái thây mà than khóc:

- Ôi! Ta nhờ có anh mà sống. Thế mà anh lại vì ta mà chết. Vậy ta còn mặt mũi nào mà sống lấy một mình nữa.

Trong một cơn xúc động đến cực điểm, bà liền chạy ra khỏi chùa rồi nhảy xuống biển tự vẫn.

Thấy mẹ chết, hai cô gái than khóc rất thảm thiết rồi cũng nhảy xuống biển chết theo.

*

* *

Mấy ngày sau, những người dân chài ở cửa Còn vớt được xác ba người đàn bà. Nhìn kiểu ăn mặc và nhờ những tin tức nhận được, các quan chức cũng đoán ra đó là ba mẹ con bà hoàng hậu Đế Bính. Cũng vào lúc ấy, những người dân địa phương còn tìm thấy xác sư ông tự tử trong ngôi chùa trên đảo. Quan sở tại sau khi mở cuộc điều tra, dần dần cũng vén được tấm màn bí mật bao phủ lấy câu chuyện éo le trong ngôi chùa cổ. Về sau, để kỷ niệm những người đàn bà tiết liệt, dân chúng đã tạc

tượng ba mẹ con, lập đền thờ gọi là đền Còn. Trong đền cũng có cả tượng nhà sư để nhắc đến một kẻ vừa là ân nhân vừa là nạn nhân của họ[1].

KHẢO DỊ

Truyện này theo một vài bản *Thần tích* khác thì có một số tình tiết không giống với truyện kể trên.

Ví dụ theo *Đại Càn quốc gia Nam-hải tứ vị ngọc phả lục*, thì có bốn người nhảy xuống biển: Hồng đại nương (hoàng hậu), Hồng Mai, Hồng Hạnh (công chúa), Hồng thị (cung nữ), họ trôi giạt vào xã Hương-cần (Nghệ-an). Sư bảo tiểu ra cứu sống. Sư cho ở phòng riêng cấm mọi người không được vào; như thế đã được một năm rưỡi. Mẹ con thường nấu cháo cho nhà chùa. Một hôm sư tụng niệm khuya không thấy bưng cháo lên, vào bếp thấy mẹ con nằm ngủ, bèn bước nhẹ đến lấy cháo. Không ngờ từ đó Hồng đại nương có mang. Sư hối hận bỏ đi mất. Mẹ thẹn nhảy xuống biển chết cùng các con và cung nữ. Hoặc theo *Tứ thánh miếu sự tích* của xã Đại-trạch (Bắc-ninh) thì sau khi ba mẹ con bíu được vào tấm ván trôi giạt vào cửa Còn được sư ở đấy cứu chữa nuôi dưỡng chu toàn. Ở chùa có một chú tiểu thấy hoàng hậu đẹp bèn cưỡng dâm. Hoàng hậu xấu hổ nhảy xuống biển tự tử, hai con cũng nhảy theo. Hòa thượng trụ trì ở chùa vì chú tiểu mà mang tiếng, cũng xấu hổ nhảy xuống chết luôn.

Một truyện khác đậm màu sắc huyền thoại kể về *Sự tích đền Còn* như sau:

Đời Trần có một ông già làm nghề câu cá ở cửa Còn. Một hôm, vào ngày mồng 6 tháng 6 âm lịch, ông ra bãi thấy có một cây gỗ lớn không biết là cây gì, bèn trèo lên, dùng cây gỗ ấy làm thớt cắt mồi, bỗng thấy ở chỗ thớ gỗ bị dao chặt phải, rỉ máu, có mùi thơm. Ông về báo với làng. Dân làng ra xem. Bỗng thần ứng đồng lên nói: - "Ta là hoàng hậu, vì tránh giặc dữ mà chết, thành thần ở cõi này. Hãy lấy cây gỗ này tạc hình bốn mẹ con ta mà thờ!". Các bô lão làng nhận lời. Cây liền từ dưới nước ngược dòng trôi thẳng đến khu dân ở. Khi dân làng quyết định làm đền thờ thì tự nhiên trời mưa to, gỗ trên rừng trôi về rất nhiều. Số gỗ trôi về đủ cho làng dùng vào việc dựng đền.

1. Theo lời kể của người Nghệ-an. *Thần tích xã Lý-trai*; và Lê Hữu Trác. *Thượng kinh ký sự*.

162. HOÀNG TÍN HẦU

Vào thời nhà Lê, có một người nhờ sức khỏe và võ nghệ cao cường nên lập công to với triều đình, được vua cho làm quan đại thần, lại được phong tước quận công. Quận công còn được vua ban cho một làng ở Hải-dương là làng Phú-thị để hưởng lộc và bắt dân phục dịch. Có quyền thế nghiêng trời, lại được vua tin chúa cậy, nên từ ngày về trí sĩ, quận công rất hống hách với dân trong vùng. Ai đi qua trước cửa phải cất nón cúi đầu hoặc xuống ngựa. Ai hơi trái ý là đòi đến nọc cổ đánh ngay, bất kể người đó là quan hay dân. Cho nên cả một trấn chẳng ai dám ho he. Đối với dân làng Phú-thị, quận công tuyên bố ngài sẽ rộng lượng tha cho tất cả sưu thuế, phu phen, nhưng mọi chi phí trong gia đình ngài thì làng phải đài thọ; mọi việc trong nhà ngài, làng phải chu toàn. Khi ngài muốn bất cứ điều gì, làng phải làm ngay không được chậm trễ.

Không bao lâu quận công chết đi, để lại tám cậu con trai. Tuy không làm quan như bố, nhưng các cậu lại được "tập ấm", ngôi nhất nhị phẩm. Cho nên, trừ một cậu tám mới 12, 13 tuổi, còn thì cả bọn đều hống hách lại có phần hơn cả bố chúng. Chúng ra lệ bắt dân làng phải chia phiên nhau nuôi nấng và hầu hạ. Hàng ngày chúng không ăn cơm nhà, bắt các gia đình phải cắt lượt làm cỗ cho mình ăn, hết nhà này sang nhà khác; hễ cần ăn ở đâu thì bọn sai nhân đến cắm đòn xóc trước cửa báo cho biết trước một ngày. Mỗi lần đến kỳ tế thần, làng phải dọn hai cỗ thịnh soạn, phải đặt giường lèo trên thượng điện bên cạnh ngai thờ cho chúng ngồi ăn, trong khi đó phải có ả đào múa hát đàn địch, chuốc chén "quỳnh tương", và ở ngoài sân dân làng phải áo mão chỉnh tề, chiêng trống rộn rịp, làm lễ tế đủ ba chầu như lễ tế thần, chúng gọi đó là "lễ tế sống".

Dựa theo lệnh cũ của bố chúng để lại, chúng muốn gì là mọi người phải làm, không được chậm trễ. Cho nên cũng có lúc một cậu nào đó

trong bọn chúng thấy con gái nhà ai vừa mắt, thì cho sai nhân đến báo trước cho nhà ấy phải đi vắng cả nhà để nó đến với một mình cô gái, muốn làm gì mặc ý. Hễ ai trái lệnh thì bầy côn quang võ sĩ của chúng sẽ kéo tới phá phách không tiếc tay và đánh đập vô tội vạ.

Về phía dân làng thì sự căm thù chất chứa đã lâu, nhưng chẳng ai dám động đến lông chân của chúng, vì sợ dùi gậy của bọn côn quang thì ít mà sợ lệnh vua thì nhiều. Tuy vậy, mối thù ngày một chất cao như núi. Họ bảo nhau: -"Một bọn trẻ ranh tám đứa bắt dân ta phải nuôi ăn, nuôi mặc, rồi lại nuôi dâm. Thế mà hàng năm lại phải lạy sống. Chẳng cái nhục nào bằng cái nhục này. Không giết chết chúng đi thì dân ta không thể sống được!"

Vào dịp tết năm Thân, người ta rộn rịp chuẩn bị làm lễ tế thần vào hôm mùng sáu tháng Giêng. Nhưng lần này dân làng có cuộc họp kín, bàn nhau trừ khử "tám thằng ác nghiệt". Theo lệ, sau khi tế xong, bọn ả đào lui ra ngoài, trên thượng điện đóng cửa lại cho chúng ăn uống ở trong, chỉ để lại một vài người phục dịch. Bọn võ sĩ ở hạ điện cũng xúm lại các mâm cỗ, ngồi chén chú chén anh với nhau. Sau khi bọn chúng ăn xong ra về, mới đến lượt dân làng vào tiệc. Cho nên theo lời bàn kín thì phải cố tìm cách hạ thủ cả tám đứa một cách thật êm thấm trong khi chúng đang ăn ở trên thượng điện. Muốn khỏi xô xát sinh to chuyện, thì ở phía ngoài phải chuốc rượu cho bọn côn quang say mềm để chúng không thể ứng cứu cho chủ chúng được.

Mọi việc đều diễn ra như dự định. Dân làng đã chọn hai tay lực sĩ thay vào chân những người phục dịch. Sau khi bọn côn quang ở ngoài gục xuống vì mấy chén rượu tăm có tẩm thuốc, thì ở trong thượng điện, các lực sĩ bắt đầu ra tay. Vì chúng có lệ khám xét kỹ càng những người dân vào hầu cơm nước, không ai được mang một tấc sắt trong tay, nên các lực sĩ sau khi đã vật ngã mấy "cậu" xuống đất, chỉ dùng mỗi người một chiếc đũa cả, lần lượt đâm chết chúng. Sắp đâm đến cậu Bảy, thì đứa em nó là cậu Tám bỗng lồm cồm bò dậy, mở cửa thượng điện chạy ra ngoài kêu cứu. Một lực sĩ chạy đuổi theo nhanh như cắt, nắm lấy cổ nó như nắm một con nhái và sắp quật xuống đất. Bấy giờ có một bô lão cao tuổi của làng đang ngồi ở chiếu trên thấy vậy, động lòng trắc ẩn, bèn bước tới ngăn lại:

- Khoan, khoan. Chú hãy khoan, nghe ta nói. Chúng ta chỉ trừng trị

những thằng đại ác, còn thằng này nó còn bé bỏng chưa làm gì nên tội. Hỡi dân làng, nghe lời ta tha cho nó. Thần minh sẽ chứng giám tấm lòng độ lượng của chúng ta.

Một cuộc họp chớp nhoáng để lấy ý kiến. Hầu như tất cả mọi người dân đều nghiêng về phía cụ già. Cậu Tám được tạm tha, sẽ xử trí sau. Trong khi đó cả làng kéo vào cướp phá tan tành dinh cơ của "tám thằng ác nghiệt".

*

*   *

Lại nói chuyện cậu Tám được thoát chết, nhân lúc dân làng còn bận tíu tít về việc chia nhau những của cải chiếm được, liền cất lẻn ra đi, bên mình có một bõ già. Hai người cứ ngày đi đêm nghỉ, suốt năm ngày lên đến xứ Mường là quê hương của bõ. Số là ngày xưa, quận công sau khi đã bình được "giặc" sông Đà, có tha tội chết cho người đàn ông này, đưa về làng nuôi, và dần dần coi như một người thầy tớ tin cẩn. Đến bây giờ người bõ già này tự thấy là lúc phải cố sức cứu lấy giọt máu của ân nhân để báo đền. Cho nên thằng bé được gia đình bõ già chăm sóc chu đáo, và giữ rất kín tiếng vì sợ dân làng Phú-thị cho người đến tìm mà giết chăng. Lớn lên cậu Tám còn học nói tiếng Mường và lại học được nghề thuốc Mường do một "thầy mo" có những môn thuốc bí truyền và các phép chữa bệnh thần diệu ở vùng ấy truyền cho. Không đầy 10 năm, nó học được mọi phép chữa bệnh. Dần dần nó chữa cho rất nhiều người trong vùng và nổi tiếng mát tay. Có những thứ bệnh kinh niên qua bao nhiêu thầy, tốn bao nhiêu thuốc, phải đến tay nó mới lành. Có những con bệnh "thập tử nhất sinh" nhờ nó mới được cứu sống. Từ đó, tiếng đồn về thầy lang Mường trẻ tuổi truyền đi khắp nơi.

Buổi ấy trong cung có bà hoàng thái hậu mắc chứng ho, uống thuốc đã nhiều mà không khỏi. Sâm nhung quế phụ bồi bổ như cơm bữa, nhưng bà vẫn ho rạc cả người. Nhà vua là người con có hiếu, rất thương cảm, từng cho người tìm thầy giỏi thuốc hay, hy vọng kéo dài tuổi thọ cho mẹ, nhưng bao nhiêu danh sư mọi miền được triệu về đều lắc đầu bó tay. Sau cùng, các quan phụ đạo xứ Mường báo về cho biết xứ ấy có một thầy lang trẻ tuổi nổi tiếng chữa bệnh như thần. Lập tức vua sai sứ giả triệu về, hứa sẽ ban thưởng rất hậu nếu thuốc công hiệu. Quả nhiên chỉ một vài thứ lá của cậu Tám, bệnh của hoàng thái hậu tự nhiên

khỏi hẳn. Nhà vua hết lời khen ngợi thầy lang Mường, và quyết định ban ơn cho thầy, hễ muốn gì sẽ cho được nấy. Bấy giờ, cậu Tám ta mới kể lại một lượt cho vua nghe nào là bố mình đã có công lao với triều đình như thế nào, nào là dân làng Phú-thị đã giết chết bảy người anh của mình ra sao, rồi được bõ già đưa lên xứ Mường nương náu, và học được nghề thuốc như thế nào, v.v... Rồi nó xin:

- Tâu bệ hạ, "sát nhân giả tử", chỉ xin bệ hạ cho phép kẻ hạ thần được quyền trừng trị cả làng ấy theo ý mình.

Vua đang mang ơn nặng nên y cho, bèn viết ngay chiếu chỉ, lại cho 500 quân sĩ đi theo để thi hành mệnh lệnh.

*

* *

Vào một buổi sáng tinh sương, dân làng Phú-thị đang ngon giấc, bỗng nghe tiếng loa gọi râm ran khắp nơi. Ai nấy giật mình lồm cồm trở dậy thì đã thấy quân sĩ đông như kiến cỏ đang vây bọc từng nhà. Chúng trói mọi người giật cánh khỉ không sót một ai, rồi lôi cả đoàn ra sân đình. Khi tất cả nam phụ lão ấu đều đã tề tựu, một viên quan bước ra nâng chiếu chỉ lên đầu rồi giở ra đọc. Trong chiếu chỉ, nhà vua ra lệnh trừng trị dân làng Phú-thị về tội giết các cậu ấm con vị quận công đã quá cố. Vậy đàn ông đều chém ngang lưng, đàn bà một số xử giảo, một số sung làm tỳ nhà quan, còn làng thì triệt hạ.

Đọc xong, viên quan lui ra, rồi một người khác đứng lên, dân làng xanh cả mắt khi nhận ra đó là cậu Tám, người mà họ tha cho tội chết ngày xưa, giờ đây đã trở về với quyền hành ghê gớm trong tay. Nó dõng dạc tuyên bố:

- Hỡi dân làng Phú-thị, hãy giương mắt lên mà nhìn đây! Ngày xưa chúng mày giết chết bảy người anh ruột thịt của tao, chủ của chúng mày. Nô tỳ giết chủ, tội như thế nào, chúng mày cũng đã biết. Bây giờ tao chỉ đòi một mạng của anh tao phải đổi trăm mạng của chúng mày, còn thừa tao sẽ tha cho làm phúc. Lính đâu, hãy giải chúng nó lên trên cồn cao cho ta và cứ lệnh thi hành.

Tiếng năm trăm quân sĩ vây bọc xung quanh dạ ran như sấm. Dân làng bị lôi đi. Tiếng kêu khóc như ri xen lẫn tiếng loa vang vang, tiếng giáo mác va vào nhau lách cách.

Nhưng khi sắp sửa khai đao, bỗng xuất hiện một viên quan cưỡi ngựa với mấy chục lính hầu tiến vào, đòi gặp cậu Tám và sứ giả, để hỏi lại cho biết, vì sao có vụ xử tử hàng loạt như vậy. Đó là Hoằng Tín hầu, phụng mệnh vua đi tuần tra dân tình Hải-dương vừa qua đây. Khi nghe kể rõ tình đầu, Hoằng Tín hầu thấy việc không đáng xử trí nhẫn tâm đến thế bèn lên tiếng:

- Bản chức khâm mạng triều đình đi tuần tra trấn này. Ta thấy trong việc này có sự lạm sát. Vậy các ngươi phải tạm đình chỉ để ta dâng biểu về triều, đợi lệnh nhà vua lần nữa, rồi sẽ thi hành cũng chưa muộn.

Cậu Tám không nghe, đưa chiếu chỉ ra cho Hoằng Tín hầu và nói:

- Chiếu chỉ của nhà vua đã cho phép trảm quyết, hầu không được can thiệp, chống lệnh của nhà vua sẽ mắc tội "khi quân".

Hoằng Tín hầu đáp:

- Nhà vua ở nơi lầu son gác tía, chỉ mới nghe lời xiểm nịnh của ngươi mà chưa nghe được lời nói của dân làng. Ta đây vâng mạng khảo sát dân tình, thấy việc bất công, cần phải thẩm vấn kỹ càng, làm sớ tâu lên đợi lệnh. Kẻ nào dám trái lệnh thì hãy nhìn cây bảo kiếm của nhà vua đây!

Đoạn Hoằng Tín hầu rút kiếm giơ cao gọi:

- Bớ ba quân!

Tiếng ba quân dạ ran. Hoằng Tín hầu tiếp:

- Hãy cởi trói cho mọi người, đợi ta thẩm vấn cho rõ ngọn ngành. Kẻ nào dám trái lệnh, ta sẽ "tiền trảm hậu tấu".

Dân làng được cởi trói ai nấy reo hò mừng vui như được sống lại. Cậu Tám và bọn sứ giả mặt tái như gà cắt tiết lủi thủi kéo đi. Sau cuộc thẩm vấn, Hoằng Tín hầu dâng sớ về triều, cuối cùng nhà vua quyết định hủy bỏ bản án giết dân cũng như triệt hạ làng Phú-thị.

Từ đó dân làng Phú-thị mang ơn nặng Hoằng Tín hầu. Cho mãi về sau này, cứ đến ngày Tết, dòng dõi của họ vẫn không quên cử người đến nhà thờ của ông ở làng Tự-nhiên (Hà-đông) để thắp hương kỷ niệm. Người ta gọi ông là "ông già Hoằng" và gọi việc đến nhà thờ kỷ niệm là "Tết đền ơn"[1].

---

1. Theo lời kể của người Hải-dương.

KHẢO DỊ

Đồng bào Mường có một truyện có phần giống với truyện trên, chỉ khác ở kết thúc:

Một ông lang mường Chếnh (Lang Chánh) Thanh-hóa một hôm ra lệnh bắt dân ai có con gái trước khi về nhà chồng phải đến ở với lang ba đêm, người nào cưới vợ, trước khi rước dâu cũng phải đưa vợ đến với lang ba đêm. Căm thù chúa chất, dân bèn nổi lên giết sạch cả nhà lang đạo "cho hết nòi dâm ác". Một người vợ lẽ của lang vốn người mường Tró (Hòa-bình) là người ăn ở với dân tương đối tốt. Bà này đang có thai, dân định giết cho mất nòi, may có một người đầy tớ trung thành đưa đi trốn về quê ngoại. Sau bà ấy đẻ được một trai, nhưng vẫn giấu kín vì sợ dân mường Chếnh tìm đến báo thù.

Về sau dân mường Chếnh không ai nghe ai, sinh ra đánh nhau loạn xạ. Sau đó họ cử người đi tìm người vợ lang ở mường Tró may ra nếu đẻ con trai thì đón về làm lang. Tới nơi, người ấy hỏi thăm không ra. Thấy có bốn đứa trẻ chơi cù; ba đứa thua mãi một đứa. Ba đứa kia nổi giận mắng: -"Mày là con không cha đến ở bên ngoại làm phách, chúng tao đánh chết vô tội vạ". Biết đó là kẻ mà mình đang tìm, người ấy liền bế đứa bé đến tìm người mẹ và ông ngoại nó để đưa về làm lang[1].

Về tình tiết hưởng quyền trêu ghẹo gái làng, hay là "quyền đêm đầu", người miền Bắc có truyện *Đô dũng đại tướng quân*:

Một người tên là Vũ Đắc Đô có sức khỏe, giỏi lặn. Có lũ giặc biển đi mười chiếc tàu đến cướp phá, bắt phụ nữ vùng ấy. Dân hàng tổng rao ai dẹp được thì "sống hàng tổng tết, chết hàng tổng giỗ" và muốn lấy chức gì, đòi bất cứ việc gì, hàng tổng cũng cho. Ông ấy nhận. Bèn ăn mặc rách rưới giả làm người mò cua bắt ốc ở chỗ gần tàu giặc. Khi bắt được đầy giỏ thì đem lên bán, hoặc xin ăn và có lúc cung cấp một vài tin tức lặt vặt. Giặc không nghi ngờ, nên ông lân la làm quen, biết được đâu là tàu lính, đâu là tàu tướng. Sau một hôm dậy sớm, ông lặn xuống nước tìm đến tàu tướng trèo lên. Thấy chúng còn ngủ say, ông bèn chụp lấy hai thanh kiếm nắm ở hai tay mặc sức chém giết rồi nhảy xuống nước trốn về. Giặc mất tướng như rắn mất đầu, rút lui.

1. Theo báo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn* (1931).

Thắng lợi, ông đòi ăn lộc của làng mình, và được hưởng đêm đầu với gái làng. Hàng tổng giữ lời hứa. Nhưng thanh niên làng thì không chịu. Họ vác sào đến đánh ông. Ông cầm kiếm ra, họ chạy; khi ông trở vào, họ lại đến. Cứ như vậy, một hôm ông vẫy kiếm, không ngờ vô tình chém phải cổ mình. Ông chết nhưng tay vẫn cầm kiếm. Sau ba ngày quạ kêu, mới biết[1].

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).

163. QUÂN TỬ

Ngày xưa, có một anh chàng nghèo sống một thân một mình. Anh thường ăn ở nhân đức với mọi người, lòng nhân đức của anh còn ban phát đến cả giống vật. Bởi thế người ta quen gọi anh là Quân tử.

Trong nhà có bao nhiêu của nả, anh lần lượt đem ra giúp đỡ cho người nguy kẻ khó, còn mình thì sống rất đạm bạc. Một hôm, gần ngày kỵ cha, Quân tử có để dành được mấy bát gạo nếp và một con gà để làm giỗ. Có một con chuột quen mui ăn vụng, hôm ấy chui vào hũ gạo, bất đồ bị anh chộp được. Anh bảo chuột:

- Chuột ơi! Nhà tao nghèo chỉ còn chừng ấy gạo nếp để làm giỗ cha. Mày đi tìm những thứ khác mà ăn. Đừng có ăn vụng của tao tội nghiệp!

Nói đoạn thả chuột ra.

Tối lại, có con cáo lẻn vào bắt gà, nhưng chưa kịp lọt ra khỏi chuồng thì đã bị Quân tử nắm lấy gáy. Cáo nằm chờ chết thì đã nghe Quân tử nói:

- Cáo ơi! Nhà tao nghèo lắm chỉ có con gà dành cho ngày giỗ cha. Mày hãy thương tao đi kiếm ăn nơi khác, đừng có bắt mất gà tao, đến ngày ấy biết lấy gì mà cúng.

Nói đoạn cũng thả cáo ra. Cáo được phóng thích lủi một mạch.

Đến ngày giỗ cha, Quân tử đồ xôi luộc gà, thắp hương đèn sửa soạn vào làm lễ, thì một chú ruồi đánh hơi bay đến đậu vào cỗ xôi đánh chén thỏa thích. Nhưng Quân tử đã nhanh tay quơ được. Bị kẹt chặt, ruồi ta hết đường giãy giụa, chắc là khó thoát cái chết. Nhưng rồi ruồi cũng may mắn được thả ra sau khi nghe những lời của Quân tử:

- Cỗ xôi của ta dâng cúng lên cha mẹ, sao mày lại hỗn hào dám đến ăn trước. Mày hãy đi đi, có gì chốc nữa lại tới.

Tiếng đồn về lòng nhân đức của Quân tử vang khắp nơi. Buổi ấy nhà vua đang muốn kén chọn người tài đức để gả công chúa. Nghe tin đồn về Quân tử, vua bèn sai quan quân đi triệu về kinh. Nhưng khi gặp mặt Quân tử, thấy anh ăn nói không được lễ phép thì vua không được hài lòng. Để tiện từ chối, vua bèn phán:

- Ta vui lòng gả công chúa cho nhà ngươi, nhưng nhà ngươi cũng phải có một mâm vàng làm sính lễ mới được.

Nghe vậy Quân tử lủi thủi trở ra, tin rằng không có hy vọng làm phò mã. Ngày hôm sau anh đi dạo rừng, mặt buồn rười rượi. Bỗng anh gặp con cáo ngày nọ chạy ngang trước mặt. Nó hỏi anh vì sao mà buồn. Quân tử bèn kể chuyện đầu đuôi cho cáo nghe. Nghe xong, cáo nói:
- Thế thì cứ đi theo tôi, tôi sẽ mách cho một chỗ có vàng.

Quân tử lần theo chân cáo tiến vào một hang sâu. Trong một góc hang có bày một dãy ba cái hũ. Giở nắp ra anh thấy toàn vàng bạc, châu báu. Anh cảm ơn cáo, rồi chuyển ba cái hũ về, và ngày hôm sau anh đã cho người đội mâm vàng vào cung dâng vua. Vua không ngờ anh lại có đủ vàng làm sính lễ, đành phải y ước gả. Nhưng vua vẫn chưa vừa lòng. Cho nên đến ngày cưới, vua gọi anh vào cung, phán:

- Ở đây có mười mâm cỗ, trong đó có một cỗ Tơ hồng dành cho ngươi và công chúa. Nhà ngươi hãy chọn đúng cỗ ấy mà ngồi. Nếu ngồi vào mâm cỗ khách thì ta sẽ coi ngươi như khách.

Quân tử nhìn vào thấy mười mâm cỗ giống nhau như hệt, không biết nên ngồi vào đâu. Trong khi đang bối rối thì chàng đã nghe tiếng ruồi vo ve bên tai:

- Tôi đã chịu ơn trước đây, nay xin giúp để đền ơn. Hễ tôi sà vào mâm nào thì anh cứ ngồi vào mâm ấy.

Nghe nói thế, Quân tử yên tâm. Sau đó anh ung dung bước vào mâm cỗ có con ruồi đậu. Vua thấy anh ngồi đúng vào cỗ Tơ hồng thì ngạc nhiên, nhưng vua vẫn còn bắt anh chịu thử thách nữa chứ chưa thôi. Sau khi yến tiệc xong, đến giờ động phòng hoa chúc, vua phán bảo:
-"Nhà ngươi hãy tự đi tìm buồng của công chúa mà vào, nếu vào không đúng buồng thì chịu vậy".

Lại một lần nữa, Quân tử lấy làm bối rối vì cả một dãy buồng đóng kín, buồng nào buồng ấy cửa lớn cửa sổ cũng đều ngăn ngắt, phía ngoài treo đèn kết hoa y hệt như nhau. Trong khi chưa biết làm thế nào thì con chuột ngày nọ đã bò tới nói nhỏ:

- Tôi vẫn nhớ ơn anh tha chết cho tôi ngày nọ. Anh cứ đi theo tôi, tôi chạy vào buồng nào thì đúng là công chúa ở đấy.

Quả nhiên khi Quân tử mở cửa buồng vào đã thấy công chúa tươi cười bước ra đón.

Thấy cả ba lần anh đều thắng cuộc, vua đành vui lòng nhận anh là phò mã. Khi vua chết, vì không có con trai nối dõi nên Quân tử được các quan đưa lên ngôi[1].

KHẢO DỊ

Việt-nam còn có một dị bản truyện *Quân tử ruồi*. Ở đây, con vật đóng vai kẻ giúp đỡ là một mình ruồi chứ không có chuột và cáo.

Một anh chàng có học thường tự xưng là Quân tử, đặc biệt đối đãi với ruồi thì rất tử tế, chẳng những không đánh con nào mà còn thường mời chúng ăn uống. Bấy giờ vua kén phò mã. Quân tử và những người khác cùng dự. Vua cho làm một cung chín gian, gian nào gian ấy cửa đóng then cài, ra lệnh chỉ cho vào từng người một, ai mở đúng gian có công chúa thì được gả. Những người vào trước mở lầm cửa đều bị đánh đòn, đuổi ra. Quân tử bối rối, mới khấn ruồi:

- "Bấy lâu tôi đãi các bác tử tế, nay có việc nhờ các bác giúp cho. Nếu thấy công chúa ở buồng nào thì bay đến cho biết". Đáp: -"Được, chúng tôi sẽ báo tin". Nhờ vậy mà Quân tử chỉ gian thứ ba, mở ra quả đúng. Vua chưa nghe, lại sai bày chín cỗ yến như nhau viết tên Quân tử đặt dưới một mâm, bảo tìm đúng mới gả. Lại khấn ruồi, và ruồi lại ra sức giúp. Quân tử chỉ vào cỗ thứ năm, lật mâm quả đúng. Vua y ước cho tổ chức lễ cưới. Người ta gọi là "Quân tử ruồi"[2].

1. Theo Thái Kim Đỉnh. *Cá gáy hóa rồng* và lời kể của người Nghệ-an.
2. Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam. A - Người ta.*

Dân tộc Mèo ở Việt-bắc có truyện *Người em tài giỏi* là một dị bản của các truyện trên nhưng đã kết hợp với một vài mô-típ khác, ví dụ mâu thuẫn giữa anh và em giống truyện *Run và Rai* (**Khảo dị** truyện số **13**, tập **I**), v.v... Sơ lược như sau:

Một người anh đối xử với em ruột còn bé quá tệ, thậm chí em phải ăn rận trừ bữa. Một hôm bắt được một con rận lớn bằng hộp thuốc, em dùng nó đánh cuộc với những người mà em gặp, luôn luôn thắng lợi, nhờ vậy mà được nuôi sống qua ngày. Nhưng một hôm, một người đục cối xay đã đánh chết con rận, em bắt hắn phải đền một con cáo ở núi đá đen. Nhờ có cáo em lại được người ta cho ăn, cho tiền, vì con cáo này biết hát. Thấy em mình làm ra tiền, người anh bèn bắt lấy con cáo; gặp ai hắn cũng đánh cuộc rằng nếu cáo nói được tiếng người thì đối phương mất tiền, nếu không biết nói thì mình ăn phân. Nhưng khi giục cáo hát thì nó đứng im. Thua cuộc, người anh tức mình giết con cáo. Chỗ cáo bị giết mọc lên một cây hai cành: một cành làm rơi tiền, một cành rơi thịt. Người anh lại đến chiếm lấy cây quý, nhưng cây chỉ làm rơi phân và nước đái lên đầu. Hắn chặt cây. Người em mang một khúc về đẽo thành máng lợn ăn. Lợn ăn ở máng ấy béo phổng lên trông thấy, nhưng khi máng vào tay người anh thì lợn lại gầy rạc. Hắn bổ máng làm củi đun. Em nhặt một mảnh về làm lược, càng chải đầu tóc càng dài mượt, còn khi lược vào tay người anh thì chải đến đâu tóc rụng đến đấy. Đến lượt lược bị ném vào lửa, người em nhặt một mảnh sót về vót thành lưỡi câu, hễ câu là được cá, bán nhiều tiền. Người anh câu được toàn rắn. Người em đi tìm lưỡi câu do rắn tha đi. Đến đây truyện mới xích gần với truyện của ta: Dọc đường bắt được một con cua, anh toan nướng ăn. Cua xin tha vì mình còn đàn con bé dại. Anh nghe lời thả ra. Lại tiếp tục đi và cứu được một con ruồi bị vướng mạng nhện, rồi một con chuột bị ngã. Sau đó gặp hai cô gái khóc sưng mắt nói bố mình bị tai nạn sắp chết. Anh bảo hai cô gái dẫn mình đi mình sẽ cứu cho. Họ rẽ nước đưa đến cung Long vương. Long vương hứa sẽ gả con gái nếu chữa lành bệnh cho mình. Thấy tai nạn của vua chẳng có gì hơn là bị mắc lưỡi câu của chính anh, anh bèn chỉ khẽ rút lưỡi câu, vua đỡ ngay. Nhưng không ngờ vua lật lọng. Thấy vậy, anh bảo vua há miệng cho mình chữa nốt, rồi đặt lại lưỡi câu vào chỗ cũ. Lần này vua y ước gả công chúa, nhưng lại bắt anh phải qua mấy lần thử thách. Thử thách đầu tiên - không có ở truyện của ta - là phải chỉ đúng một trong chín quả bí trong đó có đựng hồn cô gái mà anh yêu. Nhờ có cua giúp, anh chỉ đúng nàng công chúa út rất xinh. Vua lại bảo anh ngồi vào một

trong chín bàn tiệc do chín công chúa dọn, ngồi đúng bàn tiệc cô nào dọn sẽ lấy cô ấy. Nhờ có ruồi giúp nên anh thành công. Lại đến lượt chọn một trong chín buồng; nhờ chuột anh đã chọn đúng buồng công chúa út. Long vương đành để anh mang quả bí có hồn công chúa út về. Hai người lấy nhau. Sau đó, truyện còn phát triển nhiều tình tiết khác, nhưng ở đây miễn kể[1].

Dân tộc Tày có truyện *Nàng tiên trứng* cũng là một dị bản của truyện này, nhưng lại kết hợp với một mô-típ khác, tương tự với truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc* (xem **Khảo dị** truyện số **117**, tập **III**). Một anh chàng mồ côi và một con chó mực nhặt được một quả trứng lạ đưa về cất ở góc chạn, chưa kịp luộc ăn thì trứng đã tỏ sự lạ bằng cách bí mật dọn thức ăn, sửa soạn nhà cửa khi anh và chó vắng mặt.Một hôm nửa đường lộn về, anh thấy từ trong trứng hiện ra một cô gái cầm chổi quét nhà. Khi anh đột ngột chạy vào nắm lấy áo, cô bảo anh cho mình một chiếc đũa cả, một cái nhẫn, một cái vòng để nuốt vào cho có xương mới sống được. Và khi lấy anh làm chồng, cô còn dặn anh phải kiêng ăn trứng, nếu không sẽ có sự chia ly. Từ đấy anh sống vui vẻ cùng cô gái.

Một hôm vui bạn, anh ăn món canh trứng. Về nhà đã thấy vợ đi đâu mất. Bèn cùng chó mực đi xuống một hang sâu. Qua bao nhiêu gian khổ mới gặp được vợ và mới biết vợ là con gái thứ mười hai của thần Sông. Thần bắt anh làm một số công việc, có xong mới cho đưa vợ về. Từ đấy truyện phát triển theo hướng gần gũi với truyện của ta, nhưng lại không có tình tiết cứu giúp ruồi và chuột. Thử thách đầu tiên là phải ăn đúng bát cơm do vợ anh xới, bát này đặt lẫn lộn giữa 12 bát khác, nếu ăn sai sẽ bị chém đầu. Nhờ ruồi anh thắng cuộc. Thứ hai là vào đúng buồng vợ (cũng là một trong 12 buồng), có chỉ đúng thì cho đưa vợ về. Một con chuột bảo anh buộc lá khô vào đuôi mình, rồi chờ, hễ nghe thấy tiếng sột soạt ở buồng nào thì cứ mở ra thì đúng. Sáng hôm sau thần Sông cho anh một cái hộp dặn về đến nhà hãy mở, còn vợ thì sẽ cho về sau. Hộp càng về gần đến nhà càng nặng. Không ngăn được tò mò, anh mở ra xem, thì hóa ra vợ anh ở trong hộp. Nhưng vì vội mở, nên một con khỉ chúa đến bắt vợ đem đi mất. Tìm mãi đến một cái hang, nhờ có tắc kè kêu giúp làm cho hang nứt đá lở, anh mới được vào gặp vợ. Hai người lập mẹo lừa cả đàn khỉ để trốn đi. Dọc đường họ nhờ nhện chăng tơ phủ kín dấu chân, nhờ gà bới đất xóa vết, lại nhờ châu chấu lừa cho đàn khỉ phải nhìn lên mặt trời chói mắt. Khi biết bị lừa, khỉ chúa nổi giận, đánh vào châu chấu, châu chấu đậu đầu khỉ này sang đầu khỉ khác làm cho khỉ chúa vụt lấy vụt để, nhưng

1. *Văn học dân gian cổ truyền Hà-giang*.

chưa vụt đúng thì chấu đã bay mất, cuối cùng đàn khỉ chết hết. Trong khi tức đến phát điên, lại bị một con nhái nép dưới chỗ ngồi chế giễu, khỉ chúa tìm giết nhái, nhái lẻn đi, hắn nhìn thấy hai hòn dái của mình, tưởng là nhái bèn đập mạnh vào dái nên chết luôn. Hai vợ chồng trở về an toàn[2].

Người Pháp có truyện *Cô gái con vua và ba công trạng* mà các dân tộc châu Âu đều kể giống nhau, cũng là một dị bản của truyện *Quân tử*:

Jăng bảo mẹ đến hỏi cho mình cô con gái vua. Vua giao hẹn hễ làm tròn ba việc sẽ gả. Trên đường đi đến kinh đô, Jăng gặp một đàn vịt con do một vịt mẹ dẫn đi. -"Khéo kẻo giẫm vào con tôi, người ta vô ý đã giẫm chết nhiều rồi đấy". Đáp: - "Đừng sợ, tôi xin cẩn thận". Lại đi tiếp, Jăng gặp một đàn cầy. Con cầy mẹ cũng dặn đừng giẫm phải con nó và Jăng cũng trả lời như trên. Sau đó lại gặp một đàn ong, con đầu đàn cũng dặn: -"Khéo kẻo giết mất con ta". - "Đừng sợ", Jăng bảo thế.

Đến cung vua, vua sai lấy chìa khóa tủ áo của công chúa ném xuống vực, bảo tìm được sẽ gả. Jăng bối rối vì không biết bơi. Nhưng con vịt cái hôm nọ đã lặn xuống lấy lên cho anh. Vua lại sai lấy một túi gạo, ném gạo vào một bụi cây gai rậm, bảo nhặt đừng để sót. Nhờ con cầy mà túi của anh lại đầy, Jăng lại thắng cuộc. Vua lại bảo công chúa cùng hai cung nữ cùng trạc tuổi và trang sức giống nhau đứng trước một chuồng gà, bảo anh chỉ đúng sẽ gả. Nhờ có đàn ong hôm nọ đến đậu ở vai công chúa, anh lại thắng và được vua y ước[1].

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I.

2. Theo Đờ-la-ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze). *Truyện cổ tích dân gian Pháp*.

164. CƯỜNG BẠO ĐẠI VƯƠNG

Ngày xửa ngày xưa, có một chàng trẻ tuổi làm nghề mò tôm bắt cá tại vùng sông Bối. Tuy quanh năm chỉ che thân một mảnh khố rách, chui rúc trong một túp lều ven sông, nhưng anh vẫn vui vẻ làm ăn, miệng luôn luôn ca hát. Bố mất từ thuở lọt lòng, anh sống với người mẹ cho đến khôn lớn, rồi bỏ nhà đến đây. Vốn tính ngang tàng, từ người đến thần, anh chẳng sợ một ai, lại thường tự xưng mình là Cường Bạo. Nhất sinh Cường Bạo chỉ làm quen với Táo Quân. Lúc bắt được cá ngon tôm béo, Cường Bạo thường dọn mời Táo Quân cùng ăn. Bởi thế hai bên chơi với nhau thân thiết lắm. Những khi trời sắp bão lụt, hay ở đâu có xảy ra việc gì lạ, Táo Quân thường bảo cho Cường Bạo biết. Cậy có chỗ dựa tốt, Cường Bạo ngày càng tỏ ra kiêu căng, khinh thị mọi yêu ma thần thánh, thậm chí coi Trời chỉ bằng cái vung.

Từ ngày có vợ, Cường Bạo đối đãi với mẹ không được như trước. Đã nhiều lần anh tỏ ra ngỗ ngược quá lắm, làm cho người mẹ hết sức giận dữ, phải kêu lên đến tận Trời.

Thấy một tên dân hạ giới không tuân phép tắc, Ngọc Hoàng thượng đế phái ngay Thiên Lôi xuống trừng phạt. Nghe tin chẳng lành, Táo Quân liền báo cho anh biết. Cường Bạo vấn kế: - "Làm thế nào để tránh được lưỡi búa của Thiên Lôi?" Táo Quân đáp: -"Tối nay anh đừng có đi đâu cả, Thiên Lôi xuống thế nào cũng phải đứng trên nóc chòi. Vậy giá có một thứ nước nhờn đặt trên nóc làm cho Thiên Lôi trượt ngã thì hay nhất. Lúc đó chỉ có việc cho hắn ăn đòn".

Cường Bạo nghe lời, cứ theo cách ấy để trị Thiên Lôi. Bèn lấy rau mùng tơi giã ra lấy nước rồi hòa với dầu vừng thành một thứ nước nhờn sền sệt như mỡ. Đoạn anh dùng thứ ấy rưới lên nóc lều, lại quét vào lá chuối gác lên mái. Xong mọi việc, anh nấp trong xó tối ngồi đợi Thiên Lôi.

Quả nhiên đêm hôm ấy Thiên Lôi cùng với thần Mưa thần Gió ầm ầm lao xuống. Vừa đặt chân lên nóc lều Cường Bạo, Thiên Lôi vô tình giẫm phải thứ nước trơn, trượt chân ngã lăn oạch xuống đất. Thế là Cường Bạo nhảy xổ ra cầm gậy vụt lấy vụt để. Sa cơ, Thiên Lôi bị đòn đau, cố gắng lắm mới nhỏm dậy được rồi chạy vụt về Trời. Trong khi hốt hoảng, Thiên Lôi đánh rơi cả búa. Cường Bạo mừng lắm, nhặt lấy búa Thiên Lôi làm vũ khí tùy thân. Từ đấy đi đâu cũng khoe với mọi người rằng ta đã đánh ngã được Thiên Lôi rồi.

Về đến Thiên đình, Thiên Lôi chẳng những đau ê ẩm cả người mà còn bị Ngọc Hoàng mắng cho một trận nên thân. Lập tức Ngọc Hoàng ra lệnh cho vua Thủy phải trừ ngay Cường Bạo vì hắn đã xúc phạm đến tướng nhà Trời. Vua Thủy vốn có một lũ bộ hạ rất đông và đắc lực. Thoạt đầu vua Thủy giao công việc ấy cho Quận Rết. Quận Rết vâng lệnh bò đến chỗ nằm của vợ chồng chàng đánh cá, chui vào trong gối, định đến khuya sẽ ra cắn vào cổ. Táo Quân được tin, vội báo cho Cường Bạo biết. Anh bèn bảo vợ nấu một nồi nước sôi rồi đem chiếc gối nhúng vào. Quận Rết chết không kịp ngáp.

Đợi mãi không thấy Quận Rết về, vua Thủy lại sai Quận Rắn lên. Biết hai vợ chồng Cường Bạo hay đi đái đêm ở sau hè, Quận Rắn bèn nấp vào đống rạ gần đó. Táo Quân lại kịp thời mách cho Cường Bạo biết. Đêm ấy hai vợ chồng hai gậy đón đánh dập đầu Quận Rắn.

Thấy cả hai bộ hạ có đi không về, vua Thủy vô cùng tức tối, mới tìm đến Diêm vương kể chuyện cho nghe và nhờ báo thù.

- Hà! hà! Việc ấy chẳng có gì khó. Để tôi sai bộ hạ lên lôi cổ nó xuống giam dưới tầng ngục thứ mười tám cho nó biết tay. Bác cứ yên trí.

Diêm vương nói vậy, lập tức sai Quận Cú lên làm phận sự.

Quận Cú lên trần đúng vào lúc Cường Bạo còn đang đi đánh cá vắng. Đứng trên nóc lều của Cường Bạo, Quận Cú kêu lên ba tiếng. Ngay lúc đó vợ Cường Bạo nằm trong lều thiếp đi và tắt thở. Chừng Cường Bạo về thấy thế, vội vã đi cầu cứu Táo Quân, Táo Quân bảo:

- Anh khéo tay, hãy làm cho tôi một cái lồng chim cho thật đẹp. Tôi sẽ có cách cứu vợ anh.

Cường Bạo đan lồng không mấy chốc đã xong. Táo Quân xách lồng đi một mạch xuống cõi âm tìm đến nhà Quận Cú. Thấy cái lồng Quận Cú vui vẻ:

- Kính chào ngài Táo Quân. Ngài đi đâu mà xách cái lồng xinh thế kia. Ngài có thể vui lòng cho tôi xin được không?

Táo Quân đáp:

- Vật chẳng đáng là bao, ta sẵn sàng biếu ngươi. Nhưng trước hết ngươi hãy vào lồng xem có vừa mắt không đã.

Quận Cú không nghi ngờ gì cả, chui ngay vào lồng. Lập tức Táo Quân đóng sập cửa lại, bảo:

- Ngươi bây giờ là tù của ta. Ta chỉ cho mồ lửa là ngươi đi đứt.

- Cắn cỏ lạy ngài Táo Quân. Xin ngài sinh phúc tha cho tôi.

- Được thôi. Miễn là ngươi cho ta biết cách ngươi làm cho người ta chết như thế nào. Cứ nói thật đi, ta hứa sẽ thả.

- Tôi có hai cái lưỡi: một lưỡi âm và một lưỡi dương. Hễ bao giờ tôi kêu bằng lưỡi âm thì có người phải chết, kêu bằng lưỡi dương thì người sống lại.

- Ngươi hãy thè lưỡi âm ra cho ta xem.

Quận Cú vừa há miệng thè lưỡi âm thì Táo Quân bèn rút dao xẻo đứt ngay. Đoạn Táo Quân xách lồng đi gấp lên nhà Cường Bạo, bắt Quận Cú phải kêu lên ba tiếng. Tiếng kêu vừa dứt thì người vợ Cường Bạo tự nhiên sống lại. Táo Quân mở lồng cho Quận Cú về.

Diêm vương tiu nghỉu khi thấy tướng tài của mình phải đi trở về thân tàn ma dại, bèn tâu báo lên Ngọc Hoàng biết. Ngọc Hoàng chưa bao giờ kinh ngạc và giận dữ đến như thế. Bèn hạ lệnh cho vua Thủy phải hợp sức với Thiên Lôi và các thần Mưa, thần Bão mau mau dâng nước cho thật cao làm cho vợ chồng Cường Bạo chìm xuống tận đáy biển, lôi cổ đến để trị tội. Được tin, Táo Quân lại mách cho Cường Bạo hay. Cường Bạo hỏi kế, Táo Quân bảo:

- Vua Thủy và thần Mưa chỉ giỏi về nghề dâng nước đổ nước; thần Bão và thần Gió chẳng qua cũng chỉ thổi bạt đi đó đi đây. Hãy chuẩn bị làm cho cái bè thật chắc, như thế dù cho nước dâng lên đến tận đâu,

bão thổi bạt đi đến phương nào, cũng không làm gì được. Nhưng nhớ phải chuẩn bị cái ăn và phải đề phòng Thiên Lôi đánh lén.

Cường Bạo một mực tuân lời. Lúc vua Thủy bắt đầu dâng nước thì vợ chồng Cường Bạo đã ngồi trên một bè chuối, trên bè có dựng rạp bằng lá chuối quét sẵn thứ nước trơn hôm nọ. Ngoài ra anh còn cắm mỗi góc một lá cờ và đặt trước chỗ mình ngồi một cái trống, một cái chiêng. Lại có mang theo một con gà. Chẳng bao lâu, nước dâng lên mênh mông như biển cả, ngập hết làng mạc núi non; mặt khác, bão thổi đùng đùng mỗi lúc mỗi dữ dội. Nhưng ở trên bè, Cường Bạo đã ung dung phất cờ gióng trống chiêng. Lại giục gà trèo lên nóc lều gáy lên từng hồi dõng dạc. Đoạn đứng dậy múa lưỡi búa lấy được của Thiên Lôi, và nói:

- Phen này ta quyết lên phá trời một chuyến chơi! Ngọc Hoàng đang ngồi ở thiên đình chợt nghe tiếng chiêng trống vang lừng và tiếng hò hét, bèn phái một thiên thần xuống xem thử là tiếng gì. Thiên thần nghe ngóng lúc lâu rồi về báo là Cường Bạo đang chống cự với các thần, và nhân nước lớn đang dọa lên phá cả thiên đình. Ngọc Hoàng thượng đế cả sợ, bèn phán:

- Thôi, kíp bảo Thủy thần lập tức rút nước ngay đi, và gọi các thần kia lập tức trở về Trời, mặc cho nó muốn làm gì thì làm, để dịp khác sẽ hay.

Nhờ vậy, Cường Bạo lại sống yên ổn với vợ. Anh càng yêu quý Táo Quân và không quên biện rượu thịt, thỉnh thoảng mời Táo Quân chè chén.

Nhưng một hôm, trong khi Cường Bạo đi thăm đồng, anh bỗng thấy từ dưới ruộng đi lên một con cua. Cua dừng lại trước mặt anh giương mắt, giơ cả hai cái càng đòi kẹp. Cường Bạo cười hề hề nói:

- Thiên Lôi, Hà Bá, tao chẳng sợ thay, thứ mày tí hon có mấy sức mà dám hỗn láo.

Nói rồi co chân đạp một cái như trời giáng xuống mình cua; cua chết không kịp ngáp. Nhưng Cường Bạo đâu có ngờ rằng cái càng cua có mảnh nhọn xóc vào chân mình, lâu dần da thịt thối loang ra. Vợ Cường Bạo lo lắng, hết sức tìm thầy chạy thuốc, nhưng không kịp nữa. Chẳng bao lâu Cường Bạo lăn ra chết. Đó là bộ hạ vua Thủy theo lệnh chủ tìm cách lên trần hại Cường Bạo bằng chước khiêu khích.

Người ta nói do việc Cường Bạo la hét, đánh trống chiêng, cho gà gáy, chống cự các thần và làm cho Ngọc Hoàng phải ra lệnh lui binh, nên từ đấy về sau, Thiên Lôi rất sợ tiếng gà gáy, còn vua Thủy thì lại sợ tiếng chiêng trống, tiếng la hét. Mỗi lần có sấm sét người ta bắt chước tiếng gà gáy để cho Thiên Lôi không dám bén mảng, hay khi bão lụt người ta thường gióng chiêng trống hay la hét cho Thủy thần phải trốn chạy, hy vọng nhờ thế nước lụt có thể mau rút[1].

KHẢO DỊ

Người Bắc-giang có truyện *Sự tích ông Bạo Ngược* vốn là dị bản của truyện trên, nhưng ở đây truyện đã gắn bó với đặc điểm địa lý của một vùng:

Ngày xưa, ở trung tâm tổng Tiên-bát có một hòn đá lớn giống sinh thực khí của nữ, người ta gọi là Thạch-tinh (giếng đá). Tự nhiên một hôm đá nứt ra, xuất hiện một người đàn ông sức khỏe tuyệt trần. Không cha, không mẹ, không thầy, không vua, ông thường làm chuyện ngược ngạo, đặc biệt là không sợ một ai, nên người ta gọi ông là Bạo Ngược. Cũng như truyện trên, Bạo Ngược chỉ có thân với thần Bếp. Người ta kiện ông lên đến Trời. Trời sai thần Sét xuống đánh, nhưng mấy lần đánh đều hụt vì nhờ có thần Bếp mách nước (các tình tiết cũng tương tự như ở truyện *Cường Bạo đại vương*). Nhưng kết thúc câu chuyện lại khác. Một hôm ông đi cày, đang cày bỗng cá cày gãy, ông bèn dút ngón tay trỏ của mình vào thay cho cá cày để thanh toán nốt góc ruộng. Ở trên thiên đình, thần Sét thấy không có dịp nào tốt hơn thế nữa, bèn nhảy xuống đánh chết. Ngày nay, làng Hạ-lát có một khu bãi (ở tả ngạn sông Cầu) rộng độ 200 mẫu, tương truyền đó là chỗ cư trú đồng thời là nơi hàng ngày luyện tập của ông Bạo Ngược. Hình thế đất đai ở đây gồ ghề, đất chỗ nào cũng như bị cày xới lên không làm sao bằng được. Nhờ có những tích đó, dân làng giành được bãi đất về địa phận mình, không để làng khác chiếm[2].

Người miền Nam có truyện *Sự tích cây tràm* cũng là dị bản, nhưng lại có nhiều tình tiết đặc biệt. Đại khái cũng có một anh chàng ngỗ ngược tên là Tràm, chuyên môn thờ ông Táo mà không thờ vị thần nào khác. Các thần tức

1. Theo Tô Linh Thảo dịch trong *Đại-nam kỳ nhân liệt truyện*; Trương Vĩnh Tống. *Chuyện lạ nước Nam*; và lời kể của người Hà-tĩnh (Mạnh Sào Quan).
2. Theo lời kể của người Bắc-ninh do Nguyễn Văn Tấn cung cấp.

lắm, một hôm đem tội của anh tâu với Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng sai "Thiên Lôi chuyên lột da" xuống trị tội. Ông Táo bày cho anh làm một cốt người bằng nan giống anh như hệt, đoạn tráng bánh tráng (tức bánh cuốn) dán ra ngoài nhiều lớp, rồi chui vào cối lật úp lại mà nấp. Thiên Lôi xuống thấy cốt nan tưởng là tội nhân, bèn tới lột da nếm thử một miếng thấy ngon, tức thì lột được bao nhiêu chén hết bấy nhiêu. Ăn chán, chạy về tâu với Ngọc Hoàng: -"Tâu bệ hạ, nó có phép, thần lột hết tầng da này đến tầng da khác, nó vẫn trơ trơ không việc gì". Lần thứ hai, Ngọc Hoàng sai một Thiên Lôi khác xuống. Ông Táo bày cho anh kiếm thật nhiều gà chọi thả khắp vườn, lại cột lên cả nóc nhà nữa. Thiên Lôi xuống, đi đến đâu cũng bị gà của anh nhảy lên đá, nên hoảng sợ bỏ chạy. Người ta gọi là Thiên Lôi gà đá. Lần thứ ba, Ngọc Hoàng lại sai Thiên Lôi khác. Thiên Lôi này vốn là dân nghiện. Ông Táo bày cho anh bày bàn đèn giữa giường. Thấy có bàn đèn, Thiên Lôi sà xuống tiêm tiêm hút hút. Hút no ngủ quên. Anh chàng bèn từ chỗ nấp chạy ra rút lấy lưỡi tầm sét mà giắt đầu cán chổi thay vào. Tỉnh giấc, Thiên Lôi cầm chổi vung vít vài cái mới biết là đã mất búa, bèn hốt hoảng chạy về. Nghe lời tâu, Ngọc Hoàng nổi giận bèn cách chức.

Cũng như truyện *Cường Bạo đại vương*, lần khác Ngọc Hoàng sai Thủy thần dâng nước, đồng thời cũng sai hai Thiên Lôi trước cùng xuống phụ lực. Ông Táo cũng bảo anh kiếm một chiếc thuyền đặt cốt người đắp bánh tráng, xung quanh có các gà chọi, đằng mũi thuyền đặt một trống lớn, một thanh la, hễ thấy nước dâng lên đến đâu thì nổi trống và thanh la tới đấy. Chuyến ấy hai Thiên Lôi vốn đã sợ sẵn nên không dám động tay, vì vậy Thủy thần chỉ mất công chẳng được tích sự gì. Thoát nạn anh mua một con gà luộc lên đãi ông Táo. Không hiểu vì lẽ gì có một miếng mề là món ngon nhất lại thiếu, còn anh thì lại tưởng là ông Táo ăn. Ông Táo giận để bụng, bèn tâu với Ngọc Hoàng cách trị Tràm. Thế là một hôm đang đi chơi, anh bỗng bị thiên thần bóp cổ chết, xác hóa thành cây tràm. Người ta bảo rằng cây tràm có lá nghiêng nghiêng, một cạnh ngoảnh lên trời, một cạnh ngoảnh xuống đất, đó là dấu hiệu của sự bạo thiên nghịch địa[1].

Người Nghệ-an có truyện *Người học trò không sợ Trời* cũng là dị bản của các truyện trên:

Một người học trò thông thái từng vào Đường trong ra Đường ngoài, nổi

1. Theo báo *Bông lúa* số 46 (1975)

tiếng khắp nơi, nhưng tính thì khinh người báng thần, chẳng sợ một ai cả. Một hôm anh thuê thợ đến dựng nhà. Ngày "phạt mộc", anh bắt thợ làm đúng vào ngày "thiên hỏa địa hỏa với lại trùng tang". Thợ nói: -"Tôi không dám làm". Anh bảo: -"Cứ làm, tội vạ tôi chịu". Sau việc đó Trời giận, bảo Diêm vương trị tội anh học trò. Diêm vương sai cú xuống. Cú đến nhà anh vừa kêu mấy tiếng: - "Cú cú", anh nói ngay: - "*Kêu chi đó cú? –cổ thụ vinh hoa*".

Cú bỏ đi. Diêm Vương lại sai hét ma đưa lưỡi xấu ra kêu, nhưng mới kêu được một tiếng thì anh đã nói ngay: -"*Kêu chi đó hét ma? –thám hoa tiến sĩ*". Hét ma thất bại chạy về. Lại đến lượt dủ dỉ. Anh cũng nói: -"*Kêu chi đó dủ dỉ? –tham nghị triều đình*". Dủ dỉ cũng không làm gì được. Sau đó Diêm vương sai quỷ kéo quân tới. Sẵn có tổ ong trước thềm, anh mở nắp cho ong bay ra cắn. Quỷ bỏ chạy thục mạng. Thấy tình hình như vậy, Trời nói: -"Như thế thì ta phải lên cao mà ở"[1].

Nguyễn Văn Ngọc có kể truyện *Làm giường cho vợ đẻ*, trong đó cũng có một nhân vật không sợ thần, giống truyện vừa kể.

Một người có vợ gần đến ngày sinh, thấy xung quanh ngôi đền thành hoàng lắm tre; bèn biện một cái lễ đến đền để xin tre. Anh khấn xong, gieo tiền xin âm dương. Thần không muốn cho, nên làm cả hai đồng tiền cùng dựng đứng. Anh kia nói:-"Thế là thần cho chặt một cây đàng trước một cây đàng sau". Bèn cứ thế chặt về đóng giường. Thần tức mình bèn tìm cách dọa anh ta, chờ khi giường đóng xong, làm cho giường chạy khắp nhà. Vợ sợ quá, nhưng chồng bảo: -"Sợ gì. Người chỉ có hai chân còn muốn đi, nữa là giường những bốn chân". Thần cụt hứng, liền sai chim dù dì (dủ dỉ) đến đậu trước nhà, kêu lên mấy tiếng . Thấy vợ lại tỏ ý sợ hãi, anh ta nói:- "*Dù dì kêu chi? tiến sĩ trạng nguyên*". Dù dì biết là không ăn thua, bay về. Thần lại sai át ma (hét ma) đến. Vợ lại sợ, nói với chồng. Chồng bảo: -"*Át ma kêu à? –đa điền đa cốc*". Át ma lại bỏ về. Thấy dù dì, át ma không làm gì được, thần bèn sai quân đến định bắt cả hai vợ chồng. Quân tới vừa lúc người vợ chạy vội, bị ngã. Chồng bảo đùa: -"*Loàng quàng như Thành hoàng mắc bẫy*". Quân nghe nói tưởng anh kia định đánh bẫy bắt cả thần, liền rủ nhau chạy biệt. Từ đó, thần để cho hai vợ chồng yên ổn[2].

1. Theo *Bản khai của thôn Bùi-ngọc*.

2. Sách đã dẫn.

Nguyễn Văn Ngọc còn kể một truyện khác về ông Na Á, đại thể gần giống truyện *Cường Bạo đại vương*, nhưng không có các tình tiết chống đối nhà Trời:

Mấy lần bị tướng của Diêm vương lên định ám hại, Na Á vẫn không việc gì. Có lần Thủy thần dâng nước lên cao để giết vợ chồng Na Á, nhờ có bè chuối, vợ chồng họ vẫn vô sự. Tuy vậy, trần gian lúc đó bị một trận lụt chưa từng có. Cho đến khi nước rút, muôn loài chết hết, chỉ còn lại hai vợ chồng. Bấy giờ không nhà, không cửa, họ phải nương náu trên cây. Vì thế có câu:

Trời làm một trận lụt to,
Để cho Na Á phải bò lên cây.

Sau đó vợ chồng sinh được năm người con trai, mỗi người đi một phương kiếm ăn. Mỗi người tìm được một vợ, sinh con đẻ cháu ngày một đông đúc. Loài người sau đó định xây một cái tháp thật cao để trèo lên thiên đình. Nhưng Ngọc Hoàng sợ họ làm loạn. Bèn khiến thiên thần làm cho tiếng nói của mỗi người một khác. Vì thế không ai hiểu được tiếng nói của nhau, công việc xây tháp đành bỏ dở. Từ đấy tiếng nói loài người cũng mỗi nơi một khác[1].

Đồng bào Mường có truyện *Rớt và Quỷ* là một dị bản của truyện *Cường Bạo đại vương* nhưng chỉ giống ở phần cuối:

Rớt vừa sinh ra thì mẹ đã chết, được một người đánh cá đưa về nuôi. Người ấy chết, Rớt nối nghề. Một hôm đi câu, mấy lần một hũ sành nút kín cứ mắc vào lưỡi câu. Tức mình, anh ném vỡ hũ thì có một con quỷ bước ra, người cứ mỗi lúc một to dần. Quỷ cho biết vì mình chọc con gái Ngọc Hoàng nên bị nhốt vào hũ ném xuống sông. Quỷ mấy lần biến hóa để dọa Rớt nhưng Rớt không sợ, vì thế Quỷ phục và nhận Rớt làm anh. Nhờ có quỷ, Rớt diệt được mụ Da Nơ, lấy lông mũi và tóc của mụ làm dây câu, câu được nhiều trâu bạc lợn vàng, và cũng nhờ có mẹo của quỷ, Rớt lấy được con Ngọc Hoàng làm vợ.

Một hôm Ngọc Hoàng hóa thân xuống thăm con gái, mới biết Rớt là một anh làm ruộng bình thường, liền tìm kế giết rể để bắt con về. Đến đây truyện gặp truyện của ta. Đầu tiên, Ngọc Hoàng sai rắn trắng đi giết Rớt. Rắn núp trong màn đợi vợ chồng vào ngủ sẽ cắn chết người chồng. Không ngờ quỷ phát hiện sớm, đánh một gậy chết tuốt. Lại sai rắn đen đi giết Rớt. Rắn đen ẩn trong đống tro đợi Rớt cúi xuống thổi lửa sẽ mổ vào mắt, không ngờ đúng lúc ấy quỷ xúc tro đi đổ, thấy rắn, bèn chém chết. Không thấy rắn về, Ngọc Hoàng

1. Theo *Phổ thông độc bản*, Vĩnh Hưng Long thư quán, Hà-nội, 1933. Đoạn cuối này tương tự với thần thoại *Ông bà Trống* của đồng bào Ba-na (Bahnar).

bảo mụ Vó xuống tìm cách giết Rớt để bắt vợ. Mụ xuống thì Rớt và quỷ còn bận việc ở ngoài đồng. Mụ uốn lưỡi kêu ba tiếng, vợ Rớt chết. Mụ cắp hồn nàng bay về trời. Lúc Rớt và quỷ về thấy nàng tiên chết, quỷ vội bay lên đuổi theo. Đuổi kịp, bắt mụ trả hồn. Mụ uốn lưỡi lên kêu ba tiếng. Ở dưới trần nàng tiên tỉnh dậy. Cũng như truyện trên của ta, quỷ hỏi mụ cách làm như thế nào? Đáp: -"Tôi vốn có hai lưỡi: kêu lưỡi độc thì người chết, kêu lưỡi lành thì người chết sống lại". Quỷ bảo mụ thè lưỡi độc rồi cắt đi, đoạn thả mụ về trời. Mụ sợ tội không dám bay về, bèn vào rừng, kiếm ăn qua ngày. Từ đó biến thành gà rừng (gà ươi). Người Mường trước đây vẫn cho tiếng kêu của loại gà này báo hiệu có người chết.

Ngọc Hoàng sợ quỷ và người lên làm loạn thiên đình, nên hóa phép nâng trời lên cao hơn để cho cách biệt với trần gian[1].

Đồng bào Tày có truyện *Người kết anh em với quỷ* gần như là một với truyện trên:

Chạ - chàng mồ côi - làm được một đám đất trồng rau nhưng bị một con quỷ xuống nhảy nhót để chữa cái chân què, làm hỏng cả rau. Anh không bắt đền mà còn kết bạn với nó. Lành chân, quỷ cùng anh đi chơi đến kinh kỳ. Nhờ thuốc của quỷ, anh chữa mắt cho mọi người mà nổi tiếng, rồi nhờ chữa mắt cho công chúa mà xin được sáu chiếc "lông bù nhìn", dùng nó, anh câu được ngựa vàng, con vật có phép ỉa ra vàng và biết bay. Lại nhờ quỷ, Chạ lấy được vợ, vợ Chạ rất đẹp làm cho Ngọc Hoàng thèm muốn; Ngọc Hoàng bèn sai thiên sứ xuống định bắt cóc, nhưng quỷ cưỡi ngựa xuống trước, bảo vợ Chạ xoa nhọ nồi vào mặt, làm cho sứ giả thấy xấu xí không bắt, bỏ về, tâu rằng vợ Chạ quá xấu. Không tin, Ngọc Hoàng sai Thiên Lôi đi bắt. Nhờ quỷ xuống báo trước và bày cách chổng đít lên trời, làm cho Thiên Lôi lấy làm lạ, về tâu là vợ Chạ"bị ai chém mất đầu và bổ đôi ngực". Ngọc Hoàng vẫn không tin, lại sai tướng Mãng xuống. Quỷ lại báo trước và bày cho Chạ kế mời ăn cỗ trong có món củ ráy làm cho nó ngứa lưỡi. Tướng Mãng bị quyến rũ vì sắc đẹp của vợ Chạ, nhận lời mời, nhưng chất củ ráy làm cho hắn ngứa lưỡi đến điên người. Quỷ bảo hắn: -"Đã thế thì cắt đi để làm gì thêm khổ". Tưởng thật, tướng Mãng tự cắt lưỡi mình, rồi vì quá đau chạy về, không nói được nữa mà chỉ phát ra mấy tiếng "quái, quái" (cho nên ngày nay con mãng còn kêu "quái, quái"). Ngọc Hoàng giận dữ lại sai tướng Hổ mang đi bắt. Hổ mang nấp vào nồi chõ, chờ

1. Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt-nam*, tập III.

đến sáng Chạ dậy lấy chõ đồ xôi thì nhảy ra cắn. Quỷ lại mách. Sáng dậy, Chạ lấy vải bịt ngay miệng chõ, đem gác lên lửa. Nóng quá, Hổ mang kêu van xin tha mạng, sẽ không dám làm gì. Chạ mở cho ra, thì da Hổ mang đã bị phồng rộp lên và đen thui vì ám khói (cho nên ngày nay da hổ mang còn giữ dấu vết). Thấy tướng Hổ mang thân tàn ma dại, Ngọc Hoàng bèn cất thân ra đi. Không ngờ nóng nảy vội vàng, Ngọc Hoàng ngã lộn nhào từ trời xuống đất, chết không kịp ngáp. Thấy vậy quỷ lên trời bảo các quan thiên đình: - "Nay Ngọc Hoàng đã lấy được chị dâu tôi, ngài mê mẩn không về nữa. Ngài cho tôi lên ngôi thay ngài ít lâu". Quỷ được lên ngôi, đón vợ chồng Chạ lên trời[1].

Truyện *Chàng mồ côi* của người Lào cũng tương tự với hai truyện trên:

Thao Khăm-pha, mồ côi nghèo khổ ở với bà, một hôm nghe lời bà, đan một cái đó để bắt cá ở suối. Hôm sau đến xem thì không ngờ có một con cáo chui vào đó. Thấy cáo lạy lục xin tha, hứa xin báo ơn, anh thương hại bèn thả ra. Lần thứ hai một con hổ mắc vào đó. Vì hổ cầu xin nên lại thả. Lần thứ ba, một con tê giác, lần thứ tư một con voi, lần thứ năm một con ma (phi) Nọi, và lần cuối cùng một con rắn. Chúng đều được tha vì anh thấy chúng lạy lục và hứa báo ơn. Riêng voi tặng anh một chiếc ngà. Từ đó mỗi lần bà cháu đi vắng, nàng tiên ở trong ngà voi hiện ra dọn dẹp nhà cửa và nấu thức ăn, rồi biến đi trước lúc họ về. Sau đó Khăm-pha bất chợt đập vỡ ngà voi, buộc nàng tiên phải ở với mình làm vợ. Thấy nàng tiên ngà rất đẹp, một viên quan đem việc ấy báo với vua (pha-nha). Vua buộc anh nhường vợ không xong, bèn dùng kế. Đầu tiên bắt anh mang gà đến chọi với gà mình, nếu thua thì phải nộp vợ. Nhờ cáo hóa thành gà có móng sắc đá cho gà vua chết. Lần thứ hai, vua bắt đấu bò, nhờ hổ hóa thành bò húc cho bò vua lòi ruột. Lần thứ ba đấu voi, nhờ tê giác, voi vua cũng chết. Lần thứ tư vua bắt anh thi bơi thuyền với lính của mình. Rắn hóa làm thuyền giúp anh thắng cuộc, rồi tiếp đó họ hàng nhà rắn còn làm sập mái lầu đè lên vua. Vua chết, nhưng lại hóa thành ma Phi Hại. Phi Hại bảo bộ hạ hóa rắn nằm trong nồi chục cắn. Phi Nọi báo tin này cho anh. Anh bảo vợ nấu một nồi nước sôi đổ vào. Rắn chết, Phi Hại lại nhờ Mé Ngọt và Nốc Khậm đến cắn chết anh, nhưng chúng bị Phi Nọi giết. Phi Hại lại nhờ Bàng (cú mèo) đến kêu lên mấy tiếng. Nàng tiên ngà tự dưng tắt nghỉ. Phi Nọi bảo anh đừng vội chôn, để mình cứu. Đoạn đi tìm Bàng bảo ngồi vào sọt mang hồn nàng tiên ngà về nộp cho Phi Hại. Khi cùng ngồi vào sọt, Phi Nọi bảo hắn thử làm cho người chết sống lại xem tài năng thế nào.

1. Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn... *Truyện cổ Việt-bắc*.

Bàng "vỗ cánh rồi giơ một chân lên, đạp một cánh ra, rướn cổ rú một tiếng dài". Nàng tiên ngà sống lại. Phi Nọi kịp thời tóm lấy cổ Bàng cắt lưỡi. Phi Hại thất vọng mà chết.

Từ đó mọi người sống yên. Pha-nha chết không con nối, triều đình thấy Khăm-pha tài giỏi, liền cho voi đến rước anh lên ngôi. Anh từ chối, chỉ xin làm một người dân lương thiện như lời Phật dạy. Nghe nói thế, các quan cũng trả áo mão về nhà. Không có vua, dân chúng hưởng cảnh thái bình sung sướng[1].

Đồng bào Thái ở Tây-bắc cũng có truyện *Anh chàng lười* gần như là một với truyện của Lào: Có một chàng lười tình cờ kết bạn được với một con ma (phi) Gia hang. Ma bày cho anh đặt bẫy lần lượt bắt được cáo, hổ, voi, đều thả ra. Chúng hứa sẽ đền ơn, trừ con voi tặng ngay một chiếc ngà. Cũng có một cô gái đẹp ra khỏi ngà, rồi trở thành vợ anh. Cũng có tình tiết vua buộc anh lần lượt đưa gà, trâu, rồi voi đến đấu với gà, trâu, voi của vua, nhưng nhờ các con vật báo ơn nên anh đều thắng, không phải gán vợ. Vua tức giận mà chết, nhưng ở đây hồn vua lên trời tâu cáo với Ngọc Hoàng (then). Từ đây hình tượng có khác với truyện của Lào. Gia hang lên, ngồi rình ở dưới sàn nhà của Ngọc Hoàng nghe ngóng, thấy Ngọc Hoàng gọi bộ hạ xuống bắt hồn vợ chàng lười về. Một bộ hạ là sâu Ngoăn tong tâu: -"Tôi sẽ xuống đậu lên búi tóc của nó để bắt hồn". Gia hang kịp về báo cho bạn bảo vợ bôi nhiều dầu lên búi tóc rồi ngồi bên cạnh nồi nước sôi. Vì dầu trơn, sâu Ngoăn tong vừa đậu lên búi tóc đã rơi tuột xuống nồi nước sôi chết. Anh quẳng cho gà ăn. Hồn sâu về trời tâu cáo. Gia hang lại lên nghe ngóng thấy Ngọc Hoàng hỏi bộ hạ: -"Ai có thể đi?" Quạ đáp: -"Tôi sẽ xuống đậu ở thềm, nếu thấy nó ra, tôi quắp vào cổ bắt hồn về". Gia hang lại về trước dặn vợ bạn chớ có ra khỏi nhà, còn mình thì thủ sẵn cung nỏ chờ cho quạ đậu xuống, bắn một phát chết ngay. Gia hang lại theo hồn quạ lên trời, rắn nói sẽ xuống nằm trong ống thổi, khi nó nhóm bếp nấu cơm sẽ cắn lấy hồn. Chờ khi rắn chui vào ống, Gia hang lấy đá chặn lại rồi đốt lửa, rắn chết. Đến lượt ma Gia vang vâng lệnh Ngọc Hoàng xuống, bắt được hồn vợ chàng lười bằng cách kêu mấy tiếng "Khloát, khloát". Lần này khi lên trời, Gia hang đã thấy nhà trời ăn mừng giết trâu mổ lợn, uống rượu linh đình. Thấy tay Gia hang cầm một cái rọ lợn, chúng xúm lại hỏi cái gì. -"Để cho trẻ con chui vào chơi rất thú". Gia vang xin chui vào thử, và bị Gia hang buộc rọ lại xách về. Đến nhà chàng lười, Gia hang bảo: -"Mày hãy làm cho nàng sống lại, tao mới tha". Gia vang kêu lên mấy

1. Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon. *Truyện dân gian Lào*.

tiếng "Mơ-né, mơ-né", vợ chàng lười sống lại. Gia hang lại bảo: "Mày thè lưỡi tao xem". Lưỡi của Gia vang thè ra có ba mũi nhọn, Gia hang chỉ cắt bỏ cái mũi nhọn làm cho người ta chết[1].

Dân tộc Dao Cao-lan có một truyện đúng là một dị bản của *Cường Bạo đại vương*; những hình tượng của truyện này gợi cho ta rất nhiều về dấu vết một thần thoại xa xưa nay đã biến dạng:

Xưa có một người tên là Thang Vua có sức khỏe tuyệt trần, thú rừng và ma quỷ đều sợ. Thấy Thiên Lôi độc ác, anh bèn tìm đường lên trời định giết để trừ họa cho mọi người. Đi đến ngày thứ năm, một bà cụ gặp anh hỏi chuyện, rồi bày cho anh dựng một ngôi nhà nóc lợp lá ráy và lá chuối để bắt Thiên Lôi. Dựng xong, bà bảo anh giả cách đánh mình, và kêu la ầm ĩ. Nghe tiếng kêu, lại thấy người trẻ đánh người già, Ngọc Hoàng lại sai Thiên Lôi xuống trị tội. Nhưng vừa đứng lên mái nhà lá, Thiên Lôi bị hẫng, thụt hai chân xuống. Thang Vua nắm được hai chân, trói lại, nhốt vào một hang đá định chén thịt. Trong khi anh đi mời khách thì ở hang, Thiên Lôi đánh lừa hai đứa con của anh, bảo chúng cho mình xin một ngụm nước, và để đền ơn lại, Thiên Lôi nhổ một cái răng của mình bảo chúng đem gieo. Răng mọc thành một cây bầu có quả. Thiên Lôi dặn khi nào thấy mưa to gió lớn thì chui vào quả bầu. Dặn xong đâu đấy, được ngụm nước Thiên Lôi phun ra, tự nhiên biến thành bão táp mưa lụt, phá tung cửa hang. Thế là Thiên Lôi trốn thoát. Nhưng Thang Vua không phải là tay vừa. Vừa về, thấy Thiên Lôi đã lên trời, anh vươn vai một cái cao lên tận mây xanh, nắm được chân Thiên Lôi kéo xuống. Nhưng bấy giờ Thiên Lôi đã nắm được cửa nhà trời, không làm sao kéo xuống được nữa, Thang Vua bẻ lấy cặp giò đem về nấu ăn. Ở trên trời Thiên Lôi bèn bắt con gà trống nhà trời bẻ hai đùi chắp vào chân mình. Rồi để báo thù, Thiên Lôi tâu với Ngọc Hoàng xin cho một trận mưa bão và lụt kinh khủng cho người trần chết hết. Chỉ có hai đứa con của Thang Vua nhờ chui vào quả bầu nên không chết. Chúng trở thành ông bà tổ của loài người. Còn Thiên Lôi từ đấy mình người chân gà, hàng năm vẫn chưa quên mối thù cũ, vì vậy vẫn gây nên lụt bão[2].

1. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, tạp chí *Nhân loại (Anthropos)* (1921-1922).
2. Theo Đức Hùng, Phù Ninh. *Nàng Ái Kao*, Ty Thông tin văn hóa Tuyên-quang, 1974.

Dân tộc Ko-dong có truyện *Lưỡi búa của thần sét* cũng có tình tiết người trần bắt thần Sét và hình tượng con cóc gợi lên vai trò "Con cóc là cậu ông Trời" trong thần thoại của ta:

Y Reng là nô lệ của một tù trưởng, hàng ngày phải đi chăn một đàn trâu, nhưng vì bị đối đãi quá tàn tệ, một hôm liền nghĩ đến chuyện báo thù. "Phải có một lưỡi búa của thần Sét thì mới có thể giết được nó!" Bèn làm một cái bẫy sập lớn gài ở cửa hang. Đoạn bẻ cành cây làm cày, rồi bắt một con cóc vàng buộc vào cày bắt kéo. Vì cóc là dòng dõi của Ngọc Hoàng, nên khi thấy thế, Ngọc Hoàng nổi giận, sai thần Sét đi đánh Y Reng. Thần Sét cầm búa nhẩy xuống, vừa đến cửa hang thì bẫy sập, bị nhốt ngay vào trong. Thất cơ, thần Sét đành phải năn nỉ, cuối cùng phải cho Y Reng búa thần để đánh đổi lấy tự do. Nhờ có búa của thần Sét, Y Reng đã tiêu diệt tên tù trưởng[1].

Ngành Đơ-ruôn (Tây-nguyên) có truyện *Ông Sét* phần nào cũng gần với truyện *Cường Bạo đại vương*:

Trời sai thần Sét đem quân xuống trần đánh chết - ở đây không phải đàn ông mà là một người đàn bà - vợ anh Nâm ở một làng nọ. Trong khi Trời còn dặn dò thì một người bạn của anh Nâm ở thiên đình nghe lỏm được, vội xuống báo cho bạn biết và bàn cách cứu. Bèn sửa soạn rượu ngon thức nhắm tốt để sẵn ở chiếc lều dựng bên đường thần Sét đi qua. Đúng ngày giờ đã định, thần Sét búa giắt lưng, biến thành người, dẫn quân tới. Bạn anh Nâm mời họ vào tiếp rất niềm nở. Thần Sét chưa bao giờ được uống thỏa thích đến thế nên say mềm, cùng bộ hạ lăn ra ngủ quên. Khuya lại, tỉnh dậy thì đã quá hạn không đánh được nữa, đành lủi thủi trở về[2].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Đánh thần Sét* cũng có tình tiết mời thần Sét ăn uống:

---

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II. Truyện *Em Cốc* của dân tộc Hrê (Hré) cũng kể y như trên, duy đoạn kết có chi tiết như sau: Sau khi chiếm được búa của thần Sét, một hôm em làm mất một con trâu. Tù trưởng định giết em thế mạng trâu. Em xin hắn khoan cho một đêm để về cúng mẹ và từ giã dân làng. - "Được, ta cho sống đến mai". Bèn đào sẵn một cái hố để đợi khi em đến, hắn sẽ đẩy em xuống hố, nhưng không ngờ em rút búa thần Sét ra, một ánh chớp sáng lòa nổ rầm trời. Tù trưởng chết, dân làng tới chia của cải của hắn. (Theo Đỗ Thiện, Ngọc Anh, Đinh Văn Thành. *Truyện cổ Tây-nguyên*).
2. Theo *Truyện cổ Tây-nguyên*, đã dẫn.

Thần Sét thấy một nhà nọ ở dưới trần có cô gái đẹp đang quay tơ, bèn nhảy xuống gây nên một tràng sấm. Thấy cô gái giật mình kinh hãi, thần nói: -"Cô đừng sợ, có tôi, tôi sẽ vì cô che chở". Sau khi tán chuyện, thần Sét lại vác búa đi. Cô về kể chuyện vừa rồi cho chồng chưa cưới của mình. Anh bảo: -"Làm một bữa cơm ngon đón thần Sét xuống, ta sẽ có cách". Khi thần Sét đến, anh lại dặn dò cô gái: -Nếu thần hỏi lấy em, em cứ giả tảng đồng ý". Cô gái dọn ăn, thần Sét không từ chối. Ăn đoạn, thần Sét hỏi cô gái về chuyện hôn nhân. Thấy cô gái gật đầu, hắn mừng: -"Tốt lắm". Khi thần Sét hỏi ý kiến chàng trai, anh đáp: -"Đó là vinh hạnh của chúng tôi". -"Bao giờ thì cưới được" - "Ba hôm nữa, chỉ xin đến một mình thôi". Anh liền đặt trong bếp một cái vò miệng nhỏ, bỏ các món ăn thơm tho vào. Đúng hẹn thần Sét đến, cô gái mời mọi người ăn uống no say. Nhưng thần Sét vốn tay ăn khỏe, còn đói, nửa đêm vào bếp lục lọi, cuối cùng chui đầu vào vò. Chàng trẻ tuổi đã rình sẵn, thấy vậy bèn hô lớn: -"Trộm! trộm! Đánh đi!" Thần Sét kinh hoàng không rút đầu ra kịp, bèn đội cả vò mà chạy. Gậy nện như mưa, may mà chạy được một quãng đụng đầu vào cột nhà, vò vỡ, nhờ vậy trông thấy đường đi, thần Sét bèn một mạch phi về Trời, không dám ngoảnh cổ lại. Từ đấy, những lúc gây chuyện sấm sét ở dưới trần, thần thường giấu mặt vì sợ xấu hổ[1].

Trung-quốc có truyện *Điền Phương Sinh đánh chết Diêm vương*, tuy mang chất khôi hài, cũng gần như là một dị bản của truyện *Cường Bạo đại vương*:

Một nông dân mưu trí tên là Điền Phương Sinh bị Diêm Vương sai một tên quỷ xuống bắt. Nghe tiếng quỷ gọi, Điền Phương Sinh nhìn qua khe cửa đoán ra nguy cơ, bèn lấy lưới làm thành một cái vợt bắt cá, rồi giả vờ lên tiếng bảo quỷ chui vào chỗ thủng của mái tranh. Quỷ rơi tọt vào lưới. Điền bắt bỏ vào chum nút kín, đoạn đào hố bỏ xuống lấp đất lại. Diêm vương chờ mãi không thấy quỷ về, bèn lại sai một tên quỷ khác đi. Biết quỷ này mắt toét, nên khi hắn gọi cửa, Điền làm bộ đáp: - "Vâng, cho tôi nấu xong nồi thuốc chữa toét mắt đã". - "Nấu thêm cho ta với". Anh nấu cao da bò, khi tra vào mắt quỷ, quỷ không còn thấy đường lối nào nữa, bị đẩy xuống giếng sâu. Diêm vương chờ không được, lại sai một quỷ khác xuống đòi. Thấy tên quỷ này đi chân không, Điền làm bộ nói: -Tôi đang bận rèn một tý". - "Rèn gì?" quỷ hỏi.

1. Theo Đinh Tú: *Truyện cổ tích Diến-điện.*

-"Rèn giày để đi đường xa" - "Rèn hộ cho ta một đôi". Điền bèn lấy lưỡi cày nung đỏ. Quỷ bị bỏng chạy về, kêu khóc ầm ĩ. Giận quá, Diêm Vương bèn tự thân ra đi. Đến nơi bắt Điền Phương Sinh, Điền nói: - "Vâng tôi xin đi, nhưng ngài cưỡi ngựa thiên lý thì làm sao theo kịp, vì tôi có trâu vạn lý" - "Hãy đổi cho ta" - "Vâng, nhưng ngài phải thay quần áo kẻo nó lạ hơi người". - "Đổi ngay cho ta". Điền bèn đổi áo cho Diêm vương, lại vẽ mặt cho Diêm vương giống mình, mình giống Diêm vương. Anh xuống trước bảo quỷ sứ đón, hễ thấy Điền Phương Sinh đến thì đánh chết tươi. Trâu đi quá chậm. Diêm vương phải cuốc bộ, cuối cùng khi về đến cõi âm bị quỷ sứ đánh chết[1].

Tóm lại, truyện *Cường Bạo đại vương* có nguồn gốc là một thần thoại và dường như chỉ lưu hành trong một khu vực nhất định ở Đông nam Á, trong đó có Việt-nam.

1. Theo Lê Bá Cơ. *Đánh chết Diêm vương*.

165. MŨI DÀI

Ngày xưa, có một anh chàng trẻ tuổi tên là Đê. Nhà anh nghèo khó, cha mẹ phải cho đi ở tại một nhà lão trọc phú. Trọc phú bắt anh chăn trâu. Nhưng anh có thói ham chơi bời, khi đã lao vào cuộc đánh khăng, đánh đáo hay bày trận, thả diều thì chẳng còn biết gì trời đất. Vì thế đã nhiều phen anh để cho trâu ăn lúa, ăn khoai và cũng nhiều phen, anh bị chủ nọc đánh dữ dội.

Một hôm, Đê cùng các chúng bạn bày cuộc thi bơi lội. Đàn trâu thả trên đồi vắng. Cuộc tranh lèo giật giải đã đến độ làm cho Đê không rút ra được. Hết lặn đến hụp, bơi sấp đến bơi ngửa, cuộc vui kéo dài mãi đến gần trưa. Bỗng nhiên khi nhìn lên đàn trâu thì thấy mất hút một con. Con trâu ấy lại là con của Đê chăn. Bọn trẻ hoảng hốt chia nhau đi tìm hết bụi bờ này đến lùm đồi kia, chẳng thấy tăm hơi đâu cả. -"Thôi rồi, trâu thằng Đê bị kẻ trộm dắt đi rồi!" Bọn trẻ la lên như vậy, rồi đứa nào đứa nấy dong trâu của mình về nhà. Chỉ một mình Đê ở lại vật vã kêu trời khóc đất. Khóc một hồi lâu rồi anh ngủ quên.

Đang ngủ, thốt nhiên anh tỉnh dậy vì có cái gì chạm vào mặt. Anh hé mắt nhìn thấy một đàn quạ đang xúm xung quanh. Thì ra chúng tưởng có xác chết nên kéo đến định làm bữa chén. Một con sà vào toan mổ mắt. Thấy thế, Đê lập kế thình lình vùng dậy chụp được chân một con quạ, còn những con khác thì bay tán loạn.

- Hừ, ta sẽ cho mày hay. Dám đến mổ vào mắt ta ư!

Nghe nói thế, quạ hết lời van vỉ:

- Xin ngài tha cho tôi, tôi sẽ biếu ngài một vật quý.

- Vật gì, đưa đây xem!

Quạ vội nhả từ trong miệng ra một viên ngọc nhỏ nhưng sáng lấp lánh, đưa cho anh và nói:

- Đây là viên ngọc quý nhất thế gian. Ngài muốn cầu xin việc gì sẽ có ngay vật đó!

Đê nghĩ:

- Vậy sẵn ta đang mất con trâu, thử cầu xem có hiệu nghiệm chăng.

Bèn nói to:

- Ngọc! Ngọc! Ta muốn được một con trâu thay cho con vừa mới mất!

Bỗng chốc từ dưới chân đồi lững thững đi lên một con trâu. Vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ, anh vội trả tự do cho quạ rồi cưỡi trâu về.

*

* *

Từ đó Đê trở nên sung sướng, giàu có. Anh trả trâu cho trọc phú rồi trở về nhà ở với cha mẹ. Nhưng anh chỉ mới dám cầu những cái lặt vặt. Một hôm anh lấy ngọc đặt trong lòng bàn tay rồi nói:

- Ngọc! Ngọc! Ta muốn có một tòa lâu đài lộng lẫy và giàu có.

Tự nhiên sáng hôm sau ngủ dậy, anh không còn thấy mái nhà tranh lụp xụp của bố mẹ nữa, thay vào đó là một ngôi lầu cao ngất, mái ngói tường hoa, cột kèo chạm trổ tinh vi. Đặc biệt là trong nhà mọi thứ bày biện rất sang, kẻ hầu người hạ nhộn nhịp, ngoài vườn cây cối um tùm, trước sân hoa thơm cỏ lạ không thiếu thứ gì. Đê chưa bao giờ thỏa thích đến thế.

Chẳng bao lâu Đê lại lấy ngọc ra cầu:

- Ngọc! Ngọc! Ta muốn có một người vợ đẹp.

Lời ước vừa dứt thì anh đã thấy có một người từ ngoài cửa bước vào. Đó là một mụ mối tìm đến đánh tiếng cô con gái một vị trưởng giả trong vùng. Sau khi cùng mụ đi chợ coi mắt, anh thấy cô gái đúng là một giai nhân mày ngài mắt phượng, xem chừng thiên hạ khó có ai hơn. Mụ mối còn nói:

- Trưởng giả đang lác mắt về sự giàu có của anh. Nếu anh muốn, tôi sẽ lo liệu chu toàn và nhanh chóng.

Đê hết sức mừng rỡ, bèn giao cho mụ mối và người hầu thay mình định liệu mọi việc. Quả như lời mụ nói, không đầy một tuần, cô gái tuyệt sắc nọ đã trở thành vợ anh.

Nhưng anh đâu có ngờ vợ mình lại là một người xấu bụng. Lấy chồng, nàng chỉ muốn giúp bố nàng khám phá cho ra cái bí quyết làm giàu nhanh chóng của chồng. Vì vậy, sau khi về làm vợ Đê, nàng thường tỷ tê dò hỏi mọi việc. Nhưng Đê không muốn để ai biết được điều bí mật của mình. Anh chỉ đáp giả lả cho qua trước những câu hỏi tò mò của vợ. Viên ngọc quý anh luôn luôn cất vào một nơi kín đáo. Tuy vậy vợ anh vẫn cố công dò la tìm hiểu không nản. Một hôm vợ mua rượu phục cho chồng uống bí tỉ. Trong cơn say, anh quên hết mọi việc, có gì bí mật đều phun cho vợ biết cả. Nhè lúc Đê nằm mê man, người vợ bèn lấy trộm viên ngọc, rồi lẻn về nhà trưởng giả.

*

* *

Khi Đê tỉnh dậy, chàng thấy vắng bóng vợ. Đi tìm ngọc cũng không thấy đâu. Biết vợ mình đã lấy trộm mất viên ngọc quý, chàng đành sang nhà trưởng giả mong lấy nghĩa lý làm cho vợ hồi tâm. Nhưng không những vợ anh không chịu nhận việc lấy ngọc, mà anh còn bị ông bà trưởng giả xua đuổi thậm tệ. Vừa mất ngọc vừa mất vợ, Đê buồn quá đỗi, thất thểu ra về. Qua một ngôi đền, anh ghé vào nghỉ chân, rồi khi nghĩ đến ngọc, anh khóc tức tưởi. Bỗng có một vị thần râu dài tóc bạc hiện ra trước mặt hỏi:

- Làm sao con lại khóc?

Đê kể lại tình đầu, không giấu giếm một tý gì.

Vị thần bảo:

- Con đừng buồn! Ta sẽ bày cho con một cách lấy lại vật quý.

Nói rồi vị thần bước tới chỗ bình hoa trên hương án, bẻ một bông hoa trắng và một bông hoa đỏ, và nói:

- Con hãy mang bông hoa trắng này gài vào cửa nhà nó. Nhất định nó sẽ gặp chuyện không hay. Lúc đó con sẽ dùng bông hoa đỏ để lấy lại viên ngọc.

Nói xong vị thần biến mất. Theo đúng lời thần dặn, Đê bèn đem bông hoa trắng lén đến gài ở cửa sổ nhà trưởng giả, chỗ buồng của vợ rồi ra về.

Lại nói chuyện vợ Đê bấy giờ đang ngồi mân mê viên ngọc quý, chợt ngửi thấy một mùi thơm ngạt ngào tỏa khắp gian phòng. Theo mùi tìm kiếm, chẳng mấy chốc nàng đã thấy bông hoa gài ở cửa.

- Quái, làm sao lại có thứ hoa thơm kỳ lạ thế này.

Vừa nói, nàng vừa cầm hoa lạ đặt vào mũi hít lấy hít để. Vợ chồng trưởng giả thấy mùi thơm cũng chạy vào cầm lấy bông hoa xem và cũng đưa lên mũi thưởng thức mùi thơm. Nhưng chẳng mấy chốc, họ cảm thấy đầu mũi ngứa ngáy, họ bèn ra sức gãi, nhưng càng gãi mũi càng sưng, và dần dần mọc dài ra. Họ cùng la lên:

- Ôi! Cái hoa này có ma. Mũi tôi làm sao lại thế này. Ba người nhìn nhau vô cùng hoảng sợ, vì thấy mũi của người nào người ấy không ngừng nhô thêm mãi. Trước chúng còn dòm mồm, sau đã dài quá cằm. Nhưng chúng vẫn chưa chịu dừng. Mũi vẫn thòng xuống quá ngực rồi quá bụng, và còn dài xuống nữa, xuống nữa, gần chấm đất mới chịu thôi.

- Ôi! Xấu hổ quá, trông như cái vòi voi!

Vợ Đê nước mắt đầm đìa nghĩ đến nhan sắc có một không hai của mình trước đây. Cả mẹ lẫn con vội trốn vào buồng tránh mặt kẻ hầu người hạ. Chỉ có trưởng giả lấy khăn che mặt, hối hả bảo người nhà đi mời thầy thuốc. Nhưng khi nhìn thấy bệnh lạ, thầy thuốc nào cũng lắc đầu:

- Cái mũi này của cụ chỉ còn có nước cắt, nhưng cắt chưa chắc đã lành, nó chỉ làm xấu thêm và nguy hiểm nữa là khác.

*

*   *

Hai ngày sau, Đê mới chạy sang nhà bố mẹ vợ, trong bọc có thủ sẵn bông hoa đỏ. Khi thấy cái mũi dài của trưởng giả, Đê không nhịn được cười, hiểu rằng đó là do sự mầu nhiệm của bông hoa thần. Trước câu hỏi của Đê, trưởng giả kể lại đầu đuôi. Đê đáp lời:

- Cái đó không có gì lạ. Nó do việc lấy trộm ngọc của vợ tôi mà ra. Nếu trả lại viên ngọc ấy cho tôi, tôi sẽ có phép làm cho mũi ngắn lại và lành lặn như cũ.

Trưởng giả không còn cách nào khác, đành giục con gái trả món bảo vật lại cho chồng. Sau khi đã nhận đúng viên ngọc của mình, Đê bèn

đưa bông hoa đỏ ra cho họ ngửi, chỉ trong chốc lát, cái vòi dần dần co lại, co lại cho đến khi mũi trở lại nguyên hình như xưa.

Đê đưa vợ về, hai vợ chồng từ đó sống với nhau hòa thuận, vui vẻ. Mỗi lần làng xóm có việc gì khó khăn, họ lại cầu xin với Đê để nhờ viên ngọc giúp đỡ.

Về sau, lúc Đê đã già yếu, một hôm đang nằm trên giường bệnh, bỗng thấy con quạ năm xưa đến đậu ở cửa sổ nói vọi vào:

- Trả ta viên ngọc! Trả ta viên ngọc!

Nghe nói, Đê liền thò tay xuống dưới gối lấy viên ngọc giơ ra cho quạ, nhưng chưa kịp trao thì quạ đã nhảy vào chộp lấy ngọc trên tay rồi bay đi mất[1].

KHẢO DỊ

Việt-nam còn có truyện *Mẹ con hoàng hậu bị dài mũi* là một dị bản của truyện trên:

Có hai bố con nhà kia, bố sắp chết dặn con chôn mình xuống ao trước nhà, ba năm sau tát ao thấy cái gì thì cứ lấy mà dùng. Người con theo đúng lời dặn, tát ao được một cái túi, một thắt lưng và một chiếc sáo. Túi càng giũ càng ra tiền bạc; thắt lưng thắt vào, người tự nhiên nhẹ bổng chạy như bay; sáo thổi lên, có nhiều quan quân hiện ra xung quanh bảo vệ. Gặp dịp nhà vua kén rể, người con mang cả ba thứ đó đến trổ tài. Anh dùng thắt lưng chạy vù đến kinh đô. Rồi trước mặt vua, anh giũ túi ra một đống bạc. Khi người của vua xông lại, anh thổi sáo liền có quân gia hiện ra canh giữ không cho lấy. Vua sợ, cho anh đính hôn với công chúa, bảo công chúa và hoàng hậu đánh cắp các bảo vật, rồi đuổi đi. Thất vọng, anh đi hái củi để sống. Gặp một cây na, ăn thử một quả thấy ngứa mũi, càng gãi mũi càng dài, tới một nơi nọ khát nước, anh vục xuống một cái ao giải khát, không ngờ nước ao ấy lại làm cho mũi anh ngắn lại như cũ. Anh lấy những quả na và một lọ nước, đưa về kinh cải trang, rao bán cho vua. Mẹ con hoàng hậu ăn na vào, mũi mọc dài thêm. Tìm thầy chữa, mũi càng dài thêm đến một sải. Bấy giờ anh chàng đóng bộ một người con gái ăn mày xin vào chữa, bảo là phải đánh vào người, đem phơi

1. Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ*, số 8 (1940) và Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn.

nắng ba ngày mới khỏi. Anh đánh công chúa trước, sau đó bôi một tý nước, mũi có co lại. Qua ngày thứ ba, anh không bôi, chỉ nói: -"Thế là không thể khỏi hẳn được, chắc là có phạm một lỗi gì đó, như lấy cái gì của ai chẳng hạn". Công chúa thú nhận có lấy chiếc sáo, rồi thắt lưng. Đưa trả, anh chữa thêm cho công chúa và nói: -"Còn gì nữa, trả cho hết mới khỏi hẳn". Cuối cùng công chúa trả cái túi. Anh nói: -"Chúng mày là đồ gian ác, phải chịu số phận dài mũi là đúng". Rồi bỏ đi[1].

Truyện trên cũng khá phổ biến ở Âu và Á. Hình ảnh của các dị bản có khi là chiếc mũi mọc dài như vòi voi giống truyện của ta. Đó là truyện của Đức (do Grim (Grimm) sưu tập), truyện của Ý (Italia) ở La-mã và truyện của Iếc-lăng (Irlande), nhưng không phải ngửi hoa mà là ăn phải quả táo hay quả vả. Có khi là đầu mọc sừng, như truyện của Pháp, của Ả-rập (Arabie). Có khi mọc đuôi như truyện của Ý (Italia) ở Mác-sơ (Marche), hay hóa thành đầu nai như truyện của Ê-cốt-xơ (Écosse). Lại cũng có khi hóa khỉ như truyện của Ấn-độ, hay hóa lừa như truyện của người Can-múc (Kalmouks), v.v... Sau đây là một số truyện có hình ảnh đầu mọc sừng. Trước hết là truyện của Pháp: *Túi tiền, cái còi và cái mũ*, gần với dị bản của ta vừa kể:

Có ba anh em: một người là đội, một người là cai và một người coi phu dịch, đều có nhiệm vụ luân phiên gác rừng. Một hôm đến lượt người thứ ba. Đang gác bỗng thấy một bà già đến nhà xin sưởi, anh nói: -"Đừng có vào, các anh tôi mà dậy thì chúng giết bà mất". Bà già đáp: -"Ta sẽ cho anh một cái túi". -"Để làm gì?" -"Hễ thò tay vào khi nào cũng có năm lu-i". -"Đưa đây!". Anh cho bà già vào để được cái túi. Tối mai, đến lượt người thứ hai. Chuyện cũng xảy ra như trên, nhưng lần này không phải túi tiền mà là một cái còi, thổi vào có thể xuất hiện binh lính. Đêm khác lại đến lượt người thứ nhất, nhưng lần này lại là chiếc mũ đưa đi bất cứ đâu.

Một hôm, người thứ ba chơi bài với một công chúa. Công chúa có một tấm gương nhìn vào có thể thấy được bài của đối phương. Thế là anh thua, mất cả túi tiền. Trở về rừng gặp lại bà già, bà già hỏi tại sao mà buồn. Anh cho biết sự thật, bà bảo mượn cái còi sẽ gỡ lại cái túi. Nhưng anh lại thua cay, mất luôn cả còi. Bà già bảo đi mượn cái mũ, lại đến lượt mất cả mũ. Bà già bèn cho anh mấy quả táo: -"Đây có năm quả, đem bán cho công chúa". Công chúa mua táo, cho người nữ tỳ hai quả, mình ăn ba. Kết quả nữ tỳ mọc hai sừng trên

1. Theo *Truyện cổ Hà-sơn-bình*, Ty Thông tin-Văn hóa Hà-sơn-bình, 1977.

đầu, công chúa mọc ba. Gọi thầy thuốc đến cắt, càng cắt càng mọc khỏe. Lúc này bà già lại trao cho anh hai chai nước: -"Đây, chai này làm mọc sừng, chai kia làm mất sừng, anh đến liệu mà lấy lại các vật đã mất". Cải trang đến lâu đài, anh tự xưng là lang y có thể chữa rụng các sừng. Anh hữu ý cho người nữ tỳ uống nước rụng sừng, còn công chúa uống nước mọc sừng. Công chúa hỏi: -"Tại sao đối với tôi, thuốc không công hiệu?". Đáp: -"Ấy, chắc có chuyện gì đó thuộc về lương tâm". -"Không có". -"Thế thì tại sao một người lành bệnh một người lại mọc thêm. Phải thành thực hối lỗi mới xong". - "À, tôi có lấy của người ta một cái túi quái ác". - "Đưa đây cho tôi, cần phải trả lại cái gì không phải của mình". Anh chỉ cho công chúa uống rụng một cái sừng sau khi nhận lấy cái túi. Rồi lại nói: -"Dường như chưa hết tội lỗi". - "Ta có lấy một cái còi dơ bẩn", công chúa tiếp. - "Đưa đây, phải trả lại chứ". -"Ừ thì trả". Anh lại cho uống rụng sừng thứ hai. Lại nói như trên. Công chúa thú nhận: -"Ta có lấy cái mũ thổ tả". -"Đưa đây". Nhưng khi lấy lại chiếc mũ, anh ba chân bốn cẳng bỏ đi, mặc kệ công chúa với chiếc sừng còn lại[1].

1. Một dị bản sưu tầm ở Ê-cu-rây (Écoureil) đại khái cũng có ba người đều là lính từ chiến trường về, vào một lâu đài đẹp thấy có cơm dọn sẵn bèn cùng nhau ăn. Ăn xong, họ dạo vườn được một con mèo cho ba vật quý: người thứ nhất được một túi luôn luôn có đầy tiền, người thứ hai được một chiếc đũa có thể gọi ra quân lính, người thứ ba được một tấm phiếu có phép mang người đi bất cứ đâu. Sau đó cũng có tình tiết chơi bài với một công chúa. Công chúa vét bàn và lấy làm ngạc nhiên thấy anh thứ nhất không khi nào hết tiền. Bèn làm một cái túi y như thế đánh tráo. Mất cái túi mầu nhiệm, anh mượn chiếc đũa thần của bạn, cũng mất. Sau nữa mượn tấm phiếu thần mời công chúa đi chơi biển. Tấm phiếu đưa họ ra đảo. Thấy một cây táo có quả, công chúa bảo anh trèo lên hái. Anh trèo, vô tình đánh rơi tấm phiếu. Công chúa nhặt lấy và hô lên để phiếu đưa một mình mình trở về. Anh chàng ở lại hái táo ăn, không ngờ đầu mọc sừng. Anh lại đi lang thang chỗ khác thấy cây lê, hái lê ăn thì những sừng trên đầu lại rụng đi. Anh gặp một bà tiên, bà bảo anh cải trang thành người bán hoa quả, hái quả ấy về bán. Người nữ tỳ mua táo cho công chúa ăn, công chúa mọc sừng. Trong khi thầy thuốc bó tay thì cũng như truyện trên, anh chàng đóng giả lang y, được mời vào lâu đài chữa cho công chúa. Lần đầu, thầy cho uống thuốc nhì nhằng không công hiệu. Thầy bảo: -"Nếu trong lòng có tội lỗi mà không sám hối thì bệnh này rất khó chữa". Công chúa nói: -"Để mai tôi sẽ đi xưng tội". Sáng mai anh đến trước, nấp vào chỗ rửa tội, bảo công chúa: -"Có chuyện gì thuộc về lương tâm cứ nói thật thì sừng mới rụng". - "Tôi có lấy một cái túi quái ác". Anh đưa cho ăn hai quả lê làm rụng một số sừng. Và cứ thế...

Giống với các truyện trên là truyện đồng bào Thái (Nghệ-an): *Quả chuối tiêu kỳ lạ*:

Có bốn cha con được ông thần thưởng cho về nết không tham: một cái "nắp ép khẩu" có thể làm ra gạo, một con dao cùn có thể hạ bất cứ cây rừng nào và một cái gậy có thể đi bất cứ đâu; nhưng thần lại không cho biết tính mầu nhiệm của chúng. Hai người anh từ khi thấy "nắp ép khẩu" làm ra gạo thì sinh lười và hư, trừ người em siêng năng nên phát hiện ra sự mầu nhiệm của hai vật sau. Anh dùng dao cùng với bố vỡ nương, lại dùng gậy đi đến cung vua, được công chúa yêu, nhưng vua - bố công chúa - thấy anh thuộc dòng hèn hạ thì không bằng lòng, đòi phải làm một con đường bằng gạo mới gả công chúa. Nhờ "nắp ép khẩu", anh làm không khó khăn. Khi đánh hơi thấy anh có vật quý thì vua thuận gả, nhưng lại ép anh rượu say để anh phun mọi bí mật. Rồi làm bộ không tin, vua bảo anh mang đến làm thử cho xem. Thế là tiếp đó anh bị giam cầm, mọi bảo vật đều bị tước đoạt. Nhờ người canh ngục giúp đỡ, anh thoát khỏi ngục lên rừng, không ngờ bắt gặp một cây chuối tiêu có quả to kỳ lạ. Anh ăn một quả tự nhiên đầu mọc nhiều sừng. Sau đó gặp một cây cam có quả, ăn vào thì sừng lại rụng. Anh bèn cải trang mang chuối về dâng vua làm cho cả hoàng gia đều mọc sừng, trong cung rối rít cả lên. Anh lại đóng bộ thầy thuốc vào chữa, và cũng như các truyện trên, cho bệnh nhân biết chỉ có bày đàn cúng oan hồn chàng rể với những vật của nó thì mới hy vọng lành. Vua chỉ đưa con dao cùn. Anh cho ăn một múi cam, sừng rút ngắn một tí. Anh làm bộ không chữa nổi, bỏ về. Vua cuống quýt mang nốt hai vật kia ra trả, nhưng anh mắng cho vua một trận rồi cưỡi gậy thần mà đi. Vừa xấu hổ, vừa uất ức, vua hộc máu mà chết. Còn anh sau đó lấy được một cô khác nết na làm vợ[1].

Người Pháp còn có một truyện *Phor-tuy-na-tuyx* (Fortunatus) xuất bản từ năm 1530, nội dung cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một anh chàng phiêu lưu tên Phor-tuy-na-tuyx lạc vào rừng, nhận được của bà Tài thần một cái túi không bao giờ cạn tiền. Sau hắn lại dùng mẹo chiếm của một ông vua (xuyn-tăng) ở A-lếc-xăng-đri một cái mũ có thể chở đi theo ý muốn. Hắn chết để hai vật quý lại cho hai con trai Ăm-pê-đô và Ăng-đa-lô-

---

... cho đến khi anh lấy lại được cả ba vật quý. Anh bảo tấm phiếu mang mình đến nhà các bạn để trả lại. Sau đó cả ba trở lại và họ được kết duyên với các cô công chúa.

1. Theo *Truyện cổ Thái*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1980.

si-a. Người con đi du lịch với cái túi bị A-grip-pin, con gái vua nước Anh biết và chiếm lấy túi. Trở về lấy cái mũ thần của người anh, anh vào lâu đài vua Anh, dùng mũ đưa công chúa đến một nơi hoang vắng ở Hi-béc-ni. Ở đây có những cây táo sai quả. Công chúa đòi ăn, anh gửi mũ để trèo lên cây. Lập tức công chúa ước một mình trở về lâu đài. Ăng-đa-lô-si-a hoảng quá, nhưng họa vô đơn chí, anh ăn táo và đầu mọc hai sừng, đành ngồi than khóc. Một tu sĩ đi qua nghe tiếng khóc, bèn chỉ cho một loại táo khác ăn có thể làm mất sừng. Thế rồi cũng như các truyện trên, anh cũng trảy cả hai loại táo, tìm cách về Luân-đôn bán loại thứ nhất cho công chúa, rồi giả đóng bộ lang y chữa cho rụng sừng trước khi lấy lại các vật quý. Đoạn bảo mũ mang cả mình và công chúa đến một nhà tu kín, rồi bỏ nàng lại đấy mà đi.

Trong văn học phương Tây thời Trung đại cũng có một quyển truyện kể một hoàng tử nhận của cha mình ba vật quý. Anh bị rơi vào bẫy của một cô gái đẹp; cô này đánh hơi biết được giá trị của ba vật bèn tìm cách chiếm đoạt. Cuối cùng hoàng tử bị cô gái phản bội mang đi bỏ trong một sa mạc. Đói quá, anh đi thất thểu, dọc đường thấy có loại quả cây, ăn vào không ngờ bị bệnh hủi. Lại ăn một quả khác thì lành. Khi đến một xứ nọ, anh thử dùng loại quả thứ hai chữa cho một người hủi, được họ coi là bậc đại lang. Về đến thành phố cũ, đại lang y (hoàng tử) được cô gái đón vào nhà chữa bệnh, nhưng cô ta không nhận ra diện mạo của anh. Vị đại lang nói: -"Bệnh này sẽ lành nếu bà biết sám hối những tội lỗi đã phạm trước đây, nếu không tôi cũng bó tay". Cô kia thú nhận. Nhưng ở đây sau khi đã lấy lại ba bảo vật, hoàng tử cho kẻ thù ăn quả cây hóa hủi, rồi bỏ đi biệt[1].

Truyện Ấn-độ:

Một ông vua chuẩn bị một chuyến du lịch. Bèn giao nước lại cho quan đầu triều, bảo rằng nếu quá một năm mà mình chưa về, thì y phải giao nước cho quan thứ hai của triều đình để đi tìm mình. Vua đi đến nơi gặp bốn tên trộm, trộm được bốn vật quý, đang cãi nhau không ai chịu ai. Bốn vật quý là: một gươm có thể chặt đầu kẻ thù ở cách xa, một bát sứ chỉ cần ra hiệu là có thức ăn ngon, một tấm thảm có thể hái ra tiền và một cái ngai có thể mang người đi bất cứ đâu. Được chọn làm trọng tài, vua bảo ai lặn xuống nước được lâu hơn thì kẻ ấy chọn lấy cái quý nhất, v.v... Khi họ hụp đầu, vua vội cướp lấy tất cả, rồi trèo lên ngai bảo nó đưa mình đến một thành phố xa. Ở đây vua

1. Trong *Ghe-xta Rô-ma-nô-rum (Gesta Romanorum).*

mê một gái đĩ nổi tiếng đẹp và lấy vàng từ tấm thảm để cung phụng. Ngạc nhiên vì tấm thảm lạ, cô gái sai đầy tớ rình biết được giá trị tấm thảm và các vật khác, bèn dỗ cho vua mang mọi thứ tới, đoạn rủ đi gặp vua nước mình để cùng nhau đi săn. Khi hai ông vua ra đi thì nàng lấy trộm giấu kín các của quý, đoạn nổi lửa đốt nhà. Từ xa nhìn thấy lửa, vua vội chạy về thì đã thấy cô gái làm bộ xõa tóc nằm giữa đất than khóc. Vua hỏi: -"Những vật kia đâu?" -"Không biết".Thế là hết tiền, vua bị gái đĩ hắt hủi, và cũng không có cách nào để trở về nước.

Một năm trôi qua, quan đầu triều y hẹn bỏ đi tìm vua. Đến một nơi nọ, có một cái giếng nước đen sôi sục, một con chồn đến uống nước có một vài giọt bắn lên đầu nó, tự nhiên nó hóa thành khỉ. Thấy vậy ông quan bèn múc lấy một bình mang đi. Khi gặp vua, ông đưa cho vua vàng, bảo lại tìm đến nhà gái đĩ và đưa mình đi theo giả làm đầy tớ. Trong lúc nói chuyện, quan đầu triều lén nhỏ nước lên đầu cô gái và cô liền hóa khỉ. Người nữ tỳ thấy vậy sụp lạy xin làm cho chủ trở lại nguyên hình. -"Phải đưa đây cây gươm, bát sứ, tấm thảm mới được". Người nữ tì mang đến, hai người vội trèo lên ngai, chỉ một lúc sau đã trở về nước cũ.

Những truyện dưới đây đều kết hợp một phần với mô-típ truyện *Con chim khách mầu nhiệm* (số **153**). Ví dụ một truyện khác của Ý (Italia):

Một chàng trẻ tuổi ăn quả tim một con chim mầu nhiệm nên mỗi sáng đều nhặt được ở dưới gối một hộp tiền. Trong khi đi du lịch đến một thành phố nọ, chàng trai nghỉ ở nhà một người đàn bà và cô con gái của bà. Cô gái rất đẹp làm cho anh vui miệng khoe khoang số phận của mình và nói toạc cái bí mật của món của cải thu hoạch đều đặn hàng ngày. Mẹ con động lòng tham, bèn cho anh chàng ăn một thứ thuốc làm cho quả tim chim bật ra ngoài để chiếm lấy, đoạn đuổi anh ra khỏi cửa. Nhờ được một bà tiên thương hại cho một chiếc nhẫn thần có phép đưa người đi xa, anh lại trở lại nhà cô gái, không ngờ cô gái cũng lại biết được. Cô đề nghị đi chơi núi. Cuối cùng cô bỏ anh trên núi cao rồi trộm nhẫn thần trở về một mình. Ở đây anh chàng đói bụng cũng tìm ăn, nhưng không phải táo mà là một thứ xà lách, tự nhiên hóa thành lừa. Lừa đi lần xuống chân núi gặm cỏ. Không ngờ ăn phải một thứ cỏ lạ, lại hóa thành người. Anh hái cả hai thứ đưa về, cải trang, rao bán xà lách ngay trước cửa nhà mẹ con cô gái. Cô gái mua xà lách ăn, hóa thành lừa. Anh cũng chữa cho cô lành với điều kiện phải trả lại tất cả các vật quý.

Truyện của người Can-múc (Kalmouks) trong sách *Cái chết mầu nhiệm*:

Có hai chàng trẻ tuổi: một người là con vua (khan) và một người là bạn của người kia, bị bắt, sắp bị đem làm mồi cho hai con nhái dữ tợn từng bắt dân địa phương mỗi năm nộp một mạng người. Nghe nói ai ăn được thịt hai con vật ấy sẽ nhả ra vàng và đá quý, hai chàng bèn tìm cách giết chết nhái rồi ăn thịt. Đoạn ra đi sau khi nhả ra vô số báu vật. Đến chân một hòn núi nọ hai chàng trọ tại nhà hai mẹ con làm nghề bán rượu. Biết khách có báu vật, mẹ con bèn phục rượu cho say, cướp lấy, rồi đuổi ra khỏi cửa. Hai chàng đi một đoạn đường khá xa, gặp một bọn trẻ đang tranh nhau một cái mũ có phép làm cho người ta tàng hình. Họ bảo chúng: -"Mũ sẽ về tay đứa nào chạy đến đích trước nhất". Chúng nghe lời, nhưng khi chúng chạy, họ cướp lấy mũ, cũng bằng cách ấy họ chiếm được một đôi hia bảy dặm mà hai con quỷ đang tranh nhau. Qua nhiều cuộc phiêu lưu, một hôm họ ghé vào một ngôi đền. Nhìn qua khe cửa thấy người giữ đền đang giăng một tờ giấy rộng rồi quấn vào người, quấn xong tự nhiên hóa thành lừa. Lại quấn giấy vào lần thứ hai thì trở lại thành người. Họ vào đền lấy trộm cuộn giấy, mang đến nhà mẹ con người bán rượu bảo nếu dùng giấy ấy cuốn vào người sẽ được nhiều vàng. Hám của, mẹ con nghe theo, đều hóa thành lừa cái. Để trừng phạt chúng, họ bắt chúng làm công việc nặng nhọc trong hai ba năm, chờ đến khi hối lỗi mới cho trở lại nguyên hình. Kết thúc truyện này giống với một truyện của Pháp *Con chim xanh* (xem **Khảo dị** truyện số **123**, tập **III**).

Truyện Ả-rập (Arabie):

Một người trẻ tuổi sau khi ăn cổ họng một con chim lạ, bỗng nhiên trở nên có sức khỏe hơn người. Anh đến một nước nọ, ở đây có niêm yết ai thắng công chúa trong một cuộc thi vật sẽ được kết hôn cùng công chúa, nhưng nếu thua thì bị mất đầu. Anh xin đấu. Công chúa (vốn khỏe nổi tiếng, từng làm cho các đối thủ rơi đầu) không thắng nổi anh. Hai bên nghỉ sức đợi mai đấu tiếp. Đoán trong người chàng trai có cái gì lạ, buổi chiều người ta cho anh uống một thứ thuốc mê; khi mê, thầy thuốc cởi áo khám, biết sức khỏe của anh là do cái họng của con chim lạ mà có. Họ bèn dùng phép lấy cái họng ấy ra khỏi dạ dày. Tỉnh dậy thấy mất sức khỏe, anh bèn bỏ trốn. Ở đây cũng có truyện dọc đường anh gặp ba người đang tranh nhau ba vật quý (một tấm thảm bay, một cái bát gọi thức ăn ngon, và một cối xay tay có thể quay ra tiền). Anh bèn ném một hòn đá ra xa, bảo ai nhặt đưa về trước sẽ được làm chủ các vật quý. Thế rồi trong lúc họ chạy, anh ước tấm thảm cho mình lên núi Cáp, rồi lại đưa về chỗ công chúa, đề nghị tiếp tục vật trên tấm thảm của anh. Khi cả

hai người bước lên thảm, anh ước cho thảm mang cả hai lên núi Cáp. Thấy vậy công chúa cả sợ, hứa trả họng chim cho anh nếu anh đưa nàng trở về. Tưởng thế là xong, nhưng anh lại để lộ hai vật quý kia làm cho công chúa động lòng tham, bèn bảo anh đưa mình đi dạo chơi. Trong một lúc anh bước chân ra khỏi tấm thảm, lập tức công chúa ước trở về với bố. Thế là mất tất cả mọi thứ, chàng trẻ tuổi chỉ còn biết ngồi mà khóc. Cũng gần giống các truyện trên, trong khi đi thất thểu dọc đường, anh tìm được hai cây chà là: một màu vàng, ăn quả vào bị mọc sừng; một màu đỏ, ăn vào thì sừng rụng. Anh hái đầy túi mang về, cải trang, rao bán ở cửa lầu. Công chúa ăn mười sáu quả mọc luôn tám cái sừng. Mọi thầy thuốc đều bó tay. Vua hứa gả công chúa cho kẻ nào chữa lành. Anh chàng tới, bắt đầu cho ăn một quả chà là đỏ, một sừng rụng xuống, tiếp tục mỗi ngày một quả cho đến ngày thứ tám thì được lấy công chúa làm vợ, và nhờ đó chiếm lại mọi vật quý[1].

Một số truyện dưới đây cũng có tình tiết trừng phạt kẻ xấu bằng cách làm cho dài mũi, nhưng không thuộc loại mô-típ trên, chỉ có kết hợp phần nào với mô-típ truyện *Tam và Tứ* (số **149**):

Người Dao có truyện *Quả lúc lắc*:

Có hai anh em nhà kia, người anh chiếm đoạt tất cả tài sản của bố mẹ để lại, lại còn bắt em lao động nặng nhọc. Một hôm người em một mình canh lúa nương, đuổi theo con chim ri ăn lúa, tình cờ leo núi đến một nhà nọ có bảy cô tiên, lại có một quả lúc lắc, khi ước thì có cơm dọn ra. Anh chàng trộm lấy quả quý về nhà nhờ đó ăn uống thỏa thích, lại còn thết đãi bà con làng xóm. Biết em mình nhờ đuổi chim mà được của quý, người anh cũng đi canh lúa đêm và cũng đuổi theo chim ri, nhưng lúc đến nơi không ngờ vì lần trước mất quả lúc lắc nên bảy cô tiên lập tâm rình. Bắt được hắn, mỗi cô véo mũi một cái, mũi hắn tự nhiên sưng tấy dài tới rốn. Người anh về cầu cứu em, em lại đi rình ở nhà bảy cô tiên, nghe lỏm được phép chữa lành mũi sưng là gõ quả lúc lắc vào mũi với câu thần chú: "Sống thật thà! Sống thật thà!". Nhờ đó anh chàng chữa được cho anh mình lành lặn như cũ, sau khi bắt anh chịu sự nhức nhối của cái mũi sưng trong nhiều ngày để trừng phạt[2].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Chàng nghiện rượu và chàng nghiện thuốc phiện* rất giống truyện vừa kể:

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ dân gian miền Lo-ren*, tập I.
2. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, Nhà xuất bản Việt-bắc, 1974.

Có một anh chàng nghiện rượu và một anh chàng nghiện thuốc phiện, bị làng xóm ruồng bỏ thành đôi tri kỷ. Họ đi lang thang bạ đâu ngủ đấy. Một hôm chàng nghiện rượu ngủ quên ở một quán gần bãi tha ma. Đêm lại, có mấy con quỷ vào, nói: -"Có mùi thịt sống". Chúng đi kiểm soát, nhưng anh bắt chước chúng rất khéo. "Một, hai, ba, bốn, một tý không sai", nên chúng không ngờ gì nữa, lại mách cho biết có một hũ vàng dưới chỗ ngồi. Sáng dậy, anh đào lấy đưa về và trở nên giàu có. Chàng nghiện thuốc phiện cũng bắt chước ngủ ở quán, hy vọng được của, nhưng không may, lũ quỷ vì mất của nên lần này để tâm rình. Bắt được anh, chúng cũng kéo mũi dài đến chín thước để trừng phạt. Chàng kia lại đi chơi với lũ quỷ, nhân hỏi cách chữa, quỷ bày cho lấy chày cọ vào mũi thì lành[3].

Việt-nam có truyện *Chàng tẹt mũi* cũng tương tự như hai truyện trên.

Một người cha sắp chết để lại 30 nén bạc cho hai đứa con trai. Hai anh em rủ nhau đi lập nghiệp. Nhưng người anh cướp lấy tất cả. Người em ngủ trong một cái miếu nghe các vị thần kháo chuyện. Một vị hỏi: -"Cây bưởi ở một làng nọ đang xanh tốt tại sao lại héo?". Đáp: -"Nếu giết được hai con chuột bạch cắn mất rễ thì cây xanh trở lại". -"Có bà già làng nọ có cây dưa mỗi năm ra hai quả bằng vàng, cớ sao nó cứ héo mòn?". - "Nếu bà ấy chăm sóc con ngựa cẩn thận thì cây lại xanh". Một vị khác lại nói: - "Tôi có cái trống đánh ba tiếng thì có thức ăn". Nói rồi lấy trống ra đánh để dọn cỗ mời nhau chén.

Sáng dậy, người em thấy các vị thần đã biến đi đằng nào, bèn lấy cái trống thần rồi tìm đến làng có cây bưởi bày cho dân làng ấy bắt giết hai con chuột bạch, rồi lại đi đến làng có bà già, bày cho bà ta cách cứu chữa cây dưa quý. Bà ta gả con gái cho anh, hai người sống sung sướng.

Khi gặp lại người anh tham lam, người em kể cho nghe câu chuyện của mình. Người anh cũng tìm đến ngôi miếu cổ. Lúc này các vị thần tỏ ra bực tức và chỉ nói với nhau về những câu chuyện bí mật của họ không hiểu sao bị tiết lộ. Tìm thấy anh chàng, họ lôi ra đánh túi bụi, bắt phải trả cái trống thần. Hắn khất sẽ về lấy. Các vị thần bèn kéo dài cái mũi của hắn. Hẹn khi nào trả xong trống sẽ hóa phép làm cho ngắn lại. Nghe chuyện người em lại đến ngôi miếu cổ. Nghe các vị thần bảo nhau nếu dí trống vào mũi, mũi sẽ trở lại nguyên hình. Người em bèn về, dí trống vào mũi anh mình, nhưng ở đây hắn dí quá tay làm cho mũi tẹt lõm vào[2].

Xem thêm các truyện ở **Khảo dị** truyện số **149**.

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*.
2. Theo *Cây đàn kỳ diệu*.

166. BỐN CÔ GÁI MUỐN LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

Ngày xưa, có vợ chồng một nhà phú hộ nọ sinh được bốn cô con gái. Lớn lên, cô nào cô ấy nhan sắc xinh đẹp, trong vùng khó có ai sánh kịp. Cha mẹ các cô muốn tìm nơi môn đăng hộ đối để gả chồng, nhưng khi hỏi đến, cả bốn cô đều trả lời: - "Chúng con chỉ muốn lấy chồng hoàng tử". Cha mẹ các cô bảo:

- Chúng mày là con nhà dân, những hạng con vua, cháu chúa trong thiên hạ thiếu gì bậc "quốc sắc thiên hương". Làm sao lại mơ tưởng xa xôi như vậy cho khổ tấm thân.

Song dù khuyên dỗ thế nào, các cô cũng không chịu nghe. Lâu rồi, vợ chồng phú hộ tức mình, bèn cho mỗi cô một nén bạc, bảo đi đâu thì đi cho khuất mắt. Bốn chị em cầm lấy bạc và rủ nhau lên đường tìm đến kinh kỳ.

Buổi chiều ngày thứ hai, họ đi trên một đoạn đường vắng toàn đồi núi. Đi mãi, mặt trời sắp lặn mà chẳng gặp một ai. Cuối cùng đến một ngã ba đường, họ gặp một bà già. Mừng quá, các cô xúm lại hỏi thăm: - "Thưa bà, nhà bà ở đâu?" Bà già cũng tỏ bộ thân mật: - "Chà các con đi đâu đây?" - "Chúng con tiến kinh, đến đây thì trời tối". Chỉ vào một lùm cây xa xa, bà già nói: -"Nhà già ở trong kia" - "Bà làm ơn cho chúng con nghỉ nhờ một tối, có được không?" - "Nếu các cô không chê nhà già chật hẹp thì xin mời các cô ghé nghỉ. Nào, các cô hãy đi theo tôi".

Không ngần ngại, bốn chị em đi theo bà già, qua một đoạn đường khá dài thì đến một lùm cây, trong có một ngôi nhà nhỏ. Chỉ vào một cái giường, bà già nói: - "Giường đấy, các con có thể nằm ở đây, còn già thì ngủ ở trong buồng kia". Thấy nhà vắng vẻ, các cô lại hỏi: - "Thưa bà, bà ở một mình?" - "Có đứa con gái nó đi vắng mấy ngày nay chưa thấy về".

Vì đi đường mệt, các cô trèo lên giường làm một giấc li bì. Chỉ có cô út vì giường chật lại nằm mé ngoài, không ngủ được. Cô bỗng ngửi thấy phảng phất một mùi tanh. Chờ khi nghe tiếng bà già ngáy rống ở trong buồng, cô mới lén dậy tìm khe cửa nhìn vào. Thì ra dưới giường nằm của bà già, đầu lâu và xương trắng vứt khắp nơi, ruồi nhặng lao xao, mùi tanh xông ra đến lợm mửa. Đúng đó là nhà một con yêu cái chuyên đi dỗ trẻ về ăn thịt. Thấy bốn cô gái trẻ măng đang cần chỗ nghỉ, yêu ta không còn mừng nào hơn thế, bèn rủ về, chuẩn bị giam họ vào hầm kín chờ cho con gái về lần lượt bắt chén thịt. Khi thấy rõ tình thế nguy ngập, cô út liền đánh thức các chị dậy, rỉ tai kể cho nghe mọi việc, rồi nói:

- Đây là nhà yêu tinh, không còn nghi ngờ gì nữa. Vậy nhân lúc nó đang ngủ, chúng ta hãy mau mau trốn khỏi nơi này, nếu không thì tính mạng chẳng toàn.

Cả mấy chị em lật đật mở cửa rồi ba chân bốn cẳng đi ra khỏi lùm cây. Nhưng đi chẳng được bao lâu, họ biết là mình lạc đường. Loanh quanh một hồi, họ bỗng gặp một ngôi đền. Chị em mệt quá vào ngồi nghỉ một lát. Nhưng rồi lại sợ yêu tinh thức dậy đuổi kịp, nên họ lại hối hả ra đi. Bấy giờ vị thần ở ngôi đền vốn biết bốn chị em là "quý nhân", nên hiện ra trước mặt họ, ôn tồn hỏi: - "Các con đi đâu thế này?". Bốn cô đáp: - "Chúng con tiến kinh" - "Các con đi đêm khuya mà không sợ ư?" Bốn chị em kể cho nghe chuyện gặp yêu tinh và bị lạc đường. Vị thần nói: - "Ta là thần ngôi đền này. Hãy đi với ta, ta sẽ che chở cho đến tận kinh đô". Nói rồi vị thần hóa thành một người cao lớn bảo các cô đi theo, nép vào trong áo tơi của mình.

Đi được một chốc, bốn cô nghe có tiếng rầm rập ở đằng sau. Vị thần bảo:

- Hãy giữ hết sức yên lặng, con yêu đã đuổi kịp chúng ta.

Nói rồi thần bốc các cô lên ngồi trong túi áo mình, cứ hai cô một túi. Một chốc, con yêu đã bước kịp, hỏi:

- Này lão kia, có thấy bốn đứa con gái đi đường này không?

Đáp:

- Có gặp, nhưng chúng đã rẽ về lối kia, lâu rồi.

- Quái lạ, tại sao ta thấy có mùi thịt người?

- Thế thì ta vừa mới ăn xong đấy, những thức ăn thừa còn vứt dọc đường kia kìa, mày có đói thì trở lại nhặt mà ăn.

Khi con yêu quay đi, vị thần cứ để nguyên các cô gái trong túi áo mà bước đi vùn vụt. Gà chưa gáy canh năm đã tới cửa ô. Vị thần lại bốc các cô đặt xuống đất và nói:

- Bây giờ đã đến kinh kỳ. Trời cũng sắp sáng. Các con tìm quán mà nghỉ, để ta trở lại.

Vừa bước xuống đất, bốn cô cùng sụp lạy, hết lời cảm ơn cứu mạng. Nhưng khi họ ngẩng lên thì vị thần đã biến mất.

Bấy giờ trên đường, người đi chợ mỗi lúc một đông. Các cô bước theo họ. Đến chợ thì trời đã sáng hẳn, người ta chen chúc nhộn nhịp. Bốn chị em dạo quanh một vòng. Những người đi chợ đều trầm trồ: - "Ồ, con cái nhà ai mà đẹp tựa trăng rằm thế kia!". Hôm ấy có thị vệ trong cung cấm đi mua thức ăn, lúc trở về, họ tâu với hoàng tử: - "Hôm nay chúng tôi đi chợ ô, thấy có bốn cô gái không biết ở đâu lại. Bốn cô rất đẹp, ít khi có người đẹp như vậy". Hoàng tử sắp lên ngôi đang kén vợ, nghe nói thế, bèn cho thị vệ gọi bốn cô vào cung, và khi được giáp mặt thì chàng đâm ra sững sờ. Bèn tâu với vua cha xin lấy luôn cả bốn chị em làm vợ.

*

* *

Lại nói chuyện yêu tinh khi quay trở lại, sục sạo tìm mãi không thấy bốn cô gái đâu. Miếng mồi ngon sắp lọt vào miệng lại để trượt mất, nên hắn tức giận tràn hông. Sau đó ít lâu, hắn nghe tin ở kinh kỳ cử hành hôn lễ của hoàng tử lấy một lúc bốn chị em. Không ngờ bốn con mồi của mình lại trở thành vợ hoàng tử, cơn giận của hắn đã lắng xuống bấy giờ lại bừng bừng bốc lên: - "Hừ, ta sẽ tìm cách làm cho chúng nó phải thân tàn ma dại mới hả". Nghĩ vậy, hắn đợi dịp hoàng tử lên ngôi, biết ông vua mới là tay hiếu sắc, bèn biến con gái mình thành một trang nõn nà tuyệt sắc, rồi một ngày nọ đưa con gái về kinh, trong một đêm bỏ vào ngự uyển, nơi vua thường đi dạo hàng ngày. Trông thấy cô gái đẹp đi lại giữa các luống hoa, nhà vua sửng sốt đến mê mẩn. Vua hỏi:

- Nàng ở đâu tới đây?

Đáp:

- Mẹ thiếp đưa thiếp lên thăm kinh kỳ rồi vì mê cảnh quá chân, hai mẹ con lạc nhau. Cuối cùng thiếp vì say hoa, lọt vào chốn này, không biết đây là vườn cấm.

- Nàng có muốn chung sống với ta ở chốn hoàng cung không?

- Trong cung bệ hạ đã có những bà nhạn sa cá lặn, thiếp xấu xí, chẳng xứng với bệ hạ.

- Thế mà cứ như ý ta, nàng lại bỏ xa bọn họ. Thôi, hãy theo ta vào cung, nàng muốn gì ta cũng bằng lòng.

Bấy giờ cô gái yêu tinh mới nói toạc ý định của mình.

- Nếu bệ hạ muốn chung chăn gối với thiếp thì trước hết xin hãy đuổi khỏi cung điện tất cả những người vợ cũ của bệ hạ.

Vua đang cơn say đắm, đáp ngay:

- Khó gì việc ấy?

Bèn dắt cô gái đẹp về cung, lại hạ lệnh cho cung nữ lập tức đuổi bốn chị em ra khỏi hoàng thành.

Khi nghe lệnh truyền, bốn chị em tưởng chừng như nghe tiếng sét. Nhưng lời của vua phán, bọn cung nữ không thể không thi hành. Bấy giờ cô út đang có mang. Mặc dầu cô tha thiết kêu nài, nhà vua cũng không thương hại. Bọn cung nữ và thị vệ cứ theo lệnh dẫn họ ra khỏi cửa cung.

Yêu tinh sau khi thi hành kế độc, bấy giờ cũng đang đón chờ họ ở kẻ chợ. Hắn hóa phép thành một cái quán trọ có đủ mọi thứ đồ dùng lịch sự, lại biến mình thành bà chủ quán, chờ khi bốn cô đi lang thang mỏi mệt, mới cất tiếng đon đả chào mời:

- Cửa hàng chúng tôi có chỗ trọ tươm tất, xứng đáng với các bậc quý khách dặm ngái đường xa. Xin mời các bà vào an nghỉ.

Không nghi ngờ gì cả, bốn bà hoàng thất thế đành tạm vào quán nghỉ chân. Khuya lại, yêu tinh lẻn vào buồng nhằm khi họ đang ngủ say móc luôn tám con mắt của họ một cách rất êm thấm. Đoạn, hắn hóa

phép làm biến mất quán trọ cùng tất cả mọi thứ đồ dùng, rồi phi thân một mạch về nhà.

*

* *

Sáng mai, bốn chị em tỉnh dậy thấy mình nằm giữa mảnh đất trống, mắt trở nên mù tịt, thì kêu khóc rất thảm thiết. Bụt đang ngồi ở tòa sen chợt nghe tiếng kêu than nức nở bèn lập tức xuống ngay. Bụt hỏi: - "Làm sao các con lại khóc?" Các cô kể cho Bụt nghe về số phận của mình. Nghe xong, Bụt bảo: - "Các con đang gặp nạn lớn. Hãy cố sống để nuôi con, sẽ có ngày tái hợp". Đoạn, Bụt hóa phép làm thành một gian nhà, trong đó có một vại tiền, một vại gạo, dặn rằng hễ lấy vơi bao nhiêu lại đầy lên bấy nhiêu. Nghe lời Bụt, bốn cô yên lòng ở lại đây.

Cô gái út đủ ngày tháng sinh được một đứa con trai. Thằng bé sởn sơ, chóng lớn. Lên năm tuổi, Bụt đêm đêm hóa thành người đến dạy cho các môn võ nghệ, văn chương. Thằng bé thông minh, khỏe mạnh, học chóng tấn tới. Lên tám tuổi, nó đã tinh thông mọi môn văn võ, lại gan dạ nhanh nhẹn, biết mọi cách ứng đối tiến thoái. Bụt bèn kể cho nó nghe chuyện cũ của mẹ và các dì nó, nào lúc gặp yêu tinh, nào lúc bị vua ruồng đuổi và bị yêu tinh móc mắt. Đoạn cho nó một con ngựa, và bảo:

- Con hãy một mình tìm đến nhà yêu tinh. Con tự xưng là cháu ngoại đến thăm bà. Con hãy đem hết khôn khéo để cho nó không ngờ vực, rồi tìm cách trả thù cho mẹ và các dì con.

Thằng bé ruổi ngựa theo lời chỉ dẫn của Bụt, tìm được đến nhà mụ yêu. Nó xuống ngựa chào rất lễ phép:

- Thưa bà, mẹ cháu là hoàng hậu, cho cháu về thăm bà.

Yêu tinh hỏi thử mấy câu thấy nó đối đáp trôi chảy, tin là cháu ngoại thật, mừng rỡ đón cháu vào. Ở được vài ngày, thằng bé thấy nhiều sự lạ, miệng hỏi không ngớt: -"Thưa bà, cái gậy kia bà dùng làm gì?". Yêu tinh trả lời: -"Ồ, thứ đó quý lắm, nó dùng để chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi bằng" - "Thưa bà, cái vịm kia đựng những đôi mắt, bà dùng làm gì vậy?" - "Đó là những con mắt bà lấy được ở bốn chị em nhà nọ, món đồ dưỡng lão của bà đấy". - "Thưa bà, chén nước kia bà dùng làm gì?"

-"Nếu ta đổ chén nước ấy vào vịm đựng con mắt thì mắt trở về với chủ cũ của chúng". - "Còn con sư tử kia bà dùng làm gì?"- "Con giống ấy giữ sinh mệnh của bà và của mẹ con. Dầu bà hay mẹ con có bị ai chặt đầu cũng không bao giờ chết được. Nhưng nếu chặt đầu con sư tử thì bà và mẹ con đều chết cả".

Bấy giờ Bụt hóa làm con chuột bạch bò lên mái nhà yêu tinh làm lay động cái chuông con treo trên nóc. Cái chuông ấy ít khi kêu, mỗi khi kêu tức là chúa yêu ở trên rừng thẳm gọi bộ hạ đến gặp mình. Vì thế khi nghe tiếng chuông, yêu tinh lật đật bảo cháu:

- Cháu ở nhà đây, bà phải đi có việc, ba ngày nữa mới về. Cháu nhớ giữ gìn mọi thứ cho bà nhé!

Nhưng yêu tinh đâu có ngờ trong khi hắn đi vắng, thì thằng bé đã gom góp mọi thứ bảo bối rồi cưỡi ngựa về kinh. Đến nơi, nó đi thẳng vào cung xin gặp vua. Vua cho vào, nhưng vì không biết nó là ai, bèn hỏi: -"Mày là đứa nào? Đến đây có việc gì?" -"Tâu bệ hạ thần là con trai của bệ hạ, do một trong bốn chị em trước đây bị bệ hạ ruồng rẫy đẻ ra". Nói rồi thằng bé kể một mạch cho vua nghe tất cả mọi chuyện, từ lúc mẹ và các dì nó bị đuổi ra khỏi hoàng cung cho đến lúc nó đánh lừa con yêu cái nắm được tang chứng trong tay. Đoạn nói tiếp: -"Vương phụ từ bỏ những người vợ hiền thục để vui thú với yêu tinh. Hiện nay tính mạng vương phụ như trứng để đầu đẳng...". Vua đáp: - "Bảo hoàng hậu là yêu tinh, việc ấy ta hoàn toàn không tin?". - "Nếu vương phụ không tin thì con đem con sư tử này chặt đầu, sẽ biết hư thực". Bèn chặt con sư tử thành ba khúc. Hoàng hậu đang nằm trong cung tự nhiên ngất lịm rồi chết luôn. Trong khi đó yêu tinh mẹ đang ở trên động với yêu chúa cũng ngã lăn ra bất tỉnh nhân sự. Bấy giờ vua mới nhận rõ sự thật, bèn sai ném xác hoàng hậu ra ngoài bãi. Thịt của nó rữa nát biến thành ruồi, muỗi và các thú sâu bọ. Vua bèn theo hoàng tử đi thăm các người vợ cũ. Đúng lúc bước chân vào nhà, hoàng tử cầm chén nước của yêu tinh đổ vào chiếc vịm đựng mắt, thế là những con mắt bỗng dưng như có phép thần, nhảy lên gắn vào hố mắt của bốn người đàn bà. Mẹ hoàng tử và các dì của nó lại nhìn thấy mọi vật và xinh đẹp như xưa[1].

---

1. Theo "Lời kể của người Đáp-cầu" trong *Tạp chí Đông-dương* (1904).

KHẢO DỊ

Dân tộc Thái có truyện *Ú Thêm*, một dị bản gần của truyện trên:

Vua nước Cham-pa có một người vợ vốn là hầu gái trong cung, tên là Pa Bương. Gần nước này hồi ấy có một nước quỷ gọi là Phi-nhặc, chúng chuyên sống bằng thịt người, lại có nhiều phép biến hóa kỳ lạ. Một hôm có một quỷ cái biến thành một cô gái đẹp lấy tên là Khăm-ca, tìm đến mê hoặc vua nước Cham-pa. Vua không ngờ nó là quỷ liền lấy làm vợ, dần dần xa lánh Pa Bương. Khăm-ca được yêu chiều, thường hành hạ Pa Bương, đi đến móc mắt nàng, gói lại định dành gửi về cho mẹ mình. Bị mù, lại đang có thai gần kỳ sinh, Pa Bương lần mò đến sống trong một hang đá, sau đó sinh được một đứa bé đặt tên là Ú Thêm. Nhờ hươu, nai, chim chóc nuôi ăn chóng lớn, chẳng bao lâu Ú Thêm đã biết đào củ hái rau nuôi mẹ.

Một hôm Ú Thêm đào được một giỏ củ mài định đem ra suối rửa, không ngờ lỡ tay đánh rơi, nước cuốn giỏ trôi đi mất. Trong khi lội theo để vớt, chàng lạc đến một cánh đồng rộng chưa thấy bao giờ. Bọn trẻ chăn trâu ở đây thấy Ú Thêm là người lạ, bèn thách vật với điều kiện nếu thua thì chúng mất gói cơm, nếu thắng thì Ú Thêm phải đi chăn trâu cho chúng. Kết quả Ú Thêm hạ hết đứa này sang đứa khác. Tiếng đồn đến tai vua. Vua cho gọi về cung, hỏi ra mới biết là con mình. Nhân Khăm-ca không con, vua giữ lại nuôi và sai người đi đón vợ cũ về.

Ú Thêm càng lớn càng khỏe, làm cho Khăm-ca lo sợ, tìm cách giết hại. Một hôm mụ trao cho chàng một bức thư và một gói quà dặn đến quê mẹ mình để học phép giữ nước. Sự thực gói quà đó là đôi mắt của Pa Bương, còn nội dung bức thư dặn bao giờ người đưa thư đến thì bắt mà ăn thịt, còn nếu nếm quà thấy ngon thì cả nước quỷ kéo nhau sang Cham-pa để chén thỏa thích.

Dọc đường trời tối, Ú Thêm ngủ tại nhà một người tên là Thầy Thiêng. Thầy Thiêng hỏi chàng đi đâu, chàng không giấu giếm tý nào cả. Nhưng khi chàng ngủ Thầy Thiêng lục được bức thư mới biết mọi việc. Thấy tính mạng chàng trai sắp nguy đến nơi, Thầy Thiêng bèn viết một bức thư khác đánh tráo vào, trong thư nói: -"Con là Khăm-ca đã lấy được vua Cham-pa đẻ được đứa con này là Ú Thêm, hãy chăm sóc cho cháu cẩn thận và cho nó học phép nữa, hễ thành tài thì cho nó về đánh lấy Cham-pa". Gói quà có hai con mắt, Thầy Thiêng giữ lại thay vào đó bằng gói khác. Ú Thêm sáng dậy cứ thế ra đi, không biết gì cả. Mẹ Khăm-ca đọc thư, tin chàng là cháu ngoại nên đối đãi tử tế, lại dạy nhiều phép lạ. Ở được ít lâu, Ú Thêm mới biết là mình lọt vào nước quỷ,

mỗi buổi sáng từ vua đến dân kéo nhau đi kiếm ăn, mọi nhà đều vắng ngắt; chiều lại, chúng mới lục tục về chia nhau thịt người và súc vật ầm ỹ, rồi chẳng nấu nướng gì, cứ thế ăn uống nhồm nhoàm. Chàng lại thấy có cái hồ nước luôn sôi sùng sục. Một hôm ở nhà chàng ném chơi một hòn sỏi xuống mặt hồ. Một lát ông bà ngoại và một bọn quỷ hốt hoảng chạy về, dặn cháu không được nghịch như vậy kẻo ông bà ngoại chết mất. Biết tất cả sinh mạng của nước quỷ gửi gắm vào đó, chàng giả vờ vâng dạ cho chúng yên lòng.

Khi học được phép lạ, lại được bà ngoại tặng một cây gươm thần, Ú Thêm nhân lúc mọi người đi vắng, bèn dùng gươm chém ngang chém dọc vào nước hồ, mỗi nhát chém, nước sủi nhẹ dần, cho đến cuối cùng nước yên lặng như tờ. Biết là quỷ Phi-nhặc đã chết hết, chàng bèn nhảy lên một con ngựa, ngựa đưa chàng bay vút lên mây, qua nhà Thầy Thiêng, chàng cho ngựa hạ xuống, Thầy Thiêng trao cho chàng cái gói ngày nọ, dặn về nhà gặp mẹ hãy mở. Về đến nhà, Ú Thêm mới biết là quỷ cái Khăm-ca đã chết vào lúc mình chém nước hồ. Gặp mẹ, chàng vừa mở gói ra, thì hai con mắt trong gói tự nhiên bay lên sáng long lanh và lọt gọn vào hố mắt của mẹ. Pa Bương hết mù từ đó và đẹp hơn xưa[1].

Đồng bào Vân-kiều có truyện *Xóc cà tực* gần với truyện của ta hơn:

Một con quỷ (Xóc cà tực) hóa làm một đứa bé để cho một cặp chị em đưa mình về nuôi; quỷ ta chỉ chờ dịp ăn thịt cả hai. Nhưng về sau, hai chị em biết được, bèn bỏ trốn rất xa, tìm đến làm vợ một tù trưởng (a-nha) và sinh được mỗi người một đứa con trai. Mất mồi, quỷ cất công đi tìm. Tìm được đến nơi, quỷ bèn hóa làm một cô gái đẹp làm cho tù trưởng mê mẩn, sau đó cưới nó làm vợ mà lãng quên hai người vợ cũ. Chờ lúc tù trưởng đi vắng, quỷ ta lại hiện hình, móc mắt hai chị em. Tù trưởng về thấy vậy đã không thương, còn đánh và đuổi họ vào rừng, may nhờ có hai đứa con đi kiếm thức ăn về nuôi. Một hôm hai đứa xin phép mẹ đi xa, dọc đường gặp một ông già chỉ cho các thứ cây thuốc đem về chữa lành mắt hai người mẹ. Nghe hai mẹ kể chuyện cũ, hai chàng vội đi tìm Xóc cà tực để báo thù. Cuối cùng hai chàng tìm đến nhà bố - a-nha - giết được con quỷ đang hiện hình, chỉ cho bố biết, rồi đưa bố đi đón hai người vợ cũ, mẹ của họ[2].

1. Theo lời kể của đồng bào Thái, Thanh-hóa. *Kể chuyện đời xưa*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1975. Trong *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II đã dẫn, có truyện *Ú Thền và Phi-nhặc* là một dị bản, nhưng một số tình tiết hơi khác với truyện trên.

2. Theo Mai Văn Tấn. *Truyện cổ Vân-kiều*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1974.

Người Thái-lan cũng có một truyện gần với truyện *Xóc cà tực*, nhưng ở đây vợ cũ của vua không phải hai mà đến những mười hai nàng công chúa chị em ruột. Một bà chằng (y-ắc) hóa thành một cô gái đẹp làm cho vua hết sức mê mẩn, lấy nó làm vợ yêu. Muốn đuổi những người vợ cũ của vua, bà chằng giả làm bộ lên một cơn bệnh dữ dội. Vua đến thăm, nó bảo phải có mắt của mười hai người đẻ cùng một mẹ thì mới lành. Vua đang lúc say mê, bèn sai móc mắt những người vợ cũ của mình cho bà chằng, vì chỉ có trường hợp ấy mới đủ số mắt của mười hai chị em ruột. Kết thúc câu chuyện cũng có một chú bé con công chúa út, nhờ sức khỏe và tài trí tiêu diệt được bà chằng, đưa mẹ và các dì nó về với địa vị cũ và với cặp mắt lành lặn như xưa.

Truyện *Con ốc vàng* của người Lào cũng là một dị bản của các truyện trên, nhưng ở đây có thêm nhiều tình tiết khác:

Vua nước Xa-vi-môn tuổi già mà không có con nối dõi, ra lệnh cho cung tần ai đẻ được con trai sẽ phong làm hoàng hậu. Một cung nữ là Chăn-thê-vi có mang, nhưng khi sinh thì không phải người mà là một con ốc. Tuy vậy, hoàng hậu cũng sợ mất địa vị nên giấu kín không cho vua biết việc này, và xúi vua đuổi Chăn-thê-vi ra khỏi kinh thành. Không ngờ từ vỏ ốc lại bí mật hiện ra một chàng trai (như truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc*, **Khảo dị** truyện số **117**, tập **III**) có phép lạ và sau đó Xăng Thoong - tên chàng trai - ở với mẹ sau khi vỏ ốc bị đập vỡ. Nỗi vui mừng của Chăn-thê-vi không lâu vì nhà vua cho là ma quỷ, sai đao phủ ném Xăng Thoong xuống sông. Vua Thủy cứu chàng, nhưng lại giao cho một nàng hầu, vốn là quỷ đội lốt người, nuôi. Quỷ chưa kịp ăn thịt, thì một hôm Xăng Thoong tình cờ lọt vào buồng lúc quỷ đi vắng. Chàng thấy được mọi bí mật và mọi báu vật của nó. Sau đó, nhằm một hôm quỷ không có nhà, chàng vào múc nước vàng trong chum tắm, toàn thân bỗng sáng ngời như pho tượng, lại mặc quần áo, đi giày, cầm kích, người bỗng trở nên cao lớn và bay được. Quỷ về biết vậy đuổi theo, nhưng không kịp nữa rồi, nó chỉ còn trèo núi vẽ những đạo bùa, rồi đập đầu vào đá mà chết. Xăng Thoong là người biết ý nghĩa của những đạo bùa ấy, trở thành có tài phép thần thông, nhưng vì không muốn khoe mẽ, nên chỉ biến thành một chàng trai xấu xí bẩn thỉu lấy tên là Chậu Ngọ.

Đến đây truyện có thêm tình tiết: công chúa thứ bảy của vua Xa-vi-môn kén chồng, nhưng lại từ chối tất cả mọi chàng trai, mà chỉ ưng có một Chậu Ngọ. Vua nổi giận đùng đùng, đuổi cả hai ra khỏi kinh thành. Sau đó vua lại buộc bảy chàng rể (trong đó có Chậu Ngọ) dự cuộc đi săn thú, rồi câu cá.

Chậu Ngọ lần nào cũng thắng cuộc và lần nào cũng chia cho họ một ít với điều kiện hoặc cắt mũi hoặc cắt tai. Về sau nước nhà có giặc, các chàng rể kia không dám xông trận, chỉ có Chậu Ngọ tiến đến đâu giặc tan đến đấy. Đại thắng trở về, chàng mới biến trở lại thành Xăng Thoong trước sự hoan hỷ của mọi người. Bấy giờ chàng mới cùng vợ đi tìm mẹ (Chăn-thê-vi) đưa về cho vua cha để lên ngôi hoàng hậu[1].

Truyện của người Băng-la-đex (Bangladesh) cũng có một số tình tiết giống với truyện của người Lào:

Một cô em trong bảy chị em nói rằng mình sẽ đẻ một đứa con kỳ lạ. Nghe thế, vua lấy cô làm vợ. Người vợ cũ của vua ghen, bèn lấy một cục đá thế vào đứa con trai lúc cô này sinh, rồi vứt em lên núi. Nhưng đứa bé được các con vật nuôi nấng, sau đó lại được một con ngựa thần bảo hộ. Nhờ ngựa chỉ bảo, hoàng tử biến hình thành một người xấu xí, vào làm đầy tớ trong cung. Tuy vậy, anh cũng làm cho nàng công chúa trẻ nhất mê mẩn, lấy anh làm chồng, nhưng thường bị những người anh rể chế giễu. Như truyện của Lào, một hôm anh cùng họ đi săn thi, họ không được gì cả, còn anh thì được rất nhiều con thịt. Anh nhường cho họ một ít với điều kiện phải đóng dấu sắt nung vào người. Rồi cũng nhờ ngựa giúp, anh biến trở lại thành chàng trai đẹp trước đây, khiến công chúa vợ anh lại càng yêu hơn nữa. Một hôm, nhân để báo thù mấy người anh rể, anh vạch những dấu hiệu trong người chúng cho mọi người thấy. Nhờ ngựa chỉ dẫn, cuối cùng anh làm cho bố biết mình là ai và buộc vua về với mẹ.

Những truyện dưới đây tuy hình tượng đã xa dần với các truyện trên, nhưng có phần chắc đều là những dị bản xa gần của chúng. Lược kể ở đây mỗi thứ một vài truyện tiêu biểu.

Trước hết, một số truyện gần với mô-típ của truyện *Tấm Cám* với chủ đề dì ghẻ đánh tráo con mình thay cho con chồng làm vợ vua (hoặc em âm mưu hại chị để cướp tình yêu) với hình ảnh nổi bật: móc mắt. (Xem thêm **Khảo dị**, truyện số **153**, truyện của Pháp: *Cô Ma-ri ở túp lều trong rừng*).

Một truyện khác của Pháp là *Con nai cái trắng*:

Một ông vua muốn lấy vợ không biết chọn ai giữa hai cô gái đẹp. Cuối cùng vua cũng thành hôn với một cô. Ít lâu sau, hoàng hậu đẻ được một đứa con trai. Trong khi vua đi vắng, cô kia vốn có phép phù thủy, bèn nhân dịp đến thăm biến hoàng hậu thành một con nai trắng, còn mình thì thay vào

1. Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon, sách đã dẫn.

hoàng hậu. Người bị phép phù thủy hễ sau ba ngày mà không có ai giải phép thì sẽ thành nai suốt đời. Cô hầu hoàng hậu có biết việc này, nhưng vì sợ quá, không dám rỉ răng.

Ngày hôm sau vua về. Vào buồng hoàng hậu, vua không nghi ngờ gì cả, bèn hỏi thăm sức khỏe. Hoàng hậu giả đáp: -"Sức khỏe của thiếp hiện nay rất xấu, nếu không được ăn thịt nai cái trắng thì mai sẽ chết". Vua bèn tổ chức một cuộc săn đuổi, nhưng con nai (hoàng hậu) trốn được. Tối lại, nai về đập cửa, cô hầu mở cửa thấy nai biết là chủ của mình. Thấy con trai mình, nai nói: -"Con ôi, chỉ còn hai đêm nữa, nếu cha con không giải phép được thì mẹ suốt đời cứ là nai". Cô hầu không nói gì. Ngày mai vua lại đến thăm, hoàng hậu giả lại rên rỉ như hôm qua. Vua lại đi săn, vẫn không được nai. Tối đến, nai lại tìm về. Lần này cô hầu kể tất cả cho vua nghe. Ngày hôm sau, vua cũng giả tảng đi săn, chiều về nấp ở góc buồng. Khi nai đến, vua nhảy ra ôm lấy, nai hóa thành người. Vua đủ chứng cớ trị tội mụ phù thủy[1].

Một truyện tương đối phổ biến ở châu Âu:

Một người đàn ông góa vợ có chín người con trai và một cô gái xinh đẹp. Ông ta lấy một người vợ kế có một con riêng. Hàng ngày những đứa con trai có phận sự phải đi tuần xung quanh lâu đài nhà vua. Một hôm chúng nói với vua rằng mình có một người em gái mỗi lần rửa tay rơi ra vàng và bạc, mỗi lần chải tóc thì rơi lúa mì và lúa mạch. Vua phán:- "Đưa đến đây cho ta, ta sẽ cưới nàng làm vợ. Nếu không đúng như thế ta sẽ treo cổ chúng mày". Ngày mai họ chở em gái và cả mẹ con người dì ghẻ lên xe. Dọc đường họ bảo dì trông chừng hộ em mình để họ còn bận đi vắng một lát. Cô gái không được biết chuyện này. Bèn hỏi dì xem các anh cô dặn gì. Mụ dì đáp: -"Các anh con bảo dì móc một con mắt của con đưa cho con gái ta". Nói rồi làm ngay. Sau đó mụ cho xe chạy, lại móc luôn con mắt thứ hai, rồi đẩy cô gái xuống bùn. Khi chín chàng trai đến cung vua thì ngạc nhiên không thấy em gái, chỉ có con gái con mụ dì ghẻ. Vua thử thấy không đúng, bèn sai treo cổ chín chàng trai và lấy cô gái con mụ dì làm vợ.

Trong vũng bùn, cô gái khóc lóc thảm thiết. Một người đi qua thấy vậy đưa cô về nhà. Ít ngày sau, cô rửa tay ra vàng ra bạc, lại làm một đồ vật với vàng của mình, bảo người vợ chủ nhà đem đi bán ở cửa nhà thờ, và dặn: -"Nếu vợ vua hỏi mua thì mới bán và chỉ đòi đổi một con mắt". Người vợ chủ nhà bán được và đưa mắt về. Mấy ngày sau, cô lại làm một cuộn chỉ vàng. Cũng thế, người vợ chủ nhà đổi được con mắt thứ hai. Bỏ mắt vào hố mắt, cô gái lại lành như xưa.

---

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập II.

Sau đó cô gái từ giã chủ nhà ra đi, mang theo một con chó cái. Cô tìm đến cung vua, tự xưng mình là em của chín chàng trai bị treo cổ. Vua thấy nàng làm rơi ra vàng bạc, lúa mì và lúa mạch thì hối hận. Tìm lại mụ dì, vua hỏi: -"Một người mà giết chín người trai, một người gái thì nên xử thế nào?" Mụ đáp: -"Nên bỏ vào vạc dầu và muối". Lập tức mụ ta bị bỏ vào vạc dầu và muối, còn con gái mụ bị thay đổi địa vị làm người rửa bát. Vua lấy cô gái kia làm vợ.

Truyện của Ấn-độ gần Bom-bay (Bombay):

Păp Kha-đi - cô út trong bảy chị em - sau những ngày phiêu lưu (gần giống với Tấm, cũng có tình tiết mất giày trong ngày hội) trở thành vợ một ông vua. Trong khi vua đi xa vắng nhà, cô đẻ liên tiếp hai con trai và một gái có nhiều dấu kỳ lạ trên người. Các cô chị vốn ghen tỵ sẵn, nay thấy thế, bèn bắt những đứa trẻ chôn sống mà thay vào đó những vật như đá, chổi, v.v... Vua về thấy vợ đẻ ra đồ vật, sai giam lại và lấy sáu người chị làm vợ. Một vị thần linh tối cao cứu những đứa con cô út, bảo chúng đi khắp nơi ăn xin để sống. Một hôm chúng đến lầu vua. Khi sáu người vợ vua định cho chúng ăn thì chúng từ chối. Thấy vua tỏ ý lấy làm lạ, chúng nói: -"Bệ hạ hãy thả người vợ thứ bảy đang bị giam ra. Hãy đặt bảy bức mành giữa bà ấy với chúng tôi và nhìn xem thế nào thì biết". Vua làm theo. Tự nhiên thấy từ vú Băp Kha-đi chảy ra ba tia sữa, chui qua bảy bức mành và lọt vào miệng mấy đứa bé. Sáu cô chị khi vua tra hỏi đành phải thú thật.

Một truyện khác của Ấn -độ từng được Pháp Hiền ghi lại từ thế kỷ thứ III, có hình tượng giống truyện trên:

Hoàng hậu Vai-xa-li đẻ ra một cục thịt (hay một hoa sen) trong có một ngàn đứa con. Vì ghen tuông, một (hay nhiều) bà vợ khác của vua bỏ cục thịt vào thùng ném xuống sông Hằng. Một ông vua khác thấy thùng trôi, sai vớt lên, mở ra thấy một ngàn đứa bé còn sống, bèn ra công nuôi. Lớn lên, chúng được phái đi đánh thành Vai-xa-li, không biết đó là nước của bố mẹ chúng. Để giải vây, hoàng hậu mẹ của chúng bèn đứng trên tháp cao nói với chúng rằng mình là mẹ. Đoạn, để chứng minh, bà ta dùng tay ép vú mình, một ngàn tia sữa bỗng vọt ra, mỗi tia chui tọt vào miệng của mỗi đứa.

Mô-típ này có nhiều dị bản ở nhiều dân tộc mà Cô-xcanh (Cosquin) từng sưu tập trong quyển *Sữa bà mẹ và cái thùng trôi* (truyền thuyết cổ tích và huyền thoại so sánh nhân một truyền thuyết lịch sử đạo Hồi ở Ja-va (Java))[1].

Truyện của dân đảo Xê-lép (Célèbe):

1. Xuất bản tại Pa-ri, 1908.

Một nàng công chúa nói với người chị rằng mình sẽ đẻ 99 đứa con trai và 1 con gái. Cũng như một vài truyện trên, một ông vua nghe được, bèn lấy nàng làm vợ. Lúc có mang vua lại đi vắng. Sắp đẻ thì cô chị ghen tuông có âm mưu sẵn, bèn bày cho em nút tai bằng nhựa, gắn mắt bằng sáp. Công chúa đẻ ra một lúc 99 con trai và 1 con gái, mỗi đứa chỉ bằng con mối. Cô chị bỏ chúng vào một cái vò đem bỏ lên rừng, và nói dối là em đã sinh ra những cái đinh và những vật vô giá trị khác chỉ đáng vứt bỏ. Lúc về nghe tin ấy, vua bèn sai người đưa vợ mình vào rừng chôn sống, chỉ chừa có cái đầu. Một vị thần giúp cho nàng sống. Còn những đứa con thì được một ông già nhặt về nuôi. Khi chúng biết làm việc, chúng bèn giúp ông làm ruộng. Một lần chúng làm cho em gái mình một con ngựa gỗ. Cô cưỡi lên ngựa cầu nguyện ít câu, tự nhiên ngựa gỗ biết đi, cuối cùng ngựa dẫn cô đến chỗ người đàn bà bị chôn, cô đào lên dẫn về cho các anh, bấy giờ họ mới biết đó là mẹ. Càng lớn cô gái càng đẹp, cô nổi tiếng về nhan sắc, về tài trí và phúc đức. Trong thời gian ấy thì vua lấy cô chị của vợ, khi nghe tiếng đồn về cô gái lạ, bèn cất công đi tìm. Gặp cô, được nghe kể câu chuyện 99 chàng trai và 1 cô gái do một người đàn bà đẻ ra, vua mới biết là bị lừa. Vua muốn gặp vợ cũ ngay, nhưng bị cô gái ngăn cản. Mãi về sau, cô cũng cho gặp để mẹ mình tự quyết định lấy, nhưng cô buộc bố phải giáng người chị của mẹ thành nữ nô.

Truyện của người Xla-vơ (Slaves) lưu hành ở Nga và Phần-lan (Finlande):

Có ba nàng công chúa cùng nhau trò chuyện, tự bảo mình nếu trở thành vợ vua I-văng thì sẽ đẻ con như thế nào. -"Tôi sẽ đẻ chín đứa thần đồng", cô út là Mác-pha đáp. Vua nghe lỏm được, bèn lấy cô út làm vợ. Một hôm vua đi săn vắng, vợ vua đẻ ra ba đứa con trai có phép thần. Một mụ phù thủy (ba-ba i-ya-ga) vào làm bà mụ, thay vào ba con chó con, rồi vứt mấy đứa bé lên rừng gần một cây sên. Việc này diễn lại hai lần nữa, cũng thế. Đến lần cuối cùng, người mẹ giấu được một đứa con mình vào ống tay áo trước khi người ta tới. Vua hai lần trước kiên nhẫn chờ xem, đến lần thứ ba thì thất vọng, bèn sai bỏ vợ vào thùng quẳng xuống biển. Thùng trôi vào bờ, đứa bé lớn phổng lên từng giờ một, làm vỡ thùng. Nó cầu thần cho xuất hiện một thành phố có lâu đài, vườn tược, v.v... Mọi việc đều được như nguyện, hai mẹ con sống đầy đủ tại đây. Một hôm có bọn ăn mày đi qua được Mác-pha tiếp đãi tử tế. Gặp vua I-văng, chúng kể mọi việc cho vua hay. Trong khi vua tỏ ra chú ý lắng nghe thì mụ phù thủy - có con gái lấy I-văng sau khi vua đuổi vợ cũ - nói: -"Đó là một sự lạ, nhưng tôi còn thấy có sự lạ hơn thế: có tám

đứa thần đồng ở trong một rừng nọ gần cây sên". Bọn ăn mày khi trở lại, lại kể chuyện này với Mác-pha. Mác-pha bảo con: -"Đó là những đứa anh của con do mẹ đẻ ra đấy!" Người con chuẩn bị hành trang đi tìm. Mác-pha bèn làm cho nó nhiều bánh nướng nhồi với sữa của mình. Thằng bé tìm thấy các anh nó trong một cái hang. Đưa bánh cho ăn, các anh nó nhận ra mùi sữa mẹ. Bèn dẫn nhau về. Bọn ăn mày lại về nói với vua rằng ở lâu đài lúc này lại có thêm tám đứa trẻ thần đồng. Vua sai người đi theo chúng tìm về, cuối cùng nhận ra vợ con[1].

Truyện Pháp: *Con chim nói sự thật*:

Một ông vua bận đi đánh giặc, vợ ở nhà có mang. Hoàng thái hậu vốn không ưa con dâu. Hoàng hậu đẻ được 2 con: một trai một gái, nhưng hoàng thái hậu viết thư cho vua nói chỉ đẻ một chó một mèo. Viết thư trả lời, vua bảo: -"Hãy ném chúng xuống biển". Vâng lệnh vua, người ta làm theo sau khi bỏ hai đứa bé vào một cái thùng. Một người lái buôn và vợ đi bán hàng qua đó vớt chiếc thùng trôi và nuôi hai đứa bé. Chúng có phép lạ: mỗi ngày ở thằng bé tự nhiên xuất hiện 50 đồng ê-cu, còn ở cô gái thì một ngôi sao bằng vàng trên ngực. Một hôm thằng bé đi học với con người lái buôn, nhân xin nó một ít bánh. Con người lái buôn bảo: -"Mày đâu phải là em tao, mày là con hoang" - "Nếu thế thì tao phải đi tìm bố mẹ", thằng bé đáp. Nói rồi nó dắt em gái ra đi, bố mẹ nuôi giữ thế nào cũng không được. Phiêu lưu nhiều ngày, đến lâu đài nhà vua, chúng nó tiến vào xin việc làm. Người ta cho đứa anh làm việc giữ ngựa, còn em thì rửa bát. Thấy chúng, hoàng thái hậu mắng: -"Chúng nó bẩn lắm, đuổi cổ đi thôi!" Rồi nói với vua rằng thằng bé khoe nó biết chỗ có nước biết nhảy, vậy hãy sai nó đi tìm. Vua cho gọi đến, bảo phải tìm cho được nếu không sẽ thiêu sống. Thằng bé đi đường gặp một bà tiên, bà hỏi: -"Đi đâu đấy hoàng tử?" -"Tôi đâu phải là con vua, mẹ vua bảo tôi đi tìm nước

1. Một dị bản của truyện này kể như sau: Đứa bé sau khi ra khỏi thùng nhặt được một cái túi trong có máy lửa và đá súng (hay một cái còi) đều có phép cầu được ước thấy. Con gái mụ phù thủy (trở thành hoàng hậu) để cho vua khỏi chú ý về những câu chuyện do bọn ăn mày kể, bèn khoe với vua rằng mẹ nó có một cái gương soi có thể tìm thấy mọi vật trên thế gian. Sau khi nghe bọn ăn mày đến kể lại chuyện này, đứa bé bèn sai người rèn một cây gậy sắt, rồi cầm gậy tìm đến nhà mụ phù thủy, và sau một trận chiến đấu dữ dội, đã chiến thắng, buộc mụ phải đưa cho mình cái gương; nhờ gương này mà nó tìm ra được tám người anh bị mụ biến thành bồ câu (hay chó sói). Cả nhà lại đoàn tụ (Trở lên theo Cô-xcanh (Cosquin): *Sữa bà mẹ và cái thùng trôi*, đã dẫn).

biết nhảy" -"Cho gì ta, ta sẽ chỉ cho" - "50 ê-cu". Bà tiên bèn chỉ cho nó lấy một chai nước mang về. Ngày hôm sau hoàng thái hậu lại nói với vua bắt thằng bé đi tìm hoa hồng biết hát. Cũng như lần trước, nhờ bà tiên nó tìm được đưa về. Sau đó mụ lại bắt cô gái đi tìm con chim nói sự thật. Bà tiên lại chỉ cho cô bé để đổi lấy ngôi sao bằng vàng của cô, nhưng vì cô bé không chú ý đến lời dặn của bà tiên nên bị hóa đá. Không thấy em về, người anh xin đi tìm. Bà tiên chỉ chỗ tìm chim và ngoài việc dặn dò anh để khỏi hóa đá, còn chỉ bảo cách cho chim mổ vào đầu em, em sẽ sống lại. Khi mang được chim về, vua mở tiệc lớn đãi các lãnh chúa. Trong bữa tiệc, vua bảo chim nói, chim đáp: -"Sự thật mà tôi nói ra đây sẽ làm cho một vài vị hổ thẹn" - "Cứ nói", vua phán. Chim bèn kể chuyện mẹ vua viết thư nói dối rằng dâu đẻ ra chó và mèo để nhẫn tâm vứt hai đứa cháu xuống biển. Rồi chim chỉ vào hai đứa bé: -"Đây là hai đứa con của nhà vua". Nghe xong, vua sai ném hoàng thái hậu vào vạc dầu.

Truyện của Tây-tạng:

Có hai nữ tỳ của một công chúa đang thèm khát cuộc sống sung sướng. Một hôm chúng rủ công chúa đi chơi trên bờ sông. Công chúa mang theo một cái chậu bằng vàng, còn chúng thì chậu đồng. Họ bảo công chúa cùng mình ném chậu xuống nước để xem chậu nào giá trị. Chậu vàng chìm còn chậu đồng thì nổi, chúng nói: như vậy là công chúa không thể về cung được nữa rồi, về thì vua cha sẽ không tha. Công chúa bảo một đứa về xem thử thái độ của bố đối với mình ra sao. Vua tha cho, nhưng khi gặp công chúa, nữ tỳ nói ngược lại. Cả ba cô bèn ngồi lên một ngựa ra đi. Được tám ngày đến kinh đô một nước khác, gặp ông vua nước ấy đang đi chơi ở ngoại ô. Hai nữ tỳ tự xưng chính mình là công chúa đang muốn kén hoàng tử. Vua hỏi: -"Các ngươi biết làm gì?" Nữ tỳ thứ nhất đáp: -"Một nắm giẻ có thể làm thành áo quần của một trăm người". Nữ tỳ thứ hai đáp: -"Một nắm gạo có thể làm no một trăm người". Công chúa khiêm tốn không nói gì cả. Thấy vua giục mãi, cuối cùng công chúa đáp: -"Nhờ phép Phật, tôi sẽ đẻ một đứa con trai ngực vàng, bụng xà cừ, chân ngọc". Nghe nói, vua lấy làm thích, bèn đưa công chúa về cung phong làm hoàng hậu, còn hai người kia làm nữ tỳ. Bồ tát nhập vào người công chúa sau chín tháng đẻ được một trai như nguyện, nhưng hai nữ tỳ ghen ty, đem chôn đứa bé ở thềm, rồi bảo công chúa không đẻ ra người mà chỉ đẻ ra cái nhau. Công chúa bị đuổi, vua lấy hai nữ tỳ làm vợ. Từ đó mỗi khi vua đi qua thềm thấy có bàn tay vô hình kéo chéo áo. Hai nữ tỳ biết chuyện này, đi tìm thấy đứa trẻ, bèn bắt giấu vào lỗ tường ở trên cung. Mỗi lần vua đi qua, lại thấy

có ai kéo tóc. Chúng lại bắt giấu đứa trẻ ở dưới ngai vua. Cũng vậy. Lại giấu dưới máng chuồng ngựa. Ngựa không dám đến ăn cỏ. Khi vua muốn tìm lý do vì sao như thế thì chúng đem chôn đứa bé dưới bãi cỏ. Ở đây mọc lên một cây có ba màu. Người ta kể cho vua nghe về cái cây lạ lùng này. Trước khi vua đến xem thì cây đã bị cừu ăn mất. Vua tìm khắp nơi không thấy, lấy làm ngờ, hỏi hoàng hậu bị đuổi thì bà này quả quyết là mình đã đẻ được đứa con lạ. Sau đó một hôm, một con cừu đẻ được bốn con khác thường. Người chăn cừu hỏi cừu rằng nên đem nộp cho vua hay là giữ lại. Cừu bảo anh mai đến sẽ cho biết. Sáng mai anh đến, cừu bảo anh nhắm mắt lại một lúc lâu, khi nó bảo mở mắt thì anh đã thấy một tòa lâu đài hiện ra rất nguy nga, xung quanh có vườn đẹp. Cừu giảng cho nghe về đạo Phật rồi hóa thành một đứa trẻ ăn mày đi thẳng đến cung vua, gõ cửa. Vua mở cửa hỏi nó là ai. Nó kể lai lịch của mẹ mình. Nghe nói, hai hoàng hậu nổi giận, thì nó liền biến đi. Trở về với người chăn cừu, đứa bé sai anh đi tìm vua, mời vua và mọi người tới dự hội ở lâu đài mới. Trong buổi hội, đứa bé kể cho vua biết mọi chuyện và nói nguyên do chỉ là vì quỷ ngự trị thế gian. Lập tức vua tái hợp với hoàng hậu cũ[1].

Xem thêm truyện của người Xắc-xông (Saxons) ở Tơ-răng-xin-van-ni (Transylvanie) (**Khảo dị** truyện số **153**) cũng có hình tượng đứa bé con đẻ của hoàng hậu trước bị hãm hại, rồi mấy lần tái sinh, sau mấy lần bị ám hại nữa, cho đến lúc em gặp được vua cha trình bày sự thật, giành lại địa vị cho mẹ đẻ.

Người Lào còn có truyện *Bốn cây phượng* cũng cùng một mô-típ:

Xưa có một ông vua tên là Si-vít có hai vợ. Một hôm vua bận đi săn voi dữ, ở nhà hoàng hậu là Ma-hê-si đẻ một lúc bốn đứa con trai. Người vợ thứ hai của vua vì ghen tị, nhân phải che mắt cho Ma-hê-si lúc sinh, bèn bắt bốn đứa trẻ bỏ lên bè thả sông, rồi thay vào bốn con chó con. Vua về thấy chó, nổi giận đuổi hoàng hậu ra khỏi cung, bốn đứa bé may mắn gặp một bà làm vườn đem về nuôi. Nhưng hoàng hậu độc ác nghe tin bốn hoàng tử còn sống, lại sai đầy tớ lén đánh thuốc độc chết. Ở bốn ngôi mộ của bốn đứa trẻ mọc lên bốn cây phượng vĩ. Hoàng hậu lại sai lính đến chặt cây vứt xuống sông. Một chú tiểu thấy cây trôi, cành hoa còn tươi bèn vớt lấy, nhưng khi cầm lấy cây mới thấy dính ở tay không phải nhựa cây mà là máu. Bèn về kể chuyện

1. Đều theo Huy-ê (Huet). *Truyện kể về các chị em ghen tuông*, tạp chí *Dân tộc học và xã hội học* (1910-1911).

với một nhà sư tiên tri. Ông này biết là có bốn vị thánh trên trời xuống nhập vào cây, bèn dùng nước thánh rảy vào; bốn cây phượng hóa thành bốn chàng trai đẹp thông minh. Họ ở lại cùng nhà sư học tập võ nghệ và đọc kinh. Sau đó họ xin phép đi tìm bố. Đến một vương quốc, họ biết vua Si-vít là cha mình, nhưng vua thì lại không biết. Vua sai một toán lính đi bắt bốn chàng, nhưng bốn chàng chống lại kịch liệt và làm cho chúng thua chạy. Vua giận quá, tự mình cầm quân đi đánh. Những mũi tên của vua bắn ra lại hóa thành bánh ngọt, trong khi đó những mũi tên của họ hóa thành hoa. Vua mới hiểu đó là con mình, bèn đón họ vào cung, bảo họ đi tìm mẹ trở về, đồng thời vua đuổi cổ hoàng hậu độc ác[1].

Một số dị bản khác còn kết hợp với mô-típ truyện *Người thợ săn và mụ chằng* có hình tượng nổi bật ném bảo bối thành núi hoặc thành sông nhằm cản chân mụ chằng đuổi theo. Xem thêm truyện *Cục thịt* của Miến-điện (Myanmar), **Khảo dị** truyện số **137**.

1. Theo Gu-i-nô (Gouineau) trong *Pháp Á tạp chí*, số 118-120 (1956).

167. ÔNG DÀI ÔNG CỘC
HAY LÀ SỰ TÍCH THẦN SÔNG KỲ-CÙNG

Ngày xưa, ở vùng sông Tranh thuộc về tỉnh Đông có hai vợ chồng một nhà nọ, gia tư cũng vào hạng khá, nhưng tuổi già mà chưa có con. Thường ngày họ cầu trời có một đứa con cho vui tuổi già. Một hôm, trong khi ra đồng phát ruộng, người chồng nhặt được hai quả trứng to bằng nắm tay, bèn đưa cho vợ xem. Xem xong, chồng định vứt đi, nhưng người vợ ngăn lại: -"Đừng vứt, cứ để cho nó nở xem thử con gì". Bèn đưa về bỏ vào vò đặt bên cạnh bếp. Chỉ trong mấy ngày, trứng nở thành một cặp rắn nhỏ trên đầu có mào đỏ rất xinh. Thấy vậy, người chồng định đánh chết, nhưng vợ ngăn lại: -"Đừng đánh tội nghiệp. Cứ để mặc tôi, tôi nuôi chúng làm con". Hai con rắn rất khôn, từ đó quấn quít với người, đi đâu cũng đi theo. Chúng chóng lớn, mới bằng chiếc đũa, chẳng bao lâu đã to bằng ngón tay. Một hôm người chồng cuốc vườn, cặp rắn bò theo sát nút để kiếm cái ăn trong đất mới lật. Vô tình một nhát cuốc bổ xuống làm đứt đuôi một con. Con rắn quằn quại. Người vợ kêu lên: -"Chà, tội nghiệp! mày cứ quẩn bên chân ông lão làm gì cho khổ thân thế này!". Từ đó con rắn bị đứt đuôi ngày một trở nên hung dữ hơn con kia.

Hai con càng lớn càng ăn khỏe. Chúng thường bò vào chuồng gà các nhà lân cận tìm bắt gà con. Bị xóm giềng chửi bới luôn canh, một hôm chồng bảo vợ: -"Thôi! ta đem thả chúng xuống sông cho chúng kiếm ăn, kẻo để lại có ngày mang họa". Hai vợ chồng bèn mang cặp rắn đến bờ sông thả xuống và nói:

- Bớ các con! Các con hãy ở đây tự kiếm lấy cái nuôi thân, đừng có trở về, bố mẹ không có đủ sức nuôi các con nữa!

Cặp rắn vừa thả xuống nước, lập tức sóng gió nổi lên ầm ầm, các loài thủy tộc ở các nơi về tụ hội bơi lượn đông đảo. Hai vợ chồng rất

kinh ngạc. Đêm lại, chúng về báo mộng cho họ biết là chúng đã được vua Thủy cho cai quản khu vực sông Tranh.

Từ đó hai con rắn làm oai làm phúc suốt cả một khúc sông rộng. Người ta lập đền thờ chúng bên sông, gọi chúng là Đức ông tuần Tranh, cũng gọi là ông Dài, ông Cộc. Tuy mọi thú cần dùng đã có bộ hạ cung đốn đầy đủ, nhưng chúng vẫn thỉnh thoảng bắt súc vật và người qua lại trên sông. Duy ông Cộc bản tính dữ tợn, ngày một trở nên ngang ngược, lại tỏ ra hiếu sắc. Thuyền bè đi qua đó, nó thường xoáy nước nổi sóng dữ dội làm cho bị đắm để bắt người lấy của. Mỗi lần nghe tin có xảy ra tai nạn, hai vợ chồng bố mẹ nuôi ông Dài ông Cộc vẫn thường ra bờ sông hết lời van vái con, để mong chúng đỡ phá phách. Chúng cũng có nghe, nhưng rồi chúng nào vẫn giữ tật ấy.

*

* *

Một hôm, có hai vợ chồng một người họ Trịnh có việc đi thuyền qua đấy đỗ lại. Người vợ là Dương thị vốn người xinh đẹp làm cho ông Cộc mê mẩn. Đêm lại, bỗng dưng từ dưới nước có hai người con gái bước lên thuyền, mỗi người đầu đội một mâm lễ vật. Chúng đặt mâm xuống trước mặt anh học trò và nói:

- Đây là lễ vật của ông Cộc, đức ông chẳng bao giờ hạ mình làm những việc như thế này, nhưng chỉ muốn nhà thầy vui lòng nhường lại cho người vợ.

Người học trò chưa bao giờ gặp chuyện trắng trợn đến thế, bèn tức giận quát lớn:

- Về báo với đức ông chúng mày hãy mau mau bỏ thói ngang ngược. Ta là người đọc sách thánh hiền, không bao giờ lại sợ loài quỷ quái.

Chưa dứt lời đã không thấy hai người con gái đâu nữa. Tuy nói cứng là vậy nhưng vốn từng nghe những câu chuyện về ông Dài ông Cộc nên người học trò cũng có ý sợ bèn bảo vợ cầm lấy tay nải rồi cả hai từ giã chủ thuyền bước lên bờ. Nhưng không kịp nữa rồi. Ông Cộc đã nói là làm. Thấy con mồi đã lên bộ, ông bèn đuổi theo, hóa làm một trận mưa bão kinh khủng làm cho họ không thể tiếp tục đi được. Chồng đành đưa vợ vào trú ở một ngôi đền gần đó. Mưa bão kéo dài suốt đêm. Sáng dậy, bão tạnh, người học trò tỉnh dậy đã thấy vợ mình biến đâu

mất. Anh theo dấu đến bờ sông chỉ còn thấy quần áo của vợ trút bỏ lại đó.

Đau xót vì mất người vợ yêu, anh chàng họ Trịnh bèn đi lang thang khắp nơi tìm cách trả thù. Trải qua bao nhiêu ngày tháng, một hôm qua một cái chợ, anh bỗng gặp một ông thầy bói hình dung cổ quái đang ngồi đón khách. Anh ngồi xuống xin một quẻ về gia sự. Thầy bói gieo quẻ, nói:

- Nhà ngươi đang có sự lo buồn.

Anh đáp lại:

- Xin thầy cứ cho biết.

- Vợ nhà ngươi bị một kẻ có thế lực cướp mất.

- Chịu thầy. Xin cho biết vợ tôi hiện nay ở đâu? Và có cách gì cứu được vợ tôi không?

- Không giấu gì nhà ngươi, ta vốn là Bạch Long hầu vốn có phận sự làm mưa ở vùng này. Thấy việc tác quái, ta muốn giúp nhà ngươi trả được mối thù. Ta đợi nhà ngươi ở đây đã lâu. Kẻ kia tuy quyền thế nhưng không thể làm loạn chính pháp. Vậy nhà ngươi hãy theo ta. Trước hết hãy dò tìm tung tích vợ ngươi để nắm được chứng cớ đầy đủ.

Người học trò không còn gì mừng hơn thế nữa, bèn sụp lạy Bạch Long hầu, rồi bước theo bén gót. Bạch Long hầu bảo anh nhắm mắt, đoạn rẽ nước đưa anh đi mãi, đi mãi đến một hòn đảo xa tít ngoài biển Đông. Sáng hôm sau, ông hỏi:

- Ngươi có mang theo vật gì của vợ để nàng làm tin không?

Người học trò đáp:

- Có. Nói rồi đưa ra một cành thoa của vợ.

Bạch Long hầu cầm lấy đi ngay. Chỉ hai hôm sau, ông đã về kể cho chàng nghe tất cả mọi việc và nói:

- Vợ ngươi vẫn một lòng một dạ với ngươi. Đó là một người thủy chung. Vậy mai đây ta sẽ đưa nhà ngươi đến triều đình đánh trống "đăng văn", khi đưa nàng ra đối chất, tự nàng sẽ tố cáo kẻ thù. Nhưng ngươi cũng viết sẵn một lá đơn kiện mới được.

Chưa đầy ba ngày, vụ kiện của người học trò đã xử xong. Ông Cộc không ngờ Dương thị lại vạch tội hắn trước tòa án vua Thủy, tuy rằng

nàng đã sinh với hắn một đứa con. Vua Thủy khi thấy chứng cớ sờ sờ về hành động gian ác của bộ hạ mình thì đùng đùng nổi giận. Vua thét: -"Hãy bắt đày nó đi thật xa cho đến cùng trời cuối đất!". Dương thị được đưa trở về cõi trần với họ Trịnh, hai vợ chồng lại đoàn tụ. Còn đứa bé do Dương thị đẻ ra với ông Cộc thì giao cho ông Cộc nuôi.

Ngày ông Cộc đi đày, tôm cá rắn rết náo động cả một khúc sông Tranh. Quân lính áp giải ông Cộc ra biển rồi đi ngược lên phía Bắc. Trải đã nhiều ngày, một hôm họ đến một vùng nhìn vào thấy rừng cây mịt mù, không hề có khói lửa. Ông Cộc hỏi một số người địa phương: -"Đây là đâu?". Họ đáp: -"Nơi đây đã sắp hết địa phận nước Việt rồi. Đi quá nữa là sang nước khác". Ông Cộc bảo quân lính áp giải: -"Vậy là đến chốn kỳ cùng rồi đó. Theo lệnh nhà vua, ta sẽ ở lại đây". Cả đoàn bấy giờ rẽ sóng kéo vào cửa sông. Nhưng ở khúc sông này từ lâu vốn có một con thuồng luồng trấn trị. Hắn không muốn chia sẻ quyền hành với kẻ mới đến. Cho nên khi thấy ông Cộc tới, lập tức một cuộc giao phong diễn ra dữ dội từ cửa sông cho đến tận thượng nguồn. Bấy giờ nước bắn tung tóe, tôm cá chết như rạ. Hai bên bờ lở sụp, sinh mệnh tài sản của dân ven sông bị thiệt hại rất nhiều. Hai bên đánh nhau mấy ngày không phân thua được. Ông Cộc bị thương tích đầy người, nhưng thần thuồng luồng cũng bị toạc da chảy máu và bị đứt mất một bên tai. Thấy thế, những quân lính áp giải vội chạy về báo cho vua Thủy biết. Cuối cùng việc lại đưa đến tòa án vua Thủy. Vua bắt hai bên phải chia đôi khu vực, định lại ranh giới rõ ràng, và từ nay về sau không được xâm lấn đất của nhau. Ông Cộc bèn cho đưa một tảng đá lớn như hình một cái đầu đặt ở ven sông. Bên phía thuồng luồng cũng làm phép hiện ra một cái chuông úp ở bờ bên này làm giới hạn.

Nhưng thần thuồng luồng vẫn chưa hết giận, vì cho rằng bỗng tự dưng vô cớ bị chia sẻ quyền hành là do ông Cộc mà ra. Bởi vậy thuồng luồng ta thỉnh thoảng lại gây sự đánh nhau với ông Cộc. Dân chúng ở hai bên bờ sông mỗi lần nghe tiếng chuông, tiếng nước sôi động ầm ầm thì biết rằng sẽ có cuộc giao tranh kịch liệt. Về sau vua Thủy giận thuồng luồng "bất tuân thượng lệnh", bèn sai quân kéo tới bắt sống, xích lại, giao cho thần núi địa phương canh giữ, còn ông Cộc từ đấy được cai quản cả hai khu vực.

Ngày nay, bên bờ Nam sông Kỳ-cùng, chỗ chân cầu tỉnh lỵ Lạng-sơn còn có một hòn đá lớn như hình cái đầu. Còn bờ bên kia, trong một ngôi chùa cổ còn có cái chuông bị xích, nhưng đã đứt mất một bên tai. Người ta nói cái đầu bằng đá là do ông Cộc đặt làm mốc, còn cái chuông là hiện thân của thuồng luồng bị thần Núi xích tại đây. Cái tên sông Kỳ-cùng cũng xuất phát từ cuộc đầy ải ông Cộc mà có[1].

KHẢO DỊ

Về truyện *Ông Dài ông Cộc*, riêng miền Bắc có rất nhiều dị bản, phần nhiều dưới dạng truyền thuyết, với hình ảnh con rắn bị bố mẹ nuôi chém đứt đuôi. Vùng Lạng-sơn còn có người kể như sau:

Tại sông Kỳ-cùng có một ông lão nhà nghèo làm nghề chài lưới, có một đứa con trai. Một hôm, ông lão bắt được một quả trứng lạ rất lớn, đem về giấu ở thúng trấu rồi quên bẵng đi mấy ngày, không ngờ trứng đã nở ra một con rắn trắng. Rắn quen với người và mỗi ngày một lớn. Ông lão mang rắn để thả sông. Nhưng rắn lại về nằm lỳ ở nhà. Ông lão hỏi đùa: -"Có muốn lấy vợ chăng?" Rắn gật. -"Khi nào con thấy có người đàn bà mặc áo đỏ đứng ở sông thì bắt lấy, tức là người ta cưới cho mày đó". Rắn lại gật tỏ ý bằng lòng, và còn dặn cứ gọi "Banh Bạch" thì nó lên.

Về sau ông lão cưới vợ cho con trai mình. Một hôm cô dâu mới ra sông tắm giặt bỗng mất hút. Ông lão giận lắm, gọi rắn lên định giết chết, nhưng nhát chém của ông chỉ làm nó đứt khúc đuôi. Rắn báo cho ông biết: Vua Thủy cho hắn coi khúc sông này và cám ơn bố nuôi về việc cưới vợ cho nó. Sau đó, một hôm rắn đưa bố nuôi xuống chơi nhà của mình ở dưới sông. Nhà hắn cũng có vô số đồ đạc của cải, chẳng khác gì nhà giàu sang ở trên trần. Gặp con dâu, ông lão bảo nó bỏ thủy phủ theo ông về trần. Nó không nghe và nói: -"Duyên trời đã định rồi, còn về làm gì nữa". Người ta lập đền thờ thần rắn ở gầm cầu[2].

1. Theo Nguyễn Dữ. *Truyền kỳ mạn lục* và theo *Thiên lôi bị đòn* (*Truyện cổ tích Việt-nam*), Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà-nội, 1957.

2. Theo *Trung Bắc tân văn* (1924). Một dị bản khác lưu hành ở bản Mồng thì rắn không phải nở từ một quả trứng lạ do ông lão bắt được, mà do bà lão chiêm bao thấy một đứa bé có một con rắn cuốn quanh người rồi biến vào bụng bà. Từ đó bà có mang sinh một trai và một con rắn. Rắn sau đó cũng thả ra sông, lớn lên nó cũng cướp chị dâu làm vợ, cũng bị ông lão chém đứt khúc đuôi, v.v...

Người Tày Lạng-sơn ven sông Kỳ-cùng thì kể như sau:

Đời Lý Nhân Tông niên hiệu Long Phù, ở bản Chúng có một thổ ty họ Bế nhà giàu có hai đứa con: một trai là Trần Sinh đã có vợ và một gái là Ngọc Quyên xinh đẹp. Một hôm mùa xuân, anh em đi thăm mộ, chiều về họ gặp một chàng trai tuấn tú đến nhà xin với người bố nghỉ trọ một đêm. Hỏi tên họ thì đáp: -"Tôi thuộc họ rồng tên là Hải Sinh, định về kinh ứng thí, đầy tớ đã đi trước, còn mình vì đường xa mệt nhọc phải nghỉ lại". Thổ ty bằng lòng cho nghỉ lại. Nhưng đêm lại, Hải Sinh được sự ưng thuận của Ngọc Quyên, lẻn vào buồng ân ái, từ đó cứ gà gáy ra đi, nhưng đêm thì lại mò tới. Đến đêm thứ năm, Hải Sinh nói mình là con vua Thủy có lệnh phải về, hẹn đến tết đoan ngọ sẽ gọi nàng xuống thủy phủ. Ngọc Quyên từ đấy có mang. Người bố biết rõ chuyện của con, muốn giết, nhưng bị bà mẹ cản lại. Đến lúc nàng sắp sinh bố lại mài dao nhọn chực giết vì không muốn thấy có những đứa cháu thuộc nòi thuồng luồng. Đến ngày đoan ngọ, Ngọc Quyên sinh ra được hai con rắn, một con trườn đi thoát còn một con bị ông chém đứt khúc đuôi (sau này người ta gọi là "Ông Cộc"). Gia nhân đuổi theo thì trời bỗng nổi cơn mưa to gió lớn, đất chuyển ầm ầm, nứt thành lỗ cho hai con chui vào. Ở nhà, Ngọc Quyên cũng tắt thở. Sau đó, ông Cộc ngự trị ở chỗ thác nước trước làng, người ta gọi là Khuổi Ngù (thác Rắn). Nay còn có đền thờ trên đường từ Lạng-sơn đi Lộc-bình.

Vùng ven sông Cầu, sông Thương thì lại kể như sau:

Ở làng Giá, xã Huống-thượng (Thái-nguyên) xưa kia có một người đàn bà góa làm nghề chăn tằm. Một hôm đang hái dâu ở bãi sông nhân khát nước lội xuống sông uống, thấy có hai trứng lạ bèn đem về cho gà ấp. Trứng nở ra hai con rắn: một trắng, một đen, đều có mào đỏ. Bà nuôi chúng thành quen thuộc, đi đâu chúng cũng đi theo. Nhưng hình thù chúng ngày một lớn, phải bỏ xuống giếng. Thấy chúng vẫn trở về, cuối cùng bà phải thả ngoài vực Cả sông Cầu. Từ đấy chúng mới chịu yên. Mỗi lần bà muốn qua sông chỉ việc gọi chúng là chúng nổi lên cõng đưa qua. Một hôm bà vun dâu ở bãi, chúng tìm đến quấn quít, vô tình bà cuốc phải đuôi một con. Từ đó dân làng gọi chúng là ông Cộc và ông Dài, và cũng lập miếu thờ, v.v...[1].

1. Đều theo Bô-ni-pha-xi (Bonifacy). *BEFEO*, tập XVIII (1918). Mô-típ truyện vùng sông Cầu đồng thời cũng lưu hành ở dân tộc Lô-lô với truyền thuyết: *Người đàn bà góa có hai con rắn* có thêm đoạn cuối chặt gỗ tạc tượng rắn và người đàn bà.

Cho đến vùng Nghệ - Tĩnh, truyện kể đã có phần khác, nhưng vẫn còn hình ảnh con rắn bị đứt đuôi:

Đời Lý, có hai vợ chồng người làng Chi-châu, huyện Thạch-hà lấy nhau đã lâu mà chưa có con. Một hôm họ hứng nước mái nhà, đến canh tư thấy có ngôi sao sa vào vò, người vợ uống nước ấy có thai, nhưng ba năm chưa đẻ. Sau đó đẻ được ba quả trứng vỏ xanh, nở ra được ba con rắn. Chúng thường quấn quít đi theo bố mẹ, vì vậy một hôm người bố vô tình chặt đứt đuôi một con. Nó tự nhiên biến thành chàng trai lịch sự nói: -"Chúng tôi đầu thai giúp nước, nay con đã bị bố lỡ tay như vậy, sẽ lên trời làm sóng gió cho thiên hạ biết". Nói rồi biến đi, sau trở thành thần sông, còn hai con kia ở lại trở thành tướng tài của nhà Lý, thường cầm quân bảo vệ biên cương chặn đứng giặc ngoài xâm lược[1].

Người Nghệ-an còn có truyện *Rắn cụt đuôi*, sơ lược như sau:

Một người ở làng kẻ Nhoi, xã Yên-đổ đi thuyền ra sông chài lưới, tự nhiên được một cái trứng, đưa về cho gà ấp nở ra một con rắn có mào đỏ. Người ấy mấy lần bỏ xuống sông, nó lại theo về nhà, đành phải nuôi như con. Rắn càng lớn trông như rồng. Ông muốn giết, bèn nhân khi đào bờ ruộng lấy thuổng xắn cho chết, không ngờ chỉ đứt một khúc đuôi. Bỗng nhiên thấy trời nổi gió bão. Người ấy sợ, bèn bế rắn về, đắp thuốc cho nó. Từ đấy gọi nó bằng ông Cụt. Một hôm ông bảo rắn: -"Đã thế thì con ưng ở nơi nào, nói cho cha biết, kẻo cứ thế này mãi tiếng đồn lên quan, quan sẽ bắt tội". Thấy nó gật, ông chèo thuyền đi, nó bơi theo sau. Vực nào rắn cũng lặn xuống, nhưng đều lắc đầu. Đến vực Câu nó mới chịu ở, từ đấy không về nữa. Nhưng cũng từ đấy người hay súc vật lội qua đây thường bị rắn bắt, nên ít ai qua lại. Về sau nhân một vụ thiếu thuế, quan liền báo lên Thiên tào nói là tại ông Cụt, nên dân bỏ phế công việc. Thiên tào phải chật vật lắm mới bắt được rắn đem giam ở hồ, dân mới đỡ khổ[2].

---

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết*. Một dị bản khác kể: Xưa gần thôn Chỉ-châu có hai vợ chồng là ông Mái mụ Mái. Người vợ một hôm nhặt được (không phải đẻ ra) ba quả trứng lạ, bèn đem thả ở ngã ba sông, tự nhiên thấy sóng gió đùng đùng, một chốc mới tạnh. Sau đó một hôm, ông Mái cuốc bờ ruộng, ba con rắn đến vây quanh nhảy nhót, không ngờ ông cuốc nhầm phải đuôi một con. Rồi đó cả ba con ẩn dưới vực Đan-hai, người ta gọi chúng là Tam lang tức là chàng Cả, chàng Hai và chàng Ba Long vương (Theo *Nghệ-an phong thổ chí*).
2. Theo *Bản khai của tổng Quỳ-châu, Quỳ-dương*.

Người Mường có truyền thuyết *Mế Cụt*, nội dung có khác với truyện trên, nhưng hình ảnh con rắn cụt đuôi và bà mẹ nuôi vẫn còn rõ nét:

Có hai anh em ruột nhà kia: anh trai em gái phạm tội loạn luân, bị làng xóm buộc phải chịu hai cuộc thử thách. Thử thách thứ nhất là vượt qua một quả đồi có nhiều con rết khổng lồ hay ăn thịt súc vật. Em dùng xơ kén bó kín bốn cẳng trâu, còn anh cưỡi con trâu ấy vai vác một cái bừa, hễ thấy rết cắn chân trâu, răng vướng xơ kén không gỡ được thì anh thả bừa xuống. Răng bừa cắm chặt vào thân rết như đóng đanh rồi nhảy xuống giết chết. Thử thách thứ hai là lội qua một con sông nhiều rắn (khú). Trong khi anh ngồi trên bờ mài dao thì có một người xuất hiện trước mặt hỏi: -"Mài dao làm gì?". Đáp: -"Để xuống nước giết khú". - "Dao thế nào mà dám giết?" -"Có thể chặt đứt mọi vật". -"Có cái gì không chặt được?" -"Chỉ có thân cây chuối (loóng)". Anh phải nói dối như thế, vì biết kẻ đối diện với mình là quân do thám của xã hội nhà rắn. Khi anh bước xuống sông thì mặt nước bỗng nổi lên rất nhiều thân cây chuối, anh lia dao chém hết, mỗi khúc chuối hiện nguyên hình là một con rắn đã bị giết. Xã hội nhà rắn lần ấy bị tiêu diệt sạch, trừ một con bị đứt đuôi. Ẩn trong một khúc mương, rắn ta đau quá khóc suốt đêm ngày. Trong vùng có một bà thầy thuốc nghe tiếng khóc thì thương hại bèn chữa cho lành với điều kiện từ nay về sau không được ăn thịt người nữa. Lành rồi, người ta gọi nó là thằng Cụt, gọi bà kia là mế Cụt. Thằng Cụt vẫn còn thèm thịt người nhưng phải giữ lời hứa. Mọi người biết vậy, nên mỗi khi lội sông, nếu nó có hỏi thì đáp: -"Con mế Cụt đây!" thế là rắn ta không dám động đến. Nhưng nó cũng rất bực mình. Một hôm, người lội là con gái thực của mế Cụt. Rắn hỏi: -"Ai đó?". -"Con gái mế Cụt đây!" Rắn nổi giận: -"Mế Cụt làm gì mà lắm con thế, tao không tin". Bèn nhảy tới vồ lấy nuốt luôn. Mế Cụt hay tin, ra sông nguyền rủa cho nó chết. Vì thế thằng Cụt chết ngay[1].

Ở truyền thuyết của đồng bào Tày ven sông Lô (Tuyên-quang), con rắn cũng bị bà mẹ nuôi chém phải, nhưng với ý thức là để giúp con trong một cuộc giao tranh với con rắn khác:

Một người đàn bà góa nghèo họ Ma, xóm Mô-cuống, làng Khúc-phụ, huyện Chiêm-hóa, thường ngày vẫn kiếm ăn bằng nghề mò tôm bắt cá. Cũng như các

1. Theo Trần Từ và Bạch Đình. *Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường*; tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 141.

truyện trên, một hôm, bà nhặt được một quả trứng lạ vứt bỏ mấy lần vẫn gặp lại, bà bèn đem về cho gà ấp. Trứng nở thành một con rắn trắng. Bà nuôi nó trong vại. Chẳng bao lâu lớn đầy vại, phải thả xuống vực. Rắn có thể hóa thành người, thường giúp bà kiếm thức ăn, bà muốn bao nhiêu tôm cá cũng có. Một lần, có một con rắn đen ngự trị ở một khúc sông khác đến gây chuyện với rắn trắng. Hai bên đánh nhau ba ngày không phân thắng phụ. Rắn ta bèn nhờ mẹ nuôi giúp mình bằng cách trong khi giao tranh hễ thấy con đen nổi lên thì chém. Không may là bà già không chém phải rắn đen mà lại chém nhầm vào bụng rắn trắng. Rắn chết, người ta đem chôn ở cánh đồng, gọi là mộ thần rắn Cuống[1].

Tóm lại, truyện *Ông Dài ông Cộc* dường như xuất phát từ một loại truyền thuyết có đề tài thờ rắn (hay thuồng luồng, giao long) xa xưa, trong đó nổi bật là hình tượng rắn được người nuôi và bị chém nhầm đứt đuôi. Truyền thuyết ấy đã được nhà văn dân gian - nếu không phải chính Nguyễn Dữ, tác giả *Truyền kỳ mạn lục* - tô điểm thành một truyện hoàn chỉnh có phần khỏe mạnh hơn các dị bản của nó (hầu hết đều chưa vượt khỏi dạng truyền thuyết).

Sau đây chúng tôi trích dẫn một truyện do Bento Thiện sưu tầm vào giữa thế kỷ XVII, từng được ghi bằng quốc ngữ, cũng có thể coi là một dị bản của truyện *Ông Dài ông Cộc*, tuy rằng kết cục khác hẳn. Nguyên văn như sau:

"... Xưa có một người ở bên Ngô, ở xứ Hồ-quảng, hay đi săn chơi trên rừng. Ngày ấy thấy một trứng bỏ giữa đàng, thì người ấy lấy về mà để chơi. Ngày sau trứng ấy nở ra được cái rắn. Liền cho nó ở nhà, thì nó đi bắt gà lợn người ta mà ăn thịt, hết nhiều của người ta lắm, thì người ta kêu. Ông ấy liền đem nó lên trên rừng là nơi trứng cũ ngày xưa, mà rằng: -"Con ở đây, chớ về nhà làm chi, con sẽ kiếm ăn rừng này vậy". Nó liền ở đấy, có gặp ai thì bắt ăn thịt, dù là trâu bò hay ngựa cũng vậy. Thiên hạ sợ, chẳng có ai dám lại đấy nữa, thì kêu cùng vua rằng: -"Đất ấy có cái rắn dữ, chẳng có ai đánh được nó". Mà vua có sai ai đi, thì nó cắn chết, thì chẳng còn ai dám đi. Vua liền rao thiên hạ rằng, ai mà đánh được rắn ấy thì vua cho làm quan. Thấy vậy, người nuôi

1. Theo Bô-ni-pha-xi (Bonifacy), đã dẫn; và Hoàng Lương. *Bàn góp về vấn đề tô-tem của người Việt nguyên thủy*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 5 (1959). Một số truyện Trung-quốc có đề tài về cuộc chiến đấu giữa hai con rắn một trắng (rồng) một đen (yêu tinh mới đến) có người giúp sức bên trắng (nhưng không nói việc cụt đuôi). Tuy không giống truyện của ta, nhưng có thể có đôi chút liên quan.

nó ngày trước liền chịu lệnh vua mà đi đến nơi nó ở. Nó liền ra toan cắn ông ấy, thì ông ấy rằng: -"Con cắn ông ru, này là ông nuôi con ngày xưa, mà con chẳng biết ông ru?" Nó liền đến chân ông ấy, như lạy người vậy. Ông ấy liền chém một lát, nó liền chết. Ông ấy về tâu vua, thì vua phán cho làm quan, thì ông ấy rằng: -"Tâu vua, tôi chẳng đáng làm quan". Vua phán rằng: - "Mày muốn điều gì thì tao cho". Ông ấy rằng: -"Tôi muốn ăn cho đủ", thì vua cho hễ là trong xứ ấy có của gì mới thì cho ông ấy ăn trọn đời. Vì vua để cho coi đất ấy, đến ngày sau ông ấy chết, thì xứ ấy còn thờ ông ấy như xưa, gọi là Chúa đất..."[1].

1. Đỗ Quang Chính. *Lịch sử chữ quốc ngữ*, Sài-gòn, 1972; "Tài liệu viết tay năm 1659".

168. SỰ TÍCH THÁP BÁO-ÂN

Ngày xưa ở xã Bình-quân, huyện Cẩm-giàng, có vợ chồng một phú ông nọ sinh được mỗi một cô con gái. Cô xinh đẹp nhất làng, tính nết lại dịu dàng, hiền hậu. Nhân nhà có nuôi thầy cho con trai học, phú ông cũng cho con gái theo đòi nghiên bút. Cô rất thông minh, học chóng tấn tới, chẳng bao lâu đã thông kinh sách.

Nghe tin cô đẹp người, tốt nết lại hay chữ, bọn con trai quanh vùng cũng đã nhiều kẻ rắp ranh. Nhưng phú ông tự nhủ: -"Con gái ta phải sánh duyên với người nào văn chương lỗi lạc, chứ về với bọn phàm phu tục tử thì thật là uổng phí xuân xanh một đời". Nghĩ vậy có mấy đám con nhà giàu có và quyền quý cho người tới dạm hỏi, ông đều lắc đầu từ chối.

Cô gái càng lớn càng xinh, lại càng chăm học, thơ phú làm ra khó có ai theo kịp. Nhưng không ngờ thật là trớ trêu. Trong người cô mang một chứng bệnh mà thầy thuốc đành lắc đầu bó tay: đó là bệnh hủi. Trước cô còn e lệ giấu kín không cho ai biết. Nhưng ngày một ngày hai, những chỗ sưng thối lở loét bắt đầu hành hạ, cô không thể che mắt thiên hạ được nữa. Thấy bà con làng xóm xì xào về bệnh của con gái, và cũng e ngại chứng bệnh dễ lây, phú ông đành phải làm một ngôi nhà bên cạnh đường nhưng xa làng để cho cô ở riêng biệt, chỉ thỉnh thoảng cho con hầu mang tới gạo muối tiền nong cho cô chi dùng hàng ngày, không để thiếu thốn. Cứ như thế, cô gái xấu số nọ chịu nhận một cuộc sống cô đơn buồn rầu đã hơn một năm.

Một hôm, có một thầy cử trẻ tuổi trên đường đi thi hội. Vừa đi lọt vào lùm cây thì trời bỗng đổ cơn mưa, anh nhanh chân tìm một hốc cây để ẩn nấp. Nhưng trận mưa kéo dài mãi đến tối. Cho nên vừa ngớt hột mưa, anh phải vội vã ra đi tìm chỗ nghỉ trọ. Vừa hay bên cạnh đường, anh thấy le lói có ánh đèn, bèn chạy tới gọi cổng, không biết đấy là nhà cô gái hủi. Tiếng cô gái nói vọng ra:

- Ai đấy, hãy đi kiếm chỗ khác mà trọ, ở đây nhà cửa chật chội không ở được đâu!

Đứng ở ngoài cổng, thầy cử ta kèo nài:

- Tôi đây. Xin làm ơn cho vào hơ nóng một tý, kẻo vừa rồi mưa ướt hết cả.

- Xin mời khách hãy gắng đi nữa sẽ có chỗ trọ, nhà tôi vắng vẻ không tiện mời vào.

- Tôi là cử nhân họ Trần đi thi hội, vì làng xóm còn quá xa, xin cho nghỉ lại một tý, nếu không tiện thì tôi sẽ đi.

Thấy giọng có vẻ cầu khẩn, lại nghe khách tự xưng con nhà lễ giáo, cô gái bỗng động lòng thương, bèn ra mở cổng mời vào. Dưới bóng đèn, cô thấy khách là một chàng trai ngoài hai mươi tuổi, dáng người nho nhã, ăn nói lễ phép, thì không nỡ từ chối, nên tươi cười:

- Bố mẹ đi vắng cả, chỉ có mình thiếp ở nhà. Người xưa có nói "Nam nữ thận trọng từ cái trao tay", mời chàng trọ lại đây thật là bất tiện. Nhưng nay thấy chàng đi đường mệt nhọc và ướt át, chẳng dám khăng khăng giữ lễ, vậy mời chàng cứ nghỉ lại đây, có cần gì thiếp xin giúp đỡ.

Nói rồi đốt lửa cho khách sưởi, lại thổi cơm mời ăn. Thầy cử thấy cô gái mặt mũi xinh đẹp, ăn nói khôn ngoan, tốt bụng, lại có vẻ con nhà có học thì trong bụng lấy làm mến, bèn hỏi:

- Đa tạ cô chẳng nệ phiền hà, hết lòng giúp đỡ, việc đó tôi không dám quên ơn. Tôi cũng không ngờ cô lại là kẻ theo nghiệp sách đèn. Chẳng hay cô là con cái nhà ai, bố mẹ làm gì?

Cô gái nói thật tất cả, trừ cái bệnh của mình. Thấy cô học giỏi, thầy cử bèn cùng cô xướng họa. Hai bên đối đáp với nhau đến khuya. Dần dần, từ chỗ yêu mến, thầy cử đâm ra bạo dạn, lại thấy chủ nhân một thân một mình, thầy bèn ngỏ lời đính ước kết hôn. Thương thân tủi phận, cô gái rơi nước mắt, nói: -"Phận thiếp xấu số không đáng là kẻ nâng khăn sửa túi cho chàng. Xin chàng hãy để tâm vào việc thi cử trước mắt, sau này có gì cũng chưa muộn". Thấy nàng sụt sùi, thầy cử không biết ẩn tình, bèn bước lại khuyên dỗ. Cuối cùng không ngăn được lửa tình anh nắm lấy tay nàng đòi cầu thân. Cô gái tuy e lệ cũng không từ chối. Hai bên coi nhau như vợ chồng.

Sáng dậy, thầy cử vội ra đi cho kịp ngày thi. Khi hai bên từ giã, anh hẹn:

- Một lời vàng đá thề quyết trăm năm. Xin nàng hãy chịu khó chờ. Chuyến này dù đỗ hay hỏng, tôi cũng sẽ cậy người đưa "lục lễ" đến rước nàng làm vợ.

Sau khi thầy cử ra đi, cô gái nghĩ đến số phận hẩm hiu thì vô cùng đau khổ. Cô tự nghĩ: -"Ta may mắn được chàng thương tới, nhưng chàng đâu có biết ta bệnh hoạn khốn khổ thế này. Nếu chàng mà biết thì ta còn mặt mũi nào nữa, chẳng thà chết quách còn hơn". Suốt ngày hôm ấy, nàng vừa tưởng nhớ vừa tuyệt vọng. Trong một cơn phẫn chí đến cực độ, cô gái bỗng dưng ngất đi, hồn lìa khỏi xác lúc nào không biết.

Sau đó mấy ngày, vợ chồng phú ông mới hay tin; cả nhà đổ tới chỉ còn biết than khóc và an táng người bạc mệnh ở ngay trong ngôi nhà của nàng.

*

* *

Lại nói chuyện thầy cử sau khi từ giã, đi luôn mấy ngày mới đến kinh kỳ. Hình ảnh cô gái tài hoa gặp nhau trong một đêm đầy tình nghĩa ái ân choán hết tâm trí chàng trẻ tuổi. Vào trường thi, bài của anh làm rất trôi chảy. Nhưng khi vào kỳ cuối, bài "văn sách" đầu đề ra có phần hiểm hóc làm anh ngậm bút mãi. Cuối cùng cũng viết thành bài, nhưng sau khi ra trường bước về quán trọ, anh mới nhớ là mình đã viết nhầm mấy chỗ. Anh lắc đầu tắc lưỡi: -"Chết thật! Thế này thì còn đỗ với đạt thế nào được nữa".

Lúc ông chủ khảo chấm đến bài của anh thì thấy không thể đỗ được. Sắp hạ bút xuống phê chữ "liệt" (kém), chủ khảo bỗng thấy tay mình như bị ai giữ cứng. Ông đành phải bỏ bút xuống bàn. Bỗng ông cảm thấy buồn ngủ ríu mắt. Chợp đi một lúc, ông mơ màng thấy có một cô gái rất xinh tiến đến trước mặt chắp tay vái lia lịa, và nói: -"Đây là quyển thi của chồng tôi, xin ngài làm ơn rộng bút cho". Tỉnh dậy, chủ khảo lấy làm lạ, bèn đọc lại bài văn một lần nữa thì cũng lại thấy không thể lấy đỗ được. Toan cầm bút phê thì quản bút tự nhiên rơi xuống đất, ông chưa kịp nhặt lên bỗng lại chợp đi, bóng cô gái lúc nãy lại hiện ra

trước mặt, một hai xin hãy vớt cho quyển văn ấy. Ông bèn hỏi: -"Nàng ở đâu ta?" Đáp: -"Tôi là con gái họ Nguyễn, quán xã Bình-quận, huyện Cẩm-giàng...". Thế rồi bóng cô gái lại biến đi. Chủ khảo giật mình tỉnh dậy. Ông hết sức ngạc nhiên, miệng lẩm bẩm: - "Quái lạ, nhà thí sinh này hẳn có một "âm công" gì đây, nên âm hồn theo từ xa đến để báo, ta cũng không nỡ thẳng tay". Nghĩ vậy, cuối cùng ông cũng lấy vớt cho đỗ.

Hôm thầy cử - bây giờ đã là quan tân khoa - cùng các bạn đến chào chủ khảo, thì ông này lưu một mình tân khoa họ Trần lại, đoạn hỏi anh: -"Anh đã có vợ chưa?". Anh đáp: -"Thưa chưa". - "Thế nhà anh có làm "âm công" gì không?". Anh lắc đầu: -"Tôi không nghe ai nói gì, chắc là chẳng có". Chủ khảo bèn kể cho nghe về một cô gái hai lần báo mộng trong khi chấm bài, sau này ráp "phách" lại mới biết đó là bài của anh, rồi nói: -"Anh đáng lý không được đỗ vì bài "văn sách" làm kém, được đỗ cũng nhờ cô gái ấy". Nghe đoạn, anh ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu, nhưng cũng không hiểu ra thế nào cả, đành nói ít câu cám ơn rồi cáo từ ra về. Lần vinh quy ấy, quan tân khoa họ Trần nhắn người nhà phải sắm thêm một cái võng thứ hai. Anh dự định khi đoàn về ngang ngôi nhà của người yêu thì đón nàng về, luôn thể "vinh quy cùng với vu quy một ngày". Không ngờ khi xô cổng bước vào, đã thấy một ngôi mả mới nằm lù lù ở giữa nhà. Anh giật mình tưởng như có gáo nước lã dội vào lưng, nghĩ rằng lần trước mình gặp phải ma. Lập tức anh cho người nhà đi dò hỏi. Người nhà trở về báo cho anh biết đó là mả một cô gái con nhà phú ông nọ chưa chồng, nhưng bị hủi phải ở riêng tại đây, chỉ mới mất trong vòng nửa tháng nay. Bấm đốt tay anh mới biết người yêu mất sau khi mình đi một ngày. Sực nhớ tới câu chuyện kể của chủ khảo, anh hết sức thương cảm, miệng lẩm bẩm: -"Như thế là hồn nàng đã theo ta đến kinh kỳ để giúp ta khỏi bị đánh hỏng".

Sau khi công việc vinh quy đã xong, anh tìm đến nhà phú ông kể hết mọi việc cho nghe, rồi nói:

- Mặc dù nàng đã chết, cũng xin ông cho tôi được làm rể. Vì một ngày cũng là nghĩa.

Phú ông không ngờ lại có chuyện lạ lùng như thế, chối từ không dám nhận. Nhưng vì quan nghè mới nói mãi, nói mãi, cuối cùng ông đành

vâng lời. Bấy giờ anh mới sắm sửa một lễ tế trọng thể, đưa đến nhà nàng lấy danh nghĩa chồng tế vợ. Lại thuê thợ xây bên cạnh mả một cái tháp, trong lòng có mấy chữ: "Cô Nguyễn Thị... là vợ của tiến sĩ họ Trần". Dân quanh vùng vẫn gọi tháp ấy là tháp Báo-ân[1].

1. Theo Tô Linh Thảo, sách đã dẫn.

169. NÀNG XUÂN HƯƠNG

Ngày xưa ở tỉnh Bắc có nàng con gái trong trắng như hoa thủy tiên, nên có tên là Xuân Hương. Cha nàng là một ông đồ nhà nghèo, đã mất từ lâu. Nàng ở với mẹ, hai mẹ con tần tảo nuôi nhau. Vào thời ấy, các cô gái con nhà gia thế thường được bố mẹ cho đi học. Xuân Hương lúc nhỏ có được bố dạy cho chữ nghĩa, nên cô cũng biết võ vẽ. Năm mười lăm tuổi, nàng xin phép mẹ đến học ở trường một cụ đồ già trong làng.

Ngày ấy có một chàng thư sinh đẹp trai họ Tống, tên là Như Mai, con một viên quan đầu tỉnh. Vốn sẵn thông minh, chàng chuyên tâm vào nghiệp đèn sách, quyết nêu tên trên bảng vàng.

Một hôm vào ngày tết đoan ngọ, Như Mai cùng một tiểu đồng đi dạo cảnh. Qua lớp học của cụ đồ già, chàng thoáng thấy có mấy cô gái đang nô đùa sau vườn một ngôi chùa cổ. Dưới gốc cây đa, có một cô bíu vào rễ phụ đu đi đu lại là là mặt đất, đó là nàng Xuân Hương. Sắc đẹp của nàng khiến chân chàng không đành cất bước. Hai thầy trò thơ thẩn hồi lâu trước cổng chùa. Chàng buột miệng khen:

- Ôi! Ta đã từng nghe ca ngợi con gái xứ Bắc, nhưng chắc chưa có ai xinh bằng cô gái đánh đu vừa rồi.

Từ đó Như Mai thường lấy cớ đi lại ngôi chùa cổ. Tưởng nhớ đến người đẹp đánh đu, có đường ngôi trắng giữa hai mái tóc xanh, khiến chàng mất ăn mất ngủ. Tiểu đồng thấy chủ biếng học thì khuyên dỗ hết lời, nhưng Như Mai vẫn không thể quên được. Một hôm thấy chủ giục mình lại cùng đi chơi chùa, tiểu đồng đe mách với bố chàng. Như Mai năn nỉ:

- Đừng. Nếu mày là tâm phúc của ta thì không những phải giấu kín cho ta, mà còn nên giúp ta cho được việc.

Tiểu đồng đáp:

- Nếu quan lớn biết thì công tử bị phạt đã đành, còn tôi thân phận hèn hạ, chịu làm sao nổi roi vọt.

- Nếu thế thì ta sẽ ở nhà học bài, còn mày hãy vì ta một mình đi dò xem cô nàng tên là gì, con gái nhà ai, có cách gì gặp gỡ được chăng, thì ta sẽ trọng thưởng.

Ba hôm sau, tiểu đồng trở về cho chủ biết về nàng Xuân Hương. Nó còn ghé vào tai dặn nhỏ: -"Nếu công tử cho tôi một món tiền lớn, tôi sẽ bày cách làm cho công tử có thể được gần gụi cô nàng". Như Mai thủng thỉnh đáp: -"Được! Mày muốn bao nhiêu cũng có, miễn là việc xong".

Khi có tiền trong tay, tiểu đồng liền sắm cho chủ một bộ áo xống phụ nữ và dặn chàng:

- Tôi thấy công tử có nước da trắng trẻo, bộ mặt và giọng nói y như con gái, nên nghĩ rằng nếu công tử đóng bộ này vào thì không mấy chốc sẽ được làm quen với nàng. Công tử thử mặc vào cho tôi xem. Quả nhiên sau khi cải trang, Như Mai đã biến thành một cô gái duyên dáng, không một ai có thể ngờ là trai.

Sau đó, theo lời kể của tiểu đồng, Như Mai tìm đến nhà Xuân Hương. Gặp bà mẹ nàng, Như Mai chào hỏi đon đả, nói dối mình là ái nữ của quan đầu tỉnh, năm nay tuổi vừa đôi tám, học tại một trường gần đây, nhân ngày nghỉ đi mua ít tấm lụa. Bà mẹ Xuân Hương không nghi ngờ gì cả, liền gọi con gái ra tiếp. Nghe nói Như Mai là con quan, lại học giỏi, Xuân Hương tỏ ra ân cần và muốn làm quen. Sau khi chuyện trò mua bán đã xong, nàng dặn lúc chia tay:

- Thỉnh thoảng mời chị tới chơi, hai ta cùng giảng bàn nghĩa sách.

Từ đấy, Như Mai năng đến nhà Xuân Hương. Chẳng mấy chốc hai người đã trở thành đôi bạn. Tài học của Như Mai làm cho Xuân Hương kính phục, thường nhờ vả về văn bài. Về phía Như Mai, chưa bao giờ lòng chàng tràn ngập niềm vui đến như thế. Tuy vậy, chàng vẫn giữ mình đứng đắn, chưa có gì tỏ ra sỗm sỡ.

Một hôm Xuân Hương rủ Như Mai ngủ lại nhà mình. Biết đây là dịp may hiếm có, nhưng Như Mai cũng từ chối, lấy cớ là chưa được lệnh bố mẹ. Nhưng rồi sau đó ít lâu, một cơ hội khác lại đến. Hôm ấy bà mẹ Xuân Hương về ăn giỗ quê ngoại. Thấy Như Mai đến vừa đúng lúc,

mẹ Xuân Hương liền năn nỉ bảo ở lại với con mình mấy hôm để có chị có em cho đỡ cô quạnh. Như Mai nhận lời. Buổi chiều hôm ấy, sau khi hai người đã vùi đầu chán chê vào thơ phú, bèn rủ nhau đi dạo chơi trong vườn chùa. Họ vừa đi vừa đàm đạo cho tới lúc trăng mọc. Bỗng dưng Xuân Hương hụt chân ngã chúi về phía trước, nhưng nàng đã được Như Mai nhanh tay ôm lấy. Xuân Hương thốt lên:

- Cảm ơn chị. Ôi, nếu chị là con trai thì tôi phải lòng chị mất!

Như Mai đỡ lời ngay:

- Nhớ lấy nhé! Một lời nói như ném châu gieo vàng. Chị sẽ cầu Phật bà độ cho hóa thành con trai. Lúc đó thì em có phải lòng nữa không?

Đang đà nói đùa, Xuân Hương trả lời ngay:

- Sao lại không. Tôi xin thề có trời đất...

- Không được. Thề cá trê chui ống. Nếu thật thế thì hãy viết giấy cam đoan, chị mới tin.

- Khó gì, về nhà sẽ có ngay.

Về đến nhà, Xuân Hương lập tức lên đèn, viết giấy đưa cho Như Mai. Đợi khi hai người lên giường, Như Mai bèn trút bỏ đồ cải trang thành một chàng trai khỏe mạnh. Thấy vậy Xuân Hương chẳng còn hồn vía nào nữa, hai tay che mặt kêu lên:

- Trời đất ơi! Ta mắc tay bợm già rồi. Ngươi là ai dám đến đây lừa ta. Ta kêu làng xóm lên bây giờ.

Nói đoạn ngồi dậy toan chạy, nhưng Như Mai đã nắm lấy tay nàng:

- Nàng chớ sợ. Ta không làm hại nàng đâu. Rồi ta sẽ xin cưới nàng làm vợ.

Nói rồi kể tất cả mọi việc cho Xuân Hương nghe, những là gia thế, học hành ra sao, rồi từ phen kỳ ngộ ở vườn chùa, sinh ra đêm mơ ngày tưởng như thế nào, cho đến lúc tiểu đồng hiến kế cải trang, v.v... Đoạn chàng nói:

- Ta vì nàng phí bao nhiêu tâm cơ, đâu phải vì chuyện "trên bộc trong dâu" chốc lát, mà cốt để trở thành đôi lứa trăm năm bạc đầu.

Trong khi Như Mai dùng lời dịu ngọt dỗ dành, thì Xuân Hương chỉ ngồi khóc. Hồi lâu nàng bảo:

- Không được. Rồi chàng sẽ bỏ tôi như thay một cái áo, tháo một bức phên. Tôi là con nhà dân, làm sao có thể kết duyên với con nhà quan được chứ.

Như Mai đáp:

- Nói trên có trời, dưới có đất, trước mặt có bóng thần đăng: dù mẹ cha có ngăn trở thế nào, ta thề sẽ không đời nào bỏ nàng.

- Vậy thì chàng hãy làm giấy đi!

Lại đến lượt Như Mai làm giấy cam đoan. Trong giấy, chàng trịnh trọng hứa quyết cưới Xuân Hương làm vợ. Nếu bỏ nàng thì trời tru đất diệt.

Bấy giờ Xuân Hương mới tỏ bộ vui vẻ, cầm lấy giấy, nói:

- Chàng đã làm cho tôi tin. Nhưng liệu hồn đấy! Nếu chàng mà lừa dối tôi thì tôi sẽ đi thưa, thưa cho đến tận tòa Tam pháp chứ chẳng chơi đâu.

Ngày hôm sau Như Mai ra về sau khi đã được toại nguyện. Đột nhiên sau đó ba hôm, thân phụ chàng có chỉ của vua triệu về kinh làm chức học sĩ. Chàng cũng bị buộc phải đi theo để được thân phụ rèn cặp. Nghe tin này, Xuân Hương tưởng nghe tiếng sét. Nhưng Như Mai thì lại coi là dịp tốt. Chàng hết sức an ủi nàng, cho nàng biết rằng chuyến này đi xa, chàng sẽ cố công học tập thành tài, vì chốn kinh kỳ có nhiều sách hay thầy giỏi. Một khi công thành danh toại, chàng mới có cách để chính thức cưới nàng. Khi chia tay, chàng còn dặn:

- Dù có đá nát vàng phai, ta cũng chỉ biết có nàng. Đổi lại, chỉ xin nàng một lòng chờ đợi.

*

* *

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua.

Tống Như Mai từ ngày theo thân phụ về kinh đã được năm năm. Trong thời gian này, chàng ra sức dùi mài kinh sử. Lòng càng nhớ Xuân Hương, chàng lại càng để tâm vào việc học tập. Quả nhiên công phu của chàng không uổng. Khoa thi năm ấy, chàng đậu đầu, rồi tiếp tục vào thi đình, đậu luôn trạng nguyên. Thấy trạng còn trẻ tuổi mà thông

mình, nhà vua phong làm khâm sai đại thần, cho đi thanh tra các tỉnh. Chàng vui vẻ nhận chức. Trước hết, chàng xin phép về công cán tỉnh Bắc, nhân thể thăm dò tình hình của người yêu năm năm qua không một tin tức.

Lại nói chuyện Xuân Hương. Từ ngày chia tay Như Mai, lòng nàng buồn rười rượi. Tin ở lời thề thốt của chàng, nàng quyết một lòng chờ đợi. Có nhiều đám đến dạm hỏi, nàng đều từ chối. Để cho bọn con trai khỏi theo đuổi, nàng bỏ vào hòm tất cả những áo xống đẹp cùng hoa hột vòng xuyến mà Như Mai cho mình rồi đem chôn cất. Nàng bỏ học, ăn mặc nâu sồng, ở nhà giúp mẹ nuôi tằm trồng dâu. Tuy nhiên nàng vẫn không giấu được nhan sắc nhạn sa cá lặn của mình. Một viên quan án mới bổ đến, nghe tiếng đồn về sắc đẹp Xuân Hương thì trong lòng hâm mộ. Gặp nàng ở chợ, quan buông lời trêu ghẹo, nhưng nàng nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Quan giận để bụng, sau đó ít lâu ngầm cho người đến gây sự với nàng, đặt điều về việc bội hôn, để việc đưa đến cửa công, cuối cùng quan cho bắt nàng giam lại. Vẫn chưa cam thất vọng, quan lại sai người thân tín vào nhà giam dỗ dành, hứa nếu nàng thuận theo mình thì sẽ được làm nàng hầu, ăn mặc sung sướng, nhược bằng không thuận sẽ làm cho nhục nhã. Một lần nữa quan án lại bị nàng nhiếc mắng ê chề. Hôm sau, Xuân Hương liền bị quan kết tội bội hôn và lăng mạ trưởng quan, bị đánh đòn 80 roi trước công chúng.

Ngày gia hình đã đến. Hôm ấy cũng là ngày phiên chợ, nên người đông nghìn nghịt. Trên một cái bãi gần chợ, quân lính sắp hàng tề chỉnh. Xuân Hương tay bị trói, do một người lính điệu ra trước mặt các quan để tuyên án. Một tên lính cầm roi sắp sửa giáng vào người nàng. Nhưng giữa lúc viên đề lại đang xướng to tội trạng, thì hàng quân bỗng giạt ra, nhường chỗ cho một người cưỡi ngựa tiến vào, theo sau có một tên lính cầm cờ có hai chữ "khâm sai". Thấy vậy, mọi người đều sụp lạy. Người cưỡi ngựa chính là Tống Như Mai. Nguyên khi ra đến tỉnh Bắc, chàng cho lính hầu giữ kín mọi việc, riêng mình cải trang làm một người hành khất. Chàng không ngờ người yêu của mình đang lâm nạn. Tay bị tay gậy, chàng đã đến với từng người tìm hỏi sự thật về Xuân Hương. Người ta cho biết nàng là con người đoan chính, rằng nàng không chịu lấy ai,

chỉ thủ tiết đợi chờ một chàng thư sinh nào đó đang theo học ở kinh kỳ. Khi hỏi về viên quan án, ai nấy đều tỏ vẻ khinh bỉ, rủa là đồ chó lợn, chỉ quen ăn hối lộ và làm điều phi pháp, nhưng vì sợ thần sợ thế, nên chẳng ai dám ho he.

Sau khi nắm được mọi chân tơ kẽ tóc, Tống Như Mai trở lại với bộ áo mão thanh tra. Vừa nhảy xuống ngựa, đợi cho mọi người ngẩng đầu lên, chàng dõng dạc lên tiếng:

- Hỡi ba quân và dân chúng! Ta là khâm sai đại thần, vâng lệnh hoàng đế đi thanh tra các tỉnh xứ Bắc này. Ta đã tra cứu kỹ, thấy nàng Xuân Hương không làm gì nên tội, đáng được tha bổng. Còn tội nhân lại chính là nguyên cáo và viên quan đã xử án nàng. Hãy bắt giam chúng lại đợi ta thẩm vấn.

Các hàng lính ai nấy đều dạ ran. Những người dân đứng vây vòng trong vòng ngoài, trong đó có những bạn học của Xuân Hương hò reo như sấm dậy. Tên lính giải Xuân Hương không kịp tìm dao, dùng răng cắn đứt dây trói cho nàng, lại tháo xiềng xiềng quan án và tên vu cáo lại. Khi biết quan thanh tra là Như Mai, thì Xuân Hương mừng đến té xỉu. Mọi người vội vực nàng về chạy chữa.

Sau đó không lâu, quan thanh tra trẻ tuổi tâu trình mọi việc lên vua và không quên xin phép cưới nàng Xuân Hương làm vợ. Nhà vua thấy cuộc tình duyên ly kỳ, nên y cho. Lễ cưới tổ chức linh đình trong ba ngày. Ngày cưới, bà mẹ Xuân Hương vui vẻ bảo mọi người:

- Ta không có con trai, nhưng con gái ta lại làm ta đẹp lòng hơn cả con trai[1].

KHẢO DỊ

Trong văn học Triều-tiên có *Xuân Hương truyện* (ra đời ở thế kỷ XVIII), nội dung giống với truyện của ta chủ yếu ở đoạn sau:

Công tử (đạo lĩnh) họ Lý tên Mộng Long cũng có người yêu tên là Xuân Hương. Lý đỗ trạng nguyên, được vua phong làm ngự sử và sai đi tuần thú các

1. Theo Tít-xô (Tissot). *Tiếng An-nam cho lớp cao học.*

địa phương. Để dễ dàng nắm được tình dân, chàng cải trang thành một người ăn xin. Đến đất Nam-nguyên quê của Xuân Hương, gặp lúc viên tri phủ (sử đạo) tên là Biện Học mở tiệc mừng thọ, có các quan đến dự đông đảo, ca hát ăn uống linh đình. Biện Học trước đấy ép Xuân Hương làm tỳ thiếp không được, bèn vu cáo nàng, kết án tử hình, định sau ngày lễ thọ thì đưa ra pháp trường. Lý đến xin vừa lúc các quan đang cao hứng làm thơ chúc thọ. Chàng tự xưng là hàn sĩ, cũng xin thạm dự. Được các quan cho giấy bút, chàng viết ngay bốn câu:

"Rượu nồng trong chén vàng là máu ngàn người;
Nhắm tốt trên mâm ngọc là mỡ muôn họ.
Lúc giọt nến rơi là lúc giọt nước mắt dân rơi,
Nơi giọng hát cất cao là nơi tiếng oán hờn lên cao".

Đọc thơ, một số người dự tiệc biết khách không phải là người thường, nên e sợ, lục tục rút lui. Nhưng Biện Học thì quát mắng om sòm, sai lính đánh đuổi chàng. Lý trở ra, đem quân tùy tùng đến vây phủ. Biện Học kháng cự bị quân của Lý giết chết. Nhờ vậy Xuân Hương được cứu thoát[1].

Chúng tôi cho rằng truyện của ta có lẽ xuất xứ từ đây mà ra. Chẳng những thế, bài thơ chữ Hán *Thị bách quan* (Bảo các quan) có bốn câu giữa là:

"Ba chén rượu vàng là máu dân đen,
Vài chén trà xanh là mỡ trăm họ.
Lúc nước mắt trời rơi là lúc nước mắt người rơi,
Nơi giọng hát cất cao là nơi tiếng khóc lên cao".

tương truyền là của Thành Thái sáng tác vào khoảng những năm đầu thế kỷ, có lẽ cũng sử dụng ý từ mấy câu thơ trên.

1. Theo *Triều-tiên văn học thông sử*, Viện Hàn lâm khoa học Triều-tiên xuất bản, 1956.

170. VỤ KIỆN CHÂU CHẤU

Ngày ấy có một con châu chấu mải mê kiếm ăn lạc mất đường về. Tối đến, trời rét lại mưa rơi rả rích, làm cho chấu ta run rẩy. Nó muốn tìm một chỗ ngủ, nhưng bóng đen dày đặc chẳng biết đường nào mà lần. -"Ta cứ bò liều may gặp chỗ nào khỏi ướt thì nằm tạm một đêm". Nghĩ vậy, chấu ta cứ lồm cồm bò mãi trên một cành cây mới bám được. Cuối cùng, không ngờ nó lại lọt được vào nhà chim ri. Đến đây, châu chấu thấy ấm áp dễ chịu. Nhưng một tiếng hỏi cất lên:

- Đêm hôm khuya khoắt, ai vào nhà tôi đó ? Khéo kẻo đạp lên mấy đứa con tôi!

Thấy chim ri mẹ đứng lên hỏi thế, chấu rên rỉ đáp không ra hơi:

- Tôi là chấu đây!... Đêm lạnh quá... Làm ơn cho ngủ nhờ một đêm, sáng dậy đi ngay.

- Nhà rách nát lại chật chội, mấy mẹ con nằm không đủ. Thôi chú đi tìm nơi khác đi!

Nhưng chấu vẫn kêu nài:

- Cho ghé lưng nằm một tí phía ngoài này cũng được, kẻo tôi lạnh cóng không thể bước đi đâu được nữa.

Nghe nói, chim ri mẹ thương hại, bèn đáp:

- Thôi được, cho chú mày nằm ghé bên kia, nhưng phải co cẳng kẻo đạp vào mấy đứa con ta.

Thế là chấu xếp hai càng vào bụng, đặt lưng ngay bên cạnh mấy con bé của chim ri. Chỉ một chốc sau, chấu cũng như chim ri ai nấy đều ngon giấc.

Đang ngủ say sưa, bỗng nhiên một tiếng nai kêu "tác" bên cạnh nhà. Tiếng kêu quá to làm cho châu chấu giật mình tỉnh dậy. Chấu vươn vai rồi quên mất lời chim ri dặn, duỗi thẳng đôi cẳng dài thượt của nó. Nhà

chim ri vốn đặt lơ lửng trên một cành na, nhà quá rách nát vì gió đánh tả tơi lâu ngày chưa kịp chữa. Châu chấu duỗi mạnh đôi càng làm cho cả một chỗ nằm kêu răng rắc:

- Ôi chao! Đổ mất, đổ mất.

Chim ri mẹ kêu tướng lên. Quả nhiên cái duỗi chân của chấu đã làm hại nó. Mấy con chim con bị đạp dồn về một phía, cái nhà nghiêng hẳn, chỉ một chốc rời khỏi cành na, một con chim non còn ngủ say cũng lăn theo và rơi tõm xuống sông. Mẹ con chim bay loạn xạ đi tìm thì nó đã bị nước cuốn đi mất.

Tức giận, vì châu chấu tự dưng vô cớ đến gây tai họa cho nhà mình, sáng hôm sau mẹ con chim ri bèn đi kiện với Bụt. Nghe nguyên cáo trình bày đầu đuôi, Bụt liền theo đến tận nơi xem xét rồi gọi châu chấu đến hỏi:

- Tại sao nhà ngươi đêm hôm đến làm hại nhà người ta?

Châu chấu cúi đầu nhận rằng quả nó có gây tang tóc cho nhà chim ri, nhưng nó cũng cho Bụt biết rằng nó vốn không có ác ý:

- Tôi không phải là kẻ vô ơn bạc nghĩa đâu. Vì con nai tự dưng ở đâu đến kêu thét vào tai làm cho tôi giật nảy mình. Chính vì thế mà tôi duỗi chân theo thói quen nên mới ra nông nổi.

Thấy châu chấu tình thực nên Bụt cũng thương hại, bèn cho gọi nai đến, kể cho nai biết đầu đuôi sự việc xảy ra, rồi bảo:

- Nhà đổ, con chết, rõ ràng là tại tiếng kêu thét của nhà ngươi. Tại sao nhà ngươi đêm hôm khua khoắt đến đây kêu rống lên làm gì để gây nên tai vạ?

Nai vội vàng trả lời:

- Oan tôi quá! Lúc ấy tôi cũng đang lim dim đôi mắt. Tự nhiên một quả na xanh rơi xuống trúng vào mặt làm cho tôi toáng đảm kêu lên. Vậy là tại quả na chứ không phải tại tôi.

Nghe nai bày tỏ có lý, Bụt lại quay sang hỏi cây na:

- Vì sao ngươi lại để cho quả xanh rơi trúng vào mặt con nai, làm cho nó hét tướng lên, gây tai vạ cho nhà người ta. Ngươi đã biết tội chưa?

Na đợi Bụt buộc tội xong, lập tức trả lời:

- Bẩm ngài. Tôi đâu có muốn quả xanh của tôi rơi. Vì con sâu nó làm hại tôi, nó cắn cuống quả xanh, cho nên quả mới rụng đấy ạ!

Đến lượt sâu được Bụt sai gọi đến kể cho nghe sự tình rồi kết tội:

- Nhà ngươi đã thấy rõ chưa? Nếu nhà ngươi không cắn quả na xanh thì làm gì có tai vạ xảy đến cho nhà chim ri. Vậy ngươi không tránh được tội lỗi.

Nhưng Bụt không ngờ sâu cũng không nhận tội. Sâu đáp:

- Bẩm ngài, tôi vốn sống yên ở trong đám lá khô dưới kia. Ở đó tôi có nhiều thức ăn ngon lành. Nhưng mấy hôm nay có con gà ở đâu đến sục sạo tìm giết cả họ nhà tôi rất là kinh khủng. May mắn làm sao, tôi ba chân bốn cẳng bò được lên đây. Chẳng có gì nhét vào bụng nên tôi phải gặm chút vỏ quả na xanh cho đỡ đói. Nếu có rơi trúng vào nai hay là con gì khác thì điều đó không phải tại tôi mà là tại con gà kia.

Lại đến lượt gà được gọi đến đối chất. Gà vốn không phải quê tại khu vực này. Nó có một đàn con. Mẹ con thường dẫn nhau đi kiếm ăn. Nhưng thức ăn ngày một hiếm. Ngày hôm kia, mẹ gà nhờ được vịt, chỗ quen biết chở qua sông hứa sẽ xin ấp trứng vịt để đền ơn. Vì thế mấy hôm nay gà được no bụng. Nhưng khi nghe Bụt buộc tội vì đã gây tai vạ cho chim ri, gà đờ người không biết tìm câu gì để chống chế vì khu vực này không phải là quê quán của mình. Hỏi đến ba lần, gà không trả lời được, nên bị Bụt sai giam lại.

Bầy con của gà có bốn con mái, một con trống. Khi nghe vịt cho biết là mẹ mình bị giam ở bên kia sông thì chúng nó hết sức hốt hoảng. Chúng khẩn khoản nhờ vịt chở qua thăm mẹ. Bốn con gà mái nhớ thương mẹ quá, tranh đi trước. Chúng nó chỉ biết kiếm sâu tìm dế nuôi mẹ mà không biết kêu van với Bụt để mẹ được tha, nên cuối cùng lại về không. Hôm sau đến lượt con trống con đi thăm mẹ nó. Khi nghe mẹ nó kể đầu đuôi sự tình vì sao bị Bụt bắt giam, gà trống con bèn đi tìm Bụt rồi phân trần:

- Bẩm ngài, ngài bắt giam mẹ con thật quả oan ức.

Bụt chau mày, hỏi:

- Lại còn oan nỗi gì. Nếu mẹ mày cứ kiếm ăn ở bên kia sông đừng qua bên này, thì làm gì có chuyện con sâu bò lên cắn quả na xanh, làm gì có chuyện quả na xanh ấy đứt cuống rơi vào mặt con nai để con nai kêu thét lên, rồi làm gì có chuyện con châu chấu giật mình duỗi chân đạp đổ nhà chim ri và làm cho con nó chết. Chính thủ phạm là mẹ mày, mày còn kêu oan nỗi gì.

Gà trống con lễ phép thưa:

- Bẩm ngài, chính vì thế mà con phải kêu oan cho mẹ con, vì rõ ràng trong lục súc sáu loài, loài nào loài ấy khi sinh con đẻ cái đều được trời cho có sữa nuôi con. Riêng loài gà chúng con thì tuyệt nhiên không có lấy một giọt sữa. Vì thế gà phải chạy vạy tần tảo nuôi con. Mẹ con phải vất vả đi các nơi kiếm thức ăn là vậy. Bên kia người khôn của khó nên phải lần mò sang bên này. Tình cảnh khó khăn buộc phải thế, đâu có phải là tội tại mẹ con!

Bụt thấy gà trống con cãi cho mẹ có lý có lẽ, đành phải thả cho mẹ nó về.

Thấy gà trống bé người mà khôn ngoan, ai nấy đều khen ngợi. Từ đó mỗi lần có kiện tụng việc gì, người ta thường mang gà trống theo, hy vọng nhờ sự có mặt của nó mới thắng kiện. Còn gà thì phải ấp trứng vịt để trả ơn, dòng dõi của nó sau này vẫn thế[1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Tày Việt-bắc có truyện tương tự: *Tại sao bụng con ve không có ruột?*

Xưa, chim chích kết bạn với cào cào, hai con chơi với nhau rất thân thiết. Một hôm đi làm về bị mưa to, cào cào xin nghỉ ở nhà bạn một đêm. Nhà chim chích chỉ có hai mẹ con chật chội, còn cào cào chân dài: mình nằm trong nhà nhưng chân lại thò ra ngoài sân. Nghe lời bạn, cào cào co chân lại và cứ thế đánh một giấc ngon lành. Cũng như truyện của ta, nửa đêm nghe tiếng hươu kêu, cào cào giật mình duỗi chân, không phải đạp đổ nhà mà đạp phải bụng con của bạn, lòi ruột ra. Chim chích kêu kiện ở xã trưởng là ké đọt - giống

1. Theo lời kể của người Cao-bằng.

chim lớn hơn chim chích. Ké đọt không xử được. Nội vụ đưa lên cai tổng là bìm bịp. Bìm bịp tra vấn cào cào. Cào cào đổ lỗi cho hươu. Đến đây truyện bắt đầu khác với của ta. Hươu bị đòi đến lại đổ lỗi cho sóc: - "Vì con sóc ném quả xuống đầu tôi". Sóc đến lượt bị đòi đến đối chất lại đổ lỗi cho ve: - "Vì con ve nó kêu nên tôi sợ tôi phải về, vội vàng đánh rơi hạt giẻ". Lại đến lượt ve bị đòi đến, trả lời: - "Vì mưa tạnh, mát trời nên tôi kêu chơi". Bìm bịp liền kết tội ve là thủ phạm, bắt ve moi ruột gan để đền cho con của chim chích. Vì thế ngày nay loài ve không có ruột mà hàng ngày kêu chẳng có giờ giấc gì cả[1].

Người Thái cũng có truyện: *Tại sao ve (mành khẳm) không có ruột?* có khác với truyện của người Tày:

Một hôm Trời (Then) phái ve xuống trần để làm nhiệm vụ hàng ngày báo tin mặt rời sắp lặn cho mọi giống vật sớm tìm đường về hang ổ. Vừa xuống, lập tức ve cất giọng kêu thử. Không ngờ tiếng kêu làm cho mọi giống vật hốt hoảng. Gấu đang kiếm ăn gần đấy liền chạy nhanh về. Vội quá, gấu va phải bí. Bí đứt cuống lăn xuống va phải gốc vừng. Vừng bị lay, hạt nứt nẻ văng vào mắt gà đang kiếm ăn gần đó. Gà mắt nhắm mắt mở mổ nhầm phải tổ kiến vàng. Kiến vàng bò tán loạn đốt phải chân sóc. Sóc đau nhức, chạy lung tung đạp phải cây cùn ngúa. Quả cùn ngúa (vốn đụng đâu làm ngứa đó) rơi, không may rụng đúng lưng trâu. Trâu ngứa quá chạy tìm ao để đầm mình, không ngờ đạp phải mô đất. Mô đất lăn xuống ao đè bẹp ruột nòng nọc. Nòng nọc bèn bắt đền mô đất; mô đất đổ tại trâu; trâu đổ cho cùn ngúa; cùn ngúa đổ cho sóc; sóc đổ cho kiến vàng; kiến vàng đổ cho gà; gà đổ cho vừng; vừng đổ cho bí; bí đổ cho gấu; gấu cuối cùng đổ tại ve. Ve đổ vấy cho "Then". Nòng nọc bèn kiện lên Then. Then phán: -"Chưa tối mà đã kêu thế là chính lệnh bất nhất. Vậy ve phải rút ruột đền cho nòng nọc?". Bởi vậy ngày nay bụng con nòng nọc thì to, còn ve lại không có ruột[2].

Ở truyện người Dao thì ve sầu cũng được trời giao nhiệm vụ như trên, tức là báo tin trời sắp tối cho mọi giống vật biết. Nhưng ở đây lý do sinh ra vụ kiện là vì hôm ấy ve lười không chịu đi kiếm ăn. Đói bụng ve cất tiếng kêu ảo não không đúng lúc. Các thú vật nghe tiếng ve, như thường lệ, vội vã chạy về. Sóc chạy vội va vào cây chiêu cô piếu (loại cây có quả to bằng quả bưởi có cùi dày ăn được). Quả chiêu cô piếu rụng, rơi đúng xuống lưng nai. Nai

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập I, Nhà xuất bản Việt-bắc, 1973.
2. Theo *Truyện cổ Hà-sơn-bình*.

giật mình chạy, vô tình giẫm phải rùa làm cho mai rùa bị rạn. Rùa bị thương nặng kiện lên trời. Trời gọi nai đến. Nai đổ cho chiêu cô piếu. Chiêu cô piếu đổ cho sóc. Sóc cuối cùng quy tội cho ve. Thế là ve ta bị Trời hành tội bằng cách rút ruột. Từ đấy ve kêu không đúng giờ giấc, tiếng kêu ai oán nên gọi là ve sầu. Còn rùa thì được Trời chữa cho lành, nhưng mai còn mang dấu vết rạn nứt, cho đến con cháu ngày nay vẫn còn[1].

Một truyện khác cũng của người Dao lại gần với truyện của ta, nhưng ở đây truyện được kể có phần nào thiếu lô-gích.

Sẹt sành (một loại chấu có càng to) chở thuế nộp cho vua, dọc đường trời tối, xin ngủ trọ tại nhà chim. Chim đang ấp trứng sắp đến ngày nở, từ chối, nhưng thấy sẹt sành nói mãi cuối cùng cũng cho trọ. Đêm lại, tự dưng một cây gần đó đổ, sẹt sành giật mình đạp tung để bay ra, vì thế trứng rơi vỡ, đàn con của chim chết cả. Chim kiện lên vua. Vua bắt sẹt sành, sẹt sành đổ tại cái cây đổ làm nó giật mình. Cây đổ lỗi cho mối ăn ruỗng gốc. Vua bắt tội mối, mối đổ tại gà. Gà bị vua bắt ném xuống nước cho chết. Không biết bơi, gà tưởng đi đứt nếu không có vịt tới cứu. Từ đó gà ấp trứng vịt để đền ơn[2].

Người Ít-xra-en (Israël) có truyện *Thủ phạm là con sói hung* cũng là dị bản của các truyện trên:

---

1. Theo *Truyện cổ Hà-sơn-bình*.

2. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, đã dẫn. Ở truyện của người Mèo kể trong *Truyện cổ dân tộc Mèo, Chuyện về giống chuột* còn thêm một con vật nữa là Chuột. Tiếc rằng cấu trúc của truyện này phần nào đã bị phá vỡ không đúng như sơ đồ của các truyện trên:

Chuột con phá ngô bị người đánh đau Chuột già mời ve sầu làm thầy cúng , nhưng ve vắng nhà, chấu đi thay. Chấu đã không biết cúng, lại giở lời đạo đức khuyên chuột làm ăn lương thiện, nên chấu bị chuột đánh đuổi chạy tới nhà chim đang ấp trứng, xin ngủ nhờ một đêm vì chân đau. Thương hại, chim cho nằm ghé. Cũng như truyện của ta, nửa đêm có tiếng hoẵng kêu to, chấu giật mình đạp tung, trứng rơi vỡ hết. Chim kiện chấu ở Trời. Chấu lúc đầu đổ cho hoẵng. Hoẵng đổ cho cây đổ đè lên mình. Cây đổ cho gà bới ruỗng gốc. Ở đây gà tự mình biện bạch vì phải nuôi bầy con đông lại không có vú, hơn nữa chỉ ăn sâu chứ không gặm gỗ. Trời đang lúng túng không biết xử ra sao, thì chấu lần này lại kể tội chuột cắn phá của người. Chấu kể đúng bệnh của chuột, nhưng chuột lại đuổi đánh nó nên nó phải xin ngủ nhờ. Các con vật lúc này đều đồng thanh đổ cho chuột xấu nết. Trời bèn phạt chuột, bắt chuột phải bé người lại.

Sói hung một hôm đòi giết cầy hương vì có con gửi cho nó trông hộ, không ngờ bị nó giẫm chết. Các thú vật trong rừng họp lại xử tội. Hỏi cầy, cầy thưa: -"Tôi đang ở trong nhà chợt nghe quạ khoang vỗ cánh kêu quàng quạc cố ý gây sự. Tôi vội chạy ra xem, không may giẫm phải". Các thú vật bắt tội quạ, quạ thưa: -"Tôi nhận là có vỗ cánh kêu van nhưng là để đối phó với khỉ đỏ đít, vì nó ở đâu nhảy tới nhe răng kêu kheng khéc". Tra vấn khỉ, khỉ thưa: -"Tôi có làm như thế thật, nhưng tôi đâu có chủ đích đánh quạ khoang mà do nai mốc xông tới định húc, tôi phải chạy và kêu cứu". Hỏi nai, nai đáp: -"Vì hươu sao ở đâu chạy tới húc tôi nên tôi phải chạy". Tới lượt hươu bị tra hỏi, hươu đáp: -"Tôi đang ăn khế ở đàng kia, bỗng thấy thỏ nhanh nhảu chạy tới giục: "Chạy đi! Chạy đi!" nên tôi hoảng quá chạy vội mà húc phải nai, chứ có muốn thế đâu". Các thú vật nổi giận đòi đánh thỏ nhanh nhảu, thỏ thưa: -"Khoan. Vì tôi bị sói hung đuổi bắt ăn thịt nên sợ mà chạy, gặp hươu tôi bảo chạy ngay kẻo nguy". Các thú vật bấy giờ nhìn lại sói hung, sói gượng gạo: -"Nhưng con tôi chết thì sao. Cầy hương phải đền mạng chứ". -"Chính mày gây nên chuyện, - các thú vật thét - Con mày chết nguyên do tại mày. Gieo họa gặp họa còn gì nữa". Sói lỉnh mất. Cáo cũng cúp đuôi chạy[1].

Một truyện của Việt-nam: *Chiền chiện và ông sư* kết hợp giữa một số tình tiết của truyện *Sự tích chim tu hú* với *Vụ kiện châu chấu*:

Có hai vợ chồng con chiền chiện[2] làm tổ bên tai ông sư đẻ được một con. Một hôm chim vợ đi kiếm ăn không được gì lại bị hoa sen cụp lại nhốt ở trong không về được. Ở nhà chim chồng có một con cào cào vào ngủ, nhưng vì chân dài vô ý nên nó đè gãy chân chim con. Sáng dậy chim vợ về, chim chồng đánh ghen quát tháo om sòm. Chim vợ chửi cào cào đã không nhận lỗi thì chớ, lại to tiếng chối phắt làm ầm ỹ điếc cả tai. Ông sư tức mình vứt cái tổ xuống. Vì thế mà sư ta không được đắc đạo[3].

1. Theo Đinh Tú: *Cô gái đẹp lấy chồng rắn*.

2. *Chiền chiện*: ở đây là một loài chuồn chuồn cánh vàng (theo lời người kể).

3. Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam*, B- Muông chim.

IX

TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ NGHĨA VỤ

171. BÀ CHÚA ONG

Ngày xưa có một người học trò nhà nghèo rớt mùng tơi tên là Sĩ. Anh ở với bà mẹ già lụ khụ. Anh muốn lấy vợ để vợ đỡ đần công việc nhà và phụng dưỡng mẹ già, nhưng hỏi mấy đám, người ta thấy nhà anh luôn năm thiếu ăn nên đều lắc đầu từ chối. Vì thế, anh vẫn phải sống một thân một mình với nghề đi củi. Hàng ngày, buổi sáng tinh sương, anh lên rừng chặt củi đem ra chợ bán. Chiều lại, ăn xong, anh mới cầm lấy quyển sách.

Cứ như vậy cho đến ngày anh học thành tài. Kỳ ấy nhà vua mở khoa thi ở kinh đô để kén nhân tài. Các sĩ tử đua nhau chuẩn bị tiền gạo, lều chiếu để vào dự thi. Trong lòng Sĩ cũng hăm hở muốn đua chen chốn trường văn trận bút, nhưng tài lực nhà anh quá kém cỏi, chẳng biết lấy gì dùng để nuôi mẹ già trong những ngày vắng mặt, cũng chẳng có gì để ăn tiêu dọc đường. Sắp đến kỳ thi, mấy người bạn anh lần lượt trẩy kinh mà không rủ anh. Sĩ cố chạy vạy mấy nơi, nhưng không kết quả. Mãi về sau mới có mấy nhà láng giềng tốt bụng nhận nuôi nấng mẹ già cho anh để anh yên tâm ra đi. Và rồi cuối cùng anh cũng đánh liều cất bước lên đường, tuy rằng trong lưng không có một đồng một chữ.

Thoạt đầu anh gánh hàng thuê cho bọn lái buôn. Làm hết hơi hết sức trong hai ngày, anh nhận được ở họ cơm ăn và một quan tiền công. Có vốn, anh lại tiếp tục đi nữa. Sau hai ngày tiêu rất dè sẻn, số tiền mới kiếm được cũng lại hết nhẵn. Mặc dầu vậy, anh vẫn không dừng

lại, hy vọng dọc đường sẽ tìm được việc làm. Nhưng rủi thay, ngày hôm ấy trời mưa, không một ai thuê mướn cả. Vì chỉ còn ba ngày nữa đã bắt đầu nhập trường, anh không thể nấn ná được. Đành phải cắm cúi bước liều trong lúc không có một hột gì vào bụng. Trời xế chiều, anh đi tới một khu rừng rậm. Trong khi đang bước thấp bước cao mong tìm ra một ngôi nhà nghỉ trọ, thì anh bị lạc đường. Anh đi quanh quẩn mãi giữa đêm tối trong lùm cây mà không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng bụng đói, cật rét, sức mệt, anh trèo lên một cây cổ thụ, định tìm một chỗ tạm nghỉ chân. May làm sao, lúc trèo lên đến nhánh chẽ ba, bỗng thấy thấp thoáng bên phía tay trái có ánh đèn. Lòng mừng khấp khởi, anh vội tụt xuống lần về hướng ấy. Chỉ một lát, anh đã đứng trước một ngôi nhà lá nhỏ. Anh hồi hộp gọi cửa, và rất ngạc nhiên thấy cánh cửa mở ngay như có người chờ sẵn. Một cô gái tay cầm một cây đèn sáp bước ra. Dưới ánh đèn Sĩ trông rõ cô gái mặt mũi xinh xắn, nhưng hai mắt lại mù. Cô đon đả:

- Chào thầy khóa. Thiếp chờ thầy đã lâu. Mời thầy vào trong này.

Nghe mấy lời của chủ nhân, Sĩ không còn hồn vía nào nữa. Làm sao cô gái mù này lại biết mình là học trò và đang chờ mình. Chỉ có yêu tinh ma quỷ đang giương bẫy đón mồi thì mới có thể như vậy. Sĩ rất ngần ngại, nhưng cái bụng và sức khỏe không cho phép anh bước đi đâu được nữa. Anh đánh liều bước vào nhà, không quên đề phòng mọi sự bất ngờ có thể xảy đến. Trong nhà, ngoài cô gái còn có một người bõ già. Sau khi mời Sĩ ngồi, cô gái bảo bõ già mang hỏa lò lại cho khách hơ áo quần. Sĩ vừa cảm thấy khô ráo ấm cúng thì bõ già đã bưng lên một mâm cơm, có cô gái mù đi theo mời mọc:

- Nhà thiếp thanh đạm chẳng có gì. Xin mời thầy khóa cứ thực tình cho.

Sĩ lúc đầu ngờ vực không dám đụng đũa. Nhưng sau, cơn đói đã át tất cả. Anh cầm lấy bát nếm thử một miếng, thấy không có vẻ gì khác, nên cắm đầu ăn. Bữa cơm quả là thanh đạm, nhưng cơm nóng canh sốt làm anh cảm thấy chưa bao giờ ngon miệng đến thế. Ăn xong bõ già đã dọn ổ rơm, trải chiếu cho khách nằm. Sĩ mệt quá, nằm xuống nhưng không dám ngủ, cố ý rình xem ma quỷ còn giở những trò gì. Nhưng chỉ

một lúc, anh đã chợp mắt và ngủ thiếp đi.

Đến nửa đêm, Sĩ bỗng giật mình tỉnh dậy. Gió bão thổi tới mỗi lúc một nặng nề. Thỉnh thoảng trời lại gầm lên dữ dội. Anh nghe tiếng cô gái nói:

- Bõ già ơi, gió lại đổi sang phía Bắc rồi. Nó rít mạnh quá bõ nhỉ? Đấy kìa cái tổ nhỏ ở cành thứ ba bị đổ mất rồi. Bõ thử ra xem nào.

Sĩ rất lấy làm lạ sao cô gái mù lại ăn nói như một người hoàn toàn sáng mắt. Anh đang suy nghĩ vẩn vơ thì lại bỗng ngủ thiếp đi.

Không bao lâu, gió càng thổi mạnh như muốn bốc cả nóc nhà. Sĩ lại tỉnh dậy lần nữa. Lần này anh nghe tiếng cô gái nói ở nhà ngoài:

- Bõ già ơi! Gió mạnh thế này thì chắc chúng nó sẽ lạc mất nhiều đấy. Nhưng chẳng sao, mai kia chúng nó lại về đủ. Ở cái tổ thứ bảy có nhiều con đang chờ mà chưa vào được!

Liền đó, Sĩ nghe tiếng tơi nón của bõ già lạch xạch lần ra vườn. Bão vẫn dữ dội. Anh ngồi dậy và tiện chân bước ra cửa. Qua những làn chớp, Sĩ thấy cô gái mù đang đứng dưới một gốc cây có cành lá xòe ra như một cái tán. Ở những cành thấp dưới gốc, ong vàng đậu chi chít, đậu cả lên nón, lên áo cô gái. Ong vàng con đậu con bay nhiều vô kể; tiếng vù vù của ong cơ hồ át cả tiếng bão.

Trong khi cô gái và bõ già đang làm việc ở phía ngoài, Sĩ lại trở vào nhà, trong lòng vẫn chưa hết nghi hoặc. Trên án thư ở đầu ổ rơm, ngọn nến vẫn đang cháy dở. Thấy có một quyển sách. Sĩ vội dở ra xem. Hóa ra là quyển sách nói về đạo Phật. Anh cầm lấy đọc rất mê mải.

Cho đến gần sáng, bão đã bắt đầu tạnh, cô gái và bõ già bước vào nhà. Sĩ gập sách lại, lên tiếng hỏi:

- Tôi bị lạc đường, rất cảm tạ cô và bõ già cho ăn cho nghỉ. Nhưng có một điều tôi lấy làm khó hiểu là tại sao hai người lại sống trơ trọi trong khu rừng này? Sống như vậy lấy gì để nuôi thân? Tại sao cô lại biết tôi sắp đến đây và còn biết tôi đi thi? v.v... Tôi rất mong được giải tỏ những điều đó trước khi từ giã nơi này.

Cô gái đáp:

- Nhà này vốn là nhà của thầy mẹ thiếp. Thầy thiếp trước có làm

quan, vì ghét bọn quan trên nên từ về, tìm đến khu rừng này sống bằng nghề nuôi ong. Cách đây ba năm, thầy mẹ thiếp lần lượt qua đời còn mình thiếp cùng với bõ già và đàn ong. Đàn ong cho mật và sáp, bõ già mang đi chợ đổi lấy gạo. Mắt thiếp tự dưng bị đau rồi hỏng. Tuy mù, linh tính của thiếp lại biết hết mọi chuyện. Tự nhiên thiếp cảm thấy đàn ong bị nạn thì quả nó bị nạn thật. Như hôm qua, thiếp cảm thấy có một chàng thư sinh đi thi lỡ độ đường và đang cần được giúp đỡ. Thiếp vừa thắp đèn lên thì nghe tiếng gõ cửa của thầy khóa. Quyển sách trên bàn đó là của thầy thiếp để lại, thầy khóa cứ đọc đi. Nhưng thầy khóa đi làm gì vội, còn bảy ngày nữa mới bắt đầu thi kia.

Nghe nói, Sĩ lấy làm thương cô gái mù mà cảnh ngộ còn gian nan hơn cảnh ngộ của anh. Anh cầm sách đọc tiếp cho đến sáng. Nhớ tới ngày thi, anh từ giã cô gái và bõ già ra đi. Thấy mời mọc không đắt, cô gái đưa cho anh một nắm cơm và một quan tiền. Sĩ vội trả lại tiền, chỉ nhận nắm cơm và nói:

- Đa tạ cô và bõ già. Sau này nếu được vinh hiển, tôi sẽ không bao giờ quên tấm lòng vàng của cô và bõ.

Chiều hôm sau vào đến kinh đô, Sĩ giật mình khi được tin: vì hoàng đế se mình, nên kỳ thi hoãn lại năm ngày nữa đúng như lời cô gái.

Kỳ thi năm ấy, vua ra đầu đề bài văn có nhiều điển tích về đạo Phật. Các bạn của anh ở quê nhà cũng như các sĩ tử bốn phương vì không đọc qua sách Phật, nên bị loại quá nhiều. Có kẻ đã lọt vào trường ba rồi cũng hỏng. Chỉ có Sĩ nhờ vô tình đọc quyển sách giữa cái đêm gió bão ở nhà cô gái mù nên trả lời trôi chảy. Anh đỗ tiến sĩ, được vua ban cho tiền bạc, áo mão, cờ quạt và lính hầu về vinh quy. Trên đường về quê, anh dự định rẽ vào khu rừng có nhà cô gái mù nuôi ong để tạ ơn.

Nhưng khi đoàn vinh quy vừa bước lên đèo, Sĩ đã thoáng thấy một cô gái có cặp mắt đen láy đang đứng đợi ở đỉnh đèo. Hai tay cô mang một rổ hoa; trên áo cô, ong vàng bám lấy chi chít như thêu kim tuyến. Sĩ nhớ lại cái đêm gió bão đứng ở trong nhà nhìn ra, thấy cô gái mù cũng được ong bám vào như thế. Đúng là cô gái nuôi ong đây rồi. Nhưng tại sao hai mắt cô lại không mù. Sĩ vội bước xuống cáng, chạy lại đón cô gái. Anh nói ngay:

- Đây là cô gái nuôi ong phải không? Nhưng ai đã hóa phép làm cho

mắt nàng sáng lại như cũ? Ôi! Nếu không có quyển sách của thầy nàng để lại thì tôi cũng hỏng như hầu hết các bạn của tôi. Không biết nói làm sao để cảm ơn nàng cho xiết được!

Cô gái đáp:

- Thiếp nhờ có ong chúa hút được nhị hoa thần và nhả nhị vào mắt làm cho mắt mờ lại tỏ. Sáng hôm nay thiếp cảm thấy quan tân khoa sắp về, nên vội vàng đi đón ở đây.

Cô gái nhìn Sĩ, má đỏ hồng hồng. Sau đó, Sĩ và đoàn tùy tùng kéo nhau đến ngôi nhà nhỏ của cô gái. Ở đây được mấy ngày, Sĩ đưa cô gái và bố già về quê nhà. Chàng xin phép mẹ được kết duyên với cô gái nuôi ong. Đám rước dâu linh đình từ rừng xuất phát, có cờ quạt, chiêng trống quân gia rầm rộ. Đặc biệt là những con ong vàng ngậm mỗi con một bông hoa bay trên đầu bà chúa của chúng, đẹp như một đám mây ngũ sắc[1].

1. Theo *Tiểu thuyết thứ bảy* số 335 (1940); và *Loại cổ tích hay*.

172. ANH CHÀNG HỌ ĐÀO

Ngày xưa ở huyện Đông-sơn có một anh học trò họ Đào. Anh đẹp trai, học giỏi, chỉ phải một tội là nhà rất nghèo. Thường ngày anh cắp sách sang làng bên cạnh học với một ông đồ. Nhưng cũng có những lúc anh phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm tiền gạo nuôi thân. Cuộc sống bữa no bữa đói khá là vất vả. Trong năm năm, mặc cho kẻ cười người chê, anh vẫn vừa làm vừa học, không chịu bỏ dở. Ở chỗ làng anh đến học, có một cô gái con một nhà khá giả yêu anh và cũng được anh yêu lại. Hai bên có tình ý với nhau như vậy đã được vài năm.

Ít lâu sau, anh chàng họ Đào mượn mối đến dạm cô gái. Nhưng cha mẹ cô gái chê nhà anh nghèo, không gả. Họ bảo thẳng người mối: -"Nhà anh ấy một thân một mình kiếm ăn còn chật vật thay. Con gái tôi về đấy càng làm cho anh thêm bấn". Khi người mối cho biết tài học của anh chàng có thể mai sau thay đổi được số phận, thì họ trả lời: -"Nếu thế thì đợi lúc ngựa xe võng lọng trở về hãy hay".

Thấy vậy, anh chàng họ Đào vừa giận vừa thẹn. Anh nghĩ bụng phải bỏ nhà ra đi, quyết chí lập được công danh mới trở về để cho cha mẹ nhà nàng không dám giở giọng khinh bạc với mình nữa. Nghĩ vậy anh bỏ nhà đến kinh đô. Ở đây anh vẫn vừa làm thuê, vừa học. Nhờ sáng dạ, anh học rất tấn tới. Sau năm năm, anh đi thi đỗ luôn cử nhân.

Hôm vinh quy trở về quê nhà, lòng anh mừng khấp khởi. Bụng bảo dạ: -"Nhất định bố mẹ cô ta sẽ vui lòng gả con cho mình và hối hận về những câu nói khinh người trước đây". Nhưng không ngờ, khi anh đến chào thầy học cũ, người ta cho biết là cô gái, sau khi anh bỏ làng ra đi, đã bị cha mẹ ép gả cho một người làng, mặc dầu cô không ưng thuận và có bụng đợi chờ anh. Nghe nói, chàng họ Đào hết sức buồn. Anh bỏ dự định đến nhà cha mẹ người yêu và cũng chẳng bụng dạ nào đến nhà

vợ chồng người yêu, vì sự gặp mặt lúc này chỉ càng làm cho anh thêm đau khổ, cũng có thể khiến chồng nàng ngờ vực. Nhưng lúc trở về, trên con đường cắt ngang cánh đồng, anh bỗng gặp nàng đang mang cơm ra đồng cho chồng. Hai người e lệ nhưng cũng dừng lại hàn huyên: họ bày tỏ nỗi đau khổ vì sự éo le của duyên phận. Khi chàng họ Đào từ giã, cô gái gạt nước mắt nhìn theo. Nàng đâu có ngờ rằng, từ đằng xa, người chồng của mình đã nhìn thấy được cảnh chuyện trò vừa rồi, và cơn ghen của hắn bốc lên bừng bừng. Nàng vừa đến nơi, hắn lấy cớ đưa cơm chậm chạp, liền xông lại gây sự. Vợ nói lại mấy câu thì con người vũ phu đó nổi xung lên, không đợi tìm hiểu phải trái, trong tay đang cầm cái cuốc để cuốc khoai, thuận đà hắn ném vào người vợ. Không ngờ phạm nhằm chỗ hiểm, người vợ gục xuống bất tỉnh nhân sự. Hắn lo sợ, lén lút vực vợ về nhà nói dối là ngộ cảm, rồi sau đó cử hành chôn cất không để cho một ai sinh mối nghi ngờ.

Vừa về đến làng mình, chợt nghe tin người yêu chết một cách đột ngột, anh chàng họ Đào không ngăn được kinh ngạc và thương cảm. Anh bèn làm một cỗ cúng, rồi vì không tiện đến nhà, chờ lúc đêm khuya, đem sang cúng ở mộ người yêu. Nhưng điều không ngờ là trong lúc anh đang sụt sùi khấn khứa thì bỗng nghe trong mộ có tiếng động phát ra. Thấy sự lạ, anh vội trở về gọi người nhà đem cuốc thuổng đến đào lên. Khi nạy nắp áo quan mới biết là người chết đã sống trở lại. Số là cô nàng bị chồng ném cuốc ngất lịm đi, nhưng chưa chết thật, còn người chồng thì sợ mang tội giết người nên vội khâm liệm rồi chôn cất sơ sài, cho chóng xong. Sau khi bị chôn, người chết mới dần dần hồi tỉnh và co cẳng đạp vào áo quan cầu cứu, đúng vào lúc người yêu đang cúng ở mộ.

Anh chàng họ Đào trong lòng mừng rỡ, bèn cùng người nhà đắp mộ lại như cũ, rồi vực nàng về nhà hết sức chữa chạy. Khi đã bình phục trở lại, cô gái kể tất cả mọi chuyện cho anh nghe. Anh dặn người nhà giữ rất kín việc này, và sau đó kín đáo đưa người yêu đến chỗ làm quan. Hai người trở thành vợ chồng không cheo cưới.

Lại nói chuyện anh chồng cũ cũng như mọi người trong làng vẫn không ngờ rằng người chết đã được cứu chữa sống lại. Cho nên, hàng

năm hắn vẫn cúng đơm theo đúng tục lệ. Ba năm sau, một hôm hắn có dịp đi trẩy hội chùa ở một trấn đàng ngoài. Trên đường đi tới chùa, hắn bỗng thoáng gặp một bà quan đi cáng trông nét mặt hao hao giống vợ mình. Hắn lấy làm lạ, vội đuổi theo để mong được nhìn kỹ càng tận mắt. Đứng đón nấp sau cổng chùa, hắn thấy bà quan ấy từ mặt mũi, tầm vóc cho đến dáng đi, giọng nói quả đúng là vợ cũ của mình, không nghi ngờ gì nữa. Rồi hỏi thăm mấy người lính hầu, hắn lại biết thêm rằng chồng của nàng không ai xa lạ mà chính là người học trò thi đậu cử nhân ở làng bên cạnh đã đứng trò truyện với vợ mình trước khi hắn ném cuốc vào người nàng. Nhưng tại sao hắn đã chôn nàng hai năm rõ mười mà bây giờ nàng lại sống đường hoàng như thế kia? Trong bụng hắn nghi nghi hoặc hoặc, đoán chắc có sự lừa gạt chi đây. Cho nên vừa trở về tới làng, hắn đã bày ra chuyện bói toán cải táng để đào mộ vợ lên xem cho rõ sự thật. Và khi thấy áo quan rỗng, hắn vội phát đơn kiện anh chàng họ Đào đã quyến dỗ vợ mình.

Nhưng sau khi nắm được mọi uẩn khúc, quan xử cho hắn không những mất vợ mà còn bị án khổ sai chung thân về tội đã phũ phàng đánh chết vợ và lén lút đem chôn, có đầy đủ tang chứng do tội nhân tự khai ra. Còn vợ hắn thì được phép lấy anh chàng họ Đào, người đã có công giành lại nàng khỏi tay tử thần[1].

KHẢO DỊ

Một truyện của Trung-quốc phần nào giống với truyện trên:

Thời Tấn Vũ Đế, ở Hà-giang có một đôi trai gái yêu nhau hứa hẹn sẽ lấy nhau. Đột nhiên chàng trai phải đi lính thú lâu ngày không thấy về. Cha mẹ cô gái sau đó ép gả cô cho một người khác, mặc dầu cô hết sức chống lại. Ở đây cô gái buồn rầu mà chết. Chàng trai hết hạn đi thú trở về. Biết là người yêu đã chết, bèn ra mộ khóc lóc. Trong một lúc thương xót quá độ, chàng đào mộ người yêu mong được nhìn mặt một tý. Không ngờ khi mở nắp áo quan, cô gái bỗng sống lại. Mừng quá, chàng cõng lên lưng đưa về chữa chạy, dần

1. Theo Tô Linh Thảo, sách đã dẫn.

dần bình phục, bèn lấy làm vợ. Nhưng bấy giờ người đàn ông được bố mẹ cô gái hứa gả phát đơn kiện. Quan không xử được. Việc đưa lên đình úy. Đình úy sau khi cứu xét, nói: -"Lòng thành cảm cách đến trời đất, nên đã chết mà được sống lại. Vậy không nên xử theo luật thông thường". Bèn phán cho cô gái về với anh chàng đào mộ[1].

Một truyện nôm của ta, có nói đến một nhân vật nữ tên là Dương Liễu vốn có tình ý với Mộng Hiền nhân một lần gặp gỡ chàng tại một ngôi chùa. Khi bố mẹ Mộng Hiền đến cầu hôn cho con thì Tào ông - bố Dương Liễu - tuy nhận lời hứa hôn, nhưng cho rằng vì vợ mình chết sớm nên con gái "xác lớn mà nết còn ngây", bảo hãy đợi vài năm nữa. Không ngờ trong thời gian đó, nhà Mộng Hiền sa sút đột ngột, ruộng đất tiền của hết sạch, bố lại bị bệnh. Cho đến lúc cùng túng, Mộng Hiền tìm đến nhà Tào ông thì Tào ông đã chết, và vì không có con trai, nên gia sản vào tay Tào Nghê, chú của Dương Liễu. Tào Nghê bảo chàng "phải đem ngàn lượng mới tròn hôn nhân". Mộng Hiền thất vọng trở về sau khi nhờ được người đưa hộ một bức thư cho Dương Liễu.

Lại đến lượt nhà Tào Nghê sa sút: trong một đêm, bọn cướp tới lấy sạch của cải. Sau đó có Lý sinh đem 100 lạng vàng tới mua Dương Liễu về làm thiếp. Tào Nghê bằng lòng cho cưới ngay. Phải đi mất 10 ngày mới tới quê Lý sinh. Được Dương Liễu, Lý sinh "mừng cờ đã vào tay" nhưng đêm động phòng cô gái "lưỡi đành đoạn cắt, máu lênh láng đầy". Ở đây truyện gặp tình tiết của cổ tích. Nhà họ Lý sợ, chôn cất Dương Liễu "áo vàng xiêm nhẹ phủ phê", sau khi cắt người giữ xác ba ngày. Chôn xong, có một bọn cướp nghe tin, đêm tới hy vọng đào mả kiếm chác. Chúng không ngờ Dương Liễu nhan sắc vẫn như thường, chống tay ngồi dậy. Bọn cướp tưởng là ma hoảng sợ mất vía chạy hết, còn nàng thì trút hết mọi thứ khâm liệm, chỉ "mang tơi rách, đội nón cời" do bọn cướp để lại và đi xin ăn lần về Đường-lâm, quê của Mộng Hiền. Và cuối cùng hai anh chị lấy nhau chỉ khác với cổ tích là họ sống êm thấm không xẩy ra kiện cáo gì lôi thôi[2].

1. Theo *Thái-bình quảng ký*, quyển 375.
2. Theo Quật Đình Ưng Ân. *Mộng Hiền truyện*, bản nôm chép tay.

173. DUYÊN NỢ TÁI SINH

Ngày xưa, có một anh học trò trẻ tuổi nhà nghèo xơ nghèo xác. Vì có cha mẹ già, anh phải lang thang đây đó làm nghề gõ đầu trẻ để nuôi thân và nuôi cha mẹ. Mãi về sau, anh được một phú ông ở một làng nọ mời về "ngồi" tại nhà mình để dạy cho con học. Anh mừng thầm từ nay có chỗ yên thân để ôn luyện văn bài. Phú ông có nhiều nhà, y cho thầy đồ ở riêng ngôi nhà thờ ở góc vườn để được tĩnh mịch dạy học. Ngoài ba bữa cơm hàng ngày của phú ông, anh còn nhận được tiền gạo của những người khác có con đến học với anh, nên anh cảm thấy đầy đủ.

Phú ông có một cô con gái đã đến tuổi lấy chồng. Từ ngày có anh đồ tới, cô con gái cảm thấy lòng mình đỡ trống trải. Mặc dầu ở ăn cách biệt, cô gái và anh đồ vẫn nhiều phen gặp gỡ. Cô đâm ra yêu chàng ngày một tha thiết, và cô cũng được chàng yêu lại. Mối tình vụng trộm cứ thế mỗi ngày trở nên keo sơn, không thể gỡ ra được nữa. Vì thẹn thò và sợ hãi, cô gái cũng không dám nói thật cho cha mẹ biết.

Hai người yêu nhau như vậy đã được vài năm. Nhưng một ngày nọ, có một nhà phú hộ khác ở cùng miền, mang trầu cau đến dạm cô gái cho con. Cha mẹ cô gái thấy hiếm có đám nào môn đăng hộ đối hơn thế, nên hối hả nhận lời. Nhưng khi hỏi ý kiến con gái thì phú ông đâu có ngờ rằng con mình xưa nay ngoan ngoãn là thế, trước việc nhân duyên tốt đẹp của mình lại tỏ ra khó tính lạ lùng. Cả vợ lẫn chồng hết lời dỗ dành con, nhưng không kết quả. Mãi về sau, cô gái mới cho cha mẹ biết là mình đã chỉ non thề biển với anh đồ và quyết cùng chàng kết nghĩa trăm năm. Nghe nói thế, phú ông từ lòng thương con chuyển sang giận dữ. Đời nào ông lại chịu hạ mình gả con cho một người kiết xác như vậy. Ông nhất định không để cho con gái làm sai chuyện hứa hôn. Cô gái trước còn khăng khăng từ chối, nhưng sau bị gia đình và họ hàng ép buộc, nên tuy uất ức mà đành ngậm miệng. Còn về phía

anh học trò biết phận mình không đất cắm dùi, nên cũng không dám tỏ bày nỗi lòng với vợ chồng phú ông. Vì vậy, sự định đoạt của phú ông coi như mười phần đã xong đến tám chín.

Thấm thoắt mà một năm nữa lại trôi qua. Con trai nhà phú hộ sau mấy lần sêu tết đã chuẩn bị xong lễ cưới. Vì không có ai bênh vực, không một người đồng tình nên cô gái nhẫn nhục kia cảm thấy quẫn trí. Không còn biết cầu cứu với ai, cô quyết tự liễu tấm thân còn hơn là phải lấy người mà mình không ưa. Một đêm nọ, trước ngày đón dâu, cô trốn lên nhà học tự tình với anh đồ. Hai bên chuyện trò than vãn với nhau đến gần sáng. Cuối cùng cô gái lấy gói thuốc độc mang sẵn trong mình ra uống lén, và chỉ một lát quằn quại chết ngay trong lòng anh học trò.

Thấy người yêu tự vẫn mà trước sau vẫn không một lời bộc bạch cho mình biết, anh học trò lòng đau như cắt. Nhưng dầu không ngăn được nước mắt giàn giụa, anh cũng cảm thấy hết sức bối rối và sợ hãi, nghĩ đến cái chết bất ngờ của người yêu nhất định sẽ làm cho mình mang tai mang vạ vào thân.

- Nếu mình đeo gông ngồi tù cũng đành cam chịu, nhưng cha mẹ già rồi đây biết cậy nhờ vào ai?

Càng nghĩ, anh càng bủn rủn chân tay. Cho đến lúc gà đã gáy canh mà anh vẫn chưa biết xử trí như thế nào.

Cuối cùng, anh nghĩ ra một kế. Anh đứng dậy đi kiếm cuốc thuổng rồi đào dưới gậm giường mình nằm một cái huyệt. Đào xong anh ôm lấy thi thể cô gái mà thề với vong linh nàng:

Kiếp này duyên đã lỡ duyên,
Quyết xin giữ trọn lời nguyền kiếp sau.

Sẵn có bút son trên bàn, anh viết vào bàn tay trái cô gái hai câu:

Thử sinh duyên vị liễu,
Nguyện kết hậu sinh duyên[1].

1. Hai câu này cũng đồng nghĩa với hai câu lục bát ở trên.

Viết đoạn, anh đặt xác cô xuống huyệt, lấp đất lại, lại sửa sang nền nhà thật cẩn thận, nhặt từng hòn đất, sắp từng viên gạch, rồi chùi rửa cuốc thuổng, không để một vết tích gì khả nghi. Xong đâu đó, anh lại lên giường nằm đợi sáng.

Lại nói chuyện nhà phú ông sáng hôm sau thấy mất hút con gái, bèn tung người đi khắp mọi ngả để tìm. Bên nhà trai nghe tin cũng cho người dò la khắp miền. Nhưng ngày một ngày hai vẫn không một mối manh, không một tin tức gì mới mẻ. Phú ông đoán con gái mình vì không chịu ép duyên nên đã liều thân hoại thể ở một chỗ nào xa xôi. Mặt khác sợ bọn quan nha lính tráng dựa dẫm vào việc này để đục khoét, nên ông cố ỉm đi không dám trình báo. Cuối cùng, sau những ngày hối tiếc thở than của bà con thân thích, sau những cuộc bàn tán xôn xao của xóm giềng, câu chuyện cô gái mất tích cùng với thời gian xóa mờ dần trong ký ức mọi người.

Về phần người học trò, sau khi bí mật chôn xác người yêu, phần vì thương cảm quá độ, phần vì muốn tránh mặt vợ chồng phú ông, nên được ít lâu, anh xin thôi dạy. Phú ông cho là thầy đồ thất tình, cũng không nghi ngờ gì cả. Rời khỏi nhà phú ông, anh đi thật xa, kiếm được một chỗ ngồi dạy khác, rồi cố nén đau khổ, tự rèn luyện thành tài để đợi khoa thi. Sau mười lăm năm xôi kinh nấu sử, sức học của anh uyên bác không ai bì kịp. Anh đi thi và đậu luôn tiến sĩ. Những ngày vinh quy rộn ràng tấp nập đã qua, nhà vua bổ anh làm quan ở một trấn gần kinh kỳ, bố mẹ cũng như họ hàng làng xóm mỗi lần gặp anh, ai cũng khuyên anh lấy vợ kẻo muộn người nối dõi, nhưng anh một mực mỉm cười, không gật đầu cũng không từ chối.

*

* *

Hồi bấy giờ, ở một làng nọ thuộc trấn do quan tân khoa trị nhậm, có một nhà phú hộ hiếm hoi sinh được một cô gái nhan sắc xinh đẹp, nhưng lại có tật. Từ lúc sinh ra, mấy ngón tay của cô bị váng dính liền nhau, và vì thế bàn tay trái luôn luôn nắm lại không thể mở ra được. Thấy con tật nguyền, nhà phú hộ lấy làm buồn phiền. Họ bắn tin ra là hễ ai chữa khỏi cho con gái mình thì sẽ vui lòng hậu tạ tất cả gia sản.

Bao nhiêu danh y nội khoa cũng như ngoại khoa tìm đến chữa chạy bằng đủ các môn thuốc, nhưng cô gái chứng nào vẫn giữ tật ấy.

Quan tân khoa lúc mới tới vùng đó đã loáng thoáng nghe được tin này. Mặc dầu đó là cái tin hơi lạ, quan vẫn không bận tâm. Mãi về sau, nhân một chuyến đi hành hạt, quan ghé vào nhà phú hộ định bụng xem thử cho biết. Thấy có quan đến, nhà phú hộ tiếp đón rất trọng thể. Nghe quan hỏi về chuyện bàn tay con gái, chủ nhân cho quan biết con gái mình đẻ vào ngày, tháng, năm nọ, nhưng vừa lọt lòng không may đã mang lấy tật nguyền. Nghe lời trình bày của phú hộ, quan đã lấy làm chột dạ, vì ngày tháng năm sinh của cô gái này lại trùng khớp một cách lạ lùng với ngày tháng năm mất của người yêu của mình trước đây. Quan liền nói:

- Chúng tôi cũng có biết một ít về nghề y. Cụ hãy cho cô em ra đây thử xem sao.

Nhà phú hộ vào buồng dắt cô gái ra, khi thấy mặt nàng, quan bỗng nhiên bồi hồi xúc động, vì giống hệt mặt người yêu xưa, hầu không sai một nét. Quan liền sai người hầu múc đến cho mình một thau nước lã. Đoạn quan cầm bàn tay nàng nhúng vào nước, rồi tự mình vuốt các ngón tay. Tay quan vuốt đến đâu, váng bỗng trôi đi tới đó. Cuối cùng năm ngón búp măng của cô lại xòe ra được như thường. Khi mấy ngón tay vừa duỗi, một mối kinh ngạc đến với mọi người, vì họ thấy lộ ra những dòng chữ:

Thử sinh duyên vị liễu,
Nguyện kết hậu sinh duyên.

Mười chữ son vẫn còn đỏ thắm trong lòng bàn tay cô gái. Nhưng tất cả mọi người đều lấy làm ngạc nhiên hơn nữa khi nghe quan luôn tiện kể lại câu chuyện cũ của mình chôn kín trong lòng tự bao nhiêu năm nay: nào là hai người yêu nhau ra làm sao, cô gái nhà phú ông nọ bị ép uổng như thế nào, cuối cùng cô đã tự tử vào lúc nào và được mình chôn cất, thề bồi, v.v... Quan úa nước mắt kể mãi, kể mãi; sau đó quan chỉ vào cô gái và nói:

- Thật là có trời! Đúng là một cuộc tái sinh không thể nào ngờ được!

Nhà phú hộ sau đó gả cô con gái cho quan và biếu chàng rể tất cả gia sản làm của hồi môn. Đám cưới tổ chức rất linh đình, có vị đại thần, người của nhà vua về dự. Rồi quan đưa vợ về quê chào cha mẹ họ hàng. Quan còn không quên đưa vợ tìm đến nhà phú ông cũ, người đã đón mình "ngồi" dạy học tại nhà ngày trước. Thấy người đàn bà giống với con gái mình thuở xưa như đúc, phú ông rất đỗi kinh ngạc. Phú ông càng ngẩn người khi nghe quan kể lại câu chuyện về đứa con mất tích thuở nào. Mới đầu phú ông tỏ ý không tin. Nhưng khi quan chỉ chỗ chôn cô gái ở gậm giường, và sai đào lên, quả đúng như vậy.

Từ đấy quan nhận cả hai người phú hộ làm ông nhạc, và ăn ở với cô gái trọn đời[1].

KHẢO DỊ

Một dị bản cũng do người Hà-tĩnh kể, có phần khác về đoạn kết:

Cô gái tái sinh làm con bà bán hàng nước ở chợ (không phải con nhà phú hộ). Tay cô bị què bẩm sinh. Quan tân khoa làm tri huyện, nghe tin, một hôm đi qua quán dừng lại mua bát nước uống. Cô múc nước vào bát, bằng một tay cầm đưa cho quan. Quan cho là vô lễ không nhận, đòi phải bưng hai tay. Tự nhiên tay cô gái không què nữa, hai tay bưng được bát. Uống xong quan nắm lấy tay cô gái vuốt tới đâu, ngón tay mở được đến đấy. Hai chữ "tái sinh" (ở đây là hai chữ, chứ không phải mười chữ) lộ ra, quan bèn kết hôn với nàng.

Còn có hai truyện khác của ta tương tự với truyện trên:

1. Ngô Trí Hòa làm đến thượng thư đời Lê, người làng Lý-trai huyện Đông-thành (Nghệ-an), lúc nhỏ học ở kinh đô trọ nhà một người lính. Bên hàng xóm có cô gái 18 tuổi, con gái một người binh phiên người làng Nhân-mục (Hà-đông) thấy ông thì yêu, hai bên thề thốt nặng lời. Mẹ cha cô không biết chuyện ấy, gả cô cho một người làng. Cô không chịu. Cũng như chuyện trên hôm sắp rước dâu đêm canh ba, cô đến nhà ông tự ải. Ông sợ quá, bí mật đào huyệt dưới giường, cũng lấy son viết vào bàn tay mấy chữ :

Thử duyên kim vị liễu,
Tái kết hậu sinh duyên.

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

rồi chôn. Sau ông thác kế đi trú ngụ chỗ khác. Nhà binh phiên cũng không biết con gái mình đi đâu.

Mười năm sau, ông đậu tiến sĩ, làm tả tham chính Sơn-tây đến sáu bảy năm. Ngoài công đường khi ấy có cô con gái bán trầu 16 tuổi. Người nhà cho biết cô gái ấy trong lòng bàn tay có hai câu thơ. Ông gọi vào xem thì đúng là nét chữ của mình. Sau đó ông cưới nàng làm vợ kế. Hồi này người binh phiên làm trưởng lại ở thừa ty Sơn-nam. Người ta đùa gọi hắn là ông nhạc vờ (giả phụ ông), gọi ông là rể vờ (giả nữ tế)[1].

2. Võ Hoàng làm đến thượng thư nhà Lê, vốn người xã Lương-giang, huyện Lang-tài (Kinh-bắc). Lúc trẻ, ông đỗ hương cống, lấy con gái của Đàm Cử (thượng thư cầm đầu sáu bộ) ở làng Đông-ngàn cùng tỉnh, mới 16 tuổi. Hai người rất yêu nhau. Không ngờ được nửa năm, vợ chết. Ông rất thương, lấy bút son viết vào tay mấy câu thơ: *"Con gái quan Thượng, là vợ Giám sinh, Nàng sao lại đi? Lòng ta sầu bi"*.

Về sau, ông thi hội đậu tiến sĩ, làm tham chính Sơn-tây. Bấy giờ ở làng An-lạc cùng tỉnh, có một cô gái nhận lễ cưới của nhà trai, rồi giở quẻ, không chịu lấy nữa. Bên nhà trai kiện cô là "bội phu". Vụ kiện đưa cô đến thừa ty là nơi Võ Hoàng nhậm chức. Người nhà ông cho biết bị cáo từ lúc mới sinh có mấy chữ son ở tay, xóa mấy cũng không sạch. Ông cho gọi cô đến, xem ra thì đúng nét chữ của mình ngày xưa, bèn lấy làm vợ thứ[2].

Việt-nam còn có truyện *Kiếp này chẳng lành để dành kiếp sau*, cũng là một dị bản các truyện trên:

Có hai người học trò kết bạn, giao ước gả con cho nhau. Về sau một người giàu một người nghèo, nhưng họ vẫn không làm sai ước cũ. Cô con gái người nhà giàu lúc về nhà chồng chăm lo làm ăn không quản ngại khó nhọc. Một hôm vợ gánh đồ đạc cho một đám cưới. Gặp một bọn chăng dây ra một câu đối hiểm hóc, cả đám nhà trai không ai đối nổi. Người vợ về gọi chồng vốn là học trò thi mãi không đỗ ra giúp. Chồng gỡ rối cho đám cưới bằng văn chương tài hoa của mình. Cả đám cưới, ai nấy đều khen ngợi tài học của anh. Một thầy số cho biết sở dĩ anh chưa đỗ đạt làm nên là vì số vợ cản trở. Người vợ nghe được tin này, để cho chồng khỏi phải vướng vì mình, bèn tự tử. Chồng không ngờ vợ lại thế, thương quá, viết vào tay vợ hai chữ "tiết nghĩa" khi khâm liệm..

1, 2. Theo *Đại-nam kỳ truyện*.

Về sau người chồng đi thi đỗ cử nhân. Viên chánh chủ khảo khoa thi vốn có một người con gái độ 15, 16 tuổi, cũng như các truyện trên, từ lúc mới sinh bàn tay đã nắm lại không duỗi ngón ra được. Nhưng khi quan tân khoa đến bái yết chánh chủ khảo, tự nhiên cô gái chạy ra đón anh, bàn tay bỗng xòe ngón ra dễ dàng. Nhìn thấy trong lòng bàn tay cô có hai chữ "tiết nghĩa", anh bèn kể lại câu chuyện cũ của vợ mình trước đây. Nghe đoạn, chánh chủ khảo gả cô gái cho anh làm vợ[1].

Một truyện nôm *Sơ kính tân trang* cũng có sử dụng tình tiết tái sinh, tuy phần nào mờ nhạt và không nói đến hình ảnh về bàn tay có tật:

Phạm Kim nhân một chuyến du lịch tình cờ quen biết Trương Quỳnh Thư. Đôi bên thi từ xướng họa trải hai năm yêu đương. Dự định kết hôn thì bỗng ngày nọ chàng có việc phải về quê, trong khi đó nàng bị một đô đốc của chính quyền mới uy thế nghiêng trời, buộc bố nàng phải gả con cho mình. Trước tình thế nghiêm trọng, nàng chỉ còn biết viết thư báo tin chàng đến, rồi đang đêm lén tới chỗ nhà trọ cùng chàng than thở. Ở đây cũng có việc viết chữ vào lòng bàn tay: "*Thiếp nay tuy (tay) có son in; "Quỳnh nương" hai chữ thì xin nhớ cùng*". Trở về, nàng uống thuốc độc tự tử, còn chàng thì đau xót bỏ đi tu. Về sau chàng lấy Thụy Châu là người vốn do bố mẹ xưa kia "ước hẹn gương lược". Nhưng trong lòng chàng vẫn khắc khoải khôn nguôi, cho đến khi người vợ mới ngửa bàn tay có dấu chữ để chồng nhận ra đó là hậu thân của người yêu cũ, mới hết băn khoăn. "*Nàng* (Thụy Châu) *nghe nói đến chữ "Quỳnh"; Nghĩ tiền duyên hẳn là mình chẳng sai. Ngửa tay xem dấu tỏ mười; Vậy hay sinh hóa cơ trời lạ thay!*"[2].

Người Nghệ-an có truyện *Cái hoa chanh* (hay hoa khế) có nội dung khác hẳn, trừ hình ảnh bàn tay nắm lại. Mặc dầu vậy nó vẫn cho phép ta xem như cùng một mô-típ với các truyện trên:

Một anh chàng cưới vợ. Giữa tiệc cưới ban đêm, có họ hàng hai bên cùng dự, thì bỗng nhiên có giấy của nhà vua về bắt anh phải đi lính thú ngay, không được chậm trễ. Hai vợ chồng mới không biết tính sao, đành xin phép bọn lính tráng hương chức thư cho mình một lát để đưa nhau ra gốc chanh (hay gốc khế) ngoài vườn tình tự. Đoạn, chồng từ giã vợ ra đi.

1. Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Phương. *Truyện cổ tích*, q. I.

2. Theo Phạm Thái. *Sơ kính tân trang* (Khảo thích của Lại Ngọc Cang), Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1960.

Trong những ngày chồng vắng mặt, thì người vợ ở nhà có thai. Làng xóm bắt vạ người đàn bà, lấy có chồng vừa cưới đã phải đi ngay, sao lại có con. Người vợ thẹn thò không biết trả lời thế nào, đành chịu nộp vạ. Đủ ngày tháng, sinh được một đứa con trai mặt mũi khôi ngô, nhưng bàn tay lúc nào cũng co ngón lại, ai mở cũng không được. Sau năm năm hết hạn lính, người chồng trở về. Thấy bàn tay con như thế, anh ngồi lại khẽ vuốt ra. Cũng như các truyện trên, vuốt đến đâu tay cháu bé duỗi ra đến đấy, không ngờ giữa lòng bàn tay có một cái hoa chanh (hay hoa khế), tang chứng cho lòng trinh bạch của người vợ[1].

Người Cham-pa có truyện *Con gà trắng và chiếc nhẫn đồng*, phần nào gần gũi về mô-típ với truyện *Cái hoa chanh*, ở chỗ trong lòng bàn tay là một đồ vật chứ không phải dòng chữ, nhưng tiến triển của truyện lại có nét khác biệt:

---

1. Theo *Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại và sách Nhiêu-hợp*. Truyện này cũng khá phổ biến ở nhiều địa phương miền Bắc.

Sau đây, xin dẫn một truyện kể vào thời kháng chiến chống Pháp về "Một nữ du kích bí mật" mà Trần Tiến cho biết là đã sưu tầm được ở Nam-hà, để bạn đọc thấy một cốt truyện cổ tích như truyện *Cái hoa chanh* có sự tự phát tiến triển, chuyển hóa sang cốt truyện hiện đại, và vẫn vận động theo quy luật của nó với tính cách là một thực thể văn học dân gian. Nói cách khác, khi một truyện kể được lồng vào với một cốt truyện cũ, thì truyện dù biến dạng đến đâu, thay đổi sắc thái và kết cấu như thế nào, cái cốt truyện cũ cùng với những mô-típ cơ bản nói chung vẫn được giữ lại. Ở đây, hình tượng bàn tay nắm lại và cái hoa chanh còn được bảo lưu tương đối nguyên vẹn với cả những nét thần kỳ của nó.

Một cô gái xinh đẹp ở vùng địch hậu lấy chồng được hơn một tháng thì làng bị giặc chiếm đóng. Cô tham gia du kích và tình báo trong khi chồng cô trốn ra vùng tự do. Để tiến hành điều tra hành động của giặc, cô phải chịu đựng tủi nhục, đóng vai lẳng lơ, và lập được nhiều công trạng, mặc dầu bị dư luận chê bai. Một hôm cô được lệnh bí mật tiếp một cán bộ quân báo của ta do cấp trên cử về tại một khu vườn chanh bỏ hoang. Không ngờ người cán bộ đó lại là chồng của mình, cô bèn cùng chồng qua một đêm ân ái; từ đó cô có mang, bị người làng và bố mẹ chồng phỉ nhổ. Rồi cô sinh được một gái có bàn tay nắm chặt không mở được. Ít lâu sau, giữa khi làng sắp được giải phóng, thì cô bị một mảnh đại bác của địch vô tình giết chết. Chồng về chỉ còn gặp con, bàn tay con tự nhiên mở ra, trong đó có cái hoa chanh, chứng tích của đêm ân ái. Xem thêm toàn truyện trong *Tạp chí văn học*, số 4 (1970).

Cặp Thành Chó và Mơ Nai vốn từ nhỏ được bố mẹ - nông dân nghèo khổ - ước hẹn làm thông gia. Lớn lên, họ cùng đến ở đợ cho nhà phú hộ nhưng vẫn yêu nhau thắm thiết. Để tỏ lòng chung thủy, một hôm họ làm lễ thề nguyền một con gà trắng cúng trời và bẻ đôi chiếc nhẫn đồng mỗi người giữ một nửa để làm vật tin. Thấy Mơ Nai đẹp, con trai phú hộ định bắt làm vợ lẽ, bèn đuổi Thành Chó ra khỏi nhà. Thành Chó lén đưa Mơ Nai đi trốn nhưng không thoát. Mơ Nai bị đánh đập, sầu não rồi ốm thành bệnh mà chết. Thành Chó lúc ấy mồ côi bố mẹ, đón mẹ Mơ Nai - cũng bị nhà phú hộ đuổi - về nuôi. Nhớ người yêu, một hôm Thành Chó đánh đồng thiếp xuống âm phủ tìm. Khi gặp, họ xin được phép vua âm phủ cho Mơ Nai trở về dương gian.

Từ đó mẹ Mơ Nai không chồng mà có mang. Trong khi Thành Chó bị quan bắt giam vì cho là tội phạm, người mẹ Mơ Nai đẻ được một con gái, càng lớn càng xinh, nhưng có bàn tay nắm lại như các truyện trên. Thấy nàng đẹp, nhiều người muốn lấy, nàng đặt điều kiện bất kể là ai hễ chữa được tay mình thì sẽ lấy làm chồng. Trai trong vùng thi nhau đến, nhưng không một ai mở được. Một hôm, một người ăn mày từ xa xin đến chữa. Mặc dầu bị bọn con trai dè bỉu, người ấy vừa chạm vào tay nàng thì tự nhiên ngón tay xòe ra được. Trong lòng bàn tay cô gái lúc ấy có nửa chiếc nhẫn đồng. Người ăn mày thấy vậy cũng rút trong người ra nửa chiếc khác, đem so lại thì vừa như in. Đó là Thành Chó, bao năm bị giam chấp lang bạt, nay mới trở về. Sau đó hai người thành vợ chồng.[1]

Đồng bào Dao có truyện *Nghĩa vợ chồng* cũng là một dị bản, nhưng ở đây có những tình tiết lạ hơn, và ngay mô-típ chính của truyện cũng không phải là chữ viết hay một vật gì đó trong lòng bàn tay, mà là vết sẹo:

Một anh chàng sau khi đi lính thú được một năm thì vợ ở nhà chết. Sau ba năm anh về, sắp tới chân núi quê nhà, chợt thấy bóng dáng một người đàn bà giống vợ mình, lại gần thì mất. Về nhà mới biết là vợ đã chết, mà bóng ấy chỉ là bóng ma. Theo dấu, anh cất công đi qua nhiều nơi, lội qua nhiều suối lạ. Tới một xóm, anh xin nghỉ nhờ. Qua ngày mai, ông cụ chủ nhà dẫn anh đi nhận mặt một phụ nữ trong xóm ra gánh nước, trong đó tìm được một người đúng là vợ anh. Nhưng phải bằng cách phun nước vào mặt vợ do ông cụ bày cho, người vợ mới nhận ra chồng. Sau đó vợ đưa chồng đi xa, nhưng mặc dầu bằng nhiều cách, vợ chồng vẫn không thể nào lội qua được những dòng suối

1. Theo *Truyện cổ Chàm*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà-nội, 1978.

mới. Vợ bèn bảo chồng: -"Chỉ còn có cách đầu thai làm kiếp khác mới nên vợ nên chồng được". Đoạn cầm một cái kéo rạch vào lòng bàn tay của mỗi người hình một cái kéo. Rồi biến mất.

Chồng sau đó phiêu lưu mãi, lạc tới một vương quốc nọ, đi chăn trâu cho nhà vua. Hoàng hậu đẻ được một công chúa xinh nhưng khó tính. Khi kén chồng, công chúa cứ đòi xem bàn tay chàng trai nào đến làm rể. Đàn ông tứ xứ đổ về hầu khắp lượt, nhưng công chúa vẫn chưa tìm ra người mong đợi. Chỉ còn một người chăn trâu cho nhà vua đã luống tuổi không có ước mong được làm phò mã nên chưa dám tới thử. Nhưng đến lượt chàng, công chúa nhận ra cái bàn tay có vết sẹo hình cái kéo (ở đây không thấy nhắc tới vết sẹo trong lòng bàn tay công chúa). Công chúa quyết định lấy làm chồng trước sự bực tức của vua cha. Nhưng giữa tiệc cưới, công chúa đã hóa phép làm cho chồng trẻ lại[1].

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Chử Sinh* cũng có hình ảnh bàn tay của người tái sinh có đề chữ, nhưng nội dung khác hẳn các truyện của ta:

Một người họ Trần đỗ hiếu liêm có người bạn thân là Chử Sinh. Nhà Chử nghèo mà nhà Trần thì giàu. Trần thường trả tiền học giúp đỡ Chử. Việc ấy bị người bố biết nên sau đó người bố bắt con về không cho học nữa. Thấy thế, thầy học bèn nuôi Chử ăn học coi như con. Ít lâu sau người bố Trần chết, Trần lại theo học với thầy cũ, nhưng sức học của anh đã bị Chử bỏ quá xa. Đến kỳ thi, Trần lo không thể đỗ. Chử bèn tình nguyện đi thay bạn. Hôm thi, Trần bỗng thấy có một người dắt mình đi chơi, khi trở về thì nhằm vào lúc những người trong trường thi bước ra cổng. Trần nhìn Chử thì thấy bạn tựa hồ không phải Chử mà diện mạo lại giống mình như đúc. Hỏi thì mới biết Chử đã là ma, lúc này đang mượn xác Trần để đi thi thay cho bạn, Chử cho Trần biết là nay mai sẽ về đầu thai làm con thầy học. Lúc hai người chia tay, Chử bảo Trần viết vào lòng bàn tay mình mỗi bên một chữ "Chử".

Về sau, Trần đến thăm thầy học cũ, vừa gặp lúc vợ thầy sinh con trai, anh mở bàn tay đứa bé quả thấy có chữ "Chử".

Sau hết, Truyện *Nàng Câu Dặc* của Trung-quốc cũng đáng xếp vào loại dị bản nguyên thủy của các truyện trên:

1. Theo Doãn Thanh, Lê Trung Vũ. *Truyện cổ Dao*.

Theo *Hán Vũ cố sự* thì nàng Dặc từ khi lọt lòng , bàn tay vẫn nắm lại không mở ra được. Khi nàng lớn lên, Hán Vũ Đế nghe tin lạ bèn triệu đến để xem. Cũng gần như các truyện trên, khi vua mó vào, bàn tay cô gái tự nhiên mở ra, nhưng khác với các truyện trên là trong tay không phải có chữ mà lại có viên ngọc "câu". Vua bèn lấy làm vợ[1].

1. Dựa theo tích truyện này, người ta bày ra trò chơi "tàng câu", một trò chơi chủ yếu có một người cầm giấu trong tay một vật gì đó để đánh đố đối phương. Trò chơi này cũng phổ biến ở Việt-nam. Theo Lê Quý Đôn thì đời Hồng Đức người ta lập đàn lễ Phật bày trò chơi tàng câu là có ý làm cho quỷ thần vui vẻ. Trò này có người đóng vai Đại tạng Đinh Thiên Quý làm quản giáp tục gọi là "con giáp" (kép). Lại cho gái đẹp đóng vai nàng Câu Dặc. Lại truyền gõ năm sênh phách tục gọi là "lá phách". Một là hồi trống đầu trò chơi tàng câu, tục gọi "tiếng cơm tầm vông", một là mã la, tục gọi "tiếng nàng dịch dịch" (*Kiến văn tiểu lục*).

174. MỴ CHÂU - TRỌNG THỦY
HAY LÀ TRUYỆN NỎ THẦN

Ngày xưa trị vì cõi đất Âu-lạc có một ông vua tên là An Dương Vương. Vua có một nàng công chúa tên là Mỵ Châu. Mỵ Châu rất xinh đẹp và ngày ấy đã đến tuổi yêu đương. Vua chỉ có một mình nàng là con gái nên rất yêu thương chiều chuộng.

Vua An Dương Vương lại là người chăm lo việc triều chính. Từ khi bờ cõi mở rộng, vua nghĩ đến việc kinh doanh và phòng thủ đất nước. -"Phải có một tòa thành kiên cố thì mới giữ được giang sơn xã tắc lâu dài".

Nghĩ vậy, vua sai người đi chọn đất đặt kinh đô và ra lệnh cho đinh tráng cả nước phải lần lượt về phục dịch việc xây thành. Nhưng điều làm cho mọi người ngạc nhiên là thành hễ xây lên cao quá đầu người, thì chỉ trong một đêm tự nhiên đổ sụp. Xây đi xây lại đã mươi bận, lớp dân phu này về có lớp khác đến, ấy thế mà thành vẫn không xong.

Cho là do trời làm, vua nghe lời các quan, bèn sai lập đàn rồi tự mình trai giới cầu cúng. Sau mấy ngày đêm, một buổi sáng bỗng thấy một cụ già từ biển đi vào báo cho vua biết sẽ có thần Kim Quy là sứ giả của thần Thanh Giang đến giúp vua xây thành. Quả nhiên sáng hôm sau trong khi mọi người chầu chực ở Cửa Đông, thì trên mặt nước, thần bỗng xuất hiện dưới trạng mạo một con rùa vàng to lớn rực rỡ. Đặt chân lên đất, rùa liền tự xưng là sứ giả Thanh Giang. Thị vệ đã chực sẵn bèn đưa đến một chiếc mâm vàng cho rùa trèo lên. Gặp vua, thần Kim Quy cho biết: -"Thành sở dĩ xây lên đổ xuống là vì có nhiều yêu quái phá phách. Chúng nó biến hóa thiên hình vạn trạng. Thấy nhà vua có lòng thành, tôi sẽ vì nhà vua tìm cách diệt trừ".

Chẳng bao lâu, nhờ phép thần thông của thần Kim Quy, yêu quái bị tiêu diệt không còn một mống. Thần còn ngày đêm bảo cách cho nhà

vua xây thành. Để bảo vệ hoàng cung, thành được đắp nhiều lớp vòng quanh theo lối trôn ốc chưa đâu có. Vì thế người ta gọi là Loa thành (thành ốc). Kẻ địch dù có vượt qua cửa thành này cũng phải trả giá đắt nếu muốn lọt vào tận cung vua. Chỉ trong vòng nửa tháng, tòa thành đồ sộ xây xong. Vua An Dương Vương mừng rỡ, đãi thần rất mực cung kính. Trước khi thần từ biệt ra về, vua nói:

- Cảm tạ thần linh đã giúp cho việc diệt trừ yêu quái, xây dựng xong tòa thành vững vàng này. Dân Âu-lạc đời đời không dám quên ơn. Nhưng một mai nếu có giặc ngoài đến vây đánh thì lấy gì mà chống?

Thần Kim Quy bèn rút một cái vuốt của mình trao cho vua và nói:

- Ta biếu nhà vua cái này, dùng nó làm lẫy nỏ thì không còn lo gì nữa.

Thấy vua vẫn còn tỏ vẻ lưu luyến, thần lại dặn tiếp:

- Nếu một mai có việc gì cần , thì cứ gọi "Sứ giả Thanh Giang" ba lần, ta sẽ đến giúp!

Nói đoạn, thần đi thẳng xuống biển. Vua An Dương Vương đưa vuốt cho viên tướng Cao Lỗ, bảo làm lẫy nỏ như lời dặn của thần. Nỏ làm xong, mỗi một phát bắn hàng ngàn mũi tên tua tủa bay vút ra, kẻ địch dù đông cũng khó lòng sống sót.

Hồi bấy giờ, ở phía Bắc Âu-lạc có nước Nam-việt của Triệu Đà là một nước cường thịnh. Cậy có đất rộng, dân đông, lại thiện chiến, Triệu Đà mấy lần kéo quân sang đánh, nhưng mỗi lần vượt cõi là một lần chuốc lấy thất bại. Bên này An Dương Vương sai đem nỏ ra bắn. Mỗi phát bắn ra, tên bay rào rào, quân Nam-việt chết như rạ. Thấy nhiều phen bị thiệt hại nặng nề, Triệu Đà đành phải gác chuyện can qua. Tuy vậy hắn vẫn còn căm tức, ngày đêm trù mưu tính kế để chiếm cho được Âu-lạc mới thỏa dạ.

Nghe nói vua An Dương Vương có cô con gái chưa chồng, Triệu Đà mượn cớ giảng hòa, cho sứ giả sang cầu hôn My Châu cho con trai mình là Trọng Thủy. Mục đích của hắn không phải là thắt chặt tình giao hiếu giữa hai nước mà để dò xét tình hình Âu-lạc. Thấy kẻ địch muốn chuyện cầu thân, đổi bụng hằn thù ra đường tình nghĩa, An Dương Vương vui lòng nhận lời. Cuộc hôn nhân không mấy chốc đã thành. Theo phong

tục, chàng rể phải sang ở nhà bố vợ một thời gian, gọi là ở gửi rể. Hôm động phòng, trai tài gái sắc gặp nhau, tình cảm mặn nồng không nói hết.

Lấy được My Châu rồi, Trọng Thủy lân la hỏi vợ về nội tình Âu-lạc như lời bố mình dặn dò trước lúc đi làm rể. Chàng tỉ tê gạn vợ:

- Tại sao dân Âu-lạc không đông, nhưng mỗi lần ra quân đều thu được thắng lợi?

My Châu trước chỉ mỉm cười không đáp. Nhưng ngày một ngày hai, thấy chồng thật lòng yêu đương, và nghĩ rằng hai nước đã trở nên một nhà, nên nàng không còn nghi ngờ gì. Dần dần nàng cho chồng biết nào là việc yêu quái phá thành, việc cầu được thần Kim Quy diệt trừ yêu quái, nào việc thần dạy cho cách xây thành, việc tặng cho vuốt thần để làm lẫy nỏ, v.v... Trong cơn say đắm, My Châu không tiếc gì cả. Nàng còn giấu cha mình dẫn chồng đến xem trộm nỏ thần ở một ngôi đền cấm cạnh cung vua. Nhân khi vợ bận nhìn đi chỗ khác, Trọng Thủy bèn lấy trộm lẫy nỏ thật mà đánh tráo vào một lẫy nỏ giả.

Sau đó mấy hôm, Trọng Thủy nói dối với vợ và bố vợ rằng mình xa cha ngái mẹ đã lâu, nên xin phép được về thăm cho thỏa lòng mong nhớ, rồi ít lâu sau lại xin trở lại. Cả vợ chàng và An Dương Vương đều bằng lòng.

Lúc từ biệt vợ, Trọng Thủy tỉ tê:

- Chuyến đi này làm tôi nhớ nàng khôn xiết. Trong khi tôi về bên kia, ngộ nhỡ hai nước lại có chuyện bất hòa, Nam Bắc cách biệt, tôi muốn đi tìm nàng thì biết làm thế nào để được gặp nhau?

My Châu đáp:

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, lông nó sáng rực khác thường, thiếp sẽ mặc vào người, đi đến đâu rút lông rắc ở dọc đường. Chàng cứ theo dấu ấy mà tìm thì gặp.

*

* *

Lại nói chuyện Triệu Đà vừa nắm được lẫy nỏ thần vào tay, lập tức hạ lệnh kéo quân xâm lăng Âu-lạc. Nghe tin biên giới báo về gấp, vua An Dương Vương cười ha hả mà rằng:

- Giặc Đà hết sợ nỏ thần của ta rồi hay sao?

Nói rồi vẫn một mực coi thường, không lo lắng gì cả. Cho đến khi quân địch đã đến sát chân thành, vua mới sai đem nỏ thần ra bắn, thì ôi thôi lẫy nỏ đã bị đánh tráo, không còn mầu nhiệm như trước nữa.

Thấy quân địch ào ào xông tới vây thành như kiến cỏ, vua An Dương Vương vội vã nhảy lên mình ngựa, bảo My Châu ngồi sau lưng, rồi nhân tối trời thoát ra khỏi thành cho phi một mạch về phương Nam.

Trong khi quân Nam-việt chưa biết vua An Dương Vương chạy về hướng nào để mà đuổi, thì Trọng Thủy đã lần ra dấu lông ngỗng của vợ, bèn thúc ngựa theo sát nút. Phía trước, con ngựa chở cha con An Dương Vương cứ theo dọc bờ biển phi miết, luôn mấy đêm ngày. Một buổi sớm, ngựa đến sát dưới chân một hòn núi, xung quanh là làng xóm đông đúc. Vua hỏi một bô lão ở bên đường:

- Núi này là núi nào?

Bô lão đáp:

- Tâu bệ hạ, đây là núi Mộ-dạ, đã sắp đến vùng Nam-giới.

Thấy đã tới lúc cùng đường, vua sực nhớ tới lời dặn của thần Kim Quy, bèn ngửa cổ kêu lên mấy lần:

- Hỡi sứ giả Thanh Giang, mau mau trừ giặc giúp ta!

Bỗng nhiên từ biển cả, thần Kim Quy hiện lên sừng sững khỏi mặt nước, nói to:

- Người ở sau lưng nhà vua chính là giặc đó!

Vua An Dương Vương quay lại nhìn không thấy ai chỉ thấy My Châu, liền hiểu ra nông nỗi. Cơn giận bốc lên dữ dội, vua bèn tuốt kiếm chém chết con gái yêu. Đoạn vua tìm lại thần Kim Quy thì thấy thần đang rẽ nước cho mình đi xuống biển cả.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đến núi Mộ-dạ thì chỉ còn thấy xác My Châu. Vừa thương vợ, vừa hối hận về việc mình làm, Trọng Thủy bèn ôm lấy xác vợ than khóc hồi lâu, rồi cũng nhảy xuống một cái giếng tự tử.

Người ta nói máu My Châu chảy xuống nước, những con trai con hến ăn vào đều hóa thành ngọc. Ai bắt được ngọc ấy đem đến rửa ở giếng Trọng Thủy trầm mình thì sắc ngọc tự nhiên rực lên[1].

1. Theo Vũ Tường Khanh. *Truyện cổ Việt-nam*.

KHẢO DỊ

Về tình tiết Kim Quy giúp vua An Dương Vương trừ yêu quái phá thành, *Lĩnh-nam chích quái* chép như sau:

"Vua ra cửa Đông chờ đợi, chợt thấy một con rùa vàng từ phương Đông lại, nổi lên mặt nước, nói sõi tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang, thông tỏ mọi việc trời đất, âm dương, quỷ thần. Vua mừng rỡ nói: -"Điều đó chính cụ già đã báo cho ta biết trước". Bèn rước vào trong thành ngồi trên điện, hỏi vì sao xây thành không được. Rùa vàng đáp: -"Cái tinh khí ở núi này là con vua đời trước, muốn báo thù cho nước, lại có con gà trống trắng sống ngàn năm, hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất-diệu. Trong núi có ma, đó là hồn người nhạc công triều đại trước chôn ở đấy. Ở bên cạnh có một quán trọ cho khách vãng lai, chủ quán tên là Ngộ Không. Ngộ Không có một người con gái. Lại có một con gà vốn là dư khí của quỷ tinh, phàm có khách qua đường nghỉ đêm ở quán, quỷ tinh biến hóa muôn hình vạn trạng để làm hại. Vì thế người chết rất nhiều. Nay con gà trống trắng lại lấy con gái chủ quán. Nếu giết được con gà trống thì trấn áp được quỷ tinh. Quỷ tinh sẽ tụ âm khí thành yêu, hóa ra chim cú ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn tâu cùng thượng đế xin phá thành. Thần sẽ xin bắn rơi lá thư, nhà vua tức tốc nhặt lấy, thành sẽ xây được".

Rùa vàng bèn bảo vua giả làm kẻ hành nhân nghỉ trọ ở quán, đặt rùa ở phía trên khung cửi. Thấy có khách tới, Ngộ Không bảo: -"Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người. Hôm nay trời chưa tối, xin ngài đi mau, chớ nghỉ lại đây". Vua cười, nói: -"Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì được, ta không sợ". Bèn cứ nghỉ lại. Đến đêm quỷ ở ngoài vào, thét lớn: -"Kẻ nào đây sao chẳng mau mau mở cửa". Rùa vàng thét: -"Cứ đóng cửa thì mày làm gì?". Quỷ bèn biến hóa trăm hình vạn trạng, muôn kế nghìn phương để hòng dọa nạt, sau cùng cũng chẳng dọa nổi vua. Đến lúc gà gáy sáng, quỷ tinh chạy tản, Rùa vàng cùng vua đuổi theo. Tới núi Thất-diệu, quỷ tinh thu hình biến mất. Vua bèn quay về quán. Sáng hôm sau, chủ quán sai người đến định liệm xác khách trọ để chôn. Thấy vua vẫn cười nói hớn hở, họ bèn cùng chạy tới lạy vua mà nói rằng: -"Ngài được thế, tất là thánh nhân. Vậy xin ban thuốc thần để cứu sinh dân". Vua bảo: -"Nhà ngươi giết con gà trắng mà tế thần quỷ tinh sẽ tan hết". Ngộ Không y lời đem gà trắng ra giết, người con gái lập tức quay ra chết. Vua bèn sai đào ở núi Thất-diệu lấy được nhiều nhạc khí cổ và xương cốt. Mới đốt tán thành tro, đem đổ xuống dòng sông. Trời gần tối, vua và rùa vàng

lên đến núi Việt-thường, thấy quỷ tinh đã biến thành chim cú sáu chân, ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn. Rùa vàng liền biến thành một con chuột đen theo sau, cắn vào chân cú, lá thư rơi xuống đất. Vua vội nhặt lấy lá thư đã bị nhấm rách quá nửa. Từ đó quỷ tinh bị diệt. Thành xây nửa tháng thì xong"[1].

Chúng tôi cho rằng đây là một đoạn truyện thần kỳ có thể khá lý thú, nhưng người chép ban đầu có lẽ không nắm được đầy đủ nội dung, bỏ sót một số tình tiết, hoặc giả sửa chữa đôi nét nào đó của truyện, vì vậy, rất tiếc là sự phát triển của câu chuyện có chỗ khó hiểu, không được lô-gích.

Tạm lý giải câu chuyện trên như sau:

Nghe tin thần Kim Quy sẽ đến giúp, từ sáng vua An Dương Vương đã ra cửa Đông đón. Chợt từ biển Đông tiến vào một con rùa vàng. Vào đến nơi, rùa tự xưng: -"Ta là thần Kim Quy, là sứ giả Thanh Giang!". Vua mừng rỡ đón về cung, hỏi: -"Xin cho biết vì sao thành hầu xây lên lại đổ?" Thần đáp: -"Đó là do âm hồn của một hoàng tử cốt báo thù việc nhà vua đã gồm thâu nước của y. Hoàng tử đã nhờ một con yêu tinh là Bạch Hùng Kê sống ngàn năm thành tinh, dùng núi Việt-thường làm sào huyệt. Nó thường hóa thành chim cú sáu chân, miệng ngậm một đạo bùa, đạo bùa này có liên quan đến sinh mệnh của nó. Đạo bùa này mà vào tay ai thì nó sẽ chết ngay . Để giúp hoàng tử, nó bay lên cây chiên đàn cao tận trời gọi hung thần về làm đổ thành. Nó còn hay đi lại núi Thất-diệu. Ở đây có một con quỷ vốn là âm hồn một nhạc công thường biến hóa nhiều cách để hại khách qua lại. Yêu tinh và quỷ đã từng hãm hại rất nhiều người. Gần núi Thất-diệu lại có một cái quán, chủ quán tên là Ngộ Không. Ngộ Không tối tối thường không ở lại quán mà về nhà ở làng. Ngộ Không có một người con gái và một con gà trống trắng. Con gà này chính là một vía của Bạch Hùng Kê. Nó đã lén lút bắt cô gái làm vợ. Nếu giết được nó thì Bạch Hùng Kê sẽ yếu đi. Bấy giờ tôi sẽ tìm cách làm cho Bạch Hùng Kê phải nhả đạo bùa. Nhà vua phải nhanh tay nhặt lấy, phá tan đạo bùa thì nó sẽ chết. Bạch Hùng Kê mà chết thì thành sẽ xây xong".

Nói đoạn, thần Kim Quy khuyên vua cải trang thành một khách bộ hành đến xin trọ ở quán Ngộ Không. Thần cùng đi với vua. Đến nơi thần giấu mình ở phía trên khung cửi. Thấy vua xin trọ, Ngộ Không nói: - "Quán này có quỷ, đêm thường hại người. Bây giờ hãy còn sớm, quý khách nên tìm trọ nơi khác, đừng nghỉ lại đây". Vua cười đáp: - "Sống chết có số. Nếu số ta chưa đến lúc

1. Theo *Linh-nam chích quái.*

chết thì ta sợ gì ma quỷ". Bèn cứ ở lại đóng chặt cửa. Đêm ấy vua nghe tiếng quỷ gọi cửa ầm ầm. Vua vẫn im lặng xem quỷ làm gì. Không vào được, quỷ liền hóa hết phép này đến phép khác, nhưng vì có thần Kim Quy, cuối cùng vẫn không vào được. Cho đến gà gáy, quỷ đành rút lui. Thần Kim Quy cùng vua đuổi theo. Tới núi Thất-diệu chỗ một cái gò, quỷ liền biến mất.

Sau đó vua trở lại quán của Ngộ Không. Sáng ngày ra, Ngộ Không dẫn người nhà đến quán định để chôn xác người khách trọ hôm qua, nhưng y ngạc nhiên thấy vua vẫn còn sống, bèn sụp lạy và nói: - "Ngài hẳn là một vị Thánh. Xin ngài làm ơn ban cho phép thần để cứu sinh dân". Vua bảo: - "Ngươi hãy về giết con gà trắng làm lễ cúng thần, quỷ sẽ hết". Ngộ Không nghe lời, về bắt gà giết. Gà chết, đứa con gái của Ngộ Không cũng chết theo. Vua ra lệnh cho đào ở chỗ gò núi Thất-diệu, tìm được các nhạc khí và xương cốt, bèn cho đốt thành tro đổ xuống sông.

Chập tối hôm ấy, vua cùng thần Kim Quy lên núi Việt-thường. Lúc này yêu tinh đã biến thành chim cú sáu chân đang ngậm đạo bùa bay lên cây chiên đàn. Thần Kim Quy lập tức biến thành một con chuột đen bò ngay lên cây, thoắt chốc đã đuổi kịp cắn vào chân cú đang đậu ở cành. Cú đau quá há miệng đánh rơi đạo bùa xuống đất. Vua đã chờ sẵn, nhặt lấy hủy ngay, yêu tinh liền bị diệt.

Từ đó yêu quái trừ xong, vua xây được thành[1].

Người Bắc-ninh kể mẩu chuyện trên như sau:

Ngày ấy ở làng Nhội xuất hiện một bầy yêu quái, cầm đầu là một con gà trắng hai mỏ (Bạch kê) quấy nhiễu dân lành, làm cho mọi người vô cùng đau khổ. Làng Nhội vì thế trở nên xơ xác, người ta gọi là làng Ma-lôi. Khi vua An Dương Vương xây thành thì yêu quái đêm đến biến thành một bầy lợn dữ dùng nanh dũi đổ thành. Thấy thành xây mãi không xong, các nàng tiên thương hại, một đêm nọ đem quang sọt xuống đắp giúp. Sau khi đào đất chất đầy sọt, các nàng gánh tới định xây thành, nhưng Bạch kê đã giả cất tiếng gáy. Nghe tiếng gà gáy các nàng tưởng là đã đến lúc phải về trời nên đổ vội đất dọc đường để về. Thế là việc giúp không xong. Ngày nay, chỗ các nàng tiên đào đất người ta gọi là Ngã ba Xà, đất đổ thành gò đống, nay là đống Nấm, đống Mẹo, đống Vẹo... và làng có tên là làng Tiên-hội.

1. Phần nào có dựa theo Toan Ánh. *Nếp cũ, hội hè đình đám*, quyển Thượng.

Yêu quái từ đấy đắc chí phá phách mãi không thôi. Vua An Dương Vương lo sợ, bèn lập đàn cầu. Tự nhiên một hôm có một nhà đạo sĩ chống gậy đến gặp vua xin vua cho mình trừ yêu. Vua tiếp đón rất trọng thể. Tay cầm gậy, tay cầm kiếm, đạo sĩ tiến đến sào huyệt yêu quái. Thấy chúng trốn vào gò đất rồi mất hút, đạo sĩ thọc kiếm vào gò, cuối cùng kéo ra cái đầu của Bạch kê, đưa cho vua và bảo: - "Thế là trừ xong. Bệ hạ cứ bêu cái đầu này lên, yêu quái sợ sẽ tránh xa". Vua lưu luyến hỏi: - "Xin cho biết người từ đâu đến, nay về đâu?". Chỉ tay lên núi Thất-diệu, đạo sĩ nói: - "Ta tu luyện trên núi kia, cảm lòng thành của vua, đến giúp trừ yêu quái để xây cho xong thành. Nay mọi việc đã xong, ta trở về". Nói rồi đạo sĩ về núi sau khi tặng vua cây gậy hình lông chim và nói: - "Đó là lông chim thần của thầy ta cho, nó có phép chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan, chỉ ngàn ngàn cháy". Khi vua An Dương Vương xây xong thành, liền lên núi lập đền thờ, phong là Trấn thiên Huyền Võ Thiên Chân[1].

Trung-quốc có truyện *Rùa giúp Trương Nghi xây thành*:

Tần Huệ Vương muốn đánh xứ Thục mà không biết đường, bèn làm năm con trâu đá, lấy vàng giắt ở đuôi, phao tin là trâu đá ỉa ra vàng. Vua Thục nghe tin, lòng tham nổi lên, sai trai tráng tìm cách đem năm con trâu đá ấy về. Do đó, họ san núi lấp khe làm thành lối đi. Vua Tần sai Trương Nghi và Tư Mã Thác cứ theo con đường sẵn ấy, kéo quân vào đánh nước Thục. Vì thế con đường ấy có tên là đường Thạch-ngưu (trâu đá).

Sau khi diệt được nước Thục, Trương Nghi cho xây ở đây một cái thành, nhưng thành hồ xây lên lại đổ. Sau đó từ chân hồ bỗng xuất hiện một con rùa lớn ra đi quanh quẩn. Trương Nghi bèn cho người noi theo dấu chân của rùa mà xây thành. Nhờ vậy mà thành xây xong. Vì thế thành có tên là Quy thành (thành rùa)[2].

Sự tích thần Bạch mã đại vương thờ ở phường Hà-khẩu, Thăng-long, cũng có mô-típ tương tự. Khi nhà Lý xây dựng lại thành Đại-la của Cao Biền, đắp mãi không xong. Bỗng một hôm có một con ngựa trắng từ trong đền xuất hiện rồi chạy theo hướng của nó một vòng, dấu chân in sâu xuống đất, cuối cùng lại chạy vào đền, biến mất. Quan quân theo dấu đắp mà thành công[3].

1. Theo *Vùng ven sông Nhị*, tập I, Nhà xuất bản Hà-nội, 1979.
2. Theo *Thủy kinh chú*.
3. Theo *Bạch Mã đại vương thượng thừa tự kinh lục bảo tập*. Truyện trên có lẽ cũng bắt nguồn từ một câu chuyện của Trung-quốc tương tự, nói về việc xây một phần của Vạn-lý trường thành.

Về chỗ lấy vuốt (hoặc móng) rùa làm lẫy nỏ và sự phản bội đất nước của My Châu, sách *Việt kiệu thư* chép như sau:

Xưa, vùng các động người Man ở nước Nam-việt thời nhà Tần nổi tiếng có sức mạnh. Về phép dùng nỏ thì họ rất giỏi: mỗi một phát tên bằng đồng của họ bắn ra xuyên qua hơn 10 người. Vua Nam-việt là Triệu Đà sợ. Hồi ấy vua Man có người con gái tên là Lan Châu xinh đẹp, lại giỏi nghề làm nỏ. Triệu Đà bèn kết hiếu với vua Man, cho con trai mình sang làm rể, lấy Lan Châu làm vợ. Sau ba năm làm rể, người con Triệu Đà học được phép làm nỏ. Lúc trở về, Triệu Đà bèn cử binh đánh bắt được vua Man.

Một truyện khác của Việt-nam tình tiết cũng y hệt như truyện *My Châu – Trọng Thủy*, nhưng ở đây nhân vật lại là Cảo nương và Nhã lang:

Triệu Quang Phục ở trong đầm lầy cầm cự nhiều năm với tướng nhà Lương. Trước tình thế khó khăn; Triệu bày đàn đốt hương cầu đảo. Bấy giờ có tiên Chủ Đồng Tử cưỡi rồng đi qua, tiên bèn nhổ một cái móng rồng trao cho, bảo gắn lên trên mũ đâu mâu. Nhờ vậy trận nào Triệu cũng thắng lợi. Sau khi đuổi được quân Lương về Bắc, Triệu làm vua ở thành Long-biên. Bấy giờ có Lý Phật Tử nối nghiệp nhà Lý, đem quân năm lần đánh nhau với quân Triệu. Biết Triệu có phép lạ, không thể thắng được, Lý bèn giảng hòa, hai bên chia địa giới ở bãi Quân-thần. Lý lại cho con trai là Nhã lang lấy con gái Triệu là Cảo nương. Trong thời kỳ ở rể, Nhã lang bảo vợ: -"Cha nàng có thuật gì đánh lui được quân cha ta?" Cảo nương cả tin, cũng như My Châu, bèn lấy trộm mũ đâu mâu có móng rồng cho chồng xem. Nhã lang bèn trộm móng rồng, rồi cũng xin phép trở về thăm bố mẹ. Được móng rồng, Lý Phật Tử đem quân đánh úp Triệu, Triệu thua, đưa con gái đi trốn và cùng nhảy xuống biển chết[1].

Thần thoại Hy-lạp (Grèce) có câu chuyện tương tự với các truyện trên:

Ni-xốt vua nước Mê-ga-rơ chống nhau với Mi-nốt vua xứ Cờ-rét. Con gái Ni-xốt là Xy-la lại là người yêu của Mi-nốt. Nhân lúc bố mình ngủ say, nàng bèn nhổ sợi tóc đặc biệt của bố (sợi tóc này màu đỏ mang sinh mệnh của Ni-xốt cũng như của cả nước Mê-ga-rơ). Nhưng Mi-nốt lại không nhận lễ vật (sợi tóc) của Xy-la mà đốc quân vây thành. Chiếm được thành, Mi-nốt ném Xy-la xuống biển. Thất vọng, nàng bơi theo tàu của cha bấy giờ đang trên đường đi trốn. Về sau, nàng hóa thành con cò, còn Ni-xốt hóa thành quạ biển. Quạ biển thường đuổi theo cò, mổ vào đầu cò để trị tội phản bội.

1. Theo *Đông thanh tạp chí* (1932).

Pro-di-luýt-xki (Przyluski) trong *Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần trong các truyền thuyết ở Đông Á* có ý xếp khá nhiều truyện cổ ở phương Đông, trong đó có truyện hoàng hậu vua của nước Phù-nam là một con rắn (nơ-gi) lấy Kôn-đi-ni-a, một người khách lạ được thần cho một cây cung kỳ diệu, nhờ đó chiếm được tình yêu của hoàng hậu và trở thành vua nước Phù-nam, coi như là một dị bản của truyện *My Châu-Trọng Thủy*[1].

Về mô-típ dùng quan hệ hôn nhân để ăn cắp lẫy nỏ, người Thái còn có truyền thuyết: *Lạng Chượng đánh Mường Muổi.*

Lạng Chượng mấy lần cho quân đánh chiếm Mường Muổi, nhưng đều bị Ăm Poi, tù trưởng người Xá đánh bại. Bèn xin làm rể kẻ địch, lấy con gái Ăm Poi là Pha Nhắng. Và trong bữa tiệc cưới, Lạng Chượng nói với bố vợ: -"Nay hai bên hòa hiếu rồi, việc gì phải cầm giáo mác cung nỏ nữa cho nó kém vui. Xin đặt cả lên giá". Rồi y cho quân mình thực hành trước. Bên Ăm Poi cả tin làm theo. Không ngờ giá ấy có dây dòng lên xà nhà. Thình lình giữa bữa tiệc, giá được kéo lên cao. Bị tước mất vũ khí, Ăm Poi liền bị bắt sống và sau đó bị giết[2]. Xem thêm ở **Khảo dị** truyện số **62**, tập **II** *Hai ông tướng* Đá *Rãi.*

1. *Nghiên cứu châu Á,* EFEO, t.II (1925).
2. Theo Cầm Trọng, Cầm Quynh: *Quắm tố mướn.*

175. CÔ GÁI CON THẦN NƯỚC MÊ CHÀNG ĐÁNH CÁ

Ngày xưa, có một chàng đánh cá trẻ tuổi có giọng hát trong trẻo du dương. Nhà chàng vốn nghèo, tài sản chỉ có một con thuyền nhỏ và một túp lều dựng ở ven sông. Ngày ngày chàng chống thuyền ra giữa sông cùng với cha buông câu thả lưới làm kế sinh nhai. Trong khi làm việc, chàng thường cất cao giọng hát. Tiếng hát ấy vọng khắp xa gần làm cho mọi người ưa thích. Tiếng hát ấy còn làm cho một nàng công chúa thủy phủ say mê. Hàng ngày nàng vẫn đội lốt cá quanh quẩn bên thuyền để được nghe tiếng hát của chàng trai người trần.

Một hôm, giữa khi đang mê mải nghe hát bên cạnh thuyền, nàng công chúa thủy phủ không may sa vào lưới. Khi gỡ cá dính lưới, người bố chàng trẻ tuổi thấy có con cá lạ có vảy đỏ lóng lánh đẹp mắt thì ném vào lòng thuyền định để cho con nuôi chơi. Nhưng rồi ông già lại quên đi không cho con biết. Cho nên, mấy ngày đầu sống dưới gầm thuyền chẳng có gì ăn, nàng công chúa thủy phủ sắp lả ra vì đói. Nhưng may sao, buổi sáng hôm sau, chàng trẻ tuổi đang ăn bỗng đánh đổ cơm lọt xuống gầm thuyền, nhờ vậy cá ta mới được một bữa no nê. Thấy cá lội tới đớp những hạt cơm rơi, chàng trẻ tuổi vội bắt lấy, ngắm nghía mãi không chán. Từ đó chàng bỏ cá vào chậu hết sức chăm chút cá không khác gì bạn thân.

Một hôm, chàng trai bắt cá lên ngắm nghía, chẳng may buột tay đánh rơi cá xuống sông. Vắng nhà lâu ngày mới được thả ra, nàng công chúa đội lốt cá lập tức quay trở về thủy phủ.

Cuộc chia ly gây nên niềm thương nỗi nhớ giữa hai bên. Chàng trẻ tuổi rất ân hận là đã đánh rơi cá đẹp xuống sông. Chàng rất nhớ cá, hàng ngày chàng cứ nhìn xuống mặt nước hy vọng tìm lại con cá quen

thuộc. Về phần cá thì không quên được sự ân cần chăm sóc của chàng trẻ tuổi cũng như giọng hát mê ly của chàng. Nhưng từ ngày bị sa lưới trở về, nàng công chúa bị bố mẹ canh giữ ráo riết. Không được nghe tiếng hát quen thuộc, dần dần nàng nhuốm bệnh. Thấy bệnh con ngày một nặng, bố mẹ nàng tra hỏi. Nàng đành thú thật: không những mê tiếng hát của chàng trai trẻ trên trần mà còn ao ước được kết duyên với chàng. Nghe nói thế, vua Thủy đùng đùng nổi giận. Vua hạ lệnh phải canh giữ con gái mình nghiêm ngặt hơn nữa. Nhưng sau đó, nhờ hoàng hậu thương con ôn tồn khuyên can nên cơn giận của vua cũng dần dần nguôi. Khi thấy công chúa ngày một héo hon, cuối cùng vua cũng đành để cho nàng toại nguyện.

*

* *

Ba năm trôi qua...

Lúc này chàng đánh cá trẻ tuổi vẫn làm nghề cũ, giọng hát của chàng văng vẳng trên sông vẫn trong trẻo du dương. Nhưng người bố của chàng thì đã vắng bóng. Bây giờ chàng dựng một túp lều bên cạnh hòn Non-nước nổi lên giữa dòng sông mênh mông như một hòn đảo.

Một hôm ngồi trên thuyền câu, chàng đang cất cao giọng hát, thì bỗng một con cá vảy đỏ lóng lánh nhảy lên mạn thuyền. Bắt cá lên tay, chàng thấy cá nhìn mình đầy trìu mến. Bỗng chốc cá biến thành một cô gái xinh đẹp làm cho chàng kinh ngạc.

- Nàng là ai? Chàng đánh cá hỏi.

- Thiếp là con cá nhỏ năm xưa từng được chàng ân cần chăm sóc.

Nói rồi cô gái kể lại cho chàng trai biết mọi việc xảy ra sau khi trở về thủy phủ.

Đoạn nói tiếp:

- Bây giờ hãy làm ơn cho thiếp sống bên chàng để được ngày ngày nghe chàng hát.

Chàng đánh cá từ đấy có vợ. Chàng hát nhiều hơn trước. Hai vợ chồng sống với nhau êm đềm sung sướng.

Câu hát trong dân gian:

Xung quanh những chị em người,
Giữa hòn Non-nước mình tôi với chàng.

là nói lên cuộc tình duyên êm đẹp đó[1].

KHẢO DỊ

Một truyện *Duyên tiên* kể có hơi khác, như sau:

Có hai cha con một người dân chài ở hòn Non-nước. Con là Lý Lâm một hôm tát thuyền nhặt được một con cá nhỏ sót lại, có vảy đỏ óng ánh đẹp mắt, bèn thả vào chậu nước, đặc biệt săn sóc. Cá lớn lên trông thấy và dưới dạng một cô gái đẹp thường trò chuyện với Lý Lâm trong giấc mộng. Một hôm có tên hào cường thấy cá đẹp toan bắt, nhưng Lý Lâm cố giữ, hai bên giằng nhau. Chậu vỡ, cá tuột xuống nước đi mất. Đó là con gái vua Thủy bị sa vào lưới nay mới trở về. Nhưng những ngày ở cõi trần được thấy Lý Lâm, nàng đâm ra tương tư. Lâu dần sinh bệnh, nhưng nàng không dám nói thật với bố. Khi vua Thủy biết sự thật, ông ra lệnh cho các tướng canh giữ nghiêm ngặt. Nhờ có người nữ tỳ dùng kế phục rượu cho các tướng say mềm, cô gái vua Thủy lại tìm đường đến hòn Non-nước hóa thành người, gặp lại Lý Lâm. Hai người trở thành vợ chồng rất tương đắc.

Truyện còn thêm một đoạn kết có chất khôi hài là: một hôm nữ tỳ lên báo cho vợ Lý Lâm biết vua cha gọi nàng về gấp, có các tướng sắp tới bắt. Mưu kế cũ lại bày ra. Vợ Lý Lâm dọn tiệc cho thuồng luồng, ba ba làm cho hai tướng mềm môi, nhưng trong rượu có thuốc độc nên cả hai đều chết cả. Sau đó mưa to gió lớn nổi lên, các tướng khác của vua Thủy kéo tới định bắt cô gái bướng bỉnh, nhưng họ lại bị dân làng hết sức che chở chống cự, nên không làm gì được. Từ đấy hai vợ chồng sống yên ổn[2].

Dân tộc Cor có truyện *Nàng tiên cá* cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một anh chàng đánh cá có một túp lều bên bờ hồ. Hàng ngày quăng lưới, anh hát giọng hát du dương, có lúc lại đánh nhạc chiêng. Một hôm kéo lưới thấy nặng tay, bỗng có một bàn tay người giơ lên vẫy vẫy, và có tiếng nói:

---

1. Theo Đinh Gia Thuyết. *Non nước Ninh-bình*, trong *Thực nghiệp dân báo* và theo lời kể của người Ninh-bình.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.

-"Xin chàng thả em ra!" Kéo lên thì là một cô gái đẹp da trắng, tóc đen nằm gọn trong lưới. Chàng đánh cá ngắm không chán mắt, đoạn buông thả. Về đến thủy cung, cô gái thầm cảm ơn chàng trai. Về phía chàng trai cũng đâm ra nhớ cô gái, lại ra chỗ cũ kéo lưới. Cô gái cũng tìm đến chỗ cũ để được nhìn mặt và nghe giọng hát của anh chàng người trần. Một hôm, nàng bỏ thủy cung lên bờ, hai người đẹp duyên. Nàng tiên cá sau đó đẻ được hai người con trai đều giống bố. Lớn lên chúng lấy vợ người làng, cũng sinh con. Một hôm, có một trận bão dữ dội thổi nàng tiên cá ra hồ, rồi biến mất. Không thấy vợ trở về, chồng khóc thương vô hạn. Hàng ngày, chàng thường ra chỗ gặp gỡ cũ ca hát, nhưng giọng không còn trong trẻo nữa. Đau buồn, thất vọng, chàng chết; người ta chôn bên cạnh lều. Thế rồi một hôm nàng tiên cá lại xuất hiện, đến lều tìm chồng. Đêm nào nàng cũng ngồi cạnh mộ khóc than, nhưng không thể làm cho chồng sống lại được nữa[1].

Truyện *Chàng Ta Luông* của người Dao có đoạn đầu cũng cùng một mô-típ với hai truyện trên, duy đoạn sau thì gắn với hình ảnh một số truyện như: *Nàng tiên trong vỏ ốc* (**Khảo dị** truyện số **118**) và *Ai mua hành tôi?* (số **135**), đều ở tập **III**, như sau:

Ta Luông khỏe mạnh, đẹp trai, nhưng mồ côi, nhà nghèo, sống bằng nghề đốn củi và câu cá, có giọng hát rất hay làm cho các cô gái trong vùng mê như điếu đổ, nhưng anh chưa để ý một ai. Gần vùng có một vực sâu ăn thông với các sông hồ gọi là Vũng-sâu. Ta Luông ngày ngày câu ở đây. Tiếng hát của anh vang đến tận thủy phủ làm cho vua ở đây là Long vương nghe mê mẩn, ngày nào cũng biến thành một con cá nhỏ đến nghe. Không ngờ một hôm có một ông lão kéo vó gần đó cất được "cá nhỏ". Thấy cá đẹp, Ta Luông xin về chơi nhưng không biết bỏ vào đâu, cuối cùng lại thả xuống vũng. Được giải phóng, Long vương cảm ơn anh bằng cách cho người lên mời ân nhân xuống chơi thủy phủ, đãi anh rất hậu, và khi anh về tặng anh một bình nước thần có thể làm mưa lụt. Như các truyện trên, công chúa con gái Long vương sau khi gặp Ta Luông mê anh đến tương tư thành bệnh. Long vương can không được, cuối cùng cho lên trần lấy Ta Luông nhưng bắt thu hết phép mầu. Công chúa hóa thành con cá vàng theo trận mưa rơi xuống ở nhà Ta Luông, được anh nuôi trong một vại nước. Từ đấy nhà Ta Luông ngày ngày có cơm canh dọn khi anh vắng mặt. Anh để tâm rình, và cuối cùng biết cá vàng chính là nàng công chúa mà anh gặp ở thủy cung và anh cũng thầm yêu trộm nhớ từ ngày ở thủy phủ về. Từ đấy họ thành vợ chồng.

1. Theo Đỗ Thiện, Ngọc Anh, Đinh Văn Thành. *Truyện cổ Tây-nguyên*, đã dẫn.

Nhưng công chúa rất đẹp khiến Ta Luông không muốn xa vợ giây phút nào. Vợ bèn tự vẽ chân dung của mình cho anh ngắm nghía trong lúc đi làm. Bức tranh ấy một hôm không phải bị quạ tha mà bị một cô láng giềng của Ta Luông vì ghen yêu nên trộm lấy đem dâng một tên vua hiếu sắc. Thế là trong khi Ta Luông vắng nhà, vua cho lính bắt vợ chàng về kinh. Nhận ra dấu hạt cải do vợ rắc, Ta Luông tìm đến kinh đô. Trong khi đó thì tên vua vẫn chưa chinh phục được cô gái thủy phủ, vì từ lúc vào cung nàng vẫn không chịu nói cười. Và nàng chỉ cười khi nghe tiếng hát của chồng từ ngoài cổng thành. Thấy vậy, vua sai đưa Ta Luông vào. Cũng như truyện *Ai mua hành tôi*, nhưng ở đây không có gánh hành, vua buộc chàng đổi áo quần hy vọng có giọng hát hay như anh ta. Vừa đổi xong thì Ta Luông đã hô lính chém chết vua và khi bọn lính nhận ra Ta Luông không phải là vua thì chàng đã giội bình nước thần, thành một trận lụt, nhận chìm hết chúng. Ta Luông từ đó lên ngôi vua[1].

Loại truyện cùng một sơ đồ như các truyện trên có khá nhiều ở các dân tộc anh em cũng như ở Đông nam Á, nhưng mỗi truyện có ít nhiều tiến triển và sắc thái khác nhau. Ví dụ truyện *Nàng Long Nữ và chàng Tam Lan* của Trung-quốc cũng nói đến một chàng trẻ tuổi có tiếng đàn (hay sáo) tuyệt vời làm cho con gái Long vương nghe mà mê mệt và thầm yêu trộm nhớ, nhưng cũng bị bố giam giữ không cho liên lạc với người yêu như truyện của ta. Cuối cùng được một nhân vật khác giúp, chàng trẻ tuổi dọa đun sôi nước biển khiến cho Long vương hoảng sợ, buộc phải để cho đôi bên lấy nhau, v.v... Xem thêm các truyện *Chàng thổi khèn* (**Khảo dị** số **135**, tập **III**), *Tiếng khèn Tồng Páo* (**Khảo dị** số **149**) của người Mèo, *Anh Ba và quan thổ ty* (**Khảo dị** số **148**) của người Choang (Trung-quốc), đều ở tập **IV**, v.v...

Người Nùng có truyện *Tài Xì Phoòng*[2] gần như là một với truyện *Người con gái cá* của người Xạ Phang (xem **Khảo dị** truyện *Của Thiên trả Địa*, số **42**, tập **II**) đều có một số hình ảnh có phần tương tự với các truyện trên.

(HẾT TẬP IV)

1. Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn,... sách đã dẫn.
2. Xem Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày Nùng*.

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ

Tính từ ngày tập I của bộ sách được xuất bản (1957), cho đến khi tập V ra đời (1982), tới nay (1993), đã gần bốn chục năm qua, giá trị của bộ sách và công lao của soạn giả đã hoàn toàn được khẳng định. Sách được tái bản nhiều lần, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc, tôi muốn nói đến các thế hệ bạn đọc. Lớp này nối tiếp lớp khác, cả người nghiên cứu và độc giả bình thường, đều thấy cần có sách, mà là có cả bộ, chứ không phải từng quyển riêng lẻ. Có cả bộ trọn vẹn - cả phần **Nghiên cứu** *và phần* **Khảo dị** *- chứ không phải chỉ có riêng phần* **Truyện** *để đọc cho vui. Không đợi đến các nhà chuyên môn phân tích đánh giá, khuynh hướng bạn đọc như vậy chứng minh một sự thực cần được nhắc lại: đây là một công trình khoa học, chứ không phải chỉ là một sách sưu tầm bình thường. Tôi muốn nhấn mạnh điều này, để lưu ý những bạn yêu thích truyện cổ và đã thích thú sưu tầm, nên rút kinh nghiệm của người đi trước nhằm nâng cao thêm chất lượng các loại sách tương tự sẽ ra đời. Vì phải nói thực rằng, từ sau 1982, không hiếm gì những bộ sưu tầm cổ tích mới, song chưa có bộ nào đuổi kịp bộ* **Kho tàng.** *Đó là chưa nói đến không ít những chuyện vay mượn* **Kho tàng,** *vay nhiều khi vụng, mà mượn nhiều khi sót* [1].

1. Có thể xem lại một số sách của một số Nhà xuất bản ở miền Bắc mươi năm lại đây để thấy sự vay mượn này. Thậm chí có người còn mượn cả tên sách *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* và cách phân chia 5 tập để in những bộ sách giả mạo nhằm đánh lừa độc giả như sách của Nguyễn Cừ, Nhà xuất bản Văn học in những năm 1996-1997. Còn ở miền Nam trước 1975 thì đã xảy ra một vụ án văn chương mà lý do là lấy gần như nguyên xi tài liệu trong sách của Nguyễn Đổng Chi. Xem *Văn hoá Á châu*, 1959, và *Bách khoa*, 1972. Những người "vay mượn" Nguyễn Đổng Chi trong *Lược khảo thần thoại, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* và cả *Sơ thảo lịch sử văn học* đều đã phải ra tòa.

Sự công nhận giá trị bộ sách đã là nhất trí. Điều hầu như ai cũng thấy rõ là một công phu tích lũy lâu dài, đặc biệt là trình độ uyên bác của người soạn. Không thiết tha với kho tàng cổ tích, không theo dõi và thu thập tài liệu một cách cần mẫn, bao quát, rộng rãi thì không thể tiến hành việc khảo dị một cách khá đầy đủ ở sau mỗi câu chuyện chính văn như vậy được. Người đọc cảm thấy như thế, và các bài phê bình cũng xác nhận như thế. Song nếu chỉ dừng lại với nhận xét ấy thì quả là chưa thỏa đáng đối với những đóng góp của soạn giả. Tôi rất hy vọng, nhất là trong giới nghiên cứu phôn-clo (folklore) Việt-nam, nhất là các nhà khoa học chuyên sâu về loại hình tự sự dân gian, sẽ có dịp bàn sâu về bộ sách này. Bộ sách đã đặt ra những vấn đề, về mặt lịch sử là hoàn toàn mới với phương pháp tiếp cận, về mặt chuyên môn thì có nhiều gợi ý cho việc đi vào các nhận định khoa học. Nhà học giả tuy đã khuất, nhưng chắc cũng như các bạn đồng nghiệp vẫn chờ đợi tri âm. Bao giờ thì có?

Xin thú thực rằng, tuy cũng say mê nghiên cứu phôn-clo, và cũng đã có dịp được cái duyên là bạn vong niên của tác giả mà tôi luôn luôn xem là người Anh, người Thầy, nhưng lại không chọn địa bàn cổ tích làm miếng đất chuyên sâu, nên ở giác độ này, tôi chỉ có thể góp thêm một vài cảm tưởng. Tôi nghĩ đến phương pháp tiếp cận của Nguyễn Đổng Chi trong bối cảnh chung về việc sưu tầm cổ tích. Không nói đến những **Việt điện u linh, Lĩnh-nam chích quái, Thính văn dị lục** *hay* **Kiến văn lục** *(và nhiều bộ sách khác nữa) là những tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh xã hội trước, những cuốn sưu tầm cổ tích (hay truyện cổ) từ khi chúng ta tiếp xúc với văn hóa phương Tây, kể cả một số nhà trí thức nước ngoài có sống ở Việt-nam nữa, rõ ràng chỉ thiên về tạp trở (miscellanées) hoặc về hợp tuyển (chrestomathie). Việc sưu tầm của họ chứng minh được nhiệt tình, hoặc sự quan tâm, nhiều hơn là ở ý đồ nghiên cứu. Tôi nói về mặt lịch sử, Nguyễn Đổng Chi có cái mới là ở đó (rất tiếc là ở nhiều cuốn sưu tầm cổ tích gần đây nhất, vẫn chưa thể hiện được cái mới này). Tôi nhớ lại, ngày đầu tiên, được Anh tặng tập I bộ* **Kho tàng,** *tôi hỏi anh có phải anh có ý đồ làm một bộ sách như của anh em Grim (Grimm) hay không. Anh đã cười không nói. Anh không nói, nhưng ý đồ khoa học thì rất rõ ràng.*

Tất nhiên cũng phải thừa nhận một thực tế là, trong thời gian khá lâu, trước và sau 1945, có lẽ ở nước ta chưa mấy ai nghĩ rằng nghiên cứu cổ tích là một đề tài khoa học.

Một số người được học tại các trường đại học Pháp (ở Paris chứ không phải ở Hà-nội) chọn đề tài khác, chỉ có Nguyễn Văn Huyên mới đi vào ca dao. Cho nên vấn đề khoa học như việc nghiên cứu so sánh cổ tích là điều ta chưa quen lắm. Cuốn **Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám** *của Đinh Gia Khánh mãi đến 1968 mới ra đời. Trước đó, năm 1963, khi soạn cuốn* **Truyện Từ Thức,** *tôi đã nêu những ý kiến khác biệt giữa hai quan niệm của Cô-xcanh (E. Cosquin) học giả Pháp và Lăng (Andrew Lang) học giả Anh, nhưng khi sách được phê bình, không ai hưởng ứng điều này. Những tập đầu của bộ* **Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam** *của Nguyễn Đổng Chi (từ 1957) tuy không dấy lên cuộc trao đổi gì, nhưng thực sự đã có tác dụng gợi ý cho một cách nhìn cổ tích Việt-nam bớt phần phiến diện, dân tộc hẹp hòi. Gần đây nhất, chúng ta mới làm quen được với các nhà nghiên cứu nước ngoài, đặc biệt là với lý thuyết về "típ" và "mô-típ" của học giả Liên-xô cũ Prốp (Ia Propp) mở ra một hướng tìm tòi xuất sắc. Ở phần* Khảo dị *trong bộ* **Kho tàng** *của Nguyễn Đổng Chi, tuy nhà học giả chúng ta không trực tiếp bàn đến vấn đề (bộ sách của Anh có mục đích và có chủ đề khác), nhưng rõ ràng ta có thể khẳng định sự hơn hẳn của bộ sách so với đương thời (trong nước ta và cả nhiều người nước ngoài sưu tập cổ tích Việt-nam). Các truyện cổ tích Việt-nam đều có thể đem ra so sánh sự tương đồng hoặc khác biệt giữa các típ hoặc mô-típ. Xét địa danh xuất xứ của các truyện ấy (dân tộc hay quốc gia), có thể tiến đến vẽ con đường đi của các truyện để thấy rõ mối giao lưu văn hóa cổ kim, Đông Tây. Đó là cách tiếp cận khoa học mà ở ta, trước Nguyễn Đổng Chi (cả không ít người sau Anh nữa) chưa mấy ai nghĩ đến. Thêm một ý nhỏ trong việc lần theo sợi dây tương đồng này, tôi còn cảm thấy có một sự lướt qua ở nhiều người đọc. Khi làm* Khảo dị, *Nguyễn Đổng Chi thường chú ý tìm những dị bản trong các tộc người Việt-nam và ở Châu Á, nhất là Đông-nam Á. Một thí dụ:* Truyện Thạch Sanh *(tập II) có 10 dị bản, thì 2 ở Việt-nam, 1 ở Pháp, còn nữa là ở Ấn-độ và Trung Á. Tôi không tin rằng cách khảo dị như thế lại không ẩn một khuynh hướng gì.*

Vấn đề phân loại cổ tích Việt-nam cũng là vấn đề khoa học có thể nghĩ đến khi đọc sách của Nguyễn Đổng Chi. Mặc dầu tác giả đã tự khiêm tốn nói rằng chưa làm việc này, chỉ mới gộp lại thành từng mục (grouper) chứ không phải là chia loại (classifier). Tôi đồng ý như vậy, nhưng vẫn nghĩ đến tình hình chung của việc nghiên cứu truyện cổ. Vào những năm 30, 40 của thế kỷ này, có nhiều người đã nghĩ đến việc phân loại. Chia loại lớn thì có những cổ tích thần kỳ, cổ tích thế sự. Chia loại nhỏ thì phân ra cổ tích diễm tình, cổ tích lịch sử, v.v... (còn nhiều nữa). Đã có những ý kiến phê bình tính cách hình thức, hoặc sự ngộ nhận, sự xô bồ trong việc phân loại này. Bộ **Kho tàng** *của Nguyễn Đổng Chi đã không rơi vào sự lúng túng đó trong khi xếp thành các mục. Mười mục trong bộ sách này được trình bày theo các thứ tự:*

1. *Nguồn gốc sự vật*
2. *Sự tích đất nước Việt*
3. *Sự tích các câu ví*
4. *Thông minh, tài trí, sức khỏe*
5. *Sự tích anh hùng nông dân*
6. *Truyện phân xử*
7. *Truyện thần tiên, ma quỷ, phù phép*
8. *Đền ơn trả oán*
9. *Tình bạn, tình yêu, nghĩa vụ*
10. *Truyện vui tươi dí dỏm*

Tôi nghĩ rằng, có hai điểm đáng được lưu ý trong cách xếp mục (chưa nói phân loại) này. Những cốt truyện được gộp vào một mục, đối chiếu với những mục khác, như có ý đồ lần theo hướng đi của cổ tích trong tiến trình chuyển đổi hình thái dần dà của xã hội Việt-nam. Chặng đường phát triển của loại hình tự sự dân gian chưa ai phác ra, nhưng có lẽ sau thần thoại, sử thi (Nguyễn Đổng Chi đã có riêng một cuốn **Lược khảo về thần thoại Việt-nam**), *thì các truyện khác phải ra đời ở từng chặng thời gian nào đó. Lần theo mười mục của Nguyễn Đổng Chi có thể cảm nhận dấu vết thời đại (cố nhiên không thể rành mạch như việc phân kỳ lịch sử) cho việc xuất hiện các cốt truyện tương ứng. Đây chính là sự trình*

bày trong thực tiễn những kiến giải tổng quát ở phần nghiên cứu (Phần I, chương III: **Truyện cổ Việt-nam qua các thời đại***) mà M. Duy-răng (M. Durand) và Lê Văn Hảo đều đã thừa nhận*[1]. *Một vài nhà nghiên cứu có cách định vị cho trường hợp truyện này hay truyện khác, nhưng hình như đã không quan tâm đến tổng thể cũng như đến lịch trình. Tôi vẫn nghĩ rằng cách nhìn của Nguyễn Đổng Chi, đến nay là thỏa đáng và đi trước nhiều người.*

Còn một điều nữa. Phải chăng cách gộp những câu chuyện theo những mục trên đây - lấy ngay vấn đề xã hội làm hệ quy chiếu, chứ không theo kiểu căn cứ vào tính chất của câu chuyện thường được nhận định khác nhau - có phần hợp với cách hiểu của người Việt-nam, có thể gây cảm tưởng về một "phôn-clo Việt-nam như tự nó" hơn. Tôi đã nói điều này với Anh. Anh không trả lời về sự đồng tình của tôi, mà chỉ tán thành ở một khía cạnh nhận thức. Sự tán thành của anh đã động viên tôi về luận điểm: "folklore Việt-nam như đã ra đời". Tôi đã trân trọng ghi lòng biết ơn anh về điểm đó [2].

*

* *

Còn một vấn đề nữa cũng nên nghĩ đến khi miệt mài nghe Nguyễn Đổng Chi kể chuyện trong tập **Kho tàng.** *Tôi không rõ trong sự say mê của người đọc bộ sách này có bao nhiêu phần vì nội dung của truyện và bao nhiêu phần vì cách kể của soạn giả. Bởi vì, quả thực, cho đến hôm nay, tìm được một tác gia xuất sắc kể truyện cổ tích ở Việt-nam, cũng còn phải đắn đo suy nghĩ. Và ngay yêu cầu khoa học, yêu cầu thẩm mỹ của phương pháp kể cũng có ý kiến khác nhau. Có người bảo phải kể cho đúng phong cách dân gian. Có người còn nghĩ rằng phải biết đối tượng người nghe là người thời nay, thì cách kể cũng phải cho hợp thời một chút. Viết cổ tích là làm một công trình nghệ thuật, chứ không đơn giản là một việc sưu tầm như đi ghi âm lời của các ông già bà cả. Rất mong ta sẽ có dịp nhất trí về vấn đề này. Song tôi vẫn cứ băn khoăn khi*

1. Xem: *BEFEO,* số 1-1964.
2. Xem : *Dẫn luận nghiên cứu folklore Việt Nam,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991; tr.27.

đọc nhiều soạn giả. Rất nhiều người muốn nhân việc kể chuyện để làm văn, cứ như họ viết truyện ngắn. Nhiều người khác, nhất là các nhà văn, còn đảo lộn, thêm thắt chi tiết, miêu tả phong cảnh, phân tích tâm lý hoặc hiện đại hóa câu chuyện (đáng buồn là người ta lại cho như vậy mới hợp với "tư duy hiện đại"). Các cụ ngày xưa thường viết gọn hơn, nhưng lại hay khuôn theo đạo đức, lễ giáo phong kiến, làm mất đi khá nhiều bản sắc dân gian. Những tác giả cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, với văn quốc ngữ buổi đầu, giữ được ít nhiều phần chân chất, song thường là kể chuyện không trôi chảy. Các học giả tân học có vốn kiến thức Nho học buổi giao thời (nhất là ở miền Bắc) giữ được phong cách cổ kính hơn cả, lại thường thu gọn lại như lối biên soạn những mẩu "cổ học tinh hoa". Các nhà tân học kể chuyện bằng tiếng Pháp, dẫu có được lối diễn đạt sáng sủa của Pháp văn (không nhiều người lắm), nhưng nhiều lúc cái hồn Việt văn lại giảm bớt. Tôi thấy Nguyễn Đổng Chi - dù chưa toàn bích - đã cố gắng để tránh được những hạn chế của người đi trước, kể cả những người đồng thời với anh. Cách kể của anh hồn nhiên, có ít nhiều vẻ dân dã và phong cách cổ. Ở những trang mở đầu và kết luận bộ **Kho tàng,** *anh đã lưu ý đến những đặc trưng của cổ tích: Tính chất cổ của sự việc, của hình tượng, bản sắc dân tộc của câu chuyện kể, và trình độ tư tưởng và nghệ thuật cao trong loại hình tự sự dân gian. Khi kể chuyện, anh đã tỏ ra tôn trọng những đặc điểm mà anh đã nêu ra. Đồng thời, anh vẫn có tư cách của một nhà văn. Cách kể của anh mộc mạc, có vẻ biến hóa, và điều đáng quý hơn cả: rất đáng tin. Nói một cách nôm na, đọc truyện cổ tích của anh, tôi không phải cảnh giác như khi đọc những truyện người khác kể, có nhiều chi tiết cứ phải băn khoăn là thật hay không thật. Trong nhà phôn-clo học Nguyễn Đổng Chi, có cả nhà văn và nhà sử học. Hai nhân vật sau này không lấn át nhân vật trước, mà lại làm nên sức thuyết phục cho công trình của Anh. Tiếp cận bộ* **Kho tàng** *của Nguyễn Đổng Chi, không thể quên điều đó.*

25-III-1993
PGs. VŨ NGỌC KHÁNH
(*Kiến thức ngày nay,* SỐ 110,
1-VI-1993,TR.3-6)

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

TẬP V

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT- NAM

(Tiếp theo)

IX

TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ NGHĨA VỤ

(Tiếp theo)

176. QUAN ÂM THỊ KÍNH

Ngày xửa ngày xưa, có một người trải đã nhiều kiếp, kiếp nào từ bé đến lớn cũng giữ mình đức hạnh và thành bậc chân tu. Cứ luân hồi chuyển kiếp như vậy liên tiếp đến chín lần, nhưng chưa kiếp nào được thành Phật.

Đến kiếp thứ mười, người này được thác sinh ở nước Cao-ly làm con gái ở một nhà họ Mãng, có tên là Thị Kính. Nàng có vẻ người đầy đặn, mặt mũi dễ coi, tính tình điềm đạm. Lớn lên, nàng thờ cha mẹ hết lòng, việc nhà việc cửa chăm lo khá đảm. Khi đến tuổi lấy chồng, nàng được bố mẹ gả cho một anh chàng học trò họ Sùng tên là Thiện Sĩ. Cũng giống như nhà vợ, bên nhà chồng cũng chẳng khá giả gì. Thấy chồng chăm học, không chơi bời, Thị Kính không ao ước gì hơn; nàng càng ra công tần tảo cho chồng dốc lòng nấu sử xôi kinh.

Một đêm, bên cạnh án thư, Thiện Sĩ ngồi đọc sách, Thị Kính cũng ngồi may một bên, hai người chung nhau một ngọn đèn dầu. Chồng học mãi thấy mệt mỏi, bèn ngả lưng xuống giường, kê đầu lên đầu gối vợ chuyện trò một chốc rồi thiu thiu ngủ. Thị Kính cố giữ yên lặng cho chồng yên giấc. Nàng có thì giờ ngắm nghía kỹ khuôn mặt tuấn tú của chồng. Bỗng nàng nhận ra ở cằm chồng có một cây râu mọc ngược. - "Ồ sao lại có râu xấu xí thế này. Người ta bảo râu mọc ngược là tướng

bạc ác. Ta phải lén nhổ đi cho chàng mới được!" Nghĩ vậy, sẵn con dao nhíp trong thúng khảo đựng đồ may, Thị Kính liền cầm lấy mở ra định nhổ sợi râu, không ngờ lưỡi dao sáng loáng vừa đưa đến gần thì Thiện Sĩ cũng vừa chợt tỉnh; trông thấy vợ tay cầm dao chĩa vào mặt trong lúc mình chợt ngủ quên, Thiện Sĩ nghĩ ngay đến chuyện đen tối liền vùng dậy nắm lấy cổ tay và la lên:

- Chết thật! Nàng định cầm dao giết ta lúc đang ngủ ư?

Thị Kính đáp:

- Không phải đâu. Thấy chàng có sợi râu mọc ngược thiếp định tâm nhổ nó đi kẻo trông xấu xí lắm!

Nhưng trong cơn nghi ngờ và hoảng hốt, chồng nhất định không chịu tin như vậy.

- Thôi thôi! Đừng khéo chống chế. Làm sao lại có chuyện nhổ râu khi ta đang ngủ. Muốn nhổ thì đợi ta tỉnh dậy, hoặc ban ngày ban mặt có hơn không?

Giữa lúc ấy, người mẹ Thiện Sĩ nằm ở buồng bên cạnh nghe tiếng cãi nhau cũng đẩy cửa bước vào. Vừa nghe con trai kể lại câu chuyện, bà mẹ đã mồm loa mép giải:

- Trời ôi! Con này to gan thực! Dám đang tay làm những việc tày trời. May mà con ta tỉnh dậy kịp, không thì còn gì là tính mạng.

Thị Kính nước mắt giàn giụa cố gắng phân trần:

- Mẹ nghĩ xem, con có thù vơ oán chạ gì mà phải làm như vậy. Chẳng qua con muốn làm cho chồng đẹp mặt...

- Rõ ràng mày định tâm giết chồng, bị bắt hai năm rõ mười mà còn chối leo lẻo.

Người mẹ Thiện Sĩ vốn chẳng ưa gì nàng dâu nên một mực đổ riệt. Thị Kính thấy giãi bày mãi không ăn thua, nên ngồi sụp xuống cúi đầu nức nở. Câu chuyện từ bé xé ra to. Cuối cùng gia đình họ Sùng không muốn con cháu có nòi ác nghiệt, nên Thị Kính bị đuổi về nhà bố mẹ đẻ.

Buồn chán cho số phận éo le, một hôm nàng cải trang thành một chàng trai, nhân đêm tối bỏ nhà, khăn gói ra đi. Nàng đi, đi mãi, cố tìm trú ngụ một nơi cho thật xa quê hương để xóa bỏ những ký ức đau xót. Sau cùng đến một tỉnh khác, ở đây có chùa Vân, nàng tìm đến xin gọt đầu quy y. Sư cụ không biết là gái bèn nhận cho làm tiểu, đặt hiệu là Kính Tâm. Sự đời đã tắt lửa lòng, từ đấy nàng yên tâm bạn cùng kinh kệ.

Nhưng tu hành ở chùa Vân chưa được bao lâu thì một việc mới lại xảy đến với nàng. Tuy ăn mặc nâu sồng nhưng vẻ mặt của chú tiểu mới đã làm cho nhiều trái tim của các cô gái làng thổn thức. Trong làng có Thị Mầu, con gái của một phú ông, những ngày đi lễ chùa thấy tiểu Kính Tâm thì đem lòng yêu trộm dấu thầm. Hai ba phen bị khước từ, Thị Mầu càng say mê, càng cố tìm cách quyến rũ. Sau đó, tuy cá chẳng cắn câu, nàng vẫn không sao quên được chú tiểu. Quen thói trăng hoa, Thị Mầu bèn tư thông với một người đầy tớ trai trong nhà. Qua nhiều phen đi lại, không ngờ bụng ngày một lớn. Bị làng phạt vạ, cô gái nghĩ rằng nếu thú thật thì chẳng hay ho gì, bèn đổ riệt cho tiểu Kính Tâm. Vì thế tiểu Kính Tâm cũng bị làng đòi đến khảo tra. Nhưng dù bị đánh tơi tả, nàng vẫn không dám nhận liều cũng như không để lộ mình là gái. Sư cụ chùa Vân thấy tiểu bị đòn đau thì thương tình, kêu xin với làng nộp vạ, bảo lãnh cho tiểu được tha về. Nhưng sợ miệng thế mai mỉa ô danh chốn thiền môn, nên sư cũng bắt tiểu phải chụm một cái lều cư ngụ ở phía ngoài cổng chùa. Nàng cam tâm nhận sự hành hạ này, cắn răng không hề một lời van xin hay than thở.

Thị Mầu sau đó sinh được một trai. Đã trót đổ vấy cho tiểu Kính Tâm, nên nàng lại đem đứa con bỏ liều ở cổng tam quan. Kính Tâm lại thêm một phen bối rối. Nhận lấy đứa bé thì không khác gì một hành động thú tội, mà không nhận thì làm ngơ sao đành trước một đứa bé vô tội thế kia. Nhưng những tràng khóc oa oa của đứa trẻ sơ sinh đã khiến nàng mất hết ngại ngần. Lập tức nàng bế đứa bé vào lều chăm sóc, và từ đó ngày ngày một công việc mới choán hết thì giờ và tâm trí của nàng: nàng phải bế nó đi xin sữa ở đầu làng cuối xóm. Mặc cho dân làng kẻ cười người chê đến rát cả mặt, nàng vẫn âm thầm chịu đựng, tuyệt không có lấy một lời oán thán.

Cứ như thế sau sáu năm, nàng trông nom con người như con đẻ. Trong khi đứa bé ngày một sởn sơ khôn lớn, thì sức của nàng trái lại ngày một mỏi mòn kiệt quệ. Một hôm, biết mình không thể sống được nữa, tiểu Kính Tâm bèn viết một phong thư để lại cho bố mẹ đẻ, trong đó nàng thuật lại đầu đuôi nỗi mình nhẫn nhục bấy chầy. Lại dặn dò đứa bé sau khi mình chết thì trao thư lại cho sư cụ trên chùa.

Khi khâm liệm, mọi người mới hay tiểu Kính Tâm là đàn bà, và ai nấy đều nhận thấy rằng sự chịu đựng của nàng từ bấy đến nay quả là cùng cực. Để tỏ lòng hối hận, sư cụ chùa Vân bèn cho lập một đàn chay cầu cho nàng được siêu sinh tịnh độ. Dân làng còn bắt Thị Mầu phải để tang và bắt phải trả mọi chi phí ma chay. Hôm cử hành đàn chay, thì trên trời, giữa một đám mây năm sắc, đức Phật Thiên Tôn hiện ra phán truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm.

Ngày nay, để chỉ mối oan to lớn, người ta thường bảo "oan Thị Kính", là từ truyện này mà ra[1].

KHẢO DỊ

Trong truyện *Quan Âm Thị Kính* theo điệu kể hạnh của nhà chùa thì sau khi Thị Kính thành Phật, ông bà họ Mãng và đứa bé cũng được lên tòa sen, còn Thiện Sĩ thì hóa thành chim vẹt hầu ở bên cạnh.

"... Truyền cho nào tiểu Kính Tâm,
Phi thăng làm Phật Quan Âm tức thì.
Lại thương đến đứa tiểu nhi,
Lên tay cho đứng liền khi bấy giờ.
Kìa như Thiện Sĩ lờ đờ,
Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên.
Độ cho hai khóm thung huyên,
Ra tay cầm quyết bước lên trên tòa,

1. Theo *Quan Âm Thị Kính*, nhà in Mai Du Lân, Hà-nội, 1933; và *Quan Âm chính văn tân truyện* (nôm) bản in Phúc An (1919).

Siêu thăng thoát cả một nhà,

Từ đây phúc đẳng hà sa vô cùng".

Người Nghệ-an có hai truyện có tình tiết gần với truyện *Quan Âm Thị Kính*:

1. *Sự tích cây chay*: Có cô con gái mới về nhà chồng. Một hôm chồng nằm ngủ, nàng thấy ở cằm chồng có cây râu mọc ngược, bèn cầm dao toan cắt. Chồng chợt tỉnh dậy thấy dao kề cổ, bèn kêu lên. Cha mẹ chồng chạy đến nói: -"Tưởng là dâu thế nào, ai ngờ bạc ác, toan giết chồng". Cô gái kêu trời mà khóc, khóc mãi, sau chết đứng hóa thành cây chay. Chay ăn với trầu cũng hóa đỏ là vì tấm lòng son của cô gái nên mới như thế[1].

2. *Đứa con của thần*: Huyện Thanh-chương có một người đàn bà góa tên là Huỳnh Thị Phước, 40 tuổi, xin vào chùa đi tu. Một đêm nọ nằm chiêm bao thấy có một người mặt đỏ như son, mặc áo xanh. Tỉnh dậy, người đàn bà kể lại với hòa thượng trụ trì chùa. Hòa thượng bảo: -"Có lẽ Thần Phật cho nàng đứa con, vậy nàng nên ra khỏi chùa để sinh chồi nảy lộc, kẻo xóm làng nghi". Sau đó người đàn bà sinh được một đứa con trai. Hương chức làng bèn lên án hòa thượng, buộc hòa thượng phải nuôi đứa bé. Lên mười tuổi, đứa bé học giỏi, nhưng chưa biết đặt tên nó là gì. Một đêm nọ, thần báo mộng: -"Trên ngọn cây kia có khắc tên của nó. Vậy bảo trẻ em trèo lên tìm xem". Sáng dậy, người ta tìm được ba chữ Lương Quy Chính khắc trên ngọn cây. Bèn dùng đặt tên cho đứa bé. Về sau đứa bé đi thi đỗ cao làm quan to. Khi vị hòa thượng ở chùa chết, người làng lên khâm liệm mới biết ông vốn là ái nam ái nữ[2].

Riêng về sự tích Quan Âm cũng có nhiều dị bản. Việt-nam còn có Phật thoại *Bà chúa Ba* hay là *Quan Âm Nam-hải* tương đối phổ biến ở miền Bắc:

Xưa có Diệu Thiện, một nàng công chúa xinh đẹp con gái Diệu Trang Vương; nàng có hai người chị: Diệu Thanh và Diệu Âm, cả ba kiếp trước đều là con trai họ Thi, một gia đình nhân đức. Hai chị đều lấy chồng, còn Diệu Thiện thì trái lại chỉ muốn tu hành. Vua cha tức giận truyền giam cấm, và mặc dù hoàng hậu và hai chị hết lời khuyên dỗ, nàng cũng không đổi chí. Diệu Trang Vương lập kế giả vờ bằng lòng cho nàng đi tu tại một ngôi chùa lớn, nhưng lại bí mật ra lệnh cho hòa thượng bắt công chúa phải sớm khuya làm lụng cực nhọc để cho thoái chí. Nhưng nàng vẫn chịu đựng được; việc giao ngày càng nhiều, bằng việc của hàng chục người; nàng vẫn làm xong (có chim

1. Theo *Bản khai sách Hữu-lập, Vĩnh-lại và Nhiêu-hợp*, tập II.
2. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn.

tới nhặt rau, rồng lấy nước hộ...). Không thấy công chúa nản lòng trở về, vua nghi hòa thượng không tuân lệnh mình, bèn sai người đốt chùa. Diệu Thiện tự trách mình là nguyên nhân chính của tai nạn bèn cắn ngón tay cầu nguyện. Lập tức có rồng xuống phun nước dập tắt ngọn lửa. Vua lại ra lệnh đem công chúa ra xử trảm, nhưng gươm bị gãy khi chạm vào cổ. Đột nhiên có một mãnh hổ nhảy vào tha nàng đi trong khi trời đất tối sầm, sấm ran chớp giật. Lúc này hồn nàng được Thập điện Diêm vương mời xuống thăm. Trông thấy tất cả những cảnh trừng phạt, nàng liền niệm Phật làm cho Diêm vương ra lệnh ân xá tất cả tội nhân.

Khi Diệu Thiện trở về cõi trần thì Phật đã hóa làm một chàng trai tuấn tú để thử thách. Thấy nàng quả vững lòng tu, Phật bèn chỉ cho "*rằng có một chùa tại Hương-tích san* (sơn); *gần bể Nam-việt thanh nhàn; sang tu chốn ấy sẽ toan viên thành*". Sau nhiều năm tu luyện, nàng trở thành Phật bà Quan Âm "*Một thân hóa được ra nghìn muôn thân*" (vì vậy ngày nay người ta diễn tả thành Phật ngàn tay ngàn mắt). Theo hầu có hai đệ tử: 1) Thiện Tài, một em trai mồ côi; 2) Long Nữ, con gái Long vương, đều được cứu vớt và qua nhiều thử thách.

Về sau vua Diệu Trang Vương bị bệnh nan y, yết bảng sẽ trao ngôi báu cho ai chữa lành. Nhưng mọi thứ thuốc đều không công hiệu. Nghe tin này, Diệu Thiện biến thành một thầy thuốc đến giật bảng và cho biết bệnh ấy chỉ có tay và mắt của một tiên nữ tu tại núi Hương-tích mới khỏi. Vua bèn cho người sang nước Đại-việt cầu xin được một tay một mắt. Bệnh quả lành, nhưng chỉ lành có được nửa thân. Thầy thuốc lại giục xin nốt một tay một mắt còn lại của tiên nữ. Khi bệnh lành hẳn vua định truyền ngôi cho thầy thuốc như đã hứa, nhưng thầy đã bỏ đi mất. Vua và hoàng hậu quyết tìm đường sang Hương-tích để tạ ơn tiên nữ. Đoàn ngự giá đang trên đường sang Nam, thì ở kinh đô Hưng-lâm bỗng xảy ra cuộc biến, ngai vàng suýt vào tay kẻ phản bội nếu không có Diệu Thiện sai hai đệ tử đi cứu. Trong cuộc này, hai người chị Diệu Thanh và Diệu Âm bị bắt giam ở ngục, và khi được cứu thoát, hai người đuổi theo đoàn ngự giá. Sau bao nhiêu ngày gian khổ, cả đoàn cũng đến được Hương-tích. Khi nhận ra con gái với hai mắt bị móc, hai tay bị chặt, máu còn chưa khô, hoàng hậu ngã ra bất tỉnh. Diệu Thiện cho biết nếu bố mẹ nguyện bỏ ác làm thiện thì mình sẽ lành lặn như xưa. Sự việc quả như lời khi vua và hoàng hậu phát thệ. Cả nhà ở lại đây tu hành. Diệu Thanh cũng trở thành Văn Thù bồ tát và Diệu Âm trở thành Phổ Hiền bồ tát[1].

1. Theo Trúc Lâm Tục Đăng. *Nam Hải Quan Âm bản hành quốc ngữ* (nôm), bản in năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Truyện vừa kể chịu ảnh hưởng từ Phật thoại *Nam-hải Quan Thế Âm toàn truyện* của Trung-quốc. Giữa hai truyện, tên nhân vật không có gì thay đổi. Nước Hưng-lâm ở đây được xác định không phải là đất Trung-quốc mà là một nước phía Tây giáp Thiên-trúc, phía Đông giáp Tam-phật-tề, phía Bắc là Xiêm-la, phía Nam là Thiên-chân. Nội dung hai truyện cơ bản là một, chỉ có khác một vài chi tiết.

Hai vợ chồng vua Diệu Trang muộn con, cúng cầu mãi mới sinh được ba nàng công chúa, dự định nhường ngôi cho một trong ba chàng rể. Nhưng công chúa ba là Diệu Thiện chỉ muốn tu hành với cuộc sống độc thân. Kết quả là nàng phải chịu đựng sự trừng phạt từ thấp đến cao: bị lột áo quần, đánh roi và giam đói. Cũng có việc được đi tu với những công việc lao động nặng nhọc, việc ngôi chùa bị đốt và việc dập tắt đám cháy bằng một trận mưa huyền bí do công chúa cắm chiếc trâm vào họng và nhổ máu lên trời cầu nguyện Linh Sơn thế vương. Cũng có việc xử trảm sau một thời kỳ hết dụ dỗ đến dọa nạt mà không ăn thua. Theo lệnh của Ngọc Hoàng, công chúa được bảo vệ đến nỗi đao phủ bất lực, cuối cùng chỉ còn dùng hai tay bóp cổ. Nhưng thần Thành hoàng đã kịp thời hóa hổ, giải tán đám đông và đưa xác nàng lên núi. Cũng lại có việc hồn công chúa được sứ giả Diêm-la mời xuống để chứng kiến cực hình của con người tội lỗi. Ở đây, những lời cầu nguyện của nàng đã làm cho họ được giải phóng trở về dương thế, đến nỗi cả địa ngục bỗng hóa thành thiên đường và vua Diêm-la phải cấp tốc cho đưa nàng về vì nạn thiếu dân. Phật Như Lai đã đón nàng đưa đến không phải chùa Hương-tích ở Đại-việt mà là chùa đảo Phổ-đà sau khi vượt qua ba năm hiểm trở. Sau chín năm tu hành, công chúa đắc đạo và cũng thu được hai đồ đệ Thiện Tài và Long Nữ sau nhiều cuộc thử thách.

Trời phạt vua Diệu Trang về tội đốt chùa và giết con gái, bắt chịu đựng một bệnh nan y: thịt da mọc đầy mụn lở và bấy nát. Cũng có việc công chúa biến thành một thầy tu già ra mắt nói là chỉ có tay và mắt của người thân thì mới có thể lành. Vua sai đại thần đi tìm. Trong lúc đó hai chàng rể của vua vì tham vọng được làm vua sớm nên định tâm giết thầy tu và đầu độc vua. Biết được ý đồ của chúng, công chúa đã làm đổ chén thuốc độc và làm bại liệt kẻ ám sát. Kết quả là hai chàng rể tự tử và hai người chị của công chúa hối hận đi tu. Rồi cũng có hai lần xin tay và mắt, và cuộc hành trình của vua và hoàng hậu đến đảo Phổ-đà để cảm ơn con gái. Nhìn thấy con không tay không mắt

ngồi trên tòa sen, vua cầu nguyện cho con được "toàn thể toàn nhãn" và thế là công chúa lại nguyên vẹn như xưa. Vua và hoàng hậu cũng ở lại đây tu hành[1].

Đại khái cả hai truyện nói chung là một mớ hỗn tạp những mẩu phật thoại, tiên thoại ghép với nhau thành truyện. Tượng Quan Âm của Trung-quốc thường là một người nữ tay cầm bình cam lộ, gần đấy có một con chim mỏ cắn một chuỗi ngọc, dấu hiệu của sự tôn quý. Hoặc có khi Quan Âm (đứng hoặc ngồi) tay cầm quyển kinh, dưới chân một bên là Long Nữ tay cầm hòn ngọc, và một bên là Thiện Tài hai tay chắp lại hướng lên chủ mình như đang cầu nguyện.

1. Theo Đờ Grut (De Groot). *Những lễ lạt hàng năm cử hành ở Ê-mu-y* (thuộc Phúc-kiến, Trung-quốc).

177. NGUYỄN THỊ BÍCH CHÂU

Ngày xưa, có nàng Nguyễn Thị Bích Châu là vợ vua Duệ Tông nhà Trần. Nàng có nhan sắc xinh đẹp, hơn nữa lại văn hay chữ tốt, trong cung đình nhà vua khó có phi tần nào sánh kịp. Vì vậy khi được tuyển vào cung hầu hạ, Bích Châu sớm được vua yêu, chỉ ít lâu sau được nhắc lên bậc quý phi, thường giúp vua trong việc giấy tờ nghiên bút.

Bấy giờ vua Duệ Tông ham mê chơi bời, chẳng có tài trị nước. Đã vậy, vua thường tự kiêu, lại cả tin bọn nịnh thần. Thấy cơ nghiệp nhà Trần ngày một suy vi, Bích Châu thường tỏ ra lo lắng. Nàng bèn dâng lên vua một bài "Kê minh thập sách" trong đó trình bày mười việc chính sự cần sửa đổi. Nhưng Duệ Tông còn mải rượu chè nào có để ý đến. Thế mà vua còn nghe lời bàn của một viên quan, chuẩn bị đội ngũ để tự mình "thân chinh". Thấy vậy, nàng thở dài: - "Chết thật! Thế này thì đến nguy mất. Nhà vua là người hiếu thắng chẳng chịu tự lượng sức mình". Bích Châu lại viết một bài biểu lời lẽ tha thiết, khuyên chồng nên nghĩ lại. Nhưng bài biểu của nàng cuối cùng cũng bị xếp vào một xó. Thấy chồng quyết tâm kéo quân đi, Bích Châu rất buồn, nhưng rồi nàng cũng xin phép chồng cho mình đi theo. Duệ Tông ưng cho. Nàng là một trong mấy chục phi tần cung nữ đi theo ngự giá; họ ngồi trong một chiếc mành riêng, luôn luôn đi cạnh long thuyền nhà vua.

Bấy giờ trời yên biển lặng. Đoàn quân gồm năm trăm chiếc mành lớn xuất phát từ Thăng-long, dong buồm theo đường biển. Chỉ trong năm ngày, đoàn mành rợp cờ xí đã tiến vào một cửa biển lớn, ghé vào đậu tại bãi Bạch-tân. Vua ra lệnh cho quân sĩ lên bộ nghỉ ngơi ít ngày. Nhưng buổi chiều, sau khi ghé bến được một chốc thì trời bỗng nổi một trận gió lốc dữ dội. Vua lo lắng, cho đòi một số bô lão địa phương tới hỏi. Một cụ già đáp:

- Tâu bệ hạ, mùa này vốn là mùa lặng gió. Dân chài chúng tôi vẫn thường ra khơi làm ăn. Trận gió lốc này cũng là triệu chứng lạ. Trước mặt đây có một miếu thờ thần Biển rất thiêng. Khách đi ghe mành qua lại thường ghé cầu cúng sẽ được yên ổn, nếu không thì thần phạt làm cho buồm gãy lái xiêu. Hoặc giả đó là do thần Biển gây ra cũng chưa biết chừng.

Nghe nói, vua vội sai quan biện xôi lợn vàng hương đến đền cầu cúng. Canh ba đêm ấy, vua nằm mộng thấy một vị thần thân thể to lớn, râu tóc lòa xòa, mặt mũi dữ tợn, đến ngồi trước mặt, cất giọng oang oang như lệnh vỡ:

- Ta đây là Giao thần. Một dải biển này một tay ta trấn trị. Hà hà! Nhà vua cũng là người biết điều đấy! Nhưng muốn cầu yên cho mấy vạn nhân mạng mà chỉ có con lợn hồ rượu thì sao đủ. Ta nghe chuyến đi này nhà vua đưa theo lắm nàng tuyệt sắc mà ta thì lại chẳng có ai khuây khỏa. Vậy ta muốn nhà vua thả xuống cho ta một giai nhân. Đối lại, ta sẽ giúp cho cuộc hành quân thuận buồm xuôi gió. Nào, nhà vua có bằng lòng không?

Thấy Duệ Tông cúi đầu không rỉ răng, vị thần cười một cách ghê rợn, rồi nói tiếp:

- Hừ, không cho ta cũng không được đâu. Ta sẽ mượn vài lượn sóng đưa đoàn mành nhà vua xuống thăm thủy phủ. Bấy giờ dù có hối cũng không kịp!

Nói đoạn xô ghế đứng dậy rồi biến mất.

Duệ Tông giật mình tỉnh dậy vô cùng khiếp sợ, vội cho đòi các quan tướng và các phi tần đến chỗ ngự tẩm báo cho họ cái tin không hay này. Ai nấy nín lặng nhìn nhau, mặt cắt không được giọt máu. Trong khi các quan tướng chưa biết ứng đối thế nào, thì Bích Châu từ sau trướng bước ra, nói:

- Việc linh ứng của thần nhân như vậy là đã rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Tiện thiếp tình nguyện liều tấm thân bèo bọt này để chu toàn cho đoàn ngự giá và quan quân.

Thấy nàng quyết liều mình, Duệ Tông rất thương, bèn nói:

- Lành dữ có số, họa phúc do trời. Ta há vì mộng mị vô thường để chịu thiệt một mình nàng sao. Không được. Kẻ kia muốn làm gì thì làm, ta quyết không sợ!

Bích Châu lại tiếp:

- Sự thể đến nơi rồi, khó mà cưỡng lại. Xin bệ hạ lấy tính mạng ba quân làm trọng, coi ái ân làm nhẹ. Chỉ liều một người cứu được muôn người, con đường ấy dễ đi hơn cả.

Nhưng Duệ Tông vẫn chưa chịu nghe. Bấy giờ cơn gió vẫn còn thổi mạnh, các thuyền mành thả neo bị sóng chao đảo dữ dội. Một vị tướng hầu gần rỉ vào tai vua, xin vua nghe theo lời quý phi để cho yên việc lớn.

Sau đó Bích Châu lạy vua rồi bước lên một chiếc thuyền câu. Trong ánh sáng mờ mờ của buổi bình minh, chiếc thuyền lướt ra biển cả như một chiếc lá trôi. Bỗng chốc một đợt sóng dâng lên ngập trời. Khi sóng hạ xuống thì thuyền đã biến mất, mọi người chỉ còn nghe mấy tiếng văng vẳng:

- Đa tạ "quan gia"...từ nay vĩnh quyết...

Một lát sau, trời vừa sáng rõ thì sóng lại yên, gió lại lặng. Giao thần đã y ước rút lui để cho đoàn quân tiếp tục cuộc hành trình.

*

* *

Gần một trăm năm sau.

Ngày ấy, ở bãi Bạch-tân lại tưng bừng đón hàng ngàn chiếc mành lớn chở đoàn quân thân chinh do vua Lê Thánh Tông làm tổng chỉ huy. Cũng như lần trước, đoàn mành cờ xí rợp trời lại ghé vào bến cắm neo. Quân sĩ được lệnh lên bộ lấy nước kiếm củi và nghỉ ngơi hai ngày.

Đêm hôm ấy nhà vua nằm ngủ, chiêm bao thấy mình đang ngồi trên long thuyền ngắm cảnh, bỗng từ ngoài khơi có một người đàn bà đi trên mặt nước khoan thai tiến vào, rồi dừng lại trước long thuyền vái chào.

Vua phán hỏi:

- Nàng là ai? Đến đây có việc gì?

Người đàn bà đáp:

- Thiếp là Nguyễn Thị Bích Châu, vợ vua Duệ Tông nhà Trần, đến nhờ bệ hạ ra tay cứu vớt.

- Đầu đuôi thế nào hãy nói rõ cho ta biết?

- Trước đây chồng thiếp kéo một đoàn quân thân chinh cũng dừng lại ở cửa biển này. Giao thần trấn trị ở cõi biển này buộc chồng thiếp phải cho y một người vợ mới chịu để yên. Để cứu toàn quân, thiếp tình nguyện cho Giao thần bắt. Nhưng từ ngày xuống thủy phủ, mới biết y là một hung thần chuyên làm việc đồi bại trong vùng. Thiếp không thể sống mãi với tên dâm ác. Ngày nay may mắn được biết bệ hạ đi qua vùng này, vì vậy đến đây xin bệ hạ hãy giúp thiếp trừ khử tên hung thần, đem lại sự yên ổn cho một cõi.

Vua vội hỏi:

- Trẫm phải làm thế nào thì trừ khử được nó?

- Xin bệ hạ hãy viết một bức thư cho Quảng Lợi Vương là vua của các vua trên biển Đông này, vạch tội ác của Giao thần đối với thiếp rồi dùng súng thần công bắn ra tận ngoài khơi. Hễ việc đến tai Quảng Lợi Vương thì đến lượt thiếp, thiếp sẽ tự mình tố cáo tội ác tày trời của nó.

Nghe xong câu chuyện, nhà vua gật đầu. Lập tức bóng người đàn bà biến mất.

Ngày hôm sau, vua sai tập hợp thủy quân cơ nào đội nấy chỉnh tề hàng ngũ. Đoạn trên long thuyền, vua ra lệnh cho đội thần cơ bỏ bức thư có đóng dấu ngự bào vào nòng, bắn ra khơi cho Quảng Lợi Vương. Chỉ một lát sau, người ta thấy trên một vùng biển cả sóng gió mịt mù, một con giao long đang vùng vẫy chạy trốn, có hàng ngàn con khác đuổi theo. Cho đến nửa chiều, sóng yên gió lặng. Tự nhiên có xác của một người đàn bà nổi lên mặt nước, trôi vào trước long thuyền. Mọi người nhìn lại, thấy dung mạo nàng còn tươi như sống.

- Đúng là người phi của đức vua triều trước đã liều tấm thân để cứu ba quân mà sử sách có ghi chép.

Vua nói vậy rồi truyền an táng nàng theo lễ vương phi tại bến Bạch-tân. Vua lại ra lệnh cho mấy chục thần cơ chĩa vào miếu thờ Giao thần nhả đạn. Chỉ trong phút chốc, một tòa đền trở thành đá tan ngói vụn. Sau ngày khải hoàn trở về, vua truyền cho dân địa phương dựng đền thờ Bích Châu tại cửa biển này và phong cho nàng làm Chế Thắng phu nhân[1].

1. Theo Đoàn Thị Điểm. *Truyền kỳ tân phả,* truyện "Hải khẩu linh từ".

KHẢO DỊ

Một dị bản khác của truyện Nguyễn Thị Bích Châu là truyện *Công chúa Mai Châu*, nội dung như sau:

Công chúa Mai Châu là con gái vua Lê Thánh Tông xinh đẹp tuyệt trần, lớn lên thích học võ nghệ và binh thư đồ trận. Năm ấy có giặc Ngô Bát Ngạo cấu kết với quân Chiêm gây chiến ở biên giới, quân nhà vua phải đi đánh, thường bị thua thiệt. Thấy vậy, công chúa tuy còn nhỏ tuổi cũng xin vua cha cho mình cầm quân cứu nước. Vua giao cho năm vạn quân với mười chiếc tàu. Đến núi An-ngang (Quảng-bình) thì trời bỗng nổi cơn sóng gió. Một vị thần nổi lên mặt nước tự xưng là Giang thần đòi bắt nàng làm vợ nếu không sẽ nhận chìm mười chiếc tàu xuống thủy phủ. Công chúa thấy cần phải hy sinh thân mình để cứu lấy năm vạn quân, bèn gọi các tướng kể rõ mọi việc, và nói: -"Ta đành phải liều mình để chu toàn cho ba quân. Nhưng các tướng hãy về triều báo với cha ta để cha ta vào báo thù". Nói xong, nai nịt gọn ghẽ rồi cầm gươm nhảy xuống biển.

Được tin báo, nhà vua nổi giận kéo quân vào, trước hết sai lấy chiếc minh kính chiếu tìm nơi ở của Giang thần rồi bắn xuống dữ dội. Không thể cự nổi, Giang thần đành phải trả công chúa. Xác công chúa bèn nổi lên ở vũng Ao-bạch. Vua sai dựng đền thờ ở bờ ao rồi cho đem xác về kinh mai táng. Về sau công chúa hiển ứng, được phong tôn thần [1].

Thần tích làng kẻ Sặt (Hưng-yên) cũng có hình ảnh tương tự với các truyện trên:

Một quan tướng trước khi đánh giặc có hứa với một vị thần rằng mình sẽ hiến một cô gái đẹp nếu thần giúp cho mình đạt được thắng lợi. Trận ấy quả chiến thắng. Sau khi khải hoàn, quan tướng đi qua đền thần quên mất lời hứa; thuyền quân tự nhiên không tiến lên được. Quan tướng nhớ lại, đành phải ném một cô gái xuống nước. Dân vùng kẻ Sặt thờ nàng làm thần, và làng được thần hiển hiện nhiều việc linh ứng. Nhưng đến khi dân kẻ Sặt chuyển sang Thiên chúa giáo thì họ phá đền và thôi cúng [2].

Thần tích đền Quả thuộc Anh-sơn (Nghệ-an):

Khi quân Lê Lợi tiến vào Nghệ-an, đến vùng Bạch-ngọc, qua đền thần Quả thì thuyền không tiến được nữa. Thần phụ đồng cho biết nếu vua hiến một

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn; và Lê Hương. *Truyện tích Việt-nam*.
2. Theo Bát-xê (Basset). *Truyện cổ tích và truyền thuyết ở Viễn đông,* tạp chí *Dân tộc học và truyền thống dân gian,* tập 1 (1920).

người vợ thì thuyền sẽ lại đi được và thần sẽ giúp cho chiến thắng. Vua hỏi các bà vợ. Một người trong đó là Phạm Thị Ngọc Trần đã sinh với vua được một con trai tình nguyện làm vật hy sinh[1].

Người Nhật cũng có truyện *Người vợ hy sinh cho thần Biển cứu chồng* cũng gần giống truyện của ta:

Dưới triều vua Kei-kô có một cuộc nổi dậy của một bộ lạc ở những hòn đảo phía Đông. Vua sai một hoàng tử tên là Ya-ma-tô cầm quân đi đánh. Trước khi xuất quân, hoàng tử đến đền một nữ thần để cầu. Sau đó, đại quân dong buồm ra khơi. Đến vịnh Yê-đô, không ngờ thần biển làm một trận bão lớn lăm le nhận chìm đoàn tàu xuất chinh. Thần mách: mọi thứ sẽ toàn vẹn nếu chủ tướng vui lòng nhường cho thần cái gì quý nhất của mình. Mọi người đều biết cái quý nhất trong đời chủ tướng là Ta-chi-ba-na, người vợ yêu. Trong lúc nguy cấp, bà Ta-chi-ba-na xin hoàng tử cho mình hy sinh để cứu toàn quân. Sau khi người đàn bà gieo mình xuống nước, bão quả tạnh. Khi tàu cập bến, hoàng tử nhảy lên bờ bị trượt chân ngã, tay chụp nhầm một cái lược gỗ có mùi thơm phảng phất, mới biết là lược của người vợ cũ. Về sau hoàng tử chiến thắng, đi kinh lược các miền. Trèo lên hòn núi nhìn về hướng Đông nam, ông ta sực nhớ đến người vợ yêu bèn kêu lên "Át-su-ma" (vợ tôi). Từ đó cái tên Át-su-ma được dùng để chỉ nhiều hòn đảo ở Nhật-bản. Một ngôi đền được dựng lên ngay chỗ hoàng tử ngã để kỷ niệm bà Ta-chi-ba-na, trong đó còn đặt cái lược đượm mùi thơm[2].

Người Triều-tiên có truyện *Sim-chen* không giống các truyện trên, nhưng lại có đề tài một cô gái tình nguyện nhảy xuống biển để cứu người cha khỏi mù:

Vào một thời rất xưa, ở nước San Na-ra có một ông già mù nghèo sinh được một cô gái xinh đẹp. Một hôm một nhà sư hỏi ông: - "Nếu Phật làm cho sáng mắt thì ông cúng những gì?"-"Ba trăm túi thóc", ông đáp liều.-"Lấy đâu ra?"-"Tôi không lừa Phật".-"Được, cứ mang đến chùa, mắt sẽ sáng". Ông già về nhà nghĩ mãi nhưng không có cách gì để thực hiện lời hứa nên buồn rầu, quên ăn quên ngủ. Thấy vậy, cô gái hỏi ông. Ông không trả lời, nhưng do con gái cứ căn vặn mãi, cuối cùng ông cũng cho biết sự thật.

1. Theo *Thần tích xã Bạch-ngọc (Nghệ-an).*

2. Theo Hô-vơ-lác-cơ (Hovelaque). *Các dân tộc phương Đông,* quyển II: Nhật-bản. Pa-ri, 1921.

Ít lâu sau, có một bọn lái buôn đến vùng ấy tìm mua một cô gái nhà nghèo để dụ bị dâng thần Biển mỗi khi thần nổi giận trong lúc vượt vời. Cô gái tự bán mình lấy ba trăm túi thóc mà không cho bố biết. Mặc dầu vậy, bố cô cũng đoán ra; ông tìm đến bọn lái ngăn cản, nhưng việc đã rồi, và con gái ông tỏ ra hết sức kiên quyết, hy vọng để bố sáng mắt. Thuyền bọn lái chuyến ấy đi biển có sóng to, cô gái che mặt nhảy xuống nước và quả nhiên biển lặng.

Xuống thủy phủ, cô gái được ở với vua Thủy. Khi bọn lái trở về, qua nơi cô gái hy sinh thì thấy nổi lên mặt nước một đóa hoa hồng tuyệt đẹp - "Đó là cô gái hóa thành". Nhà vua đau nặng, người ta bảo chỉ có hoa hồng giữa biển chữa là lành. Bọn lái tìm đến vua bán đóa hoa. Trong khi đó vua Thủy đưa nàng lên trần, đặt ở vườn hoa. Vua bắt gặp bèn lấy nàng làm vợ. Cô gái kể chuyện ngày xưa cho chồng nghe. Vua sai đi tìm ông già và hai cha con nhận ra nhau[1].

Trong thần thoại Hy-lạp (Grèce) có truyện *I-phi-jê-ni* (Iphigénie) có đề tài hy sinh tương tự, nhưng nội dung có khác:

A-ga-mem-nông sắp kéo đại quân vượt biển đánh thành Tơ-roa báo thù cho vua anh là Mê-nê-lát bị cướp vợ. Nhưng thần Gió chơi khăm, ở đây thần không làm bão tố như truyện của ta và của Nhật, mà lại làm cho không có một tý gió nào để có thể dong buồm. Một vị tiên tri cho biết: muốn cho đại quân vượt biển thuận lợi thì phải hiến tế I-phi-jê-ni, nàng công chúa yêu, trước bàn thờ nữ thần Đi-an.

Vua không nỡ, nhưng sau vì lòng hiếu thắng trước toàn quân, buộc phải hy sinh tình cha con. Về phần I-phi-jê-ni bị bố lừa tới nói là để gả cho một vị tướng, nhưng khi biết sự thật, cũng can đảm nhận lấy cái chết. Nhưng lúc lưỡi đao sắp đâm vào cổ nàng thì nữ thần Đi-an đã đón nàng đi, thay vào đó một con nai tơ[2].

1. Theo Ga-rin (Garine): *Truyện cổ tích Triều-tiên.*
2. Theo *Từ điển thần thoại.*

178. SỰ TÍCH BÃI ÔNG NAM

Ngày ấy, những người dân chài vùng biển Nam trong khi ra khơi làm ăn thường bị nạn bão tố. Mỗi lần bão tố thình lình xảy ra, nếu trên đất liền chỉ đổ cửa đổ nhà thì trên mặt biển khơi có thể chết hàng trăm hàng ngàn mạng người. Không những thế, nó còn chôn vùi xuống đáy biển biết bao nhiêu là chài lưới thuyền mảng, những của cải mồ hôi nước mắt tích góp không phải chỉ một ngày. Vì vậy, những dân chài vùng biển Nam luôn luôn kêu gào oán trời trách đất độc ác phũ phàng, làm cho con mất cha, vợ lìa chồng, táng gia bại sản. Cuối cùng lời kêu gào của họ cũng động đến tòa sen.

Một hôm, đức Bồ tát ngự trên tòa sen nghe tiếng than khóc, bèn cúi nhìn xuống toàn cõi biển Nam. Nhận thấy muôn ngàn sinh linh bỏ mạng đều là những con người nghèo khổ, lương thiện, chất phác, thì động lòng thương, bèn cởi ngay chiếc pháp y mình đang mặc, xé thành từng mảnh ném xuống mặt biển rồi niệm chú cho mỗi mảnh hóa thành một con vật để chúng làm công việc cứu giúp dân chài. Vừa xuất hiện ở Nam hải, những con vật ấy bèn bơi lội khắp nơi, cố gắng làm những việc được giao, nhưng tiếc thay, thân tuy dài nhưng không lớn mấy, không thể chống chọi với những cơn bão tố, chẳng đủ sức che chở cho ghe thuyền, nên cuối cùng kết quả không có bao lăm. Bởi vậy, một hôm chúng họp lại trình lên tòa sen để Bồ tát biết sự bất lực của chúng.

Thấy vậy, Bồ tát bèn lại mượn mấy bộ xương voi ném xuống biển, biến những con vật nhỏ bé trước thành những con vật vừa dài vừa có vóc dạc khổng lồ. Bồ tát dặn:

- Ta đã làm cho thân thể các ngươi đủ sức đương đầu với bão tố. Từ nay ta giao cho các ngươi chuyên giữ phận sự cứu nguy trên vùng Nam hải. Các ngươi hãy cố gắng làm tròn bổn phận. Để giúp đỡ các ngươi,

ta sẽ cho một số quân đi theo hầu hạ, đồng thời nhắc nhở các ngươi không được lơ là với công việc.

Nghe lời truyền phán, những con vật mới vui lòng chia nhau bơi đi các nơi làm chức trách của mình. Bọn quân hầu cũng chia nhau đi theo hết lòng giúp rập.

Nhưng rồi Bồ tát vẫn chưa vừa ý. Nhận thấy mấy con vật mới sáng tạo vì quá to xác nên không được hoạt bát nhanh nhẹn, Bồ tát lại ban cho chúng phép thần thông để có thể sớm phát hiện ra tiếng kêu cứu xa hàng nghìn dặm. Đối với bọn quân hầu của chúng, Bồ tát cũng cho một tên dùng mực để chỉ đường vạch lối cho chủ chúng đi được nhanh, một tên thì cầm một ngọn đao luôn luôn hộ vệ tả hữu. Như vậy là Bồ tát đã tạo nên cá voi, cá mực và cá đao.

Nhờ thế, dân chài vùng biển Nam cũng được an ủi đôi phần. Từ đó họ gọi cá voi bằng cái tên Ông Nam hay cá Ông[1].

*

* *

Bấy giờ ở một cửa biển Nam có một vàm sông[2] quen gọi là vàm Ông-đốc, có một cá Ông làm trấn thủ tại đây. Cá Ông làm việc tận tụy, ít khi xa rời vùng mình cai quản. Nhưng một hôm nó có ý muốn được ngao du một chuyến ra khỏi cõi bờ để ngắm xem cho thỏa thích. Bèn tỏ ý ấy với những kẻ tùy tòng. Cá mực và cá đao đều trả lời:

- Hiện nay chưa phải là mùa dông bão, ngài có đi xa cũng chẳng sao. Chỉ mong ngài phải nhớ trở về sớm, đừng có la cà mà hối không kịp. Hơn nữa cũng cần phải bảo vệ tấm thân vì ngài đang kỳ thai nghén.

Được lời, cá Ông bèn quyết chí xuất hành cùng với cá mập và cá đao. Chương trình đã định là sẽ vòng theo mũi biển, cú như bây giờ gọi là mũi Cà-mau, lần lượt tiến dần về phía Đông bắc đi thăm các vàm khác, ở đó sẽ gặp một số bạn bè và người thân thuộc, cuối cùng lại vòng theo mũi biển trở về chỗ cũ. Nhằm một buổi tốt trời, cả đoàn kéo

1. Đoạn này theo Toan Ánh. *Nếp cũ hội hè đình đám,* quyển Hạ; và *Văn hóa tập san,* số 3 (1973).

2. *Vàm sông:* tức cửa sông hoặc cửa biển, chỗ sông đổ ra biển.

nhau ra đi. Vừa qua khỏi mũi đất, họ tiến vào vàm sông Bồ-đề. Đối với cá Ông, cuộc ngao du trở nên ngày một thú vị khi được gặp lại những người quen thuộc và được thấy những cảnh đẹp ở vùng biển Đông. Cho nên cả đoàn lưu lại nhiều ngày ở vàm sông Bồ-đề để xem cho thỏa thích trước khi rời lên phía Bắc.

Nhưng một đêm nọ, bỗng nhiên khí lạnh làm rởn da mọi người, báo hiệu một cơn sóng gió hãi hùng sắp nổ ra. Không ngờ bão tố lại xuất hiện bất thường như vậy, cả đoàn hết sức hoảng hốt. -"Trời nổi bão rồi! Chúng ta phải mau mau trở về đi thôi, vì thế nào cũng có người bị nạn". Tiếng chủ tướng kêu lên. Và nó ra lệnh cho cả đoàn tập hợp đông đủ để chuẩn bị trở về.

Nhưng khi quay về, vì có phép thần nên cá Ông đã biết tin có một chiếc ghe đang vô tình vượt ra khơi thuộc vàm sông Ông-đốc. Cá Ông than thở: - "Ôi! vẫn còn có một chiếc ghe vật vờ ngoài vàm. Bây giờ mà trở về vùng ấy nhanh nhất cũng phải mất một ngày. Biết làm sao bây giờ?".

Thấy cá đao thỉnh thoảng lại thúc bên hông, cá Ông hết sức lo lắng.

- Bây giờ về đường biển thì e không kịp vì phải đi quanh. Chỉ có cách là chúng ta chịu liều đi tắt vào vàm sông Bồ-đề, tuy có nguy hiểm nhưng may ra có thể cứu kịp.

Bèn nói sao làm vậy. Cả đoàn lại tiến phát. Nhưng khi lọt vào vàm thì bão đã nổi lên mỗi lúc một mạnh. Hơn nữa, sông Bồ-đề thì nước cạn mà thân của Ông Nam lại quá vĩ đại. Tuy vậy, theo dấu cá mực, nó vẫn cố trườn, có lúc phải trườn trên bãi đầy cây tràm và cây đước xây xát cả mình mẩy. Hồi này nó đang mang thai. Vì phải cố gắng dùng hết sức lực nên cái thai bị sảo. Cá bé ra đời đáng lý có thể sống được, nhưng vì nước cạn nên chẳng mấy chốc thì tắt thở. Tuy lòng đau như cắt và mệt hết sức, Ông Nam vẫn không bịn rịn, vẫn cố xuyên qua dòng nước để về cho kịp vàm sông Ông-đốc, nơi mình có trách nhiệm với dân chài.

Chẳng mấy chốc cả đoàn về được đến nơi. Bão khi ấy đang tung hoành dữ dội hết mức. Cá Ông vùng ngay ra khơi, chỉ một nhoáng nó đã đội chiếc ghe sắp bị chìm lên lưng đưa vào bờ. Dọc đường nó còn cứu được năm chiếc khác đang vật vờ trong sóng biển.

Vì đuối sức, nên chuyến ấy Ông Nam bị đau đến mấy tuần. Biết được mọi việc xảy ra, Bồ tát cũng vui lòng xá cho đoàn đệ tử tội tự ý rong chơi mà không bẩm báo.

Từ đó, dân chài vàm sông Bồ-đề lập miếu thờ đứa con vô tội của cá Ông đẻ rơi trong khi làm phận sự.

Hiện nay cái miếu ấy vẫn còn, người ta quen gọi là miếu Ông Nam. Cả cái dòng nước mà ông vượt qua ngày nay đã bồi thành bãi, người ta cũng gọi là bãi Ông Nam[1].

1. Theo Sơn Nam. *Truyện xưa tích cũ,* tập I.

Người dân chài ở vùng Côn-lôn cho rằng mỗi lần cá voi đi đâu thì ở phía trước có cặp cá đao rất lớn, kế đó là một cặp cá mực rất to, nhưng là để kiếm mồi cho cá voi. Cá đao phải dùng "gươm" của mình để lùa các loài cá nhỏ vào cái miệng khổng lồ của chủ tướng, còn cá mực thì phun chất mực đen trong nước biển khiến cho các loại cá nhỏ không thấy đường mà đi, phải chạy vào miệng chủ tướng. Khi miệng đã đầy cá, cá Ông bèn ngậm lại, ăn một cách ngon lành, lại còn xịt nước lên cao thành vòi để cảm ơn những kẻ tùy tòng đã giúp cho mình ngon miệng. Còn ở một số vùng khác thì cho rằng cá Ông đi đâu, tiền đội thường có cá mực dẫn đường, lại phun chất mực như để đánh dấu cho chủ tướng biết đường mà đi, còn hai bên sườn thì có cá đao đi hộ vệ.

179. CHIẾC GIÀY THƠM

Ngày xưa, ở chợ Đồng-xuân có cô gái họ Trương, con một gia đình giàu có lớn. Cô gái mặt hoa da phấn và đã đến tuổi yêu đương. Thường ngày sống trong nhung lụa, có kẻ hầu người hạ nên cô ít khi bước chân ra ngoài.

Một hôm cô ngồi hóng mát trên lầu tây. Đang dựa bao lơn nhìn xuống đường phố, cô bỗng thấy có chàng trẻ tuổi cưỡi ngựa đi qua. Bên phía chàng trai nhác thấy bóng hồng thì say vì nhan sắc, đứng lại ngắm mãi không rời. Cô gái họ Trương thấy có người nhìn chòng chọc vào mình liền thẹn thò lui gót. Chàng trẻ tuổi tên là Lý Quốc Hoa còn đang dùi mài kinh sử, là con một vị tướng ở vệ Kim Ngô đóng tại kinh thành. Hôm ấy, sau khi nhìn thấy người đẹp, chàng đâm ra thẫn thờ, không còn muốn giục ngựa đi tiếp. Nhưng khi nhìn lại nhà cô gái, thấy tường cao cổng kín, chàng mới biết đó là người không phải dễ dàng gặp gỡ. Mặc dầu vậy, chàng vẫn không quên ngôi nhà lầu, chỗ giai nhân vừa ngồi ngắm cảnh, có bao lơn con tiện và rèm the, bụng bảo dạ:

- Thật là một trang phong lưu tuyệt sắc! Thế nào cũng phải tìm cách gần gũi nàng mới thỏa dạ.

Từ đó chàng ra công dò la tông tích, hy vọng có ngày được mắt xanh để ý.

Một hôm chàng đi qua cửa, gặp một người ra dáng con hầu từ nhà ấy đi ra. Chàng sán đến gần làm quen. Qua trao đổi một vài câu chàng mới biết đó là người nữ tỳ của nhà họ Trương tên là Hồng Hạnh, đi mua phấn cho cô chủ. Chàng khẩn khoản nhờ nàng làm ơn giúp mình trao cho cô chủ một bức hoa tiên. Thấy Hồng Hạnh nhận lời, chàng mừng rỡ cảm ơn.

Lần đầu tiên đọc bức thư cầu thân, cô gái họ Trương cảm thấy trong

lòng nở hoa. Đoán biết đó là anh chàng cưỡi ngựa chòng chọc nhìn mình hôm nọ, nàng mỉm cười, nhớ lại khuôn mặt tuấn tú của chàng. Hàng ngày nàng đọc đi đọc lại bức thư không chán. Rồi cuối cùng nàng cũng viết mấy dòng lên hoa tiên trả lời.

Hồng Hạnh từ đấy trở thành con thoi thông tin tức cho hai bên, vì không mấy chốc họ đã trở thành cặp bạn tình. Lần đầu, cô gái họ Trương hẹn chàng đến vườn hoa nhà mình một đêm trăng. Chàng họ Lý lén lút tìm đến, cảm thấy vừa hồi hộp vừa thích thú. Và chàng sung sướng vô hạn khi được đối diện với người ngọc. Cuộc tình duyên cứ thế nảy nở thuận lợi. Sau bao lần gặp gỡ khác, họ lại hẹn vào mồng ba tháng Ba sẽ gặp nhau trên một chiếc cầu vắng ở phía cửa Đông.

Nhưng không may cho cặp bạn tình, đêm ấy quan Kim Ngô giữ anh chàng lại ở dinh để thảo hộ cho ông một tờ trình rất dài, mãi đến canh ba rồi canh tư mà vẫn chưa xong. Cô gái họ Trương lần đầu một mình ra khỏi nhà trong đêm tối. Nàng đã giấu cha giấu mẹ, giấu cả bọn con hầu đầy tớ, trừ có một mình Hồng Hạnh. Nhưng Hồng Hạnh phải ở nhà để đề phòng bất trắc. Một mình nàng lủi thủi đến cầu, chờ mãi không thấy tăm hơi người yêu đâu cả. Cầu vắng tanh. Nép sau bụi cây, nàng thấy mỗi lúc một sốt ruột: - "Chẳng lẽ chàng lại lừa dối ta". Nhưng trống lầu đã đổ canh hai mà vẫn biệt vô âm tín. -"Chàng tệ thật!" Đêm hôm khuya khoắt, lại thân gái một mình, nàng đành phải trở về không thể rốn đợi. Nhưng nàng đã hữu ý để lại một chiếc giày của mình ở chỗ hẹn, cũng là một cách báo cho chàng biết rằng mình có tới.

Mãi đến gần canh năm, Lý Quốc Hoa mới làm xong công việc khẩn cho bố. Vừa đặt bút xuống, chàng đã ba chân bốn cẳng chạy đến nơi hẹn đầu cầu. Nhưng ôi thôi, người ngọc đâu còn ở đó. Nhờ có chiếc giày của nàng để lại mùi thơm phảng phất, nên chàng không nghi ngờ gì nữa. Chàng đoán là nàng đã đợi mình sốt ruột, đã trách mình hết lời và chắc là từ nay nàng mất lòng tin cậy ở mình. -"Ôi! Bố ta đã báo hại ta, bây giờ thì nàng còn coi ta ra gì nữa". Chàng cảm thấy như có một sự đổ vỡ ghê gớm, không cứu vãn được. Cầm lấy chiếc giày, chàng âu yếm mãi và trong một lúc rầu lòng đến cực điểm, tự nhiên hồn lìa khỏi xác. Và chàng ngã vật xuống bên cầu bất tỉnh nhân sự.

Sáng dậy, người nhà quan tướng Kim Ngô không thấy Lý Quốc Hoa, đâm bổ đi tìm nháo nhác. Họ ra đến cầu thì thấy xác công tử với chiếc giày thơm còn ôm ở ngực. Cả nhà họ Lý xúm quanh khóc nức nở. Câu chuyện đưa lên quan. Bấy giờ coi việc kinh thành có quan thiếu sư họ Trần. Nhìn thấy chiếc giày trong tay xác người trẻ tuổi, ông đoán đây hẳn là một vụ án về tình duyên. Bèn sai người đem chiếc giày để đi tìm chủ nhân của nó. Không bao lâu đến nhà họ Trương, họ đã tìm ra cô gái. Nghe tin người yêu nằm chết bên cầu, cô gái họ Trương kinh ngạc và bội phần đau xót. Nàng không đợi viên sai nhân bắt mình ướm giày nữa mà cầm luôn chiếc còn lại, ra thú thực với thiếu sư, và xin quan cho mình được phép đến than khóc trước người bạc mệnh. Đến nơi, giữa đám người đông nghịt, nàng chen đại vào, gục đầu vào thây chàng than khóc rất thảm thiết.

Không ngờ "âm dương cảm cách", Lý Quốc Hoa như được truyền hơi thở, tự nhiên bừng tỉnh rồi vùng ngồi dậy y như sau một cơn mê. Nhà họ Lý khôn xiết mừng rỡ, lạy tạ quan thiếu sư họ Trần. Thiếu sư xoa tay vui vẻ nói:

- Đôi lứa xứng đôi đấy, còn đợi gì mà không cho họ kết hôn với nhau. Ta vì vụ này vô tình trở thành mụ mối cho hai nhà.

Cả hai gia đình vui vẻ nhận lời. Thế là sau một tiệc cưới mà tiếng đồn vang dậy kinh thành, chàng và nàng trở thành vợ chồng[1].

KHẢO DỊ

Truyện này đã có người đặt thành thơ thất ngôn cổ phong chữ hán mà Lê Quý Đôn trong *Toàn Việt thi lục* xếp vào văn học đời Trần.

Có những đoạn miêu tả khá đẹp, như: (dịch)

...Ai ngờ việc đời khó vừa ý,
Kim Ngô cầm chân chàng họ Lý.
Cô nàng đêm ấy một mình ra,
Nào tìm thấy đâu người yêu ta ?

---

1. Theo bài *Hương miết hành* trong *Toàn Việt thi lục.*

Khá thương, trên cầu trăng một vùng,
Sông chảy dưới cầu, nước lạnh lùng.
Thấy cảnh khôn khuây niềm tưởng nhớ,
Đau lòng chẳng nói, lệ tuôn dòng.
Chuông điểm canh đầu đồng hồ giọt,
Chờ lâu sai hẹn giận càng xót.
Bèn để chiếc giày tỏ tình sâu,
Khi chàng Lý đến hiểu lòng nhau.
Canh năm chàng Lý được ra đi,
Đi đến đầu cầu trời vẫn khuya.
Ngoài cột mùi thơm còn phảng phất,
Bốn bề không ai, lòng héo hắt.
Non Vu mây tỏa, vượn dứt hồn,
Giang nam xuân già, quốc máu tuôn.
Máu khô ruột dứt tình chửa hết,
Ôm giày ngủ mãi, sức mỏi mệt.
Hương hồn bay tới lầu họ Trương,
Tương tư bên cầu chàng đã chết.
Buổi ấy may gặp Trần thiếu sư,
Chuyện tình gái trai ông biết thừa.
Sai đem chiếc giày tìm tung tích,
Đến nhà họ Trương quả thấy vừa.
Thoạt đầu cô nàng chưa nói rõ,
Ngập ngừng câu được, câu nức nở.
Bỗng nhảy ôm khóc thây Lý lang:
- "Duyên đà chẳng hợp, xin cùng lỗ!"
Nhờ thế âm dương cảm cách nhau,
Giấc mơ biền biệt lại tỉnh mau.
Ná Sở không chiêu, hồn tự lại,
Cung Tần có hẹn, phượng càng gào.
Sống lại ngày nay nhờ ai hỡi,
Cùng lạy thiếu sư ơn đức xối.

Thiếu sư bỏ về cười mà rằng:

- "Ta vì các ngươi thành mụ mối"...[1]

Trung-quốc có truyện *Chiếc giày để lại làm chứng* mà các nhà sân khấu đã biên soạn thành vở tuồng vào đầu thế kỷ XIX, gần với truyện của ta:

Một cô gái mười tám tuổi coi một cửa hàng hương. Nàng yêu một học sinh tên Quốc Loa và được yêu lại. Một hôm nàng hẹn tình nhân đến một ngôi chùa. Anh đến quá sớm và nhân ngồi chờ, có làm mấy chén rượu hâm nóng của một quán hàng gần đấy. Uống xong nằm say như chết. Khi cô nàng đến, anh còn say lử, cô bèn đặt lên thân người yêu một chiếc giày thêu của mình bọc trong một khăn là, rồi bỏ về. Quốc Loa tỉnh dậy thấy chiếc giày thì hối hận vì đã lỡ hẹn với bạn tình. Chàng bèn nuốt luôn chiếc khăn, rồi·bỗng nhiên nằm vật xuống.

Tiểu đồng của người học trò đi tìm chủ, đến chùa thì đã thấy chủ bất tỉnh nhân sự. Cho là sư chùa đã giết chủ mình, hắn vội cáo lên quan. Quan bắt sư tra khảo. Nhưng vì có chiếc giày thêu, người ta bổ đi tìm. Bắt được cô gái hàng hương đem về tra hỏi. Cô đến, thấy có tý góc khăn thò ra ở miệng anh chàng, bèn kéo mạnh. Khăn vừa lôi khỏi miệng thì anh chàng cũng tỉnh dậy như không việc gì.

Kết quả quan mắng cho chị ta một trận vì tội dùng chùa làm nơi hẹn hò dâm đãng, và buộc hai người lấy nhau. Họ không mong gì hơn thế [1].

Sách *U minh lục* (Trung-quốc) có truyện *Cô gái bán phấn*, cũng là dị bản của các truyện trên:

Một anh chàng con nhà giàu một hôm đi chợ, gặp một cô gái đẹp bán phấn làm trang sức. Ngày nào anh cũng đem tiền đến mua phấn để được ngắm cô nàng. Cô gái dần dần sinh nghi. - "Chàng mua phấn hàng tôi làm gì mà mua luôn vậy?", một lần cô hỏi thế. Anh đáp: - "Vì yêu cô". Từ đấy họ gắn bó với nhau. Một hôm, trong cuộc hẹn đầu, anh chàng quá sung sướng ngất đi. Thấy anh ngã xuống, cô gái sợ, bỏ về. Bố mẹ đi tìm con trai thấy con đã chết, vào buồng học thấy có nhiều gói phấn. - "Có lẽ vì phấn này mà con ta chết đây". Bèn đi tìm ở chợ thì thấy cô gái bán phấn có những gói giống như ở buồng con mình, bèn bắt giải quan. Cô gái thú là mình có yêu chàng và xin phép được khóc trước xác người yêu. Quan cho phép.

---

1. Theo *Việt-nam cổ văn học sử,* Nhà xuất bản Hàn Thuyên, Hà-nội, 1942.

Thấy áo quan còn mở nắp, cô ôm lấy xác người yêu hôn hít. Chàng trai tự nhiên sống lại. Hai người được phép lấy nhau. Họ đẻ nhiều con.

Một truyện *Lửa tình* cũng của Trung-quốc, cũng là một dị bản, tuy kết thúc có khác:

Công chúa nước Bắc Tề cùng một thiếu niên họ Trần hẹn gặp nhau tình tự ở một cảnh chùa nọ vào ngày Tết. Thiếu niên đến trước nằm đợi, rồi ngủ quên. Công chúa đến thấy người yêu ngủ say thì giận, nhưng hữu ý để lại một vòng ngọc trên người chàng, rồi bỏ về. Chàng họ Trần tỉnh dậy thấy vòng ngọc thì uất lên vì hối hận. Lửa trong tim chàng phát ra đốt cháy cơ thể, lại thiêu luôn cả cảnh chùa [2].

1. Theo An-mơ-ra (Almeras). *Người đàn bà yêu dương trong đời sống và trong văn học* (nghiên cứu tâm sinh lý học), Pa-ri.
2. Theo Lưu Kính Thúc. *Dị uyển*.

180. BÁN TÓC ĐÃI BẠN

Ngày xưa, có ba người học trò là Tùng, Trúc, Mai, quê ở ba miền khác nhau, tình cờ cùng học với nhau một thầy. Cha mẹ họ đều nghèo túng nhưng vẫn cố gắng cho con đi học. Trong những ngày xa nhà vùi đầu vào sách vở, bộ ba ấy kết bạn với nhau rất thân thiết. Họ ước với nhau rằng nếu sau này người nào làm ăn khấm khá thì sẽ không quên những người cùng sống trong buổi hàn vi, và sẽ cố tìm cách giúp đỡ bạn qua cơn nghèo ngặt. Sau một thời gian học hành, cả ba người đều vì hoàn cảnh nên từ giã nhau mỗi người đi một ngả.

Tùng là người thứ nhất có số phận trở nên may mắn. Sẵn có óc thông minh, anh cố công theo đuổi nghiệp sách đèn. Vì nghèo rớt mùng tơi, anh cầy cục theo hầu một cụ Nghè để vừa được ăn vừa được học. Thấy anh học giỏi, cụ Nghè hết lòng dạy dỗ, coi anh như con. Trải mấy năm trường xôi kinh nấu sử, cuối cùng anh thi đỗ tiến sĩ và được bổ làm quan ở kinh đô. Từ đấy cuộc sống của Tùng lên như diều gặp gió, khó có ai theo kịp.

Tuy sống trong cảnh giàu sang, Tùng vẫn không quên những người bạn đèn sách xưa kia. Cho nên, một hôm, Tùng xin phép nghỉ việc công để đi tìm bạn. Sợ đi có cáng xá lính hầu sẽ làm phiền đến mọi người, nên anh cải trang làm một người dân thường. Không bao lâu anh đã tìm tới nhà Trúc, một trong hai người bạn thân ngày trước.

Lại nói chuyện Trúc từ ngày thôi học, được thừa hưởng một phần ruộng đất của ông bà bên ngoại để lại. Hắn ta biết cách xoay xở và chịu khó. Vì thế chỉ trong mười năm, hắn đã trở nên khá giả: ruộng sâu trâu nái, vườn cau ao cá đủ cung cấp cho hắn và gia đình sống một cuộc đời sung túc. Nhưng Trúc tính khí biển lận. Tuy giàu có, hắn vẫn không muốn mất cho ai một đồng một chữ nào. Cũng vì thế, hắn quên mất cả những lời hứa hẹn với mấy người bạn nối khố ngày xưa: -"Ôi dào!

Tìm làm gì cho mất công. Các ông ấy cũng chả nhớ gì đến bạn nữa là ta". Nghĩ vậy, Trúc rất yên tâm về hành động của mình.

Khi gặp Trúc, thấy Trúc giàu có, để thử lòng bạn cũ, Tùng không nói vội đến hoàn cảnh đổ đạt của bản thân, chỉ cho biết rằng vì nhớ bạn nên anh tìm đến nhà chơi. Thấy bộ dạng bề ngoài của Tùng, Trúc đoán già đoán non rằng Tùng may lắm mới đủ ăn, nay tìm đến nhà mình không khéo lại dụng tình vay mượn chi đây. Nghĩ vậy, sau khi chào hỏi Tùng, Trúc cũng làm ra vẻ khó khăn: - "Thú thực với anh nếu không mắc mấy chuyến làm ăn thất bát thì tôi đâu có thua em kém chị thế này. Hồi ấy tôi đã định ra ngoài Huế tìm anh, nhưng vì mấy trận mất mùa liên tiếp, kế đó là một trận đói khủng khiếp, trong nhà có mấy thửa ruộng tổ nghiệp phải cầm đi, gần đây mới chuộc về được".

Trúc còn nói nhiều nữa, chủ tâm là để khóa mồm Tùng nếu hắn có ý định vay tiền. Và để tỏ ra là mình thực sự nghèo khó, Trúc đãi bạn theo mức bình thường. Buổi sáng hôm sau, khi người đầy tớ nhà Trúc đến thưa với chủ xin làm một mẻ lưới ở ao kiếm vài con mè béo đãi khách để y còn ra đồng cày ruộng, thì Trúc đã ngăn lại:

- Úy! "Dần bất khả hạ trì" (giờ dần không nên xuống ao) mày lại không nhớ câu ngạn ngữ ấy ư? Mày muốn làm cho tao sạt nghiệp hay sao mà đòi bắt cá vào giờ này?

Biết ý chủ, người đày tớ lẳng lặng lui ra. Đến chiều hôm ấy, khi gà vào chuồng, vợ Trúc bảo người nhà nhốt riêng một con để giết thịt. Nhưng khi đưa gà ra cắt tiết, Trúc đã vội chạy xuống bếp:

- Ồ! "Dậu bất khả sát kê" (giờ dậu không nên giết gà), bạn cũ tâm giao ăn gì mà chẳng được, còn giết gà vào giờ này thì kiêng lắm đấy!

*

* *

Khi tới nhà Mai - người bạn nối khố thứ hai, Tùng vẫn khoác bộ cánh một người nghèo như lúc tới nhà Trúc. Và Tùng vẫn giấu kín không lộ cho Mai biết hoàn cảnh thực của mình. Mai từ lúc thôi học, trở về gặp cảnh nhà bần bách, anh cố sức chèo chống nhưng không gặp thời. Anh đi buôn mấy chuyến bị lỗ vốn, quay sang dạy học thì bị ốm, có mấy sào ruộng tổ nghiệp phải bán đi để chạy thuốc. Cuối cùng hai vợ chồng phải làm nghề cày ruộng rẽ, có khi phải ngày ngày đi làm thuê

mới đủ nuôi miệng. Tuy sống trong lều tranh vách đất, kiếm miếng ăn rất chật vật, nhưng hai vợ chồng không chút phàn nàn.

Thấy Tùng đến chơi nhà, Mai đón tiếp rất niềm nở. Mai giới thiệu bạn với vợ:

- Đây là người bạn thân thiết nhất ngày còn đi học với cụ đồ trên tỉnh. Từ dạo ấy đến giờ, dễ đến mười lăm năm. Mình nhớ chạy kiếm thứ gì về đãi anh ấy, nghe!

Tùng thấy vợ bạn vâng lời chồng cắp rổ đi chợ. Trưa lại, anh thấy người đàn bà ấy đội một rổ thức ăn về, nhưng trên đầu lại trùm một chiếc khăn đen mặc dầu không phải vào mùa gió rét. Lúc đầu Tùng không để ý. Sau đó, trong khi anh đi thơ thẩn ở hồi nhà thì thấy Mai và vợ kéo nhau vào buồng rì rầm trò chuyện. Ghé trông vào, một điều kinh ngạc đập vào mắt anh: lúc này vợ Mai đã lột bỏ chiếc khăn, nhưng mái tóc xanh trên đầu thì không còn nữa. Vì vậy, khi vợ chồng Mai bước ra khỏi buồng, Tùng vội hỏi lý do vì sao nàng lại cắt tóc. Biết không giấu được nữa, vợ Mai đành cắt nghĩa:

- Lúc sáng ra đi không có tiền, định hỏi mượn mấy người quen, họ cũng không sẵn. Nhân có nhà hàng tóc giả cần mua mấy lọn, sẵn có mớ tóc dài, tôi liền bán đi. Một đời một kiếp bạn mới đến chơi nhà, không lẽ ngồi nhìn nhau suông tình ư? Anh đừng ngại, tóc cắt đi rồi nó lại mọc, lo gì.

Tùng hết sức xúc động về hành động của vợ Mai. Anh bèn nói thật với bạn biết, nào chuyện mình thi đỗ làm quan, cất công tìm bạn, rồi đến nhà Trúc được y đối đãi tệ bạc thế nào, v.v... Nói xong, Tùng lục tay nải đưa ra cho vợ Mai một hộp trầu bằng vàng, và nói:

- "Hàm răng cái tóc là góc con người", tôi rất ân hận không được biết trước để ngăn chị đừng bán mất mái tóc quý giá. Nhưng cũng nhờ đấy mà tôi mới biết được tấm lòng vàng của chị. Bây giờ xin tặng chị vật này, chị cứ bán đi mà tiêu, sau này tóc dài, sẽ lại kiếm cách đi làm ăn.

Sau khi trở về được ít lâu, Tùng lại cho người đưa tiền đến cho Mai và cho Mai đi Nam-định học nghề thuộc da. Khi học đã thành nghề, Tùng còn giúp Mai mở một xưởng thuộc da ở ngay tại làng. Công việc kinh doanh của họ ngày một phát đạt. Mai còn đem nghề của mình

truyền bá cho dân làng. Nghề thuộc da trở thành một nghề làm ăn thịnh vượng chưa từng có trong một vùng.

Còn Trúc mãi về sau mới nghe tin Tùng đã làm quan to ở kinh thì lấy làm ân hận. Kế đó lại nghe tin Mai nhờ Tùng mà làm ăn khấm khá. - "Phải chi hồi đó ta tiếp bạn ta cho hậu, thì lo gì bạn ta lại không chạy cho được một chút phẩm hàm", hắn bụng bảo dạ thế. Một hôm, hắn bèn khăn gói lần lượt tìm đến nhà hai người thăm hỏi. Song đến nhà ai, hắn cũng được tiếp đãi một cách nhạt nhẽo. Hắn đành tiu nghỉu trở về [1].

KHẢO DỊ

Về chỗ mở xưởng thuộc da, ở Hà-tĩnh còn có người kể là giúp vốn buôn da trâu bò.

Trung-quốc có một vở tuồng đời Nguyên nhan đề *Bà mẹ họ Đậu cắt tóc lấy tiền thết khách* có nội dung gần giống với truyện của ta:

Có anh chàng họ Đậu vì nhà quá nghèo, không biết lấy gì để tiếp đãi ông bạn làm quan đi kinh lý trong quận, bèn viết bức thiếp cầm đồ lấy mấy quan tiền. Khi biết rõ chuyện, mẹ chàng buộc con phải mang đi trả, rồi cắt tóc mình bán cho người ta lấy 5 quan. Nhờ vậy, anh chàng họ Đậu thết khách tử tế. Khách cảm động về tấm lòng của bà mẹ, bèn đưa bạn về kinh cho ăn học. Sau đó chàng thi đỗ làm quan.

Trong *Kinh luật dị tướng* có truyện *Cô gái bán tóc để thết Phật*:

Một cô gái có mái tóc dài màu hung hung rất xinh. Một bà vợ vua thấy vậy đòi mua một ngàn đồng vàng. Cô muốn bán nhưng rồi lại thôi. Một hôm gặp đức Phật thuyết pháp, cô muốn mời Phật đến nhà đãi ăn một bữa, bèn tỏ ý ấy với mẹ. Mẹ cô bảo: - "Nhà ta nghèo quá biết lấy gì mà mời?". - "Cứ bán mái tóc của con". Bèn mời Phật mai đến chơi nhà. Cô gái đến gặp bà phi tỏ quyết tâm bán tóc, thì bà này lại bắt chẹt, chỉ trả có năm trăm. Cô cầm tiền đi mua thức ăn. Khi đức Phật đến, thấy lòng tốt của nàng, bèn hóa phép cho tóc nàng mọc lại như cũ[2].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn; và theo lời kể của người Hà-tĩnh (Mạnh Sào Quan).

2. Theo Sa-van-nơ (Chavannes). *Năm trăm truyện cổ tích và ngụ ngôn trích ở Đại tạng kinh.*

181. TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI

Ngày xưa ở Thanh-hóa có một người tên là Nguyễn Đình Phương. Nhà ông vườn cau ao cá, lại có chừng ba chục mẫu ruộng; trong nhà, vợ con, kẻ làm người lụng khá đông. Nhưng ông vốn là người hào hiệp. Khi có ai túng thiếu đến nhờ vả, ông sẵn lòng chu cấp, hay cho vay mượn, ít khi để họ phải về không.

Nguyễn Đình Phương có một người bạn cố tri tên là Trần Bính Cung làm nghề buôn gỗ. Bính Cung trước kia có của ăn của để. Trong nhà năm miệng ăn đều do một mình Bính Cung lo liệu. Nhưng từ dạo ông đi mấy chuyến bè thất bại, có bao nhiêu ruộng vườn đều cầm bán sạch. Tiếp đó Bính Cung bị một trận ốm nặng, trở nên nợ đìa. Quá hạn không trả được, chủ nợ cho bọn nặc nô đến đòi rất ráo riết. May mà có Nguyễn Đình Phương chạy tiền trả hộ, nếu không thì gia đình Bính Cung chẳng có cái mà ở. Sau đó, Bính Cung còn cho vợ con đến nhờ vả khi năm quan khi ba quan làm tiền thuốc men, Đình Phương vẫn vui lòng chu cấp. Thấy bạn quá tốt bụng với mình, vợ chồng Bính Cung vô cùng cảm kích.

Không ngờ bệnh của Trần Bính Cung mỗi ngày một nặng. Trước còn đi lại được, nhưng sau ốm liệt giường. Biết mình sắp chết, một hôm Bính Cung cho mời bạn tới. Khi thấy mặt Đình Phương, ông nói:

- Tôi mắc nợ của anh một số tiền lớn đã lâu rồi mà chưa nói đến chuyện trả, thật là phụ tấm lòng tử tế của anh.

Đình Phương liền gạt đi:

- Anh đừng nói thế! "Tiền là gạch, ngãi là vàng". Tình nghĩa mới là cái đáng quý, còn tiền bạc nào có nghĩa lý gì. Anh đừng nhắc đến nữa.

- Không - Trần Bính Cung tiếp - Tôi sở dĩ mời anh đến đây là vì món nợ làm tôi không lúc nào nguôi. Bây giờ tôi tính thế này. Ngôi nhà

này của tôi coi như gán vào món nợ, có văn khế viết sẵn ở đây. Nhưng trước mắt tôi: con thơ, vợ dại, em yếu, mẹ già, tình cảnh đáng quan ngại. Một mai tôi mất đi, nếu gia đạo tôi có việc gì, dám xin anh tìm cách cứu vớt. Về sau, con tôi lớn lên, gia đình tôi cất đầu lên được, nó sẽ không bao giờ quên ơn.

- Sao anh lại nói thế. Mẹ của anh cũng như mẹ của tôi, con của anh cũng như con của tôi. Còn nhà của tôi cũng như nhà của anh. Dù có thế nào, tôi cũng xin gắng sức. Anh cứ thuốc men cho lành, còn món nợ hãy gác lại, đừng bận tâm gì về nó cả.

Bính Cung không nghe lời, cứ ấn khế vào tay Đình Phương, lại gọi con mình ra bảo lạy sống Đình Phương, rồi nói:

- Bây giờ tôi chết mới nhắm mắt. Đa tạ bạn. Tôi sẽ xin kết cỏ ngậm vành kiếp sau.

Ngay sau khi Bính Cung tắt nghỉ, Nguyễn Đình Phương tỏ ra là người biết giữ lời hứa của mình. Ông bỏ tiền làm ma cho bạn chu tất. Ông sốt sắng giúp đỡ gia đình bạn: khi quan tiền, khi thúng thóc không biết sẻn. Cả nhà Bính Cung coi ông như cây cột trụ. Làng mạc xóm giềng đều khen ngợi không tiếc lời.

Nhưng dần dà người ta thấy lòng hào hiệp của Nguyễn Đình Phương không phải là vô hạn. Sự giúp đỡ theo thời gian cứ thưa dần. Càng về sau, việc vay mượn của gia đình Bính Cung trở nên khó khăn. Nhiều lúc người con Bính Cung phải đợi suốt buổi, mà cuối cùng vẫn phải vác rá về không. Đình Phương tuy có mặt ở nhà, nhưng người nhà vẫn đáp là "đi vắng". Thái độ chuyển từ sốt sắng ra lạt lẽo của Đình Phương làm cho mẹ con Bính Cung thất vọng, coi như một sự lừa gạt. Một hôm, sau những ngày thiếu ăn, mấy lần đến vay không được, người vợ Bính Cung đón đường cố tìm gặp Đình Phương để hỏi cho ra lẽ. Khi gặp mặt, người đàn bà vật nài:

- Mẹ con bà cháu chúng em đói no là nhờ ở một tay bác. Mong bác rón tay giúp đỡ cho qua hội này.

Đình Phương vội vàng từ chối:

- Gia đình chúng tôi dạo này cũng túng bấn tợn. Chị có thể chạy hỏi các nơi khác xem thử.

- Mẹ con chúng em chịu ơn bác rất nhiều, không bao giờ quên được. Biết đi lại mãi cũng làm phiền bác, nhưng tin vào lời hứa của bác với nhà em lúc sắp mất nên một hai cậy dựa vào bác. Chẳng lẽ tình nghĩa ngắn ngủi có thế thôi ư?

Vợ Bính Cung không ngờ tới câu trả lời chát chúa của Đình Phương:

- Chị dạy thế là lầm. Tôi cũng có vợ có con của tôi chứ. Có đâu cứ phải tư cấp cho gia đình chị mãi được. Không khéo tôi phải bán ngôi nhà bên nhà chị để trang trải vài món nợ đây!

Nghe lời nói như một gáo nước lã giội vào lưng, người vợ Bính Cung đành gạt nước mắt ra về, không quên kể lại sự tình cho mọi người trong nhà nghe. Cả nhà ngồi lại khóc rấm rứt. Bỗng có một ông lão lối xóm chạy đến hỏi vì sao mà khóc. Người vợ Bính Cung kể lại đầu đuôi từ lúc tình bạn đậm đà, cho đến những câu trả lời tuyệt tình vừa rồi của Đình Phương, rồi nói:

- Cụ tính, bác ấy là ân nhân của chúng tôi mà thay lòng đổi dạ chóng thế, thì cả nhà còn biết làm sao mà sống bây giờ!

Nói xong lại khóc nức nở. Ông lão đáp:

- Thắm lắm thì phai nhiều, âu đó là thường tình của người đời. Thôi bây giờ mẹ con bà cháu nhà mợ hãy cố gắng tìm lấy một nghề mà nuôi nhau.

- Cụ tính, trong nhà một đồng một chữ cũng không có. Ngôi nhà này là của họ, họ còn dọa bán, nay mai biết trú ngụ vào đâu. Thế thì cụ bảo làm nghề gì?

- Mợ cả và cô có biết dệt sồi chăng?

- Nuôi tằm dệt lụa cũng có thể học mà làm được cả, nhưng vốn liếng ở đâu, lấy gì mua khung cửi, lấy gì làm lương ăn cho cả nhà cho đến lúc có sồi đem đi chợ?

- Tôi thì chả phải giàu có gì, nhà mợ cũng biết. Nhưng thấy tình cảnh nhà mợ cũng đáng thương. Bây giờ tôi bàn thế này. Cứ phải luôn luôn nhờ vả người ta mãi quả là không tiện. Trong tay cần phải nắm chắc lấy một nghề, có biết chèo lái thì mới hòng đưa con thuyền qua được sóng cả. Nhà tôi vốn làm nghề dệt đã ba đời nay. Nếu mợ quyết chí thì

tôi sẽ xin truyền cái nghề của chúng tôi cho mợ. Còn vốn liếng khởi sự, tôi sẽ xin cố giúp, sau này đợi lúc khá giả sẽ hoàn lại cũng được.

Ông lão nói rồi bắt tay vào làm ngay. Người vợ Bính Cung không ngờ một ông lão dệt sồi ở xóm lại tỏ ra hào hiệp có phần vượt xa Nguyễn Đình Phương. Ông xuất tiền một lúc mua ngay khung cửi và mọi đồ lề khác để cho hai người đàn bà học dệt. Lại bỏ vốn cân tơ. Ông lão còn mất khá nhiều thì giờ để bày vẽ cho họ mọi bí mật của nghề nghiệp. Chẳng mấy chốc họ đã có sồi đem ra chợ bán. Càng ngày nghề của họ càng tinh. Mẹ con bà cháu tằn tiện cũng đủ bát ăn và bắt đầu cho đứa bé đi học. Không bao lâu, gia đình đã dành dụm được tiền đem đi chuộc nhà và số ruộng vườn về. Từ khi chuộc được nhà, họ lờ hẳn Nguyễn Đình Phương coi như người xa lạ, trái lại ân cần coi ông lão là một vị ân nhân.

Thấm thoắt bảy tám năm trôi qua, người con gái Bính Cung đã có người dạm hỏi. Hôm cưới, trong nhà rộn rịp giết lợn bày cỗ rất linh đình mà theo ý người vợ Bính Cung là để cho bõ những ngày gian truân vừa qua.

Nhưng giữa tiệc cưới vui vẻ, khách khứa tấp nập, người vợ Bính Cung nhác thấy Nguyễn Đình Phương - người mà bà đã có chủ định không mời - cũng khăn áo đến dự. Vợ Bính Cung tiến ra đón ở cửa, chua chát:

- Bác hôm nay cũng đến đây ư? Chao ôi! Tôi cứ tưởng bác phải quên chúng tôi lâu rồi. Chắc bác nghĩ rằng gia đình chúng tôi phải chết giấm chết giúi từ đời thuở nào, còn đâu được bác chiếu cố đến thăm nhà hôm nay nữa...

Vợ Bính Cung còn định tìm những câu đau hơn nữa để nói cho Đình Phương biết mặt, nhưng lúc bấy giờ ông lão ân nhân đã bước ra, rỉ vào tai:

- Mợ cả, mợ đừng vội nóng, để tôi nói mợ nghe. Tất cả vốn liếng mà tôi giúp mợ, cả công lao bày vẽ của tôi nữa đều là tiền bạc của ông Phương đây cả. Tôi chỉ là người trao hộ, làm hộ mà không nói ra cho mợ biết đó thôi[1]!

1. Theo *Thực nghiệp dân báo*.

KHẢO DỊ

Truyện này về chủ đề có phần giống với truyện *Lưu Bình-Dương Lễ* đã được dân gian đặt thành chèo.

Lưu Bình và Dương Lễ là đôi bạn thân. Dương Lễ đỗ cao làm quan, trong khi đó Lưu Bình thi hỏng, cửa nhà sa sút. Lưu Bình tìm đến nhà nhờ vả bạn, nhưng Dương Lễ tỏ vẻ lạnh nhạt không tiếp.

Khi Lưu Bình giận bỏ ra về thì Dương Lễ kín đáo sai Châu Long, người vợ thứ ba, mang vàng đi nuôi bạn, dặn khi nào bạn học thành tài hãy trở về. Gặp Lưu Bình, Châu Long giả bộ đính ước, nhưng lại ngăn buồng làm đôi, hẹn chỉ đến lúc thi đỗ mới được vào. Lưu Bình nhờ phẫn chí nên học tấn tới, sau đỗ cao. Lúc vinh quy trở về thì không thấy Châu Long đâu nữa. Cho tới khi đến chơi nhà Dương Lễ, bạn cho Châu Long mang trầu ra chào, Lưu Bình mới vỡ lẽ ra là bạn đã chí tình với mình. Từ đó tình bạn lại thắm thiết như xưa.

Khoảng cuối thế kỷ XVIII Đoàn Thị Điểm có viết một truyện nhan đề là *Tùng bách thuyết thoại* có nội dung giống hệt truyện *Lưu Bình-Dương Lễ*:

Thấy Hà sinh có văn tài mà bỏ học đi làm ruộng, Nguyễn sinh sau khi kết bạn, bèn khuyên bạn đi học. Nghe lời, Hà sinh sau ba năm học tập đỗ thi Hương và thi Hội. Trái lại, Nguyễn sinh cậy tài thi hỏng. Khi Nguyễn sinh mang lễ vật đến mừng bạn thì Hà sinh tỏ vẻ lạnh nhạt không tiếp, nhưng cũng như Dương Lễ, chàng bí mật sai một người thiếp đi giúp bạn. Được sống gần người đẹp và được nàng hứa hẹn sẽ cùng kết duyên sau khi thi đỗ, Nguyễn sinh nỗ lực học tập và cuối cùng đỗ hoàng giáp. Đỗ rồi, chàng đến nhà bạn với một vẻ kiêu ngạo, và trong câu chuyện với bạn có nói đến một nàng tiên giúp mình. Nhưng khi Hà sinh cho gọi người thiếp bưng trầu ra mời, chàng mới biết sự thật [1].

Người Đun-gan ở tỉnh Cam-túc (Trung-quốc) có truyện *Lu Lô nhận ra Ma Chuôn và sau đó thấy rõ lòng chàng*, cũng có những nét tương tự với các truyện trên:

Vì đến kinh kỳ dự thi với tay nải rỗng, Ma Chuôn đành dừng lại ở nhà một phú hộ chuyên bỏ của làm việc thiện tên là Lu Lô. Không những giúp đỡ người khách lỡ độ đường, Lu Lô còn nhận Ma Chuôn làm anh em kết nghĩa. Nhờ tài học của mình cũng như sự hào hiệp của Lu Lô, Ma Chuôn cuối cùng

1. Theo *Truyền kỳ tân phả.*

đến kinh, thi đỗ trạng làm quan to. Về sau, Lu Lô bị khánh kiệt gia sản, tìm đến nhà Ma Chuôn để nhờ giúp đỡ, nhưng người này tiếp anh một cách lạnh nhạt. Lu Lô buồn bã trở về và lấy làm tiếc rằng phải đến nhờ vả một người như Ma Chuôn. Nhưng trên đường trở về anh gặp nhiều người không quen biết, và tuy chỉ mới gặp lần đầu, Lu Lô thấy họ vui vẻ mời mình về nhà khoản đãi tiệc tùng thân mật. Khi anh về đến nhà, thì từ trên nền nhà cũ của mình có những người thợ khéo tay đã xây lên một ngôi nhà hai tầng rất đẹp. Khi biết rằng ngôi nhà ấy cũng như sự mời mọc ân cần nhận được trên dọc đường về là theo lệnh của Ma Chuôn, Lu Lô rất cảm động. Sau anh chết, Ma Chuôn còn lo chôn cất bạn như đối với anh ruột [1].

1. Theo Rip-tin (B. Riftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov). *Truyện cổ và truyền thuyết dân gian Đun-gan.*

182. Ả CHỨC CHÀNG NGƯU

Vào một ngày rất xưa, trong khu rừng sâu có một giếng nước trong mát luôn năm không bao giờ cạn, gọi là giếng tiên. Vì giếng ở cách xa dân cư, người trần không mấy ai qua lại nên các nàng tiên trên trời thường dùng chỗ ấy làm nơi tụ hội. Ở đấy họ thỉnh thoảng đến lấy nước, hoặc có khi trút bộ cánh trên bờ, xuống bơi lội đùa giỡn cho thỏa thích.

Cũng ngày ấy, ở cõi trần có một chàng trai làm ăn chăm chỉ nhưng sống một thân một mình. Một hôm anh lên rừng đốn củi, không ngờ quá chân lạc bước đi mãi vào khu rừng sâu. Trong khi tìm lối ra, anh bỗng đi qua cái giếng tiên lúc ấy có ba nàng tiên đang bơi lội cười đùa trong làn nước. Anh chàng lặng lẽ đứng nhìn mê mẩn quên cả về. Thấy có ba bộ cánh trắng toát để lại trên bờ cỏ xanh, anh tính chuyện rình bắt một cô theo mình. Nghĩ vậy anh rón rén bò lại lấy trộm một bộ, rồi nấp vào một gốc cây.

Sau khi tắm xong, ba nàng tiên thong thả lội lên bờ. Hai nàng được cánh của mình bay vụt lên trời, còn một nàng mất cánh ngơ ngác tìm tòi khắp nơi. Thấy vậy, anh chàng từ chỗ nấp bước ra. Nàng tiên cầu khẩn:

- Hỡi chàng trai lạ! Chàng hãy vui lòng trả cánh cho ta để ta về!

- Không được! Chàng trẻ tuổi tươi cười trả lời. Bộ cánh này đã lọt vào tay ta thì đừng có hòng lấy lại. Nàng hãy theo ta về nhà làm vợ. Ta sẽ làm cho nàng sung sướng!

Mặc dầu nàng tiên van khóc hết lời, chàng trai nhất định không chịu trả. Trời đã xế chiều, anh chàng làm bộ cương quyết ra về. Túng thế nàng tiên đành phải lẽo đẽo đi theo. Về tới nhà, trước tiên anh bí mật giấu kỹ bộ cánh rồi ra soạn sửa cơm nước, áo quần, chăn chiếu cho nàng tiên dùng. Từ đó nàng tiên trở thành vợ anh.

Lấy nhau không được bao lâu, vợ chàng sinh một đứa con trai. Thấm thoắt đứa con đã lên ba tuổi. Chồng sung sướng nhìn con bập bẹ tập nói, còn vợ thì đã thưa nhắc đến chuyện đòi lại bộ cánh để trở về trời.

Một hôm, anh chàng có việc phải đi xa và đi lâu. Trước khi lên đường, anh dặn vợ:

- Mẹ con ở nhà, *có ăn thì ăn đụn lúa vang, rồi sang đụn lúa ré, chớ ăn đụn lúa rẹ, có tổ ong vò vẽ, đốt cả mẹ liền con.*

Nhưng vợ ở nhà không làm theo đúng lời dặn của chồng. Sau khi ăn hết đụn lúa vang, nàng liền chuyển sang ăn đụn lúa rẹ. Không thấy có tổ ong vò vẽ nào đốt cả, nàng tiên bèn sinh mối ngờ vực. Lời dặn của chồng, nếu trước đấy là một lời dậm dọa, thì lúc này đã trở thành một câu mách ngầm. Quả nhiên, sau một hồi tìm tòi, nàng tiên đã tìm thấy bộ cánh cũ của mình giấu kín dưới cót thóc mà chồng dặn phải kiêng không đụng đến.

Được cánh, nàng tiên nóng lòng về thăm bố mẹ, chị em đã từ lâu xa cách. Nhưng khi lắp cánh vào thì thấy ngường ngượng. Đã lâu lắm không bay, nàng cảm thấy nặng nề khi cất cánh. Từ đó, hàng ngày nàng phải giở cánh ra tập luyện. Mỗi lần mẹ bay la bay bổng, đứa con trai ngây thơ cười như nắc nẻ.

Thấy con cười, mẹ mắng:

- *Cười sằng sặc có khi rặc cổ, cười ha hả có khi rã xương!*

Chẳng bao lâu thói quen đã trở lại. Nhưng vì thương con, nàng tiên vẫn nấn ná chưa chịu về trời.

Lật bật đã sắp đến ngày về của chồng. Nàng quyết định phải ra đi. Một buổi chiều, nàng tiên làm một mẻ rất nhiều bánh. Sáng hôm sau, mẹ đưa con vào buồng, dặn: -"Con ở nhà hễ khi nào đói thì vào buồng lấy bánh mà ăn đừng có đòi mẹ nhé!". Rồi mẹ gài lên áo con một chiếc lược và dặn:

- Con nhớ giữ lấy lược cho cha nghe!

Dặn đoạn, nàng tiên vỗ cánh bay bổng lên không trung.

*

* *

Người chồng trở về thấy mất vợ, lại thấy lược vợ cài vào áo con thì đoán ra nông nỗi: con chim trời đã về tổ cũ. Từ đấy cha con cui cút, lòng anh buồn rười rượi; thằng bé vắng mẹ kêu khóc đêm ngày. Một hôm, chàng lại bế con tìm lên giếng tiên. Chàng vẫn nhớ con đường đi ngày nọ xuyên qua mấy khu rừng sâu. Nhưng lần này cây cỏ rậm rì che kín hết lối. Chàng tìm mãi hết ngày này sang ngày khác. Cuối cùng chàng cũng lần tìm ra chốn cũ. Lập tức chàng đưa con đến nấp bên bờ giếng tiên, hy vọng sẽ được gặp lại vợ ở đây. Chờ mãi đến trưa hôm sau, cha con mới thấy một bà già từ trên trời xách thùng xuống múc nước. Từ chỗ nấp bước ra, chàng trai nắm lấy thùng cầu khẩn:

- Hỡi bà tiên! Bà hãy thương tôi giúp cho tôi một việc.

- Việc gì? Bà tiên hỏi.

- Tôi là chồng nàng tiên ba năm trước đây xuống tắm chốn này. Nàng đã là vợ tôi và là mẹ của thằng bé này. Thế mà nàng đột ngột bỏ về trời không một lời để lại. Vậy bà làm ơn giúp cha con chúng tôi, nhắn tin cho vợ tôi xuống đây gặp chồng gặp con một tý. Đây là chiếc lược của vợ tôi để lại làm dấu tích, bà cứ cầm về, vợ tôi khắc biết ngay.

- Ta biết rồi. Nàng tiên đó là ả Chức. Ả Chức hằng ngày dệt vải nhưng vẫn nhớ chồng nhớ con. Được, ta hứa sẽ đưa giúp.

Hai cha con lại cất công ngồi chờ cho đến tận chiều hôm sau mới thấy có hai người từ trên trời xuống. Họ có đem theo mọi thứ dây túi để đưa cha con lên trời. Họ dặn cha con phải nhắm mắt và phải giữ hết sức im lặng. Vào khoảng canh khuya, hai cha con đã bước vào cõi trời, và khi có lệnh "mở mắt", họ đã yên vị trong nhà ả Chức. Vợ chồng, mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi.

Nhưng chỉ được hai ngày sau, hai cha con lại phải rời "thượng giới". Lệnh cấm của Ngọc Hoàng rất nghiêm. Bất cứ người trần nào dám cư trú ở cõi trời đều bị coi như kẻ địch. Người nào chứa chấp cũng bị tội nặng. Ả Chức tuy thương chồng con vô hạn, nhưng không thể xuống sống ở cõi trần. Đành phải chia tay.

Ngày hôm đó, vợ gạt nước mắt trao cho hai cha con một cái trống, một mo cơm, và dặn: -"Hễ chân chạm đất thì cứ đánh ba tiếng trống để trên này biết mà cắt dây".

Hai cha con xuống được nửa đường thì trời đã trưa. Thấy thằng bé khóc đói, anh chàng bèn dừng lại giỏ mo cơm đặt lên mặt trống cho con ăn. Thằng bé bốc cơm ăn làm vương vãi trên mặt trống. Một đàn quạ thấy vậy bèn sà xuống mổ lấy mổ để. Ở trên kia, ả Chức nghe có tiếng trống tưởng là cha con đã xuống đến đất, bèn cứ việc cắt dây. Dây đứt, cha con rơi xuống biển cả. Thấy việc không ngờ lại xảy ra như thế, đàn quạ biết là lỗi tự mình, bèn bay lên trời kêu váng cả lên. Thế là việc phạm lệnh cấm của nhà ả Chức lọt đến tai Ngọc Hoàng.

Sau khi biết rõ tình cảnh của họ, Ngọc Hoàng lấy làm thương hại, bèn hạ lệnh cho cha con lên trời, giao cho chàng công việc chăn trâu. Sau này người ta gọi anh là chàng Ngưu, hay chàng Ngâu. Hàng ngày chàng Ngưu thả trâu của nhà trời ăn cỏ nhưng chỉ được phép thả trâu và cư trú bên kia bờ sông Ngân. Bên này bờ, ả Chức vẫn ngày ngày dệt vải. Mỗi năm Ngọc Hoàng chỉ cho hai vợ chồng gặp nhau một lần vào ngày mùng bảy tháng Bảy. Đàn quạ có lỗi thì ngày hôm ấy phải đội đá bắc cầu cho hai vợ chồng qua lại.

Từ đấy, cứ đến ngày mùng bảy tháng Bảy, trời thường rỉ rả mưa phùn, người ta gọi là mưa Ngâu, cho rằng đó là những giọt nước mắt của vợ chồng được gặp gỡ trong một ngày, rồi lại ly biệt cho đến năm sau. Giống nòi quạ cho đến nay vào ngày ấy thường bị sói đầu, người ta cho là vì phải làm phận sự đội đá bắc cầu nên mới như thế [1].

KHẢO DỊ

Về chỗ chàng Ngưu cùng con đứng chờ ở giếng tiên, có người kể hơi khác như sau:

Qua mấy ngày chờ đợi, chàng Ngưu không thấy nàng tiên nào xuống tắm, cuối cùng chỉ thấy một thị tỳ quảy thùng xuống múc nước. Cha con lân la đến xin uống. Trong khi chàng Ngưu than thở kể lể chuyện mình với người đàn bà, thì đứa bé vô tình đánh rơi chiếc lược (hoặc cái trâm) của mẹ nó vào thùng. Không ngờ người đàn bà ấy lại là thị tỳ của ả Chức. Lúc về đổ nước ra dùng, ả Chức nhận ra chiếc lược của mình, hỏi chuyện mới hay chồng và con đang

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Bắc-ninh.

đi tìm. Bèn lấy ra một chiếc khăn phép trao cho người hầu, bảo xuống giếng tiên đưa cho cha con đội lên đầu là có thể theo người hầu lên trời[1].

Ở Nghệ-an có người kể lại như sau:

Một người đàn ông chưa có vợ một hôm đi gặt, tự nhiên thấy có một cái cánh ở lưng chừng trời sa xuống, bỗng chốc nhìn lại thì hóa ra là một người đàn bà xinh đẹp. Người này để lại bộ cánh trên bờ ruộng, lần mò xin gặt thuê. Anh chàng nhận lời cho gặt, nhưng khi lượm lúa, anh trộm lấy cánh giấu vào bó lúa. Chiều tối người đàn bà mất cánh đành phải về theo anh làm vợ, sau sinh được ba người con. Một hôm người chồng phải đi lính, khi đi dặn vợ:

- Ăn hết cót lúa vang, ăn sang cót lúa ré, đừng có ngó nghé đến cót lúa chiêm[2].

Vợ nghi ngờ, bèn mở cót lúa chiêm ăn trước, quả tìm được cánh, bèn về trời. Chừng người chồng mãn hạn lính trở về, cha con dắt nhau đi tìm, than khóc không nguôi. Bụt hỏi vì sao mà khóc. Anh ta kể lại đầu đuôi. Bụt bảo ngày mai nếu thấy có dây từ trên trời thả xuống thì cha con cứ nắm lấy mà trèo lên. Hôm sau, nhờ sợi dây anh chàng leo được lên đến cửa nhà trời, gặp lại vợ. Kết thúc cũng có tình tiết cha con trở về với cái trống, gói cơm và cũng bị đàn quạ (ác là) làm cho người nhà trời vặn (?) dây, đưa đến cái chết của hai cha con. Nhưng người kể lại cho rằng cha hóa thành con cuốc, con hóa thành con ve, chứ không phải được lên trời như truyện trên[3].

Một dị bản *Người lấy tiên*, lại có những tình tiết khác nữa: Có hai anh em, bố mẹ mất để lại một số tài sản. Anh tham lam chiếm lấy tất cả, chỉ chia cho em một thửa ruộng xấu. Cày không được, người em chỉ ngồi khóc. Một vị tiên xuất hiện, hỏi: - "Vì sao con khóc?" Hắn trả lời: - "Ruộng khô cứng cày không nổi, biết lấy gì mà sống đây!". Tiên bèn chọc gậy xuống đất, tự nhiên nước theo lỗ phun lên đầy ruộng. Người em cày cấy. Đến mùa lúa chín bội thu, người em gặt không xuể (có người kể gặt đến đâu lúa mọc lên đến đấy) lại ngồi khóc. Tiên lại hiện ra hỏi lý do rồi cho năm tiên nữ xuống gặt giúp. Người em thấy các nàng xinh đẹp, bèn giấu đi một cặp cánh. Cuối cùng nàng tiên mất cánh trở thành vợ chàng như các truyện trên. Sau khi tìm được cánh, nàng tiên bèn rang bỏng trộn mật cho con ăn dần, lại đặt một chậu nước ở giữa

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

2. Câu này người Vĩnh-phú kể là: *"Ăn thì ăn cót lúa dé (ré) đừng ngó nghé đến cót lúa chiêm"*.

3. *Bản khai thôn Chính-đích, xã Mỹ-lợi.*

nhà cho con uống dần. Ở đây người chồng lên trời tìm vợ tiên bằng cách đốt "cơ nghiệp" để cho ngọn khói đưa hai cha con bay lên. Đến nơi, họ không biết lối, trong khi đi tìm, họ dừng lại bên giếng nhà trời xin nước uống đỡ khát, vô tình đứa bé đánh rơi lược mẹ vào thùng nước, nhờ vậy mà chồng gặp lại vợ. Sau đó theo người kể, cả vợ chồng con cái cùng xuống trần mỗi người một nơi, về sau họ mới lại lên trời[1].

Mô-típ truyện *Ả Chức chàng Ngưu* hầu như ít vắng mặt trong cổ tích thần thoại của nhiều dân tộc, đặc biệt các dân tộc ở Đông nam Á nói riêng, ở Á - Úc nói chung. Chúng tôi chỉ kể sau đây một số truyện có tính chất điển hình.

Trước hết là truyện của đồng bào Cham-pa *Lưỡi dao thần*, tình tiết có nhiều nét độc đáo:

Một chàng trai mồ côi chăn trâu cho người, một hôm lấy trộm xiêm áo của ba nàng tiên thường đáp xuống chỗ xoáy nước tắm, không ngờ bị họ làm phép chẳng những lấy lại được xiêm áo mà còn giết chết chàng trai. Một con rùa - con thần Nước - vốn trước đây được chàng trai cứu khỏi nạn đá đè, thấy vậy, bèn nhổ một cây thuốc thần có phép cải tử hoàn sinh làm cho ân nhân - bấy giờ xác đã nát rữa - sống lại. Nhờ cây thuốc này mà phép của nàng tiên không còn hiệu nghiệm khi chàng lại trộm xiêm áo lần thứ hai. Thế là nàng tiên thứ ba, người mất trộm xiêm áo lần này, đành trở thành vợ chàng và sinh với chàng một đứa con trai. Một hôm chồng đi chăn trâu như thường lệ, vợ đổ thóc trong bồ ra phơi thì tìm được xiêm áo bấy lâu chồng giấu trong đó, bèn mặc vào rồi bay về trời. Chàng trai trở về thấy mất vợ, bèn mang cây thuốc và bế con tìm đến chỗ xoáy nước để tìm. Gặp lại rùa thần, rùa cho hai viên thuốc quý và một lưỡi dao thần. Uống xong thuốc, hai cha con bỗng trở nên cao lớn và khỏe hơn trước bội phần. Trên đường đi tìm, họ gặp đại bàng (rác), đại bàng bắt cha con hàng ngày phải đi tìm lươn cho nó ăn. Một hôm mưa lụt không có lươn, đại bàng nuốt họ vào bụng. Không ngờ nhờ cây thuốc thần, họ chẳng những không chết lại còn dùng dao rạch ruột chim chui ra. Sau đó họ nhổ của chim hai chiếc lông, cắm lên thuyền, thuyền tự dưng bay bổng lên trời đến chỗ nàng tiên. Ngọc Hoàng - cha nàng tiên - cho quân vây bọc trùng trùng điệp điệp để bắt, nhưng nhờ lưỡi dao thần, hai cha con làm cho chúng chết không kịp ngáp. Chồng vào cung tiên cứu được vợ bấy giờ đang bị Ngọc Hoàng bắt trói, rồi đưa vợ về thuyền và xuống trần bình yên[2].

1. Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Phương. *Truyện cổ tích,* đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam,* tập II.

Đồng bào Cham-pa còn có truyền thuyết giải thích vì sao những người theo đạo Hồi không ăn thịt lợn, cũng có hình tượng gần gũi với một hình tượng của *Ả Chức chàng Ngưu*:

Một nàng tiên có tên là Phu-ta-mú được Ngọc Hoàng sai xuống trần lấy chồng, đẻ được hai con (ở đây không có hình ảnh trộm cánh). Nhưng một hôm thiên đình bất chợt gọi Phu-ta-mú về trời. Thấy nàng ngần ngại không muốn đi, thiên thần dạy cho nàng làm 37 thứ bánh (trong đó nhiều nhất là loại bánh đa) để lại cho chồng dùng dỗ con nín khóc đặng yên tâm mà về trời. Con, trước chịu ăn, nhưng sau lại khóc nư, dỗ mãi không được. Về sau thiên thần sai Tu-trư (nguyên là lợn) xuống thay Phu-ta-mú, cho hai con nàng bú. Vì thế hai đứa trẻ coi Tu-trư như mẹ, không khóc nữa. Từ đó người Cham-pa kiêng ăn thịt lợn[1].

Truyện của đồng bào Ê-đê *Rum Dú với nàng tiên* gần với truyện *Lưỡi dao thần* của Cham-pa, nhưng tình tiết khác nhiều:

Rum Dú nhà nghèo làm nghề câu cá nuôi mẹ, một hôm ngồi câu bỗng thấy có chín nàng tiên từ lưng trời đáp xuống suối tắm. Sợ hãi, chàng bỏ chạy. Một vị thần ngăn lại bảo: - "Sao không chọn một cô làm vợ mà lại chạy?"-"Lấy thế nào được!" - "Cứ chọn một nàng nào đẹp nhất, trộm lấy chăn (vải choàng) của cô ta, là cô ta phải theo". Hôm sau anh làm như lời dặn. Nhưng khi nàng tiên gọi anh, anh ngoảnh mặt lại, lập tức bị biến thành bãi phân bò. Vì thế nàng tiên bay thoát. Ở đây, vị thần thương hại Rum Dú, xin trời làm cho chàng sống lại. Đoạn, dặn chàng lúc nào nàng tiên gọi thì chớ có ngoảnh mặt lại. Nhờ thế, Rum Dú lấy được nàng tiên đẹp nhất làm vợ. Vợ đẻ con. Trời hay tin, sai bộ hạ xuống bắt nàng tiên phải về nếu không sẽ giết chết. Túng thế, nàng phải tìm chăn để về trời. Chờ lúc Rum Dú đi vắng, nàng nói khéo với mẹ chồng lấy cho mình cái chăn để bay cho mẹ xem. Được chăn, nàng bay mất.

Thương chàng trai mất vợ, Bụt (?) cho anh một con công sắt ba cánh để đi tìm. Anh cõng con, được công đưa lên trời. Gặp vợ, vợ cho biết là Đăm Lít đang ép nàng lấy nó làm chồng. Kết quả Rum Dú giành lại được vợ bằng cách trổ tài trong các cuộc thi với Đăm Lít như làm nhà, đào sông, đào núi v.v..[2].

Truyện *Nàng tiên thứ chín* của người Hrê (Hré) là một dị bản của truyện vừa kể:

1. Bố Thuận và Nguyễn Khắc Ngữ: *Tại sao người Chàm Ba-ni kiêng thịt heo và thịt* [kỳ] *nhông? Văn hóa nguyệt san* số 53 (1960).
2. Theo *Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam*, tập I.

Một chàng trai nghèo ở với mẹ già cũng được ông tiên bày cho một cách tìm vợ và trộm lấy cánh của các cô gái nhà trời thường đáp xuống hồ trên núi để tắm. Quả nhiên anh buộc được cô thứ chín đẹp nhất làm vợ; ở đây không có chuyện bị biến thành bãi phân bò. Họ cũng sinh được một trai và sau đó cũng có chuyện bộ hạ nhà Trời (ở đây là thần Sét) xuống buộc nàng phải trở về nếu không sẽ giết cả chồng lẫn con. Nàng tiên bèn lấy ba ống nứa vắt sữa để lại cho con, cắt một nắm tóc để lại cho chồng, rồi theo thần Sét về trời; không có chuyện tìm cánh hoặc bay thử cho chồng xem. Trở về thấy mất vợ, anh chàng cũng được con công sắt (không phải do thần mà là do thợ rèn chế ra) biết bay. Sắp tới thiên đình, còn phải vượt một con sông. Chồng đã thấy vợ ngồi giặt áo ở bờ bên kia, nhưng chim sắt không thể vượt nổi. Hai bên chỉ trông nhau mà khóc.

Dân nhà trời thấy vậy bèn họp nhau lại xin phép vua cho họ gặp nhau. Nhưng vua đã có ý định gả nàng cho người nhà trời, nên không thuận. Nhưng dân lại dùng áp lực buộc vua phải theo. Cuối cùng vua nhận, nhưng buộc chàng trai phải chịu ba cuộc thử thách: 1) phải nhặt cho hết số vừng gieo trong một cánh rừng dài khoảng chim bay mỏi cánh (nhờ có chim sẻ giúp trong việc này); 2) phải ăn cho hết ớt chín trong một khu rừng toàn ớt (nhờ có thầy cúng hóa thành chim chào mào ăn hộ); 3) phải làm một ngôi nhà đẹp giữa sông (nhờ thần Cá ra lệnh cho các giống thủy tộc cùng nhau làm nên kỳ công này, gần giống với truyện Ba-na (Bahnar): Vua Rơ, anh Hơ-rít và con thỏ, xem **Khảo dị**, truyện số **80**), nên vợ chồng mẹ con gặp nhau. Trong khi đó vua nhà trời vì có cái hứng nhóm lửa nấu ăn trên ngôi nhà mới, nên giống thủy tộc thấy nóng lần lượt trốn chạy làm cho vua và bộ hạ chết đuối. Vì thế anh chàng được dân nhà trời cho thay vua cai quản thiên đình[1].

Truyện *Đươm Be* của dân tộc Ca-tu cũng là một dị bản của hai truyện trên. Trong truyện này, cuộc chiến đấu của chàng trai lấy vợ tiên không phải diễn ra ở trên trời, mà ở ngay trên mặt đất:

Một đứa bé vừa sinh ra đã có răng, biết đi, biết nói, nên bị bố mẹ đem bỏ trên rừng. Tuy vậy nó vẫn sống bằng cách đi trộm ngô khoai rau trong các nương rẫy. Không ngờ một hôm đến trộm của ông nội thì bị bắt. Từ đấy em ở với ông, được ông thường cho đi câu, đặt tên là Đươm Be (chàng lưỡi câu). Cũng có tình tiết gặp hai nàng tiên xuống gần chỗ mình câu. Nghe lời ông nội xui, chàng trộm lấy áo quần nàng tiên rồi chạy. Nhưng gần như truyện trên, nghe tiếng gọi của nàng tiên, Đươm Be quay lại, nên người chàng tự nhiên

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II, đã dẫn.

trở thành mềm nhũn rồi tan ra như bãi cứt trâu. Chiều tối, người ông không thấy cháu về, bèn đốt đuốc đi tìm. Ở đây chàng sống lại không phải do phép trời mà do người ông lấy lá gói đem về bỏ vào nồi đun đổ ra sàn. Sau đó, Đươm Be lại đến trộm áo quần hai nàng tiên rồi chạy, nhưng nhờ đề phòng trước, không quay cổ lại, vì vậy hai nàng trở thành vợ chàng. Ở đây hai nàng hóa phép làm cho chồng có đủ đồ dùng thức ăn rất sung sướng.

Nhưng rồi tiếng đồn Đươm Be lấy được vợ đẹp đến tai vua. Vua ra lệnh cho chàng phải đi tìm sữa hổ, nhờ vợ, chàng tìm được. Kế lại bắt tìm sữa gấu, sữa bò tót, cũng nhờ vợ, chàng đều thành công, lại được gấu và bò tót gả con gái cho làm vợ. Vua lại bắt đi kiếm cây mây dài ba trăm sải. Vợ trao cho chồng một đoạn mây ngắn rất mầu nhiệm để cầm tới nộp vua, mây càng kéo bao nhiêu càng dài bấy nhiêu.

Vua lại buộc Đươm Be phải đưa chó, rồi trâu đến chọi với chó và trâu của mình. Nghe lời vợ tiên, chàng đưa vợ gấu của mình cắn chó nhà vua chết, rồi đưa vợ bò tót đánh bại trâu nhà vua. Vua lại bắt chàng đi kiếm sữa cá sấu. Nhờ vợ tiên đưa thú dữ đến giúp và lần này đến lượt vua bị thú dữ làm cho thuyền đắm, rồi bị Đươm Be bắt về xử tội. Cuối cùng chàng trở thành vua[1].

Người Ca-tu còn có truyện *Anh chàng canh rẫy* gần với truyện của chúng ta hơn:

Một chàng trai ở với mẹ thường đi canh rẫy. Ở chỗ suối nước, anh làm một cái "túc" (máy bằng tre dùng sức nước bật lên thành tiếng cho thú rừng sợ) để thay mình canh thú rừng. Nhưng mấy lần máy bị đứt dây. Tức mình, anh để tâm rình thì thấy có con chim từ trên cao sà xuống trút bộ cánh thành cô gái đẹp, rồi giấu cánh vào hang đá xuống suối tắm làm đứt dây "túc". Anh bèn đến trộm lấy bộ cánh giấu đi rồi ngồi chờ. Cô gái lên, anh lấy áo quần của mình cho nàng mặc rồi đưa về làm vợ như các truyện trên. Sau đó vợ cũng sinh được một trai. Một hôm chồng đi vắng, vợ gửi con cho mẹ, xúc lúa phơi, bỗng tìm thấy cánh dưới đáy bồ. Nàng lấy ra tập bay phành phạch - "Làm gì thế?", mẹ chồng hỏi - "Con xay lúa mẹ ạ!". Sau đó nàng bay lên trời.

Chàng trai về bế con đi tìm vợ. Gặp một con tắc kè, anh kể lể nông nỗi. Tắc kè nói: -"Cho ta gì ta mách cho". Anh cho nó một cái "túc" và được gặp vợ ở cõi trời. Nhưng vợ anh lúc này đã bị Khổng lồ bắt. Sợ Khổng lồ ăn thịt, vợ bảo hai cha con ngồi vào rổ treo lên sàn nhà, nhưng rồi Khổng lồ cũng

1. Theo *Truyện cổ Ca-tu*.

biết được. Nhờ vợ can ngăn nên Khổng lồ tha không ăn thịt, nhưng lại bắt cchàng phải ăn hết một nương mía. Một con thằn lằn giúp anh bằng cách báo tin cho đàn khi một đêm tới ăn hết. Khổng lồ lại bắt phải uống hết một chum rượu. Một con mọt giúp anh bằng cách đục thủng chum nên trong một đêm rượu cạn khô. Khổng lồ lại bắt anh ngồi lên bẫy có mắc một lưỡi dao rất sắc. Thằn lằn lại giúp bằng cách liếm một lượt lên người anh, vì vậy khi bẫy sập, lưỡi dao chỉ lướt nhẹ không việc gì. Thấy vậy, Khổng lồ tưởng là lưỡi dao cùn, bèn thử chui đầu mình vào bẫy, bị lưỡi dao chém đứt cổ. Vợ chồng lại đưa con xuống cõi đất[1].

Truyện của dân tộc Xơ-đăng - *A-sét A-tiêng* - ở đây không phải một mà là hai người lấy vợ tiên:

Có hai anh em A-tiêng, A-sét sống với mẹ già. Họ trồng được một nương dưa có nhiều quả nhưng thường bị các nàng tiên xuống trộm ăn. Tức mình, A-sét rình khi họ đáp xuống tắm, trộm lấy một chiếc áo giấu đi, vì thế nàng tiên mất áo đành ở lại làm vợ A-sét. Thấy em có vợ, A-tiêng tưởng là hươu có thể biến thành người, nên cố công cố sức săn bắt một con, hy vọng có vợ nhưng không được. Phải đợi khi vợ A-sét đẻ, trong khi các chị em nàng tiên xuống giúp, A-sét lại tìm cách trộm áo của một nàng để cho anh mình bắt giữ làm vợ.

Một hôm hai anh em cùng đi vắng lâu ngày, hai nàng tiên ở nhà mang lúa ra phơi thì tìm được áo, đem khoe với mẹ chồng. Hai nàng không muốn xa chồng xa con, nhưng do mẹ chồng muốn để dâu bay cho mình xem, xem bay thấp còn muốn xem bay cao. Đến khi bay quá cao, vui cảnh trời, họ không về nữa.

Thấy mất vợ, A-sét nhờ một con bọ hung giúp cho cha con lên trời. Vì dập muỗi, họ đã làm cho bọ hung mất đà, phải đợi đến lần thứ hai mới lên được đến nơi. Lúc này cha của hai nàng đã gả hai nàng cho thần Sét. A-sét tìm đến suối gặp vợ, vợ xin cha về sống với chồng con, nhưng thần Sét hay tin nổi giận định giết chết cha con A-sét. Một cuộc chiến đấu dữ dội nổ ra giữa hai người, cuối cùng kẻ bại trận lại là thần Sét. Vợ chồng, mẹ con đoàn tụ. Sau đó ít lâu, A-sét thả dây xuống, nhưng chỉ đưa được người anh lên còn mẹ chàng thì đã mất[2].

1. Theo *Truyện cổ Ca-tu*.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam,* tập IV.

Truyện của dân tộc Ba-na (Bahnar), *Con trai bốc Rơ*:

Hai vợ chồng ông Rơ sinh được một trai xấu xí, lớn lên chẳng cô gái nào thèm để ý. Một hôm anh chàng tìm lên một hòn núi cao định xuống khe bắt một mẻ cá, bỗng thấy nhiều cô gái đang tắm lội, anh nấp nhìn không chán mắt. Luôn mấy ngày đều thấy như vậy và anh đâm mê một cô xinh nhất trong bọn. Một ông tiên mà anh gặp bày cho lấy khăn (hoặc tấm khăn choàng) của cô nào thì sẽ lấy được cô ấy làm vợ. Anh đánh bạo làm theo. Trong khi các cô khác hoảng hốt bay về trời, thì cô gái mất khăn đuổi theo anh, anh nhử dần cho cô theo về đến nhà, trở thành vợ. Một tù trưởng thấy vợ anh đẹp, bèn cho gọi anh tới gạ đổi. Cũng như truyện *Đươm Be* của người Ca-tu, thấy gạ không được, nó bắt anh đi lấy sữa gấu, rồi sữa hổ, rồi sữa voi với điều kiện không lấy được thì sẽ mất vợ. Nhờ vợ cho một chiếc áo thần, các con vật cho anh sữa đầy bầu, lần lượt mang về. Sau đó, tù trưởng lại bắt anh đi lấy ngọc rết thần. Lần này anh nhờ có gấu, hổ, voi kêu cả đàn của chúng tới đánh cho rết thần thua liểng xiểng, đoạt được ngọc mang về. Khi anh đưa cho tù trưởng thì viên ngọc tự nhiên phụt ra một tia lửa đốt cháy hắn trong chớp mắt. Anh đoạt được của hắn một con voi cưỡi về làng sống sung sướng với cô vợ tiên[1].

Truyện của dân tộc Vân-kiều: *Tiều Ca-lang*:

Một anh chàng mồ côi nhờ cứu một con "tru" nên được nó đưa về kết nghĩa. Nó giúp cho anh thực hiện được ý định là lấy một trong tám nàng tiên thường xuống tắm ở khe, không phải bằng cách giấu áo, khăn, hay giấu cánh như các truyện trên, mà bằng cách kéo chân giữ nàng ở dưới nước. Tiều Ca-lang, chồng chưa cưới của nàng tiên này, hay tin xuống cứu, nhưng hễ sà xuống mặt nước thì "tru" lại kéo nàng tiên xuống vực, hễ bay lên lại cho nổi lên. Mấy lần như vậy Tiều Ca-lang đành bỏ (Theo phong tục người Thượng, người đàn ông phải có phận sự bảo vệ (tơ-chơng) người yêu, nếu không làm tròn thì coi như hủy bỏ hôn ước). Bấy giờ, chàng mồ côi ta mới làm bộ cứu vớt, trước hết chiếm lấy đôi vòng tay của nàng là vật mầu nhiệm có thể bay được. Sau đó, anh đưa nàng về làm vợ, cũng đẻ được một trai, rồi cũng đi vắng, để cho vợ ngẫu nhiên tìm được một chiếc vòng và bay về trời như các truyện trên. Mất vợ, anh nhờ "tru" giúp cho chiếc áo biết bay, cây gậy thần, lại nuôi giùm đứa bé để anh lên trời tìm vợ. Anh dừng lại ở bến trời xin nước của một bà già uống đỡ khát, bỏ chiếc vòng tay của vợ vào bầu cho vợ biết là mình đã lên. Nhưng vợ anh lúc này đã là vợ của Tiều Ca-lang. Hay tin anh lên, Tiều Ca-lang sai hai con gà

1. Theo *Truyện cổ Ba-na,* tập II.

khổng lồ ra đánh. Anh lập mẹo cho hai con đánh nhau, một con chết, còn một con bị anh dọa chạy về. Tiều Ca-lang lại sai hai trâu, rồi hai lợn khổng lồ ra, nhưng anh đều lập mẹo và kết quả cũng diễn ra như trước.

Bị mất ba con vật quý, Tiều Ca-lang đành để anh vào, nhưng lại hóa phép làm cho con đường từ bến đến nhà mình như một sợi da trâu, đi rất nguy hiểm. Gậy thần đã giúp anh thành công. Tiều Ca-lang lại hóa phép làm cho các nấc thang đi lên sàn nhà đều sắc như lưỡi dao bật ngửa; cũng lại nhờ gậy thần nên anh dù bị buộc đi bằng đầu gối, vẫn không việc gì, trái lại Tiều Ca-lang trèo lên thì bị lưỡi dao cắt đứt gối phải bó thuốc bảy ngày mới lành. Đến đây, tình tiết của truyện có phần giống với tình tiết của truyện *Quân tử* (số **163**, tập **IV**), Tiều Ca-lang buộc anh chàng chỉ đúng buồng vợ anh trong số ba mươi buồng, anh vẫn nhờ gậy thần chỉ hộ bằng cách làm tiếng mèo kêu. Tiều Ca-lang lại bảo ba mươi người vợ giấu mặt, chìa mỗi người hai ngón tay trỏ cho anh nhận ra vợ, đúng thì lấy, nếu không thì bắt làm tội. Gậy thần lại sai ruồi vàng chỉ hộ. Tiều Ca-lang đành phải trả vợ cho anh, nhưng còn muốn ám hại kẻ tình địch bằng cách đãi một bữa rượu có pha thuốc độc. Gậy thần lại giúp anh bằng cách cho mối đục thủng đáy vò. Thấy anh không chết, Tiều Ca-lang đâm ngờ, uống thử thì bị thuốc làm cho mê man.

Thừa dịp, anh dắt vợ bay về trần, nhưng Tiều Ca-lang đã kịp tỉnh dậy đuổi theo. Ở đây hắn bị gậy thần đánh cho thương tích đầy người, nhưng nhờ anh mồ côi thương hại chữa chạy cho lành trở về. Đến nhà, bị vợ con và đầy tớ nói khích, hắn lại bay xuống đòi đánh nữa. Gậy thần lại được dịp nện đau và anh chàng mồ côi lại giúp hắn lành lặn trở về. Đến lần thứ ba, anh mồ côi để mặc, Tiều Ca-lang không trở về được nữa, hóa thành diều hâu[1].

Truyện của dân tộc Tày-hạy: *Sự tích chị Hằng*:

Phiêng Còn chăn trâu cho chúa đất bị hổ vồ mất một con. Sợ chúa đất giết bèn nghe lời chim đa đa trốn vào rừng sâu. Anh phát rẫy, nhưng vì không có giống, nên nghe lời gấu tria một số hạt của nó, trong ba năm chỉ ăn bằng củ nâu. Đến năm thứ tư lúa Phiêng Còn nhiều bằng lúa chúa đất. Anh tuốt không kịp, ngồi khóc. Có bầy chim mỏ vàng lông xanh tới tuốt giúp. Chúng cởi cánh xếp lại một chỗ để dễ làm việc. Phiêng Còn trộm lấy một đôi giấu biệt, vì vậy tuốt xong, sáu con bay đi, còn một con ở lại bằng lòng làm vợ anh sau khi rũ mình ba cái biến thành cô gái đẹp. Vợ đẻ một con gái. Cũng như một số truyện

1. Theo Mai Văn Tấn, sách đã dẫn.

trên, một hôm lấy lúa ra giã, tình cờ nàng tìm thấy cánh, liền bay lên trời. Trở về không thấy vợ, Phiêng Còn bế con tìm đường leo lên trời. Nhưng được nửa đường kiệt sức, lăn xuống lưng chừng núi chết cả hai cha con (người ta nói dân tộc Tày-hạy thường sống trên núi cao rừng sâu là để tưởng nhớ sự tích Phiêng Còn). Vợ chàng ở trên trời nhìn xuống thấy cảnh bi thảm, thì khóc lóc không nguôi, nước mắt rơi xuống thành mưa phùn. Những đêm trăng sáng là vợ Phiêng Còn nhìn xuống trần gian để tưởng nhớ chồng con. Hàng năm vào đầu xuân, lũ quạ khoang thường họp nhau ở núi để làm giỗ cho cha con Phiêng Còn[1].

Một loạt dị bản sau đây, bên cạnh hình tượng nàng tiên tắm ở giếng buộc phải lấy chàng trai đánh cắp cặp cánh của mình làm chồng, còn có hình tượng người biến thành hươu (hoặc nai) dùng sừng chỉ cho con nơi sinh cơ lập nghiệp. Điều đáng lưu ý là những dị bản này thường lưu truyền ở các dân tộc anh em ở miền Bắc.

Truyện của dân tộc Tày: *Chàng con côi (Ý Pơ-jạ)*:

Một người thợ săn vì giết hại nhiều hươu nai, bị Ngọc Hoàng bắt hóa dần thành nai đực. Người ấy từ biệt vợ con lên rừng ở. Khi con - tên là Pơ-jạ (Pơ-jạ: mồ côi) - lớn lên, một hôm nó hỏi mẹ: - "Bố con đâu?" - "Bố con đã hóa nai không về được nữa". Anh bảo mẹ nắm cơm cho mình lên rừng tìm. Vì tuy ở với nai, người bố vẫn ăn đồ chín, anh tìm đến đống than có vùi hoa chuối, đặt gói cơm vào rồi trèo lên cây nấp rình. Quả nhiên anh thấy bố mình nửa người nửa nai về ăn gói cơm có vẻ ngon lành. - "Bố ơi, con đón bố về ở với mẹ" - "Không về được đâu", nai đáp, "bố sắp biến hoàn toàn thành nai rồi". Do con khuyên nài mãi, nai theo về, nhưng đến cổng bị chó vàng cắn đuổi, nai lại lao vào rừng. Người con lại tìm sau khi đã nhốt chó, nhưng vẫn bị chó tung cả nơm ra cắn. Đến lần thứ ba, con đón về sau khi giết chó, nhưng khi thấy đầu chó trong chảo, nai cũng hoảng sợ chạy ra cửa, sừng mắc phải cột gãy mất. Bố dặn con: -"Từ nay bố không thể về được nữa vì đã hoàn toàn thành nai rồi. Con hãy lấy dây buộc cái sừng này mà kéo, hễ nó mắc vào đâu thì ở đấy mà sinh cơ lập nghiệp". Sừng sau đó mắc vào nơi ở của một bà góa, không lôi đi được. Anh bèn thương lượng với bà dọn nhà đi nơi khác, còn mình thì ở đấy khai phá trồng lúa. Không ngờ đến mùa lúa chín, anh gặt không xuể vì bông lúa vừa gặt đàng trước thì đàng sau lại hiện ra. Có bảy nàng tiên

1. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam,* tập IV, sách đã dẫn.

đi hái dâu tình nguyện gặt giúp, gặt đến đâu các nàng nhổ nước cốt trầu (hoặc rắc phấn tiên, hoặc lấy giấy nút lại) nên lúa không ra bông nữa. Vì vậy ngày nay cây lúa chia thành từng lớp, mỗi lớp có lớp xốp trắng và đỏ, v.v...Thấy các nàng đẹp, anh trộm đôi cánh của cô thứ bảy giấu đi. Đến đây truyện bắt đầu giống với truyện của ta. Nàng tiên thứ bảy đành làm vợ chàng trai vì nhà không cót, không ván, chỉ có một chiếc giường. Ăn ở được ít lâu, nàng sinh được hai con. Khi chồng vắng, vợ ở nhà thì con hay quấy, trái lại khi vợ vắng, bố ở nhà thì con lại vui vẻ. Một hôm mẹ hỏi thì con đáp: - "Bố có cánh hoa vân hoa vằn, thích lắm" - "Thế bố để đâu?" - "Ở đống thóc già năm kia; ở đống thóc non năm ngoái". Được cánh, mẹ dặn con hễ bố đánh bằng đũa hoặc cán chổi thì gọi mẹ, mẹ sẽ xuống đón. Về nhà thấy mất vợ, anh mới hay con đã chỉ chỗ giấu cánh cho mẹ nên cầm roi đánh. Nhưng đánh bao nhiêu chúng vẫn cười. Tức mình, anh đánh nữa, chúng vẫn chịu đựng. Một lần anh trở cán chổi đánh, chúng khóc òa lên (vì vậy người ta cho rằng ai đánh con bằng chổi là có tội). Ở trên trời, nàng tiên nghe tiếng con khóc, liền thả xuống một cái túi bằng vải hoa cho hai con lên. Thấy con được lên với mẹ chúng, bố cũng kêu khóc inh ỏi. Vì túi vải quá bé, nàng tiên bèn thả xuống một cái túi giấy, nhưng kéo chồng lên được nửa chừng, người nặng, túi rách, bố rơi xuống hóa thành cây han lình và vắt.

Đến đây truyện lại chuyển sang giải quyết số phận của hai đứa con nàng tiên bằng cách đưa vào một số hình tượng mới với chủ đề mâu thuẫn giữa hai anh em. Đại khái: Cho con ở cùng mình được ít lâu, nàng tiên lại phải cho con xuống, vì dân nhà trời vốn thèm thịt người trần. Mẹ bèn cho hai đứa hai nắm cơm, một con ngỗng, một con chó chín đuôi, một dao quắm và một cái gậy rồi dặn: - "Khi nào ngỗng kêu hãy ăn cơm, gặp dòng nước trong hãy đi, đừng đi theo dòng nước đục!". Làm trái lời mẹ dặn, người anh chọc cho ngỗng kêu để ăn ngay vì đói bụng, nhưng khi mở gói hắn đành phải vứt vì chỉ thấy có than và phân. Hắn không chờ dòng nước trong mà cứ lội bừa dòng nước đục, cuối cùng đi mãi tới một làng khỉ. Sẵn bắt được một con khỉ cái, bèn lấy luôn làm vợ và ở lại đây. Trong khi đó người em đi theo dòng nước trong. Chờ nghe tiếng ngỗng kêu mới mở gói ra ăn,thì trong đó ngoài cơm có cả vàng và bạc. Đến một làng vắng người anh thấy trên một sân nhà nọ có một chiếc cối úp, bèn ngồi lên nghỉ, bỗng thấy có cái gì như kiến cắn dưới đít. Lật cối lên xem, hóa ra có hai cô gái vì tránh nạn mụ chằng (dà din) ăn thịt nên nấp vào đây. Anh gọi mụ chằng đến, hai bên đánh nhau, nhưng hễ chém được nhát

nào thì mụ lại thè lưỡi liếm, vết thương lại lành như cũ. Tối lại anh tìm đến nơi ở của mụ, mới hay chỉ cần bôi phân lợn phân chó vào lưỡi dao thì phép của mụ sẽ không còn mầu nhiệm. Anh làm theo, liền tiêu diệt được mụ và mấy đứa cháu mụ, trừ được mối họa cho dân.

Để tìm người anh ruột, anh đưa hai chị em cô gái lội theo dòng nước đục. Gặp một con khỉ cái đang giặt quần, anh hỏi: -"Quần này có phải của anh ta không?" Khỉ không đáp chỉ cười, anh rút dao chém chết. Gặp lại người anh, sau khi tâm sự, người anh hỏi: -"Có thấy chị dâu giặt quần ngoài sông không?" - "Chẳng thấy ai cả", em đáp, "chỉ thấy một con khỉ, em đã giết chết rồi" - "Đó là chị dâu mày đó". -"Bây giờ có hai chị em, anh lấy chị, em lấy em, ta cùng làm ăn với nhau". Người anh tuy nhận lời lấy chị, nhưng thấy vợ em đẹp nên có ý muốn chiếm. Một hôm hắn bảo em trèo cây hái quả, rồi chặt, cây đổ làm em rơi xuống hố sâu. Đoạn hắn bỏ về nói dối là em đã chết, bắt em dâu phải lấy mình. Con chó chín đuôi thấy vắng chủ bèn đi tìm, thấy chủ dưới hố sâu bèn thò đuôi xuống cho chủ nắm kéo lên, nhưng mỗi lần kéo là một lần đứt đuôi, đứt đến tám lần vẫn không lên được. Chủ bảo chó về lấy cho mình một con dao, một cái gậy ném xuống hố. Có dao, người em gọt một cái còi(chu uýt), khi thổi lên các giống vật tập hợp trên miệng hố say sưa nghe- " Ai cứu được ta lên, ta sẽ tặng chiếc còi này!". Nhiều con vật đậu vào cây tre làm cho trĩu ngọn xuống hố, anh chàng bám vào ngọn, được tre đưa lên mặt đất. Thấy giống vật cứu mình quá đông anh nói: -" Bây giờ ta tung còi lên, ai cướp được thì giữ lấy! " Một con diều hâu cướp được chiếc còi. (Vì vậy ngày nay diều có giọng hót: "chu uýt chu uýt"). Người em thay hình đổi dạng làm người ăn xin, đến xin ở chăn trâu cho người anh. Một đàn quạ ngày ngày đến trước nhà kêu: -"Chủ ngồi ghế chủ chết, chủ chăn trâu chủ sống". Người anh tức mình lấy tên nỏ ra bắn nhưng không trúng - "Để tôi thử bắn xem!" Người em nói vậy và cầm lấy tên nỏ. Lập tức em chĩa vào ngực anh bắn một phát, chết[1].

Người Tày ở Cao-bằng còn có truyện *Ông tiên hươu* là một dị bản của truyện vừa kể:

Xưa, ở Cao-bằng có một người tên là Vi Xuân Ngân là người có hiếu. Mẹ bị bệnh lạ, thầy thuốc bảo chỉ có uống sữa hươu mới lành. Anh vào núi tìm hươu không được, ngồi khóc, đến ngày thứ ba bỗng gặp một đạo sĩ đội mũ vàng, hỏi: -"Tại sao con khóc?" - "Vì không kiếm được sữa hươu về chữa bệnh

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, đã dẫn.

cho mẹ" - "Muốn kiếm được sữa hươu phi hóa hươu không xong" - "Chỉ mong bệnh mẹ được lành, còn thân này dù hóa hươu có ngại gì". Đạo sĩ bèn đưa cho một cái da hươu bảo mặc vào, rồi dặn: - "Đừng nói tiếng người, chỉ kêu "ao, ao" gọi bầy là đủ". Anh đi lẫn vào bầy hươu để lấy được sữa đưa về và bệnh mẹ anh quả lành.

Sau khi mẹ chết, anh tống táng rồi bỏ nhà đi biệt, người nhà tưởng là đã chết. Một hôm con là Vi Xuân Lan vào rừng hái củi gặp một con hươu, hươu bảo: - "Ta là cha mày đã hóa hình về núi. Vì tình cha con nên ta cố tìm gặp để chỉ cho một cách sinh nhai". Nói đoạn húc đầu vào gốc cây cho gãy sừng, lấy sừng trao cho con, dặn: - "Hãy lấy dây buộc sừng rồi kéo đi, sừng vướng vào đâu thì đó là đất làm ăn được và sẽ lấy được vợ đẹp!" Con bèn làm theo, sừng mắc vào một nơi, bèn đến đấy dựng nhà khai hoang trồng trọt. Ở đây không phải là nàng tiên gặt giúp, mà nàng tiên bí mật đến nhặt cỏ rác sau mỗi lần cày bừa. Lấy làm lạ, một hôm anh nấp trong bụi rậm, đến chiều thấy một nàng tiên từ trên mây bay xuống giấu cánh vào một hốc cổ thụ rồi ngồi nhặt cỏ. Anh lén lấy trộm cánh đem về giấu ở cót thóc. Nàng tiên cũng trở thành vợ anh rồi sinh một đứa con. Để dỗ con khi vắng vợ, anh thường lấy cánh tập bay cho con nín. Cho nên mỗi lần chồng đi vắng, vợ bế con đi qua cót thóc thì con khóc lóc như đòi vật gì. Nhờ đó vợ tìm ra đôi cánh của mình, bèn cho con ăn no, đặt con trong một nồi lớn rồi vỗ cánh bay mất. Chồng về thấy con ngửa mặt lên trời mà khóc, biết là vợ đã bay đi rồi. Một đêm nọ buồn bã chong đèn ngồi đến khuya, bỗng nghe ngoài sông có tiếng sột soạt, chạy ra nhìn thì hóa ra là vợ, - "Thiếp là con gái hạc, vợ nói, chàng là con chúa tiên hươu, bố chàng sai thiếp xuống trần giúp chàng, nay duyên số đã hết, chỉ đến đây giúp chàng gặp bố một phen". Hai vợ chồng bèn ngồi lên xe có bánh bằng lông. Chẳng mấy chốc đã đến động, anh thấy bố ngồi trên giường đá, một bầy hươu vây quanh độ mươi con. Vợ chồng vào lạy chào kể chuyện hàn huyên một lúc. Ông không nói gì chỉ gật đầu độ ba bốn lần, rồi chỉ vào bình sữa hươu bảo uống. Uống xong, ông hất tay có ý bảo đi. Hai vợ chồng ra xe trở về. Nghe tiếng gà gáy, vợ giục chồng xuống xe rồi bay đi mất. Kết cục gần giống đoạn cuối của truyện *Từ Thức*. Anh chàng nhìn lại thấy phong cảnh khác xưa, mà con mình thì đã lớn. Hỏi thì con cho biết bố mẹ đi vắng đến nay đã ba mươi năm. Ngày nay ở Cao-bằng còn có làng gọi là làng Tiên (Tiên thôn), ruộng ở đây gọi là ruộng hươu (lộc điền)[1].

1. Theo Lê Trọng Hàm. *Minh đô sử;* Sê-ông (Chéon). *Sưu tập những bài mới.*

Người Dao có truyện *Chiếc sừng nai và mụ Hùm*, hay truyện *Nhã, người săn nai* cũng là một với truyện của người Tày, chỉ có khác một vài tình tiết. Ví dụ về lý do hóa hươu (hoặc nai) có người kể: Vì giết hại nhiều thú rừng nên người đi săn sau khi nuôi con khôn lớn bỏ nhà đi sống với đàn nai để khỏi lụy tới đời con cháu (truyện Dao quần Chẹt, Dao tiền). Hay có người kể: Người chồng thợ săn khờ dại và nghễnh ngãng. Vợ bảo chồng kiếm mộc nhĩ, chồng nghe không rõ tưởng là lộc nhĩ (tai hươu) bèn cố công săn được nhiều hươu nai, chỉ cắt lấy tai về cho vợ. Vì giết hại nhiều nai, Ngọc Hoàng bắt hóa thành nai (truyện Sán Dìu).

Về chỗ nàng tiên đưa chồng con lên trời, có người kể: nàng bắc cầu vồng xuống cho con mà không cho chồng lên; có người kể nàng buông xuống một chiếc thang bên đỏ bên xanh dặn hai con trèo trước, rồi đến chồng, rồi mới đến chó vàng. Chồng quên lời dặn, cho chó trèo thang trước mình, thấy dít chó nhún nhẩy, hắn không nhịn được cười nên ngã lộn cổ.

Về chỗ sắp đặt cho hai con xuống trần, nàng tiên còn dặn con "phải đến nhà mụ Hùm mượn thanh la, chiêng, trống, tù và, ấn tín để về làm ma cho bố. Mụ sẽ cho mượn nhưng khi trả, mụ lại tìm cách bắt hai con ăn thịt, vì vậy mẹ cho hai con hai chiếc kim biết đối đáp". Nhờ có kim đối đáp thay mình, nên hai đứa bé trốn được rất xa, mụ Hùm mới biết; đuổi theo thì đã không kịp.

Truyện cũng có đoạn cuối nói đến sự chia rẽ của hai đứa con nàng tiên, anh làm trái lời mẹ chịu hậu quả xấu, còn em làm đúng, giết được yêu tinh (ở đây chiếm được của nó cái gậy đầu sinh, đầu tử), cứu được hai cô gái, lấy một cô làm vợ, còn cô chị (ở đây mắt và tai của chị bị mối ăn mất) đưa đến gả cho anh mình thay cho khỉ, hươu, lợn, do anh lấy làm vợ. Cuối cùng người em cũng bị anh gạt, xô xuống hang (ở đây là hang hổ), nhờ mưu trí và nhờ con chó nên em thoát chết, trở về. Không có tình tiết em bắn chết anh, nhưng người anh cũng bị chó cắn chết[1].

Người Thái cũng có chuyện *Lục Pịa* (pịa: mồ côi), nội dung cũng như truyện *Ý Pơ-ja* của người Tày, nhưng tình tiết có nhiều nét khác:

Một người thợ săn có vợ ốm nghén thèm món nấm tai hươu nhưng vì hết

1. Theo *Nàng Ái Kao* và *Truyện cổ Việt-bắc*, tập I, đã dẫn. Trong *Truyện cổ Dao* thì người kể chia làm hai truyện (1. Người chồng hóa nai; 2. Trộm áo nàng tiên) tuy có nhiều tình tiết mới, nhưng sự tiến triển của truyện có chỗ không được lô-gích.

mùa nấm, chồng đành năn nỉ với hươu cho mình mượn tai về cho vợ ăn, hẹn đến mùa nấm sẽ kiếm tai khác chắp đền. Vợ ăn rất thỏa mãn, chẳng bao lâu đẻ được một trai tức Lục Pịa. Đến hạn hươu đòi tai, dĩ nhiên không có trả, chồng phải ở với hươu để trừ nợ. Trước khi đi, chồng dặn vợ phải chăm sóc cho con, đến ngày con lớn giao cho nó một bộ cung tên bảo bắn chỉ thiên, tên rơi xuống đâu có lửa bốc lên là nhà ở đó. Ở với hươu được bốn năm, một hôm nhớ nhà, người nai - người thợ săn - trốn về thăm, không ngờ chó không nhận ra chủ, cắn ầm ĩ. Hoảng sợ, hắn nhảy xuống đất, sừng bị gãy. Hắn trao sừng cho vợ:- "Khi muốn trồng cây thì kéo sừng đi, hễ vướng gốc thì phá ruộng, vướng chông gai thì phá nương", rồi bỏ đi biệt. Lục Pịa làm theo lời bố. Ở đây không phải sừng mắc lại mà "kéo sừng đến đâu, cây cối chông gai bờ bụi băng đi đến đấy". Anh bắn một phát tên lên trời, khi mũi tên rơi xuống một chỗ đất "tức thì chỗ ấy bốc lửa đốt sạch cỏ rác". Cũng có việc cắt lúa, cắt đến đâu lúa đâm bông đến đấy, cũng có ba nàng tiên đặt cánh ở trên bờ ruộng đến gặt đổi công cho Lục Pịa để chàng hái hộ lá dâu, cũng có việc nàng tiên trẻ nhất đành ngồi nhờ nhà Lục Pịa vì bị chàng giấu cánh. Vì nhà chỉ có một giường, hai người nằm chung nhưng đã hữu ý ngăn đôi bằng lá khoai nước, hẹn nếu Lục Pịa làm rách thì không được lấy nàng tiên, trái lại nàng tiên làm rách thì phải lấy Lục Pịa. Cuối cùng nàng tiên đành phải lấy Lục Pịa vì mẹo của chàng. Nàng tiên cũng đẻ được hai trai là Nóng (Pông) và Lạnh (Dân), cũng tìm ra được cánh và bay về trời với câu dặn: - "Nếu bố đánh bằng chổi thì khóc to lên để mẹ tìm cách đón, và khi mẹ thả dây xuống thì nhớ leo dây đỏ và dây vàng, đừng leo dây trắng." Sau đó con lên được đến trời, còn Lục Pịa vì không được biết lời dặn, leo lên bằng dây trắng nên dây đứt ngã lộn cổ, chết hóa thành đỉa và vắt.

Cũng như truyện của người Tày và người Dao, truyện còn phát triển cho đến đoạn cuối nảy sinh mâu thuẫn giữa anh và em. Và trước khi xuống trần, còn có đoạn thử thách giữa hai đứa trẻ và bà ngoại chúng: bà ngoại của Nóng và Lạnh là yêu tinh rất thèm thịt người. Mụ buộc hai cháu lần đầu tiên phải phát cho được chín gò, mười đồi núi. Nhờ có kim và chỉ của mẹ, chúng làm xong. Tiếp đó, mụ bắt chúng đến mượn trống ở nhà em gái mình - vốn là hùm tinh. Nhờ khôn ngoan nên chúng chẳng những thoát chết mà còn đánh lừa mụ này buộc lọ và ống vào người để lội sông nên chết đuối. Tiếp đến bà ngoại bắt chúng chui vào trống cho mụ đánh. Nhờ tháo tang trống, nên đánh mấy cũng không việc gì. Trái lại khi mụ chui vào, chúng bít chặt tang trống mà

đánh, làm mụ chết tươi.

Khi tiễn hai con xuống trần, nàng tiên cũng cho chúng một con ngỗng, một con chó và hai gói cơm, ở đây không có dao và gậy, nhưng lại có sợi chỉ và cái kim, cũng dặn hễ ngỗng kêu mới được mở gói ra ăn, đóng thuyền thì đóng bên đường không nên đóng trong rừng, đi trên sông thì, ngược lại với truyện trên, chọn dòng đục chớ chọn dòng trong. Nóng thiếu kiên trì nên chịu đựng hậu quả xấu: giở gói cơm ăn khi ngỗng chưa kêu nên chỉ toàn đất và sỏi; đóng thuyền ở rừng sâu để khỏi phải mất công kéo gỗ, vì vậy không được ai chỉ vẽ nên kỳ cạch mãi không xong; đi dòng trong nên không gặp xóm làng, đành phải lấy khỉ làm vợ. Trái lại, Lạnh làm đúng lời mẹ dặn nên khi giở gói ra ăn có xôi trắng thơm tho, đóng thuyền ở bên đường được người qua kẻ lại chỉ bảo nên chóng hoàn thành, đi dọc sông đục nên đánh được nhiều tôm cá và gặp nhiều làng bản. Lạnh cũng gặp hai cô gái dưới cái cối úp sấp, chàng cũng phải chiến đấu với yêu tinh, và còn có xà tinh và hùng tinh. Nhờ chiếm được chiếc gậy đầu sinh đầu tử, chàng đã tiêu diệt chúng và làm sống lại người và súc vật đã bị chúng ăn thịt.

Cũng như các truyện trên, Lạnh cũng đi tìm Nóng sau khi lấy cô em làm vợ. Lại cũng đưa cô chị (cũng bị mối ăn cụt tai) đến cho Nóng làm vợ sau khi vô tình giết con khỉ cái đang giật quần, vốn là vợ của Nóng. Nhưng truyện không kết thúc bằng cuộc xung đột giữa Nóng và Lạnh, mà trái lại bằng một không khí gắn bó giữa hai người, nhờ đó dựng lên một bản mường thịnh vượng[1].

Người Tày còn có truyện *Trứng trời*, cũng là một dị bản có nhiều tình tiết khác với các truyện trên, đặc biệt việc chàng trai lấy vợ tiên có cánh lại tương tự với truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc* (**Khảo dị** truyện số **117**, tập **III**):

Có hai anh em mồ côi ở Mường Lũm. Ngày bố mẹ mất, họ giết trâu bò làm ma quá nhiều nên trở thành nghèo. Một hôm hai anh em làm rẫy đem theo một con chó vá. Nghe chó sủa ở đống cỏ, hai người thấy một quả trứng lớn lạ lùng. Bèn đi báo với tạo. Tạo bắt lăn trứng về nhà mình, lăn không được, lại bảo lăn tới nhà bố mình, cũng không được. Nhưng khi bảo lăn về nhà hai anh em thì lăn được. Từ đó, mỗi lần đi làm về thấy cơm canh sẵn sàng, củi nước đầy đủ, áo rách vá lành...Anh bảo em:- "Mai mày đi làm, tao rình xem". Anh thấy từ trong trứng chui ra một nàng tiên có bốn cô hầu hạ, mỗi người làm một công việc. Xong lại chui vào trứng, trứng liền lại như cũ. Hôm

1. Theo Vũ Ngọc Phan. *Truyện cổ Việt-nam.*

sau đến lượt em rình, khi trúng nỏ, hắn nhảy ra ôm lấy nàng tiên, bốn cô kia bay mất. Nàng tiên bị tuốc mất cánh, đành ở lại làm vợ, trong bảy tám năm đẻ được hai trai. Một hôm anh chàng đi xa, bảo nhỏ hai con:- "Cánh của mẹ, bố cất trong ống thổi cơm để trong một cái gùi, chớ nói cho mẹ biết". Nhưng bằng cách dỗ dành con, mẹ cũng tìm biết được. Được cánh, mẹ bỏ chiếc nhẫn vào nồi nước cho hai con mê chơi rồi bay về trời. Bố về biết con đã tiết lộ, bèn bảo con chặt mỗi đứa một bó sậy, rồi rút sậy đánh con, gãy cây này thay cây khác. Em chặt sậy non, anh chặt sậy già nên bị đánh nhiều hơn em. Đoạn bố bỏ đi tìm mẹ. Không thấy bố về, hai anh em ngồi bên bếp khóc mãi. Chúng tìm thấy hạt một cây kè, bèn gieo ngay ở bếp. Chỉ trong mấy ngày cây đã mọc lớn -"Mọc cao lên!" chúng nói; cây mọc cao thêm -"Thấp xuống!" Cây cúi xuống. -"Cho ta quả"! Cây tự nhiên có quả. Một đàn chim "nghek" thấy quả tới ăn. - "Hãy mang chúng tao đến mẹ, chúng tao sẽ cho ăn!". Không mang được, chim đành bay đi. Đến lượt chim bồ tát đến, chim bảo chúng lấy lưới tự ngồi vào trong rồi buộc ở chân chim. Chim bay mãi đến một bờ sông, bỏ chúng lại rồi đi mất. Ở đây có một con chó chín đuôi. -"Ơ chó, đưa đến chỗ mẹ chúng tao ở!". Chó bảo nắm lấy đuôi, đưa chúng qua sông, rồi cũng đi mất. Ở đây cũng có tình tiết hai đứa bé xin một người đàn bà nước uống rồi đánh rơi nhẫn vào thùng, cuối cùng mẹ nhìn thấy nhẫn liền đoán ra con, bèn xin phép Ngọc Hoàng (Pô Then) cho con đến với mình. Ngọc Hoàng cũng buộc chúng phải qua ba cuộc thử thách: 1) buộc cho đúng hai trăm thừng vào hai trăm con trâu, trâu nào thừng ấy (một con sâu "ngoằn" đến giúp việc này); 2) đếm một đống kim rất lớn (con "nieng khim" giúp); 3) chỉ đúng tay của mẹ trong số những tay của con gái Ngọc Hoàng từ buồng thò ra (sâu "ngoằn" lại giúp). Mẹ con gặp nhau mừng rỡ, cuối cùng Ngọc Hoàng buộc cả mẹ lẫn con về trần sau khi cho mỗi cháu một cây gươm: anh gươm bạc, em gươm sắt. Dọc đường gặp một thân cây chắn ngang đường. Hai đứa con bước qua vô sự, nhưng khi mẹ định bước qua thì cây ngóc lên, định lòn xuống dưới thì cây lại hạ xuống, mà đi đường khác thì không có lối. Thấy thế, hai con rút gươm chặt cây, không ngờ có máu từ thân cây chảy ra, mẹ chúng bảo: - "Thôi thế là các con giết mất bố rồi! Vậy cho các con xuống, mẹ lại trở về trời". Trước khi từ giã, mẹ cũng dặn khi lội suối thì lội suối nước trong đừng lội nước đục, ở đây còn dặn khi ăn thì ngồi đá bằng, đừng ngồi đá dốc, v.v...Và truyện cũng có một đoạn kết thúc bằng mâu thuẫn giữa anh và em như truyện *Ý Pơ-jạ*[1].

1. Theo Đờ-jor-jơ (Degeorge), báo đã dẫn.

Đồng bào Mường có truyện *Chàng trai săn*:

Một chàng trai làm nghề đi săn cũng có một người bố vì săn bắt nhiều hươu nai quá nên bị Phật bắt làm kiếp hươu để trả nợ. Một hôm nghe mẹ kể chuyện, anh mang nắm cơm đi tìm bố. Đến chỗ có nhiều hươu nai, anh ném nắm cơm vào nhưng chẳng có con nào rờ tới, trừ một con. - "Bố đấy phải không?". anh hỏi. - "Ừ". - "Bố về với mẹ đi!" - "Bố như thế này về sao được. Con gắng nuôi mẹ già, nhưng đừng săn nai mà phải tội như bố". - "Không có ruộng thì lấy gì mà làm ăn". Hươu cũng trao cho con cái sừng của mình, bảo buộc dây mà kéo, đến chỗ nào mắc lại là có thể khai phá thành ruộng được. Cũng có chuyện lúa gặt trước đâm bông sau, cũng có năm nàng tiên giúp anh gặt, gặt đến đâu bít ống lúa lại đó, cũng có chuyện giấu cặp cánh giữ lại một nàng làm vợ, sinh được hai con trai. Khi anh vâng lệnh vua đi đánh giặc, cũng như truyện của ta, anh dặn vợ: - *"Có ăn thì ăn chín cót lúa trầm, đừng ăn năm cót lúa nếp"*. Cũng có chuyện con hay quấy khóc - "Tại sao lúc ở nhà với bố thì ít khóc, còn ở với mẹ lại hay khóc thế?". Mẹ hỏi như vậy thì con đáp: - "Vì bố thường lấy cái lồ lồ vằn vằn xanh xanh đo đỏ cho con chơi". - "Để ở đâu?". - "Ở cót lúa nếp". Được cánh, mẹ cũng bay về trời, nhưng nghe tiếng con khóc lại bay trở lại, bỏ hoa tai vào chậu nước, dỗ: - "Khi nào hoa nổi thì hãy nhìn theo mẹ nhé!". Chồng dẹp giặc về thấy mất vợ, bỏ con ở nhà đi tìm. Lúc này có loạn rừng, anh phải đi săn hổ cứu hươu nai (vì sợ nó bắt mất bố hươu). Diệt xong nạn hổ, anh lại lang thang đi tìm. Trong khi đó, con ở nhà khóc suốt ngày đêm. Trên trời, nghe tiếng con khóc, mẹ thương quá bèn xin với Phật. Phật động lòng cho nàng xuống với con. Chàng trai đi mãi không tìm được cũng trở về, thấy vợ con thì sung sướng quá. Hai vợ chồng cùng kể chuyện cho nhau nghe rồi khóc, nước mắt của họ biến thành hồ rộng, vợ chồng con cái biến thành hoa sen[1].

Người Nghệ-an có truyện giống với truyện của đồng bào Mường:

Một người đói khổ không biết lấy gì để ăn bèn ngồi khóc. Bụt hiện lên hỏi: - "Vì sao mà khóc?". - "Đói khát mà không biết cách gì làm ăn", hắn đáp. - "Con đừng khóc nữa, ông cho con một cành rào (cành rào: ngọn tre bao gồm cành lá gai góc). Kéo đến đâu mắc lại là ruộng của con đó". Hắn làm theo, từ đó có ruộng đất cày cấy làm ăn. Cũng như các truyện trên, đến mùa lúa chín, gặt đến đâu lúa lại đâm bông đến đấy. Lại ngồi khóc. Tự nhiên một nàng tiên

1. Theo lời kể của đồng bào Mường ở Hòa-bình.

từ trời xuống gặt giúp. Ở đây, nàng tiên lấy chỉ buộc đầu lúa không cho mọc thêm. Nàng tiên cũng không trở về được vì bị hắn giấu mất cánh. Hai người cùng ăn ở với nhau, đẻ được một con trai. Chồng cũng đi lính giấu cánh vợ dưới bồ lúa ré, dặn vợ hết gạo thì xúc lúa mùa mà ăn, "*chớ ăn lúa ré, chết cả mẹ liền con*". Vợ cứ xúc lúa ré nên tìm được vật cũ. Thấy mẹ tập bay, con cười, mẹ nói: - "*Con ơi con chớ có cười, để mẹ thử tập lên trời con xem.*" Trước khi lên trời, ở đây mẹ đóng cửa sập rèm, nấu một nồi cháo múc ra từng bát, đặt khắp cả nhà để con đói bò đến đâu ăn đến đó. Chồng đi lính về thấy mất vợ. Chuyện dừng lại ở đây [1].

Đồng bào Thái (Nghệ-an) cũng có truyện *Lúa chàng Nai* gần với truyện trên:

Một người đàn bà góa một hôm lên núi giải khát ở một vũng nước nai thường uống, từ đó có mang, sinh ra một đứa bé đặt tên là Nai. Lớn lên, Nai đi tìm cha ở vũng nước. Gặp một con nai già cho một cái gạc (sừng) thần, bảo dùng nó làm rẫy. Nhờ có gạc, Nai vỡ được một đám ruộng, gọi là ruộng cha Nai. Cũng như các truyện trên, khi lúa chín, gặt đàng này lại trổ đàng khác, không thể gặt xuể. Nghe tiếng anh khóc, hai cô tiên đi hái dâu đến gặt giúp, gặt đến đâu nút rạ lại đến đó. Nhưng một trong hai nàng bị hắn giấu cánh, đành phải ở lại làm vợ, đẻ được một trai một gái. Một hôm vợ nai cũng tìm được cánh trong bó lúa, bèn lắp vào tập bay. Thấy con cười, mẹ cũng bảo: "*Sằng sặc chi bay, ba ngày vắng mẹ thì bày xương ra*". Nàng tiên cũng nấu cháo múc làm nhiều bát trước khi lên trời. Chồng về hai tay mang hai con vào rừng tìm vợ. Ở đây phương tiện lên trời do con nai già hiện ra bảo cưỡi lên lưng mình mang đi tìm. Đến đất trời, cha con gặp các nàng tiên đang chuẩn bị lễ mừng cho con gái vua Then - vợ Nai - mới trở về. Nai nhờ hai nàng bế con đến gặp mẹ nó. Vợ chồng sau khi gặp nhau đến xin phép vua Then cho đoàn tụ. Vua cho. Nhưng một thời gian sau Nai nhớ cõi trần, đòi vợ trở về. Nai già nghe lời khấn lại hiện ra cõng chồng và hai con, theo sau là vợ Nai bay trốn khỏi cõi trời[2].

Người Choang (Trung-quốc) có truyện *A-dao dũng cảm* tương tự với truyện của người Tày:

Một em nhỏ nhà nghèo tên là A-đao bị lũ trẻ nhạo là con không bố, hỏi mẹ, mẹ bảo: - "Mười năm nữa sẽ cho biết!". Một hôm mẹ bị bệnh nặng mới

1. Theo *Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại và sách Nhiêu-hợp*, tập I.
2. Theo *Truyện cổ Thái*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1980.

cho con biết: bố nó vốn là thợ săn giỏi, bị lão nhà giàu đuổi vào rừng để đền những thú dữ bị bố bắn chết. Nay muốn tìm phải leo lên đỉnh núi cao nhất mà gọi. A-đao làm theo thì nghe tiếng vọng đáp lại hứa mai sẽ về. Ngày mai quả thấy bố đầu có đôi sừng dài, mình mẩy lông lá, chưa vào nhà đã bị chó cắn đuổi phải chạy, sừng va phải cửa rơi ra. Hôm sau A-đao lại lên núi gọi, bố cũng bảo lấy dây buộc sừng kéo đi, sừng cắm vào đâu làm ruộng ở đó. Khi lúa chín, gặt đến đâu lúa cũng đâm bông đến đấy, cũng có bảy nàng tiên tới đặt cánh xin gặt giúp, lúa cũng không đâm bông nữa. A-đao cũng giấu một đôi cánh nhỏ, nàng tiên không về trời được đành làm vợ A-đao. Lão nhà giàu thấy vợ A-đao đẹp bắt dẫn vợ tới, nhưng nàng tiên lấy cánh bay lên trời rồi dòng dây cho chồng lên.

Bố vợ ghét chàng rể, một hôm sai rể đi mượn thanh la của yêu tinh để dùng vào ngày sinh nhật, thực ra là để cho yêu ăn thịt A-đao. Nhờ có ba cái kim của vợ cắm trên lầu, trong nhà, ngoài cổng trả lời thay chàng những câu hỏi của yêu tinh trong khi nó bận mài răng định ăn thịt. Khi yêu tinh biết sự thật thì A-đao đã cầm thanh la về đến nhà rồi. Hôm sau bố vợ lại sai rể đi bắt hổ. Nhờ chiếc ô sắt của vợ, A-đao nhè khi hổ há to miệng, đâm ô vào tận cuống họng, giương ô ra, rồi cứ thế kéo hổ về. A-đao lại được vợ cho một đoản đao đi men theo khe nước đục để tìm thôn xóm, nhưng tới nơi nào cũng thấy vắng bóng người (vì họ cũng bị yêu tinh ăn thịt), một hôm phát hiện ra một em gái mười hai tuổi nấp dưới máng ngựa úp sấp. Ở đây yêu tinh cũng bị chém, bị nhát nào, liếm lại lành ngay nhát ấy. Cũng có việc A-đao lẻn đi theo, biết được cách giết mụ yêu là bôi phân người, phân chó vào lưỡi dao. Khi mụ yêu chết, chàng đến nhà chiếm được cái gậy đầu sinh đầu tử, làm cho hai con mụ chết và cứu người và vật sống trở lại. Đoạn kết: A-đao đưa vợ xuống dùng gậy chỉ chết lão nhà giàu, từ đấy họ sống hạnh phúc[1].

Người Mèo có truyện *Rì cắn rì câu* cũng là một dị bản:

Chú mồ côi cha mẹ từ thuở lọt lòng. Khi có mang người mẹ chàng thèm thịt chim "rì cắn rì câu", bảo chồng đi tìm - "Không biết hình dáng nó như thế nào?", chồng hỏi - "Một cánh một chân" - "Làm tổ ở đâu?" - "Cứ đi tìm không rừng này thì rừng khác". Tìm mãi không được, chồng chết hóa thành giống chim ấy. Lớn lên, Chú chơi với bọn trẻ, về hỏi mẹ: -"Bố con đâu?" - "Còn vào rừng bắn chim". Một hôm Chú gặp một ông già, ông bảo làm một chiếc sáo

1. Theo *Truyện dân gian Trung-quốc*.

rồi trèo lên cây cao nhất mà thổi, hễ thấy ai đến sau là bố. Chú thấy một con vật có chín sừng, con vật nói: - "Có phải Chú thì xuống với bố", bèn dẫn Chú về hang ở. Một hôm bố bảo: -"Con lớn rồi, lấy vợ đi!" Chú đi ra khỏi hang gặp một cô gái bị hổ đuổi, anh đánh chết hổ cứu được, cô ngất đi, khi tỉnh dậy bằng lòng lấy Chú (không có hình ảnh cặp cánh) rồi sinh được một con. Chú nhớ mẹ đòi về thăm, con vật chín sừng - bố Chú - bèn đi tìm được một con lợn rừng béo và một vò rượu ngon để thết.

Về nhà được ít lâu, vợ chồng lại trở về hang. Ở đây không có hình ảnh lấy dây buộc sừng kéo mà chính người bố lấy sừng cày cho chín đám ruộng rồi húc đổ cây làm chín ngôi nhà. Làm xong bố bảo: -"Bố sắp phải đi xa, vậy các con nhớ khi nào đằng Đông hiện ra đám mây thì đến ở nhà, sẽ có đủ đồ cần dùng". Vợ chồng quên mất lời dặn nên ba năm sau mới tới, chỉ thấy một cái sừng. Hai người từ đấy dùng sừng cày ruộng không cần trâu, húc đổ cây không cần chặt. Giàu có, họ cho dân bản cùng dùng, mọi người đều giàu có sung sướng[1].

Truyện *Củ và Kỷ* của người Pu Péo dường như cũng thuộc loại truyện trên, nhưng lại không nhắc gì đến hình tượng con hươu và cái sừng hươu (hoặc nai). Truyện chỉ bắt đầu từ chỗ chiếm bộ cánh của nàng tiên:

Một chàng thợ săn thấy một bầy thiên nga tháo cánh hóa thành những cô gái xinh đẹp xuống hồ bơi lội, bèn giấu đi một cặp cánh buộc một nàng trở thành vợ. Sau sáu năm, vợ sinh được hai trai là Củ và Kỷ. Cũng có việc vợ trở về trời sau khi phát hiện cặp cánh bằng cách quét chổi thấm nước năm lần vào cánh cửa tủ. Ở đây, sau ba ngày người vợ đón cha con lên bằng ba tia chớp. Người bố mở mắt phạm vào điều cấm kỵ, thấy tia chớp là con rồng thì sợ, dùng dao chém rồng, cuối cùng cả rồng lẫn người rơi xuống núi đá chết. Trong khi đó hai đứa con đến được với mẹ nhưng lại bị vua trời - ông ngoại - ghét, tìm cách giết đến bốn lần nhưng nhờ chiếc kim biết đối đáp của mẹ nên tránh được: 1) ông cháu đi chặt cây, ông đứng trên cao lao cây xuống cháu; 2) ông cháu đi đốt đồi tranh, khi cháu lọt vào giữa đồi, ông đốt; 3) ông sai cháu đi mượn trống của yêu tinh nhưng nói dối là bạn già, hai đứa mượn được mà không bị yêu tinh ăn thịt; 4) ông bắt cháu chui vào trống, ông đánh, cháu lấy kim dùi thủng mặt trống, không chết, ngược lại khi ông chui vào, cháu lấy sáp bịt lỗ, ông chết. Cũng có việc mẹ con xuống trần, nhưng mẹ không đi được vì có cây nằm chắn đường cứ ngóc lên mỗi lần mẹ định bước qua. Củ

1. Theo Doãn Thanh, Thương Nguyễn, Hoàng Thao. *Truyện cổ dân tộc Mèo*.

và Kỷ đành từ giã mẹ. Qua sông, Củ thấy có chuối trôi có hoa đỏ đẹp, bèn chặt, không ngờ hoa chuối chính là mẹ chúng (không phải bố như truyện của người Tày). Nửa cái hoa chuối vào tay Kỷ hóa thành một con mèo. Sau đó anh em chia tay mỗi người đi một đường. Kỷ đến một nơi cũng phát hiện ra hai cô gái nấp dưới cối úp. Anh bảo họ xay lúa cho yêu tinh về. Chúng liền về hàng đàn hàng lũ làm anh chém mỏi tay, nhưng cũng nhờ con mèo mới đuổi được chúng và nghe lỏm được cách hại chúng bằng việc vung phân gà. Nhờ vậy yêu tinh chết hết trừ một con, tra hỏi mới biết cách làm sống lại những người đã chết. Từ đó làng bản lại đông, Kỷ lấy hai cô làm vợ, rồi đem mèo đi tìm Củ lúc này đang sống với một đàn khỉ cái là vợ. Trong khi dẫn nhau về làng, Kỷ tìm cách giết chết đàn khỉ, rồi cũng như các truyện trên, anh nhường cô gái bị mất vành tai cho Củ. Thấy vợ em đẹp, Củ hại em bằng cách đào hố đẩy em xuống. Mèo tìm được hố, hằng ngày thả cơm xuống cho Kỷ. Nhưng rồi mèo nhảy xuống tình nguyện để Kỷ giết lấy xương khoét thành sáo. Nghe tiếng sáo, chim thú tìm đến thả dây cho Kỷ lên. Ở đây kết thúc bằng việc Củ thấy em về thì sợ và xấu hổ, tự thắt cổ chết[1].

Truyện *Ả Chức chàng Ngưu* của ta có những tình tiết giống với truyện của Trung-quốc và của một số các dân tộc khác.

Trung-quốc có ba truyện *Khiên Ngưu Chức nữ*:

1) Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên: phía Đông Ngân-hà có Chức nữ con gái vua Thiên đế. Mỗi năm, nàng cố công cố sức dệt áo quần của nhà Trời như mây. Trời thấy nàng ở một mình bèn gả cho Khiên Ngưu ở bên kia sông. Sau khi cưới, người đàn bà ấy bỏ bê việc dệt làm cho Thiên đế nổi giận, bắt trở về chỗ cũ. Về sau chỉ cho phép mỗi năm một lần qua sông để gặp chồng.

2) Cũng như truyện trên, sách *Kinh Sở tuế thời ký* kể như sau:

Chức nữ là một vì sao Thiên tôn (cháu gái nhà trời) coi việc canh cửi tại Thiên cung. Nàng ở về Hà-đông (phía Đông Ngân-hà) là người công dung ngôn hạnh toàn vẹn, nghề canh cửi rất chăm chỉ và tinh xảo, thường dệt thành gấm màu mây (vân cẩm) để may áo chầu cho Ngọc Hoàng. Tại Hà-tây (phía Tây Ngân-hà) bấy giờ có Ngưu lang, một vì sao Khiên Ngưu (dắt trâu) làm việc chăn nuôi chuyên cần, tài đức đều trội. Thấy vậy, Ngọc Hoàng bèn triệu Ngưu lang gả cho Chức nữ. Hai bên thành hôn vào ngày mồng bảy tháng Bảy gọi là tiết Thất tịch.

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, đã dẫn.

Sau khi cưới, vợ chồng đem nhau về Hà-tây. Nhưng từ đó họ say đắm quên hết cả. Chức nữ suốt năm không về Thiên cung, bỏ bê việc canh cửi, chàng Ngưu cũng trễ nải chăn nuôi. Ngọc Hoàng nổi giận sai bắt Chức nữ lại trở về Hà-đông mà lưu Ngưu lang ở Hà-tây, chỉ chuẩn cho hàng năm vào tiết Thất tịch, ra lệnh Hà Bá (thần sông) sai chim thước (chim khách, cũng gọi là chim chẽo choẹt) đốc suất đàn chim ô (quạ) bắc cầu sông Vân-hán (tức Ngân-hà) cho phép Ngưu lang từ Hà-tây sang Hà-đông tới Thiên cung gặp vợ một ngày. Sáng mồng 8 phải có mặt ở Hà-tây.

3) Chức nữ là con gái Tây Vương mẫu, một ngày nọ đến tắm ở suối nước nóng với các nàng tiên khác. Một con trâu của Ngưu lang bảo anh lấy trộm áo của nàng tiên đặt ở bờ hồ. Ngưu lang làm theo, nàng tiên bị mất áo lại là Chức nữ, nàng đành lấy Ngưu lang làm chồng, đẻ một trai một gái. Một hôm Chức nữ tìm được áo bèn bay về trời. Ngưu lang đuổi theo. Sắp bị chồng bắt, Chức nữ kêu: -"Ôi mẹ, cứu con với!" Bà mẹ đang cầm cái trâm ở tay liền vạch một cái, một dòng nước mênh mông ngăn đôi: đó là Ngân-hà. Sau đó vợ chồng xin Trời cho phép gặp nhau. Trời cho mỗi năm một lần vào ngày mồng bảy tháng Bảy. Ngày đó, những con chim sẻ ở dưới trần đến làm cầu trên sông để cho hai người qua lại. Trên trời có bốn ngôi sao tụ bên Ngân-hà giống đóa hoa đó là Chức nữ; và ba ngôi khác hình tam giác là Khiên Ngưu, gần đó lại có hai ngôi nhỏ là con của họ.

Truyện của người Lô-lô Puê-puê ở đảo Ô-ba (Hobart) (châu Úc-Australie): *Ta-ca-rô và Ba-ni-hi Ma-ma-ta, người đàn bà ở xứ Mặt trời:*

Có những người đàn bà ở xứ Mặt trời xuống trần lấy nước biển. Xong họ đặt cánh trên bờ rủ nhau xuống tắm. Một anh chàng là Ta-ca-rô thấy vậy bèn rình xem. Thấy Ba-ni-hi đẹp nhất đám, anh bèn trộm lấy cánh vùi dưới đất ở dưới cửa nhà mình. Tắm xong, mọi người bay về trời, duy có Ba-ni-hi cùng với con đành ở lại. Ta-ca-rô dỗ dành bảo nàng lên nhà trồng khoai mài với mẹ mình. Nói rồi anh ta đi. Ba-ni-hi đành lấy anh làm chồng. Một hôm đứa bé ngắt lá khoai mài bảo: -"Mọc! Mọc". Lá tự nhiên mọc thành cây. Thấy vậy, mẹ Ta-ca-rô tưởng đứa bé đào trộm cây mài bèn nổi giận mắng mỏ. Mẹ đứa bé nói: -"Không phải trộm, nó lấy lá làm thành cây đấy!" Rồi ngồi tựa cửa khóc, nước mắt chảy xuống xói đất, cánh lộ ra. Ba-ni-hi moi lấy cánh mang vào, rồi đem con về xứ Mặt trời. Ta-ca-rô về không thấy vợ, bảo chim bói cá bay lên tìm, chim lên đến nơi thấy mẹ con đang nhuộm chiếu. Đậu ở cây, chim vẽ hình Ta-ca-rô ném xuống. Đứa bé nhặt lên đưa cho mẹ nó. Người đàn bà bảo chim:

-"Về bảo Ta-ca-rô lên đây, ta sẽ xuống." Được tin, Ta-ca-rô bèn làm cung tên rất khỏe. Phát thứ hai cắm vào đuôi mũi tên thứ nhất. Cứ thế cho đến mũi thứ một trăm đã đụng đất. Anh bắt rễ cây đa cho bám vào cái cầu bằng tên ấy. Đoạn anh thổi hơi vào và nói: - "Rễ hãy mọc lớn lên! lớn lên!". Rễ đa mọc rất nhanh, không mấy chốc quấn chặt lấy mũi tên bám lấy mặt trời. Bói cá bảo anh trang điểm rồi leo theo mình. Khi gặp Ba-ni-hi, anh bảo nàng xuống ở với mình, Ba-ni-hi mang chiếu cõng con đi theo Ta-ca-rô. Nửa đường, Ba-ni-hi cầm rìu chặt đứt rễ đa trước mặt, Ta-ca-rô và bói cá rơi xuống, mẹ con lại trở lại. Từ đấy đường lên trời bị cắt đứt vì không thể bắn tới được nữa[1].

Truyện của bộ lạc Ban-tích (Bantiks) ở đảo Xê-lép (Célèbes):

Có tám nàng tiên từ trên trời xuống tắm trong một cái giếng trên một hòn đảo. Một chàng trai tên là Ka-sim-ba-ha thấy họ bay, lúc đầu tưởng là bồ câu, lại gần mới biết là người. Khi các nàng vùng vẫy dưới giếng, anh cũng lần tới chỗ họ để áo trộm lấy một cái. Áo ấy là của nàng tiên U-ta-ha-ghi. Nàng đành ở lại lấy anh và sinh được một con. Nàng dặn chồng đừng nhổ sợi tóc trắng của mình. Nhưng anh quên mất, nhổ xong tự nhiên trời nổi một trận bão dữ dội và nàng tiên lại trở về trời. Chồng không biết nuôi con, bèn cõng con đi

1. Theo Su-át (Chouate). *Huyền thoại và truyền thuyết thổ dân ở đảo Tân Hê bờ-rít (Nouvelle Hébride) châu Úc (Australie),* tạp chí *Nhân loại* tập VII (1912). Một dị bản kể như sau: Một bọn người có cánh đến tắm ở sông Oa-tun (Watün) trong đó cũng có người đàn bà có con bé. Cánh của nàng cũng bị một người đàn ông lấy trộm và nàng đành làm vợ anh. Một hôm hai người cãi nhau, chồng quát: -"Chúng mày ở đâu thì xéo đi!" Vợ khóc, nước mắt cũng làm xới đất, làm lộ bộ cánh giấu dưới đó. Vợ nhân lúc chồng vắng nhà bế con bay đi. Chồng về hỏi vợ cả, vợ cả không biết. Như truyện trên, anh trèo lên núi đá Mut bắn tên lên trời, tên trúng vào cây đa gần nhà người đàn bà. Các mũi tên sau cũng tiếp tục cắm vào đuôi nhau, anh lấy rễ cây đa cho bắt vào mũi tên cuối cùng, rễ cũng bò đến cành đa trên trời. Anh ta leo lên, mang theo một thúng quả cây. Đến nơi thấy con chơi ở khe, từ trên cây anh ném xuống các thứ quả. Mỗi lần nhặt được, đứa bé mang về cho mẹ. Mẹ nó kêu lên: - "Ồ, đây là loại quả mà chúng ta ăn ở dưới kia!" Lần thứ ba, mẹ nó chạy ra nhìn lên cây thấy chồng: -"Làm sao đến được đây"? - "Tao đi theo một con đường riêng". -"Tìm ai?" -"Tìm mày về" -"Tao không muốn". Nhưng người đàn ông cố ép. Người đàn bà buộc phải bế con đi theo và nửa đường nàng cũng chặt đứt rễ đa sau lưng anh chồng - "Mày làm gì thế?" - chồng hỏi. - "Rễ cây đã chặt, mày về làng mày, còn tao về làng tao". (Theo Tát-tơ-vin (Tattevin). *Huyền thoại và truyền thuyết ở phía Nam đảo Păng-tơ-cốt,* tạp chí *Nhân loại,* tập XXVII, 1931).

tìm. Có một cây mây đâm thẳng lên trời nhưng gai mây dày đặc không thể leo được. May có một con chuột đồng giúp anh bằng cách gặm gai. Anh leo lên, dọc đường nhờ nhiều con vật khác giúp nên lên đến nơi. Lại nhờ một con chim mách cho chỗ ở, một con đom đóm chỉ cho anh biết buồng của vợ. Nhưng vẫn chưa hết. Người anh của vợ còn đưa ra chín đĩa đậy kín bảo chỉ đúng đĩa của vợ rồi mới cho gặp. Một con ruồi giúp anh trong việc này. Vợ chồng mẹ con sum họp được ít lâu, mẹ phải dòng dây cho con xuống. Đứa bé trở về, sau trở thành ông tổ của người Ban-tích (Bantiks).

Truyện của người đảo Lưu-cầu (Luçon):

Một chủ trại chưa vợ tên là Minh Linh Xu. Gần nhà có một giếng nước ngọt. Một hôm hắn đi múc nước, từ xa nhìn giếng thấy có vật gì sáng. Nhìn kỹ mới biết có một người đàn bà tắm, áo quần còn mắc trên cây thông gần đó. Hắn lén đến trộm lấy áo quần mà màu sắc nom rất kỳ lạ. Người đàn bà quỳ xuống để xin lại áo quần - "Tại sao lại tắm ở đây làm vẩn đục nước của ta?", hắn quát. - "Nước sông suối giếng ao là của trời, tất cả mọi người ai cũng dùng được". Nhưng cuối cùng người đàn bà phải lấy hắn làm chồng. Hai người sống với nhau trong mười năm sinh được một trai một gái. Ở đây không có chuyện tìm ra được cánh, một hôm thấy duyên số đã mãn, vợ nhầm khi vắng chồng, trèo lên cây nói ít câu từ biệt con, rồi cưỡi mây mà đi.

Truyện của Miến-điện (Myanmar) do người Tây-tạng kể, cũng tương tự:

Thành phố Núi Bạc cách ly với thế giới người trần bằng ba hàng rào: 1) bằng lau sậy và gai góc; 2) con suối đồng luôn chảy; 3) có quỷ dữ. Một hôm có chín nàng công chúa của thành phố này mang thắt lưng thần có phép bay như chim, đi thăm một cánh rừng đẹp tận biên giới hòn đảo Nam ở cõi trần. Thấy hồ nước, họ rủ nhau xuống tắm. Trong khi vùng vẫy, họ giật mình vì có một chàng đi săn ném thòng lọng vào một cô trẻ nhất là Ma-nan-hu-ri rồi dắt về cho một hoàng tử ở Pi-en-sa. Thấy nàng đẹp tuyệt trần, hoàng tử bèn đặt vào chính cung mặc dầu mới kết hôn với con gái một vị chiêm tinh cho hoàng gia. Sau đó ít lâu hoàng tử bị vua cha bắt phải cầm quân đi đánh giặc. Nhân dịp vắng hoàng tử, nhà chiêm tinh giải nghĩa một giấc mộng cho nhà vua là phải làm giảm nhẹ cơn giận của hung thần bằng cách hiến tế cô Ma-nan-hu-ri. Thấy người yêu của con trai có nguy cơ bị hy sinh, hoàng hậu mẹ hoàng tử bèn tìm đến nàng dâu, trả cho nàng cái thắt lưng thần mà người đi săn đã nhặt được. Công chúa lại bay về Núi Bạc, dọc đường dừng lại ở nhà một tu sĩ già trong

rừng, kể chuyện mình cho tu sĩ nghe và đưa cho ông một cái nhẫn cùng những vị thuốc có thể nhờ nó mà vượt qua các hàng rào ngăn cách.

Đánh giặc về thấy mất người yêu, hoàng tử bèn cất công đi tìm. Gặp được tu sĩ, hoàng tử nắm được bí quyết vượt qua các hàng rào, rồi trải nhiều phen phiêu lưu mới tới được thành phố Núi Bạc. Vua xứ Núi Bạc nổi giận vì có một người trần cả gan vào nước mình một cách tự tiện, bèn ra lệnh cho công chúa bắt hoàng tử phải chịu ba cuộc thử thách mới được kết duyên với chàng: 1) phải thuần được ngựa và voi hoang. Hoàng tử làm xong; 2) phải bắn một phát tên trúng đích ở lâu đài. Vốn có tài bắn, hoàng tử cũng làm xong; 3) phân biệt ngón tay của Ma-nan-hu-ri với các ngón tay của các công chúa khác thò ra ở vách. Nhờ vua ruồi giúp nên hoàng tử thắng lợi[1].

Truyện Ba-tư (Iran) có nguồn gốc từ Ấn-độ :

Một đàn bồ câu từ lưng chừng trời bay xuống bờ hồ, cởi bộ áo lông ra và hóa thành những cô gái đẹp. Khi đang vùng vẫy dưới làn nước thì một chàng trai trộm lấy bộ áo của một cô trẻ nhất, đẹp nhất. Cuối cùng cô nàng cũng trở thành vợ anh. Có lần chồng buộc phải đi xa, giao cho một bà già canh giữ chỗ bí mật giấu áo nàng tiên. Một hôm bà già ngắm nàng, khen nàng xinh đẹp -"Tôi còn đẹp nữa nếu được mặc áo quần ngày trước", cô nói. Bà già bèn lấy áo cho nàng mặc để được ngắm nghía thỏa thích, không ngờ nàng tiên mặc áo vào là bay luôn. Đoạn cuối cũng có tình tiết chàng thanh niên đi tìm vợ, hai vợ chồng cũng lại gặp nhau tại một xứ xa xôi và bí hiểm.

Truyện Ấn-độ:

Một chàng chăn dê tên là Tô-ri-a thường cho dê ăn cỏ ở bờ sông. Các cô gái xứ Mặt trời thường có thói quen theo sợi nhện để xuống đây vùng vẫy. Một hôm họ gọi Tô-ri-a xuống tắm và bơi lội. Mỗi lần tắm xong, các cô lại bay về trời. Lâu dần thành quen, anh chàng chăn dê đâm ra yêu một cô trong bọn. Bèn lập kế để bắt. -"Nào ta thử xem ai lặn sâu hơn?" hắn đề nghị. Đang lúc vui, các cô đồng ý. Trong khi các cô ngụp xuống nước thì hắn trồi lên trước, lấy váy (sa-ri) của cô nàng rồi trốn đi. Cô đuổi theo hắn đến nhà. Tô-ri-a trả nhưng không dám bắt tay cô; về phía cô gái thấy chị em đều bay trốn cả, bèn xin làm vợ anh chàng.

Cũng như một số truyện trên, tiếp đến đoạn anh đấu tranh với tên vua định

1. Theo một số báo *Hội [nghiên cứu] Á châu của Băng-gan* (1839).

chiếm mất vợ. Một người hành khất mách cho vua biết nhan sắc của vợ Tô-ri-a. Vua mê hồn vì sắc đẹp, tìm cách đuổi chồng để bắt vợ làm hoàng hậu. Bèn ra lệnh buộc Tô-ri-a trong một đêm phải đào một cái hồ đổ đầy nước, xung quanh bờ trồng cây, v.v...nếu không xong thì chết. Nhờ vợ, Tô-ri-a làm xong. Vua lại bắt anh phải gieo hạt đầy một cánh đồng, khi lúa chín lại bắt gặt và dồn thành một đống trong một ngày. Vợ gọi bồ câu tới giúp và cũng giải quyết xong. Cuối cùng, giống với kết thúc truyện *Ren-nê với ông chúa* (**Khảo dị** truyện số **60**, tập **II**), Tô-ri-a bị vua sai bắt trói quẳng xuống hồ, nhưng anh đánh lừa được mọi người để khỏi bị ném xuống, lại lừa được vua để vua tình nguyện nhảy xuống hồ với hai người hầu. Truyện còn thêm một đoạn nữa không dính gì đến chủ đề người trần lấy vợ nhà trời nên ở đây miễn kể.

Truyện trong *Nghìn lẻ một đêm:*

Gian-sá, con một ông vua, sau khi đi nhiều nơi đến lâu đài của một ông già nọ được mời ở lại. Một hôm ông giao cho chàng chùm chìa khóa, cho chàng tự do, chỉ cấm mở có mỗi một cửa. Không ngăn được tò mò, Gian-sá mở cửa ấy ra, thấy ở giữa một cảnh vườn đẹp có một cái hồ. Bỗng thấy có ba con chim lớn dạng như bồ câu đáp xuống bờ hồ, trút bộ lông ra hóa thành gái đẹp xuống tắm, và sau đó lại mang áo chim vào bay đi mất. Từ đó Gian-sá đâm ra buồn rầu. Ông già phát hiện ra cái tội tò mò của anh, nhưng cũng tha cho và giúp anh tìm cách bắt cô gái đẹp. Ông cho biết đó là ba cô con gái vua thần thường tới tắm ở hồ. Cũng như các truyện trên, Gian-sá rình trộm một bộ lông để lấy một cô làm vợ. Nhưng sau đó ít lâu, nàng tìm được bộ lông bay đi, không quên nhắn với chồng nếu có yêu thì tìm mình ở thành Kim-cương. Gian-sá cất công đi tìm, hỏi khắp các vua chim, vua thú, vua thần về thành Kim-cương, nhưng không một ai biết cả. Sau đó anh gặp một pháp sư, nhờ ông này dò hỏi trong một cuộc họp giữa thần, thú, và chim. Một con chim đến họp chậm, biết đường đến thành Kim-cương và thuận mang anh đi. Đến nơi, cha vợ và vua thần tiếp đãi anh nồng hậu và cho anh gặp vợ (theo bản dịch của Ga-lăng (Galland)).

Truyện của người Ả-rập (Arabes) ở An-jê-ri (Algérie):

Một nhà tu sĩ đạo Hồi (tu-lép) trộm được "tấm da bồ câu" của người xứ thần (Jơ-nun) đang tắm. Hắn ra một điều kiện chỉ trả lại khi nàng ưng thuận những yêu cầu của hắn -"Anh muốn gì?"- "Muốn lấy nàng làm vợ." Người đàn bà đành phải lấy hắn, sống nhiều năm đẻ được nhiều con. Một hôm bọn con của nàng đang chơi đùa, bỗng tìm ra được "tấm da bồ câu", vội vàng mang đến

cho mẹ chúng. Người mẹ liền mang vào rồi trở về xứ Jơ-nun.

Truyện của người Man-gát-sơ (Malgaches) ở Ma-đa-gát-xca (Madagasca):

Một chàng trẻ tuổi tên là An-đri-a-nô-rô nghe nói có ba cô gái tuyệt đẹp thỉnh thoảng từ trời bay xuống tắm tại một hồ nào đó. Nhờ có một thầy bói chỉ chỗ và bày cách bắt, anh lấy được cô trẻ nhất làm vợ. Một hôm chồng đi vắng, vợ ở nhà bị mẹ chồng hành hạ đến chết, khi chồng về lại sống lại. Vợ liền xin chồng đi tìm bố mẹ mình. An-đri-a-nô-rô muốn đi theo. -"Đi thì rất nguy hiểm vì sẽ trải qua nhiều thử thách" - "Ta cứ đi!" Anh nói thế, và trước khi xuất hành, anh giết bò đãi các giống chim muông, nhờ giúp đỡ trong chuyến đi. Đến nơi, anh cũng bị bố vợ bắt phải làm ba việc: 1) chặt một cây to; 2) kéo một số đồ đạc đã quẳng xuống ao có nhiều cá sấu lên bờ; 3) tìm cho ra vợ giữa đám đông các cô gái y hệt như nhau. Nhờ các giống vật giúp, anh thành công.

Truyện của người Nga:

Một hoàng tử được vua cha hứa hôn với công chúa con vua Thủy. Một hôm anh gặp một tay phù thủy (ba-da-ya-ga), hắn xui anh lấy áo của một cô cả trong số mười hai cô dưới hình dạng chim bay đến bờ biển tắm. Anh lấy xong, cô bị mất áo cũng tìm đến lạy lục để xin lại áo. Không ngờ cô ấy lại là con gái vua Thủy.

Truyện của người Xa-mô-y-ét (Samoyèdes):

Một chàng trẻ tuổi được một bà già mách cho biết đến rình ở một cái hồ giữa rừng sẽ thấy bảy cô gái xuống tắm, áo quần của họ bỏ lại trên hồ, cứ việc lấy một bộ rồi trốn đi, sẽ có vợ. Anh làm theo. Cô gái mất áo theo đến xin. Anh nói: -"Không, ta không trả, nếu trả thì nàng lên trời mất". Cũng như các truyện trên, cô gái trở thành vợ chàng.

Truyện của người Xcăng-di-na-vơ (Scandinaves) trong *Ét-dát*:

Có ba anh em hoàng tử đi săn đến một cái hồ, thấy trên bờ có ba người đàn bà đang kéo sợi lanh, gần đó có ba bộ lông thiên nga. Họ thuộc nòi thần linh (van-ki-ri). Khác với hầu như tất cả các truyện trên, ở đây cả ba anh em đưa ba người đàn bà về làm vợ trải qua bảy mùa đông. Sau đó, một hôm ba người vợ của họ bỗng bay đi không trở lại, vì ở đây không có chuyện giấu bộ lông.

Truyện của người đảo Sét-lăng (Shetland) và Or-ca-đơ (Orcades) ở châu Úc (Australie). Ở đây nhân vật chủ yếu không phải từ trời bay xuống, mà lại từ dưới nước lên:

Một người đi câu một hôm thấy có hai người đàn bà đẹp chơi ở bãi biển. Gần đó có hai tấm da hải báo. Anh cầm một tấm lên xem. Bỗng một trong hai người đàn bà chạy đến lấy tấm còn lại vội vã mặc vào và lặn mất. Còn một người nữa thì đến lạy lục xin anh tấm da, nhưng anh không cho, bèn trở thành vợ anh. Hai người ăn ở với nhau được mấy năm, sinh hai con. Một hôm tình cờ tìm thấy tấm da, người vợ bèn mặc vào và trốn đi cùng với một đồng loại[1].

Sau đây là những truyện mà mô-típ cơ bản: chàng trai lấy nàng tiên làm vợ bằng cách lấy trộm áo quần (hay lông cánh) trong khi nàng bận tắm, vẫn còn đậm nét, nhưng nội dung đã biến hóa khác hẳn, hoặc đã chuyển sang một loại chủ đề khác. Chỉ kể một số truyện tiêu biểu.

Truyện của Băng-la-đex (Bangladesh):

Một ông vua có hai con là Săng-đra và Si-va Đát do hai người vợ khác nhau sinh ra. Vua vốn ghét mẹ người sau nên bắt hai mẹ con ra khỏi hoàng cung, cho ở một túp lều, sống bằng nghề hành khất. Si-va Đát vốn thờ thần Xi-va và được thần cho một cây gươm có thể cầu được ước thấy. Một đêm vua nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đẹp sáng chói cả cung điện, mỗi lần thở có một luồng lửa thò ra khỏi mũi như một đóa hoa. Vua bắt quan đầu triều phải tìm cho ra người đàn bà này nếu không thì xử tử. Quan đầu triều ra đi với hoàng tử Săng-đra và đông người hầu. Nghe tin, Si-va Đát cũng xin vua cha cho đi theo. Cả đoàn dừng lại trước một cánh rừng không thể vượt nổi. Nhưng nhờ có gươm thần nên Si-va Đát một mình vượt được dễ dàng. Đến một nước nọ, anh giúp việc cho vua nước này lập nhiều công trạng nên được vua gả công chúa. Lại nhờ gươm thần anh đến xứ sở của các hung thần (rắc-sa-xa). Anh bị hai hung thần giải đến cho vua họ, nhưng vua lại kết bạn với anh và gả con gái đẹp cho. Một hôm anh kể giấc mộng của cha mình cho vua nghe. Vua nói người đàn bà ấy có thực. Bèn sai người đưa anh đi gặp một ẩn sĩ trong rừng để hỏi rõ sự tình và tìm cách bắt. Ẩn sĩ bảo: trong rừng nọ có một cái hồ, vào những đêm trăng tròn có năm vũ nữ (áp-sa-ra) nhà trời, trong đó có nàng Ti-lốt-ta-ma (người mà vua cha nằm mộng) nhờ một con mèo mầu nhiệm đưa xuống đấy tắm. Vậy muốn bắt, chỉ có cách trộm lấy quần áo của họ. Si-va Đát làm theo, bắt được cả năm người. Khi các vũ nữ xin lại quần áo thì anh buộc họ phải giao nàng Ti-lốt-ta-ma, sẽ trả. Thế là Ti-lốt-ta-ma đành phải ở lại với chàng Si-va Đát. Một thời gian sau, đôi bên từ giã, nàng cho chàng một

1. Phần nhiều các truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập II.

cái sáo có thể gọi nàng đến bất cứ lúc nào. Si-va Đát trở về với vua hung thần, vua lại gả thêm cho một công chúa nữa. Anh lại trở về với bố vợ trước rồi nhờ gươm đưa cả ba vợ đến chỗ hoàng tử Săng-đra đang chờ, báo tin đã tìm thấy người trong mộng. Săng-đra lập mưu xô Si-va Đát xuống giếng để chiếm công, nhưng trước mặt vua và các tiểu vương, hắn không thể nào gọi Ti-lốt-ta-ma đến được, bị vua cha đày cả mẹ lẫn con đi xa. Nhờ có gươm thần, Si-va Đát không chết, trở về yên lành. Lại nhờ có ba vợ tâu vua mọi việc, Si-va Đát được đón vào triều. Chàng thổi sáo, người đàn bà sáng chói xuất hiện đúng như trong giấc mộng của vua cha. Cuối cùng vua cho Si-va Đát lên ngôi thay mình.

Truyện của người A-va-rơ (Avares) ở núi Cô-ca-dơ (Caucase):

Một hoàng tử cưỡi một con ngựa thần đến một nơi thấy đêm sáng như ban ngày. Lấy làm lạ, hoàng tử nhìn thấy giữa cánh đồng vắng có một vật sáng rực, nhặt lên thì ra đó là một chiếc lông. Hoàng tử hỏi ngựa: -"Có nên nhặt không?" -"Nếu nhặt sẽ đau khổ, không nhặt cũng thế". Bèn giắt lên mũ. Đến một thành phố, hoàng tử nằm ngủ giữa đồng. Vua và triều thần nước này đều lấy làm lạ vì đêm cũng sáng như ngày, bèn sai lính đi tìm. Lính đưa hoàng tử về, vua hỏi, anh trao chiếc lông. Vua buộc hoàng tử đi tìm cho ra người có chiếc lông lạ này. Ngựa cho hoàng tử biết đó là cô con gái vua Biển, mỗi ngày nàng cùng hai chị hóa làm bồ câu bay đến một hồ nọ để tắm. Vậy rình khi cô xuống nước phải chiếm lấy bộ quần áo lông thì có thể buộc cô theo mình. Hoàng tử chiếm được cô gái đem về cho vua. Vua muốn lấy nàng làm vợ. Cô ra điều kiện: -"Ai muốn lấy tôi phải trẻ lại thành người hai mươi tuổi". -"Làm sao để cho trẻ lại?", vua hỏi. -"Đào một giếng sâu năm mươi thước đổ đầy sữa bò rồi xuống tắm". Khi giếng sữa đã làm xong, vua ngần ngại không dám xuống, bèn sai dẫn đến một đôi vợ chồng già bắt xuống tắm. Trở lên họ quả trẻ lại. Vua liền nhảy vào giếng sữa thì bị chết đuối. Tình tiết này tương tự với một truyện của Ý (Italia) (xem **Khảo dị** truyện số **92**, tập **III**).

Truyện của người Thổ-nhĩ-kỳ (Turcs) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie):

Một anh chàng có số phận phiêu lưu kỳ lạ. Một lần bị sóng đánh giạt lên một đảo hoang. Đi ít lâu gặp một cụ già ngồi than khóc -"Sao lại khóc?", anh hỏi. -"Ta có đứa con giống như anh, nó đã chết, anh sẽ là con ta, cõng hộ ta với". -"Không đủ sức vì đói quá". -"Đến đàng kia có cây, ăn quả nó sẽ lại sức". Anh ăn xong, ông già bảo: -"Mang hộ ta lên vai đến một thành phố gần đây thôi". Anh vừa cõng đã bị lão đánh -"Sao lại đánh tôi?". -"Mày là ngựa, từ giờ phải để ta cưỡi". Anh đành phải cõng. Đến một nơi thấy dân ở đây cũng có

người được cõng như thế. Ở lại đây sau nhiều năm, một hôm anh gặp một cây phong có quả chín. Đói sẵn, anh ăn vào bị say lảo đảo làm cho lão mất thăng bằng. Anh mời lão ăn, ăn xong lão mất trí, anh quật lão xuống rồi giết đi.

Lại trôi nổi đến một nơi nọ. Vào một lâu đài, khi mở cổng sau ngoảnh ra đồng, anh thấy một cái hồ ở giữa đồng. Anh ngồi dưới một gốc bạch dương, bỗng thấy có ba con thiên nga từ trên trời bay xuống đậu trên bờ. Hai con bước xuống nước thành hai cô gái, gọi: -"Mau xuống đi!" Nhưng thiên nga thứ ba đáp: -"Có mùi đàn ông ở đâu đây!" -"Không, họ ở cách đây xa lắm!". Nghe nói thế, thiên nga bèn cởi áo lông bước xuống nước hóa thành cô gái. Lập tức anh chui ra khỏi chỗ trốn cướp lấy áo. Cô gái hoảng hốt kêu lên: -"Tôi đã bảo mà, thế mà hai chị nói không có ai cả". Hai cô kia liền vội vã lên bờ bay đi để cô thứ ba lại cho anh, v.v...[1]

Truyện của Pháp: *Con mèo cái trắng* khá phổ biến ở các dân tộc phương Tây:

Jăng, con nhà giàu, một hôm được người bố cho hai vạn quan đi chơi hội. Anh nướng hết vào sòng bạc. Một người bạn cho vay sáu ngàn, cũng lại cháy túi. Thất thểu trở về, gặp một yêu tinh hỏi anh vì sao mà buồn. Anh kể chuyện thua bạc. Yêu tinh cho anh vay hai vạn quan, hẹn một năm và một ngày phải đem đến trả ở Rừng đen. Về nhà kể chuyện lại cho bố mẹ hay, bố mẹ giục phải đi trả ngay, nếu không sẽ mắc tai họa. Lập tức anh đi tìm kiếm Rừng đen, phải mất một năm và một ngày mới tới nơi. Sắp tới, gặp một bà tiên mách cho anh cách để thoát khỏi tay yêu tinh: -"Ở đây có một cái giếng, có ba cái lông xanh, vàng, đen đang tắm. Hãy lấy cái áo của lông xanh và hôn một cái, nó sẽ cứu anh!" Anh làm theo, lông xanh biến thành một cô gái; cô làm thân với anh. Cô bảo: -"Yêu tinh này là bố tôi đấy. Khi nào anh đến, bố tôi bảo ngồi ghế nào, thì nhớ ngồi ở chiếc khác, chỉ bàn cũng vậy. Nếu đưa đĩa hay cốc thì từ chối, nói là theo tục lệ. Chỉ buồng ở trên cao thì đếm đủ mười tám bậc thang hãy vào, nếu chỉ cho nằm giường nào thì nằm ở giường bên cạnh". Anh đến gặp yêu tinh, mọi việc đều làm y như lời cô gái dặn. Đêm lại, yêu tinh làm cho giường xoay chuyển mọi phương, nhưng sáng dậy hắn ngạc nhiên thấy anh vẫn sống. Hắn lại giao cho anh búa bằng bìa, cưa bằng gỗ, dao quắm bằng cao-su để lên rừng đốn gỗ buộc đến chiều phải đưa về. Lông xanh đưa cơm cho anh và chỉ bằng một gõ đũa, giúp anh làm xong. Yêu tinh lại bắt anh dựng một lâu đài chạm trổ, trước nhà phải có một mũi tên như thế như thế,

1. Theo *Báo châu Á* (1886). Đoạn đầu truyện tương tự với cuộc hành trình lần thứ năm truyện nhà hàng hải Sinh Bá trong *Nghìn lẻ một đêm*.

cắm lên nóc. Lông xanh đưa cơm, bảo anh: -"Tôi sẽ làm ngay cho anh một lâu đài đúng như cha dặn. Rồi sẽ hóa thành một con mèo trắng, anh hãy giết đi, nhúng nước sôi, lọc lấy xương rồi sắp xương lại đúng chỗ để tôi sống trở lại. Lúc ấy trong người tôi sẽ có một mũi tên đẹp, hãy đem cắm lên lâu đài". Anh làm như lời, nhưng khi sắp xương thì có một đốt xương chân đặt sai chỗ. Yêu tinh lại bắt anh bịt mắt chọn cho đúng lông xanh trong ba lông, hứa sẽ gả. Anh chỉ đúng. Đêm ấy có gió to, cô gái bảo: -"Trốn theo tôi!". Khi đến gần nhà, cô ôm anh, anh trở thành một chàng trai đẹp, cô dặn: -"Về chớ cho người thân ôm mà lại xấu đi". Nhưng khi về, anh từ chối được cả, chỉ có bà nội, anh để cho bà ôm hôn, nên xấu trở lại.

Truyện còn kể khi yêu tinh ngủ dậy thấy mất hút anh, bèn đuổi theo, nhưng dọc đường hắn chỉ gặp những người điếc (do cô gái bố trí) nên hỏi mãi không ra, chán nản trở về. Thấy Jăng trở về với cô gái đẹp, có người đem nhiều tiền đến định bắt tình với nàng, cô gái nhận, nhưng lại tìm cách lẩn trốn, để cho Jăng đánh đuổi hắn. Mấy lần như vậy, hai người trở nên giàu có, họ bèn kết hôn[1].

Truyện của người Mi-lăng (Milan) ở Bắc Ý (Italia):

Một anh chàng tìm đến vua xứ Mặt trời để đánh một ván bi-da mà vật cược là công chúa con vua. Anh khăn gói ra đi. Dọc đường anh gặp một ông già chỉ giúp con đường dẫn đến lâu đài nhà vua và dặn là hãy trộm lấy áo quần những người con gái vua khi họ tắm, chỉ bằng lòng trả khi nào họ dẫn đến vua cha. Ông già còn nói thêm: sau đó vua Mặt trời sẽ sai bịt mắt anh để chỉ

1. Truyện của người Ý (Italia), Tây-ban-nha (Espana), Bồ-đào-nha (Portugal) có phần tương tự với truyện trên:

Một chàng trẻ tuổi hay cờ bạc, một hôm đi chơi đến một nơi, vào một quán đánh bạc. Chủ quán vốn là tay phù thủy nên cuối cùng anh bị lột sạch túi. Anh lại đem thân ra đánh, giao hẹn nếu thua thì một năm sau sẽ đến chuộc. Lại thua nữa. Đến hẹn không tiền chuộc, phải đi gán thân, dọc đường gặp tượng thánh Ăng-toan, anh bèn cầu nguyện. Thánh hóa thành một thầy tu gặp anh, bày cho cách tự cứu là đến một cầu nọ sẽ thấy ba con chim bồ câu trắng, chim sẽ bỏ bộ lông trên bờ biển thành con gái xuống tắm. Hãy lấy bộ lông của cô trẻ nhất giấu đi, và nhờ cô ấy có thể chuộc được thân. Anh làm theo lời, cô gái bị mất bộ lông tìm đến xin trả. Anh đặt điều kiện giúp mình giải quyết món nợ. Cô nói rằng người phù thủy ấy là bố mình. Bèn dẫn về. Phù thủy cũng giao ba việc, làm xong sẽ xóa nợ. Nhờ cô giúp nên chẳng những sạch nợ mà còn lấy được cô làm vợ v.v...

nhầm cô nào phải lấy cô ấy; vậy phải tìm cô nào có ngón tay cụt là nàng đẹp nhất. Anh làm theo và kết quả diễn ra tốt đẹp như lời người mách[1].

Truyện của người Nhật: *Ha-rô-gô-mô hay là chiếc áo lông*:

Một người chài nghèo ở Mi-hô, tỉnh Xu-ra-ga - một bán đảo gần núi Phú-sĩ - một hôm đang dặt sọt thức ăn dưới gốc thông bỗng ngửi thấy mùi thơm lạ. Nhìn lên thì thấy một chiếc áo treo ở cành cây, bèn trèo lên lấy xuống. Thấy áo có cánh, ông đoán là áo tiên, bèn mang về nhà. Nửa đêm mọi người đang ngủ, bỗng giật mình tỉnh dậy vì có tiếng gọi, đó là một nàng tiên đến xin áo. Ông trả lời không biết và đóng cửa. Nàng tiên nài ni mãi không được, bèn khóc sướt mướt. Động lòng, ông lão bèn đưa áo ra trả. Nàng tiên mặc áo bay lên trời. Ông già từ đấy giàu có sung sướng[2].

Truyện của người Et-xki-mô (Eskimo) ở Ca-na-da (Canada): *Người dụ dỗ:*

Một chàng trẻ tuổi tên là Ki-vi-ốc làm nhiều cuộc phiêu lưu kỳ lạ. Thuyền chàng bị bão giạt lên một bãi biển, gặp một mụ phù thủy ăn thịt người. Nhờ con chim sẻ giúp đỡ, anh tìm lại được thuyền và thoát nạn. Rồi anh còn thoát được nhiều quái vật khác ở biển, tìm đến một nơi có mấy người đàn bà vốn là nhện hóa thân. Anh ngủ tại đây, lấy của họ một số ngọc đẹp. Lại đến một nơi có những người đàn bà vốn là chim mỏ nhát. Họ chèo rất khỏe đưa anh về đến quê hương. Anh chia ngọc cho phụ nữ trong làng rồi lại tiếp tục cuộc phiêu lưu. Đến một nơi có mấy người đàn bà vốn là chó sói, anh lấy một cô trẻ nhất làm vợ, hàng ngày đi săn nai. Nhưng không ngờ một hôm mẹ của vợ ghen con, giết con để mình thế vào. Anh khóc người vợ trẻ và khỏe, rồi bỏ đi. Lại đến sống ở xứ sở của những người đàn bà vốn là chồn hóa thân. Đến đây truyện mới bắt đầu gần gũi với các truyện đã kể. Một lần đi qua một cái hồ thấy có nhiều phụ nữ đang tắm, anh trộm lấy một bộ quần áo đẹp của họ bỏ trên bờ. Sự xuất hiện của anh làm cho các cô thét lên, vùng chạy lên bờ thoắt chốc biến thành ngỗng trời bay đi. Chỉ có cô mất áo quần phải ở lại làm vợ anh, cũng sinh được hai con. Ở đây không có tình tiết tìm lại được áo; trái lại, truyện kể: những khi anh đi săn vắng, vợ anh không cho con ăn thịt mà lại tập cho chúng ăn cỏ, cát, sỏi. -"Chúng con phải ăn thịt nai của bố săn đây này", anh bảo thế nhưng chúng vẫn không ăn. Hàng ngày mẹ lượm lông chim kết làm cánh cho mình và cho hai con. Rồi một hôm họ hóa thành ngỗng trời bay đi mất. Buồn rầu, Ki-vi-ốc bỏ đi tìm. Nhờ cha lợn chỉ cho hướng đi nhưng

1. Phần nhiều các truyện trên đều theo Cô-xcanh (E.Cosquin), sách đã dẫn.
2. Theo Phu-ji-ta (Phujita). *Truyền thuyết Nhật-bản*.

có một cái hồ rộng mênh mông chắn đường. Cha lọn lại gọi một con cá lớn cõng anh lên lưng chở sang. Khi đến nơi, con anh mừng rỡ báo tin vui cho mẹ. Nhưng mẹ đã lấy chồng khác rồi, không muốn gặp nữa. Anh bước vào nhà. Chồng mới của vợ sợ hãi trốn mất, vợ kêu khóc như ri. Cuộc đoàn tụ không vui vẻ. Cuối cùng anh phạm tội giết người, lại trốn đến xứ người da trắng trở thành chủ nhân của năm chiếc tàu, thinh thoảng anh lại đi du lịch các nơi [1].

Dân tộc Dáy ở Việt-nam có truyện *Con chim toóc toóc* cũng có sử dụng hình ảnh cướp cánh nàng tiên:

Có bảy anh em có tài dùng trán đóng cọc để đắp đập cấy lúa. Nhưng đắp lần nào đều bị phá vỡ lần ấy. Tức mình, họ để tâm rình, mới hay có bảy nàng tiên ban đêm từ trên trời rơi xuống, đặt áo quần và cánh trên bờ rồi xuống tắm. Trong khi nô đùa, họ lắc cọc nghiêng ngả nên đập bị lở. Bảy anh em bèn xuất hiện chiếm lấy áo quần và cánh, hỏi họ tại sao lại phá đập của mình. Cuối cùng bảy nàng tiên đành phải làm vợ bảy anh em. Đoạn sau còn kể một cụ già, để trị bảy anh em kiêu ngạo, cho họ biết ở dưới đất có những người "ản-eng" tuy tý hon nhưng lại tài giỏi hơn. Bảy anh em bèn tìm xuống để đọ tài. Thấy người "ản-eng" bé nhỏ, bảy anh em làm đổ nồi cơm (bằng vỏ trứng gà) của họ. Họ vẫn không nói gì. Thấy có hòn chì bằng quả bưởi mài nhẵn bóng, bảy anh em hỏi: -"Cái này dùng để làm gì?" -"Của bố chúng tôi dùng để luyện tập". -"Luyện tập thế nào?" -"Tung lên tít mây xanh rồi dùng mũi đỡ. May cho các bác là bố chúng tôi hôm nay đi vắng, chứ nếu có nhà chỉ lấy mũi đỡ, văng vào ai kẻ ấy chết ngay". -"Chúng tao cũng làm được". -"Không có tài như bố chúng tôi thì đừng làm mà chết uổng mạng". Nhưng bảy anh em bị mắc mưu lời nói khích của người "ản-eng", hòn chì lần lượt tung lên giáng xuống làm chết tất cả. Sau đó họ hóa làm chim toóc toóc[2].

Người Tây-nguyên cũng có truyện *Cây đàn*, ở đây nàng tiên không từ trời xuống mà lại từ dưới đất lên:

Chuột và nhím một hôm đào hang đến nhà người Kinh (Doan) ăn trộm cây đàn. Tiếng đàn gảy lên làm cho một cô gái đêm đêm lên nhảy múa với chúng. Một hôm chuột giấu áo cô xuống dưới đống thóc, khiến cô không về được.

1. Theo Pê-rê (Péret): *Tuyển tập thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích dân gian châu Mỹ*.
2. Theo *Chàng xà trị hổ ác*.

Chủ của chuột và nhím tên là Sét mê cô gái đẹp, cuối cùng hai người lấy nhau. Được ít lâu người Kinh đi buôn về kiện chuột và nhím ăn trộm đàn, chúng đành phải trả lại. Không có tiếng đàn, cô gái buồn héo đến chết. Nhớ vợ, Sét cầy cục chế ra một cây đàn khác. Tiếng đàn làm cho một cô gái đêm đêm đến nghe trộm, mờ sáng đã về. Một hôm Sét buộc chỉ vào áo cô gái, chờ khi về, lần theo sợi chỉ mới biết cô chui vào mộ vợ mình, Sét gọi to lên, vợ Sét tỉnh dậy và sống lại như xưa[1].

Về hình ảnh người chồng (hay đứa con) đánh rơi cái lược (hay chiếc nhẫn) vào thùng nước của thị tỳ nàng tiên, người Lào có truyện *Đám cưới của Thao Bút-sa-ba* cũng có hình ảnh tương tự, lại kết hợp phần nào với hình ảnh của truyện *Quân tử* (số **162**). Đại lược là:

Thao Bút-sa-ba là người trai đẹp, giản dị, lại thường có lòng tốt đối với các giống vật. Đến tuổi lấy vợ, anh đi khắp nơi để tìm một nàng. Một hôm dừng chân ở bờ suối gần hoàng cung gặp một cô gái quảy hai thùng nước -"Gánh nước đi đâu?", anh hỏi. -"Cho công chúa, chủ tôi" -"Cho xin uống được chăng?" -"Được!". Về, cô gái kể lại cho công chúa hay. Trong khi gội đầu thấy một chiếc nhẫn rơi xuống, công chúa bảo cô gái chạy ra bờ suối xem thử người khách lạ đánh rơi nhẫn vô tình hay cố ý. Nếu quả là vô tình thì cứ bảo chàng "về đi hỏi công chúa Keo Pha làm vợ, rồi sẽ được lại nhẫn". Bút-sa-ba đến cầu hôn như lời dặn. Ở đây chàng cũng qua ba cuộc thử thách: 1) nhặt cho đủ số lúa đã đếm trong một thúng đem rắc vào rừng (nhờ sâu và kiến giúp thành công); 2) nhặt số lúa ấy đem ném xuống sông (nhờ cá và thần sông giúp); 3) nhận cho đúng ngón tay của công chúa lẫn trong số ngón tay của nhiều cung nữ thò ra ngoài vách (nhờ có công chúa đeo chiếc nhẫn), chàng thắng lợi[2].

Người Phu-noi ở Thượng Lào có truyện *Công chúa Nân (hoặc Nang) Ma-nô-ra* gần như là một với truyện của người Miến-điện (Myanmar) đã kể trên:

Nước Út-ta-ra thịnh vượng nhờ một con rái thần giúp. Nó cho vua bốn giếng đầy của cải ở bốn góc hoàng cung. Hoàng hậu lại sinh được hoàng tử đặt tên là Su-đạt-na-ku-ma-ra vốn là Bồ tát giáng sinh. Một ông vua láng giềng ghen tỵ, sai một Bà-la-môn đi giết con rái cá. Nhưng rái cá nhờ một người đi

1. Theo Tạ Minh Hội và Đào Tử Chí. *Lấy vợ tiên*.
2. Theo Gu-in-nô (Gouineau), báo đã dẫn. Truyện *Hoàng tử Thụy-đan* cũng kể y như trên, duy ngón tay của công chúa không phải đeo nhẫn mà là giất một hạt kê ở kẽ móng tay (theo Bu-sô (Bouchor). *Truyện cổ tích kể theo truyền thống Đông phương).*

săn giúp đỡ, giết được đạo sĩ. Lại nhờ có dây thừng của rái, người đi săn bắt được chim thần Kin-na-ri tắm ở hồ bằng cách giấu cánh và đuôi. Đó là công chúa Nân Ma-nô-ra, con gái vua núi Cai-lát. Hắn đem dâng hoàng tử làm vợ. Trong lúc hoàng tử bận đi đánh dẹp thì vua cha mộng thấy ruột non lòi ra ngoài. Thầy bói cho biết phải giết mọi thú vật vùi vào than hồng làm nghi lễ. Nghe lời đại thần, vua còn muốn hy sinh cả cô dâu. Sắp bị bắt thì nàng xin lại được đuôi và cánh, nên lúc vệ binh đến, công chúa đã bay lên trời, không quên trao nhẫn và khăn choàng cho một pháp sư bảo đưa lại cho chồng.

Hoàng tử thắng trận trở về thấy mất vợ, xin phép đi tìm. Nhờ pháp sư chỉ đường, phải khó khăn lắm mới vượt bao hiểm trở để đến nơi vợ ở. Thấy một thị tỳ đội nước về cho công chúa, hoàng tử bỏ nhẫn vào bình và đỡ bình lên đầu cho thị tỳ. Khi thị tỳ dội nước cho công chúa thì nhẫn theo dòng nước lọt vào ngón tay của nàng. Biết là chồng đã đến, nàng báo cho bố mẹ đi đón phò mã vào hoàng cung. Bố mẹ vợ tiếp đón chàng rể tử tế, nhưng không trả lại vợ. Tức mình, hoàng tử bắn một phát thị uy. Bại trận, vua cho các công chúa ra cho chàng nhận mặt. Họ giống nhau quá làm cho hoàng tử bối rối. Nhờ có thần Đế Thích hóa làm con ruồi vàng đậu vào Nân Ma-nô-ra, nên chàng nhận ra. Hoàng tử ôm vợ vào lòng. Sau đó hoàng tử và vợ trị vì nước Út-ta-ra.

Người Phu-noi và người Lào tin rằng họ là con cháu thần chim Kin-na-ri. Hội lớn được tổ chức tám hay mười năm một lần, trong có điệu múa chim, có vũ sĩ đeo mặt nạ, khoác cánh và đuôi chim làm bằng tre. Nơi hoàng tử tìm thấy Nân Ma-nô-ra gọi là Phu-pha (ở Phong-sa-lỳ). Hồ mà thần Kin-na-ri tắm là hồ Nàng Ba cách đấy bốn cây số [1].

Người Cham-pa còn có truyện *Công chúa Xa I-nỡ*:

Nước Cham-pa có một công chúa đẹp tên là Xa I-nỡ bị một ông vua láng giềng bắt làm vợ, nàng sinh một đứa con. Người anh của công chúa là Pô Ca-thít không chịu lên ngôi nếu dân không tìm cách đem em gái mình về. Nhờ thầy bói cho biết chồng công chúa cùng đứa con đi vắng dài ngày, dân bèn cử ra ba người giỏi có mưu mẹo đem theo ba chiếc vòng (hoặc nhẫn) có dấu hiệu vua Cham-pa. Họ đến chực ở bờ giếng hoàng cung mà cung nữ của Xa I-nỡ thường đến múc nước. Khi giúp cho người cung nữ bưng vò nước nặng đặt lên đầu, họ lén bỏ vào vò một chiếc vòng. Xa I-nỡ rửa mặt thấy chiếc vòng rơi ra, nhận ra dấu hiệu của anh. Lập tức ba người được mời vào, nàng sai làm

1. Theo *Văn hóa nguyệt san*, số 29 (1958).

nhiều bánh nói là tiệc chiêu đãi rồi lén cùng họ xuống thuyền trốn về nước.

Thấy em gái về, Pô Ca-thít bèn lên ngôi. Ông vua mới sai xây thành đắp lũy, đường vào thành có một con đập chắn ngang sông. Lại sai làm một chiếc đó khổng lồ đặt ở cửa đập, trên đó bắc một chiếc cầu máy có thể kéo dây làm cho cầu lật. Chồng Xa I-nõ biết tin vợ trốn, bèn cất quân đi đánh. Dân chúng Cham-pa được lệnh rút vào thành. Quân địch đi qua cầu đều bị rơi vào chiếc đó khổng lồ. Thất bại, chồng Xa I-nõ bèn giả dạng một người hành khất dắt con đến đầu cầu, xin với người lính gác vào thành -"Đợi ta vào trình với công chúa đã". Nghe người lính gác kể, Xa I-nõ đoán là chồng và con. Bèn ra lệnh chỉ cho con vào, còn với chồng thì nàng sai đưa cơm cho ăn. Chồng ăn xong nàng lại sai người đưa tới đập nước. Thấy cửa đập mở, nước chảy ào ào vào một cái đó khổng lồ, chồng Xa I-nõ chợt hiểu nguyên nhân thất bại, liền đi một mạch về nước, không dám trở lại tìm vợ con nữa[1].

1. Theo *BEFEO*, tập V (1905).

183. BỐN NGƯỜI BẠN

Xưa có bốn người bạn, mỗi người quê quán một phương. Vì thuở trẻ cùng học với nhau một thầy nên họ có dịp sống chung lâu ngày, rồi dần dần trở nên những người bạn nối khố. Về sau lớn lên họ lại từ giã thầy, mỗi người làm ăn một ngả. Trong số bốn người ấy, chỉ có Giáp làm chủ một tư cơ đồ sộ, mỗi ngày một giàu đến nứt đố đổ vách, còn ba người kia thì nghèo rớt mùng tơi. Nhưng Giáp lại là một người thâm hiểm và hiếu sắc. Tuy giàu có sung sướng, trong lòng Giáp vẫn cảm thấy phiền muộn, vì hắn lấy phải một người vợ tuy mang về nhiều của nả nhưng bề nhan sắc lại chẳng ra gì. Ngày còn đi học được trông thấy người vợ của Ất - một trong ba người bạn - xinh đẹp dễ coi, hắn đâm ra ganh tỵ với bạn. Hắn suy nghĩ rất nhiều về người đàn bà này và ao ước có ngày chiếm được người ngọc vào tay mới thỏa dạ.

Một hôm nhân có ất đến chơi nhà, Giáp đon đả bảo bạn:

- Bác bảo bác nghèo túng sao bác không ném sách đi buôn một phen?

Ất lắc đầu:

- Đi buôn thì phải có vốn. Vốn đâu dư dật ở tôi mà buôn với bán.

Giáp bèn đặt ra trước mặt Ất một trăm quan tiền mà rằng:

- Chỗ bạn bè, tôi vui lòng cho bác vay số tiền này làm vốn mở đầu. Tôi sẽ mách bác một người tôi quen, bác có thể buôn chung với họ một ít lâu cho thạo nghề. Chỉ mong rằng khi tiền trăm bạc ngàn tuôn về nhà bác thì bác đừng có quên tôi và số tiền nhỏ mọn này là đủ.

Không ngờ bạn lại quá tốt bụng với mình như thế, Ất bối rối cảm tạ và giơ tay lên trời một hai thề bồi rằng mình sẽ suốt đời không quên ân nhân. Cuối cùng Ất mang tiền về, tìm đến nhà người lái buôn theo lời Giáp mách, lo làm ăn một phen xem thử ra sao.

Sau khi biết Ất vắng nhà, Giáp mới bắt đầu thi hành mưu kế. Một hôm, nhân lúc người vợ tấm cám đang ngủ say, hắn ta bóp cổ giết chết, rồi cắt lấy đầu giấu dưới một cót thóc. Đoạn, Giáp đến nhà Ất dùng lời nói khéo mời vợ Ất đến nhà mình. Hắn bảo:

- Anh ấy trước khi đi buôn có gửi tiền cho nhà tôi, bảo chị tới nhận nhưng dặn đừng cho ai biết cả, kẻo bọn chủ nợ hay được thì chúng không để cho chị tiêu đâu!

Người đàn bà nọ vốn được nghe chồng ca ngợi về lòng tốt của Giáp. Vả đang cơn túng thiếu, nên nghe nói thế thì không mảy may nghi ngờ, bèn theo hắn sang nhà. Khi đưa được vợ Ất về nhà, Giáp đem tiền của và lời nói ngọt hết sức dỗ dành, nhưng không ngờ người đàn bà ấy lại một lòng một dạ với chồng, thà chịu chết chứ không chịu nhục. Cuối cùng hắn đành phải giam nàng trong một buồng kín khóa lại. Hắn dặn đứa đầy tớ gái của mình phải trông chừng và hàng ngày đưa cơm nước cho vợ Ất, hy vọng ngày một ngày hai sẽ ép được nàng thuận chung sống với mình. Rồi đó, nhân đêm tối hắn lại lén đem xác vợ mình ném vào nhà Ất. Hắn còn lo đứa đầy tớ gái sẽ phanh phui chuyện kín của hắn, nên bắt nàng uống một liều thuốc mua được của một người khách buôn nước ngoài. Uống xong cô gái tự nhiên rụt lưỡi, miệng ú ớ nói không thành tiếng.

*

* *

Lại nói chuyện Ất, sau chuyến buôn đầu tiên được chia một phần tiền lãi, hí hửng định mang về khoe với vợ. Anh không còn hồn vía nào nữa khi thấy vợ mình chỉ còn là một cái thây lõa lồ không đầu, thịt đã muốn rữa. Chưa kịp than khóc thì tuần tráng đã ập vào nhà, gông cổ lại, và giải lên quan. Ất một hai kêu oan, nhưng anh không có cách gì giải được mối nghi ngờ của đám nha lại. Sau những ngày tra khảo, không chịu được kìm nóng kìm nguội, Ất đành phải nhận liều. Bọn quan huyện cũng như quan tỉnh đều nhất tề khép Ất vào tội giết vợ. Cái án ấy cuối cùng được bộ y. Ất bị tống giam chỉ còn đợi ngày ra pháp trường.

Ngày ấy có lệ những tội nhân bị án tử hình nếu nộp vào kho công một ngàn quan và có người bảo lĩnh thì có thể chuộc được tội chết. Vì thế khi Ất bị giam, bà mẹ Ất chạy vạy khắp nơi để vay mượn và để cầu

thập phương bố thí. Thân thích xóm làng cũng như khách qua đường khi nghe kể chuyện, ai nấy đều thương hại cho con bà gặp phải cảnh ngộ không may. Họ vui lòng giúp kẻ ít người nhiều. Mặc dầu vậy mẹ Ất cũng không sao có đủ một số tiền quá lớn ngay trong một thời gian ngắn ngủi được.

Hai người bạn khác của Ất một người là Bính, một người là Đinh, nghe tin Ất bị nạn, vội vã tìm đến nhà ngục thăm hỏi. Sau đó họ gặp người mẹ của Ất đang đứng ở ngã tư đường cái nước mắt giàn giụa cầu khẩn lòng thương của kẻ qua người lại, hy vọng có đủ số tiền chuộc mạng cho con. Nghe mẹ Ất kể chuyện, Bính và Đinh sực nhớ tới Giáp là người giàu có, lại vừa là bạn cũ của Ất, có thể vì tình bạn bè giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn. Nghĩ vậy họ bèn an ủi mẹ Ất và hứa sẽ làm hết sức mình để cứu bạn khỏi cái chết oan khốc.

Khi Bính và Đinh tới nhà Giáp, họ kể lể mọi việc xảy ra tại nhà Ất: nào bao nhiêu tai họa từ đâu bay tới quàng vào cổ, nào tình cảnh mẹ già đang ngày ngày dầm mưa dãi nắng cầu khẩn lòng tốt của khách qua đường... Cuối cùng, hai người ngỏ ý:

- Hiện nay nếu đem số tiền thân thích xóm giềng và khách thập phương cho vay và quyên góp cộng với số tiền bán gia tư điền sản của chúng tôi thì may lắm cũng chỉ được độ năm trăm quan. Còn năm trăm quan nữa không biết làm thế nào, chúng tôi đành lại đây kêu gọi tình bạn của anh. Anh chỉ gẩy móng tay một cái là có thừa số tiền đó. Hãy cứu lấy tính mạng người bạn thân của chúng ta đang bị oan uổng tày trời. Đó là bổn phận của anh cũng như của chúng tôi.

Nhưng hai người đâu có ngờ rằng trong thâm tâm Giáp chỉ mong cho Ất chết, có thế mọi việc của hắn mới mong trôi chảy. Câu trả lời của Giáp làm họ quá đỗi ngạc nhiên và thất vọng:

- Ai dám chắc anh ấy lại không là thủ phạm. Xem việc anh ấy quỵt tôi một trăm quan tiền thì biết. Anh ấy cầu khẩn vay tiền nói là để đi buôn, tôi sẵn lòng cho anh ấy vay, nhưng mấy lần đi đòi, chẳng thấy trả được một đồng nào. Sát nhân giả tử. Anh ấy giết vợ thì trời sẽ hại, dù chúng ta cố hết sức cứu cũng không thoát. Tôi không dư tiền dư bạc để làm cái việc mua ơn như vậy đâu!

Thấy không thể lay chuyển lòng dạ của Giáp, Bính và Đinh bèn quyết định hy sinh thân mình để cứu bạn. Họ bèn lên quan nói rằng vì thấy vợ Ất quá đẹp nên hai người thừa dịp Ất đi vắng đến bắt để hãm hiếp; xong cuộc, sợ nàng tố cáo bèn giết đi, chặt lấy đầu vứt xuống sông cho mất tích. Nay cả hai người hết sức hối hận, biết rằng thế nào cũng có ngày bại lộ nên ra thú trước để may chi nhờ lượng trên khoan giảm.

Quan nghe chuyện, lập tức sai giam Bính và Đinh lại mà tha bổng cho Ất. Án của hai người không mấy chốc mà thành. Họ bị tội lăng trì tùng xẻo và bêu thây, nhưng vì "tiên năng tự thú" nên chỉ làm án chém. Và ngày giải ra pháp trường đã đến.

Nhưng khi đao phủ sắp sửa khai đao thì người ta bỗng thấy một cô gái cố len khỏi vòng người chậtních, tất tả chạy đến trước mặt quan. Hai tay cô ta chỉ chỉ trỏ trỏ, miệng nói ú ớ, làm dấu hiệu ngăn cản. Quan lấy làm lạ, nghĩ rằng người này hẳn có biết ít nhiều uẩn khúc chi đây, nên vội hạ lệnh cho đao phủ ngừng tay, giải tội nhân trở về nhà giam để đợi tra cứu.

Về đến công đường, quan sai tìm thầy thuốc cắt cho người con gái nọ một chén thuốc chữa tật câm. Chén thuốc rất hiệu nghiệm, cô gái vừa uống đã lần lần nói được: đó là người đầy tớ gái nhà Giáp. Và cô ta đã kể lại rành mạch những hành động của chủ mình cho mọi người hay.

Vụ án nhờ thế được sáng tỏ. Quân lính được lệnh kéo ngay đến nhà Giáp mở cửa buồng trả vợ Ất về với chồng. Đồng thời, quan sai đóng gông Giáp lại, điệu vào nhà lao nhận lấy cái án tử hình, thay cho Bính và Đinh. Nghĩ tình bạn bè, hai người này cố sức trình bày với quan để Giáp được khỏi chết với số tiền chuộc tội một ngàn quan. Cuối cùng Giáp cũng tạm được miễn tội. Nhưng khi tội nhân vừa được tháo gông bước ra khỏi công đường thì bỗng dưng một tiếng sét nổ ran giữa trời quang mây tạnh: thần sét đã nhảy xuống thình lình đánh hắn chết tươi. Và khi người ta khiêng xác Giáp về dọc đường thì một con hổ từ đâu trong bụi cây nhảy ra vồ lấy xác mang đi mất tích[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

KHẢO DỊ

Người Căm-pu-chia có một truyện có một số tình tiết giống với truyện trên. Đây là một trong mười hai truyện phân xử của đức Bồ tát (vua):

Một người đàn bà đẹp đã có chồng, một hôm đi tắm. Có một anh chàng cứ đứng ngắm mãi không rời. Người đàn bà bảo hắn cút đi, hắn vẫn không nghe, đòi phải được ăn nằm mới chịu. Cuối cùng cô nàng nhẹ dạ đành để cho hắn thỏa mãn, nhưng xong việc, hắn vẫn không chịu về, đòi phải lấy nhau mới chịu. -"Được chúng ta sẽ tìm cách". Người đàn bà hứa như vậy. Đến đây tình tiết phát triển theo chiều hướng gần giống với tình tiết trong truyện của ta. Khi thấy có một cái thây phụ nữ chết trôi, hai người bèn bí mật mang về, nhằm khi chồng người đàn bà ngủ say, lén đặt vào giường rồi cùng dắt nhau đi trốn sau khi đã cho một mồi lửa vào nhà. Người chồng tỉnh dậy hốt hoảng chỉ còn thoát lấy thân. Khi lửa tàn, thấy xác chết, yên trí rằng vợ mình ngủ quên đã bị chết cháy, bèn đem chôn cất.

Sau đó một thời gian, người chồng cũ đi buôn, một hôm gặp lại vợ. Một cuộc tranh cãi nổ ra giữa hai người đàn ông. Việc đưa lên vua. Vua phải phân xử, chỉ sai người khiêng ra một cái trống lớn, trước hết bắt người đàn bà với người chồng cũ phải khiêng cái trống đi khắp các nẻo đường từ sáng đến chiều. Hai người không nói gì với nhau. Hôm sau, vua lại bắt khiêng cái trống như hôm qua, nhưng lần này kẻ phải khiêng là người đàn bà với người chồng mới. Dọc đường, người đàn bà nói: -"Nếu tao chung thủy với chồng thì đâu có khổ như thế này". Người kia đáp: -"Thôi chịu vậy, đừng nói mà người ta biết". -"Sao lại không nói, mày chỉ gánh có một lần, còn tao phải gánh hai lần nặng gẫy cả vai!" Họ không ngờ vua đã bố trí sẵn một người nằm trong trống. Người này kể lại cho vua nghe. Vua sai đem bán người vợ và người chồng mới cho người ta làm nô tỳ, được bao nhiêu tiền trao tất cả cho người chồng cũ. Ấy là vua đã xử xong[1].

1. Theo *BSEI* (1886).

184. NGƯỜI CƯỚI MA

Ngày xưa có một anh đồ họ Lê, nhà nghèo khó phải bỏ đi khắp nơi làm nghề gõ đầu trẻ. Về sau, anh được phú ông một làng nọ đón về "ngồi" ở nhà để cho con khỏi phải đi học xa. Phú ông có một cô con gái chưa chồng. Từ ngày có anh đồ đến ở nhà mình cô gái đâm ra phải lòng chàng trẻ tuổi. Thấy cô gái thực bụng yêu mình, anh đồ cũng yêu lại một cách thắm thiết. Hai bên từng chỉ non thề biển quyết sống với nhau đến đầu bạc răng long.

Nhưng khi bố mẹ anh đồ mang trầu rượu tới dạm cô gái cho con, thì phú ông nhất quyết không chịu gả. Không những thế, sợ để thầy đồ "ngồi" tại nhà mình lâu ngày sẽ không có lợi, nên hết năm đó, lấy cớ là con lên tỉnh học với cụ Cử chỗ bà con, phú ông mời thầy dọn đi chỗ khác. Thấy mối tình bị chia rẽ cô gái phú ông lòng đau như cắt, nhưng vì e thẹn, cô không dám bày tỏ cho một ai biết, chỉ mình tự khóc với mình mà thôi. Xa người yêu, cô sinh ra tương tư, lâu dần sầu não thành bệnh. Mặc dầu thuốc thang chăm sóc cũng nhiều, bệnh cứ mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu nụ hoa mơn mởn đã sớm lìa cành.

Thương tiếc con gái, vợ chồng phú ông tỏ ý hối hận. Họ bỏ tiền ra làm ma chay rất hậu. Người ta bỏ vào áo quan tất cả những vật kỷ niệm của nàng. Để tưởng nhớ lâu dài, người ta đập tấm gương soi của nàng làm hai mảnh: một mảnh bỏ vào áo quan còn một mảnh đem đặt ở giường thờ.

Lại nói chuyện anh đồ họ Lê, từ khi bị phú ông từ chối và cấm cửa, cũng đau xót không kém gì cô gái. Nhưng vì sinh kế, anh phải bỏ đi dạy học ở một tỉnh xa. Tuy vậy, anh vẫn không quên theo dõi tin tức của người yêu. Khi biết nàng đã sầu não mà chết, lòng anh thương tiếc không lúc nào nguôi. Từ đấy anh quyết định ở vậy cho đến già, khước từ tất cả mọi đám do bà con mối manh hoặc tìm giúp.

Ba năm trôi qua.

Một hôm vào dịp cuối năm, anh đồ khăn gói trở về quê hương. Đường đi phải qua làng người yêu, nhưng vừa bước chân đến đấy thì trời đã tối. Bỗng trời nổi lên một cơn giông, gió bụi mù mịt. Đang đi đường thấy sắp sửa mưa to, anh đồ lật đật chạy tìm một nơi trú ẩn. Chạy quá mấy lùm cây thì may sao anh nhìn thấy xa xa le lói có ánh đèn. Anh vội băng đồng tìm tới. Khi đứng trước một ngôi nhà nhỏ, anh kêu cửa xin vào trọ. Cửa vừa mở, một cô gái cầm đèn bước ra. Anh hết sức ngạc nhiên vì người ấy không phải ai xa lạ, mà chính là người yêu của mình ngày xưa. Anh kêu lên:

- Ôi! Người hay là ma đây? Nghe người ta đồn là nàng đã chết rồi kia mà? Tại sao bây giờ lại ở đây?

- Thiếp chưa chết đâu. Cô gái tươi cười đáp. Nếu chết rồi thì làm sao còn đứng đây nói chuyện được với chàng. Mấy năm nay, thiếp hàng ngày tựa cửa đợi chàng. Hôm nay được gặp lại nhau, thiếp vui mừng biết mấy. Mời chàng vào đi kẻo mưa.

- Nhà có ai không? Nàng ở với ai thế?

- Ở với người cô. Ở đây đôi ta có thể được tự do. Không một ai quấy nhiễu ngăn cấm chúng mình cả.

Nghe lời nàng nói, chàng họ Lê có vẻ ngờ vực. Anh rụt rè bước vào. Trong nhà bày biện có vẻ khác với ngôi nhà ngày xưa anh ngồi dạy học, nhưng anh không tiện hỏi. Nhà vắng vẻ chỉ có một bà cô hom hem và nặng tai. Nhưng chỉ trong một chốc, cô gái đã gọi tới năm bảy người có cả đàn ông và đàn bà. Họ vật lợn, giã giò, đồ xôi, gói bánh, khiêng bàn dọn ghế rất tấp nập. Anh hỏi cô gái khi cô gái lại ngồi bên cạnh:

- Giết lợn đồ xôi làm gì vậy?

- Để làm lễ cưới chúng ta đấy! Sao chàng hiểu chậm thế!

- Không có bố mẹ họ hàng hai bên dự sao?

- Có chú. Có cô ruột. Có ông bà nội. Nhưng cũng phải làm giấu giếm một tý. Nếu có bố mẹ thì chàng chẳng lấy được thiếp đâu. Vả, còn có xóm làng quanh đây đến chứng kiến cho đôi ta.

Cô gái thấy anh có vẻ bỡ ngỡ, liền dắt anh vào buồng. Trong buồng

bài trí rất đẹp. Cô gái lấy ra tất cả những vật kỷ niệm hồi còn trẻ trong đó có chiếc lược anh đồ họ Lê tặng mình ngày trước, cho anh xem. Nhìn thấy chiếc lược sừng cũ, anh đồ cảm thấy yên tâm hơn. Anh rụt rè sờ thử vào người cô gái. Thấy nàng vẫn xinh xắn mềm mại như ngày xưa, mọi ngờ vực của anh đồ bỗng trút đi đâu mất sạch.

Chỉ trong một chốc, cỗ bàn đã bày xong. Khách đến dự khá đông, có cả ông bà nội cô gái, bà cô lúc nãy và nhiều ông già bà lão khăn áo đều đẹp đẽ chỉnh tề. Người ta mời hai anh chị vào trước bàn thờ làm lễ. Mùi hương trầm sực nức. Một ông cụ khấn vái hồi lâu rồi cuối cùng quay ra chúc cho hai anh chị "bách niên giai lão". Chàng họ Lê thấy cô gái đứng trước ánh đèn, gò má đỏ lên vì có vẻ thẹn thò.

Sau đó họ ngồi vào mâm. Hai vợ chồng được ngồi riêng một mâm ở trong buồng. Cô gái ăn nhỏ nhẹ, nhưng anh đồ bụng đói sẵn nên cảm thấy ngon miệng. Phía ngoài, tiếng đũa bát chạm nhau và tiếng chuyện trò râm ran. Cuối cùng cảnh vật lại chìm vào vắng lặng như lúc mới đến.

Hai người cùng nằm lên giường tỉ tê trò chuyện. Anh đồ chưa bao giờ thấy sung sướng và thoải mái đến thế. Anh đọc những vần thơ tả nỗi nhớ nhung sầu muộn từ ngày cách biệt cho vợ nghe. Cô gái hỏi anh: -"Thế là chúng ta đã thành vợ chồng, thỏa lời nguyện ước, chàng có vui sướng không?" -"Có - chàng đáp - Nhưng giá được phép bố mẹ thì còn vui sướng gấp bội". -"Thế ngộ nhỡ có việc gì liệu chàng có còn thương đến thiếp không?" -"Thương" -"Thương nhiều hay thương ít?" -"Thương mãi mãi" -"Thiếp chết rồi, chàng còn thương nữa chăng?" -"Dù có thế nào, vẫn thương hết mức".

Rồi đó sau cuộc ân ái, anh đồ lăn ra ngủ say.

Đến sáng mai, khi anh bừng mắt tỉnh dậy thì không thấy cô gái và nhà cửa ở đâu cả, chỉ thấy mình nằm trên một ngôi mộ xây rất đẹp. Anh mới biết rằng tối hôm qua mình mới lạc vào làng ma và được gặp người yêu. Anh chỉ lấy làm lạ rằng bụng mình vẫn còn no, mũi vẫn còn phảng phất mùi hương trầm.

*

* *

Sau những ngày nghỉ ngơi ở quê nhà, anh đồ họ Lê lại trẩy vào mấy tỉnh đường trong để trở lại với công việc dạy học.

Một năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Năm ấy tết đến, vì ma bệnh giày vò, anh không về được. Khi lành bệnh anh lại tiếp tục dạy học cho đến tháng Năm. Một hôm anh đồ họ Lê bỗng cảm thấy lòng xao xuyến nhớ người yêu khôn tả. Hồi tưởng lại cái đêm năm xưa, anh tha thiết muốn được gặp lại nàng một lần nữa, dù có thế nào cũng cam lòng. Anh bèn sửa soạn khăn gói từ giã đám học trò để trở về thăm quê. Qua làng của người yêu, anh không ngờ chân anh tự nhiên đưa anh bước theo lối cũ tới đúng vào cái nơi anh từng dự lễ thành hôn với người mình yêu dấu, và lần này cũng đúng vào lúc đêm hôm khuya khoắt như hôm nào. Gọi cửa, anh lại thấy người yêu ra mở cửa. Nhưng trong tay nàng giờ đây còn có một đứa bé chừng bảy tám tháng. Nàng trách chàng:

- Sao chàng đến muộn thế? Thiếp giận lắm đấy!

- Con ai thế này? Anh đồ họ Lê hỏi.

- Con chàng chứ còn con ai. Này thử nhìn xem, nó giống chàng như đúc.

Hai người dắt nhau vào dưới ánh đèn. Anh đồ liếc nhìn thấy vợ có phần xinh hơn trước, tuy rằng nước da hơi xanh. Thằng bé trong tay nàng bụ bẫm và có vẻ khôi ngô. Nàng nhìn anh cười:

- Sau này chàng nhớ dạy cho nó học. Nó sẽ làm hơn cả bố đấy!

Sau khi ăn cơm xong, hai người lại lên giường. Nhưng lần này vợ bảo chồng:

- Hai chúng ta đã kết nghĩa vợ chồng, thật là thỏa tấm lòng mong ước. Nhưng thú thật với chàng: thiếp vốn là người ở cõi âm, còn chàng là người dương thế, không thể sum họp với nhau lâu dài. Nay chúng ta đã có một đứa con. Xin giao lại để chàng đưa nó về nuôi.

Thấy chồng có vẻ ngần ngại, vợ lấy trong hòm ra một mảnh gương vỡ trao cho và nói:

- Chàng đừng lo phải bận bịu vất vả về việc nuôi con. Bố mẹ thiếp từ ngày thiếp mất đi đã biết hối hận. Vậy chàng cứ tìm đến nhà bố mẹ

thiếp mà ở, thế nào ông bà cũng không tuyệt tình với cháu ngoại đâu. Chàng đừng lo ngại gì cả. Với lại, chàng giữ lấy mảnh gương này, khi con khóc đưa ra cho nó soi, tự khắc nó nín.

Tình tự ân ái suốt đêm, anh đồ lại ngủ quên. Sáng dậy, cũng như lần trước, mọi cảnh vật lẫn người yêu đều biến mất cả. Nhưng lần này trên ngôi mộ ngoài anh ra còn có một đứa bé con với mảnh gương soi đã vỡ.

Nhớ lời dặn của vợ, anh đồ họ Lê bế con tìm vào nhà phú ông. Sợ vợ chồng phú ông không nhận, anh chỉ xin họ cho ở nhờ để mở một lớp dạy học trò. Nhưng anh không ngờ vợ chồng phú ông lần này tiếp đãi mình rất tử tế và sốt sắng nhận lời. Lại nhờ có phú ông giúp đỡ, trường học của anh ngày một đông học trò. Từ đấy, anh đỡ vất vả hơn trước. Đứa con của thầy đồ cũng được gia đình nhà chủ nuôi nấng chăm sóc mà không tính công.

Nhưng mỗi khi thằng bé khóc nư thì không một người nào có thể làm cho nó nín được: dỗ dành cũng như dọa nạt đều chỉ phí công. Chỉ có đưa cho bố nó bế thì bao giờ nó cũng nín ngay. Một hôm phú ông để ý rình xem tại sao thầy đồ lại có cách dỗ con tài tình như vậy. Khi trông thấy mảnh gương vỡ trong tay thầy đồ, phú ông vội kêu lên, ngỡ là thầy đã tự tiện lấy trộm mảnh gương vỡ bày trên bàn thờ con gái. Anh chàng họ Lê phải hết sức biện bạch cho mọi người hiểu rằng đó là vật kỷ niệm của vợ để lại, chẳng phải là trộm cắp của ai. Phú ông vào lục tìm ở bàn thờ thì thấy mảnh gương của con mình vẫn còn. Và cả nhà rất lấy làm ngạc nhiên khi đưa cả hai mảnh ra so thì vừa như in, những đường vỡ của hai bên khớp nhau một cách kỳ lạ. Nhưng sự ngạc nhiên càng tăng lên gấp bội khi họ thấy cả hai mảnh gương bỗng nhiên dính liền với nhau làm một.

Anh đồ họ Lê đành phải thuật lại sự tình cho vợ chồng phú ông nghe. Từ đây vợ chồng phú ông nhận anh là rể và nhận con anh là cháu ngoại. Anh ở vậy nuôi con, không lấy vợ khác. Đứa con anh về sau học giỏi, thi đỗ làm quan đúng như lời mẹ nó báo trước[1].

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh (do Thanh Minh cung cấp).

KHẢO DỊ

Một truyện *Người cưới ma* khác, cũng do người Hà-tĩnh kể, không giống truyện trên nhưng phần nào lại có sử dụng một số hình ảnh của truyện *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*:

Xưa, có một anh chàng thư sinh học giỏi nhà nghèo. Nghe tin vua mở khoa thi, anh sắm sửa hành trang lên đường tiến kinh.

Một thầy bói gặp dọc đường cho biết là anh phải lấy một người vợ ma, nó sẽ giúp anh qua nhiều cơn hiểm nghèo, nếu không thì chẳng đỗ đạt gì, mà còn có thể chết. Nghe nói, anh không tin, cứ tiếp tục cuộc hành trình. Không ngờ chiều hôm đó trời mưa đường vắng, như truyện trên, để tìm một nơi nghỉ trọ, anh đi mãi, càng đi càng lạc. Cuối cùng theo ánh đèn, anh đến một ngôi nhà, gọi cửa, một người con gái xinh đẹp bước ra đón vào, cho biết là bố mẹ còn bận đi ăn giỗ, chỉ có một mình ở nhà. Không tiện đi đâu nữa, anh xin ở lại, giở cơm gói ra ăn rồi vì mệt nên ngủ quên. Khuya tỉnh dậy, anh trò chuyện với cô gái, mới hay tên là Ba, họ Trương, có theo đòi bút nghiên, vì mấy năm mùa màng thất bát nên đến đây mở quán bán hàng. Hai người làm thơ xướng họa, rồi đi đến chỉ non thề biển hẹn sẽ lấy nhau. Tờ mờ sáng, hai bên từ biệt, cô gái dặn: - "Dù đỗ hay hỏng, chàng cứ trở lại đây, đừng quên nhé". Đi được một đoạn đường, sực nhớ mình bỏ quên con dao, vật kỷ niệm của bố mẹ, anh trở lại kiếm nhà mãi không thấy mà chỉ thấy một ngôi mộ trên có con dao của mình, mới biết là đã gặp ma.

Kỳ thi ấy, anh đỗ hội nguyên. Vinh quy về làng, khi sắp sửa qua chỗ cũ, anh ra lệnh cho đoàn võng lọng rẽ sang lối khác. Bỗng có tiếng cô gái lọt vào tai anh: - "Chàng quên lời thề hôm trước rồi sao? Nếu cố tình trốn tránh hẳn sẽ gặp chuyện chẳng lành". Hoảng sợ, anh bèn cho đoàn mang cờ biển về trước, còn mình thì lần đến chỗ gặp gỡ cũ. Sau khi tình tự, cô gái bảo anh hãy cứ về quê, mười ngày nữa lại tới để tính chuyện kết hôn. Anh hỏi lý do, cô gái cho biết sự thực: - "Thiếp vốn là con gái chết oan vì thầy lang cho uống nhầm thuốc. Nhưng thiếp đã có cách tái sinh bằng việc nhập hồn vào xác một người khác. Sau khi chết, thiếp đã báo mộng cho bố mẹ mình hay rằng một ngày kia thiếp sẽ trở về chẳng phải một mình mà còn có cả chồng nữa. Thấy bố mẹ thiếp tỏ ý không tin, thiếp bảo bố ghi lên giấy ngày tháng thiếp hẹn trở về để chiêm nghiệm. Mười ngày nữa, chàng lại tới đây, chúng ta sẽ về cho đúng hẹn". Cô gái lại nói: - "Vì thiếp bị chết oan, nhưng lại không chịu đầu

thai nên hồn lang thang vơ vẩn ở đây, chỉ có hồn mà không có xác. Ngày nào chàng đến, thiếp sẽ cùng chàng đi đến chợ, hễ thấy có cô nào đẹp ưng ý, chàng làm hiệu mách cho thiếp, thiếp sẽ vật cho cô nàng chết. Đoạn chàng theo dõi xem người ta táng cô ấy tại đâu, đêm lại chàng lén đào mộ đưa xác cô ấy về đây, thiếp sẽ nhập hồn mình vào xác nọ làm cho sống lại" - Anh hỏi: "Công việc lôi thôi thế kia, tôi bàn tay học trò làm sao có thể đảm đương nổi?" - "Đừng lo, thiếp sẽ luôn luôn theo giúp đỡ chàng, làm cho công việc nhẹ nhàng trôi chảy".

Nghe thủng câu chuyện, anh chàng cảm thấy thích thú, không lo sợ như trước. Mười ngày sau, anh đến, cùng hồn cô gái đi chợ. Dạo một hồi vẫn chưa thấy có ai ưng ý. Sau cùng đến chỗ hàng thịt, anh thấy cô gái con người bán thịt mặt mũi khá xinh, bèn đi đến ngã ba đường nói thoảng: - "Mình, tôi đã chấm con ông hàng thịt!". Khi trở vào, anh thấy cô hàng thịt đã ngã xuống, miệng sùi bọt, chết tại chỗ. Vì hôm sau là ngày "trùng" nên ông hàng thịt đưa con về chôn cất ngay. Anh chàng làm theo lời dặn, đêm đến đào mộ đưa xác về nhà cô gái ma. Chỉ một lát sau, cô hàng thịt đã sống lại. Cô bảo anh: - "Sáng mai, đúng ngày hẹn, chúng ta sẽ trở về trình diện bố mẹ và kết hôn". Nhưng khi hai người về đến nơi, bố mẹ cô gái không chịu nhận, mặc dù cô đã nhắc đến sự báo mộng trước đây. Phú ông mời xã trưởng tới phân xử. Xã trưởng bảo cô gái nhắc lại các chuyện cũ làm chứng, cô kể ra vanh vách mọi chuyện, bấy giờ phú ông mới tin, sai làm một gian nhà tại góc vườn cho ở sau khi đã tổ chức lễ cưới.

Được mấy năm, bỗng có lệnh vua đòi quan tân khoa về tội thi đỗ mà không chịu ra làm quan. Nghe tin, Trương Ba - vợ anh - biết mọi việc sẽ xảy ra như thế nào, bèn bảo chồng: -"Chuyến này đi sẽ có chuyện chẳng lành, nhưng chàng cứ việc đi, có gì sẽ liệu sau". Vua có công chúa chưa chồng, thấy anh học giỏi đẹp trai, định kén anh làm phò mã, nhưng anh từ chối, nói rằng đã có vợ ở nhà. Vua không nói gì, song công chúa thì không hài lòng, bèn xin vua cha cho đày quan tân khoa đến một huyện sơn cùng thủy tận để cho biết hối. Anh không thể không nhậm chức. Đường đi qua nhà, vợ anh dặn: - "Vùng ấy có nhiều ma, đó là những con hổ (dã nhân) thường hiện hình người đến hầu quan rồi thình lình bắt ăn thịt. Trước đây đã có nhiều quan bị hại như vậy". Nói rồi đưa ra một cái gương bảo chồng: - "Mỗi khi có người nào đến gặp, anh khoan cho vào, hãy đưa gương soi qua khe cửa, hễ thấy trong gương không phải hình người mà là dã nhân thì lập tức ra hiệu cho lính chém ngay". Quả như lời vợ,

sau khi nhậm chức, một lần có hai ông già đầu râu tóc bạc bưng một cái mâm sơn son thếp vàng trên có hai quả cam, đến xin ra mắt. Quan đưa gương ra chiếu thì thấy đó là hai con hổ. Liền ra mật hiệu, lính chém một người đầu rơi xuống đất hóa thành đầu hổ, còn người kia cũng hóa hổ chạy mất.

Sau một thời gian, anh lại được lệnh vua gọi về kinh. Ghé qua nhà, vợ anh cho biết là con dã nhân chạy thoát đã hóa thành một cô gái đẹp về triều được vua kén làm vợ. Và gần đây hắn đã có mang, càng được vua nâng niu chiều chuộng, hy vọng sinh được hoàng tử. Để báo thù anh, hắn giả thác bệnh nặng, mượn lệnh vua triệu anh về, để đòi ăn gan anh, nói là cho lành bệnh. Bèn đưa cho chồng một thanh gươm và bốn trăm quan tiền, dặn: - "Đến kinh đô, chàng khoan vào chầu vội, hãy dùng số tiền này đút lót bọn gác cổng, mỗi cổng một trăm quan, phải lọt bốn lần cổng mới vào được đến buồng hoàng hậu. Hãy nhớ là con dã nhân ấy nằm ngủ bao giờ đầu cũng ngoảnh về hướng Tây". Làm theo lời vợ, anh lọt được vào buồng hoàng hậu. Tìm mãi mới thấy một người đàn bà nằm đầu hướng về hướng Tây, bèn rút gươm chém. Hắn hét một tiếng kinh hồn, đầu rơi xuống hóa làm đầu hổ. Nhà vua ở buồng bên cạnh nghe tiếng hét tưởng hoàng hậu đã sinh con lật đật chạy sang. Anh quỳ xuống kể lại mọi việc.

Mừng quá, vua hứa thưởng cho anh bất cứ gì anh muốn. Anh chỉ xin về quê gặp vợ và bố mẹ. Vua y cho. Hôm ấy, anh cùng vợ đi chợ mua quà về thăm bố mẹ đẻ. Nhưng đến hàng thịt thì người hàng thịt giữ chịt lấy bà quan - vợ anh - một hai nói là con mình. Như kết thúc truyện *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, việc cũng đưa lên quan phân xử, nhưng ở đây, cuối cùng, ông hàng thịt cũng được anh coi như bố vợ[1].

Người miền Nam có truyện *Người lấy ma* hình tượng và tình tiết đều khác với các truyện trên:

Tại làng Tân-thuận Đông (Sa-đéc) có một nông phu sống trong một gian nhà lá trơ trọi giữa đồng. Vùng này nổi tiếng nhiều ma. Đối với làng xóm, anh tự nhận là đã có vợ con. Nhưng chẳng bao giờ người ta thấy mặt, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng anh bảo vợ nấu nước, làm thức ăn, hoặc la rầy đứa con nghịch ngợm. Hay khi có người nào định ngồi vào võng thì anh cản lại, nói có con mình nằm trong đó. Dân làng để tâm rình mò quả thấy trong nhà anh có

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh (do Trường Kỳ Nguyễn Văn Hồng cung cấp).

bóng một người đàn bà và một đứa bé chừng bốn tuổi, nhưng khi vào nhà lại chẳng thấy gì.

Một hôm bỗng có tiếng sét nổ, nhà anh bốc cháy, người ta thấy anh khóc sướt mướt kể chuyện cho xóm giềng hay: vợ anh là một cô gái chết oan không chịu đi đầu thai, lại vốn có duyên nợ với mình nên lấy nhau, sinh được một con. Tiếng sét vừa qua đã giết mất cả vợ lẫn con. Sau đó người ta thấy anh bỏ nhà bỏ cửa đi biệt[1].

Người miền Bắc có truyện *Sinh nở dưới mồ*, có hình ảnh nuôi con của ma:

Một người đàn bà quê ở châu Vạn-ninh (Quảng-yên) có mang được bảy tám tháng, bỗng nhiên bị bệnh chết. Lúc sống, mụ có quen một bà lão bán hàng nước ở bến sông. Một hôm bà hàng nước ngạc nhiên thấy mụ cầm mấy đồng tiền hỏi mua đường. "Mua để làm gì?" - "Mới sinh con không có sữa cho bú, phải mua đường cho nó ăn". Bà hàng bán xong trông theo, thấy mụ đi về đến ngôi mộ cách đấy không xa, rồi tự nhiên biến mất. Hôm sau lại thấy mụ đến mua nữa. Bà hàng bèn mách cho nhà chồng biết. Người chồng đến rình. Ban trưa khi mụ đến, chồng từ chỗ nấp bước ra hỏi. Vợ không đáp, bỏ chạy, chồng đuổi theo. Lại biến mất. Chồng đến mộ nghe ở trong có tiếng trẻ khóc, mới đào lên. Khi tháo nắp áo quan thấy có một đứa bé mới sinh chưa rụng rốn, miệng còn dính đường. Bèn bế về nuôi, lấp mộ lại. Anh xin sữa cho con bú nhờ, nhưng ai cũng sợ, bèn mớm cơm cho con[2].

1. Theo Lê Hương. *Truyện tích Việt-nam,* sách đã dẫn.

2. Theo Tô Linh Thảo, sách đã dẫn.

185. VỢ CHÀNG TRƯƠNG

Ngày xưa, ở làng Nam-xương có cô gái tên là Vũ Thị Thiết, người đã xinh đẹp lại thùy mị nết na. Nàng lấy chồng là Trương sinh vốn là người cùng làng. Trương sinh có tính cả ghen, hay để tâm xét nét vợ, nhưng vợ chàng thường giữ gìn khuôn phép nên không có chuyện gì xảy ra.

Vợ chồng hương đượm lửa nồng chưa được bao lâu thì bỗng nghe tin chốn biên thùy có giặc, chồng vâng lệnh quan phải từ giã mẹ và vợ đi lính thú. Bấy giờ vợ đang có thai. Buổi chia tay thật là bịn rịn, mẹ chúc cho con chân cứng đá mềm, chồng khuyên vợ gắng phụng dưỡng mẹ già và nuôi con khôn lớn.

Sau khi chồng trẩy được mươi ngày thì Vũ Thị Thiết sinh được một đứa con trai, đặt tên là thằng Đản. Thằng bé sởn sơ mạnh khỏe, còn bà nội của nó vì nhớ con sinh ra đau ốm. Vợ chàng Trương hết lòng mời thầy chạy thuốc, nhưng bệnh của mẹ chồng mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu thì mất. Nhờ có bà con xóm giềng, mọi việc tống táng đều lo liệu chu toàn.

Đã mấy thu qua không thấy chồng về, một mẹ một con mỏi mòn trông đợi. Hàng ngày chăm lo đồng áng, tối lại nàng mới có thì giờ chăm sóc cho con. Có những hôm phải chong đèn khâu vá dọn dẹp và nô đùa với con. Những lúc con khóc, nàng thường chỉ vào bóng của mình trên vách mà bảo:

- Nín đi con! Kìa, kìa bố đã về. Đấy! Đấy!

Đứa bé nhìn vào bóng, nín bặt.

Cứ như thế lâu dần thành thói quen. Thằng Đản thường đòi gặp bố trước khi đi ngủ. Cái bóng đen đen trên tường từ đấy đối với cả mẹ lẫn con như một người thân thích.

*

* *

Rồi chiến tranh kết liễu, cõi biên thùy lại yên lặng, những người đi lính thú lại được trả về quê quán. Trương sinh cũng ở trong số đó. Sau bao năm tháng ly biệt, hai vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Chàng đau lòng vì mất người mẹ thân yêu nhưng lại vui sướng vì có đứa con. Thằng bé Đản bây giờ lên ba tuổi, đã biết nói bập bẹ. Tuy nó để cho bố nó bế nhưng vẫn tỏ ra xa lạ. Qua mấy ngày sau, Trương sinh hỏi mộ mẹ rồi bế con đi thăm. Ra đến đồng, thằng bé Đản quấy khóc nhè. Trương sinh dỗ dành:

- Con nín đi đừng khóc, bố yêu. Rồi bố mua quà cho mà ăn.

Thằng bé đáp ngay:

- Không. Ông không phải là bố của Đản...Bố Đản khác kia...Chỉ đến tối bố Đản mới đến nhà thôi.

Nghe nói, Trương sinh thấy nhói ở tim. Chàng nhìn vào con hỏi dồn:

- Thế thì bố của Đản như thế nào? Con nói đi!

- Tối nào bố Đản cũng đến...Mẹ Đản đi cùng đi, mẹ Đản ngồi cùng ngồi...Chẳng bao giờ bố bế Đản cả...

Mấy lời nói vô tình của đứa bé làm cho Trương sinh tin là vợ mình ngoại tình, không còn ngờ gì nữa. Nghĩ đến người vợ xinh đẹp trong tay kẻ khác, cơn ghen tự nhiên bừng bừng bốc lên. Chàng lẩm bẩm: - "Thật là quá rõ. Không ngờ trong khi mình gian lao thế ấy, thì nó ở nhà lại như thế kia".

Về đến nhà Trương sinh mắng nhiếc vợ tàn tệ:

- Tao không ngờ mày là đồ thất tiết. Mẹ chết, chồng đi vắng, tối tối rước trai về nhà.

Chàng mắng dữ dội nhưng không bảo là tự miệng con nói ra. Vợ chàng một mực chối cãi:

- Cách biệt ba năm, thiếp vẫn một lòng một dạ, đâu có hư thân mất nết như lời chàng nói. Xin chàng đừng ngờ oan cho thiếp.

Vợ càng phân trần thì cơn giận của chồng càng không thể dằn xuống được nữa. Chồng bắt đầu dùng lối vũ phu để tra khảo vợ. Hàng xóm láng giềng nghe tin vợ chồng lục đục đổ tới can ngăn, nhưng chẳng ăn

thua gì. Chồng cho là vợ khéo mồm khéo mép nên được mọi người che lấp tội lỗi.

Trong cơn phẫn uất, người thiếu phụ ôm lấy con khóc nức nở, rồi nhân lúc chồng sang hàng xóm, chạy một mạch ra bến Hoàng-giang đâm đầu xuống nước.

Khi Trương sinh về thấy mất hút vợ, biết có sự chẳng lành. Nghe nói vợ đã tự trầm thì rất hối hận, vội chạy ra sông. Nhưng dòng nước chảy xiết, mò đến tối ngày cũng không tìm thấy xác. Tối lại, thằng bé khóc. Trương sinh thắp đèn dỗ cho nó nín. Chợt thằng bé kêu lên:

- Ồ, bố Đản đã đến kia kìa!

- Đâu con?

Nó trỏ vào bóng chàng trên vách mà nói: - "Đấy! Đấy!". Nhớ lại lời con nói khi đi thăm mộ, Trương sinh mới hiểu ra nông nỗi. Chàng nhận ra nỗi oan tày trời của vợ chỉ vì lòng ghen tuông nóng nảy của mình. Nhưng đã muộn mất rồi, còn làm gì được nữa. Chàng chỉ còn biết ngày ngày ẵm con nhìn xuống dòng sông mà khóc.

Từ đó chàng ở vậy nuôi con không lấy vợ khác.

Về sau người ta dựng ở bến Hoàng-giang một cái miếu thờ nàng Vũ Thị Thiết, quen gọi là miếu Vợ chàng Trương[1].

KHẢO DỊ

Để cho có hậu, truyện trên đã được người đời sau nối thêm những nét thần kỳ vào phần cuối:

Cùng làng với Vũ Thị Thiết có một người là Phan lang làm đầu mục bến đò Hoàng-giang, một đêm nọ nằm chiêm bao thấy có một người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan lang thấy có người làng chài mang đến biếu mình một con rùa mai xanh. Sực nghĩ đến giấc mộng, Phan lang bèn thả rùa xuống sông. Về sau Phan lang chạy giặc, bị đắm thuyền, chết. Xác trôi xuống thủy phủ được bà Linh phi - vốn là con rùa mai xanh ngày nọ - cứu cho sống lại, lại dọn yến thết đãi. Trong tiệc có nhiều mỹ nhân, trong số đó có Vũ

1. Theo Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn.

Thị Thiết, nhưng Phan lang ngại không dám nhận. Tiệc xong, Vũ Thị Thiết tìm đến, nói: - "Là người cùng làng, có sao lại mau quên?". Phan xin lỗi rồi hỏi: - "Vì sao lại có mặt ở đây?", thì nàng trả lời: - "Hồi ấy khi nhảy xuống nước, các tiên ở thủy cung thương tôi vô tội, liền rẽ nước cho tôi xuống nên sống đến ngày nay". - "Có nhớ quê hương không?" - "Bị chồng ruồng rẫy, mặt mũi nào trông thấy nhau nữa". - "Còn con thì sao?" - "Tất có ngày tôi sẽ tìm về".

Khi Phan lang trở về, vợ chàng Trương trao cho y một chiếc thoa nhờ đưa hộ cho chồng mình và bảo nhắn chồng nếu có thương tiếc thì cho lập một đàn giải oan, lấy thần đăng chiếu xuống nước, mình sẽ về. Nhận được thoa, chàng Trương tin là thật, bèn lập một đàn tràng ba đêm ngày ở Hoàng-giang. Quả nhiên thấy vợ xuất hiện giữa dòng sông, ngồi trên một chiếc kiệu hoa, theo sau có đến năm mươi kiệu khác, có tàn tán cờ biển như một đám rước. Trương gọi, vợ đáp: - "Đa tạ chàng, thiếp không thể quay về được nữa". Rồi biến mất tất cả. Người đời ấy bèn lập miếu thờ, gọi là miếu Vợ chàng Trương[1].

Một truyện *Sự tích mặt nạ* (hổ phù) có nội dung giống truyện trên, chỉ khác kết thúc:

Một cặp vợ chồng có con mới sinh. Chồng bỗng có lệnh đi thú. Vợ một mình đêm đêm chỉ vào bóng bảo con đó là bố. Vì thế khi bố về, đứa con không chịu cho bế: - "Bố tôi khác kia. Bố tôi tối tối đến với mẹ". Chồng liền nghi vợ có sự tằng tịu bậy bạ. Hai vợ chồng xô xát, kết cục vợ cũng đi trầm mình. Trước khi nhảy xuống nước, khấn: - "Nếu là oan xin cho hóa làm ngọc trai để bày tỏ cho mọi người biết". Quả hóa làm ngọc trai. Thấy oan, chồng làm đàn tràng xin cho gặp mặt vợ. Vợ cũng cho gặp, nhưng chỉ nổi khuôn mặt lên khỏi nước. Người ta nói: "Chỉ có mặt nạ không có người nạ". Từ đó, nhà điêu khắc nghĩ ra lối chạm mặt nạ (hổ phù hay rồng ngang)[2].

Trung-quốc có một truyện về ghen tuông ít nhiều có dáng dấp như truyện *Vợ chàng Trương*:

Năm Càn Long thứ ba, ở một vùng nọ tự nhiên sét đánh chết một người lính. Người ta thương hắn vốn người tốt nết mà không may chết oan. Nhưng

1. Theo *Truyền kỳ mạn lục; Loại cổ tích hay*, sách đã dẫn.
2. Theo lời kể của người Thanh-hóa. Một truyện khác kể sự tích mặt nạ như sau: Ngày xưa vua Vũ đi tuần du mặt biển. Các loài thủy tộc đều ngoi lên mặt nước để chầu. Có con nạ (rồng) vì thân thể to lớn quá chỉ nổi lên có cái mặt, còn thân thì bị các con vật khác chen lấn che lấp nên không lộ ra. Do tích này mà có tiếng "mặt nạ". (Theo tạp chí *Phương Đông* số 7, 1972).

có một người lính già khác cùng cơ đội với hắn, kể cho nghe câu chuyện như sau: - "Có lẽ gần đây hắn ăn ở tốt với mọi người. Nhưng cách đây hai mươi năm, trong một trận đánh, hắn phạm một tội tày trời mà vì tôi là bạn cùng ngũ nên tôi biết. Hôm ấy quan tướng rảnh việc quân, đi săn ở đỉnh núi Cao-đình, hắn được theo đóng trại ở bên đường. Buổi chiều hôm ấy có một sư nữ đi qua. Thấy vắng vẻ, hắn kéo sư nữ vào trại. Sư nữ chống cự bị hắn xé quần. Nhưng sau sư nữ chạy trốn được. Hắn đuổi theo, vì trời tối, cây cối lại rậm rạp nên không tìm ra. Sư nữ trốn được vào một nhà nọ, trong nhà chỉ có một người đàn bà trẻ và một đứa bé con chồng. Người đàn bà từ chối không cho trọ nhưng sư nữ hết sức kêu nài, và kể chuyện vừa rồi cho nghe. Cảm động, người đàn bà cho vào và cho mượn một cái quần mặc. Sáng dậy sư nữ từ tạ ra đi, hứa mai sẽ trả. Sau đó chồng người đàn bà đi đâu mới về, vì áo quần bẩn bảo vợ lấy đồ thay. Vợ vào buồng chỉ thấy quần của mình, mới biết là đêm tối đưa nhầm quần của chồng mình cho sư nữ. Chưa biết trả lời sao với chồng, thì đứa bé đã nói ngay: - "Có một ông sư cả đêm tới đây lấy quần mặc". Bố nó căn vặn, đứa bé kể lại mọi chuyện theo nó thấy. Chồng hỏi vợ, vợ đáp: - "Đó là một ni cô". Chồng không nghe, nổi ghen đánh vợ tàn tệ, rồi kể chuyện cho xóm giềng. Vợ phẫn uất treo cổ tự tử. Sáng hôm sau, sư nữ mang quần tới trả kèm theo một thúng quà. Vừa thấy sư nữ đứa bé nói: - "Đấy, ông sư hôm ấy đã đến". Bố nó biết là nhầm, hối hận, bèn đánh chết đứa con trước áo quan của vợ, rồi cũng treo cổ tự tử. Hàng xóm thương tâm chôn cất cả ba, nhưng không báo cho quan biết.

Một năm sau, quan tướng lại đến thăm nơi này. Dân làng mới kể chuyện cho tôi biết. Tôi chỉ nói riêng với hắn ta. Hắn ta biết hối và tự nguyện làm điều thiện để chuộc lỗi. Bây giờ, sau hai mươi năm, hắn bị sét đánh chết, mới biết lưới trời lồng lộng, khó thoát"[1].

1. Theo *Tân tề hài*, quyển 4.

186. SỰ TÍCH KHĂN TANG

Ngày xưa có vợ chồng nhà phú hộ nọ sinh được năm người con gái. Giàu có, lại không con trai, nên bao nhiêu tình thương, họ đều dồn vào những cô con gái. Họ cưng như trứng mỏng, hễ con đòi gì là được nấy. Lần lượt năm cô lớn lên, lấy chồng và đi ở riêng.

Vì con gái đứa nào cũng lấy chồng xa, nên sau khi cô út ở riêng được ít lâu, hai ông bà phú hộ cảm thấy nhớ các con quá. Họ còn tính chuyện chia nhau đi thăm các con. Một hôm, vợ bảo chồng: - "Sắp tới, ông chịu khó ở nhà trông nhà cho tôi đi thăm chúng nó một lượt, sau đó tôi lại về trông nhà cho ông đi". - "Phải đó", chồng đáp, "nhưng bà phải đi nhanh nhanh lên mới được, đừng bắt tôi phải đợi lâu". - "Không được đâu, tôi tính ở lại với các con đứa nào ít nhất cũng phải một tháng, năm đứa vị chi là năm tháng, còn đi đường tổng cộng độ vài ba chục ngày, như vậy cũng phải mất ngót nửa năm đó ông ạ!". - "Thôi được, bà nó đi đi, bà nhớ đừng để cho đứa nào quấn quýt quá, rồi ăn dầm nằm dề làm cho tôi trông đợi".

Rồi đó người vợ cùng con hầu ra đi. Nhưng chỉ được vài tháng, chồng đã thấy vợ trở về vẻ mặt buồn xo. Chồng hỏi dồn: - "Cơn cớ làm sao mà bà về nhanh như vậy, có gặp điều gì dọc đường hay không mà vẻ mặt không được vui?". Vợ đáp: - "Chẳng có gì hết, tôi vẫn bình yên, chúng nó đều mạnh khỏe, tôi về sớm là vì tôi muốn để ông khỏi trông, ông cứ đi một lần cho biết". Thấy vợ nói úp mở, phú hộ chưa hiểu thế nào cả, cuối cùng ông cũng sắm sửa hành lý ra đi.

Ông ghé nhà người con gái thứ nhất. Chàng rể đón tiếp ông niềm nở làm ông rất hài lòng. Nhưng con gái ông thì lại không được như vậy. Nó cũng chuyện trò giả lả được ít câu rồi quay vào công việc của nó. Nhà các chàng rể của ông phần nhiều đều thuộc vào hạng khá giả không

kém gì nhà ông. Cho nên con gái của ông còn mải trông nom kẻ ăn người ở, không lúc nào rảnh rỗi. Đến chừng chồng nó ra đồng trông cày coi cấy, thì con gái ông còn chuyên việc bếp núc, lúi húi suốt buổi trong bếp, cha con chẳng có dịp chuyện trò. Mãi đến gần trưa, ông cảm thấy bụng đói cồn cào, nhưng con ông lại chẳng chịu cho ông ăn ngay. Ông toan bảo nó cho mình ăn trước như khi còn ở nhà, nhưng rồi lại nghĩ thầm: - "Để còn xem nó đối đãi với cha nó ra sao cho biết". Ông thấy con gái chờ cho chồng mình đi làm về mới dọn cơm ra. Nhưng chàng rể của ông lúc ấy tuy đã về rồi còn bận một số công việc. Cho nên ông lại phải đợi. Đến chừng ấy thấy đã quá trưa, con gái ông lên tiếng gọi chồng: "- Mình ơi, hãy để đó vào ăn cơm đi cho ông già ăn với!". Nghe con nói thế ông cảm thấy không được vui. Bữa cơm chiều và liên tiếp mấy ngày sau cũng như vậy. Con gái ông chăm sóc cho chồng nó chứ chẳng phải cho ông. Ông rất buồn, bụng bảo dạ: -"Thì ra bây giờ nó coi cha nó chẳng ra cái quái gì. Nếu chồng nó không ăn thì có lẽ mình phải ngồi nhịn đói".

Ở chơi được ít ngày, thấy con gái không được vồn vã đằm thắm như xưa, ông bèn bỏ dự định cũ là ở chơi trong một tháng, đã vội vã từ giã chàng rể và con gái mà đi đến nhà người con gái thứ hai cách đấy non một ngày đường. Trong cuộc hành trình lần này, ông lẩm bẩm: - "Chắc những đứa sau phải khác, chẳng lẽ đứa nào cũng như vậy cả sao. Vợ chồng ta còn trông cậy chúng nó rồi đây sẽ chia nhau về phụng dưỡng lúc bố mẹ tuổi già kia mà".

Nhưng khi đến, ông lại đâm ra thất vọng. Nhà chàng rể thứ hai tuy không giàu bằng chàng rể thứ nhất nhưng cũng có của ăn của để. Vợ nó thấy bố đến thăm cũng tiếp đãi gọi là cho tròn bổn phận rồi lại loay hoay vào công việc nhà chồng, chẳng chịu bớt chút thì giờ hàn huyên cho bõ những lúc cha con xa nhau. Lần lượt ông đi thăm đủ cả năm cô gái quý nhưng chẳng đứa nào là không bận bịu với công việc của mình, chẳng đứa nào quan tâm chăm sóc đến ông như lúc còn ở nhà. Sau cùng ông chép miệng:

- Vậy là con gái một khi bước về nhà chồng thì chẳng còn là con của mình nữa. Nó xem chồng trọng hơn bố mẹ.

Rồi đó ông quày quả ra về. Ông tính lại thời gian thăm con cả đi lẫn về không đầy hai tháng, so với chuyến đi của vợ lại còn ngắn hơn. Nỗi buồn phiền làm cho ông khó ở trong một vài tuần. Khi đã bớt, ông gọi vợ lại bàn rằng: -"Thế là đẻ được mấy đứa con gái, có cũng như không. Hy vọng dựa cậy vào chúng nó đỡ đần lúc tuổi già là không được nữa. Bây giờ bà nó ở nhà để tôi đi kiếm một đứa con nuôi đặng mai sau nó săn sóc chúng mình lúc mắt lòa chân chậm. Bà nó nghĩ sao?". Vợ phú hộ trả lời: - "Thôi ông ạ! Ông đừng có đi mất công nhọc xác. Con đẻ rứt ruột ra mà chúng nó không đoái không hoài thì con nuôi mà làm gì. Để tôi kiếm cho ông một người vợ lẽ. Không biết chừng nó đẻ cho chúng ta một đứa con trai có người nối dõi tông đường chẳng phải tốt hơn ư!". - "Trên đời này có kẻ tốt người xấu, không phải ai cũng như ai, bà đừng ngại. Nếu tôi đi tìm dăm bữa nửa tháng mà không xong thì trở về tính liệu sau cũng chưa muộn". - "Được rồi, ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan phụng dưỡng, mọi việc ở nhà mặc tôi lo liệu".

Phú hộ bèn đóng bộ một ông già nghèo khó cất mình ra đi. Ông đi từ làng này đến làng khác, đến đâu ông cũng rao:

- Có ai mua cha thì ra mà mua. Mua ta về làm cha chỉ mất năm quan tiền thôi.

Mọi người nghe ông già rao như vậy ai cũng tưởng ông điên. Có người vui miệng nói: -"Mua lão già ấy để về nhà mà hầu ư, và để rồi đây lão ta trăm tuổi có được đồng nào còn phải lo tống táng ư. Thà là nuôi một người đầy tớ còn hơn". Tuy có nghe nhiều lời mỉa mai cười cợt, phú hộ vẫn không nản chí, vẫn đi hết xóm này tới ấp kia, miệng rao không ngớt.

Bấy giờ ở một làng nọ có hai vợ chồng một nông phu nghèo. Nghe có người đi bán mình làm cha, chồng bảo vợ: -"Hai đứa mình mồ côi từ tấm bé chưa bao giờ được hưởng tình cha con, lại chưa có mụn con nào, thật là buồn. Thôi thì ta mua ông già này về thủ thỉ với nhau khuya sớm cho vui cửa vui nhà". Thấy vợ bằng lòng, anh chàng chạy ra đón ông già vào và nói:

- Ông định bán bao nhiêu tiền?

- Năm quan không bớt.

- Thú thật với ông, nhà tôi nghèo muốn mua nhưng không sẵn tiền. Vậy ông ngồi chơi để tôi bảo nhà tôi đi vay xem.

Phú hộ ngồi chờ hồi lâu, thấy chị vợ chạy đi một lát lại trở về, nhưng số tiền vay được chỉ có hai quan. Anh kia bèn nói:

- Hai ngày nữa mời ông trở lại, chúng tôi sẽ có đủ tiền.

Hai ngày sau phú hộ lại tới. Anh nông phu trao tiền cho ông, mời ông vào nhà, "cha cha, con con" rất thân tình. Đoạn anh bảo vợ đi chợ lo cơm nước. Phú hộ thấy đầu tóc người vợ hôm nọ còn dài, bây giờ đã biến đi đâu mất, bèn ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao đầu tóc của vợ con lại cắt cụt đi như vậy?

Anh nông phu tần ngần hồi lâu rồi đáp:

- Chẳng giấu gì cha, nhà con nghèo không đủ tiền mua, mà nếu không mua thì cũng ít có dịp nào tốt hơn. Vì vậy, vợ con phải cắt tóc bán đi mới đủ số tiền năm quan đó.

Nghe nói, phú hộ vẫn làm thinh. Từ ngày có người cha nuôi, hai vợ chồng anh nông phu tỏ ra rất niềm nở và chịu khó chăm sóc hầu hạ không biết mệt. Phú hộ vẫn không cho biết quê quán gốc tích thật của mình, hàng ngày vẫn ăn no ngủ kỹ, đôi lúc lại kêu váng đầu mỏi lưng, bắt họ phải xoa bóp hoặc tìm thầy chạy thuốc. Mặc dầu vậy, hai vợ chồng vẫn cơm nước săn sóc không bê trễ. Cứ như vậy được vài tháng sau, nhà họ đã nghèo lại nghèo thêm. Họ phải cố gắng làm thêm để nuôi cha, có bữa phải nhịn đói để nhường cơm cho ông già. Tình hình như vậy kéo dài được nửa năm, nợ nần của họ chồng chất quá nhiều mà trong nhà thì gạo và tiền đã kiệt.

Một hôm hai vợ chồng tỉnh dậy đã thấy người cha nuôi khăn gói chỉnh tề. Ông bảo họ: - Các con hãy đốt cái nhà này, rồi đi theo ta!

Vợ chồng đưa mắt nhìn nhau tưởng ông phát điên. Nhưng sau đó đã thấy phú hộ giục:

- Làm con thì phải vâng theo cha mẹ, chớ có sai lời. Cha đã bảo các con đi theo ta kiếm ăn, còn cái nhà này ọp ẹp chẳng đáng bao lăm, đừng tiếc nữa.

Vợ chồng không dám cãi, đành nhặt nhạnh một vài món đồ buộc

thành một gói, rồi châm lửa đốt nhà. Đi theo ông già, họ thấy ông lần hồi xin ăn, tối lại vào nhà người xin ngủ nhờ. Họ vẫn vâng lời không chút phân vân. Ba người lần hồi đi xin ăn như thế được năm ngày. Sau cùng đến một nơi nhà ngói tường dắc, ông mới vui vẻ bảo họ:

- Các con, đây đã đến nhà ta rồi!

Vợ phú hộ bước ra cổng đón vào, ông tươi cười bảo vợ:

- Đây mới thật là con của chúng ta!

Bấy giờ vợ chồng anh nông phu mới biết cha mẹ nuôi mình là một nhà giàu có. Phú hộ bảo anh nông phu lấy theo họ mình và từ đó hai vợ chồng bước vào một cuộc đời sung sướng.

Ít lâu sau, phú hộ lâm bệnh nặng. Biết mình sắp gần đất xa trời, ông bèn làm tờ di chúc để phần lớn tài sản cho đứa con nuôi, đoạn ông gọi vợ đến trối:

- Sau khi tôi chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết. Nếu chúng nó nghe ai mách mà về đây chưa biết chừng tôi sẽ "bứt néo"[1] cho mà coi. Việc để tang thì đứa con trai cứ theo cổ tục cắt tóc đội mũ quấn rơm trên đầu để chúng tỏ mình chịu cực chịu khổ với cha mẹ thì thôi cũng được, nhưng đứa con dâu thì bà bảo nó khỏi cắt tóc, vì tôi chưa bao giờ quên cái việc nó đã phải bán mớ tóc dài của nó để mua cha, vậy nó chỉ cần đội khăn tang là đủ.

Nhưng sau khi khâm liệm cho chồng xong, bà phú hộ vì nặng lòng thương con nên cũng cho người lén báo tin cho năm đứa con gái biết. Khi chúng về, bà đón ở cổng thuật lại lời trối của cha chúng cho nghe và bảo chúng đừng có vào nhà kẻo có sự chẳng lành. Năm người con gái tỏ lòng hối hận những việc đã rồi. Khi đưa linh cữu ra đồng, các con gái cố đòi đi đưa cho bằng được. Mẹ khuyên can con mãi không xong, cuối cùng đành phải xé cho chúng, ngoài khăn tang còn thêm mỗi đứa một vuông vải xô cho chúng che mặt lại để mong linh hồn bố chúng khỏi biết.

---

1. *Bứt néo*: ngày xưa có lúc người ta không đóng chốt quan tài, chỉ buộc dây ở ngoài gọi là "néo". Bứt néo là hiện tượng đứt dây, người ta tin rằng đó là một cách tỏ sự giận dữ của người chết.

Từ đó, người ta bắt chước để tang theo cách gia đình này đã làm: con trai cắt tóc vành rơm, mũ mấn, dây lưng chuối như cổ tục, con dâu được miễn cắt tóc, chỉ đội khăn tang, lại miễn cả che mặt, còn con gái thì ngoài khăn tang còn có một mảnh vải con để che mặt[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên nhắc đến một số phong tục tín ngưỡng ngày xưa, trong đó có phản ánh một loại mâu thuẫn trong gia đình phụ hệ phong kiến: người con gái ra đi lấy chồng cầm như cắt đứt quan hệ với gia đình bố mẹ đẻ.

Việt-nam còn có truyện *Cha để bán*, một dị bản của truyện trên:

Một phú hộ có con gái lấy chồng xa làng đã có cháu ngoại. Một hôm ông đến chơi nhà rể. Như đoạn đầu của truyện *Ông già họ Lê*, rể bảo con đi gọi ông về ăn cơm. Nhưng đứa bé chỉ gọi có ông nội nó. Ông ngoại hỏi: - "Sao cháu không gọi cả hai ông?" - "Người ta bảo đi gọi ông nội". Cũng như truyện trên, giận con gái và rể, phú hộ trở về bảo vợ: - "Có con gái tức là không có gì cả, vậy mình ở nhà để tôi đi kiếm đứa con" - "Để tôi kiếm cho một người làm lẽ". Ông già không chịu. Ra đi, đến đâu ông cũng rao: - "Ai muốn mua ta làm cha không?" Ông già điếc trước những lời cười cợt, vẫn đi và rao không mệt mỏi. Cuối cùng cũng có một cặp vợ chồng nghèo đón ông vào hỏi giá rồi chồng bảo vợ đi vay năm quan trao cho ông già. Được vợ chồng chăm sóc, và lũ con - vì cặp vợ chồng này có mấy người con - coi mình như ông nội, phú hộ ngày ngày ăn no ngủ kỹ. Hai vợ chồng nuôi bố nuôi bị khánh kiệt. Bèn bán một đứa con. Khi nói cho ông biết, ông cũng mặc kệ; năm quan vẫn cất dưới gối không động đến. Lại đến lượt bán đứa con thứ hai, rồi chồng tự bán mình. Ông già vẫn tỏ ra không quan tâm. Sau hai năm hết ăn, một hôm phú hộ bảo dâu đưa mình đến nhà chồng đang bị cầm cố (ở đợ), nói với chủ: - "Xin phép ông cho con tôi về ít ngày có việc cần". Rồi ông bảo dâu và con chuẩn bị lên đường. Về lại dinh cơ của mình, phú hộ bảo vợ nhận lấy con dâu mới đưa về. Cuối cùng đưa tiền cho con và dâu trang trải nợ nần và chuộc mấy đứa cháu về. Từ đó họ sống với nhau vui vẻ sung sướng. Truyện không nói đến khăn tang như truyện trên[2].

---

1. Theo Lê Hương. *Truyện tích Việt-nam*, sách đã dẫn.
2. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

Người Tày có truyện *Ngọt miệng chua lòng* tuy có khác với truyện của ta, nhưng theo chúng tôi, hai bên dường như cùng một nguồn, vì chủ đề và hình tượng gần gũi:

Một ông già có hai con gái đã gả chồng, và một con trai đã chết, chỉ còn một con dâu trẻ tuổi và đứa cháu nội còn bé. Ông có một số vàng thoi bạc nén dành dụm trong "già đời người" từ lâu cất giấu định chia cho các con gái vì ông thấy cháu hãy còn măng sữa mà dâu thì dù sao cũng là người ngoài.

Một hôm, ông gói kín vàng bạc bỏ vào tay nải, trước tiên mang đến nhà cô con gái lớn. Đi đường rừng đến trưa mới tới vào lúc cả nhà đang ăn. Con gái hỏi: - "Bố đã ăn cơm chưa?" - "Bố ăn từ sáng". Tuy nghe nói vậy, cô gái vẫn không mời thêm. Sau đó ông già lại mang tay nải đến nhà con gái thứ hai. Thấy bố đến, cô này cũng hỏi: - "Bố đã ăn cơm chưa?" - "Bố ăn từ sáng". Cũng như người chị, cô này cũng không mời thêm. Thấy trên lò có bắc nồi chõ, người bố hỏi gợi ý: - "Chõ gì đấy?" - "Con hấp cái màn và áo quần để giết rệp". Biết con nói láo, ông già bảo: - "Có con trâu ăn ruộng mạ nhà ai ở đầu làng". - "Đúng ruộng mạ nhà con". Trong khi con gái chạy vội ra đồng, ông già thử mở vung nồi chõ thì thấy đầy một chõ xôi, bèn bốc ăn. Khi ông già trở về nhà mình, con dâu sắp đi thăm đồng, nhưng thấy bố chồng đã về, bèn nán ở lại để thổi cơm. Để thử con dâu, ông nói: - "Bố đã ăn rồi". Mặc dầu vậy, cô dâu vẫn thổi cơm và khi cơm chín dọn ra, ông già nói: - "Cha đã bảo ăn rồi mà" - "Bố cứ ăn mười bữa cơm người không bằng một bữa cơm ta". Thấy con dâu tốt bụng, ông già liền cho dâu số vàng bạc. Đoạn ông bảo nó rằng mình giả vờ chết, hãy báo tin cho hai con gái biết. Được tin, hai cô con gái khóc từ ngoài cổng khóc vào. Cô lớn kể lể: - "Sáng nay bố đến thăm con, con còn làm thịt chó cho bố ăn"...Cô hai: - "Sáng nay bố đến thăm con, con còn mổ gà mời bố..." Giận quá, ông già liền nhỏm dậy cầm gậy đuổi đánh chúng[1].

Người Đun-gan ở tỉnh Thiểm-tây (Trung-quốc) có truyện *Ba cô con gái của ông già* giống phần nào với truyện trên ở đoạn đầu:

Có hai vợ chồng một ông già chỉ đẻ được ba người con gái, đều đã đi lấy chồng. Một hôm ông già thân hành đi thăm các con. Đầu tiên ông đến nhà cô con gái cả, nhưng cô này không mời bố mình ăn cơm, với lý do là "hành còn hơi sương", nên chưa nhổ. Bỏ nhà cô gái thứ nhất, ông đến thăm con thứ hai. Cô này cũng không giữ bố già lại dùng cơm trưa, vì "trời nóng nực quá

1. Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn, sách đã dẫn.

không thể đi ra ngoài mua rau được". Cô con gái út - người mà ông già đặt hy vọng nhiều hơn - cũng tìm có để không phải mời bố mình ở lại, và cô còn đậy thật kín vung nồi hấp bánh bao. Ông già đành bụng đói trở về với vợ, ăn bữa ăn tối do bà ta dọn[1].

Về chỗ coi trọng con dâu và sự ưu đãi nàng dâu khi để tang bố mẹ chồng, người Thái cũng có một truyện cắt nghĩa vì sao có rượu cần và vì sao nàng dâu cả lại có vai trò quan trọng trong gia đình:

Xưa có một người lấy vợ cho con trai. Người bố muốn thử xem đứa con trai và vợ nó, ai khôn ngoan lanh lợi hơn. Bèn ra lệnh cho mỗi đứa hãy tự tay dọn cho mình ăn một món gì vừa no, vừa ngon, vừa thích khẩu. Đứa con trai lập tức đem lưới ra suối đánh được một con cá to bằng bắp chân, vội làm thịt kho lên làm cơm cho bố mẹ. Bố mẹ ăn cũng cho là được. Còn cô dâu thì không thể đi đánh được cá to, cô chỉ quen đi xúc, cuối cùng cô cũng xúc được một rổ cá vụn. Đưa về, cô bỏ mọi thứ gia vị và đồ lên thành một món mềm thơm, bố mẹ ăn rất thích. Nhưng cô còn lấy các thứ lá cây làm men, lại lấy nếp đồ, ủ rồi bỏ vào bình. Khi thành rượu, cô cắm cần để nước cho bố mẹ uống gọi là uống "nước chảy ngược". Bố mẹ ăn cơm với cá đã lấy làm ngon, lại được uống rượu ngọt bằng cần nên rất thỏa thích. Sau đó bố mẹ thừa nhận là nàng dâu quả khôn ngoan lanh lợi hơn con trai. Lại nói: - "Con dâu là con người ta, chỉ là kẻ kết duyên với con trai mình, thế mà biết chăm sóc bố mẹ chồng như thế. Vậy từ nay về sau phải coi nàng dâu cả là người chủ chốt của gia đình".

Từ đó về sau người Thái có tục coi nàng dâu cả có một vai trò đặc biệt. Khi tết nhất, nếu lỡ vắng mặt nàng dâu cả là cả nhà thường "cáo". Khi bố mẹ chồng chết, dâu cả là người duy nhất khấn ma xó[2] của gia đình để nhờ ma này đi nhắn hồn người chết ở các nơi về hội họp. Nàng dâu cả thường mặc một chiếc áo đỏ rất đẹp, không phải làm lụng gì cả, chỉ ngồi ở trước bàn thờ. Nếu nàng dâu cả chết thì vai trò ấy thuộc về nàng dâu thứ. Nếu vắng mặt hoặc không có con dâu thì dù nhà giàu, lễ lạt tết nhất cũng thường không biện cỗ bàn gì mấy[3].

1. Theo Rip-tin (Riftine) và Kha-xa-nốp (Khassanov), sách đã dẫn.
2. Người Thái không thờ tổ tiên, nhưng lại thờ ma xó. Mỗi lần có lễ lạt hoặc ma chay thì nàng dâu cả phải khấn ma xó bảo nó đi mời ma bến đò, ma bến đò lại đi nhắn với ma Then (trời) để gọi hồn người chết trú ngụ các nơi về.
3. Theo lời kể của đồng bào Thái, Thanh-hóa.

187. NGẬM NGẢI TÌM TRẦM HAY LÀ SỰ TÍCH NÚI MẪU-TỬ

Ngày xưa, trên một vùng núi cao tại một tỉnh Đàng trong, có hai vợ chồng nhà nọ đến sinh cơ lập nghiệp. Họ cũng trồng lúa bắp, chăn nuôi gà lợn và săn chim bắt thỏ như mọi nhà khác. Nhưng nhờ của cải của bố mẹ để lại, họ sống có vẻ phong lưu. Vì thế tuy có vất vả, hai vợ chồng vẫn vui thú gia đình với đứa con trai lên năm tuổi.

Đột nhiên một hôm có một người bạn cũ tới thăm. Hai người đàn ông lâu ngày không gặp, tay bắt mặt mừng. Người bạn nói: - "Nghe nói anh chị dời đến ở đây đã lâu. Nay có việc đi lối này, tôi mới ghé thăm được. Sẵn có cặp ngỗng mang tới biếu anh chị". Chủ hỏi: - "Mấy lâu nay anh ở đâu mà không hề có tin tức gì cả. Chẳng hay anh làm nghề gì?". - "Tôi chẳng nghề ngỗng gì cả. Chẳng giấu gì anh, từ lâu tôi đi tu tiên để mong đắc đạo. Trong năm năm liền ngồi tù cẳng một nơi, bây giờ có việc phải lên núi". - "Lên núi để làm gì?" - "Để tìm trầm. Phải có trầm đốt lên khi muốn đạt một lời cầu nguyện. Trầm sẽ đưa lời cầu của mình lên cung Tam-thanh. Nhờ đó "chư tiên" mới biết được điều ước muốn của mình và sẽ cho mình như nguyện". Chủ lại hỏi: - "Núi rừng trùng điệp, cây cối bạt ngàn, làm sao mà tìm cho ra trầm?". Khách đáp: - "Khó gì. Tìm trầm phải ngậm ngải". Nói rồi khách móc trong tay nải ra một gói nhỏ bọc vải điều, giở ra lấy ngải cho bạn xem rồi nói: - "Đây là ngải tôi đã luyện, trải bao nhiêu năm nay mới thành. Chỉ cần ngậm một tý ngải này, có thể đi suốt năm trong rừng sâu, không sợ hùm beo rắn rết làm hại, không cần phải ăn uống gì cả, lại có hy vọng được "chư tiên" phù hộ, giúp cho tìm thấy trầm. Lúc đó thì có thể cầu được ước thấy, trường sinh bất lão".

Chủ nhân thấy bạn cũ tu luyện sắp thành công, có thể cầm chắc sự

phú quý trong tay, thì hoa cả mắt. Hắn cầm lấy ngải nâng lên đặt xuống mấy lần, bụng bảo dạ: - "Chà, chỉ một tý thuốc này có thể cầu được ước thấy, trường sinh bất lão, sung sướng biết bao nhiêu". Vui miệng hắn cũng kể cuộc sống của mình trong mấy năm qua cho bạn nghe, rồi giục vợ làm cơm rượu khoản đãi. Trong mấy ngày cầm khách ở lại, vốn biết tính khách thích chơi cờ, chủ nhân lấy ra một bộ cờ bằng ngà mời khách cùng đánh. Hắn chọn một con cờ đưa cho bạn, nói:

- Bộ cờ này của tiền nhân tôi để lại bằng ngà rất quý. Nhưng chúng không quý bằng con tốt này. Nó bằng ngọc bích không mảy may tì vết, mà bao giờ cũng sáng óng ánh, kể cả khi để trong xó tối.

Khách cầm lấy con cờ bằng ngọc xem đi xem lại, thấy quả là của quý hiếm có ở thế gian thì tắc lưỡi khen thầm, đoạn tự nhủ: - "Làm sao ta có được một viên như thế để dâng lên Lão tổ..."

Tuy hai bên suy nghĩ nước cờ nhưng trong bụng người nào cũng chỉ những tìm mưu lập kế chiếm đoạt của nhau: một bên muốn làm chủ gói ngải, còn một bên muốn có con cờ bằng ngọc.

Ngày chia tay đã đến. Giữa khi chủ khách đang "vượt xe thách pháo" thì bỗng nghe tiếng gọi của vợ, chủ vội đi vào nhà trong. Sau đó một tiệc rượu bưng ra. Trong khi thu dọn con cờ, khách đã giấu biến con tốt bằng ngọc vào trong tay áo. Nhưng khách không ngờ chính mình cũng bị tước đoạt. Sau khi chén chú chén anh được một chốc, khách nằm vật xuống bên trường kỷ. Thấy người bạn đã bị mấy chén rượu pha thuốc của mình làm đổ gục, chủ nhân vội lục tay nải chọn lấy gói ngải, rồi lật đật ra đi không kịp từ giã vợ con.

Khách ngủ một giấc đến hai ngày sau mới tỉnh dậy. Hắn ta giật mình khi sờ vào tay nải đã không còn thấy gói ngải quý đâu nữa, tìm bạn bạn cũng đi mất đường nào, hỏi vợ con bạn cũng không ai biết đâu mà trả lời. Khách bèn lủi thủi ra đi quyết tìm cho thấy bạn để đòi lại vật quý. Từ núi này sang núi nọ, khách trèo liên miên không nghỉ, nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng kẻ bất lương. Một hôm, hắn trèo lên một đỉnh núi cao để phóng mắt nhìn ra xa, nhưng chẳng may trượt chân rơi xuống dốc, viên ngọc văng ra hóa thành đá, thân hắn hóa thành cây, rễ cây luôn luôn quấp chặt lấy đá như muốn bảo vệ của quý.

Còn về phía chủ nhân khi bước chân ra đi, nghe theo cách bày vẽ của bạn, hắn cũng bỏ ngải vào miệng để tìm trầm. Nhưng hắn đi mãi, đi mãi, vượt qua trăm núi ngàn khe mà trầm đâu chẳng thấy. Khi bụng đã chán nản muốn quay trở về thì khốn nỗi lại quên mất lối. Năm này qua năm khác, gói ngải dần dần chỉ còn lại một tí bằng cái móng tay. Hắn đâu có ngờ rằng hễ bao giờ ngải tan hết thì con người sẽ hóa thành hổ. Lúc này da hắn lông đã mọc tua tủa thay cho những chỗ quần áo rách bươm. Rồi một hôm hắn biến thành con hổ xám.

Lại nói chuyện vợ con của hắn ở nhà trông đợi mỏi mòn. Nước mắt hai mẹ con mỗi ngày chảy một ít đã xói đất thành suối. Cuối cùng, ngày lụn tháng qua, hai mẹ con biến thành đá cùng với mấy gia súc và các đồ dùng quen thuộc.

Về sau, hổ xám ta cũng tìm được lối về nhà cũ. Từ đằng xa nhìn thấy bóng dáng vợ con, cả con chó, con gà đang quanh quẩn bên cạnh, hổ lấy làm mừng rỡ, bèn ba chân bốn cẳng vọt nhanh. Nhưng khi biết vợ con và gia súc đã hóa đá thì nó lồng lộn, gầm lên mấy tiếng đau xót, rồi bỏ đi biệt.

Ngày nay ở quận Khánh-dương, tỉnh Khánh-hòa, còn có núi đá gọi là núi Mẫu-tử, nổi bật là một hòn đá dựng, bên cạnh có một hòn nhỏ hơn, người ta nói đó là mẹ con. Xung quanh đá còn nhiều hòn khác nằm rải rác, người ta nói đó là con chó, con gà, cái rổ may và sợi chỉ, cái cối xay, cối giã, cái chày, cái sàng, cái chổi, v.v... Lại còn một tảng đá khác vuông vắn người ta nói đó là bàn cờ có nhiều quân nhưng thiếu mất con tốt. Gần đấy có một dòng suối gọi là suối Tiên, nước không bao giờ cạn, người ta nói đó là do nước mắt của hai mẹ con khơi thành. Trên dòng suối thỉnh thoảng có bóng một cặp ngỗng vùng vẫy, người ta cho là dòng dõi của cặp ngỗng mà khách mang đến biếu, sở dĩ chúng không hóa đá là vì chúng chưa phải là gia súc quen thuộc của chủ.

Còn ở tỉnh Phú-yên, trên núi Tịnh-sơn có một hòn đá tròn gọi là đá Con cờ, người ta cho đó là con tốt bằng ngọc trong áo khách văng ra. Bên cạnh là một cây cổ thụ to hàng vầng, rễ mọc chi chít, nhưng rễ cây bao giờ cũng quấp chặt lấy đá, người ta nói đó là người bạn biến thành[1].

1. Theo Quách Tấn. *Xứ Trầm hương*; và lời kể của đồng bào Khánh-hòa.

KHẢO DỊ

Về tình tiết người ngậm ngải hóa hổ, Việt-nam còn có truyện *Ngải trăm ngày* (Bách nhật ngải):

Dưới chân núi Hoành-sơn (Nghệ - Tĩnh) có một chàng tên là Nghĩa ngậm ngải vào rừng bị lạc đường, quá một trăm ngày không tin tức, người nhà đoán là đã chết. Một hôm anh ta tìm được về đến nhà. Nhà vắng, chỉ có đứa con đang chơi, anh ôm lấy nó. Người vợ từ ngoài đồng về, nhìn thấy chồng, bên cánh tay trái còn đeo túi trầm hương, người thì đã mọc lông, móng tay móng chân đã thành vuốt mà áo quần rách bươm. Thấy con đang ở trong tay chồng, nàng thét lên: -"Thả ra ngay không thì chết mất, anh đã mang tính hùm beo rồi, con chồn con cáo trong tay anh còn không chịu nổi nữa là con người". Nghe nói, hắn liền buông con ra, rồi đi tìm đá mài mài móng tay. Vợ lẻn ra gọi hàng xóm tới. Người ta bảo thử bỏ thịt lợn sống và chín ra trước mặt hắn để xem thế nào. Họ thấy hắn ăn cả hai. Có người bàn giết đi. Nhưng một số người khác cho rằng xem cách ăn có thể biết nó chỉ mới nửa người nửa thú. Vả nó còn biết tiếc của và thương con. Người hóa ra thú được thì tìm cách cho nó trở lại thành người cũng được. Vậy nên chữa cho nó, chứ đừng giết. Bèn xúm nhau lại bắt, phải vất vả lắm mới trói nổi được hắn. Trước hết móc họng lấy ngải ra, sau đó chữa chạy hơn nửa năm mới khỏi[1].

1. Theo Lê Trọng Hàm. *Minh đô sử*, đã dẫn; tập 7, quyển 15. Cũng theo sách này và sách *Vân nang tiểu sử* thì ngải là một thứ cỏ thiêng, ở phương Nam "gọi là ngải mà không phải cây ngải (tướng quân)", người miền núi cho rằng ngậm cỏ này vào miệng đi vào rừng thì thú dữ mà gặp đều chạy giạt, mắt trông thấu được dưới đất, bụi bờ, sẽ có thể biết được chỗ nào có trầm hương, kỳ nam để thu lượm. Người ngậm nếu để quá một trăm ngày thì ngải lọt vào họng, người sẽ mọc lông, mọc đuôi mà thành thú.

188. CÁI VẾT ĐỎ TRÊN MÁ CÔNG NƯƠNG

Ngày ấy có một ông thượng thư đầu triều nổi tiếng là người nghiêm khắc và hách dịch. Ông có tính nóng như lửa. Đã thế ông lại có quyền "tiền trảm hậu tấu" nên không khỏi giết oan một số người vô tội. Trong triều ngoài quận người ta coi ông như vị hung thần. Mỗi lần ông thét đao phủ chém một người nào, thì dù là kẻ thân thiết nhất cũng không ai có thể can được, cho nên những người ở gần đều sợ ông như cọp.

Ông thượng có một sở thích đệ nhất là món hát bội. Ngày ấy chưa có rạp tuồng bán vé cho công chúng vào xem như sau này, cho nên các nhà quyền quý thường nuôi gánh hát riêng. Chẳng những ông thích xem hát mà còn tự tay biên soạn nhiều vở tuồng, vì vậy ông cũng có một gánh hát trong nhà. Trong số đào kép của gánh hát này thì có kép Châu là một tay xuất sắc. Kép Châu tuổi trẻ tài cao, thường được người xem tán thưởng về hát hay múa dẻo, nhất là đám nữ giới mỗi lần thấy anh thủ vai chính trên sân khấu thì thường mê như điếu đổ về cả thanh lẫn sắc.

Ông thượng không có con trai, chỉ có một cô con gái rất xinh tên là Nhung. Cũng như thói thường của mọi nhà quyền quý khác, ông chăm dạy cho con mọi điều công, dung, ngôn, hạnh. Thấy con gái thông minh và tài hoa, ông yêu dấu rất mực. Đến nỗi hàng ngày hút thuốc, nếu không có thuốc do con ông quấn thì ông hút không ngon. Tuy nhiên, một việc oái oăm ông không bao giờ ngờ tới là cô Nhung được ông dạy dỗ chăm sóc là thế lại thầm yêu trộm dấu kép Châu. Về phần kép Châu tuy biết thân phận hèn kém, tuy biết tính mạng treo đầu sợi tóc cũng không nỡ vô tình với công nương. Hai bên đã nhiều lần kín đáo gặp gỡ và cũng đã từng chỉ non thề biển, quyết sống chết có nhau.

Một hôm ông thượng ăn mừng thọ. Ngoài tiệc tùng đãi khách như thường lệ, còn có một đêm hát bội đặc biệt diễn một vở do ông biên

soạn. Thủ vai chính không có ai khác ngoài kép Châu. Trong khi đào kép đang cố gắng trổ tài trên sân khấu thì ông thượng chăm chú cầm chầu. Hứng thú, ông đốt hết điếu này sang điếu khác. Bỗng chốc số thuốc quấn sẵn đựng trong một cái hộp bằng vàng đã hết nhẵn, ông bèn sai lính hầu vào bảo công nương quấn tiếp cho ông mười điếu nữa. Nhưng tên lính hầu đi quá lâu làm cho ông sốt ruột. Cho đến khi hắn bưng được hộp thuốc vào, ông mắng ngay:

- Mày đi đâu mà lâu thế?

Tên lính hầu đáp:

- Bẩm, vì công nương không có nhà nên con lại phải đi tìm, công nương vừa quấn xong là con mang đến đây liền.

Ông thượng không nói gì. Nhưng khi cầm lên một điếu ông lập tức chau mày. Thuốc của con gái ông quấn bao giờ cũng khéo: vừa gọn vừa chặt bằng giấy quyến tinh khiết, mười điếu không sai một. Đằng này đã quấn lỏng lại có nhiều vết bẩn. Bực mình, ông quát tên lính hầu:

- Vào gọi công nương mày tới đây tao bảo.

- Dạ.

Ấy thế nhưng lần này tên lính hầu cũng lại đi mất hút. Đợi một thôi một hồi, ông mới thấy cô con gái yêu đến. Ông mắng phủ đầu ít câu về điếu thuốc quấn không thành điếu, rồi đuổi con ra. Nhưng khi cô Nhung lui gót, ông vừa nhìn theo chợt trông thấy trên má của con có một cái vết đỏ. - "Hừ, làm sao nó lại có vẻ nhem nhuốc thế kia". Nghĩ thế, song ông vẫn để tâm trí vào trống chầu.

Giữa lúc ấy, đến lượt kép Châu bước lên đài. Ông thượng liếc nhìn thấy bộ mặt hóa trang của hắn cũng nhem nhuốc, nhợt nhạt, thì ông bỗng đoán ra nông nỗi. Một cơn giận bừng bừng bốc lên: - "Chà thằng này láo thật. Đồ xướng ca vô loài". Rồi ông lại nghĩ đến con gái: - "Không ngờ con gái ta lại đâm ra mê say nó, giở trò trên bộc trong dâu. Không thể tha thứ được!". Tuy nghĩ vậy, ngoài mặt ông vẫn điềm tĩnh, tay vẫn đánh trống chầu không nhầm lỗi.

Khi màn bắt đầu hạ để chuyển sang một cảnh khác, lập tức ông đứng dậy dõng dạc truyền lệnh:

- Quân đâu, dẫn kép Châu ra sân, chém đầu!

Tiếng quân hầu dạ ran. Các quan khách và mọi người đang xem hát ai nấy đều ngơ ngác kinh hồn. Chẳng ai hiểu duyên cớ vì đâu mà có cái án tử hình đột ngột này. Đây đó tiếng người thì thầm: - "Có lẽ nó đã làm điều gì đó hỗn xược với cụ lớn". Hay là: - "Chắc tên kép ấy đã phạm "húy" cụ lớn hay là phạm "húy" hoàng đế thì phải".

Trong khi kép Châu còn nguyên cả y phục tuồng bị đao phủ lôi ra sân, thì cô Nhung vẻ mặt hốt hoảng chạy tới trước ghế của cha mình ngồi thụp xuống vái lấy vái để:

- Trăm lạy cha, xin cha tha cho anh ấy. Có giết xin cha cứ giết mình con đây!

Nghe câu nói, ông thượng vẫn không động lòng, mà lại còn cảm thấy như bị thách thức. Trợn mắt, ông quát:

- A, nếu thế thì quân bay hãy cởi trói cho kép Châu mà bắt giải công nương ra chết thế.

Bọn quân hầu nhìn nhau toáng đảm, không ai dám cất tay động chân. Ông thượng đứng bật dậy quát:

- Chúng mày đã nghe rõ lệnh ta chưa?

Lại có tiếng dạ ran. Lính hầu xúm lại dẫn cô Nhung đi ra sân. Không có một lời can ngăn. Không một ai nhúc nhích. Một lát sau, một tiếng rú của công nương bật lên ai oán, rồi tất cả rơi vào im lặng.

Bấy giờ ông thượng quay lại phía bọn đào kép đang chúi vào một xó, nhắc: - "Chúng mày hãy diễn tiếp đi!"

Tiếng đàn, nhị, trống, chiêng, v.v... thốt nhiên lại cất lên. Người xem tuy chẳng còn hứng thú xem tiếp, nhưng không một ai dám bỏ chỗ ngồi ra đi. Ông thượng miệng vẫn hút thuốc, tay vẫn nắm lấy dùi trống chầu như không có việc gì xảy ra. Màn diễn đến đoạn cuối: vai chính sẽ than thở bên xác người yêu. Kép Châu lại bước lên đài, mặt cắt không được giọt máu. Anh hát những câu hết sức buồn thảm, anh khóc thật và tỏ điệu bộ não nùng chưa bao giờ làm rung động người xem đến thế. Cứ như vậy, tiếng than khóc mỗi lúc một ai oán. Cho đến câu hát cuối cùng vừa dứt, kép Châu kêu lên mấy tiếng thảm thiết không có trong vở:

- Em ôi! Em hãy đợi anh với!

Đoạn rút trong tay áo một con dao găm đâm ngay vào cổ họng và ngã lăn xuống khán đài[1].

KHẢO DỊ

Truyện này gần như là một truyện thuộc loại muộn nhất của cổ tích, đã mang dáng dấp truyện ngắn hiện đại. Mặc dầu vậy nó cũng có dị bản, nhưng kết cục của dị bản lại không bi đát như truyện trên:

Trong nhà một ông tuần nọ có nuôi một gánh hát riêng. Trong số diễn viên cũng có một kép trẻ tuổi đẹp trai hát hay, lôi cuốn được nhiều người, nhất là giới phụ nữ. Cũng như truyện trên, kép ta lọt vào mắt xanh con gái ông tuần. Thế rồi mối tình thầm lén ngày một nảy nở. Ở đây không có cái vết đỏ trên má cô nàng, mà là bức thư tình của cô do một bạn đồng nghiệp của kép lấy trộm đưa tới ông tuần. Cơn thịnh nộ của ông bùng lên, ông tuốt kiếm bảo người đi tìm kép dẫn đến cho ông tức khắc. Nhưng kép lại vắng mặt lúc đó, nên kết thúc của truyện mang đôi chút hài hước. Trong khi chờ đợi tội nhân, ông cho giam con gái lại; thấy đôi hia đế cong của kép, ông dùng kiếm băm vằm như băm vằm người thật để hả cơn giận. Cơn giận dịu đi trông thấy. Đến chiều, theo dự định, vở tuồng "Từ Thứ quy Tào" sẽ diễn mà vai chính Từ Thứ thì ngoài kép ra không ai có thể thay được. Nhưng, kép ta có lẽ vì sợ vẫn chưa về, mà nếu về cũng không có hia để đóng. Cuối cùng, ông tuần bảo người nhà đi mua một đôi hia khác và giục đi tìm kép về gấp để cho vở tuồng không bị hoãn lại[2].

1. Theo *Tiểu thuyết thứ bảy* (1935); tạp chí *Đông Nam Á*, số 16 (1950); và *Phổ thông*, số 3 (1952).
2. Theo *Bách khoa*, số 382 (1972).

X

TRUYỆN VUI TƯƠI DÍ DỎM*

189. CHÀNG NGỐC HỌC KHÔN

Ngày xưa, ở một làng nọ có anh chàng Ngốc bố mẹ mất sớm. Ngày bố mẹ anh còn sống có cưới cho anh một người vợ và để lại cho hai vợ chồng một ngôi nhà, một đám vườn và vài sào ruộng. Nhưng thấy Ngốc

* Chúng tôi có lựa vào đây một số trên mười truyện cùng các dị bản của chúng. Những truyện này kể ra về nội dung cũng có thể sắp xếp vào loại *truyện khôi hài* hay *hoạt kê* như đã phân loại trong phần nghiên cứu ở tập I. Tuy nhiên, về hình thức, chúng lại khó phân biệt với truyện cổ tích. Chúng là những truyện thường kết cấu chặt chẽ, có đầu có đuôi, hơn nữa, nói chung, thường mang tính mục đích: mỗi truyện có ý nghĩa nhất định; cũng không phải là những truyện có tính cách tập hợp từng mẩu, mỗi mẩu thường mang một ý nghĩa, hợp thành một chùm truyện như loại truyện Trạng Quỳnh, truyện Ông Ó, v.v..., cũng không phải là những truyện có kết thúc nửa chừng khi nụ cười hay ý nghĩa câu chuyện đã tới điểm nút như phần nhiều các truyện tiếu lâm, ngụ ngôn, v.v... Tất nhiên, trong những truyện kể ở đây, cái không khí vui tươi dí dỏm thường được thay vào cái không khí nghiêm trang của phần đông các truyện cổ tích, chẳng khác gì một số truyện đã kể ở các tập trước, như *Thầy hít* (số 40), *Dì phải thằng chết trôi, tôi phải đôi sấu sành* (số 53), *Nói dối như Cuội* (số 60), *Chàng ngốc được kiện* (số 108) v.v... Những truyện như vậy không phải là hiếm hoi trong kho tàng truyện cổ tích của các dân tộc. Có điều, nếu ở cổ tích, sự dắt dẫn của các tình tiết có làm bật ra tiếng cười thì đấy cũng là những tiếng cười nhẹ nhàng lành mạnh, không hoặc ít mang cái chất tục tĩu, thô bạo như phần nhiều truyện tiếu lâm. Chúng tôi tập hợp chúng vào mục cuối cùng này để bạn đọc có thể thấy nghệ thuật truyện cổ tích (và cả thần thoại) nói chung không phải không hề biết đến cái vui tươi dí dỏm, hơn nữa, để có điều kiện so sánh và phân biệt ranh giới giữa một số truyện cổ tích với truyện khôi hài (cũng như với các loại truyện khác) vốn không phải lúc nào cũng tách bạch dễ dàng.

đần độn, vợ anh có ý định bỏ anh đi lấy người khác. Cho nên, sau khi bố mẹ chồng nối nhau qua đời, vợ Ngốc cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ hơn một năm trời không trở lại. Giữa lúc ấy có một thầy khóa góa vợ, thấy vợ Ngốc coi được thì muốn lấy tranh. Bố mẹ vợ Ngốc vốn ham của và ham chức vị nên hối hả nhận lời. Bèn bảo chàng rể mới cứ chuẩn bị lễ vật rồi làm lễ cưới bừa, dù Ngốc có biết cũng không hơi sức đâu mà kiện tụng, vả chăng anh em họ hàng nhà Ngốc chẳng còn có ai để mà bày vẽ. Về phía Ngốc, tuy bị vợ bỏ, nhưng anh cũng không biết làm thế nào để khuyên dỗ vợ trở lại với mình, cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện thưa kiện, vì đối với anh, việc đó to lớn rắc rối quá, y như chim chích lạc vào rừng vậy.

Lật đật mà ngày cưới của đôi bên đã đến. Ngốc ta tuy biết, nhưng vì chẳng có ai bày mưu tính kế, nên anh cũng cứ để mặc. Mãi đến trước ngày cưới một hôm, một người đàn bà xóm giềng thương hại Ngốc, bèn đến báo tin:

- Này anh kia, anh sắp mất vợ đến nơi rồi. Chỉ nội nhật ngày kia là chúng nó làm lễ cưới đấy. Anh có biết gì không?

- Có biết, Ngốc đáp.

- Thế tại sao anh không làm cách gì để trị cho chúng một mẻ?

- Tôi có biết cách gì đâu, làm thế nào bây giờ?

- Không biết thì phải đi học khôn với người ta chứ!

*

* *

Qua ngày mai, chàng Ngốc dậy sớm quyết định đi học khôn một phen như lời bà láng giềng khuyên bảo. Anh cứ thẳng đường đi mãi. Khi mặt trời đã lên cao, anh vẫn chưa có dịp học được cái gì, vì mọi người còn bận công việc làm ăn của họ. Qua một bãi cỏ rộng, anh thấy một lũ trẻ chăn trâu đang chơi đùa vui vẻ. Anh sán lại gần, bỗng nghe một đứa nói: - "*Thênh thênh ngồi đám cỏ xanh hơn ngồi chiếu hoa*". Ngốc ta thấy câu nói hay hay, liền lẩm nhẩm học thuộc lòng.

Anh lại đi thêm một đoạn đường dài. Đến một bờ ruộng, anh thấy có một người đang lom khom bắt chuột. Người ấy hì hục đào lỗ, đặt hom, rồi đốt một nắm rạ, quạt khói vào hang. Bỗng có một con chuột

từ trong hang thò đầu ra khỏi lỗ sắp chui vào hom, nhưng thấy bóng người, lại thụt trở vào. Người kia giơ ngón tay chỉ và nói: - "*Thập thò, thập thò, lo chẳng chết!*". Ngốc ta thấy câu nói hay hay lại lẩm nhẩm học thuộc.

Bỏ người bắt chuột, chàng Ngốc lại tiếp tục cuộc hành trình. Qua một cánh đồng khác, anh nhìn thấy có hai người lực điền tát nước, đang ngồi nghỉ dưới gốc cây, hút thuốc. Người này bảo người kia: -"*Thượng điền tích thủy, hạ điền khan*"[1]. Ngốc ta cho là câu nói hay, lại lẩm nhẩm học thuộc.

Bấy giờ trời đã trưa, anh lại đi thêm một đoạn đường nữa. Trước mặt anh là dòng sông nước chảy xiết. Giữa sông, anh nhìn thấy có một cái bè gỗ đang xuôi dòng. Một ông lão mà anh gặp đứng ở trên đồi nhìn xuống cái bè, rồi bỗng chốc thốt lên một câu: -"*Đại mộc lưu giang bất đắc hồi cố*"[2]. Ngốc ta cho là câu nói hay quá, lại lẩm nhẩm học thuộc.

Buổi chiều, trên đường về, anh đi qua một hàng cơm. Có hai người từ trong cửa hàng bước ra, mặt đỏ gay, đang chuyện trò với nhau rôm rả. Sau đó một lát, họ từ giã nhau, người này nói với người kia: - "*Thôi, cơm no rượu say, tôi xin vô phép, mai ta lên quan sớm*". Ngốc ta lại học thuộc lòng câu này. Cho như thế là đã đủ, và đi bộ suốt ngày đã mệt, bụng lại đói, chàng Ngốc bèn trở về nhà thổi cơm ăn, rồi lên giường nằm nhẩm lại những câu vừa học. Đoạn ngủ quên lúc nào không biết.

Ngày hôm sau, chàng Ngốc ăn mặc chỉnh tề đi sang nhà bố mẹ vợ. Khi đến nơi đã thấy khách khứa tấp nập, cỗ bàn bày la liệt, hai họ đang chia nhau ngồi vào tiệc. Ngốc ta chẳng nói chẳng rằng bước vào cổng. Một người nhà chạy vào loan báo cho bố mẹ vợ Ngốc và chàng rể mới biết là chàng rể cũ tự nhiên không mời mà đến. Mọi người cười ồ tỏ ý khinh thường, nhưng cũng bảo người nhà ra mời Ngốc vào xem hắn ta định làm gì cho biết. Họ ngạc nhiên thấy Ngốc ung dung ngồi phịch xuống một đám cỏ trước sân, vừa ngồi vừa nói câu nói thứ nhất học được ngày hôm qua:

- Thênh thênh ngồi đám cỏ xanh hơn ngồi chiếu hoa.

---

1. Câu này nghĩa là: ruộng trên ứ nước, ruộng dưới khô.
2. Câu này nghĩa là: cây gỗ lớn trôi ở sông không thể quay trở lại.

Cho rằng lời nói đó có ngụ ý thách thức, nhiều người từ chỗ coi thường Ngốc chuyển sang lo lắng. Họ bèn đứng lố nhố ở cửa nhìn ra để dò thái độ. Ngốc đang ngồi, nhìn thấy họ, sực nhớ tới câu thứ hai đã học được, liền chỉ ngón tay vào nhà mà nói:

- Thập thò, thập thò, lo chẳng chết!

Từ lo lắng, mọi người chuyển sang sợ sệt khi cảm thấy trong câu nói thứ hai của Ngốc không phải chỉ là sự thách thức mà còn có ý đe dọa. Thầy khóa hết đứng lại ngồi, rấm rứt như sắp có tai vạ. Hắn bảo bố vợ: -"Thằng này không phải ngốc nghếch như bố tưởng. Con cho rằng nó đang có âm mưu gì đây". Nhưng người bố vợ thì vẫn coi thường Ngốc, đáp: - "Con đừng lo. Nó ù lì như một hòn đá. Bố dám đoan với con rằng nó chẳng có phá đám gì đâu!".

Tuy nhiên, ông cũng ra lệnh cho mời chàng Ngốc vào nhà, nhưng chỉ đưa anh vào ngồi ở những mâm phía dưới dành cho kẻ hầu người hạ. Đó là hạng cỗ xoàng đã không có nem, mọc, giò, chả, lại cũng không có rượu. Họ thấy Ngốc ta vui vẻ bước vào ngồi lên chiếu. Và sẵn đói bụng, anh cầm đũa bát ăn rất ngon lành. Bố vợ bảo nhỏ chàng rể mới: - "Con thấy không. Thậm chí nó cũng không biết nhục. Bố nói có sai đâu mà". Nhưng đang ăn, Ngốc ta cũng không quên câu nói thứ ba đã học được, nên anh ngừng lại, mỉm cười nói:

- Thượng điền tích thủy, hạ điền khan.

Nghe câu đòi rượu uống một cách rất văn hoa, thầy khóa sợ xanh cả mắt. Hắn bụng bảo dạ: -"Nó nói được những câu như thế thì nhất định nó không chịu để mất vợ đâu, chỉ tại lão già khuyên dỗ, một hai nói nó chẳng biết gì. Thực ra nó đâu có ngốc như người ta tưởng. Việc này rồi sẽ lôi thôi to. Cái bằng khóa sinh không khéo bị lột mất, vì ta đã phạm đến danh giáo".

Nghĩ vậy, hắn biết là dại, liền hầm hầm làm mặt giận, bỏ ra về. Thấy chàng rể mới toan bỏ dở cuộc, bố vợ chạy ra cố sức níu hắn lại, bảo: - "Con cứ nghe bố ngồi lại mà dự cho xong đám cưới. Nó là thằng ngốc, nó nói gì thì nó cũng không thể làm được gì sất". Những người khác cũng chạy ra giữ thầy khóa ở lại. Trong khi kẻ lôi người kéo ngoài sân thì ở trong nhà người ta bưng rượu đến cho Ngốc. Cầm chén rượu, Ngốc ta sực nhớ tới câu thứ tư, anh nói ngay:

- Đại mộc lưu giang bất đắc hồi cố!

Thầy khóa đang chần chừ, nửa muốn về nửa muốn ở lại, chợt nghe câu nói ấy, liền bước thẳng ra cổng không ngoái cổ lại, vừa đi vừa lẩm bẩm: -"Nó "chửi chữ" mình đấy! Thế mà ông lão cứ một hai bảo nó ngốc đặc". Thấy Ngốc ăn nói khôn ngoan khác trước, người bố vợ lúc này mới chột dạ, sai người ra tiếp Ngốc tử tế. Sau khi uống mấy chén rượu mặt đã đỏ gay, chàng Ngốc đặt đũa đứng dậy ra về. Đến sân, anh còn ngoảnh lại nói nốt câu nói cuối cùng:

- Thôi, cơm no rượu say, tôi xin vô phép. Mai ta lên quan sớm!

Cả nhà nghe câu nói dõng dạc bao nhiêu hồn vía đều lên mây. -"Thằng này nó dọa đi kiện đây! Chắc đã có đứa nào làm thầy cho nó. Đành phải bảo con gái trở về với nó, không thì oan gia". Tuy nghĩ vậy, bố vợ Ngốc vẫn chưa tin là Ngốc đã có thể biết đường kiện cáo, bèn cho tên người nhà là Kềnh chạy sang nhà Ngốc rình xem Ngốc làm gì để biết mà lo liệu.

*

* *

Chàng Ngốc từ nhà bố mẹ vợ trở về đánh một giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, thấy trong người ngứa ngáy khó chịu, liền cởi áo xoay trần bắt rận. Giữa lúc đó Kềnh đã lén tới trèo lên một cây ổi ở góc vườn, nhìn vào cửa sổ để nghe ngóng. Hắn chỉ thấy Ngốc quay lưng về phía mình, người đang cúi xuống trước một vật gì trăng trắng. Kềnh bụng bảo dạ: -"Có lẽ hắn đang viết đơn kiện". Trong lòng hồi hộp, Kềnh nín thở lắng tai nghe. Lúc này, Ngốc ta bắt được hai con rận lớn, bèn reo lên:

- A! Thằng Đực và con Cái! Phải giết[1] chúng mày mới được!

Kềnh giật thót mình. Hắn lo sợ đến tái mặt. Vì Đực và Cái chính là tên vợ chồng lão chủ nhà hắn. Hắn nói thầm: -"Như vậy là hắn đã viết tên ông bà chủ mình vào đơn".

Kế đó, Kềnh lại nghe tiếng Ngốc nói:

- Lại thằng Béo, giết.

Béo là tên thầy khóa. Kềnh vẫn cố lắng tai nghe. Tiếng của Ngốc lại vọng ra:

- Lại con Lớn, giết.

1. Tiếng "giết", có một số địa phương phát âm nghe dễ lẫn với tiếng "viết".

Lớn là tên vợ Ngốc. Kềnh vẫn lắng tai. Lại có tiếng của Ngốc:

- À! Thằng Kềnh! Giết, giết.

Kềnh sửng sốt: -"Không ngờ hắn viết cả tên mình vào đơn. Thật là tai vạ". Bèn tụt xuống đất rồi chạy vào nhà van lạy, nước mắt giàn giụa:

- Thưa ông, ông tha cho con. Việc gả bán là ở ông bà chủ của con và thầy khóa cả. Phận con là đầy tớ, có biết gì đâu. Xin ông sinh phúc tha cho, đừng viết tên con vào đơn! Ngốc nói:

- Vậy thì, mày hãy về bảo với ông bà phải trả vợ cho tao.

Nghe nói, Kềnh ba chân bốn cẳng chạy về. Đến nhà, hắn vừa thở hổn hển vừa kể lại mọi việc. Mẹ vợ Ngốc bảo chồng:

- Thôi ông ạ! Vô phúc đáo tụng đình! Bảo con chịu khó trở về với nó đi thôi. Trả lễ lại cho thầy khóa! Đừng để của trong nhà tự dưng vô cố đội nón ra đi![1].

KHẢO DỊ

Về chỗ những câu Ngốc học được, người Nghệ-an và Quảng-bình có kể khác đi, ví dụ thay cho câu: "Thênh thênh ngồi đám cỏ xanh hơn ngồi chiếu hoa" bằng câu: "Tọa non xanh xem bằng giường ngọc", hay "Tọa thảo mao hình như tịch thượng"[2]. Lại một câu khác Ngốc học được của một người thốt ra khi thấy có con diều xuất hiện, các con chim khác bay tán loạn: "Nhất điểu vãng, vạn điểu phi" (hay là "nhất điểu lai, vạn điểu kinh"[3]). Câu này được Ngốc ứng dụng vào lúc chàng rể và một số người khác bỏ ra về.

Nhiều dân tộc anh em cũng có truyện tương tự, chỉ khác chi tiết. Sau đây là truyện của người Mèo:

Một chàng Ngốc đi ở, lấy được con gái phú ông. Phú ông một hôm tìm cách cho chàng rể đi buôn xa để gả con gái cho người khác. Bèn giao cho rể ba trăm đồng với một cái "lẩu" dặn buôn khi nào bạc đầy "lẩu" hãy về. Ngốc đi với mấy người lái buôn và mỗi lần nghe được câu nào hay thì nhẩm lấy thuộc lòng lại lấy tiền ra thưởng. Khi hết tiền vốn, tuy mới học được năm câu, nhưng Ngốc cũng về.

---

1. Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ*, số 5 (1940) đã dẫn; và theo lời kể của người Hà-tĩnh.
2. Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Khương, sách đã dẫn.
3. Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Khương, sách đã dẫn.

Khi về đến nhà phú ông thì người ta đang tổ chức đám cưới linh đình. Một người mách cho anh biết phú ông sắp gả vợ cho kẻ khác. Ngốc vẫn thản nhiên nói câu nói thứ nhất học được:

- Khó thì khó, ta cũng chỉ đi có một lần.

Nghe nói, phú ông mời Ngốc lên nhà dọn cơm cho ăn nhưng mâm chỉ có một bát cơm nguội, một bát canh suông. Ngốc nói câu thứ hai:

- Cái ao này sâu thì sâu thật, nhưng không có cá.

Nghe nói, phú ông sai người dọn thêm rượu thịt cho anh. Thấy Ngốc ăn nói sâu sắc, phú ông và mọi người nấp quanh nhìn xem thái độ thế nào. Ngốc lại nói câu thứ ba:

- Ruồi nhặng bám đầy quanh, thối quá!

Họ tưởng Ngốc nhiếc họ nên tản ra. Chỉ có vợ Ngốc mặc áo quần cưới đến gặp. Ngốc lại nói câu thứ tư:

- Cây hoa tươi cành lá sum suê đẹp thật, nhưng mục ruỗng từ lâu.

Nghe nói, vợ Ngốc ngồi khóc, trách bố làm hại. Ngốc ăn xong đứng dậy ra về không quên nói câu cuối cùng:

- Dân không tài làm gì cũng khó. Quan có tài làm gì cũng dễ, sướng nhất chỉ có làm bạn với nhà quan.

Phú ông tưởng Ngốc đi kiện quan nên lật đật gọi Ngốc trả lại vợ[1].

1. Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn, sách đã dẫn.

190. PHIÊU LƯU CỦA ANH CHÀNG NGỐC HAY LÀ LÀM THEO VỢ DẶN

Ngày xưa có một anh chàng ngốc nghếch đần độn. Từ ngày có vợ, vợ anh thấy chồng ăn không ngồi rồi ngày này sang tháng khác, thì không được vui lòng. Cho nên một hôm, nàng thủ thỉ:

- Ngồi ăn núi lở. Anh phải đi làm một nghề gì nuôi thân, nếu không thì khó mà ăn ở với nhau được lâu dài.

Ngốc ta đáp: - "Tôi chữ nghĩa đã không có, đi cày thì dở, làm thợ thì dốt, biết làm nghề gì đây?". - "Đi buôn vậy!" - người vợ trả lời. - "Tôi sẽ đưa tiền cho anh để anh đi buôn". - "Buôn gì?". - "Cái gì có lãi thì buôn. *Đầu thì buôn vịt buôn gà, sau thì buôn gỗ làm nhà cũng nên*".

Mấy hôm sau Ngốc ta cầm tiền ra đi. Nhớ tới câu dặn của vợ, nên anh có ý đi buôn vịt. Qua một thôi đường, anh nhìn thấy có một bầy vịt độ một chục con đang kiếm ăn trên mặt đầm. Không biết đó là vịt trời, anh quyết tâm đi tìm chủ bầy vịt để hỏi mua. Gặp một đám trẻ chăn trâu đang chơi trên bờ đầm, anh ghé lại hỏi: - "Vịt của ai đó?". Bọn chúng hỏi lại: - "Ông hỏi làm gì?" - "Ta muốn mua buôn". Thấy có người hỏi trớ trêu, bọn chúng đáp liều: - "Vịt ấy là của chúng tôi. Nếu ông mua được cả, chúng tôi bán rẻ mỗi con năm tiền, mười con vị chi là năm quan". Nghe chúng cho biết giá rẻ, Ngốc ta không ngại ngần gì nữa ngồi xuống xỉa tiền ra trả. Biết là gặp phải anh ngốc, bọn chúng nhận lấy tiền, chia nhau, rồi bảo anh: - "Đó, bầy vịt bây giờ là của ông. Ông ngồi đây mà canh, đến chiều lại lùa chúng về". Đoạn chúng mỗi đứa cưỡi trâu đi một ngả.

Ngốc ta ngồi lại bờ đầm canh chừng vịt. Chưa quá trưa, anh định lội xuống nước để lùa vịt về thì bầy vịt nhác thấy bóng người, bay vụt lên trời một chốc mất biến. Ngốc ta tưng hửng, đành trở về kể lại với vợ. Vợ tiếc của mắng cho chồng một trận nên thân rồi bảo:

- Đó là vịt trời giống hệt vịt nhà, nhưng nó biết bay. Sau này trước khi mua muốn biết vịt biết bay hay không, anh cứ giơ gậy lên dứ vào chúng là biết ngay!

Mấy ngày sau chàng Ngốc lại cầm tiền ra đi. Đến chợ thấy có người bán ba con lợn con. Lợn được thả trong một cái rặc quây thành vòng tròn, bờ thành không cao lắm. Anh sà vào hỏi mua. Nhớ lại lời vợ dặn, nên trước khi trả tiền, anh giơ gậy lên dứ vào mấy con lợn. Mấy con lợn thấy vậy sợ quá nhảy tót ra ngoài rặc, rồi chạy vào bụi mất cả. Người hàng lợn bèn nắm lấy áo anh bắt vạ. Có bao nhiêu tiền vốn mang đi, anh phải lấy ra đền. Xót của, anh mếu máo về kể chuyện lại cho vợ nghe. Vợ lắc đầu:

- Khốn nạn! Mấy con lợn thì làm gì biết bay mà phải dứ. Anh cứ mua đưa về đàng hoàng chả phải thử làm gì mất công.

Ít ngày sau anh lại mang tiền đi. Lần này anh mua được một gánh nồi đất. Nhớ lời vợ dặn anh cứ gánh nồi đi nghênh ngang giữa đường. Người đi đường gặp anh đều phải tránh xuống ruộng. Không ngờ hôm ấy có một bầy trâu đến mấy chục con được chủ lùa đi ăn. Đường hẹp, trâu không biết tránh nên va vào gánh nồi của anh vỡ gần hết. Anh về kể lại với vợ. Vợ bảo:

- Chết nỗi. Nồi là vật dễ vỡ, gặp trâu bò hay con vật nào khác thì ta phải tránh đi lối khác, hoặc chờ cho chúng đi qua sẽ gánh về cũng không muộn.

Ít lâu sau nữa, anh lại đi buôn. Lần này anh mua được một gánh vôi đá mới nung. Gánh về dọc đường anh thấy có một con chuột chết nằm chính giữa mặt đường. Nhớ lời vợ dặn, anh lẩm bẩm: - "Chà chà, có con vật này nằm cản đường ta phải tránh nó mới được!". Nghĩ vậy anh không dám bước qua con chuột, bèn lội xuống ruộng nước để tránh. Nhưng không ngờ nước ở đấy hơi sâu, vôi đá chạm phải nước tự nhiên sôi lên ầm ầm, anh hoảng quá vứt cả gánh mà chạy. Về nhà anh khóc lóc kể lại cho vợ hay. Người vợ giẫm chân kêu trời, đoạn bảo anh:

- Quả là không ai ngu ngốc bằng anh. Thôi bây giờ tiền trong nhà chẳng còn một đồng để buôn với bán nữa rồi. Ngày mai anh tìm cách gì kiếm lấy ít quan mà tiêu.

*

* *

Hôm khác, Ngốc ta bỏ nghề buôn, quyết định làm nghề ăn trộm. Chờ tối đến, anh lẻn vào nhà một người nọ trong lúc họ còn ngủ say. Cuối cùng anh cũng lần mò lục tìm được một số tiền. Nhân trong nhà đèn chưa tắt, anh đưa đến gần để đếm và nhờ tinh mắt anh phân biệt được mấy đồng "xoèng"[1]. Anh liền tìm đến chỗ chủ nhà ngủ, lay họ dậy và nói:

- Dậy! Dậy mà đổi tiền xấu!

Chủ nhà đang ngủ ngon giấc sực tỉnh, thấy trong nhà có kẻ lạ mặt bèn hô hoán lên: -"Bắt, bắt lấy nó!". Ngốc ta hoảng hồn bỏ cả tiền mà chạy, may thoát được. Về được đến nhà, anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo:

- Trời ôi! còn đổi mấy chác mà làm gì. Thôi mai đi kiếm ít gạo về ăn, nhà chẳng còn hột nào nữa.

Tối hôm sau Ngốc ta lại đi ăn trộm. Anh cũng đào ngạch vào được nhà nọ một cách dễ dàng. Nhớ lời vợ dặn nên anh không chú ý đến những cái khác mà chỉ đi tìm gạo. Nhưng những chỗ mà anh sờ soạng đều chứa thóc là thóc, chẳng có hạt gạo nào. Sẵn có cối xay gần đó, anh bèn đổ thóc vào xay. Tiếng xay lúa ầm ầm làm cho nhà chủ tỉnh dậy. Khi họ xông tới toan bắt, anh may mắn lại chạy thoát. Về kể lại với vợ, vợ kêu lên: - "Ngốc ơi là ngốc! Thôi mai thì thấy gì lấy nấy, cứ đưa về đây, chẳng cần phân biệt gì nữa".

Tối hôm sau, Ngốc lại lọt vào một nhà khác. Anh vừa vào đến sân đã thấy nhiều thứ đồ đạc nhắm chừng có thể lấy được. - "Hừ, vợ ta dặn có gì lấy nấy chẳng cần phải đào ngạch vào nhà làm gì cho mất công". Nghĩ vậy anh nhặt nhạnh đủ thứ chất một gánh nặng quảy về nhà. Vợ thắp đèn lên xem thì hóa ra toàn là chổi cùn, rế rách, đòn ghế, gỗ vụn, cào tre, cuốc gãy, lại có cả một nồi nước giải. Vợ chắt lưỡi hồi lâu rồi bảo chồng:

1. *Xoèng*: tiếng cổ lưu hành ở Nghệ - Tĩnh chỉ loại tiền có pha đồng đỏ, theo thị trường ngày xưa là kém giá trị. Có câu thơ "*Tiền đồng trăm trự (chữ), sáu mươi xoèng*".

- Thôi! Mai đừng đi ăn trộm nữa mà có ngày chết oan. Anh cứ chịu nhục làm nghề ăn xin, may ra được miếng gì bỏ vào miệng nuôi lấy tấm thân là được rồi.

*

*   *

Mấy hôm sau, anh nghe lời vợ làm nghề nghiệp mới. Gặp một ông quan ăn mặc sang trọng đang đi dạo anh bước đến ngửa tay xin ăn. Nhưng vừa mở miệng nói mấy câu học được: -"Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại...", thì có hai tên lính theo hầu quan đã bước tới quất roi vào đít. Để khỏi ăn thêm đòn, anh ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Về kể lại với vợ, vợ bảo anh:

- Đó là ông quan, đừng có đụng đến mà chết. Đi xin thì tìm chỗ đông người, không xin được người này thì còn người khác thế nào cũng được ăn.

Hôm sau anh đi xin gặp một đám ma. Nhớ lời vợ dặn anh sà vào chỗ đông người đang xúm xít khóc than ở sau linh cữu rồi ngửa tay xin hết người này đến người khác. Nhưng anh đã chẳng được gì mà lại còn bị mắng chửi đuổi đánh. Anh về kể lại với vợ. Vợ bảo:

- Đó là đám ma, anh cứ đi theo "ô hô" ít câu là sẽ được người ta cho ăn.

Ít hôm sau, anh ra đi lại gặp một đám đông người khác. Không biết là đám rước dâu, anh làm theo lời vợ dặn, đuổi theo đám đông vừa đi vừa bụm mặt nấc lên mấy tiếng "ô hô!". Những người trong đám rước dâu cho là anh cố ý làm cho họ xui xẻo, liền hò nhau đánh đập tới tấp. Bị đòn đau, nhưng anh cũng cố giật ra được chạy về. Sau khi kể cho vợ nghe, vợ bảo:

- Đó là đám cưới. Anh chỉ cần đi theo nói mấy câu "tốt đôi, tốt đôi" là có ăn rồi.

Ít hôm sau anh lại đi. Gặp một đám đông người đang chữa cháy. Nhớ lời vợ dặn anh đến gần, mồm nói lia lịa: "Tốt đôi! Tốt đôi!". Thiên hạ cho anh là thủ phạm đốt nhà vì "tốt đôi", nói lái là "tôi đốt", liền bắt anh trói lại nện cho một trận, lại định giải lên quan. Anh phải vất vả lắm mới lạy lục xin thả cho về. Về nhà anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo:

- Đó là đám cháy. Thấy vậy anh cứ múc nước dội vào rồi người ta sẽ thưởng công cho.

Mấy hôm sau anh lại đi. Gặp mấy người thợ rèn đang hì hục đập trên đe một thanh sắt nung đỏ. Anh bèn múc một vò nước đến dội vào sắt, vào bễ lửa nhà thợ rèn. Thấy chuyện trớ trêu, cả mấy người thợ quăng búa xúm lại giã cho một trận nhừ đòn rồi mới cho về. Về nhà anh mếu máo kể cho vợ hay. Vợ bảo:

- Đó là những người thợ rèn sắt. Anh cứ xông vào quai búa với họ là họ sẽ cho ăn.

Ít lâu sau nữa anh lại đi. Lần này Ngốc cũng tìm đến một đám đông người. Thấy có mấy người đánh nhau, chẳng nói chẳng rằng anh hùng hổ xông vào giơ tay thụi người này, co cẳng đá người nọ. Mấy người đánh nhau tuy đang la hét giận dữ, nhưng thấy một người lạ vô cớ đánh đá mình, bèn bỏ đánh nhau, quây lại thụi cho anh những quả bằng trời giáng. Anh đau điếng chạy về kể lại với vợ. Vợ bảo:

- Đó là đám đánh nhau. Anh hãy can người ta ra miệng nói "dĩ hòa vi quý", không khéo được người ta rủ rê chè chén cũng nên.

Ít lâu sau anh lại đi, gặp một đám đông người khác. Thì ra họ đang xem hai con trâu húc nhau chí tử. Ngốc ta nhớ lời vợ dặn, chạy vào cố sức vỗ về can hai con vật, miệng nói: - "Thôi thôi dĩ hòa vi quý, đừng báng nhau nữa". Nhưng không may cho anh, trong lúc đổi thế, một con đã húc nhầm vào người anh làm anh thủng bụng chết.

Thế là hết đời anh chàng ngốc[1].

KHẢO DỊ

Một số người khác ở Quảng-bình kể đoạn cuối của truyện này là không phải Ngốc gặp hai con trâu húc nhau mà là hai con hổ cắn nhau. Anh cũng nhớ lời vợ dặn, xông vào can ra, cuối cùng bị hổ ăn thịt.

Nguyễn Văn Ngọc có truyện kể *Tù lì tám tiền*, gần như là một dị bản của truyện trên, nhưng ở đây không có việc Ngốc đi buôn và đi ăn trộm:

1. Theo lời kể của người Quảng-bình, Nghệ-an, Hà-tĩnh.

Một chàng Ngốc thấy vợ ở cữ thì thương, luôn luôn đến bên giường hỏi vợ ăn gì để mua. Hỏi mãi, vợ bực mình, đáp: - "Ăn gì? Ăn cái con tù lì". Kiếm được tám tiền Ngốc liền ra đi. Đến chợ hỏi khắp nhưng chẳng ai bán tù lì cả. Đi nhiều nơi không tìm ra, trở về, mệt quá, thấy sông bèn cởi khố xuống tắm. Tắm xong bước lên, thì khố đã bị mất. Bèn cứ trần truồng đi tìm khố. Từ đây diễn biến gần giống với truyện trên. Gặp đám ma thấy có ngọn cờ, Ngốc ta tưởng là khố của mình bèn đến đòi. Tang gia cho là láo xược bèn đánh cho một trận. Ngốc bỏ chạy về kể lại với vợ. Vợ thương hại, bảo: - "Phải chi anh vào "ô hô" mấy tiếng sẽ được người ta mời mọc". Hôm sau Ngốc lại đi mua tù lì, gặp một đám rước dâu. Nhớ lời vợ dặn bèn đến "ô hô" ba tiếng. Lại bị đánh. Về, vợ bảo: - "Phải chi mang trầu cau đến mừng "tốt đôi" thì sẽ được mời ăn cỗ". Hôm sau cũng gặp một đám cháy nhà, bèn kiếm cơi trầu đến mừng tốt đôi. Chủ nhà tưởng nói "tốt đôi" là "tôi đốt", bèn đánh, định trói đưa lên quan. Về, vợ bảo: - "Phải chi lấy cuốc cào giúp người thì sẽ được ăn". Hôm sau gặp đám đánh nhau, Ngốc sẵn cuốc, cuốc vào cả hai người, lại bị đánh. Về, vợ bảo: - "Nếu gặp đám đánh nhau thì nên lánh cho xa kẻo mang họa". Hôm sau gặp hai chim cu chọi nhau, Ngốc chạy ù một mạch về nhà. Vợ nghe kể lại, bảo: - "Hoài của. Phải chi bắt về làm thịt đánh chén". Ngốc tiếc, đi tìm chim, lạc lối lên rừng, thấy hổ mẹ đang giỡn với hổ con, bèn đến toan bắt, may có bọn thợ săn cứu khỏi hổ vồ (có người kể là Ngốc bị hổ ăn thịt). Ngốc lại đi tìm mua tù lì, gặp một người bán mèo không ai mua nên xách về. Thấy Ngốc chạy theo hỏi mãi bán con gì, người kia bực mình đáp: "Bán cái con tù lì". Thế là Ngốc đưa cả tám tiền để mua cho được. Dọc đường về gặp ao bèo lại xuống tắm. Sợ mất khố như lần trước, nhưng lại không biết để đâu cho khỏi mất, bèn buộc khố vào mèo. Tắm xong lên bờ chẳng thấy "tù lì" lẫn khố. Lại chạy, gặp ai cũng hỏi: "Tù lì của tôi". Chạy theo bờ sông một quãng, Ngốc nhìn xuống thấy bóng của tù lì dưới nước, toan nhảy xuống bắt. Nhờ một em bé cho biết là con vật còn ở trên cây cùng với cái khố. Anh mừng quá trèo lên, đưa về. Đến nhà reo lên là đã mua được tù lì. Vợ bật cười. Từ đó người ta cũng gọi con mèo là con tù lì (hay cũng gọi là đù đì)[1].

Chúng tôi cho rằng người kể vô tình hay hữu ý đã ghép cả hai truyện: *Tù lì tám tiền* và *Phiêu lưu của anh chàng Ngốc* (phần sau) lại làm một.

Truyện *Phiêu lưu của anh chàng Ngốc* cũng có dị bản ở một số dân tộc mặc dầu hình ảnh trong mỗi dị bản có những biến thái khác nhau.

1. Theo *Truyện cổ nước Nam*, A. Người ta; đã dẫn.

Truyện của Miến-điện (Myanmar):

Một thằng Ngốc nghe lời mẹ vào rừng đi kiếm thức ăn. Hắn bắt được một con chim mắc bẫy. Ngốc ta bảo chim: -"Nào cho mày bay đến chỗ mẹ tao để cho bà ấy làm thịt mày chốc nữa về tao ăn". Nói rồi thả cho chim bay đi. Khi hắn về nhà không thấy chim mới kể chuyện cho mẹ nghe. Mẹ hắn bảo: - "Đồ ngốc, phải dùng dao giết chết rồi mang về chứ". Hôm khác Ngốc lại vào rừng kiếm thức ăn, thấy một đám nấm mọc dưới gốc cây. Ngốc ta dùng dao băm tiệt rồi vơ về. Mẹ trông thấy bảo: - "Mày là đồ ngốc làm nát hết nấm còn ăn với uống gì. Lần sau phải nhớ nhổ cả rễ đưa về nhé!". Hôm khác thấy một tổ ong, Ngốc kêu lên: - "Ta có mật ăn rồi!". Sực nhớ lời mẹ dặn, hắn định nhổ cả cây có tổ ong. Nhưng vừa lay mấy cái đã bị ong xông ra đốt cho sưng vù mặt mũi. Đau quá, Ngốc kêu ầm ĩ rồi bỏ chạy về nhà. - "Mày là đồ ngốc, - mẹ hắn bảo - con phải lấy lửa đốt để khói hun cho chúng bay đi mới lấy được". Lần khác Ngốc gặp một nhà sư: - "Nhất định ông sẽ bắt được!". Bèn rón rén đi đến sau lưng, châm lửa đốt cháy áo cà sa. Nhà sư bị nóng lăn lóc mấy vòng trên cỏ. Ngốc cứ chạy theo châm nữa. Cuối cùng hắn bị nhà sư và những người đi đường đánh cho một trận nên thân. Khi gặp mẹ, Ngốc kể lại, mẹ Ngốc bảo: - "Mày là đồ ngốc. Thấy mặc áo cà sa thì biết đó là nhà sư, phải quỳ xuống mà vái chào chứ". Lần sau Ngốc lên rừng gặp một con hổ. Thấy bộ lông vàng, hắn cho là nhà sư, bèn quỳ xuống vái chào, hổ liền vồ lấy ăn thịt[1].

Người Miến-điện (Myanmar) còn có một dị bản nữa nhan đề là *Bốn chàng ngốc*, xem **Khảo dị** truyện *Rủ nhau đi kiếm mật ong* (số **196**).

Truyện Trung-quốc:

Một chàng ngốc có một người bố cũng vào loại ngớ ngẩn. Bố có một con lừa, một hôm con hỏi bố: - "Lừa ấp ra đấy phải không?" - "Phải", bố đáp - "Vậy cho con con lừa ấy để bố cho ấp con khác". - "Không được, tao cho một quả trứng lừa về mà ấp". Bèn đưa cho con một quả dưa. Con đưa về ấp ngày ấp đêm chẳng thấy gì cả, bèn ném dưa vỡ tan. Thấy trong quả dưa có ruột đỏ hắn kêu lên: - "À, nó đã bắt đầu có máu rồi, nếu ta ấp thêm vài ngày nữa thì hẳn thành con". Hắn bèn đến xin bố một trứng lừa khác. Ấp mãi không được, ngốc lại ném đi. Không ngờ ném đúng vào chỗ có con thỏ nấp. Thỏ từ chỗ nấp vụt chạy ra. Thấy thế, hắn nói: - "À đúng rồi nó đã nở thành con, đã có tai dài". Bèn đuổi theo. Thỏ chui vào một cái lỗ. Hắn lấy khăn bọc trên miệng

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*.

lỗ rồi đứng rình. Được một chốc, thỏ chạy vụt ra mang cả khăn đi mất. Từ đây truyện xích gần với truyện của ta. Hắn đuổi theo thỏ, đến một làng đang có đám ma, dừng lại hỏi mấy người đưa ma: - "Các người có thấy một con lừa đội miếng vải trắng trên đầu không?" Họ tưởng hắn hỏi có ý châm chọc, bèn đánh cho một trận. Về nhà hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lẽ con khóc lên ba tiếng, rồi nói, tôi sẽ có văn điếu mang đến". Hôm sau hắn lại đi tìm, gặp một đám cưới, bèn làm theo lời bố, bị họ đánh nhừ tử. Lại về hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lý con phải nói xin chúc mừng, xin chúc mừng". Hôm sau lại đi gặp một đám cháy, bèn làm theo lời bố, lại bị họ đánh cho. Lại về hỏi bố, bố bảo: - "Đó là đám cháy, phải kêu to lên và tưới nước cho tắt". Hôm sau lại đi, gặp thợ rèn đang rèn sắt, bèn kêu cháy và giội nước vào cho tắt, cũng bị thợ rèn đánh cho. Về hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lý phải nói: "Nào ta đánh nào", rồi cầm búa đánh với họ". Hôm sau lại đi gặp đám dân làng đánh nhau, hắn làm theo lời bố, bị họ nện cho một trận. Về hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lý con phải can ra và nói: Thôi thôi, tôi can hai người". Hôm cuối cùng lại đi và gặp hai con bò húc nhau, hắn làm theo lời bố, bị chúng húc chết[1].

Truyện Pháp: *Pi-e, anh chàng ngốc*:

Một hôm Pi-e được mẹ sai mang hạt đi đến xưởng xay bột thuê. Vì sợ con nhầm nên bà mẹ dặn nhớ thu lại cho đủ: "Hãy bảo chủ cối xay rằng: "một cúp (chỉ số ít cám lấy ra khi xay) mỗi xơ-chê". Đi dọc đường vì sợ quên nên hắn lắp bắp mãi câu này. Không ngờ khi qua cánh đồng, lúc này nông dân ở đây đang tria hạt; nghe Pi-e nói mãi câu ấy họ cho là điềm xấu, bèn lên đường mắng cho một trận. Pi-e về hỏi mẹ vì sao lại như vậy. Mẹ bảo: - "Đáng lý khi đi qua những người tria lúa thì con phải nói: Chúc cho được đầy xe".

Anh lại lắp bắp học câu ấy trong khi đi đường. Qua một chỗ có một đám ma, những người đi đưa đám nghe Pi-e chúc thế thì chửi lại anh. Pi-e lại về hỏi mẹ. Mẹ bảo: - "Đáng lý con phải nói: Chúc cho Chúa mang hồn của nó đi!". Hôm sau Pi-e lại lắp bắp câu ấy. Bấy giờ có một con chó sói tha một con cừu, người chăn cừu đang đuổi theo chó sói, nghe Pi-e nói thế thì tức quá bèn xuỵt chó cho cắn anh. Pi-e lại về hỏi mẹ. Mẹ bảo: - "Đáng lý phải nói câu: Để đó, không phải của mày". Lần khác, Pi-e gặp một đám cưới. Chàng rể nghe anh nói câu ấy thì nổi giận bèn đánh đuổi. Pi-e ba chân bốn cẳng bỏ chạy.

1. Theo Vi-ê-jê (Wiéger): *Sách sơ yếu* (bạch thoại): Truyện kể.

Ngày khác Pi-e lại được mẹ sai mang hạt đi xay. Dọc đường thấy gió thổi, anh mở túi hạt ném cho gió, bảo gió chuyển hộ đến cối xay. Khi đến nơi anh hỏi chủ cối xay xem đã xay xong chưa - "Chẳng có ai mang hạt đến cả", chủ cối xay đáp. Khi về hỏi mẹ, bà mẹ đáp: -"Đồ ngốc, con phải mang nó ở sau lưng chú gió có làm hộ cho ai đâu". Lần khác được mẹ sai đem một con lợn ở chợ về. Nhớ lời mẹ dặn, Pi-e mang con lợn lên lưng cầm hai chân trước của lợn lên vai đến nỗi bị lợn nhấm cho tai chảy máu vẫn không thả. Về nhà bà mẹ bảo: - "Sao con không buộc dây vào cổ lợn mà dắt có hơn không?". Lần nữa được mẹ sai đi đến nhà người bà con lấy cái bình sành về muối thịt. Pi-e buộc dây vào cổ bình kéo về, đến nhà nhìn lại đầu dây chẳng còn gì nữa. Bà mẹ mắng: - "Sao con không thọc gậy vào bình rồi cầm lấy đầu gậy kia vác lên vai". Lần sau khi phải mang một khối bơ đặc, Pi-e thọc gậy vào giữa rồi vác gậy lên vai. Về đến nhà thì bơ đã chảy hết, chẳng còn một chút gì. Bà mẹ bảo: - "Mày thật là ngốc. Sao không đựng vào một cái gì cho im mát mà đưa về". Lần cuối cùng mẹ bảo anh đi mua năm cây kim đan. Pi-e đi sau một cái xe chở rơm - "Lần này thì không thể mất đi đâu được". Nghĩ vậy, hắn cắm tất cả kim vào đống rơm. Lúc về anh lục tìm trong đống rơm mãi không thấy. Bà mẹ hỏi: - "Sao con không mua được cái kim nào?". Pi-e đáp: - "Con đã cho vào một chỗ im mát, không thể chảy như bơ hôm nọ được"[1].

Xem thêm **Khảo dị** truyện số **196**.

1. Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). *Truyện dân gian miền Ô-véc-nhơ.*

191. THỊT GÀ THUỐC CHỒNG

Xưa, có hai vợ chồng nhà nọ lấy nhau lâu ngày. Người vợ bỗng sinh trắc nết, dan díu với một chàng trai. Hai bên say mê nhau và điều ước muốn của người đàn bà là làm sao cho chồng sớm chết để mình được tự do đi lại với tình nhân. Hàng ngày người đàn bà ấy sửa lễ ra đền khấn vái cầu thần hóa phép cho chồng chết đi, sẽ xin hậu tạ. Việc ngoại tình của người vợ cuối cùng cũng đến tai người chồng. Hắn đã rình rập đôi ba phen nhưng chưa kết quả. Thấy vợ lui tới đền thờ thần luôn thì hắn sinh mối ngờ vực, bèn một hôm lẻn đến trước, nấp ở sau pho tượng. Khi nghe lọt những lời khấn khứa của vợ, hắn bỗng mỉm cười, rồi nhân thể đổi giọng giả làm lời thần nói vọng xuống, đủ lọt vào tai vợ:

- Về mổ một con gà mái ghẹ, bỏ vào một nắm hoài sơn, nấu lên cho ăn thì nhất định nó phải chết.

Vợ tưởng là lời thần phán thật, bèn trở về làm như lời dặn. Buổi chiều hôm ấy sau khi một mình chén cả con gà, chồng giả cách lên giường nằm vật vã. Vợ chắc mẩm thuốc bắt đầu ngấm, mừng thầm trong bụng, làm bộ hầu hạ săn sóc. Khi thấy chồng quằn quại thì lấy chiếu đắp lại, rồi lập tức chạy đến báo cho tình nhân hay và rủ lại nhà mình để kịp thời tính liệu.

Vốn đã có chủ ý, nên sau một hồi làm bộ mê mệt, chồng bỗng nhỏm dậy giục vợ nấu cho mình một nồi nước.

- Nấu nước để làm gì? - Vợ hỏi.

- Tôi nghe trong bụng cồn cào như đứt từng khúc ruột, chắc là không qua được. Muốn tắm một cái cho sạch để đợi giờ chết.

Vợ tin là thật, bỏ đi nấu nước, trong khi đó thì tình nhân của nàng lẻn tới kín đáo chui vào một cái chum đậy nắp ở trên. Dĩ nhiên việc đó không qua mắt được người chồng.

Nước nấu xong, chờ khi vợ ra giếng gánh nước lã về pha, chồng bèn trở dậy bưng nồi nước sôi đổ ụp vào chum. Người kia chết không kịp ngáp. Lúc vợ gánh nước về, chồng khoát tay bảo rằng:

- Không cần tắm nữa. Bây giờ thì tôi nóng ruột quá, muốn chạy đi đâu cho khuây khỏa.

Nói đoạn bỏ đi mất. Vợ đang lo lắng vì tình nhân còn nấp trong nhà, nay thấy chồng bỏ đi thì mừng quýnh; chờ chồng đi khuất, vội chạy đến chum. Vừa giở nắp đã thấy tình nhân trồi đầu lên, vội nói:

- Ôi! Vui sướng chi mà anh lại cười! Đi cho mau kẻo nó về thì khốn.

Nhưng đến khi nhìn kỹ thì mới biết hắn ta đã chết nhăn răng từ bao giờ.

Trước cái xác chết, người đàn bà đâm ra bàng hoàng lo lắng. Bụng bảo dạ: - "Phải làm thế nào cho mất tích, nếu không thì khó lòng giữ được cái đầu trên cổ". Đang lo nẫu ruột thì một mưu kế chợt đến. Xóm giềng có mụ Hoa chuyên nghề nấu rượu. Đầu hồi nhà mụ có một dãy chum chứa hèm để bán cho người nuôi lợn. -"Phải rồi, chỉ cần làm sao đưa cái xác lọt qua hàng rào nhà mụ bỏ vào chum là ổn". Nghĩ vậy, chờ đêm tối, người đàn bà bắt tay làm ngay. Nhà mụ Hoa rào giậu đổ nát nên chị ta làm việc đó một cách êm thấm.

Sáng hôm sau, mụ Hoa như lệ thường, mang hèm rượu vừa nấu mẻ tối qua đổ vào chum. Mụ bỗng toáng đảm khi thấy có cái xác chết ngồi gọn ở trong. Mụ toan la lên một tiếng, nhưng đã biết kịp thời ghìm lại. - "Chết thật! đứa nào đây hại ta. Vô phúc có đứa nào biết thì cả cái cơ nghiệp này chỉ còn có nước khấn vào mồm quan nha lính tráng mà thôi. Mà thôi con gái ta vốn nổi tiếng "đa mưu túc trí", phải nhờ nó lo cho mới được!". Nghĩ vậy, mụ bèn gọi con gái vào buồng. Hai mẹ con thầm thì to nhỏ. Chỉ một chốc sau đã thấy hai người lăng xăng mang áo quần lụa là vải vóc và nhiều đồ quý giá khác phơi đầy một sân. Có người hỏi, mụ nói: - "Tư trang của con gái tôi đấy".

*

* *

Gần xã vốn có hai bợm quanh năm làm nghề đào tường khoét vách. Đi qua quán rượu của mụ Hoa, chúng nhìn mọi thứ phơi phóng thì hoa cả mắt. Đứa nọ bảo đứa kia: - "Toàn hàng quý!... Biết bao nhiêu là

tiền... Không ngờ mụ chủ quán lại lắm của thế". - "Còn đợi gì mà không làm một mẻ".

Thế là đêm lại, hai bợm đã cắt được vách chui vào nhà. Chúng không phải mất nhiều công tìm tòi, vì cái hòm áo quần tư trang lại đặt nghênh ngang giữa nhà, hình như mẹ con nhà chủ quán sau khi phơi phóng tư trang chỉ mới kịp xếp cất, chưa gác được lên chạn. Hai bợm ta thấy không còn cơ hội nào tốt hơn, bèn cứ thế len lén khiêng ra cổng, đi thẳng một mạch.

Nhưng khiêng được về đến nhà, nạy hòm ra thì hai bợm giật nảy mình khi thoáng nhìn thấy cái xác. - "Thảo nào mà nặng như vậy, tao tưởng phải có vài trăm quan là ít", một đứa nói: - "Đúng là chúng mình mắc hợm với mẹ con nhà chủ quán", đứa kia tiếp: - "Phải cho mẹ con chúng nó biết tay mới được!". - "Nhưng dù sao thì cũng phải lo tiêu hủy cái của nợ này đi đã".

Cuối cùng chờ tối đến, hai đứa đành phải khiêng xác đi chôn, miệng không ngớt lầm bầm chửi rủa mẹ con mụ Hoa.

*

*   *

Chừng một tuần sau, một hôm cô gái con mụ Hoa đi chợ, đến một quãng vắng thì hai tên bợm ở trong bụi nhảy xổ ra:

- Mẹ con nhà mày vừa chơi chúng tao một vố. Khá lắm. Bây giờ thì chúng tao xử tội mày. Có bao nhiêu hoa hột vòng xuyến và tiền nong phải bỏ ra ngay đi!

- Xin hai anh tha cho em.

Cô gái hoảng sợ chắp hai tay cầu khẩn. Nhưng rồi sau phút bối rối, cô cũng biết tương kế tựu kế:

- Muốn lấy tiền, xin hai anh đưa em đến chỗ có tàu ô cập bến mà bán sẽ được vô khối là tiền. Chú còn đi chợ, em có mang bao nhiêu đâu mà lấy cho bõ.

Thấy đứa con gái bàn có lý, hai bợm bèn xoay lại ý định: "- Thôi được! Hãy đi với chúng tao. Nhưng nếu bỏ chạy thì chớ chết". Nói rồi cả ba cùng nhau ra đi. Sắp đến bến, cô bảo chúng dừng lại và nói:

- Tàu ô trước mặt đó. Hai anh đứng lại đây, đợi tôi xuống ăn giá đâu vào đấy rồi hãy xuống nhận tiền. Đàn ông không mua bán quen, chúng nó bóp chẹt chẳng được bao nhiêu.

Hai bợm nghĩ rằng trước mặt là sông rộng nếu nó có chạy đi đâu cũng không thể trốn nổi nên nghe lời ngồi lại đợi. Gặp chủ tàu ô, cô gái nói:

- Này ông chủ, tôi có hai tên nô người miền núi, có sức khỏe lại giỏi thức khuya, muốn thức mấy đêm cũng được. Ông chủ mà dùng chúng vào việc canh gác thì tuyệt. Chúng hầu hạ tôi đã lâu, vì cần tiền nên tôi bán rẻ cả hai đứa chỉ lấy mười lạng bạc.

Chủ tàu nghe nói có món hàng hời thì ưng ra mặt, giục đưa xuống để mua. Cô gái chỉ lên bờ nói:

- Kìa, ông trông hai đứa đang đứng ở đấy. Chúng là người miền núi rất sợ nước, nên tôi không dám đưa xuống đây, vì hễ thấy nước là chúng trốn. Nếu ông ngã giá xong thì cứ giao tiền cho tôi, đoạn cho người thình lình bắt hai đứa trói lại, chớ để chúng chạy. Sau đó đưa xuống hầm tàu, bao giờ nhổ neo mới lại cởi trói cho chúng, bắt chúng làm việc.

Chủ tàu ô nghe bùi tai bèn làm theo lời. Cô gái lên bờ bảo hai bợm rằng mình đã ăn giá xong, hãy xuống tàu mà nhận tiền. Nhưng chưa kịp nhận, chúng đã bị bọn thủy thủ bắt trói giật cánh khuỷu, nhét giẻ vào mồm và ném xuống hầm tàu. Cô gái thừa dịp lỉnh mất.

Đợi cho đến lúc nhổ neo, chủ tàu ô cho mở trói, hai bợm mới được tự do, và việc đầu tiên của chúng là nhảy ùm xuống sông bơi đại vào bờ. Lão chủ tàu tiếc của, cho thủy thủ quay tàu vào rồi lên bờ đuổi theo. Nhưng bọn chúng lạ nước lạ cái, làm sao có thể đuổi bắt được hai tên bợm vốn đã am hiểu đường ngang ngõ tắt, nên cuối cùng đành nuốt hận trở về.

Mặc dầu trốn thoát, tối hôm đó hai bợm phải trèo lên một cây to ẩn náu. Không ngờ chính trên ngọn cao của cây cổ thụ ấy, cô con gái mụ chủ quán rượu cũng vì tối trời không về được nên đã tìm lên ẩn nấp từ trước. Một trong hai đứa trèo lên ngọn thì gặp cô ả. Thấy nó, cô gái tươi cười đon đả:

- Ồ, anh cũng đã về được đấy ư? Em tin chắc thế nào hai anh cũng thoát được quân tàn bạo ấy, để một ngày nào đó em sẽ được cùng anh kết duyên...

- Thật không? Có thật là nàng sẽ thuận lấy ta không?

- Thật chứ. Nhưng anh phải xa lánh anh kia và bỏ cái nghề làm ăn nguy hiểm này thì em mới lấy.

- Vậy thì thử thề đi ta xem.

- Thề cũng được thôi. Nhưng thề "cá trê chui ống". Chỉ có thể thè lưỡi liếm nhau là cách hứa hẹn chắc chắn hơn cả.

Nhưng khi bợm ta vừa ghé sát mặt cô gái, thè lưỡi định liếm thì cô đã cắn cho hắn một cái rất mạnh. Chót lưỡi đứt, hắn đau quá ngã lộn cổ xuống đất. Bợm kia còn ở dưới cành thấp chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, tưởng trên ngọn có vị thần linh nào làm cho thằng bạn của mình hộc máu ngã xuống, nên cũng vội vàng tụt xuống khỏi cây rồi ba chân bốn cẳng chạy mất[1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta đã được biên soạn thành vở tuồng đồ nhan đề là *Giáp Kén - xã Nhộng:*

Có xã Nhộng dan díu với vợ giáp Kén, nhưng đoạn đầu không có câu chuyện cầu thần và làm thịt gà để thuốc chồng. Nhộng lập kế bắt Kén lên rừng đốn gỗ về sửa đình để có cơ hội đi lại với vợ hắn. Đoán biết âm mưu, Kén làm bộ ra đi, nhưng đến khuya, lại trở về giữa lúc Nhộng đang ở trong buồng nhà Kén. Vợ Kén bảo Nhộng ngồi vào một cái chum như truyện trên. Kén về nói rằng lên rừng thiêng quên tắm rửa, sợ thần phạt nên quay về tắm cái đã, xong lại đi. Từ đây trở đi giống như các tình tiết của truyện cổ tích, Kén bảo vợ nấu cho mình một nồi nước sôi. Khi vợ ra sông gánh nước lã để pha vào cho nguội mà tắm, thì Kén cho Nhộng về chầu ông vải với nồi nước dội vào chum, rồi khi vợ về, hắn nói mình đã tắm xong rồi và ra đi. Vợ Kén cũng mở nắp chum tìm Nhộng rồi bật kêu lên: - "Trời ơi! Vui sướng chi mà cậu còn cười".

1. Theo lời kể của người miền Nam.

Và khi biết Nhộng đã chết, hắn cũng hối hả lăn cái chum qua nhà Tú Nương chuyên nghề nấu rượu để lẫn vào dãy chum nhà mụ; cũng có việc vợ Tú Nương phát hiện ra cái xác và sau đó cùng con gái là Tuyết Nương lập kế phơi thật nhiều áo quần để câu lòng tham của bọn trộm. Cũng có hai tên bợm - tên là Cao Phi và Viễn Tẩu (vì thế cũng có người gọi vở tuồng này là *Cao Phi – Viễn Tẩu*) lẻn vào khiêng hòm đi, trong đó có cái xác. Lại cũng có chuyện hai bợm bắt gặp Tuyết Nương, nhưng ở đây thì đòi giết chết nếu không chịu chuộc một trăm bạc. Tuyết Nương cũng lừa được chúng đi cùng mình đến chỗ tàu ô và Cao Phi, Viễn Tẩu bị thủy thủ trói khi dắt nhau xuống tàu nhận tiền. Nhưng hai bợm đã gạt được chủ tàu cởi trói cho chúng để nhảy xuống sông thoát. Cũng có chuyện gặp Tuyết Nương trên cây và Viễn Tẩu bị cắn đứt lưỡi. Nói chung, các tình tiết đều như truyện vừa kể, trừ một màn cuối cùng mà ở truyện cổ tích không có là hai bợm lại tìm đến nhà Tuyết Nương báo thù. Đến nơi, vợ Tú Nương chỉ cho một cái hang dùng để nấu rượu, bảo con gái mình ở dưới đó. Nhưng khi hai bợm lần xuống thì hai mẹ con chất củi kín cửa hang rồi nổi lửa đốt chết.

Truyện của ta trên kia giống hệt với truyện của người Khơ-me (Khmer) *Mưu đàn bà*, ngoại trừ một vài tình tiết cá biệt. Đại thể, sau khi người chồng đổ cả nồi nước sôi vào vại trong đó tình nhân của vợ ẩn trốn, thì hắn bảo vợ không cần tắm nữa, cũng không nói rõ lý do. Đến lượt người vợ thấy tình nhân đã chết, muốn làm phi tang cái xác, bèn thương lượng với bốn tên trộm - 4 chứ không phải 2 - để chúng khiêng cái vại đi, ngỡ rằng đó là một vại vàng. Khi biết mình bị lừa, chúng nổi giận, thề báo thù. Chúng không đón đường mà tình cờ bắt gặp nàng đang buôn hàng trên một chiếc tàu của người Trung-quốc. Thấy thế nguy, nàng xin lỗi chúng và hứa chia cho chúng một số tiền mà nàng bảo là chủ tàu mắc nợ mình. Gặp lại chủ tàu ở chỗ khác, nàng thương lượng với y, nhờ y mua giúp cho mình bốn tên nô lệ khó tính. Chủ tàu bằng lòng mua và cả bốn bợm đều bị bắt trói giữ lại trong khoang giữa khi nàng cầm tiền ra đi. Đoạn cuối cũng giống truyện của ta. Xem tiếp ở **Khảo dị** truyện *Kẻ trộm dạy học trò* (số **83**, tập **III**).

Đồng bào Thái có truyện *Ăn mề gà mù mắt*, cũng là một dị bản gần gũi của các truyện trên:

Một anh chàng nọ biết vợ ngoại tình, một hôm bảo vợ: -"Từ hôm tôi ăn cái mề gà, con mắt tự nhiên sinh ra mờ, có lẽ mù mất!". Rồi từ đấy trở đi, chồng giả cách ngày một trở nên thong manh, còn vợ thì cố ý mua gà để có mề cho chồng ăn, tin rằng chồng ngày một mù lòa thật.

Một hôm, vợ táo bạo đưa trai vào nhà. Chồng đang ngủ, biết chuyện bèn ngồi dậy. Cũng như truyện của ta, thằng trai sợ bị lộ, trốn trong một cái chum. Chồng bảo vợ: - "Từ hôm bị mù đến nay không tắm được, mình nấu hộ cho tôi nồi nước". Vợ nấu sôi xong, bỏ đi nương, còn chồng thì đổ nồi nước vào chum rồi lên giường nằm ngủ. Khi người vợ về, thấy tình nhân của mình nhô đầu lên khỏi chum lại nhe răng tưởng là cười với mình bèn nói nhỏ: - "Thấp xuống kẻo "*người tấy sẽ tha*" (tức là nói lái: người ta sẽ thấy). Chồng nói: - "Tôi đã nằm rồi còn bảo thấp gì nữa". Khi người vợ biết là tình nhân đã chết, vội bế đi bỏ vào một chuồng gà nhà khác trong lúc người ta vắng nhà. Tối đến, đàn gà nhà này lên chuồng nhác thấy có bóng người thì sợ không dám vào. Chủ nhà lấy làm lạ, nhìn vào thấy cái xác, tưởng là trộm rình bắt gà, bèn gọi cả nhà đến đánh cho một mẻ cho đến khi cái xác ngã ra, tưởng là mình quá tay. Người này lại đem bỏ vào chuồng dê của một nhà khác. Thấy đàn dê chiều về không chịu vào chuồng, chủ nhà đến xem, thấy cái xác tưởng có tên trộm dê ngồi rình trong góc, bèn cũng gọi người nhà xúm lại đánh nhừ tử. Rồi khi xác ngã xuống, lại cũng tưởng là mình quá tay, bèn nghĩ cách tống khứ cái xác đi. Sáng hôm sau hắn đưa cái "ban" (một thứ bồ dùng đựng vải và của quý) ra phơi để lộ vải lụa và của quý. Như truyện của ta, cũng có hai tên trộm tối đến lẻn vào thấy cái "ban" để giữa nhà bèn đặt lên vai khiêng đi. Dọc đường, một đứa thò tay vào khoắng thấy có xác người liền bỏ chạy, vừa chạy vừa kêu: - "Có người". Đứa nọ tưởng đâu có người đuổi đằng sau thật, đeo cả "ban" mà chạy lỏn vào rừng. Cho đến khi biết là có xác chết vội vứt "ban" vào bụi[1].

Giống với truyện trên, có truyện của người Ti-rôn (Tirols) phía Bắc nước Ý (Italia):

Một người đàn bà trong bụng muốn chồng trở thành mù để được tự do đi lại với trai. Một hôm vợ bảo chồng rằng mình sẽ đi xưng tội. Chồng làm bộ nghiêm trang bảo vợ nên tìm đến một ông thầy giỏi khoa bói toán sống trong một hốc cây "sên" nọ, ông thầy này thường không cho ai thấy mặt, nhưng việc gì cũng biết. Vợ tìm đến cây "sên", không biết rằng chồng đã đến trước ngồi nấp ở trong. Vợ đứng ngoài chõ miệng vào nói lên ý muốn của mình. Chồng ngồi trong bảo: - "Cứ mỗi ngày cho ăn một con gà thì sẽ mù dần mà chẳng ai ngờ cả". Trở về, vợ cho chồng biết là thầy bói bảo từ nay phải ăn ở tốt, phải chăm sóc chồng, cho chồng ăn mỗi ngày một gà. Bèn nói sao làm vậy. Chồng giả cách làm ra vẻ mỗi ngày một mù lòa. Và khi tin rằng chồng đã mù thật,

1. Theo lời kể của người Yên-bái.

vợ bạo dạn gọi nhân tình đến hú hí tại nhà, nhưng liền bị người chồng chộp được giết chết.

Các truyện trên có lẽ bắt nguồn từ một truyện của Ấn-độ trong *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra):*

Một người vợ mang lễ vật đến ngôi đền một nữ thần xin bày cho cách làm cho chồng trở nên mù. Không ngờ chồng lúc ấy lại nấp đằng sau pho tượng, bèn nói vọng xuống, bảo hàng ngày phải cho chồng ăn bánh ngọt và kẹo thì sẽ hiệu nghiệm, sau đó chồng dần dần làm ra vẻ bị mù thật và bằng cách đó hắn có dịp đánh lão nhân tình của vợ đến chết.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có một dị bản khác gần như là đoạn đầu của truyện kể trên kia:

Một người vợ muốn bỏ chồng để lấy người khác. Một hôm chồng bận đi đào củ từ trong rừng, nghỉ trưa tại một ngôi đền. Đúng vào lúc ấy, vợ mang lễ đến cầu thần làm cho chồng chết. Chồng bèn nấp sau tượng thần nói chõ xuống bảo mua loại gà đang ấp trứng cho ăn thì chồng sẽ chết. Vợ làm theo. Chồng ăn xong giả cách bệnh nặng, vợ đưa nhân tình vào nhà, và chồng có cơ hội đánh chết[1].

Một truyện của Ả-rập (Arabie) cũng là dị bản của các truyện trên, nhưng có nhiều nét độc đáo hơn:

Ở Ai-cập có một anh nông dân lấy một chị vợ đẹp, vợ thì hay chê chồng và đi lại với một chàng trai. Ngày ngày chồng phải đi chăn bò, vợ chỉ cung cấp như thường lệ hai tấm bánh khô và sữa chua, trong khi đó ở nhà, vợ đón trai đến làm thịt thỏ rán bơ cho ăn. Một hôm, có một thằng bé đến xin người chồng cho mình đi theo giúp đỡ để kiếm miếng ăn. Nó có một con mèo nhỏ tinh khôn thường bỏ vào túi áo mang theo. Chồng bằng lòng cho. Một lần thằng bé về nhà sớm, trèo ghế nhìn qua cửa sổ thấy người vợ chủ đang mổ gà rán bơ rồi bày thành một đĩa ngon lành. Bèn ra gọi chủ về. Chủ về bảo vợ mang thức ăn, vợ lại đưa bánh khô và sữa chua như thường lệ rồi bỏ đi. Thằng bé bấm con mèo, mèo kêu. - "Nó nói gì thế?", chủ hỏi. - "Nó bảo có thịt gà ở chỗ nọ, tội gì mà ăn bánh". Anh nông dân bèn vào đúng chỗ mèo chỉ lấy gà ra chén, rồi đi. Khi người tình nhân đến, thấy không có gà bèn đánh người đàn bà.

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.

Hôm sau, người đàn bà đi chợ mua một con gà mái tây cũng rán bơ bỏ vào hộp cất đi. Thằng bé cũng về rình và gọi chủ về, vợ cũng chỉ dọn bánh khô và sữa chua, con mèo lại bị bấm để chỉ chỗ có món ăn ngon, và sự việc cũng diễn lại như hôm qua.

Một hôm khác, đứa bé vào một nhà nọ mượn cái áo và con lừa, cải trang đóng bộ một người bán thuốc. Lại lấy trứng làm thành các loại bột đựng vào hộp và cưỡi lừa đi rao bán: có các loại độc dược uống chết trong một giờ, một ngày, hai ngày, vân vân. Vợ ông chủ tưởng thật, chạy ra hỏi: - "Có thuốc độc nào chết ngay trong một phút không?". - "Có". - "Cho tôi mua". Thằng bé đưa hộp bột lòng trắng trứng và dặn: "Mổ một con gà mái béo rán bơ rồi rắc bột này lên. Ai ăn phải, hễ nghe y nói: "A! Bụng tôi", thì tìm sắt hơ nóng mà dí vào gót, nếu thấy y không nói gì cả, thế là đã chết". Bán xong, thằng bé trả áo và lừa cho người, rồi ra đồng kể lại mọi việc vừa qua cho chủ nghe. Chủ về nhà. Lần này vợ dọn gà tây rán cho chồng ăn. Ăn vừa xong, chủ và tớ cùng nằm xuống sau khi nói mấy tiếng: -"A! Bụng tôi". Vợ chủ lấy sắt nóng dí vào gót không thấy nhúc nhích, liền đi gọi tình nhân đến bảo mình đã đầu độc xong. Hai người cùng vào ngồi ăn và đùa giỡn. Người nông dân vùng dậy giết chết cả hai[1].

Về chỗ xác chết bị chuyển từ nơi này đến chỗ nọ, trong *Nghìn lẻ một đêm* có truyện *Thằng Còm:*

Có hai vợ chồng một người thợ may. Một hôm chồng đang may áo thấy có thằng Còm đến ở góc phố đánh trống và hát, bèn gọi vào để nó hát cho vợ nghe. Vào thì cơm đã dọn lỡ, bèn mời Còm cùng ngồi ăn. Nhưng Còm không may mắc xương, chữa mấy cũng không được. Sợ quá, nhằm lúc hoàng hôn, hai vợ chồng khiêng xác Còm đến nhà thầy thuốc đặt đầu cầu thang, cho một em bé đưa bạc để lễ thầy, nhờ thầy xuống coi mạch, rồi bỏ chạy. Thầy xuống, vô tình đá phải xác Còm lọt xuống nhà dưới. Cho là vì mình mà con bệnh chết, thầy hoảng sợ bèn cùng vợ đem xác Còm bỏ vào ống khói nhà một người theo đạo Hồi. Khi cất cái ống khói để bắt chuột, người này thấy cái thây đứng sững thì tưởng là trộm chui vào ống khói, bèn đánh vô hồi kỳ trận. Cái xác ngã xuống, y nghĩ rằng mình đã quá tay, bèn chờ lúc nhá nhem, đem xác đặt đứng ở bức tường đầu phố. Vào lúc ấy có một anh chàng say rượu qua đó dừng lại đái, cái xác vô tình ngã xuống đè phải người, hắn ta thuận tay vừa đấm, thoi

1. Theo *Báo châu Á* (1889).

lia lịa vừa kêu "ăn trộm". Lính tuần chạy tới cho anh ta là kẻ giết người. Khi tỉnh rượu, anh không làm sao cãi nổi. Án đưa lên vua, vua ra lệnh xử giảo. Nhưng trước giờ hành quyết, bỗng có một người theo đạo Hồi tới nhận tội. Quan tha cho anh say rượu. Nhưng khi sắp xử tử người theo đạo Hồi thì một ông thầy thuốc lại ở đâu tới nhận tội. Rồi tiếp đến lượt người thợ may đến nhận tội khi đao phủ sắp hành hình ông thầy thuốc. Một cái án mà có nhiều chuyện phức tạp, vua ra lệnh hoãn, cho gọi tất cả đến, bắt mỗi người kể lại câu chuyện lạ. Đến lượt người thợ may kể chuyện, trong đó có nói tới một người thợ cắt tóc, thì vua sai đi gọi người thợ cắt tóc đến. Hắn xem xác Còm, cười, rồi lấy một ít thuốc đổ vào miệng, cuối cùng Còm hắt hơi văng ra một khúc xương cá và sống lại[1].

Xem thêm truyện *Vận khứ hoài sơn năng trí tử, thời lai bạch thủy khả thôi sinh* (số **55**, tập **II**) cũng có một nhân vật nữ đến cầu thầy lang cắt cho một thang thuốc để giết chồng, thầy không muốn mang án giết người, cũng bảo mua chim bồ câu hầm với vị hoài sơn ăn trong nửa tháng sẽ chết. Nhưng ở đây truyện có diễn biến ngược lại, hơn nữa nội dung cũng như kết thúc đều khác với các truyện trên.

1. Theo bản dịch của Ga-lăng (Galland).

192. HÒA THƯỢNG VÀ NGƯỜI THỢ GIÀY

Có một nhà sư tên là Diệu Kế trụ trì ở một ngôi chùa lớn làng Bích-khê. Sư ta vốn ít chữ nhưng được cái sáng dạ, trải qua những ngày cạo đầu cắp níp đi theo các bậc tu hành cũng võ vẽ được ít nhiều kinh kệ. Sống lâu lên lão làng, nhờ chuyên cần gõ mõ tụng kinh, nên chẳng mấy chốc được leo lên hàng sư bác. Từ đó Diệu Kế đã được dân làng vùng này vùng khác đón về thờ Phật cai quản chúng tăng. Qua nhiều lần ăn mày lộc Phật ở rất nhiều chùa, Diệu Kế đã nắm được cái chân lý: cuộc đời tu hành của mình chẳng qua cũng là một cách mưu sinh. Vậy thì tội gì mình theo "năm điều răn" cho mệt xác. Vì vậy, về mặt đức hạnh, Diệu Kế tuy không phải là hạng hổ mang, nhưng cũng chẳng phải thuộc hàng chân tu. Thỉnh thoảng sư ta cũng biết lén lút tìm cách làm vợi bớt những món tiền quyên cúng của thập phương đang ngộn lên ở tráp.

Ở gần chùa có một người thợ giày cũng trạc tuổi và cùng khổ người khổ mặt với Diệu Kế. Hai người dần dần quen nhau rồi trở nên một đôi bạn nối khố. Khi đã tương đắc, người thợ giày thường mang rượu thịt vào tăng phòng vào những lúc vắng vẻ, rồi cả hai đóng cửa lại, chén tạc chén thù. Họ tỉ tê kể cho nhau nghe những câu chuyện vượt ra ngoài mảnh vườn và mái chùa nhà Phật. Được cái người thợ giày am hiểu việc đời, nên Diệu Kế ta rất thích. Mỗi khi thấy ông bạn túng thiếu, Diệu Kế thường phóng tay chu cấp khi năm quan ba quan không biết tiếc.

Tuy nhà sư không bao giờ xao nhãng việc tụng kinh gõ mõ nhưng bọn hào lý trong làng cũng chẳng phải không có kẻ ghét ghen. Họ ngờ rằng về mặt kinh kệ, vốn liếng của sư ông hình như không có bao nhiêu. Hơn thế, mỗi lần nghe sư ông tụng kinh, thấy chỉ ê a suốt buổi, điểm vào những câu lạc lõng, tựa hồ không phải là kinh Phật. Mặc dầu vậy,

họ cũng chả biết gì nhiều về tiếng kinh câu kệ vốn rất khó hiểu, nên chưa có cách nào để tìm cho ra sự thật.

Hồi bấy giờ ở một ngôi chùa phương Nam có một vị hòa thượng nổi tiếng đạo học và đức hạnh. Vị hòa thượng này đã từng tu luyện rất nhiều năm và từng sang đất thánh. Vào lúc này, bậc đại đức ấy được vua ban tước quốc sư, cho phép đi chơi khắp mọi cảnh chùa trong nước. Tuy tuổi già, hòa thượng chuyên ăn chay nằm đất; lại có điều đặc biệt là do thuộc phái "vô ngôn", nên người nhất thiết không nói năng gì với ai, chỉ khi cần lắm mới làm dấu hiệu, hoặc viết ý nghĩ của mình lên mặt giấy.

Nghe tin bậc đại đức này sắp qua làng mình, bọn hào lý Bích-khê bèn sửa soạn một cuộc đón rước trọng thể tại chùa và nhân thể nhờ hòa thượng kiểm tra hộ sư ông Diệu Kế về mặt đạo học. Nếu quả đúng như mối ngờ bấy lâu thì họ sẽ mời sư đi chỗ khác.

Nghe tin này, Diệu Kế rất lo. Cuộc khảo hạch này chắc chắn sẽ làm lòi cái dốt của mình và có thể nếu không bị đuổi thì cũng mất mặt trước thiện nam tín nữ. Than ôi! Còn đâu là những ngày ngồi ung dung hưởng hàng chục mẫu hoa lợi và bao nhiêu tiền của thập phương. Nghĩ vậy, Diệu Kế quyết vắt óc tìm cách để ra khỏi cảnh khó khăn. Sực nhớ tới ông bạn nối khố thường tự xưng là người túc trí đa mưu, Diệu Kế bèn nhắn bạn đến chùa để cùng mình bàn tính. Sau khi nghe thủng câu chuyện, người thợ giày liền an ủi:

- Tưởng gì chứ việc ấy thì để mặc tôi lo liệu. Tôi sẽ thay bạn trả lời tất cả những câu khảo hạch của lão già ấy.

- Nhưng làm sao mà thay được, Diệu Kế hỏi.

- Khó gì. Vì cùng trạc người như bạn, tôi sẽ kín đáo lẻn đến đây đúng vào hôm lão già ấy tới chùa. Chỉ cần bạn đòi bọn hào lý cho được một mình đối diện với lão ấy ở tăng phòng đóng kín cửa, không một người thứ ba nào cùng dự là ổn. Tôi sẽ từ chỗ nấp bước ra sắm vai của bạn. Tôi cam đoan sẽ chu toàn mọi việc. Bạn đừng lo gì cả!

Nghe người thợ giày hiến kế, sư ông Diệu Kế có phần vững tâm. Mấy ngày sau, vị hòa thượng quả nhiên ghé vào chùa theo lời mời của bọn

hào lý, và, gật đầu nhận lời họ về việc khảo hạch sư ông. Khi cửa tăng phòng đã cài then, dưới ánh đèn le lói, người thợ giày đầu mới cạo bóng nhoáng, mình mặc áo cà sa từ bệ bước ra trước mặt hòa thượng để chịu sự thử thách.

Cuộc khảo hạch bắt đầu. Vị đại đức không hề hé răng, chỉ thong thả đưa bàn tay phải sờ lên đầu mình. Thấy vậy, người thợ giày thình lình co cẳng trái đạp mạnh xuống nền tăng phòng một cái "thịch". Tiếp đó vị đại đức ngửa mặt lên trời hồi lâu rồi sờ tay vào nách. Để trả lời, người thợ giày lại quờ cánh tay mình ra đằng sau vả đấm vào lưng mấy cái. Tiếp đó, vị đại đức mỉm cười và giơ ba ngón tay ra trước mặt. Người thợ giày liền trợn mắt cũng giơ bàn tay giăng đủ năm ngón lên trời.

Sau đó, vị đại đức gật gù, không làm dấu hiệu gì nữa bước ra khỏi tăng phòng, trong khi người thợ giày lại trở về chỗ nấp cũ.

*

* *

Trước khi từ giã làng Bích-khê, vị hòa thượng mà tên tuổi được mọi người tôn kính, không quên viết mấy câu vào mảnh giấy trao cho bọn hào lý, nói rõ kết quả cuộc khảo hạch vừa rồi. Đại ý trong giấy viết:

"Từ thôn quê đến thị thành, ta chưa từng thấy có người nào thông hiểu nghĩa lý đạo Phật thâm thúy như sư ông Diệu Kế. Không những sư ông hiểu rõ những dấu hiệu ta đưa ra hỏi, mà còn dùng dấu hiệu để đối đáp với ta, y như những vế biền ngẫu tài tình. Thoạt đầu ta muốn nói: "Luôn luôn trong đầu phải tâm niệm lời dạy của đức Thích Ca" thì sư ông đã trả lời: "Cần phải giẫm xuống dưới chân những cám dỗ của Ma vương". Ta lại muốn nói: "Con hạc cắp dưới cánh lời cầu nguyện mang lên thượng giới". Sư ông trả lời: "Con rùa ghé tấm lưng đội bia đứng trước chùa". Cuối cùng ta giơ ba ngón tay để nói "Tam quy". Sư ông giơ cả bàn tay để đối lại là "Ngũ giới". Đó là điều không phải những kẻ đạo học tầm thường có thể trả lời một cách nhanh gọn được. Sư ông Diệu Kế quả là một ngôi sao trong rừng thiền chúng ta".

Đọc xong, bọn hào lý làng Bích-khê cúi chào vị hòa thượng già, rồi sau đó trở về chùa xin ra mắt sư Diệu Kế. Bọn họ hết lời xin lỗi:

- Chúng tôi quả thật người trần mắt thịt, không biết được đạo học của hòa thượng sâu rộng như biển. Chẳng qua chỉ vì có một vài người xấu thói thêu dệt điều này tiếng nọ vu cho hòa thượng nên buộc làng chúng tôi phải rước bậc đại đức đến chùa để bày cuộc thử thách. Giờ đây tất cả mọi nghi ngờ đều đã tiêu tan. Xin hòa thượng miễn chấp cho lũ ngu độn này.

Sau khi bọn hào lý đã ra về hết, người thợ giày bèn ra khỏi chỗ nấp. Diệu Kế hỏi:

- Bạn hãy mau mau cho biết bạn đã trả lời như thế nào về những câu hỏi của ông già ấy làm cho danh tiếng của tôi bống nổi lên như cồn trước bọn hào lý vậy?

Người thợ giày đáp:

- Có gì đâu. Thoạt đầu lão già ấy chỉ tay lên đầu ý hỏi tôi có biết làm mũ ni hay không? Tôi đạp chân xuống đất để trả lời rằng tôi chỉ biết đóng giày mà thôi. Thế rồi lão lại chỉ vào nách để hỏi tôi có thứ da nào mềm như da nách để thửa một đôi. Tôi chỉ vào lưng để nói rằng dạo này chỉ còn thứ da dày như da ở lưng, nhưng dùng để đóng giày cũng khá bền tốt. Thế rồi ông lão quyết định thửa một đôi nhưng lại mà cả có ba quan. Tôi nhất định không chịu, đòi phải có đủ năm quan mới làm. Thế là ông lão bỏ đi ra, chắc ông lão bủn xỉn chê đắt không thửa [1].

KHẢO DỊ

Một dị bản có tên là *Quan huyện và người thợ giày:*

Xưa có quan huyện mới bổ đến huyện nọ, thường xuống các làng hành hạt. Tính quan hay thơ. Đến một làng hỏi hương chức có ai biết thơ hay câu đối gì thì đối đáp cho vui. Hương chức trả lời: - "Chúng tôi đều dốt nát, may ra hòa thượng trên chùa có thể biết". Quan bèn đi viếng chùa. Hòa thượng bối rối vì không làm thơ bao giờ. Một người thợ giày ở trọ trong chùa lãnh phần làm thơ với quan. Ở đây người thợ giày cũng cải trang làm sư nhưng làm bộ ít nói. Cũng như truyện trên, hai bên đối đáp bằng dấu hiệu: quan vỗ đầu một

1. Theo *Pháp Á tạp chí*.

cái. Người thợ giày đáp lại bằng một cái giậm cẳng. Quan chỉ vào bụng. Người thợ giày vỗ vào đít. Quan giơ năm ngón tay, người thợ giày giơ mười ngón. Quan quày quả ra về tấm tắc khen hòa thượng giỏi thơ. Cai tổng hỏi vì sao hai bên chỉ làm dấu tay dấu chân mà lại biết hay thơ. Quan đáp: - Các ông chưa hiểu, để tôi nói cho nghe: Tôi vỗ đầu ý nói: "Thiên cao đẳng đẳng". Hòa thượng giậm chân nói "Địa hậu trùng trùng". Tôi chỉ bụng là "Chỉ phúc thiên hạ phục". Hòa thượng vỗ đít là "Tọa thượng thái dân an". Tôi đưa năm ngón là "Ngũ bách la hán". Hòa thượng giơ mười ngón là "Thập loại cô hồn".

Sau khi quan về, hòa thượng hỏi anh thợ giày, thợ giày nói: - "Có gì đâu, hồi nãy quan vỗ đầu là hỏi tôi có biết làm nón không. Tôi giậm chân đáp rằng chỉ biết đóng giày thôi; quan chỉ bụng để hỏi da bụng đóng có tốt không, tôi vỗ đít để trả lời: da mông đít đóng tốt hơn. Thế rồi quan trả năm đồng một đôi. Tôi cho quan biết có được mười đồng mới đóng. Quan chê đắt bỏ về"[1].

Một truyện khác, *Trạng Ếch* cũng có nội dung ít nhiều gần gũi:

Xưa có một người câu ếch bắt được con ếch có viên ngọc, anh dùng ngọc chữa khỏi bệnh đau mắt của vua nên được làm quan. Nhờ tài coi chân ếch biết trước trời mưa, anh vâng mệnh vua cầu đảo ứng nghiệm vì vậy được vua phong là trạng, người ta gọi là Trạng Ếch.

Trạng Ếch phụng mệnh đi sứ Trung-quốc. Trong một bữa tiệc, một viên quan Trung-quốc thử tài sứ giả các nước, bèn giơ bốn ngón tay ý muốn ra vế đối: "Tứ di lai tân". Các sứ giả ngơ ngác không hiểu thế nào. Về phần Trạng của ta tưởng y hỏi trên mâm có một đĩa bốn chiếc bánh ăn có hết được không, nên giơ tám ngón tay lên ý nói "tám chiếc như thế ta ăn cũng hết". Viên quan đoán là Trạng đối lại "Bát phương tiến cống", nên tỏ ý khâm phục. Viên quan lại giơ ngón tay trỏ chỉ vào bụng, ý ra vế đối "Hung trung binh giáp". Trong khi các sứ giả kia chưa trả lời, thì Trạng Ếch tưởng viên quan chế mình ăn lắm thì nứt bụng ra, bèn chụm bàn tay lại và giơ lên trời, có ý bảo "bánh nhỏ vừa bằng lòng bàn tay có gì mà đến nứt bụng". Nhưng viên quan Trung-quốc lại ngỡ là Trạng đối "Chưởng thượng kinh luân" nên phục lăn, y bèn vào tâu cho vua biết. Vua Trung-quốc bèn phong Trạng làm "Lưỡng quốc Trạng nguyên"[2].

Người Ả-rập (Arabes) có truyện *Ngôn ngữ của những dấu hiệu* cũng là một dị bản:

1. Theo báo *Tân văn* (1935).

2. Theo Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn, A. Người ta.

Một ông vua một nước Hồi giáo, nghe tin vua Hy-lạp (Grèce) nước láng giềng Thiên chúa giáo chuẩn bị đem quân đến xâm lược, bèn định sai một sứ giả có tài ăn nói đến cầu hòa. Vua hỏi các đại thần xem nên cử ai. Người nào cũng giới thiệu một người mà mình cho là giỏi nhất, trừ một đại thần làm thinh. Vua hỏi người ấy: -"Sao nhà ngươi lại im lặng?". Đáp: - "Vì những người được tiến cử đều không làm nổi việc ấy". - "Theo nhà ngươi thì cử ai?". Đại thần chỉ vào một người nói: - "Đây, người này!". - "Nhà ngươi muốn nhạo ta ư, dám đề cử một người ít miệng lưỡi như thế". - "Với người ấy, tôi đoan rằng có thể làm nổi sứ mệnh". Cuối cùng vua nghe lời.

Vua Hy-lạp khi nghe nói đến tên vị sứ giả, thì bảo riêng người hầu của mình: -"Đó là một vị lớn nhất trong những người đạo Hồi, ta sẽ có cách thử hắn trước khi tiếp". Lúc sứ giả vào, vua chỉ một ngón tay lên trời. Dùng ngón tay của mình, sứ giả chỉ lên trời rồi lại chỉ xuống đất. Vua giơ ngón tay chỉ vào mặt sứ giả, sứ giả giơ hai ngón tay chỉ vào mặt vua. Vua lấy một quả ô-liu ở dưới nệm đưa cho xem, sứ giả móc túi lấy quả trứng đưa ra. Bấy giờ vua làm dấu chữ thập, mời sứ giả ngồi một cách kính nể, rồi mới hỏi mục đích đi sứ và sau đó thương nghị mọi việc chóng vánh với sứ giả. Sau khi sứ giả ra về, đình thần hỏi vua về những dấu hiệu, vua nói: -"Chưa bao giờ ta thấy một người thông minh như thế. Ta chỉ lên trời muốn nói: - "Chúa ở trên các tầng trời". Hắn chỉ xuống đất ý nói: - "Chúa cũng ở đấy nữa". Ta chỉ vào hắn muốn nói: - "Anh không biết mọi người có một nguồn gốc chung là A-đam ư?" Hắn giơ hai ngón là nói: - "Cả A-đam và E-va". Ta lấy ra một quả ô-liu để nói: - "Cái này lạ biết chừng nào!" Hắn đưa ra quả trứng là nói: - "Cái này còn lạ hơn vì nó ra từ một sinh vật". Cho nên ta dừng lại, vì chừng ấy cũng đủ biết là nó thông hiểu".

Còn sứ giả khi về kể chuyện lại cho vua: - "Tôi không thấy có người nào tỏ ra u mê và thô bạo như vua Hy-lạp. Khi tôi đến, ông ta nói: - "Ngón tay ta sẽ chộp anh và bắt anh đi". Tôi trả lời: - "Tôi cũng bắt ông bằng tay tôi và cho ông xuống đất đen". Ông ta lại tiếp: - "Ta móc mắt mày với ngón tay ta". Tôi trả đũa lại: - "Tôi cũng móc mắt ông với hai ngón". Rồi đó ông ta lại nói: - "Ta không có gì cho anh cả trừ quả ô-liu này còn thừa trong bữa ăn của ta". Lập tức tôi đối lại: - "Thế thì tôi còn hơn ông vì tôi thừa một quả trứng trong bữa ăn sáng, vậy tôi xin biếu ông". Thế là ông ta sợ, phải giải quyết công việc cho tôi"[1].

1. Theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập*, quyển I.

Một truyện *Người thợ dệt và sứ thần* cũng có tình tiết đối đáp bằng dấu hiệu, nhưng không thuộc loại dị bản của các truyện trên. Đại thể là:

Xưa có một nước lớn mạnh có ý định xâm lược một nước nhỏ yếu khác bèn sai sứ thần tới. Sứ thần nghênh ngang đi lại giữa sân rồng rồi chẳng nói chẳng rằng lấy một viên phấn trong túi áo ra vẽ một vòng tròn chung quanh ngai vàng, đoạn ngồi đợi trả lời. Vua và các quan kinh ngạc không hiểu thế nào cả. Cuối cùng vua đưa mắt cho tể tướng bảo phải tìm cho được một người tài có thể giải đáp kẻo nhục quốc thể.

Sứ giả nhà vua đi mãi không tìm được một ai có thể trả lời. Cuối cùng họ lọt vào nhà một người thợ dệt thì thấy nhà vắng vẻ, nhưng ở góc hè có một cái nôi trong có đứa bé đang ngủ, đặc biệt là không ai đẩy mà nôi vẫn đưa. Lại thấy có mẻ thóc phơi giữa sân, bên cạnh có một cây lau không gió mà cây động nên gà không dám bén mảng. Sứ giả đoán đây hẳn là nơi ở của một nhân vật lỗi lạc, bèn đi thẳng vào nhà thì thấy một người đang dệt. Hỏi vì sao nôi không người mà vẫn đưa đẩy, cây không gió mà vẫn lay động. Người thợ cho biết đó là do con thoi của mình có dây buộc vào nôi và cây lau nên mới như thế.

Thấy anh ta là người có tài, sứ giả bèn kể cho anh nghe chuyện sứ thần nước lớn đến vẽ vòng như thế nào và ngạo mạn ra sao... rồi ngỏ ý đón anh về kinh để nhờ giải đáp hộ. Người thợ vui lòng ra đi. Trước khi đi, anh nhặt hai cái xương bánh chè súc vật mà trẻ con vẫn dùng để đánh đáo, bỏ vào túi. Ra tới cửa, anh còn chụp một con gà giắt vào lưng. Đến nơi, anh lẳng lặng nhìn viên sứ thần không nói gì, lấy hai cái xương bánh chè ném xuống trước mặt. Thấy thế, sứ thần móc túi lấy một nắm kê vãi ra đất. Người thợ liền thả con gà ra, gà mổ một chốc hết hạt kê. Sứ thần thấy thế lủi thủi ra về. Khi hắn đi khỏi, vua quan đổ xô lại hỏi, người thợ đáp: - "Sứ thần vẽ vòng tròn là có ý nói sẽ mang quân tới vây, để xem ý bên ta thế nào. Tôi ném hai cái xương ý muốn trả lời: so với chúng tôi, quân đội ông chỉ là trẻ con. Thế rồi hắn rắc hạt kê là ý khoe quân của nước hắn đông vô kể. Tôi cho gà mổ là để nói: một người nước ta có thể diệt hàng trăm người của họ. Thế là hắn hiểu ý, chỉ còn có cách rút lui"[1].

Cũng như truyện trên, truyện *Thơ-mênh Chây* của người Khơ-me (Khmer) cũng có đoạn kể Chây đánh đố với sứ thần nước lớn bằng dấu hiệu, nhưng ở đây diễn biến có khác:

1. Theo Tùng Lâm. *Truyện cổ chọn lọc.*

Thơ-mênh Chây, một nhân vật chuyên dùng mưu trí để đả kích và lừa người (như Trạng Quỳnh và Cuội của ta) từng chơi cho vua quan nhiều vố khá đau (có nhiều tình tiết giống tình tiết của truyện *Cuội, Trạng Quỳnh* và *Em bé thông minh...*). Một hôm bị vua sai lính đưa đi giết, Chây lừa lính nhảy xuống nước trốn được. Sau đó, vua Trung-quốc nghe tin Chây chết, cho rằng người thông minh số một của nước láng giềng không còn nữa, bèn sai một sứ bộ gồm bốn nhà thông thái đến, ra những câu đố hiểm hóc với điều kiện: nếu không trả lời được thì phải quy phục. Vua lo sợ cho người đi tìm Chây, may cuối cùng tìm được, bèn đưa về triều. Khi sứ giả và Chây đối diện, sứ giơ một ngón tay chỉ lên trời. Chây chỉ vào mặt trời. Họ chỉ về phía chân trời, Chây chĩa ngón tay lên trời. Họ chỉ xuống đất, Chây lại chỉ vào ngực mình. Sứ giả hỏi: - "Khi chúng tôi chỉ ngón tay lên trời ông hiểu ý nghĩa gì?". Đáp: -"Là hỏi có gì ở trên trời. Còn tôi chỉ vào mặt trời các ông có hiểu ý nghĩa như thế nào không?" - "Là nói có mặt trời và mặt trăng. Thế chúng tôi chỉ về chân trời có nghĩa là gì?". - "Là hỏi ở đấy có gì? Còn tôi đưa ngón tay chĩa lên cao các ông hiểu như thế nào?". - "Là nói có biển và dưới biển có núi Cha-cờ-ra-la-van (phân ranh giới cõi trần theo thuyết nhà Phật). Thế chúng tôi chỉ xuống đất có nghĩa là gì?". - "Là hỏi có gì trên mặt đất. Còn tôi chỉ vào ngực là nghĩa thế nào?". -"Là muốn nói trên đất này chỉ có người với người".

Đến đây hai bên tạm nghỉ. Qua hôm sau, bốn nhà thông thái lại đến triều gặp Chây. Họ vẽ một vòng tròn xuống đất bằng ngón tay. Lập tức Chây giơ cùi chỏ vào phía họ. Tiếp đó, họ xòe bàn tay hướng về phía Chây. Chây nắm chặt tay chỉ chừa lại một ngón. Biết Chây trả lời đúng họ lại trở về thuyền tạm nghỉ. Một vị sư cả hỏi ý nghĩa cuộc đối đáp bằng dấu hiệu vừa rồi, Chây nói : -"Họ vẽ vòng tròn ý nói ta bắt cá bằng vây lưới, tôi giơ cùi chỏ ý nói như thế thì phải có cá to bằng cánh tay. Họ xòe bàn tay ý nói bắt được cá như thế thì phải xẻ làm năm khúc; tôi đưa ra một ngón ý nói mỗi ngày ăn một khúc thì một con phải ăn năm ngày". Nhưng khi các quan đại thần hỏi thì Chây lại đáp: - "Họ vẽ vòng là ý nói muốn vây đánh nước ta; tôi giơ cùi chỏ là nói quyết chống lại. Họ xòe bàn tay ý nói chúng tôi đông lắm; tôi giơ một ngón tay là nói dù một người cũng cứ đánh". Nhưng khi vua hỏi, Chây lại trả lời khác đi: - "Họ vẽ vòng tròn ý hỏi trên thế giới có gì; tôi giơ cùi chỏ để nói có dãy núi Tu-di ở giữa. Họ xòe năm ngón tay muốn hỏi năm đức Phật thuyết pháp như thế nào; tôi giơ một ngón tay ý nói năm đức Phật, bốn vị thuyết pháp còn một vị không". Qua hôm sau đến lượt Chây đố các nhà thông thái. Chây đưa họ

vào một buồng có tiếng các em học ê a. Mở cửa vào thấy các em đọc sách bằng một cuộn giấy trên có vết mực chi chít (mà hôm trước, Chây đã làm sẵn bằng cách cho cua nhúng chân vào mực tàu thả cho bò lên mặt giấy). Chây bảo sứ giả đọc giúp cho mình thứ văn tự kia. Sứ giả không biết thế nào mà trả lời. Chây cho biết đó là một thứ chữ cổ của Khơ-me (Khmer). Bốn vị thông thái thú nhận thất bại. Chây buộc họ phải nộp cho nước mình cả đoàn thuyền sứ bộ thay vào việc nộp lãnh thổ[1].

Có thể kể thêm truyện *Vua Đa-ri-uyx* (Darius) cũng có những đối thoại tương tự đã được thay bằng những vật biểu tượng:

Xưa, Đa-ri-uyx, vua đế quốc Ba-tư (Iran) gửi cho A-lếch-dăng, vua Ma-xê-đoan (Macédoine) một cái vợt, một quả cầu và một hạt vừng, ý coi đối phương là trẻ con không thể quản lý nổi vương quốc, chỉ chơi cầu như trò trẻ, và sẽ phải giao chiến với quân mình đông như vừng. Bên phía A-lếch-dăng thì lại cho rằng đối phương quẳng đế quốc của nó cho ta như là cái vợt hất quả cầu. Vừng thì có dầu nhưng vị của nó chả có gì cay đắng. Ta sẽ đánh chiếm của cải của nó một cách ngon lành. Vua bèn viết thư trả lời Đa-ri-uyx có tính chất thách thức, lại kèm theo một túi hạt mù-tạc để nói quân đội của mình tuy ít nhưng có sức mạnh và ý chí như là mù-tạc (chất gia vị vừa nồng vừa cay làm cho người ăn có thể phát khóc).

Cũng như vậy, người Xít-tơ (Scythes) trong khi chống đánh quân Ba-tư xâm lược có gửi cho vua Đa-ri-uyx thứ nhất ba con vật: chim, chuột, nhái và năm mũi tên. Đa-ri-uyx tưởng là họ muốn đầu hàng vì cho rằng chuột sống ở dưới đất ăn thức ăn như người, nhái sống trong nước, chim là chi ngựa, năm mũi tên là chi chủ lực quân của họ. Trái lại người Xít-tơ thì lại muốn nói: Nếu chúng mày không hóa thành chim bay lên trời, không hóa thành chuột rúc xuống đất, không hóa thành nhái nhảy xuống ao thì không thoát được. Chúng mày sẽ chết bởi những mũi tên của những người thiện xạ chúng tao[1].

1. Theo Lê Hương. *Truyện thằng Chey.*

2. Theo *Lịch sử các vua Ba-tư.*

193. HAI ANH EM VÀ CON CHÓ ĐÁ

Ngày xưa có hai anh em ruột, người nào cũng đã có vợ và ở riêng. Vợ chồng người anh thóc bồ-rạ đụn, có của ăn của để, nhưng keo cú thì không ai bằng. Trái lại, vợ chồng người em tuy không đất cắm dùi nhưng lại tốt bụng, đối đãi với bà con làng xóm như bát nước đầy. Tuy họ phải đi làm thuê làm mướn nuôi thân, nhưng ai nghèo khó vẫn sẵn lòng giúp đỡ.

Một hôm có lão ăn mày rách rưới lần vào ngõ nhà người anh để xin ăn. Nhưng vợ chồng nhà này vừa trông thấy lão thì mặt đã rắn lại như đá cuội. Chúng đã không thí cho lão chút gì lại còn thả chó dữ ra khiến lão phải nhanh chân lủi bước. Khi lão lọt vào cổng của nhà người em thì vợ chồng nhà này đang ăn cháo bữa chiều. Trông thấy ông già có vẻ đói lả, người chồng liền ra dắt tay đưa vào ngồi bên cạnh mâm. Anh bảo vợ múc cháo thêm ra bát, và nói:

- Mời cụ ngồi ăn bát cháo với chúng tôi cho đỡ dạ, rồi hãy đi nhà khác.

Ông lão ăn xong một bát, lại xin thêm bát nữa, rồi bát nữa. Tuy cháo không nhiều, hai vợ chồng vẫn múc không ngần ngại. Ăn xong, ông lão chống gậy đứng lên rồi bỗng đột ngột bảo hai người:

- Các con nghèo mà lại thảo, thật là đáng quý. Ta biết có một chỗ có nhiều vàng bạc. Vậy hãy theo ta lên núi, ta chỉ cho.

Cả hai vợ chồng nhìn nhau ngơ ngác. Thấy ông lão thúc giục đôi ba phen mới tin là ông không đánh lừa, bèn đánh bạo đi theo lên núi. Trèo lên một hòn núi cao đã nhìn thấy một nền gạch có mấy bậc thềm. Vào sâu một đoạn nữa, thấy có hai con chó đá đang chầu trước một cái bệ. Ông lão bước lại gần, sẵn cái gậy trúc ở tay, ông cầm gõ vào đầu chó ba cái. Bỗng nhiên chó đá há miệng thật to. Ông lão bảo:

- Đấy. Các con muốn lấy bao nhiêu vàng bạc thì lấy!

Hai vợ chồng đang rụt rè thì bỗng chốc ông lão đã biến đi đâu mất. Chồng đánh bạo thò tay vào miệng chó mà khoắng thì quả nhiên lấy ra được những thỏi sáng giấp giới. Bèn lấy vội mỗi người mấy thỏi giắt lưng đem về. Từ đó họ giàu có sung sướng.

Vợ chồng người anh thấy em đang nghèo xơ nghèo xác bỗng chốc tậu ruộng, làm nhà, mua trâu, thuê người v.v..., thì hết sức ngạc nhiên. Bèn tìm đến nhà em để xem tại sao lại có chuyện lạ lùng như vậy. Vợ chồng người em vốn thật bụng, vui lòng kể lại vận đỏ gặp một ông tiên giả dạng ăn mày cho anh chị nghe. Nghe xong, người anh vội nói:

- Tưởng là ai chứ ông lão ấy thì hôm nọ có đến ăn xin ở bên nhà. Rõ tiếc chửa. Thế mà chúng ta lại không biết.

*

* *

Từ đó, hai vợ chồng người anh thường để ý tìm ông lão ăn xin, hy vọng được của như em. Họ cất công đi các chợ búa làng mạc. Họ còn thuê người đến tận các nơi xa để tìm tòi, nhưng chẳng thấy bóng dáng đâu cả. Một hôm vừa ra khỏi cổng, người chồng đã bắt gặp ông lão đang ngồi bên vệ đường, vẫn chiếc áo nâu rách, cây gậy trúc, và bộ râu trắng xóa không thể lầm vào đâu được. Hắn bèn chạy ngay đến, cung kính chào hỏi và khác với lần trước, hắn cố chèo kéo ông lão về nhà mình cho bằng được. Khi ông lão đã ngồi yên vị đâu đấy, hắn quát người nhà giết gà làm cỗ mời ông lão xơi. Đợi cho ông ăn xong, hai vợ chồng mới đến gần, quỳ xuống nói:

- Hôm nọ tiên ông giúp cho nhà chú nó được vàng được bạc, thật là quý hóa. Chúng tôi với chú nó là chỗ ruột rà. Vậy xin tiên ông rủ lòng thương cho cả hai anh em được đội ơn luôn thể. Vợ chồng chúng tôi không bao giờ quên.

Ông lão nghe xong, gật gù nói:

- Cũng được. Vậy thì hãy đi theo lão.

Hai vợ chồng hí hửng mang theo quang gánh lật đật chạy theo. Đi đến nơi, ông lão cũng dùng gậy trúc gõ vào đầu một con chó đá. Chó

vừa há miệng thì chồng đã nhanh tay thò vào. Nhưng tay hắn chưa kịp rút ra thì chó đá đã ngậm miệng lại. Hắn ta cuống cuồng quay lại cầu cứu tiên ông thì tiên ông đã biến mất từ lúc nào. Vợ cố lôi kéo hộ chồng, nhưng miệng chó đá ngậm chặt không thể gỡ nổi.

- Thôi đích là ông tiên trừng phạt về tội tham lam của chúng ta.

Nói xong, hai vợ chồng nhìn nhau khóc lóc than thở. Cuối cùng chồng bảo vợ: - "Nay chết thì không chết, mà rút cũng không rút ra được. Bây giờ trời đã chiều, nàng hãy về kiếm cơm cháo hàng ngày đưa lên cho tôi với, để may chi kéo dài cuộc sống thừa".

Từ đó hàng ngày vợ lo cơm nước lên núi cho chồng ăn. Khi chồng ăn xong, vợ lại về để chuẩn bị cho ngày mai. Cứ như thế, trong ba năm đi đi về về không biết mệt, người vợ cũng đã bán hết ruộng vườn nhà cửa để cung đốn cho chồng.

Một hôm, sau khi ăn xong, chồng bảo vợ:

- Ta vì tham của nên mới ra nông nỗi này. Nay tài sản đã khánh kiệt chắc không thể kéo dài cuộc sống như thế này được mãi. Thôi sẵn hôm nay vắng vẻ, nàng hãy xích lại đây cho ta được vui đùa một lát, kẻo chết là hết.

Thấy chồng van nài nhiều lần, vợ cũng thương hại, bèn chiều chồng, xích lại một bên. Nhưng khi vợ vừa cởi áo xống thì chó đá đã há miệng ra cười. Chồng vội vàng rút cánh tay bị cầm giữ bấy lâu trong hàm chó. Rồi cả hai chẳng nghĩ đến sửa soạn, cứ thế chạy một mạch xuống núi, không dám ngoảnh cổ lại[1].

Ngày nay còn có câu tục ngữ: "Chó đá biết cười", ý nói có những việc thậm chí làm cho chó đá cũng không thể nhịn được, là do truyện trên mà ra.

KHẢO DỊ

Người Mèo có truyện *Anh em mồ côi* gần giống với truyện của ta:

---

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc, A. Người ta, sách đã dẫn.

Có hai anh em sống côi cút, lúc đầu thương nhau, nhưng khi lấy vợ, anh đuổi em đi, vu cho em có hành động không tốt đối với chị dâu. Em tìm lên hang đá ở, cửa hang có phiến đá bằng cái giường, em khóc mãi khóc hoài, nước mắt làm cho đá lõm xuống. Phiến đá bèn hỏi: - "Sao lại khóc?". Em kể chuyện cho nghe. Nghe xong đá bảo: - "Hãy thò tay vào lỗ hõm móc lấy tim, gan, phổi mỗi thứ một ít sẽ có đủ đồ ăn thức dùng". Nghe lời, em lấy mỗi thứ một ít bỏ vào bát, thì tim tự nhiên hóa thành vàng, gan thành bạc, phổi thành kho lúa, kho ngô.

Khi giàu có, người em lấy vợ. Một hôm vợ bảo: - "Nhà chỉ có hai anh em dù sao cũng không nên tuyệt tình". Em bèn mời anh đến chơi nhà. Anh thấy em nhờ đá mà giàu có bèn cũng về bảo vợ làm bộ đánh đập đuổi lên hang đá, rồi cũng giả bộ khóc lóc ngày đêm. Sự việc cũng xảy ra như trên, nhưng chưa kịp rút tay thì đá đã ngậm lại. Ở đây kết thúc cũng như truyện của ta. Để nuôi chồng ngày này qua ngày khác, vợ bán dần hết gia sản. Một hôm, chồng bảo vợ hãy cho xem "cái ấy" một tí để rồi có chết cũng thỏa. Vợ nghe lời cởi áo váy chạy lại, đá liền cười ngất, chồng lập tức rút tay thoát[1].

Người Cham-pa có truyện *Ca-đốp và Ca-đoéc* cũng là một dị bản của hai truyện trên:

Một phú ông chết để lại cho hai con trai gia tài khá lớn. Lúc em Ca-đoéc đi chôn bố thì anh là Ca-đốp giấu tất cả vàng bạc. Em về hỏi: - "Vàng bạc của cha đâu?". Đáp: - "Không biết". Thấy em không nói gì, Ca-đốp còn lấn tới: - "Của cha mẹ chỉ có cái nhà này, tao có vợ con, mày chưa có gì, mày hãy nhường cho tao, đi ở chỗ khác". Nói rồi chiếm lấy tất cả, chỉ chia cho em một con chó, một con mèo và một mảnh ruộng hoang. Không có sức kéo, Ca-đoéc bắt chó và mèo kéo cày. Chúng lôi không nổi. Chàng đánh mạnh tay làm chúng kêu ầm ĩ. Một hòn đá gần đấy thấy vậy bèn há miệng cười để lộ vàng sáng lấp lánh, Ca-đoéc bèn lấy về tậu ruộng cất nhà, trở nên giàu có.

Khi nghe em kể sự tình, Ca-đốp nổi giận đánh Ca-đoéc và nói:- "Sao không gọi tao với!". Rồi giành lấy chó và mèo, lại thuê xe bảo vợ và người nhà cùng đến chỗ có đá. Cũng bắt chước em đánh chó và mèo, và miệng đá cũng há ra cười. Nhưng chưa kịp rút tay thì đá đã ngậm lại. Biết là chết, hắn gọi vợ lại cho hắn vui đùa. Và cũng như kết thúc của hai truyện trên, đá cũng lại há

1. Theo Doãn Thanh, Thương Nguyễn, Hoàng Thao. *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.

miệng cười. Thoát nạn, hắn lại về đánh em một lần nữa, mắng: - "Đồ xỏ lá và tham lam, dám lừa ta. Anh em mà không biết thương nhau"[1].

Một dị bản của ta do người miền Nam kể cũng giống với truyện Cham-pa. Đại khái người anh tham lam chiếm tất cả tài sản của bố mẹ để lại, chỉ cho em một con chó, một con mèo và một đám ruộng. Người em cũng bắt chó và mèo cày ruộng. Nhưng mỗi lần anh chàng giục chó đi nhanh thì chó nói:- "*Chó kêu ẳng, thủng thẳng mà đi!*". Còn khi anh đánh mèo vì mèo đi sai đường thì mèo nói:- "*Mèo kêu ngao, thấy sao hay vậy!*". Anh đánh mấy chúng vẫn nói thế, khiến chó đá bật cười làm rơi ra nhiều vàng. Sự việc diễn ra cũng tương tự như trên.

Người Kat-chin ở Miến-điện (Myanmar) có truyện *Hai đứa mồ côi* cũng có hình ảnh con chó kéo cày nhưng mô-típ của truyện lại không cùng loại với các truyện đã kể: Có hai anh em mồ côi, gia sản để lại chỉ có một con trâu. Anh bảo em: - "Tao nắm đầu trâu, mày nắm đuôi trâu thử kéo xem ai được cái gì thì lấy cái ấy". Kết quả người anh được cả con trâu; còn em chỉ được một con rận sau khi để tuột mất đuôi. Em bắt về nuôi, con rận trở nên to béo, nhưng bị gà xóm giềng ăn mất. Bèn bắt bồi thường, nhưng không chịu lấy vật đền nào khác mà chỉ lấy con gà. Đem về chăm chút được vài ngày, gà lại bị chó xóm giềng ăn mất. Lại được đền con chó, đem về chăm sóc. Mùa cày đến, vì không mượn được trâu, em bắt chó ra cày. Mỗi lần muốn cày một đường, em đặt cơm ở phía trước, chó thấy cơm thì ra sức kéo để được ăn. Cứ như thế mà cày xong ruộng. Một bọn lái nghe nói không tin, đánh cược tất cả ngựa thồ và hàng hóa. Em thắng cuộc trở nên giàu có. Người anh thấy vậy bèn bảo em cho mượn con chó một hôm; nhưng dù đánh đập bao nhiêu, chó cũng không kéo cày. Tức mình hắn chém chết chó. Em khóc chó và đem chôn. Sáng hôm

2. Theo Jan-nơ Lơ-ba (Jeanne Lebat). *Cham-pa, một vương quốc đã mất; Tri tân* số 99 (1943). Người Cham-pa còn có dị bản *Chà Lúc Chà Lắc* nhưng lại kể khác đi chút ít, như sau: Chà Lúc là anh chiếm hết gia tài, chỉ để cho em là Chà Lắc một mảnh ruộng đá sỏi. Cày không được, em chỉ khóc. Thần núi hiện ra hỏi vì sao lại khóc. Em kể sự thật. Thần đọc câu chú, kẽ đá tự nhiên nứt ra cho hắn lấy vàng. Lấy xong kẽ đá khép kín lại. Sau khi biết chuyện, Chà Lúc buộc em đổi cho mình gia tài rồi cũng đến ruộng giả ngồi khóc. Thần núi cũng làm cho kẽ đá nứt ra, nhưng nửa chừng kẽ đá khép, giữ tay hắn lại. Vợ hắn cũng đi đi về về mang cơm nước cho chồng. Được mấy ngày, hắn bảo vợ cho yêu một lần chót. Thần núi thấy vậy bật cười, kẽ đá mở ra. Chà Lúc rút được tay. Về nhà hắn mắng em. Chà Lắc sợ, bỏ đi mất, hắn chiếm luôn gia sản (*Văn hóa Á Châu* số 15, 1959).

sau, chỗ chôn đã mọc lên một cây tre có con chim hót: "bạc, bạc". Em đưa rổ ra hứng và quả được bạc. Ngày nào cũng vậy. Người anh lại hỏi mượn cả tre lẫn chim, hứa sẽ không làm hại. Nhưng lúc này chim đổi giọng, hót là: "dut, dut", rồi đánh rơi cứt xuống áo và mặt hắn. Anh giận chặt cây tre, còn chim thì bay mất. Em đưa cây tre về chẻ ra từng thanh, đan thành lồng gà, cứ mỗi sáng bỏ vào một con thì đến chiều gà đầy lồng. Người anh lại đến mượn lồng, nhưng hễ bỏ gà vào bao nhiêu đến sáng biến mất bấy nhiêu. Hắn lại chặt nhỏ lồng. Em nhặt về dùng làm củi, mỗi thanh đun cả một ngày. Người anh lại đến xin ba thanh, đưa về bỏ cả ba vào bếp. Lửa bỗng cháy bùng lên rất dữ thiêu cả nhà. Từ đó hắn trở thành nghèo khổ[1].

Hình ảnh miệng đá (hoặc chó đá) ngậm lại giữ chặt tay người cũng có trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của dân tộc Mường: Khán Đồng được lệnh lang Cun Cần đi bắt rùa vàng để rửa "nhà chu". Một hôm đi nương, đến hang Hến hang Hạp, thấy có rùa, Khán Đồng vội đuổi theo. Rùa chạy vào hang, anh thò tay vào bắt, bị "hàm đá dưới cắn lên, hàm đá trên vập xuống", rút tay không được. Ở đây cũng có chó và người yêu (không phải vợ), anh bèn nhờ chó chạy đi "cắn gấu váy" đưa người yêu của mình là nàng Sộng Đón đến. Thấy nàng khóc lóc đến nỗi cây cỏ cũng động lòng thương, Bụt thương tình, bèn sai hàm đá mở ra. Anh thoát nạn, lại bắt được rùa vàng cho lang[2].

1. Theo tạp chí *Nhân loại* (1909).
2. Theo *Đẻ đất đẻ nước*; Ty Văn hóa Thanh-hóa, 1975.

194. CHÀNG RỂ THONG MANH

Có một anh chàng đẹp trai, lanh lợi, nhưng bị tật thong manh từ thuở nhỏ. Cặp mắt anh vẫn trong trẻo nên người ngoài không ai biết là mù. Nhưng anh thì rất khôn khéo, cố tìm cách giấu không cho người lạ biết mình có tật.

Một hôm nghe nói có một đám hát ở một làng nọ, vui bạn, anh theo nhóm trai làng đi xem. Đêm tối, người đông chen chúc, mỗi người tìm ngồi một nơi, nên lúc về họ lục tục mỗi người đi một đàng, bỏ quên anh lại. Anh phải nằm đó đợi sáng, nhưng lúc về vì không thấy rõ đường, anh cứ đi liều. Cuối cùng bị lạc, anh lọt vào một nhà nọ. Nhà này đang sẵn có cuộc vui. Thấy chàng trai lạ đến, họ mời anh vào dự. Anh không từ chối, đi theo người dẫn vào ngồi phía tận cùng. Đến lúc mãn cuộc, anh phải sờ vào vách để tìm cửa ra. Chủ nhân thấy thế, bèn hỏi:- "Anh làm gì đấy?". Anh nhanh miệng đáp:- "Dạ, cháu đo xem chiều dài nhà này có bằng nhà bố mẹ cháu chăng". - "Thế bên nào rộng hơn?". - "Dạ, cũng suýt soát như nhau!". Chủ nhân cho rằng nhà anh này cũng thuộc loại khá giả như mình. Khi đã tìm được cửa ra, anh vội cáo từ chủ nhân để về, nhưng chủ nhân cố lưu anh lại ăn cơm. Đói bụng, anh từ chối lấy lệ rồi cũng ngồi vào mâm. Trước mặt anh là đĩa rau, nên anh cứ gắp mãi vào món ấy. Chủ nhân bảo:- "Kìa thịt cá đây sao không ăn, lại cứ gắp rau mãi?". Anh đáp:- "Nhà cháu rau dưa quen thói, chứ không phải làm khách đâu ạ!". Chủ nhân cho anh là con nhà cần kiệm nết na. Ăn xong bước ra hè anh vấp phải cái cào, cán cào va vào đầu đau điếng, bèn ngồi lại nhặt cào, sẵn sờ thấy cái vồ bên cạnh, anh cầm lấy gõ vào đầu cán cào mấy cái cho hả giận. Chủ nhân thấy vậy, hỏi:- "Anh làm gì đấy?". Đáp: - "Cháu tra cán cào". - "Ồ, tốt quá!". Chủ nhân cho anh là con nhà siêng năng, hay lam hay làm. Trong bụng ông nghĩ: - "Con nhà ai đây, nhà thì không đến nỗi nghèo, mà lại siêng năng cần kiệm

nết na, thật là ít có. Ta có đứa con gái nên gả cho hạng trai như thế này mới phải". Cho nên khi chàng thong manh cáo từ ra về, chủ nhân ghé vào tai bảo:

- Anh khá lắm. Có muốn lấy con gái lão, lão sẽ gả cho.

*

* *

Cuối cùng anh chàng thong manh cũng lần về được đến nhà. Khi về đến nơi, anh giục bố mẹ đi hỏi cô gái nhà nọ cho anh làm vợ. Do được bố vợ thỏa thuận từ trước, nên mọi việc cưới hỏi đều diễn ra êm thấm trót lọt. Chỉ còn một việc quan trọng là đi làm rể, mà việc này thì không ai thay thế được anh. Vì vậy anh chàng đành phải dấn thân ra đi.

Đến nhà vợ mới được một hôm, anh phải đi cày ruộng. Khi ra đồng, nhờ mẹ vợ dắt trâu đi trước nên anh theo không chút vất vả. Tới ruộng, mẹ vợ chỉ cho anh phần đất phải cày. Ruộng sẵn có bờ nên anh cũng dễ phân biệt. Vì vậy anh cày đúng ruộng nhà vợ, nhưng đôi lúc cũng cày lấn sang cả ruộng láng giềng, thậm chí còn cày lật cả một đoạn bờ. Khi mẹ vợ ra gọi anh về ăn trưa, thì bà kêu lên: - "Chết nổi, sao con lại cày sang ruộng của người ta!". Anh đáp không chút ngần ngừ: -"Vì bờ ruộng thấp nên con cày cả hai bên để lấy đất đắp bờ đấy ạ!". Nghe nói xuôi tai, bà nhạc không nghi ngờ gì cả.

Ăn cơm xong, anh lần ra giếng thơi, vô phúc thế nào lại rơi tõm xuống nước không lên được, nhưng anh kiên gan không kêu la. Chừng vợ anh ra múc nước, thấy anh dưới giếng thì hốt hoảng: - "Ôi chao, mắt mũi để đâu mà lại ngã xuống giếng thế?". Anh đáp ngay: - "Giếng rong rêu bẩn quá, tao phải xuống khai cho sạch". - "Thế sao không lấy thang mà trèo?". - "Vội quá không tìm được thang, nên tao phải men tường trèo xuống. Thôi bây giờ vớt hết rồi, hãy bắc thang xuống cho tao lên, kẻo mệt quá". Cả nhà đã không ngờ, mà còn khâm phục.

Mấy hôm sau, vợ anh đi vắng, mẹ vợ thổi xôi bới ra một đĩa mời chàng rể ăn. Đĩa xôi đặt trên mâm nan. Trong khi mẹ vợ lúi húi dưới bếp mà anh thì chưa kịp tới ngồi, con chó thấy vắng người bèn trèo lên mâm chén hết cả. Khi mẹ vợ ở bếp lên thấy đĩa đã sạch trơn xôi, vội nói: - "Con đã ăn hết rồi ư? Có ăn nữa không để mẹ bới thêm?". Biết

là con chó đã ăn mất xôi, nhưng anh không ngạc nhiên, chỉ đáp: - "Đủ rồi mẹ ạ!".

Bận khác, vợ lại đi vắng, mẹ vợ lại thổi xôi dọn ra mời anh ăn. Trong khi bà ta chạy xuống bếp thì anh đã chú ý rình kẻo chó ăn mất như bận trước. Đến khi bà ta mang thức ăn lên, đang lúi húi đặt vào mâm, anh tưởng là chó bèn đấm một cái, không ngờ nhầm vào mặt mẹ vợ. Đau quá, bà ta kêu lên. Biết là mình nhầm, anh buông đũa không nói gì cả. Giữa lúc ấy người vợ về. Nghe mẹ mình kể lại câu chuyện vừa rồi, chị ta gầm lên. Anh thủng thỉnh đáp:

- Theo phong tục tổ tiên, chỉ có vợ bưng cơm hầu chồng. Lần trước mẹ đã làm trái, con không dám nói. Nay thì không thể làm trái lần thứ hai. Xin mẹ thứ lỗi cho, con làm thế là bất đắc dĩ. Chẳng qua là để khỏi có sự dị nghị.

Nghe nói thế, mẹ vợ và vợ hết giận. Còn bố vợ sau đó về nghe kể thì tấm tắc khen ngợi. Ông bảo xóm giềng:

- Bây giờ tôi mới hay thằng ấy lại là con nhà có học. Nó làm việc gì cũng đúng phép tắc.

Một hôm bố vợ bảo anh dẫn người nhà vào rừng chặt gỗ làm cày.

Đường rừng khó đi, sai một bước là đụng phải cây, vì thế chàng thong manh rất ngại, bèn bảo người nhà: - "Đi đường im lặng buồn lắm anh em ạ! Nên thay nhau hò hát ít câu cho vui và bớt sợ". Họ hát lên, anh đi len vào giữa, không sợ lạc nữa. Cả mấy người đẵn được mấy cây gỗ ghé vai khiêng về. Anh cũng đẵn được một cây, nhưng anh biết rằng đi đường rừng mà mắt mù thì không thể nào vác về một cách trót lọt. Mấy người cùng đi bỗng thấy chàng thong manh ta đột nhiên kêu đau bụng ầm lên và quẳng gỗ xuống đất. Xoa bóp mãi không lành, họ đành dìu anh lên một cái chòi bỏ trống ở gần đường cho anh ở lại, còn họ phải đem gỗ về trước.

Sáng hôm sau, có hai người cưỡi ngựa đi qua. Anh rên to tiếng trên chòi. Hai người ghé lại hỏi:- "Sao lại nằm rên một mình ở đây?" Anh đáp: "Chao! Tôi đi đẵn gỗ đẽo cày cho chủ tôi, nhưng chưa đẽo được thì không may bị bệnh đau bụng, đến nay cũng chưa lành". Hai người

ấy lại hỏi: - "Anh có cần chúng tôi đưa giúp về không?". - "Nếu các ông có lòng thương tôi, thì sẵn rìu đó làm ơn đẽo hộ cho chủ tôi cái cày, kẻo về đấy ông ấy không trả công cho thì tội lắm, biết lấy gì để nuôi con. Còn bệnh đau bụng của tôi thì cứ để vậy ít bữa nữa rồi cũng lành". Nói rồi anh lại rên hừ hừ. Hai người kia thương hại bèn xuống ngựa đẽo hộ anh, chỉ một lát được một cái cày rất đẹp.

Họ đi được hồi lâu thì vợ anh mang cơm nước và thuốc men đến. Đến chòi, vì chị ta đi nhẹ nhàng không lên tiếng, nên anh không biết. Thấy chồng nhìn mình mà không nhận ra, chị ta hồ nghi, vội hỏi:

- Mắt anh làm sao thế? Hay là có điều gì lạnh nhạt đối với tôi? Vì thấy tôi mà không lên tiếng thì chỉ có một trong hai điều đó thôi.

Anh chàng chống chế ngay:

- Thú thật là tao cũng có nhìn thấy nhà nó đến, nhưng vì vừa đẽo xong cái cày, thích chí quá nên mải ngắm mà quên đi, có việc gì đâu mà lạnh nhạt.

Lại một lần nữa, vợ giải được mối ngờ. Rồi đó hai vợ chồng trở về. Bố vợ thấy cái cày đẽo đẹp, khen lấy khen để.

Một hôm khác, bố vợ giết trâu mở tiệc mừng thọ. Cỗ bốn người một mâm, anh chàng thong manh cũng được dự ngồi một cỗ. Anh lần lượt gắp ăn, nhưng chẳng biết gắp thế nào cho trúng, mà gắp không trúng thì e rằng những người cùng dự chê cười. Anh bèn bàn:

- Cỗ chỉ có mấy món thôi, giá ta trộn cả vào với nhau thì ăn ngon hơn. Thế rồi ta chia nhau mỗi người một phần lại càng tiện.

Họ đều nghe theo. Nhờ thế anh ung dung gắp ăn phần của mình. Nhưng không may cho anh là ăn phải miếng thịt trâu thái to quá, mà anh lại vội nuốt nên bị nghẹn ở cổ, nhả ra không được. Anh ngồi chống đũa cố nuốt, nước mắt giàn giụa mà miếng thịt vẫn không chịu vào. Mãi sau, anh lấy hết gân sức cố nuốt, cuối cùng miếng thịt cũng trôi được vào dạ dày. Nhưng thật là may mắn, con mắt anh nhờ thế đột ngột sáng ra. Nhìn thấy mọi người mọi vật, anh mừng quá. Anh bỗng có ý muốn nhìn mặt vợ một tý để xem xem con người như thế nào. Nhưng khi đi vào nhà trong thì đàn bà con gái ngồi ăn cỗ ở đây khá đông, anh chả

biết làm sao mà phân biệt. Bèn nghĩ được một mẹo: anh giả bộ say, chân đi thất tha thất thểu. Đến chỗ có phụ nữ, anh giả vờ đụng vào người này lại va vào người khác. Thấy thế, vợ anh nổi ghen, vả cũng sợ chồng mình quá chén còn làm điều gì thất thố nữa chăng, nên vội chạy lại dìu anh vào buồng. Từ đó anh mới biết mặt vợ[1].

KHẢO DỊ

Truyện *Chàng rể thong manh* tương đối phổ biến ở Trung và Nam-bộ, tuy rằng mỗi nơi kể có xuất nhập ít nhiều. Đồng bào Cham-pa cũng có truyện giống như truyện vừa kể.

Sau đây là một dị bản *Anh chàng thong manh*, có một số tình tiết hơi khác:

Một anh chàng thong manh một hôm vào ăn xin ở nhà một trưởng giả. Nghe trong nhà có tiếng dao băm vằm chí chát, anh tưởng họ đang dọn cỗ, cứ ngồi nài xôi thịt mãi. Lúc sau có đứa bé trong nhà cho biết đó là người ta đang đẽo gỗ mít sơn son để sắp tới đưa ra đình cho ai đoán đúng thì gả cô chị, chứ chả có cỗ bàn gì cả. Nghe vậy, hắn ta chờ ngày trưởng giả mở cuộc đố liền tìm đến. Trong khi mọi người đoán sai thì hắn dựa theo lời em bé ngày nọ trả lời, quả đúng, và cuối cùng được làm rể trưởng giả. Ở đây cũng có việc ăn cỗ, hắn chỉ gắp mãi vào đĩa rau trước mặt chứ không gắp thịt cá bày ở xa. Người ta hỏi thì hắn đáp:- "Nhà tôi quen rau dưa". Cũng có việc đi cày cho nhà bố vợ, khi đi anh chàng dò dẫm rơi xuống rãnh nước. Mẹ vợ kêu: - "Mắt mũi đâu mà đường không đi lại bước xuống rãnh". Đáp: - "Con thấy con cá giếc to quá bước xuống chụp nhưng không may trượt mất". Khi cày, hắn cày sang ruộng của người khác, mẹ vợ chạy ra kêu lên:- "Sao ruộng nhà không cày lại cày sang ruộng người?" Hắn đáp: -"Mẹ cứ yên chí, những thửa ruộng quanh đây rồi sẽ thuộc về nhà ta cả". Lúc về hắn lạc vào một bụi tre. - "Làm gì mà loay hoay trong bụi thế?". - "Có nhiều tre đực thẳng, con muốn chặt một cây về làm bắp cày". - "Vườn nhà ta thiếu gì". Hắn theo hướng mẹ vợ nói lần ra được đường đi.

Nhà trưởng giả tát ao, anh chàng cũng phải mon men xuống bắt, chẳng may

1. Theo lời kể của người Quảng-nam.

lọt vào một đống chà mà người ta vứt vào một góc ao. Nhân bắt được con cá chép to, hắn giơ cho mọi người xem. Họ bảo hắn ném lên bờ nhưng hắn lại ném lạc vào giữa ao. - "Hoài của, sao lại ném xuống ao?". - "Bắt con cá nhép ấy làm gì, tôi cốt bắt con lớn kia". Nhưng hắn vẫn lúng túng trong đống chà, may sao bắt được một con niềng niễng, hắn bảo bọn trẻ:- "Đứa nào rước tao lên bờ thì tao cho!". Nhờ vậy anh chàng lên được.

Bữa cơm hôm ấy có nồi canh riêu, anh chàng luýnh quýnh thế nào đạp đổ mất. Vợ kêu lên: - "Khốn nạn! Mù hay sao mà nồi riêu đặt sờ sờ trước mắt lại bước vào". Lập tức hắn nằm lăn xuống, hai tay che mắt: - "Trời đất ơi, vợ tôi rủa phải giờ thiêng. Bây giờ thì mù đặc rồi!". Thế là người ta xúm lại trách vợ sao lại rủa chồng để đến nông nỗi. Từ đấy hắn được vợ nuôi báo cô.[1]

Trương Vĩnh Ký dưới mục *Thằng quáng* [*thong manh*] *đi làm rể* có một dị bản, nhưng tiếc rằng ghi sót đầu sót đuôi. Đại khái cũng có tình tiết chàng rể đi cày ruộng cho bố vợ rồi rơi xuống giếng, nhưng ở đây lại không kể cụ thể cày như thế nào, ở dưới giếng thì làm sao mà trèo lên, v.v... Chỉ có tình tiết dưới đây khá độc đáo (mà người Nghệ - Tĩnh cũng kể giống thế):

Chàng thong manh ngồi ăn, vì mù tịt nên để cho chó trèo lên mâm ăn thức ăn. Thấy thế, mẹ vợ bảo: - "Sao con không đánh chó, để nó ăn vào mâm?". Hắn đáp ngay: - "Tục có câu: "Đánh chó phải kiêng chủ nhà" nên con không dám đánh". -"Không hề gì, có dùi đục đây, nếu nó hỗn thì cho con cứ đánh khỏe vào". Hồi lâu mẹ vợ thấy hắn không gắp thức ăn, cho là làm khách, bèn lại gần mâm, gắp bỏ vào bát. Nghe tiếng động, hắn tưởng con chó vừa rồi quen mồm lại hỗn nữa, bèn choảng một dùi đục, không ngờ giáng vào mẹ vợ chảy máu. Truyện kết thúc ở đây [2].

Ở người Nghệ - Tĩnh thì, khi người ta hỏi hắn tại sao lại vô có đánh "mụ gia" (bà nhạc), hắn trả lời liều: -"Ai bảo bà ấy để "cái ấy" ra".

1. Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt-nam*, tập IV, đã dẫn.
2. Theo *Chuyện đời xưa* (lựa nhón lấy những truyện hay và có ích).

195. LÀM CHO CÔNG CHÚA NÓI ĐƯỢC

Ngày xưa có một nàng công chúa con một ông vua nước nọ nổi tiếng xinh đẹp, nhưng có điều đặc biệt là nàng vốn ít điều ít lời, thường rất hà tiện lời nói. Trừ những lúc thật cần thiết, còn ít khi nàng chịu mở miệng nói ra. Khi công chúa đến tuổi lấy chồng, nhà vua cho niêm yết khắp nơi rằng cho phép bọn con trai bất kể là sang hay hèn, thôn quê hay thị thành, ai có cách làm cho con gái mình nói lên ba câu thì sẽ gả ngay cho người đó. Nhưng nếu trong một ngày mà không làm xong thì sẽ đánh trăm trượng, đuổi về.

Tin kén rể của nhà vua loan ra, đã có nhiều chàng trai, trong đó không thiếu gì hàng công tử vương tôn, đến xin thử thách, nhưng đều không thành công, cuối cùng đành phải nhận lấy trận đòn máu rơi thịt nát mà về. Bởi vậy cũng đã lâu năm rồi, hoàng gia vẫn chưa kén được phò mã.

Một hôm, có một chàng trai trẻ tuổi trông vẻ khốn khó, ngốc nghếch, tên là Mồ Côi, tự dưng ở đâu tìm đến cổng hoàng thành xin nộp đơn. Thấy chàng ăn mặc lôi thôi, bọn lính thị vệ toan không cho vào. Nhưng rồi tuân theo niêm yết, họ đành phải thu nhận. Theo lệ, người ta dẫn Mồ Côi vào hoàng cung cho ở ngoài sân trước cửa lầu của công chúa sau khi bắt đọc kỹ một lượt tờ niêm yết. Đoạn báo tin cho công chúa biết để chuẩn bị. Trong khi đó có những viên quan đã cắt đặt sẵn, ngồi ở sau màn làm phận sự theo dõi để chứng thực việc công chúa có nói hay không.

Người ta thấy buổi sáng hôm ấy Mồ Côi bước vào sân, chưa nghĩ đến việc tiếp xúc với công chúa đã bắt đầu lo bữa ăn trưa của mình. Anh hỏi mượn nồi, xin củi, vo gạo, tìm đá kê làm bếp ở ngay bên thềm. Nhưng đá kê anh chỉ nhặt có hai hòn mà đít nồi thì tròn, nên đặt lên

mấy lần đều bị nghiêng đổ. Mỗi lần nồi đổ, Mồ Côi lại kiên nhẫn xê dịch hòn đá, nhưng dù sửa soạn thế nào, nồi đặt lên cũng chông chênh chỉ toan lật xuống. Bấy giờ công chúa ngồi trên lầu nhìn xuống, thấy chàng trai loay hoay mãi với hai hòn đá kê đã bao nhiêu lần mà nồi vẫn đặt không vững, nên cảm thấy bực mình. Nhân một lúc nồi lại nghiêng nghiêng sắp đổ, công chúa nói chõ xuống:

- Tìm một hòn đá nữa mà kê!

Nghe theo lời, Mồ Côi chẳng nói chẳng rằng, bỏ đi tìm một hòn đá thứ ba đưa về, bấy giờ nồi đặt lên mới vững.

Sau khi trút gạo vào nồi, Mồ Côi bắt đầu đánh đá lửa. Anh đánh đi đánh lại nhiều lần đều không được. Vì anh đặt bùi nhùi lên phía trên đá, nên tinh lửa tuy bật ra nhưng đều không bén vào bùi nhùi. Anh đánh no nê chê chán vẫn không ăn thua, vì mỗi lần không được anh lại sửa soạn ở chỗ hòn đá, chứ không soạn chỗ bùi nhùi. Trên lầu nhìn xuống, công chúa thấy sốt cả ruột, nên vào lúc đánh đến lần thứ mấy mươi, nàng bèn nói chõ xuống:

- Đặt bùi nhùi xuống dưới!

Như cái máy, Mồ Côi nghe theo lời, sửa lại vị trí bùi nhùi thì quả nhiên đánh lửa bén ngay. Vẫn không một lời cảm ơn hay nói gì với công chúa, anh cứ cắm cúi làm công việc của mình. Sau khi cơm canh đã chín, Mồ Côi nấu luôn ấm nước chè. Nước sôi rồi, có việc rót nước từ ấm vào cái bầu nậm mà chàng thường mang theo bên người. Miệng bầu nậm thì bé, miệng ấm thì rộng nên anh rót chảy cả ra ngoài. Anh cố sửa soạn để nước chè khỏi chảy phí mất, nhưng mỗi lần làm là một lần mất công, nước vẫn lênh láng ra ngoài. Thấy thế, công chúa bực mình bảo:

- Đặt vào đấy một chiếc đũa!

Mồ Côi lại cúi đầu làm theo. Quả nhiên nước chảy theo đầu chiếc đũa lọt gọn vào miệng bầu nậm.

Bấy giờ vị quan làm phận sự theo dõi công chúa đã đến gặp vua, nói:

- Tâu bệ hạ. Công chúa đã nói chuyện với chàng trẻ tuổi đến lần thứ ba. Hạ thần đã ghi xong.

Vua lấy làm ngạc nhiên, sai dẫn Mồ Côi tới xem mặt. Thấy chàng

ăn mặc lôi thôi, vua không được hài lòng. Nhưng nghĩ rằng biết bao nhiêu người không thể làm cho con mình mở miệng, thì người này hẳn là phải có tài năng xuất chúng gì đây, vả lại một ông vua không bao giờ hai lời, nên cuối cùng quyết định gả công chúa cho Mồ Côi[1].

KHẢO DỊ

Về hình ảnh nhân vật anh hùng "ăn mặc lôi thôi" xin vào thử thách, có người kể đó là một anh chàng ăn mày đóng khố.

Về hình ảnh bắc nồi cơm trên hai hòn đá, đồng bào Thái (Nghệ-an) có truyện *Hai anh em*, đại ý nói: Có hai anh em: anh đã có vợ, em chưa. Anh để vợ ở nhà đi buôn. Vợ sau đó bỏ nhà, theo con một tên phú hộ. Em cất công đi tìm không được. Anh về nghi ngờ và mắng mỏ em, định giết. Trước hết bảo em nấu cơm. Em bắc nồi trên hai cái cọc đóng làm kiềng. Anh bảo: - "Sao ngu thế, kiềng hai chân bắc nồi sao được". Cơm chín, em lại đưa cho anh một chiếc đũa. Anh cũng bảo: - "Sao ngu thế, đũa phải có đôi chứ!" Người em mới dùng hình ảnh "kiềng ba chân" và "đũa có đôi" để khuyên anh nghĩ lại. Người anh hối hận từ đó mới biết vợ bội bạc, và ăn ở hòa thuận với em[2].

Tương tự với truyện của ta trên kia, đồng bào Tày có truyện *Nói khoác mất con gái* mà người Nùng, người Dáy cũng kể giống nhau:

Một trưởng giả giao hẹn nếu ai làm cho con gái mình nói được ba câu trong một buổi thì sẽ cho không làm vợ. Chạ - chàng trai nghe tin này đến trong một ngày giỗ để giúp việc mổ lợn - xin được thử (ở đây không có chuyện phạt một trăm trượng như truyện của ta) và nhờ các bô lão có mặt trong ngày giỗ làm chứng hộ. Lần đầu, chàng bảo cô gái trưởng giả đi gánh nước để về đun sôi cạo lông. Nhưng cô mất công gánh bao nhiêu lần đổ xuống vô hiệu, vì Chạ đặt sấp chảo. Lần thứ mười một, cô gái không nén được bực mình, bảo Chạ: - "Phải lật ngửa chảo mới đổ được. Dốt ơi là dốt!". Thế là Chạ có được câu nói thứ nhất. Nước đun xong, Chạ bảo cô gái giữ lợn cho mình chọc tiết, nhưng anh không đâm bằng mũi dao mà lại đâm bằng chuôi làm cho cô gái phải đè lợn hết sức vất vả vì những cái quẫy của nó. Bực mình cô gắt: - "Đâm đằng mũi ấy. Dốt ơi là dốt!". Chạ lại được câu nói thứ hai. Tiệc ăn xong, Chạ cùng

1. Theo lời kể của người Thái-nguyên.
2. Theo *Truyện cổ Thái*, sách đã dẫn.

cô gái làm phận sự rửa bát, nhưng anh lại bỏ tất cả đĩa bát vào sọt toan xóc xóc như kiểu rửa rau, khiến cô phải kịp thời ngăn lại với câu: - "Rửa từng cái một chứ. Dốt ơi là dốt!" Thế là Chạ có đủ cả ba câu nói của cô gái và được các bô lão chứng thực, làm cho trưởng giả đành phải y ước gả con[1].

Riêng truyện đồng bào Cao-lan kể, có một vài tình tiết hơi khác: Lần đầu, để buộc cô gái phải nói, là việc chàng Mồ Cội - ở đây là Mô Côi - lật úp chảo như trong truyện trên. Lần thứ hai, không phải đâm chuôi dao vào lợn mà chàng Mồ Côi buộc thòng lọng vào đuôi lợn để bắt lợn - "Phải buộc vào chân thì mới trói nổi lợn, chú buộc vào đuôi thì trói nỗi gì", cô gái kêu lên thế. Lần thứ ba, không phải rửa bát mà là dọn cỗ. Mồ Côi đã có chủ ý giấu đi một số đũa làm cho khách mấy mâm phải ngồi chờ. Bị bố trách, cô gái phải đi gọi Mồ Côi lấy đũa cho khách. Thế là ba lần cô gái mở miệng, kết quả Mồ Côi thắng lợi, buộc phú ông phải y ước gả[2].

Một dị bản khác của người Dao thì cô gái mở miệng nói ra không phải ba mà đến năm lần. Mỗi lần cô nói, chàng trai lại bập một nhát dao vào cột để đánh dấu. Lần đầu chàng trai làm phận sự bắt lợn để giết thịt, lại nhè phải con lợn nái. Cô gái kêu lên: - "Ấy, mổ con lợn béo trong chuồng chứ!". Lần thứ hai chọc tiết lợn, anh cầm dao chọc vào đít lợn. Tiếng cô gái: - "Ấy, chọc ở cổ, sao lại ở đít". Lần thứ ba cạo lông, anh chỉ giội vào lợn bằng nước lã. Lại tiếng cô gái: - "Phải nấu nước sôi giội vào chứ!". Lần thứ tư luộc lòng, anh cứ để nguyên bộ lòng lợn cả phân. Cũng lại tiếng cô gái: - "Ấy, phải thuôn cho sạch phân đã chứ!". Lần thứ năm, cũng như một truyện trên kia, khi làm phận sự rửa bát, anh cũng cầm sọt xóc lên xóc xuống. - "Xóc thế vỡ mất thôi!". Cô gái than. Anh thắng cuộc[3].

Cũng cùng một mô-típ trên nhưng khác hình ảnh, có truyện của người Ma-rốc (Maroc): *Công chúa Sát-sa hay là Mát-cút-sa:*

Một công chúa rất đẹp nhưng cũng rất ác, tuyên bố chỉ lấy người nào làm cho mình nói, nếu không, trong hạn một đêm phải chém đầu. Những chàng trai khinh suất chết vì việc này khá đông, phơi ở cổng thành đã đến 93 thủ cấp.

Một ông vua nước láng giềng có bảy người con trai. Do biết việc trên, nên trước khi chết, vua di chúc lại dặn con không được vượt quá biên giới. Người

1. Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn..., sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập III, Nhà xuất bản Việt-bắc, 1976.
3. Theo Doãn Thanh, Lê Trung Vũ. *Truyện cổ Dao,* đã dẫn.

con cả lên nối ngôi, một hôm đi săn ở núi, không ngăn được tò mò, bèn vượt qua, rồi phi ngựa đến kinh thành. Một bà già ở một hang gần đấy cản lại nhưng hắn không nghe, chỉ gửi ngựa và túi vàng lại, rồi tiến vào xin được thử thách. - "Đã biết điều kiện chưa?", vua láng giềng hỏi. - "Biết". Bèn đưa vào, đi qua bảy tấm màn. Ở đây cuộc thử thách không tiến hành ban ngày mà là ban đêm. Hoàng tử cùng công chúa ngồi ăn uống với nhau nhưng không ai nói một câu. Trời sáng, sắp đến giờ đọc kinh, hoàng tử bị điệu đi xử tử. Hoàng tử thứ hai đến lượt mình lên ngôi, cũng lại đi và cũng thất bại bỏ xác. Bốn người em khác cũng lần lượt lên ngôi và cũng chịu rơi đầu. Hoàng tử út thề quyết báo thù. Sau khi lên ngôi, chàng cũng ra đi, nhưng xin vua láng giềng hạn cho trong bảy ngày. Vì hắn giỏi chơi đàn nên vua cho ở một ngôi nhà xinh để đánh đàn. Ngày thứ sáu, công chúa vẫn không nói một câu. Nhưng những con chim bồ câu sau khi được nghe những bài đàn bèn nói với nhau: - "Làm sao để cứu cái anh chàng cho chúng ta nghe những tiếng đàn êm tai kia khỏi chết?". - "Làm sao?", con khác hỏi. - "Chúng ta hãy đến giả bộ xin anh ta xử cho một việc, thế nào rồi công chúa lại chẳng tham gia". Sang ngày thứ bảy, những con bồ câu đến đậu ở cửa sổ xin phân xử: chúng tôi có ba chị em chia của, con thứ nhất đòi chiếm 3/6, con thứ hai chiếm 2/6, còn lại 1/6 thì con kia không chịu. Xin anh phân xử hộ. Hoàng tử út nói: - "Phải chịu như thế". Nghe nói, công chúa tức mình vì mình vốn thông hiểu luật lệ và phong tục, vội cãi: - "Xử như thế là sai, phải chia như thế này này...". Viên quan ngồi sau màn ghi chép ngay lời nói của công chúa. Thế là hoàng tử thắng cuộc, mang công chúa về làm vợ[1].

1. Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích Pha-dít* (Ma-rốc).

196. RỦ NHAU ĐI KIẾM MẬT ONG

Có hai anh tên là Bự và Ngốc đều không ai chịu kém ai về mặt ngu đần. Nhưng Bự vẫn thường cho mình là khôn hơn Ngốc. Một hôm, nghe người ta nói đi kiếm mật ong vừa được ăn, vừa bán có tiền, hai anh bèn rủ nhau đi làm một chuyến. Nhưng cả hai lại quên hỏi xem đi hướng nào thì có tổ ong. Suy nghĩ hồi lâu, Bự làm mặt thạo, bảo Ngốc:

- Mày ạ! Mật là chất có nước, vậy thì lên rừng không có đâu, phải tìm ở dưới nước mới thấy!

Ngốc không chối cãi, gật đầu ngay. Hai anh bèn chèo thuyền ra đi. Chèo mãi suốt mấy ngày chẳng thấy tăm hơi tổ ong đâu cả. Ngày thứ ba, khi trời sắp tối, chúng cắm thuyền bên bờ sông để nghỉ. Sáng hôm sau khi thức dậy, cả hai nhìn thấy dưới nước có bóng một tổ ong rất lớn. Bự vỗ vai Ngốc:

- Tao nói có sai đâu. Lấy được tổ ong này thì được ăn no và còn bán được vô khối là tiền, bõ công chúng ta đi tìm từ mấy hôm nay. Mày giỏi lặn thì hãy xuống lấy đi!

Ngốc vâng lời cởi áo nhảy tùm xuống nước. Nhưng lặn mãi tìm đỏ cả mắt mà vẫn chẳng thấy gì. Thấy Ngốc lên tay không, Bự chỉ xuống nước nói:

- Ong nhiều như thế sao mày lại không lấy được một chút gì. Cái giống ong hay bay, phải lặn lâu mới được, mày ạ!

Ngốc ta lại lặn xuống tìm tòi một hồi lâu rồi lại trồi đầu lên. Thấy vẫn không được gì, Bự suy nghĩ hồi lâu, bỗng reo lên:

- Vì mày lần nào cũng vội lên nên chẳng được gì. Cái giống ong phải mất công tìm mới được. Sẵn có nạng đây, tao sẽ lấy nó ghìm mày ở dưới nước cho thật lâu thì mày mới tìm ra.

Ngốc lại lặn xuống để cho Bự cầm nạng đứng trên thuyền đè. Bự đè mãi gần nửa buổi mới thả nạng ra thì Ngốc đã chết nhăn răng từ bao

giờ. Thấy xác Ngốc nổi lên mặt nước, Bự lại tưởng hắn còn sống nên mắng ngay:

- Cái thằng tham lam. Ăn một bụng mật ở dưới ấy rồi còn nhăn răng ra mà cười.

Bấy giờ có một chiếc thuyền chèo qua đó, bọn lái thuyền thấy có một cái xác nổi bập bềnh, bèn bảo Bự:

- Thằng kia chết rồi, sao mày không chôn đi, để như vậy thối hoăng ai mà chịu nổi.

Nghe nói, Bự mới biết là Ngốc đã chết, bèn đưa xác lên bãi đào lỗ chôn cất. Sau khi chôn xong, hắn lại trở xuống thuyền. Bỗng nhiên hắn đánh một cái rắm. Thoáng thấy mùi thối, nhớ lại lời bọn lái, hắn bèn bụng bảo dạ: - "Thối quá! Vậy là mình cũng đã chết rồi nên mới thối như vậy. Thôi, ta phải chôn ta đi mới được, không thì ai mà chịu nổi". Nghĩ vậy hắn bèn xuống bãi đào một cái lỗ tự chôn mình. Nhưng khi vừa bốc mấy nắm bùn lấp lên đầu, hắn thấy ngột ngạt khó chịu quá, nên lại ló đầu lên. Trông thấy có những chiếc thuyền qua lại gần bãi, Bự gọi to:

- Thuyền kia đi xê ra, kẻo đụng vào mả của người ta thì thối không chịu nổi đâu!

Nghe Bự nói thế, một lũ trẻ cho trâu ăn gần đó không nhịn được cười. Chúng nó lấy một cây roi mây xuống bãi quất túi bụi vào người Bự, vừa quất vừa nói:

- Nào, xem thử là chết hay là sống!

Đau quá, Bự nhảy vọt lên khỏi lỗ chôn cắm đầu chạy. Đang chạy, hắn bỗng nghĩ ra rằng chính là mình đã chết rồi, nhưng may nhờ cây roi của chúng nó đánh mấy cái mới sống lại được. Vậy là cây roi ấy nhất định phải có phép thần thông. Đó là cây roi rất quý, ta phải trở lại xin chúng nó mới được.

Nghĩ vậy, Bự bèn quay trở lại xin lũ trẻ cây roi. Bọn chúng không cho. Bự phải lạy lục mãi, cuối cùng bọn chúng mới vứt cho. Được roi, Bự hết sức mừng rỡ, cho rằng từ nay mình có phép cải tử hoàn sinh. Thế là Bự cầm roi lên đường với ý định cứu chữa cho thiên hạ.

Đi một hồi lâu, Bự trông thấy một đám ma. Làm ra vẻ nghiêm trang, Bự tiến lên đòi gặp cho được tang chủ. Khi gặp tang chủ, Bự nói:

- Ta đây có cây roi có phép cải tử hoàn sinh đã từng thí nghiệm công hiệu như thần. Vậy các ông các bà hãy mở áo quan ra, ta sẽ cứu cho người chết sống lại mà về nhà làm ăn.

Nghe Bự nói thế, tất cả những người trong tang gia ngừng tiếng khóc. Họ sụp lạy Bự và đồng thanh:

- Ngài thương đến cho cụ chúng tôi sống lại, chúng tôi cắn cỏ lạy ngài và đời đời không quên ơn.

Đám ma bèn được lệnh hạ đòn đặt xuống đám đất bên vệ đường. Mọi người xúm lại nạy ván thiên lên. Cái xác bị lột trần đặt sấp trên ván theo lệnh của Bự. Thế rồi Bự thong thả tiến lại giang thẳng cánh quất roi túi bụi vào cái xác, vừa quất vừa nói:- "Xem thử là chết hay là sống! Xem thử là chết hay là sống!". Nhưng quất đến roi thứ mười, da thịt văng khắp nơi mà vẫn không thấy "ông cụ" của mình sống lại, bọn con cháu và thân thuộc người chết bèn xông lại kẻ đấm người thoi vô hồi kỳ trận làm cho Bự ngã lăn ra chết giấc[1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta có một số tình tiết tương tự với truyện của một vài dân tộc anh em.

Trước hết là truyện của người Miến-điện (Myanmar): *Bốn chàng ngốc*. Truyện này có thể xem là một dạng kết hợp giữa truyện *Rủ nhau đi kiếm mật ong* với truyện *Phiêu lưu của anh chàng ngốc* (số **190**) :

Có bốn anh chàng thất nghiệp đến gặp một bà già để xin việc làm. Bà già thuê họ bứt rạ để lợp nhà. Người thứ nhất bứt xong trước, đội bó rạ về tới nơi nói: - "Thưa, để rạ ở đâu?" - "Để ở sau bếp", bà già trả lời. Người thứ hai đội rạ về tiếp theo cũng hỏi: - "Thưa, để rạ ở đâu?". Cho đến người thứ ba, thứ tư đều hỏi như thế. Bà già phải trả lời đến bốn lần đã tỏ ra bực mình. Lại đi bứt chuyến thứ hai. Người thứ nhất đội về lại hỏi: - "Thưa, để rạ ở đâu?". Bà già quát: - "Đồ ngốc, để trên đầu tao đây này". Anh chàng thuận tay ném bó rạ vào đầu bà già. Khi xem lại thì bà già đã chết. Sau đó, dân làng bảo họ đi chặt cây làm áo quan. Họ phân công: một người chặt, một người trèo lên ngọn để đỡ phía trên, hai người ghé vai gần gốc để đỡ phía dưới. Cây đổ, đè

1. Theo truyện đăng trên báo Sài-gòn vào năm 1934, quên mất tên.

chết hai người dưới gốc và làm bất tỉnh người trèo ngọn. Dần dần y tỉnh lại. Tưởng hai người kia chưa chết, y và người chặt cùng ngồi chờ. Ba ngày sau, có một bác thợ rừng đi qua, hỏi: - "Đã chặt cây rồi mà sao còn ngồi ở đây?". Đáp: - "Chúng tôi chờ hai người kia dậy để cùng về nốt thể" - "Nó chết rồi". - "Sao lại biết?" - "Nó thối thế kia, chẳng phải chết là gì". Hai người này bèn ra về. Dọc đường một người đánh cái rắm (một dị bản kể là ợ) thấy có mùi thối, tự nhủ: - "Thôi thế là ta cũng chết rồi". Bèn nằm lại giữa đường. Tiếp đến người thứ hai đánh một cái rắm cũng tự cho là mình chết, cũng nằm lại giữa đường. Lúc ấy vừa có người quản tượng cưỡi voi đi qua, thấy có hai người nằm giữa đường thì giục họ tránh. Hai ngốc ta đáp: - "Chúng tôi đã chết rồi không tránh được nữa". Quản tượng lấy dùi đâm vào hai người buộc họ phải đứng dậy - "A hóa ra đã chết đâu!". Cũng như truyện trên, cho là cái dùi có phép cải tử hoàn sinh, hai người bèn khẩn khoản xin đổi cái rìu chặt cây lấy cái dùi của quản tượng. Dọc đường về, họ gặp một đám ma. Cũng thế, họ bảo với tang gia rằng mình có cái dùi phép có thể làm sống lại người đã chết. Đám tang cũng dừng lại để đưa xác ra khỏi áo quan. Hai người dùng dùi đâm nát cả cái xác. Không thấy người chết sống lại, những người đưa ma phang cho hai ngốc một trận nhừ tử phải nằm lại dọc đường. Một người đi qua hỏi nguyên nhân vì sao bị đánh. Hai người đáp là vì muốn kiếm cơm. - "Ngốc, người kia nói, nếu thế thì cứ khóc lên ba tiếng là sẽ kiếm được ăn". Sau đó, gặp một đám cưới, hai người đón đường khóc váng lên. Lại bị đòn nằm lại, lại có người đi qua hỏi nguyên nhân vì sao bị đánh - "Vì kiếm cơm" - "Đáng lý ra phải múa hát và chúc hạnh phúc". Sau đó họ gặp hai vợ chồng đánh nhau - "Chúc các bạn hạnh phúc". Lại bị đòn. Lại gặp một người hỏi vì sao - "Vì kiếm cơm" - "Đáng lý phải can ra và nói xin bớt giận". Sau đó gặp hai con trâu chọi nhau, họ xông vào can và nói: "Xin bớt giận". Nhưng chưa kịp can thì đã bị trâu húc chết[1].

Về tình tiết đi tìm tổ ong dưới nước, một truyện Căm-pu-chia *Bốn ông lão ngốc đi tìm vợ,* cũng có đoạn tương tự:

Có bốn người hói có tính ngốc kết bạn cùng nhau. Vì không có vợ nên họ cùng đi với nhau để tìm vợ. Đến một nơi nọ, có một anh chàng vì ăn nằm với một cô gái bị bố mẹ cô bắt được, họ nhờ bốn ông lão xử hộ - "Tại sao mày lại xấu thói?". Bốn lão hỏi chàng kia. - "Vì cô này là nhân tình của tôi", chàng kia trả lời. - "Láo", cô kia cãi lại, "nó là đứa gian, không phải nhân tình". Bốn người trao đổi với nhau: - "Bây giờ quyết định thế nào? Cô ấy quả quyết không nhận nó là nhân tình". Người thứ nhất nói: - "Khi cái ngoèo đã mắc vào thì

1. Theo *Truyện dân gian Miến-điện.*

quả cam phải rơi". Người thứ hai: - "Đâu có cứt thì đó có chó ỉa". Người thứ ba: - "Nếu đào lỗ thì nước sẽ chảy xuống đấy". Người thứ tư: - "Đâu có bí, đấy mọc bầu rợ". Bố mẹ cô gái nghe họ trao đổi như thế, bèn đem cô gái gả quách cho anh kia. Bốn người lại đi. Họ bắt được năm con rùa định chia nhau nhưng cãi nhau hơn thiệt không ai chịu ai. Bỗng gặp một người đi qua, họ nhờ chia hộ. Người kia chia cho mỗi ông lão một con, còn mình cũng một con. Ai nấy đều thỏa mãn. Đến một cái hồ, họ thấy có bóng tổ ong ở mặt nước. Như truyện của ta, họ cử một người lặn xuống tìm, còn ba người nữa thì dùng nạng đè nghiến ông ta suốt buổi. Lão kia chết đuối. Thấy có cứt nổi lên mặt nước, ba người nói: - "Nó xấu thói! Nó ăn lấy mật, chỉ cho chúng mình sáp". Bèn làm dỗi bỏ đi. Dọc đường họ lại gặp một người khác cũng hói, hỏi thì người kia nói là mình đang đi tìm vợ. Và y bảo họ: - "Hãy đi theo tôi!". Gặp một bà già không chồng, bốn người quyết lấy làm vợ chung và thề không bỏ nhau. Về phần người đàn bà thì nghĩ rằng nếu chỉ lấy một, tất ba người kia sẽ không chịu, chi bằng lấy cả để bắt mỗi người làm một việc, đỡ cho mình. Bốn lão phải làm việc nhiều, mệt quá. Một hôm bàn nhau đi tìm một tên nô. Bèn rủ nhau đi. Bấy giờ có một anh chàng giỏi đan nhưng lại muốn giấu nghề, mới đem tre nứa trèo lên cây cọ ngồi đan. Anh này cũng có dự định nuôi một tên nô. Vừa đan hắn vừa nghĩ rằng nếu mua được nô về mà nó không chịu làm việc thì ta sẽ đá cho nó một cái. Thuận chân, hắn đá, thế nào lại mất thăng bằng rơi xuống, may níu được một tàu cọ thành ra cả người treo lơ lửng. Từ đây về sau, truyện diễn ra y như kết thúc của truyện *Cái chết của bốn ông sư*, xem số **200**, mục **Khảo dị**.

Người Mường Thanh-hóa có truyện *Trứng ngựa* cũng có một số tình tiết ngốc ít nhiều tương tự với các truyện trên:

Xưa, có một mường từ lang đến dân đều ngốc. Họ thấy người mường Chếnh cưỡi ngựa thì ao ước làm sao cũng có một con để cho lang cưỡi. Một hôm gặp người mường Chếnh đi chăn ngựa, một anh bèn hỏi dò: - "Ngựa đẻ con hay đẻ trứng?". Người kia thấy hỏi trớ trêu, bèn đáp đùa: - "Đẻ trứng, ấp sẽ có con". Hắn bèn về trình với lang xin đưa quà cáp cho người mường Chếnh để xin trứng ngựa. Người kia đưa cho một quả gấc chín, dặn: đốt một đám cỏ tranh cho rộng, xung quanh rào kín, giữa đào một lỗ sâu cho trứng vào, lấp đất. Xong để ngỏ bốn phương bốn cửa, cho người nấp từ xa, hễ thấy trứng nở ra ngựa thì đóng các cửa lại, cứ bắt lấy mà cưỡi. Họ làm theo lời, hôm sau, một con nai thấy trong đó có cỏ tranh non, đi lần vào ăn. Mấy người canh trông thấy cho là trứng đã nở ra ngựa, bèn chia nhau đóng bốn cửa lại. Bắt được, lấy dây cột ngựa (nai) lại, mời lang tới, lại báo tin cho dân đi xem lang

cưỡi ngựa. Khi lang cưỡi lên, nai được tháo dây, chạy thục mạng. Lang bị cây va phải ngã chết. Thấy xác lang, dân tưởng lang mệt, nên bảo nhau im lặng để lang ngủ. Canh mãi không thấy lang dậy, lại ngửi thấy mùi thối, chúng bèn đổ cho nhau phóng uế, đấm đá nhau không thôi. Mãi sau, một người đạp phải xác lang thấy bấy nát mới biết là đã chết. Khi chặt cây gỗ làm áo quan, chúng muốn rằng cây đừng ngã về phía dưới, bèn trước hãy buộc dây vào đầu ngọn cho vài chục người đứng trên dốc núi kéo lại. Không ngờ cây không chịu ngã theo ý muốn mà lôi cả bọn theo về phía dưới. Những người đứng xem reo lên: - "Kìa, có mấy thằng biết bay!"[1].

1. Theo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn* (1930). Riêng về truyện *Trứng ngựa*, có một số dị bản như sau: trước hết là một truyện khôi hài của Ba-tư (Iran) mà các nhân vật trong đó đều ngốc: *Tám cuộc phiêu lưu của tôn sư (gu-ru) Pa-ra-mác-tha* có đoạn nói đến việc mua trứng ngựa... Hai đồ đệ mua được trứng (kỳ thực đó là quả bí da xám), một người kính cẩn đội trứng lên đầu, còn người kia đi trước chỉ đường. Bỗng đụng phải một cành cây nhô ra giữa đường, bí rơi xuống nát thành mảnh văng vào bụi rậm. Một con thỏ xám kiếm ăn gần đấy giật mình bỏ chạy. Hai người reo lên: - "Ngựa đây rồi". Bèn chia nhau chạy tìm bắt, nhưng áo quần toạc hết mà không được gì. Về nhà họ kể lại với tôn sư: - "Chúng tôi chưa bao giờ thấy một con ngựa bé mà nhanh nhẹn như vậy, vừa ra khỏi trứng đã chạy biến". Tôn sư an ủi: - "Mất tiền mua kể cũng đáng tiếc, nhưng ngựa chạy nhanh như thế, ta cũng sợ. Sau này kiếm con nào già già, chứ ngựa non ta sợ lắm" (tạp chí *Muy-dê-ông* tập VIII, 1889).

Truyện *Trứng ngựa* của người Pháp vùng Lo- ren (Lorraine): Một chàng ngốc đi chợ thấy những quả bí, hỏi là cái gì. - "Trứng ngựa", người kia đáp. - "Làm sao để thành ngựa?". - "Cho một bà già ấp trong sáu tuần". Hắn nghĩ: - "Ta có bà mẹ vợ, nhân trứng ngựa rẻ, mua về cho bà ấy ấp". Bèn mua một trứng về bắt bà nhạc ấp. Ấp sáu tuần không thấy gì. Lại ấp bốn tuần nữa, cũng thế. Hắn nói: - "Hoặc là ấp tồi, hoặc là trứng ung". Bèn quẳng vào bụi. Bất đồ có một con thỏ trong bụi chạy vụt ra. - "A, ngựa của ta!". Nhưng hắn tìm hết hơi mà không thấy (A-đam (Adam) : *Tiếng địa phương Lo-ren*).

Một truyện *Trò đùa và lừa gạt* của người vùng Thượng Brơ- ta- nhơ (Haute Bretagne). Một gã ở Blét-xa-la thấy có những quả bí trong một cái trại - "Cái gì đây?", hắn hỏi. Người ta đáp: - "Trứng lừa". - "Ấp có nở ra con không?". - "Sao lại không" - "Bán cho tôi một trứng". Đưa về, hắn giục vợ ấp. Mười lăm ngày qua không thấy gì, chồng lại thay vợ ấp thêm tám ngày nữa. Thấy không kết quả, hắn ném trứng vào bụi. Một con thỏ đang ăn ở gần đấy vụt chạy ra. Hắn kêu lên: - "Tiếc quá! Giá ta ấp thêm ba ngày nữa có phải được lừa con rồi không. Nó đã có tai dài, nhưng đuôi còn ngắn" (Xê-bi-ô (Sébillot). *Truyện dân gian ở Thượng Brơ-ta-nhơ*, Pháp). Xem thêm **Khảo dị** truyện *Phiêu lưu của anh chàng ngốc*, số **190**.

197. CÔ GÁI LỪA THẦY SÃI, XÃ TRƯỞNG VÀ ÔNG QUAN HUYỆN

Ở một huyện nọ có một chị góa chồng mặt mày sáng sủa dễ coi, lại khôn ngoan lanh lợi. Thấy có đóa hoa xinh dễ vin dễ hái, nhiều anh chàng thường ngấp nghé. Trong số những người lui tới, có cả một thầy sãi, một xã trưởng và một quan huyện. Cả ba đều dày công thả lời ong bướm, ai cũng tưởng mình lọt vào mắt xanh cô nàng. Thực ra cô nàng chưa chút tơ vương. "Cả ba người đều có vai có vế, nhà ta từng đôi ba phen nhờ vả, thật khó mà ngang nhiên cự tuyệt". Nghĩ vậy, chị ta vẫn tiếp đãi cả ba rất ngọt ngào; trước những cái liếc mắt đưa tình, những câu bóng gió, tuy chị không vồ vập, nhưng cũng không tỏ ra thờ ơ. Cả ba thấy thế tưởng rằng cá đã cắn câu nên lại ra công theo đuổi. Tuy nhiên cuối cùng cô nàng cũng buộc phải tỏ rõ thái độ, không thể giả lả qua ngày, nhất là đối với xã trưởng là tay quyền thế trong làng, lại gần đường lui tới nên cứ săn đón luôn canh. Chị ta bụng bảo dạ: - "Thật là đáng ghét, chúng nó bám lấy ta như đỉa đói. Phải tìm cách cho cả ba một mẻ, không thể kéo dài mãi được".

Một hôm cô nàng đang ngồi ở nhà thì thầy sãi ở đâu bước vào. Sau khi trầu nước, thầy sãi bắt đầu tỉ tê đòi được một buổi hẹn hò. Chị ta đáp ngay: - "Thầy sãi muốn gì nào, tối nay có được không?". Sãi ta như mở cờ trong bụng: - "Ô thế thì hay quá! Có chắc như vậy không?". - "Chắc như đanh đóng cột. Thầy nhớ đến chơi vào canh một nhé!".

Sau khi thầy sãi ra về, chị ta cũng lật đật chạy đi báo cho xã trưởng làm cho xã trưởng sướng run lên vì cái tin đột ngột. Tiếp đó, đến lượt quan huyện cũng tràn ngập niềm vui vì nhận được ở cô nàng một lời hứa chờ đợi từ lâu. Đêm hôm ấy, vào khoảng trăng lặn, thầy sãi đã đến gọi cửa. Chị ta ra mở cho vào. - "Trong nhà có ai không?" - Thầy sãi hỏi. Đáp: - "Không. Cả nhà thiếp đều đi vắng". Sãi ta chỉ đợi có câu

ấy, bắt đầu lả lơi. Thấy chị chàng không ra bộ cự tuyệt, sãi lại càng làm già. Nhưng giữa lúc thầy sãi sắp lên giường thì bỗng có tiếng gọi cửa. Như gáo nước lạnh giội vào lưng, sãi ta run lập cập. Người đàn bà làm bộ ngạc nhiên:

- Tiếng ai như tiếng thầy xã, chẳng biết đêm hôm thầy tới đây làm gì?

Nghe nói thế, thầy sãi lại càng cuống quít, nhờ người đàn bà chỉ cho một chỗ nấp. Cuối cùng thầy đành theo lời chỉ, chui đại xuống gậm giường, vì nhà không có cửa sau.

Xong đâu đấy, chị ta ra mở cửa đón xã trưởng vào. Sau những câu chào hỏi mời mọc, người đàn bà nói: - "Nhân thể thiếp có chút việc muốn hỏi thầy xã". - "Việc gì đó nói đi", xã trưởng hỏi.- "Phận đàn bà con gái không biết phép vua lệ làng. Xin hỏi: như thầy sãi bỏ chùa mà đi ve gái thì làng xử ra làm sao ạ?" .Xã trưởng cười hề hề đáp ngay: - "Ồ! Quân đó là đồ trốn xâu lậu thuế, bắt được thì đem chém quách cho rồi, để làm chi!".

Cũng như thầy sãi, khi biết nhà vắng vẻ, xã trưởng ta bắt đầu giở chuyện bài bây. Cô nàng cũng không ra vẻ cự tuyệt. Câu chuyện đang đi vào mặn nồng thì thình lình lại có tiếng gọi cửa. Xã trưởng thất kinh vì hắn nhận ra tiếng quan huyện. - "Chết nỗi, đêm hôm khuya khoắt, chẳng biết quan đến đây làm gì? Làm sao bây giờ đây?". - "Thầy đừng lo. Để thiếp tìm cho thầy một chỗ nấp". Cuối cùng xã ta cũng được dắt vào buồng, ngồi ẩn vào một xó.

Xong đâu đấy, chị ta lại mở cửa đón quan huyện vào. Sau khi dọn trầu nước mời quan, chị ta hỏi:- "Thiếp có chút việc muốn hỏi quan". - "À, việc gì đó cứ nói đi!", quan đáp. - "Bẩm quan, như thầy sãi ban đêm bỏ chùa mà đi chơi gái thì nên xử vào tội gì?" - "Ồ!" Quan cười đáp: "Bắt được thì đánh cho nó năm roi, mười roi, rồi bắt phạt xâu cũng như đối với dân sự vậy!".

Quan vừa đáp xong thì thầy sãi từ dưới gậm giường lóp ngóp bò ra, lạy lấy lạy để, vừa lạy vừa nói:

- Bẩm quan lớn, ngài minh lắm, chứ không như anh xã nấp ở trong kia thực là quá tay. Tội có như vậy mà anh ấy đòi xử chém[1].

1. Theo Trương Vĩnh Ký. *Chuyện khôi hài.*

KHẢO DỊ

Trong vở tuồng đồ *Nghêu Sò Ốc Hến* cũng có đoạn kết đầy kịch tính như truyện vừa kể. Ở vở tuồng này, nhân vật chính là Thị Hến góa chồng, làm nghề buôn bán. Vì mua phải của ăn trộm, chị chàng bị Trùm Sò bắt lên quan. Nhờ có chút nhan sắc, Thị Hến làm cho từ xã trưởng, đề lại đến quan mê như điếu đổ, và cố lo chạy chọt cho thị được khỏi liên lụy để gây cảm tình. Theo lời hẹn của Thị Hến, ở đây, xã trưởng đến trước. Ngồi chưa nóng chỗ thì đề lại đã tới gõ cửa. Thị mở cửa đón vào sau khi chỉ cho xã trưởng chỗ nấp dưới gậm giường. Ở đây cũng có một câu hỏi do Thị Hến đưa ra cho đề lại giải đáp, nhưng đối tượng lại là xã trưởng: - "Xã trưởng đêm hôm đi mò đàn bà góa thì luận tội gì?" - "Đem chém nó đi!", đề lại trả lời. Đến lượt quan huyện gõ cửa, đề lại kinh hoàng rúc dưới mô dây khoai. Ngồi với quan, Thị Hến lại nêu câu hỏi vừa rồi. Câu trả lời của quan là: - "Chỉ đem phát lạc nó là đủ". Cũng như ở truyện cổ tích, tác giả tuồng cũng mượn miệng xã trưởng và hành động lóp ngóp chui ra tạ ơn quan cứu hắn để gây cười cho khán giả. Nhưng tuồng chưa dừng lại ở đó, còn cho xuất hiện thêm hai nhân vật nữa là vợ của quan và vợ của thầy đề để tăng thêm tính phức tạp và vui nhộn. Họ cùng đến nơi đập cửa đánh ghen. Kết cục quan chưa kịp chui xuống gậm giường thì đã bị kéo cẳng lôi ra và bị vạch mặt chỉ trán cùng với đề lại[1].

Truyện trên vốn có nhiều dị bản trong kho tàng cổ tích của nhiều dân tộc từ Đông sang Tây, mỗi dị bản đều có nét độc đáo của nó.

Trước hết là truyện của Trung-quốc: *Khước Yêu.*

Khước Yêu là một nữ tỳ của Lý Dũ ở Hồ-nam, người đẹp, giỏi từ lệnh, quán xuyến công việc nhà chủ, được đối đãi tốt. Lý có bốn người con trai đều muốn ghẹo Khước Yêu mà không làm gì được. Một hôm vào tiết Thanh minh, Đại lang nắm lấy tay nàng buộc phải cho mình gặp riêng. Nàng trao cho hắn một chiếc chiếu nhỏ dặn khuya đến đứng đợi ở góc Đông nam nhà sảnh. Tiếp đó lần lượt ba người em hắn đều hẹn hò và buộc cho mình được gặp riêng. Cũng như đối với anh chúng, nàng cũng lần lượt trao cho mỗi người một chiếc chiếu nhỏ, hẹn gặp không phải vào những giờ khác nhau mà là cùng một giờ ở quanh nhà sảnh. Đêm lại, người anh cả (Đại lang) đến trước nép vào một nơi để đợi người con gái, thì chợt thấy ba đứa em của mình lần lượt đi vào, ai nấy đều tìm chỗ nấp. Chốc sau, thấy Khước Yêu cầm đuốc tiến ra, mở cửa

1. Theo bản phiên âm *Nghêu Sò Ốc Hến,* quốc ngữ.

nhà sảnh, nói lớn: - "Không biết các công tử đua nhau đến tìm gì ở chỗ ở của gái hèn này?". Ai nấy đều quẳng chiếu, che mặt bỏ chạy. Về sau không dám ghẹo nữa[1].

Hai truyện sưu tầm ở Bắc Ấn-độ:

1. Một người đàn bà đẹp, lương thiện, bị một quan thượng (vi-dia) theo đuổi. Để có thể được gần gụi người đàn bà, quan bảo vua rằng chồng nàng có thể lên rừng tìm bắt một con chim chưa ai thấy, gọi là rang-ta-ti-ya. Vua muốn có ngay con chim lạ, bèn đòi anh kia đến, ra lệnh đi tìm con chim theo lời quan thượng, giao hẹn nội một tháng phải có. Ở cung vua về, anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo: - "Đừng đi, quan thượng muốn giết anh đấy", lại nói: "Được, nếu thế thì tôi sẽ có một mưu còn sâu hơn mưu của quan thượng". Bèn bảo chồng đào một hố ở trong buồng, đặt xuống đấy một vại đầy mật. Lại trải một tấm vải rộng trên giường, rải lên một lượt bông chưa bật có nhiều màu. Xong việc, chị chàng hẹn với quan đến nhà. Quan vừa vào được một chốc sắp được vui thú, thì ở ngoài đã có tiếng đập cửa. - "Có lẽ chồng tôi đã tìm bắt được chim đưa về", nàng nói với quan. - "Xin chỉ cho một chỗ trốn". Người đàn bà dắt hắn vào buồng. Đang đi thì hắn ngã vào vại mật, hắn nhờ nàng kéo lên và chùi hộ. Làm xong việc này nàng bảo hắn lên nằm trên tấm vải trải ở giường và bọc lại như cái gói. Đoạn ra mở cửa cho chồng vào, chỉ cái gói bọc và nói: - "Đây là chim rang-ta-ti-ya". Chồng mang cả bọc đến vua và nói: - "Tâu bệ hạ, đây là con chim mà quan thượng mách. Nếu giội nước vào thì màu nó còn lấp lánh đẹp hơn". Vua sai làm như lời. Nước chảy đến đâu quan thượng lộ hình đến đấy. Vua cười, truất chức hắn mà cho anh kia lên thay.

2. Một ông vua theo đuổi vợ một người dân. Một hôm đứng trước vua, thấy vua và quan thượng cười, anh cũng cười theo. - "Mày cười gì đấy?", quan thượng hỏi. - "Không", anh đáp. -"Không là cái quái gì? Mày hãy đi tìm cho được nó rồi đưa nó về đây". Vua tán đồng, ra lệnh bảo phải đi tìm, không có không được. Anh buồn bã trở về kể cho vợ hay. Vợ bảo rồi sẽ tìm cho, không khó. Bèn cho đào mấy hố trong buồng của mình, đặt vào đó một thùng đầy nhựa, và ở một hố khác, một thùng đầy lông chim. Rồi bảo chồng đến báo với vua là đã tìm được, mời vua đến vào một giờ hẹn. Vua đến lả lơi với người đàn bà. Sau đó không lâu có tiếng đập cửa. Người đàn bà hỏi: -"Ai?" - "Ta là chồng nàng" - "Sao lại về?" - "Để lấy vũ khí". Nghe nói, vua sợ, hỏi: - "Trốn đâu bây giờ?". Người đàn bà mở cửa buồng thứ nhất cho vua vào. Vua rơi vào thùng

1. Theo *Thái-bình quảng ký*.

nhựa. Nàng kéo lên và cho vào buồng thứ hai, vua lại rơi vào thùng lông. Đoạn nàng ra mở cửa cho chồng vào, nói là mình đã tìm hộ cho cái "Không", cái "Không" này không phải là người cũng không phải là chim. Anh vực cái "Không" về cung, chẳng ai biết đó là vua. Từ đó vua tởn đến già. Hai vợ chồng sống yên ổn.

Truyện của Tây-tạng đã có chép trong sách *Can-jua (Kandjour)*:

Ma-hăng-sa-đa, quan đầu triều, có một người vợ rất đẹp và khôn ngoan tên là Vi-sa-ka. Nàng đã làm cho sáu quan thượng thư mê mẩn. Mỗi người đeo đuổi nàng với nhiều hứa hẹn mà không ăn thua. Cuối cùng Vi-sa-ka xin chồng làm một chuyến cho chúng tền. Bèn bảo chồng đập bệnh nằm nhà. Tin ấy đến tai các quan thượng. Nàng gửi cho mỗi người một thư mời đến nhà vào giờ nọ giờ kia. Trước đó nàng thuê làm sáu cái hòm lớn đặt vào sáu buồng khác nhau. Mỗi quan đến giờ hẹn tới nhà được nàng tiếp ân cần, và cứ đến lúc sắp được hưởng ơn huệ cao nhất thì có tiếng gõ cửa và bị bỏ vào một hòm. Sáng dậy, nàng bắn tiếng là Ma-hăng-sa-đa chết, mang đến cho vua sáu hòm của cải của chồng. Vua chưa hiểu ra thế nào thì Ma-hăng-sa-đa đã tới cùng với vợ trang sức đầy hoa. Nàng kiện các quan thượng. Sau đó các hòm mở ra. Ma-hăng-sa-đa kể cho vua hay mọi việc và được vua khen ngợi.

Truyện của người Ca-sơ-mia (Cachemire) và người Ả-rập (Arabes), người Xi-ri-a-cơ (Siriaques) cũng kể tương tự:

Chồng nàng U-pa-cô-sa đi hành hương ở núi Hy-mã-lạp (Himalaya). Hàng ngày, nàng ở nhà đi tắm sông Hằng. Một hôm trên đường về lần lượt gặp ba người: một thượng thư, một linh mục (pu-rô-hi-ta) và một chánh án, đều muốn dùng bạo lực bắt nàng. Để được thoát nạn người đàn bà ấy hẹn với mỗi người đến nhà mình trong một đêm, nhưng với giờ giấc khác nhau. Trước đó nàng sai con hầu mang tiền đến cho một lái buôn mà khi chồng ra đi dặn gửi cho hắn. Nhưng nàng lại quên không lấy chứng từ nên bị tên lái buộc phải ngủ với hắn một đêm, nếu không thì mất. Nàng bèn hẹn hắn đến nhà vào giờ chót. Nàng còn bảo con hầu chuẩn bị cho mình một thứ nước trộn bồ hóng, dầu và nước thơm. Lại thuê thợ đóng một cái tủ lớn có từng cánh có khóa. Canh một, viên thượng thư đến. Nàng bắt hắn ta phải tắm đã mới cho chung gối. Con hầu dẫn hắn vào một phòng tối nói là xoa bóp, kỳ thực là bôi nước bồ hóng. Đang làm dở dang thì linh mục tới. Chủ tớ bèn giấu thượng thư vào ngăn đáy tủ khóa lại. Linh mục và tiếp sau là chánh án đều lần lượt bị bôi bồ hóng từ đầu đến chân như thượng thư và đều nằm vào ngăn thứ hai, thứ ba, v.v... Nàng

tiếp tên lái buôn ở ngay cái buồng có tủ. Trao đổi với hắn về số tiền gửi, lái ta nói rất tự nhiên: - "Nàng đừng lo. Tôi đã nói là tôi nhận số tiền của chồng nàng gửi cho tôi rồi". Ngoảnh về phía cái tủ, nàng nói to: - " Các ông Thần Bếp nhà tôi, các vị có nghe anh ta nói gì không?". Đoạn cũng bảo con hầu đưa hắn vào buồng tối tắm nước bồ hóng, nói dối là tắm nước lã và vì lúc ấy trời sắp sáng, nên tống hắn ra cửa.

Sáng dậy, nàng đến gặp vua và kiện người lái buôn không chịu trả số tiền của chồng mình gửi. Vua cho đòi lái đến. Hắn chối phăng. Nàng nói là có nhân chứng biết việc này, tức là ông Thần Bếp mà chồng nàng đã cất vào tủ. - "Hãy chở tủ đến đây", vua bảo. Khi tủ được mang đến, nàng nói to: - "Các vị hãy thành thực chứng nhận lời của người lái buôn này đi, nếu nói sai ta sẽ đốt các vị cùng với cái tủ". Lập tức từ cái tủ có ba tiếng nói phát ra chứng nhận lời của người đàn bà. Tên lái kinh ngạc thú nhận. Vua sai mở tủ thì thấy có ba bóng đen nhẫn nhụi chui ra. Mọi người cười ồ. Nàng kể lại mọi việc cho vua hay, được vua ban vàng bạc. Và vua đuổi cổ ba người kia.

Một truyện khác của Ả-rập (Arabic):

Một thiếu phụ đẹp có chồng thường xa nhà, dan díu với một anh chàng khác. Một hôm gã trai này đánh nhau với một lão thầy tướng, bị tống giam. Thiếu phụ nghĩ cách cứu, bèn tìm đến phòng làm việc của cảnh sát trưởng. Người này đòi được ngủ một đêm sẽ tha. Nàng mời đến nhà mình vào lúc mặt trời lặn. Lại đến yết kiến quan chánh án. Chánh án cũng đòi như trên và cũng được hẹn vào lúc nhá nhem. Sau đó lại đến lượt tể tướng, rồi vua, và họ đều được hứa hẹn vào những thời gian muộn hơn. Sau cùng thiếu phụ đến nhà người thợ mộc đặt một cái tủ năm ngăn, mỗi ngăn có cánh và khóa riêng, hẹn chiều phải xong. Thợ mộc cũng đòi một ân huệ đặc biệt thay cho tiền công và được nàng hẹn vào nửa đêm.

Đến giờ hẹn, cảnh sát trưởng tới. Nàng đưa cho hắn mặc một bộ đồ ngủ màu vàng. Sắp bước vào cuộc vui thì chánh án tới, gõ cửa. Cảnh sát được chui vào nằm ở ngăn tủ dưới cùng, khóa lại. Chánh án sau khi viết cho nàng bức thư tha tội gã tình nhân bị giam (mà nàng bảo là anh ruột mình) cũng được nhận bộ đồ ngủ màu đỏ, và cũng hốt hoảng chui vào ngăn tủ thứ hai sau khi nghe tiếng gõ cửa của tể tướng. Lại đến lượt tể tướng với bộ đồ ngủ màu xanh và chui vào ngăn thứ ba sau khi nghe tiếng gõ của vua. Tiếp đến, vua cũng nhận bộ đồ ngủ màu lam và chui vào ngăn thứ tư khi có tiếng gõ cửa của người thợ mộc. Khi người thợ mộc sắp sửa là lơi, nàng bỗng bảo hắn: - "Sao

cái ngăn tủ quá hẹp?". - "Hẹp thế nào được". Hắn nói thế rồi trèo vào nằm thử để cho nàng thấy mình làm đúng. Nhưng thiếu phụ đã bất chợt đóng ập cửa lại, khóa luôn hắn vào trong, rồi đi đến nhà giam đưa giấy của chánh án cho chủ ngục. Tình nhân được thả, nàng đưa về nhà. Hai người đùa giỡn vui thú bên cạnh cái tủ. Sau đó họ nhặt nhạnh mọi thứ của quý và mấy bộ áo quần tốt của mấy người kia, đoạn bỏ sang nước khác. Năm người nằm phục vị trong tủ luôn trong hai ngày. Mót quá, anh thợ mộc đái xuống đầu vua, vua đái xuống đầu tể tướng, tể tướng đái xuống chánh án, chánh án đái xuống cảnh sát trưởng. Cuối cùng họ nhận ra nhau nhưng chẳng có cách gì để tự giải thoát cả. May sao, giữa lúc ấy anh chồng thiếu phụ về. Thấy nhà trống mà có cái tủ lạ với tiếng rì rầm bên trong, hắn bèn cạy khóa. (Một dị bản kể là hàng xóm nghe tiếng kêu cứu đến phá cửa ra). Để an ủi anh chàng mất vợ, vua phong cho hắn làm hữu thừa tướng[1].

Trong *Nghìn lẻ một đêm*, truyện trên được kể giống với một loại truyện mà người phương Tây quen gọi là "truyện ngăn kéo"[2]: bốn anh chàng mê gái - ở đây là gái có đức hạnh - bị gái lừa và biến thành những con người kỳ cục (vì cũng như các trường hợp đã kể, khi sắp được hưởng ân huệ, cô gái bắt họ thay những áo quần lố lăng mà mình đã chuẩn bị sẵn), và chưa được gì thì đã có tiếng đập cửa, rồi bị đẩy vào những gian buồng khác nhau. Sau khi từ những căn buồng này bước ra, người nào cũng buộc phải nhảy hết hơi và mỗi người phải kể một câu chuyện vui.

Truyện của Ba-tư (Iran): *Nhà kiến trúc, vợ anh ta và ba vị đại thần của vua Gu-va-chia:*

Thành phố Bim xứ Kéc-man có một nhà kiến trúc giỏi nhưng lười. Một hôm vợ bảo đi sang nước Gu-va-chia để xây dựng sự nghiệp nếu không thì xấu hổ. Khi chồng ra đi, vợ giao cho một cây bạch dương, bảo: nếu cây héo là lòng trung thành bị giảm sút, nhưng nếu cây tươi thì nên nhớ là vợ mình đang đợi. Đến nơi, anh mới biết các nhà kiến trúc nước này đều bị vua giam, vì vua sai làm một cung điện và một lầu bát giác, hẹn nếu không xong thì phạt một nghìn đồng, nhưng không ai chịu làm. Anh xin phép vào ngục hỏi những người bị giam, rồi trở về quyết vẽ mẫu thi công. Làm xong, anh được vua khen ngợi, cho làm quan với số tiền thưởng đã hứa, lại cất nhắc làm đại thần. Có ba vị đại thần cũ ghen tị, tìm cách hãm hại. Một hôm anh cầm cây bạch dương tươi

1. Theo *Hà-nội báo* (1935).

2. Ý nói từ truyện này lôi ra nhiều truyện khác (conte à tiroirs).

bỗng nhiên nhớ vợ, khóc rồi ngủ vùi. Một người lấy rượu thịt bỏ vương vãi ở xung quanh anh và ở ngai vàng, rồi tâu cáo với vua rằng anh say sưa đến mức có hành vi thiếu tôn kính. Vua chọ đòi đến, anh nói thực về cây bạch dương và sự trung thành của vợ, lại nói mình chưa ăn uống gì, chắc là bị người vu cáo. Vua cho người ngửi ở mồm quả không thấy có mùi men, nên tha. Nghe lời anh tâu, chúng bèn dọn tiệc cố phục rượu để hy vọng lúc say, anh phun ra những điều bí mật. Thế rồi một hôm trước mặt vua, bọn đại thần gièm về đức hạnh của vợ anh. Anh đưa cây bạch dương xanh tươi tỏ vẻ không tin và nói: - "Nếu ai đem về được một chứng có gì thì tôi quyết ở lại đây trọn đời". Vua ra lệnh giữ anh lại trong mươi ngày, để một đại thần đi thử. Đại thần thứ nhất ra đi với một số người hầu, đến Bim, cho tiền một mụ làm nghề mối lái để được gặp vợ nhà kiến trúc. Nàng nhận lời tiếp nhưng dặn một nữ tỳ đánh thuốc mê rồi bỏ hắn xuống hầm. Khi biết đó là đại thần ở Gu-va-chia đến, nàng buộc hắn hàng ngày phải chải một cân bông mới cấp cho một cân bánh để ăn. Thấy hắn không về, đại thần thứ hai cũng lại đem gia nhân ra đi, cũng nhờ mụ mối để gặp nàng và cuối cùng cũng bị bỏ vào hầm tối. Đến lượt đại thần thứ ba cũng vậy. Thấy ba đại thần của mình có đi không có về, vua bèn cải trang ra đi. Nhờ mụ mối, vua cũng được vợ nhà kiến trúc tiếp, nhưng lần này vua không bị đánh thuốc mê. Đang tìm cách dỗ dành người đàn bà, thì bỗng vua nghe tiếng đập cửa. - "Ai đấy?", vua hỏi - "Đó là các anh tôi về" - "Ta nấp vào đâu bây giờ?" - "Ở đây có một buồng kín trong vườn". Vua xuống hầm thì gặp các đại thần của mình. Thấy bọn này lạy vua, vợ nhà kiến trúc sư sai nữ tỳ mang đuốc đến cùng với nệm cho vua ngồi, rồi mình thân đến lạy vua kể lại mọi việc. Vua khen ngợi, nhận nàng làm em gái. Vua sai bắt giải bọn đại thần về nước, sai đeo vào cổ mỗi người một cái biển có đề chữ "Ganh tị và vu cáo". Còn nhà kiến trúc thì được vua ban thưởng, cho trông nom công việc triều đình, vợ anh thì trông nom hậu cung[1].

Xem thêm một số truyện ở mục **Khảo dị, số 84** và truyện *Người đàn bà bị vu oan* số **109** tập **III**, cũng có một số tình tiết tương tự.

Một truyện rút từ sách *Bri-hat-ca-tha (Brihatcathâ)* của Ấn-độ cũng gần với truyện trên:

Thần Si-va cho mỗi người trong cặp vợ chồng một hoa sen đỏ. Hoa này sẽ không bao giờ héo nếu vợ trung thành với chồng và sẽ héo nếu ngược lại. Người chồng trước khi ra nước ngoài buôn bán được mẹ vợ trao cho một bông

1. Theo Đờ-cuốc-đờ-măng-sơ (Decourdemanche): *Vui sau khi mệt.*

hoa huyền bí nói trên. Anh giao thiệp với bốn lái buôn trẻ tuổi. Trong một bữa tiệc, bị phục rượu say, anh tiết lộ tính năng của bông hoa huyền bí. Bốn người này bèn tìm cách đến quê anh trong khi anh vẫn chưa về. Cũng gần với các truyện trên, mỗi lái được Đê-va-mi-ta, vợ anh chàng hứa hẹn, và họ lần lượt vào nhà do một thị tỳ của nàng ăn mặc nữ chủ nhân tiếp, rồi trước giờ vui thú, được mời uống rượu có trộn chất cà độc dược làm cho mê man, bị dóng ấn sắt nung đỏ lên trán hình dấu chân chó, rồi còn bị lột trần truồng ném vào một hố rác. Sau đó Đê-va-mi-ta cải trang đàn ông tìm đến ông vua của bốn chàng lái buôn kiện về việc có bốn tên nô lệ bỏ trốn. Ra trước tòa, bốn người kia chối. Trước công chúng, nàng lần lượt đến từng người vạch cái dấu chân chó ở trán mà bọn họ cố ý trùm khăn cho khuất đi. Thế là bốn lái ta phải nộp tiền chuộc.

Truyện của Ba-tư (Iran) đã được một nhà thơ Ba-tư Hồi giáo thế kỷ XIII diễn tả thành thơ:

Một anh lùn nhà nghèo có vợ đẹp. Một hôm hắn bảo vợ cố ý đánh lưới một vài tay nhà giàu để kiếm tiền tiêu. Vợ tìm đến một ông quan (qua-di) để nhờ giúp cho một vụ kiện. Thấy nàng đẹp, quan bảo sẽ giúp nếu được ân ái một đêm. Người đàn bà hẹn ngày. Khi quan vừa vào nhà trò chuyện một lát thì lùn ta đập mạnh cửa. Ở đây quan được dẫn trốn vào trong một chiếc hòm. Sáng dậy anh lùn làm như không biết gì cả, mang hòm đi bán. Quan ta nhờ có một ông bạn biết chuyện cố mua cái hòm với giá cao (100 đi-na) để cứu cho khỏi mất mặt. Năm sau, thấy vợ lùn đến, quan nói: - "Cút đi, ta không mắc bẫy lần nữa đâu".

Tương tự với mô-típ này, người Căm-pu-chia có truyện *Sóc và Sau*:

Một người tên là Sóc, nhà nghèo túng. Trong khi đó hắn lại bị vợ lừa, đi lại với con trai một trọc phú. Bạn của anh chàng nhà nghèo là một người có học, tên là Sau. Người này biết rõ câu chuyện bí mật của vợ bạn, nhưng không tiện nói ra, bèn tìm cách giúp bạn. Một hôm người bạn bảo anh nhà nghèo làm một áo quan và đem đặt nó vào buồng. Sau đó rủ anh cùng mình làm một chuyến du lịch độ vài ngày. Vắng chồng, người vợ đón tình nhân về nhà. Hai người kia đi được nửa đường lộn về vào lúc nửa đêm trước hẹn. Nghe tiếng đập cửa, gã tình nhân thấy không có chỗ trốn nào tốt hơn là chui đại vào áo quan đặt ở xó nhà. Khi vào nhà, người bạn làm bộ lại gần gõ vào áo quan nói rằng nghe tiếng kêu, như vậy là điềm gở cần phải đốt đi thì mới tiêu trừ được tai họa. Nghe nói, người đàn bà hoảng sợ bèn báo tin cho trọc phú biết; ông

này tới tìm cách xin mua lại cái áo quan để cho con mình thoát khỏi nguy hiểm. Cuối cùng, trọc phú cũng làm chủ được cái áo quan với một giá đắt kinh khủng[1].

Người Nùng có truyện *Bán cái tủ đứng* cũng cùng mô-típ:

Một lão nhà giàu (lão pản) đưa tiền cho một người làm công bảo đi thuê người chặt gỗ xẻ ván, rồi trong khi anh này đi vắng, hắn đến nhà gặp người vợ mà hắn đã từng trêu ghẹo, định dùng tiền để được ân ái một đêm.Vợ anh giả bộ ân cần, lại dọn cháo gà đãi hắn. Đang ăn thì người chồng cô ả về. Hắn hốt hoảng chui đại vào một cái tủ đứng. Sáng dậy vợ chồng khiêng đến bán cho vợ lão, đòi một số tiền lớn. Do nghe được tiếng chồng nói nhỏ trong tủ, vợ lão đành phải cắn răng mà mua vậy[2].

Một truyện khác cũng của Ba-tư (Iran) trong sách *Tu-ti Na-mếch*:

Để thử cái hoa hồng huyền bí của một người lính, một hoàng tử sai hai người đến bắt tình với vợ người lính ấy. Họ cũng được người đàn bà hẹn vào những giờ khác nhau. Người thứ nhất tới, trò chuyện chưa được bao lâu thì người tớ gái của nàng - đã cùng với chủ bàn mưu trước - gõ mạnh cửa. Nàng nói: - "Ông anh tôi đã tới!". Anh kia hoảng hồn, người đàn bà đưa giấu vào một nhà kho khóa cửa lại. Đến lượt người thứ hai cũng thế. Trong nhà kho có một cái giếng cạn mà trước đó hai thầy trò cô chủ đã treo lên miệng giếng một cái giường bằng những sợi dây bục. Hai người bị nhốt thấy mỏi mệt bèn lần đến giường ngồi lên định nghỉ ngơi, song dây đứt, cả hai lăn xuống giếng.

Truyện của người vùng Thượng Băng-la-đex (Haut Bangladesh):

Có bốn người: một cảnh sát trưởng (cốt-oan), một cố vấn của vua, một thượng thư đầu triều và vua đều mê một cô gái chưa chồng. Cũng như một số truyện Bắc Ấn trên kia, cô cũng hẹn bốn người đến vào bốn giờ khác nhau. Cảnh sát trưởng đến đầu tiên. Nghe gõ cửa, hắn sợ quá hỏi trốn ở đâu. Cô gái đưa vào buồng tối làm cho hắn dính mật từ đầu đến chân và cho chui vào một cái bao đựng lông rồi buộc lại đặt ở gần cửa sổ. Vua là người đến thứ hai, thấy có bao lông đang cụ cựa, vua hỏi: - "Ai đấy?". Nàng đáp: - "Đó là một con yêu ăn thịt người (rắc-sa-xa)". Nghe nói thế, cảnh sát trưởng nhảy dựng. Vua sợ quá lủi một mạch. Hai người kia lần lượt tới, cũng thế. Cuối cùng cảnh sát trưởng cũng tháo được dây, mình đầy lông, lần ra khỏi túi, chạy mất.

1. Theo Lê Hương. *Truyện cổ Cao-miên.*
2. Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày-Nùng*, sách đã dẫn.

Ở truyện của người Tây-tạng gần Ấn-độ thì cô gái tên là A-ma-ra, đối tượng của cô là bốn nhà học giả (păng-đi) cố vấn nhà vua. Cuối cùng cả bốn người đều bị cạo đầu, bị hành hạ và bị bỏ vào bao tải để sáng dậy cô gái cho người mang tới nộp vua.

Ở truyện của người Ả-rập (Arabes) thuộc Tuy-ni-di (Tunisie) thì lại kết hợp với mô-típ truyện *Con mụ Lường*. Bảy người được vua sai đi dỗ dành một người đàn bà, vợ chàng lái buôn, không phải lần lượt mà cùng đến một lúc, và cùng một lúc rơi xuống hố trên có nắp bẫy (Xem **Khảo dị,** truyện số **84**, tập **III**).

Một truyện nôm của ta là *Hoàng Tú tân truyện* cũng có tình tiết tương tự với truyện trên. Hoàng Tú đậu trạng, đi sứ nước ngoài, phải ở lại đây nhiều năm. Vợ là Ngọc Côn vốn bị chồng hắt hủi vì có lỗi lầm, bèn cải trang làm một người đàn bà khác, vượt biển tìm chồng. Sau những ngày vật lộn gian khổ, nàng đến nơi, được chồng cưới làm vợ mà không biết rằng đó là vợ cũ ở nước nhà sang. Có tên Tống thần thấy nàng đẹp, lại thấy Trạng được vua ưu đãi, nên "*Có lòng ăn trộm ấn vàng, gieo tai gieo vạ cho chàng Trạng nguyên*". Hoàng Tú liền bị vua bắt đày đi "sơn hải mười niên". Trong khi đó Tống thần ta tìm đến nhà Ngọc Côn để gạ "ái ân sự lòng". Tương kế tựu kế, Ngọc Côn sai người hầu "cửa sau gian giữa, hố đào bên trong". Tống thần y hẹn, nửa đêm hí hửng mò tới, bị sa xuống hố. Sau khi tra hỏi, vợ Trạng nắm được những chuyện vu cáo của y, bèn vào tâu vua. Vua cho khám mới biết là Trạng bị oan, bèn tha cho Trạng về.

Truyện *Con ma* của người La-dơ (Lazs) thì lại kết hợp với mô-típ của truyện *Cái chết của bốn ông sư* (số **200**): Có ba người thuộc loại quan to say mê một người đàn bà. Một hôm chị này mách chồng. Chồng bèn đào giữa nhà một cái hố và đặt sẵn một cái thang, bảo vợ hẹn mỗi người một giờ khác nhau, còn mình thì nấp ở sau nhà. Người thứ nhất sau khi hoảng hồn vì tiếng đập cửa, được đưa vào ngồi ở nấc thang dưới đáy hố. Người thứ hai ngồi nấc trên, và người thứ ba nấc trên cùng. Chồng bảo vợ nấu một nồi nước sôi, rồi giội từ trên xuống giết chết một lúc cả ba. Sau đó hắn kéo thây lên, bọc vào vải liệm và giấu ở những gian buồng khác nhau. Sáng dậy hắn đi gọi một phu chôn xác, nói rằng: - "Mẹ tôi chết đã chôn, nhưng đêm qua lại hóa ma (hoóc-tơ-lắc) hiện về nhà. Nếu anh chôn sao cho bà ấy không về nữa, tôi sẽ trả năm đồng vàng". Thấy tiền công hậu, người kia bùi tai, nhận lời. Chôn xong, lúc hắn về, người chồng bảo: - "Anh chôn không kỹ rồi. Kìa bà ta lại đã về". - "Để tôi thử

cắm vào mộ một cái nêm bằng gỗ rắn xem có về được nữa không?". Nói rồi lại vác đi chôn. Lúc về, người chồng lại nói: - "Đấy, bà ta lại về kia. Anh cắm cọc vụng chăng?" - "Tôi sẽ đưa bà ta đến một nơi không thể về được". Lần này hắn đưa đến cầu ném xuống sông. Không ngờ lúc ấy có một giáo chủ (i-mam) đang bơi ở đấy thấy có vật ném xuống đầu sợ quá, vội lên bờ bỏ chạy. Hắn kêu: - "Đó, con ma đã lại chạy về!". Bèn đuổi theo bắt được, nhét vào túi buộc lại, quẳng xuống sông. Chờ cho xác trôi xa, y mới nói: - "Bây giờ thì chắc là xong"[1].

Truyện *Anh tình nhân trong cái hòm* tuy diễn biến có khác, nhưng cũng thuộc loại gần gũi với các truyện trên:

Lốc-mân đi theo một gia đình di cư. Một hôm anh ta thấy một người đàn bà hò hẹn với tình nhân. Trong khi công việc chưa đi đến đâu thì chồng người đàn bà lùa đàn gia súc về. Người vợ bỏ gã tình nhân vào một cái hòm. Cuộc di cư lại tiếp tục vào ban đêm. Vợ bảo chồng mang hộ cái hòm nói dối là áo quần trang sức của mình. Chồng đội lên đầu ra đi. Dọc đường anh nhân tình mót đái không ngăn được. - "Nước gì trong ấy chảy lên đầu ta", chồng hỏi. - "Chỉ có lọ thuốc xức", vợ đáp. - "Khai quá!". Chồng ném thùng xuống, nắp văng ra, anh nhân tình trốn lên núi cao. Chồng đuổi bắt được, đề nghị Lốc-mân xử hộ. Người này sai bỏ anh nhân tình vào hòm, bắt người vợ đội cho đến chết[2].

1. Phần nhiều những truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.
2. Theo Đờ-cuốc-đờ-măng-sơ (Decourdemanche): *Mưu đàn bà*.

198. THẦY LANG BẤT ĐẮC DĨ

Ngày xưa có một anh chàng tên là Tân làm nghề cày ruộng. Anh là người thông minh nhưng tính tình có phần nhút nhát, lại phải cái hay phũ phàng với vợ. Người vợ căm lắm, quyết tìm dịp báo thù cho bõ ghét.

Một hôm người vợ đi chợ, bỗng nghe văng vẳng có tiếng gọi loa: - "Ai có tài chữa bệnh thì mời về triều sẽ được thưởng quan cao lộc hậu". Hỏi mọi người, chị mới hay đó là sứ giả nhà vua đi tìm thầy lang giỏi về cứu chữa cho công chúa bị hóc xương. Thấy cơ hội báo thù đã đến, người vợ bèn tìm gặp sứ giả, nói:

- Tôi biết trong làng này có một thầy lang chữa bệnh hay như thần, có thể chữa cả những người sắp chết.

Sứ giả đi mấy ngày chẳng gặp một ai, nay được người mách thì lấy làm mừng, vội hỏi:

- Thế thì hay quá. Có thật thế chăng?

- Thật đấy! Nhưng ông thầy này có một điều lạ là không muốn tự nhận mình là thầy lang, luôn luôn giả bộ ngờ nghệch. Ai nhờ chữa thì bao giờ cũng chối đây đẩy, chỉ có roi đánh quắn đít mới chịu nhận và mới chữa mát tay.

- Thế thầy lang hiện giờ ở đâu?

- Ngài cứ theo con đường này dẫn ra đồng. Hễ thấy người nào râu cá trê, đang cày với một con bò đen trên một đám ruộng khoai, thì chính là thầy lang. Tên thầy là Tân.

Sứ giả cùng mấy người lính hầu vội rẽ ra đồng. Khi gặp con người đúng như lời mách, sứ giả lễ phép nói:

- Chúng tôi vâng thánh chỉ mời thầy về triều chữa cho công chúa bị hóc xương đã ba ngày nay.

Anh chàng Tân thấy việc trớ trêu lấy làm lạ, bèn đáp:

- Ô hay! Các quan nhầm rồi. Tôi quê mùa dốt nát, có biết làm thuốc bao giờ, đâu phải là thầy lang mà mời.

Nhớ đến lời dặn của người đàn bà, sứ giả toan dụng võ ngay, nhưng cũng cố dấu dịu:

- Xin thầy đừng giấu nghề; vả lại việc này là việc cấp bách và theo lệnh của hoàng đế, xin thầy hãy vui lòng tiến kinh cùng chúng tôi. Người bệnh lại là con vua cháu chúa, không nên từ chối.

- Tôi nói thật đấy mà! Hàng ngày tôi chỉ tay cày tay cuốc, làm gì biết đến việc hệ trọng như việc xem bệnh bốc thuốc.

Nghe những lời khăng khăng từ chối, sứ giả bụng bảo dạ: -"Thật thân lừa ưa nặng, tất phải dùng roi vọt mới xong". Nghĩ vậy, hắn bèn thét lính ra roi túi bụi. Tân không chịu đựng nổi mười roi, vội vã kêu lên:

- Thôi thôi, xin các quan ngừng tay. Tôi là thầy lang đây.

Sứ giả mừng quá vội cho Tân lên ngựa phi về hoàng cung, đưa vào buồng công chúa.

Bấy giờ công chúa đang nằm chờ chết, cái xương còn mắc ở cổ, khạc mấy cũng không chịu ra. Tân vừa đến, lấy làm bối rối không biết cất tay động chân thế nào. -"Hừ, ta thử làm cho công chúa cười một chút xem sao?".

Nghĩ vậy, trước mặt công chúa, anh bèn nheo mắt méo miệng làm ra trăm kiểu ngộ nghĩnh như anh vẫn từng quen gây cười trước đám đông hàng xã. Chưa đến trò thứ ba thì công chúa và bọn cung nữ hầu hạ xung quanh đã bật cười, và còn đua nhau cười ngặt nghẽo. Tự nhiên cái xương trong cổ công chúa văng ra lúc nào không biết. Thế là bệnh lành. Mọi người đều trầm trồ kinh ngạc. Nghe tin, nhà vua và cả hoàng cung lật đật chạy vào mừng cho con gái và tíu tít cảm ơn thầy. Vua liền phong Tân làm chức thái y, sai lấy vàng bạc mũ áo ban thưởng. Về phần Tân, bụng bảo dạ: - "Ta dùng một mẹo nhỏ may mắn mà lành, thật là chó ngáp phải ruồi. Vậy ta hãy cố chối từ, thà về cày ruộng còn hơn là ở đây có ngày mang họa". Bèn đáp:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần này thực sự quê mùa dốt nát không biết việc thuốc men là gì. Vậy xin nhường chức tước ấy cho các vị lang y, còn hạ thần chỉ xin bệ hạ cho phép được trở về quê làng.

Vua vốn đã được nghe sứ giả cho biết tính tình kỳ lạ của người thầy thuốc, bèn quát thị vệ ra roi.

Tân cuống quít xin nhận mũ áo.

*

* *

Lại nói chuyện khi nghe tin có thầy lang đại tài được vua đón về kinh đô, mới chữa một vụ hay như thần, thì các con bệnh kinh niên khó trị từ bốn phương lục tục kéo nhau về, hy vọng được thầy ra tay cứu chữa. Chẳng bao lâu con số đã tăng lên đến tám mươi người. Hàng ngày họ đứng chực trước cửa ngọ môn đợi thầy ra, lính đuổi mấy cũng không đi. Nghe tin này, một hôm nhà vua bảo Tân:

- Dân chúng còn có người đau khổ là lòng ta chưa yên. Vậy nhà ngươi hãy đem tài thánh y gắng chữa cho con đỏ của ta được lành.

Tân lo lắng, vội nói:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần tài hèn chẳng có gì, mà con bệnh nan y quá đông, làm sao chữa xuể.

Vua hất hàm cho bọn thị vệ chuẩn bị roi vọt. Thấy thế, Tân đành nhắm mắt nhận lệnh không dám từ chối. Nhưng để có thì giờ suy nghĩ, anh cũng xin vua cho được ở riêng cùng với bệnh nhân để tiện xem bệnh. Vua bèn ra lệnh đưa cho thầy cùng các bệnh nhân đến sở dưỡng tế của kinh kỳ.

Khi đã được đứng riêng một mình cùng tám chục bệnh nhân, Tân liền sai đóng cửa lại, ra lệnh cho lính gác cổng chỉ cho người ra mà không cho vào. Rồi sai sắp củi đốt một đống lửa giữa sân, đoạn dõng dạc lên tiếng:

- Chữa cho các ngươi thật là vất vả, song ta xin gắng. Ta có môn thuốc thần hiệu là cho thiêu một người sống, lấy tro ấy luyện thuốc trong ba tháng. Sau khi luyện xong thì thuốc của ta sẽ "bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh khu trừ", thần diệu không thể nói hết. Tục có câu: "Liều một người, cứu muôn người" là thế. Vậy trong số các ngươi đây, ai là người bệnh nặng nhất thì hãy chịu hy sinh tấm thân, tình nguyện để ta thiêu sống. Ta sẽ luyện thành "hảo dược" chữa lành cho bảy mươi chín người còn lại. Nào, ai đó chịu liều thân, hãy bước đến bên đống lửa!

Các bệnh nhân đang hăm hở, nay nghe nói vậy thì rụt cả lại, ai nấy kinh hoảng, mặt tái như gà cắt tiết. Tân lại tiếp:

- Nào mau lên. Trừ những ai bệnh nhẹ hoặc chưa đến nỗi nào, còn trong số những người bệnh nặng, người nào nặng nhất, hãy trông gương người xưa, chịu liều mình để phước lành cho con cháu. Vậy ai là người bệnh nặng nhất, ra đây!

Không một ai nhúc nhích. Tân lại tiếp:

- Có lẽ các ngươi chưa biết bệnh của mình là như thế nào đâu. Thế thì các ngươi hãy để cho ta khám từng người một để chọn một người nặng nhất.

Chỉ vào một con bệnh đứng gần, Tân hỏi:

- Nào lại đây. Ta trông nhà ngươi xanh xao, chắc là sức yếu lắm.

Người kia không dám bước lên, run lập cập nói:

- Thưa tôi khỏe lắm ạ!

- Thế thì nhà ngươi vào đây làm gì?

Hắn lật đật lùi dần, lùi dần, rồi bỏ chạy ra khỏi cổng.

Tân lại chỉ vào một người thứ hai:

- Nhà ngươi có vẻ hom hem tợn. Nào bước lên đây cho ta bắt mạch.

Hắn ta chẳng những đã không bước lên mà còn lùi lại sau, mặt cố giấu bớt vẻ nhăn nhó, đáp:

- Không, bệnh tôi đã nhẹ đi nhiều.

Nói rồi hắn cũng lẩn mất. Cứ như thế, Tân đã làm vợi hẳn số bệnh nhân. Người cuối cùng vừa chạy ra cổng thì gặp lúc nhà vua cũng vừa xa giá tới. Vua nhìn hắn hỏi:

- Nhà ngươi đã lành rồi ư? Vừa rồi bệnh nặng lắm kia mà?

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần đã đỡ nhiều, hắn đáp.

Vua bước vào giữa lúc sở dưỡng tế đã sạch bóng bệnh nhân. Vua ngợi khen Tân hết điều. Sau đó vua cho phép chàng trở về quê quán. Vợ chàng không ngờ kết quả trớ trêu của cách báo thù của mình là làm cho chồng được quan cao lộc hậu[1].

1. Theo *Truyện cổ tích Việt-nam* (Truyện cười), Nhà xuất bản Nguyễn Du.

KHẢO DỊ

Một truyện của Ả-rập (Arabie):

Một người thợ dệt ngày nọ đi qua nhà một thầy thuốc, thấy ông thầy cho người này uống thứ lá nọ, kẻ khác dùng thứ hoa kia mà thu được nhiều tiền. - "Sao ta lại không làm như hắn nhỉ?". Nghĩ vậy, bèn về bảo vợ kiếm cho mình một chiếc khăn để đóng bộ thầy thuốc. Vợ bảo: - "Coi chừng kẻo mày giết người ta, rồi người ta sẽ giết mày". Ngày đầu anh ta cho đơn, thu được nhiều tiền (ca-ra). Tiếp ngày sau có một nữ tỳ, gọi đến nhờ chữa cho bà chủ, bà này bệnh cũ đã lui, chỉ còn yếu sức. Anh bảo bà ăn một con gà mái luộc. Bà kia ăn xong khỏe hẳn lên. Vua nghe tin mời đến chữa bệnh cho mình. Khi anh đến, các quan hầu cận tâu vua: - "Nó là tên thợ dệt thì biết thuốc men gì chứ". - "Nhưng nó đã chữa cho người ta khỏe", vua đáp. - "Xin bệ hạ hãy hỏi vặn nó để thử xem". - "Cho các ngươi cứ làm". Bọn quan hỏi anh nhiều câu, anh đáp: -"Nếu tôi trả lời thì các ngài không hiểu đâu, ngay cả những thầy lang thường cũng không hiểu nổi. Bây giờ thế này: Ở đây có bệnh xá không?". Đáp: -"Có". - "Có bệnh nhân nào lâu ngày mà chữa chưa lành không?". - "Có". - "Thế thì đưa tôi đến đấy, nhưng không được để ai vào".

Đến nơi, anh dặn người gác cổng: - "Nếu anh nói với ai ta làm những gì thì ta sẽ giết anh. Nhưng nếu anh không lộ chuyện ta sẽ cho nhiều tiền". Đáp: - "Tôi không nói đâu". Anh bắt hắn thề. Thề xong, anh hỏi: - "Có dầu không?". - "Có" - "Đưa ra đây". Bèn ra lệnh nấu trong vạc mấy chai dầu sôi sục. Đoạn gọi một bệnh nhân đến, hỏi: - "Nhà ngươi đau đã bao lâu?". Đáp: - "Đau đầu đã ba năm nay". Anh bảo: - "Muốn lành thì phải ngồi vào vạc". Bệnh nhân phát hoảng: - "Xin ngài hãy khoan". - "Không được, làm ngay". - "Tôi không còn chút nhức đầu nào nữa" - "Thế thì cho anh ra và báo cho người ta biết". Hắn ra khỏi cổng khen thầy giỏi. Những người khác đến lượt cũng thế[1].

1. Theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập*, quyển I, sách đã dẫn.

199. "GIẬN MÀY TAO Ở VỚI AI" HAY LÀ TRUYỆN PHƯỢNG HOÀNG ĐẤT

Ngày xưa có một phú ông tự cho mình có tính nhẫn nại, ít ai bì kịp. Phú ông có một cô con gái nhan sắc xinh đẹp. Ngày con gái đến tuổi lấy chồng, phú ông cho yết bảng ở cổng nói rằng hễ ai làm cho lão nổi nóng hoặc giận dữ thì lão sẽ gả ngay con gái cho người đó. Nhưng trong vòng một tháng mà không làm được thì sẽ bị đánh một trăm hèo rồi đuổi về. Đã có nhiều chàng trai lần lượt nộp đơn xin làm rể với nhiều mưu mẹo mà vẫn không làm được lão nổi giận, đành chịu nhận lấy trận đòn đau mà tay không trở ra, mọi công phu làm rể coi như xôi hỏng bỏng không. Vì thế đã bao năm tháng, cô gái vẫn phòng không bóng chiếc.

Một hôm có một chàng trai bộ dạng gầy gò đến xin ra mắt. Phú ông hỏi: - "Anh muốn gì?". Chàng trai đáp: - "Tôi muốn được làm rể ông". Phú ông căn vặn: - "Thế anh đã đọc kỹ những lời ta giao hẹn yết ở bảng chưa?" - "Thưa đã". Nhìn anh chàng từ đầu đến chân, phú ông nói: - "Ta sợ rằng anh không chịu nổi một trăm hèo của ta đâu". - "Thưa chịu được!". - "Vậy thì ngày mai là ngày bắt đầu, anh cứ việc tới đây".

Đến ở chưa được mấy ngày, anh chàng đã rủ phú ông: - "Sáng mai thầy với con đi săn một chuyến kiếm vài con cầy, con chồn về ăn". Nghe nói đi săn, phú ông tỏ ý ham thích, nhưng lại bảo: - "Đi săn nhưng nhà ta không có chó săn thì làm thế nào?". Anh đáp ngay: - "Thưa thầy, con sẽ làm chó cho".

Hai người vào lùm săn được một con cầy. Đưa về nhà, phú ông bảo anh: - "Đi làm thịt cầy đi mày". Anh lắc đầu: - "Con làm chó thì làm thịt sao được". Phú ông lại bảo: - "Thế thì đi mua rượu vậy!". Anh chàng vẫn lắc đầu: - "Là chó thì đi mua rượu sao được!". Phú ông đành một mình hì hục làm thịt cầy, nấu nướng, trong khi đó anh chàng đánh một

giấc ngon lành. Nấu xong, phú ông tất tả đi mua rượu vì nhà hôm ấy vắng người. Thừa dịp ở nhà một mình, anh mang thịt cầy ra chén hết. Phú ông mang được rượu về thấy nồi đã hết nhẵn, nhưng lão vẫn không tỏ thái độ gì, chỉ hỏi: - "Mày ăn cũng được, nhưng có để phần tao miếng nào không?". Anh thản nhiên đáp: - "Chó treo mèo đậy. Đã để cho chó ăn mất thì làm sao còn mong để phần". Phú ông đành trả lời: - "Thôi được!". Chờ một chốc sau, anh chàng sẽ rỉ tai: - "Thầy có giận con không đấy, thầy?". Lão cười đáp: - "Giận mày tao ở với ai?".

Một hôm khác, hai người lại rủ nhau đi săn. Lần này phú ông định tìm cách trả đũa chàng rể láu lỉnh, nên nhận làm chó. Biết thế, lần này anh lại nhằm vào những nơi đầy gai góc mà cắm lưới. Cứ mỗi lần thấy phú ông không dám xông vào, anh cầm roi quất vào đít và giục: - "Mau lên! Vào đi! Làm chó thì phải cố chui rúc mới hòng được mồi". Phú ông mấy lần bị đòn, đành phải xông vào. Thấy lão thở không ra hơi, lại bị gai cào toạc cả mặt mũi, anh hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Lão vẫn tươi cười: - "Giận mày tao ở với ai?".

Hôm ấy hai người cũng săn được một con cầy. Về nhà, anh làm thịt cầy và nấu nướng xong, bảo phú ông: - "Thầy đi mua rượu đi!". Phú ông đáp: - "Chó nào có chó biết đi mua rượu!". Anh chỉ đợi trả lời thế, đi lấy xích xích chân phú ông lại bên cột nhà, nói: - "Giống chó chúa ăn vụng, phải xích mới được". Nói rồi bỏ đi mua rượu. Mua được về, anh một mình ngồi chén tì tì, bao nhiêu xương xẩu vứt lại chỗ phú ông. Chén xong anh mới mở xích cho lão và hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Anh vẫn nghe câu trả lời quen thuộc: - "Giận mày tao ở với ai?".

Thấy chưa thắng được phú ông, anh chàng hơi lo. Một hôm anh bàn: - "Nay công việc đồng áng hơi rỗi, con xin thầy đi buôn một chuyến kiếm ít lãi về, thầy con chia nhau". Phú ông đáp: - "Được!". Ra đi anh dặn: - "Chiều mai thầy ra chỗ ngã ba đầu làng đón con một đoạn đường. Con đặt gánh hàng ở đó rồi phải đi ngay làm chuyến khác. Vì vậy thấy gánh hàng, thầy cứ gánh về hộ con". Chiều hôm sau, phú ông ra chỗ hẹn đã thấy một đôi bồ đậy nắp chằng dây cẩn thận để sẵn ở đó. Lão cất lên vai, gánh hàng thật là nặng. Nhưng cứ theo lời dặn, lão ì ạch gánh về nhà. Đến nhà lão mở ra thấy một bồ đựng toàn đá, còn bồ kia

thì thấy thằng chàng rể trời đánh ngồi thu lu ở trong. Anh đứng dậy vừa cười vừa hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Phú ông vẫn cười đáp: - "Giận mày tao ở với ai?". Lần sau, phú ông quảy bồ đi buôn. Lão cũng dặn anh chiều hôm sau ra bờ sông cuối làng gánh hộ hàng về. Đoán được âm mưu của lão, chiều hôm sau, anh mang theo một chiếc mo cau khô và mấy cái đục đạc. Đến bờ sông đã thấy một đôi bồ đậy nắp chằng dây để đó, anh liền vỗ vào mo cau, mo phát thành những tiếng lộp bộp như tiếng ngựa chạy. Anh lại lắc đục đạc nghe tiếng loong coong, còn miệng thì la lối:

- Gánh gồng của ai để giữa đường kia chắn lối không cho ngựa quan đi à?

Ngồi trong bồ, phú ông nghe tiếng la, tưởng là ngựa quan sắp tới thật nên đâm hoảng, lúng túng thế nào để bồ lăn mấy vòng rồi rơi tõm xuống sông. Anh chàng để cho lão làm một bụng nước rồi mới giả bộ hốt hoảng xuống vớt lên. Lần ấy về nhà, anh hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Lão cười gượng: - "Giận mày tao ở với ai?".

Thấy kỳ hạn sắp hết mà vẫn chưa làm được phú ông nổi giận, anh chàng tỏ ra lo lắng hết sức. Hôm sau, người ta thấy anh quảy đôi sọt ra đi. Được một lúc, anh chạy về gọi chủ rối rít: - "Thầy ơi, con úp được một con phượng hoàng đất rất đẹp. Thò tay vào mà bắt thì sợ nó sổng mất tiếc của. Thầy ra giữ hộ con, để con còn tìm lưới bủa xung quanh mà bắt cho chắc. Con đã chặn lên mấy hòn đá, thầy ra ngay đi". Phú ông vốn thích nuôi chim, nghe nói rất mừng, liền ra chỗ dặn thì thấy có chiếc nón úp giữa đường có dằn mấy hòn đá, bèn sụp xuống ôm lấy nón.

Vừa lúc ấy, có vua và quan lính trẩy qua, nhìn thấy một người nằm phủ phục khư khư ôm lấy chiếc nón, vua bèn cho dừng lại hỏi:

- Nhà ngươi làm gì thế này?

Phú ông đáp:

- Tâu bệ hạ, kẻ tiện dân này có úp được một con phượng hoàng đất rất đẹp. Nó ở trong nón này. Hiện đang chờ người về lấy lưới ra bắt kẻo sợ nó sổng.

Nghe nói phượng hoàng đất, vua không ngăn được tò mò, vội truyền cho quân lính tìm cách bắt ngay cho vua xem, không đợi đưa lưới. Nhưng khi giở chiếc nón lên thì chỉ thấy lù lù một đống phân trâu, chẳng có phượng hoàng đất nào cả.

Giận vì có kẻ dám trắng trợn đánh lừa mình, vua thét lính nọc phú ông ra đánh một trận nhừ tử. Đợi cho vua quan và lính tráng đi rồi, anh chàng mới từ trong bụi chạy ra đỡ phú ông dậy xoa bóp, rồi hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Phú ông tức quá đáp: - "Mày làm cho ông suýt mất đầu, không giận mày sao được!".

Mấy ngày sau người ta thấy nhà phú ông có đám cưới. Ấy là đám cưới của chàng trai lấy con gái chủ nhà mà anh đã thắng cuộc[1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta với truyện *Không bao giờ biết giận* của dân tộc Nùng[2] và truyện *Kén rể* của dân tộc Cham-pa[3] gần như là một, chỉ có khác một vài chi tiết không quan trọng, ví dụ bên ta là vua, là phượng hoàng đất, thì bên Nùng, bên Cham-pa là quan, là chim lửa trời, hay bên ta là một gánh bồ hàng (không nói là hàng gì) còn bên Nùng là gánh bông, bên Cham-pa là gánh lúa, v.v...

Các truyện trên có nhiều dị bản ở các dân tộc. Trước hết là truyện của Pháp: *Jăng và Pi-e.*

Một người mẹ có hai đứa con. Pi-e là em đến ở tớ với một người, đòi một trăm đồng ê-cu một năm. - "Được", chủ đáp, "nhưng nếu một trong hai chúng ta ai tỏ ra giận dữ điều gì thì sẽ bị đánh gãy lưng". Mới được tám ngày, chủ tớ cãi nhau. Pi-e tức giận, bị chủ đánh đau đuổi về. Jăng nghe nói, bèn cũng đến ở và chịu nhận điều kiện trên. Chủ sai đánh xe đi chợ bán hạt cây. Hắn bán hết tất, cả xe lẫn ngựa rồi đưa tiền cho em. Anh hỏi chủ: - "Có giận không?" - "Giận gì cái vặt ấy". Hôm khác, chủ sai đi chặt cây "sên" to nhất, cốt để cho anh không làm được thì phát cáu. Anh bán cả xe bốn ngựa rồi về tay không. Chủ hỏi, anh đáp: - "Xe để ở bìa rừng vì không chuyển cây ra được". Rồi hỏi: "Có giận tôi không?" - "Không".

1. *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I; và lời kể của người Việt-trì.
2. Xem *Truyện cổ Tày - Nùng* của Hoàng Quyết, đã dẫn.
3. Xem *Truyện cổ Chàm*, sách đã dẫn.

Hôm khác, hai vợ chồng chủ ngồi ăn cơm không gọi anh ăn. Đang đập lúa, anh đem lúa bán lấy tiền, vào quán chén ngon lành. Chủ hỏi: - "Lúa để đâu?". Đáp: - "Ông không cho tôi ăn, tôi phải bán kiếm tiền đánh chén". Rồi hỏi: - "Có giận không?". - "Không".

Hôm khác chủ sai anh đi chăn lợn ở một cánh đồng có lão chằng (ô-gơ-rơ), cốt mượn tay lão ăn thịt hộ. Jăng mang theo một con chim sẻ, nên khi thi ném xa với lão, anh được cuộc. Hai người lại thi ăn. Trong khi ăn, Jăng lén cho thức ăn vào một cái túi đeo trước bụng. Ăn xong anh lấy dao rạch túi làm bộ rạch bao tử, thức ăn trào ra. Lão chằng không chịu thua, nhờ anh rạch hộ bao tử của mình như kiểu anh đã làm. Lão chết. Anh cắt tất cả đuôi lợn, đem lợn đi bán rồi cắm đuôi xuống bùn như một tình tiết trong truyện *Nói dối như Cuội* của ta (số **60**, tập **II**). Lúc về chủ hỏi: - "Lợn đâu?". Đáp: -"Chúng chui tất cả xuống bãi lầy, nhưng vẫn còn thấy đuôi". Chủ đi kéo đuôi lợn, dĩ nhiên bị tưng hửng. Anh hỏi chủ: - "Có giận không?". - "Không". Chủ lại sai anh đi chăn ngỗng. Anh bán mất một vài con, rồi về báo tin là có một con thú ăn mất ngỗng. Hỏi: - "Có giận không?". - "Không". Hôm sau vợ chủ đòi đi rình. Anh nghe lỏm được, bèn bảo chủ cho mình mượn khẩu súng để rình bắn con thú đã ăn thịt ngỗng. Vợ chủ nấp trong bụi, anh cho một mồi ngã lăn quay. Sau đó anh hỏi chủ: - "Có giận không?". - "Mày giết vợ tao sao tao lại không giận?". Anh bèn đánh chủ gãy lưng như đã giao ước.

Truyện này phổ biến gần như khắp châu Âu. Phần lớn đều thống nhất điều giao ước "không được giận", một số khác đổi rằng "không được tiếc rẻ". Còn về hình phạt thì hầu hết là lột da lưng, ở truyện của người Mô-ra-vi (Moravie) thì cắt mũi, ở người Đức và Bắc Pháp thì cắt tai, v.v...

Truyện của Ấn-độ phổ biến trong các dân tộc theo đạo Hồi:

Có hai anh em là Ha-lam-da-đa và Ha-ram-da-đa. Người anh đi làm công cho một lão chánh án (qua-đi) với điều kiện: nếu anh tự tiện bỏ tôi, tôi cắt tai và mũi anh, và ngược lại, cũng thế. Còn thức ăn thì phải cho đầy mỗi lá một ngày. Chủ sai anh đi chăn bò, dê, mỗi ngày cho ăn cơm đổ đầy một lá ta-ma-ranh (lá bé như lá đa). Anh kêu ăn ít quá không đủ sống. Chủ vin vào điều giao ước, không giải quyết. Cuối cùng anh không chịu nổi, bỏ đi, bị chủ cắt tai và mũi. Đến lượt người em cũng đến xin làm công. Khi ăn, anh đưa ra một tàu lá chuối. Chủ không có lý do từ chối. Sau đó anh giết một con dê đãi bạn. Ngày hôm sau, anh bán luôn mười hai con dê, bốn con bò. Lúc về nói với chủ: - "Trời thương hại tôi cứu tôi thoát nạn". Chủ hỏi: - "Sao?". - "Một lũ

chó sói mang đi bốn bò, mười hai dê, may tôi trèo cây mới thoát". Ngày hôm sau nữa, chủ sai cưỡi ngựa đi có việc. Anh bán luôn con ngựa, chỉ xin cái đuôi. Về nhà anh đút đuôi ngựa vào lỗ chuột rúc, lèn kỹ. Sáng dậy anh kêu với chủ: - "Ô, ngựa bị chuột bắt mất rồi. Chỉ còn thò ra nửa cái đuôi". Chủ đến kéo dĩ nhiên đuôi bật ra. Anh kêu: - "Thôi! Thế là chuột ăn hết ngựa rồi!". Lão chánh án sạt nghiệp, phải cho anh về. Anh cắt mũi và tai lão theo giao ước.

Truyện của dân tộc Xa-ri-cô-li (Saricolie) ở Trung Á:

Một người cha sắp chết bảo ba đứa con chớ có đến gần một cái cối xay nọ, ở đó có một ông già chột sẽ ăn thịt. Cha chết, người anh cả không nghe lời, đến chỗ cối xay, ông già nhận nuôi làm con. Ông sai anh quét dọn chuồng lừa. "Nhưng, ông nói, ta có cái tật: nếu ai giận ta thì ta móc mắt, còn nếu ta giận ai, ta cũng cho người ấy làm như vậy". - "Vâng!". - Anh đáp.

Hết ngày mà chưa dọn phân xong. Nản quá anh trở về chỗ cối xay ném dụng cụ xuống đất. Ông già hỏi: - "Anh giận ư?". - "Sao lại không? Ông bắt tôi làm quá cực". Ông già nhảy tới móc con mắt anh. Ít lâu sau, người em thứ hai lại đến. Sau khi anh này quét dọn xong, ông già bảo anh đi kiếm củi, nhưng lại bảo riêng con lừa rằng: - "Khi nào nó chất củi lên lưng thì mày nằm xuống". Lừa làm đúng như thế. Anh chàng bèn cắt một tai lừa. Tự nhiên lừa tỏ r thuần hơn trước. Khi ông già thấy tai lừa bị cắt liền hỏi anh tại sao lại làm như thế. Anh hỏi lại: - "Lão có giận tôi chăng?". Ông già đáp: - "Ừ", anh bèn nhảy tới móc mắt lão và lão chết.

Truyện của người Xơ-ri Lan-ca (Sri Lanka):

Một tên chúa làng (ga-ma-ra-la) có cái tật hễ thấy ai thở dài thì tỏ ra ghê tởm. Khi hắn thấy ai làm thế thì lập tức nhảy xổ vào người khốn nạn, cắt đứt mũi. Có một anh cả trong hai anh em đến làm việc với chúa làng này, và vì thế bị hắn cắt mất mũi. Trở về, anh kể lại cho em nghe. Em là Hốc-ca quyết báo thù. Bèn vào xin làm đầy tớ cho tên chúa làng ấy. Từ đó anh chơi nhiều ngón khiến chủ hiểu rằng đây không phải là một kẻ vô lại, mà là một tên ranh mãnh. Nghĩ vậy, chủ buông tiếng thở dài. Hốc-ca đã rình sẵn bèn nhảy tới cắt mũi chủ.

Truyện của người Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan):

Một chàng trẻ tuổi đến làm việc cho một người với điều kiện: chủ phải cung cấp cho tớ một cày, một đôi bò. Về phía tớ thì phải hàng ngày gieo một giỏ hạt và kiếm củi cũng như thức ăn cho gia đình. Ai làm không đúng bị cắt

mũi. Ngày hôm ấy, đầy tớ làm không tròn công việc bị chủ cắt mũi. Người anh về kể chuyện cho em nghe. Em lại đến xin làm việc, nhận những điều kiện đã nêu. Ra đồng, anh đổ hạt xuống đất, giết một bò và bẻ gãy cày. Lúc về nói là đã làm xong. Ngày thứ hai, người em cũng lại làm như thế. Đến ngày thứ ba, chủ không thể cung cấp hạt giống, cày và bò nữa nên lại bị anh cắt mất mũi[1].

Truyện của người Đun-gan:

Một bà mẹ có ba con trai. Người anh cả được mẹ cho đi học ở nhà một ông quan. Viên quan này giao hẹn với anh phải làm xong công việc nếu không thì bị giết. Hắn đưa cho anh một cái rây bột bảo lấy rây ấy đi múc nước cho hắn. Dĩ nhiên anh không thể nào hoàn thành phần việc được giao và bị hắn giết. Đến lượt người con thứ hai của bà mẹ lại đến học và chịu chung số phận. Biết được chuyện này, người con út quyết trả thù. Bèn tìm đến nhận điều kiện của viên quan. Anh lấy nhựa gắn đáy rây và múc được nước đưa về trước về mặt kinh sợ của chủ. Thế là anh trả được mối nợ: trước tiên anh giết đứa con của hắn, rồi đến hắn và vợ hắn. Đoạn chiếm tất cả gia sản rồi trở về[2].

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.
2. Theo Ríp-tin (B. Riftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov), sách đã dẫn.

200. CÁI CHẾT CỦA BỐN ÔNG SƯ

Xưa có một người làm nghề kiếm mật ong và sáp nuôi thân. Hàng ngày ông ta đeo trên lưng một chiếc gùi[1], tay cầm cán có buộc bùi nhùi và giẻ đi vào rừng tìm tổ ong. Một hôm đang đi trên một con đường vắng, ông bỗng nghe ong kêu vù vù, ngẩng nhìn lên thì thấy một tổ ong mật. Mừng quá, bèn như thường lệ, ông đốt bùi nhùi rồi trèo lên cây đuổi ong đi để gỡ lấy sáp và mật. Nhưng tổ ong hôm ấy lớn quá, ông thu được một gùi đầy ắp nên không thể xuống được, vì cây vốn đã khó trèo, lại sợ không khéo đổ hết mật thì uổng. Đành phải ngồi lại ở một cành chẽ ba, đợi có người đi qua nhờ họ giúp cho xuống. Đợi đến trưa, ông bỗng nhác thấy bóng một con voi sắp sửa đi tới, trên đầu có một thằng nài. Người kiếm mật mừng quá, bèn nói lớn:

- Anh nài ơi anh nài! Vì tôi lấy được nhiều mật và sáp mà cây lại khó xuống, anh hãy làm ơn đỡ tôi một tí, tôi sẽ chia cho một nửa về mà dùng.

Từ xa, anh nài đã nhìn thấy thế cheo leo của người kiếm mật, liền nghĩ ngay một cách giúp bèn đáp:

- Ông hãy leo nhanh ra phía ngoài nhánh cây, hai tay nắm lấy nhánh rồi buông thõng chân xuống, tôi đứng ở lưng voi, tôi sẽ đỡ ông. Mau lên!

Nói đoạn anh nài bèn đứng dậy chuẩn bị tư thế chờ voi đến nơi để kịp thời đỡ người kiếm mật. Nhưng khi hai tay anh nài nắm lấy hai chân người kiếm mật, thì con voi tưởng là giục nó đi nhanh, bèn cứ thẳng đường rảo bước. Thành thử nài ta hổng chân, đã không đỡ được người kiếm mật mà lại đu người vào chân ông ta. Về phía người kiếm mật đã đeo một gùi nặng sau lưng lại đeo thêm một khối nặng ở dưới chân, bèn càu nhàu:

---

1. *Gùi*: đồ đựng của người miền núi đan bằng tre có dây đeo vai khi đi đường như kiểu mang "xắc" ngày nay.

- Ối! Anh hãy buông tôi ra mau, không có nhánh cây mà gãy, cả hai rơi xuống gãy cổ chết hết bây giờ.

Nài ta cũng nổi xung nhưng nén giận, nói:

- Buông sao được! Buông thì què mất còn gì. Tôi không ngờ vì ông mà phải thế này. Thôi ông hãy níu cho chắc đừng có buông mà chết cả đôi.

Thế là cả hai rên rỉ trên cây cao, riêng nài ta vẫn bám chặt vào hai chân người kiếm mật.

May sao, chỉ chừng giập bã trầu, bỗng có bốn ông sư đi làm đám về qua đó. Thấy họ, hai người mừng rỡ như gặp cứu tinh, bèn nói chõ xuống:

- Bạch các thầy, xin các thầy hãy thương lấy chúng tôi. Cứu được một người phúc đẳng hà sa. Có sáp đầy gùi đây, chúng tôi xin dâng tất cả để cúng Phật.

Bốn nhà tu hành "phát bồ đề tâm", vội nghĩ cách cứu hai người bị cảnh nguy cấp. Họ đều bối rối không biết tính thế nào. Sau cùng có một người hiến kế giở tấm vải bọc quyển kinh ra, buộc mỗi góc tấm vải vào cổ một người, và ai nấy đều đứng ưỡn cổ ra phía sau, thủ thế dưới chỗ nhánh cây cho hai người kia nhảy xuống đúng vào giữa tấm vải. Như vậy dù vải có rách thì cũng không làm cho họ đau đớn, ít nhất là khỏi chết oan mạng. Nghe nói, cả ba vị sư kia đều lấy làm phải, và họ bắt tay vào làm ngay. Xong, họ ra hiệu. Trên cây cả hai người buông tay rơi trúng đích, lăn vào lòng tấm vải. Nhưng thật là bất ngờ. Vì quá nặng, nên bốn cái đầu trọc va vào nhau quá mạnh, chết ngay tại chỗ, không kịp la. Hai người kia thấy vậy, nghĩ đến gông cùm đang chờ mình ở công đường, nên không ai bảo ai, trốn ngay tắp lự.

Gần chỗ xảy ra tai nạn không xa, có một cái quán bán rượu. Chủ quán là một người đàn bà, nhưng hôm ấy lại đi vắng, mãi đến quá trưa mới về. Thấy có bốn cái xác sư ông chết ở gần quán của mình, thì hồn vía mụ lên mây, không phải vì sợ hồn ma quấy phá, mà sợ rồi đây quan nha lính tráng hương chức làm tình làm tội, khó lòng sống nổi. Nghĩ vậy, mụ quán đem hết can đảm và sức lực lần lượt lôi bốn cái xác kia về phía sau quán để tìm cách chôn đi cho biệt tích.

Khi mụ kéo xong cái xác thứ tư thì ngoài cửa bỗng có một người đi vào. Mụ quán xanh mắt tưởng việc của mình đã bại lộ. Vừa ló mặt ra nhìn, mụ mới biết đó là một lão sãi[1], khách hàng quen thuộc vẫn hay đến quán mụ để thỉnh thoảng làm vài chén ấm bụng. Chợt nghĩ ra được một kế, mụ quán ân cần rót cho khách một chén rượu ngon, rồi làm bộ râu rĩ, nói:

- Tôi vô phúc có một đứa cháu trai mấy lâu đi ở với người ta, rồi nó mang bệnh trở về. Tôi đã cạo đầu cho nó để may ra nhờ Phật tổ tế độ cho khỏi tiền oan nghiệp chướng, không ngờ ngày hôm qua nó nhiễm gió độc mà chết. Tôi già cả chẳng biết tính liệu làm sao, thật là cơ khổ.

Sãi ta vốn quen nghề chôn cất thuê, liền đáp ngay:

- Khó gì việc ấy. Chỉ một vài nhát thuổng là xong, tôi sẽ giúp cho mụ. Còn công xá thì mụ cho tôi vài bầu rượu là đủ.

Mụ quán không từ chối tấm nhiệt tình của sãi, bèn nói:

- Lão cứ giúp tôi chu tất, rồi muốn uống bao nhiêu cứ đến đây mà uống, tôi có tiếc gì.

- Thế thì mượn cho tôi một cái cuốc, một cái thuổng, chập tối tôi sẽ đến.

Chập tối lão sãi đến rất đúng hẹn. Mụ quán đã lấy chiếu bọc cái xác thứ nhất bó thành một bó. Lão vác lên vai rồi cầm cuốc thuổng dò dẫm đi lên cồn hoang quen thuộc sau khi phải qua một cái cầu tre gập ghềnh.

Nhưng khi lão chôn xong, vừa về quán đã thấy mụ quán đang ngồi khóc trước một bó chiếu đặt giữa quán. Lão chưng hửng:

- Lạ chưa, lại còn xác nào đây?

Mụ mếu máo nói:

- Lão chưa biết, cháu nó vốn mồ côi cha mẹ nên rất mến tôi. Hồi nó đi ở, tôi phải la mắng năm hồi bảy chặp, nó mới chịu ra đi. Nay nó chết oan, không nỡ bỏ tôi, lại tìm cách lộn trở về. Ôi cháu ơi là cháu!

Lão sãi sờ vào đầu quả thấy cái đầu trọc, thì tỏ vẻ tin, nói:

- Lạ quá! Thôi được, tôi sẽ mang đi xa hơn và đào sâu hơn, coi thử nó có về được nữa hay không?

1. *Sãi:* chỉ những người làm một số nghề lao động nhất định, như chôn ma thuê, chèo đò, phục dịch nhà chùa, v.v...

Thế rồi cầm bát rượu của mụ quán trao cho, lão làm một tợp rồi vác bó chiếu cắm cổ ra đi.

Nhưng lúc lão ta về quán lần thứ hai thì lại đã thấy một bó chiếu đặt nằm giữa quán như trước. Lão không còn hiểu thế nào nữa, hỏi dồn:

- Lạ chửa. Nó vẫn còn về sao?

Mụ trả lời nước mắt giàn giụa:

- Tôi đã dặn rồi, không đào sâu chôn chặt thì nó còn làm khổ cả tôi và ông. Cháu tôi thiêng lắm.

- Thôi được, lần này tôi chôn thì không thể nào về được nữa.

Nói rồi lão lại vác bó chiếu lên vai ra đi.

Nhưng lần thứ ba trở về lão lại thấy lù lù giữa quán một bó chiếu như cũ. Lão dụi mắt nhìn cho rõ. Vẫn cái đầu trọc lấp ló trong chiếu. Lần này mụ quán làm mặt giận, nói:

- Tôi tưởng lão đã quen với việc đó, có ngờ đâu cứ để nó lộn về mãi thế này. Thật là cháu tôi làm tội làm tình lão mà rồi đêm nay nó còn làm phiền tôi đến đâu.

Sãi ta tuy bực hết sức nhưng cũng dịu giọng:

- Cả đời tôi chôn biết bao nhiêu là xác rồi, chưa bao giờ tôi thấy lạ lùng như hôm nay. Thôi mụ bớt giận. Để tôi chôn lần nữa coi. Nếu nó còn về thì tôi thề không làm cái nghề này nữa.

Nói rồi lão lại vác bó chiếu đi. Đến một nơi xa, lão đào lỗ sâu quá đầu người rồi mới bỏ bó chiếu xuống, lại nện đất thật chặt mới ra về.

Khi lão về đến cầu, tuy đêm hôm tối tăm, lão vẫn nhận ra một cái bóng như bóng người đang ngồi xổm ở mép cầu. Tiến lại gần, lão đã nhìn thấy thấp thoáng một cái đầu trọc. Lão chép miệng: - "Chết thật! Cả đêm nay, tao những khổ sở về mày. Mày có quyến luyến bác mày cũng phải nể tao với chú. Tao đã vì mày đào sâu chôn chặt đến bốn lần rồi, vậy mà bây giờ mày còn định làm tội làm tình như thế nào nữa?". Số là người ngồi ở cầu vốn là một chú tiểu đêm khuya ra ngồi phóng uế, không ngờ lại nhằm vào lúc lão sãi vừa chôn cái xác thứ tư trở về. Thấy có người tới, tiểu ta vội đứng dậy định đi, nhưng lão sãi đã cho một đạp lộn cổ xuống sông, vừa đạp lão vừa nói:

- Tao mệt lắm rồi, thôi lần này cho mày xuống thủy phủ đi thôi![1]

KHẢO DỊ

Cũng ở miền Nam, truyện này còn có một dị bản *Bốn anh thầy chùa đi làm đám*, kể như sau:

Có bốn thầy chùa và một hòa thượng (thầy cả) đi làm đám. Chủ dọn cơm, cả năm từ chối không ăn, cốt để lấy tiền. Về dọc đường bụng đói, thấy có cây dừa có quả, bèn bàn nhau bẻ trộm đưa về ăn. Thầy cả nói: - "Chúng ta là kẻ tu hành, dừa quẳng xuống thình thình làm động đất, người ta mà biết thì xấu hổ". Cũng như truyện trên, hắn nghĩ cách quẳng dừa xuống không có tiếng động bằng cách cho bốn thầy nắm bốn chéo một tấm chăn, để mình leo lên hái, ném vào chăn. Không ngờ thầy cả tham lam, hái một lúc cả buồng nặng quá. Khi thả xuống, chăn kéo mạnh, bốn người va đầu vào nhau, chết cả. Thầy cả thất kinh chạy nhanh về chùa. Thấy một tên trộm đang rình, thầy bảo hắn đừng ăn trộm, thầy sẽ thuê chôn một thầy chùa "mắc dịch" với số tiền một trăm quan, nhưng cũng dặn chôn kỹ kẻo nó về. Tên trộm nhận lời, và cũng như lão sãi trong truyện trên, mắc lừa thầy cả, mất công đến bốn lần. Nhưng ở đây, lần thứ tư, tên trộm không chôn nữa mà ném xác xuống sông. Tiếng động làm cho một người hủi trọc đầu ngồi ở cầu giật mình ngã lộn cổ xuống sông. Hắn vội bơi vào bờ, nhưng tên trộm lại tưởng đó là xác thầy chùa lộn trở về liền chạy xuống bờ đạp đầu hắn xuống nước, và nói: - "Mày còn hành tội tao nữa hay thôi"[2].

Mô-típ trên đây cũng phổ biến trong truyện của một số dân tộc, trong đó có truyện của Căm-pu-chia là gần với truyện của ta hơn cả. Truyện này khá dài, gồm nhiều truyện nhỏ mang chất hài hước từng được in trên báo phát hành ở Phnôm-pênh. Đoạn kể dưới đây là phần cuối:

Có bốn người tuổi già đầu hói, chưa vợ, may được một bà già thuận làm vợ cả bốn. Nhưng vì bị vợ bắt phải làm việc quá mệt nên rủ nhau đi tìm một nô lệ. Họ gặp một anh đan rổ giỏi, nhưng giấu nghề, đem lên cây cọ ngồi đan chẳng may trượt chân rơi, nhờ nắm được một tàu lá, rồi lại nhờ một thằng nài

1. Theo Lăng-đơ (Landes), sách đã dẫn và Jê-ni-bren (Génibrel). *Chuyện đời xưa mới in ra lần đầu hết.*

2. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), như trên.

cứu, nhưng cũng như truyện của ta, vì voi đi nhanh nên cuối cùng cả hai ở trong tư thế thằng nài ôm lấy chân anh đan rổ, anh đan rổ bám lưng lăng vào một tàu lá (Xem **Khảo dị** truyện số **196**). Để cứu hai người kia, ở đây bốn người này lấy khố quấn vào cổ, mỗi người cố uốn về phía sau, và kết quả cả bốn đều chết một lúc. Thấy họ chết, hai người kia đi báo cho bà già vợ chung của họ biết. Người này cũng bí mật kéo xác về, thuê một người làm nghề thiêu xác (chứ không phải chôn xác) thiêu giúp, và cũng thuê thiêu một xác, nhưng lại lần lượt đưa ra đến bốn xác, nói dối là: - "Ông thiêu thế nào mà chồng tôi đã về đây rồi. Ông không nhớ tôi đã nói với ông là chồng tôi thương tôi lắm sao". Người kia sau khi thiêu đến lần thứ tư, về dọc đường gặp một người làm nghề đốt than trở về. Tưởng là xác chết lại lộn về lại, người thiêu xác bảo: - "Mày thật là đồ ác nghiệt, tao đã phải đốt đến lần thứ tư, thế mà bây giờ mày lại dẫn xác về đây rồi". Nói xong hắn ôm lấy người đốt than. Lão này chống lại, nhưng sức yếu, cuối cùng bị hắn đánh chết ném vào lửa[1].

Dị bản này ở người Thái-lan là truyện *Nhà sư già muốn lấy vợ*.

Một nhà sư leo lên cây, hụt tay rơi xuống, may bám được một cành lá thốt nốt treo lơ lửng. Nhờ bốn người tu hành khác đi qua giúp cho xuống bằng cung cách mà họ tưởng là an toàn, như các truyện trên. Kết quả cũng thế, bốn cái đầu va vào nhau chết cả. Trong khi nhà sư bỏ trốn, thì một người đàn bà nhà ở gần đấy sợ bị vạ lây bèn đi tìm một sư già nhờ đốt xác hộ. Sư già chỉ bằng lòng với điều kiện là chị ta phải lấy mình sau khi mình hoàn tục. Chị này vốn chẳng thích lấy sư già nhưng không có cách nào khác, đành phải nhận. Cũng như truyện trên, sư già phải đốt đến bốn lần. Lần thứ tư, hắn bực mình, chặt đứt đầu cái xác mà đốt. Vừa lúc ấy có một nhà tu hành khác đi đường bị bọn cướp chém phải đầu, vùng thoát được, chạy đến định nhờ sư già băng bó. Không ngờ sư già lại tưởng là ma sống lại, bèn nắm lấy hắn ném vào lửa, nhưng hắn còn khỏe, vùng chống lại và cuối cùng cả hai đều chết trong lửa. Thấy vậy, người đàn bà yên lòng vì chị ta rất không muốn kết duyên với sư già[2].

Dị bản ở người Lào cũng gần như truyện của Thái-lan:

Có bốn chàng trai đầu hói. Họ gặp hai chị em, cả bốn anh đều thích cô em. Vì bốn anh em giống nhau như đúc nên cô em nhầm, thành ra tằng tịu với cả bốn. Cô chị ghen tức, một hôm bỏ thuốc độc trộn vào cơm dọn cho ăn

1. Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). *Truyện dân gian Căm-pu-chia chưa hề in.*
2. Theo *Pháp Á tạp chí*.

làm cả bốn người cùng chết một lúc. Hoảng sợ, cô nhờ một người phu thiêu xác giúp đỡ. Nhưng cũng như các truyện trên, cô chị lúc đầu đưa ra một cái xác thuê một số tiền là hai mươi bạt và dặn phải đốt kỹ kẻo ma lại lộn về. Thế rồi, khi người phu thiêu xong cái xác thứ nhất, cô lại đẩy ra cái xác thứ hai, và cứ thế lần lượt đẩy ra đến cái xác thứ tư. Người phu thiêu bực mình sẵn, khi đốt xong xác thứ tư, gặp một người đầu trọc đi qua. - "Mày đi đâu?", hắn hỏi. Người kia đáp: - "Đi chợ" - "Đừng hòng nói dối. Tao đốt mày bốn lần rồi mà mày còn cứ về quấy mãi". Cũng như truyện vừa kể, hắn nói rồi liền kéo người kia vào đống lửa, nhưng y chống lại kịch liệt, cuối cùng cả hai đều chết[1].

Người Lào còn có một truyện *Bốn nhà sư*, nhưng lại thuộc nhóm truyện phân xử, có kết thúc khác với truyện vừa kể:

Một người trèo cây xoài hái quả, mất thăng bằng bị ngã, cũng níu được một nhánh treo tòn ten trên đường đi. Cũng có một người nài cưỡi voi đi qua. Người kia xin giúp, hứa trả một trăm đồng vàng. Nài ta cũng đứng dậy giơ tay đỡ, nhưng voi cứ trốn voi đi, làm cho nài phải nắm lấy chân người kia và cả hai đành treo tòn ten. Sau đó thấy một người thợ săn đi qua, nài ta xin biếu một trăm đồng vàng nhờ cứu hộ. Người thợ săn cuối cùng giúp được hai gã khỏi nguy, không có chuyện chết chóc như các truyện trên.

Nhưng tiếp đến là một cuộc cãi lộn nổ ra giữa ba người về số tiền đã hứa. Việc đưa lên vua Muyn-la Tan-tai. Vua xử cho người nài phải trả hai phần ba số tiền với lý do là chẳng những nó phải hàm ơn người thợ săn mà còn hàm ơn người hái xoài vì nếu không có hai cánh tay lực sĩ của người sau thì nó không tránh khỏi chết[2].

Người Đức có một truyện ngụ ngôn cũng tương tự với các truyện trên:

Một người đàn bà có chồng giúp, lần lượt tống khứ được ba thầy tu hổ mang bằng cách đẩy chúng vào thùng nước sôi. Người chồng thuê một người học trò say rượu ném hộ xác xuống sông. Cũng như các truyện trên, thuê thì một xác, nhưng lại đưa ra đến ba, cũng nói dối là ma lộn trở về, lại làm bộ mắng sao không làm chu đáo. Quẳng đến lần thứ ba, người học trò thấy một tu sĩ đi chơi, tưởng là ma lại trở về nữa, bèn ẵm lấy tu sĩ vứt nốt xuống sông.

Một loạt chuyện sau đây tuy có khác nội dung, nhưng cũng cùng một loại

1. Theo Bren-gơ (Brengues). *Truyện dân gian Lào*, trong *Tạp chí Đông-dương* số 1 (1904).
2. Theo *BEFEO*, tập XVII, số 5 (1917).

với các truyện đã kể. Truyện của Pháp: *Jăng nghèo và Jăng giàu*:

Một bà già có hai con trai, bao nhiêu của nả bà ta cho người con thứ tất (Jăng giàu), còn con đầu lòng đã có vợ con thì không được gì (Jăng nghèo). Người anh thường bảo em: - "Thế là mày ăn trộm của tao, nhưng rồi tao sẽ lấy lại". Một hôm mẹ ốm, em mời anh đến nhà. Người anh cho mẹ mình ăn một thứ bánh để đã bảy năm. Mẹ chết. Người anh bảo em mặc quần áo đeo trang sức vào xác cho đẹp và đưa chôn. Đêm lại, anh lại đào lên mang đến nhà em đặt ở máng ngựa. Sáng dậy, người em thấy thế sợ quá, gọi anh đến nhờ chôn. Anh đòi phải nhiều tiền. Đêm, anh lại mang xác mẹ đặt trên tường nhà của một nam tước gần cây táo, lại đặt một quả táo ở bên cạnh. Nam tước dậy tưởng là ăn trộm liền dẫy xuống khỏi tường. Khi thấy xác chết sợ quá, mời Jăng nghèo tới nhờ chôn hộ. Hắn đòi phải có tám chục nghìn quan. Chờ tối, hắn lại mang xác tới nhà một tu sĩ, gọi nhỏ bằng một giọng thê thảm: - "Hối lỗi đi tu sĩ, hối lỗi vì Chúa". Tu sĩ dậy thấy xác, khẩn khoản thuê Jăng nghèo mười bảy nghìn quan, nhờ chôn. Hắn ta lại mua một con lừa cột xác mẹ lên lưng với tư thế đang ngồi và dắt lừa đi chợ. Đến chợ, hắn để lừa đi tự do, lừa giẫm phải hàng đồ gốm. Lão hàng gốm ném một hòn đá, cái xác ngã lăn ra. Jăng nghèo bắt vạ, lại được một mẻ tiền nữa.

Truyện của người Ê-cốt-xcơ (Écosse):

Có hai anh em: anh thì giàu có, còn em nghèo xác xơ. Nhà người em có người đầy tớ mưu trí. Trong nhà chỉ toàn ăn lương khô, người đầy tớ bảo tội gì mà không đi ăn trộm con bò cái của người anh. Người anh mất bò, không bắt được quả tang, bèn cho mẹ vợ nằm vào một thùng kín có khoét lỗ thở, đoạn giả bộ gửi thùng ở nhà em, kỳ thực là để nghe ngóng xem có phải em ăn trộm con bò của mình không. Đầy tớ biết là trong thùng có người, bèn lấy miếng pho-mát nút lỗ lại. Khi người anh đem thùng về, thấy mẹ vợ đã chết, bèn đưa đi chôn. Đêm lại đầy tớ đào lên lấy vải khâm liệm, rồi đặt xác trong nhà người anh cho ngồi gần lò sưởi, que cời lửa đặt ở đầu gối. Sáng dậy, người anh hoảng sợ, phải đi kiếm em nhờ chôn hộ. Em đòi tiền công cao mới chôn. Lần thứ hai, đầy tớ lại đào lấy xác cho đứng ở bàn. Rồi lại đến lượt đào lên đặt ở chuồng ngựa, buộc xác lên lưng ngựa con. Mỗi lần như thế, người anh lại phải nhờ em chôn, muốn lấy bao nhiêu tiền công cũng trả. Sau người em trở nên giàu bằng anh.

Cũng như truyện vừa kể, ở truyện của người Xu-áp-bơ cũng có tình tiết:

Một mục sư cho mẹ vợ nằm trong thùng kín để dò la con lợn bị mất, vì

ngờ cho người giữ đồ thánh ăn trộm của mình. Người này biết việc đó bèn đốt một miếng lưu huỳnh, người đàn bà nằm trong thùng bị ngạt mà chết. Mục sư sợ người ta cho là mình tiếc của (vì lúc bà nhạc ốm không gọi thầy thuốc) nên khẩn khoản nhờ người giữ đồ thánh bí mật chôn họ với một số tiền lớn. Người này lén mang xác đặt ở kho lúa của mục sư. Sáng dậy, mục sư trông thấy kinh hoảng, cho là bà mẹ vợ mình vốn là một tay phù thủy nên hay trở về. Lại nhờ hắn chôn lần thứ hai với số tiền một trăm đồng. Hắn mang xác vào rừng. Trong khi đi đường, gặp một người bán hàng rong đang ngủ, hắn lén bỏ xác vào thùng hàng. Tỉnh dậy, người bán hàng không ngờ gì cả cứ thế chở thùng thẳng đến cho khách hàng mà khách hàng hôm ấy lại là mục sư. Mục sư mở thùng lại thấy xác bà nhạc thì thất kinh, lại phải thuê hắn - người giữ đồ thánh - hai trăm đồng, và thêm hai trăm đồng nữa để hắn chôn thế nào cho đừng trở về.

Truyện của người Bồ-đào-nha (Portugal) phần nào giống với truyện của Pháp:

Có hai anh em trai, anh chiếm hết gia tài của bố mẹ để lại, em có nhiều con thì lại rất túng bấn. Một hôm một con bê của người anh rơi xuống rãnh, mấy đứa con của người em làm thịt chén và cho bố ăn. Ở đây cũng có chuyện người nằm trong thùng kín như hai truyện vừa kể, nhưng không phải bà nhạc, mà là vợ của người anh. Khi mấy đứa con người em cao hứng kể lại chuyện bắt trộm con bê, mụ đàn bà trong thùng nghe được không ngăn nổi cơn giận dữ. Nghe trong thùng có tiếng động, mấy đứa tưởng là chuột, bèn đổ nước sôi vào chỗ có lỗ vì không biết đó là lỗ thở. Mang thùng về thấy vợ đã chết, người anh tưởng là bị Chúa Trời phạt vì đã nghi bậy cho em. Trước khi chôn, người ta đặt xác ở nhà thờ. Đêm lại, em tới lột hết đồ trang sức và đặt dựng đứng xác trên bàn thờ. Sáng dậy, mọi người trông thấy, khiếp đảm. Sau khi chôn xong, em lại đào lên lấy đồ trang sức một lần nữa, rồi bỏ vào trong một cái túi đựng lợn mà một bọn học trò đã dùng để ăn trộm một con lợn nhưng chưa đưa đi thoát. Bọn này khi mở túi để lấy lợn, thấy cái xác, liền dựng xác trước cửa một nhà nọ. Người nhà này tưởng là kẻ trộm, nên đánh thẳng tay. Thấy kẻ trộm ngã xuống mới biết là đã chết, hắn bèn cột xác lên lưng một con lừa. Sau nhiều cuộc phiêu lưu nữa, cái xác lại tình cờ trở về nhà người anh, và người này phải trả cho em phần tài sản đã chiếm đoạt để hy vọng vợ mình được Chúa tha tội không trở về nữa[1].

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.

201. HAI BẢY MƯỜI BA

Ngày xưa, ở huyện Hà-đông thuộc tỉnh Quảng có hai vợ chồng nhà nọ, chồng quen thói lấn lướt vợ, nhưng vợ cũng không phải tay vừa.

Một hôm nhà có giỗ. Người vợ nấu một nồi chè để cúng. Chè nấu xong, vợ lần lượt múc vào bát. Nhưng vì mâm ở bếp còn bận, nên vợ cứ hai tay hai bát bưng lên cho chồng bày lên bàn thờ. Cứ như thế, vợ lần lượt bưng đến bảy chuyến mới hết. Vợ lẩm bẩm một mình: - "Bảy chuyến vị chi là mười bốn bát".

Chồng xếp tới xếp lui mấy bát chè vào lòng mâm trên bàn thờ. Cuối cùng thấy thừa một bát, xếp gọn thế nào cũng không để lọt. Bụng bảo dạ: - "Chẳng lẽ lại đặt nó lẻ loi ra ngoài mâm. Thôi, sẵn dịp vắng vẻ không có ai, ta hãy nếm thử, chắc vợ mình cũng chẳng đếm đâu mà biết". Nghĩ vậy, nhân lúc vợ còn loay hoay sau nhà, chồng bèn lấy bát chè thừa đưa ra sau bàn thờ húp lấy húp để. Húp xong, hắn ra bể cạn rửa, rồi đi vào bếp úp cái bát sạch vào rổ. Đoạn trở lên nhà trên làm nốt công việc khác.

Đến chừng cúng xong, bưng mâm chè xuống, người vợ ngẩn ra khi thấy đếm đi đếm lại mấy lần vẫn cứ thiếu một bát chè. Vợ tự hỏi: - "Quái, chắc là chồng ta ăn, hay là trong khi xếp làm đổ mất một. Ta phải tìm cho ra lẽ mới được". Nghĩ vậy vợ bèn hỏi chồng:

- Tại sao lại thiếu một bát chè?

Chồng làm ra vẻ tự nhiên:

- Ủa, mình bưng lên bao nhiêu thì tôi bày ra bấy nhiêu đó.

Vợ phân trần:

- Tôi bưng lên cả thảy là bảy lần, mỗi lần hai bát, hai bảy mười bốn. Đầu đuôi là thế. Tại sao bây giờ chỉ còn mười ba?

Chồng không ngờ vợ đã có đếm hẳn hoi, nhưng chẳng lẽ bây giờ lại nhận là mình ăn thì đâm ngượng. - "Nhận mình ăn cũng chẳng sao, nhưng có nhận thì nhận ngay từ đầu, để đến bây giờ đã muộn". Bèn làm mặt giận:

- Tôi biết đâu đấy. Hay là mình nghi cho tôi ăn chăng?

Vợ không nhịn được:

- Còn gì nữa. Trong nhà lúc ấy chỉ có tôi với mình, con thì đi vắng. Vậy chẳng lẽ ai vào đây mà nuốt mất bát chè.

Đến đây chồng đỏ mặt tía tai, sừng sộ:

- Mày bảo tao ăn thì tang chứng đâu? À quân này láo!

Nói rồi chồng sấn lại. Vợ không xuống nước, nhất quyết đổ riệt cho chồng ăn vụng. Thế là một cuộc xô xát xảy ra giữa hai người, đi liền theo là mâm bát đổ vỡ, bàn ghế xiêu vẹo. Bữa giỗ vì thế không những mất ngon mà còn thiệt hại cả đơn lẫn kép.

*

* *

Thấy mình nắm chắc phần đúng trong tay, không ngờ kết quả lại đến thế, người vợ vừa đau thân vừa giận đời, bèn phát đơn kiện lên quan. Biết vậy, người chồng từ chỗ hung hăng chuyển sang lo lắng. Hắn nghĩ bụng: - "Nếu nó làm ra chuyện thì chuyến này không những xấu hổ với bà con làng xóm mà rồi đây còn khó ăn khó nói với con cái trong nhà!". Hắn bèn mang lễ vật lên lo lót quan, xin quan gỡ cho để khỏi "mất mặt". Nhìn món lễ vật hậu hĩ, quan gật gù:

- Được được, ta sẽ lo cho êm thấm.

Hôm ra trước công đường, sau khi nghe nguyên cáo trình bày, quan phán:

- Giỗ là giỗ ông bà nhà nó, không lẽ nó lại thất lễ với ông bà. Hơn nữa hai bảy không nhất thiết là mười bốn, cũng có khi hai bảy mười ba kia đấy. Này, hãy ngước mắt nhìn những đường đòn tay trên mái công đường mà xem. Mái trước bảy đường, mái sau cũng bảy đường. Vậy mà hai bảy chỉ có mười ba thôi. Đó, cả vợ lẫn chồng hãy mở to con mắt thử đếm xem có đích là hai bảy mười ba không?

Vợ chồng cùng ngửa mặt lên nhìn. Chồng chịu là quan có tài. Nhưng vợ thì còn muốn cãi lại. Quan đập bàn phán tiếp:

- Thánh nhân có nói: "Phu xướng phụ tùy". Vợ chồng chúng bay hãy dẫn nhau về ăn ở hòa thuận, đừng có bày điều kiện tụng làm cho thiên hạ chê cười. Lần này ta tha cho, lần sau tái phạm ta sẽ phạt nặng.

Nói rồi thét lính đuổi cả vợ lẫn chồng ra khỏi công đường.

Khi họ về đến nhà, bà con xóm giềng tới hỏi thăm. Giữa lúc người chồng hoa chân múa tay có vẻ thích chí, thì người vợ than:

Nực cười ông huyện Hà-đông,
Xử vị lòng chồng hai bảy mười ba.
Không nghe tan cửa hại nhà,
Nghe thì hai bảy mười ba cực lòng[1].

Người ta còn nói câu tục ngữ: "*Cha mẹ nói oan, quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa*" là do truyện trên mà ra.

KHẢO DỊ

Một dị bản khác cũng kể như trên, duy ví dụ của quan về hai bảy mười ba không phải là những đường dòn tay của hai mái công đường mà là con số đếm được từ tháng Bảy này cho đến tháng Bảy khác. "Đây này", quan nói, "ta tính cho nghe: tháng *Bảy*, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Một, tháng Chạp, tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, tháng *Bảy*. Đó chúng mày tính lại xem có phải hai lần bảy là *mười ba* không[2]?".

1. Theo lời kể của người Quảng-nam.
2. Theo *Bách khoa,* số 357 (1971).

PHẦN THỨ BA

NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT VỀ KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT - NAM

Chúng tôi tạm kết thúc công việc dẫn dắt bạn đọc đi thăm kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, một bộ phận quan trọng của những sáng tác tự sự truyền thống nói riêng và của nền văn hóa dân gian nói chung.

Tuy gọi là kho tàng, nhưng thật tình đây chưa phải là toàn tập truyện cổ tích Việt-nam - thực tế chưa ai dám tự cho mình là người nắm được tất cả - mà chỉ mới là một phần nào đó, phần tiêu biểu nhất, đã được chọn lọc và ổn định qua thời gian và nổi lên như một dòng chủ lưu trong đời sống truyện kể luôn luôn biến hóa sinh động của văn học dân gian dân tộc qua mười thế kỷ. Phần lớn những truyện tiêu biểu này đã được nhiều thế hệ nhà văn tiếp nhận và ghi lại trong sách vở. Dĩ nhiên đa số trong kho tàng sưu tập của chúng ta là những truyện lành mạnh, hay nói đúng hơn sự phát triển của cốt truyện, nhân vật, tình tiết... của chúng không quá đối nghịch với tâm lý, đạo đức con người cận hiện đại, vì để đến được với chúng ta, chúng đã phải lọc qua rất nhiều màng lọc - những hệ quy chiếu đạo đức và thẩm mỹ của nhiều thời đại. Tuy nhiên, để bạn đọc nhìn nhận một cách đầy đủ toàn bộ diện mạo và cấu trúc truyện cổ tích Việt-nam, chúng tôi cũng không bỏ qua một số truyện mà sự sàng lọc nói trên vẫn chưa mài nhẵn hết những góc cạnh gồ ghề nguyên thủy; đó là những truyện cổ tích mà ta thường xem là có khiếm khuyết mặt này mặt khác, hoặc có kết cấu khác thường.

Nói chung, những hiện vật - truyện cổ tích - bày ở kho tàng này là do quần chúng nhân dân các đời sáng tạo, gọt giũa, hoàn chỉnh. Những truyện ấy có thể xuất hiện gần ta hơn, vào đầu thời kỳ cận đại, nhưng cũng có thứ chắc chắn đã ra đời và tồn tại từ hàng nghìn năm nay.

Nếu văn chương bao giờ cũng có mối liên hệ mật thiết với cuộc sống vật chất, tinh thần của mỗi một thời kỳ lịch sử thì "kho tàng" này sẽ là những nguồn tài liệu quý báu giúp chúng ta hình dung một cách cụ thể

con đường riêng biệt mà cộng đồng người Việt đã tự vạch cho mình, trên quá trình vật lộn gian nan để tồn tại và phát triển, giữa một thế giới có vô số tộc người, với muôn nghìn số phận khác nhau, kể từ khởi thủy cho đến sát trước thế kỷ XX. Vì thế, ngoài lĩnh vực phôn-clo (folklore) chúng còn góp phần vào việc nghiên cứu nhiều bình diện của quá khứ dân tộc, nhất là về dân tộc học và xã hội học lịch sử. Ngay trong lĩnh vực phôn-clo (folklore) thì đây cũng là một nguồn tư liệu vô giá, có khả năng làm sống lại diện mạo tổng hợp của một kiểu thức sinh hoạt văn hóa dân gian, trong đó nghệ thuật ứng tác, trần thuật được đan chéo, hỗn hợp với các hình thức biểu hiện của tín ngưỡng, tôn giáo, tâm lý, phong tục,... và chúng làm thành một hợp lực, chi phối hứng thú thẩm mỹ, sức sáng tạo của tư duy, để rồi cùng với tiến trình lâu dài của lịch sử dân tộc, sẽ hình thành nên *bản sắc nghệ thuật truyện kể* của loại hình truyện cổ tích Việt-nam. Xác định cho được bản sắc này là mục tiêu cao nhất của giới cổ tích học dân tộc trước nay.

Lẽ tự nhiên nói đến nghệ thuật truyện cổ tích là bàn tới một vấn đề không đơn giản. Vì việc tiếp cận nghệ thuật một loại hình sáng tác nào bao giờ cũng phải xuất phát từ ngôn bản, mà ngôn bản truyện cổ tích cũng như văn học tự sự dân gian nói chung, do tính chất truyền miệng của chúng lại *không cố định* như văn học thành văn. Có hai chiều hướng biến hóa cần tính tới khi khảo sát nghệ thuật của thể loại này:

1. Sự biến đổi lâu dài trong quá trình lịch sử, do môi trường sinh hoạt, quan hệ xã hội, và tín ngưỡng, phong tục, tập quán đổi thay. Những biến đổi về mặt này chắc chắn đã làm thay đổi diện mạo truyện cổ tích khá sâu sắc, kể từ hình thức bề ngoài của các mô-típ, cho đến tình tiết, sự kiện và nhân vật của câu chuyện. Nhưng ngày nay muốn khôi phục lại diện mạo ban đầu để truy tìm xuất xứ của số lớn các truyện trong kho tàng truyện của chúng ta là điều không dễ, bởi chúng đã bị biến đổi không phải chỉ một lần. Nhiều "lớp áo" khác nhau đã khoác lên chúng ở nhiều thời đại khác nhau, và lâu dần đã trở thành những thành tố "nội tại".

2. Sự biến đổi do phong cách của người kể chuyện và tập quán của từng vùng, kể cả do giao lưu văn học giữa nước này và nước khác. Những

biến đổi theo chiều hướng thứ hai này tuy cũng không phải không sâu sắc, nhưng thường ít khi ảnh hưởng đến cốt truyện và các mô-típ cơ bản, chỉ thêm bớt tình tiết hoặc thay đổi ngoại hình nhân vật trong từng truyện theo hướng *dân tộc hóa* và *bản địa hóa* mà thôi; và bằng phương pháp so sánh cũng giúp ta sớm nhận ra sự thêm bớt co giãn giữa vùng này và vùng kia, dân tộc này và dân tộc kia, người kể này và người kể kia.

Như vậy, tựu trung, có thể xác nhận tính ổn định tương đối của văn bản nghệ thuật truyện cổ tích ở từng thời kỳ khi *xem xét hai thành tố cốt truyện và mô-típ của từng truyện cụ thể*. Đó là những thành tố tạm gọi là *bất biến*. Trái lại, cũng có thể khảo sát sự vận động của văn bản nghệ thuật truyện cổ tích qua việc *so sánh tình tiết và cách kết hợp mô-típ này với mô-típ nọ ở từng loại cốt truyện*. Đó là những thành tố tạm gọi là *khả biến*. Đặc điểm nghệ thuật truyện cổ tích của từng dân tộc tùy thuộc chủ yếu vào cái bất biến, và cũng tùy thuộc cả ở cách kết hợp giữa cái bất biến và cái khả biến hoặc *chuyển hóa từ cái khả biến thành cái bất biến* - sự kết hợp và chuyển hóa này chính là chỉ số nói lên tính cách, tâm lý, nét đặc thù trong tình cảm, tư tưởng của mỗi một dân tộc.

Bằng cách khảo sát như đã nói, mặt khác không cô lập việc nghiên cứu nội dung xã hội truyện cổ tích với việc nghiên cứu hình thức biểu hiện của nội dung ấy - hai thành tố này bao giờ cũng là hai mặt của một thể thống nhất, nhất là đối với thể loại tự sự truyền miệng, hình thức không gắn với nội dung thì càng dễ biến động - chúng tôi mong muốn gợi lên dưới đây một vài điểm ít nhiều có thể đặc trưng cho bản sắc nghệ thuật truyện cổ tích Việt-nam, nhằm giúp bạn đọc đi sâu thêm vào thế giới tâm hồn người Việt cổ truyền, cả mặt đặc sắc và mặt khiếm khuyết, cả về quan niệm nhân sinh lẫn quan niệm thẩm mỹ, đồng thời qua đó cũng thử tìm những ảnh hưởng do sự giao lưu đưa lại, tức là xem xét cội nguồn truyện cổ tích Việt-nam.

IV

ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

1. YẾU TỐ TƯỞNG TƯỢNG TRONG LOẠI HÌNH TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM NÓI CHUNG ÍT XA LẠ VỚI NHÂN TÍNH; LOẠI TRUYỆN SINH HOẠT CHIẾM MỘT TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI CAO; LOẠI TRUYỆN THẦN KỲ, TRUYỆN LOÀI VẬT, TRUYỆN PHIÊU LƯU MẠO HIỂM CHIẾM MỘT TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI THẤP.

Trước khi đề cập đến đặc điểm thứ nhất này, cũng nên biết trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, loại truyện thần kỳ không có nhiều, hay nói khác đi, yếu tố thần kỳ tuy vẫn có mặt trong kho tàng truyện cổ tích chúng ta, nhưng không đậm nét. Như ở *Phần thứ nhất* đã có trình bày, có thể chia truyện cổ tích Việt-nam thành ba loại (hay tiểu loại)[1]: 1) *tiểu loại thần kỳ* (hay hoang đường); 2) *tiểu loại thế sự* (hay sinh hoạt); 3) *tiểu loại lịch sử*. Từ những truyện sưu tầm được của bộ sách này (bao gồm cả truyện chính lẫn truyện phụ, nhưng không tính vào đó những truyện ngụ ngôn, khôi hài, tiếu lâm và những mẩu chuyện, v.v...), chúng tôi tạm làm thử một thống kê, cũng đã thấy:

1) Tiểu loại thần kỳ có 10%

2) Tiểu loại thế sự có 30%

3) Tiểu loại lịch sử có 18%

---

1. Nếu xem cổ tích là một *loại* trong nhiều thể loại tự sự dân gian thì 3 loại *thần kỳ, thế sự* và *lịch sử* trong cổ tích sẽ là 3 tiểu loại. Nhưng cũng có thể phân loại chi tiết hơn nữa, và 3 tiểu loại trên đây lại có tư cách là 3 *tổng loại* bao gồm nhiều tiểu loại khác.

Ta sẽ thêm vào đó một tiểu loại nữa để bao quát được những truyện chủ yếu là thế sự nhưng có mang trong nó ít nhiều yếu tố thần kỳ[1] (hay hư ảo), thì tiểu loại này chiếm đến non nửa: 42%. Nếu cộng gộp cả hai tiểu loại thế sự và nửa thế sự thì rõ ràng chúng chiếm đến hai phần ba tổng số. Như vậy, dù muốn hay không, cũng phải thừa nhận một thực tế: *không như kho truyện của nhiều dân tộc, truyện cổ tích thần kỳ của ta vốn không nhiều.*

Tại sao ta lại có ít truyện thần kỳ?

1. Hẳn ai cũng biết những hình tượng quái đản, hoang đường mang đậm tính siêu nhiên vốn là đặc trưng sáng tác phổ biến của một thời kỳ tối cổ trong lịch sử. Con người lúc đó bị muôn nghìn nỗi khủng khiếp của thiên nhiên vây bọc, và thiên nhiên được nhận thức "như là một lực lượng xa lạ, vạn năng, ngoài tầm hiểu biết của con người"[2]. Trí tưởng tượng của dân gian pha trộn với mê tín, hoang tưởng, đã gắn cho nhiều hiện tượng thiên nhiên những quy mô kỳ vĩ, những hình trạng quái lạ, và những hành vi phóng đại của nhân cách... tạo nên một thế giới khác biệt, xa lạ với thế giới con người đang sống, nhưng cũng chi phối thế giới đó một cách thần bí. Đó chính là sự ánh xạ đảo ngược môi trường sinh thái nguyên sơ của con người thời cổ, trong đầu óc tô-tem (totémisme) của họ, thông qua cái tâm lý vừa hoảng sợ trước thiên nhiên, lại vừa bị thiên nhiên trói buộc và quyến rũ.

Dần dần, trong cuộc đấu tranh sinh tồn, con người ngày một nhích ra khỏi sự phụ thuộc vào tự nhiên, có ý thức rõ hơn về sự tồn tại của mình, thì những sản phẩm của trí tưởng tượng của họ càng gần với thực tế, mặc dầu thói quen ảo hóa vẫn gắn liền với sự sáng tạo truyện kể. Nhân vật chính và phụ của truyện cổ tích đã bớt vẻ kỳ quái dã man và đượm tính người hơn trước - nó đã có thuộc tính xã hội. Và càng bước

1. Chúng tôi coi những truyện như: *Sự tích núi Ngũ-hành* (số **35**), *Tấm Cám* (số **154**) chẳng hạn là những truyện thần kỳ; những truyện như: *Trạng Hiền* (số **81**), *Huyền Quang* (số **147**) là những truyện lịch sử; những truyện như *Thần giữ của* (số **82**), *Gái ngoan dạy chồng* (số **90**) là những truyện thế sự; còn những truyện như *Đứa con trời đánh* (số **49**), *Rạch đùi giấu ngọc* (số **159**) là nửa thế sự, v.v...
2. Mác và Ăng-ghen (K.Marx và F.Engels). *Bàn về nghệ thuật*, tập I.

vào xã hội văn minh thì thuộc tính xã hội của nhân vật càng rõ hơn, tuy chưa phải thuộc tính tự nhiên đã mất hẳn đi.

Tất nhiên, không phải truyện thế sự mãi về sau mới xuất hiện; nó cũng đã ra đời khá sớm. Nhưng phải đợi đến lúc hình thái xã hội nguyên thủy tan rã, những mâu thuẫn trong gia đình, trong thị tộc, trong công xã, giữa các nhóm người, giữa các dân tộc, các quốc gia ngày một trở nên phiền phức, chồng chéo, thì loại truyện thế sự mới ngày càng nẩy nở một nhiều. Nó là ký ức của con người ở một thời kỳ mới mẻ: chặng đường chuyển từ tấn "bi hài kịch thần thánh" sang tấn "bi hài kịch nhân loại"; chặng đường con người bắt đầu nhìn vào chính nó, ước lượng thế giới qua tầm vóc thực của nó, và say mê vẻ đẹp do nó tạo nên, trong cuộc sống nhiều mặt mà con người đã trở thành vai chính. Đó là những câu chuyện sinh hoạt, người thực việc thực, dĩ nhiên đã được khái quát hóa và mô hình hóa. Yếu tố hoang đường chỉ có thể len vào nhiều hay ít để tăng thêm sức kích thích, cũng để thỏa mãn ảo giác của con người trước một thế giới mà nó ước mơ chinh phục nhưng vẫn đầy bất ngờ và hiểm họa đối với nó; tuy nhiên "cái hoang đường" chỉ đóng được vai trò nghệ thuật nếu không làm cho con người lãng quên hoặc đầu hàng hiện thực.

Vì thế, nếu có những truyện cổ nào đấy mà yếu tố thần kỳ vẫn còn được bảo lưu đầy đủ, được sử dụng để làm cái "nút" chính cho câu chuyện, như *Cây tre trăm đốt*, số **125**; *Người thợ đúc và anh học nghề*, số **122**; *Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử*, số **166**; thì ở nhiều truyện khác, yếu tố này chỉ còn là nét điểm xuyết cho bức tranh thế sự thêm hấp dẫn (*Sự tích chim hít cô*, số **5**; *Sự tích đá Bà-rầu*, số **33**; *Sự tích đá Vọng-phu*, số **32**); hoặc làm đường viền cho nhân vật lịch sử thêm nổi bật (truyện *Huyền Quang*, số **147**), làm chất xúc tác cho một nhóm địa danh lịch sử vốn còn rời rạc trở thành câu chuyện dính kết chặt chẽ với nhau (*Sự tích hồ Gươm*, số **26**).

2. Lịch sử Việt-nam từng trải qua một thời kỳ tồn tại và phát triển trên dưới ba, bốn thiên niên kỷ. Trong quá trình lâu dài đó đã diễn ra không ít biến cố về chính trị, xã hội, về tín ngưỡng, tôn giáo, và cả về ngôn ngữ văn tự... Những biến cố này nhất định cũng đã ảnh hưởng đến tư duy nghệ thuật của quần chúng nhân dân nhiều đời, tạo nên những

"biến cách" trọng đại trong truyền thống sáng tác dân gian ở nhiều chặng đường lịch sử, mà nổi bật nhất, theo chúng tôi là hai chặng mốc lớn: cuối thời kỳ huyền sử về các vua Hùng bước sang thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất, và cuối thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai bước sang thời kỳ tự chủ của các quốc gia Đại-việt (thời đại Lý - Trần).

Ở chặng mốc đầu tiên, sự du nhập của nền văn minh Tần - Hán với những tổ chức xã hội chặt chẽ hơn tổ chức các liên minh bộ lạc cư dân bản địa, đã làm đảo lộn không nhỏ nếp sống của người Việt cổ truyền, kéo theo nó là sự rạn vỡ và biến mất của nhiều tục lệ, tín ngưỡng cổ xưa, có thể vốn rất đa dạng trong đời sống cộng đồng Việt - Mường ở vùng núi cũng như vùng xuôi (hai thành tố Việt và Mường lúc này chưa chia tách). Việc các vị quan lại đô hộ Trung-hoa đem phong tục "Thiên triều" "dạy dân lễ nghĩa" chắc đã kèm theo nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ phong tục lâu đời của nhân dân bản xứ, bị coi là "huyền hoặc", "man rợ", không thích hợp với lý tính, trong một xã hội mà chữ "lễ" và chữ "pháp" bắt đầu cùng được áp đặt. Và hậu quả hẳn cũng có thể dự đoán được: cả một hệ thống thần thoại chứa đầy huyền tích nguyên thủy gắn liền với vô số hình thức lễ hội, ma thuật, tôn giáo... để diễn xướng chúng, bị cấm đoán, khinh miệt, lần lượt rơi rụng, mất mát và pha trộn dần đi. Đó là một trong những lý do khiến cho kho thần thoại Việt-nam không phong phú, lại mang tính chất rời rạc, gián đoạn, thiếu hệ thống như dấu vết còn lại ngày nay.

Nhưng ách đô hộ của ngoại tộc dẫu sao cũng không tàn phá được hết ngay một lúc mọi dấu vết của tư duy nguyên thủy. Sự tàn phá chỉ diễn ra dần dà, tự nó, với thời gian đô hộ kéo dài suốt một nghìn năm, và với những biện pháp chính trị và quân sự đi kèm với văn hóa, như một sự xâm thực ngấm ngầm. Cho đến chặng mốc lịch sử thứ hai đánh dấu bước toàn thắng của công cuộc khôi phục nền độc lập dân tộc (kể từ năm 938) thì người Việt trên thực tế đã có một hố ngăn cách quá sâu với cuộc sống tinh thần quá khứ của chính họ; có còn chút liên hệ nào chăng chỉ là từ trong huyền sử và dã sử, tiềm thức và vô thức. Và những cuộc cải cách toàn diện mà các lực lượng chính trị tiên tiến trong lòng dân tộc kế tiếp nhau đề xướng, nhằm củng cố vững chắc nhà nước độc lập quân chủ, lại theo hướng rập khuôn mô hình Trung-hoa một cách mạnh mẽ hơn trước, càng làm cho kiểu tư duy huyền thoại của người Việt mất mảnh đất sinh sôi nảy nở, kể cả trong sinh hoạt phôn-clo

(folklore). Rồi từng bước ăn sâu bén rễ của văn hóa Đường, Tống trong lòng xã hội cũng là từng bước áp đảo và đẩy lùi những tàn dư tín ngưỡng bản địa chắc vẫn còn tồn tại rải rác trên địa bàn cư trú của người Kinh, lúc bấy giờ đã tách khỏi người Mường. Bao nhiêu đền miếu bị coi là "dâm từ" đã bị phá hủy dưới thời Trần. Phần còn lại, Nho giáo kế chân Phật giáo ở các đời sau đời Trần, sẽ làm nốt công việc phá hoại của nó, theo một phương thức tinh vi hơn mà ta có thể gọi là hình thức "cải hóa dị đoan", như tinh thần của Khổng Tử[1]. Được trang bị bởi một hệ tư tưởng coi "tam cương ngũ thường" là "thiên kinh địa nghĩa", các đệ tử của đạo Nho dưới các triều Lê, Nguyễn luôn luôn có ý thức đem các khuôn mẫu "trung, hiếu, tiết, nghĩa"... áp đặt vào mọi hình thức tín ngưỡng dân gian, để làm cho phong tục "thuần hậu" hơn. Họ đã say mê viết lại tiểu sử các vị thần trong thần tích, phả ký, theo hướng lịch sử hóa truyền thuyết cổ tích (nhân vật rõ ràng là hư cấu, nhưng lại cố nặn ra đủ họ tên, quê quán, bố mẹ, thời điểm và địa điểm sinh ra và chết đi, đặc biệt thay thế hành trạng ngẫu nhiên của thần mà họ coi là xấu xí, thô kệch: thần ăn mày, thần gắp phân, thần sinh thực khí... thành các vị thần có hoạt động phò vua giúp nước), do đó đã biến rất nhiều huyền thoại kỳ lạ chưa được giải mã, thành một loạt lý lịch "trong sạch", "đẹp đẽ" nhưng cũng hết sức tẻ ngắt và nhàm chán. Và ta có cơ sở để giả định rằng trong liền mấy trăm năm cần mẫn làm công việc "khai hóa" như thế, nhà nho đã góp phần tước bỏ mất số lớn những tình tiết và cốt truyện giàu chất liệu nghệ thuật vốn chứa đựng trong kho truyện kể dân gian Việt-nam[2]. Mặt khác, cũng có một số trí thức địa phương

---

1. Luận ngữ, 論語 thiên "Vi chính": 爲政、子曰攻乎異端斯害也已 Tử viết: Công hồ dị đoan tư hại dã dĩ". Nghĩa là: Khổng Tử nói: công kích dị đoan thì cái hại sẽ hết. Theo một số nhà khảo chứng thì chữ *công* ở đây có nghĩa là *trị* 治 , tức là dùng lý lẽ để thuyết phục, đem vào khuôn phép.

2. Chẳng hạn, cuối thế kỷ XV có Nguyễn Bính là viên quan chuyên môn soạn lại thần phả cho các làng gần như theo một mẫu mực giống nhau, chắc chắn trong khi cải biên, ông đã tước bỏ vô tội vạ nhiều huyền tích quý giá được lưu truyền trong dân chúng. Cũng một hành vi tương tự, đầu thế kỷ XIX Bùi Dương Lịch trong *Nghệ-an ký* đã ra sức dùng quan điểm "khí hạo nhiên" để bác bỏ một truyền thuyết về sự hội tụ tinh anh hào kiệt ở núi Kim-nhan thuộc xứ Nghệ mà Nguyễn Thiếp ghi lại được với thái độ đồng tình. Rất tiếc, một vài nhà nghiên cứu gần đây đã thích thú với sự bác bỏ này, cho rằng Bùi Dương Lịch đã đứng trên quan điểm "duy vật" để chống lại quan điểm duy tâm của Nguyễn Thiếp.

thường thêm thắt, phụ họa vào những truyền thuyết, cổ tích vốn đã định hình (như truyện *Thánh Gióng*, số **134**; *Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên,* số **28**) biến chúng thành những mẩu chuyện phái sinh từ truyện chính, nhằm phục vụ cho tập tục, tín ngưỡng[1].

Cần nói thêm rằng nhà nho còn đóng vai trò chính trong việc sưu tập truyện cổ, một công việc được tiến hành vào một thời kỳ rất muộn trong lịch sử; đã thế việc này lại chỉ thông qua một hình thức văn tự ngoại lai, nên có thể ngay từ đầu, chiều hướng *Nho hóa* đã chi phối việc ghi chép truyện cổ một cách khó cưỡng, làm cho nhiều câu chuyện vốn rất ly kỳ bị đơn giản hóa, hoặc mỹ hóa, hợp lý hóa, theo kiểu sách vở nhà nho[2].

Chính vì tất cả những lý do như trên mà không riêng gì thần thoại, cả kho anh hùng ca và truyện cổ tích thần kỳ của Việt-nam còn giữ lại được cũng không lấy gì làm nhiều và không đa dạng về sắc thái như kho truyện của các dân tộc khác. Hơn nữa, chất hoang đường, quái đản, phi lý tính trong các di sản này luôn luôn có nguy cơ bị "tha hóa" theo thời gian để trở thành những câu chuyện trơn tru, có hạt nhân duy lý, có mối liên hệ nhân quả, và ngụ những bài học đạo lý có phần thực dụng của các đời sau. Hình ảnh những kiểu nhân vật mang nét đặc trưng của thời tiền sử cũng thường được nhào nặn lại, tước bỏ những gì thô kệch thái quá, để khoác một diện mạo văn minh hơn, biết suy xét phải trái, biết hành động nói năng hợp với lý trí hơn, v.v... Tựu trung,

---

1. Ví dụ một số địa phương ở Bắc-ninh còn truyền nhiều mẩu chuyện phụ họa xung quanh cốt truyện *Thánh Gióng* (mà có người hiểu nhầm cho đó là dị bản, hoặc những tình tiết bị bỏ sót của truyện). Cũng vậy, truyện Chử Đồng Tử (số **28**) đã được thêm thắt tô vẽ để tuyên truyền cho đạo tiên (xem thêm *Phần thứ nhất,* tập I; tr. 69-71). Cũng may là những vá víu, những lối "vẽ rắn thêm chân" này cũng dễ phân biệt khi ta lọc ra thật kỹ một kết cấu bất biến của cốt truyện để so sánh, hơn nữa các tình tiết thêm thắt lại thường nghèo tính nghệ thuật.

2. Ví dụ: một số hình tượng đã được cô đúc thành các nhân vật mang những cái tên biểu tượng như Mồ Côi, chàng Út, cô Tro Bếp... còn thấy xuất hiện lặp lại trong truyện cổ của nhiều dân tộc, nhưng không còn được bảo lưu mấy ở cổ tích của người Kinh nữa. Hay trong truyện *Từ Đạo Hạnh hay là sự tích thánh Láng* (số **120**), về lý do cái chết của Từ Vinh, các sách *Lĩnh-nam chích quái, Đại-nam kỳ truyện* đều chỉ chép lướt qua, có lẽ vì ngại nói đến thói dâm tà của nhân vật.

chiều hướng vận động có tính quy luật của truyện cổ tích Việt-nam là những biến đổi song hành theo tỷ lệ nghịch giữa yếu tố thần kỳ và ý thức thực tại: *sự tăng trưởng về nhận thức lý tính của khối cộng đồng cư dân ở một hình thái xã hội nào đấy thường kéo theo sự suy giảm các yếu tố hoang đường kỳ ảo trong truyện cổ tích thần kỳ, và do đó giảm thiểu số lượng cổ tích thần kỳ và bù đắp vào đấy số lượng cổ tích thế sự.*

3. Nhưng nói đến nghệ thuật truyện cổ tích cũng không nên quên phong cách sáng tác của từng dân tộc. Phong cách dân gian Việt-nam xưa nay hình như vẫn liên quan mật thiết đến đặc điểm tư duy của người Việt, ở chỗ *ít khi xa rời lý trí thế tục*. Nếu như cách điệu và phóng đại ở cấp độ siêu lý tính là thủ pháp rất được ưa chuộng trong cổ tích thần kỳ của nhiều dân tộc thì đối với cổ tích Việt-nam, những thủ pháp này lại có phần xa lạ, ngay những loại hình ngụ ngôn, khôi hài, tiếu lâm cũng không mấy khi dùng. Những cách nói có tính chất tượng trưng, chẳng hạn "uống cạn nước sông", "ăn hết một phòng bánh ngọt", hay "con ngựa chạy một ngày 7 vòng quanh quả đất" hoặc "ném miếng thịt vào bếp, miếng thịt biến thành cái kéo", v.v... thật không dễ dàng lọt tai các thế hệ thính giả truyện cổ tích Việt-nam xưa cũng như nay. Nói thế không phải là truyện của chúng ta không biết đến nói ngoa hoặc phóng đại, nhưng liều lượng của sự phóng đại bao giờ cũng có giới hạn. Ngay cả khi chịu ảnh hưởng cách nói của nước ngoài, truyện cổ tích dân tộc cũng phải hoán cải lại sao cho hợp lý - đó là *tính chừng mực về "độ"* trong tư duy nghệ thuật Việt-nam. Chẳng hạn như ở **Khảo dị** truyện số **64** đã so sánh: chịu ảnh hưởng của một số anh hùng ca truyện cổ của người Tây-nguyên (Ba-na (Bahnar) và Ja-rai (Djarai)), về tình tiết nhân vật anh hùng (Ghi-ông) ném cái khiên (mộc) lên trời rồi nhảy theo ngồi lên, để nó đưa mình lên cửa nhà trời đánh nhau với địch thủ, một dị bản của truyện *Chàng Lía* (số **64**) cũng có tình tiết tương tự là Lía "thường có thói quen phóng mâm thau lên trời" rồi nhảy theo ngồi lên, nhưng tính chừng mực về "độ" ở đây không cho phép nhân vật vượt ra khỏi không gian nghệ thuật của mình: Chàng Lía chỉ dùng mâm để ... "đi thăm các sơn trại" của chàng. Cũng vậy, ở truyện *Sọ dừa* của người Cham-pa, nhân vật anh hùng một mình, không tay không chân mà chăn một lúc ba mươi vạn con trâu cho nhà vua, trong khi đó, những dị bản

của truyện *Sọ dừa* của người Kinh thì, hoặc chỉ chăn năm chục con trâu cho một nhà giàu[1], hoặc chăn một đàn dê cho phú ông[2], v.v...

Không chỉ sự ràng buộc trong tâm lý thực tiễn đã ảnh hưởng đến tưởng tượng nghệ thuật của cổ tích, mà triết lý nhân sinh của người Việt cũng tác động mạnh mẽ đến sự sáng tạo này. Chẳng phải không có lý khi cho rằng trong tâm thức người Việt cổ truyền vốn đã ít chứa đựng cảm quan tôn giáo. Sự áp đặt của văn hóa, tư tưởng Trung-hoa trong khoảng 10 thế kỷ, như trên đã nói, lại làm cho thói quen tư duy của cộng đồng dân tộc nghiêng về cách nhận thức cụ thể hóa, như việc phân cắt một hiện tượng phức tạp thành các phần tử, các con số đơn giản[3], chứ không nghiêng về cách nhìn nhận những mối liên hệ trừu tượng và siêu hình (tư duy Ấn-độ). Bấy nhiêu đặc điểm từ nội dung đến hình thức của tư duy, hợp lại, trước sau sẽ hình thành nên *tâm lý sáng tạo nghệ thuật dân tộc*, góp một phần quan trọng chi phối con đường vận hành của truyện cổ tích Việt-nam, trong đó *sự thanh lọc các yếu tố siêu nhiên đã diễn ra thường xuyên và gần như vô thức để đồ thị phát triển của cổ tích ngày càng đi gần tới trục biểu hiện nhân tính.*

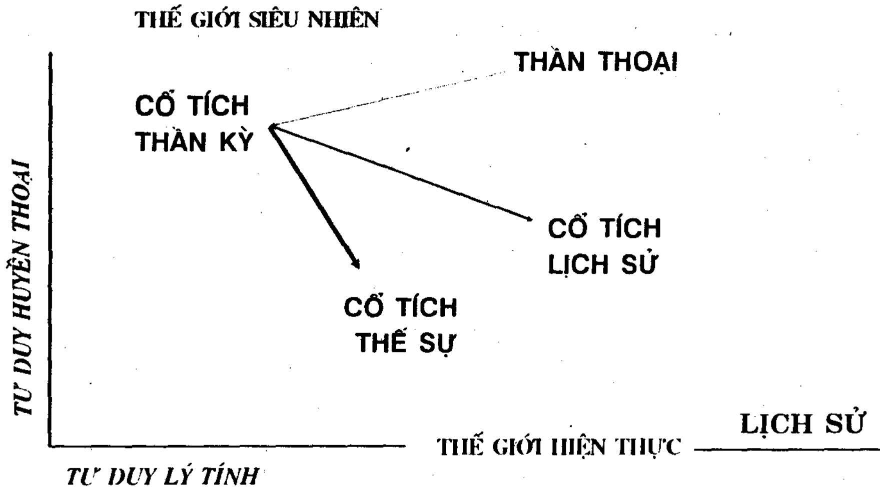
Để cho ý kiến vừa nêu không rơi vào võ đoán, chúng ta hãy cùng nhau đi tìm dấu vết "nguyên sinh" của một vài hình tượng. Trong những truyền thuyết bao quanh nhân vật Lê Thánh Tông có truyền thuyết về bà nhũ mẫu của nhà vua có cặp vú rất dài, phải "bặn qua vai" mỗi khi đi lại, cử động[4]. Hay truyền thuyết về Bà Triệu "vú dài ba thước vắt lưng" mà ít ai không nhớ nhập tâm từ tuổi còn thơ ấu. Những hình tượng này nói gì với chúng ta?

Phải chăng đó là dấu vết chưa bị tước bỏ của một nguyên mẫu nghệ thuật nào đấy từ xa xưa mà sự tình cờ đã may mắn để sót lại? Hay phải

1. Trong *Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại và sách Nhiêu-hợp.*
2. Trong *Truyện cổ Việt-nam* của Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn.
3. Chẳng hạn cách tư duy *ba nhất, năm tốt, ba đảm đang* ... cũng là dấu vết của cách nhận thức khái quát chú trọng sự phân chia về lượng như đã nói.
4. Xem Thái Kim Đỉnh. *Núi Thiên cầm*, Ty văn hóa Hà-tĩnh, 1976. Hình tượng vú dài, ví dụ ở thần thoại Ba-na (Bahnar), bà Đui Đai Tai Tỏ, cai quản cửa âm phủ (mang lung) chuyên khám xét người trần. Bà có cặp vú dài, mỗi khi trẻ em trần gian xuống âm phủ, bà thường cho chúng bú.

chăng đấy là một yếu tố hình thức đã được sự kiểm soát của nhân tính chấp nhận, trong quá trình thanh lọc gay gắt đối với truyện cổ tích thần kỳ? Có nghĩa là tính chất quái dị trong truyện cổ thần kỳ Việt-nam sẽ được tiếp nhận theo hướng giữ lại những mô-típ nào chỉ có giá trị khuếch đại tầm thước nhân vật là chủ yếu, và loại trừ những mô-típ nào bóp méo và cách điệu quá mức hình thù nhân vật, gây khủng khiếp cho thính giả? Có thể là như vậy. Dẫu sao, vấn đề cần nói ở đây là về mặt phương pháp luận, chúng ta không thể suy nguyên quá xa để đưa ra những giả định không thật chắc chắn về khả năng tư duy của người Việt cổ. Trái lại, mọi nhận xét, đánh giá chỉ có ý nghĩa, khi trở lại bám sát thực trạng hiện tồn.

Nếu cứ tùy tiện giả định thì có lẽ sẽ còn phải bàn cãi rất lâu về trạng mạo của giống đại bàng trong truyện cổ tích thần kỳ Việt-nam, vì có sách vở nào từ xưa miêu tả chúng cụ thể đâu. Nhưng một vài dòng thấp thoáng về chúng trong các truyện *Cây khế, Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong* (số **59**) cũng cho ta thấy, cha ông ta không tưởng tượng chúng theo kiểu những con vật thần thoại hung dữ được miêu tả trong các bức cổ họa phương Tây. Trên đại thể, hư cấu của người Việt ở đây đã không thiên về chi tiết, không quan tâm đến những nét cổ quái khác lạ, mà chỉ chú ý phác họa kích thước khổng lồ của con vật, và sự đồng nhất tâm lý giữa vật với người (người tham của thì chim cũng tham ăn). Thuồng luồng cũng vậy, được lưu truyền là một loài thủy quái, nhưng nào ai biết miệng, răng, mắt, mũi của chúng ra sao. Chỉ biết chúng có mùi tanh, nhớt của chúng rất độc, nếu lọt vào lỗ mũi, từ mũi thấm lên óc có thể làm chết nhân vật anh hùng (*Đại vương Hai hay là truyện giết thuồng luồng*, số **69**). Giao long là thần Nước có khi ở biển (truyện *Nguyễn Thị Bích Châu,* số **177**), có khi ở hồ (*Sự tích hồ Ba-bể*, số **27**), và tuy là nỗi kinh hoàng đối với dân lành, nó cũng biết phân biệt người tốt, kẻ xấu, kể cả đối với người xấu cũng không nỡ tàn hại đến tuyệt chủng. Không phải ngẫu nhiên mà con rồng từng có bóng dáng trong thần thoại chúng ta nhưng cơ hồ đã vắng mặt trong cổ tích: người Việt vẫn đặt nó vào phạm trù "vật tổ" với một niềm thành kính, nhưng lý trí lại bắt họ hoài nghi sự tồn tại hiện thực của nó. Đười ươi (orang - outang) trong thực tế là con vật hung dữ, thế mà đi vào truyền



VẬN ĐỘNG LOẠI HÌNH CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

thuyết và cổ tích Việt-nam đã trở nên hiền lành[1], vì thế bọn lưu manh thời trung đại mới biết cách thuần phục để bắt nó tham gia vào những vụ trộm cắp (*Bà lớn đười ươi*, số **91**).

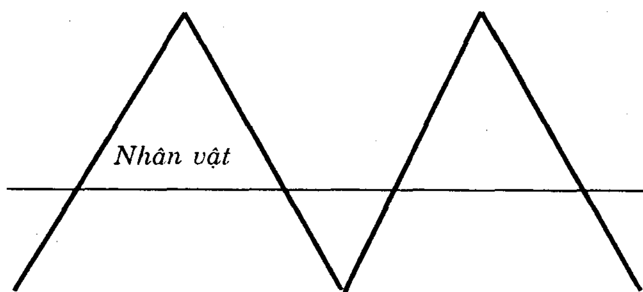
Như vậy, chiều hướng tiến triển *không rời xa nhân tính* của nghệ thuật truyện cổ tích thần kỳ là một thực tế không thể bác bỏ. Đây cũng là con đường vận động trùng hợp với xu hướng *nhích gần đến lý tính* của tư duy cổ tích dân tộc. Đó *vừa là nội dung và cũng là nghệ thuật*, góp phần tạo nên những đặc trưng cũng như diện mạo riêng biệt của truyện cổ tích Việt-nam.

4. Tuy truyện thần kỳ của ta không nhiều, yếu tố thần kỳ không đậm, và phải coi đây là một nhược điểm, nhưng bù đắp lại, tác giả truyện cổ tích Việt-nam lại thường biết vận dụng yếu tố huyền ảo một cách uyển chuyển, tạo nên những đột biến trong chất lượng truyện kể. Một trong những phong cách của cổ tích Việt-nam là ở chỗ cái hư và cái thực

1. Truyền thuyết của người Hà-tĩnh kể rằng những người đi củi phải vào núi sâu thường dùng hai ống tre lồng vào cánh tay, mỗi khi gặp đười ươi, nó chụp lấy tay và ngửa mặt lên trời mà cười, chờ lúc mặt trời lặn mới cúi xuống móc mắt. Nhân lúc nó đang cười ta chỉ việc rút tay ra khỏi ống tẩu thoát.

thường lẫn lộn hoặc quyện vào nhau. Nhưng cái hư cái thực được trình bày ở đây không phải là tùy tiện, ngẫu nhiên. Trái lại, nó là sự hiện thực hóa quan niệm *luân hồi* hoặc *số mệnh*, hai động lực chủ yếu chi phối thế giới quan truyện cổ tích nhiều dân tộc phương Đông. Do quan niệm luân hồi, nhân vật chính diện hoặc phản diện trong truyện thường không chết mà hóa thân sang nhiều kiếp khác, hoặc thành người, hoặc thành thú vật. Do quan niệm số mệnh, nhân vật không phải lúc nào cũng làm chủ được vận mệnh của mình mà thường bị một lực vô hình dẫn dắt, để chịu đựng hết nạn nọ đến nạn kia, từ thử thách này sang thử thách khác. Trong truyện cổ tích Việt-nam hai đường dây luân hồi và số mệnh thường được sử dụng *kết hợp xuyên chéo* như những phương tiện nghệ thuật hữu hiệu để tác giả mở rộng không gian truyện kể, đặt nhân vật của mình vào nhiều thế giới khác nhau - ngoài thế giới cõi trần còn có thế giới cõi mộng, cõi trời, cõi nước, cõi âm - và bắt nhân vật phải ứng xử trong nhiều tình huống đầy nghịch lý. Nhưng sự đối lập của các tình huống chỉ có tác dụng làm cho tính cách nhân vật hoặc sự trớ trêu của số phận ngày càng lộ rõ. Cũng thế, các thế giới khác nhau trong truyện cổ tích không đứng tách biệt nhau mà lồng vào nhau, và cùng góp phần soi chiếu cho thế giới cõi trần, làm cho những điều còn ẩn khuất trong thế giới đó từng bước sáng tỏ. Đó là *thủ pháp đối sánh hay "chiếu xạ" của truyện cổ tích Việt-nam: Lấy cái mờ soi vào cái rõ, lấy cái ảo làm ánh lên cái thực.* Trong truyện *Cái kiến mày kiện củ khoai* (số **54**), các nhân vật sau khi đã sống với chính số phận của mình trên

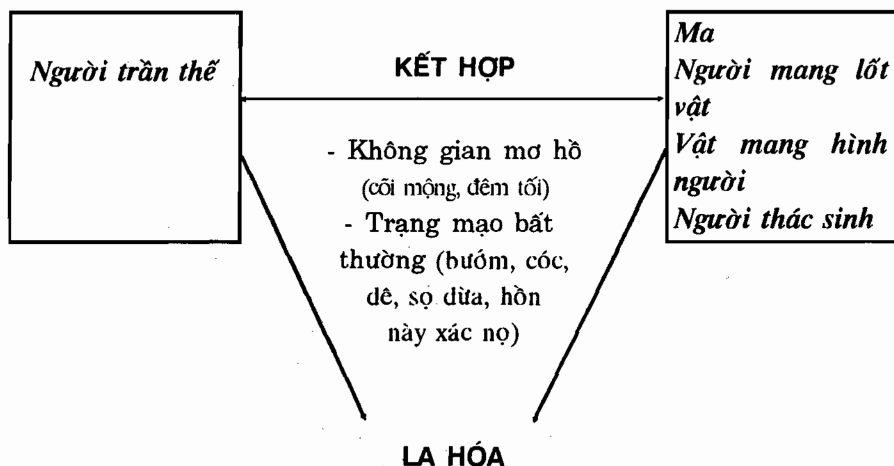
THỦ PHÁP ĐỐI SÁNH



**CHUYỂN ĐỔI CỦA LUÂN HỒI
HOẶC SỐ MỆNH**

trần thế, chết xuống âm phủ, chịu sự phán xét của tòa án Diêm vương, hầu hết lại được tái sinh thành người, nhưng mỗi người có số phận khác nhau để đền nợ hoặc chịu đựng sự báo oán ở kiếp trước của mình. Câu chuyện tưởng chừng bị cắt ra làm hai cảnh, tuy vậy hai cảnh vẫn gắn khít với nhau, không có cảnh này thì không giải thích được lý do tồn tại của cảnh kia. Có thể nói mỗi cảnh đều được "mã hóa" để người đọc qua đó giải mã cảnh đã diễn ra trước hay sau nó. Và chỉ có đặt chúng trong tương quan chéo (hai chiều đối ứng) thì hứng thú thẩm mỹ của chúng ta mới thật thỏa mãn.

Bên cạnh thủ pháp đối sánh, truyện cổ tích Việt-nam còn sử dụng thành thạo một thủ pháp thứ hai: *Sự lạ hóa*. Có những truyện cổ nhìn bề ngoài tưởng như vẫn tuân thủ kết cấu cổ điển là xen kẽ thực và ảo để ứng chiếu cho nhau, nhưng đi sâu vào thì lại không hẳn như vậy. Các tình tiết thực và ảo ở đây chủ yếu nằm trong thế phối hợp và trộn lẫn, mặt này hóa thân thành mặt kia và ngược lại. Nếu tách chúng ra thì mạch sống đích thực của truyện sẽ không còn. Ở truyện *Người cưới ma* (số **184**), một bên là người trần, một bên là hồn ma, thế mà tác giả cho họ kết hôn, giao phối, đẻ con, trong một khung cảnh hư hư thực thực, được lặp lại đến hai lần. Hay truyện *Nợ duyên trong mộng* (số **119**), nhân vật của xã hội hiện thực đi vào xã hội mộng ảo cứ mấy ngày một lần, cũng ăn uống, chuyện trò, cưới xin, ân ái... hệt như xã hội thế tục,



sau đó trở lại lấy nhân vật cõi trần làm thiếp, nhưng đó lại là người do cõi mộng phái đến v.v... Thử nêu một giả thuyết: nếu hai loại nhân vật thực và ảo ở hai truyện này bị người kể đồng nhất thành một loại? Cốt truyện về cơ bản sẽ không có gì thay đổi, nhưng kết cấu nghệ thuật thì bị phá vỡ, và hứng thú của người nghe cũng mất đi (những chuyện cưới xin, ái ân, sinh con đẻ cái... bình thường giữa người trần và người trần thì có gì đáng nói đâu). Vậy ở đây, cái người ta cần biết chưa hẳn đã là truyện cổ tích kể lại điều gì, mà người ta muốn biết *câu chuyện mách bảo điều gì, hoặc kể như thế nào* về những điều vốn không có gì xa lạ. Bằng hình thức trộn lẫn âm - dương, người - vật, tác giả đã đạt được sự "lạ hóa", và đó chính là cái nút nghệ thuật của truyện.

Đối sánh và *lạ hóa* được sử dụng phổ biến trong cả ba tiểu loại cổ tích thần kỳ, thế sự và lịch sử, nhưng nổi bật nhất vẫn là ở tiểu loại cổ tích thần kỳ. Việc áp dụng uyển chuyển thủ pháp này hay thủ pháp kia, hay có khi phối hợp cả hai thủ pháp, đã tạo nên nhiều dạng kết cấu điển hình của truyện cổ tích Việt-nam. Chẳng hạn kết cấu đối sánh từng cặp nhân vật vốn có cùng một điểm xuất phát (anh cả - em út; chị cả - em gái; chị em khác mẹ; 2 người bạn; phú ông - người ở; ...) nhưng tính cách không giống nhau (tốt bụng - xấu bụng; ngốc nghếch mà hiền - khôn ngoan mà ác độc; liêm khiết - tham lam;...) rốt cuộc số phận ngược chiều nhau. Hoặc đối sánh từng đoạn đời khác nhau của cùng một nhân vật, do số phận dun dủi, hoặc do sự cưỡng chống với số phận ít hay nhiều, rốt cuộc giành được hạnh phúc hay vĩnh viễn chịu bất hạnh.

Nhiều khi quan niệm luân hồi hay số mệnh còn được triển khai thành một cấu trúc chuỗi, tạo nên không phải hai mà nhiều chặng lạ hóa và đối sánh khác nhau. Trong truyện *Tấm Cám* (số **154**), Tấm phải hóa thân liên tiếp qua nhiều kiếp vật để lẩn trốn kẻ thù, nhưng ở bước hóa thân nào nàng cũng vẫn bộc lộ một bản chất duy nhất là niềm tin bền chặt vào sức mạnh thần kỳ của tình yêu. Sự lạ hóa kế tiếp ở đây giúp ta có điều kiện nhìn sâu thêm vào tính cách nhân vật Tấm mà trong ngôn bản truyện kể dường như cố không để lộ ra. Hay trong truyện *Của trời trời lại lấy đi, giương đôi mắt ếch làm chi được trời* (số **61**), mười thoi vàng cứ qua tay hết người này đến người kia như cái "tiên triệu" của một tai vạ tày đình sẽ lần lượt ập đến với từng người. Nhưng thực ra, mười thoi vàng có làm gì nên tội. Có chăng chúng chỉ là cái cớ cho

những máu tham ấp ủ từ lâu trong con người nổi dậy. Và sự đối sánh ở đây lại cho ta hình ảnh đa dạng về một mặt yếu của tính người - lòng tham vô độ - và những hậu quả không hay khi con người không chế ngự nổi cái "ma lực" bên trong của mình.

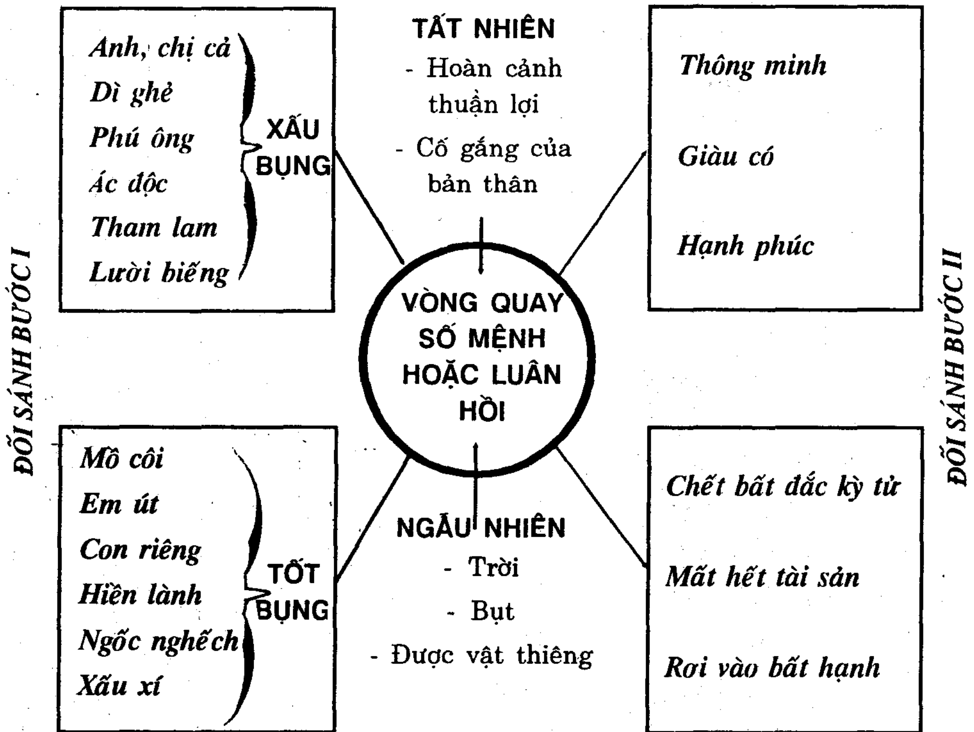
Để thay đổi hình thức *đối sánh* và *lạ hóa*, tác giả truyện cổ tích thần kỳ còn sử dụng nhiều yếu tố ngẫu nhiên, các phép lạ, vật thiêng, người thần (Bụt, Ngọc hoàng Thượng đế, tiên, thánh...) can thiệp vào cốt truyện, tạo nên những cảnh huống bất ngờ, những cái nút đột ngột, khiến cho câu chuyện có được những bước tiến nhảy vọt, những nghịch cảnh sinh động. Vật thiêng do con tinh cung cấp cho chàng đốn củi trong truyện *Chàng đốn củi và con tinh* (số **121**) không có gì quá ghê gớm, nhưng đã tạo ra ba hoạt cảnh thú vị cho người nghe truyện, trong đó, hoạt cảnh thứ ba - cái ống phép mầu nhiệm làm cho lão chủ quán và bà con y phải "chổng" - có vẻ giống như một ma thuật liên quan đến tín ngưỡng thờ "sinh thực khí" thời cổ, nhưng ngày nay đã mất nghĩa[1]. Nếu không có bộ da cóc để hóa thân thì nàng con gái phú ông trong truyện *Người lấy cóc* (số **126**) dù tài phép đến mấy cũng không gây được sự bất ngờ đến sửng sốt cho hết thảy đám môn sinh bè bạn của chồng. Bộ da cóc cũng chính là "vật thiêng" có tác dụng lạ hóa nhân vật trong truyện cổ tích này. Dù xuất phát từ một hành vi ma thuật tôn giáo hay một biểu tượng nghệ thuật đơn thuần thì các yếu tố thần kỳ đưa vào những truyện trên đều rất đắt, có giá trị thắt và cởi nút cho toàn bộ câu chuyện, và do đó làm nên phần sinh sắc của mạch truyện. Cái thực và cái ảo xen kẽ nhau, pha trộn nhau, chuyển hóa cho nhau một cách thần tình và đúng lúc. Ở truyện *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (số **45**),

---

1. Ở Thanh-hóa còn truyền một bài ca dùng để tế lễ (bao gồm cả diễn xướng) trong những ngày tế thần ở một ngôi đền thờ "dâm thần":

Cái l. tếch nghếch,
Cái dít choi loi;
Chổng cho thần coi,
Để thần phù hộ.

Liên hệ đến một chi tiết trong truyện cổ tích trên đây, khi anh chàng đốn củi hỏi "Có chổng không?" thì lão chủ quán trả lời: "Cơm no rượu say rồi, không chổng thì để làm gì?", ta có thể đoán: "Chổng" phải chăng là một hình thức sinh hoạt suồng sã của người thời cổ sau giai đoạn tạp giao, trong một cộng đồng thị tộc, được bảo lưu mãi về sau.



phép lạ cải tử hoàn sinh nằm trong tay thần Đế Thích, nhưng vai trò của Đế Thích thực tế lại phải thông qua một nén hương do con người thắp lên. Vì thế, câu chuyện mới dẫn đến tấn hài kịch đánh tráo hồn nọ xác kia ở đoạn cuối, và đến đây thì thực và ảo đã trở nên lẫn lộn. Người nghe tưởng chừng việc hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt để sống lại là chuyện có thật, có thể xẩy ra, khác với anh Trương Ba sống lại trên thân xác của chính mình.

Tóm lại, sức hấp dẫn của hầu hết các truyện cổ tích thần kỳ Việt-nam *không phải ở cấp độ phi lý của bản thân câu chuyện, mà ở khả năng phối hợp và hoán chuyển tài tình cái huyền ảo và cái hiện thực*. Cái hiện thực bị nhầm ra cái phi lý, cái phi lý nằm ngay trong cái hợp lý. Nói như một nhận xét của Đuy-răng (M. Durand) và Nguyễn Trần Huân: trong truyện tự sự dân gian Việt-nam "cái huyền ảo thường pha lẫn với cái xác thực và chúng ta thấy rõ khuynh hướng tinh thần Việt-nam là không xác định ranh giới giữa siêu nhiên và thực tại. Những sự kiện lịch sử xen lẫn với truyện ma quái, thần thông; vũ trụ ảo mộng gắn liền với

vũ trụ nhân sinh"[1]. Âu đó cũng là thêm một lời xác nhận nét đặc thù sau đây của truyện cổ tích Việt-nam: có nhiều truyện vừa thần kỳ hư ảo vừa không thần kỳ hư ảo, tức là tiểu loại *nửa thế sự* vốn chiếm gần một nửa kho tàng truyện cổ tích chúng ta.

5. Những lý do trình bày ở trên phần nào cũng đã cắt nghĩa hiện tượng vắng mặt một vài loại truyện trong các loại hình truyện kể dân gian Việt-nam, mặc dầu ở một số dân tộc khác thường có khá nhiều, như loại truyện về loài vật, truyện phiêu lưu mạo hiểm.

Thường thì trong truyện cổ tích về loài vật, bao giờ cũng có những con vật đã qua sự chọn lựa của dân gian đóng vai chính diện hoặc phản diện và không hề có sự can thiệp của con người. Mỗi dân tộc có cách chọn lựa riêng của mình về những con vật này (ví dụ ở người Mã-lai (Malaysia) là chú hoẵng khôn ngoan chứ không phải chú thỏ, ở người Nhật-bản là khỉ, ở người Pháp có khi là chồn...). Với người Việt cũng có những con vật khá đặc trưng, như cóc tía gan lỳ, voi to xác mà khờ, v.v... Do đó, có thể đoán từ ngày xưa, truyện về loài vật của ta cũng không đến nỗi hiếm. Nhưng có lẽ do phong cách và đặc điểm tư duy dân tộc nên cũng như tiểu loại cổ tích thần kỳ, những sáng tác về loài vật ngày một ít dần hoặc "tha hóa" dần đi. Cho đến thời cận đại thì trong các loại hình cổ tích Việt-nam, kể cả loại hình ngụ ngôn, đã gần như không còn mấy những truyện cổ đơn thuần về loài vật[2], nếu không tính vào đây những truyện mới sáng tác cốt dành cho trẻ em (đồng thoại) hơn là người lớn. Khoa học tự nhiên ở Việt-nam chậm phát triển

1. M. Duy-răng (M. Durand) và Nguyễn Trần Huân. *Dẫn luận văn học Việt-nam*, Pa-ri, 1969; tr. 14.

2. Trong *Truyện cổ nước Nam*, Nguyễn Văn Ngọc có sắp xếp riêng một tập 2 gồm những truyện về loài vật lấy tên là "Muông chim", nhưng chúng tôi thấy trong đó ngoài một số truyện đơn thuần về loài vật (phần đông mang tính cách ngụ ngôn), còn thì hoặc có mục đích giải thích đặc điểm giống vật (như *Chó ba cẳng, Thằn lằn trộm chân lươn*), giải thích phong tục (như *Rùa đội bia, Nhện báo tin*), hoặc dựa vào phong dao tục ngữ mà diễn ra (như *Gián và nhện, Lươn và cá rô*), hoặc tuy là truyện về loài vật nhưng vẫn không thoát được sự can thiệp của con người (như *Chó đen và chó vàng, Long vương và ếch*). Đó là chưa kể có những truyện đã bị Nho hóa một cách vụng về (như *Cua đu học, Khướu dạy học, Tranh bay trước bay sau...*).

cũng góp phần hạn chế sự tiếp xúc giữa con người và thế giới cầm thú, trên cơ sở đó nhà văn dân gian có thể khái quát đầy đủ đặc tính về loại của nhiều giống vật (trong môi trường nhiệt đới riêng biệt mà người Việt cư tụ), và tiến tới "nhân hóa" chúng bằng nhiều câu chuyện kể hoàn chỉnh, như một số truyện *Mưu con thỏ*, số **88**; *Con thỏ, con gà và con hổ*, số **86**; *Con thỏ và con hổ*, số **87**; *To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn*, số **58**... được kể trong bộ sách này. Quả tình cái trục lý tính và nhân tính chi phối quá nặng trong mọi sinh hoạt tinh thần đã hạn chế người Việt vượt lên trên thực tại, tìm thêm nhiều con đường, mở ra những cung bậc mới cho sự sáng tạo cổ tích Việt-nam.

Cũng như trên, so với truyện cổ của nhiều dân tộc, loại truyện phiêu lưu mạo hiểm cũng hầu như vắng bóng trong kho tàng truyện cổ chúng ta. Loại truyện phiêu lưu mạo hiểm thường lấy nhân vật anh hùng hiệp sĩ làm trung tâm, và triển khai cốt truyện theo những cuộc hành trình định kỳ hoặc phiêu lưu vô định của nhân vật, qua đó nhân vật lập nên nhiều kỳ tích và cũng gặp gỡ không ít những chuyện rắc rối ly kỳ (ví dụ anh hùng I-ly-a (Ilya) của người Nga, hoặc bảy chuyến đi của nhà hàng hải Sinh Bá, Ả-rập (Arabie))[1]. Thực ra người Việt cũng có loại truyện phiêu lưu nhưng khá đơn giản, thường mang tính cách trào phúng hoặc khôi hài. Cuộc phiêu lưu của chàng Cuội trong *Nói dối như Cuội* (số **60**), cuộc đời vô định của Ngốc trong *Phiêu lưu của anh chàng Ngốc hay là làm theo vợ dặn* (số **190**) và *Chàng Ngốc được kiện* (số **108**)... đều thuộc loại này. Nhưng loại truyện này trong kho tàng cổ tích Việt-nam cũng không có nhiều.

Cũng có thể từ ngày xưa chúng ta đã từng có loại truyện phiêu lưu dài hơi hoặc tương đối dài hơi nhưng về sau đã bị cắt xén, chia tách thành nhiều mảnh. Chẳng phải trong *Lĩnh-nam chích quái* vẫn còn dấu vết một thiên thần thoại khá liên tục về hình ảnh Lạc Long Quân chiến đấu chống Hồ Tinh, Ngư Tinh và Mộc Tinh nhưng đã mang hình thức của 3 truyện cổ riêng rẽ? Mặt khác, nếu tin vào giả thuyết người Việt cổ vốn có nguồn gốc từ chủng tộc Anh-đô-nê-diêng (Indonésiens), tức

1. Trong *Nghìn lẻ một đêm.*

là tộc người Đra-vi-điêng (Dravidiens) ở dưới chân Hy-mã-lạp-sơn (Himalaya), đã từng di cư nhiều đợt, trải qua nhiều chặng đi dài, từ khoảng 5.000 năm trước đây để cuối cùng đến định cư ở mảnh đất chữ S này, thì vì sao tổ tiên chúng ta không giữ được một chút ký ức gì về những cuộc phiêu lưu vô cùng kỳ vĩ đó[1]? Hoặc giả, môi trường sống ổn định và đóng kín trong khoảng hơn hai nghìn năm lại đây, với phương thức canh tác ruộng nước, với tầm nhìn chật hẹp, chưa dám quay mặt ra biển cả mà chỉ muốn ngoái nhìn lại phía sau, sống lại thói quen trồng trỉa hái lượm trên đồi núi thuở xa xưa (xem truyện *Cố ghép,* số **94**) đã không cho phép người Việt sáng tạo được những truyện phiêu lưu mạo hiểm, ly kỳ?

Nếu xét một cách cụ thể hơn thì điều kiện hàng đầu của loại truyện phiêu lưu là phải đi liền với chữ viết, vì việc sáng tác loại hình này đòi hỏi phải kéo dài liên tục, đều kỳ, hết truyện này bắt sang truyện khác, mãi mãi vẫn không dứt, nếu không được ghi lại kịp thời thì khó lòng tránh khỏi rơi vào những mâu thuẫn buồn cười trong tình tiết cũng như nhân vật. Nhưng chữ viết ở Việt-nam lại đóng một vai trò khá muộn trong đời sống văn chương sách vở, và nhất là không thông dụng trong tầng lớp bình dân. Vì thế, nếu trong quá khứ xa xăm người Việt có sáng tác loại truyện phiêu lưu thì trước sau chúng cũng đã biến mất, chỉ sống được trong trí nhớ dăm ba thế hệ là cùng. Nho sĩ Việt-nam xưa kia vốn quen coi "nôm na là cha mách qué" nên cầm chắc không mấy ai chịu nhận công việc ghi chép truyện phiêu lưu một cách tự nguyện như các học giả phương Tây đã làm đối với kho truyện của các nước cận Đông.

Đáng để ý nữa là: ở Việt-nam cũng không có loại truyện ngăn kéo (contes à tirois) như của Ả-rập (Arabie) (*Nghìn lẻ một đêm*), hay của Lào (*Vi-xa-ya-ma-chi-a)* v.v... mà chỉ có loại *truyện chuỗi*, thường bao gồm một chuỗi truyện nhỏ, hoặc gồm một chuỗi giai thoại, nhưng tư

1. Giả thuyết trên đây ra đời từ lâu, nhưng cũng được nhiều người bàn cãi, tranh luận và phê phán, vì chưa đủ độ tin cậy. Hiện nay giới dân tộc học tương đối thống nhất cho rằng người Việt-nam thuộc chủng Mông-gô-lô-ít Nam (Sud-Mongoloide).

tưởng từng truyện nhỏ thường gắn bó với chủ đề chung (*Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, Ông nghè Tân, Ông Ó* và có thể kể luôn truyện *Cố Bợ*[1]).

Loại truyện chuỗi này cũng không thoát khỏi hình thức khôi hài hoặc trào phúng như những truyện phiêu lưu của chàng Ngốc mà trên đã dẫn.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM THẤM ĐẬM CHẤT LIỆU ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT CỔ; LÀ BIỂU TRƯNG NGHỆ THUẬT CỦA CÁI HIỀN HÒA, NHÂN ÁI, HAY TÍNH CHỪNG MỰC TRONG TÂM LÝ DÂN TỘC.

1. Mặc dù trong kho tàng cổ tích truyền thuyết của dân tộc có một phân số không nhỏ vốn mang nguồn gốc ngoại lai hoặc có liên quan với truyện của các dân tộc khác như chương sau sẽ đề cập, nhìn chung truyện cổ tích Việt-nam vẫn là những ống kính vạn hoa đặc sắc, giúp ta nhìn vào bề sâu lịch sử cộng đồng dân tộc Việt, tìm kiếm lại bóng dáng sự sống nhiều vẻ và đầy hoạt động của các hình thái xã hội Việt-nam cổ truyền. Mặt khác, thông qua quy luật thẩm mỹ, đấy cũng là những tia hồi quang soi rõ vẻ đẹp và sức sống của tâm hồn, tình cảm, trí tuệ dân gian Việt-nam.

Có lẽ, sẽ lý thú và bổ ích nếu dựa vào hiệu quả cụ thể của bộ môn thống kê, ta xác nhận được rằng ở Việt-nam đầy dẫy khắp mọi vùng miền đều có sự vận hành đều đặn của cái chu trình sáng tạo và truyền bá truyện tự sự dân gian, nhất là truyện cổ tích. Kết quả điền dã trong nhiều năm ở nhiều địa phương trong nước đã giúp chúng tôi nhìn ra một hiện tượng trùng lặp có ý nghĩa: hầu như ở làng xã nào cũng lưu hành song song hai loại truyện cổ: những truyện cổ *đã phổ biến* và những truyện cổ *chưa phổ biến*. Những truyện sau, ngoài đời sống truyền miệng trong sinh hoạt làng xã, có khi còn nằm lại trong các gia phả, tộc phả, thần phả, xã chí, v.v... Năm 1964, trong khi tiến hành khoanh vùng sưu

1. Truyện lưu hành ở Nghệ - Tĩnh, đặc biệt nhân vật chính chuyên môn tàng hình, thường trêu chọc mọi người, có ngọn lửa thần làm vũ khí tùy thân. Tai nạn cháy nhà thường xuyên xẩy ra ở Nghệ - Tĩnh trước đây do sức mạnh của gió Lào là nguồn gốc thực của truyện này.

tầm văn học dân gian tại một xã (xã Ích-hậu thuộc tỉnh Hà-tĩnh) chúng tôi đã tập hợp riêng về truyền thuyết cổ tích được cả thảy 53 đơn vị. Trừ 14 đơn vị không được hoàn chỉnh hoặc thiếu ý nghĩa, thì có đến 20 đơn vị vốn đã được công bố trong bộ sách này và 19 đơn vị tương đối hoàn chỉnh chưa công bố nhưng mang rõ tính đặc thù của địa phương, trong đó có một đơn vị gồm 15 mẩu chuyện nhỏ[1]. Đó là chưa kể các loại hình tự sự khác, như thần thoại, tiếu lâm, ngụ ngôn...

Từ hiện tượng trên, một nhận xét có thể rút ra là, bất kỳ ở đâu, trong khi lưu hành truyện cổ tích, một số lượng không ít những truyện này thường được người kể gắn vào một địa điểm hay một di tích, một nhân vật, một phong tục, một sự kiện, một giống chim, một loài thú... đặc biệt của vùng mình. Việc gán ghép nhiều lúc có vẻ khiên cưỡng hoặc không được hài hòa cho lắm (ví dụ truyện *Tấm Cám* (số **154**) đem áp đặt vào sự tích "Lý triều đệ tam hoàng hậu" ở Siêu-loại, nay thuộc Bắc-ninh), nhưng ở nhiều truyện thì lại có vẻ rất tự nhiên và y như thật, dầu vẫn biết đó là hư cấu (ví dụ truyện *Sự tích sông Nhà-bè hay là truyện Thủ Huồn* (số **30**) gắn vào sông Nhà-bè, nay thuộc Sài-gòn, v.v...). Trong số 53 đơn vị truyện cổ sưu tầm ở Ích-hậu nói ở trên, chỉ lấy 19 đơn vị cuối đã có: 3 đơn vị gắn với chùa đền, 2 gắn với cồn, 2 gắn với cánh đồng[2], 1 với đê đập, 3 với tục lệ, còn nữa đều gắn với nhân vật cụ thể. Và trong số 15 truyện nhỏ thì có: 1 gắn với núi, 1 gắn với giếng[3], 1 gắn với ao, 1 gắn với chợ, và 1 gắn với cánh đồng.

Phải chăng có thể tìm thấy ở đây một đôi điều có giá trị gợi ý về sự hình thành cổ tích truyền thuyết? Có nghĩa là đa số truyện cổ - nếu không nói tất cả - đã được sáng tạo nên từ một đối tượng đặc thù nào

---

1. Tức là *Những truyền thuyết về Hầu thượng Ngật* (Nguyễn Văn Giai) trong sách *Văn học dân gian sưu tầm ở xã Ích-hậu* (một thể nghiệm bước đầu về sưu tầm phôn-clo (folklore) khoanh vùng hẹp, chưa xuất bản).

2. Chẳng hạn như truyện *Ông tổ họ Hoàng giúp làng Thượng-nguyên*, đã có thuật sơ lược trong **Khảo dị** truyện số **25**, tập **I**.

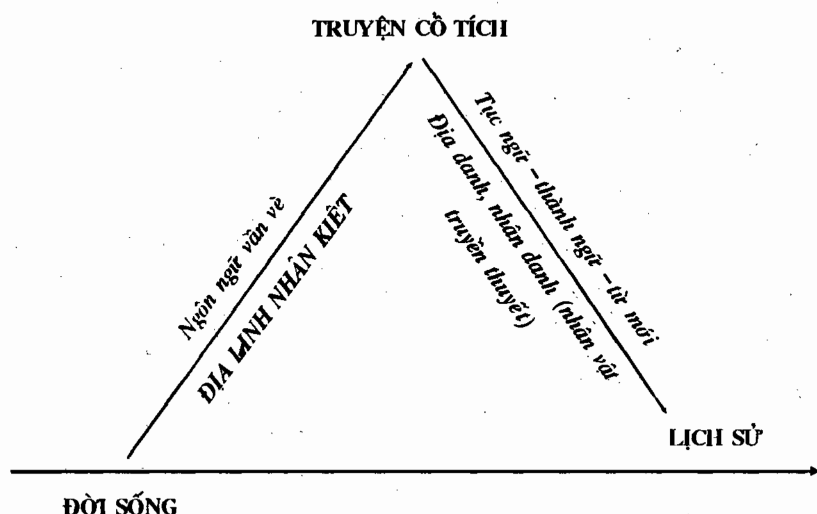
3. Tức giếng Tran, hay giếng Sao-sa, đã có kể sơ lược trong **Khảo dị** truyện số **126**, tập **IV**.

đấy (ví dụ một nhân vật cá biệt, hay có tầm cỡ siêu việt; một địa danh hay di tích linh thiêng liên quan đến những hiện tượng hiển ứng được dư luận không ngớt nhắc đi nhắc lại; một vật nào đó là đầu mối của một sự kiện thu hút sự chú ý của nhiều người, hay là một câu chuyện thú vị, một tấn bi kịch, hoặc hài kịch khó quên, v.v...). Và ngược lại, cũng chính nhờ bắt nguồn từ một "đối tượng" đột xuất, được cả vùng để ý tán dương hoặc chê trách, nên truyện sớm đi vào trí nhớ qua nhiều lời đồn, lời kể, rồi từ những lời ấy cứ thêm thắt dần mãi, cuối cùng thành *truyện*, được ghi chép và lưu truyền. Đó là vấn đề rất đáng được các giới cổ tích học nghiên cứu kỹ lưỡng. Với nhận xét sơ lược ở đây, chúng tôi chỉ muốn nói rằng truyện cổ tích Việt-nam thường gắn bó chặt chẽ với đất nước và con người Việt-nam trên rất nhiều chặng đường lịch sử, nó *tô điểm cho đất nước và con người thêm ý nhị, truyền vào cho đất nước và con người sức sống của nhiều thế hệ quá khứ kết tinh lại.*

Nhiều địa danh rất cổ trong bảng từ vựng địa lý nước ta chắc chắn đã mượn từ truyền thuyết cổ tích, như núi *Vọng-phu*, sông *Kim-ngưu*, hồ *Hoàn-kiếm* hay hồ *Gươm*, đầm *Mực*, núi *Cánh-diều*, núi *Mẫu-tử*... Không ít loài cây, loài vật, đồ dùng trong đời sống dân tộc đã được mang những cái tên ngộ nghĩnh bám sát truyện cổ tích, như trái *sầu riêng*, ông *ba mươi*, chim *hít cô*, chim *bóp-thì-bóp*, con *dã tràng*, con *thạch sùng*, thằng *lốc*, ruộng *thác đao*... Và nếu như các hình thức vần vè trong ngôn ngữ đời sống từng đi vào cổ tích, giúp cổ tích sớm chắt lọc được những câu nói có tính định hình, mang hơi hướng cổ ngữ, chẳng hạn "*Ăn một quả - Trả cục vàng - May túi ba gang - Mang đi mà đựng*" (truyện *Cây khế*, **Khảo dị** truyện số **59**), hoặc "*Cót ca cót két - Lấy tranh chồng chị - Chị khoét mắt ra*"; " *Phơi áo chồng tao - Phơi lao phơi sào - Chớ phơi bờ rào - Rách áo chồng tao*" (truyện *Tấm Cám*, số **154**), v.v... Thậm chí có những câu thành ngữ, tục ngữ, vè, ví, ca dao, vốn có thể tồn tại ngoài đời trước rồi mới đi vào cổ tích sau, như " *Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể - Con nuôi cha mẹ con kể tháng ngày*", "*Bụng làm dạ chịu*", "*Của thiên trả địa*", "*Nợ tình chưa trả cho ai - Khối tình mang xuống*

tuyền đài chưa tan", "*Con vợ khôn lấy thằng chồng dại - Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu*", "*Cứu vật vật trả ân - Cứu nhân nhân trả oán*" v.v... thì nhất định cũng có không ít những hình thức vần vè, những thành ngữ, tục ngữ phải từ một truyện cổ tích cụ thể nào đấy mới đúc nên được, rồi sau đó sẽ "trừu tượng" hóa dần lên và tách khỏi cổ tích, đi vào cuộc đời, chẳng hạn "*Nợ như chúa Chổm*", "*Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*", "*Lẩy bẩy như Cao Biền dậy non*", v.v... Hơn nữa, từ truyện cổ tích còn đẻ ra cả một loạt hình dung từ mới, mang những sắc thái ngữ nghĩa rất ý vị, được đời sống ngôn ngữ của nhân dân chấp nhận, như *nói cuội, mưa ngâu, bù chì, con trời đánh* v.v...

Rõ ràng các hình thức giao tiếp phong phú, cụ thể trong sinh hoạt muôn vẻ của quần chúng, cũng như các sự tích "địa linh nhân kiệt" không bao giờ thiếu trên mọi vùng miền đất nước đã luôn luôn kích thích hoạt động sáng tạo truyện cổ tích, và đến lượt nó, sự kết tinh nghệ thuật của cổ tích tới mức chắt lọc ra được những từ ngữ, mô-típ, nhân vật điển hình, có sức khái quát rộng rãi, không thể thay đổi, thì chúng lại thâm nhập vào cuộc sống, thấm vào từng mạch máu, thớ thịt của đời sống dân tộc ở mọi vùng miền. Cuộc sống trở lại bắt chước cổ tích,



hay là sức mạnh của nghệ thuật dân gian đã kích thích sự sáng tạo trong tâm lý quần chúng một lần thứ hai, để tiếp nhận và cải biên nghệ thuật cổ tích, làm giàu thêm cho các hình thức của đời sống.

2. Như vậy, sẽ chẳng lấy gì làm khó hiểu khi thấy thiên nhiên, đất nước Việt luôn luôn là chất liệu cho mọi tình tiết của truyện cổ, làm nền tảng phát triển của cốt truyện cổ tích, dù đó là những truyện thuần túy truyền kỳ. Chàng đốn củi trong *Chàng đốn củi và con tinh* (số **121**) không những nhận của con tinh những vật mầu nhiệm dưới các dạng thức quen thuộc (con ngựa, cái mâm, cái ống) mà còn đánh trống gọi làng theo phong tục quen thuộc ở nông thôn Việt-nam. Cuộc chiến đấu dữ dội của Thủy thần và Điền quận công (số **71**) chẳng qua chỉ xoay quanh một trục lõi: một bên ra sức phá đê và xoi đê, còn một bên lại cố công đắp đê và hàn đê - đó đều là những hiện tượng thiên tai và chống thiên tai trường kỳ dai dẳng ở miền Bắc nước ta mà vào một thời kỳ xa xưa, thiên thần thoại *Sơn Tinh - Thủy Tinh* đã lấy cùng một nguồn cảm hứng. Mô-típ truyện *Nợ duyên trong mộng* (số **119**) là một kiểu mẫu tạo hình khá độc đáo, nhưng không nghi ngờ gì nữa, nó được hư cấu xuất phát từ hiện tượng di cư của loài bướm vốn không phải hiếm ở các vùng nhiệt đới.

Rồi còn nào là cây tre, cây đa, cây trầu, cây cau, nào là cái cò, cái vạc, con trâu, con voi, con hổ..., chúng đều có sẵn ở đồng ruộng và rừng núi nước ta. Những lực lượng giúp đỡ cô Tấm trong *Tấm Cám* (số **154**) ngoài Bụt - đối tượng tôn thờ của một tôn giáo ngoại lai nhưng từ lâu đã được dân tộc hóa triệt để ngay từ tên gọi - còn có cá bống, con gà, chim sẻ là những giống vật *có mối liên quan về chức năng* trong sinh hoạt của Tấm chứ không hẳn đã có ý nghĩa ma thuật gì...; và những hình thức tái sinh của Tấm là chim vàng anh, cây xoan đào, quả thị... đều không ra ngoài bảng động, thực vật gần gũi với nhân dân ta[1]. Nếu

1. Trong những mối quan hệ gần của sinh hoạt nông thôn thì ngày nay chim vàng anh (loriot) đã trở nên hiếm, nhưng xưa kia đó là loại chim rất sẵn, và được coi là chim quý, vì có bộ lông vàng rất đẹp.

những giọt mưa ngâu trong *Ả Chức chàng Ngưu* (số **182**) giải thích đặc điểm của vùng khí hậu thường chỉ diễn ra hàng năm ở miền Bắc thì những quả sầu riêng trong *Sự tích trái sầu riêng* (số **3**) cũng lại là một thứ đặc sản riêng được thi vị hóa của vùng khí hậu miền Nam.

Bên cạnh những cỏ cây, thú vật quen thuộc là những đồ dùng cũng rất quen thuộc trong nếp sống bình thường của xã hội Việt-nam cổ xưa: ông núc, ông bình vôi, cái rương xe, cây nêu, kể cả cái "mẻ kho" của kẻ khó, một cái "nút" nghệ thuật mang đậm chất tư duy phôn-clo (folklore) trong *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho* (số **36**) v.v... Cùng với "mẻ kho" là "đực rựa", cũng là một từ đóng vai trò bản lề trong nghệ thuật chơi chữ của truyện *Hà rầm hà rạc* (số **152**), một từ nôm na và rất cổ để chỉ con dao rựa, một vật dụng của đời sống người Việt hàng ngày.

Không chỉ sử dụng chất liệu hình ảnh cuộc sống dân tộc, truyện cổ tích Việt-nam còn đề cập đến cung cách làm ăn muôn đời của người dân Việt cổ truyền. Những cảnh làm ruộng, mò cua bắt ốc, chăn trâu cắt cỏ, đánh giậm, đốn củi, mổ lợn, chống đò ngang, chợ búa, chôn thuê, đi mót, đi ở, bán hàng nước... luôn luôn có mặt trở đi trở lại thường xuyên trong nhiều câu chuyện. Một bảng phân hạng chính xác những nghề nghiệp này và tần số lặp lại của chúng, trong các dị bản cổ tích, theo chúng tôi sẽ giúp *xác định rõ các kiểu cốt truyện mang tính bản địa nguyên sinh* của truyện cổ tích Việt-nam. Tuy nhiên, từ góc độ xã hội học lịch sử, ta cũng có thể tìm thấy ở đây diện mạo của một thời kỳ mà kinh tế nông thôn, trong đó có kinh tế của những gia đình riêng lẻ, đóng vai trò quan trọng nếu không nói là phổ biến. Đó cũng là thời kỳ thần thoại và anh hùng ca đang ngưng lại và mất dần ảnh hưởng, truyện cổ tích và truyền thuyết đang sinh sôi nẩy nở và đưa lại những cảm hứng mới mẻ trong đời sống tinh thần của cả cộng đồng. Về mặt hình thái xã hội, hẳn đây là thời kỳ ngự trị của những công xã nông thôn để dần dần hội nhập vào cơ chế mới của xã hội quân chủ. Chính vì thế, đằng sau vô số truyện cổ tích vẫn thường ẩn hiện lúc mờ lúc rõ bức tranh sinh hoạt làng xã. Nhưng mỗi làng xã góp vào thế giới truyện của chúng

ta một gương mặt độc đáo. Mang đậm nét tính cách một cộng đồng làng nghiêm túc, có thiết chế chặt chẽ, khép kín, hơn nữa có dáng dấp một thái ấp, là truyện *Hoằng Tín hầu* (số **162**). Cả một tập thể bị đặt dưới quyền sinh sát của "bảy thằng ác nghiệt" - những chủ đất quyền thế nghiêng trời ngày xưa. Nếu có một tập thể làng chuyên môn làm cái nghề đàn phách bán vui cho thiên hạ trong *Người ả đào với giặc Minh* (số **75**), thì cũng lại có một tập thể làng khác dựa vào điều kiện địa lý hết sức đặc biệt cùng nhau làm cái việc cướp của giết người trong *Bò béo bò gầy* (số **37**). Hay là hai truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* (số **123**) và *Người thợ mộc Nam-hoa* (số **105**) đều có đề tài liên quan đến cái đình, kiến trúc công cộng quan trọng và thiêng liêng trong mô hình văn hóa làng Việt cổ truyền.

Trong kho truyện cổ tích Việt-nam, hầu như không thấy bóng dáng thành thị, trừ một vài trường hợp hãn hữu có nói đến kinh kỳ, có phố xá đô hội (*Bà lớn đười ươi*, số **91**), có chợ phiên thị trấn (*Bợm lại gặp bợm*, số **76**), nói đến thương cảng nước ngoài (*Con mụ Lường*, số **84**) v.v... Mặc dù có rất ít truyện về thành thị nhưng truyện cổ tích lại không hiếm những đề tài mà hình ảnh tầng lớp thương nhân đóng vai chủ chốt, thậm chí là đại thương nhân hay phú thương, thường có ghe mành buôn bán khắp nơi, hoặc trao đổi hàng hóa với nước ngoài, như các truyện *Đồng tiền Vạn Lịch* (số **41**), *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho* (số **36**), *Con mụ Lường* (số **84**), *Sợi bấc tìm ra thủ phạm* (số **112**), *Người đàn bà bị vu oan* (số **109**)... Tuy nhiên, đối chiếu cốt truyện của những truyện này với những chuỗi dị bản đồng dạng của cổ tích nước ngoài, ta có khuynh hướng tin rằng đây là những cốt truyện nhập tịch từ ngoài đến, và nhập tịch bằng con đường thuyền buôn là chủ yếu. Sở dĩ chúng sớm ổn định và bản địa hóa, vì nghề buôn vốn cũng không xa lạ trong đời sống của người Việt thời trung đại. Nhất là vào các thế kỷ XVI, XVII, XVIII hoạt động của nhiều thương cảng ở Bắc hà cũng như ở Nam hà khá tấp nập, người nước ngoài đến buôn bán ở Việt-nam đã gây nên một tâm lý xã hội mang tính hai mặt: vừa tò mò, thích thú, vừa cảnh giác,

khinh thường ("*Ngô nhớn Ngô con răng trắng nhởn*" - Tú Xương). Kết cục thường không trọn vẹn của số phận hầu hết nhân vật trong các truyện vừa dẫn, và những yếu tố có tác dụng "lạ hóa" ở những truyện này chứng minh tâm lý hai mặt của người nông dân cũng như của kẻ sĩ trong xã hội Việt cổ đối với nghề buôn đường biển mà họ cảm thấy như vẫn là một đám "giang hồ tứ chiếng" với đạo đức có phần "phá cách", và lối sống rất đỗi lạ lùng.

Kinh đô trong một số truyện cổ tích chúng ta cũng chỉ là nơi ở của vua chúa, quý tộc, quan lại, nơi tích tụ giàu sang, tập trung những hội hè long trọng, nơi qua lại của các bậc anh hùng hào kiệt, nơi các nho sĩ thường đến đua tài, chứ chưa phải là nơi công thương nghiệp phát triển như ở phương Tây. Hình ảnh vua trong cổ tích không nhiều vì vua dường như không phải là đối tượng mà sáng tác dân gian nhắm tới, mặt khác, cũng có một khoảng cách không thể san bằng giữa thế giới của vua (mà dân gian không được biết) với thế giới thế tục. Người dân vẫn chỉ có thể hình dung hoàng đế như một đấng chí tôn và vô thượng như quan niệm cha truyền con nối mà họ vẫn tuân theo. Bên cạnh vua nhà, trong kho truyện Việt-nam cũng như kho truyện Khơ-me (Khmer) nhiều khi còn thấp thoáng bóng dáng ông vua Trung-quốc, một hình ảnh chí tôn và vô thượng khác, nhưng vai trò nhân vật này xuất hiện trong một số truyện chỉ để làm đối thủ (nhân vật cản trở) của nhân vật chính, và thắng lợi cuối cùng dĩ nhiên không thuộc về phía đối thủ (*Bốn anh tài*, số **66**; *Khổng Lồ đúc chuông*, số **67**; *Lê Như Hổ*, số **63**...).

Kho truyện cổ tích Việt-nam cũng có nhắc đến nhưng thật là ít ỏi hình ảnh những nàng công chúa, những ông hoàng tử, và vai trò của họ ở đây xem ra không có gì nổi bật như những nàng công chúa, ông hoàng tử trong kho truyện của Ấn-độ hay của phương Tây, trừ một vài nhân vật rất cá biệt, ví dụ công chúa Tiên Dung trong *Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên* (số **28**), hay công chúa Bảo Nương và Ngọc Nương trong *Hai nàng công chúa nhà Trần* (số **102**).

Bộ mặt kinh đô được truyện cổ tích quan tâm đến nhiều hơn là ở khía cạnh sinh hoạt của cái xã hội bình dân, phường phố: câu chuyện về những người thợ thủ công, lớp người góp phần tạo nên sự sống của thành thị, như thợ kim hoàn, thợ đúc, thợ giày, thợ bưng trống, lái hương, hàng dầu, hàng rượu... Bên cạnh đó là những anh học trò đi học, đi thi, những thầy đồ mở trường dạy học, những nhà tu hành đạo Phật, lác đác còn có những đạo sĩ, phù thủy, thầy thuốc, thầy địa lý... Và xen lẫn với họ là cả một tầng lớp lưu manh, sản phẩm của lối sống lọc lừa, lấy chợ búa, thành thị làm nơi hoạt động, nơi đi mây về gió và náu hình ẩn tích của mình (*Bà lớn đười ươi*, số **91**; *Quận Gió*, số **77**...).

Thật ra, các tầng lớp làm nghề thủ công, buôn bán, nhà sư, đạo sĩ và học trò, cả đám lưu manh, trộm cắp... không nhất thiết quy tụ ở kinh đô, nên hình ảnh của họ trong truyện cổ tích không đặc trưng cho sinh hoạt kinh đô. Nhưng hoạt động của họ cũng không còn bó chặt lại trong phạm vi nông thôn; họ là nhân tố bước đầu phá vỡ sự khép kín của làng xã, là cầu nối giữa nông thôn và các thành thị kiểu cổ. Vì vậy, trong xu hướng ngày càng tha hóa của các yếu tố thần kỳ, truyện cổ tích thế sự hay sinh hoạt đã tự nhiên hướng đến những loại nhân vật này như một biện pháp "lạ hóa" trong nghệ thuật biểu hiện. Nhờ đó, đề tài xã hội mà truyện cổ tích chiếm lĩnh giờ đây cũng đã rộng hơn hẳn trước, không còn giới hạn trong câu chuyện một làng, một xóm hay quẩn quanh trong một gia đình... Dẫu sao, nhìn một cách tổng quát, tưởng tượng trong sáng tác cổ tích vẫn chưa vượt khỏi hình ảnh một xã hội quân chủ kiểu phương Đông với hệ thống làng xã dày đặc làm chân rết cho nó, mà những mối giao lưu hiếm hoi bằng đường biển, đường sông, đường bộ... hay những cuộc khởi nghĩa, nổi loạn của nông dân... vẫn chưa làm cho nề nếp sinh hoạt của nó mất vẻ phẳng lặng. Nhìn vào bề sâu, xã hội này cũng đã có một ít nét đa dạng, và ít nhiều đã có cá tính. Ở đây, cái nghèo thì thật là nghèo, nghèo đến mức cả gia đình phải thay đổi nhau độc một manh khố rách (*Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên*, số **28**), nhưng mặt khác, sự phân hóa giàu nghèo cũng chưa đến nỗi dữ dội, gay gắt, đẩy truyện cổ tích đến những xung đột nghệ thuật đi ra ngoài các thủ pháp ước lệ thường thấy. Sự xa hoa tột bậc trong *Nghìn lẻ một đêm* hình như không có đất tồn tại trong truyện cổ tích Việt-nam và tính chất khuôn phép của một xã hội ngự trị bởi lễ giáo nghiêm ngặt, trong *Kim cổ kỳ quan, Cổ kim tiểu thuyết*... hình như

đối với truyện cổ tích Việt-nam cũng vẫn là xa lạ. Trên một phương diện nào, đây là một xã hội luộm thuộm, không đến đầu đến đũa, nhưng cũng vì thế nó vẫn giữ được tính nhân bản hồn nhiên, và vẻ đẹp hiền hòa trong quan hệ giữa người và người.

3. Không có gì khác lạ so với truyện của các dân tộc, xung đột gia đình, làng xã, xung đột đẳng cấp, xung đột về sinh hoạt đạo đức, về quan hệ luyến ái... đều là động cơ phát triển của những hành động cổ tích. Có những vấn đề rất hẹp nhưng lại phổ biến, có ý nghĩa xã hội sâu sắc trong một thời đoạn lịch sử nào đấy, chẳng hạn vấn đề quyền lợi đứa con riêng (*Tấm Cám*, số **154**[1]), hay số phận người em út, đứa con mồ côi... không còn được cơ chế xã hội thị tộc bảo vệ, khi hình thái công hữu bắt đầu tan rã và chế độ phụ quyền thiết lập, giành cho đứa con trưởng quyền thừa kế trong gia đình (*Bính và Đinh*, số **151**; *Hai anh em và con chó đá*, số **193**; *Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong*, số **59**; *Chàng đốn củi và con tinh*, số **121**; *Hà rầm hà rạc*, số **152**). Rồi cùng với các bước tiến của xã hội, chế độ tiểu tư hữu ra đời, trong mối quan hệ gia đình lại nảy sinh bao nhiêu điều tồn tại mới: vấn đề để của cho con trai hay con gái (*Ông già họ Lê*, số **153**), vấn đề phụng dưỡng bố mẹ già (*Cha mẹ nuôi con bể hồ lai láng, con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày*, số **51**), vấn đề quan hệ giữa người con gái đi lấy chồng với bố mẹ đẻ (*Sự tích khăn tang*, số **186**), vấn đề quan hệ họ hàng thân tộc (*Giết chó khuyên chồng*, số [**50**]), vấn đề dì ghẻ con chồng (*Sự tích con dế*, số **145**)... Nói chung, chủ đề chữ "hiếu" đã thấm vào toàn bộ mạch cảm hứng của loại truyện lấy xung đột gia đình làm nền tảng, ở thời kỳ trung đại về sau.

Ở một cấp độ cao hơn, truyện cổ tích cũng động đến những vấn đề xung đột thuộc phạm vi cộng đồng làng xã: việc tranh chấp ruộng đất giữa làng này và làng kia (*Gốc tích ruộng thác đao*, số **25**), mâu thuẫn

1. Trong lần in thứ nhất, chúng tôi quan niệm *Tấm Cám* là loại truyện mang đề tài dì ghẻ con chồng, nhưng xem xét lại có lẽ đây là đề tài cổ hơn nhiều, là tàn tích của một chế độ "tất cả chị em gái cùng lấy chung chồng" (Ăng-ghen (Engels) trích dẫn phát hiện của Ba-cô-phen (Bachofen) về hình thức chế độ quần hôn Bắc Mỹ, trong *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972; tr. 77). Đề tài dì ghẻ con chồng có lẽ là lớp nghĩa có sau. Xin xem thêm những phân tích cụ thể về sơ đồ truyện *Tấm Cám ở Mục 2, Chương V,* phần *Tổng luận*.

giữa chủ và tớ, giữa người giàu và kẻ nghèo (*Cây tre trăm đốt*, số **125**; *Sự tích con khỉ*, số **12**), rộng hơn nữa là những vấn đề liên minh hoặc thôn tính giữa bộ lạc này và bộ lạc khác, những cuộc đấu tranh tự vệ của dân tộc Việt trên quá trình hình thành nhà nước, quá trình ngăn chặn sự bành trướng của kẻ thù phương Bắc và mở rộng lãnh thổ về phía Nam (*Mỵ Châu - Trọng Thủy*, số **174**; *Sự tích thành Lồi*, số **34**; *Người ả đào với giặc Minh*, số **75**). Có điều, nếu so sánh về tỷ lệ thì loại truyện mang đề tài gia đình, làng xã vẫn có số lượng cao hơn so với loại truyện mang đề tài đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Vì sao? Có lẽ đây cũng là một hạn chế tự nhiên không tránh khỏi, trong ý thức và tầm nhìn của các tác giả dân gian. Chúng tôi ngờ rằng trong đời sống nông thôn Việt-nam cổ xưa cho mãi đến sát thời cận đại, sự phân hóa đẳng cấp vẫn chưa lấy gì làm rõ rệt, và chưa nổi cộm thành những quan hệ đối kháng nhức nhối, thu hút sự chú ý của người sáng tác truyện kể. Cũng vậy, vấn đề chống xâm lăng hay bảo vệ chủ quyền dân tộc là một tình cảm thiêng liêng, một nghĩa vụ xã hội được nhận thức rất sớm trong các tầng lớp đầu lĩnh, hào trưởng, nhưng đối với quần chúng nông dân, trong đó có các nghệ sĩ dân gian, tình cảm này vẫn tiềm tàng như một trực cảm tự nhiên và chỉ được nâng cấp dần lên qua cái khái niệm *cộng đồng làng xã* mà họ từng gắn bó từ rất lâu đời. Bởi vậy, dù người dân Việt ngay trong thời Bắc thuộc đã được hun đúc khá nhiều về lòng yêu nước, kết tinh lại ở nhiều truyền thuyết, anh hùng ca..., vẫn có thể phỏng đoán số lớn loại truyện cổ tích về đề tài quốc gia xã tắc là do bàn tay nho sĩ sáng tạo về sau - dưới thời quân chủ độc lập (sau năm 938) - mà dân gian chỉ đóng vai trò tiếp nhận và lưu truyền. Hơn nữa, trong khi tiếp nhận và lưu truyền, bản tính hồn nhiên của họ cũng làm cho câu chuyện được hiểu một cách uyển chuyển chứ không cứng nhắc (chẳng hạn truyện *Lê Lợi*, số **99**, là muốn nói đến tinh thần đùm bọc của nhân dân đối với một con người nghĩa khí, cũng như đối với *Chàng Lía* (số **64**), chứ không phải là nhân dân sớm nhận ra ở đây hình ảnh một vị "chân chúa" như trong các truyền thuyết khác của nhà nho về Lê Lợi). Hoặc chính dân gian cũng góp phần điều chỉnh, đưa thêm vào đó những chủ đề mới, làm rõ nét hơn những nhân tố phù hợp với cảm quan thẩm mỹ của mình. Truyện *Mỵ Châu - Trọng Thủy* (số **174**) là một bằng chứng cụ thể. Gần đây chúng ta bàn đến câu chuyện này khá nhiều, và nhiều người chỉ muốn gò ép cốt truyện thành một "bài học

cảnh giác với kẻ thù xâm lược". Nhưng xem xét lại văn bản gốc ta sẽ thấy truyện không phải chỉ đơn thuần có một lớp nghĩa. Có lớp nghĩa quả hướng về bài học cảnh giác, đúng hơn là một kinh nghiệm xử thế đòi hỏi không bao giờ được sống hời hợt: đắp thành kiên cố để ngăn chặn giặc, có ngờ đâu giặc lại lọt vào tận lòng ruột của mình; tìm đường chạy trốn giặc có ngờ đâu giặc ở ngay sát sau lưng; đời cha dốc bao nhiêu xương máu xây dựng nên cơ đồ thế mà chỉ một sớm một chiều vì nhẹ dạ, đời con lại làm cho tan nát... Nhưng cũng không thể bỏ qua một lớp nghĩa thứ hai, không kém quan trọng, hướng về mối tình của Mỵ Châu - Trọng Thủy: tình yêu chân thành, ngây thơ và trong trắng nhiều khi lại là nạn nhân của mọi tranh đoạt tàn khốc, nhưng chỉ kẻ nào mưu đồ tranh đoạt mới là tội lỗi, còn tình yêu không vụ lợi thì bao giờ cũng được đền bù. Đó là cách nhìn độ lượng của dân gian đối với tấn bi kịch của Mỵ Châu. Nước giếng Trọng Thủy làm sáng ngọc trai cũng là một biểu tượng nghệ thuật hoàn hảo mà chỉ riêng quan điểm "xã tắc" của nhà nho không thôi không thể sáng tạo nên được.

4. Như vậy, nội dung xã hội của truyện cổ tích trước hết không phải là ý nghĩa xác thực của câu chuyện kể. Nếu muốn tìm giá trị phản ánh hiện thực của loại hình này chắc chắn những điều chúng ta rút ra được sẽ rất đơn giản, không đáp ứng nổi các bước trừu tượng cao của nhận thức, và cũng không giúp ta nắm được sức mạnh nghệ thuật chủ yếu của loại hình. Truyện cổ tích Việt-nam bám rất sát chất liệu đời sống xã hội Việt cổ, nhưng không thể qua truyện cổ tích để dựng lại một cách chi tiết và chính xác bức tranh hiện thực về các mối quan hệ xã hội cụ thể - lịch sử của người nông dân Việt-nam trong quá khứ, hay về các chặng đường tiến triển của xã hội nông nghiệp Việt-nam cổ truyền, vì lẽ truyện dân gian không phải là tài liệu lịch sử, và phương thức tư duy nghệ thuật tự sự dân gian cũng khác với văn học thành văn. Chỉ có thể rút ra được ở truyện cổ tích những bài học về kinh nghiệm xử thế, về triết lý sống hóm hỉnh, thâm thúy mà cũng rất thực tiễn của nhân dân, và những dạng thức của đời sống đã được mô hình hóa mà sự từng trải giúp cho người ta nhận ra đấy là dạng thức có thể lặp lại ở đâu đó không phải chỉ một đôi lần. Bên cạnh đó, còn có khá nhiều lời răn về tu dưỡng đạo đức, như rèn luyện tính kiên trì nhẫn nại (*Sự tích chim tu hú*, số **6**), cảnh giác trước bản năng mạnh hơn giáo dục (*Sự*

tích đền Còn, số **161**), dự phòng sự hủ hóa của tâm tính (*Thủ thần và Miêu thần*, số **140**), ngăn ngừa trước cơn bão của dục vọng (*Ngậm ngải tìm trầm*, số **187**) v.v... Và tất cả, soi chiếu cho nhau, sẽ tạo nên chân lý của cái đẹp trong cổ tích, là *cái chân thực có tính chất dân gian* của truyện cổ tích Việt-nam - nét đặc thù từng khiến người đọc truyện truyền thống phải nghĩ rằng truyện tất đã xảy ra ở đâu đó ngay gần nơi mình sống, hay nếu không cũng xảy ra ở một vùng quanh địa phương của mình. Hơn đâu hết, truyện cổ tích là *một sự giãi bày tâm trạng và một sự ngụ ý*, ở đó mối tương thông giữa người kể và người nghe kể là họ cùng được đặt vào một môi trường sinh hoạt mà mình quen thuộc từ chân tơ kẽ tóc, và do đó cùng có những phản xạ dây chuyền trong tình cảm không khác gì nhau. Chính vì thế cũng có thể nói, trong quá trình nhào nặn nên từ chất liệu của đời sống, của cảnh quan và địa hình, địa mạo đất nước, truyện cổ tích, kể cả những cốt truyện vay mượn của nước ngoài, đã *kết tinh đậm nét tâm lý dân tộc, nhất là tâm lý người bình dân Việt-nam*. Nhận diện đặc điểm truyện cổ tích Việt-nam không thể quên điều ấy, và mấu chốt của quy luật "bản địa hóa" trong truyện cổ tích Việt-nam cũng là ở chỗ ấy.

Như chúng tôi đã nói ở đặc điểm thứ nhất, tính chừng mực về "độ" là một nét trong tâm lý của dân tộc chúng ta. Đối với người bình dân Việt-nam thì tính chừng mực về "độ" lại được biểu hiện dưới một sắc thái riêng mà ta có thể tạm gọi là cái bình dị. Mọi tưởng tượng nghệ thuật của người bình dân đều lấy mẫu trong cuộc sống hàng ngày. Ngay cả những thế giới kỳ ảo của địa ngục, thiên đường được hình thành qua truyện cổ tích cũng không có gì là ghê gớm. Từ cách thức sinh hoạt đến tâm tính nhân vật, các không gian cõi trời, cõi nước, cõi âm, cả cõi mộng nữa, của truyện cổ tích đều không khác biệt với không gian cõi trần. Riêng thế giới cõi âm, do chịu ảnh hưởng của Phật giáo nên có hình ảnh Địa ngục với mười tầng hay mười tám tầng sâu - mà ta có thể nhận ra qua các cụm tượng bằng đất hoặc bằng gỗ do bàn tay dân gian chế tác ở nhiều ngôi chùa dân dã. Nhưng đấy là nơi lũ quỷ sứ trừng phạt tội nhân theo lệnh của Diêm vương, một loại nhà tù phân loại theo thứ bậc nặng nhẹ, còn ngoài ra, cõi âm cũng vẫn bình lặng, có núi sông và cảnh vật đẹp đẽ, và không hề trải qua những khổ đau quằn quại như cái thế giới địa ngục trong thần thoại Hy-lạp (Mythologie Greque) do

vị thần Ha-đex (Hades) cai quản, hay thế giới huyền ảo mà Đan-tê (A. Dante) miêu tả trong *Thần khúc (La divine comédie*) ở thế kỷ XV. Chẳng phải trong truyện *Phạm Công - Cúc Hoa*, Phạm Công nhớ vợ, được đánh đồng thiếp để xuống âm phủ tìm nàng, nhưng đi tìm khắp nơi vẫn không thấy, cuối cùng cả người và ngựa lần xuống một dòng sông tắm mát, ngờ đâu gặp lúc bọn đầy tớ gái nhà Cúc Hoa cũng đang tắm ở đây; chàng đã làm cho họ ngượng ngùng bỏ chạy lên bờ, sau đó chạy về trình với chủ, nhờ đó mà hai người gặp lại nhau...? Cái thế giới mà Phạm Công phải xông xáo khắp nơi để tìm nàng Cúc Hoa nào có gì phân biệt với cõi dương gian đâu!

Có thể là trong thế giới quan của người Việt từ thời cổ đại vốn đã mang những quan niệm đơn giản, thô sơ về vũ trụ, nên khả năng tưởng tượng về sau ít có điều kiện nẩy nở. Nhưng ít nhất, theo chúng tôi thì tâm lý của lối sống làng xã phẳng lặng vào giai đoạn trung thế kỷ cũng đã ảnh hưởng một phần khá lớn, vì như ta biết, giữa người Việt và người Mường vốn có mối liên hệ lâu dài và gần gũi, vậy mà tưởng tượng của người Mường trong truyện *Đẻ đất đẻ nước* lại khác chúng ta rất nhiều: cái không gian của thế giới bên kia được câu chuyện vẽ ra thật lắm nấc, như Mường Trời (Klơi), Mường Bằng (Pưa) và Mường Bằng dưới (Pưa tín). Và so với xã hội trần gian thì những xã hội này ít nhiều đều là biểu hiện đối nghịch, hoặc huyền ảo hơn nhiều, ví dụ xã hội của Mường Ma (một trong Mường Pưa) luôn luôn ngược chiều với xã hội trần thế: bên này sáng thì bên kia là tối, bên này đêm thì bên kia là ngày, "bên này chó thì bên nọ là chim"...

Cũng như đã được nhắc đến ở đặc điểm thứ nhất, xu hướng đi gần với lý tính và nhân tính trong tưởng tượng nghệ thuật cũng là một sản phẩm của tâm lý dân tộc vốn đã xuất hiện từ rất lâu đời. Trong truyện cổ tích Việt-nam, không những người ta muốn có những kiểu hư cấu theo mẫu hình người, mà người ta còn muốn gạn lọc, tước bớt đi những gì có vẻ như thái quá hay bất cập. Trạng thái đối lập nhiều mặt trong quan hệ nhân vật (nhất là quan hệ đẳng cấp) bị giảm thiểu, và những tình huống gay cấn, những cách xử lý tàn khốc, những căng thẳng về kịch tính trong chiều hướng phát triển của nhiều truyện, cũng bị xén bớt đi. Có nghĩa là nghệ thuật truyện cổ tích Việt-nam không cho phép đẩy tình tiết tới những kết cục không có hậu và tạo ra những nút thắt quá bất ngờ.

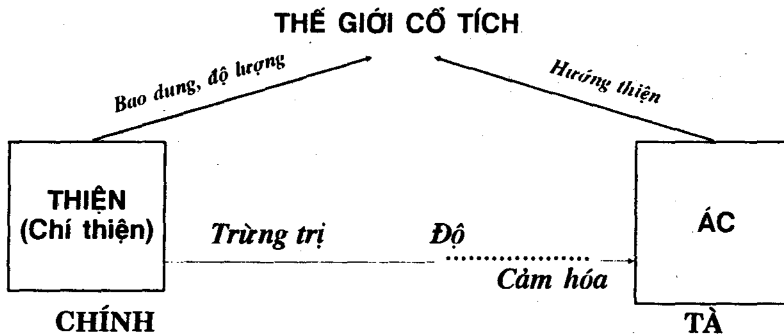
Và đứng về phương thức tư duy cổ tích, nhìn chung, người đọc dễ nhận thấy một không khí hiền hòa, êm dịu trùm lên toàn kho truyện. Đây là điều khác biệt với kho truyện cổ tích của nhiều dân tộc. Những chi tiết gây tâm lý kinh hoàng khủng khiếp nhiều khi đạt đến kỷ lục trong truyện của Ấn-độ, Ả-rập (Arabie), Hy-lạp (Grèce) nhưng lại tuyệt đối hiếm trong truyện cổ tích Việt-nam.

Tất nhiên, không phải trong truyện của chúng ta không có những yếu tố "bi" chi phối từ đầu đến cuối, như *Sự tích đền Còn* (số **161**) hay *Rắn báo oán* (số **158**); nhưng cái bi trong *Rắn báo oán* có tính chất ngẫu nhiên và gần như số mệnh, còn cái bi trong *Sự tích đền Còn* là kết quả của những hành động bảo toàn danh dự mà qua đó các nhân vật đều đã chuộc lại được sự thiện lương; cho nên tuy bi nhưng tình cảm người đọc đã được nâng đỡ bên trong. Trong truyện cổ tích Việt-nam cũng không phải không có những yếu tố "ác", - những cách xử lý sát phạt và những kết cục khốc liệt cho nhân vật - chẳng hạn truyện *Rạch đùi giấu ngọc* (số **159**), hay *Tấm Cám* (số **154**); nhưng nếu ở truyện *Rạch đùi giấu ngọc*, cái "ác" là do đấng "thiên tử" gây ra, mà nói đến thiên tử thì mọi hành vi đều "bất khả lý giải", thì cái "ác" trong kết cục *Tấm Cám* - một hành vi trả đũa có phần hả hê nhưng cũng gớm ghiếc - lại gần như là một mô-típ du nhập từ ngoài tới chứ không phải "nội sinh". Đành rằng không ai có quyền chê trách việc làm của Tấm ở đây là không thỏa đáng, nhưng hẳn cũng khó có thể nói khác rằng đây là một kiểu kết thúc ít thấy trong các dạng truyện cổ Việt-nam thông thường. Thông thường, người ta cố tránh cho nhân vật chính diện một sự can thiệp trực tiếp vào cái kết cục thê thảm cuối cùng của kẻ xấu. Thay vào đấy, người ta sẵn sàng mượn lực lượng siêu nhiên và tự nhiên làm hộ (sấm sét, ma quỷ, hổ lang...). Câu chuyện tất nhiên không đạt được sự khoái cảm mỹ mãn như khi theo dõi một mâu thuẫn diễn tiến tự nó, với những tình tiết căng thẳng đến phút cuối cùng. Nhưng vẻ đẹp của nhân vật chính diện bao giờ cũng giữ được toàn vẹn. Và thính giả truyện cổ tích sẽ có được cảm giác hoàn toàn thanh thản trong tình yêu đối với nhân vật của mình.

Một phần số nhỏ truyện cổ tích Việt-nam còn phá vỡ kết cấu đấu tranh *chính - tà* theo kiểu truyền thống bằng những biện pháp táo bạo: thay đổi chiều hướng diễn tiến của một vế (*chính* hoặc *tà*) ngay vào

giữa tiến trình câu chuyện. Trong tình huống như vậy truyện cổ tích không còn kết thúc như nó đáng lẽ phải diễn ra (cái *ác* bị triệt tiêu) mà kết thúc bằng sự song song tồn tại của cả hai vế *chính* và *tà* như cũ, hoặc có chuyển hóa nhưng cơ bản vẫn tồn tại. Tuy thế, ý nghĩa của truyện không hề bị hạ thấp mà lại được nâng cao hơn nhiều.

Trường hợp vì lý do gì đấy mà cái *ác* thay đổi, lô gích câu chuyện không có gì khó hiểu vì mâu thuẫn *chính - tà* đã được xóa bỏ. Nhưng trường hợp cái *thiện* thay đổi thì không phải *thiện* lại chuyển hóa thành *ác* (tâm lý dân gian Việt-nam loại trừ khả năng này), mà chính là bản thân nó thay đổi cách nhìn đối với *ác*; nó hiểu *ác* cũng là một mặt của cuộc sống, đối lập nhưng không tách rời với nó, vì thế từ mục tiêu trừng trị nó chuyển sang mục tiêu răn đe và cảm hóa để tác hại của *ác* bị hạn chế đến mức tối thiểu, và như thế sẽ có ý nghĩa thiết thực hơn nhiều (xem hình vẽ: **Dạng kết cấu I**). Đương nhiên, ở những trường hợp này cái *thiện* đã đạt đến mức "chí thiện", và truyện cổ tích thường hình dung đấy là thiện của các bậc siêu nhân (Trời, Phật, hay đức thánh Khổng Lồ...), nhưng với cách xử lý đặc biệt đó, tác giả cũng có dịp đề cao lòng khoan dung độ lượng, sự thể tất nhân tình như là vẻ đẹp cao quý của phẩm chất NGƯỜI nói chung, phẩm chất *người* gắn với tâm lý cộng đồng người Việt nói riêng (các truyện *Phạm Nhĩ hay là sự tích ông ba mươi*, số **156**; *Người thợ đúc và anh học nghề*, số **122**).



DẠNG KẾT CẤU I

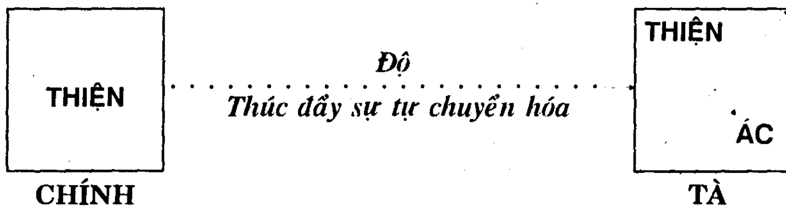
Nhưng cũng có khi hiện tượng đột biến của kết cấu *chính - tà* diễn ra còn lắt léo hơn vì nhân vật chính diện mang trong mình nó không phải một phẩm chất *thiện* thuần nhất mà là một *phẩm chất trung gian* (lẫn lộn cả hai khả năng "hướng thiện" và "hướng ác"). Với tư cách trung

Nói đến truyện cổ tích như là một công cụ để đấu tranh, một phương tiện để góp phần vào việc giáo dục, tức là nói đến tính tư tưởng của cổ tích. Cũng như truyện cổ tích của bất cứ dân tộc nào trên thế giới, truyện cổ tích Việt-nam sản sinh trong sinh hoạt của dân tộc, nhất là trong những môi trường gần gũi với cuộc sống thực tiễn, ở đó phẩm cách của dân tộc được bộc lộ một cách trọn vẹn qua hoạt động sáng tạo của lớp người đông đảo nhất và cũng giàu sức sống nhất. Thấm nhuần lòng yêu thiên nhiên xứ sở và tinh thần nhân đạo, nội dung truyện cổ tích thường mơ tưởng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn, khát khao một sự công bằng xã hội vốn dĩ là niềm mơ ước chung của nhân loại từ bao nhiêu đời nay.

Với ý thức và cảm quan thẩm mỹ lành mạnh, pha chút ngây thơ của người bình dân, truyện cổ tích thường bộc lộ quan niệm cho rằng sự thật nhất định sẽ thắng dối trá, cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác, cái tích cực trước sau sẽ đè bẹp cái tiêu cực; nó ca ngợi ngoài sự thông minh, tài trí, sức khỏe, là những phẩm chất cao đẹp: lòng thủy chung, ngay thẳng, tính cương trực, hành động vì lẽ phải, v.v... đồng thời cũng chĩa mũi nhọn vào những thế lực hắc ám, tàn ác, những thói hư tật xấu của con người.

Đương nhiên quan niệm thiện - ác, tốt - xấu này không thể thoát ly hoàn toàn nhân sinh quan và luân lý quan của giai cấp thống trị. Đứa con tiếc gà định chôn mẹ bị thần Sét đánh chết; người anh tham lam, ngu ngốc chuốc lấy hậu quả bi đát; cả một cộng đồng làng trở thành một tổ chức cướp của giết người bị triệt hạ và bị hành hình, v.v... đó là công lý của nhân dân nhưng không có gì trái ngược với đạo đức và pháp lý chính thống. Cũng vậy, truyện *Người thợ đúc và anh học nghề* (số **122**) răn đe sự phản bội, lòng nham hiểm cũng như tính tham lam; truyện *Thử thần và Miêu thần* (số **140**) nói về mối quan hệ giữa tội ác và hình phạt gắn với nhau như hình với bóng; truyện *Người đầy tớ và người ăn trộm* (số **106**) bao hàm một sự so sánh hơn kém giữa tài trí trong bất lương với tài trí mà lương thiện, v.v...; chắc chắn ở những truyện đó cách hiểu của nhân dân và cách hiểu của giai cấp thống trị cũng chỉ là một mà thôi. Thậm chí, không ít truyện cổ tích lẽ ra chiều hướng giải quyết có thể khác đi, nhưng vì bị khuôn trong mô hình đạo

tà rất đặc sắc, nhằm đề cao lòng nhân ái của cả cộng đồng. Chẳng hạn, khi cái *ác* đã có chiều hướng chuyển hóa, truyện cổ tích bao giờ cũng đẩy cho sự chuyển hóa đó nhanh hơn, và đền đáp cho sự tự nguyện chuyển hóa này những phần thưởng đích đáng, nhiều khi vượt quá mức bình thường. Trong truyện *Sự tích sông Nhà-bè hay là truyện Thủ Huồn* (số **30**), nhân vật chính là người từng gây ra bao nhiêu tang tóc, làm "táng gia bại sản" không biết bao nhiêu người. Nếu cứ đúng tội gia hình thì dù hối lỗi đến đâu y cũng không làm sao có thể toàn mạng. Thế nhưng khi y đã ý thức được sự nghiêm trọng của tội lỗi và quyết tâm rửa bằng sạch, tác giả lập tức cho y được đền bù ở kiếp sau, thậm chí còn được đền bù nhiều hơn cái mức người nghe truyện chờ mong: sau khi chết Thủ Huồn được đón ngay về làm vua Trung-quốc. Như thế, trên bình diện tư tưởng, truyện cổ tích Việt-nam đã đặt một vấn đề có tầm triết lý sâu sắc: mục tiêu của cuộc đấu tranh *chính - tà, thiện - ác* của con người không phải là diệt trừ cái *ác* cho đến tận gốc - mong mỏi điều đó biết đâu lại chẳng là một ảo tưởng - mà vấn đề cốt thiết hơn nhiều là làm sao chuyển *ác* thành *thiện*, làm cho cái mặt *chính* lớn dần ngay trong bản thân vế đối lập với nó là *tà* (Xem hình vẽ: **Dạng kết cấu III**). Nói như Lão Tử "*Tự tri giả minh, tự thắng giả cường*" 自知者明、自勝者強. Cũng vì mục tiêu đó mà cuộc đấu tranh bao giờ cũng cần dừng lại đúng lúc, khi điều kiện để chuyển hóa mặt đối lập đã đạt được. Sự chừng mực về "độ" trong tâm lý dân tộc ở đây trở thành một thành tố nghệ thuật đầy ý nghĩa.

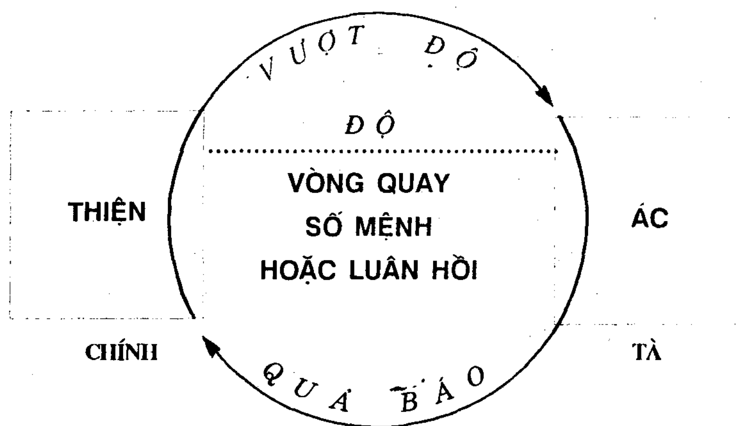


DẠNG KẾT CẤU III

Không phải là tình cờ mà trong truyện *Sự tích hồ Gươm* (số **26**) cây gươm thần của Long Quân trao cho Lê Lợi đã tung hoành trên mọi

trận địa chống giặc Minh hung ác, nhưng sau khi làm xong công việc cứu nước, nó lại được Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại, và nhà vua đành vui lòng trao trả tại hồ Gươm. Hay trong truyện *Khổng Lồ đúc chuông hay là sự tích trâu vàng hồ Tây* (số **67**), quả hồng chung tốn bao nhiêu sức người sức của để đúc nên, thế mà vừa đúc xong nó lại được mọi người chấp thuận ném xuống hồ Tây, chỉ vì để khỏi "gây hiềm khích với các nước khác". Đấy quả là những hình tượng tuyệt đẹp phản ánh không chỉ nguyện vọng riêng của tác giả dân gian mà là nguyện vọng chung của dân tộc nhằm duy trì một thế ứng xử lấy an cư lạc nghiệp làm quốc sách, "một sự nhịn là chín sự lành".

Thảng hoặc nếu có lúc nào cuộc đấu tranh *chính - tà* diễn ra một cách không cân nhắc, không lấy sự thể tất nhân tình làm lõi cốt, do đó mà vô tình hay cố ý vượt quá "độ" cho phép, thì kết thúc truyện dường như lại có một đôi tình tiết phái sinh, có ý nghĩa răn đe trở lại đối với những hậu quả do sự mù quáng của chính cái *thiện* gây ra. Chẳng hạn truyện *Từ Đạo Hạnh hay sự tích thánh Láng* (số **120**), truyện *Giáp Hải* (số **149**)... Trong truyện *Giáp Hải*, nhân vật Giáp Hải vốn là một hình ảnh chính diện tiêu biểu, nhưng chỉ vì một lần phụ trách chấm thi ra đề quá hiểm hóc, bị thí sinh làm reo, ông phải đối phó bằng cách giết chết kẻ cầm đầu mới dẹp yên được, thế là dù cách xử sự của ông chỉ là bất đắc dĩ, ông cũng phải chịu ngay "quả báo": người con ông đang khỏe mạnh tự nhiên lăn ra chết; cố nhờ đạo sĩ làm phép cho được gặp



DẠNG KẾT CẤU IV

con thì con lờ đi như không quen biết, chỉ bảo với bạn: "Trước kia tôi có trọ nhà ông ta hai chục năm, nhưng vì ông ta giết oan mất một người học trò nên tôi không ở nữa". Có thể thấy đây là loại đề tài mà quan hệ *chính - tà* không diễn ra một chiều đơn giản, mà diễn ra theo *quan hệ kép*, vừa thuận chiều, lại vừa có nghịch chiều (Xem hình vẽ: **Dạng kết cấu IV**). Về mặt tư tưởng nó càng góp phần soi tỏ tâm lý hướng thiện thấu đáo của dân tộc.

Tóm lại, cuộc sống được phản ánh trong truyện cổ tích chúng ta là cuộc sống đã bớt tàn nhẫn và thô bạo. Nó trở nên hiền hòa, êm dịu hơn. Tất nhiên, cuộc sống đó đã thông qua sự kết tinh của nghệ thuật. Nhưng nếu bảo nghệ thuật là sự tô chuốt lại sự thật, làm dịu hóa sự thật thì ở đây phải có sự can thiệp của tâm lý, tính cách dân tộc. Tình cảm tự nhiên, tinh thần lạc quan, lý tưởng nhân đạo sẽ kết hợp nhuần nhuyễn với chủ đề, với phong cách, và biểu hiện ra một cách tổng hợp thành cảm quan thẩm mỹ của quần chúng. Kết thúc có hậu của dân gian cũng đáng được kể đến ở đây. Biến hóa thần diệu thay cho chết chóc trong *Sự tích trầu, cau và vôi* (số **2**) và *Sự tích chim hút cô* (số **5**) chẳng hạn, sẽ khiến cho cốt truyện giảm tính chất bi thảm, gây niềm bồi hồi nhẹ nhàng của người nghe kể, đó cũng lại là truyền thống nghệ thuật mang đậm bản sắc Việt-nam.

3. TÍNH CÁCH PHÊ PHÁN HIỆN THỰC KHÁ ĐẬM TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM; NHÂN VẬT TÍCH CỰC THƯỜNG TỎ RA KHÔNG BẰNG LÒNG VỚI TRẬT TỰ TẬP TỤC CÓ SẴN, PHẢN ỨNG LẠI CÁI TI TIỆN TẦM THƯỜNG.

1. Như ở *Phần thứ nhất* đã sơ bộ giới thiệu, một số nhà cổ tích học từ anh em Grim (Grimm), Muyn-le (M. Müller), v.v... thuộc trường phái thần thoại ngữ văn học Ấn-Âu, trong khi xác định nguồn gốc truyện cổ tích, đã có xu hướng coi đó là "tiếng dội cuối cùng" của thần thoại, là sự xây dựng lại thần thoại dựa trên những quan niệm và hiểu biết mới, phù hợp với phương thức sinh hoạt của con người trung cổ. Thực tế thì giữa hai loại hình có những mối tương quan nhất định, có sự tiếp nối và kế thừa, nhưng mỗi loại vẫn có những đặc trưng riêng và đảm nhiệm những chức năng khác nhau. Trong giai đoạn lịch sử mới, loại hình

truyện cổ tích ra đời thay thế cho thần thoại không chỉ là thay đổi một kiểu thẩm mỹ đã không còn thích hợp, mà đồng thời cũng lĩnh lấy một trọng trách mới mẻ và phức tạp: trọng trách xã hội, mà trước đó thần thoại hầu như chưa biết đến. Với triển vọng to lớn đó, trong nhiều thế kỷ của nhân loại, truyện cổ tích đã đạt được một bước phát triển chưa từng thấy so với bất kỳ một loại hình văn xuôi tự sự dân gian nào khác, vô luận về số lượng cũng như về khả năng phổ biến rộng rãi. Chính vì thế, có nhiều nhà nghiên cứu phôn-clo (folklore) thế giới khi phân loại thường đề nghị xếp cổ tích thành một loại riêng biệt và tất cả những loại hình "văn xuôi phi cổ tích" gộp thành một loại khác. Hiển nhiên nếu chỉ làm công việc tái hiện lại thần thoại hay sử thi mà không có chức năng độc lập, không mang ý nghĩa xã hội trực tiếp, truyện cổ tích sẽ khó có một sự phát triển rực rỡ đến nhường ấy trong đời sống tinh thần của nhân loại. Và mặc dầu không bao giờ được xếp ngang với tiểu thuyết của thời kỳ cận hiện đại, trong cuộc đấu tranh để sinh tồn của con người vào một giai đoạn tối tăm mù mịt, dai dẳng, truyện cổ tích quả là một trong những phương tiện nghệ thuật ưu việt có tác dụng kích thích và nâng đỡ tinh thần của quần chúng. Vừa thay thế cho tư duy thần thoại, vừa chịu ít nhiều ảnh hưởng của thần thoại, truyện cổ tích trở thành một truyền thống sáng tác mới mẻ, hoặc đậm tính chất kỳ ảo, hoặc đậm tính chất thế sự, nhưng nói chung dù kỳ ảo hay thế sự thì nét nổi bật ở nó vẫn là *nghệ thuật ngụ ý*. Bằng hình thức dẫn nhập lý thú, mỗi một truyện cổ tích thường đưa người nghe đi dần tới một kết luận định sẵn, hoặc đi tới một lời khuyên bóng bẩy, kín đáo. Đúng như nhận xét của Puskin (A.Pouchkine): "Truyện cổ tích là dối trá, nhưng trong truyện cổ tích có những gợi ý, những bài học cho những cu cậu hảo tâm". Gần đây, khi nói đến đặc trưng thể loại cổ tích, tác giả *Mỹ học trong phôn-clo (folklore)* cũng trở lại ý này: "Truyện cổ tích khái quát hóa kinh nghiệm sống của nhân dân dưới một hình thức mà mọi người có thể tiếp thu được và có hiệu lực về mặt thẩm mỹ, và trong đời sống của bản thân nhân dân, nó là một phương tiện giáo dục quan trọng đối với thế hệ trẻ"[1].

1. V. E. Gu-xép (V. E. Gousseb): *Mỹ học trong phôn-clo* (folklore), Nhà xuất bản Khoa học, Phân sở Lê-nin-grát, 1967 (bản dịch Hoàng Ngọc Hiến).

tích. Cũng như truyện cổ tích của bất cứ dân tộc nào trên thế giới, truyện cổ tích Việt-nam sản sinh trong sinh hoạt của dân tộc, nhất là trong những môi trường gần gũi với cuộc sống thực tiễn, ở đó phẩm cách của dân tộc được bộc lộ một cách trọn vẹn qua hoạt động sáng tạo của lớp người đông đảo nhất và cũng giàu sức sống nhất. Thấm nhuần lòng yêu thiên nhiên xứ sở và tinh thần nhân đạo, nội dung truyện cổ tích thường mơ tưởng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn, khát khao một sự công bằng xã hội vốn dĩ là niềm mơ ước chung của nhân loại từ bao nhiêu đời nay.

Với ý thức và cảm quan thẩm mỹ lành mạnh, pha chút ngây thơ của người bình dân, truyện cổ tích thường bộc lộ quan niệm cho rằng sự thật nhất định sẽ thắng dối trá, cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác, cái tích cực trước sau sẽ đè bẹp cái tiêu cực; nó ca ngợi ngoài sự thông minh, tài trí, sức khỏe, là những phẩm chất cao đẹp: lòng thủy chung, ngay thẳng, tính cương trực, hành động vì lẽ phải, v.v... đồng thời cũng chĩa mũi nhọn vào những thế lực hắc ám, tàn ác, những thói hư tật xấu của con người.

Đương nhiên quan niệm thiện - ác, tốt - xấu này không thể thoát ly hoàn toàn nhân sinh quan và luân lý quan của giai cấp thống trị. Đứa con tiếc gà định chôn mẹ bị thần Sét đánh chết; người anh tham lam, ngu ngốc chuốc lấy hậu quả bi đát; cả một cộng đồng làng trở thành một tổ chức cướp của giết người bị triệt hạ và bị hành hình, v.v... đó là công lý của nhân dân nhưng không có gì trái ngược với đạo đức và pháp lý chính thống. Cũng vậy, truyện *Người thợ đúc và anh học nghề* (số **122**) răn đe sự phản bội, lòng nham hiểm cũng như tính tham lam; truyện *Thủ thần và Miêu thần* (số **140**) nói về mối quan hệ giữa tội ác và hình phạt gắn với nhau như hình với bóng; truyện *Người đầy tớ và người ăn trộm* (số **106**) bao hàm một sự so sánh hơn kém giữa tài trí trong bất lương với tài trí mà lương thiện, v.v...; chắc chắn ở những truyện đó cách hiểu của nhân dân và cách hiểu của giai cấp thống trị cũng chỉ là một mà thôi. Thậm chí, không ít truyện cổ tích lẽ ra chiều hướng giải quyết có thể khác đi, nhưng vì bị khuôn trong mô hình đạo

lý chính thống quá chặt, tác giả vô tình đã sử dụng hệ thống ấy làm đường mạch phát triển của truyện. Ví dụ trong truyện *Ông già họ Lê* (số **153**), cảm hứng của người kể đã nghiêng hẳn về phía pháp lý chính thống khi bắt buộc vợ chồng người chị gái phải trả lại cho đứa em trai khác mẹ tất cả của cải của người bố để lại; truyện *Giết chó khuyên chồng* (số [**50**]) có gì khác hơn là sự đề cao chế độ gia trưởng, trong đó người ta chỉ cần biết mối quan hệ huyết thống giữa các thành viên trong một dòng họ, một gia đình; hay là truyện *Sự tích khăn tang* (số **186**): thái độ và hành động tuyệt tình của ông bố đối với các cô con gái của mình phải chăng cũng nhằm biểu lộ lập trường của nhân dân, từ trong tiềm thức vẫn coi chế độ phụ quyền là hợp lý...

Tuy nhiên, nếu xét toàn bộ kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thì không thể nói quan niệm đạo lý của dân gian không có gì đặc biệt, càng không thể nói chúng hoàn toàn rập khuôn đạo lý chính thống. Trong khá nhiều truyện, nhân dân vẫn có cách nhìn riêng của mình về mọi lý lẽ ở đời, không chịu lệ thuộc một sự khu xử áp đặt nào. Không những thế, một số truyện cá biệt còn bộc lộ ngấm ngầm một thứ quan niệm mà ta có thể nói là "bạo thiên nghịch địa", tức là mang dạng thức đối nghịch với hệ thống nhân sinh quan và luân lý quan vẫn được xã hội thừa nhận.

2. Trước hết, *đối tượng đầu tiên* được tác giả truyện cổ tích bênh vực và hết lòng che chở thường là những con người nghèo khổ bất hạnh, những kẻ bị đè nén, những nhân vật luôn luôn hẩm hiu, xấu số trong mọi sự xung khắc gia đình: những đứa con côi, em út, con vợ trước, những anh chàng khờ dại ngốc nghếch... mà chúng tôi đã có dịp điểm đến khi bàn về đề tài trong truyện cổ tích Việt-nam. Mặc dầu những danh hiệu Mồ côi, Út, Tro bếp... đã vắng bóng trong cách gọi tên nhân vật cổ tích nước ta so với cổ tích nhiều nước, nhưng loại mô-típ ra đời trong buổi đầu phân hóa của các tế bào công xã thị tộc này vẫn được bảo lưu không ít trong kho tàng truyện cổ dân tộc. Đó là hình thức sơ khai của cuộc đấu tranh xã hội trong cổ tích. Điều đáng lưu ý là dù xuất hiện rất lâu đời, với những hình tượng được xây dựng theo một ước lệ thẩm mỹ ít khi thay đổi: xấu xí bề ngoài tốt đẹp bên trong, với

bố cục bao giờ cũng có hai chuyển đoạn trong số phận nhân vật: bất hạnh ở quãng đời trước và sung sướng hạnh phúc ở quãng đời sau, nhóm truyện cổ tích mang đề tài gia đình của chúng ta không vì thế mà kém phần hấp dẫn. Trái lại, đây là nhóm truyện giữ được một tỷ lệ cao trong số những truyện kể sinh động. Có thể là vì chúng xuất hiện ở một thời kỳ tương đối cổ, trong tư duy còn giữ được nhiều nét hồn nhiên. Nhưng chủ yếu, theo chúng tôi - chính là nhờ các truyện này nói lên một chân lý phổ quát trong tình cảm của dân gian: lòng trắc ẩn trước mọi sự thiệt thòi, khốn khổ, yếu hèn. Vì thế, ít ai không biết sự đổi đời của chú nông phu trong *Cây tre trăm đốt* (số **125**), niềm vinh quang chiến thắng của chàng đốn củi trong *Chàng đốn củi và con tinh* (số **121**), khuôn mặt trở nên xinh đẹp của cô gái người ở trong *Sự tích con khỉ* (số **12**) đều chỉ là mơ ước mà thôi chứ hiện thực làm gì có được. Nhưng không một ai có chút hoài nghi đối với hạnh phúc mười mươi của họ. Từ thân phận kẻ ăn người làm xấu xí, ngốc nghếch, bị hắt hủi, phút chốc trở nên thông minh, giàu sang, làm chủ được số phận, chỉ nội một mơ ước không tưởng thế thôi cũng đủ chứng tỏ cái nhìn thách đố của người nông dân đối với sự an bài đầu tiên mà trật tự xã hội dành cho mình.

Đối tượng thứ hai được tác giả truyện cổ tích đề cao và ủng hộ là những anh hùng lập nên các kỳ tích trong đời sống, kể cả những nhân vật tài nghề, mưu trí, dũng cảm, sức khỏe, bất kể họ già hay trẻ, nam hay nữ, và thuộc đẳng cấp xã hội nào. Truyện cổ tích nhắc đến từ một chú bé vô danh biết dùng trí thông minh để buộc chủ nợ phải xóa nợ cho bố mẹ chú (*Em bé thông minh*, số **80**), cho đến một "trạng Hiền" tuổi còn rất nhỏ đã đỗ đầu khoa thi của nhà nước quân chủ và giải đáp nổi câu hỏi hóc hiểm của sứ giả Trung-quốc, gỡ thế bí cho cả một triều đình (số **81**). Truyện cổ tích cũng không quên tài đục chạm thần dị của ông thợ Chuẩn, một người thợ mộc bình thường nhưng chỉ vài đường chạm đã làm cho hình các con giống hiện lên như sống thật trên chiếc kẻ gỗ, đến nỗi Thủy phủ cũng nghe danh (*Người thợ mộc Nam-hoa*, số **105**). Ngay chỉ một chàng chăn trâu Bùi Cầm Hổ (số **79**), tứ cố vô thân mà dám tìm đường tiến kinh, và với đầu óc phán đoán sắc sảo của mình làm nhà vua đương thời phải kính nể, bổ luôn chức quan ngự sử. Rồi còn sức khỏe của Đại vương Hai (số **69**), tài ăn của Lê Như Hổ (số **63**),

sức vác của Khổng Lồ (số **67**), thân hình của Lý Ông Trọng (số **73**), tài lặn của Yết Kiêu (số **72**)... tất cả, đều được truyện cổ tích "xếp hạng" một cách vô tư, không phân sang hèn, cao thấp. Chuẩn mực của mọi giá trị ở đây được đo bằng những thước đo giản dị nhưng rất thiết thực: 1. Đấy quả là tài năng nổi bật khác người, và 2. Tài năng đó phải có ích cho đời. Cách đánh giá của cổ tích thực đã vượt lên trên mọi ràng buộc, thiên kiến, và đạt được sự công bằng.

Số lớn những truyện cổ tích nói về các nhân vật có tài nghề đặc biệt trong kho truyện cổ tích Việt-nam đều thuộc tiểu loại cổ tích lịch sử. Điều đó cho thấy trước khi đi vào cổ tích, họ vốn là những nhân vật có thật được truyền thuyết hóa. Nhưng gốc rễ lịch sử chỉ còn giúp họ giữ được cái tên, không biến thành phiếm chỉ, còn hành trạng và tài năng thì đã hoàn toàn biến cải theo quy luật mỹ học phôn-clo (folklore).

Họ là những mẫu mực của tài năng nhưng là mẫu mực dựa trên tiêu chí dân gian chứ không phải dựa trên cách sắp xếp thứ bậc của xã hội chính thống. Truyện Bùi Cầm Hổ tưởng chừng muốn đặt lại một quan niệm có phần táo bạo về bảng giá trị thực sự của con người: phải căn cứ vào đóng góp thực tế của mỗi người mà sắp xếp chức tước, học vị chứ không phải dựa vào thi cử. Câu nói của trạng Hiền với sứ giả: "Trước đây vua bảo ta không biết lễ phép, nhưng chính vua cũng không biết lễ phép nữa là ai" chứng tỏ dân gian rất có ý thức về tư cách độc lập của những tài năng được lựa chọn bởi chính mình.

Như vậy, ca ngợi con người có tài, truyện cổ tích Việt-nam ít hay nhiều đã khởi sự một cuộc đấu tranh thứ hai nhằm vào cái trật tự đã an bài của xã hội.

Đối tượng thứ ba được truyện cổ tích nhiệt liệt biểu dương là những nhân vật có tính tình ngang bướng, không chịu thu mình vào khuôn phép, hơn thế nữa thường có những phản ứng tự phát chống đối lại bề trên của mình. Loại nhân vật này gần như tập trung vào một ý nghĩa: *sự phủ định quyền lực*. Cường Bạo đại vương (số **164**), Phạm Nhĩ (số **156**) là những nhân vật quá khổ, dám chống lại các thiên thần và chống ngay cả Ngọc Hoàng thượng đế tối cao. Cố Bu (số **96**), Ba Vành (số **101**), Chàng Lía (số **64**) và nhiều anh hùng nông dân khác thì lại chẳng

ưa gì bộ máy vua quan do cõi trần bày ra. Họ muốn tung hê một phen cho hả, hoặc chí ít cũng bằng hành vi phá phách của mình bày tỏ thái độ cứng cỏi, không chịu phục tùng. Tất nhiên, đây không phải là kiểu anh hùng hiệp sĩ với phong cách hào hoa mã thượng, mà là kiểu anh hùng nông dân. Nếu *Quận Gió* (số **77**) là câu chuyện về một tên trộm tài ba, từng làm chấn động kinh thành bởi một chủ trương kỳ dị: "chỉ lấy những của cải bất nghĩa", thì Chàng Lía (số **64**) lại là một tướng cướp có khí phách: chuyên cướp của nhà giàu chia cho nhà nghèo, và chủ động can thiệp vào những chuyện oan trái, bất công. Là anh hùng nông dân, họ cũng bộc lộ cả những tỳ vết của người nông dân tiểu tư hữu. Một chàng Lía tài nghệ song toàn, khinh thường vua quan rất mực, nhưng lại có cái thích thú muốn được đi thi võ cử để nổi danh. Một Ba Vành (số **101**) với chòm "lông xoăn" thiên phú nên xông vào giữa tên đạn như không, nhưng khi đã thu phục được đông đảo quần chúng, đánh đâu thắng đấy thì lại đâm ra tự mãn, cả tin ở tài phép của mình, kết cục đi đến bị tiêu diệt và thất bại.

Về mặt loại hình, cũng như nhóm truyện cổ tích nói về người có tài nghề, nhóm truyện anh hùng nông dân phần nhiều đều thuộc tiểu loại cổ tích lịch sử. Nhưng ở nhóm truyện này, phong cách kể truyện của dân gian có sự đan chặt hai yếu tố lãng mạn và hiện thực. Do đó, tuy có sử dụng yếu tố thần kỳ, câu chuyện thường ít khi đưa người nghe vượt ra khỏi thực tại. Yếu tố thần kỳ chỉ điểm xuyết vào chất liệu thực của đời sống, nhằm thỏa mãn khuynh hướng kỳ vĩ hóa các bậc anh hùng. Mặt khác, đó cũng là cách mà dân gian dùng để biểu hiện sự khác biệt về chất giữa thế giới các nhân vật mà mình đang tôn vinh, ca ngợi và thế giới của đời thường. "Lạ hóa" và "đối sánh" quả vẫn là hai thủ pháp quen thuộc của truyện cổ tích Việt-nam.

Khắc họa nên loại nhân vật thứ ba trong truyện cổ tích là một đỉnh cao của dân gian nhằm khẳng định ước mơ được sống vẫy vùng, vượt ra ngoài lề của xã hội quân chủ. Đó là hình thức bảo lưu tích cực nhất của tinh thần dân chủ công xã (mặc dù trong đó cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa bình quân). Tất nhiên, chính cảm quan dân gian cũng đã thấy ngay đó là những ước mơ không tưởng.

Phần cuối các truyện cổ tích về anh hùng nông dân thường bao giờ cũng dẫn đến những kết thúc bi kịch, những cái chết không tránh khỏi của nhân vật, đành rằng chính cái chết cũng là một sự rọi sáng, làm cho phẩm chất người anh hùng được bộc lộ hoàn toàn (*Hầu Tạo*, số **98**; *Chàng Lía*, số **64**).

Cần nói thêm, đối với ba loại nhân vật mà dân gian ký thác niềm khát vọng ở trên, truyện cổ tích còn sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật nhằm biểu lộ những mối cảm tình và cách đánh giá cụ thể của quần chúng. Một trong những biện pháp thường được dùng đến là các phần thưởng dành cho họ ở cuối câu chuyện. Phân tích tính chất của các phần thưởng này ít nhiều cũng sẽ thấy được quan niệm bao quát của dân gian về vị trí lý tưởng của mỗi loại người trong bậc thang xã hội.

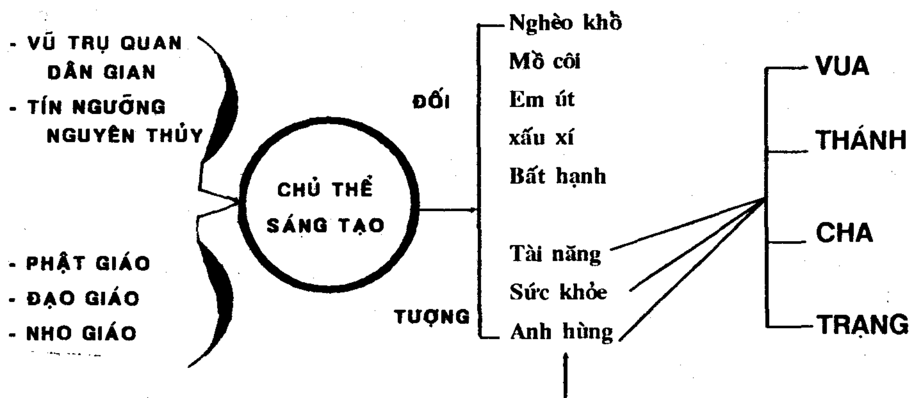
Phần thưởng nói chung cho những người tốt là sự phú quý (tiền của, chức tước...) và hạnh phúc gia đình. Có khi nhân vật được gả công chúa, lại có khi được tặng cả cái ngai vàng. Ở chỗ này truyện cổ tích Việt-nam cũng giống truyện cổ tích của nhiều nước. Nhưng truyện cổ tích Việt-nam không coi ngai vàng là cái gì quá đặc biệt, nên ban thưởng nhiều khi cũng khá rộng rãi; truyện cổ tích Việt-nam cũng không coi phú quý là cái gì quá hệ trọng, nên đã cho chính nhân vật anh hùng chối bỏ phú quý, như Thánh Gióng (số **134**), Nguyễn Minh Không (số **120**)... Rốt cuộc, phần thưởng đích đáng nhất mà dân gian trao cho nhân vật một cách ý nhị hơn cả lại là những *danh hiệu* dùng để tôn xưng nhân vật của mình. Đó không chỉ là những cách xưng hô thuần túy mang tính ước lệ. Mỗi một cách xưng hô đều biểu thị một cấp độ riêng trong tình cảm của người xưng hô với đối tượng. Ta thấy có bốn cấp độ chính:

1. Ở cấp độ uy tín, nhân vật có khi được gọi là "vua" (trường hợp này cũng tương tự với truyện dân gian Nga). Vua, song không nhất thiết câu chuyện phải đưa nhân vật lên ngôi, mà niềm tôn kính của dân gian nghiễm nhiên đặt nhân vật vào ngôi ấy. Nghĩa là nhân vật xứng đáng tư cách thủ lĩnh (về oai phong, võ nghệ, khả năng thu phục người khác), đứng vượt lên trên tất cả mọi người không cần bàn cãi. Ví dụ "vua Lía", "vua Ba Vành"...

2. Ở cấp độ tài năng, nhân vật nhiều khi được gọi là "trạng". Đây là cách gọi tương đối phổ biến trong cổ tích. Trạng, bắt nguồn từ chữ "trạng nguyên" được dân gian hóa, là người giỏi nhất, đứng đầu về một năng lực, một sở trường, ví dụ: trạng Ăn (Lê Như Hổ), trạng Vật, trạng Cờ, thậm chí trạng Lợn, trạng Quỳnh. Trạng không đạt đến một uy quyền tối cao như vua nhưng lại gần gũi xã hội bình dân hơn hẳn vua.

3. Ở cấp độ phép thuật, nhân vật cũng có khi được gọi là "thánh", như Thánh Gióng, Thánh địa lý Tả Ao, Thánh Khổng Lồ... Năng lực của nhân vật mang tính siêu nhiên, thần bí, vượt khỏi xét đoán của thế giới cõi trần và được nâng lên bình diện tín ngưỡng. Nhưng *thánh* với nghĩa gốc "thánh nhân" đã mang theo một giá trị mới, nặng tính chất dân gian, chứ không còn là bậc thánh của nho sĩ, cũng không có nghĩa thánh thần trong thần tích do nho sĩ tô vẽ. Và số lớn nhân vật vẫn thuộc tiểu loại cổ tích lịch sử, chỉ một số không nhiều lắm trở thành cổ tích thần kỳ. Sức mạnh của nhân vật chủ yếu vẫn hướng về cuộc đời, giải đáp những yêu cầu mà cuộc đời đòi hỏi.

4. Ở cấp độ quan hệ ân nghĩa sâu nặng đối với dân chúng một vùng miền cụ thể, nhân vật lại có thể được thay thế cách xưng hô thông thường bằng cách gọi họ hàng thân tộc, ví dụ "cha Hồ, chú Nhẫn, mẹ Chân" (truyện *Chàng Lía*, số **64**).



Có thể ngờ đây là thói quen còn sót lại của một kiểu xưng hô đối với thủ lĩnh vốn có từ thời công xã thị tộc xa xưa mà ta có thể liên hệ với danh hiệu Bố Cái đại vương từ lâu đã đi vào lịch sử[1].

3. Nói đến tính tư tưởng của truyện cổ tích, thiết tưởng cũng không nên quên những yếu tố tiến bộ trong thế giới quan dân gian mà ta có thể bắt gặp một cách tản mạn đó đây trong khá nhiều truyện. Ai cũng biết truyện cổ tích không tránh khỏi sự chi phối nặng nề của tư tưởng thiên mệnh, nhưng điều trớ trêu là thiên mệnh trong cổ tích nhiều khi lại bắt nguồn từ sự cưỡng chống thiên mệnh mà có. Chẳng hạn trong *Con chim khách mầu nhiệm* (số **124**) thiên mệnh được biểu trưng bằng quả tim và cái đầu con chim khách, nhưng phải đâu cứ ăn xong những vật ấy là hai anh em trong truyện đã nghiễm nhiên trở thành hiển quý, ngồi không mà đợi sự quý hiển cũng đến gõ cửa nhà mình. Mà họ còn bị ném vào những nơi "trăm sóng ngàn gió" để tự mình chống chèo với vô số thử thách nguy nan. Thành ra thiên mệnh lại là hệ quả của một quá trình kiểm nghiệm bản lĩnh và tài năng.

Không những không thụ động trước thiên mệnh, trong nhiều trường hợp, truyện cổ tích Việt-nam còn bày tỏ rõ ràng nguyện vọng của dân gian muốn cải tạo thiên mệnh. Cải tạo bằng tu dưỡng đạo đức là cách nghĩ thông thường nhất. Đối với người bình thường thì tu dưỡng đạo đức không phải là một mục tiêu gò bó, lúc nào cũng phải thận trọng lời ăn tiếng nói, giữ gìn từng cử động như một nhà nho trước hai hũ đậu[2], làm mất cả nếp sống tự nhiên. Điều cốt nhất là giữ được căn tính hồn hậu nguyên sơ của mình. Cô gái xinh đẹp trong *Cô gái lấy chồng hoàng tử* (số **144**) vốn chẳng có lá số tử vi nào báo cho biết mình sẽ được lấy chồng hoàng tử, nhưng ý nguyện chân thành và tấm lòng trong

1. Có người muốn giảng từ "cái" trong "bố cái" nghĩa là lớn, thực ra từ "cái" có nghĩa là lớn hiện nay vẫn còn dùng, nhưng "cái" trong "bố cái" thì phải hiểu là mẹ, đó là từ cổ, hiện không phổ biến nữa nhưng nét nghĩa chưa mất hẳn.

2. Điển cố Trung-hoa có nhắc đến chuyện một nhà nho tu dưỡng bản thân bằng cách đặt hai cái hũ bỏ đậu đen và đậu trắng, mỗi ngày làm được việc tốt thì bỏ một hạt đậu trắng vào hũ trắng, ngược lại thì bỏ đậu đen vào hũ đen. Lúc đầu hũ đậu đen nhiều hơn hũ đậu trắng, nhưng lâu dần, hũ đậu trắng đầy lên mà hũ đậu đen vẫn vơi.

trắng vô tư của cô cuối cùng đã giúp cô toại nguyện, trong khi kẻ mưu toan chiếm đoạt cô bằng sự lừa dối lại chuốc lấy số phận bị hổ vồ. Riêng đối với những ai từng nhúng tay quá sâu vào tội lỗi, nghiệp chướng tích lại quá dày, thì sự cải tạo số phận có khó khăn hơn, song cũng không hẳn đã tuyệt vọng. Một sự cố gắng vượt bực và chân thành cải tà quy chính, nói như ngày nay là "năng động cá nhân cao", thì thế nào cũng xoay chuyển được tình thế, giảm thiểu đến mức tối đa trạng huống bi đát, lẽ ra phải chịu, như một Thủ Huồn kiên trì thu nhỏ cái gông của mình ở địa ngục, cho đến lúc đổi hẳn kiếp, được thác sinh làm vua Trung-hoa. Ngược lại, đối với kẻ vốn được thiên mệnh nuông chiều, ngay từ đầu đã dành cho một sự ưu đãi, thì thế nào? Dân gian không bao giờ lại chấp nhận dễ dàng một cách xếp đặt "tiên thiên" như vậy. Phải cọ xát, sàng lọc phẩm chất của mỗi con người trên hành trình sống thực tế của họ. Nếu căn cốt người nào không vững, phạm hết từ sai lầm này đến tội lỗi khác, thì dù có "phức đức sâu dày" bao nhiêu đi nữa, cũng đến phải bó tay trước "phép công"[1] mà thôi. Anh nho sinh trong truyện *Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng* (số **52**) chẳng phải có một bản mệnh vô cùng tốt đẹp đấy hay sao? Nhưng anh ta ỷ vào điềm báo do người thủ từ cung cấp, chưa đỗ ông nghè đã toan bỏ vợ và chiếm đất của người, kết quả anh bị xóa tên trong sổ thiên tào, thi mãi không đỗ, cuộc đời dần dần tàn lụi. Thiên mệnh dưới con mắt nhìn của truyện cổ tích rõ ràng không phải là một cái gì nhất thành bất biến, mà thực tế con người có thể tác động để thay đổi nó. Đó là ước mơ và cũng là triết lý nghiệm sinh của dân gian. Còn nếu gặp những trường hợp đặc biệt, con người phải đối diện với một sự bất công gay gắt của mệnh mà không tài nào hiểu nổi, bằng tu dưỡng đạo đức cũng không tìm được lối thoát ra, thì dân gian sẽ không loại trừ khả năng kêu gọi sự vùng lên chống lại. Trong truyện *Sự tích đầm Mực* (số **29**), hai anh em nhà Gàn, con thần Nước, đã tự nguyện đánh đổi lấy cái chết, để giúp đỡ thầy học chống lại lệnh "phong bế" vô lý của thiên đình. Họ chết nhưng lý trí sáng suốt đã chiến thắng sự mù quáng tàn bạo của mệnh trời. Câu

1. Truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*:

Thương anh em để trong lòng,
Việc quan em cứ phép công em làm.

chuyện là một vở bi kịch lạc quan của con người trước khát vọng làm chủ số phận.

Bên cạnh tư tưởng "thiên mệnh", thế giới quan dân gian cũng liên quan đến tư tưởng tôn giáo. Nhưng như đã nói, ở Việt-nam tư tưởng tôn giáo không có điều kiện bắt rễ sâu trong đời sống, và loại truyện truyền bá tôn giáo yếm thế trong kho truyện cổ tích Việt-nam vốn không có nhiều. Còn các nhân vật vốn là biểu tượng của tôn giáo như Bụt, Tiên, Ngọc hoàng... thì đều đã được cái nhìn thực tiễn của dân gian - dân tộc nhân cách hóa để trở thành những lực lượng cứu tinh đối với mọi người dân cùng khổ. Hình ảnh Bụt được người Việt xếp cao hơn cả vị vua cõi trời là Ngọc Hoàng Thượng đế, ví dụ ở truyện *Phạm Nhĩ hay là sự tích ông Ba mươi* (số **156**), tài phép như Ngọc Hoàng vẫn núng thế trước Phạm Nhĩ, phải cầu đến phép thần thông của Phật mới bắt được tội nhân. Truyện cổ tích Việt-nam thường xây dựng Ngọc Hoàng thành một nhân vật khó tính, trang nghiêm, còn Bụt mới thật sự hiện thân cho vẻ đẹp hiền từ và nhân hậu. Bụt luôn luôn xuất hiện đúng lúc để giải cứu cho những ai đang ở trong tình thế quẫn bách nhất, nên đấy cũng là một phương tiện thẩm mỹ giải tỏa ẩn ức, làm người nghe truyện thỏa mãn.

Đạo giáo in dấu trong cổ tích không được rõ rệt bằng Phật giáo và Nho giáo. Tư tưởng nhàn tản, chủ nghĩa hư vô là miếng đất khá màu mỡ của văn học thành văn, nhưng lại khá xa lạ với văn học dân gian Việt-nam. Truyện *Phạm Viên* dường như có mục đích đề cao một nhân vật tu hành theo Đạo giáo, có nhiều phép thuật linh thiêng, nhưng câu chuyện lại có thể gây phản tác dụng với chính Đạo giáo khi nội dung cho thấy, muốn trở thành bậc tiên phong đạo cốt, người tu hành phải trải qua đủ mọi thử thách vừa vất vả vừa kinh khủng. Kiểu sống lánh đời vô vi của Đạo giáo nói chung không mấy khi mê hoặc được những con người bám trụ trong thực tiễn. Nho giáo được truyện cổ tích mặc nhiên đề cao bởi lẽ như ta biết, nho sĩ là một lực lượng quan trọng góp phần vào hoạt động sáng tác và chỉnh lý truyện dân gian. Truyện *Người học trò với ba con quỷ* (số **131**) cho ta hình ảnh anh học trò chỉ "đọc sách thánh hiền" vậy mà trị được quỷ dữ hơn cả pháp sư và phù thủy.

Có lẽ ở đây cách nghĩ thiết thực của dân gian về cuộc đời đã bắt gặp thái độ "kính quỷ thần nhi viễn chi" 敬鬼神而遠之 - kính trọng quỷ thần nhưng xa nó - của đạo Khổng. Mặc dù vậy, hình ảnh Khổng Tử, bậc thầy chí tôn của nhà nho, vẫn không hề thấy xuất hiện trong cổ tích (trừ một vài lần hiếm hoi đóng vai phản diện trong truyện cười) như vai trò của Bụt hay Ngọc Hoàng.

Một mặt bình dân hóa tư tưởng tôn giáo nhằm mượn nó lý giải những nguyện vọng thực tiễn, mặt khác dân gian cũng trực tiếp tấn công vào tôn giáo bằng tư tưởng vô thần. Trong sinh hoạt nghi lễ ở đền chùa, những "thần tượng" của tôn giáo (thần, phật) lúc nào cũng hiện lên uy nghi, nhưng đi vào cổ tích không phải không có lúc chúng trở thành đối tượng châm biếm, chẳng hạn các truyện *Vua Heo* (số **104**), *Quận He* (số **97**), *Trạng Hiền* (số **81**), *Nợ như chúa Chổm* (số **44**)... Trong truyện *Vua Heo*, anh nông dân Heo là người có mệnh thiên tử. Nhưng anh tuyệt không biết gì đến mệnh ấy; sự sống khốn khó và thực dụng buộc anh có lúc phải làm những việc bất kính là vứt cả tượng Long thần xuống đất để kiếm chỗ nằm. Khó có thể biết Heo đạt được thắng lợi cuối cùng là do "mệnh", hay chính do tư tưởng vô thần đã giúp Heo gạt bỏ được mặc cảm trước mọi thứ uy lực vô hình và đi đến đích! Dưới một hình thức khác, mưu trí và sức khỏe của Bảy Giao và Chín Quỳ (số **74**) làm cho bao nhiêu phép thiêng của thần Cồn-tàu mất hết linh nghiệm, chỉ còn biết trơ mắt ngồi nhìn dân chúng quanh vùng tấp nập kéo đến phá rẫy làm ăn.

Tuy loại truyện mang chủ đề tôn giáo chiếm số lượng ít, người Việt lại có khá nhiều truyện dường như là để cảnh giới những kẻ tu hành. Thực tế thì đó là những truyện thuộc loại hình giáo huấn nói chung, mượn nhân vật tu hành để răn dạy người đời, đồng thời về khách quan, cũng có đượm một nụ cười châm biếm đối với thói giả dối của sư mô, như *Sự tích chim tu hú* (số **6**), *Sự tích con nhái*[1] (số **10**), *Sự tích cá he*

1. Cao Huy Đỉnh có lấy truyện *Sự tích con nhái* so sánh với một mẩu chuyện trong *Ma-ha-bha-ra-ta (Mahâbhârata)* nói về một đạo sĩ là Vi-sua-mi-tơ-ra (sư phụ của Thích Ca) để cho đó là truyện của ta Việt hóa truyện tôn giáo và truyện dân gian Ấn-độ, "không thay đổi tư tưởng chủ đề tôn giáo mà chỉ đặt cốt truyện phù hợp với sinh hoạt Phật giáo ở Việt-nam" (*Nghiên cứu văn học,* số 5, 1963; tr.41-42). Theo chúng tôi, truyện *Sự tích con nhái* đúng là phục vụ cho đạo ...

(số **13**), *Sự tích ông bình vôi* (số **22**)... Qua tiếng cười dân gian, chúng ta đều tìm thấy mối liên kết tư tưởng giữa các truyện này với nhau, đó là thái độ hoài nghi của người nông dân trước giáo lý đạo Phật kêu gọi mọi người tìm vào cõi bất sinh bất diệt.

Một số truyện khác bề ngoài có vẻ lý tưởng hóa tôn giáo, đề cao triết lý thoát tục, nhưng từ góc độ cái nhìn dân gian, chúng vẫn mang ít nhiều tư tưởng vô thần khỏe mạnh. Từ Thức (số **130**) chẳng hạn, tuy vui sướng ở cõi tiên mà tấm lòng nhớ quê nhà vẫn nặng trĩu. Tiên Dung (số **28**) không dám cự mệnh vua cha nhưng đã tự tiện kết hôn với "chàng không khố" mà tuyệt không hề hỏi ý kiến của cha. "Vật tiền thân" của người nô lệ Mai An Tiêm (số **1**) có bóng dáng một món hàng Phật giáo mới du nhập, kỳ thực lại là một khái niệm hữu hiệu để đối phó với tư tưởng coi mọi vật đều là ân huệ của đấng quân vương, chứ không phải do sức người làm nên.

Có thể nói thế giới quan trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam nhìn trên tổng thể là thế giới quan của người nông dân gia trưởng trong cộng đồng làng xã. Nó có những mặt lành mạnh, tiến bộ và cả những giới hạn tất yếu, do tính chất tĩnh và khép kín của sinh hoạt làng xã quy định. Nhưng cũng chính môi trường làng xã với không gian thu hẹp đó là điều kiện cho một cách nhìn thế giới với những cảm quan duy vật thô sơ và tự phát có dịp phát huy ảnh hưởng tự nó, chưa bị gò vào những hệ thống tôn giáo phức tạp siêu hình, cũng chưa bị hệ tư tưởng chính thống làm cho lệch lạc, hoặc áp đặt một cách sống sượng, nặng nề.

4. Cả hai bình diện "quân quyền" và "thần quyền" từ lâu đã kết thành xương sống chính của xã hội quân chủ, nâng đỡ tinh thần cho xã hội đó tồn tại ở Việt-nam trong suốt mấy nghìn năm[1]. Dưới nhiều hình thái khác nhau, truyện cổ tích Việt-nam đã dám phản kháng cả quân quyền và thần quyền. Về bản chất, đó là cuộc đấu tranh xã hội chủ chốt, lâu

---

... Phật, nó có mục đích giáo dục tư tưởng cấm dục khắc khổ, nhưng mặt khác, cũng như *Huyền Quang* (số **147**), *Sự tích đền Còn* (số **161**), nó còn giáo dục lòng kiên trì cho con người; tuy nhiên ở đây nó cũng đồng thời cho thấy mãnh lực cám dỗ của thị dục, lòng dục, một bản tính tự nhiên không dễ dàng vứt bỏ. Khác với ý kiến trên, chúng tôi coi đó là truyện dân gian hơn là Phật thoại.

1. Nếu tính từ trước thời Bắc thuộc, chế độ quân chủ của chúng ta đã tồn tại rất lâu, mặc dù hình thái kinh tế xã hội có thể khác nhau.

dài của cộng đồng người Việt được phản ánh qua cổ tích, được mỹ học dân gian chắt lọc để đúc nên những mẫu hình tiêu biểu cho *cái đẹp* và *sự sống* có tính chất hồn nhiên, dân dã, trên nhiều chặng đường lịch sử. Những mẫu hình này mang đậm cốt tính dân tộc ngay từ thủa dân tộc chưa ra đời. Sức đề kháng đối với những tập tục, thành kiến đè nặng lên con người, khát vọng sáng tạo nên những giá trị mới thay thế các giá trị cũ kỹ, sự phản ứng thường trực đối với những gì tầm thường, ti tiện và ước mơ xây dựng một trật tự công bằng hơn, hợp lý hơn... đó là những gì căn bản nhất đã góp phần làm cho thế giới nhân vật đa dạng của cổ tích dân tộc gắn kết lại một cách nhất quán với nhau.

Và các nhân vật của cổ tích bất kể xuất hiện trong tư cách nào và hoạt động ở môi trường nào, đều như có một động lực thôi thúc bên trong, khiến họ trở nên gần gũi. Không phải chỉ có Hầu Tạo (số **98**), chàng Lía (số **64**) dám khinh rẻ bọn quan lại chấp chính đương thời và lực lượng hùng hậu của chúng, đến Từ Thức (số **130**), ông Dọng (số **123**) cũng tỏ ra bất bình đối với thiết chế xã hội. Nếu cái chết của hai ông tướng đá Rãi (số **62**) như một lời nguyền nghiêm khắc của lịch sử, trước mọi ý thích dựng xây đồ sộ, phung phí sức người sức của, của những kẻ cầm đầu không tỉnh táo, thì cái chết của ông Dầu bà Dầu (số **31**) lại là một lời nguyền rủa khác của công luận, vạch đúng tim đen kẻ cá nhân vị kỷ, làm nhức nhối tâm trí nhà vua bạo tàn. Với tấm lòng khẳng khái, vô tư và tài năng sẵn có, Quan Triều (số **139**), Cố Bu (số **96**), Nam Cường (số **95**) đã giành được những món tiền và thóc bất lương đem phân phát cho người nghèo khó, thì cũng phải với một tinh thần vị tha cao cả, Cố Ghép (số **94**), Đại vương Hai (số **69**), Điền quận công (số **71**) mới dám đứng ra đương lấy những "đại sự" trong tình thế bắt buộc phải quên mình. Một sự phản tỉnh của Thủ Huồn (số **30**) là ước mơ của dân gian đưa con người trở lại với lương tri lương năng (cũng là ước mơ không tưởng xóa bỏ mọi sự áp bức bất công bằng sám hối tự nguyện), thì một sự phản tỉnh của Lý Ông Trọng (số **73**), lại là ước mơ được sống yên ổn trong cộng đồng bộ lạc thân thiết của mình, không bị một kẻ thù bên ngoài mạnh hơn uy hiếp (về sau sẽ được bồi đắp, củng cố thành truyền thống yêu nước).

Đành rằng truyện tự sự dân gian nước nào cũng kết tinh những phẩm chất đẹp đẽ của cộng đồng dân tộc, nhưng cái phẩm chất được cố kết

lại thành một nét đặc trưng của rất nhiều hình tượng nhân vật trong truyện cổ tích của người Việt: nhạy cảm với nỗi nhục bị đè nén, không chịu nổi lối sống hèn mọn và bất khuất trước mọi kẻ thù, cũng là nét đặc trưng cao nhất xuyên suốt mọi tiến trình lịch sử của đất nước chúng ta. Không ai đánh đồng các phẩm chất xã hội học với các phẩm chất mỹ học với nhau, nhưng trên một chuỗi vận động rất dài, *"cái lịch sử" được cải tạo thành "cái thẩm mỹ"* là một hiện tượng có ý nghĩa. Ở một chừng mực nào cũng có thể khẳng định, sự kết tinh đó là một trong những đặc điểm quan trọng của truyện cổ tích Việt-nam. Ý nghĩa của nó, như lời Ăng-ghen (F. Engels) nói về văn học dân gian Đức, là nó "có khả năng làm trong sáng tình cảm đạo đức của nhân dân, đưa đến cho họ sức mạnh [...], thức tỉnh ở họ lòng dũng cảm và tình yêu Tổ quốc"[1].

4. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM CÓ MỘT MẢNG ĐÁNG KỂ NÊU BẬT VAI TRÒ TÍCH CỰC CỦA NGƯỜI NỮ; ĐỀ CẬP ĐẾN ƯỚC MƠ TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN TỰ DO.

Thời kỳ chế độ quân chủ ngự trị cũng chính là thời kỳ địa vị của người nữ trong gia đình và trong xã hội thực tế đã trở nên thấp kém so với người nam. Điều đó được phản ánh khá rõ trong văn học bác học cũng như văn học dân gian của nhiều dân tộc. Nhân vật anh hùng đánh Đông dẹp Bắc lập bao nhiêu kỳ tích thường là nam giới, như I-van (Ivan) con người hùng trong cổ tích Nga, chàng Gấu (hay Tai Gấu) dũng mãnh trong cổ tích người A-va-rơ (Avares) v.v... Truyện cổ tích Việt-nam cũng không ra khỏi thông lệ đó. Người nữ trong số lớn truyện cổ của chúng ta thường đóng vai thụ động, là nơi gửi gắm niềm trắc ẩn, hay là đối tượng ra tay giải cứu của các trang nam tử anh hùng. Là nạn nhân của những con quỷ hiếu sắc đã đành, họ còn phải cáng đáng cả những nghĩa vụ nặng nề mà vai trò người nam lẽ ra phải thay thế, như việc nộp mạng thường kỳ cho mãng xà, chằn tinh, thủy phủ... Điều đó chứng tỏ dấu vết của nghi lễ hiến tế trong các tập tục tín ngưỡng thời cổ đã để lại ảnh hưởng tâm lý sâu nặng, kích thích nghệ thuật sáng tạo cổ tích, mà một trong những nhân tố kích thích mạnh nhất là lòng xót thương đối với người phụ nữ chịu mọi sự thiệt thòi.

1. *Mác, Ăng-ghen toàn tập,* tập II, "Những truyện dân gian Đức".

1. Tuy nhiên, trong truyện cổ tích Việt-nam vẫn có một mảng đáng kể, ở đó ta lại bắt gặp những nhân vật nữ được tác giả hết sức trân trọng, đề cao. Đấy là những nhân vật hoặc có tài năng xuất chúng, hoặc trong ngôn ngữ hành vi có nét đặc sắc, bộc lộ một nhân cách khác thường. Chúng ta sẽ không nói tới ở đây những truyện lịch sử, như Hai bà Trưng, bà Triệu[1] và rất nhiều tướng lĩnh của Hai bà (như bà Thánh Thiên, bà Lê Chân...) mà ngày nay rất tiếc đã bị biến thành những thần tích khô khan, nếu không cưỡng ép thành câu chuyện lịch sử. Nhưng ngoài những truyện đó thì trong đời sống văn học dân gian của dân tộc ở nhiều vùng miền khác nhau, những truyền thuyết hấp dẫn về "*nữ kiệt*" (anh kiệt)[2] - những người nữ tài ba, dũng cảm, lập được một kỳ tích vượt hẳn nam giới được cả vùng hâm mộ, vẫn còn lưu lại khá nhiều. Chẳng hạn các truyện *Ao Phật* (số **155**), *Vợ ba Cai Vàng* (số **103**), v.v...

Các truyện này có thể là cổ tích thế sự hoặc thần kỳ, nhưng phần lớn là cổ tích lịch sử. Trí nhớ của dân gian vẫn còn tô đậm hành vi cụ thể - lịch sử của nhân vật, đặc biệt là những hành vi vũ dũng. Và càng gần với thời cận đại thì sự bảo lưu ký ức lại càng rõ nét: số lượng truyện về các nhân vật nữ đảm lược nhiều hơn hẳn trước kia, tên tuổi cũng gần với sự thật hơn, như các truyện bà Thiếu phó mà có tác giả dân gian đã đặt thành truyện vè[3], vợ Quận Tề, vợ ba Đề Thám, vợ Đốc Quất, vợ lẽ Đội Quyên... Hầu hết nhân vật nữ trong các truyện này đều tham gia trận mạc cùng với chồng, nhằm chống lại chính quyền đương thời. Nhưng khi đi vào truyền thuyết hoặc cổ tích, họ lại không có tên riêng, chỉ giữ lại chức tước hoặc tên của chồng. Có lẽ đây là hiện tượng nói lên được phần nào quy luật vận động từ lịch sử đi tới truyền thuyết. Lịch sử chính là những cuộc nội chiến, cuộc khởi nghĩa chống triều đình,

---

1. Truyện bà Triệu đã từng được Lưu Hân Kỳ, một nhà sưu tập truyện cổ đời Tấn kể lại trong *Giao châu ký* 交州記 (trong bộ *Thuyết phu* 說郛).
2. Chúng tôi tạm gọi tất những chữ "anh kiệt" thành *kiệt*, "kỳ quái" thành *quái*, "tiết liệt" thành *liệt*, "mưu trí" thành *trí*, và ghép với chữ *nữ*, nhưng không ghép theo Hán ngữ như "liệt nữ", "kỳ nữ"... mà ghép theo tiếng Việt.
3. Tức là *Vè bà Thiếu phó*, phân biệt với *Vè bà Phó* tức là truyện *Mã Long Mã Phụng* chịu ảnh hưởng của tuồng.

hoặc chống Pháp... mà người chồng của các nhân vật nữ đóng vai chủ chốt, như những trận kịch chiến chống Nguyễn Ánh của Trần Quang Diệu, phong trào Đề Thám... Nhưng bản lĩnh và tài năng đột xuất của các bà vợ tham gia phong trào đã nổi bật lên giữa ba quân, đập mạnh vào cảm quan dân gian. Dân gian đã chọn riêng họ làm chủ đề của truyện chứ không lấy nguyên câu chuyện của cả phong trào, bởi đây là lịch sử được ánh xạ qua cảm quan thẩm mỹ. Mặt khác cũng có thể thấy, mối quan tâm của sáng tác dân gian về người phụ nữ *khác thường*, trước hết hướng về người phụ nữ có tài thao lược, có vai trò trong chiến trận. Tất nhiên do đây là loại người độc đáo, phi phàm, nên họ đều có kết thúc đột ngột bằng cái chết oanh liệt, hoặc hóa thân vào cõi bất tử. Không một ai sống già với thế tục.

Thật ra, đứng về bản chất mà nói, nhóm truyện "nữ kiệt" cũng là những truyện đề cao sự phản kháng của người nữ đối với trật tự xã hội. Vì thế, trên nhiều phương diện, chúng lại khá gần gũi với hai nhóm truyện mà chúng tôi sẽ dẫn giải kế tiếp dưới đây, mặc dù xét từ tính thuần nhất của chủ đề ca ngợi người nữ thì có thể giữa ba nhóm vẫn có nét khác nhau.

Nhóm truyện đáng nói sau "nữ kiệt" chính là "*nữ quái*" (kỳ quái). "Nữ quái" bao gồm những nhân vật nữ có tính khí ngỗ ngược, không chịu khuôn mình vào thói thường. Nếu "nữ kiệt" hấp dẫn tác giả dân gian ở tài trí, vũ dũng, thì "nữ quái" lại hấp dẫn ở phong cách bướng bỉnh, ngang tàng. Họ luôn luôn có những hành vi bị tập tục coi là "phạm thượng", như chống lại phụ quyền và nam quyền. Họ bị người đời trách móc, đàm tiếu, đồn đại, nhưng chính sự đồn đại cũng phản ánh một nghịch lý: ngay trong tâm lý sợ hãi người ta đã rất thích thú trước một cái gì khác lạ, vượt lên trên tầm hiểu biết của mình. Các nhân vật Liễu Hạnh (số **137**), Tiên Dung (số **28**)... đều thuộc loại người này. Cả hai mặt thích thú và sợ hãi đã cùng lúc tác động đến tâm lý sáng tạo của dân gian, khiến nhiều nhân vật "nữ quái" được thể hiện trong truyện cổ tích với một bản sắc đa dạng: vừa bị xem là thần tiên, yêu ma, lại vừa là nơi ấp ủ niềm tin, gửi gắm khát vọng, ý chí tự do của quần chúng. Ở chỗ này dân gian có khác với nho sĩ. Đối với loại nhân vật đi quá khuôn

phép, nho sĩ dù có đồng tình đến mấy vẫn phải trình bày họ dưới hình thức phản diện, như Nguyễn Dữ trong truyện *Ma cây gạo, Nghiệp oan của Đào thị (Truyền kỳ mạn lục)*, trong khi đó nhãn quan dân gian lại rộng rãi, phóng khoáng hơn, cho phép mình thể hiện họ như những con người có cá tính, đầy sức sống, và có lúc có nơi còn bày tỏ không giấu giếm thái độ đồng tình. Chỉ duy ở kết cục, bao giờ dân gian cũng thần kỳ hóa nhân vật, cho họ đi vào cõi anh linh, không giữ lại gốc rễ thế tục của họ, và như thế là về kết cấu cũng thống nhất với loại truyện "nữ kiệt". Phải chăng thần kỳ hóa trong trường hợp này là một phương thức đáp ứng được sự chuyển hóa trong cảm xúc thẩm mỹ: xa lạ mà chính là gần gũi, phê phán mà chính là ca ngợi[1]?

Còn có một nhóm nhân vật thứ ba, thấp hơn hai loại trên một bậc, nhưng vẫn là một dạng nhân vật nữ đặc biệt, được truyện cổ tích chú ý khai thác, mà ta có thể tạm gọi là nhóm nhân vật nữ "*thức tỉnh*". Họ là những con người bình thường, hết lòng tin vào trật tự, công lý, tín ngưỡng, tập tục, do xã hội an bài. Nhưng một biến cố nào đấy đã làm sụp đổ tất cả. Họ chợt bừng tỉnh trước thực tế quá tàn nhẫn. Và để phản ứng lại, họ đã hành động một cách dữ dội, quyết liệt, qua đó nhân cách và bản lĩnh được soi rõ. Cái đôn hậu hàng ngày bỗng biến thành cái cứng rắn. Nhân vật Thanh Đề trong *Sự tích cái chân sau con chó* (số **19**) đã dùng đến ngón đòn trả đũa cay nghiệt là làm bánh nhân thịt chó để lật tẩy thói hám lợi của những kẻ nấp bóng nhà chùa. Còn người vợ anh thợ sơn tràng lấy nhầm phải tên phản bạn trong truyện *Con cóc liếm nước mưa* (số **141**) thì còn ghê gớm hơn: nàng đã phục rượu cho người chồng mới rồi trói hắn lại, mổ lấy quả tim để cúng vong hồn chồng cũ. Họ đều là những đối tượng thẩm mỹ có tính đa nghĩa: tàn nhẫn mà chính trực, thấp hèn mà vô cùng cao cả[2].

---

1. Chúng tôi không căn cứ vào ngôn ngữ truyện kể lưu truyền hôm nay để nói rằng những truyện đó chỉ có ca ngợi nhân vật mà không có chỗ nào phê phán.
2. Cũng có thể xếp vào nhóm này nhân vật nữ kiện chồng trong truyện *Hai bảy mười ba* (số **201**). Câu chuyện tuy có vẻ khôi hài nhưng ý nghĩa phản kháng rất sâu sắc. Hành động đi kiện chồng của người vợ bề ngoài chỉ vì một bát chè chồng ăn vụng, nhưng thực chất là để phản ứng lại sự áp bức của nam quyền, mà câu chuyện đúc kết thành lời nói vần vè đặt vào kết thúc: "*Cha mẹ nói oan, quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa*".

2. Bên cạnh loại nhân vật nữ phản kháng, truyện cổ tích Việt-nam cũng không quên các loại nhân vật nữ đại biểu cho vẻ đẹp mẫu mực của cả cộng đồng. Nhóm nhân vật mà ta có thể xếp ngang với "nữ kiệt" là những người nữ dám đánh đổi tính mạng của mình để bảo vệ công lý, danh dự, hoặc sự an toàn của xã hội. *Nguyễn Thị Bích Châu* (số **177**), *Hai nàng công chúa nhà Trần* (số **102**) là những trường hợp chủ động hy sinh trong tình thế an nguy của quân vương, xã tắc. Mấy mẹ con Đế Bính trong *Sự tích đền Còn* (số **161**), lại là sự liều mình tự nguyện để bảo toàn danh tiết, chữ trinh, và công bằng với người đã cứu mình thoát cơn hiểm nghèo. Những con người này về hành động cũng dữ dội không kém gì những nhóm người thuộc loại đầu, nhưng hành vi của họ không phải để chống đối ai mà để giữ gìn cái đẹp, nó biểu hiện một sự trong suốt, hồn thuần trong đức hạnh của họ. Họ là con người xả thân chứ không đòi hỏi người khác. Họ thuộc nhóm nhân vật "*nữ liệt*" (tiết liệt).

Đứng dưới "nữ liệt" là nhóm nhân vật "*nữ trí*" (mưu trí). Họ bị đặt vào những tình cảnh nguy ngập, tuyệt vọng, có khi tan nát gia đình, có khi bị phụ bạc, bị lừa đảo, có khi chồng con gặp nạn hiểm, có khi chính mình bị đe dọa tính mạng, nhưng không ai chịu buông xuôi theo số phận. Bằng đức tính bền bỉ hiếm có và sự khôn ngoan rất mực, họ đã xoay đổi lại tình thế, giành được phần thắng cuối cùng về mình. Ví dụ người vợ chàng thương nhân trong *Con mụ Lường* (số **84**), vợ chàng Dê trong *Lấy chồng dê* (số **128**), vợ anh lái buôn Tình trong *Người đàn bà bị vu oan* (số **109**), vợ cũ của chàng Vạn Lịch trong *Đồng tiền Vạn Lịch* (số **41**), vợ chàng ngốc trong *Bợm già mắc bẫy hay là mưu trí đàn bà* (số **89**)... Những con người này tuy phải trải qua lắm phen tranh chấp, lăn lộn với cái ác, cái xấu, phải tính toán trăm mưu ngàn kế, nhưng vẫn không mất đi bản tính thủy chung, trong sáng của người phụ nữ phương Đông. Nếu căn cứ vào các câu chuyện cụ thể, có thể nhận xét thêm: nhóm nhận vật "nữ trí" đều có liên quan ít hay nhiều đến tầng lớp thương nhân, buôn bán. Như chúng tôi đã có dịp nhận xét ở một chương trên, trong đời sống xã hội Việt cổ, nhãn quan nông dân cũng vẫn có mặt bắt nguồn từ nhãn quan chính thống, nên luôn luôn coi "thương" là thành tố "nghịch dị" đối với cộng đồng. Thành tố này theo họ dễ gây ra sự tha hóa, lộn xộn về đạo đức. Cuộc đấu tranh của các nhân vật

"nữ trí" chính là để chống lại sự tha hóa đó, trả lại cho xã hội hệ giá trị cũ, bền vững của nó.

Truyện cổ tích Việt-nam còn đề cập đến một loại nhân vật nữ chính diện nữa mà phẩm hạnh tiêu biểu là sự kiên trì chịu đựng. Đó là nhóm nhân vật nữ "*nhẫn nại*". Số phận của họ là lấy phải những anh chồng ngu ngốc, bạc nhược, những kẻ "phá gia chi tử" nhiều lúc phũ phàng với vợ... nhưng họ vẫn không đành tâm dứt bỏ, trái lại, cắn răng chịu đựng, thủy chung với người mình đã gá nghĩa trăm năm. Chẳng hạn các nhân vật trong *Gái ngoan dạy chồng* (số **90**), *Người lấy ếch* (số **129**)... Nói như thế không có nghĩa là dân gian muốn lý tưởng hóa một mẫu người chỉ xứng đáng là nô lệ của chế độ gia trưởng chứ bản thân không có ý nghĩa gì tích cực. Dân gian đã không hạ thấp tiêu chuẩn cái đẹp đến mức ấy. Trong khi đề cao sự kiên trì chịu đựng, dân gian đồng thời cũng gửi gắm vào họ triết lý sống "thừa trừ" và "tương đối": sự xứng đôi vừa lứa về sắc về tài trong xã hội, xưa nay vẫn là chuyện vô cùng. Chỉ có thể bằng lòng với cái mình có chứ không bao giờ có cái vẹn toàn (*Con vợ khôn lấy thằng chồng dại, như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu*, số **47**). Hơn nữa, quan niệm của dân gian về sự kiên trì chịu đựng cũng không hề đồng nghĩa với thụ động, cứng nhắc. Những người phụ nữ trong truyện giữ thủy chung với chồng nhưng bằng trí thông minh, lòng nhẫn nại, và thiên bẩm của người phụ nữ, đã tìm được cách dạy khôn cho chồng, làm cho chồng sáng mắt, đổi tính, trở lại đằm thắm với vợ (*Gái ngoan dạy chồng*, số **90**), hoặc trở nên sáng láng, gây dựng được cơ nghiệp và hạnh phúc gia đình (*Đồng tiền Vạn Lịch*, số **41**). Để cực tả vẻ đẹp của nhóm nhân vật nữ "nhẫn nại" ở đây, thủ pháp thường thấy của truyện cổ tích là xây dựng *hình ảnh sóng đôi* của từng cặp nhân vật: bên cạnh hình ảnh người phụ nữ mẫn tiệp, sắc sảo, nhạy cảm, bao giờ cũng có hình ảnh người chồng bị cách điệu hóa theo hướng trào phúng hay hoạt kê thành một mẫu người đối xứng: ngốc nghếch, ngớ ngẩn, phũ phàng, nóng nảy...

Bây giờ chúng ta có thể tổng kết cả hai hệ thống nhân vật nữ được truyện cổ tích Việt-nam biểu dương: một bên là hệ thống nhân vật đối kháng với xã hội (hệ thống I), xếp theo thứ tự từ cao đến thấp: *anh kiệt, kỳ quái, thức tỉnh*; một bên là hệ thống nhân vật nữ bảo vệ trật tự xã hội (hệ thống II), cũng xếp theo thứ tự từ cao đến thấp: *tiết liệt, mưu*

trí, nhẫn nại. Các phẩm chất quy định đặc trưng của mỗi nhóm trong từng hệ thống thật ra không hoàn toàn tách biệt với nhau mà có lúc lẫn lộn, và cũng dễ dàng chuyển hóa, chẳng hạn về mặt thông minh mà nói nhóm nữ "nhẫn nại" nào có kém gì nhóm nữ "mưu trí"; về đức hy sinh mà nói, hai nhóm nữ "mưu trí" và "nhẫn nại" không thể nói là thua nhóm nữ "tiết liệt"... Nếu xét tương quan giữa hai hệ thống thì sự khác nhau cơ bản là một bên, hình tượng thẩm mỹ *mang ý nghĩa công phá*, và một bên, hình tượng thẩm mỹ *mang ý nghĩa bảo toàn*. Tuy nhiên, xét cho cùng, giữa hai hệ thống vẫn có một cơ sở lý tưởng chung: gọi là "công phá" nhưng mục tiêu công phá chủ yếu vẫn là cái ác, cái xấu trong xã hội, cốt để giành lại chỗ đứng cho cái thiện lương, và gọi là "bảo toàn", nhưng mục tiêu bảo toàn chủ yếu vẫn là cái tốt, cái đẹp, muốn vậy thì đâu có thể dung tha cho cái bất thiện. Đây chính là điều kiện để chúng ta hiểu sâu hơn quan niệm của dân gian về các phạm trù "thiện" và "mỹ" trong truyện cổ tích. Nhìn chung, truyện cổ tích cũng chỉ ca ngợi người phụ nữ mẫu mực theo những tiêu chí của xã hội chính thống: sự chung thủy, chữ trinh... mà thôi. Nhưng nhờ gắn bó với đời sống thực tiễn, dân gian đã không hiểu những mẫu mực này một cách bất biến, mà rất "động". Giữ chữ trinh nhưng vì lý do nào đấy vẫn có thể hiến dâng cho người mình yêu trước ngày cưới mà chữ trinh vẫn không sứt mẻ (*Nàng Xuân Hương*, số **169**); giữ lòng thủy chung, nhưng ở cảnh ngộ nào đấy vẫn có thể đi bước nữa mà vẫn rất chung thủy với chồng (*Trinh phụ hai chồng*, số **56**). Cũng vậy, không chịu từ chối người mình yêu theo lệnh của cha, nhưng trong ý tưởng vẫn không chống lại cha (*Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên*, số **28**); giết chồng để tế chồng mà vẫn giữ trọn đạo nghĩa làm vợ (*Con cóc liếm nước mưa*, số **141**)... Rõ ràng giữa hai hệ thống vẫn có một mạch ngầm qua lại, phản ánh sự thống nhất chỗ đứng trong tiêu chí thẩm mỹ. Chỉ có điều, đối với hệ thống I (những nhân vật nữ chống đối) hành động của nhân vật thường có nguy cơ làm xã hội mất an toàn, thần tượng đổ vỡ, cho nên dân gian bao giờ cũng kết liễu số phận nhân vật bằng cách bắt nhân vật chịu sự trừng trị do hậu quả của mình (luật pháp, thần, Phật...). Đó là hạn chế, và cũng là hiện thực.

Bảng sơ đồ sau đây nhằm nói lên tính riêng biệt cũng như sự giao

thoa giữa hai hệ thống: mối quan hệ dọc tạo nên *sự chuyển hóa* và mối quan hệ ngang tạo nên *các phạm trù đối lập - thống nhất* giữa từng nhóm nhân vật.

CẤP ĐỘ	HỆ THỐNG I	HỆ THỐNG II
I	NỮ KIỆT — *Tài thao lược (Sức mạnh vật chất)*	*Đức hy sinh (Sức mạnh tinh thần)* — NỮ LIỆT
II	NỮ QUÁI — *Bướng bỉnh Phóng khoáng*	*Mưu trí Thông minh* — NỮ TRÍ
III	NỮ "THỨC TỈNH" — *Cứng cỏi Phản ứng*	*Chịu đựng Thuyết phục* — NỮ "NHẪN NẠI"

CÔNG PHÁ ↓ (Hệ thống I) — BẢO TOÀN ↑ (Hệ thống II)

NỀN TẢNG XÃ HỘI

3. Đề cao nhân vật nữ, truyện cổ tích Việt-nam cũng không bỏ quên một mảng đề tài gắn bó mật thiết với tính cách nhân vật nữ: mảng đề tài về tình yêu và hôn nhân. Một hiện tượng gần như phổ biến là nhân vật đóng vai trung tâm của những chuyện luyến ái không phải là nông dân thuần túy, cũng không thuần túy là vương hầu. Thông thường nam là một anh học trò chưa vợ, dù con nhà nghèo đói cũng có dùi mài kinh sử hoặc chuẩn bị đi thi, nghĩa là học vấn khá và có triển vọng bước đến một tương lai rạng rỡ. Về nữ thì thường là con gái phú ông, hoặc trưởng giả, cũng có khi là con gái nhà quan. Sẽ là điều lý thú, nếu ta so sánh với truyện cổ tích phương Tây: đóng vai trung tâm trong các truyện tình yêu của cổ tích phương Tây cũng không phải là nông dân, mà có khi là hoàng tử và công chúa, có khi là kỵ sĩ và công nương[1]. Phải chăng có sự gặp gỡ nào đó giữa Tây và Đông? Có lẽ khi nói đến tình yêu lý tưởng thì người ta thường tìm những mẫu người hào hoa phong nhã (nam), những người đẹp (nữ), những nhân vật mà ta quen gọi là "trai tài gái

1. Phương Tây thường có loại truyện cổ ca ngợi tình yêu cung đình, thủ vai chính là hoàng tử, công chúa hoặc kỵ sĩ, công nương, như những truyện *Ác-tua (Arthur), Tơ-rít-xtăng và I-dơn (Tristan et Iseult)* xuất hiện vào khoảng thế kỷ XII-XIII.

sắc". Hoàng tử hay kỵ sĩ, công chúa hay công nương chính là những mẫu người lý tưởng tiêu biểu cho hạng trai tài gái sắc ở xã hội phương Tây trung cổ. Xã hội Việt-nam dưới các triều đại quân chủ, hoàng tử và công chúa cũng có thể là mẫu người tiêu biểu cho cái hào hoa phong nhã và cái đẹp. Vì vậy, trong truyện cổ tích mới có những cô gái đẹp ước ao lấy chồng hoàng tử, ví dụ *Cô gái lấy chồng hoàng tử* (số **144**), *Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử* (số **166**). Và cũng có những chàng trai xuất thân nghèo khổ có vinh hạnh được lấy công chúa như Chử Đồng Tử (số **28**); những ông nghè, ông trạng, quan tân khoa tốt số được vua đính ước gả con, như Tống Trân (trong *Tống Trân - Cúc Hoa*). Cũng phải là biểu tượng của người đẹp, thì công chúa mới được dùng để treo giải cho những anh hùng nào tiêu diệt được đại bàng, mãng xà... (như trong *Thạch Sanh*, số **68**; *Tiêu diệt mãng xà*, số **148**, v.v...).

Tuy nhiên, đối với các xã hội phương Đông cổ truyền, trong đó có Việt-nam, giữa nước này và nước khác ít xảy ra những cuộc tình duyên cung đình, nếu không phải là những cuộc hôn nhân bắt nguồn từ ngoại giao thuần túy (Mỵ Châu và Trọng Thủy (số **174**), công chúa Huyền Trân và vua Cham-pa (số **34**), công chúa Văn Thành với vua Tây-tạng...). Cho nên, dù có muốn chăng nữa, dân gian cũng khó có điều kiện dựng lên những cuộc tình duyên thơ mộng giữa hoàng tử và công chúa, giữa nước này và nước kia[1]. Rốt cuộc, đối tượng của những cuộc tình duyên thơ mộng dễ chấp nhận hơn cả, hơn nữa, cũng dễ tìm thấy trong hiện thực, thường là cô gái phú ông hoặc cô gái nhà quan với anh học trò (*Duyên nợ tái sinh*, số **173**), hay với nhà nghệ sĩ (*Cái vết đỏ trên má công nương*, số **188**). Ít thấy những đề tài cổ tích khai thác tình duyên của người võ sĩ. Có lẽ trong con mắt quần chúng đông đảo, mẫu người hào hoa phong nhã khó tìm được ở người võ sĩ sống theo quân lệnh, hơn

1. Truyện *Hoàng Trừu* thực ra là một cốt truyện nước ngoài. Còn ở trong nước thì ngay đến những cuộc tình duyên giữa công chúa và các ông trạng tân khoa, các quan trong triều, truyện cổ tích Việt-nam cũng không nói tới, trừ truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*, vì một lẽ giản dị là cuộc sống cung đình quá cách biệt với dân gian, nên mọi "thông tin" giàu chất "truyện" ít lọt đến tai các tác giả cổ tích.

là ở nho sĩ hay nghệ sĩ sống bằng sách vở, thơ phú, hay nhịp phách, tiếng đàn. Còn như cái đẹp của người nữ thì cũng phải tìm đến những con nhà phú quý hay con nhà quan (mới có điều kiện "má phấn môi son", trau dồi nhan sắc), chứ không dễ tìm ở con nhà dân thường.

Nói đến tình yêu trong cổ tích là nói đến vai trò chủ động và mạnh dạn của nhân vật nữ. Về mặt này, quan điểm của dân gian rất công bằng và độ lượng. Những truyện *Người cưới ma* (số **184**), *Cái vết đỏ trên má công nương* (số **188**), *Duyên nợ tái sinh* (số **173**)... đều mang rất rõ ý nghĩa tích cực chống lại những tập tục hôn nhân không vì hạnh phúc lứa đôi mà chỉ nhằm vào "môn đăng hộ đối", hay nhằm vào tài sản. Các nhân vật nữ trong truyện đều đã không chịu sống gò bó theo thói thường. Phản ứng việc "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy", họ đã có những hành vi cực đoan, lựa chọn lấy một kết thúc quyết tuyệt: chết theo người mình yêu, thậm chí tự mình quyên sinh. Nhưng quyên sinh không có nghĩa là toàn bộ hy vọng của họ đã dập tắt. Theo quan điểm luân hồi, phản ứng tự tận của họ chỉ nhằm bảo vệ và tiếp tục cuộc tình dưới một hình thức khác. Dân gian sẽ cho họ được toại nguyện bằng thủ pháp tái sinh (mô-típ người đẹp hậu thân sinh ra, trong bàn tay có ghi lời nguyền của người đã chết), hoặc cho họ giành được hạnh phúc ở một thế giới ngoài thế giới cõi trần.

Ở nhiều truyện nôm khuyết danh, nhân vật nữ được miêu tả như những con người phóng khoáng, quả quyết, không chịu để cho bố mẹ định đoạt hôn nhân của mình; nhưng đáng tiếc, sau này, khi vấp phải hoàn cảnh gay cấn, khắc nghiệt, có lúc họ lại trở thành nhẫn nhục, cam chịu. Chẳng hạn những nhân vật nữ trong *Hoàng Trừu, Tống Trân - Cúc Hoa*... Họ không thể ví được với những nhân vật nữ của truyện cổ tích như *Đồng tiền Vạn Lịch* (số **41**), *Người đốt than* (**Khảo dị** truyện trên) có ý thức vượt ra khỏi hoàn cảnh, và vượt bằng được nhờ một quyết tâm cao. Đặc biệt, nhân vật nữ họ Trương trong **Khảo dị** truyện *Người cưới ma* (số **184**) mặc dù có lồng vào những nét huyền ảo, từ đầu chí cuối là một nhân vật đầy cá tính, biết chủ động, mưu trí, có thủ đoạn, dám giành cái sống từ cái chết, lấy được chồng như ý muốn và còn giúp chồng thành đạt trong cuộc đời làm quan.

Sắc thái tâm lý của nhân vật nữ được thể hiện trong các truyện cổ tích về tình yêu cũng đáng được nhắc đến. Ở một số truyện, trong yêu đương, người nữ vẫn tỏ ra e dè, kín đáo, nhưng khi cần cũng trút bỏ lốt e lệ để được sống chết với bạn tình (*Chiếc giày thơm*, số **179**). Ở một số truyện khác, tính cách bạo dạn còn được nhấn mạnh rõ ràng hơn, được nâng lên mức tưởng như bất cần, liều lĩnh (*Con gái thần nước mê chàng đánh cá*, số **175**). Trái lại, ở một số truyện nữa thì họ lại được miêu tả như những con người bề ngoài trầm lặng, ít bộc lộ, vốn là bản tính muôn thuở của nữ giới, nhưng kỳ thực bên trong lại là người hết sức sôi nổi và kiên định trước tình yêu. Ở truyện *Duyên nợ tái sinh* (số **173**), tác giả hình như muốn ghi lại một cách trung thành vẻ đẹp bí ẩn của nội tâm nhân vật nữ, một người giữ im lặng từ đầu đến cuối, không hé lộ cho người yêu biết tí gì; cho đến lúc bật ra như một tiếng sét là cái hành động nàng tự kết liễu cuộc đời bằng liều thuốc độc bên cạnh người mình yêu. Hẳn đó cũng là tính cách điển hình của một loại phụ nữ xưa, phải chịu dồn nén tình cảm quá lâu, trong một xã hội bị nhiều tầng lễ giáo vây bọc.

Chất trữ tình dân gian qua nghệ thuật cổ tích còn có những khía cạnh tế nhị và độc đáo trong tâm lý cá nhân và có khi cả tâm lý đẳng cấp. Truyện *Trương Chi* (**Khảo dị**, số **43**) là một ví dụ. Mỵ Nương - con gái quan thừa tướng - trước nghe tiếng hát du dương của Trương Chi - con nhà thuyền chài - thì tương tư thành bệnh, nhưng sau khi được nhìn tận mặt chàng bèn hết hẳn sầu não. Oái oăm thay, đến lượt Trương Chi được gặp mặt Mỵ Nương lại đâm ra "phải lòng". Trước mối tình đơn phương và tuyệt vọng, chàng đành tự kết liễu đời mình. Tác giả kết thúc bản tình ca tự sự bằng một mô-típ đã trở thành tượng trưng mỗi khi muốn tô đậm sự u uất tuyệt vọng (trái tim kết thành một khối đỏ như son, trong như thủy tinh). Nhưng ở đây, tính chất "khép" của mô-típ đã bất ngờ bị phá vỡ, bởi có thêm một tình tiết cuối: những giọt nước mắt của Mỵ Nương nhỏ xuống làm tan vỡ cái khối đỏ được tiện thành chén trà. Đấy phải chăng vẫn là bước tiếp nối của nghệ thuật tượng trưng phương Đông, như một hình ảnh có hậu, ám chỉ sự ưu uất của mối tình

vô vọng đã được "hóa giải"? Hay là một dự cảm còn đi xa hơn: mọi khát vọng yêu đương muốn vượt qua bức thành đẳng cấp chung quy đều khó thành?

4. Cuối cùng cũng nên nhắc qua những mặt tiêu cực của nhân vật nữ trong cổ tích. Nếu có những truyện đề cập đến lòng chung thủy và đức hạnh, thì cũng có số ít truyện nói đến hành động bất nghĩa (*Sự tích con muỗi*, số **11**; *Sự tích con dã tràng*, số **15**), sự phản bội đối với chồng và âm mưu giết chồng (*Thầy cúu trò*, số **142**), thói buôn gian bán dối (*Con mụ Lường*, số **84**)... Như mọi cái xấu, cái ác ở bất kỳ loại nhân vật nào khác, đối với cái xấu, cái ác trong các truyện trên, thái độ của dân gian đều dứt khoát lên án. Cũng là điều dễ hiểu. Nhưng đọc kỹ lại các truyện đã dẫn, ta cảm thấy trừ truyện *Sự tích con muỗi* ra, các truyện còn lại đều không nhằm mục tiêu chĩa vào nhân vật phản diện, mà chỉ muốn mượn nhân vật phản diện để chứng minh cho một loại chân lý khác, có khi rất xa cách với hiện tượng đã nêu. Vậy có thể gọi đó là loại nhân vật ngẫu nhiên. Dụng ý phê phán người nữ ở đây không nằm trong chủ đề của tác phẩm.

Lại cũng có một vài truyện lấy cảm hứng từ sự đầu hàng số phận, cam lòng đón nhận cảnh ngộ một cách âm thầm. Nói cho đúng nhân vật nữ trong truyện đã can đảm hứng chịu mọi sự rủi ro đưa tới cho mình một cách thanh thản, với tấm lòng rất mực vị tha (*Quan Âm Thị Kính*, số **176**). Truyện không những không phê phán mà lại gợi lên ở người nghe niềm kính trọng đối với nghị lực phi thường của nhân vật. Tính cách dân gian vẫn đậm nét nhưng không khỏi có nhuốm chút màu sắc tôn giáo, thoát tục.

*

* *

Tóm lại, qua kho tàng truyện cổ tích phong phú của Việt-nam, chúng ta đã có thể nhận ra được đây đó một số nét mang tính đặc thù. Tìm hiểu đầy đủ các biểu hiện đặc thù này là việc cần thiết, cũng là việc có thể làm, nhưng muốn khái quát thành các đặc trưng tiêu biểu chỉ riêng

truyện cổ tích Việt-nam mới có thì không phải dễ. Bởi lẽ truyện cổ tích là một thể loại phổ cập có ý nghĩa nhân loại, ra đời trước khi nhân loại hình thành các cộng đồng dân tộc rất lâu. Đem những đặc điểm có tính chất "hậu sinh" đó quy định một hiện tượng tồn tại trước, e có khi sẽ dẫn đến những ngộ nhận sai lầm. Trong quan hệ giao lưu rộng lớn của kho tàng cổ tích thế giới xưa nay, khó có thể nói có một sự đặc thù nào mà lại không hiện diện ở nhiều dân tộc khác, trong nhiều môi trường sinh hoạt tương tự. Bốn đặc điểm rút ra được ở trên, vì thế, luôn luôn có ý nghĩa tương đối, và cần được nhìn nhận một cách tương đối. Có thể tóm lược lại như sau:

1. Yếu tố tưởng tượng của người Việt-nam trong sáng tác cổ tích gần như ít xa lạ với nhân tính. Truyện thần kỳ của chúng ta nói chung khá lý thú, là kết quả của sự phối hợp khéo léo giữa hai nhân tố *thực* và *ảo*, nhưng số lượng lại không nhiều.

2. Truyện cổ tích Việt-nam thường bắt rễ từ môi trường sinh hoạt của một xã hội quân chủ kiểu phương Đông, lấy làng xã làm nền tảng. Nó thường toát lên vẻ đẹp cân bằng, cái hiền hòa, cái nhân đạo.

3. Nhân vật tích cực trong cổ tích Việt-nam thường tỏ ra không bằng lòng với hiện thực; luôn luôn hướng tới một thế giới mới, với những hệ giá trị mới, công bằng hơn, hợp lý hơn.

4. Nhiều truyện đề cập đến vai trò năng động của người nữ, và thường phản ánh khát vọng tình yêu và hôn nhân tự do.

Bốn đặc điểm trên vừa bao quát cả nội dung tư tưởng lẫn phương thức tư duy nghệ thuật, cấu trúc và hình tượng của truyện cổ tích Việt-nam. Tựu trung, truyện cổ tích Việt-nam phản ánh bằng hình thức thẩm mỹ dân gian - dân tộc *ước mơ hạnh phúc nhiều đời* của quần chúng nhân dân. Đó là *cuộc đấu tranh thầm lặng, lâu dài giữa lý tính ngày càng trỗi dậy, chống với mọi thành kiến giáo điều, "hóa giải" mọi sự cực quyền vô lý và bảo thủ*. Đó cũng là tất cả ý nghĩa, giá trị của truyện cổ tích Việt-nam.

V

THỬ TÌM NGUỒN GỐC TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT - NAM

1. CÁC TRƯỜNG PHÁI CỔ TÍCH HỌC XƯA NAY VỚI VẤN ĐỀ CÁI "CHUNG" VÀ CÁI "RIÊNG" TRONG LOẠI HÌNH CỔ TÍCH

Như chúng ta biết, lịch sử bộ môn văn học dân gian thế giới phát triển mạnh mẽ chừng khoảng một thế kỷ gần đây đã gợi lên nhiều vấn đề lý thú, làm nổ ra nhiều cuộc tranh luận đến nay hầu như chưa vơi ý nghĩa, đóng lại nhiều hướng tìm tòi đã quá lỗi thời, cũng như mở ra nhiều con đường thuận lợi giúp các nhà cổ tích học nhiều nước xích lại gần nhau về phương pháp, do đó đưa lại nhiều triển vọng trong nhận thức, khám phá ra nhiều điều mới mẻ của thế giới cổ tích nước mình mà trở về trước tưởng chừng như luôn luôn vẫn là điều bí ẩn.

Không kể một thời kỳ khoảng một thế kỷ rưỡi trước đây, từ trường phái thần thoại ngữ văn Ấn - Âu ra đời vào những năm nửa đầu thế kỷ XIX mà chủ xướng là hai anh em nhà cổ tích học nổi tiếng người Đức Grim[1], qua trường phái Ấn-độ[2] rồi trường phái nhân

---

1. Tức là anh em Grim, chủ yếu là người em (Whilhelm Karl Grimm) (1786-1859). Bộ sách *Truyện cổ tích dân gian,* 2 quyển, viết năm 1812-1815, do người này chấp bút. Sau khi thành công, trong tập 3, ông còn nghiên cứu nguồn gốc cổ tích Đức, cho rằng có một tổ tiên chung Ấn - Âu. Ông trở thành nhà sáng lập khoa phôn-clo (folklore).

2. Do Ben-phây (Théodor Benfey, 1809-1881), nhà ngữ văn học và nghiên cứu tiếng Phạn người Đức, sáng lập. Ông là dịch giả Pan-cha-tan-tơ-ra (*Panchatantra)* ra tiếng Đức 1859. Trong lời tựa, ông cho rằng truyện cổ tích là từ truyện cổ Ấn-độ mà lan truyền ra khắp các dân tộc Đông và Tây. Cô-xcanh (Emmanuel...

chủng học[1], cho đến trường phái địa lý học lịch sử xuất hiện ở Phần-lan (Finlande) vào đầu thế kỷ này[2], thì vấn đề nghiên cứu các loại hình tự sự dân gian trong đó có cổ tích, quả thực đã phá vỡ được hàng rào quốc gia chật hẹp để trở thành một vấn đề có ý nghĩa và phạm vi quốc tế. Mặc dầu không thể không cảnh giác trước bao nhiêu ý kiến lệch lạc của các trường phái này, trong đó có những thiên kiến hẹp hòi, thậm chí có lúc có người đã sa đà vào chủ nghĩa chủng tộc, người ta vẫn không kém ngạc nhiên trước vô số thành tựu cụ thể mà các trường phái nói trên đã tổng hợp được. Nó cho phép gạn lọc để đi dần tới một phương pháp thực sự đúng đắn, qua đó có thể nhìn nhận truyện tự sự dân gian của mọi dân tộc như là một di sản tinh thần thống nhất, với những đặc trưng thống nhất về tư tưởng cũng như loại hình.

Việc vạch ra một nguồn gốc chung của truyện cổ dân gian một số nước Đông Tây, chẳng hạn nguồn gốc A-ri-an (Aryens)[3] trong trường phái thần thoại học, hay nguồn gốc Ấn-độ trong trường phái Ấn-độ học,

---

... Cosquin, 1841-1921) như chúng ta đều biết, là đại diện nổi tiếng của trường phái này, phát biểu trong *Nghiên cứu phôn-clo (folklore)* và *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây* (1922).

1. Do Lăng (Andrew Lang, 1844-1912), nhà dân tộc học và nghiên cứu phôn-clo (folklore) Anh, một trong những đại diện xuất sắc của trường phái nhân chủng học. Ông viết nhiều sách, sáng lập ra khoa thần thoại học. Theo ông, "để hiểu thần thoại, phải hiểu xã hội, luật lệ, tập quán của những người đang sống trong trạng thái man rợ và nguyên thủy", những nguyên lý này may ra có thể thấy gì bên ngoài lịch sử vì không phải "bất kỳ một thần thoại nào cũng có tâm lý và trạng thái tinh thần nguyên thủy thông qua nguồn gốc" như ông giả định.

2. Trường phái này mở đầu có Crôn (Julius Krohn, 1835-1888), nhà văn và ngữ ngôn học Phần-lan (Finlande), người sáng lập phương pháp nghiên cứu lịch sử - địa lý), có Crôn con (Kaarle Krohn, 1863-1933) tiếp tục, cho đến A-ác-nơ (Anti Aarne, 1867-1925), đại diện xuất sắc và là người phát triển phương pháp này. Ông có tác phẩm nổi tiếng *Thư mục về các cốt truyện.*

3. A-ri-ăng (Aryens): tổ tiên của các chủng tộc Ấn - Âu, như Ba-tư, Ấn-độ (Hindous), Xen-tơ (Celtes), Hy-lạp (Grecs), La-tinh (Latins), Đức (Germains), Xla-vơ (Slaves), Ác-mê-niêng (Arméniens) v.v... Theo Muyn-le (Max Müller, 1823-1900), nhà ngôn ngữ học, Đông phương học và thần thoại học, cũng là người hoàn thành việc dịch kinh *Rig Véda*. Ông cho nguồn gốc các thần thoại ở Ấn - Âu đều ảnh hưởng từ kinh này.

tuy rằng chứa đựng không ít sai lầm về mặt quan điểm, và nếu cứ nhắm mắt tin theo thì vô tình sẽ ảnh hưởng đến việc nhận thức đúng đắn tiến trình vận động của loại hình tự sự dân gian trong quá khứ; nhưng ít ra về một mặt nào đó, những nhận định cực đoan kiểu này cũng bao hàm trong nó một hạt nhân hợp lý: mối quan hệ mật thiết và sự giao lưu thường xuyên trong đời sống văn hóa, tinh thần của các dân tộc thời cổ đại và trung cổ là một hiện tượng có thực, đã diễn ra theo những con đường trao đổi hàng hóa và truyền bá tôn giáo phổ biến từ Âu sang Á, từ Á sang Âu. Và trong những mối quan hệ qua lại không bao giờ thụ động và một chiều đó, thì ảnh hưởng tích cực của những "bếp lửa" văn hóa nhân loại thời cổ, như Ấn-độ, Ai-cập (Égypte), Hy-lạp (Grèce), Trung-hoa... đối với các nền văn hóa khác là điều ít ai có thể nghi ngờ.

Cũng như vậy, việc phân loại tỷ mỷ truyện cổ tích thành hàng trăm hay hàng nghìn mô-típ phổ biến, và việc phân tích sự kết hợp các mô-típ ấy thành vô số típ hay mẫu đề trong kho tàng cổ tích thế giới của trường phái Phần-lan (Finlande), tuy tựu trung vẫn chưa thoát khỏi hình thức chủ nghĩa, và ít nhiều có làm cho tính chất hữu cơ trong kết cấu truyện cổ dân gian bị cắt rời thành từng mảnh, nhưng dù sao, đây vẫn là những phát hiện bước đầu hết sức quan trọng mà nhờ đó khoa phân tích truyện cổ tích mới thoát khỏi sự suy đoán tùy tiện để đi vào một thời kỳ mới với hy vọng tìm ra được cái kết cấu đích thực bên trong, cái quy luật vận động chung nhất và cái lô-gích của tư duy nghệ thuật dân gian.

Dĩ nhiên, bước tiến nào cũng kèm theo một bước lùi tương đối. Khi người ta phát hiện ra cái "chung" của truyện cổ tích, thì một câu hỏi tự nhiên cũng nảy sinh làm các nhà cổ tích học băn khoăn lúng túng: vậy thì truyện cổ tích có còn hay không cái phần "riêng", tức là cái bản sắc dân tộc của mỗi địa phương đã sáng tạo ra nó, hoặc tiếp nhận và lưu hành nó như di sản của chính mình? Phải chăng đúng như ý kiến của Cô-xcanh (E.Cosquin), đại diện trường phái Ấn-độ học, rằng đi tìm cái "nhãn hiệu" Ấn-độ trong kho tàng truyện cổ dân gian các dân tộc mới là việc thực sự có ý nghĩa, còn như ngược lại, đi tìm yếu tố độc đáo dân tộc ở những kho tàng phong phú đa dạng đó chỉ là điều dối trá mà

thôi? Hoặc là "không bao giờ có thể căn cứ vào các truyện du nhập từ nước ngoài để tìm cá tính của các dân tộc đã thu hút các truyện đó"[1] "vì trong các dị bản tuyệt nhiên không có yếu tố tưởng tượng độc đáo của người kể truyện"[2], vân vân và vân vân...

Quả là trong công tác nghiên cứu truyện cổ dân gian, việc phát hiện ra cái "chung" của loại hình này vẫn chưa phải là đã tới đích cuối cùng của nhà nghiên cứu. Rốt cuộc đấy cũng chỉ mới là một cái mốc và dầu là một cái mốc rất đáng kể đi nữa, nếu như nhà nghiên cứu thỏa mãn và dừng lại ở đấy, rồi tuyệt đối hóa nó, coi nó là yếu tố chi phối tất cả, chắc hẳn kết luận của họ sẽ phạm phải không ít sai lầm.

Đành rằng trong những thời kỳ lịch sử xa xăm, trên con đường phấn đấu gian nan của các dân tộc nhằm chống lại những lực lượng trở ngại trong tự nhiên cũng như trong xã hội để tồn tại và phát triển, dân tộc nào mà chẳng trải qua những bước tiến hóa lịch sử gần như nhau, với những tình cảm, tư tưởng, quan niệm nhân sinh, đạo lý ứng xử... có tính nhân loại; nhưng nếu xét về hình thức biểu hiện của những nhân tố rất gần nhau ấy, thì rõ ràng chúng lại hiện ra dưới những đường nét sắc màu hết sức phong phú và đa dạng. Và đứng ở góc độ đó mà xét, có dân tộc nào lại giống hệt với dân tộc nào?

Hơn thế nữa, làm gì lại có một dân tộc "thượng đẳng" nào đấy, được thượng đế ban cho một chức năng cao quý là chuyên sáng tác ra vô vàn truyện kể kỳ thú để ban phát cho cả loài người cùng thưởng thức, trong khi đó thì các dân tộc khác, trí tuệ, tài năng cũng chẳng phải là kém cỏi, mà lại cứ phải đóng vai người "thính giả", hay người "kể chuyện" trung thành? Nói cách khác, tưởng tượng và mơ ước, suy nghĩ và sáng tạo vốn là những khả năng hầu như vô tận của trí óc con người nhằm dựng nên một thế giới bằng ngôn ngữ và bằng âm thanh để tô điểm cho cái thế giới mà mình đang sống, để bổ sung những chỗ khiếm khuyết của con người bằng ước mơ, phải đâu là độc quyền riêng của một vài

1. *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* (1886); tr. XXXX.
2. *Truyện cổ tích dân gian và nguồn gốc của chúng* (1895); tr. 11.

dân tộc! Và ngay cho dù có một dân tộc nào đó là có nhiều khả năng hơn những dân tộc khác trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật thì trong quá trình sinh hoạt, tiếp xúc và giao lưu với các dân tộc khác, phải đâu họ chỉ làm người "chủ động ban phát" mà không hề tiếp nhận những ảnh hưởng ngược trở lại? Cũng vậy, đối với dân tộc "tiếp nhận" cũng phải đâu trong khi chuyển hóa những vốn liếng của nước ngoài vào điều kiện lịch sử - xã hội của nước mình, dân tộc đó cứ một mực thụ động "sao y bản chính", mà không hề cải tạo, gạn lọc, nghĩa là không dám nghĩ đến cái công việc sáng tạo lại một lần thứ hai?

Cho nên, để có một nhận thức đầy đủ về truyện cổ dân gian, thì sau khi đã phát hiện ra cái "chung", lại rất cần trở lại với cái "riêng". Đó là hai phương diện khác nhau cùng làm nên giá trị của loại hình cổ tích, là hai yếu tố nảy sinh từ những nguồn gốc khác nhau, trong quá trình hình thành, vận động, lưu chuyển của thể loại tự sự đó trong phạm vi một nước cũng như rộng ra cả một vùng bao gồm nhiều nước, nhiều dân tộc.

Và tuy nguồn gốc có khác, tuy vai trò cũng không đồng nhất, nhưng hai yếu tố này lại gắn với nhau trong loại hình cổ tích như một chỉnh thể và thường được biểu hiện thành mối quan hệ thẩm mỹ giữa nội dung và hình thức, giữa cốt truyện và mô-típ, giữa chủ đề tư tưởng và sự cụ thể hóa chủ đề ấy bằng nhân vật, bằng sự tiến triển của câu chuyện. Xác định cho được giá trị thẩm mỹ của mối quan hệ biện chứng nói trên trong các loại hình truyện tự sự dân gian, đó chính là yêu cầu lý tưởng đối với phương pháp nhận thức và đánh giá của khoa cổ tích học hiện nay.

Mấy chục năm qua, do tích lũy được nhiều tài liệu mới, nhiều quan sát mới liên quan đến bản thân phôn-clo (folklore) nói chung, cổ tích nói riêng, do kế thừa đúng đắn thành tựu của ngành phôn-clo học, của khoảng một thế kỷ rưỡi phát triển, nên các nhà cổ tích học nhiều nước trên thế giới đã đạt được những thành tựu lớn lao chưa từng thấy. Qua sự tiếp cận với những cốt truyện cổ tích cũng như những thần thoại (hoặc huyền thoại), anh hùng ca (hoặc sử thi) v.v... của nhiều dân tộc, bằng phương pháp so sánh, đối chiếu, các công trình nghiên cứu hiện

đại đã hướng vào việc giải thích tính quy luật của sự ra đời truyện cổ tích - chủ yếu là tiểu loại cổ tích thần kỳ, các huyền thoại, các sử thi - và đề xuất được nhiều luận điểm có giá trị nhằm lý giải một cách toàn diện và xác đáng hơn hẳn trước, chân tướng cũng như nguồn gốc, quá trình di chuyển của những truyện cổ tích. Sự giống nhau của các cốt truyện - một đặc điểm của bản thân đối tượng - trong nhiều trường hợp *có thể xem như là quốc tế về mặt loại hình, nhưng lại là dân tộc về mặt lịch sử - xã hội,* bởi vì truyện dân gian của một dân tộc vốn gắn bó với hệ thống những quan hệ sinh hoạt xã hội cũng như với trình độ nhất định trong sự phát triển của một hình thái kinh tế và văn hóa nào đấy, và với những biểu tượng của nhân dân nảy sinh hợp với quy luật của hệ thống ấy. Một tác phẩm phôn-clo (folklore) - theo Prốp (V.Ia. Propp)[1] - "ra đời hoặc biến đổi là hoàn toàn hợp với quy luật và độc lập với ý muốn của con người ở tất cả những nơi hình thành những điều kiện tương ứng cho điều đó trong sự phát triển lịch sử. Hiện tượng về sự giống nhau có tính chất toàn thế giới đối với chúng tôi không phải là vấn đề. Đối với chúng tôi, hiện tượng vắng mặt của một sự giống nhau như vậy mới là điều dường như không thể giải thích được. Sự giống nhau nói lên tính quy luật, cụ thể là sự giống nhau của các tác phẩm phôn-clo (folklore) chẳng qua chỉ là trường hợp một bộ phận của tính quy luật có tính chất lịch sử xuất phát từ những hình thức như nhau của sự sản xuất văn hóa vật chất dẫn tới những thể chế xã hội như nhau hay giống nhau, và trong lĩnh vực ý thức hệ, dẫn tới sự giống nhau của những hình thức và những phạm trù của tư duy, của những biểu tượng tôn giáo, của đời sống nghi lễ, của ngôn ngữ và của phôn-clo (folklore)"[2].

Cho nên cốt truyện của truyện cổ tích cũng như những hình tượng của truyện tự sự nói chung thường được tạo nên bằng con đường lý giải lại, hoán cải lại một cách thẩm mỹ dựa theo những yếu tố truyền thống

1. Nhà cổ tích học nổi tiếng của Liên-xô [cũ], nghiên cứu truyện cổ tích về mặt hình thái học.

2. V.Ia.Prốp (V. Ia. Propp). *Đặc trưng của phôn-clo (folklore).* Công trình kỷ niệm Hội đồng khoa học của trường đại học Lê-nin-grát. Bộ phận Khoa học ngữ văn. Lê-nin-grát, 1946; tr. 142. Dẫn trong Pu-ti-lốp (Poutilov). *Phương pháp luận nghiên cứu lịch sử so sánh về phôn-clo (folklore).*

trong sinh hoạt của dân tộc. Điều đó chắc chắn sẽ bác bỏ hoặc điều chỉnh lại những lý thuyết phiến diện lệch lạc của các trường phái trước đây mà ở phần trên đã đề cập.

Theo chúng tôi, truyện cổ tích cũng như mọi sản phẩm văn hóa khác, nhất là những sản phẩm không tên tác giả, nghĩa là những sản phẩm có xu thế hoàn chỉnh giá trị trên quá trình lưu chuyển, sau khi xuất hiện tại một vùng nào đấy sẽ dễ dàng được nhiều người khác gọt giũa, hoàn chỉnh trở thành tài sản chung của cả xã hội (cái bất biến), và từ đó nó sẵn sàng vượt biên giới xứ sở để gia nhập vào tài sản tinh thần một dân tộc khác dù xa hay gần. Cho nên hiện tượng lặp đi lặp lại, hiện tượng dị bản (cái bất biến kết hợp với cái khả biến) trong cổ tích nói chung là việc bình thường. Có điều là vấn đề không phải là ở chỗ cứ đổ cho thuyết di chuyển, hay giải thích bằng sự vay mượn một cách vô tội vạ, tức là nhìn nhận hiện tượng bất chấp quy luật. Trong điều kiện có thể cũng cần phải biết một tác phẩm cổ tích, cốt truyện nảy sinh từ đâu, vào lúc nào? Và bằng con đường nào, ở đâu và lúc nào nó đã chuyển từ nơi này sang nơi khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác? Một truyện kể có hình thức đầu tiên là gì, và sự thay đổi kế tiếp là gì? Vì sao? v.v... Tất cả những vấn đề trên cũng tức là việc tiến hành giải thích bằng cách đi tìm cội nguồn trong lịch sử, và chỉ có thể đạt được không phải chỉ bằng cách so sánh đơn thuần mà bằng cách nghiên cứu rộng rãi theo phương pháp lịch sử - loại hình, một phương pháp trong thời gian gần đây đã cho phép các học giả khám phá ra được nhiều điều lý thú.

Mặc dù tài liệu về truyện cổ tích quốc tế hiện nay của chúng ta thiếu thốn nghiêm trọng, chúng tôi cũng mạo muội nhìn sâu một chút vào cái "chung" và cái "riêng" trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, đúng hơn là thử đi tìm nguồn gốc ngoại lai cũng như nguồn gốc bản địa của một số truyện cổ tích của chúng ta.

2. NGUỒN GỐC NGOẠI LAI CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM.

Nói đến cái "chung", chúng ta hãy hướng về một mảng gồm khá nhiều truyện có những dấu hiệu cho biết chúng có nguồn gốc ngoại lai vì vẫn

còn những dị bản hoặc gần hoặc xa thuộc kho truyện của các dân tộc lớn nhỏ trên các lục địa và đảo quốc. Trong đó đáng nêu lên đầu tiên - và cũng chỉ nêu như thế trong tình hình tài liệu hiện nay - là một số những dị bản có liên quan đến những truyện cổ tích và những huyền thoại Trung-quốc và Ấn-độ, con đẻ của hai nền văn minh vĩ đại và cổ kính trên thế giới, lại gần gũi về không gian với Việt-nam.

1. Trước hết, Trung-quốc là một nước tiếp liền biên giới với nước ta, và như đã nói, là nước đã từng đóng vai "kẻ xâm lược và đô hộ" đất nước chúng ta trong ngót mười thế kỷ; không những thế, mãi đến thời kỳ độc lập sau này cha ông ta vẫn tiếp thu văn hóa Trung-hoa, sử dụng văn tự của họ, nên giữa hai dân tộc dễ có những ảnh hưởng lẫn nhau trong phương thức tư duy nghệ thuật. Văn học Trung-quốc lại là một trong những nền văn học vừa phong phú, vừa đa dạng về nội dung cũng như hình thức. Văn học truyền miệng hay văn học viết đều xuất hiện từ rất lâu đời, và quyện với nhau. Kho tàng truyện tự sự dân gian nói chung và truyện cổ tích nói riêng của họ thật đồ sộ, được ghi lại cũng khá sớm.

Từ thế kỷ thứ III trong kỷ nguyên chúng ta, thư tịch về truyện của người Trung-quốc tích lũy được đã nhiều không kể xiết[1]. Chỉ kể những tên sách chuyên tập hợp loại truyện cổ tích thần kỳ và truyền thuyết, thần thoại, huyền thoại cũng đủ bề bộn. Nào là *Liệt tiên truyện* 列仙傳 của Lưu Hướng 劉向 *Cao sĩ truyện* 高士傳 của Hoàng Phủ Mật 皇甫謐, *Bác vật chí* 博物志 của Trương Hoa 張華 (thế kỷ III), *Thần tiên truyện* 神仙傳 của Cát Hồng 葛洪, *Sưu thần ký* 搜神記 của Can Bảo 干寶 (thế kỷ IV). Nào là *Thần dị kinh* 神異經, *Sưu thần hậu ký* 搜神後記, *Linh ứng lục* 靈應錄, *U minh lục* 幽明錄, *Minh tường ký* 冥祥記, *Dị uyển* 異苑 (thế kỷ V), *Thuật dị ký* 述異記 (thế kỷ VI), *Chí quái lục* 志怪錄, *Linh quái lục* 靈怪錄 (thế kỷ VII), *Văn*

1. Nhà Hán thường đặt ra chức "tỳ quan" cho đi về nông thôn góp nhặt các truyện dân gian dù là truyện nhỏ nhặt, chép mang về, mục đích là để cho triều đình thẩm tra cách cai trị hay dở của chính quyền địa phương.

kiến ký 聞見記 (thế kỷ VIII), *Tập dị ký* 集異記, *Lục dị ký* 錄異記, *Văn kỳ lục* 聞奇錄, *Dậu dương tạp trở* 酉陽雜俎 (thế kỷ IX), *Thái-bình quảng ký* 太平廣記 (thế kỷ X), *Văn kiến tiền lục* 聞見前錄, *Văn kiến hậu lục* 聞見後錄, *Tục bác vật chí* 續博物志 (thế kỷ XIII), *Bao Công kỳ án* 包公奇案, *Tây dương ký* 西洋記 (thế kỷ XVI), *Liêu trai chí dị* 聊齋志異 (thế kỷ XVII), *Tân tề hài* 新齊諧 (thế kỷ XVIII)[2]. Và còn vô số thư tịch khác không thuộc loại sưu tập, nhưng trong đó chứa đựng rất nhiều truyện cổ hoặc những yếu tố truyện cổ, như sử ký có *Sử ký* 史記, *Tả truyện* 左傳 ..., địa lý có *Thủy kinh chú* 水經注, *Sơn hải kinh* 山海經, tiểu thuyết có *Tam quốc diễn nghĩa*, 三國演義, *Thủy hử* 水許, *Kim cổ kỳ quan* 今古奇觀, *Cổ kim tiểu thuyết* 古今小說 ..., giáo huấn có *Nhị thập tứ hiếu* 二十四孝, *Ám thất đăng* 暗室燈 ..., vân vân và vân vân.

Kho tàng truyện cổ Trung-quốc còn đặc biệt ở chỗ, từ rất xưa nó đã thu hút truyện cổ của rất nhiều dân tộc. Trong quá trình phát triển và bành trướng lâu dài để trở thành một đế quốc rộng lớn, truyện cổ tích của các dân tộc ngoài Hán tộc, hoặc có biên cương bị gồm thâu vào bản đồ Trung-quốc, hoặc trở thành những dân tộc phiên thuộc triều cống, mặc nhiên lớp này lớp khác lần lượt nhập vào kho chung. Lấy một ví dụ: truyện *Nàng Diệp Hạn* - một dị bản của truyện Tấm Cám, tức là nàng Tro Bếp phương Tây - được chép trong sách *Dậu dương tạp trở* 酉陽雜俎 của Đoàn Thành Thức 段成式 với lời ghi chú của chính tác giả cho biết là sưu tầm được tại một địa điểm thuộc "phương Nam" Trung-quốc, hẳn nằm vào trường hợp này, vì chủ yếu nó chỉ xuất hiện và lưu truyền ở phương Nam mà dường như chưa tìm thấy một dị bản nào ở phương Tây và phương Bắc Trung-quốc[2].

---

1. Những sách trên có thứ đã thất lạc, có thứ có sự thêm thắt của người đời sau, thậm chí có thứ ngụy tạo, v.v...
2. Đinh Gia Khánh trong *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*, đoán truyện này của họ Đoàn tìm được ở vùng dân tộc Choang (Quảng-tây). Đinh Nại Tôn 丁奈尊, một học giả Trung-quốc, lại đoán...

Ngoài ra, trong những thế kỷ đầu công nguyên, đạo Phật từ Ấn-độ cũng được du nhập vào Trung-quốc, do đó nước này lại còn tiếp thu rộng rãi các phật thoại thông qua việc truyền bá giáo lý. Những bích họa miêu tả một loạt trích đoạn rút ở sự tích đức Phật còn được giữ lại trong hang đá Đôn-hoàng 敦 皇, chứng tỏ chúng không phải chỉ được kể bằng miệng, mà từ khá lâu còn được viết, được vẽ để cho tín đồ dễ thuộc, dễ hiểu. Do ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo nên không chỉ có phật thoại, mà còn hệ thống truyện cổ tích và huyền thoại sử thi của Ấn-độ, Ba-tư (Iran) v.v... cũng được lan truyền vào Trung-quốc khá sớm.

2. Như đã nói, Ấn-độ là nơi được nhiều học giả phương Tây coi là cái nôi của huyền thoại và cổ tích thần kỳ. Hơn bất kỳ kho tàng truyện cổ của dân tộc nào, kho tàng truyện cổ tích nước này không những rất giàu về số lượng mà còn có niên đại rất sớm vì chúng sớm được cố định hóa nhờ ghi lên giấy mực. Bộ kinh *Vê-đa* (*Véda*: Tri thức) xuất hiện và hoàn chỉnh vào khoảng từ 2.500 đến 500 năm trước công nguyên, bộ *A-va-đa-na Ja-ta-ka (Avadana Jataka*: Lịch sử các tiền kiếp của đức Phật) thế kỷ III trước công nguyên; bộ *Ma-ha-bha-ra-ta (Mahâbhârata*: Cuộc đại chiến Bha-ra-ta) khoảng thế kỷ II trước công nguyên; qua

---

... là tìm được ở Việt-nam. Dựa trên sự phân tích 8 dị bản truyện ấy của Trung-quốc, 3 bản Tây-tạng, 2 bản Choang, 3 bản Mèo, 2 U-gua, 1 Triều-tiên, 5 Việt-nam, 3 Cham-pa, 1 Khơ-me, 1 của dân tộc Y, và qua nghiên cứu phong tục Trung-quốc và phong tục một số dân tộc Đông-dương, tác giả đã đi đến kết luận là dạng truyện này có hai loại: Loại 1 (tiêu biểu là *Nàng Diệp Hạn*) được phản ánh trong văn học trung thế kỷ, có lẽ bắt nguồn từ một nơi nông thôn nào đó ở Việt-nam, nằm giữa Hà-nội, Hải-phòng ngày nay, sau đó lan truyền ra các tỉnh Nam Trung-quốc (Quảng-đông, Quảng-tây), từ đây lại được truyền sang phía Tây: Vân-nam, Tây-tạng. Loại 2 (tiêu biểu là một dị bản trong **Khảo dị số 154**) thể hiện phong tục tập quán Trung-quốc hiện đại, có thể xuất hiện khoảng 5 hoặc 600 năm gần đây, cũng ở miền Nam Trung-quốc (Quảng-đông). Tác giả kết luận: miền Tây và Bắc Trung-quốc vốn không có truyện cổ tích thuộc loại này. Ông còn cho rằng Đoàn Thành Thức ngày ấy có thể là người Việt-nam (đời Đường). Về ý kiến trên, Rip-tin (B. Ryftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov) trong sách đã dẫn, thì cho rằng "sự có mặt của truyện cổ tích loại này trên đất Triều-tiên chứng minh một cách gián tiếp có sự tồn tại của cốt truyện tương tự ở miền Bắc Trung-quốc".

nhiều lần hoàn chỉnh cho đến thế kỷ IV sau công nguyên, *Ra-ma- ya-na (Râmayana*: Anh hùng ca Ra-ma) thế kỷ II trước công nguyên; *Ka-tha-xa-rit-xa-ga-ra (Kathâsaritsâgara*: Đại dương của dòng truyện, nói gọn là Biển truyện) vốn có từ thế kỷ II hoặc III nhưng được biên soạn lại nửa sau thế kỷ XI; *Pan-cha-tan-tơ-ra* (*Panchatantra*: Năm sách dạy [trẻ]) thế kỷ II đến V; *Bri-hat-ca-tha (Brihatcathâ*: Truyện dài) thế kỷ II hoặc III cho đến thế kỷ V; *Bri-hat-ca-tha man-ja-ri (Brihatcathâ manjari:* Bó hoa của truyện dài) thế kỷ VI; *Vê-ta-la-pan-ca-vi-mê-a-ti-ca, (Vêtalapancavimeatika*: 25 truyện quỷ Vê-ta-la) thế kỷ XII[1]... Và còn vô số những sưu tập khác, chẳng hạn những truyện giáo lý *Puy-ra-na (Purâna),* hay *Bha-ga-vat Gi-ta (Bhagavad Gïtâ*: Thánh ca thượng đế), v.v... Chính vì được ghi chép rất sớm, truyện cổ tích thần kỳ Ấn-độ phần lớn còn giữ được sắc thái quái dị hoang đường nguyên thủy của chúng. Cái siêu nhiên thần bí trở thành một đặc điểm cơ bản và kho truyện cổ Ấn-độ trong khi lan truyền qua nhiều dân tộc, vẫn bảo vệ được khá đầy đủ yếu tố siêu nhiên thần bí, nên rất dễ phát hiện. Có phần chắc giả thuyết của một số học giả phương Tây coi truyện cổ tích Ấn-độ là cội nguồn duy nhất của cổ tích thần kỳ thế giới, bắt nguồn từ đó.

Truyện cổ tích Ấn-độ du nhập vào Trung-quốc ít nhiều dưới dạng bị hoán cải trên cơ sở ngôn ngữ văn tự và nghệ thuật Hán, tức là Hán hóa. Ví dụ quan niệm luân hồi, quan niệm quả báo đã mang nhiều sắc thái Trung-quốc. Từ cái tên "Yama" (tiếng Phạn), hình tượng nhân vật làm chủ thế giới âm phủ đã có một cái tên Hán mới đối với nước ta cũng rất quen thuộc là "Diêm vương". Các hình ảnh âm phủ, địa ngục, dạ soa... ít nhiều đều bắt nguồn từ đạo Phật. Truyện vua Thái Tông nhà Đường du lịch xuống cõi âm trong một giấc mơ xem ra cũng ảnh hưởng của mô-típ Đại Mục Kiên Liên thăm mẹ dưới địa ngục của phật thoại[2].

---

1. Niên đại của các tác phẩm trên mỗi sách ghi mỗi khác, chúng tôi chủ yếu dựa vào bộ *Từ điển các tác phẩm (Dictionnaire des œuvres)* của Laffont-Bompiani, S.E.D.E, Pa-ri, 1962.
2. Xem **Khảo dị** truyện số **19,** tập **I.**

3. Truyện cổ tích Trung-quốc lưu truyền vào kho tàng truyện cổ tích Việt-nam bằng ba con đường:

1) Con đường giao lưu tự phát của quần chúng nhân dân hai bên qua trao đổi thương phẩm cũng như trao đổi văn hóa; trong đó còn phải kể cả sự tiếp thu gián tiếp thông qua các dân tộc thiểu số ở vùng giáp ranh hai nước như Tày, Nùng, Dao, Mèo, Lô-lô, v.v...

2) Con đường học thuật, chủ yếu do nho sĩ truyền bá.

3) Con đường tôn giáo tín ngưỡng, do các tu sĩ, đạo sĩ, các pháp sư, phù thủy, bói toán, phong thủy... truyền bá.

Mặc dầu Ấn-độ cách đất nước ta rất xa so với Trung-quốc, truyện cổ tích Ấn-độ lại ảnh hưởng đến kho tàng cổ tích Việt-nam khá sâu đậm. Truyện Ấn-độ chỉ có thể truyền vào nước ta bằng hai con đường:

1) Con đường tôn giáo. Đạo Phật truyền bá vào ta có bộ phận là từ phía Nam lên (Tiểu thừa), nhưng có bộ phận và bộ phận này mới là chủ yếu, lại từ Bắc xuống sau khi đã Hán hóa (Đại thừa). Những kinh sách nhà Phật được dịch ra chữ Hán từ sớm, ví dụ *Đại tạng kinh* 大藏經 (dịch từ thế kỷ III), *Tạp bảo tạng kinh* 雜寶藏經, *Lục độ tập kinh* 六度集經 (dịch từ thế kỷ V) v.v... trong đó có nhiều truyện cổ tích, ngụ ngôn giáo huấn, có mục đích làm cho tín đồ dễ tiếp thu.

2) Con đường giao lưu văn hóa, chủ yếu vào ta một cách gián tiếp, qua các dân tộc thiểu số ở miền Nam, các dân tộc thuộc các nước Đông-dương và rộng ra là các nước Đông nam Á, vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn-độ và Phật giáo cũng như Ấn-độ giáo. Cũng như truyện ngụ ngôn Ê-dốp (Esope) từng có lúc giữ địa vị thống trị ở một số nước Đông Âu, nhiều loại truyện kể của Ấn-độ đã từng thâm nhập sâu rộng vào đời sống các dân tộc Đông cũng như Tây với tất cả sức quyến rũ[1]. Vì thế dĩ nhiên nó còn vang vọng trong văn học nói và văn học viết của các dân tộc ấy cho đến tận ngày nay, và còn dội tới cả kho tàng truyện cổ tích Việt-nam[2].

1. Theo nhiều nhà cổ tích học, như Ben-phây (T. Benfey) chẳng hạn, thì tác phẩm *Nghìn lẻ một đêm* thu hút nhiều truyện cổ dân gian Ấn-độ.
2. Nhà cổ tích học Cô-xcanh (Cosquin) trong sách *Truyện cổ tích Ấn-độ và ...*

Nói đến nguồn gốc ngoại lai của truyện cổ tích Việt-nam, trước hết cũng cần lưu ý có những trường hợp do dùng chữ nước ngoài để ghi chép tác phẩm dân gian nên có thể tình tiết hoặc hình ảnh nhiều lúc bị méo mó, vì chữ nghĩa đã làm cho cách hiểu trở nên sai lạc, chẳng hạn hình ảnh "con tinh". Theo quan niệm của dân gian Việt-nam, con tinh không phải là yêu quái, cũng không ai lẫn lộn nó với ma quỷ. Về hình thù, nó có phép biến hóa thành người hay vật. Nó thường chòng ghẹo, nát dọa, thậm chí đôi khi lén lút có quan hệ tình cảm hoặc quan hệ sinh lý với người, cũng đôi khi theo đuổi việc báo oán, báo ân. Nhưng gần như không mấy khi nó tàn hại mọi người mà nó gặp. Các con tinh chủ yếu có nguồn gốc giống nhau là từ một con vật sống lâu năm (ví dụ *Tinh con chuột*, số **115**), hay một cây cổ thụ (ví dụ *Chàng đốn củi và con tinh*, số **121**) mà sinh ra. Truyện *Kỳ ngộ ở trại Tây* trong *Truyền kỳ mạn lục* là câu chuyện nói về những cây liễu, cây đào bị bỏ quên trong một vườn hoang của nhà quý tộc, hiện hình thành những cô gái cùng xướng họa thơ từ và giao hoan với chàng thư sinh, đó đích thị là những con tinh. Đồ đạc bỏ quên lâu năm không dùng đến, cũng có thể

... Tây phương, dựa vào truyện mà ông gọi là *Đòi nợ* tức là truyện *Anh chàng mê công chúa* (Xem **Khảo dị** truyện số **43**) có mấy dòng nhận định về truyện cổ tích của chúng ta. Ông cho rằng các dân tộc Miến-điện (Myanmar), Thái-lan, Lào, Căm-pu-chia cũng như Cham-pa đều tiếp thu trực tiếp truyện cổ từ Ấn-độ thông qua đạo Phật, và cả từ trước nữa, qua Ấn-độ giáo. Còn người Việt thì không thế, họ chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung-quốc. Chỉ riêng truyện này, theo ông, phải chăng là truyện còn sót của Cham-pa, hay là được du nhập thông qua Trung-quốc? Ông còn cho rằng dù sao đi nữa, dù đã có một nền văn hóa trung gian, thì cũng phải coi Ấn-độ là xuất xứ. Gần đây, nhà bác học Liên-xô [cũ] Ji-rơ-mun-xki (V. M. Jirmunski) trong sách *Những công trình nghiên cứu lịch sử - ngữ văn*, cũng có ý cho truyện cổ tích Việt-nam chịu ảnh hưởng nhiều của Ấn-độ trong khi ở In-đô-nê-xi-a (Indonésia) thì lại không chịu ảnh hưởng mấy. Ông viết: "Những mẫu mực của truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a dường như cho thấy rằng ở một nơi nào đó thuộc đảo Xu-la-vê-đi (Soulavédie), sự lan tràn mạnh mẽ của những cốt truyện cổ tích Ấn-độ được hệ thống hóa bằng thư mục của A-ác-nơ (Aarne) bị ngưng lại, và trên bình diện thứ nhất xuất hiện những cốt truyện không quen thuộc đối với chúng ta [...]. Ngược lại, những truyện cổ tích Việt-nam trong đa số trường hợp lại phù hợp với thư mục đó" (tr. 289).

hóa thành tinh (như *Tinh cái chổi* trong một truyện của Trung-quốc cũng như một dị bản của người Đun-gan)[1].

Tóm lại, trong quan niệm của người Việt cổ, con tinh không phải là con vật quái dị và cũng không gây tác hại gì ghê gớm. Nhưng từ khi nhà nho sử dụng chữ Hán để ghi truyện cổ thì chữ "tinh" gần như đã được dùng một cách rộng rãi để chỉ bất cứ loại yêu quái nào. Ví dụ trong *Lĩnh-nam chích quái* có những con Cửu vĩ hồ tinh, Ngư tinh, Mộc tinh, Hồ tôn tinh; truyện *Thạch Sanh*, truyện *Ao Phật* đều có Chằn tinh là những quái vật gây hại lớn cho người và vật cả một vùng. Từ đó trở đi, khái niệm "tinh" đã biến đổi hẳn, và gây nên sự lộn xộn nếu không nói là làm sai lệch nội hàm của một hình ảnh dân gian vốn có từ lâu trong truyện tự sự.

4. Nguồn gốc Trung-quốc, Ấn-độ trong truyện cổ tích Việt-nam như thế nào? Ở đây không thể làm công việc điểm lại tất cả kho truyện; chỉ xin dẫn ra một vài trường hợp có tính cách tiêu biểu với một ít nhận xét sơ lược nhất.

Có thể có người cho rằng trong ngót một nghìn năm Bắc thuộc và gần một nghìn năm sau đấy cùng tồn tại bên cạnh nhau, cùng dùng chung văn tự, cùng học chung sách vở, hẳn bao nhiêu truyện cổ trong kho tàng tự sự giàu có của Trung-quốc đều đã chuyển hóa - hoặc chí ít cũng nằm trong tiềm năng chuyển hóa - thành truyện của Việt-nam? Thực tế không giản đơn như vậy. Người Việt không muốn chỉ đóng vai "kẻ tiếp nhận". Ngay vấn đề bắt chước phong cách tạo hình cũng chỉ diễn ra dè dặt. Cả một bộ sách *Bác vật chí* 博物志 của Trương Hoa 張華, trong đó tác giả áp dụng cao độ thủ pháp nghệ thuật nói ngoa, nói phóng đại đối với một loại hình đáng được coi là đặc biệt

1. Theo Ríp-tin (B. Ryftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov), sách đã dẫn, thì đại để người Đun-gan cũng quan niệm về "con tinh" như ta tuy có nhiều nét tiểu dị, cụ thể là: con tinh gần như con người, chỉ có điều nó không có linh hồn trọn vẹn của một con người thực sự mà chỉ có một phần nhỏ linh hồn. Hay là một đồ dùng rất lâu năm, trong quá trình dùng nó, tinh thần của con người sẽ truyền sang mỗi ngày một tý, cho đến khi truyền đầy đủ thì vật đó sẽ thành tinh.

trong kho huyền thoại[1], thế nhưng nho sĩ Việt-nam các đời không thấy ai mô phỏng, chưa nói các nhà sáng tác dân gian.

Đối chiếu nhiều hiện tượng văn học, có thể nhận thấy cha ông ta trong sáng tác có chịu một số ảnh hưởng nhất định trong sáng tác truyện kể, chẳng hạn những truyện trong *Truyền kỳ mạn lục* mà Lê Quý Đôn phát hiện thấy đã chịu ảnh hưởng của sách *Tiễn đăng*[2]. Về văn học truyền miệng, cụ thể là loại hình cổ tích, trừ một số trường hợp cá biệt có tính cách "vay mượn" gần như nguyên xi, nhiều trường hợp khác đều tiếp thu có chọn lựa, hoặc về hình tượng, hoặc về mô-típ, hoặc có khi là những tình tiết vốn đã quen thuộc đối với dân tộc, được sử dụng đan xen vào những truyện do mình sáng tạo.

Chẳng hạn một hình ảnh rấm lúa (hoặc đậu, hoặc vừng). Sau một thời gian nhất định (ví dụ 1.000 ngày, hoặc 100 ngày, hay 3 tháng 10 ngày) thì những thứ hạt được rấm sẽ biến thành binh lính, sẵn sàng chịu sự điều khiển của người rấm. Đó là phương thuật của người phù thủy, chắc chắn chưa hề vượt quá phạm vi tưởng tượng. Hình ảnh này được sử dụng trong truyện *Lẩy bẩy như Cao Biền dậy non* (số **39**) và truyện *Thầy Thím* (**Khảo dị**, truyện số **123**). Trong kho tàng truyện kể của đồng bào Tày, Nùng, hình ảnh này được lắp đi lắp lại trong khá nhiều truyện.

---

1. Ví dụ một đoạn truyện *Dị nhân* 異人 của *Bác vật chí* 博物志, như: "Dân nước Vô-khởi ở hang ăn đất, không phân biệt được là trai hay gái. Khi họ chết đem chôn, quả tim không nát, để đến một trăm năm sau lại hóa thành người. Dân nước Tế [sau khi chết đem chôn] buồng gan không nát, một trăm năm sau lại hóa thành người, họ cũng đều ở hang, hai nước này cùng một nòi giống. Dân Mông-song ngày trước có họ Cao Dương có hai trai gái cùng một mẹ mà làm vợ chồng với nhau. Nhà vua đày đi Bắc-dã, hai người ôm nhau mà chết, có chim thần đem cỏ bất tử phủ lấy xác. Bảy năm sau hai người lại sống, cùng chung một cái cổ, có hai đầu, bốn tay". Ngay sách *Sơn hải kinh* có nhiều truyện cũng sử dụng nghệ thuật phóng đại, ví dụ nói đến một giống rắn khổng lồ nuốt được cả voi, ba năm sau mới nhả xương ra v.v..., nhưng không ngoa đến cực độ như *Bác vật chí*.
2. Tức là sách *Tiễn đăng tân thoại* 剪燈新話 của Cù Tông Cát 瞿宗吉 hay *Tiễn đăng dư thoại* 剪燈余話 của Lý Xương Kỳ 李昌祺, tiến sĩ, đều sống dưới đời Minh (chứ không phải đời Nguyên như ghi trong *Lê triều thông sử*).

Không những thế, ở kho truyện của đồng bào Tày, Nùng còn có một vài hình ảnh cùng loại (chẳng hạn nuôi một giống sâu bọ nào đó trong chum bằng cháo, sau một thời gian nhất định, giống sâu bọ ấy sẽ biến thành người, hay là trồng một giống tre (hoặc vầu) sau một thời gian nhất định, mỗi lóng sẽ nổ tung, từ trong vọt ra một con người cưỡi ngựa, đều sẵn sàng tuân lệnh chỉ huy). Hình ảnh rấm lúa thành binh nói trên cũng xuất hiện nhiều lần trong văn học nói và viết Trung-quốc thời cổ, mà khởi đầu có lẽ từ truyện *Bình thoại Tam quốc* 三國評話 nói về một hoạt động của quân sư Gia Cát Lượng biết cách ném hạt đậu cho chúng biến thành quân.

Hay là một ví dụ về tình tiết. Trong truyện *Kẻ trộm dạy học trò* (số **83**) có nhân vật Lâu, một anh chàng bản tính khờ khạo đi theo học nghề ăn trộm, hôm ấy bị người đuổi gấp, phải chui vào một bụi tre, may khỏi bị bắt, nhưng vì gai tre dày đặc, nên không dám chui ra. Khi ông thầy được nhắn đến cứu, ông chỉ kêu lên một tiếng: - "Ối làng nước, có tên trộm trốn ở đây!". Thế là chàng học nghề chui phắt ra khỏi bụi, thoát về nhà bình yên. Tình tiết trên giống với một mẩu chuyện về Tào Tháo và Viên Thiệu. Hồi còn trẻ tuổi, hai người này là bạn, thích đi tìm cái thú trong phiêu lưu. Một đêm nọ, họ đến một nhà kia có hai vợ chồng mới cưới. Họ cùng lẻn vào vườn, đột nhiên kêu lên: - "Có trộm!" . Khi mọi người đổ ra thì Tào Tháo bước vào nhà tuốt kiếm nắm lấy cô dâu, còn Thiệu nhanh chân chui vào một bụi gai. Nhưng vì bụi gai quá rậm nên chui vào dễ mà chui ra rất khó. Thấy vậy, Tháo lại thét lên: - "Kẻ trộm đây rồi!" Thiệu nghe vậy rất hoảng bèn vùng ra khỏi bụi, rồi cả hai cùng bỏ chạy.

Tình tiết hay mẩu chuyện này được Lưu Nghĩa Khánh 劉義慶 (403-444) ghi lại trong tác phẩm của ông: *Thế thuyết tân ngữ* 世說新語 mở đầu của chương nói về sự lừa bịp[1].

Một ví dụ về mô-típ. Như đã trình bày ở *Phần truyện*, truyện *Sự tích con dã tràng* (số **15**) của ta chính là sử dụng mô-típ người hiểu tiếng

1. Có dẫn trong Ríp-tin (B. Ryftine). *Anh hùng ca lịch sử và truyền thống văn học dân gian ở Trung-quốc*, Nhà xuất bản Khoa học, Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô, Mát-xcơ-va, 1970.

loài vật bị tội oan, tức Công Dã Tràng trong *Luận ngữ* 論語. Nhưng tác giả dân gian Việt-nam đã kết hợp phần nào với mô-típ người hiểu tiếng loài vật của Ấn-độ trong *Kinh Tam tạng* 三藏經 và *Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra)* để sáng tạo thành một truyện mới với chủ đề mới: người chồng hiểu tiếng loài vật và người vợ không thủy chung, có bố cục sít sao hơn, ý nghĩa sâu sắc hơn và đương nhiên khỏe mạnh hơn những truyện cũ.

Hay một mô-típ khác: câu chuyện chặt cây thần, chặt bao nhiêu vết chém trên cây liền lại bấy nhiêu. Ở truyện của người Kinh là *Sự tích thần núi Tản-viên*[1]; ở đồng bào Mường là phần Chặt chu kéo lội trong *Đẻ đất đẻ nước*; ở đồng bào Cham-pa là tình tiết chặt cây krêk trong truyện *Vua Rò-mê*, và còn nhiều dị bản của nhiều dân tộc khác, gần là Đông-dương, xa thì châu Âu, châu Mỹ, đều có mô-típ này hoặc tương tự. Nhưng mô-típ này lại có mặt trong sách *Dậu dương tạp trở* 酉陽雜俎 (thế kỷ IX) và sớm hơn nữa là *Thủy kinh chú* 水經注 (thế kỷ III)[2]. Theo chúng tôi, đây vốn là dấu vết của một mảnh thần thoại xa xưa lưu hành ở Đông nam Á, rộng ra là Á - Úc và từng được thư tịch Trung-quốc ghi lại từ sớm.

Có trường hợp chỉ sử dụng của truyện nước ngoài mỗi một cái tên (con vật hoặc con người). Có khi đó là cái tên dễ chấp nhận, nhưng cũng có khi ghép vào trong truyện Việt, tên trở nên lạc lõng. Ví dụ tên "Cửu vĩ hồ tinh" trong một truyện cùng tên, hay tên "Lã Đồng Tân" trong truyện *Hà Ô Lôi* (đều được ghi trong *Lĩnh-nam chích quái*). Cửu vĩ hồ tinh (tinh cáo chín đuôi) nghe ra có vẻ quen thuộc, nhưng nó lại

1. Trong *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*.

2. *Thủy kinh chú* kể rằng: đời Xuân thu, vua Tần Văn Công sai 40 người đi chặt một cây kỳ lạ, nhưng đứt nhát nào nó lại liền nhát ấy. Một người trong số được phái đi vì bị thương ở chân phải nằm lại dưới gốc cây, tình cờ nghe lỏm được câu chuyện của các vị thần về cách hạ cây ấy. Nhờ đó cuối cùng chặt được cây, nhưng khi đổ xuống, cây hóa làm trâu thần, chạy xuống nước. *Dậu dương tạp trở* kể rằng: trong mặt trăng có cây quế cao 500 trượng, dưới cây có một người thường ngày chặt cây. Cây hễ bị chặt lại liền như cũ. Người ấy họ Ngô tên Cương người Tây-hà, vì học đạo tiên có lỗi, nên bị sai đi làm công việc chặt quế.

là hình tượng của truyện dân gian Trung-quốc được ghi từ rất xưa, trong sách *Dật Chu thư* 逸周書 tương truyền có từ thời Chiến quốc, tức là trước kỷ nguyên của chúng ta. Muộn hơn thì trong *Phong thần truyện* 封神傳 đời Minh, tác giả sách này cho tinh cáo chín đuôi là hiện thân của Đát Kỷ. Còn Lã Đồng Tân là ai và vì sao lại lạc lõng tưởng cũng dễ hiểu: đó là nhân vật có thật, sống vào đời Đường, nhưng lại nổi tiếng là một trong tám nhân vật bất tử trong Tiên thoại Trung-quốc. Kể ra, trong truyện *Cửu vĩ hồ tinh* của Việt-nam, nếu có miêu tả con tinh dùng chín cái đuôi để làm một việc gì cụ thể (như truyện *Chàng con côi (Ý Pơ-jạ)* của đồng bào Tày (xem **Khảo dị**, truyện số **181**) cũng có con chó chín đuôi, nó dùng những đuôi của mình để cứu chủ, v.v...) thì cũng có thể tin rằng cái tên Cửu vĩ hồ tinh không phải là cái tên vay mượn. Đáng tiếc là chín cái đuôi của Cửu vĩ hồ tinh trong *Lĩnh-nam chích quái* lại không có một chức năng gì đáng kể. Căn cứ vào xu hướng của tập sách thường tỏ ra chịu ảnh hưởng cứng nhắc của truyện thần kỳ trong sách vở nước ngoài, nên chúng tôi nghiêng về ý nghĩ cho rằng những cái tên Cửu vĩ hồ tinh cũng như Lã Đồng Tân là bằng chứng của một sự tô điểm vụng về của người kể hoặc người sưu tập, đã "thêm râu" cho cốt truyện của ta.

Trong trường hợp tiếp thu cốt truyện, ta sẽ thấy dù vay mượn nguyên xi hoặc gần nguyên xi, người kể vẫn có những nét thêm bớt nhất định, tối thiểu là thêm hay bớt những tình tiết làm cho tiến trình của câu chuyện không y hệt như cũ, hoặc có những cải biến nhằm lái vấn đề của câu chuyện theo hướng giải quyết mới. Và yêu cầu khách quan không phải là di chuyển một truyện cổ tích vượt qua ranh giới một nước; yêu cầu chính là xây dựng lại, tái sáng tạo một tác phẩm, sao cho phù hợp với quan điểm thẩm mỹ cũng như khuynh hướng tư tưởng của dân tộc tiếp nhận.

Hãy lấy hai truyện làm lệ chứng:

1. Truyện *Ông già họ Lê* (số **153**), qua so sánh thấy rõ là tiếp thu từ truyện *Tờ di chúc* (án thứ 46) trong *Bao Công kỳ án* 包公奇案. Trong truyện gốc này, chứng cứ Bao Công dựa vào chỉ vẻn vẹn có mấy

câu chữ Hán có ý nghĩa "lưỡng đao luận" nếu không nói là mơ hồ[1]. Cho nên để xây dựng lại cũng cốt truyện ấy nhưng với lý lẽ chắc nịch hơn, tác giả Việt-nam đã đưa thêm vào một tình tiết rút trong truyện *Gia sản một bức tranh* ở sách *Kim cổ kỳ quan* 今古奇觀. Chắc chắn đối với thính giả là người Việt-nam, thì ví thử không có tờ di chúc thật nằm trong pho tượng, mảnh giấy có 21 chữ Hán của ông già để lại sẽ chẳng có nghĩa lý gì cả[2].

2. Truyện *Nữ hành giành bạc* (số **38**) cũng tiếp thu từ truyện *Nhờ câu đối mà tra ra án* (án thứ 34) của *Bao Công kỳ án* 包公奇案[2]. Đem đối chiếu hai truyện, sẽ thấy truyện của ta có tình huống và sự tiến triển mạch lạc hơn, lô-gích hơn. Mặt khác, truyện của ta loại bỏ được yếu tố huyền ảo vốn có trong truyện gốc, nó chỉ làm tăng phần siêu hình mà nhẹ phần lý trí, là phần người nghe đang mong đợi. Tóm

---

1. 八十老公生一子人言非是吾子者家產田園盡傳與女婿外人不得爭執 (*Bát thập lão ông sinh nhất tử nhân ngôn phi thị ngô tử giả gia sản điền viên tận phó dữ nữ tế ngoại nhân bất đắc tranh chấp*). Vì không có chấm câu, nên bên nào cũng cắt nghĩa có lợi cho mình.

2. 七十而生非吾子也其田產交與子婿外人不得爭奪 (*Thất thập nhi sinh phi ngô tử dã kỳ điền sản giao dữ tử tế ngoại nhân bất đắc tranh đoạt*).

3. Truyện kể rằng: một nhân vật nữ có học, hôm mới về nhà chồng ra một vế đối, bảo chồng có đối được mới cho chung chăn gối: 點燈登閣客攻書 "*Điểm đăng đăng các, các công thư*". Không đối được, chồng thẹn, bỏ đến trường, thú thật với bạn bè. Nghe tin này, một trong những bạn học, tìm ngay đến nhà, giả làm chồng, nhân tối tăm ăn nằm với người đàn bà, rồi bỏ đi mất. Sáng dậy, chồng về, người vợ biết mình bị đứa gian làm nhục, bèn tự tử. Chồng không hiểu lý do đành lo chôn cất. Sau 3 năm, một hôm Bao Công đi tuần đến đây, gặp rằm tháng Tám, nhân nghĩ được vế đối 移椅倚僮同玩月 "*Di ỷ ỷ đồng, đồng ngoạn nguyệt*", chưa nghĩ ra vế kia thì buồn ngủ, chiêm bao thấy một người nữ đối được câu của mình. Bao Công khen, hỏi tên tuổi, quê quán, cô bảo cứ hỏi mấy anh tú tài trong huyện thì biết. Sáng mai, Bao Công cho đòi các viên tú tài đến, đem vế đối của mình ra đề. Chồng nhân vật nữ có mặt trong số đó đối lại bằng câu của vợ ra năm xưa. Bao Công gọi tới hỏi riêng. Anh kể lại mọi việc. Bao Công hỏi: - "Thế trong trường lúc ấy có ai có tính hay đùa cợt không?". Anh nói đến một người. Bao Công sai lính bắt hắn đến. Hắn chối nhưng bị tra tấn, chịu không nổi, đành phải nhận tội. Bèn bị xử tử.

lại, nó đã được hoán cải tuy có vẻ nhẹ nhàng nhưng lại đổi mới kết cấu của truyện cũ.

Hai trường hợp dưới đây cho thấy việc đi tìm cội nguồn truyện cổ tích quả là vấn đề khó, càng tìm những cội nguồn xa xôi lại càng khó khăn.

Truyện *Người lấy ếch* (số **129**) sơ bộ tìm hiểu có thể kết luận là vay mượn của cốt truyện *Thần Ếch xanh* 青蛙神 trong *Liêu trai chí dị* 聊齋志異 . Như *Từ điển thần thoại Trung-quốc* của Uéc-ne (Werner)[1] có nói đến, người dân Nam Trung-quốc đặc biệt có tục sùng bái đối với loài ếch. Họ lập miếu thờ chúng, chẳng hạn hiện tượng còn thấy ở các tỉnh Giang-tô, Trấn-giang, v.v... Ở đây người ta cầu xin thần ếch xanh phù hộ cho mình buôn bán phát tài và tránh các bệnh tật... Vì vậy, có thể tin truyện *Thần Ếch xanh* 青蛙神 trong *Liêu trai chí dị* 聊齋志異 bắt nguồn từ một truyện cổ tích dân gian hay ít ra Bồ Tùng Linh cũng dựa vào tín ngưỡng mà hư cấu nên.

Nhưng truyện của Việt-nam tuy có một số tình tiết tương tự với truyện của *Liêu trai chí dị* 聊齋志異 vẫn có cơ sở để nghĩ rằng nó cũng thoát thai từ trong tín ngưỡng của người Việt nếu như truyện đó không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ một truyện nào khác ngoài truyện của *Liêu trai*. Hiện nay ở Việt-nam đã không còn tục thờ thần ếch, hơn nữa, người Việt-nam lại là dân tộc có tập quán dùng ếch làm thức ăn. Song từ xưa dân ta vẫn cho loài ếch là vật linh thiêng, biết trước mưa gió, cũng linh thiêng không kém gì cóc. Ở Nghệ - Tĩnh mãi đến ngày nay nông dân vẫn có thói quen xem xương đùi ếch để đoán trước trời có mưa hay không, và mưa vào khoảng nào trong tháng. Lại có câu: "*Ếch oa gọi ra mưa rào*". Sách *Thoái thực ký văn* của Trương Quốc Dụng có chép: "Nay tục cho rằng [năm nào] ếch (điền oa) kêu sớm mà tiếng kêu nhộn nhịp thì được mùa, kêu muộn mà thưa thớt thì mất mùa. Lại những con cóc [thiềm thừ] và nhái xanh [thanh oa] trong những tháng nắng mà [cất tiếng] kêu thì có cái triệu sắp mưa"[2]. Không những thế, trước chúng ta vào đầu thế kỷ, Đờ Grút (De Groot) đã sớm nói đến ý

1. E. T. C. Werner. *A dictionary of Chinese Mythology*, Shanghai, 1932.
2. Chương "Vật loại", trong bản dịch của Nguyễn Lợi và Nguyễn Đổng Chi, Nhà xuất bản Tân Việt, Hà-nội, 1944.

nghĩa của ếch nhái đối với tín ngưỡng của các dân tộc phương Đông, nó là biểu tượng của sự phồn thực. Điều này còn được trống đồng chứng minh[1]. Tiếp theo, Pen-li-ô (P. Pelliot) cũng thông báo một nhận xét khi ông dịch quyển *Chân lạp phong thổ ký* 真臘風土記 ra tiếng Pháp[2]: từ thế kỷ XIII, người Khơ-me (Khmer) ở phía Nam Đông-dương cũng không có tục bắt ếch nhái làm thức ăn. Sự việc đó hẳn có liên quan ít nhiều đến tín ngưỡng.

Những tài liệu cũng như ý kiến về ếch nhái nói trên sẽ giúp ta tìm hiểu tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt xa xưa liên quan đến truyện *Người lấy ếch*. Đáng tin cậy hơn nữa là, trong truyện của chúng ta, nhân vật nàng ếch lại mang cái tên là Bạch Nga Long và là con gái của Long Hải Vương, tức là ếch nhưng lại có quan hệ trực tiếp đến nòi rồng. Những cái tên này tuy có vẻ chẳng có gì là quan trọng, nếu gặp người kể chuyện ưa nói phiếm chỉ, rất có thể đã bỏ qua. Nhưng thật may mắn, nó lại được bảo lưu đến nay để cấp cho chúng ta một thông tin có thể liên quan đến nguồn gốc truyện *Người lấy ếch*, nếu ta liên hệ truyện cổ tích này với một câu tục ngữ của dân tộc Mông-cổ phản ánh một quan niệm cổ truyền của họ: "Rắn và ếch là những con vật thù ghét nhau, song chúng đều có họ hàng với Long vương cả". Hơn cả chúng ta, người Mông-cổ tin rằng ếch có nhiều tài phép, ví dụ có thể làm ra mưa đá. Nó hút lấy nước vào bụng rồi bằng phép huyền bí, biến nước ấy thành những trận mưa đá, v.v...[3].

Như vậy phải chăng truyện *Người lấy ếch* của ta là do cha ông chúng ta sáng tạo, có sự trùng hợp ngẫu nhiên hay cố ý nào đó với truyện *Liêu trai chí dị* 聊齋志異 ? Hay phải chăng truyện ấy vốn có gốc từ một vùng xa xôi nào đó (ví dụ Mông-cổ) rồi bằng một con đường nào đó

1. Viết về trống đồng cổ, dẫn trong một bài giới thiệu sách đăng ở *BEFEO*, số 2 (1902).

2. Trong một bài giới thiệu sách đăng ở *BEFEO* số 2 (1902), tr. 218. Sách *Chân-lạp phong thổ ký* 眞臘風土記 do Chu Đạt Quan 周達觀 viết trước năm 1312. Lê Hương đã dịch ra quốc ngữ (Kỷ nguyên mới xb, Sài-gòn, 1973), đoạn văn ấy dịch như sau: "Người bổn xứ [Khơ-me] không ăn thịt ếch, vì thế về đêm chúng ra đầy đường" (tr. 92-93).

3. Dẫn theo Ríp-tin (B. Ryftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov), sách đã dẫn.

truyền đến Việt-nam? v.v... Tưởng cũng cần chờ sự tìm tòi nghiên cứu thêm của các nhà cổ tích học.

Truyện *Tinh con chuột* (số **115**) của ta kể câu chuyện một con chuột sống lâu năm thành tinh nhân khi chủ nhà đi vắng hóa thân thành một người giống hệt như chủ lén lút đi lại với vợ chủ. Cho đến khi việc vỡ lở, vẫn không chịu thôi. Do đó y đã gây ra vụ án oái oăm, nếu không có thần lực của Phù Đổng thì cả vua lẫn quan đều bó tay. Truyện này có nhiều dị bản quốc tế như của Lào, Khơ-me (Khmer), Ấn-độ, Trung-quốc, v.v..., nhưng có lẽ bản của Trung-quốc trong *Bao Công kỳ án* 包公奇案, tức là truyện *Con mèo mặt ngọc* (án thứ 4) là gần với ta hơn cả. Phải chăng truyện của ta trực tiếp bắt nguồn từ cốt truyện này? Xem xét kỹ truyện của Trung-quốc ta thấy nhân vật phản diện ở truyện này gồm đến 5 "con yêu"[1] chuột chứ không phải 1 như truyện của ta... Cũng ở đây nữa, tình tiết của truyện Trung-quốc không đơn giản như truyện của ta và các dị bản quốc tế khác, diễn biến câu chuyện mỗi lúc một phức tạp, làm cho người đọc có ấn tượng là tác giả *Bao Công kỳ án* đã đi quá xa một truyện kể thông thường, có nghĩa là phần nào đã tiểu thuyết hóa nó. Chính vì thế, chúng tôi ngờ truyện *Con mèo mặt ngọc* là dựa trên cơ sở một truyện dân gian (cũng có thể là dựa trên một dị bản nào đó tương đồng với truyện của ta) rồi phát triển thành, chứ không phải truyện của ta "vay mượn" truyện trong *Bao Công kỳ án* và rút số lượng nhân vật phản diện từ năm xuống một. Căn cứ vào kết cấu và hình tượng của truyện, có thể suy luận rằng, nếu truyện của ta có nguồn gốc ngoại lai chăng nữa thì cũng có thể chịu ảnh hưởng của Ấn-độ gián tiếp qua truyện của Khơ-me (Khmer), hoặc của Lào.

Mặt khác, theo Lê-vi (A. Lévi) trong *Nghiên cứu truyện [cổ tích] và tiểu thuyết Trung-quốc* thì truyện trên của Trung-quốc, ngoài *Bao Công kỳ án* 包公奇安 ra đời vào năm 1597, còn thấy chép trong *Tây dương ký* 西洋記, sách này có lẽ do La Mậu Đăng 羅懋登

1. Việc dùng từ "con yêu" của sách Trung-quốc (*Bao Công thu yêu truyện* 包公收夭傳) là đúng, vì đó là một con yêu phân thân thành năm con chuột, hay là có năm con chuột ở Tây Thiên-trúc đến núi tu luyện nhiều ngày "biến hóa vô cùng", v.v... Còn truyện của ta dùng từ "con tinh" cũng rất chính xác, như trên kia đã trình bày.

soạn (bài tựa đề năm 1597). Như vậy về mặt niên đại, truyện của Trung-quốc chỉ có thể được ghi chép hoặc biên soạn vào cuối thế kỷ XVI, còn truyện của ta vốn được lưu truyền rộng rãi trong dân gian[1], mô-típ của nó còn để dấu vết lại trong truyện *Hà Ô Lôi* ở *Lĩnh-nam chích quái* (sưu tập từ đời Trần), bản thân nó được biên soạn hoàn chỉnh trong sách *Thánh Tông di thảo*. Và nếu đúng sách này là di thảo của Lê Thánh Tông thì dễ thường câu chuyện còn được hoàn chỉnh trước truyện của Trung-quốc gần nửa thế kỷ[2]. Đó là nhận xét rút ra từ văn bản học. Nhìn chung ở cả hai phía, ý kiến đều có sự ăn khớp nhất định. Mặc dầu vậy, vấn đề vẫn cần được nghiên cứu sâu thêm.

Tóm lại, kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thực tế có chịu ảnh hưởng của truyện cổ tích Trung-quốc. Nhưng sự tiếp nhận của người Việt là có chọn lựa và có chừng mực. Rất ít khi cha ông ta sử dụng cả cốt truyện mà chỉ vay mượn từng bộ phận. Khi được lắp ghép, hoán cải, mỗi bộ phận thường trở thành những truyện khỏe mạnh, thích hợp với cảm quan thẩm mỹ của dân tộc.

5. Đối với Ấn-độ, một nhận xét đầu tiên dễ được chấp nhận là kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thường tiếp thu ở họ hầu hết những truyện cổ tích thuộc tiểu loại thần kỳ. Sự thật là vậy. Nhiều truyện thần kỳ của chúng ta nếu không có mặt trong sách *Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra)*, một sưu tập những truyện giáo huấn khá phổ biến do Vi-nu-xác-man (Vinoussarman) biên soạn thì cũng có thể có mặt trong các bộ kinh *Tam tạng, Đại tạng*, hay là bộ sách lớn *Ka-tha-xa-rít-xa-ga-ra (Kathâsaritsâgara*: Biển truyện) do Sô-ma Đê-va (Soma Déva) sưu tập.

Truyện *Tiêu diệt mãng xà* (số **148**) nói về một nhân vật anh hùng giao chiến với mãng xà - con vật chuyên ăn thịt phụ nữ, được nhà vua

1. Truyện đã được sưu tập trong *Bản khai những truyện dân gian* và *Bản khai của làng Vĩnh-an (Nghệ - Tĩnh).*

2. Ở đây có thể đặt ra hai giả thuyết: Một là truyện của ta ra đời sớm hơn truyện Trung-quốc, cụ thể nó không chịu ảnh hưởng truyện *Con mèo mặt ngọc* của Trung-quốc. Hiện nay chưa có lý do để bác bỏ *Thánh Tông di thảo* là tác phẩm của Lê Thánh Tông, như vậy giả thuyết này sẽ càng được củng cố. Hai là truyện của ta chịu ảnh hưởng của truyện *Con mèo mặt ngọc*, đã vậy thì sách trên là do người đời sau thác tên nhà vua làm ra.

định kỳ cung đốn hằng năm. Truyện này rất phổ biến ở nhiều địa phương trong nước ta, với những hình tượng biến đổi khác nhau (ví dụ mãng xà có khi là rết thần, có khi là lợn thần, có khi là muối thần, cũng có khi là quỷ Xương Cuồng, ma Rai, bà Dần, v.v...); cách giết là bằng dao kiếm, nhưng cũng có khi bằng mẹo, bằng hun lửa, hoặc bằng cứt gà, v.v... Có lẽ đây là câu chuyện gắn với một cổ tục xa xăm: việc hiến tế bằng máu người mà dường như ở Việt-nam dưới thời phong kiến vẫn còn lưu tàn tích. Nhưng *Tiêu diệt mãng xà* cũng lại là mô-típ quen thuộc của kho tàng cổ tích từ Á sang Âu. Riêng ở Trung-quốc, Ê-béc-hac-đơ (W. Éberkhard) giới thiệu cho ta đến 14 dị bản. Vậy cốt truyện từ lâu đã mang tính quốc tế. Sách *Sưu thần ký* 搜神記 từng chép nó vào khoảng thế kỷ IV. Nhưng trong *Sưu thần ký* lại không thấy chép phần sau của truyện vốn cũng phổ biến không kém gì phần đầu (tức là từ chỗ nhân vật anh hùng đi tìm mảnh kiếm gãy giắt trong đầu mãng xà làm cho sự dối trá của nhân vật cản trở bị bại lộ). Ở truyện Ấn-độ, thay cho mảnh kiếm là khúc đuôi mãng xà; ở truyện Áp-ga-nit-xtăng (Afghanistan) cũng như trong *Tờ-rít-xtăng và I-dơn (Tristan et Iseult)* thì nhân vật anh hùng sớm cắt được cái lưỡi quái vật; cả ở truyện của dân tộc Ja-rai (Djarai) là nhờ cô gái (nạn nhân được cứu) giữ được vỏ gươm và đuôi khố ân nhân..., nói chung đều là dấu hiệu để người được cứu nhận ra ân nhân thực của mình. Chính vì thế, chúng tôi cho rằng truyện này là do người Việt-nam tiếp thu được của Ấn-độ hơn là của Trung-quốc.

Truyện *Người dân nghèo và Ngọc hoàng* (số **136**) của ta là một câu chuyện có cấu trúc rất chặt chẽ, hình tượng nhân vật và mọi tình tiết đều mang tính dân tộc đậm đà, tính tư tưởng cũng khá nổi. Mục đích của nhân vật chính là đi tìm Ngọc hoàng để hỏi sự việc cho chính mình "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời", nhưng dọc đường, anh đã nhận lời hỏi giúp người khác thêm ba câu nữa. Gặp Ngọc hoàng, trước tiên hỏi hộ cho người, còn câu hỏi của mình thì để lại sau cùng, ngờ đâu ý định đó không thực hiện được, vì Ngọc hoàng chỉ giải đáp ba lần rồi vì bực mình bỏ về trời. Nhưng chính kết quả của những lời giải đáp cho người lại vô tình làm sáng tỏ vấn đề của đương sự, vì tiến triển về sau của câu chuyện đều giúp cho nhân vật lần lượt đạt được nguyện ước: nhận viên ngọc để có sự thông minh, nhận vàng để được đi thi đỗ

cao, và cuối câu chuyện cũng lấy được cô gái câm do chính mình "khai khẩu" sau khi đỗ Trạng.

Thế nhưng cốt truyện của truyện này lại là cái "chung" rất phổ biến của quốc tế, mà mỗi dân tộc thường có nhiều dị bản (Trung-quốc có 11 dị bản, Nhật-bản 18...). Tuy vậy, theo Ê-béc-hac-đơ (Éberkhard) thì truyện Trung-quốc là từ Ấn-độ truyền sang. Tuy mang sắc thái dân tộc tính khá đậm, truyện của ta cơ bản lại phù hợp với sơ đồ cốt truyện mẫu của Ấn-độ được trình bày trong bảng tra cứu của A-ác-nơ (A. Aarne) và Tôm-xông (S. Thompson)[1], chỉ có khác là hình tượng nhân vật thay đổi hẳn: Ngọc hoàng → ở sơ đồ là nhà thông thái; con ba ba thắc mắc vì sống trên một nghìn năm mà chưa hóa kiếp được → ở sơ đồ là con cá bị các con cá con cắn xé; cây cam → ở sơ đồ là cây táo. Truyện của chúng ta có thêm tình tiết nhân vật chính đi thi đỗ Trạng là hình thức sinh hoạt đặc thù của cổ tích dân tộc mà sơ đồ dĩ nhiên không có. Còn nói chung, những câu hỏi trong truyện của ta rất chuẩn so với những câu hỏi của sơ đồ.

Truyện *Con chim khách mầu nhiệm* (số **124**) cũng là một cốt truyện mang cái "chung" phổ biến của quốc tế, lấy đề tài về một con chim kỳ lạ, nhờ ăn được thịt nó (hoặc ăn tim gan, hoặc ăn đầu, hoặc ăn thịt hai con trống mái, hay đen trắng...) nên hai anh em nhân vật chính trở nên có số làm vua trên hai vương quốc (hoặc mỗi sáng nhả ra hai đồng vàng, hoặc nhặt được hai quả trứng vàng...). Người Khơ-me (Khmer) cũng có một truyện tương tự nhưng hình tượng nghệ thuật và diễn tiến của câu chuyện lại không giống hẳn. Ê-béc-hac-đơ (W. Éberkhard) thì cho cốt truyện này không lưu hành ở Trung-quốc[2] mà phổ biến ở Ấn-độ.

1. A-ác-nơ (A. Arne) và Tôm-xông (S. Thompson): *Sơ đồ truyện cổ tích trong văn học thế giới*, Hen-xanh-xki, 1928.

2. Tuy nhiên, theo chúng tôi, Trung-quốc cũng có một truyện có thể coi là một dị bản của truyện *Con chim khách mầu nhiệm* được. Đó là truyện thấy trong *Tả truyện* 左傳 và trong *Đông Chu liệt quốc* 東周列國. Đại khái là: Một người ở đất Trần-sương bắt được một con vật lạ, định đem dâng vua Tần. Đi được nửa đường bỗng gặp hai đứa trẻ bảo: -"Con ấy gọi là con vị, ở dưới đất nó hay ăn óc người chết". Lúc ấy con vị cũng bảo: - "Hai đứa kia là trĩ tinh, một con trống, một con mái, ai bắt được con trống làm nên nghiệp vương, bắt được...

Trong bản *Sách dẫn về mô-típ văn học dân gian*[1], Tôm-xông (S. Thompson) cũng cho là có nguồn gốc từ Ấn-độ. Có thể truyện của ta chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những truyện khá gần gũi của Ấn-độ và Ba-tư (Iran) chăng?

Thực ra, truyện *Con chim khách mầu nhiệm* của chúng ta có phần gần gũi với truyện *A-rớ Y-răng* của người Cham-pa hơn là truyện của người Khơ-me (Khmer). Điều đó kết hợp với suy luận của Cô-xcanh (E.Cosquin) đã dẫn ở trên gợi cho chúng tôi ý nghĩ rằng phần lớn truyện của Ấn-độ được truyền gián tiếp vào ta qua con đường Cham-pa hơn là con đường Khơ-me.

Còn nhiều truyện nữa như *Thạch Sanh* (số **68**), *Bạc hơn cầm thú* (**Khảo dị** số **48**), v.v... đều có chứa đựng những mô-típ phổ biến của quốc tế nhưng sắc thái biểu hiện thì có nhiều nét gần gũi với truyện Ấn-độ, có lẽ bắt nguồn từ Ấn-độ.

Lại cũng có một số hình tượng hoặc tình tiết thần kỳ nằm lẫn trong một số cốt truyện nào đấy mới đọc qua không có gì đáng nói, nhưng nếu truy tìm kỹ sẽ thấy đó là truyền thống sáng tác chịu ảnh hưởng từ bên ngoài. Ví dụ hình tượng rắn hóa thành vàng (hay ngược lại vàng hóa ra rắn khi lọt vào tay kẻ không có số được hưởng). Hình tượng này chỉ giới hạn trong một vài mô-típ quen thuộc lưu hành ở một số dân tộc; chẳng hạn gần gũi với ta ở vùng Đông nam Á thì có các bản của người Kinh, Mường, Tày, Miến-điện (Myanmar)... (Xem **Khảo dị**, số

... con mái làm nên nghiệp bá". Nghe nói thế, người kia liền bỏ con vị mà đuổi theo hai đứa trẻ. Nhưng chúng đã hóa làm hai con chim trĩ mà bay đi mất. Tần Văn Công, sau khi nghe người kia thuật lại câu chuyện, sai chép việc ấy vào sách. Đến đời Tần Mục Công, lại có người ở Tần-sương chăng lưới bắt được con trĩ mái, tự nhiên chim hóa ra con gà bằng đá kỳ lạ, liền đem dâng vua. Một viên quan tâu:- "Ấy, tức là điềm bắt được con mái làm nên nghiệp bá đó!". Ở đây thay vào tình tiết "ăn thịt" là tình tiết "bắt được", người bắt được cũng có số phận như người ăn thịt. Chúng tôi cho rằng có thể từ Ấn-độ truyền vào, truyện đã được hoán cải mạnh tay hơn, nhưng vẫn không mất những nét cơ bản: cặp chim lạ, ai bắt được con trống có số phận làm vua, ai bắt được con mái có số phận bá chủ (một loại vua đứng đầu nhóm vương quốc).

1. Stith Thompson. *Motif-index of Folk-Literature*, 6 quyển (1932-37).

151). Hóa ra chúng đều tiếp thu từ một "bản gốc": bản trong *Tạp bảo tạng kinh*, vốn được dịch ra chữ Hán từ năm 472. Có nghĩa là về mặt thời gian, "bản gốc" được nhập tịch theo lối truyền miệng vào các dân tộc nói trên, có thể còn sớm hơn nữa, mà cội nguồn phát sinh phải là nơi ra đời của đạo Phật.

Hình tượng rắn (hay chằn tinh) phun lửa trong *Sự tích công chúa Liễu Hạnh* (số **137**), *Thạch Sanh (*số **68**), v.v... cũng vậy. Theo A-ni-kin (V.P. Anikine) thì nên liên hệ đặc điểm này của con rắn cổ tích với việc thờ lửa[1]. Cả hình tượng rắn phun lửa lẫn việc thờ lửa đều có thể dễ dàng tìm thấy trong kho tàng truyện cổ cũng như phong tục cổ ở Ấn-độ nếu như ta không muốn tìm xa hơn, chẳng hạn ở châu Phi.

Một loại hình tượng cũng không thể bỏ qua là *tướng người* của các nhân vật cổ tích. Chúng là những dấu hiệu đáng kể, mách bảo cho ta nhiều điều về xuất xứ của các quan niệm tín ngưỡng mà dân gian vẫn lưu truyền. Ví dụ "tay dài quá gối, răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang" là tướng của Ba Vành (số **101**), dấu hiệu báo tin một nhân vật phi thường, trong đó "cánh tay dài quá gối" thường đi cùng với "đôi vành tai dài và dày", vốn là hai trong những tiêu chí về hình ảnh đức Phật (kể cả hình ảnh mẫu dùng để tạo tượng Phật) được đưa đến Trung-quốc (và có thể cả Việt-nam) vào những thế kỷ đầu công nguyên[2]. Nhà văn dân gian Việt-nam sở dĩ không muốn sử dụng tiêu chí thứ hai

1. V.P.A-ni-kin (V.P. Anikine). *Cổ tích dân gian Nga,* Mát-xcơ-va, 1959, dẫn trong *Sáng tác dân gian là một loại hình nghệ thuật*, của K. C. Đa-vle-xtốp (K. C. Davlestov).

2. Quý Tiễn Lâm 季羡林, nhà nghiên cứu tiếng Phạn của Trung-quốc có cho biết các sử gia xưa của Trung-quốc, kể từ Trần Thọ 陳壽 (233-297) viết *Tam quốc chí* 三國志 cho đến các soạn giả *Tấn sử* 晋史, *Bắc triều sử* 北朝史 đều sử dụng những yếu tố miêu tả này của văn học Phật giáo: hai tay dài quá gối (Sthitanvanataja nupralambahun) và đôi tai dài và dày (Pinayakarnah) làm công thức để miêu tả hình dáng một ông vua khác thường. Chỉ bắt đầu từ đời Tùy (thế kỷ VI-VII), chúng mới biến khỏi những tác phẩm lịch sử, nhưng vẫn tiếp tục tồn tại trong truyền thống truyền miệng và văn học tự sự, như là tiêu chí của một người đã được số phận thích dấu (Theo B. Ríp-tin (B. Ryftine), sách đã dẫn).

"hai vành tai dài và dày" gán cho tướng mạo nhân vật Ba Vành vì có lẽ tiêu chí này mang dạng vẻ từ bi đạo mạo, không phù hợp với tướng mạo của một nhân vật có hành động bạo nghịch.

Còn như số lượng quá nhiều nốt ruồi trên cơ thể nhân vật chính của truyện *Vua Heo* (số **104**), cũng là thứ dấu hiệu dùng để chỉ con người phi thường (quý tướng). Tướng quý này có lẽ lại chịu ảnh hưởng từ phía Trung-quốc vì trong sách sử xưa của họ có ghi nhận nhân vật Hán Cao Tổ với "dị tướng": ở vế bên phải có 72 cái nốt ruồi[1].

Nhưng nếu như các tiêu chí về tướng mạo vừa nói vốn có nguồn gốc ngoại lai, thì cái tướng "răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang" lại có thể xuất phát từ bản địa, tuy chưa thành một thứ tiêu chí ổn định. Chỉ riêng "chòm lông xoăn" mọc ở hai bên chân nhân vật cho phép nhân vật có tài phi thân, thì theo chúng tôi, tuy không phải là vắng bóng trong các hình tượng cổ tích quốc tế (như đã có dịp nói đến trong **Khảo dị** số **101**) nhưng không có ý nghĩa biểu tượng cho tướng mạo. Hơn nữa đặt vào cốt truyện của Việt-nam, "chòm lông xoăn" này lại là một hình ảnh giữ vị trí cái "nút" nghệ thuật có liên quan đến sự tiến triển và kết thúc câu chuyện (sự phản bội của hai nhân vật cản trở, bộ hạ Ba Vành). Là bộ phận quan trọng cấu thành của cốt truyện, nên tất yếu nó gửi gắm dụng ý tìm tòi sáng tạo của tác giả.

Tóm lại, kho truyện cổ tích phong phú của Trung-quốc và Ấn-độ từ lâu đời vẫn là nguồn cảm hứng quan trọng cho người Việt trong nghệ thuật sáng tạo truyện kể, đã đóng góp nhiều chất liệu quý báu vào kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. Nếu như một bên (Trung-quốc) mang đến yếu tố của truyện thần kỳ và thế sự thì một bên (Ấn-độ) lại truyền vào hầu hết những truyện thần kỳ, làm đa dạng thêm khả năng tưởng tượng của thế giới cổ tích chúng ta.

1. Chép trong *Hán thư* 漢書 của Ban Cố 班固 và *Sử ký* 史記 của Tư Mã Thiên 司馬遷.

3. THU HÚT TINH HOA KHO TRUYỆN CỦA CÁC DÂN TỘC ANH EM.

Ngoài hai nguồn quan trọng nói trên, kho tàng truyện cổ tích Việt-nam còn thu hút rất nhiều những "truyện hay tích đẹp" của các dân tộc gần xa, mà trước hết là của các dân tộc anh em trong cộng đồng quốc gia chung. Không được phép quên rằng bên cạnh kho tàng truyện cổ tích của dân tộc chủ thể, còn có rất nhiều kho tàng truyện cổ tích và văn học dân gian của trên 50 dân tộc sống rải rác trên nhiều vùng miền của đất nước. Có thể nói, mỗi kho truyện của một dân tộc lại là một thế giới riêng, với ngôn ngữ riêng, cách tạo hình riêng.

Về mặt dân tộc học, như ta biết, ở Việt-nam có những dân tộc vốn có nguồn gốc bản địa, nhân khẩu đông, mật độ dày, cư trú tại một địa bàn nhất định từ lâu đời; nhưng cũng có những tộc người, thậm chí những nhóm người, nhân khẩu ít, mật độ thưa, đã từng theo làn sóng di cư, hoặc từ ngoài vào, hoặc từ một nơi nào đó trong nước chuyển đến một nơi mới, thế rồi do cuộc sống đưa đẩy mà phân tán thành nhiều vùng, mang nhiều tên gọi khác nhau. Trong quá trình lịch sử hàng trăm, hàng nghìn năm, tất yếu diễn ra những sự xô đẩy nhau, hòa hợp nhau, thậm chí pha trộn nhau, nhưng nói chung, ai nấy đều lần lượt gắn mình vào cộng đồng quốc gia chung, dưới một thể chế nhà nước thống nhất do dân tộc chủ thể điều khiển. Dù sao mỗi dân tộc vẫn bảo vệ sắc thái riêng của mình, nên cũng trong quá trình chung sống lâu dài ấy, kho tàng truyện cổ của từng dân tộc vẫn được bảo lưu, tích lũy; và đó là vốn liếng tinh thần quý giá luôn luôn ánh xạ lẫn nhau trong mối quan hệ hội nhập và giao lưu văn hóa diễn ra ngấm ngầm nhưng liên tục, sâu sắc trên suốt chiều dài lịch sử của các cộng đồng trong quốc gia. Các dân tộc sẽ không ngừng cung cấp cho nhau một cách tự phát những sơ đồ, mẫu đề, mô-típ trong việc hoán cải cũng như sáng tác truyện cổ. Kết quả là hàng loạt những dị bản xung quanh từng loại cốt truyện đã được hình thành, như các chuỗi sợi đan dệt kho truyện cổ tích của người Việt với kho truyện cổ tích của các dân tộc anh em thành một mạng lưới sống động, gắn bó khăng khít. Tìm hiểu các hiện tượng liên kết đa dạng này chắc chắn còn giúp chúng ta nhìn sâu vào nhiều mối quan hệ

lâu dài hơn, không phải chỉ trong tư duy nghệ thuật, truyền thống sáng tác mà cả trong tập quán sinh hoạt, phong tục, tín ngưỡng, lời ăn tiếng nói và có thể cả nguồn gốc chủng tộc... giữa nhiều tộc người trên dải đất Việt-nam.

1. Trước hết là truyện của các dân tộc thiểu số miền Bắc. Đáng kể là những dân tộc vốn sống xen kẽ với người Kinh từ lâu, đã từng có một lịch sử giao lưu đậm đà thân mật, như Tày, Nùng, Mường, Thái, Khơ-mú, Dao, v.v... Kho truyện tự sự của họ có nhiều loại hình đặc biệt độc đáo, ví dụ người Tày, Nùng có các truyện thơ; người Mường, Thái có các bài mo kể truyện, đều là văn học thành văn truyền miệng. Nói chung kho truyện cổ của họ còn để lại nhiều huyền thoại và nhiều truyện thần kỳ.

Truyện *Ông Dài, ông Cộc hay là Sự tích thần sông Kỳ-cùng* (số **167**) có đề tài về hai con rắn làm con nuôi của một cặp vợ chồng già, về sau một con vô ý bị chặt cụt đuôi, tính khí trở nên dữ tợn, gây nhiều chuyện rắc rối cho cả một vùng, mà rắc rối nhất là việc rắn hóa phép cướp vợ người. Truyện này lưu hành phổ biến trong vùng người Tày, người Kinh ở khu vực Đông bắc; những dị bản của nó có nhiều, lan vào tận Nghệ - Tĩnh và lên đến cả xứ Mường, thường gắn bó với tín ngưỡng của những địa phương truyện lưu hành. Có lẽ cốt truyện liên quan đến tục sùng bái rắn (hay thuồng luồng), đồng thời lại cũng phản ánh tập tục hôn nhân cướp đoạt mà trước đây không lâu, dấu vết vẫn còn đậm ở một số tộc người nơi biên giới. Và theo chúng tôi, truyện này và truyện *Nguyễn Thị Bích Châu* (số **177**) tuy là hai đề tài khác nhau nhưng chủ đề vẫn có mặt thống nhất, đó là rắn (hay giao long) lấy người trần làm vợ bằng một cuộc hôn nhân cưỡng bức. Trước đây Phrê-dơ (J.G. Frazer) đã từng lưu ý chúng ta về những truyện có nói đến sự hy sinh của một nhân vật nữ bị đem hiến cho thần Nước, hay là cưới vợ trần cho thần Nước, hay cả việc bắt người để cúng thần, v.v...[1]. Ở Việt-nam, hình thức hiến tế phụ nữ cho thần Nước mãi đến nửa đầu thế kỷ XV vẫn còn, như câu chuyện Lê Quý Đôn ghi được trong *Đại-việt thông sử* về cái chết tình nguyện của người vợ thứ Lê Lợi - mẹ Lê Thái Tông sau này

1. Phơ-rê-dơ (J.G. Frazer). *Nguồn gốc huyền diệu của ngôi vua*, Pa-ri, 1920.

- tại làng Trào-khẩu trên bờ sông Lam, thuộc huyện Hưng-nguyên (Nghệ-an) vào năm 1425, nhằm đáp ứng lời cầu xin của thần Phổ Hộ "muốn cưới một người vợ thiếp trần gian", để thần "ngầm giúp ba quân đánh thắng giặc"[1]. Sự đồng dạng khá rõ giữa lịch sử và truyền thuyết là một bằng chứng về tính phổ biến của tập tục khiến ta còn có thể xâu chuỗi các mô-típ trên với những mô-típ khác như *Tiêu diệt mãng xà* (số **148**), v.v... Tuy nhiên, như trên đã đề cập, mỗi khi truyền thuyết địa phương được nhà văn dân gian nâng lên thành một tác phẩm có kết cấu hoàn chỉnh, thì nó đạt được khả năng khái quát nghệ thuật rộng lớn, vượt xa dạng ghi chép thô sơ buổi đầu (như một số dị bản còn giữ lại).

Truyện *Sự tích đá Vọng-phu* (số **32**) nội dung nói về việc anh em ruột thịt lấy nhầm phải nhau (hay là hôn nhân tiền định) là kiểu cốt truyện có nguồn gốc bản địa, có thể xuất phát từ một truyền thuyết nào đó của đồng bào Tày vùng Lạng-sơn, nơi có ngọn núi mang tên Vọng-phu. Cần phân biệt truyện núi Vọng-phu của người Việt với truyện núi Vọng-phu của Trung-quốc, ở chỗ tuy cùng một nhan đề, cùng một kết thúc, nhưng khác chủ đề. Chủ đề truyện của ta là hôn nhân tiền định giữa anh với em, so với những truyện hôn nhân tiền định mang tính quốc tế cũng có khác[2]. Theo Cao Huy Đỉnh thì, nó "bắt nguồn từ một hiện tượng hôn nhân rất cổ mà các xã hội văn minh về sau nhất định phải kết án. Vì vậy cốt truyện chuyển dần sang một sự *không may*, một sự *ly tán*, rồi một sự *lầm lẫn tình cờ* rất xót xa của một đôi trai gái ruột thịt nghèo khổ trở nên thành vợ chồng"[3]. Truyện về sau sẽ lan truyền

---

1. Lê Quý Đôn. *Đại-việt thông sử*. tr.119. Chúng tôi đoán rằng đến giữa thế kỷ XV, khi Lê Thánh Tông lên ngôi, áp dụng mô hình Nho giáo vào bộ máy nhà nước, thì các tập tục cổ truyền nào quá xa với lý tính đều bị bãi bỏ, trong đó có tập tục hiến tế đã nói. Và sử sách của nhà nho cũng xóa bỏ hết các sử liệu về những việc làm họ coi là man rợ.
2. Về chủ đề này, Cô-xcanh (E. Cosquin) đã dẫn ra khá nhiều truyện trong *Cổ tích con mèo và cây đèn cầy ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông*.
3. *Cao Huy Đỉnh. Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt-nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1974; tr. 58.

gắn bó với những địa điểm khác có núi đá hình dạng mẹ ôm con (ngoài Lạng-sơn còn có Thanh-hóa, Bình-định), mỗi nơi lại xuất hiện một vài dị bản, nhưng vẫn cố gắng bảo lưu chủ đề vốn có.

Truyện *Thánh Gióng* (số **134**): hình như ngay từ buổi phôi thai, việc hoàn chỉnh hình tượng nghệ thuật Gióng đã có sự đóng góp, tu sức bởi truyện *Lệnh Trù* của đồng bào Tày; hay cũng có thể ngược lại, truyện người Tày chịu ảnh hưởng của truyện người Kinh, vì giữa hai bên cơ bản giống nhau. Nhân vật chính của truyện *Lệnh Trù* không phải là em bé lên ba, mà là một con cóc thần. Cũng có tình tiết sứ giả theo lệnh vua, rao tìm người tài để đánh đuổi giặc. Yêu cầu của cóc đưa lên vua cũng là rèn gươm sắt, ngựa sắt, nhưng có nêu số lượng cụ thể: 3.000 cân gang làm cốt, 200 cân sắt làm vỏ và 14 cân lông tóc của nam nữ làm bờm và đuôi[1], v.v...Vua cho làm ngay nhưng vật liệu không đủ như số đã nêu, nên khi cóc cưỡi, ngựa không chịu đựng nổi bị khuyu lưng, tuy vậy rồi cũng cố gắng chạy được. Gặp giặc, ngựa cũng phun lửa đàng mồm, phun khói đàng mũi[2].

Nhưng không những giống với truyện của đồng bào Tày, truyện *Thánh Gióng* của chúng ta còn là tập đại thành của một loạt hình tượng nghệ thuật gần gũi trong kho tàng truyện cổ của đồng bào các dân tộc Tây-nguyên, như Mơ-nông (Mnon), Ba-na (Bahnar), Ja-rai (Djarai), v.v..., vì nhân vật anh hùng ở đây cũng mang dạng phổ biến là một em bé, cũng ăn rất khỏe, có khi lên bốn đã thạo sử dụng khiên đao, hoặc

1. Theo quan niệm cổ, lông tóc con người còn là nơi trú ngụ của sức mạnh (ví dụ nhân vật Xăm-xông (Samson) trong *Kinh thánh* (*Bible*)), của năng lực ma thuật (ví dụ nhân vật Séc-mô-nô-xcơ của Pu-skin (Pouchkine)), của sinh mệnh (ví dụ nhân vật Ni-xốt (Nixos) trong thần thoại Hy-lạp, xem **Khảo dị,** số **17**).
2. Ia. Prôp (Ia.Propp) cũng đã từng lưu ý chúng ta rằng nói chung trong các truyện cổ tích, con rắn cũng như con ngựa đều là giống vật phun ra lửa. Chúng ta sẽ thấy ngựa và rắn đôi khi có những liên hệ kỳ lạ, ví dụ nhân vật trong truyện *Con tuấn mã của Ô-lếc*, hoàng tử xứ Ki-ép (Kiev) bị một con rắn vốn nằm trong đầu con ngựa quý của mình chui ra cắn chết (truyện thơ Pu-skin). Riêng truyện *Vua cóc* của người Sán Dìu, một dị bản của truyện *Lệnh Trù*, thì ngựa chở vua cóc không phun lửa mà là cóc phun lửa: cóc phun bên trái ra lửa, bên phải ra khói.

có khi vươn vai cao bằng cây "kơ-nia", cũng có tình tiết nhờ thần rèn gươm hộ, phải rèn đi rèn lại đến mấy lần mới thành, hoặc có tình tiết bắt được con ngựa thần từ một khối đá hóa ra. Đó là chưa kể cốt truyện của chúng ta còn có họ hàng xa với nhiều dị bản của truyện *Tro Bếp nam* - Cendrillon masculin, theo cách gọi của Cô-xcanh (E. Cosquin) - cũng mang ít nhiều mô-típ tương tự.

Nhưng dù sao thì giữa truyện *Thánh Gióng* và truyện của đồng bào Tày cũng có mối quan hệ mật thiết hơn vì lẽ ngoài sự giống nhau về hình tượng và kết cấu, hai truyện còn có chung một địa bàn sinh thành và phát triển. Truyện của ta có nhắc đến cái tên "bộ Vũ-ninh"[1] vốn là địa danh cổ bao gồm cả Bắc-ninh và Bắc-giang xưa trải dài cho đến Lạng-sơn. Mà cho đến nay một phần của vùng đất ấy còn là mảnh đất cư trú của dân tộc Tày. Tuy nhiên, truyện *Lệnh Trù* của đồng bào Tày hiện nay đã bị pha trộn với một mô-típ khác - mô-típ vốn có trong bảng tra cứu sơ đồ truyện cổ quốc tế: đó là mô-típ *Lấy chồng ếch* (hay cóc, nhái, rắn, rùa, lừa, cáo, lợn, chồn, v.v...) mà của ta là truyện *Lấy chồng dê* (số **128**), một kiểu cốt truyện khá xưa của mô-típ này, đã có mặt trong *Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra)*[2].

Nếu truyện *Thánh Gióng* có đề tài chống ngoại xâm, thì truyện *Quan Triều hay là chiếc áo tàng hình* (số **139**) cũng đề cập đến đề tài này, trong khi vấn đề chủ yếu của nó lại là đấu tranh trong nội bộ xã hội. Truyện *Quan Triều* của ta hẳn là tiếp thu từ truyện của đồng bào Tày. Đó là một câu chuyện tưởng tượng lý thú phản ánh ước mơ san bằng giàu nghèo và bẻ gãy mũi nhọn xâm lược. Nếu bằng vào thần tích[3] cũng

---

1. Ghi chép của *Lĩnh-nam chích quái*.
2. Những mô-típ này của truyện *Lệnh Trù*, dường như cũng không vay mượn trực tiếp từ phía Ấn-độ, vì kết thúc của nó lại gần giống với truyện của dân tộc Lê và một truyện khác của Trung-quốc sưu tầm ở phía Nam Quảng-đông. Cả hai đều có hình ảnh này của đoạn kết: nhân vật vua thử mặc tấm lốt cóc (hay ếch), tấm lốt tự nhiên dính chặt vào người, và nhân vật ấy mãi mãi biến thành cóc, trong khi đó thì nhân vật cóc trèo lên ngai vàng làm vua sau khi đã cởi tấm lốt hóa thành người.
3. *Thần tích xã Thế-lộc*. Xem thêm *BEFEO*, X, q.4 (1910).

như sự thờ cúng địa phương thì cũng có thể phỏng đoán truyện được "Kinh hóa" vào khoảng thế kỷ XII hoặc XIII.

Nhiều truyện của Việt-nam không thấy có dị bản nào khác ngoài một số dị bản của các dân tộc Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao... Điều đó cho phép giả định rằng nếu những cốt truyện này không phải từ đâu xa lạ truyền đến thì chính là kết quả sáng tạo từ một dân tộc trong số những dân tộc đã dẫn, rồi được lan truyền sang các cộng đồng cư dân khác, trong đó có người Việt, theo hướng tô điểm và hoán cải, bằng phong cách của từng dân tộc. Nhân vật người - hươu chẳng hạn, có mặt trong một số dị bản của người Tày, Choang (Trung-quốc), Dao, Mường, Thái... (xem **Khảo dị** truyện *Ả Chức chàng Ngưu*, số **182**) là một kiểu nhân vật nửa người nửa vật đặc sắc nhưng cũng chỉ lưu truyền giới hạn trong những dị bản đó mà thôi, chứ không đi xa hơn[1]. Điều đáng lưu ý ở đây là hình ảnh cái sừng của nhân vật trao lại cho đứa con - chỉ riêng với đứa con - dặn nó cứ kéo đến chỗ nào sừng cắm lại thì ở đó, đứa con có thể trồng trọt làm ăn thịnh vượng. *Người - hươu* rất có thể là *biểu tượng của nghề săn bắn vào thời nguyên thủy* nhưng *cái sừng hươu* trong truyện phải chăng lại là một *biểu tượng giao thoa* mang hai lớp nghĩa, vào giai đoạn *nghề săn bắn đã và đang chuyển sang trồng trọt?*

Truyện *Sự tích hồ Ba-bể* (số **27**) cho thấy khá rõ một dấu vết hoán cải theo tinh thần giáo huấn tôn giáo đối với một cốt truyện có nguồn gốc thần thoại của đồng bào địa phương. Đề tài truyện của ta chỉ là sự thử thách và trừng phạt của bà thần đối với bọn người giả dối, chỉ biết thờ Phật ngoài cửa miệng mà không chút từ tâm trước những lời kêu cứu của một con người già nua bệnh tật. Các dị bản của nó ở đồng bào Tày, Dao, Thái phần nào giúp ta hình dung trở lại các dạng lưu hành của bản gốc. Tuy nhiên, ở truyện của ta, nét cổ kính vẫn chưa mất hết; vẫn còn bóng dáng con giao long vốn là biểu tượng của thần Nước. Có lẽ từ đầu, người đời cổ muốn cắt nghĩa hiện tượng đất sụt (hay động đất) bằng sự vùng vẫy của một giống bà trùng khổng lồ nào.

---

1. Có truyền lên đến vùng người Mèo ở Việt-nam, và vào đến Nghệ - Tĩnh - nhưng cũng chỉ dừng lại ở vùng người Nhà-làng (Phủ-quỳ).

Truyện *Vụ kiện châu chấu* (số **170**) đề cao tài biện luận của con gà trống con, về nội dung khác với các dị bản của Tày, Dao, Thái, Mèo... mà đề tài thường hướng vào việc giải thích nguồn gốc sự vật (tại sao con ve không có ruột) mặc dầu giữa chúng đều cùng có một kiểu cấu trúc (trừ truyện của dân tộc Mèo cấu trúc có khác). Rõ ràng truyện của ta phần nào đã được nâng lên về mặt nghệ thuật, có nghĩa là nó không hẳn là bản gốc.

Truyện *Vua Heo* (số **104**) vốn được lưu hành chủ yếu ở miền Nam (cái tên Heo là một bằng chứng), thế nhưng một dị bản của nó lại là truyện *Chu Hùng Ú* có liên quan đến lịch sử di chuyển về phía Nam của dân tộc Dấy - ở vùng biên giới Tây bắc Bắc-bộ. Cả hai truyện đều có chủ đề số mệnh: nói đến một đứa trẻ có số làm vua nên đã vượt qua mọi cản trở, cuối cùng bước lên ngai vàng. Nhưng truyện của ta, về bố cục đã tương đối hoàn chỉnh. Nhân vật chính là một đứa trẻ bướng, lại có một số phận may mắn; từ đầu đến cuối các tình huống và hình ảnh xoay quanh nó đều thể hiện mối xung đột giữa *bướng* (dễ gây cản trở) và *may mắn* (cản trở nào cũng bị gạt bỏ) một cách nhất quán. Nhân vật cứ tiến triển giữa hai lực vô hình đó, không cần một chút cố gắng bản thân nào cả. Trong khi đó ở truyện *Chu Hùng Ú*, nhân vật có lúc phải dùng đến mưu trí (lấy bọt trâu thần) và tài năng (leo cao), tức là không còn do số mệnh đưa đẩy. Ở đây nữa, truyện của ta biết quán xuyến chủ đề và quả đã được nâng lên về nghệ thuật.

Cốt truyện *Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử* (số **166**) vốn có dị bản ở nhiều dân tộc. Truyện lấy đề tài về một con yêu hóa thành gái đẹp, trở thành vợ vua, mê hoặc vua, móc mắt bốn chị em vốn là vợ cũ của vua, rồi đuổi đi. Nhưng nhờ có nhân vật anh hùng con của một trong bốn chị em, lớn lên học được phép thuật, tiêu diệt được mẹ con con yêu, đưa lại hạnh phúc cho mẹ và các dì của mình. Nhưng so sánh kết cấu cốt truyện thì truyện của ta gần với truyện của dân tộc Thái hơn cả. Từ những nhận xét về mặt mạnh cũng như mặt hạn chế trong khả năng tư duy siêu hình của người Việt cổ, đã được trình bày ở chương trên, chúng tôi thiên về giả thuyết coi truyện *Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử* là bắt nguồn từ cốt truyện của Thái chứ không phải ngược lại;

sự sáng tạo ban đầu về các nhân tố kỳ ảo không thuộc về chúng ta, chúng ta chỉ hoàn chỉnh ở bước tiếp theo.

2. Thứ đến là truyện của các dân tộc thiểu số miền Nam: Cham-pa, Khơ-me Nam-bộ và mấy chục tộc người ở Tây-nguyên mà phần trước cũng đã nhắc đến một cách sơ lược. Các dân tộc thiểu số trên vùng đất phía Nam gia nhập vào đại gia đình Việt-nam có phần muộn hơn các dân tộc phía Bắc, nhưng mối giao lưu văn hóa giữa người Kinh với họ thì lại diễn ra tương đối sớm, rất sớm nữa là khác. Không phải ngẫu nhiên mà ta có thể dễ dàng bắt gặp những nét gần gũi trong kho truyện cổ tích và cả thần thoại của cả hai bên. Điều đặc biệt là các cộng đồng cư dân này vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn-độ , Á, Úc, v.v... từ lâu nên khi gia nhập vào cộng đồng quốc gia Việt cũng mang theo cả những tinh hoa tiếp thu được từ các chân trời mới mẻ bồi đắp vào kho tàng chung của văn hóa Việt-nam.

Truyện *Nợ tình chưa trả cho ai...* cũng như truyện *Trương Chi* (số **43** và **Khảo dị**) của ta có đề tài tình yêu vượt đẳng cấp, nổi bật là hình tượng trái tim đông kết thành khối đỏ như son và trong như thủy tinh ("*Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan*") của một trong hai nhân vật chính, khi gặp những giọt nước mắt của "đối tượng" rơi vào mới chịu tan rữa. Tính chất thần kỳ của hai truyện chỉ có thế. Có lẽ cốt truyện của cả hai đều chịu ảnh hưởng ở cốt truyện *Anh chàng mê công chúa* của đồng bào Cham-pa vốn đậm chất thần kỳ hơn nhiều, mà như Cô-xcanh (E.Cosquin) đã nói, đó là trường hợp có thể lấy chất liệu từ truyện Ấn-độ.

Truyện *Tấm Cám* (số **154**) như ta biết, là kiểu cốt truyện rất phổ biến trên thế giới. Từ lâu các nhà cổ tích học gần như đều thừa nhận truyện được phát sinh tại Ấn-độ. Một nhà nghiên cứu còn nói rõ thành phố Đva-ra-va-ti (Dvâravâthi) là nơi truyện ra đời, nhưng điều đó thì chưa có gì làm xác chứng. Riêng truyện của ta do người miền Nam kể, được sưu tập vào năm 1886, so với dị bản của Cham-pa tưởng đâu chỉ là một tấm gương hai mặt. Vì thế, có nhiều người cho là cốt truyện Ấn-độ đi vào ta bằng con đường Cham-pa. Trong truyện có tình tiết: khi Tấm chết, Cám mặc nhiên vào triều thay thế Tấm, và nhà vua cũng

mặc nhiên coi Cám là vợ. Truyện không hề lý giải thêm bằng một hình ảnh cưới xin nào. Trường hợp của ta, của người Cham-pa, Khơ-me (Khmer), Tày và các dân tộc ở Đông-dương, v.v... đều có tình tiết này trong khi nhiều truyện của các dân tộc khác thì không thấy có. Có khả năng là cả loạt truyện đều từ một cốt truyện ban đầu và phân ra nhiều nhánh, và khi đến cư ngụ ở phía Nam bán đảo Đông-dương, chính cốt truyện ban đầu đã hội nhập ngay với một phong tục phổ biến: Vợ chết, chồng có thể lấy luôn chị hoặc em của vợ (levirat) mà ở nhiều dân tộc trong vùng, ví dụ người Ba-na (Bahnar) ở Tây-nguyên cho đến thời cận đại vẫn chưa biến mất.

Truyện *Sự tích thành Lồi* và *Sự tích tháp Nhạn* (số **34** và **Khảo dị**) kể câu chuyện xây thành thi giữa hai đội quân Chàm và Việt nhằm tránh cho cả hai một cuộc chiến tranh đổ máu, chắc hẳn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ truyện *Sự tích vua Klong Ga-rai xây tháp thi* của người Cham-pa. Người Cham-pa, người Khơ-me (Khmer) còn lưu truyền nhiều truyện cổ nói về những truyện xây cất công trình nhà cửa, trong đó có hình ảnh dùng mẹo để chiến thắng đối phương.

Giữa hai dân tộc Kinh và Cham-pa còn có khá nhiều truyện cùng được kể giống nhau, được phổ biến rộng rãi như nhau, nhưng thật khó biết bên nào ảnh hưởng của bên nào. Ví dụ truyện *Con cóc liếm nước mưa* (số **141**): nhân vật nữ giết người chồng mới để báo thù cho chồng cũ, sau khi được biết vai trò nhân vật cản trở do chính hắn đóng (âm mưu tàn bạo hãm hại chồng cũ) và cũng do miệng hắn tự tố cáo. Hay là truyện *Chàng rể thong manh* (số **194**): nhân vật chính rất láu lỉnh, tuy mù nhưng vẫn làm cho mọi người trong gia đình nhà vợ tưởng là mình sáng mắt. Phải chăng các truyện này đều xuất hiện trong quá trình chung sống giữa hai dân tộc rồi mỗi bên tự coi đó là tác phẩm của mình?

3. Cũng do chiều hướng tiếp thu các mô hình Đông nam Á ở các dân tộc thiểu số miền Nam diễn ra mạnh mẽ và vốn có từ lâu, nên nhiều cốt truyện của họ khi đi vào kho truyện của người Việt thì thực tế đã là những sơ đồ phổ biến của cả khu vực này. Và ý nghĩa tích cực của sự tiếp thu là đã góp phần chuyển dịch kho truyện chúng ta sát gần lại mô hình tư duy nghệ thuật của cả một vùng rộng lớn, ở đó cộng đồng người Việt là một thành viên về xã hội - địa lý.

Một loạt truyện loài vật có chủ đề con thỏ ranh mãnh có lẽ dân tộc ta tiếp thu được từ phương Nam, vì các dân tộc ở đây (Cham-pa, Khơ-me (Khmer) và từ người Xê-đăng, Ba-na (Bahnar) phía Bắc cho đến người Mạ, Xtiêng phía Nam Tây-nguyên) đều có dị bản của mình. Không những thế, nó còn là loại truyện của hầu hết các dân tộc ở Đông nam châu Á, có thể có cội nguồn từ Ấn-độ.

Truyện *Cái chết của bốn ông sư* (số **200**) nội dung có nhiều yếu tố kịch tính gây cười: đầu tiên là cuộc đụng chạm giữa người nài với người kiếm mật, tiếp đến là giữa hai người trên với bốn ông sư, và cuối cùng là giữa lão sãi mê tín và mụ quán ranh mãnh, thuê có một nhưng bắt chôn những bốn, v.v... Truyện này vốn lưu hành khá phổ biến giữa các dân tộc Đông-dương theo Phật giáo: Khơ-me (Khmer), Lào, Thái-lan... nhưng truyền vào ta hẳn là qua con đường Khơ-me (Khmer). Duy ở đây cũng cần chú ý một điểm. Trong truyện Khơ-me (Khmer) *Bốn ông lão ngốc đi tìm vợ* có đề cập tới một hiện tượng một vợ bốn chồng; bản của Lào tình tiết rõ hơn: bốn chàng trai chỉ tranh nhau lao đầu vào lấy mỗi mình cô em, trong khi nhà nọ có đến hai chị em; đó là nguyên nhân gây nên cơn ghen giết người của cô chị. Từ hiện tượng ấy, có người đã ngờ rằng cốt truyện ít nhiều là vết tích của một thời kỳ xa xôi, khi chế độ một vợ nhiều chồng (polyandri) đang chuyển hóa nhưng chưa chịu biến mất hẳn.

Truyện *Hà rầm hà rạc* (số **152**) cũng như truyện *Hai anh em và con chó đá* (số **193**) khai thác chủ đề từ mối mâu thuẫn giữa anh và em: anh tham lam bị trừng phạt trong khi em nhờ làm thiện may mắn trở nên giàu có. Như các nhà cổ tích học đã nói, đó là sự xung đột giữa thành viên "trưởng" với thành viên "thứ" trong gia đình và trong thị tộc, là sự xung đột quyền lợi giữa những con người đại diện cho bước khởi đầu phân hóa đẳng cấp. Hai truyện này chúng ta tiếp thu được: một, từ đồng bào Tây-nguyên; một, từ đồng bào Cham-pa, chúng cũng đã lan rộng ra nhiều dân tộc lân cận.

Đặc biệt, có truyện *Sự tích hồ Gươm* (số **26**), một bức tranh có phần chắc được chấm phá nên vào những thời kỳ dân tộc Việt đã trưởng thành mạnh mẽ, biết mượn văn chương tự sự - truyền miệng để phơi

bày bản lĩnh, cũng biết ký thác vào văn chương triết lý sống an lạc thái bình. Thế nhưng, đề tài gươm thần bảo vệ nước, bảo vệ giống nòi, với hình tượng lưỡi gươm và cán gươm vốn đang rời rạc, khi ráp lại với nhau bỗng biến thành sức mạnh vô địch, cũng đã lưu hành từ rất lâu ở nhiều dân tộc trong phạm vi Việt-nam nói riêng và Đông nam Á nói chung, chưa biết đâu là chính gốc. Người Cham-pa, người Khơ-me (Khmer), nhiều tộc người Tây-nguyên, người In-đô-nê-xi-a (Indonésia)... đều có chuyện gươm thần riêng của mình và ít nhiều đều trùng hợp với truyện của Việt-nam về mặt hình tượng, trong số đó có truyện được nói đến từ thế kỷ III[1].

4. Đã nói đến mối liên hệ giữa truyện cổ tích của ta với truyện cổ các nước Đông-dương và các nước Đông nam Á, không thể không nói qua ít nét gặp gỡ giữa truyện của chúng ta với truyện cổ các nước Á - Úc. Nếu như bóng dáng con trâu nước với sợi lông thần diệu của nó làm cho người ta "đi được dưới nước cũng dễ dàng như trên bộ" thường thấp thoáng trong kho truyện của ta cùng với kho truyện nhiều nước Á - Úc, thì truyện *Mang lén giống ngô* của ta[2] không ngờ lại cũng dễ dàng bắt gặp từ trong kho truyện của nhiều dân tộc ở Á và Úc, chỉ với nội dung đơn giản là một nhân vật ở cõi trần lên thiên đình lấy trộm lửa và hạt giống cây, trong đó có hạt giống ngô, v.v...

---

1. Tức là truyện kể về gươm thần của Phạm Văn của người Cham-pa, còn chép trong sách *Thủy kinh chú*.

2. Truyện kể rằng sứ thần của ta sang Trung-quốc, lúc trở về có mang theo một số hạt giống cây mà bên ta chưa có. Nhưng lần ấy do người Tàu khám xét quá ngặt, nên sứ thần đành phải giấu vào chỗ hiểm, mới đưa được một số ít hạt về nhân giống ra. Vị hạt giống cây lấy từ Trung-quốc nên người ta gọi nó là "cây ngô" và ngày nay vẫn quen gọi như thế. Truyện này nếu xét về mặt lô-gích thì có phần vô lý. Không những giống ngô không phải đợi sứ thần đi Trung-quốc mới kiếm được, chỉ riêng việc giấu một ít hạt giống thì hà tất phải nhét vào chỗ hiểm? Sau khi đối chiếu so sánh, chúng tôi nhận thấy có lẽ đó là vang bóng (cũng tức là dị bản) của những huyền thoại hay truyền thuyết về nguồn gốc sự vật của một số tộc người ở Á, Úc, và châu Phi, Mỹ, v.v...(theo A. E. Jen-sen. *Những huyền thoại và sự thờ cúng ở các cư dân nguyên thủy*, Pay-ô, Pa-ri, 1954).

Truyện *Ả Chức chàng Ngưu* (số **182**) của ta chứa đựng một mô-típ thần kỳ lý thú, nhân vật người trần ăn trộm bộ cánh, nhờ đó buộc được cô gái từ trời xuống làm vợ mình. Nhưng xét kỹ đây cũng là một mô-típ quen thuộc có tính quốc tế, có mặt trong huyền thoại của nhiều cộng đồng dân cư ở Tây-nguyên và dãy Trường-sơn. Các cư dân miền Bắc cũng lưu hành mô-típ này song đã được kết hợp với mô-típ người - hươu, như đã nói ở trên. Theo chỗ chúng tôi phỏng đoán thì mô-típ trộm cánh và lấy tiên (hay người - chim) làm vợ có lẽ vốn là cái "chung" của nhiều dân tộc Á và Úc, sau đó mới lan ra các nơi, truyền vào các dân tộc người Tây-nguyên, Cham-pa từng có mối liên hệ văn hóa xa xưa với Á, Úc, rồi từ đấy lại truyền vào ta. Tuy nhiên truyện của ta không chỉ lặp lại mô-típ cũ một cách đơn thuần; trong khi lưu truyền, nó tìm được một mô-típ của truyện kể Trung-quốc và kết hợp chặt chẽ, trở thành một truyện khỏe mạnh hơn, cắt nghĩa nguồn gốc những giọt mưa ngâu rả rích vô cùng độc đáo. Trong khi đó thì truyện cũng vào các dân tộc Tày, Mường, Thái, Dao... và kết hợp với mô-típ người - hươu, v.v...

Truyện *Cường Bạo đại vương* (số **164**) có nhân vật anh hùng - Cường Bạo - là người trần đã dám chống cự lại các thiên thần. Mô-típ này cũng không phải khó tìm dị bản, trong phạm vi các nước Đông nam Á. Theo chúng tôi, nó có gốc từ một mảnh vụn của một thần thoại nào đó, có liên quan đến câu chuyện đại hồng thủy phổ biến trong các dân tộc châu Á và châu Úc, về sau được một số địa phương - trong đó có chúng ta - cổ tích hóa để đề cao một mẫu người không bằng lòng với hiện thực - kiểu anh hùng "bạo thiên nghịch địa" dám chống lại trật tự do tầng lớp thống trị mới dựng lên sau khi chế độ nguyên thủy tan rã.

Những ý kiến sơ bộ trên còn phải thẩm tra thêm, khi có thêm tài liệu thật phong phú. Trong lĩnh vực cổ tích quả còn nhiều vấn đề đáng được đặt ra, cũng như cần phải cất công rà xét, lật đi lật lại. Chẳng hạn ở truyện *Ông Hộ giết thuồng luồng* (**Khảo dị** truyện số **69**) nhân vật anh hùng phải chui vào bụng con quái vật để tiêu diệt nó từ bên trong; hay ở truyện *Lấy chồng dê* (số **128**) nhân vật vợ dê chỉ giết được con cá sau khi để nó nuốt mình vào bụng; những hình tượng như thế điểm lại không nhiều, thế nhưng cũng nên biết chúng phát sinh từ đâu và vào

lúc nào. Có hẳn rằng loại hình tượng chém rồng (hay thuồng luồng, hay cá) *từ bên trong* phải được xem là có trước loại hình tượng tấn công rồng *từ bên ngoài* như Ia. Prôp (V.Ia-Propp)[1] nói? Chỉ một câu hỏi đơn giản thế thôi cũng đã gợi biết bao những điều hấp dẫn khi đi vào cội nguồn của những truyện cổ tích cụ thể cá biệt trong kho truyện dân tộc.

Tóm lại một bộ phận không nhỏ truyện cổ tích của người Kinh chúng ta còn thu hút tinh hoa từ các kho truyện cổ của các dân tộc anh em trong cộng đồng quốc gia Việt-nam và các dân tộc láng giềng xa gần. Trên con đường nhận thức lại quá khứ, những truyện ấy có thể mách cho chúng ta nhiều vấn đề bổ ích: về tàn dư phong tục thời cổ đại, về nguồn gốc dân tộc và về sự hòa hợp dân tộc, v.v...[2].

1. V.Ia. Prốp (V.Ia.Propp): *Nguồn gốc lịch sử của cổ tích thần kỳ,* Lê-nin-grat, 1946.

2. Nhân đây xin nhắc lại một đề tài của Prơ-di-luýt-xki (Przyluski) công bố cách đây trên 50 năm, nhan đề: *Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần (Nãgi) trong các truyền thuyết ở Đông Á* có kể ra một loại huyền thoại, cổ tích thần kỳ và truyền thuyết lưu hành từ xa xưa tại nhiều nước như: Ấn-độ (gồm nhiều dị bản trong đó có truyện của Bắc Ấn, Nam Ấn, Cô-la, truyện Phật giáo, truyện trong bộ *Ka-tha-xa-rít-xa-ga-ra (Kathâsaritsâgara),* v.v...), Trung-quốc (3 truyện), Phù-nam (truyện Côn-đi-ni-a), Căm-pu-chia (truyện đã được tạc thành phù điêu Bay-don ở Ăng-co Thom), Cham-pa (truyện có khắc ở bia), Miến-điện (Myanmar) (truyện U-pa-gút-ta), Pê-gu (truyện vua Thâ-ton), Thái-lan (truyện Phy-a Ru-ang), lưu vực Sa-lu-en (truyện chàng Hối), Việt-nam (truyện Lạc Long Quân và truyện My Châu - Trọng Thủy), In-đô-nê-xi-a (Indonésia) (truyện Tchao-jou-koua mang tên Long tinh), Nam-chiếu (truyện Cửu-long), Ta-li (truyện vua Ssen-p'ing),Mun-đa (truyện vua Sô-ta Na-pua), v.v... trong những truyện đó nhân vật chính thường là nữ, chưa chồng, nhưng do tiếp nhận (hay cảm thụ) một cách huyền bí tinh khí của một rắn thần (hay rồng, hay người - rắn) có mang, sinh ra con trai; đứa bé này thường làm nên sự nghiệp kỳ lạ và có dòng dõi thường là đế vương, v.v...

Sau đây đơn cử sơ đồ một vài huyền thoại:

Của Ấn-độ :

- Một nhân vật nữ tên là A-đơ-ri-ka bị Bra-ma biến làm cá, sống ở hồ Y-a-mu-ra. Một hôm, có con diều tha một lá cây trên có nước giải của vua U-pa-ri-ca-ra đánh rơi ở hồ. Nuốt lá cây ấy, cá có mang, sau đó bị sa lưới, người ta mổ bụng thấy có một trai một gái, bèn đưa nộp vua U-pa-ri-ca-ra. Vua nuôi...

4. NGUỒN GỐC BẢN ĐỊA CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

Cuối cùng, ta hãy nói tới mảng truyện không biết xếp vào bất kỳ một mô hình nào trong các sơ đồ cốt truyện quốc tế cũng như các sơ đồ

... đứa trai làm con đặt tên là Mat-si-a (cá), sau nó trở thành vua. Còn đứa con gái tanh mùi cá thì vua cho một nô lệ nuôi. Khi nó lớn, có một nhân vật là Pa-ra-xa-ra đi lại cùng nàng sau khi đã làm cho nàng mất mùi tanh mà lại có mùi thơm như mong muốn của nàng. Rồi đó nàng sinh ra Vi-a-sa, tác giả bộ *Ma-ha-bha-ra-ta (Mahâbhârata).*

Của Trung-quốc :

● Xưa kia, có hai con rồng thần đến trước vua Hạ Kiệt nhả rãi trong miệng ra mà nói : -"Chúng ta là hai vua ở Bao-thành". Có người cho biết rãi ấy là tinh khí của rồng nên vua cho hứng vào hộp cất đi. Trải rất lâu đời, một hôm, một ông vua về sau nhân thấy hộp có ánh hào quang, bèn sai mở ra xem, chẳng may đánh rơi hộp, rãi chảy lênh láng cả cung điện hóa thành những con giải nhỏ, trong đó có một con chạy vụt vào cung cấm làm cho một cung nữ 7 tuổi có mang. Đến năm 16 tuổi, người cung nữ ấy đẻ được một gái. Người ta cho đứa bé là quái vật đem vứt xuống sông. Một người phạm tội đang trốn tránh, vớt được, liền đưa sang Bao-thành bán cho một người khác làm con nuôi lấy tên là Bao Tự. Nhân vật nữ này có nhan sắc tuyệt trần, về sau được vua Chu U Vương nạp vào cung. Sức quyến rũ của nhân vật này làm cho vua vô cùng say đắm, cuối cùng đưa đến cái chết của nhà vua.

Của Phù-nam :

● Một nhân vật bà-la-môn tên là Côn-đi-ni-a mộng thấy thần cho một cái cung và mời lên thuyền. Sáng dậy, nhân vật đến đền thần quả thấy một cái cung thần ở một gốc cây, bèn nhận lấy và sau đó đi thuyền ra biển đến xứ Phù-nam. Ở đây có một con rắn thần (nãgi) ngự trị là hoàng hậu Sô-ma. Côn-đi-ni-a bắn một phát tên làm cho hoàng hậu thuần phục, bèn lấy làm chồng. Nhân vật trở thành vua Phù-nam từ đó.

● Riêng truyền thuyết *Mỵ Châu-Trọng Thủy* của ta thì tác giả *Nghiên cứu về nghi lễ nông nghiệp của người Căm-pu-chia* Ê-vơ-lin Po-rê Mat-xpê-rô (Éveline Poret Maspéro) không cho là đúng. Bà nói: "Trong dị bản mà ông ta [Prơ-di-luýt-xki] đưa ra là một nàng công chúa bị nhà vua dùng gươm chém chết [Mỵ Châu], máu của nàng chảy xuống biển hóa thành ngọc trai; với ông ta, con rắn (nãgi) mà Côn-đi-ni-a lấy "trở thành nàng công chúa" của truyền thuyết An-nam. Sự so sánh này không thuyết phục được tôi". Mặc dù vậy theo chúng tôi, phát hiện của Prơ-di-luýt-xki (Przyluski) cũng cho ta một ví dụ khá cụ thể về mối liên hệ giữa truyện cổ của các nước trong một khu vực rộng rãi ở Đông nam châu Á..

khu vực, sau khi đã trải qua khâu đối chiếu so sánh nhiều lần. Khâu đối chiếu này chắc chắn còn phải thực hiện tiếp, với nhiều thao tác chi tiết và khoa học hơn nữa. Dù sao trong một chừng mực tương đối, cũng có thể hướng tới một kết luận có nhiều khả năng gần sự thật nhất: đây là nhóm truyện có nguồn gốc không ở đâu xa mà là từ bản địa.

Tính về số lượng, trong số 200 truyện chính của cả "kho tàng" - một kho tàng đã được chọn lọc - nhóm truyện bản địa chiếm 75, khoảng một phần ba tổng số. Chắc chắn nếu đối chiếu nhiều lần nữa, con số này sẽ còn ít hơn. Nhưng như thế cũng đã là điều đáng khích lệ đối với chúng ta. Bởi nó là bằng chứng không thể bác bỏ, xác nhận sự tồn tại của cái "riêng" trong cổ tích của một dân tộc, trong khi cái "chung" đã là vấn đề quá hiển nhiên đối với cổ tích học thế giới. Nhưng cái "riêng" có tính chất định lượng mà ta vừa tìm thấy, nói lên được điều gì? Mục nhỏ cuối cùng này của bộ sách sẽ không bàn trở lại những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích Việt-nam mà chúng tôi đã giải quyết trong toàn bộ Chương IV, phần *Tổng luận*. Sở dĩ chúng tôi muốn xem xét đặc điểm truyện cổ tích Việt-nam khi chưa chia nhỏ chúng ra, căn cứ trên kết quả truy tìm nguồn gốc "ngoại nhập" cũng như "nội sinh" của từng nhóm, vì lẽ nói đến đặc điểm truyện cổ tích là nói đến một loại hình văn xuôi tự sự dân gian như nó vẫn tồn tại, cái "chung" và cái "riêng" còn nằm lẫn cả ở trong đó, gắn bó, hòa trộn vào nhau, là lực đẩy đồng thời cũng là lực hút của nhau. Và người đọc từ xưa đến nay, bao giờ cũng tiếp nhận chúng một cách trọn vẹn, như một dòng văn nghệ không phân thứ hạng, một cái gì đã được thanh lọc, đã vắt qua nguồn cảm xúc và ánh sáng trí tuệ của dân tộc, để trở thành tiêu chuẩn cái đẹp của tâm thức Việt-nam. Còn khi đã tách ra theo từng nhóm xuất xứ thì mỗi nhóm không còn đủ tư cách đại diện cho cả loại hình, dù rằng đó là nhóm truyện có nguồn gốc "bản địa". Mỗi nhóm chỉ có thể cấp cho ta những tia sáng để lần theo đó đi tìm các dạng sơ đồ nguyên thủy, trước khi chúng được hội nhập vào dòng chảy của cả con sông. Chúng phải trải qua xáo trộn, biến đổi về chất để trở thành những giá trị lớn hơn.

Xem xét lại con số thống kê, khối lượng nhóm truyện bản địa bao gồm nhiều nhất là tiểu loại thế sự và nửa thế sự và tiểu loại lịch sử. Có rất ít truyện thuộc tiểu loại thuần túy thần kỳ. Dựa trên chỉ số đó, chúng tôi xin nêu lên dưới đây một vài gợi ý sơ lược về một ít biểu mẫu, sơ đồ - có thể là chưa tiêu biểu - để người đi sau dễ dàng nhìn sâu hơn vào gốc rễ dân tộc trong tư duy cổ tích Việt-nam.

1. Trước tiên hãy nói đến *tiểu loại nửa thế sự*. Gọi là nửa thế sự nhưng yếu tố thế sự mới đóng vai trò chủ yếu. Yếu tố thần kỳ chỉ đóng vai trò phối thuộc. Đề tài thế sự phần lớn là các mối quan hệ gia đình được xã hội hóa: vợ chồng (hoặc rộng hơn nam và nữ yêu nhau rồi thành vợ thành chồng), anh em (hay cô cháu, bác cháu, dì cháu...), bạn bè... Chủ đề thường giới hạn ở ba phương diện, nhưng không tách hẳn nhau: 1. Tình yêu (mặt trái là ghen tuông, ngờ vực), tình chồng vợ (mặt trái là không tốt với đứa con riêng, không tốt với bạn chồng); 2. Đạo đức (mặt trái là dối trá, bất nhân, bạc ác); 3. Xã hội: giàu nghèo, đói kém... Triển khai các chủ đề trên thường bao giờ cũng đẩy mọi quan hệ đến những xung đột không thể hòa giải (trừ một vài truyện khai thác sự chung thủy của tình yêu). Và kết cục là cái chết thương tâm của nhân vật. Yếu tố thần kỳ xuất hiện đúng ở điểm kết thúc, theo những ước lệ có sẵn trong tư duy truyền thống: nhân vật chết nhưng hóa chim, hóa đá, hóa cá, hóa cây... Nhưng cũng nhiều khi yếu tố thần kỳ còn can thiệp sâu hơn, vận dụng phối hợp một vài hình thức tín ngưỡng có hoán chuyển ít nhiều, tạo ra những kết thúc không đơn giản. Và như thế, ta có hai dạng sơ đồ về tiểu loại nửa thế sự.

Dạng sơ đồ I:

• *Sự tích chim hít cô* (số **5**): cô và cháu sống gắn bó với nhau (cháu ở đây có lẽ được cải biến từ nhân vật đứa trẻ mồ côi). Nhưng trời làm mất mùa đói kém, lại vào ngày giáp hạt nên cả hai cùng bị cơn đói đe dọa. Ruộng lúa bắt đầu chín, cô ốm nặng, cháu đi mót được một nắm thóc đem về xay giã, nấu cháo. Khi cháu đi khỏi thì cô húp hết cháo. Cháu về, thất vọng, rủa cô ("Còn chút cháo đấy, hít nốt đi cô! Hít cô!"). Cháu chết, hóa thành chim hít cô.

Chú ý: sơ đồ truyện này gắn rất chặt với môi trường sinh hoạt lúa nước: sự khốn khó truyền kiếp của người làm ruộng trong ngày giáp hạt; và cũng gắn với môi trường thiên nhiên dân tộc: giống chim hít cô.

• *Sự tích chim quốc* (số **7**): Quắc và Nhân là hai người bạn chí cốt, thương nhau hết lòng. Sau khi xa nhau, Nhân lấy vợ phú thương trở nên giàu có, còn Quắc vẫn nghèo khổ. Nhân không quên tình bạn, đón Quắc về cùng sống. Nhưng vợ Nhân (con nhà buôn, lại không có những ngày hàn vi) không chấp nhận. Xung đột nổ ra ngấm ngầm, đè nặng lên tâm trạng Quắc. Quắc đành trốn đi, giả cách bỏ áo ở cửa rừng để che mắt bạn. Nhưng Nhân vẫn vào rừng tìm Quắc, luôn miệng gọi "Quắc", cuối cùng chết hóa ra chim quốc.

• *Sự tích đá Bà-rầu* (số **33**): vợ xinh đẹp con thuyền chài, và chồng làm nghề buôn chuyến, rất yêu nhau. Sau những ngày ái ân họ phải chia tay. Chồng theo thuyền buôn ra đi. Thuyền gặp bão, nhiều tháng vắng bặt tin tức. Nhưng rồi chồng trở về. Sự xa cách đã len mối nghi kỵ vào lòng chàng trai. Vợ chồng mất yên ấm. Chàng lại bỏ ra đi. Sau nhiều năm tháng, chàng mới trở về thì nhà vắng bóng vợ. Bỏ đi tìm, ra đến bến sông, vợ đã hóa đá.

Ta để ý hai sơ đồ sau cũng gắn với môi trường thiên nhiên nước Việt, qua tiếng kêu quen thuộc của con chim quốc, và địa hình núi đá có dáng người; và còn gắn với một tâm lý rất nặng nề của xã hội Việt cổ mà chúng tôi đã từng lưu ý: nghi kỵ lối sống buôn bán. Về sơ đồ *Sự tích đá Bà-rầu*, nếu ta đổi mô-típ "hóa đá" thành một mô-típ muộn hơn: nhảy xuống sông chết hóa thành thần thiêng ở cửa sông, thì về cơ bản, sơ đồ vẫn giữ nguyên, nhưng đã mang một màu sắc mới: truyện *Vợ chàng Trương* (số **185**).

Dạng sơ đồ II:

• *Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông* (số **46**): Ất và Giáp chơi thân. Giáp giàu thường cưu mang Ất. Ất vay tiền Giáp, bỏ đi nơi khác cùng vợ làm nghề buôn, dần dần giàu có. Giáp tìm đến định giúp đỡ, nhưng vợ chồng Ất nghi ngờ, tưởng đến đòi tiền, bèn bàn nhau giết chết, chôn dưới cây khế. Cây khế sinh hoa, kết độc một quả. Vợ Ất ăn, sinh đứa con trai câm. Bảy năm sau, con đột ngột

bảo bố mẹ mời quan đến nhà. Quan đến, con kể hết sự thật. Vợ chồng Ất bị xử trảm.

Chủ đề "bất nghĩa, phản bạn" diễn biến lúc đầu vẫn giống như sơ đồ I, cho đến chỗ Giáp bị giết. Nhưng đến đây tác giả lại không vận dụng yếu tố thần kỳ đơn giản của sơ đồ I để kết thúc mà lồng vào đó quan niệm luân hồi, quả báo, với một tình tiết chuỗi: Cây khế chôn người chết nảy ra quả khế → vợ Ất ăn khế sinh ra đứa con câm. Đứa con câm bật nói là cái "nút" của câu chuyện, đồng dạng với những mô-típ có trong truyền thống nghệ thuật Việt từ xưa (tình yêu vụng trộm dưới gốc cây khế (hay cây chanh) sau đó đứa con sinh ra bị dân làng nguyền rủa, nhưng một tay đứa bé nắm lại; lúc người bố trở về, con xòe tay ra, một bông hoa khế thơm lừng rửa sạch nỗi oan[1]).

• *Bà chúa ong* (số **171**): Chàng học trò nhà nghèo vừa làm ruộng nuôi bà vừa học rất giỏi. Đến kỳ thi chàng vừa phải gánh thuê vừa vào kinh đi thi. Trời tối bị lạc vào rừng, gặp một ngôi nhà giữa rừng, nhà có một cô gái mù xinh đẹp đã biết trước mọi chuyện. Chàng được tiếp đãi ân cần nhưng vẫn e sợ. Vì gặp bão, chàng phải ở lại, nhân đọc được những cuốn kinh Phật có sẵn. Cô gái mù vốn là con một vị quan bỏ về ở ẩn, làm nghề nuôi ong. Do mù, cô có một linh cảm đặc biệt, biết trước mọi chuyện xẩy ra. Cô biết khoa thi ấy bị hoãn. Khi chàng trai vào thi quả như lời cô. Nhờ có đọc qua sách Phật chàng trả lời được câu hỏi hóc hiểm của chủ khảo và thi đậu trong khi người khác đều hỏng. Vinh quy trở về, qua rừng thì cô gái xinh đẹp đã sáng mắt, đứng giữa một đàn ong vàng. Họ cưới nhau và hạnh phúc.

Sơ đồ câu chuyện không có gì thần kỳ. Lẽ ra đây là một cốt truyện hoàn toàn thế sự, khai thác đúng quan hệ nam nữ truyền thống (nam: học trò nghèo; nữ: con gái đẹp con quan thanh bạch; tác hợp sau khi công thành danh toại). Nhưng yếu tố thần kỳ đã được sử dụng như một khả năng "thần giao cách cảm" của nhân vật nữ, có tác dụng soi sáng tâm thức nhân vật chính, giúp nhân vật đi đúng con đường đến đích. Yếu tố thần kỳ không đậm nét nhưng cũng không đơn giản như ở sơ đồ I, nó đóng vai trò một sợi dây vô hình nối liền mối quan hệ trai tài

1. Xem lại **Khảo dị** truyện *Duyên nợ tái sinh* (số **173**).

gái sắc, và làm cho một câu chuyện không có gì bí ẩn, bỗng trở nên huyền ảo, thấm quyện hương sắc trữ tình. Và nếu chúng ta thay mô-típ "tiên tri" của nhân vật nữ bằng một mô-típ kỳ ảo rõ nét hơn (cô gái là ma hoặc có năng lực siêu nhiên) thì sơ đồ sẽ lập tức biến sang dạng truyện *Sự tích tháp Báo-ân* (số **168**).

2. Sau tiểu loại nửa thế sự là *tiểu loại thần kỳ*. Tiểu loại này chỉ có thể đếm được rất ít. Và ngay giờ đây, vạch một số sơ đồ đặc thù cho tiểu loại cũng là quá sớm, bởi lẽ những nhân tố huyền bí trong các truyện chưa được truy nguyên đến nơi đến chốn để hiểu rõ các chặng đường biến thái của chúng từ nguyên thủy đến trung đại. Ta chỉ có thể nêu một vài nhận xét về những hình thức tồn tại muộn của chúng ở ba sơ đồ mà chúng tôi chưa nhìn thấy rõ dấu vết truyện cổ tích thần kỳ nước ngoài can thiệp: *Hà Ô Lôi*[1] (số **116**), *Người thợ đúc và anh học nghề* (số **122**), *Cây tre trăm đốt* (số **125**).

Cả ba sơ đồ đều nhấn mạnh xuất xứ của nhân vật thần kỳ: Đó không phải là những người trần bình thường mà là con thần sinh ra (*Hà Ô Lôi*), hoặc có khi chính là thần (thánh Khổng Lồ trong *Người thợ đúc và anh học nghề*). Dạng thấp nhất là người trần nhưng được thần (hoặc bụt, tiên) bày cho phép lạ (*Cây tre trăm đốt*). Truyện *Cây tre trăm đốt* theo chúng tôi là sự hoán cải mô-típ "đứa con mồ côi" trong sơ đồ quốc tế thành một truyện thần kỳ của Việt-nam. Do đó, xét ở một mặt, truyện có kết cấu của *Chàng đốn củi và con tinh* (số **121**) nhưng đơn giản hơn, mặt khác sắc thái dân tộc cũng rõ nét hơn.

Cả ba sơ đồ đều sử dụng các ước lệ kỳ ảo đã có trong truyền thống tín ngưỡng người Việt quá khứ. Tài phép của chàng nông dân trong *Cây tre trăm đốt* là nhận được từ Bụt, một biểu tượng tôn giáo ngoại lai từ lâu đã bản địa hóa. Câu thần chú "Khắc nhập" "Khắc xuất" không thể không liên quan đến bùa chú ma thuật của đạo phù thủy là một tôn giáo có phần pha trộn nhưng có sức sống mạnh mẽ trong môi trường cư dân nông nghiệp Việt cổ. Bộ khuôn đúc người già trẻ lại chắc có liên quan mật thiết đến những truyền thuyết huyền bí về nghề đúc đồng

1. Cũng có thể cái tên Hà Ô Lôi về mặt ngữ âm có liên quan đến một cái tên nước ngoài nào đấy mà chúng ta cần nghiên cứu thêm.

cổ xưa ở Việt-nam mà ngày nay rất tiếc đã thất truyền. Còn việc giao hoan giữa thần và người là tàn dư của thần thoại, việc giết nhân vật *người - thần* bằng cách bỏ vào cối giã vốn còn tàn tích trong phong tục và tín ngưỡng, ngay cả việc nuốt nước bọt của thần để trở nên đẹp trai, hát hay, tuy khó tìm được một mô-típ hoàn toàn đồng dạng, nhưng cùng tính chất thì có rất nhiều (nuốt lông trâu thần hoặc nuốt bọt để trở thành khỏe mạnh...). Như thế, truyện thần kỳ bản địa Việt-nam quả đã tìm thấy nguồn sữa nuôi dưỡng mình trong các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng dân tộc chủ yếu là từ thời trung đại về sau.

Điểm cuối cùng, tuy gọi là tiểu loại thần kỳ, cả 3 sơ đồ đều không thỏa mãn được một yêu cầu cơ bản: vận dụng yếu tố thần kỳ làm đường dây tiến triển liên tục của mạch truyện. Yếu tố thần kỳ hoặc chỉ được sử dụng ở đầu và ở cuối *(Hà Ô Lôi)*, hoặc được dùng làm một mặt "đối chứng" với hiện thực (*Người thợ đúc và anh học nghề*), hoặc được sử dụng như một nhân tố kết thúc *(Cây tre trăm đốt)* ... Và mạch truyện thế sự ở cả ba truyện cứ luôn luôn hiển lộ chứ không bị thần kỳ che khuất. Hơn nữa, mục đích khuyên răn đạo đức lại được gửi gắm rõ ràng (trừ truyện *Hà Ô Lôi*).

Không còn nghi ngờ gì nữa, ba nhận xét vừa trình bày đã cho chúng ta những cơ sở khá chắc chắn để xác nhận lại một lần nữa chiều hướng vận động không tách rời lý trí và nhân tính của tư duy nghệ thuật cổ tích Việt-nam, ngay cả lúc đang phải tìm đến sự giải thoát bằng một thế giới hư ảo.

3. Về *tiểu loại truyện lịch sử*: đây là nhóm truyện giàu có nhất, phải nói là quá nhiều so với số lượng mà bộ sách này lựa chọn và tập hợp. Nhưng kể cũng thú vị: tiểu loại cổ tích lịch sử của Việt-nam lại không tách rời yếu tố thần kỳ. Vì sao? Chỉ có thể giải thích bằng nhu cầu nội tại của tiểu loại. Cần nhớ là lịch sử ở đây không phải là lịch sử của đất nước nói chung mà là lịch sử của chính quần chúng, được quần chúng nhận thức và tái sáng tạo thông qua các biểu tượng thẩm mỹ - người anh hùng của họ. Một sự tái sáng tạo như vậy tất yếu phải mang cảm quan kỳ vĩ hóa đối với anh hùng. Để làm được việc này, nhà văn dân gian đã sử dụng yếu tố kỳ ảo ở bất kỳ tình tiết nào có thể mở rộng cảm

hứng và kích thích trí tưởng tượng đối với nhân vật (tài năng siêu việt, hành trạng phi thường). Nhưng có hai cái mốc trong tiểu sử nhân vật được quan tâm đặc biệt là mốc *ra đời* và mốc *kết thúc* - yếu tố kỳ ảo gần như tập trung đậm đặc ở đây (nhất là ở mốc ra đời). Nếu mọi con người sinh ra trên trần thế đều do số mệnh định đoạt thì nhân vật anh hùng của dân gian tất phải có một số mệnh khác người. Vì thế, dân gian sẵn sàng mượn tất cả những ước lệ vốn có để giải thích sự "sinh ra" của anh hùng. Từ thần thoại và huyền tích (mẹ giẫm phải dấu chân lạ mang thai; mẹ được thần nhân giao hợp; mẹ bị khỉ, rái cá cưỡng hiếp), đến đạo tiên (anh hùng do người của Ngọc hoàng Thượng đế thác sinh; mẹ chiêm bao nuốt sao vào bụng...), cho đến cả tín ngưỡng phong thủy (tình cờ được huyệt đất quý táng mộ tổ, có khi là hàm rồng, ngựa đá, có khi là "mối đùn", "hổ táng"...).

Đối với hành trạng của người anh hùng, dân gian có vận dụng yếu tố thần kỳ một cách chừng mực (ngọc kỵ đạn của Cai Vàng, chòm lông xoăn của Ba Vành ...), nhưng không bỏ quên yếu tố hiện thực, bởi đây dù sao vẫn là nhân vật lịch sử. Có trường hợp, để thay cho yếu tố thần kỳ, thủ pháp phóng đại đã được sử dụng thích đáng, gây phấn hứng cho người nghe truyện không kém gì yếu tố thần kỳ. Truyện *Lê Như Hổ* (số **63**) xây dựng một nhân vật song nghĩa: hình thức nhà nho, bản chất nông dân, có tài ăn khỏe, lao động chân tay rất khỏe, lúc đi sứ ăn liền một lúc 18 tầng cỗ của vua Tàu, ăn bằng sạch món cá giả đầu người để trả đũa ngụ ý chơi khăm của ông vua trịch thượng. Truyện còn có thêm một nhân vật phụ: một người hàng thịt "tháp tùng" trong chuyến đi của Lê Như Hổ đã trổ tài "gọi mưa" theo kinh nghiệm đoán thời tiết của người làm ruộng lâu đời phương Nam, làm cho vua quan "thiên triều" sững sờ kinh ngạc.

Nhưng đa số trường hợp, nhân vật anh hùng của dân gian đều bám sát lịch sử, không cách điệu theo hướng phóng đại, cũng không kỳ vĩ hóa, chỉ sử dụng hư cấu gần như một thủ pháp nghệ thuật thông thường (*Quận He*, số **97**; *Lê Văn Khôi*, số **100**). Mặc dầu vậy, sự hư cấu đã chắp cánh cho lịch sử, cũng làm cho câu chuyện từ các mảnh truyền thuyết rời rạc đi đến một kết cấu hoàn chỉnh hơn. Ví dụ ở truyện *Quận He*,

các biểu hiện tương phản về tính cách giữa nhân vật chính (Nguyễn Hữu Cầu) và nhân vật cản trở (Phạm Đình Trọng), diễn ra ngay từ lúc còn là đôi bạn học, cho đến những cuộc chạm trán nẩy lửa giữa chiến trường, càng làm tôn phong độ nhất quán (phóng khoáng, cao cả) của nhân vật chính. Hay ở truyện *Lê Văn Khôi*, tình tiết vua Minh Mạng học tập trò chơi đánh trận của trẻ chăn trâu nhờ đó hạ được thành Phiên-an, là một kết thúc hoàn mỹ cho câu chuyện, lại vừa có tính trào phúng cao.

Cần phân biệt một số truyện cổ tích của chúng ta xét về kiểu cốt truyện (cái bất biến) thì vẫn thuộc tiểu loại lịch sử, nhưng ở một số tình tiết cũng đã có vay mượn phần nào của cổ tích quốc tế. Chẳng hạn trong truyện *Giáp Hải* (số **149**) có mô-típ nhân vật chính mua được một con rùa nhỏ sắp bị giết, vô tình cứu được cô con gái Long vương. Mô-típ này sẽ dẫn tới những biến thái khác nhau (cái khả biến), được lặp lại nhiều lần trong khá nhiều cốt truyện: một cô gái xinh đẹp tuyệt trần sẽ từ trong con rùa mua được hiện ra *(Giáp Hải)* - hay từ quả thị (*Tấm Cám)*, hay từ bức tranh (*Tú Uyên)* - để sửa soạn cơm nước ngon lành cho ân nhân và dọn dẹp cửa nhà sạch sẽ, ngăn nắp. Ở truyện *Bùi Cầm Hổ* (số **79**) có mô-típ nhân vật chính lý giải được vụ án oan ức về nồi cháo lươn giết chồng, hay là ở truyện *Rắn báo oán* (số **158**), có hình tượng con tinh rắn báo thù đến mấy đời, v.v...; những mô-típ và hình tượng này đều đã có bóng dáng trong thư tịch cổ Trung-quốc, có thể truyện của Việt-nam chịu ảnh hưởng từ đấy. Trong điều kiện yếu tố vay mượn chỉ đóng vai trò phối thuộc, không làm rạn vỡ cốt truyện gốc, các loại truyện có vay mượn chút ít như thế vẫn thuộc loại truyện có nguồn gốc bản địa.

4. Dạng cuối cùng là *tiểu loại thế sự* có nguồn gốc bản địa. Về số lượng, dạng này cũng phong phú không kém gì tiểu loại lịch sử; về đề tài, có lẽ còn phong phú hơn. Môi trường sinh hoạt cổ truyền của dân tộc thực ra không lấy gì làm đa dạng, tâm lý xã hội của cổ tích dân tộc lại thường lảng tránh các đề tài gay cấn, ly kỳ, dù vậy truyện cổ tích thế sự vẫn là sự tích lũy dần dà đủ mọi loại đề tài đã từng có mặt trên nhiều chặng đường lịch sử mà các hình thái xã hội Việt-nam đã trải qua. Mỗi

đề tài chỉ có tính chất đặc trưng cho một kiểu quan hệ nào đấy mà thôi, nhưng dồn góp lại cũng đã có được một bộ mặt nhiều vẻ.

Cũng vì lý do này, nói đến tiểu loại cổ tích thế sự mang sắc thái bản địa, chúng tôi quan tâm đến khả năng đi tìm thời điểm xuất hiện của chúng trong lịch sử. Căn cứ để tìm kiếm hẳn là không ngoài một số tiêu chí xã hội học. Ví dụ truyện *Sự tích dưa hấu* (số **1**) có nói đến việc mua bán gia nô, phải chăng gắn bó với thời kỳ tồn tại của chế độ nô tỳ; truyện *Hoàng Tín hầu* (số **162**) liên quan đến chế độ điền trang thái ấp, cả hai đều có mốc niên đại từ Lê sơ trở về trước. Còn truyện *Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng* (số **52**) không thể ra đời trước thế kỷ XV, bởi lẽ chỉ từ Lê Thánh Tông trở đi, triều đình phong kiến mới định ra một tiêu chuẩn hết sức đặc biệt để ưu đãi những người có học vị trong các đại khoa. Nếu truyện *Chàng ngốc được kiện* (số **108**) có thể tạm cho là vào khoảng cùng thời với những truyện đại loại như *Cây tre trăm đốt...* trong đó tác giả dân gian bênh vực những anh nông dân khờ khạo, ngốc nghếch, thì truyện *Chàng Ngốc học khôn* (số **189**) lại phải lùi xuống thời kỳ Hán học thịnh hành, vì trong truyện này có những câu chữ Hán đã được quần chúng quen dùng như là những khẩu đầu ngữ, v.v... Hơn nữa, truyện này còn phản ánh thời kỳ luật pháp phong kiến đã có những quy định hết sức chặt chẽ đối với vấn đề hôn nhân và gia đình, vì thế, trước một anh ngốc đặc, gia đình vợ Ngốc đành dẹp bỏ mưu toan gả bán con cho người khác.

Nhiều truyện cổ tích thế sự có thể cho phép phỏng đoán một cách tương đối chắc chắn thời điểm ra đời muộn màng của chúng, do màu sắc cổ - một đặc trưng của loại hình cổ tích - cũng như do kết cấu cổ truyền của một truyện kể, đã bị vi phạm. Truyện *Bà lớn đười ươi* (số **91**) đúng ra chỉ có thể xuất hiện vào thời kỳ kinh tế hàng hóa phát triển, khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Phạm Đình Hổ - tác giả *Vũ trung tùy bút* - sống vào thời đó có cung cấp cho ta một dị bản. Thời kỳ này ở Thăng-long, công thương nghiệp có cơ thịnh đạt, dân số đông đúc, đó là bối cảnh hoạt động thuận lợi cho những tổ chức của bọn lưu manh. Nếu cốt truyện *Lưu Bình - Dương Lễ* ra đời muộn nhất là gần với thời kỳ nữ sĩ họ Đoàn viết *Tùng bách thuyết thoại* - một dị bản của

Lưu Bình - Dương Lễ - thì một dị bản khác nữa của nó, cốt truyện *Trọng nghĩa khinh tài* phải ra đời muộn hơn nhiều, vì rõ ràng nó mang dáng dấp sinh hoạt cận đại. Truyện *Cái vết đỏ trên má công nương* (số **188**), *Hai bảy mười ba* (số **201**) cũng có thể xuất hiện khá muộn, vì một mặt kết cấu nghệ thuật quá mới, mặt khác chế độ phong kiến mà truyện phản ánh tuy vẫn còn sức mạnh nhưng sự phản ứng đối với nó lại còn mạnh hơn và quyết liệt hơn, mặc dù mâu thuẫn chỉ diễn ra trong nội bộ gia đình.

*

*   *

Trong cuộc hành trình của các dân tộc vào vũ đài lịch sử, Việt-nam đã góp mặt khá sớm bằng nhiều kỳ công dựng nước và giữ nước. Điều kiện thiên nhiên vùng nhiệt đới làm cho mỗi bước phát triển của dân tộc có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Đó là một quá trình phấn đấu gian nan, quyết liệt và trường kỳ nhằm chiến thắng mọi trở ngại thiên nhiên, đẩy lùi mọi nguy cơ đồng hóa và "thực dân hóa", giành bằng được cơm áo và độc lập tự do, xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng biệt ở một góc Đông nam châu Á. Điều đó là hiển nhiên, vì những gì còn để lại dấu vết từ lòng đất, hoặc còn được chép trong thư tịch, đều đã chứng thực.

Tuy nhiên, một số người trước đây chỉ biết nhìn một cách cận thị vào những hoạt động chính trị, văn hóa chính thống của nhà nước quân chủ, nghĩ rằng văn hóa Việt-nam chẳng qua là bản sao lại của văn hóa Hán mà thôi. Một số người khác tầm nhìn có rộng rãi hơn nhưng cũng không kém phần hình thức khi cho rằng Việt-nam - một trong ba nước Đông-dương - có vị trí nằm giữa ngã ba đường của các dân tộc, vốn là nơi đụng đầu của hai nền văn minh lớn thế giới: Ấn-độ và Trung-quốc, nên đã là nơi trộn lẫn bao nhiêu nhân chủng cũng như thu hút bao nhiêu nguồn văn hóa khác nhau mà thành của mình. Đã vậy thì ở đó làm gì có một nền văn hóa độc lập, cũng làm gì có một chủng tộc riêng biệt?

Những ý kiến nông nổi nói trên dần dần đã bị thực tiễn khoa học bác bỏ. Và tới nay, không phải ít những công trình nghiên cứu của những

khoa học gia tên tuổi quốc tế, bao gồm nhiều chuyên nghành: sử học, văn học, chính trị, quân sự, xã hội học... đã đưa ra nhiều "thiết chứng" xác nhận bản sắc đặc thù của văn hóa Việt-nam, một nền văn hóa không phải mới xuất hiện gần đây và mang từ đâu đến mà là một nền văn hóa bản địa, tồn tại từ lâu, và được kế thừa, tiếp nối ngay trên mảnh đất này.

Dĩ nhiên không ai phủ nhận mảnh đất Việt-nam vốn nằm ở ngã ba đường, điểm nút của nhiều mối giao tiếp phức hợp, do đó không tránh khỏi giữa nhiều tộc người đã có sự chiếu ứng, bồi đắp lẫn nhau. Nhưng hẳn cũng không ai bác bỏ là trong số những tộc người cư trú trên lãnh thổ Việt-nam xưa kia, tộc người Lạc-việt đã sớm có trình độ phát triển cao và khả năng tích hợp và dung hóa mạnh mẽ. Nhờ đó mà từ xa xưa, trên đất nước Văn-lang lịch sử đã dần dần hình thành nền văn hóa tổng hợp của các cộng đồng cư dân phương Nam với chiều hướng ngày càng hội tụ, nền văn hóa này cũng có những đóng góp nhất định vào văn minh chung của loài người.

Trong giai đoạn phong kiến hóa, điều kiện lịch sử đã đặt văn hóa Việt-nam vào trong khu vực của nền văn hóa Hán. Ảnh hưởng nhiều mặt của văn hóa Hán đối với văn hóa chúng ta cũng là bình thường. Nhưng nếu thừa nhận một cách thực tế rằng bộ phận sống động nhất, nằm chìm khuất trong bề sâu tâm hồn, cốt tính con người Việt-nam là văn hóa dân gian, thì điều cũng khá lạ lùng là chính bộ phận này của văn hóa dân tộc lại ít chịu những áp lực "ngoại nhập" cưỡng chế hơn cả; không những thế, đấy còn là môi trường lý tưởng để "thanh lọc", "hóa giải" mọi sự pha trộn sống sượng của các yếu tố văn hóa bên ngoài.

Vào các thời kỳ nền văn tự khối vuông còn được sử dụng như một công cụ ngôn ngữ chính thống, sự sáng tạo văn học viết trước sau chỉ giới hạn trong dòng văn học bác học của nho sĩ trí thức và quý tộc phong kiến. Quần chúng nhân dân từ Nam chí Bắc vẫn sáng tác một cách nôm na bằng các thể loại văn học truyền thống vốn phổ cập từ lâu trước khi khai sinh ra nền văn học viết, và lưu truyền cho nhau bằng phương tiện duy nhất có thể có đối với mình: nghìn năm "bia miệng" vẫn còn...

Và trong kho "bia miệng" đó, thì các loại hình tự sự, đặc biệt là truyện cổ tích, bao giờ cũng là bộ phận quan trọng hàng đầu, vì nó là một *hình thức phát triển cao của ý thức nghệ thuật, ý thức thẩm mỹ của dân tộc.* Mặc dù chỉ lưu hành bằng con đường truyền miệng, nó lan truyền rất nhanh chóng, được mọi thế hệ người Việt đời này, đời khác, thuộc mọi lứa tuổi và mọi tầng lớp xã hội khác nhau đón nhận, thích thú. Có thể nói loại hình cổ tích, từ sáng tác đến ứng diễn, đã xóa bỏ trong khoảnh khắc những sự cách bức nghiêm mật để tạo nên những mối giao cảm, làm cho không khí tinh thần của xã hội có mặt nào đó trở nên cân bằng.

Từ đời này qua đời khác, kho tàng truyện cổ tích Việt-nam còn thu hút rất nhiều nguồn truyện, "biển truyện" của các dân tộc anh em và các dân tộc gần xa. Giao lưu văn hóa vốn là hành động tự nhiên của xã hội loài người, vì thế sự di chuyển của truyện cổ tích cũng là hiện tượng thông thường trên thế giới. Một số truyện thần kỳ chịu ảnh hưởng từ phía Ấn-độ, một số khác tiếp thu từ phía Trung-quốc, nhưng nhiều trường hợp đã được tái tạo thành những truyện mới khỏe mạnh hơn, phù hợp với tâm tính dân tộc hơn.

Rõ ràng, trong hàng nghìn năm bền bỉ phấn đấu xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng, chỉ đứng về phương diện cổ tích, con người Việt-nam - người bình dân Việt-nam - đã không tự cô lập mình với xung quanh, với cái mặc cảm cho rằng chỉ mình mới là tài nhất, như cách nghĩ của những lực lượng thống trị cực quyền xưa nay trong lịch sử. Con người ấy luôn luôn biết *thâu thái dung nạp những tư tưởng khác với nó,* biết thừa hưởng mọi thành quả tốt đẹp của nhân loại, và cũng biết "tái chế" những thành quả ấy để trả cho nhân loại cái phần đích thực của riêng mình.

Trước cả một gia tài bộn bề phong phú của cổ tích nhân loại, như hình ảnh lão cự phú Thạch Sùng, người bình dân Việt-nam chỉ đem thêm vào một chiếc "mẻ kho" cũng đủ làm cho thế giới cổ tích nhân loại có thêm một nụ cười hài hước trong trẻo và thâm thúy.

Trước vô vàn hình tượng thần kỳ tài ba siêu việt, phép thuật vô biên của cổ tích nhân loại, như hình ảnh những chàng dũng sĩ chém chằn tinh, diệt đại bàng mà thế giới ai ai cũng sợ phục, người bình dân

Việt-nam chỉ tặng thêm cho chàng một chiếc đàn độc huyền nhỏ bé, và thế là chàng có được một kho báu âm thanh dịu ngọt bên trong, như một nỗi nhớ nhung khắc khoải, làm cho trái tim cô công chúa ngọc ngà phải thổn thức, và quân đội 18 nước chư hầu đành lui binh.

Và hãy thử tưởng tượng xem, bao giờ trên thế gian này không còn nữa những vị hoàng đế "thiên triều" nham hiểm, quyền uy, để cho những chàng Lê Như Hổ chỉ có mỗi một tài "ăn" khỏi cần nhận lời thách đố khó khăn ăn gọn "cỗ đầu người" hóc hiểm? Bao giờ không còn nữa những chàng Phạm Đình Trọng chữ nghĩa đầy túi mà trước quyền lực tỏ ra khúm núm, để cho những chàng Nguyễn Hữu Cầu thôi không phải ước mơ vùng vẫy đôi cánh tự do "*Phá vòng vây bạn với kim ô*"? Bao giờ không còn nữa những tập đoàn "bảy thằng ác nghiệt" nham hiểm, độc tài, để người dân lành khỏi mỏi mắt trông chờ một Hoằng Tín hầu đại diện cho sự công minh của luật pháp?

Truyện cổ tích Việt-nam là như vậy đấy, rất chung mà rất riêng, rất xưa mà rất mới. Truyện cổ tích - một lời mời gọi đầy ắp tính hiện đại.

LỜI SAU SÁCH

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *đến đây là trọn bộ, gồm tất cả năm tập.*

Sở dĩ tập cuối công bố có phần muộn là vì sau ngày Bắc Nam thống nhất, chúng tôi thấy cần tìm tòi thêm ít nhiều những truyện cổ lưu hành tại nửa nước phía Nam, hy vọng không bỏ sót những hòn ngọc quý trong di sản lâu dời của dân tộc.

Cuối bộ sách này còn có một Sách dẫn *các tên nhân vật, đề tài, mô-típ, song hiện nay vấn đề giấy in khó khăn nên xin tạm gác lại, đợi sau này có điều kiện sẽ đưa vào trong một lần in đầy đủ.*

Trong thời gian ngót 30 năm (nếu kể thêm lao động quá khứ của người thân trong gia đình thì dễ đến ngót 40 năm), chúng tôi sẽ không bao giờ quên sự giúp đỡ, đóng góp của các bạn xa gần. Bằng tấm lòng thân ái, nhiều người đã mách cho, hoặc gửi đến cho những ý kiến, lời khích lệ và chủ yếu là những tài liệu quý báu. Sự giúp đỡ, đóng góp này cũng là một quá trình ngày một thêm dày nặng. Có thể nói, bộ sách nếu đáng được coi là một loại kho tàng thì không phải chỉ có công sức của một người, một nhà[1]*, mà còn chất nặng công sức của bao nhiêu người rải rác ở nhiều địa phương trên đất nước.*

Một lần nữa, xin đặt ở cuối bộ sách này một lời cám ơn chung trân trọng.

Hà-nội, ngày 6 tháng I năm 1982
NGUYỄN ĐỔNG CHI

(HẾT TẬP V)

1. Đặc biệt ở đây có sự đóng góp của vợ tôi, *Đoàn Thị Tịnh,* trong công việc sưu tầm, và con tôi, *Nguyễn Huệ Chi,* trong việc cùng tôi hoàn thiện phần **Nghiên cứu** và phần **Tổng luận.**

THƯ MỤC THAM KHẢO

Những sách báo, tài liệu kê dưới đây không phải thuộc một tổng thư mục chuyên đề về truyền thuyết cổ tích. Nó chỉ bao gồm những thư tịch nào mà bộ sách này có sử dụng, hay nếu không cũng ít nhiều liên quan (hoặc phần truyện chính, hoặc phần khảo dị, hoặc phần nghiên cứu, v.v...).

Sách báo của các nước trên thế giới kể truyện cổ tích, truyền thuyết hoặc đề cập đến cổ tích truyền thuyết thì nhiều đến khó lòng tính xuể. Song ở đây, chúng tôi chú ý thu thập trước hết những truyện cổ tích truyền thuyết của Việt-nam và của các dân tộc anh em trong Tổ quốc Việt-nam, rộng ra nữa là các dân tộc trên bán đảo Đông-dương. Đó là công sức đóng góp của những nhà sưu tầm nghiên cứu thời cổ và chủ yếu là thời cận hiện đại. Vì vậy trong bảng thư mục tham khảo này, phần sách báo quốc văn và Pháp văn chiếm số lượng nhiều nhất.

Những tác phẩm trong nước hoặc ngoài nước, nghiên cứu hoặc sưu tầm đều được sắp xếp theo trật tự **a b c** *tên tác giả (sách nào không có tên tác giả thì dựa vào tên sách) mà không phân loại; nếu là tên tác giả hoặc tên sách nước ngoài cũng không phiên âm hoặc dịch nghĩa như ở các chú thích dưới các truyện, trừ một số cá biệt, cốt để bạn đọc tiện tra tìm. Những vần* **d** *tiếng Pháp sẽ xếp tiếp liền sau vần* **đ** *tiếng Việt.*

Sau phần tác phẩm, chúng tôi có lập một bảng riêng kê tên các báo chí (chỉ những báo chí nào có tài liệu sử dụng vài ba lần trở lên, một số báo chí có chữ tắt) và một bảng kê tên các tài liệu hán nôm hoặc quốc ngữ chưa in hoặc chưa phiên dịch (trong đó có cả những tài liệu do một số bạn có lòng yêu cung cấp).

Một số chữ viết tắt trong **Thư mục:**

H : *Hà-nội*

P : *Paris*

S : *Sài-gòn*

q : *quyển*

t : *tập, tome*

tr. : *trang*

Ed. : *Nhà xuất bản*

Nxb. : *Nhà xuất bản*

Imp. : *Nhà in*

Lib. : *Hiệu sách*

x. : *xem*

xb. : *xuất bản*

*

*

I- SÁCH VÀ BÀI

AARNE (A.), THOMPSON (S.) - **Types of the Folktale in World literature** - *FFC*, số 74, Helsinki, 1923.

ARCHAIMBAULT (CH.) - **Le cycle de Nang Oua - Nang Malong et son substrat sociologique** - *FA*, số 170 (1961).

ARNOUX - **Contes annamites : La belle - mère qui accuse sa bru. L'habile tailleur** - *RI*, 1904.

AULNOY (Comtesse d') - **Contes des fées** - 1698.

AYMONIER (E.) - **Littérature cambodgienne** (textes traduits pour la première fois) - P, 1877.

- **Légendes historiques des Chams** - *ER* , số 32, 1890.

B.(T.K.Q.) - **Conte annamite. Les quatre jeunes filles qui veulent épouser un fils du roi** - *RI*, số 2, 1904.

Ba túi chuyện (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

BẠCH LAN (L.T.) - **Vietnamese legends** - Kim Lai ấn quán, S, 1958.

Bản quốc dị văn lục - Sách hán chép tay (A. 3178).

BÀNG THÚC LONG, GIÀNG MI SẢI - **Tình yêu Nùng Phai** và **Chọi với vua** (Truyện cổ tích dân tộc Mông) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

BÀNG THÚC LONG - **Nux Mfleiz** (Nùng Phai). Tập truyện cổ tích miền núi - Nxb. Dân tộc , H, 1962.

Bao Công kỳ án 包公奇安 (Trần Văn Bình dịch) - Tín đức thư xã, S, 1954.

BARTHÉLEMY (A.) **Histoire du roi Naaman** (Conte arabe dans l'idiome vulgaire de Syrie) - *JA*, 8e série, t. X, 1887.

BARTHÉLEMY (Marquis de) - **Mon vieil Annam** (Ses hommes, contes et récits) - Challamel, P, 1927.

BASSET (R.) - **Folklore d'Éthiopie** - *Revue d'Ethnographie et de sociologie*, t. II, 1911.

- **Les contes indiens et orientaux dans la littérature chinoise** - *RTP*, VII - 1912.

- **Contes et légendes de l'Extrême-Orient** - *RTP*, 1920 và *RETP*, t. I, 1920.

- **Contes et légendes de la Grèce Ancienne** - *RETP*, t. I, 1920 - 21.

- **Mille et un contes, récits et légendes arabes** - Maisonneuve frères, P, 1927.

BAYARD (J.P.) - **Histoire des légendes** - Presses universitaires de France, P, 1961.

BERMAN (L.) - **Contes du Talmud** (choisis et transcrits de l'hébreu) - Rieder , P, 1927.

BERNARD (S.) - **Quelques aspects de la chance dans les contes populaires du Cambodge** - *BSEI*, t. XXVII, số 3, 1952.

BERNARD (S.), THIERRY - **Notes de littérature populaire comparée.** *BSEI*, t. XXVIII, số 1, 1953.

BÌNH THANH - **Đôi mắt lại sáng** (Cổ tích Mèo). **Ở hiền gặp tiên** - *NCVH*, H, số 11, 1960.

BITARD (P.) - **Essai sur la satire sociale dans la littérature du Cambodge** - *BSEI*, t. XXVI, số 2, 1951.

BONIFACY (A.) - **Contes populaires des Mans du Tonkin**- *BEFEO*, t. II, q.3, 1902.

- **Contes Thổ recueillis sur les bords de la rivière Claire** - *RI*, III - 1905.

- **La légende de Tsun, d'après les Mans Quần Cộc** - *RI*, XII - 1905.

- **Légendes indochinoises. Le pèlerin, conte annamite** - *Revue des Troupes coloniales,* I, 1907.

- **Légendes indochinoises. Le pieux orphelin, conte Thổ** - *Revue des Troupes coloniales,* II, 1907.

- **Fragilité de la vertu des femmes, conte Man** - *Revue des Troupes coloniales,* II, 1907.

- **L'inallérable patience, conte Thổ** - *Revue des Troupes coloniales,* II, 1907.

- **Histoire du roi Cam-lo** - *Revue des Troupes coloniales,* II, 1907.

- **Les génies thériomorphes du xã de Huống-thượng** - *BEFEO,* X, 1910.

- **La légende de Không Lộ** - *RI,* t. XXVIII, số 7-8, 1917.

- **Recherches sur les génies thériomorphes au Tonkin** - *BEFEO*, t. XVIII, số 5, 1918.

BOTREAU-ROUSSEL - **L'homme qui comprend le langage des bêtes** (conte laotien et conte de la Guadeloupe provenant tous deux du Panchatantra indien) - *IIEH*, t. VI, 1943.

BOUCHOR (M.) - **Contes** (d'après la Tradition franạaise) - Armand Colin, P, 1933.

- **Contes** (d'après la Tradition européenne) - Armand Colin, P, 1933.

- **Contes** (d'après la Tradition orientale) - Armand Colin, P, 1933.

BỐ THUẬN - **Sự tích vua Kloong Ga-rai hay là Sự tích tháp Chàm** - *BK*, S, số 52, 1959.

BRENGUES (Dr.) - **Contes populaires laotiens** - *RI*, số 1, 1904.

Bức gấm thêu (Truyện cổ tích Liên-xô, Trung-quốc, Triều-tiên) - Nxb. Kim Đồng, H, 1958.

CABATON (A.) - **Raden Paku, Sunan de Giri** (Légende musulmane javanaise). Texte malaise, traduction française et notes - Extrait de la *Revue de l'histoire des Religions*, 1906.

- **Nouvelles recherches sur les Chams** - P, 1901.

CADIÈRE (L.) - **Croyances et dictons populaires de la vallée de Nguồn-sơn, Quảng-bình** - *BEFEO*, t. I, 1901.

- **Philosophie populaire annamite** - *Anthropos,* t. II, 1907; t. III, 1908.

Cai Vàng truyện - Sách nôm chép tay (AB. 3640).

CANDAHAR - **Légende musulmane** - *Orient und Occident,* t. II.

CAO HUY ĐỈNH - **Quan hệ giữa tư tưởng của giai cấp thống trị và**

nhân dân trong xã hội phong kiến qua một vài truyện cổ - *NCVH*, H, số 6, 1962.

- **Bước đầu tìm hiểu quá trình Việt hóa những yếu tố văn hóa từ Nam Á qua một số truyện cổ** - *NCVH*, H, số 5, 1963.

- **Học giả phương Tây đi tìm nguồn gốc truyện dân gian** - *TCVH*, H, số 6,1965.

- **Người anh hùng làng Dóng** - Nxb. Khoa học xã hội, H, 1969.

CARDON (R.) - **Contes Malais. Le roman de Pelandok** - Imp. Société des Missions étrangères de Paris , Hong Kong, 1933.

CẦM TRỌNG, CẦM QUYNH - **Quắm tố mướn** - Nxb. Sử học, H, 1960.

Cây đàn kỳ diệu (Truyện cổ tích nước nhà) - Nxb. Thanh niên, H, 1957.

Cây khế (Truyện cổ tích, tài liệu dùng trong buổi sinh hoạt văn hóa ở Hải-dương) - Ty văn hóa Hải-dương, 1958.

CÉSARD (R. P.) - **Proverbes et contes Haya** - *Anthropos* - t. XXIII, 1928; t. XXIV, 1929.

CESBRON (F.) - **Contes et légendes du pays d'Annam** - Imp. du Nord, H, 1938.

CHAIGNEAU (MICHEL ĐỨC) - **Souvenirs de Huế** (Cochinchine) - P, 1867.

Chàng Chất Khay (Truyện cổ tích mới sưu tầm được trong năm 1967 tại Yên-bái) t. I - Ty văn hóa Yên-bái, 1967.

Chàng xà trị hổ ác (Văn học dân gian) - Ty văn hóa thông tin Lao-cai, 1972.

Chàng Y Ban (Tập truyện cổ tích của các dân tộc Tây-nguyên) - Nxb. Kim Đồng, H, 1968.

CHATTERJI (T.) - **Sous les manguiers** (Légendes du Bengale, trad. d'Andrée Karpelès) - Ed. Bossard, P, 1923.

CHAVANNES (É.) - **Fables et contes de l'Inde, extraits du Tripikata chinois** - E. Leroux, P, 1905.

- **Cinq cents contes et apologues extraits du Tripikata chinois** (4 t.) - E. Leroux, P, 1910.

- **Traduction. Contes et légendes du Bouddhisme chinois** - P, 1921.

CHÉON (A.) - **Légende tonkinoise. Pourquoi le chant du Grillon est-il si plaintif à la venue de l'Automne?** - *BSEI*, q.2, 1890.

- **Chuyện anh xứ Đông với anh xứ Nam** (Conte annamite) - H, 1898.

- **Recueil des compositions données aux Examens de la langue annamite et de caractères chinois au Tonkin** - F. H. Schneider , H, 1899.

- **Recueil de onze textes annamites originaux** - F. H. Schneider, H, 1901.

- **Recueil de six textes annamites** - F. H. Schneider, H, 1902.

- **Recueil de textes nouveaux** (Faisant suite au cours de langue annamite) - F. H. Schneider, H, 1903.

- **Recueil de cent textes annamites** (Annotés et traduits et faisant suite au cours d'Annamite) (2[e] éd.) - F. H. Schneider, H, 1905.

CHỈ QUA THỊ - **Mưu đàn bà** (Truyện ngắn Ba-tư) - Nhà sách Thăng-long, H, 1953.

Chiếc nhẫn thần (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H,1960.

CHIVAS - BARON (CH.) - **Contes et légendes de l'Annam-** Challamel, P, 1917.

CHU NGỌC CHỈ - **Chuyện Trương Chi** - Nhà sách Thụy Ký, H, 1928.

Chuyện trẻ con của Ch. Perrault tiên sinh (Les contes de Perrault traduit par Nguyễn Văn Vĩnh) - H, 1928.

Con bò biết bay (Truyện cổ tích Ấn-độ) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

Con ngựa vàng - Nxb. Khu tự trị Việt-bắc, Thái-nguyên, 1960.

Conte d'Aboukir et d'Abousir (Texte arabe et traduction par J. Richet) - Alger, 1876.

Contes chinois (Traduits par Panking et Kou Hong-ming) - La Politique de Pékin, Pékin, 1924.

Contes chinois de Ye Cheng-tao - Ed. en langues. étrangères, Pékin, 1960.

(Les) contes du Perroquet. Texte persan publié et traduit pour la première fois en français par L. Bogdanoi. I - P. Geuthner , P, 1927.

(Les) contes du vieux Japon (Traduits par J. Dautremer) - Publiés par T. Hasegawa, Tokyo.

COSQUIN (E.) - **L'orgine des contes populaires européens et les théories de M. Lang** - Bibliothèque des Annales économiques , P, 1891.

- **Les contes populaires et leur origine** (Dernier état de la question) - Lib. Bouillon, P, 1895.

- **Fantaisies biblico-mythologiques d'un chef d'école** (M. Edouard Stucken et le folklore) - V. Lecoffre, P, 1905.

- **Le lait de la mère et le coffre flottant** (Légendes, contes et mythes comparés à propos d'une légende historique musulmane de Java) - P, 1908.

- **Le conte du chat et de la chandelle** (Dans l'Europe du Moyen-âge et en Orient) - H. Champion, P, 1912.

- **Les Mongols et leur prétendu rôle dans la transmission des contes indiens vers l'Occident européen)** - Clouzot, Niort, 1913.

- **Contes populaires de Lorraine** (Comparés avec les contes des autres provinces de France et des pays étrangers) I, II - F. Vieweg, P, 1915.

- **Un épisode d'un évangile syriaque et les contes de l'Inde** - *Revue biblique de l' École pratique d'Études bibliques*, P, I-IV - 1919.

- **Les contes indiens et l'Occident** - H. Champion, P, 1922.

- **Études folkloriques** (Recherches sur les migrations des contes populaires et leur point de départ) - H. Champion, P, 1922.

COX (Miss MARIAN) - **Cinderella** - Londres, 1893.

Cổ tích miền núi - x. TRƯỜNG SƯ PHẠM MIỀN NÚI.

CÔNG THÀNH (sao lục) - **Chuyện tiếu lâm và cổ tích**, I, II - Phạm Văn Mạnh xb, Gia-định, 1950.

CỦA (PAULUS) - **Chuyện giải buồn**. Rút trong các sách hay (in lần thứ tư) - Imp. Commerciale, S, 1904.

- **Tiếp theo chuyện giải buồn** - Bản in nhà hàng, S, 1886.

Dã sử 野史 - Sách hán chép tay (A. 1303).

Dã sử 野史 (bản dịch Hồ Đắc Ý) - Trung tâm học liệu, S,1968.

Dân gian văn nghệ tuyển tập 民間聞藝選集 - Nhân dân văn học xb. xã, Bắc-kinh.

[Nam Hải] dị văn [南海] 異聞 - Sách hán chép tay (phụ trong *Lĩnh-nam chích quái)* (VHv. 1266).

DOÃN THANH, LÊ TRUNG VŨ - **Truyện cổ Dao** - Nxb. Văn hóa dân tộc, H, 1978.

DOÃN THANH, PHAN ĐĂNG NHẬT - **Truyện khèn chàng Phờ-lay** - *NCVH*, H, số 8,1962.

DOÃN THANH, THƯƠNG NGUYỄN, HOÀNG THAO - **Truyện cổ dân tộc Mèo** - Nxb. Văn học, H, 1963.

Dũng sĩ Ha-ba-na (Tập truyện cổ tích dân gian của nhiều nước) - Nxb. Kim Đồng, H, 1964.

DUY CƯƠNG - **Chàng kỵ mã nhái** (Truyện cổ tích chọn lọc) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

- **Tham thì thâm, Cây bút thần, Thầy Tôn Quả, Mưu thần** (Truyện cổ tích) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

DUY CƯƠNG, THỤC ĐOAN - **Gà đất hơn trâu** - Nxb. Kim Đồng, H, 1958.

Dưa vàng đậu bạc - *Tập truyện dân gian Trung-quốc* (Trần Hải và Lê Bầu phỏng dịch) - Nxb. Kim Đồng, H, 1962.

DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ - **Vài nhận xét về loại truyện dị thường của Tây phương và Việt-nam** - *BK*, S, số 322, 323, 1970.

ĐA-VLE-XTỐP (K.X. DAVLESTOV) - **Sáng tác dân gian là một loại hình nghệ thuật** - Nxb. Khoa học, Mát-xcơ-va, 1966.

Đại Nam kỳ truyện 大南奇傳 - Sách hán chép tay (A. 229).

ĐÀO QUẢN, TRƯỜNG SƠN, ĐINH VĂN THÀNH - **Vỏ quýt chưa dày** - Nxb. Phổ thông, H, 1958.

ĐÀO TỬ CHÍ, ĐINH VĂN THÀNH - **Cô gái thứ mười** (truyện cổ tích của đồng bào Re và Tây-nguyên) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

ĐÀO [VĂN] TIẾN - **Sự tích "sáo ôi" hay là truyện chàng Khun Lồ và nàng Ụ Tiêm** - *NCVH,* H, số 9, 1962.

- **Chú Cuội** (truyện dân gian Mường) - *NCVH*, H, số 5, 1961.

ĐÀO VŨ - **Nhị Lang bắt mặt trời** (Truyện cổ tích Trung-quốc) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

ĐẶNG LỄ NGHI - **Chàng nhái Kiển Tiên thơ** (Bổn cũ soạn lại) - Nhà sách Phát Toán, S, 1910.

- **Con Tấm con Cám thơ** (Bổn cũ soạn lại) - Nhà sách Phát Toán, S, 1911.

ĐẶNG MINH LƯƠNG, TRẦN DŨNG - **Sự tích con gà rừng** (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

ĐINH GIA KHÁNH - **Qua việc nghiên cứu danh từ riêng trong một số truyện cổ tích** - *NCVH*, H, số 3, 1962.

- **Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám** - Nxb. Văn Học, H, 1968.

ĐINH GIA KHÁNH, CHU XUÂN DIÊN - **Văn học dân gian** I, II (Giáo trình lịch sử văn học Việt-nam) - Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, H, 1972 - 73.

[ĐINH TÚ] - **Thiên lôi bị đòn** (Truyện cổ tích Việt-nam) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

ĐINH TÚ - **Cô gái đẹp lấy chồng rắn** (Truyện cổ tích các nước) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

- **Chuột biến thành người** (Truyện cổ tích) - Nxb. Nguyễn Du, H. 1958.

- **Truyện cổ tích Diến-điện** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- **Truyện cổ tích Nam-dương** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- **Truyện cổ tích Mã-lai** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- **Truyện cổ tích nước Lào** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

ĐINH VĂN THÀNH - **Truyện cổ tích Tây-nguyên** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

- **Ú và Cao** (Cổ tích Tây-nguyên) - *NCVH*, H, số 10, 1960.

- **Tu-cờ-rơm** (Dân tộc Cor) - *Văn nghệ*, H, số 45, 1961.

- **Chuyện chàng gãy cưa** (Cổ tích Chiêm-thành) - *NCVH*, H, số 6, 1961.

ĐOÀN CÔNG HOẠT - **Truyền thuyết Sơn tinh Thủy tinh ở vùng núi Ba-vì** - Tập san *Văn hóa Hà-tây,* VII - 1969.

(HỒNG HÀ phu nhân) ĐOÀN [THỊ ĐIỂM] 紅霞夫人段 [氏點] - **Truyền kỳ tân phả** 傳奇新譜 - Lạc Thiện đường tàng bản, Gia Long 10 [1811].

(HỒNG HÀ nữ sĩ) ĐOÀN THỊ ĐIỂM 紅霞女士段氏點 - **Truyền kỳ tân phả** 傳奇新譜 (Ngô Lập Chi, Trần Văn Giáp dịch và chú) - Nxb. Giáo dục, H, 1962.

ĐỖ HÀO ĐÌNH - **Bàn về truyện cổ An-nam ta** - *NP*, số 46, 1921.

ĐỖ THẬN - **Une version annamite du conte de Cendrillon** - *BEFEO*, t.VII, số 1-2, 1907.

ĐỖ THIỆN - **Chú thỏ tinh khôn** (Dân tộc Khơ-me) - *Văn nghệ*, H, số 45, 1961.

ĐỖ THIỆN, NGỌC ANH, ĐINH VĂN THÀNH - **Truyện cổ Tây-nguyên** - Nxb. Văn Hóa (Viện Văn học), H, 1961.

ĐỨC HÙNG, PHÙ NINH - **Truyện cổ tích** (Nàng Ái Kao) - Ty thông tin văn hóa Tuyên-quang, 1974.

Đường nhân tiểu thuyết 唐人小說 (Bành Trạch, Uông Quốc, Viên Tịch Cường hiệu lục) - Cổ điển văn học xb. xã, Thượng-hải, 1955.

DANDOUAU (A.) - **Contes populaires des Salalava et des Tsimihety de la région d'Anslalava** - J. Carbonel, Alger, 1922.

DAUDIN (P.) - **Récits populaires Yunnanais** - *BSEI*, t. X. số 4, 1935.

DE GROOT (J.J.M.) - **Les fêtes annuellements célébrées à Emoui** (Amoy) - Annales du Musée Guimet, t. IIe, E. Leroux, P, 1886.

DECOURDEMANCHE (J.A.) - **Les ruses des femmes (Mikrizenan) et extrait du Plaisir après la peine Feredj bad chiddeh** (Traduits du Turc) - E. Leroux, P, 1896.

- **Les plaisanteries de Nasr-Eddin Hodja** (Traduits du Turc), seconde éd. augmentation des Naïvetés du Karacouch - E. Leroux, P, 1908.

DEGEORGE (P. J. B.) - **Légendes des Tay, Annam** - *Anthropos* XVI-XVII, 1921 - 22; XVIII-XIX, 1923 - 24; XX, 1925. .

DELARUE (P.) - **Những đặc tính của truyện dân gian Pháp** - Bản dịch đánh máy Viện Văn học.

DELARUE (P.), TENEZE (M.L.) - **Le conte populaire français** (Catalogue raisonné des versions de France et des pays de langue française d'outremer. Canada, Louisane, Ilots français des États Unis, Antilles françaises, Haïti, Ile Maurice, La Réunion) I, II - GP. Maisonneuve et Larose, P, [1964].

DE ROCHEMONTEIX (M.) - **Contes du Sous et de l'oasis de Tafilelt** (Maroc) - *JA*, 8è série, t.XIII, 1889.

DEROMPS (M.) - **Les vingt cinq récits du mauvais génie** (Traduits de l'hindi) - Geuthner, P, 1912.

DES MICHELS (ABEL) - **Huit contes en langue cochin - chinoise** - Maisonneuve et Cie, P, 1869.

- **Truyện chơi văn chương. Chrestomathie Cochinchinoise** (recueil de textes annamites) - Maisonneuve et Cie, P, 1872.

- **Quelques contes annamites traduits, nouveaux mélanges orientaux** (Publiés par les professeurs de l'École des langues orientaux vivantes) số 7, 1886.

- **Chuyện đời xưa. Contes plaisants annamites** (Traduits en français pour la première fois) - E. Leroux, P, 1888.

DESPARMET (J.) - **Conte Maure** (Recueillis à Blida) - *RTP*, 1918; *RETP*, t. II, 1921.

DESPIERRE (R.) - **La légende de la tortue d'or et de la cité de Cổ-loa**

- *Sud-Est*, số 13, VI - 1950.

DEVEZE (G.) - **Le Bãitãl Paccĩsĩ** - *Le Muséum*, t. XI, XII, 1892 - 93.

DEVI (SHOVONA) - **The Orient Pearls, Indian Folklore** - London, 1915.

DEYDIER (H.) - **À propos d'un conte Mường** - *BSEI*, t. XXIV, số 1, 1949.

DOURNES (J.) - **Le maître des Eaux** (Conte montagnard Srê) - *FA*, số 9, XII - 1953.

DULAC (H.) - **Contes Arabes en dialecte de la Haute Égypte** - *JA*, 8[è] série, t. V, 1885.

DUMÉZIL (G.) - **Contes Lazes** - Institut d'Ethnologie, P, 1937.

DUMOUTIER (G.) - **Le lac de l'épée et la montagne de jade** - *L'Avenir du Tonkin*, H, số 65-67, IX -1887.

- **Légendes et traditions du Tonkin et de l'Annam** - *Revue de l'historie des Religions*, t. XVIII, số 2, 1888.

- **Choix de légendes historiques de l'Annam et du Tonkin** - *Revue d'Ethnographie*, t. VIII, 1889.

- **Folklore tonkinois** - *RTP*, t. VIII, 1892.

- **Une cendrillon annamite** (Extrait de l'Archivio per lo Studio delle tradizione populari) - Palerme, 1893.

- **Folklore sino-annamite** - *RI*, 1907 - 08.

- **Essai sur les Tonkinois** - *IDEO*, H, Hải-phòng, 1908.

- **La géomancie chez les Annamites** - *RI*, t. XXI, số 3, III - 1914.

EBERKHARD (W.) - **Các kiểu truyện cổ tích Trung-quốc** - Helsinki, 1937. *FFC*, số 120.

FEER (M.) - **Le Chaddanta - Jâtaka** - *JA*, 9[è] série, t. V, 1895.

- **Études cambodgiennes**. La collection Hennecart de la bibliothèque nationale - *JA* 7[è] série, t. IX, 1877.

FERRAND (G.) - **Contes populaires malgaches** - P, 1893.

FINOT (L.) - **Recherches sur la littérature Laotienne** - *BEFEO*, t.XVII, số 5, 1917.

FOUJITA - **Légendes japonaises** (Recueillies et illustrées) - Ed. de l'Abeille d'or, P, 1922.

FRAZER (J.G.) - **L'origine magique de la royauté** - Paul Hyacintha Layson, P, 1920.

- Le trésor légendaire de l'Humanité. Feuilles détachées du *Rameau d'or* par Laddy Frazer - Rieder, P, 1925.

FREY (CI) - **Les Égyptiens préhistoriques identifiés avec les Annamites** - P, 1905.

FUKUJIRO WAKATSUKI - **Légendes Japonaises** (3[e] éd.) - Ancienne lib. G. Duplet et J. Desvigne et Cie. successeurs (1923).

Gà đắt hơn trâu - x. DUY CƯƠNG.

GARINE - **Contes Coréens** (Adaptation française de Serge Persky) - Lib. Delagrave, P, 1925.

GÉNIBREL (F) - **Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết** (Fable et l'égendes annamite encore inédite) - Imp. de la Misson, S, 1899.

GIẢ CHI, TẠ KIẾM BĂNG - **Trung-quốc dân gian cố sự tuyển** 中國民間故事選 - Nhân dân văn học xb. xã, Bắc-kinh, 1959.

GOUINEAU (ANDRÉE - YVETTE) - **Les élèves du Lycée Pavie de Vientiane vous racontent quelques fables et légendes de leur pays, telle que la tradition orale les leur à transmises** - *FA,* số 118-120, 1956.

GUESDON (Abbé J.) - **Réach Kol** (Analyse et critique du poème khmer) - *Anthoropos*, t. I, 1906.

GUILLOT - **Contes d'Afrique** (sous la direction d'A. Charton) - P, 1933.

GUXEP (V.E. GOUSSEB) - **Mỹ học folklore** (Hoàng Ngọc Hiến dịch) - Bản in rô-nê-ô Hội Văn nghệ dân gian Việt-nam.

Hai con trâu đực to bằng hạt đậu nành (Cổ tích Hung-ga-ri) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

HALEVY (J.) **Miscellanées sémitologiques** - *JA*, 8[e] série, t. II, 1883.

HALPHEN (J.) - **Contes chinois traduits du chinois** - Champion, P, 1923.

HERVIER (P.L.) - **Trần Văn Phẩm, l'homme aux dix jonques, légende d'Annam** - Ed. de George Servant, P [?].

HOA BẰNG - **Một vấn đề rất đáng chú ý trong văn học và sử học** (1 - Diệu Trang Vương phải chăng là một ông chúa Trịnh? 2 - Chúa Ba Diệu Thiện phải chăng là một cô gái Việt? 3- Hương-sơn trong Quan Thế Âm chân kinh phải chăng là núi Hương-tích ở hạt Hà-đông?) - *Tri tân*, H, số 121-122, 1943.

- **Gốc tích truyện Tấm Cám** - *Tri tân*, H, số 156, 1944.

- **Khảo luận về truyện Thạch Sanh** - Nxb. Văn sử địa, H, 1967.

Hoa quốc kỳ duyên 華國奇緣 (Nguyễn Sĩ Sự dịch) - Nguyễn Ngọc Xuân xb, H, 1914.

HOÀNG ANH NHÂN, VƯƠNG ANH, BÙI THIỆN - **Truyện cổ Mường** - Nxb. Văn hóa dân tộc, H, 1978.

HOÀNG LÂM, XU-VĂN-THON - **Truyện dân gian Lào** - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1962.

HOÀNG LƯƠNG - **Bàn góp về vấn đề tô-tem của người Việt nguyên thủy** - *NCLS*, H, số 5, 1959.

HOÀNG QUYẾT - **A Sún Phàng Khim** (Cổ tích Nùng) - *NCVH*, H, số 10, 1961.

- **Truyện cổ Tày Nùng** - Nxb. Văn họa, H, 1974.

HOÀNG QUYẾT, HOÀNG THAO, MAI SƠN - **Truyện cổ Việt-bắc** - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963.

HOÀNG THỊ ĐẬU - **Một số tư liệu để tiến tới so sánh truyện Tấm Cám của Việt-nam và Ru-ma-ni** - *TCVH,* H, số 3, 1963.

HOÀNG TRỌNG MIÊN - **Việt-nam văn học toàn thư,** II, - Quốc-hoa, S, 1959.

HOÀNG TRÚC LY - **Truyện cổ Việt-nam** - Khai trí, S, 1970.

HOÀNG SƠN (Cử) - **Thằng Lía** (Tục gọi Dương đoàn Văn Lía), II. **Cha Hồ chú Nhẫn** (Tiếp theo thơ Văn Lía) - Nhà in Xưa nay, S, [1934].

HUBER (ED.) - **Etudes de littérature bouddhique** - *BEFEO,* t. IV, số 3, 1904.

HUET (G.) - **Le conte des sœurs jalouses** - *RES,* t. I, số 8-10, 1910; t. II, 1911.

- **Les contes populaires** - E. Flammarion, P, 1923.

Huit aventures du gourou Paramârtha - *Le Muséum*, t. VIII-IX, 1889 - 90.

HUỲNH HỮU BAN - **Étude de la légende de la mère et l'enfant** - *FA*, số 91, 1955.

HƯ CHU - **Nam hải truyền kỳ**, I - Nhà sách Hư Chu, S, 1952.

HƯƠNG GIANG - **Un conte du Vietnam du passé: Cette tache rouge** - *Sud-Est*, số 16, VIII - 1950.

Hữu Ké tân truyện - Nhà in Văn Minh, H, Hải-phòng, 1913.

IMBAULT - HUART (C.) - **Miscellanées chinois** - *JA*, 7e série, t. XVIII, 1881.

JAMMES (H.L.) - **Au pays annamites** - Challamel, P, 1898.

JAYA PANRANG - **Chuyện cổ tích Chàm: Trạng tí hon hay Rajakar Aneh** - *PT,* S, số 217, II - 1969.

JIRÔMUNXKI (V. N. JIRMUNSKI) - **Những công trình nghiên cứu lịch sử ngữ văn** - Mát-xcơ-va, 1976.

JOUIN (Dr. B.Y.) - **Légende du Sadet du Feu, Deux contes Rhadé** - *BSEI*, t. XXVI, số 1, 1951.

JULIEN (S.) **Les Avadânas** (Contes et apologues indiens inconnus jusqu'à ce jour suivis de fables, de poésies et de nouvelles chinoises), I, II, III - B. Duprat, P, 1858.

Kara Keuz Zoulou - [la jolie aux yeux noirs] **Conte Kirghize** (traduit du Turc Tartare d'après Radloff). - Mémoires de la Sté des études Japonaises Chinoises, Tartares, Indochinoises et Océaniennes, t. III, 1880 - 84.

KARPELES (S.) - **Six contes Palis tirés de la Dhamma- padatthakathã** - *RI*, số 1-2, 1924.

Kể chuyện đời xưa - Nxb. Giáo dục, H, 1975.

Khún Lù Nàng Ủa (*Chuyện cổ tích miền núi*) - Nxb. Phổ thông, H, 1961.

KIÊN GIANG - **Người đẹp bán tơ : Chuyện cổ tích thuần túy Việt-nam** - Nhà sách Hồng Hoa, Chợ-lớn, 1961.

Kim cổ kỳ quan 今古奇觀 Cố Học Hiệt 顧學頡 chú.

KRAVTXÔVI (N.J. KRAVTSOVI) - **Sáng tác dân gian như là một nghệ thuật lời nói** - Nxb. Đại học, Mát-xcơ-va, 1966.

LÃ VĂN LÔ - **Quanh vấn đề An Dương Vương Thục Phán hay là truyền thuyết "Cẩu chủa cheng vùa" của đồng bào Tày** - *NCLS*, số 50, 1963.

LACÔTE (F.) - **L'histoire romanesque d'Udayana, roi de Vatsa** (Extraits du Katha - Sarit - Sâgara de Soma Déva) - Ed. Bossand, P, 1924.

LAFONT (P. - B.) - **Contes P'u tai** - *BSEI*, t. XLVI, số 1, 1971.

LAN TRÌ 蘭池 - **Kiến văn lục** 見聞錄 - x. VŨ NGUYÊN HANH.

LANDES (A.) - **Contes et légendes annamites** - *ER*, S, t. VIII-XI, số 20-26, 1885 - 86.

- **Contes tjames** - *ER*, S, t. XIII, số 29, 1887.

LANGLET (E.) - **Dragons et génies** (Contes rares et récits légendaires inédits recueillis oralement au pays d'Annam et traduits par E. Langlet) - Lib. Orientaliste, P. Geuthner, P, 1928.

LĂNG TUYẾT - **Chuyện lạ nước nhà: Sùng sơn đại chiến sử** - Imp. Nam mỹ, H, 1933.

LAUNAY (A.) - **Légendes historiques du Tonkin. Origine du lac Dạ-trạch et fondation de Bắc-ninh** - Bulletin comité Études agricoles, industrielles et commerciales Annam, Tonkin, 1887.

LAVAL (R.A.) - **Contes populaires du Chili** - *RETP*, t. I, 1920 - 23.

LECLÈRE (A.) - **Cambodge, contes et légendes** - Bouillon, P, 1895.

- **Deux contes indochinois : La sandale d'or** (la Cendrillon chame); **Prâng et Iang** (conte pnong), P, 1898.

- **Contes Laotiens et contes Cambodgiens** - E. Leroux, P, 1903.

LE ROUZIC (Z.) - **Carnac** (Légendes, Traditions, Coutumes et Contes du pays) - Imp. A. Cugas et Cie, Nantes, 1909.

Légendes et traditions historiques de l'archipel indien (Sedjarat malayou, traduits et notes par L. Marcel Devic) - E. Leroux, P, 1878.

LEMIRE (CH.) **Contes Siamois** - *BSEI*, q.3, 1890.

LÉVI (SYLVAIN) - **La Brihatkathâmanjarī de Kschendra** - *JA*, 8è série, t. VI-VII, 1885 - 86.

LÉVY (ANDRÉ) - **Études sur le conte et le roman chinois** - Publication de l'EFEO, q. LXXXII, P, 1971.

LÊ BÁ CỎ - **Đánh chết Diêm vương** (Chuyện cổ tích) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

LÊ DOÃN VỸ - **Le livre du petit** (Pour la jeunesse scolaire, dirigé par Lê Doãn Vỹ) - Ed. Mai Lĩnh, H, Hải-phòng, S, Phúc-yên, 1940 - 41.

LÊ DUY HẠP - **Vietnamese legends** (Rev. ed. with annotations) - Nhà sách Khai trí, S, 1964.

LÊ DUY THIỆN - **Thơ nàng Út** - Tín đức thư xã, S, 1930.

LÊ HƯƠNG - **Truyện cổ Cao-miên**, I, II - Nxb. Khai trí, S, 1969.

- **Truyện cổ quốc tế** - Nxb. Sống mới, S, 1969.

- **Truyện thằng Chey** - *PT*, S, số 251-254, VIII-X - 1970.

- **Truyện tích Việt-nam** - Một nhóm văn hữu xb, S, 1970.

- **Truyện cổ Ấn-độ : quỉ Vêtâla** - Nxb. Bông lau, S, 1972.

LÊ TRỌNG HÀM - **Minh đô sử** 明都史 Sách hán chép tay - Thư viện Viện Sử học (HV.285).

LÊ TRỌNG KHÁNH, AN LY, ĐỖ THIỆN - **Truyện dân gian Căm-pu-chia** - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1962.

LÊ TRUNG CANG (ANNA) - **Folklore indochinois : Le pont des corbeaux** - *FA* số 324, 1946.

LÊ TRUNG HOA - **Một giai thoại văn chương bình dân: Hai bảy mười ba** - *BK*, S, số 357, XI - 1971.

LÊ TRUNG VŨ - **Truyện cổ dân tộc Mèo** - Nxb. Văn hóa, H, 1975.

LÊ VĂN CHINH - **Les aventures de Tư -Thuk** - *RI*, số 49, I - 1907.

LÊ VĂN HẢO - **Đi tìm An Dương Vương, My Châu - Trọng Thủy từ lịch sử đến truyền thuyết** - Nxb. Trình bày, S, 1966.

LÊ VĂN PHÁT - **La vie intime d'un Annamite de Cochinchine et ses croyances vulgaires** - *BSEI*, số 51-53, 1906.
- **Contes et légendes du pays d'Annam**, I - F. H. Schneider, S, 1913.

LIÊN TỔ VĂN HỌC VIỆT-NAM - **Lịch sử văn học Việt-nam** (tập I, in lần thứ 3) - Nxb. Giáo dục, H, 1970.

Liêu trai chí dị 聊齋志異 (Đào Trinh Nhất tuyển dịch) - Nhà sách Mặc lâm, S, 1968.

Lĩnh-nam chích quái liệt truyện 嶺南摘怪列傳 - Sách hán chép tay - Thư viện Viện Sử học (HV.486).

Les littératures populaires de toutes les nations.
Traditions légendes, contes, chansons, proverbes, devinettes, superstitions (34t) - GP. Maisonneuve et Larose, P, 1967 - 68.

Lọ nước trường sinh (tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1958.

Loại cổ tích hay, I - Nxb. Cây thông, H.

LƯƠNG VĂN CHONG - **Lin Thong và Can** (Sưu tầm cổ tích Thái) - *NCVH*, H, số 2, 1960.

LƯU KÍNH THÚC 劉敬叔 - **Dị uyển 異苑.**

LƯU VĂN THUẬN - **Truyện cổ tích**, I - Nhà in Tân dân, H, 1928.

LƯU VĂN THUẬN, PHẠM VĂN PHƯƠNG - **Truyện cổ tích** - Tân dân thư quán, H, 1926.

LÝ TẾ XUYÊN 李濟川 - **Việt điện u linh** 越甸幽靈 (Trịnh Đình Rư dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1960.

MẠC PHI - **Cô gái đẹp có mẹ hổ** (Ý Nọi nàng xưa, tập truyện cổ tích Thái) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

MẠC PHI, MAI TRÂN - **Xí pá hả lăng** (Cổ tích Thái) - *NCVH*, H, số 5, 1960.

MACEY (F.) - **Folklore Laotien** (Pho-lâ et Maha Sêthi) - *RI*, số 89-90, 91-92, IX-X - 1908.

Mahabharata, sử thi Ấn-độ (Cao Huy Đỉnh, Phạm Thủy Ba dịch) Nxb. Khoa học xã hội, H, 1979.

MAI VĂN TẤN - **Truyện cổ Vân-kiều** - Nxb. Văn hóa, H, 1974.

MAITRE (HENRI) - Les régions Moïs du Sud indochinois -Plon, P, 1909.

MALLARMÉ (STÉPHANE) - **Contes indiennes** - L. Castelet, P, 1927.

MARTINI (F.), BERNARD (S.) - **Contes populaires inédits du Cambodge** - GP. Maisonneuve, P, 1946.

MASPÉRO (G.) **Sur une version arabe du conte de Rhampisinite** - *JA*, 8è série, t. VI, 1885.

MAUNG HTIN AUNG - **Miến-điện dân gian cố sự** 緬甸民間故事 (Thi Hàm Vinh dịch) - Tác gia xb. xã, Bắc-kinh, 1957.

Mấy nhạc sĩ thành Brem (Cổ tích Grim) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

MÊLÊTINXKI (E.M.MELETINSKI) - **Nhân vật trong truyện cổ tích hoang đường, xuất xứ của hình tượng** (Nguyễn Văn Dao, Phan Hồng Giang dịch từ Nga văn) - Bản đánh máy của Viện Văn học.

MÉRAVILLE (MARIE - AIMÉE) - **Contes populaires de l'Auvergne** (Suivi d'une mémoire sur la langue et le patois) - GP. Maisonneuve et Larose, P, 1970.

MERCIER (G.) - **Cinq textes berbères en dialecte Chaouia** - *JA*, nouvelle série, t. XVI, 1900.

MIDAN (P.) - **Histoire du juge lièvre** (Recueil des contes cambodgiens, traduits et annotés) - *BSEI*, t. VIII, số 4, 1933.

(Les) mille et une nuits (Contes arabes traduits par Galland) 3t. - Ed. Garnier frères, P, 1949.

MINH CHIẾU - **Truyện cổ Phật giáo** (6q) - Phật học viện Trung phần xb, Đà-nẵng, 1962.

MINH HUYỀN - **Lão vua ngốc và hai chàng ăn trộm** (Tập truyện giải trí về giáo dục) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

MOHAMED EL FASI, DERMENGHEM (E.) - **Contes Fasis** (3è éd) - F. Rieder et Cie, P, 1926.

MONTEIL (C.) **Contes soudanais** - P, 1905.

Một nghìn lẻ một đêm (Nguyễn Quân dịch) I, II, III - Nxb. Sống mới, S, 1968.

MUS (P.) - **Deux légendes Chames** (Études indiennes et indochinoises) - *BEFEO*, t. XXXI, 1931.

N. X. T. - **Contes et légendes** (En quốc ngữ et en fran*çais*) - [1910].

Nam-hoa mộc tượng ký 南華木匠記 (Trong *[Nam hải] dị văn* [南海]異聞).

Nàng tiên ốc (cổ tích nước bạn) - Nxb. Thanh niên, H,1956.

NẮNG MAI HỒNG - **Truyện cổ tích Mông-cổ** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

- **Chàng láu giết rồng** (Truyện cổ tích) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- **Truyện cổ tích Cao-miên** (Khơ-me) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

NGHIÊM TOẢN - **Việt-nam văn học sử trích yếu** - Nhà sách Vĩnh Bảo, S, 1949.

NGỌC ANH - **Chàng Rôk** (Cổ tích Tây-nguyên) - *NCVH*, H, số 8, 1960.

- **Cái rìu vàng** (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1961.

- **Chàng ná** - *NCVH,* H, số 6, 1963.

NGỌC BỘI - **Một làng ở Bà-rịa bầu một con cọp làm hương chức** - *PT,* S, số 249, VI - 1970.

(TRÚC KHÊ) NGÔ VĂN TRIỆN - **Tình sử Việt-nam** - Nhà in Tân dân, H, 1935.

NGUYỄN BÍNH - **Truyện cổ tích Việt-nam** (in lần thứ 3) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1952.

NGUYỄN CHÍ THÀNH - **Gốc tích thành Lồi ở Huế** - *Khai trí tiến đức tập san*, H, số 4,1941.

(THIÊN LÝ) NGUYỄN DI LUÂN - **Việt-nam dã sử** - Nhà sách Bạch-đằng, S, 1950.

NGUYỄN DUY - **Truyện cổ Việt-nam** - Nhà sách Bốn phương, S, 1949.

NGUYỄN DỮ 阮嶼 - **Truyền kỳ mạn lục** 傳奇漫錄 - Cảnh Hưng 24 (1763) (VHv. 1840).

NGUYỄN ĐỈNH NAM (THƯỢNG HIỀN) 阮鼎南〔尚賢〕 - **Hát-đông thư dị** 喝東書異 - Sách hán chép tay (VHv. 2382).

NGUYỄN ĐỔNG CHI - **Ý nghĩa truyện Chử đồng tử** - Tập san *Nghiên cứu Văn Sử Địa*, H, số 17, 1956.

- **Lược khảo về thần thoại Việt-nam** - Nxb. Văn sử địa, H, 1956.

NGUYỄN KINH CHI, NGUYỄN ĐỔNG CHI - **Mọi Kon-tum** - Mộng Thương thư trai xb, Huế, 1937.

NGUYỄN HUY TƯỞNG - *Thằng Quấy* (Truyện cổ Tây-nguyên) - Nxb. Thanh niên, H, 1955.

NGUYỄN HUY TƯỞNG, THANH THANH - **Con cóc là cậu ông giời** - Nxb. Thanh niên, H, 1956.

NGUYỄN HỮU RẰNG - **Thơ ông Thủ Huồn** - S, 1915.

NGUYỄN KHẮC NGỮ - **Cổ tích Chàm** - *VHNS*, S, số 38, 1959.

- **Một giả thiết về truyện Tấm Cám** - *VHNS*, S, số 41,42,44, 1959.

- **Bà Xá-y-nư tức bà Ba Tranh** (Dã sử Chiêm-thành) - *VHNS*, S, số 51, 1960.

NGUYỄN KHẮC XƯƠNG - **Truyền thuyết Hùng Vương** - Ty văn hóa thông tin Phú-thọ, 1963.

NGUYỄN QUỲNH - **Cổ tích nực cười** (Sự tích của năm vị tướng tài là người Việt-nam) - S (?).

NGUYỄN THỊ DƯƠNG HIỀN - **Ông thiện ông ác** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

NGUYỄN THỊ NGỌC THẮM - **Công việc ghi chép và sắp xếp truyện cổ dân gian** - *BK*, S, số 344, V - 1971.

NGUYỄN THÚC KHIÊM - **Sự tích Dương Đình Chung, hay là Trạng Lợn** - Nhà in Thái Sơn đường, H,1934.

- **Truyện ông Nghè Tân** - *NP*, số 153, 1930.

- **Dã sử quan Trạng Gầu** (Tống Trân - Cúc Hoa) *NP*, số 150-160, 1931.

(ÔN NHƯ) NGUYỄN VĂN NGỌC - **Truyện cổ nước Nam**: A-Người ta; B-Muông chim (2 tập) - Vĩnh Hưng Long thư quán, H, 1933-34.

NGUYỄN VĂN XUÂN - **Giai thoại một thời: đôi hia** - *BK*, S, số 382, XI - 1972.

NGUYỄN VỸ - **Vết son trên má tiểu thư** - *PT*, S, số 14, VI - 1959.

Người lấy cóc - Nhà in Quảng tế, H, 1942.

Người thông minh (Truyện dân gian Trung-quốc) - Nxb. Kim Đồng, H, 1961.

Nhà sư và người thợ mộc (Truyện cổ tích Mông-cổ, Trần Cao Thụy dịch) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

Nhớ nguồn (Năm truyện cổ tích) - Nxb. Minh Đức, H, 1957.

NIPPGEN (J) - **Les contes de Siddhi-Kür** - *RETP*, t. IV, 1923.

Nói chuyện cũ - *Thực nghiệp dân báo*, H, 1923 - 24.

NORDEMANN (E.) - **Chrestomathie annamite** (2e éd.) - *IDEO*, H, Hải Phòng, 1917.

- **Chrestomathie sino-annamite** (4 tập) - Nhà in Mạc Đình Tư, H, 1914.

NÔNG TRUNG - **Chu Hùng Ú** (dân tộc Nhắng) - *Văn nghệ*, H, số 45, 1961.

NÔNG TRUNG, HẢI CHI - **Cô gái đẹp với hạt cơm nguội** (Truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

NÔNG VIẾT TOẠI - **Hai em bé mồ côi** (Truyện cổ tích Tày, Việt-bắc) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

Ông lão dưới giếng (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

Ông Vũ trị thủy (Tập truyện cổ tích dân gian của nhiều nước xã hội chủ nghĩa) - Nxb. Kim Đồng, H, 1964.

PALUMBO (V.O.) - **Mythologie populaire comparée** - *Le Muséum,* t.I, q.III, 1882.

(Le) Pantcha-Tantra ou les cinq ruses (Traduit par l'abbé G.A. Dubois) - A. Barraud, P, 1872.

PAVET DE COURTEILLE (A.) - **Nouvelles et mélanges** - *JA*, 7[e] série, t.IV, 1886.

PAVIE (A.) - **Contes populaires du Cambodge, du Laos et du Siam** - E. Leroux, P, 1903.

PAVIE (TH.) - **Choix de contes et nouvelles traduites du Chinois** - Duprat, P, 1839.

PERCHERON (M.) - **Contes et légendes d'Indochine** - F. Nathan, P, 1955.

PERET (B.) - **Anthologie des mythes, légendes et contes populaires d'Amérique.** - Abel Michel, P, 1960.

PERI (NOEL) - **Un conte hindu au Japon** - *BEFEO*, t.XV, số 3, 1915.

PHẠM DUY KHIÊM - **Légendes des terres sereines** - Taupin, H, 1942.

- **La jeune femme de Nam-xương** - Taupin, H, 1944.

PHẠM ĐÌNH DỤC 范廷煜 - **Vân nang tiểu sử** - 雲囊小史 NP, (phần chữ Hán), số 5-15 (1917 - 18).

PHẠM ĐÌNH HỔ 范廷琥, NGUYỄN ÁN 阮案 - **Tang thương ngẫu lục** 桑滄偶錄 - Hiệu thư lâu tàng bản, Minh Mệnh 17 [1836], (VHv.1413).

PHẠM ĐÌNH HỔ 范廷虎 - **Vũ trung tùy bút** 雨中隨筆 - Sách hán chép tay (VHv. 1466).

PHẠM QUANG - **Chiếc gương thần** (Truyện cổ Việt-nam) - Linh Quang xb, S, 1962.

PHẠM THÀNH KỈNH - **Vè con cua** - Nhà in H.K. Danh, S, 1913.

PHẠM VĂN DIÊU - **Truyện cổ Việt-nam** - *VHNS*, S, số 37, 1958 - 59.

PHẠM VĂN THÌNH - **Chuyện đời xưa** - Nhà sách Bảo tồn, S, 1930.

PHẠM XUÂN THÔNG - **Người đàn bà tóc trắng** (Truyện cổ tích Chiêm-thành) - Nxb. Phổ thông, H, 1961.

- **Hoa Bơ Nga Chơ re** (Truyện dân gian Chàm) - Nxb. Kim Đồng, H, 1973.

PHAN [ĐĂNG] NHẬT - **Tìm hiểu Thạch Sanh ở Cao-bình, Hòa-an, Cao-bằng** - *TCVH*, H, số 6, 1972.

PHAN KẾ BÍNH - **Nam hải dị nhân liệt truyện** - H, 1912.

PHONG CHÂU - **Tấm Cám có thật ở Việt-nam không?** - Tập san *Nghiên cứu Văn Sử Địa*, H, số 39, 1958.

Phù dung giai thoại 芙蓉佳話 - Sách hán chép tay (AB. 235).

PHỤNG HOÀNG SANG, DƯƠNG DIẾP - **Truyện tiếu đàm** (in lần thứ 2) - Imp. de l'Union, S, 1914.

PHƯƠNG HÀ, PHAN THIỆN - **Chuyện chàng Khum Cọ** (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Phổ thông, H, 1960.

PHƯỢNG NAM - **Việt-nam thần tích** - *Tứ dân văn uyển*, H, 1938.

PORÉE MASPÉRO (ÉVELINE) - **Étude sur les rites agraires des Cambodgiens** - P, 1969.

POUCHAT (J.), PHẠM VĂN THÙY (dịch) - **Các truyện dị đoan thuộc về loài cây và loài vật mà An-nam ta xưa nay hay tin xằng** - *IDEO*, H, 1911.

POURRA (H.) - **Le trésor des contes** - Gallimard, P, 1948 - 51.

PÔRÊMANXÉP (E.V. PORÉMANSEV) - **Truyện dân gian Nga** (Nguyễn Hải Sa dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1960.

PRỐP (V. YA PROPP) - **Hình thái học của truyện cổ tích** (xb. lần thứ hai) - Nxb. Khoa học Mát-xcơ-va, 1969.

PRZYLUSKI (J.) - **La princesse à l'odeur de poisson et la nâgi dans les traditions de l'Asie orientale** - Etudes Asiatiques, EFEO, t.II.

- **Les prologue-cadre des Mille et une nuits et le thème du Svagamvara** (Contribution à l'histoire des contes indiens) - *JA*, t.CCV, 1924.

PUTILỐP (B.N. POUTILOV) - **Phương pháp luận nghiên cứu lịch sử so sánh về folklore** - (Bản dịch đánh máy của Phan Ngọc, Ban Văn hóa dân gian).

Quả nho rừng (Tập truyện cổ tích của các nước bạn, Trần Cao Nguyễn và Nguyễn Kiên dịch) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

QUAN VIÊN - **Chúa Trổm** I,II - Nhà in Non nước, H, 1935.

- **Thánh địa lý Tả Ao** - [?]

QUELLIEN (N.) - **Contes et nouvelles du pays du Tréguier** - GP. Maisonneuve et Larose, P, [?].

QUỐC CHÍNH - **Truyện cổ nước Lào** - Nhà sách Khai trí, S, 1969.

QUỐC THẾ - **Truyện cổ Trung-hoa** - Nhà sách Khai trí, S, 1969.

- **Truyện cổ Đông phương** - Nhà sách Khai trí, S, 1970.

RENEL (CH.) - **Contes de Madagascar** (2 tập) - P, 1910.

RICHARD (HENRY) - **Contes du pays d'Annam** - *RI*, số 5, 1904.

RICHARD (M.) - **Le chant de Hiawatha** (légende indienne) - Piazza, P, 1927.

RICQUEBOURG (J.) - **La légende de la montagne de marbre** - *RI*, 1905.

- **La terre du dragon** - Sansot et Cie, P, 1907.

RÍPTIN (B. RYFTINE), KHAXANỐP (M. KHASSANOV) - **Truyện cổ và truyền thuyết dân gian Đun-gan** - Nxb. Khoa học, Mát-xcơ-va, 1977. (Bản dịch đánh máy của Nguyễn Hưng, Ban Văn hóa dân gian).

ROLLET - **L'Afrique nous a conté** - P, 1936.

SAINTYVES - **Le vierges-mères et les Naissances miraculeuses** - Nourry, P, 1908.

- **Les contes du Perrault** - [?], 1923.

SALLET (Dr. A.) - **Le sorcier et la sorcière (Thầy Thím). Contribution au folklore du Sud Annam** - *Extrême-Asie*, số 5, III - 1925.

- **Étiologie populaire d'Annam** - Mémoire de l'Académie des sciences de Toulouse, 13 série, t.IV, 1944.

- **Les souvenirs chams dans le folklore et les croyances annamites du Quảng-nam** - *BAVH*, Huế, IV-VI - 1923.

SÉBILLOT (P.) - **Contes populaires de la Haute Bretagne** - Ed. Charpentier, P, 1881.

- **La Bretagne enchantée. Poésies sur les thèmes populaires** - GP. Maisonneuve et Larose, P, [?].

- **Le folklore de France** (4 tập) - Guil moto, P, [?].

SEILER (G.) - **La dette d'amour** , légende annamite - *RI*, 1912.

- **Le crapaud** (Conte annamite) - *RI*, t.XXXVIII, số 9-10, 1922.

SIMARD - **Contes et légendes annammites** - *RI*, số 28, 56, 1906-07.

SOMADEVA - **The ocean of story being C.H. Tawney's translation of Somadeva's Katha Sarit Sagara** (Or ocean of streams of Story). Now éditée with introduction fresh explanatory notes and terminal essay by N. M. Penser, London.

SOMBSTHAY (E.) **Trente contes et légendes tonkinois** - F. H. Schneider, H, 1893.

SÔNG GIANH - **Mưu cóc tía** - Nxb. Kim Đồng, H, 1969.

Sơn cư tạp thuật 山居雜述 - Sách hán chép tay (A.822).

SƠN NAM - **Chuyện xưa tích cũ** (in lần thứ 2) - Nxb. Rạng đông, S, 1963.

- **Chuyện xưa tích cũ** I, II - Nhà sách Khai trí, S, 1968-69.

Sự tích con gà rừng (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

Sự tích ông Trạng Lợn - Gia Liễu đường, Khải Định 9 [1924] (AB.452).

Sự tích ông Trạng Quỳnh - Liễu Văn đường (AB.405).

Sử Nam chí dị 史南志異 - Sách nôm chép tay, Tự Đức 30 [1877] (AB.385).

Sưu thần ký 搜神記 - Trung-hoa thư cục, Bắc-kinh.

TẠ MINH HỘI, ĐÀO TỬ CHÍ - **Lấy vợ tiên** (Truyện cổ tích Tây-nguyên) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

- **Thằng Cuội** (Cổ tích Tây-nguyên) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

TATTEVIN - **Mythe et légendes du Sud de l'île Pentecôte, Nouvelle Hébride** - *Anthropos,* t.XXVII, 1931.

Tấm gương nhỏ (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

TAUPIN (J.) - **Une douzaine d'équitables jugements de Bodisattwa** - *BSEI*, 1886.

Tân tề hài 新 齊 諧 - Bản chép tay gia đình.

Tập truyện kể cho thiếu niên (Cổ tích trong và ngoài nước) - Nxb. Bộ Giáo dục, H, 1957.

TERRAL (I.) - **Samuddaghosa jatâka**. Conte pâli tiré du Pannã jãtãka - *BEFEO,* t. XLVIII, q.I, 1948.

Thái-bình quảng ký 太 平 廣 記 - Trung-hoa thư cục, Bắc-kinh.

THÁI HOÀNG, ĐINH TÚ - **Truyện cổ tích Diến-điện** - Nxb. Nguyễn Du, H, 1985.

THÁI KIM ĐỈNH - **Cá gáy hóa rồng** (Truyện dân gian Hà-tĩnh), tập I - Ty văn hóa Hà-tĩnh xb, 1972.

- **Núi Thiên-cầm** (Truyện dân gian), tập II - Ty văn hóa và Hội Văn nghệ Hà-tĩnh xb, 1975.

THÁI VĂN KIỂM - **Hai sự trạng trái ngược của một danh y** - *VHNS*, số II, 1956.

THANH LÃNG - **Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân.**

Thánh Tông di thảo 聖 宗 遺 草 - Sách hán chép tay (A.202).

Thánh Tông di thảo 聖 宗 遺 草 - (Nguyễn Bích Ngô dịch)- Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963.

THAO NHOUY - **Folklore Laotien Xine-Xay** - *BSEI*, t.IX, số 4, 1934.

Thằng Cuội (Cổ tích Tây-nguyên) - Nxb. Kim Đồng, H, 1958.

THI ĐẠT CHÍ - **Truyện cổ Việt-nam, Truyện thành ngữ Trung-hoa** - Nhà sách Khai trí, S, 1961.

Thiên lôi bị đòn - x. ĐINH TÚ.

Thính văn dị lục 聽 聞 異 錄 - Sách hán chép tay (A.393).

THÙY DƯƠNG TỬ - **Vua Nam-chiếu** - *PT*, S, số 244-246, V-VI - 1970.

TIÊN ĐÀM - **Cai Vàng là người thế nào?** - *Tri tân*, H, số 25, 1941.

- **Sự thực về ông Nghè Tân** - *Tri tân*, H, số 30, 1942.

Tiếng gọi cô ơi! (Truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Dân tộc, Việt-bắc, 1961.

TISSOT - **Cours Supérieur d'Annamite**, 1910.

TOAN ÁNH - **Nếp cũ, Hội hè đình đám**, quyển Thượng và Hạ - Nam Chi tùng thư, S, 1969, 1974.

- **Thần thoại và tôn giáo thoại** - *BK*, số 336, I - 1971.

TÔ LINH THẢO - x. VŨ NGUYÊN HANH.

Tống Trân - Cúc Hoa - Imp. Ngô Tử Hạ, H, 1932.

TRẦN HƯƠNG TỬ - **Điểm sách "Luận lý và tư tưởng trong huyền thoại"** - *BK*, S, số 272, V - 1968.

TRẦN KIM, ĐÀO THẢN - **Ông thần núi** (Truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

TRẦN LÊ VĂN - **Nàng trắng nàng đen** (Chuyện Tấm Cám của đồng bào Tây-bắc) - Nxb. Ánh sáng, H, 1955.

TRẦN NGHĨA - **Truyền thuyết My Châu - Trọng Thủy phát triển qua các thời đại** - *NCVH*, H, số 4, 1962.

TRẦN NGỌC NINH - **Huyền thoại Việt-nam** (tìm hiểu huyền thoại dân tộc qua huyền thoại học so sánh) - *Tân văn nguyệt san*, S, số 13-14, 1969.

- **Huyền thoại học và huyền thoại lý học Việt-nam** - *Văn hóa tập san*, S, số 2, 1974.

TRẦN PHÚC LÊ - **Chuyện giải buồn** (2è éd., revue et corrige) - F. H. Schneider, S, 1910.

TRẦN THÁI ĐỈNH - **Con người huyền thoại** - *Tân văn nguyệt san*, S, số 7-8, 1968.

- **Sống và chín, hay là áp dụng thuyết cơ cấu vào dân tộc học** - *Tân văn nguyệt san*, S, số 11-12, 1969.

TRẦN THANH MẠI - **Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích** - Nxb. Sông Lô, H, 1955.

- **Tìm hiểu và phân tích truyện cổ tích Việt-nam** I, II - Nxb. Sông Lô, H, 1955.

TRẦN TỪ, BẠCH ĐÌNH - **Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường** - *NCLS*, H, số 140-141, 1971.

TRẦN VĂN GIÁP - **Sách Lĩnh-nam chích quái** - *NCLS*, H, số 115, 1968.

- **Lược khảo sách Việt điện u linh tập** - *TCVH*, H, số 8, 1968.

TRẦN VƯỢNG - **Lọ nước thần hay là truyện vợ chồng anh hàng hành** (Cổ tích Việt-nam) - Nxb. Phổ thông, H, 1958.

(NHẬT NHAM) TRỊNH NHƯ TẤU - **Bắc-giang địa chí** - Nhà in Chân Phương, H, 1937.

TRỊNH THỤC OANH, TRIAIRE (M.) - **La Tortue d'or** (Contes du pays d'Annam) - *IDEO*, H, 1940.

Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt-nam - Nxb. Khoa học xã hội, H, 1971.

Truyền văn tân lục 傳聞新錄 - (bản chữ hán chép tay).

Truyện chàng Chuối - Nhà in Kim Khuê, H, 1929.

Truyện cổ Ba-na (Tây-nguyên) I, II - Nxb. Văn học, H, 1965.

Truyện cổ Ca-tu - Nxb. Văn học, H,1968.

Truyện cổ Chàm - Nxb. Văn hóa dân tộc, H, 1978.

Truyện cổ dân gian [của các dân tộc] Việt-nam (4 tập) - tổ Văn học dân gian, Viện Văn học hiệu chỉnh - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963 - 67.

Truyện cổ dân gian Thanh-hóa I - Ty Văn hóa Thanh-hóa.

Truyện cổ Tây-nguyên - Nxb. Phổ thông, H, 1962.

Truyện cổ Thái - Nxb. Văn hóa, H, 1980.

Truyện cổ tích Ấn-độ - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

Truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

Truyện cổ tích Nhật-bản - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

Truyện cổ tích trẻ em - Nhà in Ngọc Hưng, H, 1952.

Truyện cổ tích Việt-nam. 1- Những truyện kỳ lạ, 2 - Truyện cười - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

Truyện cổ Việt-bắc I, II, III - Nxb. Việt-bắc, 1973 - 76.

Truyện cổ Việt-bắc - x. HOÀNG QUYẾT, HOÀNG THAO...

Truyện dân gian Căm-pu-chia - x. LÊ TRỌNG KHÁNH...

Truyện dân gian Miến-điện (Minh Trí, Văn Minh, Hoàng Hải dịch) - Nxb. Văn học, H, 1963.

Truyện dân gian Trung-quốc I - Nxb. Ngoại văn, Bắc - kinh, 1958.

Truyện dân gian Trung-quốc (Thái Hoàng, Bùi Văn Nguyên dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963.

Truyện đời xưa (Sách dùng cho học sinh cấp I phổ thông) - Nxb. Giáo dục, H, 1969.

Truyện thần tiên Á đông I, II - Imp. Đức lưu phương, S, 1928.

Truyện Trương Chi - Nhà in Phúc Chi, H, [?].

TRƯƠNG QUANG LỘC - **Vú đá** (Cổ tích và truyền thuyết dân gian miền Nam) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

TRƯƠNG QUỐC DỤNG 張國用 - **Thoái thực ký văn** 退食記聞 - Sách hán chép tay (A. 1499).

TRƯƠNG VĨNH KÝ (P.) **Ước lược truyện tích nước Nam** - S, 1887.

- **Chuyện đời xưa** (Lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích) - Lib. Imp. Qui-nhơn, 1909.

- **Chuyện khôi hài.** *Passe temps* - C. Guillot et Martinon, S, 1882.

TRƯƠNG VĨNH TỐNG - **Mỹ Ấm tùy bút** (Nhàn trung đàm thoại) - *Nông công thương*, S, từ số 89 (1938-39) [chưa hết].

- **Truyện lạ nước Nam** (Cổ tích bị khảo) - *Nông công thương*, S, từ số 88 (1938 - 39).

TRƯỜNG SƯ PHẠM MIỀN NÚI - **Truyện cổ tích miền núi** - Nxb. Văn hóa, H, 1958.

TÙNG LÂM - **Truyện cổ chọn lọc** - Nxb. Thế giới, S, 1957.

- **Truyện cổ Trung-hoa** - Nxb. Thế giới, S, 1957.

TUYẾT NGA - **Histoire de Chử đồng tử** - *FA*, số 40, 1949.

Tư liệu tham khảo văn học Việt-nam, t.I: Văn học dân gian, I, II - Nxb. Giáo dục, H, 1974.

Un écho du folklore cambodgien - *FA*, số 37-38, IV-V - 1949.

VALLON (R.) **Seigneur tigre et Cie. Conte d'Annam** - S, 1942.

VAN BERCHEM (MAX) - **Conte arabe en dialecte égyptien** - *JA,* 8è série, t. XIV, 1889.

VAN GENNEP (A.) - **Religion, mœurs et légendes**. Essais d'ethnographie et de linguistique (5 tập) - Mercure de France, P, 1908.

- **La formation des légendes** - Flammarion, P, 1912.

Văn học dân gian cổ truyền Hà-giang - Ty văn hóa Hà-giang , 1971.

Văn học dân gian tỉnh Lao-cai (4 tập) - Ty văn hóa thông tin Lao-cai, [1963 - 70].

VĂN TÂN - **Mấy ý kiến về truyện cổ tích** (nhân đọc *Truyện cổ tích Việt-nam* của Vũ Ngọc Phan và quyển *Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích* của Trần Thanh Mại) - Tập san *Nghiên cứu Văn Sử Địa*, H, số 14, 1956.

VĂN TRỌNG - **Chuyện lạ nhà Nam** (Les contes fantastiques du pays d'Annam) 2 tập - Imp. Indochinoise, H, 1934.

VÂN HẠC - **Chuyện "Giết chó khuyên chồng" có phải là chuyện nước ta không?** - *Trung Bắc chủ nhật*, H, số 222, 1944.

VĂN HẢI - **Con cá có mỏ** (Tập truyện cổ tích Căm-pu-chia) - Nxb. Kim Đồng, H, 1963.

VÂN UYÊN (cô) - **Huyền thoại Cao Biền yểm đất ở dãy núi đèo Cả** - *PT*, S, số 247, VI - 1970.

Vè chú Lía - Sách nôm chép tay ở Bình-định.

Vết chân lạc đà (Truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

Vỏ quýt chưa dày - x. ĐÀO QUẢN...

VÕ QUANG NHƠN - **Chàng Đam Thí** - Nxb. Kim Đồng, H, 1972.

VÕ XUÂN PHỐ - **Góp ý kiến về nguồn gốc truyện Thạch Sanh** - Tập san *Nghiên cứu Văn Sử Địa*, số 19, 1956.

VOSSION (L.) - **Contes Birmans, d'après le Thoudamma Sâri Dammazat** - E. Leroux , P, 1901.

VŨ KHẮC MINH, PHAN HÀN KHANH - **Truyện chúa Chổm** - Nhà in Mạc Đình Tư, H, 1914.

VŨ LANG - **Cổ tích Chàm và cổ tích Việt-nam** - *Văn hóa Á châu*, S, số 15-16, 1959.

VŨ NGỌC PHAN - **Tiểu Nhiên Mị Cơ** - Nxb. Hương-sơn, H, [1941].

- **Truyện cổ Việt-nam** - Nxb. Văn sử địa, H, 1955.

- **Tìm hiểu quá trình hoàn chỉnh của một số truyện cổ dân gian Việt-nam** - *TCVH*, H, số 5,1964.

- **Quả bầu kỳ lạ** (Truyện cổ tích Việt-nam) - Nxb. Kim Đồng, H, 1965.

[VŨ NGỌC PHAN] - **Tấm gương nhỏ** - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

VŨ NGUYÊN HANH [TRINH] 武元亨〔貞〕- **Kiến văn lục** 見聞錄 - Sách hán chép tay (A. 1562).

(LAN TRÌ) VŨ NGUYÊN HANH 〔蘭池〕武元亨 - **Đại Nam kỳ nhân liệt truyện** (Tô Linh Thảo dịch) - Nhà in Quảng Thịnh, H, 1930.

VŨ PHƯƠNG ĐỀ 武芳堤 - **Công dư tiệp ký** 公餘捷記 (Đoàn Thăng dịch) - Bản đánh máy của Viện Văn học.

VŨ QUỲNH 武瓊, KIỀU PHÚ 喬富 - **Lĩnh-nam chích quái** 嶺南摭怪, truyện cổ dân gian Việt-nam (Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1960.

VŨ TUẤN SÁN - **Truyền thuyết về Thánh Gióng** - *NCLS*, H, số 106, 1968.

VŨ TƯỜNG KHANH - **Truyện cổ Việt-nam** - Nxb. Thế giới, S, 1969.

VŨ VĂN LỄ - **Truyện công chúa Nân Manôra** - *VHNS*, S, số 29, 1958.

VƯƠNG HỒNG SẾN - **Ngọc diện miêu** - *PT*, S, số 96, 1963.

WIÉGER S.J.(L.) - **Rudiments, 5 et 6, Narrations populaires** - Imp. de la Mission Catholique, Hà-gian phủ, 1903.

- **Folklore chinois moderne** - Imp. de la Mission Catholique, Hà-gian phủ, 1909.

Y KHƯU (kể), NHẬT LAI (ghi) - **Truyện anh Dông Tư** - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

ZACHARKO (Mnt E. DE) - **Contes Sartes** - *Le Muséum*, t.XXXIX, 1926.

ZELTNER (F. DE) - **Contes du Sénégal et du Niger** - P, 1913.

ZUCCHELLI (P.FLORENT) - **Contes populaires du Việt- nam d'autre fois** - Coconnier ed., [P], 1968.

II- BÁO VÀ TẠP CHÍ

Anthropos

Bách khoa (BK)

Bulletin de la société des Études indochinoises (BSEI)

Bulletin des amis du vieux Huế (BAVH)

Bulletin de l'École française d'Extrême-orient (BEFEO)

Dân gian văn học 民 間 聞 學, Bắc-kinh

Dông thanh tạp chí

Đuốc tuệ

Excursions et Reconnaissances (ER)

Extrême - Asie

Folklore Fellows Communications (FFC)

France - Asie (FA)

Hà-nội báo

Hữu thanh tạp chí

Institut indochinois de l'Étude de l'homme (IIEH)

Journal Asiatique (JA)

Le Muséum

Nam phong tạp chí (NP)

Nghiên cứu lịch sử (NCLS)

Nghiên cứu văn học (NCVH)

Nghiên cứu Văn Sử Địa

Nông công thương

Notre revue

Nước non tuần báo

Orient und Occident

(Les) pages de l'Indochine

Phổ thông (PT)

Phụ nữ tân văn

Phương Đông

Revue d'Ethnographie et des Traditions populaires (RETP)

Revue d'Ethnographie et de Sociologie (RES)

Revue des Traditions populaires (RTP)

Revue des troupes coloniales

Revue franco - annamite

Sud - Est

Tạp chí văn học (TCVH)

Tân thanh tạp chí

Tân văn

Thanh Nghệ Tĩnh tân văn

Thực nghiệp dân báo

Tiểu thuyết chủ nhật

Tiểu thuyết thứ bảy

Tràng-an

Tri tân tạp chí

Trung Bắc chủ nhật

Trung Bắc tân văn

Tứ dân văn uyển

Văn hóa Á châu

Văn hóa nguyệt san (VHNS)

Văn hóa tập san

Văn nghệ

Văn nghệ dân gian

III- TÀI LIỆU CHÉP TAY

Cổ tích và tiểu dẫn (Mạnh Sào Quan).

Nghệ-an tỉnh khai sách, tài liệu chữ nôm chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, Hà-nội, ký hiệu từ VNv.19 đến VNv. 55 và từ VNv. 1826 đến VNv.1830.

Chủ yếu là các bản:

Bản khai của thôn An-trạch xã Giang-triều

Bản khai của thôn Bùi-ngọa

Bản khai của thôn Cát-ngạn

Bản khai của thôn Chính-đích xã Mỹ-lợi

Bản khai của thôn Điển-lễ

Bản khai của xã Đức-mỹ

Bản khai của xã Hoàng-nghĩa

Bản khai của xã Hoàng-tràng

Bản khai của thôn Hướng-dương

Bản khai của sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp

Bản khai của thôn Ngọc-sơn, xã Xuân-lâm

Bản khai của thôn Quang-lãng

Bản khai của tổng Quỳ-dương

Bản khai của tổng Quỳnh-lâm

Bản khai của thôn Thanh-đoài

Bản khai của xã Thanh-tân

Bản khai của tổng Thanh-xuyên

Bản khai của thôn Vĩnh-an

Bản khai của xã Võ-liệt

Bản khai của xã Xuân-thịnh

Bản những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma

Sự tích Nùng Trí Cao (Hoàng Quyết)

Tài liệu tham khảo văn học Việt-nam (nhiều người kể)

[Tài liệu truyện kể] (nhiều người kể)

Thần tích 神跡 (điều tra phong tục của Hội Folklore Đông - dương), tài liệu chữ hán chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, Hà-nội. Ký hiệu Q.418 từ 1 đến 37 và AE

Thần tích xã Bạch-ngọc

Thần tích xã Đa-mỗi

Thần tích xã Đại-quan

Thần tích xã Đại-trạch

Thần tích xã Lại-thâm

Thần tích xã Lý-trai

Thần tích xã Mễ-trì

Thần tích xã Phương-viên

Thần tích xã Thế-lộc

Thần tích xã Xuân-cảo

Tiên-hương thần tích

[Truyện cổ Hà-tĩnh] (Thanh Minh)

Truyện bể dâu (Mạnh Sào Quan)

Truyện cổ tích Tày (Thân Văn Lư)

Truyện cổ tích Thái-lan (lược dịch của Dương Xuân Cương)

[Truyện cổ, truyền thuyết Tày Nùng] (Hoàng Quyết)

Truyện dân gian ngày xưa (Nguyễn Phi Tạo)

[Văn học dân gian Nghệ - Tĩnh] (Ninh Viết Giao)

Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu (Nguyễn Đổng Chi và Đoàn Thị Tịnh)

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
TỪ BÌNH DIỆN MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *gồm 5 tập, được công bố lần lượt trong vòng 25 năm, từ năm 1958 đến 1982*[1]. *Ngay khi hai tập đầu vừa ra mắt, bộ sách đã được bạn đọc ngoài Bắc trong Nam chú ý, và lập tức có tiếng vang ở nước ngoài*[2]. *Tập 3 tiếp tục ra mắt vào năm 1960, đã khẳng định vị trí hiển nhiên của tác giả trong ngành cổ tích học. Từ đấy cho đến khi tập IV xuất hiện (1975), theo yêu cầu của bạn đọc, các tập I, II, III đều kế tiếp ba bốn lần được in lại. Có thể nói, chỉ với ba phương diện sưu tầm, khảo dị và kể chuyện cổ tích, Nguyễn Đổng Chi đã sớm nổi bật lên như một chuyên gia đầu đàn. Lê Văn Hảo và Tạ Phong Châu từ hai phương trời cách biệt (Paris - Hà Nội), từng có những lời đánh giá nhất quán về ông*[3]. *Tuy vậy, phải đến ngày bộ sách xuất bản trọn vẹn (1982), tư cách nhà cổ tích học Nguyễn Đổng Chi mới hiện diện đầy đủ nhất, ở chức năng người tổng kết loại hình truyện cổ dân gian của Việt-nam.*

Với Phần thứ nhất của tập I, Nguyễn Đổng Chi đã trình cho bạn đọc ý kiến của mình về "Bản chất truyện cổ tích", "Lai lịch truyện cổ tích" và "Truyện cổ Việt-nam qua các thời đại". Với phần III của tập V, ông lại

1. Tập I và II, Nxb. Văn sử địa, Hà-nội, 1958. Tập III, Nxb. Sử học, Hà-nội, 1960. Tập IV. Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1975. Tập V, Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1982.

2. Trên *Tập san Trường Viễn dông bác cổ* (B.E.F.E.O), Paris, số I-1964, có hai bài: của Maurice Durand phê bình tập I *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam*, và của Lê Văn Hảo, phê bình tập I và II.

3. Lê Văn Hảo. Đọc "*Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam*" ; B.E.F.E.O, Paris, 1964, đã dẫn. Tạ Phong Châu. *Đọc "Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam"*; *Tạp chí Văn học*, số 2-1975 (ký tên Anh Phong).

có dịp bàn trở lại các vấn đề "Đặc điểm truyện cổ tích Việt-nam". Việc tái bản cùng lúc cả 5 tập vào năm 1993[1] *càng giúp ta có điều kiện xem xét cả hai phần trong một cái nhìn chỉnh thể. Nếu gộp hơn 80 trang phần đầu và gần 250 trang phần cuối, quả thực người đọc đã được tiếp xúc với một chuyên đề lý luận về truyện cổ tích Việt-nam khá nghiêm túc và hoàn chỉnh. Dưới đây, sẽ chỉ xin điểm qua một số vấn đề mà chúng tôi thấy có thể làm rõ hơn quan điểm và phương pháp nghiên cứu của tác giả, những vấn đề rút ra có phần ngẫu nhiên và chưa hẳn đã là trọng điểm trong hệ thống các vấn đề cổ tích học được Nguyễn Đổng Chi lựa chọn và trình bày.*

*

* *

1. *Có vấn đề đã từng là nội dung trao đổi của một số người. Chẳng hạn, để nhận dạng thế nào là một truyện cổ tích, Nguyễn Đổng Chi nêu lên 3 tiêu chí sau đây: 1. Phải có phong cách cổ; 2. Phải gần gũi với bản sắc dân tộc; 3. Phải có tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao (Tập I, tr. 65-72). Trên tập san B.E.F.E.O năm 1964, M. Durand đã không thỏa mãn với cách lý giải quá vắn tắt của tác giả về tiêu chí thứ nhất, và tỏ ý nghi ngờ: "Đâu là ranh giới giữa cái "kim" và cái "cổ"? Những truyện có liên quan đến thời Tự Đức (1848 - 1883) phải được xem là "cổ" hay "kim"? (Bản dịch, Tập I, tr. 495)*[2]*. Thật ra Durand đã không hiểu đúng thực chất luận điểm của Nguyễn Đổng Chi. Phải nói đây là một vấn đề lý thú, được ông nghiền ngẫm rất sâu, nhằm tiếp cận thật xác đáng đặc trưng của một thể loại. Chúng ta ai mà chẳng từng gặp tình trạng bối rối khi muốn phân biệt truyện cổ tích với một vài thể loại tự sự dân gian khác rất gần với nó, như truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện thời sự chẳng hạn? Căn cứ thuyết phục nhất làm chỗ dựa trong những trường hợp này là ở đâu? Kinh nghiệm thực tế cho thấy không thể phân biệt chúng ở nội dung hay hình thức câu chuyện, vì chúng khá giống nhau; cũng không thể phân biệt ở* chức năng, *vì không nhất thiết cứ truyền thuyết, ngụ ngôn,*

1. Viện Văn học xuất bản trọn bộ 5 tập in theo bản bổ sung chỉnh lý của tác giả do gia đình lưu giữ. Các số trang trong bài của chúng tôi đều ghi theo lần in này.
2. Nguyễn Từ Chi dịch, in ở cuối tập I, bản in 1993.

hay truyện thời sự thì chức năng phải khác với cổ tích. Cuối cùng, Nguyễn Đổng Chi đã tìm ra sự khác nhau giữa chúng là ở cấp độ nghệ thuật. *Cả 3 tiêu chí mà tác giả đề xuất đều thống nhất với nhau ở chỗ: muốn biện minh rõ cổ tích là thể loại "đã đạt đến cấp độ cao trong nghệ thuật tự sự truyền miệng" (tr. 72), "là một loại hình tự sự hoàn chỉnh nhất trong các loại hình tự sự dân gian" (tr. 70-71). Đó là mấu chốt để ông triển khai lập luận liên hoàn của mình. Vận dụng vào tiêu chí thứ nhất: đặc trưng "cổ" của cổ tích, ông không hiểu đơn giản như Durand là phải định cho được một vạch mốc lịch sử để qua đó phân chia đâu là "kim" đâu là "cổ". Định một vạch mốc hẳn không phải là chuyện khó, nhưng dựa vào nội dung thông báo của từng truyện cổ tích mà xếp chúng vào trước hay sau vạch mốc thì khó vô cùng. Bao nhiêu người chẳng đã từng thất bại khi muốn "suy nguyên" niên đại đối với thơ và truyện dân gian? Vì thế, chỉ có một cách duy nhất định vị cái "cổ" của cổ tích là ở* phong cách nghệ thuật. *Nguyễn Đổng Chi giải thích rất cặn kẽ điều này: "Vấn đề xác định tính "cổ" của truyện cổ tích là căn cứ chủ yếu vào* phương thức cấu tạo hình tượng, sự sắp xếp, xâu chuỗi cốt truyện và mô-típ, *mà không nhất thiết căn cứ vào thời điểm lịch sử của câu chuyện" (tr.67). Hoặc: "Dù cho phạm vi hai khái niệm "cổ" và "kim" trong cổ tích không khỏi có lúc lẫn lộn nhưng mỗi nhân vật, mỗi tình tiết, mỗi hình ảnh của cổ tích đều nhất thiết phải là một nhân vật, một tình tiết, một hình ảnh vốn có trong truyền thống nghệ thuật xa xưa của văn học dân gian, được nhân dân coi là quen thuộc, đã thấm sâu vào tiềm thức mọi người" (tr. 66). Chính vì thế mới có hiện tượng "cổ tích tân biên" - tức là truyện cổ tích mới sáng tác hôm nay - và không thể không thừa nhận nếu "tân biên" đúng theo những quy tắc nào đấy thì nó cũng sẽ hội nhập trọn vẹn vào kho tàng cổ tích: "Sở dĩ có những câu chuyện* mới sáng tác gần đây *có thể liệt vào truyện cổ tích là vì bối cảnh, khí hậu xã hội và tâm lý nhân vật mà chúng được xây dựng, so với bối cảnh, khí hậu, phong cách sinh hoạt và tâm lý của người đời xưa tuyệt không có gì là trái ngược" (tr. 68). Trái lại, cũng có "những truyện như* Vợ ba Đề Thám *tuy cách ta trên nửa thế kỷ và mang thể tài cổ tích khá rõ nhưng trong đó có những tên giặc râu xồm mũi lõ, có súng trường, súng lục [thuộc loại "những chất liệu dĩ vãng... chưa kịp lắng xuống và chưa được đại đa số nhân dân công nhận*

là ở bên kia bên giới của cái "mới""]... nên vẫn chưa thể thừa nhận là truyện cổ tích được" (tr. 67). Rõ ràng hướng giải quyết vấn đề của Nguyễn Đổng Chi là đúng đắn, phù hợp với các quy tắc mỹ học folklore, và không gò bó vào lịch sử như yêu cầu của Durand.

2. *Sau vấn đề xác định đặc trưng đến vấn đề phân loại truyện cổ tích. Điểm lại rất tỷ mỷ các ý kiến phân loại trước mình, Nguyễn Đổng Chi đã không thỏa mãn với những cách chia quá vụn vặt và phần nào tâm đắc với Trương Tửu khi ông chia truyện truyền miệng thành hai loại: loại* thần kỳ *và loại* thế sự. *Áp dụng cho cổ tích, ông đưa ra một bảng phân loại mới gồm 3 loại như sau: 1.* Cổ tích thần kỳ *(trong lần in thứ nhất, 1957, ông gọi là cổ tích hoang đường; lần in thứ 5, 1972, mới đổi là cổ tích thần kỳ); 2.* Cổ tích thế sự; 3. Cổ tích lịch sử. *Từ bấy đến nay, ý kiến của ông cũng được bàn bạc khá nhiều. Trong khi M. Durand cho rằng cách phân loại này "cũng hình thức không kém gì những người trước ông" (bản dịch đã dẫn, tr. 496), thì Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên lại coi "Nguyễn Đổng Chi... đã đưa ra cách phân loại tương đối hợp lý"[1], mặc dầu hai ông vẫn đề nghị không nên tách riêng cổ tích thần kỳ thành một loại, vì "truyện cổ tích lịch sử và truyện cổ tích thế sự nào cũng có yếu tố hoang đường (chính Nguyễn Đổng Chi cũng nhận như vậy). Vả lại không có truyện cổ tích hoang đường nào mà lại không phản ánh lịch sử hoặc phản ánh đời sống thế tục"[2].*

Về ý kiến của Durand muốn quay trở lại cách phân loại dựa vào tư tưởng chủ đề (thème) của cổ tích mà không tính đến các phương thức biểu hiện của nó, đến nay có lẽ không cần bàn giải cũng đã ngã ngũ. Phương pháp xã hội học thuần túy kiểu này không còn được mấy ai trong giới nghiên cứu folklore chấp nhận. Còn ý kiến của Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên muốn gạt bỏ truyện cổ tích thần kỳ *ra khỏi bảng phân loại thì với thời gian cũng đã tỏ ra không hợp lý, nếu ta biết rằng* cổ tích thần kỳ *đã thành tên gọi một loại hình có ý nghĩa thế giới, là loại hình cổ tích chiếm tỷ lệ áp đảo về số lượng ở Ấn-độ, Ai-cập, Hy-lạp và nhiều nước Âu Tây. Có thể nói, do lăn lộn từ lâu giữa một "kho tàng" cổ tích*

1. 2. Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên. *Văn học dân gian*, tập II; tr. 93, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà-nội, 1973.

dân tộc giàu có, lại có điều kiện tham khảo, đối sánh với các "kho" cổ tích của nước ngoài, Nguyễn Đổng Chi đã nắm rất vững đặc điểm loại hình của từng kiểu truyện cổ tích, và chỉ ra rất trúng ba loại truyện vốn thực sự tồn tại trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. Đặc biệt, ông đưa vào bảng phân loại một loại hình chưa được mấy ai nói đến là cổ tích lịch sử, hình như cũng là một loại hình hiếm thấy trong truyện cổ tích nhiều nước Á Âu. Giải thích điều đó như thế nào? Nguyễn Đổng Chi nói: "Truyện cổ tích lịch sử có thể là một thể loại mang đậm nét đặc thù của truyện dân gian Việt-nam, bởi lẽ con người Việt-nam xưa nay do điều kiện lịch sử luôn luôn phải chống ách đô hộ xâm lược để bảo vệ nền độc lập, nên trong tâm thức vẫn gắn bó với "xã tắc", và do đó thường xuyên có cái nhìn "lịch sử hóa" đối với mọi hiện tượng, sự vật" (tr. 76-77). Xuất phát từ những điều kiện lịch sử đặc thù tạo nên cảm quan riêng của người Việt để đi tới cân nhắc sự tồn tại của một kiểu tư duy nghệ thuật nào đấy mà những cộng đồng khác không có hay không thường xuyên sử dụng, thiết tưởng đó là cách suy xét hợp lý, đáng được ghi nhận. Thật ra gọi "cổ tích lịch sử" là cách gọi cụ thể hoá hơn nữa đối với một loại hình mà ở Tây Âu vẫn xếp vào một "kho" chung với cái tên ***truyền thuyết*** *(légende). Chứng tỏ trong nghiên cứu, Nguyễn Đổng Chi luôn luôn có cách suy nghĩ độc lập.*

3. *Trong các phần sau, Nguyễn Đổng Chi còn tiếp tục đào sâu vào đặc điểm tư duy của người Việt, lấy đó làm chỗ dựa chính để khái quát các đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam. Cách khái quát của ông thoạt nhìn không có gì đao to búa lớn, nhưng lại được đặt trên một nền tảng tri thức rộng và sâu, nên chứa đựng trong đó nhiều điều mới mẻ. Ông cho rằng truyện cổ tích thần kỳ của người Việt chiếm một số lượng có phần ít ỏi, quy mô phóng đại của hình tượng thần kỳ không lớn và tần số phóng đại cũng không nhiều. Để có được kết luận này, ông đã phải làm nhiều bảng thống kê tỷ mỷ, về số lượng truyện thần kỳ và về các kiểu loại mô-típ thần kỳ. Không những thế, ông còn đặt truyện cổ tích thần kỳ dân tộc - với sắc thái riêng của nó như đã tìm thấy - trong tương quan so sánh với các biểu hiện tư duy của con người Việt-nam: "ít khi xa rời lý trí thế tục" (tập V, tr. 2426), "chịu sự ràng buộc của tâm lý thực tiễn " (tr. 2428), "ít chứa đựng cảm quan tôn giáo" (tr. 2428)... và vạch ra biểu đồ về sự chi phối*

của các dấu ấn tư duy nói trên đối với quá trình hình thành "tâm lý sáng tạo nghệ thuật dân tộc" (tr. 2428), nhất là "con đường vận hành của truyện cổ tích..., trong đó sự thanh lọc các yếu tố siêu nhiên đã diễn ra thường xuyên và gần như vô thức để đồ thị phát triển của cổ tích ngày càng đi gần tới trục biểu hiện nhân tính" (tr. 2428). Đó là một kiến giải thật sâu sắc và thỏa đáng.

Tất nhiên nghệ thuật không bao giờ lại là sự phản ánh thụ động, một chiều của tư tưởng. Nguyễn Đổng Chi đã không quên nói thêm rằng, để bù lại những gì vốn là nhược điểm của tư duy người Việt - nó hạn chế sự tưởng tượng bay bổng - "tác giả truyện cổ tích Việt-nam lại thường biết vận dụng yếu tố huyền ảo một cách uyển chuyển, tạo nên những đột biến trong chất lượng truyện kể" (tr. 2432), mà hai thủ pháp được sử dụng phổ biến là sự đối sánh *- lấy cái mờ soi vào cái rõ, lấy ảo ảnh chiếu vào thực tế - và sự* lạ hóa *- sự hóa thân kỳ ảo của nhân vật hay cốt truyện - (đều là chữ dùng của Nguyễn Đổng Chi) nhờ đó truyện cổ tích Việt-nam vẫn có một sức hấp dẫn riêng. Thử hỏi mấy ai đã thật sự đi sâu vào các lớp lang của cổ tích để thấm được* cái hồn *của nó đến như Nguyễn Đổng Chi: "Tóm lại, sức hấp dẫn của hầu hết các truyện cổ tích Việt-nam không phải là ở cấp độ phi lý của bản thân câu chuyện, mà ở khả năng phối hợp và hoán chuyển tài tình cái huyền ảo và cái hiện thực. Cái hiện thực bị nhầm ra cái phi lý, cái phi lý nằm ngay trong cái hợp lý" (tr. 2439 - 2440). Chính đó là điều kiện quan trọng để rồi đây khi thống kê, so sánh và phân loại* kiểu cốt truyện *của cổ tích, mặc dù nhận thấy 2/3 số truyện mà mình tìm được đều có nguồn gốc nước ngoài, và mặc dù rất hiểu sự tác động qua lại lẫn nhau là một thực tế hiển nhiên của truyện cổ tích thế giới xưa nay, nhà cổ tích học Nguyễn Đổng Chi vẫn tách bạch ra được "các kiểu cốt truyện mang tính bản địa nguyên sinh" (tr. 2452), tức là "cái phần bất biến" bảo lưu trong truyện cổ tích Việt-nam, nó mở lối cho ông đi sâu vào folklore dân tộc.*

4. *Một nhận định khác cũng bắt nguồn từ đặc điểm tư duy của người Việt mà rút ra là ý kiến của Nguyễn Đổng Chi về các dạng vận động* chính - tà *trong truyện cổ tích. Thông thường, nói đến truyện cổ tích là nói đến loại truyện phát triển theo một tuyến:* chính thắng tà, thiện thắng

ác. Đó là cái mạch chung của truyện cổ tích nhân loại, do tưởng tượng chất phác của con người Trung đại quy định. Nhưng nhìn cho kỹ, mỗi dân tộc, bằng nét riêng trong cách tư duy của mình vẫn chủ động cải hoán lại mạch truyện phổ biến ấy để cấp cho truyện cổ tích một dạng kết cấu có đổi mới ít hay nhiều. Nguyễn Đổng Chi đã khảo sát kỹ cả một "kho tàng" để tìm ra 4 dạng kết cấu khác thường của truyện cổ tích nước nhà: 1. Chính *thắng* tà *không phải bằng tiêu diệt mà bằng sức mạnh cảm hóa, làm cho* tà *giác ngộ; 2.* Chính *thắng* tà *bằng cuộc đấu tranh giữa thiện và ác ở ngay trong nội bộ cái* chính; 3. Chính *thắng* tà *bằng cách thúc đẩy cuộc đấu tranh thiện ác ở ngay trong nội bộ cái* tà; 4. Chính *thắng* tà *nhưng kết cục lại bị trả giá vì sự vượt "độ" của mình. Có thể có người còn bổ sung, thêm bớt được điểm này điểm kia vào 4 dạng kết cấu đặc thù của truyện cổ tích Việt-nam mà tác giả nói ở đây, nhưng chắc chắn không ai bác bỏ sự tồn tại đích thực của chúng. Sự đa dạng của những kết cấu này vốn là kết quả của nhiều quá trình điều chỉnh nhuần nhị và không tự ý thức, nhằm làm cho tư duy nghệ thuật dân gian xích lại gần với cách ứng xử nhân bản của tâm lý người Việt cổ truyền. Đây là một quy luật của văn học dân gian, phản ánh mối quan hệ qua lại hữu cơ giữa nội dung và hình thức. Khái niệm "độ" được Nguyễn Đổng Chi dùng như một khái niệm công cụ chỉ bản chất quy luật. Tóm được cái "chìa khóa" đó, Nguyễn Đổng Chi không những đã nhận thức quy luật một cách rành rẽ, mà còn nắm bắt đầy đủ các hình thức biểu hiện phong phú của quy luật.*

5. *Còn có thể nói đến nhiều nhận định tinh tế của Nguyễn Đổng Chi ở chỗ này chỗ khác. Ví như, một hiện tượng không mấy người để ý là việc tặng phong danh hiệu của dân gian cho những nhân vật anh hùng truyền thuyết trong kho truyện của mình. Nguyễn Đổng Chi là người đầu tiên lưu tâm đến hiện tượng này ở góc độ nghệ thuật dân gian. Ông xâu chuỗi chúng lại và giúp người đọc hiểu rõ các tầng bậc ý nghĩa khác nhau của chúng:* vua, thánh, cha, trạng... *(tr. 2486-2488). Hoặc giả, đối với những truyện cổ tích cá biệt như* Mỵ Châu - Trọng Thủy, Trương Chi... *nhà cổ tích học đã chú ý tìm tòi những hướng tiếp cận mềm dẻo, thấu đáo để tìm ra trong mỗi truyện nhiều lớp nghĩa khác nhau. "Có lớp nghĩa quả hướng về bài học cảnh giác, đúng hơn là một kinh nghiệm xử thế*

đòi hỏi không bao giờ được sống hời hợt: đắp thành kiên cố để ngăn chặn giặc, có ngờ đâu giặc lại lọt vào tận lòng ruột của mình; tìm đường chạy trốn giặc có ngờ đâu giặc ở ngay sát sau lưng; đời cha dốc bao nhiêu xương máu xây dựng cơ đồ thế mà chỉ một sớm một chiều vì nhẹ dạ, đời con lại làm cho tan nát... Nhưng cũng không thể bỏ qua một lớp nghĩa thứ hai, không kém quan trọng hướng về mối tình Mỵ Châu - Trọng Thủy: tình yêu chân thành, ngây thơ và trong trắng nhiều khi lại là nạn nhân của mọi tranh đoạt tàn khốc, nhưng chỉ kẻ nào mưu đồ tranh đoạt mới là tội lỗi, còn tình yêu không vụ lợi thì bao giờ cũng được đền bù. Đó là cách nhìn độ lượng của dân gian đối với tấn bi kịch Mỵ Châu. Nước giếng Trọng Thủy làm sáng ngọc trai cũng là một biểu tượng nghệ thuật hoàn hảo mà chỉ riêng quan điểm "xã tắc" của nhà Nho không thôi không thể sáng tạo nên được" (tr. 2461-2462). Với truyện Trương Chi *cũng vậy, "Tác giả kết thúc bản tình ca tự sự bằng một mô-típ đã trở thành tượng trưng mỗi khi muốn tô đậm sự u uất tuyệt vọng (trái tim kết thành một khối đỏ như son, trong như thủy tinh). Nhưng ở đây, tính chất khép của mô-típ đã bất ngờ bị phá vỡ, bởi có thêm một tình tiết cuối: những giọt nước mắt của Mỵ Nương nhỏ xuống làm tan vỡ cái khối đỏ được tiện thành chén trà. Đấy phải chăng vẫn là bước tiếp nối của nghệ thuật tượng trưng phương Đông, như một hình ảnh có hậu, ám chỉ sự u uất của mối tình vô vọng đã được "hóa giải"? Hay là một dự cảm còn đi xa hơn: mọi khát vọng yêu đương muốn vượt qua bức thành đẳng cấp chung quy đều khó thành?" (tr. 2515). Người đọc cảm thấy được bên trong cái nhìn tinh tường, thấu suốt, còn có cả tình cảm nhân ái, công bằng. Về mặt phương pháp, ông dường như muốn lưu ý bạn đọc rằng chớ nên vì yêu cầu thời thượng mà gán cho truyện dân gian những cách nghĩ máy móc, vì truyện dân gian là sự kết tinh của* những cảm xúc nghệ thuật hồn nhiên, *"sự giãi bày tâm trạng và sự ngụ ý", là "cái chân thực có tính dân gian" (tr. 2463), chứ không "đóng khuôn" vào chủ đề tư tưởng này hay chủ đề tư tưởng kia như trong văn học viết.*

Điều đáng kể là bất kỳ nhận xét nào dù chi tiết của Nguyễn Đổng Chi cũng được đặt trong hệ thống, nên ít khi có tính cách tùy tiện. Nói đến vai trò tích cực của nhân vật nữ trong cổ tích Việt-nam, ông khảo sát hàng loạt mô-típ phụ nữ ở nhiều vị thế và cách ứng xử khác nhau, qua

đấy dựng lên một mô hình chung cho hai kiểu người nữ tiêu biểu: người nữ công phá trật tự xã hội và người nữ bảo toàn trật tự ấy. Nhưng trong mỗi kiểu lại có thể phân biệt được ba cấp độ:

. ***Người nữ công phá**: nữ thức tỉnh / nữ quái / nữ kiệt*

. ***Người nữ bảo toàn**: nữ nhẫn nại / nữ trí / nữ liệt*

Ông đặt họ trong các tương quan đối sánh cụ thể và kết quả là một hệ thống nhân vật nữ với đủ sắc thái và cung bậc của tính cách nữ giới được thâu tóm khá trọn vẹn. Hầu như không một dạng nhân vật nữ nào của cổ tích đi ra ngoài mô hình này.

Cũng gần như thế, trong khi đi tìm mối liên quan giữa nhiều nhóm truyện cổ tích với đặc điểm riêng của thiên nhiên đất nước tại những vùng miền sản sinh ra chúng, Nguyễn Đổng Chi đã dần dần phát hiện ra một quy luật chung cho "mối quan hệ kép" giữa cổ tích và cuộc đời: đời sống cung cấp cho truyện cổ tích những cốt truyện sinh động, những câu nói vần vè, những thành ngữ, tục ngữ ngầm chứa "mã" cốt truyện... rồi đến lượt nó truyện cổ tích lại cung cấp trở lại cho đời sống những địa danh và nhân vật truyền thuyết (núi Vọng-phu, sông Kim-ngưu, hồ Hoàn-kiếm, đầm Mực...), *những hình dung từ rất giàu sức biểu cảm* (nói cuội, mưa ngâu, bù chì, đứa con trời đánh...), *những câu nói vần vè, thành ngữ, tục ngữ* (Nợ như chúa Chổm, Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho...) *đã được bổ sung và "giải mã"... Nguyễn Đổng Chi kết luận: "Cuộc sống trở lại bắt chước cổ tích hay là sức mạnh của nghệ thuật dân gian đã kích thích sự sáng tạo trong tâm lý quần chúng một lần thứ hai, để tiếp nhận và cải biên nghệ thuật cổ tích, làm giàu thêm cho các hình thức của đời sống" (tr. 2449-2450).*

Đặc biệt Nguyễn Đổng Chi còn dành cả một chương cuối để đối chiếu tỷ mỷ về típ và mô-típ *giữa truyện cổ tích Việt-nam và các "kho truyện" mà nó từng chịu ảnh hưởng sâu nặng: truyện cổ tích Trung-quốc, truyện cổ tích Ấn-độ, truyện cổ tích các dân tộc anh em.Từ những sơ đồ mà truyện cổ tích Việt-nam tiếp thu, ông đi đến xác định những sơ đồ đồng dạng đã thông qua hoán cải và tiến đến chỗ khu biệt được những dạng sơ đồ hoàn toàn bản địa. Đây quả là một thao tác vất vả, công phu nhưng cũng hết sức lý thú, mặc dầu ở Nguyên Đổng Chi đấy vẫn chỉ là những*

bước đi đầu. Nó hứa hẹn một triển vọng tốt đẹp là vạch ra được một cách tương đối hợp lý con đường vận động tự thân của cổ tích dân tộc, trên thực tế lâu nay vẫn bị chìm khuất giữa bức tranh lịch sử phức hợp với những quan hệ giao thoa, chồng chéo khó lòng bóc tách của loại hình cổ tích ở khu vực Đông-dương và Đông nam Á mà lực đẩy cũng như lực hút quan trọng vẫn là hai dòng truyện Trung-hoa và nhất là Ấn-độ.

*

* *

Vấn đề cổ tích Việt-nam là vấn đề lớn. Tiếp thu những gì mà Nguyễn Đổng Chi gợi ra hay gửi gắm trong bộ sách còn là câu chuyện lâu dài cho các thế hệ cổ tích học sau này. Điều có thể nhấn mạnh ở đây, như một bài học kinh nghiệm của Nguyễn Đổng Chi, là ông rất trường vốn, cái vốn thật sự về phương Đông và phương Tây, vốn Hán học và sử học, và cả vốn tri thức thực tiễn, trong khi lý giải, trình bày văn hóa dân tộc. Từ cái vốn ấy mới có thể nói đến một sự thấm nhuần tính cách dân tộc, đặc trưng dân gian *trong cảm hứng của ngòi bút nghiên cứu. Điều đó khiến ta đọc truyện cổ tích của Nguyễn Đổng Chi mà càng thấy tâm hồn mình gần gũi với nhân dân, đất nước, với cuộc sống cập nhật hơn, tuy ông không dùng bất kỳ một từ nào nói về "đấu tranh", "lật đổ", "chống áp bức giai cấp", "địa chủ với nông dân"... như nhiều tập truyện cổ dân gian khác. Và đọc phần nghiên cứu của ông, thấy ông thật sự tắm mình trong cổ tích; "ông đã nắm bắt đúng và sâu nghệ thuật của một loại hình, tuy ông không dựa hẳn vào một lý thuyết ngoại lai nào. Tất nhiên, khi nghe những người khác kể, phân tích truyện cổ, được hiểu thêm các phương pháp đó đây thì cũng là điều hay, không ai chối cãi"*[1].

HY TUỆ

Nguyễn Đổng Chi, người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc. Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1996; tr. 192-205

1. Vũ Ngọc Khánh: *Đọc lại "Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"* (nhân bộ sách toàn tập được công bố sau mười năm tác giả Nguyễn Đổng Chi đi vào cổ tích); *Văn nghệ*, Hà-nội, số 22 (28-V-1994); tr.3.

A TREASURE CHEST OF VIETNAMESE FOLKLORE FROM A RESEARCHER'S PERSPECTIVE

A Treasure Chest of Vietnamese Folklore is one of the many renowned major works by Professor Nguyen Dong Chi, among which mention should be made of *A history of Vietnamese Classical Literature* (1942); *Dao Duy Tu* (1943); *Hat Giam Folk Opera in Nghe - Tinh* (1944-1962); *Vietnamese Legendary Stories - A Sketch* (1956); *An Insight into Peasants Uprisings in the Middle Ages* (1973). This work comprises 5 volumes totalling 3000 pages and has been published over a 25-year period from 1958 till 1982[1].

The debut of the first two volumes captured the immediate interest of the general public from North to South Vietnam and abroad[2]. Volume Three (released in 1960) has established the undeniable position of the author in the ranks of those involved in the study of folklore in Vietnam. Volumes I, II and III were reprinted several times before the publication of the Volume IV in 1975.

Nguyen Dong Chi has established his authority in the collection, identification and narration of folk stories. Both Le Van Hao and Ta Phong Chau, though living far apart in Hanoi and Paris respectively, have more or less unanimous views on the high standards of scholarship of Nguyen Dong Chi's works. This is a highly representative collection of folk tales from North to South after long, elaborated and extensive

---

1. Nguyen Dong Chi. *A Treasure Chest of Vietnamese Folklore.* Volume I & II (1957), Hanoi Literature, History and Geography Publishing House; Vol. III (1960), Hanoi History Publishing House; Vol. IV (1975), Hanoi Social Sciences Publishing House; Vol. V (1982) Hanoi Social Sciences Publishing House.

2. Durand, Maurice (1964). A Critique of Volume I "A Treasure Chest of Vietnamese Folklore". *Journal of School of Oriental Antiquity Study (B.E.F.E.O.)* No 1. Paris.

field work, an excellent comparative study of folk tales from the world in terms of time, space, typology and motifs in order to arrive at a keen observation of the unique features of Vietnamese folk tales, Nguyen Dong Chi's works are also highly acclaimed for their simple and yet charming narrative style "in which poetical inspiration is well blended with reality"[1]. Vu Ngoc Khanh[2] also comments on Nguyen Dong Chi's unmistakable style such that readers can easily recognize some of the works of other authors who "borrow" from his publications for use under different titles or, in some cases, under the vey same tittle. It was not until the full publication of his works in 1982 that Nguyen Dong Chi's authority in folklore study and their classification was solidly confirmed.

Part one of Volume I deals with "the characteristics", "origins" and "historical development" of Vietnamese folklore. In Part two of Volume V, the author is again concerned about the "characteristies" and "origins" of Vietnamese folk stories. The 5th edition of the five volumes in 1993 once again helped to give the readers the right perspective[3]. The first 80 pages of Part one and 250 pages of Part two together make up a full theoretical account of Vietnamese folklore. This paper is an attempt to elaborate on the author's perspectives and theoretical approach and to present my random observations which do not necessarily reflect the author's main lines of argument in the collection and treatment of the subject matter.

1. One of the highly controversial issues in the study of folk stories is their identification. Nguyen Dong Chi proposes the following three criteria for identifying folk stories: (i) antiquity in styles, (ii) ethnicity,

1. Le Van Hao (1964). Book Review on "A Treasure Chest of Vietnamese Folklore". *Journal of School of Oriental Antiquity Study (B.E.F.E.*O.) No 1. Paris. Ta Phong Chau (pen name Anh Phong), (1975). On "A Treasure Chest of Vietnamese Folklore". *Literature Journal* No 2. Hanoi.

2. Vu Ngoc Khanh (1993). Some comments on "A Treasure Chest of Vietnamese Folklore". *Education Today* No 17, 26. IV. 1993. Hanoi.

3. Nguyen Dong Chi. *A Treasure Chest of Vietnamese Folklore.* A complete edition of five volumes: 1993. Hanoi Institute of Literature Publishing House. All the page numbers quoted are from this edition.

(iii) high artistic and moral values (Nguyen Dong Chi, Vol.I: 65-72). Durand, in B.E.F.E.O. journal (1964), commenting on the superficial treatment of the first criterion, is highly skeptical about "the possibility of drawing a line between *antiquity* and *contemporary*" and wonders whether "stories about the *Tu Duc* times, *Circa* 1848 - 1883) can be classified as belonging to "antiquity" or "contemporary"" (translated version, Vol.I: 495)[1]. It seems that Durand somehow fails to fully appreciate Nguyen Dong Chi's perspectives. No doubt, the author had done elaborate research before arriving at a rationale for the classification. Problems are inherent in differentiating folk stories from closely related forms of folk narratives such as legends, fables, and modern anecdotes. So what may be the convincing criteria? Experiences show that neither the *content* nor the *form* of the story alone could serve as reliable criteria considering the striking similarities between the above-mentioned types, nor their *function*, since legends, fables and modern anecdotes can be similar in function to folk tales. Nguyen Dong Chi succeeds in getting round this problem by coming up with the concept of *levels of artistic value*. The three criteria can be said to be consistent and interdependent in that they provide for folk stories" to have acquired a high standard of oral narrative art" (Nguyen Dong Chi: 72), and "to be the most perfect type of all folk narratives" (Nguyen Dong Chi: 70-71). This is the underlying assumption in his systematic argument. In his view, there is no need for a clear-cut distinction as suggested by Durand in order to arrive at the "antiquity". It might be easier to ascertain a land mark but it is much more difficult to put the story on either side of that landmark. So many instances of failed attempts to trace the origins of folk poems and stories? Therefore, it seems the only possible way to determine the antiquity of a folk story is by identifying its artistic style. Nguyen Dong Chi also elaborates on this view, saying "the identification of the antiquity of a folk story is mainly through its ways of depicting the characters, the sequencing and its structure and typical motif, but is not necessarily dependent on the historical time in which it occurred" (Nguyen Dong

1. Nguyen Tu Chi. Translated version in Volume I, 1993 edition.

Chi: 67) and that "while the antiquity and contemporary concepts might be mixed in some stories, the characters, events and images in folklore must bear resemblance to those dating back to traditional folk literature which has struck roots in the depths of people's minds." (Nguyen Dong Chi: 66). Hence the recognized concept of "modern folk stories" if old time stories are retold in such a manner that they can be considered folk stories. On this phenomenon, Nguyen Dong Chi (Ibid.: 68) comments ' recently published folk tales are accepted because they bear resemblance to the historical and social background, and the characters' ways of thinking and behaviour typical of old times." On the contrary, "stories such as *The third wife of De Tham*, though it relates to events happening half a century ago and has a characteristically modern folk tale element, is by no means considered folklore because it contains long bearded, long nosed [French] soldiers with rifles and pistols, things which do not belong to "antiquity" and are not recognized by the general public as belonging to the other side of modernity." (Nguyen Dong Chi: 67). It is evident that Nguyen Dong Chi's approach is adequate and in conformity with aesthetical principles of folklore study and not heavily dependent on history as suggested by Durand.

2. On the problems of classification, Nguyen Dong Chi is not satisfied with the ways folklore were classified by his predecessors, claiming that they were not systematic enough. Nguyen Dong Chi somewhat shares the views of Truong Tuu on his classification of folk stories into two main types: mythical and worldly. Nguyen Dong Chi comes up with a three-way distinction: mystical (*hoang duong* as used in the first edition, 1957; or *than ky* in the fifth edition, 1972); worldly and historical. Nguyen Dong Chi's distinction has been highly controversial ever since. Durand contends that Nguyen Dong Chi's classification is also "as formal as his predecessors""(Ibid.: 496), while Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien comment that "Nguyen Dong Chi's classification is adequate"[1] although they both are critical of the idea of including the mythical stories as a

1. Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien (1973). *Folklore*. Vol. II: 93. Hanoi Higher Education Publishing House.

separate category contending that "all historical and worldly folklore contain mythical elements (as recognized by the author himself), and vice versa all mythical stories do reflect historical or worldly facts."[1]

Over the years, Durand's theme-based approach has generally not been accepted by researchers in the study of folklore for its sociological bias without adequate attention to modes of artistic presentation. Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien's views on excluding the mythical category are no longer justified since mythical stories do constitute the bulk of world folklore from India, Egypt, Greek and Europe. Nguyen Dong Chi rightly deserves credit for his meticulous comparative research work and his firm grasp of the typological study that underlie his systematic classification of Vietnamese folklore. Nguyen Dong Chi is also acclaimed for his inclusion of the third category, i.e., historical stories, those which are rarely found elsewhere in Asia and Europe. Nguyen Dong Chi, commenting on this unique feature of Vietnamese folklore, said: "Folk tales on historical events are typical of Vietnamese folklore because the Vietnamese, throughout their history, have had to constantly fight off foreign aggression and domination in order to attain national independence, therefore, there is a strong allegiance to "nationhood". And naturally events and phenomena are often explained from "historical" views." (Nguyen Dong Chi: 76-77). The unique historical perception of the Vietnamese is said to underlie their artistic thought patterns which are different from other communities. This is a noteworthy line of argument.

3. In the later parts of his works, Nguyen Dong Chi makes a profound study of the prevailing thought patterns of Vietnamese which are used as the underlying assumption for the analysis of the main characteristics of Vietnamese folklore. Nguyen Dong Chi's analysis is based on his keen insight and broad knowledge of the subject matter, hence the originality in his theoretical treatment. He comments that mythical folklore account

1. Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien (1973). *Folklore*. Vol. II: 93. Hanoi Higher Education Publishing House.

for a modest proportion, and the degrees as well as the frequency of mythical magnification are not so great. This conclusion is drawn from careful statistics on the number and types of mythical stories. In addition, he goes on to analyze them against the backdrop of the typical thought pafterns of the Vietnamese to arrive at their unique features such as "[Vietnamese mythical stories] do not deviate too far from the mundane world" (Vol.V: 2426), are "closely bound by realties" (Ibid.: 2428), have "little religious inclination" (Ibid.: 2428). He also mapped out a chart showing the impact of thought patterns on the formation of "native artistic creation" (Ibid.: 2428), especially on the "development of a folk story... in which there is a constant and subconscious shift from supernatural elements towards more humanistic values" (Ibid.: 2428). This shows the author's sound explanation.

However, literature by no means, is a passive and one-way reflection of ideas. The Vietnamese are also "adept in using mythological elements to create a break - through in the artistic quality of a folk tale" (Ibid.: 2432), the two most often used techniques being contrasts: the opaque contrasted against the obvious, the imaginative against the real, and novelty: magical morphological transformations of the characters and in the development of the events. This gives Vietnamese folk stories their unique attraction Nguyen Dong Chi, indeed, has explored the depths of the folk stories and captured the very essence of their beauty. As he once claimed, "the charm of almost all Vietnamese folk stories lies not in their fiction but in the skillful blend and transposition of the mythical and the realistic. The reality is mistaken for the unreal, the unbelievable is wrapped up in the believable." (Nguyen Dong Chi: 2439-2440). This is an important element that helps the author in his statistics, comparative study and classification of folk stories and that enables him to identify the "indigenous traces" (Nguyen Dong Chi: 2452) or "the eternal element" that has been passed down from generation to generation in spite of the fact that two thirds of Vietnamese folk stories are found to have their non-native origins and the complication caused by the intermixture of world stocks of folklore.

4. Nguyen Dong Chi also points out the relationship between the Vietnamese thought patterns and the interaction between the good and the evil in Vietnamese folklore. Folk stories are characteristically structured along the single-track development ending in the good prevailing over the bad or the just over the evil. This is in line with the naive imagination of the people in the old times. However, each people will have their ways of restructuring folk stories in the molds of their native thinking. Nguyen Dong Chi has painstakingly identified four general structural patterns: The good eventually prevail over the evil not because of annihilation but through persuasion and redemption; by the internal struggle between the good and the evil within the good; by the struggle within the bad; and the good has to pay a price on its victory for its "excesses".

People may disagree with or even want to make some modification to the four types above, however they are by all means adequate. These structural patterns have been formed through a long and subconscious process of gradual modification that shows folk artistic thinking was approaching the humanistic behavioral patterns of the native Vietnamese in times of antiquity. This also reflects the author's profound awareness of the organic links between form and substance and between structures and the system of values in the folk tradition.

5. Nguyen Dong Chi also made keen comments on the ways characters in Vietnamese folk stories were labeled and titled. He classified and explained the social meanings of the role models: the King, deities, father, genius... (Nguyen Dong Chi: 2486-2488). He also tried to unveil the different layers of meanings in some folk stories such as *My Chau and Trong Thuy, Truong Chi...* "on one layer, the *My Chau and Trong Thuy* story points towards a moral lesson on vigilance; the enemy is found right inside one's heavily fortified citadel, the enemy is found close by one's side on retreat, the gains painstakingly accumulated by the father end up in disaster by the very act of his own child... However, the second layer of meaning which focuses on the love between *My*

Chau, a Vietnamese princess, and *Trong Thuy*, a Chinese prince is of no less importance. The love was depicted as being innocent and the lovers fell victim to an ambitious conspiracy and ruthless conqueror. In the end, the aggressor was to be condemned and unselfish love was to be praised. That reflects a generous folk view on the tragedy. The story has it that the water from the well where *Trong Thuy* committed himself has the magical effect of making the pearls (formed by the drops of blood of *My Chau*) shine. This is magnificent artistic symbolism which could not have been created if it had just been inspired by the Confucian concept of nationhood alone" (Nguyen Dong Chi: 2461-2462).

The same can be said about *Truong Chi*. "The romantic story ends in a motif typical of depicting utter despair (his heart turned into a transparent deep-red crystal). And here, again, the closing outcome is broken by the last detail: the tear drops of *My Nuong* broke the cup made out of that red block. Is it the positive symbolism typical of Eastern optimism - a dissolved despair or the implication that any love passion, however great, cannot break down social class barriers?" (Nguyen Dong Chi: 2515). The readers can also see humanistic feelings and the love for natural justice behind the rational strains of thought. Nguyen Dong Chi also warns against taking rigid contemporary views in analyzing folk tales, for example, attaching ideological "labels" as it has been done with written literature, because folk stories came into being as a result of naive artistic inspiration, "the expression and implication" are "the realities of the folk culture" (Nguyen Dong Chi: 2463).

Nguyen Dong Chi was also successful in presenting even the minute details in a systematic way. Commenting on the active roles of female characters in Vietnamese folk stories, various stereotypes (motifs) are identified in terms of their behaviour and role relationships. Two main types are: rebellious and defending females. From these two, three sub-types are derived:

- **Rebellious females:** awakening / riotous / heroic.
- **Defending females:** persevering / witty / martyr.

His classification has summarized all the characteristics and personalities of the female characters found in Vietnamese folklore.

The links between folk stories and the geographical features of the regions where they came from were also identified in Nguyen Dong Chi's works. This is a two-way relationship, i.e., life provides the background and the inspirations, the popular sayings, limericks which have been "coded" as the soul of the story. And in turn, folk stories bring back to life its legendary places and people: *Vong phu* (awaiting - husband) peak, *Kim Nguu* (Golden Buffalo) River, witty and expressive sayings and proverbs which are "decoded"... Nguyen Dong Chi said "Life, in turn, imitates folk stories, in other words, folk arts again become a source of inspiration for people's artistic recreation to further refine the art of folk stories and enrich life." (Nguyen Dong Chi: 2449-2450).

Especially Nguyen Dong Chi spent a chapter to compare carefully about the tif and the motif between Vietnamese folk stories and "Treasure of folklore" that it has ever under influenced deely such as folk stories of China, India and neighbouring countries. Through schemes that Vietnamese folk stories have under influenced, Nguyen Dong Chi tried to discover similar schemes through changing and step by step distinguished forms of indigenous schemes. This is a hard and painstaking work but very interesting, although for Nguyen Dong Chi it is the only first step. It promises a good prospect. That is: it poinst out rationally the development process of nation's folk stories. In fact, so far these stories have still been covered by the historical developments and acculturational relations, which it's difficult to make distinctions between types of folklore in the Indochina region and the South - East Asia, of which the important propulsive and gravitational force is two types of Chinese folklore and Indian folklore.

The research on Vietnamese folklore is a long and worthy enterprise. Nguyen Dong Chi has made a significant contribution to the study of Vietnamese folklore. His insights and suggestions shall be of great value to present as well as future folklore researchers. His achievement in the study of Vietnamese culture has been the result of extensive and profound

knowledge in the fields of oriental and western studies, classical Chinese study, history and rich personal experience. His profound understanding of the national characteristics and its typical folk culture are derived from that broad knowledge. That is also what brings the readers closer to the nation, the people and their daily life, although, he never uses such terms as "struggle", "overthrow", "class exploitation", "landlords versus peasants" which are often found in other works on Vietnamese folklore. "He has demonstrated his firm grasp of this unique form of art without relying solely on any foreign theory. Nevertheless, it is always beneficial to be exposed to other views and research methods."[1]

HY TUE

Vietnamese Studies Review, N°2-1997 RMIT, Melbourne, Australia, P.105-111

1. Vu Ngoc Khanh. On "A Treasure Chest of Vietnamese Folklore". *Literature* No 22, 28. V.1994. Hanoi.

NHÀ CỔ TÍCH HỌC NGUYỄN ĐỔNG CHI VỚI BỘ *KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM*

Tiếp theo bộ Lược khảo về thần thoại Việt-nam[1], Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *là bộ sách thứ hai của Nguyễn Đổng Chi nghiên cứu về truyện cổ dân gian. Mục đích của bộ sách này là giới thiệu và tìm hiểu truyện cổ tích Việt-nam trong tư cách một sự tiếp cận hệ thống.*

Công trình Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *gồm 5 tập do Nhà xuất bản Văn sử địa, Nhà xuất bản Sử học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội in trong những năm 1958 - 1982, nhiều tập, được tái bản nhiều lần với số lượng rất lớn*[2]*. Và gần đây, năm 1993, lần đầu tiên bộ sách lại được in trọn bộ 5 tập, do Viện Văn học xuất bản. Sách in ra dù nhiều, nhưng bao nhiêu cũng chưa đủ, vì từ lâu, niềm khao khát để có được bộ sách trọn vẹn, như một tài sản tinh thần giữ lại cho con cháu, đã là điều mong ước phổ biến ở nhiều người.*

Chỉ có thể giải thích sự cuốn hút đáng mừng này chính là do bộ sách đã đáp ứng được nhu cầu mê say đọc truyện cổ tích của người đọc thông thường - một thứ mê say được bồi đắp từ thuở lọt lòng - cũng như đã đáp ứng nhu cầu tự thân về sự phát triển của công tác sưu tầm, nghiên cứu, và đổi mới phương pháp nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam trong những năm gần đây. Chính những điều đó càng góp phần khẳng định vị trí quan trọng của tác giả Nguyễn Đổng Chi trên hành trình hiện đại hóa ngành folklore học dân tộc.

Bằng cuộc đời văn nghiệp của mình, Nguyễn Đổng Chi đã được giới nghiên cứu đánh giá cao ở những đóng góp tích cực cho nhiều bộ môn

1. Nxb. Văn sử địa, Hà-nội, 1956; In lần thứ hai, 1957.

2. Thí dụ: *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam,* tập III, in lần thứ hai (1973) 10 vạn cuốn; tập IV (in 1975) 10 vạn cuốn.

khoa học xã hội. Riêng đối với khoa học văn học dân gian, thì có thể nói, cùng với Lược khảo về thần thoại Việt-nam, *sự thành công của* Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *đã đưa ông lên hàng ngũ những người đứng đầu vinh dự nhất.*

I. *KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM* - BỘ SÁCH LỚN QUY TỤ MỌI NGỌN NGUỒN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

Mặc dù Nguyễn Đổng Chi đã nói một cách khiêm tốn về bộ sách của mình là chỉ giới hạn trong phạm vi truyện cổ tích của dân tộc Việt, mà chưa có điều kiện đề cập đến kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú của đồng bào các dân tộc thiểu số, song với cách sưu tầm biên soạn tỷ mỷ thâu lượm hết các nguồn tư liệu cụ thể, đặc biệt có thêm phần khảo dị, trên cơ sở 201 cốt truyện của người Kinh, ông quả đã xây dựng được một tác phẩm có bề dày đáng kể, có kết cấu hệ thống, cuốn hút tâm trí người đọc rộng rãi cũng như giới nghiên cứu khoa học xã hội hàng mấy thập kỷ nay.

Bộ sách là biểu hiện của một công phu lao động nghiêm túc, một sự trân trọng đáng quý đối với di sản văn học dân gian mà cụ thể là thể loại truyện cổ tích của dân tộc ta. Ở đây, bao nhiêu vốn liếng cổ tích do người Việt chắt chiu, sáng tạo, gom góp từ nhiều đời, đã được dồn lại, được chọn lọc, sắp xếp và trình bày dưới dạng tinh kết. Hơn thế nữa, giá trị nhiều mặt của loại hình cổ tích cũng được nhìn nhận một cách khái quát, toàn cảnh và tổng hợp.

Hơn ai hết, Nguyễn Đổng Chi nhận thức được rằng trong nguồn gốc sâu xa của lịch sử văn hóa dân tộc, truyện cổ dân gian nói chung hay truyện cổ tích nói riêng từ rất sớm đã là món ăn tinh thần quan trọng, gắn bó chặt chẽ với người Việt trong cuộc sống hàng ngày. Trải qua 1.000 năm Bắc thuộc, cùng với truyền thống văn hóa dân tộc không hề bị dập tắt, các truyện dân gian về Lạc Long Quân - Âu Cơ, về nguồn gốc dân tộc con Lạc cháu Hồng sinh ra từ một bọc trăm trứng, đến các truyện địa linh nhân kiệt Thánh Gióng, Tản Viên, Tô Lịch, Bà Triệu, Bà Trưng... cũng vẫn trường tồn và có ảnh hưởng sâu đậm ở giữa đời sống. Những

câu chuyện này đã sớm được các trí thức phong kiến Việt-nam ghi chép trong những tác phẩm khởi đầu như Báo cực truyện, Giao-chỉ ký, Ngoại sử ký *(thế kỷ XII)*, Việt điện u linh *(Lý Tế Xuyên)*, Lĩnh-nam chích quái *(Trần Thế Pháp, Vũ Quỳnh, Kiều Phú, thế kỷ XIV-XV). Rồi những tập* Đại-việt sử ký toàn thư *(Ngô Sĩ Liên), những tộc phả hoặc thần phả do Nguyễn Bính biên soạn,* Truyền kỳ mạn lục *(Nguyễn Dữ)*, Thiên Nam vân lục *(Nguyễn Hàng)*, Công dư tiệp ký *(Vũ Phương Đề)*, Truyền kỳ tân phả *(Đoàn Thị Điểm)*, Tang thương ngẫu lục *(Phạm Đình Hổ - Nguyễn Án)*, Vũ trung tùy bút *(Phạm Đình Hổ)*, Kiến văn tiểu lục *(Lê Quý Đôn)*, Lịch triều hiến chương loại chí *(Phan Huy Chú)*, Lan Trì kiến văn lục) *(Vũ Trinh)*, Đại-nam nhất thống chí, Đại-nam liệt truyện tiền biên *(Quốc sử quán triều Nguyễn)*, Vân nang tiểu sử *(Phạm Đình Dục)... Nguyễn Đổng Chi đã có con mắt tinh đời khi tiếp cận lại giá trị nhiều mặt của những tác phẩm trên và mạnh dạn tách ra từ đó nguồn truyện kể phong phú của dân gian, làm sống trở lại giọng điệu, phong cách dân gian cho hầu hết những câu chuyện vốn đã được định hình bởi các nhà văn bác học. Đó là một ý hướng khoa học chính đáng, bởi lẽ trước khi trở thành văn bản cố định, các tác phẩm này đã sống trong lòng quần chúng một cách hồn hậu, đúng như nhận xét của Vũ Quỳnh: "Từ đứa trẻ đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều truyền tụng và yêu dấu"* (Tựa Lĩnh-nam chích quái liệt truyện, *1492)*[1].

Không phải chỉ "tìm sử trong truyện, tìm truyện trong sử" ở những tác phẩm trên, Nguyễn Đổng Chi còn thu thập tư liệu từ hàng loạt tác phẩm khác xuất hiện vào thời cận đại, như Truyện khôi hài (1882), Ước lược truyện tích nước Nam (1887), Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích (1888) *của Trương Vĩnh Ký*, Chuyện giải buồn *của Huỳnh Tịnh Của (1880)*, Tập san Du Lãm và quan sát *(Landes, 1886)*, Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết (*Génibrel, 1899)*, Nam hải dị nhân liệt truyện *(Phan Kế Bính)*, Truyện Trương Chi *(Chu Ngọc Chi, 1928)*, Truyện Đức Thánh Gióng Phù Đổng Thiên Vương *(Lê Triệu Hoàn - Trần Trung Viên, 1929)*, Truyện cổ nước Nam *(Nguyễn Văn Ngọc, 1932)*,

1. *Lĩnh-nam chích quái* (Đinh Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San dịch). Nxb. Văn hóa, Hà-nội, 1960.

Tô thị vọng phu *(Nguyễn Thúc Khiêm,* 1936)... *cùng nhiều sách báo tiếng Việt, tiếng Pháp khác, v.v... Ngoài ra, Nguyễn Đổng Chi còn dựa vào một vài nguồn tài liệu không kém phần lý thú: các bản thần tích, thần phả ở miếu đền, các đạo sắc phong thần, các bản xã chí ở nhiều địa phương khác nhau trong cả nước.*

Trong tình hình tư liệu có thể, Nguyễn Đổng Chi lại mở rộng thêm phạm vi nghiên cứu, hướng về một mảng khá nhiều những tác phẩm của Trung-quốc và Ấn-độ - "hai nền văn minh vĩ đại và cổ kính trên thế giới, lại gần gũi về không gian với Việt-nam" - trong đó có chứa đựng những dị bản truyện cổ tích hoặc có liên quan tới truyện cổ tích. Đối với thư tịch Trung-quốc, ông quan tâm tới những chuyên tập như: Liệt tiên truyện *(Lưu Hướng)*, Cao sĩ truyện (*Hoàng Phủ Mật)*, Bác vật chí *(Trương Hoa, thế kỷ III)*, Thần tiên truyện *(Cát Hồng)*, Sưu thần ký (*Can Bảo, thế kỷ IV)*, Thần dị kinh, Sưu thần hậu ký, Linh ứng lục, U minh lục, Minh tường ký, Dị uyển (*thế kỷ VII)*, Lục dị ký, Văn kỳ lục, Dậu dương tạp trở *(thế kỷ IX)*, Thái-bình quảng ký *(thế kỷ X)*, Văn kiến tiền lục, Văn kiến hậu lục, Tục bác vật chí *(thế kỷ XIII),* Bao Công kỳ án, Tây dương ký *(thế kỷ XVI),* Liêu trai chí dị, Tân tề hài (*thế kỷ XVIII). Bên cạnh đó là những thư tịch khác, tuy không phải chuyên tập nhưng cũng chứa đựng rất nhiều yếu tố truyện cổ như sử ký thì có* Sử ký, Tả truyện...; *địa lý có* Thủy kinh chú, Sơn hải kinh; *tiểu thuyết có* Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Kim cổ kỳ quan, Cổ kim tiểu thuyết; *giáo huấn có* Nhị thập tứ hiếu, Ám thất đăng, v.v...

Nguyễn Đổng Chi cũng tìm tới các truyện cổ tích được ghi chép trong các bộ kinh sách lớn của Ấn-độ mà học giả phương Tây từ thế kỷ trước đã đánh giá rất cao và coi chúng là nguồn gốc duy nhất của truyện cổ tích thần kỳ thế giới, bởi chúng giữ lại được khá nhiều sắc thái quái dị hoang đường nguyên thủy. Đó là các bộ kinh như: Kinh Vêđa *(khoảng 2.500 - 500 năm trước CN)*, Avađana Jataka *(Lịch sử các tiền kiếp của đức Phật, thế kỷ III trước CN), Bộ kinh* Mahabharata *(thế kỷ II trước CN - IV sau CN)*, Kathaxaritxagara *(Biển truyện, thế kỷ II, III - IV)*, Panchatantra *(thế kỷ II - V)*, Brihatcatha *(thế kỷ II hoặc từ thế kỷ III - thế kỷ V)*, Vêtala *(thế kỷ XII), v.v... và nhiều những tập sưu tầm khác,*

chẳng hạn: Truyện giáo lý Puraha, hay Thánh ca Thượng đế Bhagavat Gita...

Sau tất cả những tìm tòi phát hiện và thu thập nói trên, còn phải kể đến công phu sưu tầm, điền dã của Nguyễn Đổng Chi trong vòng 50 năm, nó giúp ông vừa tìm thêm những nguồn tư liệu sống động, tươi rói không có trong sách vở hoặc có giá trị bổ sung cho sách vở, vừa có điều kiện hình dung rõ ràng hơn một diện mạo đích thực của cổ tích mà mình phải góp phần dựng lại - một thứ cổ tích không xơ cứng mà tồn tại uyển chuyển, tự nó, như nó vẫn tồn tại từ miệng này qua miệng khác ở giữa cuộc đời.

Và đến đây, cái gia tài cổ tích của Nguyễn Đổng Chi đã có thể nói là hoàn thành, với một sức chứa không kém phần bề bộn. Mục tiêu tiếp cận thể loại đòi hỏi ông bước sang một giai đoạn mới trong thao tác nghiên cứu. Hơn ai hết, ông là người hiểu rõ ý nghĩa lớn lao của tuyển tập mà ông nung nấu trong nhiều thập kỷ. Tòa kiến trúc Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *do ông tạo dựng lên từ những chất liệu quý giá và đáng tin tưởng đó thực sự là một tập đại thành của mọi ngọn nguồn cổ tích bản địa.*

II- KHẢO DỊ - THAO TÁC ĐẦU TIÊN
ĐEM LẠI CHO TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
MỘT CÁI NHÌN ĐỐI SÁNH

Vượt xa tất cả những tuyển tập sưu tầm khác, Nguyễn Đổng Chi đã làm cho truyện cổ tích Việt-nam bội thu lên rất nhiều, nhờ cách kể chuyện có thêm phần "khảo dị". Đây là một công việc đối chiếu vất vả, đòi hỏi một sự kiên trì tìm kiếm tỉ công phu, nhưng kết quả của nó là mỗi một cốt truyện thường phát hiện ra không ít những cốt truyện tương đồng mà ta gọi là dị bản, có khi có tới hàng chục hàng vài chục dị bản khác nhau. Cách làm thật khác với trước ông và cũng là hết sức mới mẻ đối với đương thời, một thao tác quan trọng đưa đến cho truyện cổ tích Việt-nam một diện mạo phong phú mới. Với công việc này Nguyễn Đổng Chi tất nhiên không đơn thuần chỉ là người sưu tầm, tập hợp truyện cổ tích. Ông còn là người có một nhãn quan mới trong phương pháp nhìn nhận truyện cổ tích. Đúng như Nguyễn Đổng Chi đã nhận thấy: trên hành trình lịch

sử, mỗi dân tộc đều có một kho tàng truyện cổ tích của riêng mình, song mặt khác, cùng với những yếu tố bản địa, sự tự sinh văn hóa trong lòng dân tộc, "vốn liếng tinh thần quý giá ấy lại luôn luôn ánh xạ lẫn nhau trong mối quan hệ hội nhập và giao lưu văn hóa" giữa dân tộc này và dân tộc kia. Ông nói trong lời Tổng luận: *"Theo chúng tôi, truyện cổ tích cũng như mọi sản phẩm văn hóa khác, nhất là những sản phẩm không tên tác giả, nghĩa là những sản phẩm có xu thế hoàn chỉnh giá trị trên quá trình lưu chuyển, sau khi xuất hiện tại một vùng nào đấy sẽ dễ dàng được nhiều người khác hoàn chỉnh và trở thành tài sản chung của cả xã hội (cái bất biến), và từ đó nó sẵn sàng vượt biên giới xứ sở để gia nhập vào tài sản tinh thần của một dân tộc khác dù xa hay gần. Cho nên có hiện tượng lặp đi lặp lại, hiện tượng dị bản trong truyện cổ tích..." (tập V, tr. 2528)*[1]*. Điều đó có nghĩa là trong gia tài truyện cổ tích của mỗi dân tộc có những cốt truyện riêng độc đáo, nhưng cũng sẽ có những cốt truyện mang tính chất phổ biến, những cốt truyện mà một số dân tộc khác, thậm chí hầu hết các dân tộc trên thế giới đều có. Xuất phát từ những ghi nhận đó, Nguyễn Đổng Chi đã thấy tính chất quốc tế là một hiện tượng nổi bật và độc đáo của truyện cổ tích. Truyện cổ tích có khả năng di chuyển từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ địa phương này đến địa phương khác, vượt qua mọi ranh giới về ngôn ngữ, về lãnh thổ của các quốc gia...*

Các nhà nghiên cứu truyện cổ tích thế giới từ lâu từng chú ý đến hiện tượng này và đã từng công bố những con số thống kê đáng kinh ngạc. Nhưng ở các nước phương Đông và nhất là ở Việt-nam thì vấn đề này hầu như chưa được khảo sát. Và người đi tiên phong, người đầu tiên ở Việt-nam chính là ông - Nguyễn Đổng Chi, người đã có công giới thiệu, tập hợp những cốt truyện cổ tích của người Việt cùng với biết bao những cốt truyện cùng kiểu có quy mô phổ biến trên toàn quốc gia và trên thế giới trong tuyển tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam.

Một mặt Nguyễn Đổng Chi sưu tập tài liệu truyện cổ tích từ ngọn nguồn, với sự am hiểu kỹ càng và sâu rộng về lịch sử, văn hóa dân tộc Việt. Mặt khác, ông đã vượt qua mọi trở ngại về ngôn ngữ, khoảng cách

---

1. Trích theo bản in trọn bộ năm 1993 của Viện Văn học. Các trích dẫn tiếp sau đều như vậy.

và thời gian để thu thập thêm rất nhiều cốt truyện của các dân tộc Việt-nam khác và của phương Tây. Trong toàn bộ 5 tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, *Nguyễn Đổng Chi đã lần lượt giới thiệu với người đọc qua mỗi một cốt truyện của người Việt là một tập hợp về các cốt truyện cổ tích, các hiện tượng, nhân vật, các mô-típ tương đương rút ra từ truyện cổ tích của nhiều dân tộc khác nhau. Đó là truyện cổ tích của hàng chục các dân tộc ít người ở Việt-nam như: Ba-na (Bahnar), Cơ-ho, Hơ-rê, Khơ-me (Khmer), Chàm, Ê-đê, Ja-rai (Djarai), Mường, Thái, Tày, Nùng, H'mông, Khơ-mú, v.v.. Và đó cũng là truyện cổ tích của rất nhiều dân tộc thuộc cả 5 châu lục: Á, Âu, Phi, Úc, Mỹ, v.v... với sự hiện diện của tên gọi nhiều nước như: Nga, Anh, Pháp, Tiệp, Bun-ga-ri, Ba-lan, Đức, Hà-lan, Thụy-sĩ, Thụy-điển, Đan-mạch, Islan, Ý, Tây-ban-nha, An-ba-ni, Ru-ma-ni, Lat-vi, Et-tô-ni, Phần-lan, Ấn-độ, Trung-quốc, Mông-cổ, Triều-tiên, Nhật-bản, Lào, Căm-pu-chia, Miến-điện, Thái-lan, v.v...*

Bản kể có khảo dị - việc làm đó khẳng định quan niệm đúng đắn của Nguyễn Đổng Chi về đặc trưng cũng như quy luật vận hành của loại hình cổ tích, và cũng là thành quả cao nhất mà giới nghiên cứu vẫn luôn mong đạt tới. Việc làm đó cũng đã phủ nhận lối sưu tầm, ghi chép kể truyện cổ tích đơn giản, xuất hiện trong điều kiện khoa văn bản học cổ tích chưa mấy phát triển trước đây. Do vậy, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *cũng là cuốn sách đi đầu về một phương pháp văn bản cổ tích khoa học, đã mở ra một triển vọng cho khoa so sánh văn học dân gian, đem đến cho người đọc cái nhu cầu hiểu biết sâu rộng về các cốt truyện cổ tích gần nhau, đồng thời cũng giúp người nghiên cứu một sự tận thu các nguồn tư liệu hữu ích.*

III- NHỮNG NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT - DỰ CẢM ĐÚNG HƯỚNG VỀ MỘT CÁCH NHÌN ĐỔI MỚI, TOÀN DIỆN ĐỐI VỚI TRUYỆN CỔ TÍCH

Cấu thành nên toàn bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *của Nguyễn Đổng Chi là 2.740 trang sách. Một phần rất lớn số trang - phần II của bộ sách - được dành cho hơn 200 cốt truyện chọn lọc, sắp xếp theo hệ*

thống. Phần đầu và phần cuối bộ sách là những luận điểm khoa học, những nhận định tổng quát về kho tàng truyện cổ tích Việt-nam.

Kết cấu đó thể hiện mục tiêu mà nhà khoa học Nguyễn Đổng Chi muốn đặt ra cho cuốn sách của mình là: đó không chỉ đơn thuần là một tác phẩm sưu tầm. Thật vậy, cuốn sách về hình thức đúng là một tuyển tập sưu tầm dày dặn hiếm có, còn về ý nghĩa nội dung thì thực sự đã là một đáp ứng đối với việc nghiên cứu truyện cổ tích hiện nay.

Ngay trong phần sưu tầm, Nguyễn Đổng Chi cũng đã thể hiện rõ ý đồ nghiên cứu, bởi cách ông dẫn dắt chúng ta đi thăm kho tàng truyện cổ tích Việt-nam theo một hệ thống sắp xếp thật rạch ròi của 201 cốt truyện. Thêm nữa, cuối phần sưu tầm, còn có một bảng Thư mục nghiên cứu *và gần đây lại được bổ sung một* Bảng tra cứu tên truyện[1], *chỉ ra toàn bộ các tên truyện trong sách (kể cả các truyện có tên ở* Khảo dị) *để giúp người đọc cùng người nghiên cứu tiện lợi trong việc tra cứu, truy tìm.*

Hàng chục năm nay, công lao sưu tầm của Nguyễn Đổng Chi và giá trị sử dụng, giá trị lưu giữ các cốt truyện cổ tích của Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *đã được khẳng định, được đánh giá cao. Thực ra, trên thế giới, tên tuổi của những người thành công đã được đánh giá cao trong lĩnh vực sưu tầm và kể truyện dân gian như vậy cũng không phải thật nhiều. Có thể kể tới anh em Grimm người Đức với tuyển tập* Truyện cổ Grimm, *Pourra người Pháp, và nhà văn học dân gian dân chủ người Nga A. N. Afanassiev với bộ sưu tầm* Truyện cổ dân gian Nga *vĩ đại của ông... Ngoài ra là một Perrault người Pháp, một Andersen người Đan-mạch nặng về phần tài hoa trong kể truyện hơn là sưu tầm và hệ thống.*

Mục đích nghiên cứu, phương pháp luận nghiên cứu của Nguyễn Đổng Chi chủ yếu thể hiện ở phần ông dành cho việc trình bày những luận điểm khoa học, những nhận định về truyện cổ tích. Ở đây, nhiều vấn đề đã được ông đặt ra và giải quyết.

Trong kho tàng truyện cổ dân gian phức tạp và rộng lớn mà Nguyễn Đổng Chi ví như "một khu rừng trong đấy có nhiều loại cây: cây to, cây

1. Bảng tra cứu tên truyện này do Ban Văn học cổ cận đại Viện Văn học bổ sung.

nhỏ, gỗ tốt, gỗ xấu, mọc chằng chịt lẫn lộn", không phải hiếm những cốt truyện thuộc thể loại cổ tích. Nhưng việc xác định chúng ra sao, theo những tiêu chuẩn nào, từ trước tới nay nhiều soạn giả đã tiến hành phân loại, song vẫn không tránh khỏi sự sơ sài, lộn xộn. Đó là cách phân chia của Nguyễn Văn Ngọc trong Truyện cổ nước Nam[1] *với 5 loại: những truyện cổ tích dã sử; những truyện thành câu phương ngôn, lý ngữ; những truyện thuần về văn chương; những truyện ngụ ý cao xa; những truyện vui chơi, tiêu khiển. Hoặc Nghiêm Toản trong* Việt-nam văn học sử trích yếu[2] *với 4 loại: truyện mê tín hoang đường; truyện luân lý ngụ ngôn; truyện phúng thế hài đàm; truyện sự tích các thánh. Hoặc nữa, Thanh Lãng trong* Văn học khởi thảo - văn chương bình dân[3] *với 7 mục: truyện ma quỷ; truyện anh hùng dân tộc; truyện ái tình; truyện luân lý; truyện thần tiên; truyện phong tục; truyện khôi hài.*

Đến Nguyễn Đổng Chi, ông đã chia truyện cổ tích các dân tộc Việt Nam thành ba loại: Truyện cổ tích thần kỳ; Truyện cổ tích thế sự, Truyện cổ tích lịch sử. *Nhìn chung, đó là một sự phân chia tương đối hợp lý hơn cả vì cách phân chia này của ông chủ yếu dựa vào đặc trưng loại hình của truyện, được biểu hiện ở một số tiêu chí có giá trị khu biệt thành một số kiểu truyện. Tất nhiên đây là một vấn đề rất khó. Chính Nguyễn Đổng Chi cũng còn rất dè dặt trong vấn đề này. Ông viết: "Thực ra đối với cổ tích và ngay cả đối với truyện cổ dân gian nói chung, bất kỳ một sự phân chia nào cũng chỉ có ý nghĩa chính xác tương đối" (tập I, tr.72). Nói như vậy song chính ông cũng khẳng định: "Thế thì phải chăng không thể phân loại truyện cổ tích một cách rành mạch được? Chắc chắn không phải. Nhưng nếu chỉ căn cứ vào hình thức, vào những yếu tố tạo nên cái vẻ bề ngoài của truyện cổ tích để phân loại, thì chỉ mới nhìn vào hiện tượng mà chưa nắm được bản chất" (tập I, tr.55).*

---

1. Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam,* 2 tập. Vĩnh Hưng Long thư quán xuất bản, Hà-nội, 1933 - 1934.
2. Nghiêm Toản. *Việt-nam văn học sử trích yếu.* Nhà sách Vĩnh Bảo xuất bản, Sài-gòn, 1949.
3. Thanh Lãng. *Văn học khởi thảo - văn chương bình dân.* Phong trào văn hóa xuất bản, Hà-nội, 1954.

Trên thực tế, Nguyễn Đổng Chi đã nắm vững và giải quyết khá triệt để những vấn đề cơ bản của thể loại truyện cổ: vấn đề ranh giới, biên độ, cùng vấn đề nguồn gốc, con đường phát triển của truyện cổ tích, v.v.. Điều đó đã giúp ông đưa ra được một quan điểm phân loại truyện cổ tích hợp lý và nhất quán.

Từ việc trình bày toàn bộ kho tàng truyện cổ tích Việt-nam tiến tới việc nắm vững đối tượng này về mặt tổng thể như trên, Nguyễn Đổng Chi đã cố gắng thử xác định một cách hệ thống, ở mức độ bao quát, những đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam. Ông chú tâm vào những yếu tố tưởng tượng thần kỳ của loại hình truyện cổ tích Việt-nam, chất liệu đời sống của truyện cổ tích Việt-nam và truyện cổ tích Việt-nam với vai trò người phụ nữ, ước mơ tình yêu và hôn nhân tự do... Từ đó, truyện cổ tích Việt-nam đã được Nguyễn Đổng Chi quy tụ ở bốn đặc điểm:

1- *Yếu tố tưởng tượng trong loại hình truyện cổ tích Việt-nam nói chung ít xa lạ với nhân tính; loại truyện sinh hoạt chiếm một tỷ lệ tương đối cao, loại truyện thần kỳ, truyện loài vật, truyện phiêu lưu mạo hiểm chiếm một tỷ lệ tương đối thấp.*

2- *Truyện cổ tích Việt-nam thấm đậm chất liệu đời sống xã hội Việt cổ, là biểu trưng nghệ thuật của cái hiền hòa, nhân ái, hay tính chừng mực trong tâm lý dân tộc.*

3- *Tính cách phê phán hiện thực khá đậm trong truyện cổ tích Việt-nam, nhân vật tích cực thường tỏ ra không bằng lòng với trật tự tập tục có sẵn, phản ứng lại cái tỵ tiện tầm thường.*

4- *Truyện cổ tích Việt-nam có một mảng đáng kể nêu bật vai trò tích cực của người nữ; đề cập đến ước mơ tình yêu và hôn nhân tự do.*

Khi nêu lên các đặc điểm trên của truyện cổ tích Việt-nam, Nguyễn Đổng Chi đã hướng sự quan tâm của mình tới cả nội dung lẫn nghệ thuật: nội dung phản ánh hiện thực, phương thức ngụ ý của cổ tích cũng như mối quan hệ giữa truyện cổ tích với đời sống xã hội, nhằm đề xuất những vấn đề lý luận cho thể loại truyện cổ tích này. Nguyễn Đổng Chi đã muốn xem xét truyện cổ tích với cách nhìn của sự kết hợp giao hòa giữa nhiều quan điểm, cũng tức là ông đã nhìn nhận truyện cổ tích ở các góc nhìn phong phú khác nhau. Các phương pháp như loại hình học, thống kê, so

sánh lịch sử, nghiên cứu theo típ và mô-típ, phương pháp vẽ sơ đồ, cấu trúc, mô hình hóa truyện cổ tích, các cách tiếp cận truyện cổ tích theo chiều phát triển lịch sử, theo không gian và thời gian, giữa đồng đại và lịch đại... đều được Nguyễn Đổng Chi ứng dụng khá nhuyễn trong thao tác nghiên cứu nhằm rút ra những đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam. Khi đúc kết mỗi một đặc điểm, Nguyễn Đổng Chi bao giờ cũng minh họa bằng những dẫn dụ kết hợp với sự phân tích lô-gich, nên mang tính thuyết phục. Được như vậy vì ông đủ khả năng và điều kiện chiếm lĩnh đối tượng về mặt thông tin, tư liệu, mà theo ông thì "sự giới hạn về tư liệu dẫn đến những sai lầm về phương pháp luận". Có thể nói, ở Nguyễn Đổng Chi vừa thể hiện một sự tìm tòi đến say mê trong những trải nghiệm khoa học của mình, mặt khác cũng vừa có cả một sự chừng mực, nghiêm túc, giúp cho ông không rơi vào cực đoan trong các luận điểm.

Nhằm hướng tới phương pháp tiếp cận truyện cổ tích một cách toàn diện, Nguyễn Đổng Chi còn tìm hiểu, giới thiệu tất cả những trường phái nghiên cứu truyện cổ dân gian hiện đại thế giới. Có rất nhiều trường phái, mỗi một trường phái có sự đóng góp nhất định và thường khi lại mâu thuẫn với nhau, song điều rất quan trọng là chúng đã tập hợp lại thành một bức tranh tổng quát về việc nghiên cứu truyện cổ dân gian trên thế giới. Với xu hướng tiếp thu các trường phái này bằng tinh thần tỉnh táo, và đầu óc chủ động, sáng tạo, Nguyễn Đổng Chi đã tóm bắt đúng diện mạo của các trường phái ấy: từ trường phái Thần thoại ngữ văn Ấn - Âu của anh em Grimm người Đức, cho đến trường phái Lịch sử - Địa lý Phần-lan của hai cha con Kroln (Julius Kroln và Karle Kroln), với người đại diện xuất sắc và cũng là người tiếp tục là Anti Aarne và Stith Thompson... Với cái nhìn trân trọng, ông khẳng định: "Mặc dầu không thể không cảnh giác trước bao nhiêu ý kiến lệch lạc của các trường phái này, trong đó có những thiên kiến hẹp hòi, thậm chí có người đã sa đà vào chủ nghĩa chủng tộc, người ta vẫn không kém ngạc nhiên trước những thành tựu to lớn mà các trường phái nói trên đã tổng hợp được. Nó cho phép gạn lọc để đi dần tới một phương pháp thực sự đúng đắn, qua đó có thể nhìn nhận truyện tự sự dân gian của mọi dân tộc như là một di sản tinh thần thống nhất, với những đặc trưng thống nhất về tư tưởng cũng như loại hình" (tập V, tr. 2520-2521).

Thông qua việc tiếp cận với các trường phái, Nguyễn Đổng Chi đã xác định: trong bối cảnh chung hiện nay "không phải là sự so sánh đơn thuần mà phải bằng cách nghiên cứu rộng rãi theo phương pháp lịch sử - loại hình" mới có thể hiểu và giải quyết thấu triệt các mối quan hệ nhằm nghiên cứu truyện cổ tích một cách khách quan và có hiệu quả nhất (tập V, tr. 2526-2528).

Xuất phát từ cách nhìn nhận đó, Nguyễn Đổng Chi đã đi tới việc tìm cái "chung" và cái "riêng" của loại hình truyện cổ tích Việt-nam. Ông đặt truyện cổ tích Việt-nam trong mối quan hệ giao lưu quốc gia và quốc tế, để từ đó ông khẳng định sự thu hút tinh hoa của truyện cổ tích Việt-nam là từ nguồn trong nước với kho truyện cổ của các dân tộc anh em, và nguồn nước ngoài với chủ yếu là kho truyện Ấn-độ và Trung-hoa bộn bề, phong phú. Cũng từ đấy ông có cơ sở để nêu lên nguồn gốc bản địa của truyện cổ tích Việt-nam với các tiểu loại thần kỳ, tiểu loại lịch sử, tiểu loại nửa thế sự, tiểu loại thế sự... *Mỗi nhóm đều ăn sâu bén rễ lâu đời trong cội nguồn tư duy văn hóa Việt-nam.*

*

* *

Lịch sử ngành nghiên cứu truyện kể dân gian thế giới đã có bề dày ngót 200 năm kể từ việc anh em Grimm xuất bản tập sưu tầm đầu tiên vào năm 1822. Với tư cách là một ngành khoa học độc lập, tính đến nay đội ngũ các nhà sưu tầm và nghiên cứu truyện cổ dân gian thế giới đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Còn ở Việt-nam thì có lẽ phải đến những năm 60 đầu những năm 70 của thế kỷ này với sự xuất hiện của các công trình chuyên khảo như Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám[1] *của Đinh Gia Khánh*; Người anh hùng Làng Dóng[2], Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt-nam[3] *của Cao*

---

1. Đinh Gia Khánh. *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*. Nxb. Văn học, Hà-nội, 1968.

2. Cao Huy Đỉnh. *Người anh hùng làng Dóng*. Nxb. Khoa học và xã hội, Hà-nội, 1969.

3. Cao Huy Đỉnh. *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt-nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1974.

Huy Đỉnh và Lược khảo về thần thoại Việt-nam, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *của Nguyễn Đổng Chi mới có thể nói là truyện kể dân gian Việt-nam được nhìn nhận như một thể loại riêng biệt. Nguyễn Đổng Chi là một trong những người đi tiên phong nên không tránh khỏi những khó khăn, hạn chế, nhưng là một nhà khoa học đầy nhiệt tâm, ông đã lần lượt soi rọi được một cách trọn vẹn, thấu tình và đạt lý các vấn đề đặc trưng và bản chất của thể loại qua việc nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam.*

Trải qua thời gian, những nhận định tổng quát, những ý kiến của Nguyễn Đổng Chi về truyện cổ tích trong bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *đã được nhiều người đánh giá là những kết luận có ý nghĩa học thuật cao. Đó thực sự là những đóng góp quan trọng, những gợi mở giúp cho giới nghiên cứu folklore Việt-nam đi dần tới việc nắm bắt đúng đắn truyện cổ tích - đối tượng nghiên cứu rộng lớn, phong phú và cũng là phức tạp nhất trong các thể loại văn học dân gian Việt-nam.*

Trên dưới nửa thế kỷ đến với truyện cổ tích, Nguyễn Đổng Chi đã nêu tấm gương của một người lao động cần cù và tài năng, có bản sắc và tự tin vào công việc bình dị mà cao đẹp của mình. Ông đã vừa là người nghệ sĩ sáng tạo trong việc nhuận sắc kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đồ sộ, đồng thời vừa là nhà học giả có tâm huyết bởi công lao khơi sâu, mở rộng cho những hướng nghiên cứu mới mẻ, toàn diện về truyện cổ tích Việt-nam nói riêng và truyện dân gian Việt-nam nói chung. Tên tuổi Nguyễn Đổng Chi, tuyển tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *cùng những đóng góp khoa học lớn lao của ông đã và sẽ mãi mãi giữ vị trí xứng đáng trong lịch sử ngành nghiên cứu văn học dân gian nước nhà.*

NGUYỄN THỊ HUẾ

Nguyễn Đổng Chi, người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc. Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1996; tr. 171-190.

MỘT VÀI KÝ ỨC VỀ ANH TÔI

Thời gian và tuổi tác đã xóa đi nhiều kỷ niệm, nên giờ đây ngồi nhớ lại cho hết những gì đã xẩy ra trong mấy chục năm gắn bó thân thiết giữa hai anh em chúng tôi thật không phải dễ. Nhưng thật tình, nghĩ về người anh trai thứ Nguyễn Đổng Chi (mà tên quen thuộc vẫn gọi trong nhà là Gióng), hình ảnh vẫn thường hiện ra trong trí là một dịp Tết nào đấy cách đây dễ đã 55 năm, chúng tôi cùng ở trong phòng học - một căn buồng rộng, trước cửa có dòng chữ "Mộng Thương thư trai", hai bên tường là những giá sách chất cao đến trần - anh tôi sau hai ngày mồng một và mồng hai phải tiếp khách lu bù đang tranh thủ ngồi trước chiếc bàn gỗ lim to và dày lúi húi lật đi lật lại mấy tập sách chữ Hán và dùng cuốn từ điển Hán-Việt của cha tôi soạn, vừa tra vừa đọc rất chăm chú, còn tôi thì nằm duỗi dài trên chiếc ghế ngựa - chiếc ghế dài đóng bằng nhiều thanh gỗ, nếu rút chốt có thể choãi ra, giúp ta trong tư thế nửa nằm nửa ngồi thoải mái - đọc mấy tờ báo *Thiếu nữ (La Fillette)* và *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn* anh tôi vừa mang ở Vinh về mấy hôm trước, trong khi ngoài vườn là vô số loài hoa đang nở: hoa hồng, hoa thược dược, hoa hải đường, xen lẫn hoa dong riềng đỏ tươi, hoa cải vàng lấm tấm... cùng với những cây ổi, cây nhãn, cây bưởi, cây dừa đang đâm những cành nhánh sum suê. Và gió ngoài cánh đồng thổi qua hai cửa sổ mở rộng đưa vào mùi hương tháng Giêng ẩm ướt, nồng nàn ... Đấy là ngôi nhà "Chi gia trang" của gia đình chúng tôi mới dựng lên trước đấy một năm ở làng quê, ngôi nhà từng nổi tiếng một thời, là nơi mở rộng cửa cho mọi người dân trong vùng đến đọc sách, là nơi đã tổ chức những cuộc họp bí mật của Nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc trong những năm 1943 - 45, dẫn đến cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền

huyện ngày 15-VIII-1945[1] một ngày sớm nhất trong toàn tỉnh, cũng là nơi rồi đây sẽ chứng kiến những bước thăng trầm, những bão tố dữ dội, làm xiêu liêu cả mấy anh em chúng tôi.

Tôi để ý thấy anh tôi đang ngồi chăm chú vào trang sách bỗng hình như thoáng nhìn thấy một cái gì, thế là anh vụt đứng ngay dậy, đóng chặt một cửa phòng thông ra sân bên trái, và đứng án trước một cửa phòng khác thông vào buồng giữa, miệng huýt một điệu sáo khác thường. Lập tức hai chú chó vện và chó đen của nhà nghe tiếng sáo từ đâu xông vào với dáng dữ tợn, cánh cửa liền đóng lại. Thế rồi anh tôi vừa điều khiển hai con chó chạy sục sạo từ góc này đến góc kia, vừa dùng một chiếc que dài xoi đi xoi lại phía sau các tủ sách. Bỗng chốc một chú chuột nhắt từ dưới tủ chạy vọt ra, con chó vện chồm tới. Một tiếng "chít " vang lên, chuột đã lọt vào giữa hai mõm chó. Cửa lại được mở ra, và anh tôi vừa cầm vào cái đuôi con chuột bé tí mang đi vứt vừa cười với tôi. Bấy giờ tôi đang học trung học ở Quy-nhơn mới trở về quê nghỉ Tết nên chưa được biết những trò này.

Anh tôi lại trở lại ngồi vào bàn và lại lặng lẽ như cũ. Nhưng không được lâu. Bác Chất Nghĩa, một người lão bộc lâu năm của gia đình, vừa đi chợ Huyện về, cho biết ở chợ người ta đồn mới có một vụ án mạng xảy ra ở Vạn-phần (Diễn-châu). Chúng tôi cùng bật dậy, chạy xuống nhà dưới để hỏi tin. Bác cho biết, nghe đâu có một anh tá điền bị cường hào o ép ngặt quá không còn biết xoay xở cách nào nữa đành liều cầm dao xông vào nhà chánh tổng giữa ngày Tết, đâm chết y rồi đâm luôn cổ mình tự tử, bỏ lại một vợ và đàn con nhỏ. Nghe chuyện cả nhà chúng tôi ai cũng thở dài, thương cho hai mạng người xấu số, lại thương cho chị vợ và đàn con anh nông phu từ đây không biết cậy nhờ vào ai. Nhưng tôi bỗng thấy anh Gióng có dáng vội vã. Không nói không rằng anh bỏ đi lên nhà trên, chỉ chốc sau anh đã trở xuống với chiếc cặp tàng, chiếc mũ trắng, tay dắt xe đạp. - "Anh đi đâu mà vội thế?", tôi hỏi. - "Mình ra phủ Diễn đây. Phải lên Nghèn đáp ô-tô Hồng Kỳ từ Hà-tĩnh ra Vinh mới kịp chuyến chiều. Thôi chú ở nhà chơi, mấy bữa

1. Theo ý kiến chính thức của Huyện ủy Can-lộc thì cuộc khởi nghĩa này nổ ra vào ngày 16-VIII-1945.

mình về". - "Anh đi xem án mạng sao?". - " Đúng! Mình đang viết tập phóng sự về cái nạn cường hào[1]. Mấy lâu nay lặn lội khắp Nghệ - Tĩnh mà mãi vẫn không tìm ra một thiên truyện làm kết. Nay thì có rồi! Mà tuyệt nữa! Phải đấy, đúng là một kết cục như nó phải có. Merveilleux[2]!". Thế rồi anh nhảy lên xe, bộ quần áo trắng biến mất ở cổng. Tôi vừa trở lại phòng học thì tiếng chuông xe đạp đã reo lên "kính coong" ở xa.

Tôi lại nằm xuống chiếc ghế ngựa và ngẫm nghĩ: người anh của mình trước sau vẫn vậy. Vẫn cái tính hiếu động ấy, cái thói quen làm việc nhanh như sóc ấy, cái tính thẳng thắn đến ương ngạnh ấy, và cái đức hiếu học ấy. Anh thực là một con người hoạt động mà suốt một thời tuổi trẻ đã ảnh hưởng sâu sắc đến tâm tính của tôi.

TUỔI TRẺ HIẾU ĐỘNG

Thời niên thiếu, anh Gióng là một tay rất ưa nghịch ngợm. Anh chơi bời, phá phách, quấy rối hết thảy mọi người. Nghỉ hè, từ Vinh[3] về nhà, trong vườn có mấy cây ổi, cây nhãn, anh trèo suốt ngày, hầu như ở trên cây từ khi quả còn xanh cho đến khi hết quả. Tôi và người chị kế sau anh - chị An - chỉ đứng chực dưới gốc để thỉnh thoảng được anh vứt xuống cho một chùm nhãn hoặc vài quả ổi. Có mấy cây nhãn ngon, mẹ tôi thường thuê người đan lồng để bu nhãn lại cho dơi khỏi ăn. Nhưng việc bu những cành nhãn nhỏ ở xa thì ai cũng chịu, chỉ anh tôi mới dám trèo ra để làm. Cũng vì leo trèo trên cây suốt ngày nên mẹ tôi lo nhỡ ngã thì què chân gãy tay hay có thể chết người nữa là khác. Năm đó anh tôi học ở Đồng-hới về nghỉ hè. Lẽ ra còn có thể ở thêm dăm hôm nữa rồi vào nhập trường cũng còn kịp, nhưng vì thấy anh leo trèo nhiều quá, mẹ tôi ra lệnh cho anh phải lên đường sớm hơn, chuẩn bị hành trang để vào thị xã Hà-tĩnh đón xe đi Đồng-hới . Anh tôi tính tuy ương

1. Tức cuốn *Túp lều nát,* in năm 1937.

2. *Merveilleux:* tuyệt vời.

3. Anh tôi sinh ở Phan-thiết, khoảng 4 tuổi theo cha trở ra Vinh, rồi học ở Vinh đến khoảng 12 tuổi thì vào Đồng-hới ở cùng người anh cả, học tiếp và thi tiểu học ở đấy.

nhưng cũng vâng lời mẹ ra đi. Đi được mấy tiếng đồng hồ, trong nhà thiếu anh trở nên vắng vẻ hẳn. Ai cũng như thấy thiếu một cái gì. Mẹ tôi đâm ra thương con, bèn bảo bác Chất Nghĩa trèo lên cây nhãn bẻ vội mấy lồng rồi đuổi vào tận bến xe Hà-tĩnh để đưa cho anh.

Lại có một lần nghỉ hè, anh tôi khoảng 9,10 tuổi, còn tôi thì còn bé tí. Nhân ngày rằm tháng Bảy, cha tôi dẫn cả ba anh em đi lễ chùa (chùa Ba-làng, một di tích liên quan đến vị tổ của chúng tôi là Trần Đức Mậu, ở thế kỷ XV). Sau cuộc lễ, thầy chùa mời các vị bô lão ở lại để thết cỗ chè. Thầy chùa định cho ba anh em ba chén chè nhưng cha tôi ngăn lại và đề nghị thầy chỉ cho thằng út một chén thôi (bởi vì thấy mâm chè cũng không nhiều nhặn gì lắm mà bô lão lại đông). Tôi được hưởng một chén chè còn anh chị tôi đành nhịn. Tôi ăn xong, cha tôi bảo ba anh em đưa nhau về trước còn cha ở lại để trò chuyện. Về nhà mẹ tôi đã trữ sẵn một vại nước mưa, bảo ba anh em cởi quần áo ra để mẹ tắm cho mát. Lúc quần áo cởi ra, thấy trên người anh có những nốt ghẻ, tôi thuận tay khảy mấy cái, không ngờ làm anh chảy máu. Thế là anh tôi chửi toáng lên: - "Mẹ cha đứa *mô* [nào] đẻ ra thằng Hưng để nó làm tao chảy máu đây này!". Mẹ tôi thấy thằng con chửi hỗn bèn cầm roi ra đánh. Đánh được vài roi thì anh tôi bỏ chạy, thuận chân đá luôn chiếc liễn đựng mật đương phơi giữa sân hàu (sân làm bằng vôi cát và tro trộn mật, không có xi-măng). Mật mía đặc trong liễn theo đường lăn của chiếc liễn chảy thành một dòng nhỏ như sợi bấc đèn. Nhân khi mẹ còn bận đuổi anh, tôi bèn rón rén theo dòng mật chảy, lấy tay vét đưa lên miệng .... Chốc sau, khi đã tắm xong, chị An tôi cười bảo với mẹ: - "Chắc ông anh bực vì không được ăn chén chè của nhà chùa thôi, chứ nốt ghẻ chảy máu thì nào có đau đớn gì!".

Cũng cái tính ương bướng như thế đã sớm tạo cho anh tôi một lối sống cứng cỏi, không để cho ai bắt nạt, cũng không giấu giếm bất bình trước mọi chuyện trái tai gai mắt mà mình bắt gặp. Cần nói rằng, có lẽ do sớm được đọc sách, ngay từ còn nhỏ anh em chúng tôi đã ít ham thích những tập tục cổ hủ của nông thôn như chuyện cỗ bàn xôi thịt, nhất là chuyện tranh giành nhau trong họ ngoài làng. Chúng tôi cũng có tham gia vào tất cả những chuyện ấy như các thành viên khác, nhưng

chỉ tham gia lấy lệ mà không hề mê say (kể cả chuyện đánh tổ tôm mà tôi sẽ kể ở sau). Và khi những cuộc họp làng, nhất là họp họ đã đến chỗ gay cấn, trước chén rượu rót đã lửng chai và giọng nói của ai đó đã có vẻ lè nhè hay trở nên sừng sộ thì dù là con nhà tộc trưởng, anh em tôi cũng bấm nhau lặng lẽ rút lui, để cả họ ngồi lại khu xử (có khi nổ ra những cuộc cãi vã đỏ mặt tía tai, và rồi bất kể thứ gì có trước mặt: chai, lọ, chén, bát, khay trầu, ghế tựa... đều dùng để trút lên đầu nhau... Mãi cho đến khi hết say rồi mới lại tìm cách dàn hòa).

Một lần câu chuyện xảy ra vào khoảng hè 1929, hoặc 1930, làng góp tiền để xây một cái giếng cho nhân dân đi lấy nước thuận lợi hơn, kẻo cả một xã rộng lớn chỉ dùng có mỗi một cái giếng cạn (giếng Tran) trên cồn (cồn Chủi), hơi xa và đông người quá, bất tiện. Hơn nữa giếng Tran đào như một cái ao, người lấy nước phải lội xuống, nghiêng vò cho nước chảy vào đầy rồi quảy lên, thành thử khi múc nước thì đôi chân bẩn cũng nhúng luôn vào nước. Người em họ của chúng tôi đã đứng tuổi là B., người xóm trong, được làng giao cho đứng ra lo liệu. Ông chủ trương đào giếng ở một địa điểm nằm giữa hai xóm trong và ngoài cho thuận lợi cả hai bên khi đi múc nước. Tại đó, có miếng đất bắc mạ của ông Ng. cũng là người trong họ, tuy đã đem cầm cho bà Q. Ch., vợ ông chú họ, để đi hút á phiện, nhưng ông vẫn cho làng đào giếng vào một góc. Tiếc thay vì không kiểm tra thử chất lượng trước nên giếng đào đúng vào mảnh đất chua phèn, nước không dùng được, làm xong bị dân loại bỏ, từ đấy chúng tôi vẫn gọi là giếng Chia, cũng chẳng hiểu vì sao. Nhưng điều đáng nói là việc đào giếng đã làm cho bà mợ Q. Ch. tức giận điên người, vì mảnh đất vốn đã được cầm cho bà. Nhân bữa giỗ họ vào rằm tháng Bảy, bà đùng đùng xông đến, bất thình lình vật ông Ng. xuống, đè lên và ra sức chửi mắng. Cuộc họp họ biến thành một cuộc giằng xé dữ dội giữa con cái ông Ng. và vợ chồng bà Q. Ch. Đã thế sau khi rượu vào, trong họ lại sinh hiềm khích. Một người em họ là H. nóng nảy lật cả một nong thịt vừa thái xong làm cho xôi thịt đổ ra tung tóe, việc đó lại gây nên một cuộc xô xát thứ hai. Chúng tôi được một bữa hồn vía lên mây. Nhưng sáng hôm sau đã thấy anh Gióng tụ tập bọn trẻ lại hát cho nghe một bài vè. Đứa nào nghe xong cũng lẩm nhẩm đến thuộc lòng như cháo vì bài vè lột tả thật sinh động bữa cỗ hôm qua mà chúng tôi vừa chứng kiến:

"Ngày rằm tháng Bảy kia,
Mụ Q. Ch. ra hề.
Chuyện cũng hay, hay thật,
Xin kể ra đây nghe.
Làng đào giếng uống nước,
C. Ng. cúng đất bắc.
Mụ Q. Ch. nghe tin,
Vội đi ngay một bước.
Tới nhà thờ bữa rằm,
Họ chia phần vừa xong.
Mụ ôm vật C. Ng.
Đè xuống mà bảo rằng:
- "Mày thiếu tiền hút xách,
Tao đã liệu chu tất.
Mày gán ruộng ấy rồi,
Sao giờ lại cúng đất?"
C. Ng.: - "Đất của choa [chúng tao],
Cho, không, mặc kệ mà!
Ai mượn mi dụ đó?
Muốn tốt thả tao ra".

Đoạn giữa kể đàn con ông C. Ng. xâu vào đánh giải thoát cho bố, tôi đã quên mất, chỉ còn nhớ đoạn cuối nói về sự kiện tày đình thứ hai, cũng tại nhà thờ hôm đó:

Cu H. nhảy đại vô,
Xô cái nong một xô.
Thịt rơi tung tóe cả,
Chó mèo được bữa no!
Cố Th. đứng dậy ngay,
Nói cho cố L. hay:
- "Phải đền nong thịt ấy"
Cố L.: -"C. đây này!"

Cũng nên nhớ là bài vè được viết lúc anh tôi chỉ mới mười bốn tuổi. Lũ trẻ chúng tôi vừa đọc cho nhau vừa rất phục tài anh. Nhưng vài ba năm sau, lại một chuyện khác xẩy ra khiến cho tiếng tăm anh càng "nổi" hơn. Lúc này anh đã tốt nghiệp Pri-me (Primaire) ở Đồng-hới, chuyển ra Vinh ở với cha tôi để tìm việc làm. Tôi cũng cùng với bà nội ra Vinh ở với cha tôi. Ra đến nơi, tôi thấy trên bàn anh để rất nhiều báo chí, đủ loại, do cha tôi mua về. Riêng anh còn lo ky cóp mua khá nhiều loại sách hồng (livre rose), và đọc suốt ngày đêm. Vì còn sống tự do, chưa có việc gì làm nên ban ngày đọc sách, tối lại anh lần mò đi học võ. Anh không học với ai xa lạ mà tìm xuống nhà dưới học với hai anh em một người lái xe, cùng thuê một phòng trong ngôi nhà khá rộng rãi chúng tôi đang ở. Tôi không rõ việc học hành võ nghệ của anh ra sao, vì mình còn quá nhỏ, nhưng một hôm, giữa đám bạn bè cùng ở trọ học tại đấy anh bỗng cười bảo: - "Cậu nào có muốn đấm mình không? Cứ xông vào đấm thật lực, mình không làm gì đâu. Đấm vào tay, chân, vào người, đâu cũng được". Mấy cậu choai choai lúc đầu tưởng anh nói chơi nên chỉ cười, sau biết anh muốn thử xem sức học võ của mình đã tấn tới đến đâu, bèn vui vẻ đứng dậy xắn tay áo dang thẳng cánh quật vào anh tới tấp. Những cú đấm bịch bịch của họ xem ra cũng nặng cân lắm vì tôi thấy anh tôi nín thở đối phó, thỉnh thoảng lại "ự, ự". Tôi đứng xem hơi hoảng, đang lo thay cho anh thì chợt thấy anh khoát tay một cái, một cậu kêu "ối" và ôm chặt lấy tay. Thì ra anh đã dùng ngón đòn chặt mạnh bàn tay vào tay cậu, làm cậu trẹo mất một ngón tay. Gần đây, sau khi anh tôi đã qua đời, cháu trai tôi có dịp gặp lại người bạn năm xưa của bố là Trần Xuân Phác, nay ở 57 Giảng-võ - ông Phác vẫn chưa quên chuyện cũ; vừa chỉ vào ngón tay út ông vừa cười, nói với cháu tôi: -"Nó vẫn trẹo đây này".

Thế rồi một hôm, ít lâu sau ngày thử võ, anh tôi về nhà. Hồi ấy nhà tôi có một con bò cho người làng trên (Ích-mỹ) nuôi rẽ. Nuôi rẽ tức là nuôi bò cho người khác, theo chế độ: được cày bừa thoải mái nhưng nếu bò đẻ thì phải chia hai, một nửa của chủ có bò và một nửa của mình. Rất tiếc chúng tôi lại gặp phải một tay nuôi rẽ láu cá, và tính cách cũng vào loại "sừng sỏ". Nên tuy bò đã đẻ mấy lứa mà anh ta vẫn "lỉnh", không thèm bảo qua một tiếng với chủ có bò. Phiền nỗi là ở nhà

quê chỉ có mình mẹ tôi, một người phụ nữ hiền lành, với người bố chồng già yếu lại bị què chân, nên chẳng làm được gì với tay này cả. Vừa về đến nhà, nghe chuyện , anh tôi đã hối hả lên làng trên hỏi cho ra lẽ. Mẹ tôi và ông tôi can mãi anh cũng không nghe. Ai cũng lo thay cho anh. Mẹ tôi liền cho bác Chất Nghĩa đuổi theo thám thính để nhỡ có chuyện gì còn kịp can gián. Nhưng ông vừa lên đến nơi thì cũng vừa kịp chứng kiến một chuyện lạ lùng: anh tôi đầu trần, bộ quần áo trắng, mới bước vào cổng gọi người nuôi bò rế thì từ trong nhà hắn đã sừng sộ bước ra với một chiếc đòn gánh cầm tay. Sau vài câu lời qua tiếng lại, anh chàng nuôi bò ỷ vào cái tính ngổ ngáo của mình, hạ ngay độc thủ, cầm đòn gánh giơ lên phang thẳng xuống đầu anh tôi. Mọi người nhìn thấy không ai là không thất sắc, nhưng chưa một ai kịp kêu lên thì anh tôi đã giơ cánh tay mảnh dẻ lên đỡ cú đánh ác hiểm. Thế rồi không hiểu sao chiếc đòn gánh to lừng lững kia lại không làm gãy tay anh mà trượt theo cánh tay xuống nách, và bị anh kẹp chặt lại ở nách, cứng như sắt. Chàng nông dân nọ đang đớ người ra trước một sức khỏe và sự nhanh dẻo dị kỳ như vậy thì liền bị cánh tay kẹp đòn gánh của anh tôi giật lùi một cái, cả người anh chàng ngã sấp xuống. Mọi việc xảy ra trong chớp mắt. Anh tôi không nói một tiếng, chỉ thả đòn gánh ra để cho anh chàng ngổ ngáo đứng dậy, mặt ngượng ngập, phủi bụi đất ở áo quần, rồi mới thủng thỉnh bảo: - "Cũng nên một vừa hai phải chú, không phải muốn làm gì ai cũng được đâu!". Nói rồi anh chào người vợ và thong thả ra về. Từ đấy cả vùng quê tôi người ta đồn nhau: "Gióng là tay có võ!".

TẬP SỰ VÀO ĐỜI

Nhưng anh Gióng tôi ương ngạnh mà không "sinh sự" với một ai. Một đức tính ngày càng rõ nét ở anh: sự tự chủ. Có lẽ đây là một tập luyện lâu dài, tập luyện đến thành thói quen lúc nào không biết. Tự chủ, biết nén mình lại, nên dường như càng đến tuổi thanh niên anh càng ít khi nổi nóng. Anh nhũn nhặn hẳn. Sự thực thì để trở thành một con người như vậy là cả một nghị lực phi thường. Nghị lực đã được bộc lộ ngay

từ nhỏ, thành một ý chí tự lập thường trực ở nơi anh. Một vài việc anh làm thuở bấy giờ, cứ tưởng là "trẻ con", suy nghĩ lại mới thấy hết ý nghĩa của nó.

Việc làm đầu tiên là mở ... "Bình Ân dược phòng". Bà tôi ra Vinh vào khoảng năm 1931, lúc ấy bà đã 80 tuổi nên mắt kém và chân tay lóng ngóng. Một hôm bà từ nhà ngoài đi vào buồng ngủ, chân va vào bậu cửa và bị ngã. Đỡ bà dậy thì biết là xương tay bị gãy, cả nhà rất lo sợ vì đối với người già việc gắn lại xương gãy đâu phải chuyện dễ dàng. Có một bà cụ bán thuốc tễ quen thuộc tới thăm và bày cho cha tôi một phương thuốc Đông y tự chế lấy để dùng đắp vào chỗ gãy trước khi bó lại. Tôi còn nhớ là: lô hội trộn với quế chi giã nhỏ pha rượu vào, đun lên thành một thứ hồ lệt sệt màu đen, đắp vào chỗ gãy rồi lấy vải xô bó cứng. Ít giờ sau thứ hồ này cứng lại cũng giống như bột thạch cao bó xương của Tây y. Một thời gian sau mở băng ra thì xương đã liền và tay đã lành. Cha tôi rất mừng, mời bà cụ lại để cám ơn. Bà cụ cho biết thứ lô hội này nếu pha chế thật loãng thì còn có thể chữa được những căn bệnh ngoài da như mụn nhọt, lở ghẻ, v.v... Anh tôi nghe rất chăm chú. Sau đấy, anh dùng chữa thử cho một vài người thấy có hiệu nghiệm. Bỗng nhiên anh tôi nẩy ra ý định kinh doanh thứ thuốc này. Các vị thuốc thì chả khó khăn gì, ở cửa hiệu thuốc Bắc nào cũng sẵn. Cối giã quế chi đã có một cái cối giã vừng trong nhà bếp. Duy chỉ cần một chiếc niêu con để nấu thuốc, anh tôi bèn tìm bà Lộc ở nhà dưới hỏi mua chiếc niêu đất bé tí mà trước kia bà thường dùng để nấu cơm cho một mình bà ăn. Được nồi rồi anh tôi hý hoáy pha chế, sắc nấu thành một thứ nước đen lệt sệt. Rồi đi thuê đặt thổi mấy cỡ chai con, lại thuê in cả nhãn hiệu:

BÌNH ÂN DƯỢC PHÒNG
THUỐC GIỌT
Chuyên chữa: ghẻ lở, mụn nhọt, gãy xương, bong gân.

Mấy chữ "Bình Ân dược phòng" nghe thật "oách " mà chung quy, "quy trình công nghệ" chỉ quanh quẩn trong một cái niêu và một cái cối

giã vừng! Bình Ân là biệt hiệu của anh tôi, bởi tên anh là Gióng tức là Phù Đổng - Nguyễn Đổng Chi - anh hùng dẹp giặc Ân, nên anh mới đặt cho mình biệt hiệu trên. Chai lọ rót thuốc xong nút lại, rồi cũng được gắn xi và bọc một lớp giấy bóng kín đáo, đẹp đẽ, sau đó đưa đi cổ động bán. Hồi ấy trên tuyến đường biển Bến-thủy - Hải-phòng có một ông nhân viên người làng Kim-trùy, cách quê tôi chừng 3km, làm kiểm soát viên trên một chiếc tàu biển chở hàng, vào những ngày rảnh rỗi thường tới nhà tôi chơi. Nhân tiện, anh tôi bèn đề nghị ông cho đi tàu nhờ ra Hải-phòng để bán thuốc Gịt. Ông ta nhận lời đưa anh tôi cùng đi mấy chuyến ra Hải-phòng. Ngoài ra, anh còn cho in giấy quảng cáo để gửi đi các tỉnh quảng cáo thứ thuốc Gịt của mình, và thỉnh thoảng tôi thấy có thư gửi về mua thuốc. Cha tôi không nói gì trước việc làm của anh (chắc ông vẫn coi là trò trẻ) nhưng đôi lúc mắt ông đã có cái nhìn khang khác với đứa con 16 tuổi. Ngày nay, mỗi lần đi trên tàu hỏa, bắt gặp những ông đứng tuổi đeo kính đen, vai quàng xắc, tay cầm đủ loại thuốc cao đơn hoàn tán chìa vào tận mặt khách, miệng nói liến thoắng: - "Nếu quý khách chẳng may có ai ghẻ lở, hắc lào, mẩn ngứa, phồng rộp chân tay... xin cứ bôi thử một tý vào da là khắc thấy hiệu nghiệm..." tôi lại bất chợt mỉm cười, lòng không khỏi thức dậy một cảm giác vui vui khi thốt nhớ lại hành vi có thể nói là "táo tợn" của một đứa trẻ nhà quê 16 tuổi cái thuở xa xưa ấy, là người anh hiếu động của mình.

Cũng vào thời gian làm thuốc Gịt Bình Ân, anh tôi còn phát hiện ra ở các phiên chợ Vinh có bán một thứ đồ tre khá đẹp. Đấy là đồ dùng chế tạo từ những ống tre non được luộc chín rồi ép phẳng như những tấm gỗ mỏng, có độ dày khoảng 4-5mm. Người ta dùng loại dao, cưa, đục rất nhỏ để cắt, đục, lắp ghép thành những cái khay để chén trà, khay đựng trầu, hộp đựng trầu, hộp đựng thuốc hình tròn hay lục giác, bát giác cho các bà lớn hồi đó dùng để đựng trầu, thuốc, hoặc để thuốc lào, thuốc lá sợi, v.v... Đặc biệt vỏ ngoài của thanh tre được luộc chín ngả màu ngà trên đó các nghệ nhân dùng lưỡi dao sắc nhỏ chạm lên những hình bông hoa, hình thú vật, hay hình người trông rất đẹp, hoặc tạc lên những câu chữ nho có ý vị...

Qua một vài phiên đi xem xét, anh tôi bèn mời một vài người bán đồ tre ấy về nhà mình để nói chuyện và trao đổi cách liên doanh liên

kết với họ. Cuối cùng hai bên thỏa thuận với nhau là: phía anh tôi sẽ quảng cáo khắp ba kỳ món đồ tre đặc biệt của xứ Nghệ này để người ta biết mà tìm mua; anh tôi gợi ý với họ làm thêm một vài thứ đồ nhỏ như hộp thuốc lào bỏ túi, píp hút thuốc lá sợi để gửi đi biếu quảng cáo ở các tiệm buôn lớn và ngoài ra, về mặt chạm trổ trên mặt tre phải là hình các danh nhân đất nước: ví dụ Trần Hưng Đạo đánh trận Bạch-đằng, Lý Thường Kiệt cưỡi ngựa đánh Tống, Hai bà Trưng cưỡi voi đánh giặc, v.v... Bên mỗi bức chạm cũng có viết dòng chữ hán ghi tên tuổi và hành động vị anh hùng được khắc họa. Làm vậy để đổi mới các đề tài cũ kỹ của họ. Còn việc đặt hàng sẽ được thông báo mỗi khi có giấy đặt hàng ở các nơi gửi về ...Thế là cuộc kinh doanh đồ tre cũng được tiến hành đồng thời với thuốc Giọt Bình Ân và trụ sở đều ở số nhà 11 đường Pôn Be (Paul Bert), Vinh.

Hồi anh Gióng còn học ở Đồng-hới có ông Viễn Đệ (em vợ anh Kinh Chi, người anh trai đầu) cũng từ Huế ra Đồng-hới sản xuất dầu tràm mà sau này ông đặt tên là dầu "khuynh diệp". Quảng-bình là nơi có nhiều cây tràm mọc và dân ở các vùng có tràm từ lâu đã biết cất tinh dầu tràm để chữa bệnh. Ông Đệ vừa tự cất lấy dầu vừa mua dầu của dân đưa về pha chế thêm một ít nước màu riêng của mình thành một loại tinh dầu màu lá chuối trong xanh, chế vào từng cỡ chai to, bé để bán khắp ba kỳ. Người ta ưa chuộng dầu "khuynh diệp" vì nó chữa được một số bệnh nhức đầu, sổ mũi, nóng sốt khá hiệu nghiệm, và cũng vì tinh dầu của ông có màu sắc xanh đẹp khác hẳn với tinh dầu của người khác sản xuất màu vàng cỏ úa... Có thể chuyện làm ăn của ông Đệ đã có phần nào tác động tới anh tôi hồi đó. Vừa học tiểu học, anh tôi vừa tích cực làm quảng cáo cho hãng Viễn Đệ. Anh biến câu chuyện cổ tích mà ai cũng đã biết về hai bà mẹ tranh nhau một đứa con, thành một truyện thơ dài, trong đó chỉ có một tình tiết được anh "cải biên" là tình tiết sau cùng: khi vị quan phân xử đang lúng túng không biết nên trả đứa bé về cho người nào vì người nào cũng tỏ ý hết lòng thương yêu nó, thì bỗng trong túi một người rơi ra lọ dầu "Khuynh diệp"; thế là vụ kiện ngã ngũ - đứa con về tay bà mẹ có dầu. Phải chăng cái duyên của truyện cổ tích đã "bén" vào cậu học trò xứ Nghệ từ đấy? Tôi không rõ nhưng cũng nhân việc này mà trước khi rời Đồng-hới, anh tôi được ông

Viễn Đệ tặng cho một chiếc máy chữ xách tay, cấu tạo đơn giản, đánh theo kiểu mổ cò một ngón. Chiếc máy này khi ra Vinh mở Bình Ân dược phòng và hiệu đồ tre chạm đã giúp anh tôi đánh những giấy tờ giao dịch rất trang trọng, bề thế, như là một hãng sản xuất lớn. Không những thế, về sau, khi Nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc thành lập và hoạt động, nó còn được dùng để đánh những giấy tờ quan trọng, những chỉ thị của Việt minh và những truyền đơn đánh Nhật đuổi Pháp ... Và cũng chính nó đã làm chúng tôi một phen phải long tóc gáy mang đi chôn giấu ở trại Hồng, cách nhà 15km, khi có tin mật thám Pháp đến khám nhà.

Từ chỗ kinh doanh thuốc và đồ tre, anh tôi lại chuyển sang viết sách. Như ở trên đã nói, lúc còn đi học anh mê đọc loại sách hồng (livre rose) của Pháp viết cho thiếu niên nên mua rất nhiều, trong nhà còn lưu lại hàng chồng sách loại ấy. Ngoài ra, trong một cuộc bán phát mãi, anh còn mua được hàng trăm số báo *La Phi-et* (*La Fillette*) cũng xuất bản ở Pháp. Dựa vào vốn liếng chuyện trẻ em đã được đọc, anh bắt đầu nghề viết văn bằng cách viết sách truyện cho thiếu niên.

Trong thời gian 1932 - 33, anh tôi đã viết và cho xuất bản liên tiếp được 5 cuốn sách: *1. Chí quả quyết; 2. Tài trẻ nước Nam; 3. Một nhà tan hợp; 4. Vườn xuân bạn trẻ; 5. Tìm ra châu Mỹ.*

Trong đó, cuốn *Chí quả quyết* phóng tác theo truyện kể trong một cuốn sách hồng nhưng lại lấy tên địa danh ở Nghèn (Can-lộc) và chú bé chính của câu chuyện là con ông trạm trưởng bưu điện. Hai điểm trên gây nên trong lớp học của tôi (bấy giờ tôi đã từ Vinh về học tiểu học ở Nghèn) những chuyện vui đùa vì trong lớp có một bạn là con ông trạm trưởng bưu điện Can-lộc thật. Tiếp đến cuốn *Tài trẻ nước Nam*, anh tôi giới thiệu với các bạn trẻ những mẩu chuyện danh nhân đất nước, ở tuổi thiếu thời có lòng can đảm, trí thông minh, hoặc có tài thơ văn, ví dụ ông Lê Quý Đôn với bài thơ *Rắn đầu biếng học*; ông Lương Thế Vinh đã tìm cách lấy được quả bưởi rơi vào trong cái hố nhỏ mà sâu nhờ kế đổ nước cho quả bưởi nổi lên; rồi Phù Đổng thiên vương cưỡi ngựa sắt đánh giặc Ân, v.v... Đặc biệt, phần lớn số trang dành để kể chuyện ông Nguyễn Văn Giai, người học trò nghèo quê ở Ba-xã,

thuộc dòng họ Nguyễn Văn của mẹ tôi. Nghèo nhưng có chí phấn đấu và có sức khỏe nên sau nhiều năm tháng vừa học vừa làm thuê, ông đã thi đỗ tiến sĩ thời Lê-Trịnh và làm quan to ở kinh đô. Đây là câu chuyện có thật nhưng cũng pha trộn thêm những chi tiết được anh lượm lặt theo truyện kể dân gian ở Ba-xã. Tiếp đến cuốn thứ ba *Một nhà tan hợp*, phóng tác theo truyện kể trong tập báo *La Phi-et* của Pháp, kể chuyện một ông kỹ sư người Mỹ kết hôn với một phụ nữ người Pháp và sinh được một cô gái. Năm 1914-18 có chiến tranh Pháp - Đức, ông kỹ sư cổ động nhân dân Mỹ đứng lên giúp Pháp đánh Đức. Hết chiến tranh, ông bị bọn người Đức sống ở Mỹ thù ghét, tìm mọi cách phá hoại cuộc sống ổn định của gia đình ông, làm cho ông mất việc, và làm cho vợ chồng ông thất lạc nhau. Sau khi thấy thế sống bất lợi, ông bèn dắt con gái sang Pháp tìm công ăn việc làm; cha con bắt đầu một cuộc sống khó khăn nhưng cô gái bé can đảm đã giúp đỡ cha trong việc nội trợ. Bọn Đức ở Pháp được sự thông báo từ bên Mỹ, lại tìm cách phá hoại cuộc sống của ông và tìm cách bắt cóc cô gái. Song nhờ lòng can đảm, trí thông minh, cô gái đã tìm được cách thoát khỏi nơi bị giam hãm và trở về với bố, đồng thời cùng bố đi báo cảnh sát về bọn côn đồ này. Cuộc vây ráp đã tóm hết bọn Đức lưu manh và cha con sống yên ổn trở lại. Tiếp đó người vợ thất lạc lại tìm được chồng con và gia đình đoàn tụ hạnh phúc. Cuốn thứ tư là một cuốn sách Tết, trong đó có những mẩu chuyện ngắn, những bức tranh vui, những bài thơ nhỏ và những mẩu chuyện của ngày Tết. Còn cuốn *Tìm ra châu Mỹ* là câu chuyện về tấm gương mạo hiểm, vượt mọi trở lực để lập nên kỳ công tìm ra "tân thế giới" của chàng thanh niên tài ba Cri-xtôp Cô-lông (Christophe Colomb) ở thế kỷ XV.

Nói chung các cuốn sách trên gây được sự hấp dẫn trong lớp học trò nhỏ tuổi ở Nghệ - Tĩnh thủa bấy giờ. Hồi ấy tôi học lớp nhì tại trường Nghèn; mỗi khi có in sách mới, anh tôi lại về qua chỗ tôi trọ trao cho tôi một cuốn. Được cuốn sách, đầu tiên phải đưa cho thầy giáo đọc trước, rồi đến tôi, rồi đến các bạn bè khác trong lớp học. Anh tôi vừa sáng tác vừa xuất tiền thuê in ở nhà in Vinh, vừa sửa lỗi bản in, vừa quảng cáo, giao sách cho các hiệu sách, gửi sách đi các tỉnh... Nói chung chỉ một mình anh quán xuyến hết mọi chuyện để cho cuốn sách tới tay

bạn đọc. Thế nhưng thời đó đói kém, kinh tế khó khăn, một hào chỉ đối với một người dân bình thường là quá to nên ít ai mua được, sách bị ế, đến cuốn thứ năm thì có lẽ anh cụt vốn đành phải ngừng viết, ngừng xuất bản. Cái chí làm sách cho trẻ con của anh thế là phải dừng lại. Nhưng cũng tưởng dừng lại là dừng hẳn, có ngờ đâu anh tôi dừng lại chỉ để tích lũy dùi mài, rồi sau đấy chuyển sang một bước nhảy vọt: viết hẳn loại sách cho người lớn. Và điều cũng không ai ngờ là sự tích lũy lại đưa anh nhảy vọt rất xa: không những viết sách cho người lớn mà viết hẳn loại sách khảo cứu, đòi hỏi bút lực của một học giả.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TỪNG BƯỚC ĐỊNH HƯỚNG

Vừa ngừng viết và xuất bản "Kho sách bạn trẻ", đang chưa biết làm gì thì anh tôi nhận được thư của người anh cả (Nguyễn Kinh Chi, tên thân mật trong nhà là Kinh) đề nghị cùng vào Kon-tum sống với anh cho vui vì anh cả tôi là y sĩ Đông-dương đang được điều lên phụ trách bệnh viện ở đây. Đối với một thanh niên 18 tuổi thì đây là một chuyến đi không gì thích thú bằng. Thế là vào khoảng cuối 1933 hay đầu 1934 anh tôi thu xếp lên đường. Vào đến Kon-tum, anh Kinh tôi mới nói lên ý định muốn hai anh em cùng cộng tác để nghiên cứu, viết một cuốn sách giới thiệu phong tục, tập quán và cách sinh hoạt của người Thượng ở Kon-tum, cụ thể là người Ê-đê, Ja-rai (Djarai), Xê-đăng. Anh Kinh vì bận việc chuyên môn nên chỉ có thể tìm hiểu, tham khảo trên tài liệu, sách vở của Pháp là chủ yếu, còn anh Gióng thì được phân công đi vào các làng bản để khảo sát thực tế.

Thời đó viên công sứ Pháp mà tôi còn nhớ là Ghi-ơ-mi-nê (Guilleminet), là một học giả dân tộc học có tiếng; ông đã viết một số sách nghiên cứu các dân tộc Tây-nguyên. Anh Kinh đã đến gặp và trình bày ý định của mình và được viên công sứ nhiệt tình giúp đỡ, cho mượn nhiều tài liệu để đọc. Còn anh Gióng, ở cái tuổi trai tráng, anh nhận lời đi ngay vào các buôn xung quanh thị xã, làm quen, kết bạn với các thanh niên dân tộc ở trong vùng. Anh sắm một bộ y phục dân tộc gồm khố, áo, khăn choàng để đến đêm mặc vào đi chơi với bạn. Anh sưu tầm những

mẩu chuyện dân gian, những bài ca hoặc câu hát đối đáp nam nữ, đi xem những lễ hội đâm trâu... Anh đã đóng rất nhiều sổ tay để ghi chép và khi về, mang về hàng tập dày. Điều làm tôi lưu ý là những cuốn sổ tay ấy toàn bằng những phong bì đã gửi, khéo léo gỡ các mép dán ra và đóng lại; chả rõ anh góp nhặt từ bao giờ và ở đâu mà nhiều đến thế. Nhân dân các buôn anh thường đến đã dành cho anh nhiều cảm tình, nhất là các cô thiếu nữ thì yêu anh lắm - anh thường nhận được những vết cấu véo thâm tím của các cô gái trẻ, vì đối với phong tục dân tộc họ, đó là biểu hiện của tình yêu, yêu càng đậm, véo càng đau ... Kết quả là, khi trở về, cả hai anh em đã mua được các dụng cụ gia đình, các nhạc cụ, quần áo... của người Thượng về để làm kỷ niệm. Anh còn mang về một bức tượng Chàm bán thân, cụt tay, khắc bằng loại đá thô ráp rất cứng, đặt cạnh cửa sổ phòng học cho đến ngày cải cách ruộng đất. Và vào năm 1937, cuốn sách *Mọi Kon-tum* của hai anh được in có lời đề bạt của vị công sứ tỉnh Kon-tum.

Từ tỉnh Kon-tum trở ra Vinh, do chỗ cha tôi có quen với ông Phó Đức Thành là người bỏ vốn ra tờ báo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn*, nên anh Gióng được ông ta nhận vào làm việc ở tòa báo này. Công việc ở tòa báo là: sửa chữa bản in, gấp báo và dán băng, viết địa chỉ để gửi cho các độc giả. Thỉnh thoảng anh cũng có viết một đôi bài cho tờ báo. Tôi còn nhớ anh đã sưu tầm và cho đăng một số mẩu chuyện dân gian xứ Nghệ về hôn nhân và gia đình rất dí dỏm, được mọi người ưa thích, chẳng hạn truyện *Xin đi chín chục*, kể chuyện trong một đám cưới nọ, nhà gái đòi nhà trai tiền dẫn cưới là 100 quan. Nhà trai bèn trả lời "xin đi chín chục". Bên nhà gái thấy nhà trai chỉ bớt có một chục bèn nhận lời. Hôm dẫn cưới, giở mâm ra thấy vẻn vẹn có 10 quan, nhà gái nói: - "Ông hứa là xin đi chín chục sao bây giờ chỉ có một chục?", nhà trai trả lời: - "Thì tôi xin đi chín chục, chẳng phải còn lại một chục là gì?". Té ra từ "xin đi" của nhà trai có nghĩa là xin bớt, còn bên nhà gái lại hiểu là "xin nộp". Hay là chuyện *Tráo cháu đổi cô*, kể chuyện một anh học trò đi hỏi vợ ở một nhà phú ông. Phú ông có một cô con gái vừa trẻ vừa đẹp nhưng lại có một cô em út đã quá thì và xấu xí. Để cho cô em có vợ có chồng, phú ông đầu tiên cho con gái ra để anh học trò xem mặt; anh học trò rất ưng ý, về nhà giục bố mẹ dạm hỏi ngay. Đến ngày

cưới, cô dâu nằm trong cáng, hai bên có rủ diềm che kín. Đám cưới đến sân nhà trai, cô dâu trùm mặt xuống cáng và đi vào buồng. Đến lễ hợp cẩn, chàng rể bước vào buồng nhìn thấy một người khác hẳn người mà mình đã được xem mặt lần trước, anh ta liền phản ứng, không chịu. Để cho sự việc được êm thấm, phú ông bèn cho chàng học trò một số ruộng đất để vợ chồng làm ăn sinh sống. Vì nhà nghèo nên anh học trò đành phải nhận lấy cô thay cho cháu. Những truyện này càng cho thấy việc chuẩn bị vốn liếng của người anh mà sau này là nhà cổ tích học nổi tiếng thì ra đã bắt đầu từ rất lâu.

Anh tôi làm báo đến cuối năm 1935 thì xin nghỉ về quê giúp đỡ mẹ già. Nhưng nghỉ rồi, anh vẫn còn tiếc cái nghề làm báo. Anh chăm chỉ đọc, và đi đó đi đây tìm kiếm đề tài viết thành bài đăng tải trên các báo ở Nghệ - Tĩnh. Cho đến năm 1936 thì có một sự kiện xảy ra làm biến đổi ít nhiều bộ mặt chính trị của đất nước, đó là ở bên Pháp, Chính phủ bình dân của Đảng xã hội do Lê-ông Blum (Léon Blum) lên nắm quyền. Mặt trận bình dân Pháp được thành lập, và phong trào dân chủ nhanh chóng lan sang đến Việt-nam. Không khí tinh thần có phần cởi mở hơn trước. Kiểm duyệt bị bãi bỏ. Báo chí được nới rộng quyền tự do ngôn luận, và dân chúng thì sôi sục tố cáo bọn tham quan ô lại, nhất là đám cường hào ở nông thôn. Đã có một thời, báo chí thoải mái đăng báo chỉ trích phê phán các tệ nạn tiêu cực mà không phải lo sợ bị bịt mồm. Ở Trung-kỳ, tờ báo *Tiếng dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng là hăng hái nhất, liên tiếp đưa lên báo tiếng kêu cứu của nông dân trong các làng xã.

Chí làm báo, viết sách của anh tôi lại có dịp trỗi dậy. Không ngồi yên ở nhà, anh ra Vinh, gặp các tòa báo cũ nhận viết bài cho họ. Rồi anh đi khắp trong vùng Nghệ - Tĩnh tìm hiểu về tệ nạn cường hào, lấy tư liệu, ghi chép, thống kê rất tỷ mỷ. Anh viết không ngơi tay, và chỉ một thời gian sau, một loạt phóng sự về chuyện "phù thu lạm bổ", "sưu cao thuế nặng" của anh tung ra, như một đòn giáng vào bộ máy hào cường có tiếng là ghê gớm của xứ Nghệ. Lúc đầu anh còn đăng báo, sau tập hợp lại thành sách, cho xuất bản, lấy tên *Túp lều nát* - ý nói túp lều của người nông dân đang bị sâu mọt đục khoét làm cho nát ruỗng.

Giọng văn hài hước của anh làm ai đọc cũng khoái chí , nhưng lối viết thẳng thừng đưa tên tắt của những nhân vật đang sống sờ sờ vào sách, với những sự việc đúng như nguyên mẫu, thì người đọc nào ở xứ Nghệ mà chẳng biết chúng nhằm vào ai rồi, nên tác giả không tránh được bị cả một giới hào lý hằn thù. Những người quyền thế trong họ mà anh dám hỗn xược "trêu" vào, càng bực bội với anh. Ít lâu sau, anh nhận được trát của mật thám Hà-tĩnh gọi vào chất vấn. Vẫn bộ áo quần phóng viên và chiếc xe đạp "kính coong", anh bình tĩnh ra đi, mặc dù mẹ tôi và chị Đổng có ý lo. Suốt một đêm không thấy anh về, cả nhà không ai ngủ được. Nhưng hôm sau mặt trời lên chừng ba cây sào đã thấy tiếng chuông "kính coong" reo lên ngoài cổng. Ai nấy thở phào. Anh cho biết mật thám gọi vào một căn phòng và hỏi han lịch sự lắm. Nhưng họ vặn anh rất khéo mà vặn đủ thứ: mục đích viết sách là gì? Muốn "sách động" cùng đinh làm loạn ư? Có bị ai "xúi giục" không? Có thù oán gì ai không? v.v... Họ còn kín đáo cho anh biết tấm gương tày liếp của người chú ruột - Nguyễn Hàng Chi - từng "sách động" nông phu chống thuế ba mươi năm về trước đã bị tử hình ngay tại thị xã . Anh chỉ một mực cười ruồi: - "Nếu muốn lãnh án tử hình thì tôi làm cách khác chứ viết sách làm gì. Tôi chỉ theo gương cụ Huỳnh trên báo *Tiếng dân* mà Chính phủ bảo hộ và Nam triều đang cho phát hành công khai trên khắp xứ Trung-kỳ. Cụ Huỳnh cũng nào có muốn đi nếm cơm tù Côn-đảo một lần nữa đâu!". Thế rồi họ cũng thả anh về.

Thế mà anh vẫn không chùn bước. Dựa vào phong trào đương mở rộng, anh tôi lại bàn bạc với một số thanh niên trong làng, đề xuất ý kiến mở một phường đưa ma đặt tên là Phường tập phúc. Trước đây, thời cha tôi còn sống, cha tôi đã thuê thợ làm một cái nhà táng bằng gỗ có chạm trổ và sơn màu trông cũng trang nhã, với mục đích là để phục vụ người trong họ trong làng... Dựa vào căn nhà táng đã sẵn có, anh lại sắm thêm một bộ chiêng, trống, cờ, phướn và quần áo cho đô tùy. Tiếp đó mời mọi người gia nhập phường, đóng góp cho phường một số tiền để làm quỹ mua sắm. Phường quy định giá: người trong phường thì giá rất nhẹ, người ngoài phường giá có cao hơn. Đặc biệt là đám ma do phường tổ chức thì tang chủ không phải làm cơm nước cho đoàn đô tùy, do đó đỡ được nhiều phiền phúc và tốn kém. Phường tập

phúc ra đời được nhân dân hoan nghênh nhưng cũng lại được đám cầm quyền để ý. Sau khi được xã và huyện báo lên tỉnh là ở xã Ích-hậu có tổ chức một phường đưa ma do Nguyễn Đổng Chi cầm đầu, anh tôi lại được gọi vào sở mật thám Hà-tĩnh một lần nữa để tra vấn. Lần này đã có kinh nghiệm, anh đàng hoàng khai với nhà chức trách là chỉ tổ chức phường với mục đích làm giảm nhẹ khó khăn cho các gia đình có người chết cũng như để giúp đỡ lẫn nhau cho đỡ tốn kém chi phí đưa ma, ngoài ra không có một ý đồ gì khác. Viên chủ sở mật thám sau khi nói với anh tôi mấy lời tỏ ý hăm dọa rồi cũng cho về và cũng không bắt giải tán Phường tập phúc, vì dù sao lúc đó phong trào bình dân cũng đương còn mạnh....

TÌNH YÊU VÀ SỰ NGHIỆP

Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến chuyện tình yêu của anh tôi. Đây chỉ là một câu chuyện bình thường như rất nhiều chuyện lứa đôi của mọi gia đình nề nếp thuở ấy, không có gì lãng mạn hoặc giật gân. Nhưng có lẽ anh Gióng là người có cái hạnh phúc chọn được một người bạn trăm năm biết san sẻ cùng mình mọi gánh nặng đường đời để mình yên tâm trên con đường sự nghiệp. Vì thế, nói đến những kỷ niệm về anh không thể quên hình ảnh của mối tình đó.

Suốt thời gian làm báo, anh tôi tới trọ ở nhà cụ Hàn Trì ngoài rìa thành phố Vinh kề đường sắt. Cụ Hàn là bạn dạy học cùng cha tôi, có thời gian đã từng chung sống trong nhà tôi ở Vinh. Cụ vừa dạy học vừa kê đơn chữa bệnh bằng thuốc Đông y, được ông Phó Đức Thành là chủ hãng thuốc Bắc lớn ở Vinh rất quý mến, nên cho cụ ở khu nhà gỗ lợp lá nằm trong một khoảnh vườn khá rộng có nhiều cây cối. Cụ Hàn đưa gia đình ra sinh sống ở đó gồm một vợ và bốn con, trong đó người con gái lớn là con bà cả đã mất. Vì nhà cửa rộng rãi nên cụ cho một số người tới ăn ở trọ ngay trong nhà gồm có hai ông viên chức sở đạc điền cùng với hai đứa con trai khoảng 10, 12 tuổi, và một ông viên chức sở vệ sinh còn sống độc thân. Anh tôi cũng ăn ở trọ ở nhà cụ và đi làm việc ở tòa soạn gần ga Vinh.

Sau một thời gian đi làm; anh trở về thăm gia đình. Sau khi kể cho cha nghe mọi công việc mình làm cũng như tình hình ở tòa báo, anh xuống nhà dưới là nơi mẹ và em gái đương làm bếp. Anh sà vào bếp và nói chuyện ở Vinh, rồi chuyện ăn ở trọ ở nhà cụ Hàn, và cuối cùng nói đến cô con gái của cụ: - "O ấy tên là Tịnh, cũng trạc tuổi như Jăng-đa (Jeanne D'Arc: tên gọi thân mật của chị An tôi lấy theo tên nữ anh hùng nước Pháp) và cũng thân hình nhỏ nhắn thế...". Chị An tôi hồi đó cũng là một cô gái đã đến thì nên chị quan tâm tỷ mỷ đến người con gái vừa được anh kể. Cuối cùng chị cười bảo anh: - "Thôi anh ơi, anh cố gắng làm ăn cho giỏi đi rồi sau này xin cụ Hàn cho anh làm rể... Chắc là cụ ưng thôi vì cha với cụ là bạn thân mà". Rồi chị vừa cười vừa nhìn anh, rồi liếc sang mẹ: - "Được chứ mẹ nhỉ?". Mẹ tôi trả lời: - "Được làm rể cụ Hàn thì tốt rồi, nhưng cần phải tìm hiểu xem o ta đã có ai dạm hỏi chưa đã".

Rồi anh tôi lại trở ra Vinh làm việc. Tiếp sau đó, hết nghỉ hè, tôi cũng được ra Vinh học và cùng trọ tại nhà cụ Hàn. Có lẽ sau khi nghe những lời khuyến khích của cô em gái và sự đồng tình của mẹ, anh tôi đã mạnh dạn tìm gặp chuyện trò với o Tịnh, nhưng thuở ấy phong tục rất khắt khe, nhất là trong những gia đình Nho giáo "nam nữ thụ thụ bất tương thân", nên chắc là hai anh chị phải lén lút tìm cách gặp nhau. Tôi đoán vậy, bởi một hôm vào buổi tối anh tôi bảo tôi: -"Tối nay học bài xong, mày xuống bếp nghe o Tịnh đọc câu hát câu ví rồi chép cho tao nghe". Tôi vâng lời, khoảng 9 giờ tối, cầm giấy và bút chì đi xuống nhà bếp thì thấy chị Tịnh và một bà già giúp việc đương ngồi bên bếp chuyện trò, bên cạnh có ngọn đèn con. Chưa kịp trình bày lý do có mặt của mình thì chị đã bảo : - "Ngồi đây, tôi đọc cho mà ghi"... Thế là tôi ghi hết câu này sang câu khác cho đến lúc chị bảo: - "Thôi về đi ngủ, hôm sau lại xuống đây ghi nữa". Tôi vội cuộn mấy tờ giấy lại để trao cho anh tôi trước khi đi ngủ. Từ đó tôi là người ghi chép những câu hát ví hát dặm của vùng Đò-trai để sau này anh tôi tập hợp lại trong cuốn sưu tầm *Hát dặm Nghệ Tĩnh*. Thế mới vỡ lẽ là anh chị đã làm quen, chuyện trò với nhau từ lâu rồi nhưng kín đáo nên không ai biết cả.

Tuy vậy, vẫn có người biết. Ấy là ông Ch. nhân viên sở vệ sinh cũng trọ ở đấy. Ông là người Thanh-hóa cũng là trai chưa vợ, lúc ấy khoảng 25 tuổi, người cao lớn, da đỏ au, tóc quăn tự nhiên, có bề ngoài cũng hấp dẫn. Ông ta tới trọ từ trước, không rõ là năm nào và cũng có ý muốn hỏi o Tịnh làm vợ. Không rõ ông đã tỏ tình với o Tịnh chưa và có được chấp nhận không, nhưng với sự mẫn cảm của người đương yêu ông nhận thấy là ông đương gặp phải tình địch... Chả là trong những người con của bà kế có cậu Xuân là cùng tuổi với tôi nên hai đứa cùng học một lớp, về nhà lại cùng nhau chơi bi, đánh đáo, nên rất thân nhau. Thế rồi bỗng dưng ông Ch. bắt đầu nhìn tôi bằng con mắt ác cảm - trước đây ông rất vui tính. Tiếp đến khi tôi rủ cậu Xuân ra chơi bi, cậu ta chẳng nói chẳng rằng, mắt nhìn lánh xa xa... Tôi ngỡ là cậu ta bị cha mắng nên buồn. Qua hôm sau lại rủ chơi nữa, cậu ta vẫn tỏ thái độ như hôm trước; tôi ngán quá bèn mách với anh tôi, anh bảo: - "Nó theo phe ông Ch. đấy, để ghét anh em mình... Kệ nó, nhưng đừng có gây chuyện". Thế là từ hôm ấy các trò chơi tay đôi bị chấm dứt, tôi đành tìm bạn khác để thay thế. Giữa anh tôi và ông Ch. cũng có sự kình địch ngấm ngầm và không còn trò chuyện với nhau nữa. Nhưng ưu thế vẫn ngả về phía anh tôi bởi vì giữa cụ Hàn và cha tôi vốn có tình nghĩa bạn bè từ lâu, và quê tôi cách quê cụ có vài chục cây số, phong tục tập quán giống nhau, đi lại dễ dàng (đò thuyền cũng như đường xe chạy đều qua Đò-trai), còn bên ông Ch. ở mãi tận Thanh-hóa cách Vinh hàng trăm rưỡi cây số, mà phong tục tập quán thì chưa rõ như thế nào...

Thế rồi xảy ra biến động lớn của gia đình: cha tôi qua đời. Anh tôi phải xin thôi việc để về quê giúp mẹ tôi quản lý gia đình. Đầu năm 1936, anh tôi đảm nhiệm việc làm nhà. Nguyên hồi còn sống cha tôi đã chuẩn bị hầu như đầy đủ các vật liệu thiết yếu cho một ngôi nhà lớn mà ông đã nhờ người vẽ lên, nhưng vì sức khỏe nên ông chưa vội xây dựng. Căn nhà được căn bản hoàn thành vào hè 1936 và cũng hè đó anh tôi cưới vợ. Về phần tôi, ngay sau khi cha mất, tôi phải theo anh cả vào Quy-nhơn để thi vào trường quốc học, mãi cho đến nghỉ hè mới trở về nhà, thì thấy đã có ngôi nhà mới, so với kiến trúc trong vùng là một ngôi nhà cao rộng, có nhiều phòng, có nhà chính và nhà ngang nối nhau bằng một nhà cầu, có cửa sổ mở ra cả bốn phía nên rất sáng sủa,

người ta gọi đấy là "nhà Tây". Mặt cửa chính trông ra vườn và hồ, anh tôi cho làm một vòm mái che hiên, trên có đắp hình một cuốn sách để mở, hai bên là một thanh kiếm và một quản bút giao nhau, trong sách có câu cách ngôn của cha tôi dùng để dặn con cháu : "HỌC TẬP LÀM LỤNG TA NGÓ LÊN, ĂN MẶC TA NHÌN XUỐNG".

Nhà xây xong mẹ tôi lo lắng về hoàn cảnh neo đơn của gia đình, bèn cho làm một tờ giấy và cử người đi lấy chữ ký của hết thảy các thành viên vai vế trong họ hàng nội ngoại, xin cho anh tôi được cưới vợ khi chưa đoạn tang cha tôi. Cứ tưởng việc sẽ khó trót lọt vì "gia lễ" bấy giờ rất nghiêm, nào ngờ lại hóa ra dễ dàng. Mọi người nghe xong ai cũng ký vào. Thế là sau lễ giỗ đầu cha tôi, chúng tôi lo tổ chức đám cưới rước dâu chị tôi. Họ hàng nhà gái đưa dâu bằng thuyền đi từ bến Đò-trai đến bến đò Kênh-cạn ở quê tôi (chừng 20km) rồi từ đó vượt qua mấy cánh đồng để về làng Đông-thượng. Đường đò, đường bộ đều đã chuẩn bị người đi theo để hướng dẫn. Ba anh em họ chúng tôi (tôi, Duyên và Táo) thì được phân công đi đón đám rước dâu ở cổng chùa Ba-làng, ở đây chúng tôi đặt sẵn một chiếc bàn có trầu, nước, thuốc lào, điếu cày... để khi họ nhà gái vượt hết cánh đồng thì tạm dừng lại nghỉ ngơi rồi mới đi tiếp, và cũng là để chúng tôi cho người chạy về nhà thông báo là họ nhà gái đã tới, để còn chuẩn bị. Ba chúng tôi quần áo chỉnh tề vào ngồi đợi ở cổng chùa. Chờ mãi, chờ mãi, đến quá trưa, sang xế chiều mà vẫn chưa thấy bóng dáng đám rước dâu ở đâu cả. Chúng tôi đã quá mệt mỏi, nóng bức nên cởi phăng áo dài ra nằm nghỉ trên bãi cỏ. Đương nằm tán gẫu, bỗng nghe một cậu bé trong xóm ngồi chơi bên cạnh kêu to lên:- "Đám dâu đến rồi kìa !". Bọn tôi nhổm lên, trông ra cánh đồng thấy quả thật đám dâu đã đến gần rồi, lòng mừng quá cả ba cùng reo to lên một tràng dài, rồi hối hả mặc áo vào, chuẩn bị mọi thứ để tiếp đón. Sau đó hỏi ra mới biết vì có một vài trục trặc trên đường đi, nên thuyền đến chậm mất vài ba tiếng đồng hồ.

Về đến nhà, tiệc tùng giữa hai họ thật vui say mãi đến tận chiều mới chia tay. Riêng cô dâu được dẫn vào căn phòng cuối cùng của ngôi nhà mới, giường chiếu mới tinh do tự tay bà Hàn Thạnh, cô ruột tôi trải. Lễ trải chiếu được chọn bởi bàn tay người cô con cái đầy đàn, cửa nhà

hưng thịnh đã dẫn đến kết quả anh chị đã chung sống với nhau 48 năm, sinh được năm trai một gái (trong đó có một trai ra đời được mấy hôm thì mất), mãi đến giữa năm 1984 anh tôi mới đột ngột ra đi.

*

* *

Nhưng anh tôi lấy vợ không phải để chỉ còn biết chí thú với vợ con. Trái lại, lấy được người vợ ý hợp tâm đầu, anh như có thêm sức động viên, toàn ý toàn tâm bắt tay vào những việc mình thích. Có hai việc mà anh thích nhất: được tích lũy thêm về học vấn để cầm bút một cách thật vững chãi, và được cùng bạn bè hoạt động, để nếu có cơ hội thì..."giành lại giang sơn gấm vóc" như cách nói các cụ ta thuở bấy giờ. Anh đã không lựa chọn riêng một việc nào và bỏ đi một việc nào.

Trước hết là việc "cạo đầu đi ... học". Thường người ta nói: "cạo đầu đi tu", nhưng anh tôi thì đúng là lại "cạo đầu đi học". Lúc đó đã vào cuối thập kỷ 30, lúc Nhật đã tràn vào Đông-dương. Anh tôi có khuynh hướng chuyển sang nghiên cứu văn chương của các nhà văn dân tộc ở các thời Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, v.v... mà trong tủ sách gia đình có một số sách chữ hán của cha tôi để lại có nhiều tài liệu. Nhưng muốn đọc được các sách đó thì phải giỏi chữ hán để tự mình đọc và nghiên cứu. Thế mà trình độ hán ngữ của anh tôi bấy giờ chỉ mới lõm bõm. Nguyên trong làng, chúng tôi có một ông chú họ - chú Nguyễn Lợi - làm nghề dạy học ở trường xã đã thôi việc và đương mở tại nhà một lớp học chữ hán. Anh tôi bèn xin theo học, mỗi tháng nộp cho chú 1 quan tiền đóng học phí (tương đương với 1 đồng Đông-dương). Chú Lợi tuy không đỗ đạt gì, chỉ là một thầy đồ còm trong xã, nhưng hồi nhỏ đọc nhiều, học lực hán văn vững vàng, hiểu biết sâu rộng. Tuy nhiên, muốn học chữ hán là một văn tự khó phải có một quyết tâm cao mới đạt được. Để có được một trình độ hán học có thể đọc được sách ít nhất cũng phải mất vài ba năm dùi mài chăm chỉ, mà anh tôi lúc đó đương còn ở độ tuổi thanh niên là tuổi còn thích du ngoạn, vui chơi. Biết làm sao đây? Anh tôi quyết định: - "Chú cắt trọc tóc cho anh!". Chả là nhà chúng tôi có sắm một bộ đồ cắt tóc để sử dụng trong gia đình: một tông-đơ (tondeuse), một kéo, một dao cạo, bỏ trong chiếc hộp gỗ nho nhỏ. Hồi đó Nhật đã

vào Đông-dương nên trong thanh niên cũng đã có một số cắt trọc đầu kiểu lính Nhật. Anh tôi đâm băn khoăn: -"Nếu cắt trọc để dân chúng hiểu lầm mình thân Nhật thì cũng phiền!". Ngẫm nghĩ một chốc, anh bảo tôi: - "Cắt trọc nhưng chừa cho mình hai mái tóc đào và một mái tóc đáp". Đấy là kiểu tóc trẻ con vùng quê tôi ở độ tuổi 9, 10 trở lại. - "Sao anh lại muốn cắt vậy? xấu chết!", tôi thốt lên. - "Có vậy mình mới không dám mò đi đâu xa và mới yên tâm đi học với chú Cửu Lợi được". Tôi làm theo ý anh, để cho anh hai mái tóc đào dài dài bé bé và một mảng tóc đáp phủ xuống trán. Cắt xong anh em cười ngặt nghẽo. Tôi gọi mẹ và chị ra xem, các bà tỏ ý không bằng lòng lắm; mẹ tôi kêu lên: - "Cái thằng! Mày làm trò gì *nứa*?". Còn chị tôi chỉ cười tủm, nhìn cái đầu trái đào của anh tôi một chặp rồi bế con vào. Thế rồi với mái tóc mới, anh tôi tiếp tục học chuyên cần, buổi đầu cũng có gây ra tiếng cười trêu của những người trong xóm và trong gia đình chú tôi, sau đó thì rồi quen dần, chẳng ai chú ý đến nữa. Đợt cắt sau anh dặn : - "Chú bỏ mảnh tóc đáp đi vì nó quặp xuống trán hơi khó chịu, chỉ để hai mái đào thôi". Rồi dần dần anh tôi đã nắm được khá nhiều từ hán văn để có thể tự mình đọc được. Gặp các từ khó, sẵn cuốn từ điển Hán-Việt mà cha tôi cùng cụ Hàn Trì biên soạn, anh đưa ra tra cứu. Đến những bước này thì buổi học đã nhằm vào tập cổ văn mà anh tôi mang theo; chú cháu đọc, nghiên cứu chữ nghĩa từng bài thơ, tìm hiểu các điển tích mỗi khi gặp phải, rồi hai chú cháu cùng nhau nghiền ngẫm tìm mọi cách dịch bài thơ, bài văn đó cho thật đúng nghĩa, đúng ý của nó... Anh tôi đã dẫn chú Lợi từ chỗ là thầy dạy chữ trở thành người cùng cộng tác trong việc phiên dịch các áng văn thơ xưa. Trải qua 3, 4 năm vừa học vừa làm việc gia đình, vừa nuôi dạy con, anh tôi đã viết nên cuốn *Việt-nam cổ văn học sử*, đưa ra Hà-nội được nhà xuất bản Hàn Thuyên mua bản quyền để đưa in vào năm 1942. Từ đó vốn liếng hán văn của anh tôi vững hẳn lên, anh đã tự đọc lấy các sách hán văn không cần dựa vào thầy, cũng chẳng phải tra cứu từ điển luôn tay, và về sau này lại còn là người phụ trách Viện Hán - Nôm đầu tiên với một dự án nghe nói được nhiều bạn bè trong ngoài nước tán thành. Từ một thanh niên chỉ biết chút ít chữ hán trở thành một học giả hán học có trình độ cao, có mấy ai biết rằng những nhát tông-đơ buổi đầu và cái nhìn ý nhị

của người vợ lại quyết định tất cả! Là người trong cuộc, chính tôi cũng không thể lường được.

Những năm anh Đổng Chi cạo đầu đi học chữ hán cũng là những năm cam go của cuộc chiến tranh Nga - Đức. Hàng ngày, ngoài công việc và học hành, anh em chúng tôi còn một việc lớn là háo hức theo dõi diễn biến của chiến tranh. Chúng tôi đặt mua một tờ nhật báo để nắm được tin tức hàng ngày. Bản thân tôi còn tìm mua được một tấm bản đồ Liên bang Xô-viết do một nhà in ở Hà-nội xuất bản (các địa danh đều được phiên âm qua từ Việt), đem về treo ở phòng học, ngày ngày cùng nhau dùng bút chì kẻ các đường tiến thoái của quân Đức trên đất Nga. Chúng tôi nhận thấy từ sau khi phá vỡ phòng tuyến biên giới phía Tây của Nga, quân Đức chỉ tiến mà không có một chỗ nào lùi, duy chỉ trong cuộc vây hãm Mạc-tư-khoa (tiếng gọi hồi đó) thì chúng có lùi lại ít lâu rồi lại chuyển tiến sang hướng khác. Anh em tôi theo dõi và lo lắng cho số phận nước Nga, vì cứ dõi theo bản đồ thấy mỗi ngày lại mất đi bao nhiêu tỉnh và thành phố sầm uất, giàu có ở phía Nam, cả về lượng người, công nghiệp và lương thực. Đến khi chúng đánh vào Sta-lin-grát (Stalingrade, tức Volgagrade bây giờ) thì hai anh em nhìn nhau sững sờ. Anh tôi nói nhỏ: - "Nga thua to mất rồi! Thế là Liên bang Xô-viết, mầm hy vọng của thế giới sắp đi đứt!". Tôi chỉ vào bản đồ, qua vùng Xi-bê-ri (Sibérie) mênh mông, bảo anh: - "Nhưng đất Nga còn nhiều, mới mất phần nhỏ thôi, họ còn đánh được!". Anh tôi bảo: - "Vùng đó chỉ là vùng đất nghèo, dân ít, kỹ nghệ chưa có gì, còn vùng đất Đức chiếm mới là vùng quan trọng. Không khác gì đây là thân thể, còn Xi-bê-ri chỉ là tay chân thôi. Chú tính giập óc, lòi ruột rồi thì chân tay còn nguyên vẹn cũng dùng làm gì được nữa?". Tôi thấy anh nói có lý và anh em lại càng chăm chú theo dõi diễn biến chiến sự ở Sta-lin-grat, vì chúng tôi xem đó là mấu chốt sự thành bại của Liên-xô, giữ được nó thì còn hy vọng gỡ lại, mất nó thì sẽ mất hết.... Cuộc đụng độ vô cùng ác liệt đã diễn ra trong lòng Sta-lin-grat, lính Nga chiến đấu hết sức anh dũng, nhưng quân Đức vẫn tiến vào và vẫn chiếm dần từng khu nhà, từng dãy phố. Báo chí thời đó tuy lấy nguồn tin từ phương Tây nhưng vẫn mô tả diễn biến của cuộc chiến đúng như sau này ta đọc qua sách của Liên-xô. Thế rồi phần đất cuối cùng của thành phố lọt vào tay quân

Đức và chúng đã tiến sát đến bờ sông Vôn-ga (Volgare) và đương tập hợp phương tiện để vượt qua sông, tuy trong lòng thành phố còn lẻ tẻ một số cụm chiến đấu của quân Nga không chịu hàng. Anh em chúng tôi thở dài, xem như trận đánh đã đến hồi kết liễu, sự tồn tại của Liên-xô cũng sắp chấm dứt. Chúng tôi nản đến mức một thời gian bẵng đi, không buồn xem tin chiến sự nữa.

Một hôm, anh Phan Thao, người láng giềng của chúng tôi, làm thợ may ở thị xã về thăm nhà, ghé sang chúng tôi chơi vào lúc hai anh em đương ngồi nghỉ sau bữa cơm trưa. Chuyện trò một chốc, anh báo tin chiến thắng Sta-lin-grat của quân Nga, rồi anh kể một số chi tiết mà anh được xem qua báo và nghe qua đài. Thì ra quân Đức sau khi chiếm được thành phố, tuy tiêu diệt được gần hết quân Nga cố thủ trong đó nhưng cũng bị thiệt hại rất nặng. Chưa kịp lành vết thương thì quân Nga ở bên kia sông Vôn-ga đùng đùng kéo sang với những lực lượng rất lớn, phương tiện tối tân và đầy đủ. Quân Đức trụ không nổi, rút lui bị cắt đường, bị bao vây, một thời gian đành phải ra hàng từ tướng cầm đầu là Pao-luyx (Paulus) đến anh binh nhì, không ai thoát hết. Kết quả Nga đã tiêu diệt và bắt tù binh trong trận này đến hơn 30 vạn. Chúng tôi tròn xoe mắt trước nguồn tin đột ngột này, chỉ há hốc mồm mà nghe, mà nuốt từng lời, từng câu. Mấy đứa con của anh tôi xúm xít quanh bố, đứa đứng sau lưng, đứa đứng trước mặt, đứa quẫy trong lòng. Bỗng nhiên anh tôi nở một nụ cười rạng rỡ, ôm chầm lấy các con rồi reo lên: - "Cha con ta sống rồi các con ơi! Cha tưởng đời cha và các con rồi chìm nghỉm dưới gót giày phát-xít. Nếu Nga còn thì ta sống, nhất định sống rồi!". Anh Phan Thao, một tay cộng sản thời 30 - 31, phấn khởi cất lời: - "Nhất định là thế, Nga sẽ thắng, Đức sẽ thua!". Năm ấy là năm 1943, năm anh em tôi đã tham gia phong trào Việt minh.

NHỮNG CANH BẠC ĐỎ...

Tôi sẽ không kể lại đây câu chuyện về những ngày hoạt động bí mật trong Nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc và những ngày khởi nghĩa cướp chính quyền Can-lộc sôi nổi hào hứng - và cũng không phải không

có đôi ba việc đáng buồn lòng - mà hai anh em chúng tôi đều là những nòng cốt. Chuyện ấy báo chí và sách vở ít nhiều đã nói. Nhưng tôi muốn kể lại đây một kỷ niệm cuối cùng để làm đoạn kết cho thiên hồi ký này. Đó là "những canh bạc đỏ" của anh tôi. Như đã nói ở trên, hồi trước cách mạng tháng Tám, anh em tôi thỉnh thoảng cũng tham gia một vài canh bạc tổ chức trong những nhà quen ở trong làng. Cũng có lúc chơi tổ tôm hoặc khi lên chơi nhà anh rể ở Phù-lưu thượng, những lần ấy thế nào cũng ở lại đêm, anh rể tôi tổ chức một hội tổ tôm vì bà cụ của anh cũng ham lắm; hoặc khi ở làng thì thường do chú Lợi tổ chức. Tham gia thường là hai anh em, người em họ là Táo và người chú họ là chú Huyền. Còn trong họ thì bắt đầu từ rằm tháng Chạp có giỗ họ, lại là ngày chia tiền "học điền" cho con cháu đương đi học nên sau bữa giỗ, anh nào cũng có rủng rỉnh ít quan tiền, thường tụ tập nhau lại để chơi bài hoặc xóc đĩa thâu đêm. Riêng mấy ngày tết thì chơi lu bù, bài mười, bài bất, ngay trên chiếc phản đặt ở giữa nhà cầu, xóm giềng, bà con tới bâu kín để tham gia vào cuộc đỏ đen. Chúng tôi chơi cũng say mê, nhưng cơn say mê không kéo dài nên không sa đà, và lúc thua thường biết ngừng cuộc chứ không đi đến chỗ gán ruộng, bán bò như một số kẻ khác. Đến nay tôi còn nhớ mấy canh bạc liên tục trong mấy ngày đêm liền mà anh tôi tham gia với vận đỏ "ngoài sức tưởng tượng".

Một năm nào đó vào thập kỷ 40, người em họ là ông Tr. sau khi thi đỗ được bổ về làm tri huyện Nghĩa-đàn, tỉnh Nghệ-an. Ngày giỗ ông cụ thân sinh, hai ông bà về quê dự lễ. Thường ở đại gia đình ông (mà T. cùng trạc tuổi tôi, là tộc trưởng), ngày giỗ đó rất đông con cháu nội ngoại về dự. Ngoài ra, còn mời nhiều người trong họ trong làng nữa, nên bữa giỗ rất long trọng. Và sau bữa giỗ, thông thường vẫn trải chiếu ra để bày cuộc đỏ đen. Năm đó cũng vậy, anh em tôi cũng được mời tới ăn giỗ và chơi bạc. Do T. rỉ tai trước nên lúc ra đi cả hai anh em đều có mang sẵn một số tiền. Đây là canh bạc trong gia đình và có "chú huyện" cũng tham gia nên bà mẹ T. bằng lòng cho chơi trong nhà (trước đây bà vẫn phải cảnh giác với T. vốn có máu mê về món này và khi thua nhẵn túi có gan cầm bán ruộng để lấy tiền chơi tiếp). Cuộc sát phạt bắt đầu và là canh xóc đĩa. Ông Tr. lấy giấy bút ra để bên cạnh và mỗi khi mở bát, ra chẵn hay ra lẻ, ông đều đánh dấu vào tờ giấy.

Đầu tiên chúng tôi lấy làm lạ nhưng sau vỡ lẽ ra là ông kiểm xem canh bạc xóc ra lẻ nhiều hay chẵn nhiều để dựa vào đó mà đặt tiền vào phía có nhiều triển vọng. Ông chơi thế kể cũng có phần "khoa học" nhưng tiếc thay, vận đen ám ông không rời, rốt cuộc ông thua nhẵn túi. Ông định vào rút tiền ở ví bà ra chơi tiếp nhưng không được nên đành nghỉ cuộc... Còn canh bạc vẫn cứ tiếp diễn đầy hào hứng cho đến sáng mới tan. Về nhà, anh em kiểm lại thấy được khá nhiều: tôi thì xưa nay vẫn chơi cò con, đánh từng hào một nên chẳng được bao nhiêu, còn anh tôi thì một túi cộm, đếm ra được gần 200. Vội vàng ăn vài bát cơm rồi lăn ra ngủ.

Chiều đến, Chắt S. trong xóm cho người sang gọi, mời hai anh em sang uống rượu nhắm thịt bò tái... Chúng tôi sang, bàn tiệc đã sẵn sàng. Giữa bàn là nồi nước dấm đặt trên chiếc lò than, sôi liu riu, bốn bên bày những đĩa thịt bò còn sống thái lát mỏng đầy tú ụ, với bát nước chấm và bún, rượu, v.v... Cả một bàn la liệt. Khách được mời hầu hết là khách đêm qua bên nhà bà T. Chắt S. trịnh trọng tuyên bố: -"Nhân dịp cậu huyện về quê ăn giỗ nên có làm một bữa thịt bò nhúng mời cậu mợ tới ăn, tiện thể mời một số bà con tham gia cho vui". Anh nói thêm: - "Thịt bò thái sống, ai ăn thì gắp nhúng vào nồi dấm đương sôi, làm vậy để ai muốn ăn tái nhiều, tái ít tùy sở thích từng người". Chúng tôi vào bàn và bữa ăn diễn ra rất thú vị. Xong bữa, trải chiếu ra và thế là canh xóc đĩa lại mở màn. Canh bạc không chỉ dành cho người dự tiệc mà cả những người trong xóm cũng đến tham gia. Chả là Chắt S. có ý định này từ trước nên đã loan báo với các tay máu mê trong xóm để khi tiệc tàn là nhập cuộc ngay. Canh bạc lại nhóm lên sôi nổi không kém gì hôm qua, và điều cũng khá bất ngờ là cũng hệt như hôm qua, anh tôi lại luôn luôn gặp vận đỏ. Đến khoảng nửa đêm thì hầu như toàn chiếu bạc đánh đối mặt với mình anh tôi: họ đặt tiền xuống một mặt rồi thách anh tôi mở bát. Anh tôi chấp nhận và vẫn tiếp tục thắng nhiều hơn thua. Có một canh bạc anh tôi thắng, tiền đồng vun về hàng đống, bạc giấy đủ loại, hai anh em thu nhặt phân ra loại hào, loại một đồng, loại năm đồng, v.v... để nhét vào túi. Cũng vì say mê đếm bạc nên hai anh em không biết lúc ấy nhà cái (Chắt S.) đã úp bát lại và tuyên bố là đã xóc rồi, ai đánh vào mặt nào xin cứ đặt tiền ra. Nhưng

kỳ thực mấy đồng tiền mo trong bát vẫn nguyên như ván trước và chưa xóc chút gì. Và điều đó thì ai cũng biết cả, chỉ trừ hai anh em chúng tôi. Thế là cả làng ồ ạt đặt tiền vào mặt mà họ đã biết và ai có đồng nào, chinh nào đều trút ra hết. Anh tôi vẫn nhận mở bát. Chắt S. bảo: -"Xin làng chưa được mở, để tôi đi lấy thêm tiền đặt nữa". Rồi anh đi một chốc mang một quan tiền đồng về đặt đánh cộp xuống phản và mời anh Gióng mở bát. Anh tôi không chút nghi ngờ, cầm bát mở ra. Cả làng tròn xoe mắt khi nhìn thấy mấy đồng tiền trong bát lại đã nhảy từ "sấp hai" sang "sấp ba", tức là từ chẵn sang lẻ. Họ không hiểu như thế nào cả, nhưng không ai dám thốt một lời. Anh em tôi lại thắng to và chúng tôi vơ tiền đồng, bạc giấy vào túi áo túi quần chật ních đầy căng, còn cả làng thì đều nhẵn túi. Canh bạc tan, anh em ra về. Đến nhà, giở bạc ra đếm lại, sơ bộ cả hai đêm có được đến 500 đồng Đông-dương, một số tiền lớn. Tiền đồng anh đưa cho chị để đi chợ còn bạc giấy gói cất. Vài hôm sau T. tới chơi, trầu thuốc xong mới ngà ngà kể chuyện: - "Gớm, sao mà ông đỏ thế! Ván bạc cuối cùng mình tưởng anh em ông sẽ trắng tay nào ngờ ông vơ sạch". Rồi ông kể tỷ mỷ câu chuyện: - "Chắt S. lợi dụng lúc anh em ông đương đếm bạc, úp bát lại và tuyên bố là đã xóc xong, mời làng đặt tiền đánh. Cả làng đều biết và thấy là "sấp hai" nên ai cũng tuôn tiền đặt vào cửa chẵn. Chắt S. thấy ngon ăn quá, sang nhà hàng xóm nài nỉ vay tiền để về đặt thêm, hẹn xong canh bạc là đưa sang trả và kèm thêm một quan tiền lãi. Nào dè lão vay được tiền sướng quá, dằn quan tiền đồng xuống phản quá mạnh nên một đồng tiền mo trong bát nảy lên và lật sấp. Thế là mở bát ra, "sấp hai" chuyển sang "sấp ba"! Cả làng sờ sững nhưng khi còn anh em ông ở đó không ai dám thốt lên một lời. Đến khi anh em ông ra về họ mới nhao nhao xỉa xói Chắt S., cu cậu vừa bị chửi vừa mất tiền, chỉ ngồi đực mặt ra mà chịu trận".

T. về rồi tôi bèn bàn với anh tôi: - "Số tiền được bạc ta đưa mua cái gì đi. Tôi thấy trên cửa hiệu Đồng Minh (ở Nghèn) có mang một chiếc máy khâu Xanh-jê (Singer) mới tinh về bán, ta mua quách đi, đưa về khâu vá cho vui". Anh tôi đồng ý. Tôi bèn đạp xe lên Nghèn mua chỉ hết 450 đồng, nhờ anh bạn Chung Anh giúp một tay đưa về gửi ở nhà anh, ít bữa sau mới đưa được về nhà. Chiếc máy khâu về chưa được

bao lâu, một hôm tôi gặp ông giáo Ng. Đ. M. dân Trảo-nha. Ông M. bảo tôi : - "Có một người có một bộ Bách khoa toàn thư *La-rux thế kỷ XX (Larousse du XXè siècle)*, anh em ông muốn mua không? Nếu muốn thì mình mua hộ cho". Tôi hỏi luôn: -"Của ai vậy? Có xa đây không? Giá bao nhiêu?". Ông M. cho biết:- "Của quan huyện đấy, đương để ở quê ngoài Nghệ kia, nhưng ông muốn mua thì mình lấy về cho. Bảo đảm trăm phần trăm là sách còn rất mới, mình đã xem qua rồi. Quan bảo 300 đồng, không hơn không kém. Quan không nói thách đâu. Các ông mà ưng mua thì đưa tiền lên, mình đi lấy về cho". Tôi về nhà kể chuyện cho anh tôi nghe, hai anh em thấy đây là bộ sách rất quý, không phải cứ có tiền là mua ngay được, nhất là vào thời buổi chiến tranh, ta với Pháp đương mất liên lạc, phải mua ngay kẻo kẻ khác biết thì họ vớ mất. Nhưng kẹt cái, 300 đồng không phải nhỏ, bói đâu ra? Anh tôi đương vò đầu suy nghĩ, tôi bèn bảo: - "Tiền ở chỗ chiếc máy khâu chứ ở đâu nữa. Bán béng nó đi, để nó ở nhà chỉ làm cảnh thôi. Anh và tôi thì muôn thủa chắc không làm thợ may được, còn chị thì với đàn con mọn, thì giờ đâu mà học may". Anh tôi gật đầu và tôi vội đi tìm khách mua. Thủa đó máy khâu không nhập được vì chiến tranh nên cũng có phần khan hiếm, khách mua tới ngay và anh tôi bán được giá kha khá. Tôi lại cầm tiền lên Nghèn tìm ông M. và nhờ ông đi lấy sách về hộ. Ông M. hứa: - "Tớ sẽ mang về ngay!".

Thế rồi một tháng, hai tháng trôi qua chẳng thấy tăm tích ông M. đâu cả, đã nhiều lần tôi tìm tới tận nhà gặp bà vợ để hỏi, bà ta đều bảo ông đi vắng. Tôi hốt hoảng, tìm tới Chung Anh kể sự tình. Chung Anh thốt lên: -"Gay đấy bạn ơi. Lão này là tay đánh bạc đỏ dọc khét tiếng. Coi khéo lão nướng hết tiền rồi lẩn mất cũng nên". Tôi hốt quá, chỉ biết nhờ Chung Anh quan tâm hộ, hễ thấy lão về là báo tôi ngay để tôi lên gặp bằng được. Thế rồi một hôm được Chung Anh về phi báo, tôi lập tức phóng xe lên tận Nghèn cách làng tôi 7 km, cùng Chung Anh tìm vào nhà ông, thì đúng ông M. có nhà. Lần này tôi không còn giữ được phép lịch sự nữa mà nói thẳng vào mặt ông ta những điều đã giày vò tôi. Ông xin lỗi mãi và nói: - "Tôi đã đưa bộ từ điển về đây rồi, để tôi lấy ra cho anh", và ông mang nó ra đặt lên bàn. Chúng tôi mở ra xem, kiểm tra từng cuốn một thấy sách còn rất tốt, không xệch xạc,

dơ bẩn, cũng không bị mất tờ tranh nào. Tôi mừng rơn nhận lấy bộ sách, cùng Chung Anh mang về nhà anh. Tối đó chúng tôi chia nhau xem chán chê cho mãi tới khuya mới đi ngủ. Sáng mai đèo sách về.

Thế là phòng sách "Chi gia trang" được trang bị thêm một bộ sách vô giá, tuy chưa phải cần dùng ngay nhưng để cho tương lai sẽ nhiều lúc cần đến. Bộ sách cùng với các giá sách tồn tại cho đến ngày cải cách ruộng đất thì bị tịch thu, nhưng không phải đưa vào thư viện quốc dân mà để cho trẻ con xé làm cờ quạt rải khắp đồng... Sau này mỗi khi nhắc lại chuyện được bạc thần kỳ rồi chuyện nhờ được bạc mà có bộ sách, cuối cùng thì sách vào nhà rồi lại ra đi... tôi đã bảo đùa anh tôi: -"Chính là hồn cha nhập vào anh để thắng canh bạc thua một trăm phần trăm ấy đấy! Nếu Chất S. không hám ăn chạy đi vay tiền, và nếu như anh ta không dần mạnh quan tiền xuống phản, hoặc vay được bạc giấy thì anh phải mất sạch nhẵn tiền thắng trong cả hai đêm rồi chứ còn gì nữa! Canh bạc đã lật ngửa cho cả làng xem chỉ trừ hai anh em mình, thế mà lại lật ngược lại. Phải có hồn ma mới làm được thế, mà phải là hồn ma rất thiêng! Hồn cụ hẳn muốn cho "Mộng Thương thư trai" có thêm một bộ sách quý để con cháu và dân xã đọc sau này, không vất tiền vào chỗ bạc bài. Nhưng rồi khi cụ thấy tình thế cũng chẳng còn ai đọc nữa, khi mà những chuyện đốt sách đang rầm rộ khắp nơi, thì hồn cụ lại nhập vào bọn trẻ con, bảo chúng xé nát ra mà chơi cờ cho bằng thích. Rút lại, đúng là "những canh bạc đỏ... đen!". Anh tôi nhìn tôi, không nói, chỉ cười, một nụ cười buồn đến se lòng mà lần đầu tiên sau gần một đời gần gũi, tôi mới đọc thấy nơi ánh mắt anh.

*

*   *

Những ngày gần đây về chơi nhà cháu, con trai đầu anh tôi, tôi lại thấy một bộ *La-rux thế kỷ XX* (*Larousse du XXè siècle*) đúng như bộ sách hồi nào anh em tôi đã mua. Tôi ngỡ ngàng mất một giây lâu, cứ tưởng đấy là bộ sách ngày trước lại tìm được trở về, nằm đúng vị trí cũ của nó. Tôi lan man nghĩ ngợi. Buổi tối, một mùi dạ hương nồng nàn đưa vào phòng học cháu tôi, làm tôi lại một phen bàng hoàng sửng sốt, phảng phất nghe như mùi dạ hương thuở nào, tối tối tỏa lan trong khu

vườn cũ ở quê nhà. Tôi hỏi cháu tôi thì cháu bảo: - "Trồng một mùi hương để tìm lại những khuôn mặt dĩ vãng". Người Huế thường nói dạ lan hương là mùi thơm có ma. Tôi bâng khuâng tự hỏi không biết có linh hồn không, và nếu có thì linh hồn anh tôi ở thế giới bên kia giờ đang ở nơi nào. Nhưng trong gian phòng vắng vẻ này của cháu tôi, với những bộ sách mà cả hai cha con đã cố tìm tòi thu nhặt lại từ mấy chục năm nay, đang tỏa lên một mùi sách vở quen thuộc, cùng với cái mùi dạ lan hương nồng ngát đến làm ta mất cả cảm giác về thực tại, tôi bỗng như đang được lờ mờ đối diện với khuôn mặt thân thuộc của người anh thuở trước. Đúng! vẫn con người ấy, cái nhìn nhân hậu mà sắc sảo nghiêm nghị ấy. Vẫn cái tính thẳng thắn không sợ nhìn vào sự thật ấy, dù rằng tính tình thì không còn ương bướng như thời còn trẻ... Tôi còn nhớ trước lúc anh mất ít lâu, một lần tôi có hỏi anh: - "Tại sao anh vừa xây dựng một dự án to tát cho Viện Hán-Nôm lại đã tự ý rời bỏ nó?". Anh trầm ngâm mãi rồi mới chậm rãi trả lời: - "Chú Hưng à! Hình như định mệnh dành cho tôi là kêu cứu về "một túp lều đang nát"[1] chứ không phải là "xây mới một tòa nhà". Chú cứ nghiệm mà xem! Sách Hán Nôm của ta bảo quản lỏng lẻo, đội ngũ chuyên môn chưa vững vàng, chưa thuần, hiện đang là cả một vấn đề gay cấn, nhưng lúc này mà lên tiếng "kêu cứu" thì hẳn bị coi là lạc lõng. Vả, đây là một cơ quan khoa học chứ đâu phải cái làng quen thuộc của mình! Ngẫm lại, chính mình đã nhận lầm sở đoản làm sở trường!". Anh chỉ nói đến đấy. Nhưng tôi biết, đằng sau mấy lời vắn tắt kia là tâm huyết của một người đang suy xét về mình thật nghiêm túc, với cái nhìn đầy trách nhiệm của một trí thức giữ vẹn lương tri.

NGUYỄN HƯNG CHI

Trích Nhớ lại và suy gẫm

1992, chưa xuất bản

1. Anh nhắc đến cuốn *Túp lều nát* để chống chế độ cường hào, mở đầu cuộc đời cầm bút.

BẢNG TRA CỨU TÊN TRUYỆN
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

Để độc giả tiện tra cứu, ở **Bảng tra cứu** *này chúng tôi sắp xếp theo thứ tự chữ cái* **a, b, c** *toàn bộ các tên truyện của Phần thứ hai* **Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam** *(kể cả các truyện có tên ở* **Khảo dị** *và ở chú thích). Những truyện không có tên không đưa vào* **Bảng tra cứu.** *Những truyện có hai tên vẫn để thành hai đơn vị tra cứu có kèm theo ký chú. Trường hợp những truyện cùng tên nhưng khác nội dung, để dễ phân biệt, có ghi rõ xuất xứ.*

A

B

C

D

Đ

E

G

H

L

M

N

O

P

Q

R

S

T

U

V

MỤC LỤC
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
QUYỂN II
(TẬP IV - TẬP V)

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
TẬP IV

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
(Tiếp theo)

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
TẬP V

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

(Tiếp theo)

PHẦN THỨ BA

NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT VỀ KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

I- ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

1. Đặc điểm thứ nhất : Yếu tố tưởng tượng trong loại hình truyện cổ tích Việt-nam nói chung ít xa lạ với nhân

(TẬP V TRỌN BỘ)

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
của NGUYỄN ĐỔNG CHI
QUYỂN II
(TẬP IV - TẬP V)

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY

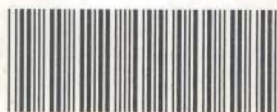
Biên tập :
HOÀNG PHÙNG
ĐINH THÁI HƯƠNG

Sửa bản in :
PHƯƠNG TRI - LẠI VĂN HÙNG
HẢO LAN - YẾN THU
NGUYỄN THẾ PHIỆT

Trình bày bìa :
THÁI TUẤN HOÀNG
XUÂN THỦY

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM - QUYỂN II

In 3000 cuốn, khổ 16x24 cm. In tại xí nghiệp In FAHASA.
Giấy phép đăng ký kế hoạch xuất bản số 194/177CXB cấp ngày 1-03-2000.
In xong nộp lưu chiểu tháng 8/2000


0039890
GIÁ 95.000đ

